

*Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại !*

**V.I. LÊ-NIN**

TOÀN TẬP

28

ИНСТИТУТ МАРКСИЗМА-ЛЕНИНИЗМА при ЦК КПСС

В.И.ЛЕНИН

ПОЛНОЕ СОБРАНИЕ  
СОЧИНЕНИЙ

*Издание пятое*

Издательство политической литературы  
Москва . 1977

V. I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

TẬP  
28

*Bút ký về chủ nghĩa đế quốc*

Nhà xuất bản Tiến bộ  
Mát-xơ-va . 1981

Những tác phẩm của V. I. Lê-nin trong tập này in theo bản dịch  
của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội

© Nhà xuất bản Tiến bộ, 1981

Л 10102-765  
014(01)-81 475-81 0101020000

## LỜI TỰA

Tập hai mươi tám trong V. I. Lê-nin Toàn tập gồm có "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", trong đó chủ yếu là những tài liệu chuẩn bị cho tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", một tác phẩm được viết vào nửa đầu năm 1916 và in trong tập trước, tập 27. Trong tác phẩm này, Lê-nin đã tổng kết sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thế giới trong nửa thế kỷ kể từ khi bộ "Tư bản" của Mác ra đời. Dựa vào những quy luật phát sinh, phát triển và suy vong của chủ nghĩa tư bản mà Mác và Ăng-ghe-n đã phát hiện ra, lần đầu tiên Lê-nin đã phân tích một cách khoa học sâu sắc bản chất kinh tế và chính trị của chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng và cuối cùng của chủ nghĩa tư bản. Khái quát những hiện tượng mới trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản thế giới, Lê-nin chỉ ra rằng dưới chủ nghĩa đế quốc, tất cả các mâu thuẫn vốn có của xã hội tư bản nhất định trở nên gay gắt thêm. Người nhận định chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám, mục nát, dẫy chết và vạch ra những điều kiện dẫn đến sự diệt vong của nó; Người vạch rõ rằng sự thay thế, thông qua con đường cách mạng chủ nghĩa tư bản bằng một chế độ xã hội mới, tiến bộ, tức chủ nghĩa xã hội, là điều không thể tránh khỏi và tất yếu.

Cuốn sách "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" của Lê-nin là kết quả của một công trình

lao động lớn lao và miệt mài căng thẳng. Quyển "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" của Lê-nin in trong tập này chứng minh hùng hồn và rõ ràng điều đó. Tìm hiểu chủ nghĩa tư bản trong thời đại lịch sử mới, Lê-nin đã nghiên cứu và khái quát một số lượng rất lớn những tư liệu về các vấn đề kinh tế và chính trị rất khác nhau của chủ nghĩa đế quốc, chỉnh lý lại một cách có phê phán những số liệu nêu lên trong hàng trăm cuốn sách, luận án, tập sách mỏng, các bài đăng trên báo và tạp chí, các tập thống kê xuất bản ở nhiều nước khác nhau và bằng nhiều thứ tiếng. "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" của Lê-nin gồm những đoạn trích ghi 148 cuốn sách (trong số đó có 106 cuốn tiếng Đức, 23 cuốn tiếng Pháp, 17 cuốn tiếng Anh và 2 cuốn sách dịch ra tiếng Nga) và trích ghi 232 bài báo (trong đó có 206 bài bằng tiếng Đức, 13 bài bằng tiếng Pháp và 13 bài bằng tiếng Anh) đăng trong 49 xuất bản phẩm định kỳ khác nhau (34 bằng tiếng Đức, 7 bằng tiếng Pháp và 8 bằng tiếng Anh).

Mặc dầu "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" không phải là một tác phẩm hoàn chỉnh, nhưng nó có một giá trị khoa học to lớn, nó góp phần quan trọng vào việc phát triển học thuyết của Mác. Nó bổ sung và giải thích rộng rãi những luận điểm cơ bản trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" của Lê-nin. Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" có rất nhiều tài liệu về các vấn đề của học thuyết của Lê-nin về chủ nghĩa đế quốc và cách mạng xã hội chủ nghĩa, về bản chất kinh tế và chính trị của chủ nghĩa đế quốc, về sự phát triển không đồng đều của các nước tư bản chủ nghĩa trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, về chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, về chiến lược và sách lược đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản trong những điều kiện mới.

Ý nghĩa hết sức to lớn về mặt khoa học và về mặt nhận thức của tập "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" là ở chỗ nó vạch rõ công trình nghiên cứu của Lê-nin, nêu

lên những phương pháp làm việc khoa học của Người, quan điểm của Người đối với những tài liệu nghiên cứu, chỉ rõ phương pháp luận của Lê-nin trong việc phân tích các sự kiện kinh tế và lịch sử, các số liệu thống kê.

Những tài liệu chuẩn bị rất đáng chú ý, nó phản ánh việc Lê-nin xây dựng đề cương cuốn sách "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" từ bản phác thảo đầu tiên (cách đi vào đề tài) với bản liệt kê ước chừng các vấn đề cho đến một chương trình nghiên cứu đầy đủ và một kết cấu chi tiết của cuốn sách với nội dung tỉ mỉ của từng chương (xem tập này, tr. 114, 221, 227 - 229, 265 - 282).

Lê-nin lấy hàng loạt số liệu và sự kiện làm cơ sở cho việc phân tích chủ nghĩa tư bản độc quyền. Người coi việc tách lấy từng sự kiện riêng lẻ, chơi trò thí dụ là một biện pháp thiếu căn cứ và phản khoa học. Lê-nin dạy rằng việc nghiên cứu một cách khoa học phải dựa trên cơ sở những sự kiện chính xác và hiển nhiên xét về toàn bộ và trong mối liên hệ của chúng. "Muốn cho điều đó thực sự trở thành một cơ sở thì cần phải xét không phải những sự thật riêng biệt, mà *toàn thể* những sự thật có liên quan đến vấn đề đang xét, *không trừ một ngoại lệ nào...*" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 437).

"Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" cho thấy rõ Lê-nin đã chuẩn bị một cơ sở vững chắc gồm toàn bộ các tài liệu chính xác (sự kiện và con số) cần thiết cho việc nghiên cứu toàn diện chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin đã sử dụng tất cả các tư liệu quan trọng nhất trong sách báo thế giới viết về kinh tế và kỹ thuật, về lịch sử hiện đại và địa lý, về chính trị và ngoại giao, về phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Lê-nin rất coi trọng thư mục; Người đã nghiên cứu một cách có hệ thống các mục lục của nhiều thư viện, xem kỹ

các bản chỉ dẫn thư mục, chăm chú theo dõi các sách báo mới. Khi nghiên cứu cuốn sách này hay cuốn sách khác, Lê-nin đánh dấu các tư liệu được sử dụng trong đó, rồi sau đó nghiên cứu những tư liệu đó. Nhiều trang của "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" chứa đầy danh mục các tư liệu khác nhau.

Các giai đoạn khác nhau của quá trình nghiên cứu các tư liệu (từ khi xem qua và chọn lọc đến lúc phân tích kỹ có ghi chép và nhận xét) được phản ánh rõ trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc". "Bút ký" cho thấy rõ trong vô vàn tài liệu của rất nhiều tư liệu, Lê-nin đã chọn ra như thế nào những số liệu đáng tin cậy nói lên được những hiện tượng cơ bản và điển hình vốn có của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Lê-nin viết về một cuốn sách như sau: "...Vô số những chi tiết không cần thiết, tẻ nhạt; tôi bỏ qua chúng" (tập này, tr. 92). Về một tư liệu khác, Người nhận xét rằng trong đó có "một bản tổng hợp vô cùng tỉ mỉ những số liệu phong phú nhất ((rất nhiều những con số cơ bản))... Tôi chỉ lấy những tài liệu quan trọng nhất" (tr. 576). Trong nhiều trường hợp, Lê-nin đã tự mình lấy những số liệu nằm rải rác ở các tư liệu lập thành các bảng tổng hợp và các bảng.

Trong khi nghiên cứu những tư liệu khác nhau của các tác giả là những nhà kinh tế và nhà sử học tư sản và tiểu tư sản, là những nhà kinh doanh tài chính và những nhà chính trị, bọn cải lương và bọn xét lại, Lê-nin dựa một cách chặt chẽ và nhất quán vào nguyên tắc của chủ nghĩa Mác: kiểm tra một cách hết sức chặt chẽ và xử lý một cách có phê phán các số liệu của các nhà bác học tư sản. "Nói chung và về đại thể, các giáo sư môn kinh tế đều chỉ là những học giả làm thuê cho giai cấp các nhà tư bản"; "không thể tin *một lời nào* khi họ nói đến vấn đề lý luận chung về kinh tế chính trị học"; nhưng khi họ đưa ra những công trình trong lĩnh vực nghiên cứu thực tế, chuyên môn, thì nhiệm vụ của những người mác-xít là

"phải biết làm chủ và cải tạo những thành tựu của những "người làm thuê" đó (chẳng hạn, trong lĩnh vực nghiên cứu những hiện tượng kinh tế mới, không dùng đến những tác phẩm của bọn làm thuê đó thì sẽ không tiến lên được một bước nào cả), và phải *biết* loại bỏ khuynh hướng phản động của họ, phải biết vận dụng đường lối *của chính mình* và phải biết đấu tranh *chống toàn bộ đường lối* của các thế lực và các giai cấp đối địch với chúng ta" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 18, tr. 425).

"Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" thể hiện những mẫu mực về một thái độ như vậy đối với sách báo tư sản và cải lương. Trong các nhận xét của mình khi nghiên cứu các tư liệu, Lê-nin vạch trần khuynh hướng phản động của các nhà tư tưởng tư sản và bọn cải lương ca tụng chủ nghĩa đế quốc. Đồng thời Lê-nin chú ý phân tích các số liệu thực tế ở trong các tư liệu nói trên. Sau khi đọc xong cuốn sách "dày hàng năm trăm trang" của giáo sư Rô-bốt Líp-man "Các công ty tham dự và cung cấp tài chính", Lê-nin ghi vào vở: "Tác giả là một tên đại ngốc, lúng túng trong các định nghĩa — hết sức ngu xuẩn — tất cả những định nghĩa này chỉ xoay quanh chữ "thay thế". Những tài liệu thực tế quý báu, phần lớn là những tài liệu hoàn toàn chưa được chỉnh lý" (tập này, tr. 447 - 448). Những số liệu thống kê trong cuốn sách này, sau khi được kiểm tra và bổ sung thêm căn cứ theo các nguồn tư liệu khác, đã được Lê-nin sử dụng trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" khi nói về sự tích tụ ngày càng tăng của sản xuất và về tình trạng thu nhập của các tổ chức độc quyền lớn nhất tăng lên. Khi tóm tắt nội dung cuốn "Chủ nghĩa đế quốc Anh" của Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ, một kẻ ca tụng nhiệt liệt chủ nghĩa đế quốc Đức, Lê-nin đã viết về tác giả như sau: "Hèn hạ vào bậc nhất, đê tiện, người theo chủ nghĩa Can-tơ, bênh vực tôn giáo, sô-vanh, ông ta thu thập

được một vài sự kiện rất đáng chú ý về chủ nghĩa đế quốc Anh và viết được một cuốn sách sinh động, không làm người ta ngán. Ông ta đã đi khắp nước Anh, thu thập được nhiều tài liệu và đã quan sát nhiều. Các ngài người Anh, các ngài cướp bóc nhiều rồi, hãy để cho chúng tôi cướp bóc, bằng cách đem Can-tơ, Chúa trời, chủ nghĩa yêu nước, khoa học ra "thần thánh hoá" sự cướp bóc = đó là thực chất lập trường của cái "nhà bác học" này!! (Có nhiều lời ba hoa thừa nữa)" (tr. 543). Tài liệu thực tế trong tư liệu này về chủ nghĩa đế quốc Anh đã được Lê-nin sử dụng trong cuốn sách của mình.

Lê-nin ghi nhận công lao của các nhà nghiên cứu đã đánh giá đúng những hiện tượng riêng biệt vốn có của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" đã trích dẫn rất nhiều ý kiến của các nhà bác học và các nhà hoạt động tư sản của nhiều nước khác nhau về những hiện tượng này hay hiện tượng khác của đời sống kinh tế và chính trị trong thời đại chủ nghĩa tư bản hiện đại. Song họ không có khả năng nhận định một cách khoa học chủ nghĩa đế quốc với tính cách là một giai đoạn phát triển nhất định của chủ nghĩa tư bản. Mà không có sự đánh giá và giải thích như vậy về bản chất của chủ nghĩa đế quốc thì không thể hiểu đúng những đặc điểm riêng biệt và những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Khi nghiên cứu toàn bộ những số liệu và sự kiện xác thực trong mối liên hệ lẫn nhau của chúng, Lê-nin đã phát hiện ra những xu hướng và những quy luật khách quan của các hiện tượng của chủ nghĩa đế quốc. Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Người đã nghiên cứu hết sức kỹ càng sự phát sinh và phát triển của những đặc điểm và đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền: sự tích tụ của sản xuất và tư bản đã đạt đến một giai đoạn phát triển cao tới mức tạo ra những tổ chức độc quyền đóng một vai trò quyết định trong đời

sống kinh tế; sự hợp nhất của tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp và sự nảy sinh ra bọn đầu sỏ tài chính; sự xuất khẩu tư bản, – khác với xuất khẩu hàng hoá, xuất khẩu tư bản có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng; sự thành lập các liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản; sự phân chia trái đất về mặt lãnh thổ giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã kết thúc và cuộc đấu tranh giữa chúng với nhau để phân chia lại thế giới; tính ăn bám và sự mục nát của chủ nghĩa tư bản tăng lên.

Bằng tài liệu thực tế vô cùng phong phú, Lê-nin đã vạch rõ những mâu thuẫn sâu sắc của chủ nghĩa đế quốc. Người chỉ rõ rằng nét đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc là quyền lực vô hạn và sự thao túng của tư bản tài chính và của các tổ chức độc quyền, rằng đặc điểm chính trị của chủ nghĩa đế quốc là phản động trong mọi lĩnh vực. Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", mặt chính trị của chủ nghĩa đế quốc được làm sáng tỏ rộng hơn rất nhiều so với trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", cuốn này viết để xuất bản công khai có tính đến những trở ngại về kiểm duyệt.

"Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" của Lê-nin có nhiều chỗ đề cập đến vấn đề thuộc địa; phản ánh cuộc đấu tranh khốc liệt của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa để giành thuộc địa, vạch rõ những phương pháp của bọn đế quốc dùng để cướp bóc và nô dịch các dân tộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh. Lê-nin bóc trần thái độ bợ đỡ của những phần tử cơ hội chủ nghĩa ở các nước đối với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa ở nước chúng, những phần tử biện hộ cho các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa, tô son điểm phấn cho chế độ dã man của bọn thực dân bằng những lời lẽ ba hoa dối trá về vai trò "khai hoá" của chủ nghĩa đế quốc ở các thuộc địa, về "tính hữu ích về mặt kinh tế thế giới" của việc bọn đế quốc xâm chiếm các

thuộc địa và các nước chậm phát triển (xem các tr. 98 - 99, 102, 278, 513, 634 - 635 v. v.). Cuộc sống thực tế đã hoàn toàn chứng thực lời tiên đoán của Lê-nin nói rằng những mâu thuẫn giữa bọn đế quốc xâm lược và các dân tộc thuộc địa nhất định sẽ ngày càng gay gắt thêm, cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc chống chế độ nô lệ thuộc địa nhất định sẽ ngày càng được tăng cường thêm. Các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đang quét sạch hệ thống thuộc địa, phá vỡ nền tảng của chủ nghĩa đế quốc.

Khi vạch ra những nét cơ bản của giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản, những nét vốn có của tất cả các nước đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin đồng thời cũng nhận định về những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc ở từng nước riêng biệt – ở Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nhật v.v.. Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", có những tài liệu quan trọng nói về chủ nghĩa tư bản độc quyền ở Nga. Trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" viết để xuất bản công khai, Lê-nin buộc phải diễn đạt những ý kiến của mình về chủ nghĩa đế quốc Nga nói chung và về chính sách xâm lược của nước Nga Nga hoàng nói riêng "một cách hết sức thận trọng... bằng cách nói bóng, theo cách nói của Ê-dốp – cách nói đáng ghét của Ê-dốp – mà chế độ Nga hoàng buộc tất cả các nhà cách mạng phải dùng đến mỗi khi họ cầm bút viết một tác phẩm "hợp pháp"" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 385). Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin đã dẫn ra một số lượng đáng kể những sự thật về các mặt khác nhau của chủ nghĩa đế quốc Nga và đã đánh giá chúng.

"Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" của Lê-nin là một mẫu mực sáng chói về mối liên hệ mật thiết giữa tính khách quan triệt để và tính đảng trong khoa học; đặc điểm chủ yếu của tập bút ký này là tính chất chiến đấu, tính chất tấn công chống các nhà tư tưởng tư sản và tiểu tư sản,

chống bọn cải lương và xét lại, những kẻ đã tô điểm cho chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin đặc biệt chú ý bóc trần mặt nạ "chủ nghĩa Cau-xky", kịch liệt phê phán bọn tay sai của chủ nghĩa đế quốc nguy trang dưới cái vỏ mác-xít. Những kẻ theo chủ nghĩa Cau-xky viện cớ "phê phán" chủ nghĩa đế quốc, đã cố gắng "minh oan" cho chủ nghĩa tư bản, chúng "vì một thứ chủ nghĩa tư bản sạch sẽ, trau chuốt, ôn hoà và lịch sự" (tập này, tr. 115). Bằng sự phân tích có tính chất khoa học về chủ nghĩa đế quốc, — một sự phân tích đã được thực tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại chứng thực, — Lê-nin đã chứng minh rõ tính chất vô căn cứ và phản động của học thuyết Cau-xky về chủ nghĩa siêu đế quốc. "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" chỉ rõ rằng bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xét lại không tiến hành đấu tranh cách mạng nhằm lật đổ chủ nghĩa đế quốc mà lại bênh vực sự điều hoà với tư bản; chúng xuyên tạc thực chất của chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng và cuối cùng của chủ nghĩa tư bản, thời kỳ tàn lụi của chủ nghĩa tư bản thế giới. "Đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc mà lại không đấu tranh và không đoạn tuyệt với chủ nghĩa cơ hội thì như thế là lừa bịp", — Lê-nin đã viết như vậy trong bản sơ thảo đề cương cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" (tr. 279).

"Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" của Lê-nin ngày nay vẫn còn là vũ khí chiến đấu của chủ nghĩa Mác cách mạng. Nó giúp cho các đảng cộng sản và công nhân tiến hành đấu tranh chống hệ tư tưởng của bọn phản động đế quốc, chống chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Để phân tích giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản, trong "Bút ký" của mình và trong cuốn sách nói về chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin sử dụng phần lớn các tư liệu thực tế và các số liệu thống kê của thời kỳ trước chiến tranh thế giới thứ nhất. Những số liệu mới về kinh tế tư bản chủ nghĩa hoàn toàn chứng thực cho sự phân tích của Lê-nin

về chủ nghĩa đế quốc. Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên-xô được Đại hội lần thứ XXII của đảng thông qua đã nhấn mạnh rằng sự phân tích và các kết luận của Lê-nin về những quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn cuối cùng của nó đã được thực tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại xác nhận. Những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc là: những mâu thuẫn cố hữu của chủ nghĩa đế quốc trở nên gay gắt hơn, những đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa đế quốc mà Lê-nin đã chỉ ra vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển. Chủ nghĩa tư bản độc quyền hiện đại có đặc điểm là: sản xuất và lưu thông ngày càng được tập trung hơn nữa vào tay tập đoàn đầu sỏ tài chính; sự phản động chính trị trong mọi lĩnh vực — mà Lê-nin coi là đặc điểm quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc, — ngày càng tăng lên; tư bản độc quyền đã xác lập nền chuyên chính của mình đối với xã hội. Sự ăn bám và sự mục nát của chủ nghĩa tư bản ngày càng tăng thêm; điều này thể hiện đặc biệt rõ trong việc quân sự hoá nền kinh tế.

Cuộc sống thực tế hoàn toàn xác nhận ý kiến của Lê-nin nhận định chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản. Những mâu thuẫn sâu sắc và gay gắt đang làm xói mòn và phá vỡ nền móng của chủ nghĩa đế quốc tất nhiên sẽ dẫn nó đến chỗ suy yếu và diệt vong. Sau khi chủ nghĩa tư bản bị lật nhào ở Nga và ở một số nước khác ở châu Âu và châu Á, sau khi hệ thống thuộc địa bị sụp đổ, chủ nghĩa đế quốc bước vào thời kỳ tàn lụi, nó mất hẳn quyền lực đối với đa số nhân loại. Ngày nay, nhân tố quyết định hướng phát triển lịch sử chủ yếu của nhân loại là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang ngày càng giành được nhiều thắng lợi mới trong cuộc thi đua với chủ nghĩa tư bản.

\* \*  
\*



Tập này gồm 20 quyển vở của Lê-nin ghi chép về chủ nghĩa đế quốc in lần đầu tiên vào những năm 1933 - 1938 trong Văn tập Lê-nin, các tập XXII, XXVII, XXVIII, XXIX, XXX, XXXI. Quyển "Đ" ("đen-ta") được đăng lần đầu tiên theo bản dịch ra tiếng Nga năm 1938 trên tạp chí "Cách mạng vô sản", số 9, tr. 171 - 184, vì được tìm thấy chậm hơn. Năm 1939, tất cả những văn kiện này được xuất bản thành một cuốn sách riêng với tên đề "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" (do N. A. Pốt-vôi-xcai-a chuẩn bị cho in).

Trong cuốn sách này, 15 quyển đầu tiên đánh dấu bằng chữ cái Hy-lạp được xếp theo thứ tự chữ cái do Lê-nin ghi để đánh số. Chúng được Vla-đi-mia I-lích sử dụng vào đề cương cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" và vào ngay cả nội dung cuốn sách. 5 tập cuối Lê-nin không đánh số thứ tự và trong sách được xếp sau những tập có đánh số, theo trình tự thời gian. Ngoài các quyển vở ra, trong cuốn sách còn có một số tài liệu ghi chép của Lê-nin trong thời kỳ 1912 - 1916; xét về mặt nội dung, những tài liệu này có liên quan trực tiếp đến "Bút ký" và là sự tiếp tục nghiên cứu một cách khoa học học thuyết về chủ nghĩa đế quốc và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những tài liệu này đã được in trong Văn tập Lê-nin, tập XXIX và một phần trong tập XXX.

Tất cả đầu đề các quyển vở đều là của Lê-nin. Những đoạn trích từ một số sách, bài báo, những bản phác thảo, những bản chỉ dẫn thư mục đều được đặt tiêu đề riêng rút từ nội dung các quyển vở do Lê-nin soạn hoặc từ nội dung các đoạn trích.

Các đoạn trích được đưa vào "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" đều được Lê-nin viết bằng thứ tiếng của nguyên bản. Trong cuốn sách này, tất cả các đoạn trích đều đã được dịch ra tiếng Nga.

Trong quyển này, các đặc điểm của bản viết tay của Lê-nin trong các quyển vở đều được giữ nguyên: việc sắp xếp các tài liệu, gạch lè và gạch dưới trong các bài. Gạch dưới trong các bài được thể hiện bằng bộ chữ in: *in nghiêng* thay cho một gạch thẳng, *in nghiêng rờ i* thay cho hai gạch; **in đứng hơi đậm** thay cho ba gạch, **in đứng hơi đậm và rờ i** thay cho bốn gạch; **in nghiêng hơi đậm** thay cho một gạch sóng; **in nghiêng hơi đậm, rờ i** thay cho hai gạch sóng.

"Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" được in lại năm 1960, có bổ sung và thay đổi chút ít, trong tập 39 của bộ Toàn tập V. I. Lê-nin, xuất bản lần thứ 4. Toàn bộ văn bản của lần xuất bản này đã được kiểm tra lại theo các bản viết tay của V. I. Lê-nin và theo các tư liệu gốc.

Trong các chú thích cuối trang có dẫn cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" và các tác phẩm khác của Lê-nin. Điều này cho thấy mối liên hệ khăng khít của "Bút ký" với cuốn sách và tạo điều kiện cho ta thấy rõ Lê-nin sử dụng như thế nào các tài liệu chuẩn bị khi xây dựng công trình khoa học của mình về chủ nghĩa đế quốc.

Trong lần xuất bản này, văn bản của Lê-nin được in, có sửa đổi chút, theo bản đúc của tập 39 bộ Toàn tập V. I. Lê-nin, xuất bản lần thứ 4.

Tập này còn gồm hai đoạn trích mà trước đây chưa đưa vào tập 39 bộ Toàn tập, xuất bản lần thứ 4: "Sự ăn uống của nhân dân. Ngành ăn uống công cộng" vạch trần câu chuyện hoang đường về "binh đảng" trong việc tiêu dùng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, và đoạn trích trong báo "Basler Vorwärts" nói về tư bản Thụy-sĩ ở nước ngoài.

Tập này không in bài "Bút ký về sự thất bại của nước mình trong chiến tranh đế quốc", các tài liệu "Để viết bài

thuyết trình "Chủ nghĩa đế quốc và quyền dân tộc tự quyết" và để viết bài báo "Chủ nghĩa đế quốc và sự phân liệt trong phong trào xã hội chủ nghĩa", "Chủ nghĩa đế quốc và thái độ đối với nó", là những tài liệu đã được in trong các tập 26, 27 và 30 của bộ Toàn tập này với tính cách là những tài liệu chuẩn bị.

Phần tra cứu khoa học của tập này được mở rộng và bổ sung thêm tài liệu mới.

*Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin  
trực thuộc Ban chấp hành trung ương  
Đảng cộng sản Liên-xô*

---

BÚT KÝ  
VỀ  
CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC<sup>1</sup>

*Viết trong những năm 1915 - 1916  
bằng tiếng Nga, Đức, Pháp, Anh  
và bằng nhiều thứ tiếng khác  
In lần đầu trong những năm  
1933 - 1938 trong Văn tập Lê-nin,  
t. XXII, XXVII, XXVIII, XXIX,  
XXX, XXXI.*

*Vở "Đ" được in lần đầu vào  
năm 1938 trong tạp chí "Cách  
mạng vô sản", số 9*

*Theo đúng những bản thảo*

*Những đoạn trích dẫn và ghi chú  
bằng tiếng nước ngoài được  
dịch ra tiếng Việt*

**VỞ**  
"α"  
("AN-PHA")

**Mục lục**

Vở α. Tr. 1 - 48

*Những sách báo mới nhất về kinh tế*

Mục lục:

- 1 - 3 <sup>1)</sup>. Đoạn cuối bài của *Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ* (trong tờ "*Kinh tế xã hội*") + 31 — 35 (Phô-ghen-stanh).
4. Sơ thảo bài báo bàn về đấu tranh chống "phái vững lầy". ((Bút ký về chủ nghĩa Cau-xky.))
5. Máy chỉ dẫn thư mục.
6. Ra-vê-xtanh bàn về vấn đề Ban-căng ("Die Neue Zeit", 1913).
- 7 - 8. *Véc-ne* bàn về sự tích tụ trong công nghiệp mỏ ở Rua ("Die Neue Zeit", 1913).
9. May-ơ (sự đầu tư) và chỉ dẫn thư mục.
10. —
- 11 - 12. *Líp-man* bàn về buôn bán kim loại ở Phran-pho.
- 13 - 14. Các học giả tư sản bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. ("Các chủng tộc bị nô dịch".)
15. Mô-ri-đơ — "Các hãng có chi nhánh".
16. Chỉ dẫn thư mục.

<sup>1)</sup> Đây là số thứ tự các trang của cuốn vở viết tay của Lê-nin.

17. Idem<sup>1)</sup>
  18. *Sin-đơ*. Tập 5 của "Weltwirtschaftliches Archiv" (không phải do ông ta viết).
  19. Những ghi chép từ tờ "Lời nói của chúng ta"...
  20. —
  21. Chỉ dẫn thư mục.
  22. Tổng số tư bản trong các công ty cổ phần.
  - 23 - 28. *Kê-xtơ-nơ*. "Sự cưỡng bách vào tổ chức".
  29. Báo "Arbeiter-Zeitung" ở Viên bàn về các ngân hàng của Viên.
  30. "The Annals of the American Academy".
  - 31 - 35. Phần cuối những đoạn trích từ tờ "*Kinh tế xã hội*".
  36. —
  37. Chỉ dẫn thư mục.
  38. *Stin-lích*. "Tiền tệ và hoạt động ngân hàng".
  - + 41 - 42.
  - 39 - 40. *Líp-man*. "Các-ten và tơ-rốt".
  - 43 - 48. Trích từ "Kinh tế xã hội"... (*Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ*).
- { + 1 - 3 }  
và 31 - 35
- Chỉ dẫn thư mục:
- |             |              |         |
|-------------|--------------|---------|
| tr. 5.      | tr. 21 + 32  | tr. 44. |
| tr. 9.      | tr. 37    NB | tr. 46. |
| tr. 17 + 16 | tr. 38.      | tr. 48. |

<sup>1)</sup> Như trên.

SƠ THẢO BÀI BÁO BÀN VỀ ĐẤU TRANH CHỐNG  
"PHÁI VŨNG LẦY"

(BÚT KÝ VỀ CHỦ NGHĨA CAU-XKY)<sup>2</sup>

*Cuộc đấu tranh của chúng ta chống "phái  
vũng lầy".*

Phái vũng lầy = C. Cau-xky, Huy-xman etc<sup>1)</sup>.

Ý nghĩa của sự khác nhau giữa Plê-kha-nốp, Hen-đman, Hai-nơ với C. Cau-xky, Van-đéc-ven-đơ etc. 2 "*s ấ c t h á i*". Chủ nghĩa chiết trung thay cho phép biện chứng. "Con đường ở giữa": "điều hoà" những cực đoan, thiếu kết luận sáng sủa, rõ ràng, dứt khoát, sự chao đảo.

Những mâu thuẫn giai cấp được điều hoà và bị làm dịu bớt đi *trong lời nói*, trong khi chúng trở nên gay gắt thêm *trong thực tế*.

Sự điều hoà với chủ nghĩa cơ hội.

Sự che đậy chỗ khác biệt về mặt lý luận và chính trị - thực tiễn với chủ nghĩa cơ hội.

Sự từ bỏ (phản bội) quan điểm của "Con đường giành chính quyền" và thực chất *c á c h m ạ n g* (và sách lược cách mạng) của Tuyên ngôn Ba-lơ<sup>3</sup>...

Sự khác nhau giữa khái niệm "phái giữa mác-xít" (= chính trị *độc lập*, tư tưởng độc lập, lý luận độc lập) với khái niệm "phái vũng lầy" (= chao đảo, vô nguyên tắc, "con quay" ("Drehscheibe"), con quay gió).

Tổ chức bất hợp pháp.

Công tác trong quân đội.

Ủng hộ và phát triển những hành động

*Ch ủ n g h ã l ậ c q u ả n  
q u ả n p h ư ơ n g:*

quá trình tiến triển khách quan của sự vật... tất cả *phải* trở nên tốt hơn.

"Giai cấp vô sản" và "đấu

<sup>1)</sup> Văn vân.

của quần chúng.

NB || tranh giai cấp" "nói chung".  
"Quá trình".

NB || xem Mác-tốp nói về chủ  
nghĩa xã hội là "tuyệt  
vọng", *n ế u...* chủ nghĩa  
cơ hội là tuyệt vọng!!!

Không phải **sự phủ nhận** hoạt động hợp pháp và *s ự đ ấ u  
t r ả n h* cho **những cải cách** là thực chất của "cuộc đấu tranh  
chống phái vũng lầy", mà chính sự công nhận nói trên kia đối  
với hoạt động **cách mạng** mới là như vậy.

Khả năng hợp nhất của chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa công  
đoàn khi xảy ra một sự ly khai theo một đường lối mới và sâu  
sắc hơn.

Chủ nghĩa nghị trường và quan niệm khác về chủ nghĩa ấy.  
"Chủ nghĩa nghị trường không hợp pháp".

### MẤY CHỈ DẪN THƯ MỤC

Trong những tác phẩm *triết học* của thư viện *bang*  
Xuy-rích:

{ *Hi-đê-ôn Xpích-cơ*. "Về quan hệ của khoa học tự nhiên với  
triết học" (đặc biệt versus Can-tơ và "Lịch sử chủ nghĩa  
duy vật" của Lan-ghe). 8<sup>o</sup>. Béc-lanh, 1874.  
*Hê-ghen*. "Hiện tượng học" (N.x.b. Bô-lan. 1907).

*Ê-rích Cau-phman*. "Thực lực bên ngoài và lực lượng thuộc  
địa của nước Mỹ". Lai-pxích, 1908 (trong "Những công  
trình nghiên cứu về luật quốc gia và quốc tế", quyển I).  
Nghiên cứu *v ề I u ậ t*.  
Chính sách đế quốc chủ nghĩa đã làm nảy sinh ra ở nước  
Mỹ vấn đề những thuộc địa.

Thư viện bang (Xuy-rích).

"Journal asiatique" (Pa-ri, 1857 — đến 1913 và *bảng thuộc bộ thứ 10*. + Bộ thứ 11, tập 1, 2.)

"Giornale della società asiatica italiana". Tập 1 (1887) — tập 26 (1913/4).

*Cu-dờ-nê-txốp*. "Cuộc đấu tranh của các nền văn minh và các ngôn ngữ ở Trung Á". (Luận án.) 8<sup>o</sup>. Pa-ri, 1912.

*Lê-man-Hau-pto*. "Ác-mê-ni-a". 8<sup>o</sup>. Béc-lanh, 1910.

*Buy-khơ-lơ*. "Công-gô — nước của Lê-ô-pôn". Xuy-rích, 1912. 1914.

*Phre-xơ*. "Địa vị quốc tế của các nước phụ thuộc ở lưu vực sông Công-gô, sự phân chia những nước ấy". 1907.

*K ết B r ú t - x ô*. "Nền giáo dục của người da đen ở nước Mỹ". Luận án. Pa-ri, 1904. ("Các tác phẩm và các báo cáo của người Mỹ về *giáo dục*")

"Sự thống kê Ấn-độ". (1911. Bôm-bay, 1911.)

*Móp-phê*. "Việc Mỹ hoá Ca-na-đa". Luận án. Niu-Oóc, 1907.

*Pa-tui-ê*. "Chủ nghĩa đế quốc Mỹ". (Luận án. Đi-giông, 1904.)

*E. Đét-man*. "Sự phát triển của Bra-xin theo quan điểm của người Đức". 1908.

*Hi-xi-đa*. "Địa vị quốc tế của Nhật với tư cách là một cường quốc lớn". Niu-Oóc, 1905.

*Lơ-phe-vơ*. "Đường sắt là con đường xâm nhập Nam Trung-quốc". Luận án. Pa-ri, 1902.

*Ruyt-xi-ê*. "Sự phân chia châu Đại-dương". Luận án. Pa-ri, 1905.

#### RA-VÊ-XTANH BÀN VỀ VẤN ĐỀ BAN-CĂNG

*V. van Ra-vê-xtanh*. "Vấn đề vùng Ban-căng". "Die Neue Zeit", 1913 (năm thứ 31, tập 1), 15. XI. 1912.

NB "Loại liên bang như vậy" (liên bang các nước ở vùng Ban-căng gồm cả Thổ-nhĩ-kỳ) "có lẽ có khả năng thoả mãn được những nhu cầu văn hoá của cái vùng thống nhất về mặt địa lý ấy và dựng lên được một chương ngại không vượt qua được đối với sự xâm nhập của chủ nghĩa đế quốc châu Âu, cũng như của Nga, một cường quốc thế giới. Bất kỳ cách giải quyết nào khác về vấn đề Ban-căng đều có thể chỉ mang tính chất nhất thời và không có khả năng thoả mãn lâu dài những lợi ích của tất cả các chủng tộc và dân tộc sống ở đó" (tr. 228).

"Chủ nghĩa đế quốc châu Âu, cũng như chế độ Nga hoàng, tất nhiên sẽ mang hết sức lực ra chống lại liên bang của tất cả các nước ở vùng Ban-căng. Lợi ích chung của chúng đã và hiện vẫn là nhằm

NB khơi sâu thêm mối thù hằn và sự cạnh tranh lẫn nhau giữa các dân tộc ấy với Thổ-nhĩ-kỳ, để có điều kiện thuận lợi hơn trong việc bóc lột các lãnh thổ ấy như bóc lột những vùng thuộc địa. Liệu các nhà hoạt động nhà nước của Thổ-nhĩ-kỳ và của các quốc gia vùng Ban-căng có hiểu được lợi ích chung của họ không và liệu họ có kết thúc cuộc chiến tranh huỷ

NB diệt ấy bằng cách xích lại gần nhau không? Nếu họ không làm thế thì như vậy là họ sẽ mang quyền lợi của nhân dân mình dâng cho chủ nghĩa tư bản châu Âu và cho các vương triều ở vùng Ban-căng" (tr. 229).

#### VÉC-NE BÀN VỀ SỰ TÍCH TỤ TRONG CÔNG NGHIỆP MỎ Ở RUA

*G. Véc-ne*. "Sự tích tụ tư bản trong công nghiệp mỏ ở Rua". "Die Neue Zeit", 1913, tr. 138 (25.X.1912).

Vùng *R u a*:

- 1) Nhóm "Đoi-sơ ban-cơ" }  
 4 người giữ chức vụ giám đốc và ủy viên hội đồng trong 4 }  
 ngân hàng: }  
 (α) "Đoi-sơ ban-cơ" . . . . . cả 4 người }  
 (β) "Ét-xe-ne crê-đi-tan-stan-tơ" . . . 2 trong số đó }  
 (γ) "Ét-xe-ne ban-cơ-phê-rai-in" . . . 2 " " " }  
 (δ) "Béc-ghi-sơ - Méc-ki-sơ ban-cơ" 2 " " " }

Những mỏ thuộc "phạm vi ảnh hưởng" của ngân hàng ấy:  
 20 mỏ — 66233 công nhân; 18,6 triệu tấn (1907) ||  
 72594 công nhân; 19,3 triệu tấn (1910) ||

- 2) Nhóm "Đrê-dơ-đne ban-cơ" và "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in"  
 9 người giữ ghế giám đốc và ủy viên hội đồng trong  
 cả hai ngân hàng.

Nằm trong phạm vi ảnh hưởng của nhóm này có:  
 7 mỏ:.. 23269 công nhân — 5,98 triệu tấn (1907) ||  
 27963 công nhân — 7,2 triệu tấn (1910)<sup>1)</sup> ||

"Trong công nghiệp mỏ ở Rúa, lợi ích của toàn thể nhân dân  
 mâu thuẫn với lợi ích của một số nhà tư bản vô cùng ít ỏi,  
 cùng lắm là một trăm tên" (tr. 144). ||

Trong bài báo này, tựu trung lại vấn đề là tìm hiểu xem  
 nghiệp đoàn có được hồi phục lại hay không. Tìm xem trong  
 biên niên Côn-rát về thời kỳ này (X - XII. 1912, v.v.).

## MAY-Ơ (SỰ ĐẦU TƯ) VÀ CHỈ DẪN THỦ MỤC

### Trích thư mục

Tiến sĩ A. May-ơ. Biên tập viên mục thương mại của báo  
 "Neue Zürcher Zeitung". "Sự đầu tư". (Xuy-rích, 1912).  
 Sách của "người thực hành": những lời khuyên các nhà tư bản. ||

<sup>1)</sup> Xem bảng tr. 10 - 11.

Trùm tư bản	Những ngân hàng chính	Các xí nghiệp mỏ? "Werke" hay là "Zechen" Các hãng, số lượng mỏ, v.v.	1910 Công nhân (nghìn)	Tấn (triệu)
4 người — "liên minh riêng" của 4 ngân hàng Ha-ni-en	"Đoi-sơ ban-cơ + 3 ngân hàng khác	("Đoi-sơ ban-cơ-con-txéc") (20 mỏ)	$\alpha$	72.6 19.3
Kiểu-đoóc-phơ	"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ"	Sở hữu tư nhân và mỏ "Hu-te Khớp-nun-gơ-xơ-khuyt-tơ" (2 mỏ)	$\gamma$	35.1 9.9
Xtin-nê-xơ	"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ"	"Ghen-den-kiéc-khê-nơ ban-cơ ác- xi-en-ghê-den-sáp-phơ"	$\delta$	(1) 34.4 8.5
	"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ"	Sở hữu tư nhân và "Đoi-sơ Lú- xăm-bua-gơ"	$\delta$	(2) 34.6 9.1
	Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-den-sáp- phơ	"Hác-pe-nơ ban-cơ ác-xi-en-ghê- den-sáp-phơ"	$\epsilon$	(1) 25.9 7.1
9 người "liên minh chức trách"	"Đrê-dơ-đne ban-cơ", "Sáp-phơ-hau- den-sơ ban-cơ-phê-rai-in"	"Đrê-dơ-đne Sáp-phơ-hau-den-ne ban-ken"	$\beta$	(7) 28.0 7.2
	Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-den-sáp- phơ"	"Hi-béc-nia ác-xi-en-ghê-den-sáp- phơ"	$\epsilon$	(1) 18.3 5.4
		Tít-xen $\gamma$	(1)	16.2 3.9
		Krúp $\gamma$	(1)	12.2 3.1
		Phi-xcơ	(1)	11.1 2.3
		$\Sigma$ <sup>1)</sup> =		228.5 75.9
		Tổng cộng trong vùng Rua		354.2 89.3
		Những hãng ấy chiếm số %		81.5 85

<sup>1)</sup> — Tổng cộng



Số lượng mỏ	Công nhân (nghìn)	Triệu tấn	
α) 20	72 <sub>6</sub>	19 <sub>3</sub>	"Đoi-sơ ban-cơ"
β) 7	28 <sub>0</sub>	7 <sub>2</sub>	"Đrê-dơ-đne ban-cơ" + "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in"
γ) 4	63 <sub>5</sub>	16 <sub>9</sub>	3 trùm tư bản
δ) 3	69 <sub>0</sub>	17 <sub>6</sub>	"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ"
ε) 2	44 <sub>2</sub>	12 <sub>5</sub>	"Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-den-sáp-phơ"
Phi-xơ)	11 <sub>1</sub>	2 <sub>3</sub>	

Thống kê lợi nhuận của các công ty cổ phần, tr. 130 - 132.

Tại Anh, trong những năm 1893/1902, 3 8 9 2 8 công ty được thành lập. Trong số đó có 14 538 = 37% công ty đã phải ngừng hoạt động!! Tại Pháp, số công ty đã phá sản — gần 10% (Lơ-roa - Bô-li-ơ).

*Cần ghi nhớ trong thư mục:*

*Vin-hem Ghéc-đen.* "Bí quyết thành công trong giao dịch chứng khoán". Béc-lanh. (d. c. x. h.?)

một tên đầu cơ tư nhân người Đức kể về "kinh nghiệm của mình". tr. 139: "một số vô cùng ít ỏi" phát tài trong giao dịch chứng khoán.

tr. 149: 1 trong 50 trường hợp phát tài trong các hợp đồng về chênh lệch. ((Vô số thí dụ về sự gian lận, etc. etc.))

*A-phri-can-nút.* "Các cổ phần trong những mỏ khai thác vàng là một sự đầu tư". Lai-pxích. Xuất bản lần thứ 2. 1911.

*V. Rút-pen.* "Hoạt động kinh doanh những chứng khoán có giá của công nghiệp mỏ". I-ê-na, 1909.

*Rơ-nê Nu-en.* "Các công ty cổ phần". Pa-ri, 1911.

? *I. Stai-gơ.* "Tơ-rốt và các-ten ở nước ngoài và ở Thụy-sĩ". Xuy-rích

*G. An-be.* "Sự phát triển lịch sử của tỷ suất lợi nhuận ở Đức. 1895 - 1908".

*Coóc-lơ.* "Mỏ vàng của thế giới". Luân-đôn, 1902.

*Gum-pen.* "Sự đầu cơ các chứng khoán có giá của mỏ vàng" (Phrây-buốc, 1903).

*T. Hu-bơ.* "Phải đọc bảng tổng kết như thế nào?" (Stút-ga, 1910).

*Rô-bóc Stéc-nơ.* "Cán cân thương mại" (Lai-pxích, 1907).

*H. Brô-di-út.* "Bảng tổng kết" (Lai-pxích, 1906).

## LÍP-MAN BÀN VỀ BUÔN BÁN KIM LOẠI Ở PHRAN-PHO

*Rô-bóc Líp-man.* "Tổ chức quốc tế buôn bán kim loại ở Phran-pho". "Weltwirtschaftliches Archiv", tập I. I-ê-na, 1913, tr. 108 và các trang tiếp.

Sự phát triển của các xí nghiệp của *Móc-tơn* (một gia đình Anh - Đức) thành công-xoóc-xi-om Móc-tơn.

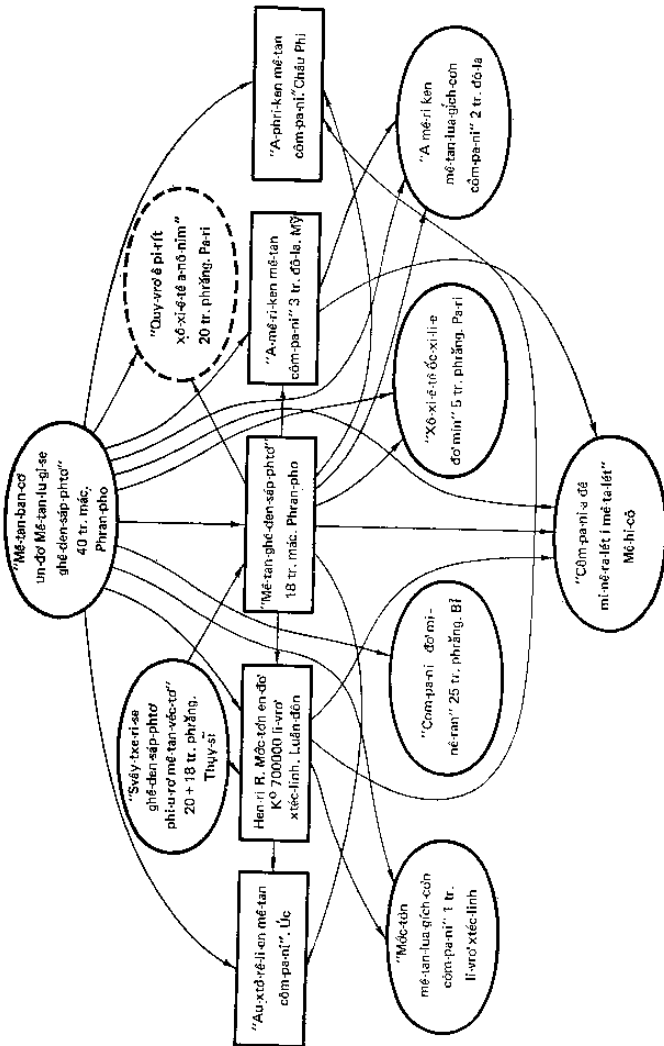
"Tính chung, có khoảng **hơn 200 triệu mác** được đầu tư vào công-xoóc-xi-om Móc-tơn, tất nhiên không kể đến tài sản tư nhân của các nhà tư bản đứng sau công-xoóc-xi-om đó" (tr. 121).

"Như vậy là việc buôn bán kim loại ở Phran-pho — tham gia việc buôn bán này, ngoài ra còn có một số hãng khác không phải là nhỏ — trên thực tế, đã bao trùm toàn thế giới bằng các xí nghiệp của mình, và đặc biệt là bằng các xí nghiệp của công-xoóc-xi-om Móc-tơn" (tr. 122).

**Sơ đồ** (tr. 120): [xem tr. 13. BT]

Tên các thành phố là do tôi thêm vào.

Các mũi tên chỉ hướng kiểm tra.



Tư bản thương nghiệp (của Méc-tôn), ở đây, đã chuyển thành tư bản sản xuất.

"Nét đặc trưng của thương nghiệp bán buôn hiện đại, ở hầu hết các ngành của nó, là việc nó *thâm nhập vào sản xuất*" (tr. 111).

Sau công nghiệp *điện* ("An-ghe-mai-nơ ê-lếch-tơ-ri-txi-tét ghê-den-sáp-phơ" ở Đức, "Ghê-nê-ran ê-lếch-tơ-ri-xích côm-pa-ni" ở Mỹ, etc.) thì chắc chắn là việc buôn bán kim loại (nhất là việc buôn bán đồng, kẽm, chì, kim loại quý — trung tâm chính là Phran-pho) là "ngành kinh doanh có tính chất quốc tế nhất ở Đức" (109).

Người đứng đầu hiện nay là *tiến sĩ Vin-hem Méc-tôn* (ủy viên ban giám đốc của phần lớn các công ty) ở Phran-pho. Bố ông ta là *Hen-ri R. Méc-tôn* — ở Luân-đôn.

Sự khác nhau chủ yếu giữa tất cả các công ty ấy với các công ty khác thuộc cùng một loại là ở chỗ: hiện nay, bọn tư bản đứng đầu doanh nghiệp vẫn còn *trực tiếp* (tr. 119) tham gia tất cả các xí nghiệp thương nghiệp và xí nghiệp sản xuất. Chúng "bổ sung" cho tư bản của chúng bằng tư bản của quần chúng.

Đĩ nhiên là số lượng "các công ty" mà chúng "tham gia" thì vô cùng nhiều hơn số các công ty được ghi trong sơ đồ.

CÁC HỌC GIẢ TƯ SẢN BÀN VỀ  
CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG  
CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

NB Các học giả tư sản bàn về cuộc đấu tranh chống *chủ nghĩa đế quốc*.

"Các dân tộc và chủng tộc bị nô dịch".

Bản tường thuật về hội nghị họp ở Ca-xtôn Ha-lơ, Vét-min-xtơ, 28 - 30 tháng Sáu 1910. Luân-đôn, 1911 (XII + + 178 tr.).

Bài bình luận trong "*Weltwirtschaftliches Archiv*", tập II, tr. 193, ký tên *Kh. I-a. Ni-bua* (La Hay). Tác giả bài bình luận chỉ ra rằng bản tường thuật này ghi lại những lời phát biểu ngắn của các đại biểu của "những dân đang sống dưới ách thống trị của nước ngoài: dân Ai-cập, dân Ấn-độ, dân Ma-rốc, dân Gru-di-a, các bộ lạc da đen châu Phi, dân da đỏ ở Nam Mỹ, cũng như của các dân tộc châu Âu như người Ai-rơ-len và Ba-lan" (tr. 194).

"Người ta nói với chúng ta là phải chống chủ nghĩa đế quốc; các nước thống trị phải thừa nhận quyền độc lập của các dân tộc bị lệ thuộc; toà án quốc tế phải giám sát việc thi hành các hiệp ước đã ký kết giữa các cường quốc lớn với các dân tộc nhược tiểu.

Hội nghị không đi xa hơn việc nêu ra những nguyện vọng vô tội ấy. Chúng ta không thấy dấu vết gì tỏ rõ sự hiểu biết cái chân lý sau đây: chủ nghĩa đế quốc gắn chặt với chủ nghĩa tư bản dưới hình thức hiện nay của nó, và do đó cuộc đấu tranh trực tiếp chống chủ nghĩa đế quốc là điều vô hy vọng, họa chăng thì người ta cũng chỉ đóng khung trong việc chống lại một số hiện tượng thái quá, đặc biệt ghê tởm" (tr. 195)<sup>1)</sup>.

Một điều thật có ý nghĩa là "bọn đế quốc" tư sản trong "*Weltwirtschaftliches Archiv*" lại theo dõi phong trào giải phóng dân tộc trong các thuộc địa (ít ra cũng không phải là của Đức)<sup>2)</sup>.

Thí dụ, tập III, 2

sự bất bình và phản kháng ở Ấn-độ (tr. 230)

idem ở Na-tan (châu Phi) do việc hạn chế không cho dân Ấn-độ di cư đến (230 - 1).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 517.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 516.

Tập IV, 1, tr. 130 — phong trào đòi tự quản ở *Na-m-dương*<sup>1)</sup>.

### MÔ-RI-ĐƠ. "CÁC HÃNG CÓ CHI NHÁNH"

*Pi-e Mô-ri-đơ*: "Các hãng có rất nhiều chi nhánh ở Pháp và ở nước ngoài". Pa-ri, 1913 (An-can). (Bài bình luận trong "*Weltwirtschaftliches Archiv*", IV, I, tr. 286.)

Các chi nhánh		
Anh . . . . .	497 hãng với	20 644
Đức . . . . .	14 453 " "	34 464
(trong đó, 3 1 7 9 9 là tiệm nhỏ hoặc cửa hàng)		
Số lượng viên chức 926 369 — — — 473 077		
Pháp	?	12 000
50 000 viên chức và công nhân 125 triệu đồng phrăng tiền công.		

— — — "biểu hiện của quá trình tích tụ mà người ta thấy rõ cả trong thương nghiệp lẫn trong công nghiệp chế tạo" (tr. 286).

### CHỈ DẪN THƯ MỤC

*trong Hội bảo tàng*

NB: "The Edinburgh Review"

1915, tháng Mười:

"Những nhà máy và chiến tranh".

[Một bài báo rất hay về thái độ của giai cấp công nhân đối với chiến tranh và những hậu quả kinh tế của chiến tranh (sự cải thiện tình cảnh của công nhân; sự giảm bớt thất nghiệp, etc.)]

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 516.

"The Atlantic monthly", 1915, hình như vào tháng Sáu. Oai-tơ.

"Một thế giới khác sau chiến tranh".

NB: "*Schmoller's Jahrbuch*", xuất bản năm thứ 37. Mác bàn về *thống kê những cuộc phát hành giấy bạc ở Đức và ở nước ngoài*.

? An-bin **Hây-đơ**. "Jahrbuch der Weltgeschichte". Năm 1913 — xuất bản năm thứ 14. Lai-pxích, 1914. ("Karl Prochaska's Illustrierte Jahrbücher".)

[Thực ra đây không phải là một bộ sưu tập tài liệu, không phải là sách tra cứu, mà là những bài tùy bút sinh động viết trong suốt một năm.]

[S. K.] *Hốp-xơn*. "Xuất khẩu tư bản". Luân-đôn, 1914.

[Gi. A. Hốp-xơn]. "Chủ nghĩa đế quốc".

"Cuộc chiến tranh Nam Phi".

*Ban-lốt*. "Những nguyên lý của thống kê". Béc-lanh, 1913.

*I-tsi-kha-ni-an*. "Thành phần dân tộc, etc. của các dân tộc ở Cáp-ca-dơ". 1914 (81 tr.).

*Tây-lo* (xuất bản ở Đức 1914).

*Đi-tơ-rích*. "Tổ chức xí nghiệp".

*Ê-I-y*. "Các công ty độc quyền và tơ-rốt".

*G i ê n - x o*. Đăng trong tạp chí "*Schmoller's Jahrbuch*" hoặc trong một tạp chí kinh tế khác. "Jahrbücher für National-ökonomie und Statistik" của Côn-rát. ((Bộ thứ ba, tập I.))

*Ham-xơ*.

*A-gát*. "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới". 1914.

*Rít-xơ*. "Các ngân hàng lớn". 1906.

*Ma-crô-xti*. "Các tơ-rốt". 1910.

*Sát-oen*. "Anh, Đức và Mỹ". Béc-lanh, 1908.

*I-ây-đen-xơ*. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn với công nghiệp". "Schmoller's Forschungen". Tập 24, Lai-pxích, 1905.

*Sin-đơ*.

*Lê-vy*. "Các công ty độc quyền và tơ-rốt".

*Tsiéc-ski*.

*Líp-man*. "Các-ten và tơ-rốt".

*Phô-ghen-stanh*. "Những hình thức tổ chức tư bản chủ nghĩa".

## SIN-ĐƠ. TẬP 5 CỦA "TÀI LIỆU LƯU TRỮ VỀ KINH TẾ THẾ GIỚI"

Dịch-mung *Sin-đơ*. "Những tiền đề của cuộc chiến tranh thế giới trong nền kinh tế thế giới". "Weltwirtschaftliches Archiv".

Tập 5 (I) (tr. 1 - 22).

Bài lược khảo rất hay (tất nhiên là theo chủ nghĩa thân Đức).

Việc các nước khác chuyển sang thi hành chính sách thuế quan bảo hộ buộc nước *A n h* vào thế kỷ 19 - 20 phải lao vào những kế hoạch quân sự.

*N u r ơ c Á o*. Tham vọng của nó đối với các nước vùng Ban-căng.

Điều đáng chú ý là: ở *X é c - b i - a* (trong thời gian thôn tính Bô-xni-a và Ghéc-xtê-gô-vin-a) những năm 1908/9, đã có những người phát biểu *tán thành* chiến tranh với Áo - Hung vì những lý do sau đây. Nếu chúng ta thắng, chúng ta sẽ giành được những người Xéc-bi-a từ tay Áo - Hung. Nếu chúng ta thua, *Xéc-bi-a sẽ bị nhập vào trong biên giới thuế quan* của Áo - Hung. *Thế cũng tốt*. Chúng ta chẳng mất gì (tr. 11).

Ở *N g a >* "trước tiên" là "lợi lộc về mặt kinh tế riêng của giai cấp thống trị quân sự quan liêu" (12). Ngoại lệ: tham vọng đối với Đác-đa-nen.

Ở *P h á p*, sự bất bình đối với hiệp ước về Ma-rốc — Công-gô ngày 4. XI. 1911.

*Nước Bỉ* chỉ có thể giữ được Công-gô của mình nếu có sự giúp đỡ của Anh; theo hiệp ước ngày

5. II. 1895, Pháp được "quyền ưu tiên mua" ở Công-gô NB  
(tr. 16)

*Nhật-bản có ý đồ thống trị* Trung-quốc.

*Thổ-nhĩ-kỳ*, cho đến năm 1913, là "một khách thể hơn là một chủ thể của nền chính trị thế giới" (19).

*Bồ-đào-nha* phụ thuộc vào Anh.

*Tây-ban-nha* nhận được (hiệp ước với Pháp, ngày 27. XI. 1912) mảnh phía Bắc Ma-rốc (Pháp *chống*, Anh *tán thành*). Tây-ban-nha, trong 16 năm, 1898 - 1914, đã tiến một bước dài.

#### NHỮNG GHI CHÉP TỪ TỜ "LỜI NÓI CỦA CHÚNG TA"

"*Lời nói của chúng ta*" số 11 (10. 11. 1015).

Bài báo của Da-lép-xki "Về vấn đề dân tộc".

*Tán thành* § 9. <sup>4</sup> Ông ta trích dẫn báo "Tia lửa" số 44:

..."Nhưng việc thừa nhận một cách vô điều kiện cuộc đấu tranh giành quyền tự do tự quyết tuyệt nhiên không buộc chúng ta phải ủng hộ bất cứ một yêu cầu nào về quyền tự quyết dân tộc. Đảng dân chủ - xã hội, với tư cách là chính đảng của giai cấp vô sản, coi nhiệm vụ tích cực và chủ yếu của mình là xúc tiến quyền tự quyết của giai cấp vô sản thuộc từng dân tộc, chứ không phải quyền tự quyết của các dân tộc và của các quốc gia<sup>1)</sup>. Số 82 (6. V. 1915). Xã luận: "Chủ nghĩa đế quốc và tư tưởng dân tộc".

(chống Éc-vê. "Tư tưởng dân tộc trần trụi là *phản động*". Thế kỷ XX = thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc; thế kỷ XIX, thế kỷ của chủ nghĩa dân tộc.)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 7, tr. 286.

Số 116 (17. VI. 1915) "C. Cau-xky nói về Plê-kha-nốp"  
và số 117 (18. VI. 15) (trích một tạp chí Bun-ga-ri).  
và số 118 (19. VI. ) số 130 (3. VII. 1915) "Dân tộc và kinh tế" của N. Tơ-rốt-xki + số 135 (9. VII.)  
Số 170 ( 21. VIII. 1915) L. Mác-tốp chống tờ "*Người dân chủ - xã hội*" (về sự thất bại).

172 (24... )

Số 192 (16. IX. 1915) Mác-tư-nốp nói về "*Liên bang châu Âu*".

Số 209 (8. X. 1915) N. Tơ-rốt-xki nói về Xim-méc-van.

#### CHỈ DẪN THƯ MỤC

Ở Thư viện *bang* (Xuy-rích).

NB: *Át-lan-ti-cút*. "Sản xuất và tiêu dùng trong quốc gia xã hội". 1898. **Lời tựa của Cau-xky.**

Hen-ri Đê-ma-rê-xơ *Lô-ít*. "Của cải chống lại phúc lợi công cộng". Niu-Oóc, 1901.

? "*Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich*" (1915).

*Stin-lích*. "Những công trình nghiên cứu kinh tế chính trị học về xí nghiệp lớn". Tập I và II. 1904 và 1906.

"*Bulletin* de l'institut international de statistique" (các tập 1 - 19)

*Clác*. "Phong trào công nhân ở châu Úc". 1906.

*Ăng-đrê Li-ét-xơ*. "Vấn đề xã hội". Pa-ri, 1895.

*Grun-txen*. "Về những các-ten". 1902.

*Bam-gác-tên* và *Mét-xlê-ni*. "Những các-ten". 1906.

*Giu-ra-séch*. "Bình luận về nền kinh tế toàn thế giới".

*Nây-man-Xpan-lác*. "Điểm tình hình". Xuất bản năm 1879/80... 1883/4

*Quanh-ten-xơ*. "Ảnh hưởng của máy nông nghiệp đối với sản xuất và lao động". 1904. (Luận án.)

*Gi. Plen-ghe.* "Từ chính sách chiết khấu đến sự thống trị thị trường tiền tệ". 1913.

*Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ.* "Chủ nghĩa đế quốc Anh". 1906.

? *Ê-mi-lơ Brê-txi-ga.* "Những điềm báo trước cuộc khủng hoảng kinh tế ở Đức". Béc-lanh, 1913 (1.<sub>80</sub> mác)  
lời tiên đoán về cuộc khủng hoảng vào năm 1913/4

Béc-hác *Mê-ren-xơ.* "Sự xuất hiện và sự phát triển của các cơ quan tín dụng lớn của Pháp". 1911.

*Ly-dít.* "Chống tập đoàn đầu sỏ tài chính ở Pháp". 1908.

*Ăng-đrê Li-ét-xơ.* "Dung mạo của các nhà tài chính". 1909.

*Tê-xtít.* "Sự thật về những trước tác của Ly-dít". 1908.

*Ét-mông Tê-ry.* "Tiến bộ kinh tế ở Pháp".

*Pi-ê Bô-đanh.* "Đà phát triển".

*Mô-rít Svốp.* "Trước trận chiến đấu. (Chiến tranh thương mại)". Pa-ri, 1904.

*R. Clau-xơ.* "Các ngân hàng Nga". 1908 ("Schmoller's For-schungen". Quyển 131).

*Tiến sĩ Men-to-rơ Bu-ni-a-chi-an.* "Các cuộc khủng hoảng kinh tế và tư bản hoá quá thừa". Muyn-khen, 1908.

*Ét-mông Tê-ry.* "Châu Âu và nước Mỹ. Thống kê tổng quát" Pa-ri, 1899.

*Ken-ti.* "Sự phân chia châu Phi". 1895.

NB: *Ô. S v á c - t x o r.* "Các hệ thống tài chính của các cường quốc lớn". (Bộ sách của Nhà xuất bản Hơ-sen). 2 tập. Lai-pxích, 1909.

NB | [Những biểu thống kê có ý nghĩa về sự phát triển trong những năm 70 - 1900. NB]

"Những cơ sở của nền kinh tế xã hội". Ti-u-bin-ghen, 1914 và những năm tiếp.

## TỔNG SỐ TƯ BẢN TRONG CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN

"Chúng" đang chi phối những món tiền như thế nào?

"Bank-Archiv", xuất bản năm thứ XIII. 15. VI. 1914

"Tổng kết những hoạt động của các công ty cổ phần của Đức trong những năm 1907/8 - 1911/12"...

1911/2.. số lượng các công ty cổ phần —	4 712
tư bản cổ phần của chúng . . .	14 880 triệu mác
dự trữ thực tế . . . . .	3 515 " "
thu nhập . . . . .	1 470 " "
Số công ty chia lợi tức cổ phần.	3 481 " "
Tổng số lợi tức cổ phần . . . . .	1 220 triệu mác = 8. <sub>39</sub> %

Quy mô tăng tư bản:

từ 1907 đến 1912 (5 năm)

= + 2 766 triệu mác theo giá trị danh nghĩa

+ 3 346 " " tính theo thị giá

!! ||| cao hơn giá trị  
danh nghĩa

+ 579 " " (!!)

## KÊ-XTO-NƠ. "SỰ CƯỜNG BÁCH VÀO TỔ CHỨC"

Tiến sĩ Phri-txơ *Kê-xto-nơ.* "Sự cường bách vào tổ chức".

"Nghiên cứu về cuộc đấu tranh giữa các-ten với những xí nghiệp bên ngoài". Béc-lanh, 1912.

Tác giả nghiên cứu một cách có hệ thống những xung đột giữa những các-ten với "những xí nghiệp bên ngoài" và những xung đột trong nội bộ những các-ten — và các biện pháp "đấu tranh":

1) Tước nguồn nguyên vật liệu...

2) Tước nguồn nhân công bằng cách dùng những liên minh...

3) Tước các phương tiện vận chuyển...

- 4) Trước nơi tiêu thụ...
- 5) Ràng buộc người mua bằng những điều kiện đặc biệt.
- 6) Đánh sứt giá một cách có hệ thống
- 7) Trước nguồn tín dụng...
- 8) Tuyên bố tẩy chay<sup>1)</sup>

[trích từ "Các bản điều tra về các-ten" (5 tập 1903 - 06) v. v.]

*H à n g đ ố n g t h í d ụ.* Những lập luận rất tỉ mỉ về ý nghĩa nhà nước và pháp luật...

"Khi được thành lập năm 1893, "Rai-ni-sơ - Vê-tơ-phê-li-sơ cô-len-xanh-đi-ca" đã nắm được 86,7% số than đá sản xuất ở vùng Ranh - Vê-tơ-pha-li... năm 1910 — 95,4% (tr. 11)...<sup>2)</sup> Tơ-rốt thép của Mỹ năm 1911 đã tập trung 45% sản lượng gang"... (Những thí dụ khác: 98% — 85% — v. v.)

"Đối với một xí nghiệp riêng lẻ, vấn đề gia nhập các-ten là một hành động thực tế do những sự tính toán về mức doanh lợi mà có. Tác dụng nói chung của các các-ten cũng như ý nghĩa của hành động nói trên thường biểu hiện ra chủ yếu là trong các thời kỳ tiêu điều. Những xung đột giữa các-ten và các xí nghiệp bên ngoài phát sinh chủ yếu là do sự hạn chế thị trường tiêu thụ, một kết quả tất yếu của hoạt động của các các-ten, có một ý nghĩa khác nhau đối với các xí nghiệp riêng rẽ. Sự hạn chế thị trường tiêu thụ ấy là nặng nề, nhất là đối với những xí nghiệp có khả năng phát triển, và chính vì vậy mà các xí nghiệp này kịch liệt chống lại sự hạn chế đó" (tr. 25 - 26)...

..."Sự khác nhau giữa hai khái niệm" (các-ten và tơ-rốt) "chính là ở những quan hệ sở hữu: trong các-ten có các chủ sở hữu khác nhau, trong khi đó thì trong tơ-rốt chỉ có một chủ" (tr. 53 và dẫn Líp-man).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 409 - 410.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 405.

"Đã nhiều lần người ta thấy rằng — và điều này có thể coi là một hiện tượng chung, — mức doanh lợi do việc các các-ten hoá đem lại đang thu hút vào các lĩnh vực công nghiệp này những nhà kinh doanh mới và những tư bản mới" (57). Thí dụ, Xanh-đi-ca bồ tạt đã nâng giá. Kết quả:

năm 1879, có 4 xí nghiệp

" 1898, " 13

" 1909, " 52 (tr. 57)

Những điều kiện *tăng* giá đối với các xí nghiệp bên ngoài đôi lúc được diễn đạt như là *sự giảm bớt* mức hạ giá đối với chúng (tr. 73)...

"Bun-khen-đle bi-úc-den-phê-rai-in" đã cấm bán sách cho "những thương nhân bán theo giá hàng kém phẩm chất" (84).

"Việc ngừng cung cấp nguyên liệu cùng với việc ràng buộc người mua bằng những điều kiện đặc biệt, mà phần sau sẽ nói tới, phải được coi là một trong những thủ đoạn quan trọng nhất nhằm cưỡng bức gia nhập các-ten" (91)...

...Tiền thưởng xuất khẩu... (107)

thành lập "các tổ chức phụ thuộc của các thương nhân (109)...

(than đá — dầu hoả...)

Hạ giá... Trong ngành công nghiệp xăng có sự giảm giá từ 40 xuống 20 - 22 mác (118) — giá cồn ở Thượng Xi-lê-di-a giảm xuống còn 49,5 mác (giá ở Brê-xlau — 62,5 mác)...

Từ chối cấp tín dụng: "Phê-ních-xơ" từ chối không gia nhập Liên hiệp các nhà máy thép. Giám đốc hãng này phản đối gia nhập. Các ngân hàng mua hết cổ phần của hãng đó — tước bỏ các tiền thưởng xuất khẩu — và đã đạt được việc sáp nhập tại hội nghị những người có cổ phần!! (tr. 124 - 5).

Hợp đồng với các thành viên của các-ten *trong nội bộ* các-ten... (phạt tiền; toà án trọng tài thay cho toà án thông thường)...

Phương tiện kiểm tra tốt nhất là "Phòng tiêu thụ thống nhất" (153)...

"I-ây-đen-xơ (tr. 87, tác phẩm của ông ta) đã hoàn toàn đúng khi khẳng định rằng việc thành lập một ngân hàng độc lập lớn mới ở Đức là điều không thể thực hiện được" (tr. 168).

"Ngay cả trong lĩnh vực hoạt động thuần túy kinh tế cũng nảy sinh ra một sự chuyển biến nào đó từ hoạt động thương nghiệp, nói theo nghĩa cũ của danh từ đó, sang hoạt động đầu cơ - tổ chức. Kể được hưởng lợi lộc nhiều nhất không phải là nhà buôn nào biết dựa trên kinh nghiệm về kỹ thuật và về buôn bán của mình để xác định một cách chính xác nhất nhu cầu của khách hàng, để tìm ra và có thể nói là "phát hiện" lượng cầu đang ở trong trạng thái tiềm tàng, — mà là tài đầu cơ, biết tính trước hay ít ra cũng biết đánh hơi trước được sự phát triển về tổ chức và khả năng có những liên hệ nhất định giữa các xí nghiệp riêng lẻ với các ngân hàng" (tr. 241) <sup>1)</sup>.

"Những người lãnh đạo các xí nghiệp lớn đều luôn luôn có thể thu nhận những luật gia thông minh nhất và khôn khéo nhất vào làm việc cho họ, và nếu như bản thân họ không sành sỏi lắm trong công việc thuần túy thương mại, thì họ có thể tuyển những thương nhân xuất sắc vào giúp họ. Ai cũng biết rằng hiện có hàng loạt người không có liên quan gì tới xí nghiệp, kể cả tiến sĩ kinh tế chính trị học phụ trách tuyên truyền kinh tế của công ty, đang làm việc trong các văn phòng trung tâm của các xí nghiệp lớn" (tr. 242). !!

"Sự thành lập các các-ten diễn ra từ trước đến nay, thường là dẫn đến sự thay đổi về giá cả, đồng thời cũng dẫn đến sự thay đổi về những thu nhập *có lợi*

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 410.

NB *cho công nghiệp nguyên liệu* hay công nghiệp nặng và có hại cho nền công nghiệp chế biến. Giá cả tiếp tục tăng lên trong một thời gian dài do việc thành lập các các-ten gây nên, hiện tượng đó từ trước đến nay chỉ thấy xảy ra đối với những tư liệu sản xuất quan trọng nhất, nhất là than đá, sắt, bô-tát, và ngược lại chưa bao giờ thấy xảy ra đối với các thành phẩm. Vì vậy việc tăng tiền lãi do tình hình đó gây nên, cũng chỉ giới hạn trong ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất mà thôi. Phải nói thêm vào nhận xét đó rằng nhờ việc thành lập các các-ten, công nghiệp chế biến nguyên liệu (chứ không phải chế biến nửa thành phẩm) chẳng những đã thu được những món lời dưới hình thức lợi nhuận cao, làm tổn hại đến ngành công nghiệp tiếp tục chế biến những nửa thành phẩm, — mà đối với ngành công nghiệp này nó còn đạt một quan hệ thống trị nhất định, chưa hề có trong thời kỳ cạnh tranh tự do" (tr. 254)<sup>1)</sup>.

Những các-ten — ông ta nói — không phải lúc nào cũng dẫn đến sự tích tụ (chúng có thể "cứu" các xí nghiệp nhỏ gia nhập các-ten), nhưng chúng luôn luôn dẫn đến "sự tăng cường tư bản" (274)... đến sự tăng cường vai trò của các xí nghiệp giàu, mạnh về tư bản (272 và 274).

Về vấn đề ý nghĩa của các các-ten, chúng ta không nên quên sự khác nhau giữa tổ chức, chẳng hạn như tổ chức của những người tiêu thụ (đó là chủ nghĩa xã hội, tr. 282) hay của công nghiệp chế tạo những thành phẩm với tổ chức của ngành công nghiệp nguyên liệu:

"Nhìn bề ngoài thì trên một mức độ nhất định tình trạng hiện nay, tức là sự phụ thuộc của nhiều bộ môn công nghiệp

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 411.



quan trọng hơn vào ngành sản xuất nguyên liệu, là giống với nó" (với liên hiệp những người tiêu thụ v. v.) "nhưng bên trong thì lại hoàn toàn trái ngược với nó" (tr. 282). ((Ông Líp-man — tác giả viết — luôn luôn quên mất sự khác nhau ấy — *lời ghi chú*, tr. 282.))

"Người ta đang tranh cãi với nhau xem những các-ten có mang lại một sự cải thiện cho tình cảnh của công nhân — như một số người vẫn khẳng định và một số khác lại phủ nhận, — hay không, xem những các-ten có thể hiện cái nguyên tắc dân chủ và hợp tác hay không" ((Tsiéc-ski!! Tác giả chống lại ông ta: *lời ghi chú*, tr. 285)) "hoặc là chính đối với nước Đức, chúng lại chứng minh một lập trường phản dân chủ — do chỗ trọng tâm di chuyển về phía nền công nghiệp nặng — thù địch với các liên hiệp nghiệp đoàn?" (285)...

### "BÁO CÔNG NHÂN" Ở VIÊN BÀN VỀ CÁC NGÂN HÀNG CỦA VIÊN

Báo "*Arbeiter-Zeitung*" ở Viên. 1916 (11. IV. 1916), số 101.

Các con số về những ngân hàng (8 ngân hàng lớn: "Crê-đi-tan-stan-tơ"; "U-ni-ôn-ban-cơ"; "Phéc-kê-xơ-ban-cơ"; "Ét-xcôn-tơ-ghê-den-sáp-phtơ"; "Ban-cơ-phê-rai-in"; "Bô-đen-crê-đi-tan-stan-tơ"; "Méc-cu-rơ" + "An-ghê-mai-nơ đê-pô-di-ten-ban-cơ").

Tư bản — 657,4 triệu cua-ron

Dự trữ — 383,2 " "

1 040,6

Tiền của những người

ngoài 4 833,8 " "

Lợi nhuận ròng 81,4 " "

So với năm 1914, đầu

tư tăng 1 067,9

### "NIÊN GIÁM CỦA VIỆN HÀN LÂM MỸ"

"*The Annals of the American Academy of Political & Social Science*". Tập LVII - LIX (1915)

Cần xem  
lại lần nữa

(gồm nhiều cuốn sách nhỏ riêng biệt + thư mục, etc. tập LIX (1915. *Tháng Năm*): "*Những khả năng của công nghiệp Mỹ*". Sưu tập các bài báo).

Tổng số tiền lương ở *nước Mỹ*<sup>5</sup>

1/10 — 1 000 đô-la và > (tr. 115)

2/10 — 750 — 1 000 đô-la

7/10 — < 750 "

Trong đó có bài báo của *Uy-li-am X. Cai-xơ*. "Các chi nhánh ngân hàng và ngoại thương của chúng ta" (tr. 301).

"40 ngân hàng Anh hoạt động ở nước ngoài có 1 325 chi nhánh; ở Nam Mỹ, 5 ngân hàng Đức có 40 chi nhánh, và 5 ngân hàng Anh có 70 chi nhánh... Trong vòng 25 năm gần đây, Anh và Đức đầu tư vào Ác-hen-ti-na, Bra-xin và U-ru-goay chừng 4 000 triệu đô-la, thành ra họ nắm 46% toàn bộ nền thương mại của ba nước đó"<sup>1)</sup>.

((và tiếp đó ông ta viết về tham vọng và ý đồ của Niu-Oóc muốn chiếm đoạt vị trí béo bở ấy...))

NB

Một sự phân tích đặc biệt về vấn đề "khả năng" của nước Mỹ trong việc tăng buôn bán etc. với *Nam Mỹ* khi có chiến tranh.

200 tỷ || tr. 331 (trong một bài báo khác)... "Ngài Gioóc-phrăng || giờ Pây-sơ, trong phần điểm tình hình hàng

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 461 - 462.

năm gần đây của tạp chí "The Statist", đã ước tính tổng số tư bản mà các dân tộc chủ tín dụng thế giới là năm nước Anh, Đức, Pháp, Bỉ và Hà-lan đã đầu tư vào những nước chậm phát triển là hơn 40 tỷ đô-la"...<sup>1)</sup>

40 tỷ  
đô-la  
= 160 tỷ  
mác

xem tr. 2  
ở đây <sup>2)</sup>

Trong một bài báo khác về: "Những thị trường Nam Mỹ": "Một yếu tố cơ bản khác — một yếu tố quan trọng nhất trong tất cả các yếu tố để phát triển buôn bán với Nam Mỹ - là việc nước Mỹ đầu tư vào tín dụng, vào xây dựng và vào những xí nghiệp tương tự. Một nước mà tư bản được xuất khẩu vào bất kỳ một nước Nam Mỹ nào đó, sẽ nhận được một số lượng lớn nhất về đơn đặt mua nguyên vật liệu sử dụng vào xây dựng, vào việc làm đường sắt v. v., cũng như những đơn đặt mua hàng để thực hiện những công trình công cộng do các chính phủ tiến hành. Điều này đã được chứng minh một cách hùng hồn bằng việc đầu tư của Anh vào các đường sắt, ngân hàng và tín dụng ở Ác-hen-ti-na" (314)...

NB

110 công ty có: tư bản = 7.3 tỷ đô-la, số cổ đông = 626 984.

Cũng thế đối với năm 1910, "Chứng khoán có giá và sổ giao dịch chứng khoán". Tổng số chứng khoán có giá của Mỹ = 34.5 tỷ đô-la (nếu loại bỏ những khoản tính trùng lặp thì ước tính) = 24.4 tỷ đô-la, trong khi đó thì toàn bộ của cải = 107.1 tỷ đô-la.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 461 - 462.

<sup>2)</sup> Xem tập này, tr. 51 - 52.

## CHỈ DẪN THƯ MỤC

Trong mục lục của *Lô-da-nơ* (Thư viện bang Lô-da-nơ). Tiếp theo, năm 1902.

*Đê-sa-nen*. "Nhân dân và giai cấp tư sản". Pa-ri, 1881.

*Gô-đin*. "Nước cộng hoà của lao động và cải cách nghị viện". Pa-ri, 1889.

*L. L a n - l o - m ă n g*. "*Cách mạng và dân nghèo*". Pa-ri, 1898.

*S. R o - n ô*. "*Lịch sử các cuộc bãi công*". Pa-ri, 1887.

*Ô-giê-ni Xcai-lơ*. "Nền ngoại giao Mỹ". Niu-Oóc, 1886.

*Giô-ô-ri*. "Lược khảo về các thuộc địa của Hà-lan". Li-e-giơ, 1883.

*T. Rốt-giơ*. "Lịch sử giá cả". 6 tập.

*Môn-hôn*. "Lịch sử giá cả từ năm 1850". Luân-đôn, 1885.  
"Chiến tranh chống lại chiến tranh". (Sưu tập.)

*I - n a - g a - k i*. "*Nhật-bản và Thái-bình-dương*". 1890.

*Xvíp-tơ*. "Chủ nghĩa đế quốc và tự do". Lốt An-giơ-lét, 1899.

*Vi-an-la-tơ*. "Sinh hoạt chính trị của Thế giới cũ và Thế giới mới". Năm VII (1912/3) và những năm trước.

*Pôn Phây-en*. "Lịch sử chính trị của thế kỷ 19". Pa-ri, 1914.  
2 tập.

*Ca-min Van-lô*. "Ruộng đất và nhà nước. (Địa lý xã hội)". Pa-ri, 1911.

*Lơ-các-păng-chi-ê*. "Thương nghiệp quốc tế". Pa-ri, 1908.

" "Thương nghiệp đường biển và đội tàu buôn".  
Pa-ri, 1910.

*Mác-ten Xanh - Lê-ông*. "*Các-ten và tơ-rốt*". Pa-ri, 1909.

*Si-dơ-hôn-mơ*. "Chỉ nam về địa lý thương mại". Luân-đôn, 1911.

*Ê-kéc*. "Khái luận về địa lý thương mại". 2 tập. Lai-pxích, 1905.

Rai-khlen. "Sự cạnh tranh Pháp - Đức tại Thụy-sĩ". 1908  
[chắc hẳn là phải có cả ở Béc-nơ?].

- Ra-pha-lô-vích*. "Thị trường tiền tệ". 1911/2 ((năm thứ 21)).
- Van đơ Lô-vơ*. "Nguyện vọng về một nền hoà bình ở khắp mọi nơi". 1916. Rốt-téc-đam, 1915.
- Ủy ban. "**B ệ n h ã c h h ạ c h ở Á n - đ ộ** (1899 - 1900)". Tập 4 và 5. Kết luận.
- A-vê-nen*. "Nông dân và công nhân trong thời gian 700 năm gần đây". Pa-ri, 1907.
- A-vê-nen*. "Những kẻ giàu có trong thời gian 700 năm gần đây". Pa-ri, 1909.
- Pha-brơ*. "Sự cạnh tranh của châu Á" (và công nhân châu Âu). Pa-ri, Nim, 1896.
- Lan-gơ-hác*. "Phong trào vô chính phủ chủ nghĩa ở Thụy-sĩ". Béc-lanh, 1903.

---

Trong số những xuất bản phẩm **mới nhất**:

- É c - g ă n g*. "Người công nhân bị máy móc loại trừ". "**T e c h n i k u n d W i r t s c h a f t**". Xuất bản năm thứ 4, quyển 10.
- Cam-mê-rơ*. "Những con đường phát triển kỹ thuật". **I b i d e m**. Xuất bản năm thứ 3. + "Schriften des Vereins für So-zialpolitik". Tập 132.
- Grun-txen*. "Thắng lợi của chủ nghĩa công nghiệp". 1911.
- Ra-tê-nau*: xem tr. 32<sup>1)</sup>.
- Éc-găng*. "Nghiên cứu vấn đề máy móc trong học thuyết về nền kinh tế quốc dân". 1911.
- Man-stét*. "Việc sử dụng máy móc theo kiểu tư bản chủ nghĩa". 1905.
- A. R í t - I ơ*. "Về ý nghĩa lịch sử của kỹ thuật và về ý nghĩa tương lai của nó". Béc-lanh, 1910.
- Ê-khen-hôi-dơ*. "Công tác kỹ thuật trước kia và ngày nay". Béc-lanh, 1906.

---

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 56.

- Ê. Rây-e*. "Động lực. Nghiên cứu về mặt kinh tế, kỹ thuật etc., sự phát triển sức mạnh của các quốc gia". Lai-pxích, 1908.
- Nây-hau-xơ*. "Những tiền đề kỹ thuật của nền sản xuất đại quy mô". "**T e c h n i k u n d W i r t s c h a f t**". 1910 (xuất bản năm thứ 3).
- M. Gra*. "Về chủ nghĩa cơ giới". Pa-ri, 1911.
- Van Mi-tơ*. "Kỹ thuật ở thế kỷ 20". 1911/12.
- Ph. Ma-ta-rê*. "Phương tiện lao động: máy móc etc". 1913.
- Lơ-vát-xơ*. "Lao động chân tay so với lao động bằng máy móc". 1900.

#### STIN-LÍCH. "TIỀN TỆ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG"

Tiến sĩ **Ô-xca Stin-lích** "Tiền tệ và hoạt động ngân hàng". Béc-lanh, 1907.

Một cuốn sách xoàng **quá ư phổ thông**.

một tên gốc theo chủ nghĩa Pru- đông, một tên chủ ngân hàng chống lại tiền		tr. 95. Chủ ngân hàng <i>Giuy-li-út Húc-kê</i> . "Vấn đề tiền và vấn đề xã hội" (xuất bản lần thứ 5). 1903.
--	--	---

tr. 143: "Không có một hoạt động ngân hàng nào có thể đem lại *những lợi nhuận cao* như việc phát hành chứng khoán <sup>1)</sup>. Tiền lời sai số thu được khi phát hành chứng khoán là cao hơn hết... Theo số liệu của "Der Deutsche Oekonomist" thì tiền lời sai số thu được khi phát hành các cổ phần công nghiệp — người ta đang cố tìm cách đem những chi phí phát hành, cũng như ước vọng có được một tỷ suất lợi nhuận cao hơn để biện bạch cho thứ tiền lời sai

---

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 447.

số này, nhưng về căn bản, đây là một lợi nhuận vô lý về mặt kinh tế — tăng hàng năm trung bình là:

NB	1895 — 38.6%	NB	idem đầy đủ hơn thì xem Dôm-bác-tơ. "Kinh tế quốc dân Đức trong thế kỷ 19" ( <i>xuất bản lần thứ 2</i> , 1909), tr. 526, phụ lục 8
	1896 — 36.1		
	1897 — 66.7		
	1898 — 67.7		
	1899 — 66.9		
	1900 — 55.2%		

Trong 10 năm, từ 1891 đến 1900, việc phát hành chỉ riêng những chứng khoán công nghiệp ở Đức cũng đã làm cho người ta "kiếm được" hơn một tỷ<sup>1)</sup>.

tr. 138: "*Điều chỉnh*"... "Những cổ phần được hỗn hợp với nhau và giá trị danh nghĩa của chúng giảm xuống. Một ví dụ điển hình về sự giảm giá của tư bản cổ phần như vậy là "Đuốc-tmun-đe U-ni-ôn" do "Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phto" thành lập. Tôi đã nghiên cứu tỉ mỉ lịch sử tài chính của đứa con bất hạnh của ngân hàng đó trong tập một của bộ sách "Những công trình nghiên cứu kinh tế chính trị học về xí nghiệp lớn" của tôi (Lai-pxích, 1904), Trong 30 năm, do một loạt hành động giảm giá trị các cổ phần, nên hơn 73 triệu mác đã biến khỏi sổ sách của công ty ấy. Hiện giờ, những cổ đông đầu tiên của công ty đó chỉ còn nắm có 5% giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu của họ" !! (138)<sup>2)</sup>.

*Tài khoản vãng lai* là phương tiện tác động vào nền công nghiệp.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 447.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 449.

"Chẳng hạn như bức thư sau đây mà ngày 19. XI. 1901 "*Đrê-do-đne ban-co*" đã gửi cho ban giám đốc Xanh-đi-ca xi-măng Bắc - Tây - Trung Đức, và được sao lại trong tờ "Kuxenzeitung" đã nêu rõ ảnh hưởng to lớn đến mức nào của những ngân hàng đến quan hệ của chúng về mặt tài khoản vãng lai đầu tư. Bức thư viết như sau: "Theo thông báo mà các ngài đăng ngày 18 tháng này; trong tờ "Reichsanzeiger", thì thấy rõ ràng chúng tôi sẽ phải tính đến khả năng là kỳ hội nghị chung sắp tới của xanh-đi-ca các ngài, định họp vào ngày 30 tháng này, sẽ có những quyết định có thể dẫn đến những thay đổi trong doanh nghiệp của các ngài, không thích hợp với chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi rất lấy làm tiếc rằng chúng tôi buộc lòng sẽ phải thôi không cấp cho các ngài khoản tín dụng mà trước kia vẫn cấp cho các ngài. Do đó chúng tôi đề nghị các ngài đình chỉ việc yêu cầu ngân hàng chúng tôi cấp tiền và đồng thời chúng tôi hết sức kính cẩn đề nghị là chậm nhất là vào cuối tháng này, các ngài hoàn lại cho chúng tôi số tiền mà các ngài còn nợ chúng tôi. Nhưng nếu hội nghị nói trên không thông qua những quyết định không thích hợp với chúng tôi và nếu trong tương lai chúng tôi có được những đảm bảo thích đáng về mặt này, thì chúng tôi tuyên bố sẵn sàng thương lượng với các ngài để mở một khoản tín dụng mới"<sup>(1)</sup> (146 - 147)

... Trong các ngân hàng lớn của chúng ta, một số khá đông nhân viên chỉ làm mỗi một

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 434.

việc là ngày này qua ngày khác, tính toán tiền ||  
 lời về các tài khoản vãng lai đầu tư. Dần dà họ ||  
 đã đạt được một nghệ thuật cao siêu trong công ||  
 việc ấy... Họ là những bằng chứng nói lên cái ||  
 cách mà tư bản xoá bỏ nhân cách và biến mỗi ||  
 người thành cái máy" (148)...

!!  
 một thí  
 dụ hay

"*Mối ngân hàng là một sở giao*  
*dịch chứng khoán*"; ngân hàng càng lớn ||  
 bao nhiêu và sự tập trung trong hoạt động ngân ||  
 hàng càng có nhiều tiến bộ bao nhiêu, thì câu ||  
 danh ngôn hiện đại đó càng đúng sự thật bấy ||  
 nhiêu" (169)<sup>1)</sup>.

NB

"Bằng các chi nhánh của mình, anh em *Pé-*  
*rây-rơ*" (những người sáng lập ra "Crê-di Mô-  
 bi-li-ê") "muốn... ràng buộc, về mặt tài chính,  
 các dân tộc khác nhau và do đó, góp phần vào  
 sự nghiệp hoà bình chung" (180)...

ha ha!!  
 (xem C.  
 Cau-xky)

"Các lĩnh vực hoạt động" "đối với tư bản ngân hàng"  
 những năm 70 — *đường sắt* Đức (đã bị quốc hữu hoá vào  
 cuối những năm 70)  
 những năm 80 — công nghiệp *nặng* Ranh - Ve-xơ-pha-li  
 những năm 90 — công nghiệp *điện* (và công nghiệp chế tạo  
 máy móc).

"Năm 1906, 4 ngân hàng Đ. ở Béc-lanh ||  
 ("Đoi-sơ ban-cơ", "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtơ", ||  
 "Đrê-dơ-đne ban-cơ", "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ") ||  
 đã ký kết một bản hiệp nghị cam kết với nhau ||  
 là không tuyển nhân viên còn đang làm việc ||  
 ở một trong bốn ngân hàng đó và chưa được ||  
 phép rời bỏ chức vụ!" (203). Sự phản đối ||  
 của nhân viên đã làm cho hiệp nghị đó "thay

thái độ  
 đối với  
 nhân viên

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ,  
 Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 426.

đổi (??) nhiều" (??) ((thay đổi ở chỗ nào?  
 thay đổi như thế nào????))

Hết

NB: *H. Vi-thốc-xơ*. "Tiền và tín dụng ở Anh". 1911.

*Phi-líp-pô-vích*

*Dôm-bác-tơ*

"*Những cơ sở của nền kinh tế xã hội*" (Buy-khơ, Sun-  
 tê - Ghê-véc-ni-txơ v. v. và v. v.).

LÍP-MAN. "CÁC-TEN VÀ TỜ-RỐT"

**Giáo sư tiến sĩ R. Líp-man.** "Các-ten và tờ-rốt và sự phát triển  
 hơn nữa của các tổ chức kinh tế quốc dân". Xuất bản lần  
 thứ 2. Stút-ga, 1910. Tủ sách luật học và nhà nước học.

Một cuốn sách nhỏ phổ thông,  
 cung cấp một khái luận tốt về chủ  
 đề. Quan điểm là quan điểm của  
 một kẻ biện hộ tư sản, đần độn,  
 đặc ý, tự mãn.

Những sự việc được chọn lọc không tồi lắm, tất nhiên là  
 được chọn lọc theo hướng có tính chất biện hộ.

NB: *tr. 161:*

"Ở Đức, có rất nhiều cuộc hợp nhất  
 không (???) mang tính chất độc quyền... ..Một  
 thí dụ điển hình — không cần phải kể ra vô số  
 những thí dụ thuộc quá khứ xa xưa — là nền  
 công nghiệp thuốc nổ. Ngay từ những năm 70,  
 19 nhà sản xuất thuốc nổ đã thống nhất  
 lại bằng con đường hợp nhất thành độc một  
 công ty cổ phần. Đến lượt mình, năm 1890,

công ty này lại hợp nhất với kẻ cạnh tranh lớn nhất của nó thành một công ty cổ phần: "Phê-rai-ních-tơ Cô-lô-nhơ - Rốt-vai-lơ pun-véc-pha-bri-ken". Sau đó, công ty cổ phần lớn này đã lập nên những các-ten không những với các nhà máy thuốc nổ khác, mà còn với tơ-rốt các nhà máy thuốc đi-na-mít đã được nói đến. Và thế là đã hình thành một liên minh chặt chẽ hoàn toàn hiện đại giữa tất cả các xưởng thuốc nổ Đức, các xưởng này, sau đó cùng với các xưởng chế tạo đi-na-mít của Pháp và Mỹ cũng được tổ chức theo cách tương tự, đã chia nhau có thể nói là toàn bộ thế giới" (tr. 161)<sup>1)</sup>

phân  
chia  
thế giới

Số các-ten công nghiệp ở Đức — (1905) là 385 (trên thực tế, có nhiều hơn: tr. 25)<sup>2)</sup>.

NB |||| Rít-xơ (tr. 137), khi dẫn chứng thống kê này, có bổ sung thêm: "*k h o ả n g 1 2 0 0 0* xí nghiệp tham gia "trực tiếp" những các-ten này". *R í t - x ơ*. "Những ngân hàng lớn của Đức và sự tích tụ của chúng". Xuất bản lần thứ 3. I-ê-na, 1910.

Số lượng các-ten quốc tế (có sự tham gia của Đức) là *g ầ n 1 0 0* (tr. 30: năm 1897 có gần 40)<sup>3)</sup>.

#### *Công nghiệp bỏ tạt.*

Các-ten đầu tiên	1897: 4 xí nghiệp
Giá cả tăng lên	1898: 10 xí nghiệp

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 471.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 405.

<sup>3)</sup> Như trên, tr. 471.

"Cơn sốt bỏ tạt"	1901 — 21 xí nghiệp
	1909 — 52

("Một số đã bị phá sản").

*Tơ-rốt thép* ở Mỹ (năm 1908: 165 211 công nhân) 1907 — 210 180 công nhân (161 triệu đô-la tiền lương), 170 triệu đô-la lợi nhuận ròng, 1 100 triệu đô-la tư bản (tr. 124).

Xí nghiệp lớn nhất của nền công nghiệp mỏ của Đức "Ghendden-kiéc-khơ-ne béc-véc-xơ-ghê-den-sáp-phơ" — 1908 — có 1 705 nhân viên + 44 343 công nhân (70,5 triệu mác tiền lương).

(tr. 135). Năm 1902 (17. VI. 1902), *Svốp* đã thành lập "*Síp-bin-đinh côm-pa-ni*", tư bản 70,9 triệu đô-la, trong đó có 20 triệu của Svốp. Sau đó, công ty này *p h á s ả n*, thế là công chúng bị cướp trắng!

(173 và những trang khác) "Ken vào nhau", "tham gia" (passim), "xoá bỏ sự cô lập" (tr. 155) — đây là những "*t ừ n g ữ*" mà Líp-man dùng để tránh (và để làm tối nghĩa) khái niệm "xã hội hoá" của Mác<sup>6)</sup>.

((Hết phần trích Líp-man))

#### TRÍCH TỪ "NHỮNG CƠ SỞ CỦA NỀN KINH TẾ XÃ HỘI"

"**Những cơ sở của nền kinh tế xã hội**", của *X. An-tơ-man... C. Buy-khơ và nhiều người khác*.

Mục V, phần II: "*Ngân hàng*" (Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ và Giáp-phê). Ti-u-bin-ghen, 1915.

I. Sun-txê - *Ghê-véc-ni-txơ*. "Ngân hàng tín dụng ở Đức" (1 - 190)

II. Ết-ga *Giáp-phê*. "Những ngân hàng Anh - Mỹ và Pháp" (191 - 231).

(Tựa như một cuốn sách giáo khoa, qua các §§ người ta cảm thấy đây chủ yếu là những lời ba hoa và "phân loại học".)

Cũng có những điều *bổ ích*. Từ *đầu* đến *cuoối* sặc mùi "*chủ nghĩa đế quốc*".

tr. 53: năm 1914, 8 ngân hàng lớn của Béc-lanh có

tư bản cổ phần —	1 245 triệu mác
trong đó "Đoi-sơ ban-cơ"	250
"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ"	300
"Đrê-dơ-đne ban-cơ"	200
dự trữ .....	432
	<u>1 677</u>
tiền của những người ngoài .....	5 328
("tổng tư bản") .....	7 005

tr. 140: Loại nghề nghiệp: "Buôn tiền và tín dụng".

	<u>1882</u>	<u>1907</u>
Số cơ sở .....	5 879	13 971
số nhân viên .....	21 633	66 275
(trong đó phụ nữ gồm) .....	244	3 089
năm 1907 có 3 cơ sở với > 1 000 nhân viên		
"Đoi-sơ ban-cơ" năm 1912 có 6 137 "		
"Đrê-dơ-đne ban-cơ" " " 4 638 "		

xem tr. 11: năm 1907, ở Đức, có 14 000 "cơ sở ngân hàng", trong đó có 4 000 cơ sở phụ...

tr. 145: ... "Những ngân hàng lớn đã trở thành một phương tiện cực kỳ quan trọng để thống nhất đế quốc Đức về mặt kinh tế"...

"mười, mười hai người" |||| "Nếu rốt cuộc, việc lãnh đạo các ngân hàng Đức lại được phó thác cho mười, mười hai người, thì đối với phúc lợi quốc dân, hoạt động của những người đó ngay từ bây giờ đã quan trọng hơn là hoạt động của đa số các vị bộ trưởng" (145 - 146)<sup>1)</sup>.

ha ha!! |||| "Nhưng, nếu quả thật như vậy thì lợi ích của sự tồn tại dân tộc của chúng ta đòi hỏi phải hình thành một điển hình tinh thần mới về một lãnh chúa ngân hàng mà nguyện vọng trùu tượng" (ha ha!) "nhằm thu được lợi nhuận, được thắm nhuần bởi những suy tính về chính sách dân tộc và do đó bởi những suy tính về kinh tế *quốc dân*..."

Xanh - Xi-mông |||| Nếu xét đến cùng sự phát triển của những xu hướng ta đã thấy thì kết quả là: tư bản tiền tệ trong nước tập trung vào các ngân hàng; các ngân hàng lại gắn bó với nhau thành một các-ten; tư bản cần được đầu tư của cả nước được mang hình thức những chứng khoán. Lúc đó những lời thiên tài của *Xanh - Xi-mông* sẽ thực hiện: "Tình trạng vô chính phủ hiện nay trong sản xuất — tình trạng này phù hợp với tình hình những quan hệ kinh tế phát triển không có sự điều tiết thống nhất — phải nhường chỗ cho sự tổ chức trong sản xuất. Sản xuất sẽ không còn chịu sự chỉ huy của các nhà kinh doanh biệt lập, độc lập đối với với nhau và không hề biết đến những nhu cầu kinh tế

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 540.

của mọi người, mà việc chỉ huy đó sẽ do một cơ quan xã hội nhất định nắm lấy. Ban quản lý trung ương, có điều kiện quan sát một khu vực kinh tế xã hội rộng lớn từ trên một giác độ cao hơn, sẽ điều tiết nền kinh tế này một cách có lợi cho toàn thể xã hội, sẽ giao tư liệu sản xuất vào tay những người xứng đáng, và đặc biệt sẽ quan tâm làm cho sản xuất và tiêu dùng luôn nhịp nhàng với nhau. Hiện đã có những tổ chức coi một trong những nhiệm vụ của mình là việc tổ chức, trên một mức độ nào đó, lao động sản xuất: đó là các *ngân hàng*". Còn lâu chúng ta mới được thực hiện được những lời này của Xanh - Xi-mông, nhưng chúng ta hiện đã ở trên con đường tiến tới thực hiện những lời ấy: đó là chủ nghĩa Mác, một chủ nghĩa Mác khác với thứ chủ nghĩa Mác mà Mác đã hình dung, nhưng chỉ khác về hình thức thôi!" (146)<sup>1</sup>.

"Cố nhiên là những cuộc đầu tư như những cuộc đầu tư của Anh, chẳng hạn vào kênh đào Xuy-ê, dựa trên cơ sở thế lực chính trị của mình — các cổ phần được mua năm 1876 với giá là 4 triệu li-vơ xtéc-ling và hiện nay giá là 30 triệu li-vơ — cho đến nay vẫn là điều mà nước Đức chưa với tới được"... (159 - 160).

thế mà  
cũng gọi  
là chủ  
nghĩa  
Mác!!!

một ví dụ  
hay!  
(thèm khát)  
4 và 30

tr. 164 trích *I. I. Lê-vin*. "Tư bản Đức ở Nga". Xanh Pê-téc-bua, 1914.

"Trong nền kinh tế quốc dân, chức năng của các ngân hàng là *quản lý tài sản quốc*" NB

<sup>1</sup>) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 540 - 541.

*d ân*, điều đã được thảo luận nhiều lần" (dẫn theo bài báo của Lan-xbuc trong tạp chí "Die Bank", 1908). "Hiện nay, tín dụng được áp dụng càng nhiều thì phần của tổng tư bản đổ vào nhà kinh doanh được ngân hàng tuyển chọn lại càng lớn. Hiện nay, các ngân hàng đang khai những con kênh để thu hút không những tiền tiết kiệm hàng năm mà cả những số tư bản tích lũy từ trước (và được đổi mới thường xuyên). Trước hết, ta hãy nhớ đến sự tăng lên ghê gớm của số "tiền của những người ngoài". Đến cuối năm 1891, tại các ngân hàng cổ phần ở Đức số tiền này lên tới 1 280 triệu mác; cuối năm 1906 — tới 6 305 triệu mác; hiện nay số tiền này được ước tính là khoảng 10 tỷ.

Cuối năm 1913, chỉ riêng 9 ngân hàng lớn ở Béc-ling đã nắm giữ tới 5.1 tỷ mác<sup>1</sup>). Nhưng đồng thời các ngân hàng còn là những con kênh lưu thông cho những tư bản đang hoạt động lớn hơn nhiều trong giao dịch chứng khoán. — Và như vậy thì ngay cả khi có thiện chí đi nữa, các ngân hàng vẫn có thể *nhầm lẫn*, chúng có thể đưa hàng tỷ vào một con đường sai và trong những điều kiện nhất định, có thể thua lỗ. Hiện nay, một số ngân hàng lớn có khả năng quyết định, ở mức độ này hay mức độ khác, hướng phát triển kinh tế của chúng ta. Và như vậy, trách nhiệm của chúng chuyển

<sup>1</sup>) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 417.



từ trách nhiệm về nền kinh tế tư nhân (đối với những cổ đông) thành trách nhiệm về nền kinh tế quốc dân (đối với nhà nước nói chung). Trên thực tế, chúng đã hướng những tư bản vào thương nghiệp và công nghiệp, trước hết là vào những xí nghiệp khổng lồ của công nghiệp nặng, và đồng thời vào những bất động sản ruộng đất — trước kia là vào các đất đai của quý tộc và ngày nay là vào các ngôi nhà cho thuê ở các thành phố lớn. Do đó mà ta thấy sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp sắt thép ở Đức, nó chỉ thua có Mỹ thôi, và của các thành phố lớn ở Đức, những thành phố này đang đuổi kịp ngay cả các thành phố Mỹ là kiểu mẫu của nó" (tr. 12)...

NB

tr. 27: "Cuối năm 1908, tiền của những người ngoài (tiền của những người cho vay và những số tiền gửi): trong các ngân hàng tín dụng là  $8\frac{1}{4}$  tỷ mác, trong các quỹ tiết kiệm là 15 tỷ mác, ở các hội tín dụng là 3 tỷ mác.  $\Sigma = 26\frac{1}{4}$  tỷ mác.

NB

"Những chi điểm ngân hàng tư nhân" tăng lên về mặt số lượng (1892: 2 180; 1902: 2 564; 1912 có tới 3 500) và mất dần tác dụng" (tr. 16).

NB

Khắp nơi (passim), mọi chỗ, cái giọng lưỡi của Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ đều là giọng lưỡi của chủ nghĩa đế quốc Đức đặc ý, của một con lợn đực thẳng!!!!

nói lên đặc điểm của khủng hoảng!!	tr. 35: 1870 — 31 ngân hàng có 376 triệu mác tư bản
	1872 — 139 " " 1 112 " " "
	(1873)— 73 432 bị mất đi do khủng hoảng

Ký chuyển hối phiếu và kim ngạch thanh toán của Ngân hàng quốc gia (tỷ mác)

NB	$\frac{1891}{98.7}$	$\frac{1901}{196.6}$	$\frac{1913}{452.8}$
	trong số đó kim ngạch toán bằng tiền mặt là		
	24.3 (= 24.7%) 29.7 (= 15.1%) 43.4 (= 9.6%)		

..."Năm 1909, Ngân hàng Pháp đã chiết khấu 7.5 triệu hối phiếu, mỗi cái chưa đến 100 phrăng, trong khi đó thì Ngân hàng quốc gia Đức chỉ chiết khấu 700 000 hối phiếu, mỗi cái dưới 100 mác" (tr. 54).

"Dân chủ hoá" ngân hàng!!<sup>7</sup> Hãy so sánh những cổ phần một li-vơ xtéc-ling ở nước Anh và 1 000 mác minimum ở Đức (tr. 111)<sup>1</sup>. Một hối phiếu được chiết khấu ở Đức thì tính trung bình là = 2 0 6 6 mác (Ngân hàng quốc gia); ở Pháp là 6 8 3 phrăng ("Ban-cơ đơ Phrăng-xơ").

NB	"Gi. phon Xi-mên-xơ ngày 7 tháng Sáu 1900 đã tuyên bố trước Quốc hội Đức rằng cổ phiếu giá trị một li-vơ xtéc-ling là cơ sở của chủ nghĩa đế quốc Anh" (tr. 110). <sup>2</sup>
----	--

<sup>1</sup>) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 439 - 440.

<sup>2</sup>) Như trên, tr. 440.

"Nhà nước công nghiệp Anh dựa vào tín dụng ít hơn là nhà nước Đức, và dựa vào tư bản riêng của mình nhiều hơn" (55).

"Hiện nay, nước Anh, với tư cách là nước trung gian thanh toán quốc tế, dường như vẫn thu được gần 80 triệu mác một năm dưới dạng hoa hồng về việc nhận thanh toán. Như người ta khẳng định, hàng năm 6 tỷ mác được trả, thông qua nước Anh làm trung gian, cho việc buôn bán của châu Âu với bên kia đại dương" (83).

tr. 100: § với đầu đề: "Sự thống trị của các ngân hàng đối với sở giao dịch?" — điều đó tưởng như là cường điệu, song "ảnh hưởng của chúng (ngân hàng) là rộng lớn"...

"Nếu trước kia, trong những năm 70, sở giao dịch, với những điều thái quá trong buổi thiếu thời của nó, đã mở đầu thời đại công nghiệp hoá nước Đức nhờ lợi dụng được cái khả năng kiểm soát được của cổ phiếu thì ngày nay, các ngân hàng và công nghiệp đều có thể "tự mình xoay sở lấy" được. Sự thống trị của các ngân hàng lớn ở nước ta đối với sở giao dịch gắn liền với các thủ thuật gia hạn, — nhưng không phải chỉ riêng với các thủ thuật đó chỉ là biểu hiện của nhà nước công nghiệp Đức được tổ chức đầy đủ. Nếu do đó mà có sự thu hẹp phạm vi tác động của các quy luật kinh tế tự động phát huy tác dụng, và có sự mở rộng hết sức phạm vi của việc điều tiết có ý thức thông qua các ngân hàng, thì điều đó cũng làm cho trách nhiệm, về mặt kinh tế quốc dân, của một số ít người lãnh đạo lại tăng lên rất nhiều" (tr. 101)<sup>1)</sup>.

"được tổ chức đầy đủ" <sup>8</sup>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 426 - 427.

NB (Trích dẫn) A. Lơ-van-stanh. "Lịch sử hệ thống ngân hàng tín dụng Vuyn-tem-béc và những quan hệ của nó với đại công nghiệp"... "Archiv für Sozialwissenschaft". Tập phụ lục 5. Ti-u-bin-gen. 1912.

Chứng khoán phát hành (tr. 104):

	Chứng khoán có giá ở trong nước			Do tôi tính
	1909	1910	1911	
Đức và các thuộc địa	3.2	2.5	2.2	7.9 : 3 = 2.6
Anh " " "	1.9	3.1	1.8	6.8 : 3 = 2.3
Pháp . . . . .	1.4	0.7	0.6	2.7 : 3 = 0.9
				Σ : 3 =

	Chứng khoán có giá của nước ngoài			Do tôi tính	
	1909	1910	1911	Σ : 3 =	ΣΣ
Đức và các thuộc địa	0.3	0.5	0.5	1.3 : 3 = 0.4	3.0 tỷ mác
Anh " " "	1.8	2.3	2.0	6.1 : 3 = 2.0	4.3 "
Pháp . . . . .	2.0	3.8	3.1	8.9 : 3 = 2.9	3.8 "

Chứng khoán phát hành ở Đức (theo thị giá)

	Tín dụng công cộng (công trái quốc gia và thị chính)	Tín dụng đất đai (cầm cố)	Tín dụng công nghiệp và thương nghiệp	Chứng khoán có giá ở nước, tổng số	Chứng khoán có giá của nước ngoài, tổng số
[1886 - 1890]	1.8	1.2	1.3	4.3	2.3
[1891 - 1895]	1.8	2.2	0.3	4.8	1.5
[1896 - 1900]	1.7	1.9	4.3	8.2	2.4
[1901 - 1905]	3.3	2.3	2.6	8.3	2.1
[1906 - 1910]	6.0	2.6	4.8	12.6	1.5

Tác giả kết luận:

"Thống kê phát hành chứng khoán bộc lộ một cách rõ ràng nhất mâu sắc xã hội chủ nghĩa - nhà nước và công nghiệp chủ nghĩa của nền kinh tế quốc dân Đức" (104)...

Tác giả nói: ở Đức, "hệ thống đường sắt Phổ" là "xí nghiệp kinh tế vĩ đại nhất trên thế giới" (104)...

Các công ty cổ phần ở Phổ trong năm 1911:

(tính bằng triệu mác)

	Tư bản góp vào				Lợi nhuận hàng năm		
	số lượng công ty	Giá trị danh nghĩa	Giá trị theo thị giá	% (thị giá)	triệu mác	% giá trị danh nghĩa	% giá trị tính theo thị
177.9%	890	8 821	15 696	177.9	952	10.8%	6.1%
							15.7
							8.8
							6.9 tỷ

... "Những người chủ trương cổ phần nhỏ trước hết nêu lên rằng cổ phần nhỏ tạo điều kiện cho công nhân có thể cùng tham dự vào công nghiệp, điều đó, đứng trên quan điểm chính trị - xã hội mà xét, là một sự kết hợp đáng mong muốn giữa lợi ích của công nhân với lợi ích của các chủ xí nghiệp và là sự tham dự của công nhân vào lợi nhuận dưới một hình thức hiện đại" (tr. 110 - 111) — (nói về cổ phần một li-vơ xtéc-ling).

NB

Trong § nói về "sự đầu cơ các chứng khoán có giá" (tr. 111 và các trang tiếp) lẽ ra phải *vạch trần* sự đầu cơ của các ngân hàng ((xem tạp chí "Die Bank", E-svê-ghe và những người khác)), thì tên vô lại Sun-txê - Ghê-véc-ni-tơ đã lảng tránh bằng những câu như sau:

Những  
lời  
trống  
rỗng  
và lừa  
bịp!!

!!

"Nếu như các ngân hàng của chúng ta trở thành những công ty đầu cơ... thì sẽ là... sự phá sản của nền kinh tế quốc dân Đức" (112)... ("Nếu như")... "thể diện" của "giới thực nghiệp" của chúng ta giải cứu được, hơn nữa các nhân viên ngân hàng của chúng ta bị cấm không được đầu cơ tại các ngân hàng của kẻ khác (ồ, dĩ nhiên là điều này thì có thể dễ dàng lẩn tránh được!! trong các thành phố lớn)... nhưng còn *những giám đốc ngân hàng thì sao?* Phải biết rằng họ là những người "hiểu thông thạo" ("Wissenden")!! Tác giả nói rằng ở đó thì luật pháp sẽ bắt lực mà cần "tăng cường nhận thức về danh dự nhà buôn và ý thức về vị trí của mình" (113)...

9 ngân hàng  
83%  
toàn bộ!!

"Cuối năm 1909, 9 ngân hàng lớn ở Béc-ling cùng với các ngân hàng phụ thuộc vào chúng, đã quản lý 11.3 tỷ mác, tức là vào khoảng 83% tổng số tư bản ngân hàng ở Đức. "Đoi-sơ ban-cơ" cùng với các ngân hàng phụ thuộc vào nó, quản lý gần 3 tỷ mác, ngân hàng này, cũng như Cục quản lý đường sắt quốc gia ở Phổ, là một tổ chức tích tụ tư bản lớn nhất trong thế giới cũ và cũng là tổ chức có sự phân tán cao độ" (137)...<sup>1)</sup>

Hiệp nghị giữa các ngân hàng: "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" muốn ký một thoả ước với thành phố Béc-ling về việc "sử dụng một cách có lãi" một khoảnh đất ở Tem-pen-gốp và cho hưởng 10% lợi nhuận. Sau này, khi

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 417.

"Đoi-sơ ban-cơ" ký kết xong, thì "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" đã nằm trong công-xoóc-xi-om của nó rồi!! (tr. 139)... "Những công-xoóc-xi-om ngân hàng kiểu đó thường có khuynh hướng đi tới những hiệp nghị về giá cả"...

"Nói chung là "những thoả ước chung", được ký kết vào mùa hè 1913, đã đi quá xa đến nỗi sau khi chúng được thi hành thì khó mà có thể nói đến cạnh tranh tự do trong hoạt động ngân hàng"... (139)...

về việc thành lập các-ten các ngân hàng

(1913)

"Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phơ", chẳng hạn, có một bộ tham mưu thường trực gồm 25 người để kiểm tra mặt kế toán và mặt hợp thức của các hoạt động nghiệp vụ" (143).

"Chế độ nghĩa vụ quân sự Đức - Phổ, do nó làm cho người ta quen với lao động tập thể có kỷ luật, nên đã làm được công tác đào tạo đáng kể cho xí nghiệp lớn, đặc biệt là chính trong hoạt động ngân hàng. Nếu như vì những lý do chính trị mà chế độ nghĩa vụ quân sự đó không còn cần thiết nữa thì cũng nên dùng nó làm trường đào tạo cho xí nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn và để tăng cường hoạt động kinh tế" (144 - 145)...

25 người kiểm tra...

ngân hàng và quân đội!!

"Cách đây ba mươi năm, những nhà kinh doanh tự do cạnh tranh với nhau, đã làm  $\frac{1}{10}$  cái công việc kinh tế không thuộc phạm vi lao động chân tay của "công nhân". Giờ đây, thì những người *viên chức* đang làm  $\frac{1}{10}$  công việc kinh tế có tính chất trí óc ấy. Hoạt động ngân hàng đứng đầu quá trình phát triển

NB

NB

NB

||| ấy (151)<sup>1</sup>. Trong các xí nghiệp khổng lồ của nó, nhân viên là tất cả, ngay cả giám đốc cũng là "đầy tớ" của xí nghiệp"...

..."Frankfurter Zeitung" (2. V. 1914) đã mong ước sự hợp nhất "Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phơ" với "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in" bằng những lời lẽ sau đây:

"Việc các ngân hàng ngày càng tập trung làm cho con số những cơ quan mà, nói chung, người ta có thể hỏi vay những khoản lớn được, bị giảm đi, do đó ngành công nghiệp lớn ngày càng phụ thuộc vào một số nhỏ những tập đoàn ngân hàng. Mối liên hệ chặt chẽ giữa công nghiệp và giới tài chính đã thu hẹp sự tự do hoạt động của các công ty công nghiệp cần đến vốn của ngân hàng. Cho nên, ngành công nghiệp lớn nhìn với nhiều tình cảm khác nhau quá trình tư-rút hoá (tập hợp thành hay biến thành các tư-rút) các ngân hàng ngày càng tăng; thật vậy, đã nhiều lần người ta thấy rằng đã có những mầm mống thoả thuận nào đó giữa những công-xoóc-xi-om nào đó của các ngân hàng lớn với nhau nhằm hạn chế cạnh tranh" (tr. 155)<sup>2</sup>.

154 - 5: vấn đề là ai phụ thuộc vào ai hơn, ngân hàng vào công nghiệp hay ngược lại...

*Vê-vi-ê-rốp-xki*. "Ảnh hưởng của sự tích tụ của các ngân hàng Đức đến những hiện tượng khủng hoảng" ("Luận án Phrây-buốc"). Béc-lanh, 1911.

<sup>1</sup>) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 428.

<sup>2</sup>) Như trên, tr. 428 - 429.

*Phuên-cơ*. "Các hình thức liên hợp và tham dự vào lợi nhuận trong đại công nghiệp của Đức". Lai-pxích, 1909 (*"Schmoller's Jahrbuch"*, tập 33, quyển 4)).

NB

Chương X. "Đầu tư ra nước ngoài".

"Để các ngân hàng của chúng ta có thể hưởng những tư bản đổ dồn vào chúng theo con đường đầu tư ra nước ngoài, thì về phía những khách hàng của chúng cần phải có những điều kiện tiên quyết tương ứng với nền kinh tế tư nhân. Tác nhân kích thích chủ yếu là nhu cầu có được một tỷ suất lợi nhuận cao hơn tỷ suất lợi nhuận do việc đầu tư ở trong nước mang lại, trong lúc ở trong nước số lượng tư bản đang tăng lên và tỷ suất lợi nhuận đang giảm xuống..."

NB

NB

NB

...Trong điều kiện đó, các ngân hàng trước hết tìm kiếm những lợi nhuận do phát hành chứng khoán đem lại, những lợi nhuận này thu được ở những nước ngoài — là những nước nghèo về tư bản nhưng giàu về nguyên liệu — thường là cao hơn ở trong nước" (158)...

NB

NB [xem trên đây, tr. 44, trích dẫn những trang 159 - 160<sup>1)</sup>] NB

"Theo con số ước lượng thì số vốn của Anh đầu tư ra nước ngoài được xác định là 70 tỷ, của Pháp là 35 tỷ (1910), còn của Đức thì trong năm 1913 chỉ mới suýt soát 20 tỷ mác" (160).

70

35

20

Đưa ra những sự thật để chứng thực "những điều kiện đặt trước cho việc xuất khẩu" và lợi ích mà công nghiệp

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 41.

thu được trong việc đầu tư ra nước ngoài, Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ ngoài ra còn nói rằng nước Pháp cũng lợi dụng điều này:

"Như vậy là nhà nước thực lợi Pháp đang trải qua một thời kỳ công nghiệp thịnh vượng thứ hai" — việc cho Thổ-nhĩ-kỳ vay trong năm 1910 đã được Pháp kèm theo một điều kiện là: Thổ-nhĩ-kỳ phải đặt mua của Pháp *n h i ế u h ơ n* mua của *bất kỳ một nước nào...* (tr. 163).

thật điển hình!!!

"Ngày nay, Đức là điển hình về một "nhà kinh doanh hoạt động ở nước ngoài", còn Pháp và dân dân cả Anh vẫn đứng ý ở địa vị là người thực lợi... Nếu ngày nay, thế giới có bộ mặt Ăng-glô-xác-xông, thì các ngân hàng của chúng ta đang cố gắng dùng những đường sắt, những hầm mỏ, đồn điền, kênh đào, những công trình tưới tiêu v. v. để làm cho bộ mặt ấy có những nét của tinh thần Đức" (164)...

NB

(NB: tr. 1, chú thích: "Viết **t r u ố c** chiến tranh".)

Trong chương X.

NB

C. "Đánh giá về mặt chính trị những đầu tư ra nước ngoài".

"Xuất khẩu tư bản là một phương tiện phục vụ những mục đích của chính sách đối ngoại và những kết quả của xuất khẩu tư bản, đến lượt nó, lại phụ thuộc vào chính sách đối ngoại.

a) *Các nước chủ nợ: Pháp, Anh, Đức*. Anh và Pháp, hai cường quốc chủ nợ lớn nhất thế giới, là những chủ ngân hàng *chính trị*. Ở đây, nhà nước và giới chủ ngân hàng *là một*. Chẳng hạn, chính phủ Pháp và "Crê-di Li-on-ne" là như vậy. Chẳng hạn, tình bạn giữa Ê-đu-a VII và ngài Ê. Cát-xen là như vậy. Với hy vọng

trúng độc đắc trong trò xổ số chính trị, Pháp đã đặt hàng tỷ vào *chỉ một* con bài Nga. Nhận được tiền của Pháp, Nga thậm chí đã có khả năng xuất hiện ở Viễn Đông — ở Trung-quốc, ở Ba-tư — với tư cách là người chủ nợ chính trị. Nước Pháp, với tư cách là chủ nợ, đã ràng buộc được Tây-ban-nha và Ý là những nước, với tư cách là những khách hàng, đã giúp Pháp ở An-khê-xi-a. Pháp sẵn sàng cấp cho nội các của Cô-sút những tín dụng mà nó đã không cấp cho bá tước Cu-en: "Liên minh tay ba là một điều kiện phụ thêm". Là một chủ nợ chính trị, nước Anh đã liên kết trở lại được cái đế quốc thế giới của Anh, mà không sợ áp lực đối với thị giá của những công trái hợp nhất riêng của mình. Sự đảm bảo giám hộ đầy đủ mà chính quốc dành cho những khoản cho nhà nước thuộc địa vay, đã tạo điều kiện, chẳng hạn, cho một nước mới được khai hoá chỉ một nửa, như Na-tan, được sử dụng một tín dụng hơn là nước Phổ, một quốc gia được củng cố đã từ lâu hoàn toàn vững chắc và có những tài sản vô cùng lớn về đường sắt và đất đai nhà nước. Mối quan hệ tín dụng ấy là "những sự kết hợp lợi ích", tức là những sự kết hợp có lẽ đã có một sức mạnh mà những biểu thuế quan ưu đãi của Sem-bóc-lin chưa bao giờ có được. Vượt ra khỏi phạm vi những mối quan hệ trong nội bộ đế quốc, nước Anh chủ nợ đã nắm giữ Nhật-bản trong địa vị một chủ hầu chính trị của mình, nắm giữ Ác-hen-ti-na trong sự phụ thuộc mang tính chất thuộc địa; và nắm giữ Bồ-đào-nha trong địa vị nô lệ hiển nhiên của

kẻ mắc nợ. Những thống đốc — đeo lon vàng — của châu Phi thuộc Bồ-đào-nha là những tên bù nhìn của Anh" (165)...

..."Tổng số" (số tư bản của Đức ở Nga) "được ước tính là 3 tỷ. Các ngân hàng của chúng ta ưa thích con nợ ấy, một con nợ lớn nhất trong tất cả các con nợ trong lịch sử thế giới, điều đó là dễ hiểu, nếu ta chú ý đến những lợi nhuận ngân hàng cao mà chính các chứng khoán có giá Nga mang lại" (166).

"Không còn nghi ngờ gì nữa, trong khi khát khao đạt được nền độc lập chính trị và kinh tế của mình, các nước thuộc thế giới nửa văn minh và chưa phải là đối tượng của sự phân chia thuộc địa không thể nhận được của một cường quốc châu Âu nào một sự giúp đỡ cũng vô tư như sự giúp đỡ của nước Đức. Trung-quốc, Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ biết rằng nước Đức không có một tham vọng nào về đất đai cả" (167).

..."Hoàn cảnh trong nước, cái hoàn cảnh đối lập với những tư tưởng tự do, cũng ngăn cản không cho tư tưởng chính trị toàn thế giới thâm nhập sâu vào tâm hồn nhân dân. Chúng ta còn quá xa khẩu hiệu "imperium et libertas"<sup>1)</sup>, cái khẩu hiệu mà nhờ nó những người Ăng-glô-xắc-xông, bắt đầu từ Crôm-oen cho đến Rốt-xơ, có được những thành tựu vô cùng vĩ đại của họ!" (168)

NB

lời vàng  
ngọc!!!lời vàng  
ngọc!!

{ chủ nghĩa }  
đế quốc }  
và dân }  
chủ<sup>9</sup>  
lời vàng  
ngọc!  
(và NB)

cách thức mua chuộc những tầng lớp tiểu tư sản rộng rãi và những lớp trên của giai cấp vô sản thì tinh vi hơn, khôn khéo hơn

<sup>1)</sup> — "đế quốc và tự do".

"Khắp nơi, các ngân hàng Đức ở nước ngoài đều đưng phải sự cạnh tranh của "các ngân hàng nước ngoài" của Anh đã được thành lập từ lâu và hiện nay vẫn còn hơn hẳn các ngân hàng Đức về mặt khối lượng những hoạt động cũng như về mặt tư bản cổ phần" (173)...

..."Chúng ta mong muốn xác định một cách thật hết sức sáng suốt hơn cái sự thật là chúng ta xuất hiện quá muộn trên vũ đài. Có thể so sánh hoạt động của các ngân hàng Đức ở nước ngoài với những bước đi đầy hứa hẹn của một chàng trai trẻ ham hoạt động, nhưng đối với anh ta thì phần lớn của thế giới đã bị cái kẻ có diễm phúc chiếm được nó làm cho trở thành không với tới được. Trong cái đế quốc thế giới Anh — đây là hoàn toàn không nói đến Pháp và Nga, — khó mà tìm thấy được *một* ngân hàng Đức, ấy thế mà vẫn có ý kiến khẳng định rằng người Anh chi phối thế giới vì lợi ích của *tất cả mọi người*. Tương lai của hệ thống ngân hàng Đức ở nước ngoài phụ thuộc một phần lớn vào việc giải quyết *một nhiệm vụ chính trị*: để ngỏ các nước trên thế giới chưa bị ai xâm chiếm, tái sinh thế giới đạo Hồi, thành lập một đế quốc thuộc địa Đức ở châu Phi".... (174).

lời vàng  
ngọc!!!

NB

Phần 2 của cuốn sách, trước tác của *Giáp-phê*, là một bản lược khảo khô khan về ngành ngân hàng Anh - Mỹ và Pháp. Nil.

Mục VI của "Những cơ sở của nền kinh tế xã hội". "*Công nghiệp, ngành mỏ, ngành xây dựng*". Ti-u-bin-ghen, 1914.

Nhiều chỉ dẫn thư mục (xem tr. 37<sup>1)</sup>).

Một số số liệu thống kê về đại công nghiệp, xem trong cuốn vở kẻ dòng<sup>2)</sup>.

cần chép của **cuốn sách**: tr. 34 và 143,  
công nghiệp 1882 và 1907

Của bài báo của *M. R. Vai-éc-man*:  
"Kỹ thuật công nghiệp hiện đại"

NB ||||| đoạn trích từ cuốn sách của **C. Ra-tê-nau**.  
"Ảnh hưởng của sự tăng tư bản và tăng sản lượng tới chi phí sản xuất của công nghiệp chế tạo máy của Đức". 1906.

Những thí dụ như sau:

	(máy bơm)		
	A	B	C
Sản lượng tăng	197	880	1 593 mác
khoảng 50%	162	738	1 345

Máy chữ (tr. 157)

Sản xuất 100 chiếc.	Giá = 200 mác
" 500 "	" 160 "
" 1 000 "	" 140 "
" 2 000 "	" 125 "

Tình hình phát hành các cổ phần công nghiệp Đức {theo "Frankfurter Zeitung" và "Tờ điển các khoa học về nhà nước"} ("Hoạt động phát hành")

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 30 - 31.

<sup>2)</sup> Ý nói về vở "μ". Xem tập này, tr. 566 - 567.

1903 – 195. <sup>3</sup> triệu. Bắt đầu hưng thịnh		hưng thịnh versus khủng hoảng
1904 – 267. <sup>6</sup> " " "		
1905 – 492. <sup>5</sup> " hưng thịnh		
1906 – 624. <sup>3</sup> " đỉnh cao của hưng thịnh		
1907 – 240. <sup>2</sup> " khủng hoảng		
1908 – 326. <sup>7</sup> (bắt đầu phục hồi)		

Theo số liệu của *B e - r o*, mức tiêu thụ giấy dếp ở Mỹ là (tr. 175):

1880 – 2. <sup>5</sup> đôi một đầu người		NB
1905 – 3. <sup>12</sup> " " " "		

Trích bài báo của *T. P h ô - g h e n - s t a n h*. "Tổ chức tài chính của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa và việc thành lập các công ty độc quyền".

"Mười năm sau ngày 9 tháng Năm 1873, ngày mà theo lời ví cường điệu của *Suên-lăng*, giờ sinh của các các-ten đã điểm và giờ tận số của thời kỳ hưng thịnh kinh tế đã vang lên thì Phr. Clanh-vêch-tơ xuất bản cuốn sách của mình về những các-ten" (216). NB

#### *Lược sử của những các-ten:*

"Có thể đưa ra những ví dụ cá biệt về những độc quyền tư bản chủ nghĩa thuộc thời kỳ trước năm 1860; ở đó, người ta có thể phát hiện thấy những mầm mống của các hình thức ngày nay đã trở nên quen thuộc, nhưng tất cả điều đó tất nhiên chỉ là thuộc về thời đại tiền sử của những các-ten. Sự phát sinh thực sự của các độc quyền hiện đại thì sớm nhất là vào những năm 1860. Giai đoạn phát triển lớn đầu tiên của những độc quyền bắt đầu cùng với sự suy sụp công nghiệp quốc tế trong những năm 1870 và kéo dài đến tận đầu những năm 1890" (222). NB

"Nếu xem xét vấn đề trên quy mô châu Âu thì sự phát triển của cạnh tranh tự do đạt đến đỉnh cao nhất của nó vào những năm 60 và 70. Lúc đó, nước NB

|| Anh đã xây dựng xong xuôi tổ chức tư bản chủ nghĩa kiểu cũ của nó. Ở Đức, tổ chức đó tấn công mạnh mẽ vào thủ công nghiệp và công nghiệp gia đình và bắt đầu tạo ra cho mình những hình thức tồn tại riêng" (ibidem).

"Một cuộc chuyển biến lớn bắt đầu từ sự phá sản năm 1873, hay nói cho đúng hơn, từ thời kỳ tiêu điều tiếp sau sự phá sản đó, thời kỳ tiêu điều này đã kéo dài trong suốt 22 năm trong lịch sử kinh tế châu Âu – chỉ trừ một lần gián đoạn rất khó thấy, xảy ra ngay đầu những năm 80 và một lần phồn vinh hết sức mãnh liệt, nhưng ngắn ngủi, vào gần năm 1889" (222)...

..."Trong thời kỳ phồn vinh ngắn ngủi 1889/1890 người ta sử dụng mạnh mẽ các các-ten để lợi dụng tình hình thị trường. Một chính sách thiếu chín chắn đã làm cho giá cả tăng lên còn nhanh và mạnh hơn so với khi không có những các-ten, và hầu hết những các-ten đó đã tiêu vong một cách không vẻ vang "trong cái mồ phá sản". Tiếp theo đó là năm năm làm ăn thua thiệt và giá cả hạ thấp, nhưng trong công nghiệp thì tâm trạng lại không như trước nữa. Thời kỳ tiêu điều không còn được xem như một sự kiện tất nhiên nữa, người ta chỉ coi đó là một thời kỳ tạm ngừng trước khi có một tình hình thuận lợi mới mà thôi.

Giai đoạn II của những các-ten ||| Như vậy là phong trào các-ten đã bước vào giai đoạn thứ hai của nó. Từ chỗ là hiện tượng nhất thời, những các-ten đã trở thành một trong những cơ sở của toàn bộ đời sống kinh tế. Những các-ten đó chiếm hết ngành công nghiệp này đến ngành công nghiệp khác, và trước hết là ngành chế biến nguyên liệu. Ngay từ đầu những năm 1890, khi tổ chức xanh-đi-ca than cốc, – mà sau này xanh-đi-ca than đá cũng được tổ chức rập theo, – những các-ten đó đã xây dựng được cho mình một kỹ thuật các-ten mà thực ra phong trào lúc đó không



vượt xa hơn được. Thời kỳ phồn vinh lớn vào cuối thế kỷ XIX và cuộc khủng hoảng 1900 - 1903 đều diễn ra — ít nhất là trong công nghiệp mỏ và công nghiệp luyện thép — lần đầu tiên hoàn toàn dưới chế độ các-ten. Và nếu hiện tượng đó lúc bấy giờ còn có vẻ là một cái gì mới, thì ngày nay việc nhiều khu vực quan trọng của đời sống kinh tế, theo thông lệ, đều được rút ra khỏi vòng tự do cạnh tranh, — việc đó đã thành một chân lý hiển nhiên đối với ý thức xã hội rộng rãi" (224)...<sup>1)</sup>

*Các hình thức các-ten:*

- a) Những các-ten quy định điều kiện tiêu thụ hàng hoá (điều kiện bán, thời hạn, trả tiền etc...)
- b) Những các-ten quy định khu vực tiêu thụ
- c) Những các-ten quy định khối lượng sản xuất
- d) Những các-ten quy định giá cả
- e) Những các-ten phân phối lợi nhuận

*Những xanh-đi-ca* — cơ sở thống nhất để bán hàng (Verkaufsstelle)

*Tơ-rốt* — sở hữu tất cả các xí nghiệp

quyền *thống nhất* và tuyệt đối

Xem *Côn-tơ*

*Lin-đen-béc*

*Xai-u*

*Sten-lơ*

*Stin-lích*

*Vác-sau-ơ*

*Vê-bơ*

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 403 - 404.

VỞ

"β"

("BÊ-TA")

### Mục lục

Vở β. Tr. 1 - 106 (108)

1. Đít-xen, Sum-pê-tơ, Phô-ghen-stanh (vài lời).
2. — — —
- 3 - 16. Trích từ tạp chí "**Die Bank**", 3 - 16; 92 - 103.
17. Thống kê các chứng khoán có giá...
- 18 - 30. **S i n - đ ơ**. Tập 1 của "Chiều hướng phát triển của kinh tế thế giới".
- 31 - 33. **Plen-ghê**. "Mác và Hê-ghen"<sup>1)</sup>.
- 34 - 36. *Ghéc-hác Hin-đê-brăng*. "Sự chấn động etc".
- 37 - 39. *P. Ta - p h e n*. "Các tơ-rốt ở Bắc Mỹ etc".
- × 40. Nhận xét về C. Cau-xky versus chủ nghĩa đế quốc
- 41 - 62. **Ê. A-gát**. "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới".
62. *Ban-lôt*. Thống kê.
63. *Ốt-tô*. Những ngân hàng Đức ở hải ngoại.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 29, tr. 360 - 362.

- 63 - 65. *Diu-rích*. Sự bành trướng của các ngân hàng Đức ở nước ngoài.  
 66. *Cau-phman*. Những ngân hàng Pháp.  
 66. *Hê-ghê-man*. Những ngân hàng Pháp.  
 67. *Hun-phơ-tết-gơ*. "Ngân hàng Anh".  
*Giáp-phê*. Những ngân hàng Anh.  
*Mê-ren-xơ*. Những ngân hàng Pháp.  
*Van-lích*. Sự tích tụ trong ngành ngân hàng Đức.  
 68 - 69. *Txi-ôn-lin-gơ* (bảng cân đối quốc tế) và *Nây-mác-cơ*.  
 70 - 74. *Tây-lo* ("Quản lý xí nghiệp").  
 74 - 75. *Đoi-béc*. "Qua thực tế áp dụng phương pháp Tây-lo".  
 76 - 77. *Gin-bóc*. "Việc nghiên cứu động tác".  
 78 - 90. *I-ây-đen-xơ*. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn với công nghiệp".  
 91. *Stin-lích* và "*Nền kinh tế toàn thế giới*" (Han-lơ).  
 Chú giải  
 92 - 103. Tập chí "Die Bank", xem từ đầu đến cuối, *trừ năm 1908* và 1915.

×

NB 103 nhận xét

NB ((về tư bản tài chính nói chung))

104. *Tsiéc-ski*105 - 106 + o **mặt sau** + 108. (NB) *Hai-măn*

×

0 mặt sau

NB bàn về vấn đề chủ nghĩa đế quốc

*Chỉ dẫn thư mục*: 1. 10. 16. 17. 40. 91. 98 (tiếng Pháp).

ĐÍT-XEN, SUM-PÊ-TƠ, PHÔ-GHEN-STANH

Thư viện bang Xuy-rích.

Tiến sĩ **Hen-rích Đít-xen**. "*Nền kinh tế thế giới và nền kinh*

*tế quốc dân*". Đrét-đen, 1900. (= "Jahrbuch der Gehe-Stiftung". Tập V.)

{ Không có gì lý thú cả. Đọc qua thì thấy rằng đó  
 chỉ là một cuộc tranh luận chống tình trạng tự  
 cung tự cấp, *ủng hộ* nền kinh tế thế giới. Nil.  
 ("Quốc hữu hoá") }

*Tiến sĩ Giô-xíp Sum-pê-tơ*. "*Lý luận về sự phát triển kinh tế*". Lai-pxích, 1912.

((Cũng nil. Đầu đề làm người ta lầm. Đọc qua thì thấy rằng đây là một cái gì thuộc loại nói huyền thuyên "xã hội học". Có lẽ là phải xem lại, nhưng về chủ đề phát triển thì nil)).

*Tê-ô-đo Phô-ghen-stanh*. "Những hình thức tổ chức của công nghiệp sắt thép và công nghiệp dệt ở Anh và Mỹ". Lai-pxích, 1910.

Đây là tập *đầu*, trong đó phân lịch sử chiếm ưu thế, ít lý thú, và đó là *sự liệt kê* những sự kiện.

Xem những đoạn trích dẫn ngắn từ cuốn sách của Phô-ghen-stanh, ghi ở vở khác<sup>1)</sup>.

*Phran-cơ*. "Những thay đổi trong nông nghiệp ở Vuyn-tem-béc". Luận án. 1902.

## CHỈ DẪN THƯ MỤC

Thư mục:

? *Giô-han Hu-bơ*. "Sự tham gia của công nhân vào tư bản và vào việc quản lý các hợp tác xã sản xuất ở Anh".

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 57 - 59.

- 1912, Stút-ga. (Quyển 4 của "Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân vùng Ba-lơ".)
- Gốt-txơ Brip-xơ*. "Các-ten rượu". Các-xru-ê, 1912. (Quyển 7 của "Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân của các trường cao đẳng Ba-đen".)
- Cuốc-tơ Gôn-đơ-smít*. "Bàn về sự tích tụ trong công nghiệp than đá Đức". Các-xru-ê, 1912.
- Giuy-li-út Vôn-phơ*. "Nền kinh tế quốc dân hiện tại và tương lai". Lai-pxích, 1912. Nil.
- I. Lê-vin*. "Tình cảnh hiện nay của các ngân hàng cổ phần thương mại ở Nga (1900 - 1910)". Phrây-buốc ở Brây-xgao, 1912. (Luận án.)
- C. Đô-vê*. "Địa lý kinh tế". Lai-pxích, 1911. ("Trong thế giới tự nhiên và thế giới tinh thần".)
- " " "Địa lý kinh tế của các thuộc địa Đức". 1902.
- Cuốc-tơ Sva-bê*. "Tại đất nước kim cương thuộc Đức". Béc-lanh, 1910. (Nam Phi và kinh tế Đức tại các thuộc địa.)
- R. Lên-txơ*. "Thị trường đồng dưới ảnh hưởng của các xanh-đi-ca và tơ-rốt". Béc-lanh, 1910.
- Lê-ông Ba-rê-ti*. "Sự tích tụ của những ngân hàng địa phương ở Pháp". Pa-ri, 1910. (Các bài đăng trên "*Annales des sciences politiques*".)
- Gu-xta-vơ Ru-lăng*. "Những bài báo chọn lọc". 1910 (nhà xuất bản "Liên hiệp những nghiệp chủ ở nông thôn". Chống lại giới tài phiệt ở Đức!!).
- A. G. Rau-ních*. "Sự cân bằng giữa nông nghiệp và công nghiệp". Viên, 1910.

---

Tiến sĩ Van-tơ *Cun-tơ*. "Tương lai của ngành thương mại hải ngoại của chúng ta". Béc-lanh, 1904. Nil. Nói huyền thuyên.

## TRÍCH TỪ TẠP CHÍ "NGÂN HÀNG"

"**Die Bank**". "Nguyệt san tài chính và ngân hàng". (Người xuất bản: An-phrết *Lan-xbuốc*) 1914, (nửa năm) thứ hai, tr. 1042.

Theo số liệu của phòng thương mại (ở Luân-đôn), nhập và xuất tính bằng triệu li-vơ xtéc-ling Anh:

	Nửa năm (đầu)					
	Nhập			Xuất		
( <sup>1)</sup> 7 tháng 1/I – 1/VIII)						
Anh .....	1912	1913	1914	1912	1913	1914
Đức .....	296.1	319.7	375.9	225.3	257.1	255.4
Mỹ <sup>1)</sup> .....	260.6	267.0	269.3	205.4	243.1	249.2
Pháp <sup>1)</sup> .....	215.3	212.2	237.7	255.6	271.8	245.7
	192.2	196.4	198.6	149.0	156.4	153.8

ngân hàng và bưu điện

(Ibidem, tr. 713). Bài "*Ngân hàng và bưu điện*". Ranh giới — tác giả viết — giữa các ngân hàng với chẳng hạn như các quỹ tiết kiệm "ngày càng mờ dần". Do đó, có *n h ữ n g l ờ i c a t h á n* của ngân hàng. Phòng thương mại *Éc-phuya ủng hộ* ngân hàng, *chống lại* "sự thâm nhập mới nhất của bưu điện vào lưu thông tiền tệ" (dưới dạng "cấp phiếu tín dụng bưu điện"). Ban biên tập nhận xét rằng phiếu tín dụng bưu điện chỉ có tác dụng trong nội bộ đế quốc Đức, còn phiếu tín dụng ngân hàng thì chủ yếu là phục vụ những người du lịch ra

<sup>1)</sup> Số liệu về những nước có đánh dấu<sup>1)</sup> là từ tháng Giêng đến tháng Bảy, về những nước còn lại là từ tháng Giêng đến tháng Sáu.

nước ngoài, và "cuối cùng thì công chúng  
tồn tại không phải chỉ vì lợi ích của ngân  
hàng" (714). cái "không phải  
chỉ" này thật  
là tuyệt diệu!!!

Trong bài báo "Suy nghĩ về công trái một tỷ đồng", tr. 932: "Ai nhận mua công trái đều có các khoản tiền nhàn rỗi, nhưng phần lớn không ở dưới dạng tiền mặt, mà ở dưới dạng tài khoản vãng lai ở ngân hàng hoặc dưới dạng tiền gửi ở một quỹ tiết kiệm, ở một hội v. v.. Tính số tròn, các cơ quan này có tại Đức 35 tỷ mác những khoản dễ chuyển thành tiền mặt thuộc loại như vậy, trong đó gần một nửa có thể giao ngay cho những người sở hữu chúng sử dụng, còn nửa còn lại thì sau một thời gian báo trước — thường là sau một tháng" (933).

Công việc là ở chỗ *chép lại* số có của tài khoản của những cá nhân sang tài khoản của nhà nước (và ngược lại thế khi thanh toán với người cho vay etc.).

Tất cả các cơ quan tín dụng có "không quá  $\frac{1}{2}$  tỷ" tiền nếu tính "tổng số tiền mặt và tiền gửi trong Ngân hàng quốc gia" (933).

Năm 1871, nước Pháp đã trả 5 tỷ theo cách khiến cho trong số đó, chỉ có 742.3 triệu được trả bằng vàng, bạc và tiền giấy, số còn lại (4248.3 triệu) thì trả bằng *hối phiếu*. (Nước Pháp đã chóng hồi phục vào 1870/71 vì nó không động đến tiền của nó, không phát hành quá nhiều "tiền giấy không có bảo đảm").

tr. 903 và các trang tiếp: "*H ấ t c ấ n g L u ầ n - đ ô n v ề p h ư ơ n g d i ệ n l à s ố t h a n h t o á n c ủ a t h ế g i ớ i*" của An-phrết Lan-xbuốc.

Một bài báo rất hay, giải thích *những nguyên nhân* khiến cho nước Anh hùng mạnh. Nguyên nhân chủ yếu: "ưu thế tuyệt đối của nước Anh trong lưu thông thương mại và lưu thông tiền tệ đối với thương mại của tất cả các nước khác" (909). So với thương mại Đức thì nhiều hơn "tính tròn

lại là 50%" (ibidem). Và hơn nữa, lại còn buôn bán với các thuộc địa!!

NB **"Ba phần tư nền thương mại thế giới là thuộc về nước Anh"** (910)

"điều đó có nghĩa là ba phần tư tổng số tiền thanh toán của thế giới đều trực tiếp hay gián tiếp qua tay nước Anh" (910).

"Sự thanh toán bằng li-vơ xtéc-ling" còn "chiếm ưu thế" ở *Nhật-bản*, rồi ở Trung-quốc, Chi-lê, Pê-ru, Nam Ba-tư, "phần lớn Thổ-nhĩ-kỳ" (910) — "biết tiếng Anh là hiện tượng rất phổ biến trong giới thương nhân" (910).

Và hơn nữa, nước Anh *cấp tiền* cho nền thương mại đó của toàn thế giới (tỷ suất lợi tức thấp nhất; tiền vàng vững chắc nhất; 1 li-vơ xtéc-ling =  $7\frac{1}{3}$  gam *v a n g* etc. etc.).

Quỹ tiền tệ "to lớn" của Anh, 60 ngân hàng thuộc địa của nó (911) etc. etc.

Câu nói nổi tiếng của viên giám đốc ngân hàng (Ngân hàng Bra-xin) *Kê-m-mê-rơ* (người Đức):

(913) "Điều cần thiết đầu tiên để mở được ngân  
NB! hàng hải ngoại, đó là tín dụng, một chủ ngân hàng  
nhận thanh toán ở Luân-đôn".

tr. 912, chú giải: "Về những khó khăn mà các ngân hàng hải ngoại của Đức đang gặp phải trong việc dùng hối phiếu bằng tiền mác ở Nam Mỹ, hãy xem Giáp-phê: "Ngành ngân hàng Anh", xuất bản lần thứ 2, 98 - 101, "Frankfurter Zeitung", 29. VIII. 1914; "Hamburger Nachrichten", 15. IX. 1914" (những đoạn trích dẫn khác, tôi bỏ qua).

"Thật vậy, mỗi nước chuyển sang tiền vàng và có — hầu như ở khắp nơi đều như vậy — một chiếc cặp lớn chứa đầy những hối phiếu Anh thay cho vàng thì đều không những làm cho phần lớn trong kim ngạch thanh toán quốc

tế của mình phụ thuộc vào Sở thanh toán Luân-đôn, mà do đó còn trực tiếp góp phần củng cố thế lực của đồng tiền Anh trên thế giới; một nước nào đó mà thường xuyên có chiếc cặp lớn chứa đầy những hối phiếu Anh, thì như vậy thực tế chỉ có nghĩa là nước đó để cho Luân-đôn sử dụng những số tiền to lớn mà Luân-đôn, đến lượt mình, có thể sử dụng và đã thực tế sử dụng để tiếp tục cấp tiền cho ngoại thương của các nước khác, và do đó để củng cố đồng tiền của chính mình, cũng như chức năng thanh toán của riêng mình. Như vậy là do giá trị vàng của đồng li-vơ xtéc-ling nên ngoài số tư bản to lớn riêng của nó, nước Anh có thể thường xuyên sử dụng thêm nhiều tỷ mạt tiền nước ngoài để phục vụ hệ thống tín dụng của nó" (913 - 914).

Để có thể gạt nước Anh ra khỏi vai trò của nó, cần có "những khoản tiền khổng lồ và một tỷ suất lợi tức thấp" (916). ... "Và cần chẳng những có khả năng tung ra một khối lượng tiền rất lớn, mà còn cần có khả năng bảo đảm sự ổn định tuyệt đối cho đồng tiền phải được dùng thay cho tiền Anh, nghĩa là phải bất kỳ lúc nào cũng sẵn sàng trả bằng vàng".

Đó là nguyên nhân gây nên tính chất "không tưởng" của kế hoạch của "Nê-sân-nơ xi-ti ben-co" (ngân hàng Moóc-gan)<sup>10</sup> hoặc của các ngân hàng Thụy-sĩ "đang tán thành quan điểm cho rằng chỉ cần chút ít ý muốn thôi cũng hoàn toàn đủ để giành lấy của Luân-đôn việc thanh toán quốc tế hoặc một bộ phận đáng kể của việc thanh toán đó — cố nhiên, đó là một mục tiêu hết sức đáng mong muốn, nhưng chỉ có thể đạt được mục tiêu đó với điều kiện là một nước khác nào đó có thể bỏ ra, để phục vụ lợi ích của nền thương mại thế giới, cũng một khối lượng tín dụng, cũng một hệ thống những thuận lợi về thương mại, ngân hàng và lợi tức và cũng một cơ sở tiền tệ đáng tin cậy như nước Anh đã dành cho thương mại thế giới sử dụng, ít nhất cũng là đến thời gian trước chiến tranh" (920)...

(1914, tháng Mười một và tháng Chạp). "Sự trang trải và những nguồn để trang trải chi phí chiến tranh", bài báo của *An-phrết Lan-xbuốc*.

Tác giả trích dẫn Lô-ít Gioóc-giơ (tháng IX. 1914): "Theo tôi, một trăm triệu li-vơ xtéc-ling bỏ thêm vào cuối cùng sẽ quyết định kết cục của chiến tranh. Kẻ thù của chúng ta có thể kiếm ra 100 triệu đầu tiên một cách cũng dễ dàng như chúng ta; nhưng kiếm thêm 100 triệu cuối cùng thì lạy chúa, họ sẽ không đào đâu ra" (tr. 998).

Và tác giả đáp lại rằng Lô-ít Gioóc-giơ đã nhầm. Có bốn nguồn để trang trải chi phí: 1) dự trữ "cấp một" = tiền mặt (ở Pháp và Nga có nhiều hơn ở Đức; ở Anh có ít hơn. Về mặt này, Đức yếu hơn). 2) dự trữ "cấp hai": đòi nợ những món cho vay ngắn hạn trong thương nghiệp thế giới. (Anh mạnh hơn nhiều: "Nếu Anh là *chủ ngân hàng* của thế giới nắm giữ tiền trong trạng thái lưu động, thì Pháp là *nhà tài chính* của thế giới chuyên đầu tư vốn của mình" (1001). 3) Thu nhập ròng của sản xuất của cả nước + + 4) một bộ phận của tổng thu nhập dùng vào khấu hao (hay là vào tích lũy). Mà chính đây là chỗ mà chúng ta không phải là yếu hơn.

Nhưng đồng thời tác giả cũng tính đến *khoản xuất khẩu* sẽ được tiến hành bí mật ("bằng những con đường kín đáo"), nhưng không biến mất.

Tác giả nói: thị giá thấp của hối phiếu của chúng ta (của Đức) chứng minh rằng (XII. 1914!!!) xuất khẩu là chưa đủ và không phù hợp với "những chi phí của chúng ta ở nước ngoài" (1103).

NB

Xem tr. 1112: "Chỉ khi nào xuất khẩu đủ để bù đắp toàn bộ nhập khẩu và chi phí chiến tranh ở nước ngoài thì nền kinh tế quốc dân mới thực sự là được đặt trên cơ sở chiến tranh".

1914, 1 (tháng Năm). "**Ngân hàng có 300 triệu**", bài báo của A. Lan-xbuốc.

"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ" đã nuốt chửng "*Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in*" nên đã nâng số *tư bản cổ phần* của mình lên *300 triệu* mác (tr. 415)<sup>1)</sup>.

"Như vậy nghĩa là lần đầu tiên, một ngân hàng thật sự lớn của Đức đã trở thành nạn nhân của quá trình tích tụ" (415).

"*Đoi-sơ ban-cơ*" nâng *tư bản* của mình lên đến 250 triệu mác. Để đối phó lại, "*Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ*" đã "hợp nhất" với "*Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in*" và nâng *tư bản* của mình lên đến 300<sup>2)</sup>.

"Với 300 triệu mác *tư bản cổ phần*, trong lúc này nó trở thành ngân hàng lớn nhất không những ở Đức mà còn trên toàn thế giới" (422).

"Cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ" tưởng như đã được quyết định có lợi cho "*Đoi-sơ ban-cơ*" thì nay lại tiếp tục:

"Các ngân hàng khác cũng sẽ đi theo con đường ấy... và trong số 300 người ngày nay đang thống trị nước Đức về mặt kinh tế, sẽ chỉ còn lại 50, 25 hoặc ít hơn nữa. Không nên cho rằng phong trào tập trung hiện đại chỉ giới hạn trong ngành ngân hàng thôi. Những mối liên hệ chặt chẽ giữa các ngân hàng tất nhiên cũng sẽ làm cho những xanh-đi-ca của các nhà công nghiệp do các ngân hàng đó nâng đỡ, xích lại gần nhau. Xanh-đi-ca cũng như sự dao động của cục diện kinh tế sẽ dẫn đến những hợp nhất hơn nữa, để rồi vào một ngày kia, khi chúng ta thức dậy, chúng ta sẽ lấy làm ngạc nhiên thấy chỉ có toàn những tờ-rốt thôi; chúng ta sẽ đứng trước một sự tất yếu là phải

NB

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 422.

<sup>2)</sup> Như trên.

NB ||| đem những tổ chức độc quyền của nhà nước thay cho những tổ chức độc quyền của tư nhân. Thế nhưng thực ra chúng ta cũng không có gì đáng tự trách mình cả, có trách là trách đã để mặc cho sự vật phát triển tự do, sự phát triển đó lại được *cổ phiếu* thúc đẩy nhanh lên đôi chút" (426)<sup>1)</sup>. (Hết bài báo.)

"**N H Ữ N G C Ô N G T Y C O N**", bài báo của *Lút-vích E - s v ê - g h ê*, tr. 544 và các trang tiếp (tháng Năm 1914).

Đầu năm 1912, *những ngân hàng lớn* (vì phải nhân nhượng sức ép của Ngân hàng quốc gia) đã áp dụng một biểu mẫu mới về các bảng cân đối. Nhưng hàng **nghìn công ty cổ phần** vẫn tiếp tục in những bảng cân đối ngắn gọn ("knappe") mà không vượt ra khỏi phạm vi yêu cầu của pháp luật, — hình như muốn dùng sự ngắn gọn của các bảng cân đối để đảm bảo tránh sự đầu cơ!!! Trên thực tế thì:

"Trên thực tế, kết quả duy nhất mà điều đó" ("sự ngắn gọn của các bảng cân đối") "mang lại là chỉ có một số ít người am hiểu tình hình hơn, có thể làm giàu *trên lưng cá đám cổ đông*, đặc biệt là nếu kèm thêm vào những bảng cân đối ngắn gọn ấy, lại có cả một hệ thống phân phối tinh vi theo các khoản, khiến cho những cổ đông bình thường không thấy được những số liệu quan trọng. Các ban giám đốc và bạn tốt của họ thấy làm như vậy thì có được hai điều lợi: khi công việc thuận lợi thì chỉ có họ mới sẽ là những kẻ nắm được những tin tức về tình hình giá cả tăng như thế nào, còn khi tình hình bắt đầu xấu đi thì họ có thể tránh được những sự mất mát đang chờ họ, bằng cách kịp thời bán chạy các cổ phần.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 422 - 423.

Như vậy, chẳng hạn "Ác-txi-en-ghê-den-sáp-phơ phi-u-rơ phê-đe-rơ-stan-in-đu-xơ-ri" ở Cát-xơ, trước đây vài năm vẫn còn được coi là một trong những doanh nghiệp Đức có nhiều thu nhập hơn cả. Vì quản lý kém nên lợi tức cổ phần của nó từ 15% tụt xuống 0%. Sở dĩ như vậy là vì ban giám đốc, không cho các cổ đông biết, đã cho một trong những "công ty con" của nó, công ty "Hát-xi-a", một công ty hữu hạn với số tư bản danh nghĩa chỉ có vài chục vạn mác thôi, vay 6 triệu mác. Trong bảng cân đối của "công ty mẹ" không hề nói gì đến khoản cho vay đó, khoản cho vay này lớn gần gấp ba tư bản cổ phần của "công ty mẹ"; đúng về pháp lý mà nói, thì việc lừa đi như thế vẫn hoàn toàn hợp pháp, và có thể lừa đi như thế trong hai năm trường vì làm như vậy vẫn không phạm một điều nào của thương luật. Viên chủ tịch hội đồng giám sát, với tư cách là người có trách nhiệm, đã ký vào các bảng cân đối giả đó, trước đây và hiện nay viên đó vẫn làm chủ tịch phòng thương mại Cát-xơ. Chỉ mãi rất lâu về sau, các cổ đông mới biết về việc cho vay tiền đó, khi mà việc này được xác nhận là sai lầm và khi các cổ phiếu của "phê-đe-rơ-stan" đã bị hạ giá gần 100% vì những người đã rõ chuyện đem bán tống bán tháo đi. Chỉ từ đó, nhờ thay đổi phương pháp lập bảng cân đối, người ta mới thấy ra được khoản tương ứng. Ví dụ điển hình này về cái trò xiếc với bảng cân đối, cái trò xiếc thông thường nhất trong các công ty cổ phần, giải thích cho ta hiểu vì sao ban giám đốc các công ty đó lại dám làm những việc mạo hiểm một cách dễ

một thí dụ  
hay!

!!!

NB

dài hơn rất nhiều so với những nhà kinh doanh riêng. Kỹ thuật hiện đại về cách lập bảng cân đối chẳng những đã giúp cho các ban đó che mắt các cổ đông hạng trung không thấy được những việc mạo hiểm, mà còn cho phép những đương sự chính trốn tránh được trách nhiệm trong trường hợp cuộc thí nghiệm bị thất bại, bằng cách bán kịp thời các cổ phiếu của mình, còn nhà kinh doanh riêng thì bản thân phải chịu trách nhiệm về tất cả những việc mình làm" (545).

"Các bảng cân đối của nhiều công ty cổ phần giống những bản thoả tịch" (bản giấy da) "thời trung cổ, trong đó trước hết người ta phải cạo lớp chữ rõ đi đã, rồi mới có thể thấy những chữ nói lên nội dung thật sự của tài liệu" (545)...

# Bản giấy da trên đó người ta đã xoá lớp chữ gốc, để viết đè lên một lớp chữ mới.

..."Phương pháp giản đơn nhất và, do đó, được dùng nhiều nhất để làm cho các bảng cân đối trở nên không thể hiểu được, là ở chỗ chia một doanh nghiệp thống nhất ra thành mấy bộ phận, bằng cách thành lập hay cho sáp nhập các công ty con. Đứng trên giác độ những mục đích khác nhau — hợp pháp hay không hợp pháp — mà xét thì phương pháp đó đều có lợi rõ rệt đến nỗi ngày nay trường hợp những công ty lớn không theo phương pháp đó chỉ là trường hợp thật sự ngoại lệ" (545 - 546).

Như vậy là người ta đã thành công trong việc làm cho "những hoạt động của họ trở nên kín như bưng tới một mức độ nhất định" (ibidem)...

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 440 - 442.

Một ví dụ đặc biệt xuất sắc là "An-ghê-mai-nơ ê-lếch-tơ-ri-txi-tét ghê-den-sáp-phơ" (hàng tử trong các công ty con)...

( xem 1908. Quyển 8: "Hệ thống Ra-tê-nau". "Die Bank" về các phương pháp của AEG  
 (...Thuế thì phải đóng nhiều hơn vì chúng (các công ty con) phải đóng các loại thuế đặc biệt, nhưng lợi nhuận cũng lại nhiều hơn và bí mật được bảo đảm!!.. )

tác giả viết ngả: "Các công ty con là một phương tiện lý tưởng cho phép lập các bảng cân đối giả một cách khách quan mà không mâu thuẫn với các điều quy định của thương luật" (549).

..."Cái quyết định là ở chỗ hệ thống hiện nay trong việc phân chia các khoản tạo ra những khả năng ngụy trang" (ibidem)...

Thêm một thí dụ nữa:

"Ô-béc-sle-di-sơ ây-den-in-đu-xơ-ri ác-txi-en-ghê-den-sáp-phơ" (tr. 550 - 551) trong bảng cân đối những "sự tham dự" = 5.2 triệu mác.

Những sự tham dự nào vậy? bằng con đường riêng, tác giả đã biết được: 60% cổ phần là của "Glây-vít-tơ-stai-nơ-cô-len-gru-ben"

(thế mà công ty này đang nợ 20 triệu mác!!)

((Hết))

Ibidem tr. 340 (tháng Tư) (Các ngân hàng lớn ở Béc-lanh 28. II. 1914).

Bảng cân đối của các ngân hàng lớn ở Béc-lanh. 8 ngân hàng ("Đoi-sơ ban-cơ", "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ", "Đre-dơ-đne ban-cơ", "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ", "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in", "Na-txi-ô-nan-ban-cơ phi-u-rơ Đoi-sơ-lan-đơ", "Côm-méc-tơ - un-đơ đi-xcôn-tô-ban-cơ" + "Mít-ten-đoi-sơ crê-đi-tơ-ban-cơ").

Bảng  
cân đối:  
28. II.  
1914

Triệu mác

tư bản cổ phần = 1 140. <sub>0</sub> triệu	Dự trữ = 350. <sub>82</sub>
Hối phiếu, v. v. = 1 956. <sub>16</sub>	Tham dự của công-xoóc-xi-om = 278. <sub>29</sub>
Những người mắc nợ = 3 036. <sub>63</sub>	
Σ của bảng cân đối = 8 103. <sub>71</sub>	Tham dự dài hạn = 286. <sub>81</sub>

Quỹ tiết kiệm (1910) (kể cả quỹ tiết kiệm bưu điện)<sup>11</sup> (tr. 446)

	Triệu mác		Triệu mác
Đức	16 780	Đan-mạch	603
Áo	5 333	Lúc-xăm-bua	49
Hung-ga-ri	1 876	Thụy-điển	961
Ý	3 378	Na-uy	570
Pháp	4 488	Tây-ban-nha	340
Anh	4 518	Ru-ma-ni	50
Nga	3 019	Bun-ga-ri	36
Phần-lan	190	Mỹ	17 087
Thụy-sĩ	1 272	Úc	1 213
Hà-lan	464	Tân-tây-lan	319
Bỉ	830	Nhật-bản	662

NB tr. 496: Phê phán "thống kê phát hành chứng khoán": phần lớn thống kê này (trong thống kê của tờ "Frankfurter Zeitung" và của tờ "Der Deutsche Oekonomist" có nhiều đánh giá) là rất không chính xác, nó đưa ra maximum, chứ không phải là thực tế. Phát hành cổ phiếu = có thể là sự chuyển nợ sang một hình thức khác.

Xem tiến sĩ Héc-man Clây-nơ: "Thống kê phát hành chứng khoán ở Đức". Béc-lanh, 1914, và M. Mác-xơ (l u ậ n á n). "Thống kê phát hành chứng khoán ở Đức và ở một số nước ngoài khác". An-ten-buốc, 1913.



1914, 1, tr. 316 (bài của Lan-xbuốc). *Sở giao dịch chứng khoán versus ngân hàng:*

... "Đã từ lâu, sở giao dịch không còn là tổ chức trung gian cần thiết trong việc lưu thông như trước kia, khi mà ngân hàng chưa có thể đem phần lớn những chứng khoán đã phát hành, để phân phối cho khách hàng của nó"<sup>1)</sup>. NB

(Tháng Ba 1914) tr. 298 - 9 "*m ộ t t h ờ i đ ạ i m ớ i c ủa s ự t í c h t ụ*" (trong ngành ngân hàng) — nhân khi cục diện kinh tế xấu đi etc.

("Béc-ghi-sơ - Méc-ki-sơ ban-cơ", doanh nghiệp ở vùng Ranh có 80 triệu với 35 chi nhánh này sắp sửa sáp nhập vào "Đoi-sơ ban-cơ": 298.)

"Vì cho dù sự hợp nhất không phải bao giờ cũng tạo nên sức mạnh, thì nó cũng vẫn che giấu được từ bên ngoài nhiều chỗ yếu và lỗ loét" (299) — bàn về ý nghĩa của sự hợp nhất...

tr. 94. "*Thống kê những cuộc vỡ nợ*"<sup>12</sup> — ý nghĩa của nó đối với việc đánh giá cục diện kinh tế.

(Trích từ "Bình luận hàng quý về thống kê của đế quốc Đức") đặc biệt là "những cuộc phá sản kinh tế nặng nề hơn cả, tức là những trường hợp mà do sự thiếu tài sản của người vỡ nợ nên những thủ tục về vỡ nợ hoặc là hoàn toàn không bắt đầu tiến hành được, hoặc là phải ngừng lại" (tr. 94). NB

[Xem bảng ở tr. 76. BT.]

Trong thời gian ấy, số thành phố lớn tăng từ 28 đến 48 (dân số của chúng còn tăng nhiều hơn nữa), nhưng % những cuộc phá sản lớn nhất (đã được kết thúc do tình

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 426.

Bổ sung của tôi theo Rit-xơ	Tổng số những cuộc vỡ nợ ở đế quốc Đức số cuộc mới tuyên bố						Những cuộc vỡ nợ trong các thành phố lớn số cuộc mới tuyên bố															
				số cuộc đã được kết thúc						số cuộc đã được kết thúc												
	Tổng số	trong đó, số bị khước từ	%	Tổng số	do tình trạng thiếu tài sản của người vỡ nợ	%	Tổng số	trong đó, số bị khước từ	%	Tổng số	do tình trạng thiếu tài sản của người vỡ nợ	%										
Đầu thời kỳ hưng thịnh	1895	7 111	680	9.6	6 362	395	6.2	1 823	243	13.3	1 724	104	6.0									
Cực diện kinh tế tốt	1897	6 997	639	9.1	6 077	381	6.3	1 777	251	14.1	1 466	92	6.3									
	1899	7 742		8.8																		
Khủng hoảng	1901	10 569		10.9																		
	1903	9 627		15.1																		
Phục hồi Khủng hoảng ở Mỹ	1905	9 357		17.6																		
	1907	9 855		17.8																		
"Phồn vinh" <sup>1)</sup>	1908	11 571		19.0																		
	1909	11 005		21.6																		
	1910	10 783		22.2																		
	1911	11 031	2 351	21.3										8 092	682	8.4	3 603	1 238	34.3	2 325	220	9.5
	1912	12 094	2 885	23.9										8 356	784	9.4	4 060	1 563	38.5	2 395	241	10.1

<sup>1)</sup> "Die Bank", 1914, tr. 5 (I. 1914).

trạng thiếu tài sản của người vợ nợ) trước đây *thấp hơn số trung bình*, và ngày nay thì *cao hơn*.

*tr. 1 (I. 1914), trong bài báo ("Những tác nhân kích thích các cuộc khủng hoảng") của Lan-xbuốc:* (NB: Cục diện kinh tế).

"Đã gần một năm nay, cục diện kinh tế ở Đức *tối đi* một cách đáng kể".

||| ergo từ  
||| năm 1913

"Thời gian mà chúng ta đang sống thể hiện rõ nhiều triệu chứng của khủng hoảng, tuy không phải tất cả những triệu chứng đó đều là những triệu chứng đặc trưng"...

||| khủng  
||| hoảng năm  
||| 1914

"Tác nhân kích thích nguy hiểm nhất gây ra những cuộc khủng hoảng là... sự tiến bộ"... (11).

Thủ đoạn để *chống lại* điều đó? "*Tơ-rốt* có hiệu lực hơn (là các-ten), — nó hoặc là vùi dập một cách có ý thức mọi loại phát minh và cải tiến, hoặc là mua lại chúng, chẳng hạn như các nhà máy thủy tinh lớn ở Đức đã mua bằng phát minh của Ô-oen-xơ về chế tạo chai lọ sau khi đã tập hợp lại với nhau thành một loại *tơ-rốt* có mục tiêu, để mua lại một bằng phát minh mà họ cảm thấy là vô cùng nguy hiểm cho họ" (15)<sup>1)</sup>.

||| NB  
||| một thí dụ  
||| hay!!

"*Tơ - rốt vận tải*", một bài ngắn trong tạp chí "*Die Bank*", 1914, 1, tr. 89.

Người ta thấy trước là sẽ có sự thành lập (có thể là trong một ngày gần đây) "một *tơ-rốt vận tải*" ở Béc-lanh, "tức là một cộng đồng lợi ích giữa ba xí nghiệp vận tải ở Béc-lanh —

||| một thí dụ  
||| hay!

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 503.

đường sắt trên mặt đất, tàu điện thành phố và công ty xe khách thành phố. Người ta có cái ý định đó thì chúng tôi đã biết từ lúc thấy rằng đa số các cổ phần của công ty xe ngựa đều chuyển sang hai công ty vận tải khác... Người ta có thể hoàn toàn tin lời những người theo đuổi mục đích đó nói rằng họ hy vọng là nhờ sự điều tiết thống nhất đối với ngành vận tải, sẽ có được những món tiết kiệm và một phần trong đó cuối cùng có thể thuộc về tay công chúng. Nhưng vấn đề trở thành phức tạp do chỗ là đằng sau cái *tơ-rốt* đang hình thành đó,

!! ||| lại có các ngân hàng có thể — nếu họ muốn — buộc những đường giao thông mà họ giữ độc quyền, phải phục tùng lợi ích của việc buôn bán của họ về đất đai. Để thấy rõ xem giả định ấy là điều tự nhiên đến chừng nào, thì chỉ cần nhớ lại rằng ngay từ khi thành lập công ty đường sắt chạy điện trong thành phố, lợi ích của ngân hàng lớn — ngân hàng đã khuyến khích việc lập công ty ấy, — đã xen lẫn trong việc đó rồi. Cụ thể là: lợi ích của doanh nghiệp vận tải này gắn chặt với lợi ích của việc buôn bán đất đai và thậm chí đó còn là một tiền đề chủ yếu của việc thành lập xí nghiệp vận tải đó. Sự thế là thế này: đoạn phía Đông của con đường sắt này phải xuyên qua những vùng đất đai mà sau này, khi việc xây dựng con đường đó đã được bảo đảm rồi, ngân hàng đã đem bán lại và thu về một số lợi to lớn cho chính mình và cho vài người tham dự công ty đất cạnh ga Sen-kha-u-dơ An-lê-a...<sup>1)</sup> Thật

NB

!!

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 450 - 451.

vậy, ai nấy đều biết rằng việc khai thác những vùng đất mới và do đó cả việc nâng cao giá trị của chúng lên là có thể thực hiện được bằng cách tốt nhất là thông qua các con đường giao thông mới". (Tiếp sau là một ví dụ nữa: có ít ra là 11 tuyến đường đã phục vụ khu vực Tem-pen-gốp. Liệu có nhiều quá chăng? Nguyên do là vì: đây là nơi ở của nhiều vị giám đốc và ủy viên các hội đồng giám sát!!! tr. 90)... "Độc quyền về phương tiện giao thông dẫn đến độc quyền về cư trú..."

NB

"Tấn hải kịch về dầu hoả". "Die Bank", 1913, số 4 (tr. 388).

Một bài ký sự tuyệt tác phơi trần bản chất của vấn đề trong cuộc đấu tranh giành độc quyền về dầu hoả ở Đức.

Trước năm 1907. "Trước năm 1907 công ty dầu hoả của "Đoi-sơ ban-cơ" xung đột mạnh với "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" (389). Kết quả đã rõ ràng: "Đoi-sơ ban-cơ" bị thất bại. Trong năm 1907 nó chỉ còn có cách: hoặc là thủ tiêu "lợi ích dầu hoả" của mình, chịu mất hàng triệu, hoặc là phải quy phục. Họ chọn cách thứ hai và ký với "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" một bản hiệp ước ("không có lợi lắm") cho "Đoi-sơ ban-cơ"). Theo hiệp ước đó "Đoi-sơ ban-cơ" có trách nhiệm "không được xúc tiến một việc gì không có lợi cho quyền lợi của Mỹ", nhưng... hiệp ước sẽ mất hiệu lực trong trường hợp có luật pháp về sự độc quyền dầu hoả của Đức.

Và thế là ngài phôn Gvin-nơ (một trong những giám đốc "Đoi-sơ ban-cơ") thông qua thư ký của mình (thư ký riêng) (Stau-xơ) ("Die Bank", 1912, 2, tr. 1034) mở cuộc cổ động

NB:  
Cuộc đấu tranh giữa "Đoi-sơ ban-cơ" và "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni"<sup>13</sup>

cho độc quyền!! Người ta ném vào việc này toàn bộ bộ máy của một ngân hàng lớn... nhưng bị rối mù. Chính phủ lo sợ (đã chuẩn bị xong dự thảo và trình nghị viện) là liệu nước Đức có thể kiểm ra dầu hoả mà không cần thông qua "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" không?

Xem 1913, tr. 736 và các trang tiếp.

Bản dự luật về quân sự (3. VII. 1913) đẩy vấn đề này lui ra, đã cứu vãn được tình thế. "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" đã được cuộc, vì độc quyền (tạm thời) vẫn chưa được chấp nhận<sup>1)</sup>.

NB

Cuộc đấu tranh giữa "Đoi-sơ ban-cơ" và Đức với "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni".

"Die Bank", 1913, số 8 (tháng Tám).

An-phrết Lan-xbuốc. "Năm năm hoạt động của các ngân hàng Đức".

Sự lớn mạnh của sự tích tụ:

Số tiền gửi (của tất cả các ngân hàng có tư bản cổ phần > 1 triệu mác) có

1907/8	— 6 988 triệu mác
1912/3	— 9 806
	+ 2.s tỷ + 40%
	{ 9 ngân hàng lớn ở Béc-lanh
	{ 48 ngân hàng có > 10 triệu mác tư bản
	57
	+ 115 ngân hàng có > 1 triệu tư bản

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 466 - 468.

57 ngân hàng lớn đã tăng số tiền gửi của mình lên thêm 2.75 tỷ

Trong 5 năm tăng (triệu mác)

	tiền gửi	tư bản cổ phần	dự trữ
tất cả các ngân hàng có > 1 triệu tư bản	+ 2 818	+ 390	+ 148
57 ngân hàng có > 10 " " "	+ 2 750	+ 435	+ 153
} tại các ngân hàng nhỏ, có sự giảm sút tuyệt đối: hợp nhất } etc.			

*Phần trăm trong tổng số tiền gửi (tr. 728)*

NB	những ngân hàng lớn ở Béc-lanh (9)	những ngân hàng khác có tư bản > 10 triệu mác (48)	những ngân hàng có từ 1 đến 10 triệu mác (115)	những ngân hàng có tư bản < 1 triệu mác
1907/ 8	47	32.5	16.5	4    100
1910/11	49	33.5	14	3 1/2    100
1912/13	49	36	12	3    100 <sup>1)</sup>

1913, số 7, tr. 628 và các trang tiếp.

"Nhà nước và công trái nước ngoài" (của An-phrết Lan-xbuốc).

Chính phủ Đức cấm những công trái nước ngoài ư? Điều gì đã đẩy các ngân hàng vào hướng đó? Điều này: chúng đã bị "sa lầy" (Mê-hi-cô, Trung-quốc, Thổ-nhĩ-kỳ etc. có nguy cơ bị phá sản).

Cái gì đã thúc đẩy các ngân hàng đến chỗ cấp cho các nước như vậy một khoản vay đầu tiên? Sự trực lợi!

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 24, tr. 416.

NB  
quan  
trọng

... "Trong nước không có một công việc kinh doanh nào có thể mang lại được, dù chỉ xấp xỉ thôi, những lợi nhuận cao như việc đứng làm trung gian để phát hành công trái cho nước ngoài" (630)...<sup>1)</sup>

liên quan  
đến vấn đề  
chủ nghĩa  
đế quốc!!

chênh lệch tới 7 - 8% giữa thị giá ký mua và thị giá ngân hàng; các điều kiện khác nhau, chẳng hạn như tiền bảo đảm — % của sáu tháng coi là cái "bảo đảm" v. v. và v. v..

Tiếp đến là "chính sách cao" (đặc biệt là Pháp và Đức — cho vay để kiếm bạn đồng minh v. v.)

diễn đạt  
hay!

Sự phụ thuộc của Pháp vào Nga ("thị giá của chứng khoán có giá của Nga cứ giảm đi 1% sẽ làm cho nước Pháp mất 100 triệu. Đối với chủ nợ chủ yếu của nó thì chỉ riêng mỗi một việc nước Nga đe ngừng trả lãi cũng là điều nghiêm trọng hơn là việc mất cả một quân đoàn" — tr. 633).

diễn đạt  
hay!

Với những món vay như vậy "thì không biết ai sẽ dắt mũi ai", ibidem.

Mê-hi-cô (tr. 628) đã nhiều lần vi phạm những điều cam kết của mình (mà không bị phá sản hoàn toàn); nhưng người ta vẫn cho nó vay, vì nếu không thì sẽ còn xấu hơn!!

**"Sự cạnh tranh vì công trái nước ngoài"** (1913, số 10, tr. 1024 và các trang tiếp. Lời bàn của tòa soạn).

"Từ ít lâu nay, trên thị trường quốc tế của tư bản đang diễn ra một tấn hài kịch xứng đáng với

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 447.

cây bút của A-ri-xtô-phan. Hàng loạt nước ngoài, từ Tây-ban-nha cho đến Ban-căng, từ Nga cho đến Ác-hen-ti-na, Bra-xin và Trung-quốc, đều đưa ra, một cách công khai hoặc che đậy, tại các thị trường tiền tệ lớn, những yêu cầu vay tiền, đôi khi đó là những yêu cầu hết sức cấp bách. Ngày nay, tình hình thị trường tiền tệ không được sáng sủa lắm, và triển vọng chính trị cũng không phải là lạc quan gì. Tuy thế, không một thị trường tiền tệ nào lại dám từ chối không nhận cho nước ngoài vay, vì sợ rằng nước láng giềng nhanh chân đến trước lại đồng ý cho vay, và do đó mà sẽ nhận được những sự đền đáp qua lại nào đó. Trong việc ký kết quốc tế như thế, người cho vay hầu như bao giờ cũng kiểm soát được một cái gì: một khoản nhượng bộ trong hiệp ước thương mại, một trạm cung cấp than đá, việc xây dựng hải cảng, một tô nhượng béo bở hay một món đặt mua đại bác" ... (1025)<sup>1)</sup>.

"những lợi lộc"

NB

quan trọng đối với vấn đề những độc quyền và tư bản tài chính; "những lợi lộc" của chủ nghĩa đế quốc

**1913, tháng Tám, tr. 811, bài "Các quỹ tiết kiệm và ngân hàng"...**

..."Các phòng thương mại của chúng ta vẫn tiếp tục một cuộc đấu tranh cạnh tranh gay gắt, cuộc đấu tranh này xảy ra cách đây mấy năm giữa các quỹ tiết kiệm và ngân hàng do việc hai cơ quan rất khác nhau đó đều muốn vượt ra khỏi ranh giới hoạt động riêng biệt của mình và nhảy vào lĩnh vực hoạt động của cơ quan khác". Phòng thương mại ở *Bô-khum* chẳng hạn, đòi phải có những biện pháp chống lại

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 459 - 460.

các quỹ tiết kiệm, trong đó có việc cấm chiết khấu hối phiếu, cấm mở các tài khoản vãng lai v. v. (cho phép họ có "tủ bảo hiểm", chi phiếu và ký chuyển hối phiếu)<sup>1)</sup>

Cùng một chủ đề: "Hoạt động ngân hàng của các quỹ tiết kiệm" (tr. 1022 và các trang tiếp).

!!  
ý muốn "đi lùi" về chủ nghĩa tư bản nhỏ (chứ không tiến đến chủ nghĩa xã hội)

Các quỹ tiết kiệm biến thành những doanh nghiệp cho người giàu: năm 1909, ở Phổ, trong số 10.3 tỷ mác tiền gửi thì 4.78 tỷ = 46 1/3 % là những món tiền gửi > 3 000 mác (15% là những món tiền gửi > 10 000 mác). Thường thường những người giàu có > 1 quyển sổ. Các quỹ tiết kiệm thực hiện những hoạt động mạo hiểm (hối phiếu, cầm cố v. v.) do sự cạnh tranh thúc đẩy (phải trả 4 và 4 1/4 %!). Người ta đề nghị "cấm"...

Bài báo "Vũng lầy" (L. E-svê-ghê) (1913, tr. 952 và các trang tiếp) nói về những hành vi gian lận của bọn đầu cơ đất đai (bán đất theo giá cắt cổ, sự phá sản của người xây dựng, sự khánh kiệt của những công nhân không nhận được tiền lương etc. etc.). Ha-béc-lân, kẻ cầm đầu bè lũ, muốn nắm độc quyền những "phòng chỉ dẫn", tức là nắm độc quyền toàn bộ ngành xây dựng. Những câu kết luận thật đáng chú ý:

"Đáng tiếc là quá trình phát triển tất yếu của nền văn minh hiện đại hình như dẫn đến kết quả là lực lượng sản xuất ngày càng rơi vào tay những kẻ có thể lực và bị họ sử dụng một cách

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 425.

độc quyền. Sự tự do kinh tế, được hiến pháp Đức bảo đảm, trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế chỉ là một câu nói vô nghĩa. Trong những điều kiện như vậy, giới quan lại trong sạch nhận thức được trách nhiệm của mình, là hòn đá tảng có thể cứu lợi ích của xã hội thoát ra khỏi sự tấn công của lòng tham lam vụ lợi. Nếu như hòn đá tảng đó bị sói mòn thì ngay cả sự tự do chính trị rộng rãi nhất cũng không thể nào cứu được chúng ta khỏi trở thành một đám người mất tự do<sup>1)</sup>. Và lúc đó thì ngay cả chế độ quân chủ cũ có lẽ cũng chỉ có ý nghĩa trang trí thuần túy mà thôi" (tr. 962).

ha ha!

chỉ "có lẽ  
có" thôi  
ư???

NB

tác giả đã viết cuốn sách: "Những vấn đề ruộng đất và cầm cố". 1913 (2 tập).

NB

### CHỈ DẪN THƯ MỤC

?? *O-giê-ni Svít-lăng*. "Nền kinh tế quốc dân dưới tác động của thế giới bên ngoài" (1913) (1 cua-ron). Một trong các đề tài và các chương: "Những thuộc địa và liên minh các quốc gia".

"Số tra cứu về các thuộc địa của phân ơ *Gây-đết*". (Do Ph. Men-sơ và Gi. Hen-măn xuất bản.) 1913 (xuất bản năm thứ 7) (16 mác). Những số liệu (tài chính) về tất cả các ngân hàng và công ty cổ phần ở các thuộc địa.

? Lê-ô-pôn *Giô-đép*. "Sự phát triển của những ngân hàng Đức". Luân-đôn, 1913. Có thể đây là phỏng biên cuốn sách của Rít-xơ? hay là không?

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 452.

Éc. *Huy-bê-nơ*. "Công nghiệp sắt thép của Đức". 1913 (5.60 mác) (Tập 14 "Tủ sách trường cao đẳng thương mại").

Pôn *Hau-xmai-xtơ*. "Xí nghiệp lớn và sự độc quyền trong ngành ngân hàng Đức" (1912). (2 mác).

*Ác-tua Ra-pha-lô-vích*. "Thị trường tiền tệ". 1911/2, Pa-ri, tập 22, 1912/3.

"Compass". Xuất bản năm thứ 4 6. 1913 (niên giám tài chính Áo; thống kê quốc tế trong tập II). Nhà xuất bản R. *Ha-nen*.

### THỐNG KÊ CÁC CHỨNG KHOÁN CÓ GIÁ

"*Thống kê quốc tế về những chứng khoán có giá và việc phát hành chứng khoán có giá*". Của tiến sĩ Txim-méc-man "*Bank-Archiv*". 1912, 1. VII.

Theo xuất bản phẩm của "Viện thống kê quốc tế" (An-phrết Nây-mác-cơ), thống kê những "động sản".

Tính bằng **phrăng** (đơn vị = tỷ phrăng).

1. I. 1897 — 446.3 tỷ.

		<u>1/I 1897</u>	<u>1/I 1901</u>	<u>1/I 1907</u>	(tr. 302)
	Anh	182.6 — —	215 — — —	125—130	chứng khoán có giá hiện có thực sự
1897	Hà-lan	13.6 — —	15		
<i>không chính xác</i>	Bỉ	6.1 — —	8		
	Đức	92.0 — —	80 — — —	60—75	
	Áo - Hung	24.5 — —	30 — — —	20—22	
	Ý	17.5 — —	17 — — —	10—12	
(tr. 301)	Ru-ma-ni	1.2 — —	1.5		
	Na-uy	0.7 — —	1.0		
	Đan-mạch	2.7 — —	2.2		
1901	Pháp	80.0 — —	135 — — —	95—100	
đã được sửa chữa	Nga	25.4 — —	35 — — —	20—25	
	Tây-ban-nha	— —	10		
	Thụy-sĩ	— — — —	8		
	Thụy-điển v. v.	— — — —	5		
		Σ = 446.3	Σ = 562.7		

Mỹ —————	110—115
Nhật-bản —————	— 5
Những nước còn lại —————	30—35

## Tỷ:

1897—446. <sup>3</sup>
1899—460
1901—562. <sup>7</sup> (342. <sup>4</sup> )
1907—732 (475 - 514)
1911—815 (570 - 600) <sup>14</sup>

Những con số trong ngoặc đơn = thử trừ đi những số ghi hai lần hoặc bị lặp lại (khoảng gần  $\frac{2}{3}$  số trước) (tr. 301) ("những chứng khoán có giá hiện có thực sự trong thương nghiệp và là sở hữu của các nước khác nhau").

Xem tr. 68 của vở này<sup>1)</sup>

		(tr. 317)
	Tổng số	Phát hành
	trong từng	chứng khoán
	thời kỳ	có giá tính
	năm năm	bằng tỷ
		phrăng
Nây-mác-cơ,	1871/5	— — 45. <sup>0</sup>
t. XIX,	1876/80	— — 31. <sup>1</sup>
quyển II,	1881/85	— — 24. <sup>1</sup>
tr. 206	1886/90	— — 40. <sup>4</sup>
	1891/5	— — 40. <sup>4</sup>
	1896/900	— — 60. <sup>0</sup>
	1901/5	— — 83. <sup>7</sup>
	1906/1910	114. <sup>1</sup> <sup>3)</sup>

xem tr. 68 - 69  
ở đây<sup>2)</sup>

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 155.

<sup>2)</sup> Xem tập này, tr. 155 - 158.

<sup>3)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 453 - 454.

GRUN-TXEN. "CÁN CÂN THƯƠNG MẠI,  
CÁN CÂN THANH TOÁN  
VÀ BẢNG CÂN ĐỐI KINH TẾ"

Giáo sư tiến sĩ I-ô-xíp Grun-txen. "*Cán cân thương mại, cán cân thanh toán và bảng cân đối kinh tế*". **Viên, 1914.**

NB *Những tr. 26 - 29*: Bản tổng hợp tóm tắt các số liệu về xuất khẩu *tư bản* etc. (phần lớn các số liệu mọi người đã biết rõ).

Tư bản nước ngoài

ở Áo - Hung: 9 809 triệu cua-ron (trong đó có 4 653 của Đức và 3 270 của Pháp)

Ác-hen-ti-na 9 tỷ mác  
Trung-quốc 3 737 triệu mác (nợ do nhà nước vay: trong các đường sắt > 50 triệu *li-vrơ xtéc-linh*, trong các ngân hàng 34)

Nhật-bản 1 765 " yên (đấy là nợ do nhà nước vay;

Ca-na-đa 1 750 triệu đô-la (trong đó có 1 050 của Anh; 500 của Mỹ)

Mê-hi-cô 1 000 " " của Mỹ + 700 của Anh

SIN-ĐƠ. TẬP I CỦA "CHIỀU HƯỚNG PHÁT TRIỂN  
CỦA KINH TẾ THẾ GIỚI"

Tiến sĩ Dích-mung Sin-đơ. "*Chiều hướng phát triển của kinh tế thế giới*". Tập I. Béc-lanh, 1912. (Tập I: "Những tác động có kế hoạch?! đối với nền kinh tế thế giới").

Đầu đề thì quá rộng, còn đề mục phụ thì rõ ràng là có tính chất bịp bợm, vì tác giả là một người chuyên về chính sách thuế quan = đấy chính là tác động có kế hoạch đấy!!



Tác giả là thư ký của viện bảo tàng  
thương mại.

tr. 4 — Không tán thành Dôm-bác-tơ (thuyết của Dôm-bác-tơ về sự giảm sút của "hạn ngạch xuất khẩu"). Theo ông ta: "hạn ngạch" ấy *tăng lên*.

tr. 6. Có lẽ có tình trạng chính sách thuế quan bảo hộ được nói lỏng hơn ("những dấu hiệu của tình hình đó") năm 1910 - 1911.

tr. 6 — "Sự bất bình vì đời sống đắt đỏ" ở Pháp trong tháng VIII. và IX. 1911. *Những ngày tháng (NB)*: ở Viên 17. IX. 1911.

27 - 28. Và cả nông nghiệp — ông ta nói — **cũng phát triển** (không phải chỉ có công nghiệp), "ngay cả" "sogar" (tr. 28, dòng 8 từ dưới lên): "trong các nước công nghiệp ở châu Âu". (Cái "ngay cả" ấy thật hay!)

(NB: bàn về vấn đề cân bằng — liệu "sức mua của nông nghiệp trên trái đất có đủ không?", tr. 27.)

28 - 29. Sự phát triển các hợp tác xã nông nghiệp (ngay cả ở *Ấn-độ*: 3 498 với 231 000 thành viên, theo "The Times", 27. VII. 1911).

Sự phát triển đặc biệt nhanh của nền nông nghiệp *Mỹ*.

Trong thế kỷ 20, — ông ta nói, — điều tương tự cũng có thể xảy ra ở *Rô-đê-di-a*,

30: ở Ca-na-đa, Xu-đăng (thuộc Ai-cập), Mê-dô-pô-ta-mi

31 — các chính phủ phát triển nông nghiệp ở các thuộc địa "để tạo ra những người mua sản phẩm công nghiệp". (Còn ở *Ấn-độ* (cách đây không lâu) và ở Ai-cập thì nước Anh, nhằm mục đích này, lại "cản trở" một cách *giả tạo* sự phát triển của công nghiệp).

35 - 6 — nỗi lo sợ rằng sản phẩm nông nghiệp sẽ không đủ, là không có cơ sở. Vùng nhiệt đới và á nhiệt đới NB. *Phi-líp-pin*. Trong số 74 triệu a-cơ đất, chỉ có 3 - 5

là được canh tác. (Dân số 27 người trên một ki-lô-mét vuông.)

NB || 38: "Ta có thể đưa ra câu khẳng định này, mà một số người có thể cho là ngược đời, cụ thể là: việc tăng dân cư thành thị và dân cư công nghiệp, trong một tương lai tương đối gần đây, sẽ có thể gặp trở ngại vì thiếu nguyên liệu công nghiệp nhiều hơn là vì thiếu thực phẩm".

Thiếu *gỗ*: gỗ cứ đặt lên mãi; idem *da*; idem nguyên liệu cho công nghiệp dệt (39).

NB || ngày tháng! || "Những liên minh các nhà công nghiệp đang tìm cách tạo ra một thế cân bằng giữa nông nghiệp và công nghiệp trong phạm vi toàn bộ *nền kinh tế thế giới*; người ta có thể dẫn ra làm ví dụ Liên minh quốc tế của những liên minh các chủ xưởng kéo sợi bông, đã tồn tại từ năm 1904 trong một số nước công nghiệp quan trọng nhất; sau nữa là Liên minh của những liên minh các chủ xưởng *kéo sợi lanh* châu Âu, thành lập từ năm 1910, theo cùng một kiểu đó". (42)<sup>1)</sup>

trong nội bộ các nước — sự thỏa thuận giữa những người sản xuất *củ cải đường* với các chủ xí nghiệp.

"Đông Âu" || (khái niệm kinh tế và chính trị...) || Khủng hoảng nông nghiệp, giá cả hạ xuống từ những năm 70 đến những năm 90 của thế kỷ 19. Nguyên nhân — sự cạnh tranh của *Mỹ*? + tình cảnh nghèo túng của những người làm ruộng ở "*Đông Âu*" và *Ấn-độ* (xem *Ăng-ghen*).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 481 - 482.

(43 - 4) "Chỉ nhờ có hợp tác hóa nông nghiệp và cải tiến nền giáo dục quốc dân ở nông thôn mà lời văn của đạo luật về giải phóng nông dân mới trở thành một sự thật sinh động".

diễn đạt  
hay!

47: Cuộc khởi nghĩa của nông dân ở Ru-ma-ni năm 1907 (vào mùa xuân) cũng đóng một vai trò tương tự, trong việc cải thiện địa vị của họ, như cuộc cách mạng năm 1905 - 1907 ở Nga.

51: Chỉ có ở *Tân Tây-lan* (từ đầu những năm 90 của thế kỷ 19) "học thuyết của Henri Gioóc-giơ, việc quốc hữu hóa ruộng đất kiểu Anh mới được áp dụng" **"trong thực tế"** (phần lớn nhân dân là những hộ tiểu chủ ruộng đất)... Ở Úc, từ năm 1910, "cũng theo những con đường tương tự"...

NB

63: Vai trò của *những các-ten* (chính sách phá giá và đấu tranh chống các nước chủ trương tự do buôn bán) "trong vòng gần ba chục năm"...

các các-ten  
1882 - 1912

**Lý lẽ của những người Anh chủ trương  
chính sách thuế quan bảo hộ. NB**

[NB: đó là điều đã tạo nên trào lưu chủ trương thi hành chính sách thuế quan bảo hộ ở *Anh, Bỉ* và *Hà-lan*: 67.]

66: Hiệp định *Bruy-xen* về đường (5. III. 1902; được gia hạn ngày 28. VIII. 1907) đã chấm dứt sự thống nhất tiền thưởng của nhà nước về xuất khẩu (đường) với các tiền thưởng như vậy của *những các-ten*.

72. Chính sách thuế quan bảo hộ cực đoan gần với chủ trương tự do buôn bán ở *chỗ* là trong khi nó làm cho việc tiêu thụ ở trong nước gặp khó khăn (tình hình đời sống đắt đỏ) thì nó kích thích *ngoại* thương (nhập

NB

khẩu (α) nguyên liệu rẻ v. v.) (bán (β) ở ngoài nước, vì dân cư trong nước nghèo đi).

87 — Theo lời ông ta, không đúng là "các hiệp định thương mại" đã bị "phá sản"...

tác giả, khi viết về những vấn đề chính sách *thuế quan*, đưa ra vô số những chi tiết không cần thiết, tẻ nhạt; tôi bỏ qua chúng

98 — Những thí dụ về hiệp định thương mại: một nước nông nghiệp cần có máy móc rẻ (còn bên ký kết kia thì cần có lúa mì rẻ): thuế biểu của Bun-ga-ri 6/19. III. 1911 — hiệp định của Áo với Đức (năm 1905) (sản phẩm hóa chất; thuốc nhuộm màu chàm nhân tạo v. v.)

(99) — những sự nhượng bộ lẫn nhau (hiệp định thương mại giữa Đức và Bồ-đào-nha 30. XI. 1908) etc.

Đề mục phụ của chương IV, "Những cuộc chiến tranh thuế quan":

118 — "những thí dụ về sự tác động có ích đáng kể của một số cuộc chiến tranh thuế quan đối với sự phát triển lưu thông hàng hóa trên thế giới"... cuộc chiến tranh Nga - Đức năm 1893/4; — Pháp - Thụy-sĩ 1893/5.

Giữa Thụy-sĩ và Tây-ban-nha trong năm 1906 (từ tháng Sáu đến 1. IX. 1906) (đã dẫn đến việc *giảm* thuế suất)

Được kết thúc bằng  
các hiệp định  
: 1909  
: 1910

Giữa Áo và Ru-ma-ni (1886 - 1894)

" " " Xéc-bi-a (1906 - 1910)

127. { Các cuộc chiến tranh thuế quan ngày càng hiếm hơn, nhưng những sự dọa dẫm, những cuộc thương lượng etc., cũng đóng một vai trò như vậy.

145. Tự do buôn bán ở Anh dựa *cả* vào sức mạnh *quân sự* của nó (hải quân) lẫn vào các thuộc địa của nó.

Đúng ra là trước những năm 1860, ở Anh, thái độ thờ ơ đối với việc duy trì và tăng thêm các thuộc địa vẫn còn chiếm ưu thế (năm 1864, nước Anh thậm chí đã trả *không* cho Hy-lạp *các đảo I-ô-ni* mà không cần đòi một sự bù đắp nào về chính trị và *kinh tế* cả).

146 - 8: từ những năm 1880, Anh tăng cường chiếm thuộc địa. ((Xem *Hố-p-xơn*.) ) Xuất khẩu của Anh vào các thuộc địa của nó chiếm gần  $\frac{1}{3}$  toàn bộ xuất khẩu của nó, như thế không phải là ít và *NB*: việc xuất khẩu *này* "đặc biệt nhiều lãi".

do: (1) việc đầu tư *tư bản* vào các thuộc địa  
 (2) việc "*cung cấp*" cho thuộc địa ("cung cấp công cộng") (*rất* quan trọng!!)  
 (3) "Thuế quan ưu đãi đối với các sản phẩm Anh ở thuộc địa": (ở **đĩa số** các thuộc địa) } *NB* (149)

151: đối với những việc đầu tư tư bản thì điều quan trọng là phải có cả quyền uy của nhà nước (tổ nhượng, các cơ quan của thành phố và của nhà nước etc.) cũng như *sự tin cậy*: về phương diện ấy.

(Trong số những nhân tố của "chủ nghĩa đế quốc")

151 ..."câu chuyện hoang đường được các giới lãnh đạo của đế quốc Anh cũng như báo chí Anh nuôi dưỡng một cách cẩn thận, bất chấp cả Ai-rơ-len cũng như một số biện pháp được áp dụng ở Ấn-độ, Ai-cập v. v., — câu chuyện hoang đường về cái *chủ nghĩa tự do* và cái *tinh thần nhân đạo* đặc biệt mà chế độ Anh dường như vốn có trong mọi thời gian và khắp mọi nơi, câu chuyện đó đang phục vụ cho người Anh" (làm dễ dàng cho việc đầu tư tư bản). (Viết năm 1912.)

154: "Thuế quan ưu đãi giữa các thuộc địa" cũng được phát triển ở các thuộc địa của Anh.

(( (( NB: một bước tiến tới liên minh thuế quan của toàn đế quốc. )))  
 Ý kiến bổ sung của tôi.

Chế độ bảo hộ *thực sự* của Anh đối với *Bồ-đào-nha*, một phần nào đó đối với Tây-ban-nha (1901 - 1910),... đối với *Na-uy* (từ năm 1905)... đối với *Xiêm* (những năm 1860 đến năm 1904; hiệp ước với Pháp trong năm 1904; chế độ bảo hộ *chung* của họ)...

"Nhiều trường hợp khác đáng chú ý hơn và có thể là có ý nghĩa hơn là những ví dụ đã được nêu lên từ trước đến giờ" (Ai-cập, Đan-di-ba...) "về các nước á nhiệt đới và nhiệt đới nửa văn minh, những nước sau những thời kỳ quá độ tương đối ngắn, kéo dài khoảng chừng mấy chục năm, đã trở thành hoặc rõ ràng đang trở thành những thuộc địa của Anh. Ở đây, chúng tôi muốn nói đến những trường hợp khi *một quốc gia văn minh châu Âu*, có thể, trong một thời gian dài, trong hàng chục và thậm chí hàng trăm năm, bị thực tế đặt dưới sự bảo hộ của Anh nhưng không bị mất, ít nhất cũng là về mặt hình thức, một dấu hiệu bề ngoài nào về chủ quyền đầy đủ.

*Bồ-đào-nha* là một thí dụ nổi tiếng hơn cả và quan trọng nhất của trường hợp này. Kể từ cuộc chiến tranh giành giật quyền thừa kế Tây-ban-nha (1700 - 1714), nước Anh hầu như phải thường xuyên đưa lực lượng hải quân ra và đôi lúc đưa cả lực lượng của mình ra để bảo vệ các lãnh địa của Bồ-đào-nha ở châu Âu hoặc ở hải ngoại, chống lại sự tấn công và những tham vọng của Tây-ban-nha, Pháp, v. v.. Trên mức độ nhất định, những xung đột ngẫu nhiên giữa nước bảo hộ là nước Anh với nước được bảo hộ là Bồ-đào-nha đã có tính chất những sự bất hoà trong gia đình... chẳng hạn như trường hợp tối hậu thư của Anh ngày 11. I. 1890 phản đối mưu đồ lúc đó của Bồ-đào-nha định thiết lập mối quan hệ lãnh thổ riêng của mình giữa các thuộc địa của mình ở miền Tây và miền Đông châu Phi.

Dù sao thì Bồ-đào-nha cũng chỉ độc nhờ có sự ủng hộ của Anh mới giữ vững được những lãnh địa của mình — những lãnh địa thực ra không lớn lắm nhưng vẫn có tầm

quan trọng đối với một quốc gia nhỏ như Bồ-đào-nha, — ở bờ biển Tây Ấn-độ, ở Nam Trung-quốc (Ma-ca-o) và ở Ti-mo, mặc dầu chính ở miền Nam và miền Đông châu Á, sự đua tranh chính trị toàn thế giới là rất mạnh. Tại vùng Đông châu Phi thuộc Bồ-đào-nha, ngoài sự bảo hộ chính trị của Anh đối với Bồ-đào-nha thì thậm chí còn có thêm cả một loại liên minh thuế quan với Nam châu Phi thuộc Anh"... (hiệp ước ngày 18. XII. 1901)... "Liên minh thuế quan này, cho đến nay, đã tỏ ra là khá có lợi về mặt kinh tế đối với thuộc địa ấy của Bồ-đào-nha, mặc dầu đồng thời nó cũng là một thành quả có giá trị, trong hiện tại cũng như trong tương lai, đối với Nam châu Phi thuộc Anh và qua đó là đối với cả Anh.

Chế độ bảo hộ thực sự như vậy của Anh đối với Bồ-đào-nha, trong suốt hơn 200 năm tồn tại của nó, là vô cùng có lợi cho thương nghiệp và hàng hải của Anh"... (hiệp ước với Bồ-đào-nha năm 1703)...

"Song từ khi Anh chuyển sang chính sách tự do buôn bán hoà bình thì thông qua hoạt động ngoại giao, nó có thể có đối với biểu thuế quan của Bồ-đào-nha một ảnh hưởng lớn đến nỗi các nước khác khó lòng mà đạt được, ngay cả bằng những biện pháp như dành cho những ưu đãi về thương mại hoặc đe dọa chiến tranh thuế quan. Ngoài ra nhờ địa vị là cường quốc thống trị, nước Anh còn có thể sử dụng một cách đặc biệt rộng rãi, tất cả những khả năng xuất khẩu và đầu tư mà muốn có được thì rất cần đến những tô nhượng của chính phủ Bồ-đào-nha"... (đường sắt ở châu Phi thuộc Bồ-đào-nha, v. v.)...

"Một lần nữa, nhờ sự bảo hộ của nó đối với Bồ-đào-nha, mà nước Anh lại đã gián tiếp duy trì được không những vị trí của mình ở Nam Phi và ảnh hưởng của mình ở nước Công-gô, mà còn duy trì được cả địa vị bá chủ của mình trên mặt biển, cái chỗ dựa chắc chắn ấy của sức mạnh của mình về thuộc địa và của sức mạnh chính trị và kinh tế trên toàn thế giới. Chẳng hạn, Bồ-đào-nha cho phép hạm

đội Anh sử dụng các cảng và các hòn đảo của mình trong thời bình cũng như trong thời chiến làm những địa điểm huấn luyện và những trạm trung gian cho việc đi biển, cho việc đặt những đường dây, v. v." (159 - 161)...<sup>1)</sup>

danh ngôn của Bi-xmác

169 — Trong chiến tranh, nước Anh đã sử dụng các nước châu Âu như là "một đội quân đánh bộ giới" ("theo nhận xét của Bi-xmác, như là "một tên hộ pháp dân độn" của chính sách toàn cầu").

170 — Anh đã ủng hộ việc Bỉ tách khỏi Hà-lan ("chia đôi" Hà-lan, một đối thủ của nó) để loại bỏ sự tồn tại của một cường quốc cách Luân-đôn không xa.

175 — 6. Cuộc đấu tranh (của Anh) với Nga để đoạt Ba-tư (kéo dài) cho đến *hoà ước* 9. VI. 1908.

Cuộc đấu tranh (của Anh) với Pháp để đoạt Xiêm (kéo dài) cho đến *hoà ước* 8. IV. 1904.

**178 và các trang tiếp.** "4 giai đoạn của chính sách toàn cầu của Anh" (chỉ ra các giai đoạn ấy, tr. 184):

- 1) thời kỳ Á châu thứ nhất (chống nước Nga), vào khoảng 1870 - 1885.
  - { 1870 — chống quyền của Nga ở Hắc-hải.
  - { 1885 — hiệp nghị về biên giới Á-p-ga-ni-xtan.
- 2) thời kỳ Phi châu (chống Pháp, một phần chống Bồ-đào-nha và Đức) khoảng những năm 1885 - 1902 (1898 sự kiện "Pha-sô-đa")
  - { 1885 — hiệp nghị về Công-gô: "độc lập" (nước Anh muốn nuốt chửng Công-gô)
  - { 1902 — kết thúc chiến tranh Bô-e
- 3) thời kỳ Á châu thứ hai (chống nước Nga): vào khoảng 1902 - 1905.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 486.

{ Hiệp ước với Nhật năm 1902. Chiến tranh Nga - Nhật  
1904/5

4) thời kỳ "Âu châu" (chống Đức) vào khoảng  
1903 — — — ("chống Đức")<sup>1)</sup>

1903: sự rạn nứt vì đường sắt Bát-đa.

194: Đế quốc Anh (cùng với các thuộc địa của nó) cung cấp: "> 1/4 lưu thông thương mại quốc tế" (dẫn tập II, phụ lục IX)

thế là ít: xem Lan-xbuốc:  $\frac{3}{4}$ <sup>2)</sup>

214. Bảng của Bu-kha-rin + Nhật-bản? + Bô-đào-nha (216) — 2.18 ki-lô-mét vuông — 13 triệu dân.

220. Vùng ngoại vi thường chiếm một vị trí (thuế quan) đặc biệt (khoảng cách quá lớn ngay cả đối với kỹ thuật hiện đại).

— Đông Xi-bi-ri ở Nga

— Quần đảo Phi-líp-pin ở Mỹ v. v..

226. Sáu "vùng kinh tế đặc biệt" ở Nga: 1) Ba-lan ("xuất khẩu sang Nga", người Ba-lan vẫn thường nói); 2) miền Nam; 3) Ác-khan-ghen-xơ; 4) U-ran; 5) Mát-xcơ-va; 6) vùng Ban-tích (+ Phần-lan).

237 ...năm 1911, những ý đồ muốn thành lập "Đại Cô-lum-bi-a" ở miền Bắc của Nam Mỹ để NB chống lại nước Mỹ, đã "bộc lộ ra".

237 và các trang khác. Việc tập hợp các quốc gia khổng lồ hiện đại trên thế giới thành một thể kinh tế duy nhất — ông ta viết — là sự "tiến gần" đến "tự do buôn bán phổ biến".

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 531.

<sup>2)</sup> Xem tập này, tr. 66.

"Ngay từ thế kỷ 18, do việc các thuộc địa ở Bắc Mỹ thoát khỏi Anh, những dân tộc thuộc địa nhìn xa hơn đã hiểu rõ rằng một chính sách thuộc địa dựa trên sự cưỡng bức" (*bóp chết* mọi nền công nghiệp ở thuộc địa) "chỉ độc nghĩ đến những lợi ích thực sự hay tưởng tượng của việc xuất khẩu những thành phẩm của chính quốc không thôi thì khó lòng mà thực hiện được trong một thời gian dài nào đấy. Điều này ít nhất cũng là đúng đối với những khu vực thuộc vùng ôn đới có nhân dân giác ngộ và tích cực và điều kiện sinh sống không khác mấy so với điều kiện sinh sống của các dân tộc châu Âu. Còn trong các khu vực nhiệt đới và á nhiệt đới, nơi mà dân cư ở vào trình độ văn minh thấp hơn và có ít lực lượng quân sự và chính trị hơn cũng như có ít nghị lực hơn, thì cái chính sách thực dân cũ kỹ ấy vẫn còn được duy trì, tuy ở mức độ thấp hơn. Tuy nhiên, hiện nay, ngay cả ở vùng nhiệt đới và á nhiệt đới nói chung, người ta cũng đã xa lạ với việc bóp chết một cách thô bạo hoạt động công nghiệp đang nảy sinh; song các chính phủ thuộc địa địa phương thường chú ý tới sự phát triển sản xuất nguyên liệu nông nghiệp và quặng mỏ hơn là bất kỳ vấn đề nào về chính sách công nghiệp. Nhưng ngay việc họ có thể làm như vậy, trong đa số các trường hợp, mà không có hại gì lớn lắm cho sự phát triển kinh tế của các khu vực nhiệt đới và á nhiệt đới tương ứng, lại càng có ý nghĩa to lớn hơn vì khả năng áp dụng chính sách thuộc địa ấy trong một thời gian dài là phụ thuộc vào điều đó. Bởi vì trong tình hình có sự đua tranh gay gắt hiện nay về chính sách toàn cầu và với sự xuất hiện các cường quốc lớn ở bên kia đại dương (nước Mỹ, Nhật-bản), nhân dân các khu vực nhiệt đới và á nhiệt đới, hết sức căm phẫn vì tình trạng trì trệ có tính chất cưỡng bức và tai hại

NB

của sự phát triển kinh tế của họ, dẫu sao cũng vẫn có được ít nhiều những phương tiện để gây khó khăn cho những kẻ áp bức họ và làm cho những kẻ đó mất hết ý muốn thực hiện sự thống trị của chúng bằng các phương pháp tàn bạo" (240 - 241).

NB

Thí dụ, Anh đang ngày càng biến Ai-cập thành một nước *chỉ* sản xuất bông (năm 1904 trong số 2,3 triệu héc-ta đất canh tác ở Ai-cập đã có 0,6 triệu héc-ta chuyên trồng bông) và *ngăn cản* sự phát triển công nghiệp (chẳng hạn, 2 nhà máy chế biến bông được xây dựng ở Ai-cập trong năm 1901, đã gặp phải *thuế* bông tức là chính phủ đã đánh "thuế tiêu thụ" vào bông!!!) (244 - 245)

NB

"Chính sách thực dân hiện nay".

Nói chung, — ông ta viết, — chính sách "hiện nay" ở các thuộc địa là như sau: khuyến khích sản xuất nguyên liệu, còn đối với sự phát triển công nghiệp thì có thái độ "nếu không phải là thù địch thì cũng là lạnh nhạt" (247).

"Song đối với các dân tộc ở vùng khí hậu ôn đới mạnh hơn về mặt thể lực và trí tuệ, thì một chính sách thuộc địa như vậy, thật ra, không thể thực hiện được nữa; nó chỉ có thể áp dụng được đối với các dân tộc yếu hơn ở khu vực nhiệt đới và một phần ở khu vực á nhiệt đới, nhưng ngay ở đây, cũng chỉ có những chính quốc châu Âu mạnh hơn, chẳng hạn như Anh, Pháp, Đức, mới có khả năng thực hiện chính sách đó. Ngược lại, Hà-lan, Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha thì một phần đã mất những thuộc địa cũ của mình, một phần nhờ có thiện chí của những cường quốc thực dân hùng mạnh hơn và nhờ sự cạnh tranh giữa chúng, mới bảo toàn được những thuộc địa đó. Điều này đặc

NB

NB

biệt đúng đối với sự thống trị của Bỉ đối với thuộc địa của nó

... Nhưng ngay cả một cường quốc thực dân hùng mạnh nhất là nước Anh cũng buộc phải từ bỏ, trong một chừng mực lớn, việc theo đuổi nghiêm túc nguyên tắc nói ở trên của chính sách thương nghiệp và công nghiệp thuộc địa của mình, trong một thuộc địa lớn nhất và quan trọng nhất của mình là *Ấn-độ*, để khỏi làm cho địa vị của mình hiện đã nghiêm trọng lại trở nên nghiêm trọng hơn trước một sự cố động thù địch đang được hoan nghênh" (247 - 248)...

247, chú thích.

NB NB người Mỹ ở Phi-líp-pin

"Việc nước Mỹ, mặc dầu đã phải chiến đấu ròng rã, đẫm máu trong nhiều năm chống người bản xứ đã nổi dậy, cuối cùng đã buộc phải trao cho Phi-líp-pin *quyền cử đại biểu nghị viện* (quốc hội) với những quyền hạn rộng rãi, là một bằng chứng tốt chứng minh những khả năng của các nhà hoạt động nhà nước Bắc Mỹ về mặt chính sách thuộc địa. Song *chính sách ruộng đất* của người Bắc Mỹ ở Phi-líp-pin dẫn đến sự hình thành các điền trang lớn là một bằng chứng ít đáng tự hào về những khả năng ấy".

NB

Những thủ đoạn bóc lột thuộc địa: bỏ nhiệm *những quan lại* thuộc dân tộc thống trị; — bọn trùm tư bản của dân tộc đó chiếm đất đai; sưu thuế cao ("để giáo dục người ta lao động")...

"Đối với các dân tộc thuộc địa ở khu vực á nhiệt đới... như người *Ấn-độ* ở miền Bắc *Ấn-độ* và người *Ai-cập*, trong đó những tầng lớp có học vấn đã hòa vào nền văn minh Âu-Mỹ, thì ngay bản thân việc phải chịu sự thống

trị của ngoại bang cũng đã là một sự xúc phạm mà họ khó mà chịu đựng nổi và bị họ tiếp nhận với một lòng căm thù cao độ" (249) !!!

Ở *Ai-cập*, dân cư đồng nhất (do ngôn ngữ, dân tộc etc.) hơn ở *Ấn-độ* nhiều, "và nước đó (*Ai-cập*) còn Âu hơn một số vùng của phần nước Nga thuộc châu Âu chẳng hạn" (252).

(cũng như vậy, dân cư của *Xây-lan*, của các vùng di cư quanh các eo biển ("Straits Settlements"), của *An-giê-ri*, của *Tuy-ni-di* v. v. cũng "văn minh  $\frac{1}{2}$ ") (258).

*Hà-lan*, cũng như Anh., thực hành trong các thuộc địa của mình "chính sách tự do buôn bán, một chính sách đồng thời nhằm chủ yếu là phát triển sản xuất nguyên liệu nông nghiệp và quặng mỏ" (259). NB

Đức đã tiến hành một cuộc chiến tranh thuế quan chống *Ca-na-đa* (từ 31. VII. 1898 đến 1. III. 1910), do nguyên nhân là biểu thuế quan ưu đãi đối với Anh. Điều đó đã kết thúc bằng việc duy trì biểu thuế quan ưu đãi đó và một hiệp ước thuế quan giữa *Ca-na-đa* và Đức.

Phần lớn những thuộc địa của Anh, của *Hà-lan*, của Đức, "như ta có thể dự đoán được phần nào", sẽ lại nằm dưới chế độ để ngỏ cửa cho *tất cả* các nước (271). *Tơ-rê-sơ*, ("Thuế quan ưu đãi" 1908), đã tranh luận về điều này và *Sin-đơ* nói rằng ông đã làm cho kết luận của mình *ôn hòa hơn*.

Còn về *những cung ứng* của nhà nước (269 - 270) thì ở đâu cũng có tập quán: ưu tiên cho nước "*minh*".

"**Những khu vực "để ngỏ cửa"**" (loại cũ có: Thổ-nhĩ-kỳ (trước năm 1908), Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Ai-cập, Ma-rốc, Ba-tư; loại mới có: Công-gô, Áp-ga-ni-xtan) "thì hầu như bao giờ cũng là những nước độc lập hay ít nhất cũng là độc lập hình thức về mặt nhà nước, nhưng phần lớn lại chỉ là những nước nửa văn minh"... (274).

(1) Thường là họ thiếu *chủ quyền*. Thường là họ bị rơi vào tay các cường quốc lớn: một số bộ phận của những khu vực đó *tách ra*.

NB (2) "Một số khu vực của một nước "để ngỏ cửa" tách ra khỏi quốc gia trước kia thống trị chúng và sau một thời kỳ quá độ hoặc dài hơn, hoặc ngắn hơn, đã giành được chủ quyền hoàn toàn về mặt chính trị và kinh tế; trong số những khu vực như vậy, có các quốc gia nhỏ và trung bình ở vùng Ban-căng. Nói chung, hiện tượng này là không thường xuyên như hiện tượng đã nêu ở mục 1" (274).

(3) *Họa hoàn lăm*, họ mới trở nên độc lập hoàn toàn (Nhật-bản).

Ad 2. Bước tiến của độc lập:

Nhật-bản trong những năm 1890.

Bun-ga-ri 1897 - 1909 (hoàn toàn có chủ quyền!).

*Xiêm chính vào thời gian hiện nay.*

Đầu đề của § VI: "Các cường quốc lớn nuốt một kẻ chuyên nghề tâng bốc!! các khu vực "để ngỏ cửa": tính hữu ích về mặt kinh tế thế giới của quá trình lịch sử này đã được ví dụ về Bô-xni-a, An-giê-ri,... Đài-loan, Công-gô thuộc Bỉ, v. v. ... chứng thực"

{ Những mặt mạnh này (cũng như những cái lợi về sự độc lập của các khu vực "để ngỏ cửa" trước kia: § VII – tác giả đã nhìn thấy trong sự phát triển của thương nghiệp!! Chỉ thế thôi! Cuốn sách *chủ yếu* là nói về **chính sách thuế quan**).

*Xiêm* đang phát triển đến độc lập, nhất là sau chiến tranh Nga - Nhật 1904/5 (tr. 318 và các trang tiếp).

Sự lớn mạnh của phong trào dân tộc ở Trung-quốc – ở Ba-tư – ở A-ra-bi – ở Ai-cập (tr. 329) v. v. và v. v..

§ IX: "Các khu vực "để ngỏ cửa" không còn nữa – đó là một quá trình không thể ngăn cản được, nhưng có ảnh hưởng tốt đến nền kinh tế thế giới" (337)... những khu vực này

ở trong tình trạng "nửa man rợ", phần lớn là nửa văn minh... "Trung tâm của sự bất hòa giữa các cường quốc lớn" (337 - 8)...

Chương IX. "*Những sự đầu tư tư bản ra nước ngoài*".

NB (Đề phụ của phần I. "Những sự đầu tư tư bản ra nước ngoài là một *phương tiện thúc đẩy xuất khẩu*".) đã *không* còn là tự do cạnh tranh nữa

Điều kiện thông thường: chỉ một phần tiền vay được để mua *những sản phẩm* của nước cho vay ("xả ra hết sức thường xuyên", 342).

Thí dụ: ở Pa-ri, người ta đã từ chối cho Bun-ga-ri vay trong tháng XII. 1909; – từ chối cho Hung-ga-ri vay trong tháng IX. 1910.

... "chính nhờ những điều kiện cho vay như vậy mà người ta *loại bỏ được sự gay gắt cực độ trong cạnh tranh trên thị trường thế giới*. Sự cạnh tranh quốc tế được thay bằng một sự cạnh tranh hạn chế hơn; nó lôi cuốn chỉ một số xí nghiệp công nghiệp hữu quan của nước chủ nợ và trong một số trường hợp – bằng những phương pháp *gần như là mua chuộc*<sup>1)</sup> – lôi cuốn chỉ những xí nghiệp có vị trí đặc biệt thuận lợi vì lý do này nợ... thí dụ như Krúp ở Đức, "Snai-đơ ê C<sup>0</sup>", tại Crê-dô ở Pháp v. v.." (346)... "Tuy nhiên, ta có thể nghĩ rằng không nên quá lạm dụng *cái độc quyền* kiểu đó",... vì người ta có thể tìm đến một nước khác, nhưng trên thực tế, sự lựa chọn không phải dễ dàng... (346)

NB nói "một cách nhẹ nhàng" "độc quyền"

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 460.



Trong vòng hai mươi năm gần đây, nước Pháp *đặc biệt* hay dùng biện pháp này.

**348, chú thích**, "tư bản tích lũy được"... hàng năm ở Pháp > 3 đến 4 tỷ phrăng  
ở Đức 5 tỷ phrăng

(Đen-bruych ở Quốc hội Đức 12. II. 1911).

"Cuộc đấu tranh thuế quan" giữa Áo với Xéc-bi-a (từ ngày 7. VII. 1906 đến ngày 24. I. 1911, trừ một thời kỳ gián đoạn *bảy tháng* trong những năm 1908/9) thì *một phần* là do sự cạnh tranh giữa Áo và Pháp (cả hai nước đều chậm tiến) trong việc cung cấp *quân trang* cho Xéc-bi-a: tháng Giêng 1912, Pôn Đê-sa-nen tuyên bố ở nghị viện rằng trong những năm 1908 - 1911 các hãng của Pháp đã cung cấp cho Xéc-bi-a 45 triệu phrăng vật liệu chiến tranh (350)<sup>1)</sup>.

Một thủ đoạn khác: khi cho vay (hay tính đến chuyện cho vay) thì giành lấy "những điều lợi" trong *một hiệp định thương mại*:

Thí dụ, Anh (tôi nói "đã cướp đoạt", "đã bóp nặn", v. v.) nước Áo, bằng **hiệp định** thương mại 16. XII. 1865

Pháp đã làm như vậy

đối với Nga — " — 16. IX. 1905  
(đến 1917)

" " Nhật — " — 19. VIII. 1911

Đôi lúc, chính bản thân những nước đi vay tư bản, lại cho những nước *khác* vay lại, "buôn bán tư bản": chẳng hạn như Mỹ vay của Anh rồi cho Nam Mỹ vay v. v. và v. v. (trang 365 và các trang tiếp).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 461.

*Thụy-sĩ* sẵn sàng cho các nước khác vay (% cao hơn), lập những công xưởng tại các nước thi hành *chính sách bảo hộ mậu dịch* v. v. (tr. 367).

..."Bản báo cáo của viên lãnh sự Áo - Hung ở *Xan Pau-lô* (Bra-xin) vào năm 1909 nói rằng: "Việc xây dựng *đường sắt ở Bra-xin* được thực hiện chủ yếu là nhờ có vốn của Pháp, Bỉ, Anh và Đức; trong các hoạt động tài chính có liên quan tới việc xây dựng đường sắt, các nước này đều cố gắng giành được quyền bán những vật liệu xây dựng đường sắt" (371)...<sup>1)</sup>

Bản báo cáo của viên lãnh sự Áo - Hung tại Bu-ê-nốt-Ai-rét trong năm 1909 tính toán số tư bản được đầu tư vào *Ác-hen-ti-na* như sau (tr. 371)

của Anh . . . . .	8 750 triệu phrăng (= 350 triệu li-vơ xtéc-linh) <sup>2)</sup>
của Pháp . . . . .	800 " "
của Đức . . . . .	1 000 " "

— Tư bản nước ngoài ở *Ca-na-đa* (1910): 12 687 triệu phrăng (tr. 373)

trong đó của Anh	9 765
của Mỹ	2 190
của Pháp	<u>372</u>

— Tư bản nước ngoài ở *Mê-hi-cô* (1886 - 1907) 3 343

trong đó của Mỹ	1 771
của Anh	1 334

(còn lại) là của Đức, Pháp, Tây-ban-nha etc.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 461.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 485.

## Triệu li-vơ xtéc-linh của Anh (381 - 2)

	nhập khẩu <i>tổng</i> số	nhập khẩu <i>thực</i> không có xuất trở lại	xuất khẩu không có xuất trở lại	số dư thực của nhập khẩu của ngoại thương	Triệu li-vơ xtéc- linh (tr. 386 - 387) tư bản của Anh đầu tư ở nước ngoài và ở các thuộc địa (Từng thời kỳ bảy năm một)
Trung bình					
1855 - 59	169	146	116	33 <sup>1)</sup>	235 (1856 - 62)
1860 - 64	235	193	138 <sup>+</sup>	55 =	— 196 (1863 - 1869)
1865 - 69	286	237	181 <sup>+</sup>	56 =	+ 288 (1870 - 76)
1870 - 74	346	291	235 <sup>+</sup>	56	— 94 (1877 - 83)
1875 - 79	375	320	202 <sup>—</sup>	118 <sup>+</sup>	+ 430 (1884 - 1890)
1880 - 84	408	344	234 <sup>+</sup>	110 <sup>—</sup>	—
1885 - 89	379	318	226 <sup>—</sup>	92	—
1890 - 94	419	357	234 <sup>+</sup>	123 <sup>+</sup>	— 223 (1891 - 1897)
1895 - 99	453	393	239 <sup>+</sup>	154 <sup>+</sup>	— 107 (1898 - 1904)
1900 - 04	533	466	290 <sup>+</sup>	176 <sup>—</sup>	+ 792 (1905 - 1911)
1905 - 09	607	522	377 <sup>+</sup>	143	
1910	678	575	431 <sup>+</sup>	144 <sup>—</sup>	Tôi cộng lại là: Σ = (1856 - 1911)
1911		578	454 <sup>+</sup>	124	2365 triệu li-vơ xtéc-linh.

Tác giả chỉ đưa ra một bảng ở tr. 381 - 2 (không + và không —), những con số còn lại (đầu tư tư bản) lấy từ "The Statist" thì chỉ có trong nội dung của cuốn sách; mà hơn nữa (thật kỳ lạ!), khi đưa ra số liệu nhập khẩu hàng năm trong thời gian 1870 - 1911 ông không sắp xếp những số liệu đó theo từng thời kỳ bảy năm một!

Kết luận của tác giả là mặc dù thống kê những món đầu tư tư bản không thật hoàn toàn chính xác (không có những khoản đầu tư tư bản của cá nhân), nhưng sự phù hợp (giữa sự giảm

<sup>1)</sup> Của Sin-đơ là như thế.

sút của số dư về nhập khẩu và sự tăng thêm về đầu tư tư bản) là đầy đủ (tr. 392).

tr. 392 - 3: *năm* nước công nghiệp là "**những nước cho vay nợ hết sức rõ rệt**": Anh, Pháp, Đức, Bỉ, Thụy-sĩ. *Hà-lan* là nước mà "**công nghiệp ít phát triển**" ("industriell wenig entwickelt" (393)); *nước Mỹ* là nước chủ nợ chỉ ở châu Âu thôi<sup>1)</sup>; còn Ý và Áo thì "chỉ đang tiến dần trên con đường trở thành những nước chủ nợ" (393).

## |Hết tập I|

tr. 384, chú thích. Cuối năm 1910, tổng số tư bản của Anh đầu tư ở nước ngoài = 1 638 triệu li-vơ xtéc-linh (= 40 950 triệu phrăng) ở nước ngoài, trong đó ở Mỹ 709 triệu l. xt. (= 17 725 triệu phrăng) = 43.3%, + + 1 554 triệu l. xt. (= 38 850 triệu phrăng) trong các thuộc địa Anh; nước ngoài + tư bản tư nhân + 1 800 triệu l. xt. (= 45 000 triệu phrăng).

NB

## HIN-ĐÊ-BRĂNG. "SỰ CHẤN ĐỘNG etc."

*Ghéc-hác Hin-đê-brăng*. "Sự chấn động của sự thống trị của công nghiệp và của chủ nghĩa xã hội công nghiệp". 1910 (I-ê-na).

Một sự tập hợp (phần lớn là *chấp nhận*) những số liệu về "tính độc lập về mặt công nghiệp ngày càng tăng của các nước nông dân" (tr. 88) — "sự phát triển về mặt công nghiệp của chính bản thân các nước cho đến bây giờ vẫn là những nước nông dân" (138)...

§ 11. "Mối nguy Trung-quốc"... Đến những năm 1920 - 1925, Trung-quốc sẽ đi đến tận đâu etc. etc.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 505.

... "Sự độc quyền công nghiệp thuộc phạm vi văn hóa Tây Âu đang đến ngày tận số" ... (203)...

tr. 207. Vấn đề chung quy lại là ở chỗ liệu giai cấp vô sản trong các nước công nghiệp có thể "thay thế hoặc duy trì được cơ sở bảo đảm thực phẩm và quần áo, một cái cơ sở nông dân đang tiêu vong, hay không"?

"Về cái câu hỏi được đặt ra một cách minh bạch như vậy thì câu trả lời phải là một chữ *Khô*ng! rất mạnh, rõ ràng, dứt khoát" (207).

209: không thể kiểm tra (ở châu Âu) 200 triệu con cừu  
15 - 20 triệu bao  
bông etc.

"Nó (giai cấp vô sản) không phải tìm cách tước đoạt các nhà tư bản để làm gì nữa, vì các tư liệu sản xuất công nghiệp không còn sử dụng được nữa" (210), nhưng nó lại *không có khả năng* chuyển sang nông nghiệp (211)...

"Chính do đó mà không còn có khả năng có chủ nghĩa xã hội dân chủ hiểu theo nghĩa là quần chúng tay không và làm chủ tất cả điều chỉnh thống nhất và trọn vẹn toàn bộ nền sản xuất... Sự thống trị của nền dân chủ nông dân đối với sản xuất công nghiệp thì có khả năng xảy ra nhiều hơn là sự thống trị của nền dân chủ công nghiệp đối với sản xuất nông dân" (213).

"Song rõ ràng là tuyệt đối không thể ngồi chờ nền dân chủ công nghiệp thực hiện chủ nghĩa xã hội dân chủ nếu công nhận:

- ?
1. rằng trong các lĩnh vực chủ yếu của nền sản xuất hữu cơ, kinh tế nông dân vẫn giữ vị trí hàng đầu;
  2. rằng quần chúng nông dân vẫn bám chắc các cơ sở của kinh tế tư nhân;
  3. rằng các nước nông dân đều có một xu hướng tự nhiên là muốn thu hút cho được phần càng lớn càng tốt của sản xuất công nghiệp vào phạm vi của mình;

4. rằng trong những điều kiện chiếm vị trí thống trị là có sự cạnh tranh quốc tế, nhất là sau khi Trung-quốc — một nước chiếm một phần tư dân số toàn thế giới — tham gia vào hệ thống kinh tế thế giới, và sau khi các nước khác — trước kia là những nước nông nghiệp — trở thành những nước công nghiệp, thì những nước đó có thể hoàn toàn tự do sử dụng thu nhập công nghiệp của mình mà chính bản thân họ cũng không còn được độc quyền nữa (215);

5. rằng, ngược lại, các nước công nghiệp ngày càng phụ thuộc nhiều vào cơ sở nông dân trong nước ngoài việc cung cấp nguyên liệu để sản xuất thực phẩm và quần áo" (216)...

..."Điều bất hạnh là ở chỗ sự công nghiệp hóa phương Đông, một khi nền văn hóa kỹ thuật của phương Tây đã thâm nhập vào đó, có thể xảy ra vô cùng nhanh hơn việc nông nghiệp hóa phương Tây với sự khẩn trương cực độ về công nghiệp của nó và, có thể yên tâm mà nói, với sự thoái hóa về công nghiệp của nó" (219)...

"Các khu để giáo dục nông nghiệp" (224) — "sự thành lập những khu nông dân hóa trong nước" (225) — đây là "những biện pháp" của tác giả.

*Kết luận* (tức là chương cuối): "*Liên bang Tây Âu*" (229)...<sup>1)</sup>

Các dân tộc châu Phi cần được "lãnh đạo và giáo dục" "trong một thời gian vô tận nữa" (232)... sau 20 - 30 năm nữa, ngay cả Nga + Anh + Pháp sẽ khó mà "chống lại khối liên minh Trung - Nhật" (231)...

có khả năng có một "phong trào đạo Hồi vĩ đại" ở châu Phi, phong trào này sẽ "vừa cách mạng, vừa phản động" (233).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 510.

- !!!! "Ngăn cản" (tr. 233 in fine) phong trào như vậy — là "lợi ích sống còn" của Tây Âu
- sic !! 234 — "bởi thế" "một hành động chung" "của tất cả các quốc gia Tây Âu ở châu Phi" là *cần thiết*
- sic !!! 234 — muốn cho nước Nga (+ Nhật-bản, Trung-quốc, Mỹ) tham gia các hiệp nghị (về giải trừ quân bị v. v.) là điều *không hy vọng*, — các dân tộc *Tây Âu* cần phải đoàn kết lại.
- NB 235: Cần phải "hãm bớt" (verlangsamten) "nhịp độ hình thành những tư bản ở Tây Âu"... "lâm dịu bớt" "nhịp độ công nghiệp"... "tăng cường cơ sở nông dân"... ...liên minh thuế quan... thuế thu nhập lũy tiến etc...
- ! 236 — — cần có thuế lúa mì, nhưng "vừa phải".
- 238 — liên minh dân chủ của *công nhân* (đả đảo "*những không tưởng cộng sản chủ nghĩa*") và *nông dân* (238).
- 239 — "đương nhiên là", "Liên bang Tây Âu" *cần có quân đội mạnh và hạm đội mạnh*.
- 240 — Nước Anh — ông ta viết — muốn tham gia hơn là đứng nguyên trong "tình trạng cô lập đế quốc chủ nghĩa"...

⎧ Một trước tác bổ ích để hiểu các xu hướng của ⎫  
 ⎧ chủ nghĩa cơ hội và của chủ nghĩa đế quốc trong ⎫  
 ⎧ nội bộ phong trào dân chủ - xã hội! ⎫

P. TA-PHEN. "CÁC TƠ-RÓT Ở BẮC MỸ etc."

*Tiến sĩ Pôn Ta-phen*, một kỹ sư đã được cấp bằng. "Các tơ-rót ở Bắc Mỹ và ảnh hưởng của chúng đối với sự phát triển kỹ thuật". Stút-ga, 1913.  
 (Tác giả đã làm việc 7 năm ở Mỹ — theo lời tựa.)

{ Theo Líp-man, } tr. 1 — Thời kỳ mới khai sinh của ||  
 "Các-ten } những tơ-rót (khoảng) những năm || thời kỳ  
 và tơ-rót". } 1880. || xuất hiện  
 1900 — 185 tơ-rót ||  
 1907 — 250 với 7 tỷ đô-la ||  
 tr. 2 — Số lượng *cổ đồng* (cổ phân *thép*) >  
 100 000!!  
 tr. 8 - 9 — Ở Mỹ, người ta đã chuyển *thăng*  
 sang đường sắt. "Cho đến nay, ở Mỹ vẫn ||  
 không có những đường lớn mà xe có thể || !  
 chạy được cả mùa hè lẫn mùa đông" (71, chú ||  
 thích 9)...

Viết dài dòng về các điều kiện kinh tế và những hình thức của các tơ-rót.

tr. 48: "Về kẻ cạnh tranh chủ yếu nhất của Tơ-rót thép, tức là công ty Giôn-xơ và Láp-phlin ở Pít-xbuc, người ta nói rằng các xí nghiệp của nó được trang bị còn hiện đại hơn là các xí nghiệp của tơ-rót. — Những cổ đồng của tơ-rót thuộc da trách ban giám đốc rằng công việc không chạy là vì ban giám đốc không quan tâm đến việc trang bị kỹ thuật cho các xí nghiệp. Người ta khen tơ-rót máy gặt của Mỹ là nó không sợ chi bất cứ món tiền nào để trang bị các thành tựu kỹ thuật mới nhất cho các nhà máy của mình nhằm giảm bớt chi phí sản xuất và do đó đê bẹp sự cạnh tranh. (Trích theo "Kartellrundschau", 1910, tr. 53 và 902.)

Trong lĩnh vực này, có lẽ là tơ-rót thuốc lá đã đi xa hơn cả. Báo cáo chính thức nói về điều đó rằng: "Tơ-rót có ưu thế đối với những xí nghiệp cạnh tranh với mình, là nhờ những xí nghiệp của tơ-rót đó có quy mô to lớn và trang bị kỹ thuật rất tốt. Ngay từ khi mới thành lập, tơ-rót thuốc lá đã cố gắng hết sức dùng máy móc để thay thế lao động chân tay ở khắp nơi trên những quy mô rộng lớn. Để đạt mục đích ấy ||

||| tơ-rốt này đã mua được hết thảy những bằng phát minh nào có ít nhiều quan hệ đến việc chế biến thuốc lá và đã chi tiêu vào đó những món tiền rất lớn. Nhiều bằng phát minh đó lúc đầu không dùng được, và các kỹ sư của tơ-rốt đã phải chỉnh lý lại. Cuối năm 1906, hai công ty chi nhánh được thành lập để chỉ chuyên mua những bằng phát minh. Cũng nhằm mục đích ấy, tơ-rốt đó đã cho xây dựng các lò đúc, xưởng chế tạo máy và các xưởng sửa chữa máy móc riêng của mình. Một trong những xưởng đó, xưởng ở Brúc-clin, trung bình dùng 300 công nhân; ở đây, người ta thí nghiệm những phát minh về việc chế tạo thuốc lá điếu, xì-gà nhỏ, thuốc hít, giấy thiếc làm bao, giấy cuốn thuốc lá, hộp đựng thuốc v. v.; nếu cần thì những phát minh cũng được cải tiến ở đây<sup>1)</sup>. ("Báo cáo của ủy viên tiểu ban về các liên hiệp trong công nghiệp thuốc lá". Oa-sinh-ton, 1909, tr. 266.)

NB ||| "Hoàn toàn rõ ràng là một chính sách như vậy hỗ trợ rất đắc lực cho tiến bộ kỹ thuật. Cả những tơ-rốt khác, ngoài những tơ-rốt đã kể trên, cũng dùng những người mà người ta gọi là developing engineers (kỹ sư chuyên về phát triển kỹ thuật) có nhiệm vụ phát minh những phương pháp sản xuất mới và đem thử những cải tiến kỹ thuật. Tơ-rốt thép thường những món tiền lớn cho các kỹ sư và công nhân về những phát minh có thể nâng cao kỹ thuật của xí nghiệp hoặc giảm bớt các chi phí<sup>2)</sup>.

Ngoài sự cạnh tranh ra, những điều kiện tài chính không tốt của đa số các tơ-rốt (do *tư bản hóa quá mức* (NB)) cũng kích thích sự tiến bộ kỹ thuật.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 406 - 407.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 407.

Tư bản của Tơ-rốt thép = gần 1 tỷ đô-la ("1/7 toàn bộ tài sản quốc dân"). Những cổ đông cũ có một cổ phần cũ thì được 3 cổ phần mới. (Cũng xem **Glia** ||| NB trong "**Conrad's Jahrbücher**", 1908, tr. 594.)

Cần phải "kiểm" được % ở số vốn *gấp ba lần* ấy!!!  
Tư bản của đường sắt = 13,8 tỷ đô-la. Trong đó có ||| ! khoảng 8 tỷ là tư bản giả!! (tr. 52).

Tiếp nữa. Còn nếu là sự độc quyền *hoàn toàn*? (Ngày nay phần *lớn* (α) là những người ngoài }  
(β) thị trường thế giới }

Ở Mỹ, nhà nước *chỉ* phụ trách thư tín. *Còn lại* thì *tất cả* (cả đường sắt lẫn điện tín etc.) đều thuộc các công ty tư nhân.

1880 - 177 công ty điện tín và công ty chuyển bưu kiện có số tư bản là 66 1/2 triệu đô-la;

1907 - 25 công ty có số tư bản là 155 triệu đô-la trong đó 6 ↔ 97,7% tổng thu nhập giá điện tín thì thống nhất và "vô cùng cao" ||| NB so với ở châu Âu (tr. 60).

Đường sắt trong tình trạng rối loạn: *Mi-khen-xen* (một nhân vật có uy quyền lớn!) gọi chúng là "vô chính phủ, không kinh tế, công kênh, không khoa học, không xứng đáng với thiên tài của dân Mỹ" (tr. 63)

— thiếu toa tàu là hiện tượng *rất thường* } } NB }  
*xuyên*; trong mỗi thời kỳ hưng thịnh (1902; 1906),  
ở một loạt *các địa phương* etc. etc.

{xem "**Conrad's Jahrbücher**" (Bli-um), 1908, tr. 183} ||| NB

Trong *thời kỳ gần đây*, tình trạng kỹ thuật của đường sắt ở Mỹ đã *kém đi*: lạc hậu so với châu Âu (tr. 63).

Năm 1899, quá trình vận động của sự tích tụ trong ngành đường sắt đã kết thúc: năm 1904, giá cả một tấn - dậm đã *tăng* từ 0,724 xu lên 0,780 xu (!! tr. 62)).

Vai trò của kỹ thuật. *Long não*:

	Triệu phun	Giá 1 phun	
năm 1868 xuất =	0,6	16,4	đô-la
1907 " "	8,4	168,5	đô-la

( năm 1905, người ta đã chế tạo được long não *nhân tạo*;  
 giá cả sụt xuống; nhưng nguyên liệu (dầu thông) thì đắt )

Tình trạng của các tơ-rốt là rất không vững chắc: "những kẻ khổng lồ chân đất sét"... tr. 67 (lời của một nhà văn Mỹ)... tương lai mờ mịt...

NB. Về các vấn đề tơ-rốt, thường hay được trích dẫn là từ "*The North American Review*"... 1904; 1908; 1902, tr. 779; 1906; 1910, tr. 486; và v. v..

E. A. Hê-bơ. "Lao động công nghiệp ở Nhật". *Xuy-rích*, 1912. NB. Một trước tác rất chi tiết.

Trích I. Grun-txen. "Một sai lầm trong vấn đề về lực lượng sản xuất".

"Zeitschrift für Volkswirtschaft, Sozialpolitik und Verwaltung".  
*Tập 20*, quyển 3 và 4.

Do Ta-phen trích

?? I. Grun-txen. "Thắng lợi của chủ nghĩa công nghiệp".  
 1911.

### NHẬN XÉT VỀ C. CAU-XKY VERSUS CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

**Cau-xky bàn về chủ nghĩa đế quốc:** NB

Cuốn sách của Hốp-xơn về chủ nghĩa đế quốc thì nói chung là bổ ích, nhưng nó đặc biệt bổ ích vì nó giúp vạch

trần sự dối trá cơ bản của chủ nghĩa Cau-xky trong vấn đề này.

Chủ nghĩa đế quốc thường xuyên *lại* sản sinh ra *chủ nghĩa tư bản* (từ nền kinh tế tự nhiên của các thuộc địa và các nước lạc hậu), *lại* sản sinh ra sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản nhỏ đến chủ nghĩa tư bản lớn, từ sự trao đổi hàng hóa chưa phát triển đến sự trao đổi hàng hóa phát triển, v. v. và v. v..

Những người theo chủ nghĩa Cau-xky (C. Cau-xky, *Xpéc-ta-to* và đồng bọn) dẫn những sự kiện đó của chủ nghĩa tư bản "lành mạnh", "hòa bình", được thiết lập trên "những quan hệ hòa thuận" và đem chúng *đổi lập* với sự cướp đoạt tài chính, với các độc quyền ngân hàng, với những sự thỏa thuận của ngân hàng với chính quyền nhà nước, với sự áp bức thuộc địa etc., *đổi lập* như đổi lập cái bình thường với cái bất bình thường, cái hợp nguyện vọng với cái không hợp nguyện vọng, cái tiến bộ với cái phản động, cái cơ bản với cái ngẫu nhiên etc.

Đây là chủ nghĩa Pru-đông mới<sup>15</sup>. Chủ nghĩa Pru-đông cũ trên một cơ sở mới và dưới một hình thức mới.

Chủ nghĩa cải lương tiểu tư sản: vì một thứ chủ nghĩa tư bản sạch sẽ, trau chuốt, ôn hòa và lịch sự.

Về khái niệm chủ nghĩa đế quốc + việc làm cho tiến bộ ngừng lại một cách giả tạo (các tơ-rốt mua lại bằng phát minh: chẳng hạn, cũng trong cuốn vở này, thí dụ về các chủ nhà máy chai lọ của Đức<sup>1)</sup>).

NB  
 NB

Áng chừng: NB

**Chủ nghĩa đế quốc =**

- (1) tư bản ngân hàng
- (2) các độc quyền (các tơ-rốt etc.)

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 77.

- { (3) sự phân chia thế giới. [Các thuộc địa]  
 (4) sự liên minh (mối liên hệ, *sự hợp nhất*) của tư bản ngân hàng (tài chính) với bộ máy nhà nước  
 (5) sự tích tụ cao độ

Ê. A-GÁT. "NHỮNG NGÂN HÀNG LỚN  
 VÀ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI"

Ê. A-gát — X. Pê-téc-bua. "*Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới*".

"Ý nghĩa kinh tế và chính trị của những ngân hàng lớn trên thị trường thế giới xét từ góc độ ảnh hưởng của chúng đối với nền kinh tế quốc dân của Nga và đối với quan hệ Nga - Đức". Béc-lanh, 1914. Lời tựa ghi rõ: **tháng Năm 1914.**

Bài bình luận của *Xpéc-ta-to* (ông ta thường là ngây thơ và "thối phồng ý nghĩa của các ngân hàng lớn" etc.) trong "Die Neue Zeit", 1915, 1 (xuất bản năm thứ 33), tr. 61 và các trang tiếp.

- { Tác giả đã làm việc 15 năm ở nước Nga với cương vị là thanh tra của ngân hàng Nga - Hoa. Nhiều tự ái bức dọc của một nhà tài chính không được thừa nhận, nhiều lời huyền thuyên (vô khối câu chống "những người tài tử" và "những người không chuyên nghiệp" etc.).  
 Có thể và cần phải sử dụng số liệu và sự việc của A-gát, nhưng không thể sử dụng được những lập luận của ông về tính ưu việt của hệ thống ngân hàng Anh (sự tách rời giữa ngân hàng nhận gửi có cấp tín dụng công thương nghiệp ngắn hạn với những ngân hàng đầu cơ), cũng như những lập luận chống chính

{ sách thuế quan bảo hộ etc. etc. Tác giả muốn có một thứ chủ nghĩa tư bản "trung thực", ôn hòa và lịch sự, thứ chủ nghĩa tư bản không có độc quyền, không có đầu cơ, không có chạy đua mở các xí nghiệp nhằm mục đích đầu cơ, không có "mối liên hệ" giữa ngân hàng với chính phủ etc. etc.

- { (α) "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran etc."  
 (β) "Ban-cơ đơ Pa-ri ê đơ Pây-Ba" (thông tục thì gọi là "Pa-ri-ba")  
 (γ) "Ban-cơ đơ l'Uy-ni-ông pa-ri-di-ên"...

"Bộ ba ngân hàng Pa-ri nắm trong tay hàng tỷ phrăng và có thị trường chính là nước Nga, hiện đang kiểm soát các ngân hàng sau đây của Nga: 1) Ngân hàng Nga - Á, 2) Ngân hàng tư nhân ở Pê-téc-bua, 3) Ngân hàng liên hợp, và nó đã chuyển cổ phần của một số công-xoóc-xi-om công nghiệp gần với những ngân hàng đó vào sở giao dịch chứng khoán Pa-ri" (55)...<sup>1)</sup>

Cả ở đây nữa, lượng cũng biến thành chất: đầu óc kinh doanh thuần túy ngân hàng và sự chuyên môn hóa hẹp về ngân hàng *biến thành* ý đồ kiểm soát các mối quan hệ qua lại và những sự liên quan (Zusammenhänge) rộng rãi, nhiều, toàn dân và *toàn thế giới* — chỉ vì một lẽ là **hàng tỷ** rúp (khác với *hàng nghìn*) dẫn đến điều đó, đưa đến điều đó.

"Trong suốt những năm 1905/6, những tư bản lớn của Nga đã di chuyển sang các ngân hàng châu Âu, đặc biệt là sang các ngân hàng Béc-lanh, nhưng

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 442 - 445.

NB || sự thống trị ngăn ngừa hồi đó của quần chúng được giải phóng đã có một ảnh hưởng kinh hoàng bao nhiêu tới chế độ sở hữu thì chế độ đó cũng trở lại bình yên nhanh chóng bấy nhiêu khi bọn phản động đoạt trở lại quyền lãnh đạo về tay chúng một cách càng quyết liệt hơn.

Trong những năm 1907/8, chúng ta lại được chứng kiến tư bản Nga quay trở về, kéo theo mình những tư bản mới của thế giới” (59).

	tr. 59	× Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri; Ngân hàng Nga; Ngân hàng quốc tế; Ngân hàng chiết khấu; Ngân hàng A-dốp - Đôn; Ngân hàng tư nhân; “Pê-tơ-rô-pa-ri”?? ( = Pê-téc-bua - Pa-ri?); Ngân hàng Vôn-ga - Ca-ma; Ngân hàng <i>miền Bắc</i> và Ngân hàng <i>quốc gia</i>
	Tiền gửi (tính bằng triệu rúp)	
×	<u>1906</u> <u>1908</u>	
trong 10	614 875	
ngân hàng		
Nga		

|| “Những con số trên đây cũng đã nói lên khoản chênh lệch 261 triệu rúp, chỉ kể trong tài khoản tiền gửi của các ngân hàng Pê-téc-bua *trong hai năm công việc bị đình đốn hoàn toàn*” (Do A-gát viết ngả.)

|| “Nếu ta thêm vào đó những ngân hàng Mát-xcơ-va và ngân hàng các tỉnh, rồi ngân hàng “Crê-đi Li-on-ne” và ngân hàng của tư nhân, và tiền giữ tại gia đình, thì con số đó có lẽ sẽ tăng gấp đôi, và sẽ không cường điệu một chút nào nếu cho rằng có khoảng *nửa tỷ rúp “tư bản hoảng sợ”*” (do A-gát viết ngả) “ở dưới dạng tiền mặt đã chạy sang các ngân hàng nước ngoài và chạy trở lại các ngân hàng Nga”... (59)

“Nhưng tổng số “*tư bản hoảng sợ*” nhất định phải lớn hơn nhiều.

Thị giá lợi tức vàng 4% của Nga được định giá:

	1905	- 65%
tháng Giêng	1907	-73.5
tháng Mười	1907	-67
	1908/9	-88
	1910/11	-95
	1912/13	-92.5

còn theo số liệu của Cục tín dụng, thì việc giả tiền theo phiếu chứng khoán thay đổi như sau.

Triệu rúp			
	xuất ra nước ngoài		ở Nga
1908	202	-	195
1910	175	-	233

Tất nhiên, những con số ấy không cho phép kết luận một cách chính xác vì trong thời gian đó thị giá đồng tiền thay đổi khá mạnh nên việc thu tiền rúp vào có thể đôi lúc cũng có lợi.

Nhưng dù sao, cũng có thể kết luận được rằng bộ phận khá lớn số tiền mặt đưa ra nước ngoài đã trở lại Nga dưới dạng lợi tức của Nga. Nếu như chỉ bỏ vào đây 500 triệu rúp thì tổng số “*tư bản hoảng sợ*” sẽ tăng đến một tỷ rúp, tính theo con số tròn” (60).

... “Nguy cơ thị giá đồng rúp sụt xuống đã được ngăn chặn và tình trạng tài chính, tiến gần đến khủng hoảng vào cuối năm 1905, đã được cứu vớt khi xanh-đi-ca Nga ở Pa-ri, với sự tham gia của thị trường tiền tệ Anh, đã gánh lấy việc vay lãi 5% vào mùa xuân 1906.

Do đó, ngân khố của chính phủ lại nhận được gần 1 tỷ rúp bằng tiền mặt. Trong những năm yên tĩnh tiếp theo, 1907 - 8, ngành ngân hàng và ngân khố quốc gia đều ở vào tình trạng rất thuận lợi, tức là có một số tiền mặt nhàn rỗi; sức mạnh của

NB

NB



thực tế đã thúc đẩy mạnh mẽ sự suy nghĩ, và hiện nay trên cơ sở hiện thực, người ta có thể xây dựng được một cái gì đó hợp lý – chỉ cần ta muốn thôi.

NB || Hai năm đó cũng có ảnh hưởng có lợi tới thương  
cũng || nghiệp và công nghiệp, đồng thời mang lại một sự  
có || cải tiến và chỉnh đốn. Công nghiệp tư nhân, nghĩa là  
NB || thứ công nghiệp tồn tại không phụ thuộc vào đơn  
|| đặt hàng của nhà nước (dầu hỏa, đường, hàng dệt,  
giấy, gỗ) vẫn hoàn toàn lành mạnh và chỉ có vấn đề  
|| công nhân lúc này mới mang một tính chất hoàn  
|| toàn khác, tức là tính chất chính trị” (61)...

“Những năm chuyển tiếp 1905/8 đã thúc đẩy nhiều nhà tư bản Nga gửi tiền mặt của mình vào các ngân hàng Đức”... (xem ở trên).

sic!! || “Lúc đó, thậm chí đã có tình trạng là một trong  
|| những ngân hàng bảo thủ nhất (và cũng độc lập  
|| nhất) của Nga đã mua công trái hợp nhất của Phổ  
|| để dự trữ phòng những tình huống bất trắc.

NB || Hồi đó (1906) các ngân hàng Nga không giàu về  
|| tiền mặt nữa rồi. – Phong trào nông dân mãnh liệt  
|| đã gây ra nhiều tổn thất ở nông thôn; còn ở các  
|| thành phố, công nhân vẫn để cho thương nghiệp và  
|| công nghiệp được tương đối nguyên vẹn. Một thực  
|| tế rõ ràng là mặc dầu có rất nhiều cuộc bãi công,  
|| nhưng lác đác mới có một số hành động phá hoại  
|| ngầm chống lại sở hữu tư nhân và các kho tàng  
|| hàng hóa thuộc ngành thương nghiệp và công  
|| nghiệp (sự phá hoại ngầm ở Ba-cu phải được coi là  
|| do người Ác-mê-ni-a và người Tác-ta làm) (không  
|| kể những vi phạm thô bạo đến trật tự trên đường  
|| sắt, những vụ này không thể đổ cho công nhân tự  
|| do được).

NB. Xét về mặt xu hướng chính trị, tất nhiên tác giả là một nhà đại tư sản và là một kẻ theo chủ nghĩa dân tộc!

Trên thực tế thì lúc đó, con số các hối phiếu bị người ta chống lại, chỉ tăng lên chút ít; giới tài chính trên lục địa càng ít am hiểu phong trào (nông dân) hồi đó bao nhiêu thì điều đó, lúc đó, càng làm cho họ kinh ngạc bấy nhiêu” (66).

Những hối phiếu bị người ta chống lại của các ngân hàng Nga theo bảng cân đối từ ngày I. XI. 1905 và những năm sau (tr. 66) là:

		Triệu rúp							
		1905	1906	1907	1908	1909	1910	1911	
NB	Ngân hàng quốc gia	hối phiếu được chiết khấu	188.8	171.4	215.7	194.8	211.8	243.8	
		trong đó số bị chống lại	3.9	1.5	1.6	2.1	2.6	1.1	
8	ngân hàng thương mại Xi- bi-ri	hối phiếu được chiết khấu		352.0	376.0	445.0	523.0	677.0	788.0
		trong đó số bị chống lại		4.9	2.2	2.6	5.2	2.9	4.1

“Các giới tài chính Béc-lanh đã đặc biệt giảm bớt mối quan hệ của họ với các giới kinh doanh công nghiệp tư nhân Nga trong những năm 1905/6, nghĩa là đúng vào lúc mà một số lượng lớn tiền mặt từ khắp nước Nga dồn về nơi họ. Trước đó, các nhà máy dệt và nhà máy sợi ở Lốt-dơ (phần lớn là xí nghiệp Đức) đều phụ thuộc chủ yếu vào thị trường tài chính Béc-lanh và từ trước đến nay là những khách hàng tốt; tuy nhiên, các ngân hàng Béc-lanh lại từ chối không cấp cho chính các công ty đó những tín dụng lớn, nên đã đẩy một số xí nghiệp đến chỗ là chẳng những họ phải giảm sản xuất của mình một cách đáng kể mà thậm chí công-xoóc-xi-om của các nhà công nghiệp dệt rất giàu ở Lốt-dơ phải đến Cáp-ca-dơ để tham gia các xí nghiệp khai khoáng ở đây và tìm cách liên hệ với thị trường Luân-đôn và thậm chí cả với thị trường Niu-Oóc nữa. Những mối liên hệ đó đã bị cản trở chủ yếu là bởi những vụ tàn sát xảy ra hồi đó” (67)...

NB ... “Cần phải lưu ý rằng thiệt hại của Nga trong chiến tranh với Nhật, kể cả cảng Lữ-thuận, Đại-liên và miền Nam đường sắt Đông Trung-quốc, lên đến gần 4 500 triệu rúp, tức là một nửa số nợ của nhà nước; như vậy là nông dân Nga phải trả lợi tức và thanh toán mà không nhận được đồng nào” (72).

NB Trích chương V: “Sự tham gia của các ngân hàng lớn của Đức vào các ngân hàng Pê-téc-bua v.v..”

Tại Béc-lanh, “Đoi-sơ ban-cơ” đã đem kinh doanh cổ phần của “Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri” như thế nào?

NB ... “Đoi-sơ ban-cơ” giữ suốt một năm những cổ phần mới của xí nghiệp nước ngoài và đem đặt chúng tại Sở giao dịch chứng khoán ở Béc-lanh với lợi nhuận trung gian 50%. Công chúng trả 193 cho 100”... (74) <sup>1)</sup>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 445.

vì “hành động như vậy là ngân hàng lớn “của Đức” kiểm soát một cách yên ổn và nhanh (nhờ vào thị giá)”... (74).

... “Nhưng vì “Đoi-sơ ban-cơ” đã bán cổ phần cho công chúng Béc-lanh theo giá 195%, và sau này lại còn đắt hơn nhiều (hiện nay thị giá bằng 230 với 15% lợi tức cổ phần – do đó lợi nhuận của tư bản là 6½%), nên ban giám đốc ngân hàng ở Pê-téc-bua trước hết phải luôn luôn giữ lợi tức cổ phần ở vào mức đó. *Ngân hàng nước ngoài đòi hỏi một cách tuyệt đối là phải làm như vậy. Và lại đó là yêu cầu duy nhất mà họ nêu lên.* – Còn cái đó được thực hiện như thế nào thì nó hoàn toàn không quan tâm, và kết quả là một cơn sốt đầu cơ trên thị trường chứng khoán và cuộc chạy đua xấu xa trong việc mở các xí nghiệp nhằm mục đích đầu cơ mà các ngân hàng Pê-téc-bua trực tiếp buộc phải tham gia do áp lực của “chế độ tham dự”” (77).

“Về mặt kế toán thì theo quan điểm của Đức, hoạt động này biểu hiện ra như sau:

Sự tăng thêm của tư bản từ năm 1906/7:

16 000 000 rúp – tư bản cổ phần danh nghĩa theo thị giá trung bình là gần 200 (áp dụng trong Sở giao dịch chứng khoán Béc-lanh)

10 000 000 – do phát hành chứng khoán từ số dự trữ

26 000 000 – tổng số

32 000 000 – tư bản thực tế tính theo 200

6 000 000 rúp – chênh lệch – lợi nhuận trung gian có lợi cho “Đoi-sơ ban-cơ” và các đối phương của nó” (78)... <sup>1)</sup> 6 triệu rúp

... “Như vậy là trong trường hợp này, “Đoi-sơ ban-cơ” đã dành cho công chúng Đức khoảng gần 32 000 000 ||

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 445.

! rúp dưới dạng cổ phần, với một mục đích duy nhất là để món tiền trả cho Giu-đa gồm mấy triệu tiền chênh lệch về trị giá, rơi vào túi nó, tức “Đoi-sơ ban-cơ” (78).

Trong phiên họp toàn thể (chung) các cổ đông của Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri, ngày 23. III. 1913, một nhóm nhỏ những cổ đông do trạng sư *Bi-bi-cốp* đứng đầu đã chống lại quyết định của phiên họp chung đó. (“Tin tức Sở giao dịch chứng khoán”, số 14 017, ngày 21. II. 1914; “Báo Xanh Pê-téc-bua”, số 51, ngày 22. II. 1914, “Báo Xanh Pê-téc-bua”, số 54, ngày 23. II. 1914.) Những người phản đối đã chứng minh...  
 !! “rằng tổng giám đốc của ngân hàng, (một người tên là Xô-lô-vây-tsích nào đó, có quan hệ họ hàng với một trong những giám đốc của “Đoi-sơ ban-cơ”) đã ghi vào tài khoản vãng lai của mình số tiền trợ cấp của chính phủ gồm 7 triệu rúp và dùng tiền đó để mua các cổ phần của ngân hàng riêng của mình và bằng cách đó chiếm lấy đa số nhằm được bầu lại” (79)... “Nếu lưu ý rằng chính những tư bản Đức hoạt động ở đây và cách thức tiến hành công việc như vậy là được “Đoi-sơ ban-cơ” nổi tiếng khuyến khích thì kết luận mà tôi cố gắng chứng minh trong cuốn sách này, – cụ thể là “chế độ tham dự” cản trở ngay cả phía Nga, một phía nghiêm túc, thực hành sự nghiêm túc và quy củ vào việc quản lý các cơ quan tín dụng có tầm quan trọng ghê gớm đối với nước Nga, – lại càng có một ý nghĩa to lớn. Tất nhiên là “Đoi-sơ ban-cơ” có khả năng chiếm được đa số phiếu, nhưng những cổ đông Nga cũng tham gia ngân hàng này, sẽ không bao giờ có đủ đa số phiếu để có thể thực hiện trên thực tế những nguyện vọng hoàn toàn chính đáng và những quan điểm hợp lý” (80).

... “Từ năm 1906 sự tham gia tiếp tục và ngày một nhiều về mặt tài chính của Đức vào “Ngân hàng

ngoại thương Nga”, được gọi là *Ngân hàng Nga*, và vào “Ngân hàng thương mại quốc tế ở Xanh Pê-téc-bua”, được gọi là Ngân hàng *quốc tế*, càng tăng lên hơn nữa; ngân hàng thứ nhất cùng cánh với công-xoóc-xi-om “Đoi-sơ ban-cơ”, ngân hàng thứ hai – với “Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtơ” ở Béc-lanh. Cả hai ngân hàng Nga hoạt động đến  $\frac{3}{4}$  là dựa vào tiền của Đức (tư bản cổ phần)<sup>1)</sup>. “Ngân hàng Nga” và “Ngân hàng quốc tế” là hai ngân hàng lớn nhất của Nga nói chung. Cả hai đều đầu cơ ghê gớm”... (82)

Sự tăng thêm tư bản tính bằng triệu rúp (tr. 84)

	Tư bản		Dự trữ	
	1906	1912	1906	1912
Ngân hàng Nga . . .	20	50 (+30)	3	15 (+12)
Ngân hàng quốc tế .	24	48 (+24)	12	24 (+12)
	44	98 +54	15	39 +24 <sup>2)</sup>

$$\sum \sum = 78 + 32 \text{ (Ngân hàng Xi-bi-ri)} = 110.$$

Những ngân hàng này đã nhận được “từ năm 1906, tất cả là 110 triệu rúp tư bản cổ phần, trong khi đó khoản lợi nhuận trung gian gồm nhiều triệu rúp đã chuyển sang túi đối phương của họ” (84)...

tr. 97... “về cái đó (theo “The Times Russian Supplement”) thì vô luận thế nào, bộ tài chính Nga cũng lại xuất tiền trợ cấp”... NB

Chương 8: “Tổng số tiền của những ngân hàng Xanh Pê-téc-bua hoạt động có sự tham dự của nước ngoài và một vài nhận xét về những con số”.

(Xem bảng ở tr. 126-127 B. T.)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcô-va, t. 27, tr. 443 - 444.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 444.

tr. 116. Tôi <i>tóm tắt b ả n g</i> (tháng Mười/Mười một năm 1913) <sup>1)</sup>	Đầu tư của những người ngoài (số có)
Những ngân hàng nhận gửi ở Xanh Pê-téc-bua	Có tính chất sản xuất (thương nghiệp và công nghiệp)
<i>a) Theo "chế độ tham dự"</i>	
<b>1) Có sự tham dự của Đức</b>	413.7
(4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri; Ngân hàng Nga; Ngân hàng quốc tế; Ngân hàng chiết khấu)	
<b>2) Có sự tham dự của Anh</b>	239.3
(2 ngân hàng: Ngân hàng công thương nghiệp Nga; Ngân hàng Nga - Anh)	
<b>3) Có sự tham dự của Pháp</b>	711.8
(5 ngân hàng: Ngân hàng Nga - Á; Ngân hàng tư nhân ở Pê-téc-bua; Ngân hàng A-dốp - Đôn; "Ngân hàng U-ni-ôn" (ban giám đốc đặt ở Mát-xcơ-va); Ngân hàng thương mại Nga - Pháp)	
	1 364.8
<i>b) Các ngân hàng độc lập của Nga (Xanh Pê-téc-bua và Mát-xcơ-va)</i>	
(8 ngân hàng: Ngân hàng thương nhân Mát-xcơ-va; Ngân hàng Vôn-ga Ca-ma; Ngân hàng Gioong-ke và công ty; Ngân hàng thương mại Xanh Pê-téc-bua (nguyên là Va-ven-béc); Ngân hàng Mát-xcơ-va (nguyên là Ri-a-bu-sin-xki); Ngân hàng chiết khấu Mát-xcơ-va; Ngân hàng thương mại Mát-xcơ-va; Ngân hàng tư nhân Mát-xcơ-va)	504.2
Tổng số . . . . .	1 869.0

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 444.

Tôi đóng khung bằng bút chì những cột và những con số tổng kết do tôi thêm vào	Triệu rúp Nợ (bên nợ)				
	Tư bản và dự trữ	Tiền gửi	Nợ của các ngân hàng khác và tài chiết khấu	Nhận thanh toán	
Có tính chất đầu cơ (sở giao dịch chứng khoán và tài chính)					
859.1	1 272.8	207.1	658.8	429.0	48.6
169.1	408.4	55.2	204.8	111.5	16.2
661.2	1 373.0	234.9	736.4	308.0	29.5
1 689.4	3 054.2	497.2	1 600.0	848.5	94.3
391.1	895.3	169.0	599.6	127.0	—
2 080.5	3 949.5	666.2	2 199.6	975.5	94.3
3 949.5		3 935.6			

## Tỷ rúp

- a 1)  $0.4 + 0.8 = 1.2$        $1.3 + 1.7 = 3.0$   
 a 2)  $0.2 + 0.2 = 0.4$       b)  $\underline{0.5} + \underline{0.4} = \underline{0.9}$   
 a 3)  $\underline{0.7} + \underline{0.7} = \underline{1.4}$        $1.8 + 2.1 = 3.9$

“Hồi đó (1911) Cục tín dụng Nga [NB: ở những chỗ khác: giám đốc của nó là *Đa-vư-đốp*] đã cấp cho các ngân hàng Nga để tiến hành việc giao dịch chứng khoán ở Pa-ri và Pê-téc-bua, trước hết là 120 triệu phrăng, sau đó lại thêm một khoản cho vay, tất cả là khoảng 100 triệu rúp, với tư cách là trợ cấp cho một vụ đầu cơ điên cuồng của ngân hàng, một cuộc đầu cơ đã đi vào ngõ cụt (chính thức thì điều này được mệnh danh là: để ổn định thị giá các chứng khoán nhà nước Nga)”... (86)...

tr. 121:... năm 1912, tất cả các ngân hàng thương mại Nga có 548 chi nhánh...

Sự phát triển “các công ty tín dụng tương hỗ” (tr. 122)

(theo con số của Cục tín dụng):

tính bằng triệu rúp

	Số lượng	Hội viên	Tư bản	Tổng tài sản	Tiền gửi	Chiết khấu
1907	261	158 000	39	319	203	246
1912	776	502 000	99	899	487	687

NB (136 và các trang khác) Các bộ trưởng tài chính Nga chỉ định các giám đốc ngân hàng (thường là trong số quan lại), — phân phát hàng triệu đồng trợ cấp cho các ngân hàng thông qua “Cục tín dụng”, v. v..

diễn đạt hay! “Điều đó giải thích hoạt động của chính các ngân hàng Pê-téc-bua, những ngân hàng mà về bề ngoài là “của Nga”, về nguồn vốn là “của nước ngoài”, về phương thức quản lý là “có tính chất tài tử”, còn về mặt mạo hiểm lại là “của các bộ”, những ngân hàng này đã trở thành

những ký sinh trùng của đời sống kinh tế Nga. — *Và cái tiền lệ đó*” (nói về Ngân hàng Xi-bi-ri etc.) “*hiện nay cũng đã trở thành một nguyên tắc tổ chức của các ngân hàng Pê-téc-bua*. Các giám đốc của những ngân hàng lớn ở Béc-lanh và Pa-ri cho rằng quyền lợi của họ được bảo vệ tốt và coi những điều sau đây là những bảo đảm:

1) những sự trợ cấp trực tiếp của Cục tín dụng cho các ngân hàng Pê-téc-bua,

2) số có của Bộ tài chính Nga (khoảng 60% của số đó ở Pa-ri và 40% ở Béc-lanh)” (137)...

“Bộ tài chính đã chuyển cho Ngân hàng Nga - Hoa” [tác giả đã phục vụ ở đây!!] “một loạt những cuộc phát hành chứng khoán được nhà nước đảm bảo nhằm mục đích cấp cho ngân hàng những tiền mặt cần thiết cho ngân hàng đó, mà không cần quan tâm đến chúng được sử dụng như thế nào. Chẳng hạn nó đã trao cho ngân hàng việc phát hành tại phần nước Nga thuộc châu Âu các công trái đường sắt được chính phủ đảm bảo và thu nhập thì trước hết là rơi vào kết của ngân hàng. Thực ra, các đường sắt chỉ cần tiền dần dần trong thời gian từ 4 đến 5 năm (khi chúng đang được xây dựng), thế mà trong thời gian đó, ngân hàng được tự do sử dụng tiền và ngoài ra, còn kiếm được lãi qua việc phát hành chứng khoán. Cách làm này đã trở thành thói quen và hàng năm nó được lặp đi lặp lại nhiều lần” (149).

(trái khoán của 4 đường sắt với tổng số là 12,8 triệu li-vơ xtéc-linh = gần 120 triệu đồng rúp.)

“Ngoài ra giám đốc (đồng thời cũng là chủ tịch) ngân hàng, còn tham gia, với cương vị là ủy viên ban giám đốc, vào một số các công

!!  
NB

NB

!!

trong  
20

công ty!! ||| ty đường sắt và công nghiệp lớn (hiện nay tham gia khoảng 20 công ty), những công ty này cũng phải gửi số tiền mặt nhàn rỗi của mình trong tài khoản vãng lai của ngân hàng vì họ biết rằng NB!! ||| bộ tài chính rất quan tâm tới ngân hàng và ủng hộ nó” (149).

“Công việc” được tiến hành như vậy đó...

Điều sau đây nằm trong chương 11: “Sự hợp nhất của Ngân hàng Nga - Hoa với Ngân hàng miền Bắc (Ngân hàng Nga - Á) và bản kháng nghị chống việc đó tại phiên họp toàn thể năm 1910” (tr. 147):

(bản kháng nghị này do chính tác giả đề xuất)

NB !! ||| “Có mặt tại phiên họp toàn thể của Ngân hàng Nga - Hoa — một phiên họp nhằm thông qua việc hợp nhất — phần lớn là các quan chức của Ngân hàng quốc gia và của Cục tín dụng là những người được ủy nhiệm biểu quyết”... (153).

Tác giả đã phát biểu “**ý kiến bảo lưu**”, những ý kiến này đã được ghi vào biên bản của hội nghị ngày 30. III. 1910 (tr. 154).

“Chế độ tham dự là một điều vô nghĩa” — tác giả đã tuyên bố và chứng minh điều đó trong bản kháng nghị của mình... (tr. 154)

sự “hợp nhất” đã được tiến hành bởi các ngân hàng Pháp (“Ban-cơ đơ Pa-ri ê đơ Pây-Ba” + “Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran”), những ngân hàng này “có quyền lợi” trong Ngân hàng Nga - Hoa, họ thấy công việc tồi tệ của ngân hàng này, muốn “thoát ra khỏi” và *hy vọng*.

NB ||| “thông qua việc hợp nhất” (hai ngân hàng thành một — “Nga - Á”) “lập ra một doanh nghiệp “Nga” đủ lớn để trong bất kỳ tình huống nào chính phủ

Nga cũng buộc phải "ung hộ" ngân hàng đã được hình thành bằng cách hợp nhất" (tr. 151). ||

"Khi hợp nhất, tư bản cổ phần bị giảm đi 33% và số tiền này được ghi vào khoản dự trữ; bằng cách đó, người ta làm cho ngân hàng có được cái vẻ dường như tư bản dự trữ là do quản lý tốt mà có và đồng thời ban giám đốc mới lại có được cái khả năng là trong tương lai sẽ có thể phân phối được toàn bộ lợi nhuận (!) thu được trên số tư bản đã giảm bớt, theo một lãi suất cao hơn vì tư bản dự trữ đã ngay một lúc đạt được mức tối đa do pháp luật quy định và không cần phải bỏ thêm lợi tức vào tư bản dự trữ đó. Bản thân những cổ đông cũng bắt lực ngay cả trước thủ thuật đó, vì họ ngồi ở Pháp còn các phiên họp toàn thể thì lại tiến hành ở Pê-téc-bua"... (152)...

... "Ngày nay, khi đọc chẳng hạn một thông báo của Ngân hàng Nga - Á trong đó có ghi: Tư bản cổ phần là 45 triệu rúp, tư bản dự trữ — 23,3 triệu rúp thì bất kỳ một bạn đọc không có định kiến nào cũng sẽ có ấn tượng rằng dự trữ nảy sinh ra từ số tiền kiếm được, tức là nhờ có việc quản lý tốt. Nhưng trên thực tế thì dự trữ đó nảy sinh ra từ tư bản cổ phần, do quản lý tồi. Cả hai ngân hàng, khi hợp nhất, đều không có dự trữ" (153)...

Thế mà ngân hàng ấy, tuy có 120 chi nhánh (!!), nhưng trên thực tế, lại có quá ít tư bản (kết toán là 785 triệu rúp đối với một tư bản là 73½ triệu + + dự trữ — ngày 1. X. 1913) — "sự mạo hiểm của tình trạng quá tải này là trách nhiệm của Cục tín dụng" (153).

... "Sau nữa, hoàn toàn hiển nhiên là do "chế độ tham dự", — cái chế độ mà người ta dựa vào để ngăn không cho các cổ đông được có bất cứ sự đánh

!!

!!

NB

!!

!!

giá nào đối với việc quản lý các ban giám đốc của họ vì đứng giữa họ và doanh nghiệp là những ngân hàng lớn có mọi quyền lực (ngân hàng nước ngoài), chúng đang cướp bóc cả hai bên bằng "những mưu kế được ngụ ý trang" nhiều hay ít, — nên ban giám đốc của các doanh nghiệp được thành lập một cách tùy tiện và vì những lợi ích cá nhân, và rồi cuộc bất kỳ một kẻ không chuyên nghiệp nào cũng có thể trở thành giám đốc ngân hàng" (156 - 157).

Ban giám đốc Ngân hàng Nga - Á gồm "một viên quan lại cũ của Nga (tổng giám đốc và chủ tịch ngân hàng), một thống đốc cũ của Nga, một nhà ngoại giao cũ của Pháp, một luật sư cũ của Pháp" (158)

toàn bộ những lời chỉ trích này — tác giả nói — được viết vào mùa thu năm 1913 và đã bị một chiếu chỉ của nhà vua ban hành ngày 30. I. 1914, làm cho "trở thành lỗi thời".

ngoại giao?

Sự hợp nhất các ngân hàng nhận gửi và các ngân hàng đầu cơ là có hại vì nó

1) "trói buộc" các tư liệu sản xuất của nước nhà

2) dẫn đến việc tăng giá, đến các xanh-đi-ca v. v..

ha ha! "Nếu như trong quan hệ ngân hàng, sự minh nói quá bạch và trật tự được hình thành thì tôi muốn được đáng!! thấy các tư-rót, các độc quyền và xanh-đi-ca sẽ có thể tồn tại như thế nào" (179)...

ha ha!! "Pháp luật hãy cứ quy định đi rằng những công đơn ty ký với nhau các hiệp định làm tổn hại tới cạnh tranh không công minh chính đại) không được sử dụng tín dụng ngân hàng quan phương thật!! tức là không có cả quyền phát hành mới, thì

chẳng mấy chốc mà các độc quyền và xanh-đi-ca sẽ phải tan rã" (180).

*Tiền trợ cấp* của Cục tín dụng (tr. 202 và 204) cho các ngân hàng Xanh Pê-téc-bua lên tới 800 - 1 000 triệu đồng rúp<sup>1)</sup>. !!

Cục tín dụng... "là chiếc chìa khóa của toàn bộ hoạt động tín dụng của đế quốc". "Đấy là một bộ máy quan liêu không có điều lệ và không chịu sự kiểm tra của xã hội" (200).

... "Năm 1910, nó được... cải cách và từ đó nhiệm vụ của nó là "thống nhất" sự hoạt động của tất cả những cơ quan tín dụng trong nước<sup>2)</sup>, và "nó là mắt xích liên hệ giữa chúng và các sở giao dịch"... các ngân hàng Xanh Pê-téc-bua, cứ 8 đến 14 ngày một lần, lại báo cáo cho nó và cứ 3 tháng một lần phải báo cáo tỉ mỉ hơn (201).

4 "loại" trợ cấp như vậy<sup>3)</sup>:

	Triệu rúp
(1) Trả trực tiếp bằng tiền mặt (cho các ngân hàng) lấy từ quỹ bổ trợ cho đến.....	150
(2) Tiền gửi vào các ngân hàng nước ngoài (như là một sự bảo đảm vô hình) .....	450
(3) "Giao việc phát hành được nhà nước bảo đảm"....	150
(4) "Chiết khấu các hối phiếu tài chính (hối phiếu chung và hối phiếu giả) có hoặc không có ký chuyển của ngân hàng nước ngoài".....	khoảng 50
	$\Sigma = 800$

"Tiền ký gửi có 1 648 triệu rúp cộng với 800 trợ cấp thành 2 448 triệu so với 5 000 triệu là tổng số

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 452 - 453.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 452 - 453.

<sup>3)</sup> Trợ cấp của Cục tín dụng.

NB |||| tiền mặt lưu thông nhân rồi trong cả nước theo số liệu của ngài Đa-vư-đốp (Cục tín dụng), tức là ...một nửa của số tiền mặt lưu thông nhân rồi trong đế quốc Nga đã mắc kẹt trong các ngân hàng đầu cơ quốc tế do có chế độ tham dự. Phải hàng nhiều năm mới thu lại được số tiền đó (và đưa trở lại vào lưu thông)"... (204)

Chương 15 (tr. 210): "*So sánh lực lượng giữa*

NB |||| *các tư-rót ngân hàng quốc tế trên thị trường Nga*"...  
"Bảng tổng kết thực lực của các ngân hàng Xanh Pê-téc-bua (chế độ tham dự)" (tr. 211).

Tinh bằng triệu rúp			
Số có		Số nợ	
<i>Kiểm soát thương mại và giao thông vận tải</i>		<i>Tư bản lưu động của các ngân hàng</i>	
a) Tín dụng công nghiệp, rúp ...	1 350	a) Quỹ riêng .....	497
b) Hàng hải và các đường sắt tư nhân.....	1 509	b) Tiền gửi (Nga) ..	1 600
c) Kiểm soát sự tham dự của khách hàng tư nhân Nga .....	1 689	c) Tín dụng .....	942
	<u>4 548</u>		<u>3 039</u>
		Phát hành trong thời gian 1908 - 1912 (không kể lợi tức quốc gia)	
	<i>Kiểm soát sản xuất và công nghiệp</i>		
a) Các xanh-đi-ca than (Prô-đu-gôn)		a) ở Nga .....	3 687
b) " " sắt (Prô-đa-mét)		b) ở nước ngoài .....	1 509
c) " " dầu hỏa ("Đgiê-nê-ran ôi-lơ" etc.)			<u>5 196</u>
d) " " luyện kim (các loại khác nhau)			8 235
e) " " xi-măng, xây dựng (các loại khác nhau)			
	.....		<u>3 687</u>
			<u>8 235</u>



{Bảng thống kê đầy đủ, tr. 211 - 212.}

"Thực lực này được phân bố đại loại như sau giữa ba nhóm ngân hàng ngoại quốc:

NB (tr. 212)	}	(1) Bộ ba ngân hàng Pháp cộng với 5 ngân hàng Pê-téc-bua.....	55%
		(2) Các ngân hàng "Đ" Đức - Béc-lanh cộng với 4 của Pê-téc-bua .....	35%
		(3) Các xanh-đi-ca Anh - Luân-đôn cộng với 2 của Pê-téc-bua.....	10% <sup>1)</sup>

... "Ngược lại, sự phân bố các trách nhiệm vật chất (tất cả đều tính theo giá trị danh nghĩa), được thể hiện như sau:

a) <i>Nước ngoài</i>	(tính bằng triệu rúp)
Phát hành .....	1 509
Yêu cầu thanh toán của ngân hàng (không kể yêu cầu thanh toán ngược lại của Cục tín dụng) khoảng.....	300
Tham dự tư bản cổ phần của các ngân hàng.....	295
"    các cổ phần khác (chế độ tham dự) .....	500
	2 604

b) *Nước Nga*

Phát hành, tiền gửi và các khoản khác .....	4 831
Cục tín dụng (không kể khoản tín dụng vừa qua về đường sắt) .....	800
	5 631
	Σ = 8 235"

"Ý nghĩa rõ ràng của bản thống kê về những tỷ lệ này là ở chỗ thiếu số 1/3 gồm các nước xuất khẩu tư bản, thống

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 445.

trị đa số 2/3 là nước Nga, một nước nhập khẩu tư bản (— tr. 213 —), mà hơn nữa điều đó lại được thực hiện dưới cái hình thức (trợ cấp, xanh-đi-ca, các-ten etc.) khiến cho đa số đó không có khả năng bảo vệ lợi ích riêng của mình cũng như của người khác. Do đó, những lợi ích riêng last not least<sup>1)</sup> của một số ban giám đốc các ngân hàng lớn thống trị không phải theo lối chính thức mà thống trị một cách bí mật và theo cái cách khiến cho tất cả những người tham gia đều khổ sở".

{ Tác giả nhìn thấy đây là nguyên nhân của tình trạng vật giá lên cao và thậm chí còn đưa ra (tr. 213) % tăng ước tính của vật giá trong những năm 1908 - 1913, nhưng mới nhìn cũng thấy rõ ràng điều đó không nghiêm túc, đó không phải là một bằng chứng mà là một minh họa không cần thiết... }

Trong tr. 214, ông ta đưa ra *bản thống kê bán chính thức của "Báo công thương"* như sau:

NB	}	Tổng tư bản cổ phần (đầu năm 1914) .....	3 600
		cộng với (trái khoán) công nghiệp .....	400
		"    "    các cổ phần đường sắt.....	140
			4 140
		Cộng với công trái quốc gia và trái khoán đường sắt có bảo đảm ở Nga.....	6 072
		"    "    tài sản cầm cố của tư nhân (các văn tự cầm cố) .....	2 956
	13 168		

<sup>1)</sup> — cuối cùng chứ không phải ít nhất.

Theo tác giả, các ngân hàng Xanh Pê-téc-bua là "những  
to-rót tiền tệ quốc tế được thành lập một cách giả tạo (?)"  
(215)

cái từ "nếu" thật là lố bịch ("người dân tụy"!)

... "cương lĩnh của một giám đốc một ngân hàng lớn hiện tại là hoàn toàn rõ ràng và hiển nhiên; nó tuyên bố:  
*Nếu chúng ta, những ngân hàng lớn, đạt đến chỗ thống trị được những người sản xuất và những người tiêu dùng (thông qua việc phát hành, tín dụng và thuế) thì lợi nhuận sẽ chảy dồn vào túi chúng ta, và chúng ta làm chủ tình thế*" (do A-gát viết ngả) (218).

A-gát "quên mất" một chi tiết: chủ nghĩa tư bản và giai cấp các nhà tư bản!!

Hậu quả của cái đó — ông ta viết — có thể là "thuế quan bị tăng lên quá mức" và vì sự tăng lên đó mà có "sự thù địch công khai trên thị trường thế giới khiến cho có thể thậm chí dẫn đến chiến tranh; điều đó cũng có thể có lợi cho bọn độc quyền ngân hàng cỡ lớn vì nhờ force majeure<sup>1)</sup> của chiến tranh họ có thể thanh toán các bảng cân đối của mình, thêm vào đó cá nhân họ lại không thể bị coi là những kẻ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại" (220)...

Ở tr. 234, tác giả trích X. Prô-cô-pô-vích

"thậm chí" dẫn đến chiến tranh một trong những động cơ ủng hộ chiến tranh

1) — sức mạnh không ai chống lại nổi.

(về những điều kiện phát triển công nghiệp của nước Nga) —  
tư bản do Nga bỏ ra...  
447.2 triệu rúp = 21.1%,  
tư bản do nước ngoài bỏ ra...  
762.4 triệu rúp = 35.9%,  
tư bản "thu được do bán các chứng khoán có giá"  
...915.6 triệu rúp = 43.1%

Σ là 100.1%

Ở đây — A-gát nói — "vấn đề ngân hàng mà tác giả (Prô-cô-pô-vích) không hiểu", giữ vai trò lớn nhất.

Về vấn đề *cán cân thương mại* của Nga, tác giả viết rằng số có đã vượt số nợ như sau

1909 — 570 triệu rúp (tr. 238)

1910 — 511

1911 — 430

— 1 371<sup>1)</sup>

600 — trừ khoản thanh toán theo phiếu chứng khoán ở nước ngoài hàng năm là 200 triệu rúp

771 — "tổng số siêu trong 3 năm".

"Như vậy, về tổng số tiền ấy, có thể nói là phần nào (tôi ước tính đến 500 triệu rúp) nó đã làm giàu cho đất nước bằng tiền mặt cao hơn mức bình thường nhờ một vụ thu hoạch hết sức tốt. Dù sao con số đó cũng cho thấy một cách hoàn toàn rõ ràng rằng những vụ thu hoạch rất tốt không hề là nguyên nhân duy nhất của sự phát triển bề ngoài có vẻ mạnh như vậy ở nước Nga.

Cần phải thêm vào đấy, sự nhập khẩu tư bản từ nước

<sup>1)</sup> Của A-gát là như vậy.

ngoài vào nhờ có những cuộc phát hành chứng khoán được bảo đảm và những cuộc phát hành chứng khoán của tư nhân, vào khoảng 1 509 triệu rúp, mà chỉ có một bộ phận không đáng kể là được dành cho toàn bộ thị trường dưới dạng tiền mặt (mà chủ yếu là phân chia cho các xí nghiệp chuyên môn).

Giám đốc Cục tín dụng (Đa-vư-đốp) ước tính số tăng của tư bản lưu động nhân rồi trong cả nước (ông ta quan niệm đó là những tiền gửi của tư nhân trong tất cả các ngân hàng, số tăng thêm của tiền mặt gửi trong các quỹ tiết kiệm (tăng 576 triệu tiền mặt và chứng khoán có giá), những tài khoản vãng lai của các quỹ nhà nước tại ngân hàng quốc gia nhưng không kể tiền gửi của các quỹ nhà nước (Cục tín dụng) tại các chủ ngân hàng nước ngoài và tiền nợ của các ngân hàng Nga ở nước ngoài) là như sau:

1906 — 2 592 triệu rúp

1912 — 5 000 triệu rúp" (tr. 238).

Số tăng thêm, tác giả viết, = khoảng 2 500 triệu rúp, còn số tư bản nhập khẩu từ nước ngoài là khoảng 1600 + 771 (nhập vào là nhờ các vụ gặt) = 2 371 triệu rúp (tr. 239) — "gần như cân bằng"...

"Bộ tài chính Nga, trong trường hợp này" (nhân dự trữ vàng của nhà nước Nga quá cao) "đã dùng số tiền mặt của mình một cách không khoa học, ít phù hợp với kinh tế chính trị học, và phản dân tộc chẳng khác gì đại bộ phận các ngân hàng lục địa lớn ở Béc-lanh và Pa-ri sử dụng tiền gửi mình vậy. Ở đây, tiền của nhà nước Nga được dùng để đảm bảo ảnh hưởng của một số ngân hàng Béc-lanh và Pa-ri đối với các ngân hàng Pê-téc-bua (và cả tiền của Nga gửi họ), còn trong khi đó thì hoạt động kinh tế sản xuất trong nước lại bị suy yếu chính là ở những nơi mà lẽ ra nó phải được tăng cường" (247).

NB

phải chăng là ngược lại? "ảnh hưởng" của các ngân hàng Béc-lanh và Pa-ri *bước phải như thế??*

NB ||| Thu nhập quốc dân ("ngân sách quốc dân = sản lượng nông nghiệp, nghĩa là vụ thu hoạch ngũ cốc, và tất cả các sản phẩm khác") ở Nga (1913) chỉ lên đến 9 tỷ rúp (249).

"người dân tủy" ||| "...Nâng cao năng suất và tiêu dùng của quần chúng vẫn còn là một việc có lợi nhất" (265) (do tác giả viết ngả).

Tác giả phê phán chính sách tài chính của Vít-te như thế nào: "Thế mà vào lúc đó người ta" (Vít-te) "lẽ ra phải tổ chức thì lại đi đầu cơ và tính mưu lập kế, còn sự nguy hiểm thì lại đẩy cho ngân khố" (275)...

Đầu cơ versus tổ chức: !! Người dân tủy!! idem  
281 — 2 và nhiều trang khác.

Lời chê trách của tác giả đối với cơ quan ai chê ||| quản lý tài chính Nga: "Người ta không quy trách ai! ||| định giới hạn cho những kẻ đầu cơ quốc tế, cũng không dành cho những người nước ngoài tên lái ||| trung thực đang cộng tác có hiệu quả, một vị trí thích đáng phù hợp với những thành tựu của họ" (276)...

... ||| "Trong khi đó, tôi lại nhấn mạnh một lần nữa sự khác nhau giữa các ngân hàng đầu cơ của Pê-téc-bua (các nghiệp vụ ngân khố) và các ngân hàng Nga làm việc có hiệu quả (kinh tế quốc dân). Không thể không tiến cử Ngân hàng Vôn-ga - Ca-ma, Ngân hàng thương nhân Mát-xcơ-va, các ngân hàng Cnô-ốp và Vô-gao, là những kiểu mẫu thích hợp để hướng hoạt

động ngân hàng đi theo con đường đó, nhằm mục đích xóa bỏ hoàn toàn nạn đầu cơ trong các ngân hàng nhận gửi"... (280).

"Tôi đã từng bày tỏ là tôi *tiếc* rằng ngay cả nước Nga cũng đang bị lôi kéo vào "con lối tài chính của thế giới văn minh" (283). ha ha !

"Bất kỳ một nước nào đang chuyển sang một nền kinh tế tiền tệ, đều phải tính đến thế lực của tổ chức quốc tế Do-thái", nhưng người Do-thái — ông ta viết — là có ích khi họ phục tùng lợi ích chung, như ở Đức, nơi mà tài năng của họ được khệp vào trong khuôn khổ của "lý trí và luân lý" (284).

... "Có thể nói rằng: Trong tình hình hiện nay, một số ngân hàng lớn trả lợi tức cổ phần như thể lợi tức đó là món tiền trả bất hợp pháp cho sự im lặng"... (286). !!  
diễn đạt hay!

"Cương lĩnh của tôi" (A-gát) mà là "phi dân tộc" ư?? lạ chúa hãy che chở cho tôi!! tôi không phải là người theo chủ nghĩa thế giới, tôi là người dân tộc chủ nghĩa (tr. 287 và 288), tôi chủ trương mỗi dân tộc được độc lập, ủng hộ những hoạt động ngân hàng chính đáng, ủng hộ sự thành công của "công việc kinh doanh".

... "Nếu một cương lĩnh như vậy mà không "có tính dân tộc" thì tôi yêu cầu giải thích cho tôi biết đúng ra "tính dân tộc" là thế nào? Hoặc giả có thể là người ta sẽ khẳng định rằng khái niệm ấy không áp dụng cho việc thiết lập và quản lý có kết quả những công việc sinh lợi trong một thời gian dài?" (288). (người dân tộc chủ nghĩa)

Tác giả viết ngả:

"Như vậy, sự thay đổi của những hoạt động ngân hàng lớn trên lục địa là điều kiện đầu tiên của một sự thỏa thuận về kinh tế và chính trị ở châu Âu, vì "hòa bình" và vì ("Liên

bang châu Âu") || điều đó là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của các dân tộc" (290)

và câu cuối của cuốn sách:

"Và những luận điểm cuối cùng của tôi *phát biểu* như sau: Nếu các cường quốc lớn của châu Âu (lục địa) cứ khăng khăng kiên trì cái "chế độ đã từng được thử thách" của họ thì cuộc chiến tranh thế giới sẽ buộc họ phải đi đến thay đổi nó. Tự do của thị trường tiền tệ và tự do của thị trường toàn thế giới — thông qua chiến tranh hay sự sáng suốt — hãy để cho họ lựa chọn và nên biết rằng các giai cấp cầm quyền của châu Âu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc đó".

Hết

#### BAN-LỐT. THỐNG KÊ

Ban-lốt || Giáo sư tiến sĩ *Các-lơ Ban-lốt*. "Những nguyên lý của thống kê". Béc-lanh, 1913.

Xem ra là một tập thống kê rất tốt gồm những tài liệu bằng con số, hơn thế nữa tác giả quan tâm > cả đến sự thống kê *sản xuất* (số lượng sản phẩm) — xem Át-lan-ti-cút!! —

Ban-lốt tính rằng ở Đức cứ 1 nhân công thì có 2 người nô lệ bằng sắt (máy móc)

#### § "Lực lượng sản xuất kỹ thuật"

*Không đầy đủ.*

hơi nước điện nước

máy (chạy bằng hơi nước) || Đức (1907) trong công nghiệp có 8,8 triệu mã lực (7,3 + 0,9 + 1,5)

	hơi nước	nước	điện	
Mỹ (Hợp chúng quốc) trong công nghiệp có 16,0 triệu mã lực	(14,2	+ 1,8	+ ?)	<i>máy</i> (chạy bằng hơi nước)
Anh (*) (1907) trong công nghiệp có 10,7 triệu mã lực				
Tổng số + các đầu tàu 13 triệu mã lực (1895)				

(\*) Những con số về *nước Anh* trích từ tạp chí "Die Bank", 1913, tr. 190 — theo số liệu của "Bộ thương nghiệp". Kết quả "điều tra sản xuất" trong *công nghiệp* (toàn bộ). Tổng giá bán = 1 765 triệu li-vơ xtéc-ling; giá trị nguyên liệu = 1028 triệu l. xt.; chi phí gia công = 25 triệu l. xt. Giá trị ròng [1 — (2 + 3)] = 712 triệu l. xt. *Số lượng công nhân* = 6985 nghìn. *Máy móc* = 10 755 nghìn *mã lực*. [+ Trong nông nghiệp chi phí = 196 triệu l. xt.; công nhân 2,8 triệu.] Tổng tư bản (trong công nghiệp) = 1 500 triệu li-vơ xtéc-ling.

Số lượng *thủy lực*:  
triệu mã lực

Thụy sĩ	1½ — 3	
Thụy-điển + Na-uy	8	(khoảng 28 triệu)
Phần-lan	4 — 6	(tr. 255)
Ni-a-ga	4 — 5	(mới sử dụng 1/10)
Các thác nước của Công-gô (châu Phi)	— 28	
Nam Mỹ (??)	1 — 2	

ỐT-TÔ. NHỮNG NGÂN HÀNG ĐỨC Ở HẢI NGOẠI

Tiến sĩ Van-tơ Ốt-tô. "Nhận cho vay, các hoạt động thành lập và tham dự của những ngân hàng lớn của Đức ở hải ngoại". Béc-lanh, 1911.

(Danh mục từng xí nghiệp và bảng liệt kê chỉ rõ những "sự tham dự" của các ngân hàng lớn; phần I xếp theo lục địa và các nước; phần II xếp theo các ngân hàng. **Tài liệu thô.**)

Đôi lúc nêu lên những tỷ lệ % của sự tham dự của các nhóm *Anh* và *Pháp, Bắc Mỹ* vào một số xí nghiệp **riêng biệt**, song không có *bảng tổng hợp*.

Tr. 245 có bảng: "Tổng tư bản hoạt động của các ngân hàng Đức ở hải ngoại" (10 ngân hàng) (tôi lược ra trong những số liệu hàng năm):

1889 —	45,6	triệu	mác
1890 —	41,3	"	"
1900 —	206,5	"	"
1905 —	329,3	"	"
1908 —	607,1	"	"

ĐIU-RÍCH. SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG ĐỨC Ở NƯỚC NGOÀI

*Gioóc-giơ Điu-rích*. "Sự bành trướng của các ngân hàng Đức ở nước ngoài, những quan hệ của nó với sự phát triển kinh tế ở Đức". Pa-ri (và Béc-lanh), 1909 (798 tr.).

Một cuốn sách dày cộp cung cấp vô số tư liệu; một phần đã có trong tác phẩm của Rít-xơ; tôi chọn thêm một số:

tr. 37: Theo thống kê của "Der Deutsche Oekonomist" (1906, tr. 452) thì các ngân hàng Đức có số tư bản là: 11 394 triệu (tiền của bản thân nó và của những người khác).

Trong đó 3 335 của nhóm "Đoi-sơ ban-cơ"		17	ngân hàng
2 145 " " "Đrê-dơ-đne ban-cơ" + "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in"		13	" "
1 843 " " "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ"		8	" "
908 " " "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ"		6	" "
∑ 8 231	4 nhóm	44	" "
	+ 4 nhóm ít thế lực hơn		

$\Sigma\Sigma = 9\ 566 =$  tổng cộng vào khoảng 80%  $\left\{ \begin{array}{l} \text{"Côm-méc-tơ-un-đơ đi-xcôn-tô-ban-cơ"} \\ \text{"Mít-ten-đôi-sơ crê-đi-tơ-ban-cơ"} \\ \text{"Na-txi-ô-nan-ban-cơ phi-u-rơ Đoi-sơ-lan-đơ"} \\ \text{"Béc-lin-nơ han-đen-xô-ghe-den-sáp-phơ"} \end{array} \right.$

tr. 84... Tư bản của Pháp đầu tư ở nước ngoài:

$\left\{ \begin{array}{l} \text{theo "Journal"} \\ \text{officiel"} \\ \text{ngày 25. IX.} \\ \text{1902} \end{array} \right.$	Châu Âu .....	21 012 triệu mác (sic! lỗi in sai chẳng?). Hiện nay — tác giả viết — có đến 40 tỷ
	Châu Á .....	1 121
	Châu Phi .....	3 693
	Châu Mỹ .....	3 972
	Úc và châu Đại- dương .....	57
	.....	29 855

tr. 126 - 7: "Mối liên hệ của các ngân hàng lớn của Đức với các công ty công nghiệp nhờ có sự tham dự vào các hội đồng giám sát của những công ty công nghiệp đó" (bảng do Han-xơ A-răng-xơ và Cuốc-tơ Vốt-xơ lập theo tư liệu của cuốn "Danh bạ các giám đốc và ủy viên các hội đồng giám sát của các công ty cổ phần", Béc-lanh, 1903): tác giả đưa ra những số liệu về từng ngành công nghiệp, tôi chỉ lấy những tổng số:

Chế độ tham dự	"Đoi-sơ ban-cơ"	"Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phơ"	"Đác-mơ-sítét-te-rơ-ban-cơ"	"Đrê-dơ-đne ban-cơ"	"Sáp-phơ-hau-đen-sơ ban-cơ-phi-rai-in"	"Béc-lin-nơ han-đen-xô-ghe-den-sáp-phơ"
Thông qua nhân viên quản lý hành chính.....	101	31	51	53	68	40
Thông qua các ủy viên hội đồng giám sát riêng của mình.....	120	61	50	80	62	34
Bằng cách này hoặc cách kia trong hai cách đó.....	221	92	101	133	130	74
Bằng cách làm chủ tịch hội đồng hoặc thông qua trên 2 ủy viên.....	98	43	36	41	46	33

tr. 213: Sự tham gia của những nước quan trọng nhất vào các đường dây điện báo hàng hải của thế giới:

	1898	1903
Anh.....	68. <sup>33</sup> %	60. <sub>2</sub>
Mỹ.....	11. <sub>10</sub>	18. <sub>2</sub>
Pháp.....	10. <sub>10</sub>	9. <sub>0</sub>
Đức .....	1. <sub>88</sub>	4. <sub>5</sub>
Nga.....	4. <sub>32</sub>	3. <sub>8</sub>
Nhật.....	0. <sub>90</sub>	0. <sub>8</sub>

tr. 239... Các xí nghiệp công nghiệp điện ở nước ngoài (theo *Pha-dôn-tơ*. "Bảy công ty điện lớn, sự phát triển của chúng"... Đrét-đen, 1904); tôi chỉ lấy số liệu về nước Nga và những tổng số (triệu mác):

Nhóm		
"Xi-men-xơ un-đơ Gan-xke" .....	33. <sub>10</sub>	104. <sub>39</sub>
A. Ê. G.....	2. <sub>88</sub>	52. <sub>04</sub>
"Su-ke".....	1. <sub>60</sub>	25. <sub>66</sub>
"U-ni-ôn - ê-lếch-tơ-ri-txi-tét-ghe-den-sáp-phơ .....	2. <sub>88</sub>	17. <sub>53</sub>
"Hê-li-ôn-xơ".....	21. <sub>60</sub>	27. <sub>70</sub>
"La-mây-e" .....	—	5. <sub>12</sub>
"Cum-me" .....	—	0. <sub>69</sub>
	$\Sigma =$	62. <sub>06</sub> 233. <sub>13</sub>

tr. 245 và 246. Sản lượng dầu hỏa ở Ru-ma-ni

năm 1886..... 53 000 tấn

1907..... 900 000 "

Tư bản nước ngoài trong công nghiệp ấy <sup>1)</sup>:

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 466.

{ Một thí dụ không đến nổi tối }	Đức .....	74 triệu phrăng	(54)
	Pháp.....	31	
	Hà-lan.....	22	
	Ru-ma-ni.....	16	
	Ý.....	15	
	Mỹ.....	12.5	
	Bỉ.....	5	
	Anh.....	3	
Của các nước khác .....	6.5		
		Σ = 185	

tr. 283 và các trang tiếp

Những ngân hàng thuộc địa Anh:

32 ngân hàng...2136 chi nhánh..... 50.3 triệu li-vơ xtéc-linh (tư bản cổ phần)  
x 25 = 1 257.5 triệu phrăng

Những ngân hàng thuộc địa Pháp:

20 ngân hàng 136 chi nhánh <sup>1)</sup> ..... 326.8 triệu phrăng

Những ngân hàng thuộc địa Hà-lan:

16 ngân hàng 67 chi nhánh..... 98.0 triệu phlo-ring  
x 2 (??) = 196 triệu phrăng

((vô số những tư liệu có tính chất chuyên khảo thực thụ về từng ngân hàng lớn và về một số ngân hàng Đức ở hải ngoại))

Hai ví dụ:

(tr. 631) "Đoi-sơ - A-di-a-ti-sơ ban-cơ" (ở Thượng-hải) (thành lập 12. II. 1889) Phân phối 5000 cổ phần (mỗi cổ phần 1000 ta-le)	{	tr. 743: "Đoi-sơ -
		Ô-xta-phri-ca-ni-sơ
		ban-cơ" thành lập
		5. I. 1905
		4000 cổ phần (=
		= 2 triệu mác)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 461.

1. Ban giám đốc "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ".....	805 cổ phần	250
Ban giám đốc ngân hàng "Đi-han-đlung" .....	175	
"Đoi-sơ ban-cơ".....	555	250
Blây-khre-đe-rơ.....	555	100
5. "Béc-lin-nơ han-đen-xô-ghê-den-sáp-phơ" .....	470	
"Ban-cơ phi-u-rơ han-đen un-đơ in-đu-xtơ-ri" .....	310	
"Rô-béc Vác-sau-ơ và công ty" .....	310	100
"Men-đen-xôn và công ty".....	310	100
10. Gia-cốp Stéc-nơ (Phran-pho trên sông Manh) .....	470	
M. A. phôn Rốt-sin-đơ (Phran-pho trên sông Manh) .....	310	
11. "Noóc-đoi-sơ ban-cơ" (Ham-buốc) .....	380	
12. "Xan. Ôp-pen-hai-mơ và công ty" (Cô-lô-nhơ).....	175	100
13. "Bai-e-ri-sơ hi-pô-tơ-ken un-đơ véch-xen-ban-cơ" (Muyn-khen) .....	175	
	5 000	

"Đoi-sơ - Ô-xta-phri-ca-ni-sơ

ghê-den-sáp-phơ" .....

Đen-bruych Le-vơ.....

"Han-xinh và công ty" .....

phôn-đe-rơ Gây-tơ .....

100

4 000

"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ".....	800	Blây-khre-đe-rơ.....	555
"Đoi-sơ ban-cơ" .....	555	Men-đen-xôn.....	310
"Béc-lin-nơ han-đen-xô-ghê-den-sáp-phơ" .....	470	Gia-cốp Stéc-nơ.....	470
"Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" .....	310	Rốt-sin-đơ.....	310
	310		1 645

2 135

CAU-PHMAN. NHỮNG NGÂN HÀNG PHÁP

Tiến sĩ O-giê-n Cau-phman. "Ngành ngân hàng ở Pháp". Ti-u-bin-ghen, 1911 (phụ trương I của "Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik")<sup>1)</sup>.

Chi nhánh ở tỉnh	Quý nhận gửi ở Pa-ri	Vốn lưu động tự có ghi trên biểu cân đối	Tiền của người ngoài	Tổng số tiền gửi tính bằng triệu phrăng	Số người gửi tính bằng triệu người
tr. 362 (tôi tóm tắt): Sự phát triển của hệ thống các chi nhánh Pháp từ năm 1870 (3 ngân hàng lớn: "Crê-di Li-on-ne"; "Công-toa-rơ na-xi-ô-nan" và "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran")	tr. 356 Cũng 3 ngân hàng đó			tr. 37 Những quỹ tiết kiệm của Pháp	
1870..	47 + 17 = 64	— (1872) 200 tr. phrăng	+ 427		
1880..	127 + 68 = 195	— 253	953		
1890..	192 + 66 = 258	— 265	1 245	— 3 325	7,3
1900..	505 + 120 = 625	— 615	2 300	— 4 274	10,7
1909..	1 033 + 196 = 1 229	— 887	4 363	— 4 773 (1906)	12,5

Bộ trưởng Bộ tài chính Pháp ước tính tài sản quốc dân của Pháp (tính theo thuế tài sản thừa kế) là bằng 200 tỷ phrăng (1903/05) - thấp hơn thực tế. !!

trong số đó thì  
55 (27%) nằm trong tay 18 000 người (tr. 37)  
75 (37%) " 45 000 "

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 420 - 421.

NB ||| tr. 85: Thêm: "Tư bản Pháp dưới dạng chứng khoán có giá" |||

Tỷ phrăng hàng năm  
Theo sự tính toán của Tê-ry (1907) . . . 61,4 Pháp . . . . . 1/3 tỷ (tr. 87)  
NB ||| 38,5 nước ngoài 1 — đúng ra  
99,9 là 1/2 tỷ phrăng  
gần 100 tỷ phrăng

(\*) { Tê-ry cho rằng số chứng khoán có giá trong tay các chủ sở hữu trên toàn thế giới (1907) là 730 tỷ phrăng  
trong đó 115 - 130 (Anh)  
110 - 115 (Mỹ)  
100 - 100 (Pháp)  
60 - 75 (Đức)  
—————  
385 - 420 } những con số này là của Nây-mác-cơ

(\*) tr. 287, chú thích (O. Cau-phman):.. "Như vậy là "Đoi-sơ ban-cơ" với sự tham dự bằng cân đối 72 triệu mác, đã thống trị một nhóm ngân hàng cổ phần có một tổng tư bản vào khoảng 1/2 tỷ và số tiền của người ngoài gửi là 1 1/3 tỷ" (xem Lan-xbuốc. "Chế độ tham dự trong ngành ngân hàng ở Đức". "Die Bank", 1910, tháng Sáu, tr. 504).

Tính toán của Tê-ry

(chứng khoán) của Nga	— 10,9 tỷ phrăng
của Áo - Hung	— 3,65
của Ai-cập	— 3,05
của Thổ-nhĩ-kỳ	— 2,5
của Hà-lan	— 1,45
của Thụy-sĩ	— 1,45
của Ý	— 1,4
của Bồ-đào-nha	— 1,35
của Anh (kể cả thuộc địa)	— 1,30
của Bỉ ( " " " " )	— 1,25
của Bra-xin	— 1,20
của Ác-hen-ti-na	— 1,10
của các nước ở vùng Ban-căng (trừ Thổ-nhĩ-kỳ)	— 1,050



HÊ-GHÊ-MAN. NHỮNG NGÂN HÀNG PHÁP

C. Hê-ghê-man. "Sự phát triển của những ngân hàng lớn của Pháp". Muyn-xơ tại Ve-xơ-pha-li, 1908.

Trích dẫn **bảng II** của ông ta (số lượng các chi nhánh — phân nhánh và các quỹ nhận gửi — cũng của *ba* ngân hàng lớn đó của Pháp) (tr. 47).

	Các chi nhánh ở nước ngoài		Tỉnh	Pa-ri	Σ
1870	62				62
1880	12	—	119	—	67
1890	24	—	194	—	66
1900	35	—	467	—	120
1906	44	—	660	—	179
					198
					284
					622
					883

!!	2 ngân hàng có 2001 - 5000 nhân viên:	14 - 101 - 200;	1 635—1—4
	2 —	1001 - 2000	25 - 51 - 100
	1 —	501 - 1000	148 - 21 - 50
	3 —	201 - 500	261 - 11 - 20
		744 - 5 - 10	Σ = 2945
			110 ?

HUN-PHƠ-TẾT-GƠ. "NGÂN HÀNG ANH"

Ốt-tô Hun-phơ-tết-gơ. "Ngân hàng Anh". Xuy-rích, 1915. (Luận án.)

tr. 400: Sự tăng lên của tiền gửi của Ngân hàng Anh (trừ tiền gửi của chính phủ) và của một số ngân hàng lớn của tư nhân:

Tiền gửi (triệu l. xt.)

	1890	1900	1912	Từ 1890 đến 1912 tăng
Ngân hàng Anh.....	32.99	36.96	52.95	60%
"Lô-ít ben-cơ li-mi-tét".....	19.28	51.02	89.39	364%
Lân-đân xi-ti en-đơ mít-len-đơ ben-cơ".....	—	37.84	83.66	—
"Lân-đân giô-in-tơ xtóc ben-cơ".....	11.62	17.16	33.83	191%
"Nê-sân-nơn prô-vin-sơn ben-cơ ớp In-glen-đơ".....	39.59	51.08	65.66	66%
Ngân hàng Pác-ra.....	6.21	24.22	41.68	571%
"Lân-đân ca-un-ti en-đơ Vét-min-xơ ben-cơ".....	—	—	81.69	—

GIÁP-PHÊ. NHỮNG NGÂN HÀNG ANH

Ê. Giáp-phê. "Ngành ngân hàng Anh". 1904 ("Schmoller's Forschungen", quyển 109).

	(tr. 234/5)	
Toàn bộ tiền gửi trong tất cả các ngân hàng (triệu li-vơ xtéc-ling)	Số lượng tất cả các chi nhánh	Số dân do mỗi chi nhánh phục vụ
1858.....	2 008	
1872.....	2 924	10 767
1880 500 - 510.....	3 554 (1878)	
1881.....		9 461
1890 660 - 670.....		
1891.....		7 249
1900 840 - 850.....	6 512	
1901.....		6 238
1903 840 - 850.....	7 046	
1909: 915.....	7 861 (1908)	5 280

theo "Từ điển thống kê"

Ve-bơ. "Bổ sung cho Môn-hôn", 1911. Au-gu-xơ Ve-bơ ở Mỹ, năm 1907, có 23 900 ngân hàng, 1 ngân hàng phục vụ 3600 dân

## MÊ-REN-XƠ. NHỮNG NGÂN HÀNG PHÁP

Béc-hác *Mê-ren-xơ*. "Sự xuất hiện và sự phát triển của các cơ quan tín dụng lớn của Pháp". Béc-lanh và Stút-ga, 1911. ("Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân Muyn-khen", Bren-ta-nô và Lốt-txơ; quyển 107.)

tr. 311: tư bản Pháp dưới dạng chứng khoán (cũng vẫn những con số của Nây-mác-cơ, giống như trong cuốn sách của Cau-phman, xem trang trước của quyển vở này)<sup>1)</sup>.

*Tư bản Pháp dưới dạng chứng khoán có giá:*

Tỷ phrăng	
1850— 9	Theo Nây-mác-cơ, số tư bản được tích lũy hàng năm ở Pháp là khoảng $1\frac{1}{2}$ — 2 tỷ phrăng (tr. 311 - 2) (Nây-mác-cơ), còn theo Lơ-roa - Bô-li-ơ (tr. 312, chú thích) thì thậm chí là $2\frac{1}{2}$ — 3 tỷ phrăng.
1869— 33	
1880— 56	
1890— 74	
1902— 90	
1906— 100	

*Tổng số hối phiếu ở Pháp*

$\left\{ \begin{array}{l} \text{tại "Ban-cơ đơ Phrăng-xơ"} \\ \text{năm 1908, có 21,5 triệu hối} \\ \text{phiếu với tổng số tiền 12,3 tỷ} \\ \text{phrăng, tr. 263} \end{array} \right\}$	1881—27,2 tỷ phrăng
	1890—25,2 (tr. 211)
	1900—28,9
	1907—35,9

Tư bản Dự trữ  
triệu phrăng

1892—250 + 69,5  
1900—500 + 144,7  
1908—575 + 216,2  
trong 4 ngân hàng

Đấy là tư bản và dự trữ của *bốn* ngân hàng: "Crê-đi Li-on-ne", "Công-toa-rơ na-xi-ô-nan", "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran" + "Crê-đi anh-đuy-xơ-ri-en" (tr. 240).

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 149 - 150.

VAN-LÍCH. SỰ TÍCH TỤ TRONG  
NGÀNH NGÂN HÀNG ĐỨC

*Pôn Van-lích*. "Sự tích tụ trong ngành ngân hàng Đức". Béc-lanh và Stút-ga, 1905. ("*Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân Muyn-khen*". Quyển 74 (Bren-ta-nô và Lốt-txơ)) (173 tr.).

$\left\{ \begin{array}{l} \text{qua nghiên cứu thì thấy đọc Rít-xơ rồi thì nil; một cuốn} \\ \text{sách tầm thường, xem chừng cũng rõ ràng song nghèo} \\ \text{nàn hơn Rít-xơ rất nhiều.} \end{array} \right\}$

TXI-ÔN-LIN-GƠ (BẢNG CÂN ĐỐI QUỐC TẾ)  
VÀ NÂY-MÁC-CƠ

*Tiến sĩ Van-tơ Txi-ôn-lin-gơ*. "*Bảng cân đối những sự di chuyển chứng khoán có giá trên trường quốc tế*". I-ê-na, 1914 ("Những vấn đề của nền kinh tế thế giới", số 18, Lai-pxích, Nhà xuất bản Ham-xơ).

tr. 106: *Nây-mác-cơ* ("Bulletin de l'institut international de statistique". Tập XIX, quyển II, 1912) đưa ra những con số sau đây về phát hành chứng khoán ( $\Sigma\Sigma$  trong năm  $\left\{ \begin{array}{l} \text{xem tr. 17} \\ \text{trong quyển} \\ \text{vở này} \end{array} \right\}$ <sup>1)</sup> năm)<sup>2)</sup>:

tỷ phrăng		
$\left\{ \begin{array}{l} 1871/5—45 \\ 1876/80—31,1 \end{array} \right\}$	$\left\{ \begin{array}{l} 76,1 \\ 1891/5—40,4 \\ 1896/900—60 \end{array} \right\}$	$\left\{ \begin{array}{l} 100,4 \\ 4—5\% \text{ bằng } 570 \text{ tỷ} = 22,8 \\ —28—25 \text{ tỷ phrăng} \end{array} \right\}$
$\left\{ \begin{array}{l} 1881/85—24,1 \\ 1886/90—450,4 \end{array} \right\}$	$\left\{ \begin{array}{l} 64,5 \\ 1901/5—83,7 \\ 1906/910—114,1 \end{array} \right\}$	$\left\{ \begin{array}{l} 197,8 \end{array} \right\}$

tr. 206

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 86 - 87.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 453 - 454.

**Sở hữu chứng khoán có giá**

(tr. 223): { A. Nây-mác-cơ } <sup>1)</sup>

Cuối năm 1908		Cuối năm 1910		do tôi tính:
Anh.....	130—135	140—142	}	
Mỹ .....	115—120	130—132		80% { Mỹ ... 132
Pháp .....	103—105	106—110	}	Đức ... 95
Đức .....	80— 85	90— 95		
Nga.....	25— 27	29— 31	}	= 61%
Áo - Hung.....	21— 22	23— 24		
Ý.....	10— 12	13— 14	}	
Nhật .....	6— 7	9— 12		
"Những nước khác".....	33— 38	35— 40	}	
<b>Tổng cộng</b>	<b>523—551</b>	<b>575—600</b>		

Đã kiểm tra lại, căn cứ theo Nây-mác-cơ, tr. 223

(\*) Đây là những "nước khác" đó, chỉ riêng trong năm 1902 (32 tỷ) <sup>2)</sup>:

Hà-lan.....	10	tác giả cho rằng hiện nay là 6
Bỉ.....	6	
Tây-ban-nha.....	6	
Thụy-sĩ.....	5	
Đan-mạch.....	3	
Thụy-điển, Na-uy Ru-ma-ni v. v.....	2	
<b>Tổng cộng</b>	<b>32</b>	<b>tỷ phrăng</b>

Đây là theo Txi-ôn-lin-gơ

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 453 - 454.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 454.

(\*) V. Txi-ôn-lin-gơ. "Sự di chuyển những chứng khoán có giá trên thế giới và việc đầu tư tư bản ở nước ngoài, ảnh hưởng của chúng tới sản xuất và cục diện kinh tế" trong "Zeitschrift für die gesamte Staatswissenschaft". Xuất bản năm thứ 69, quyển 3.

NB Xem Phéc-đi-năng Mô-xơ. "Các cơ quan tín dụng của Pháp và sự đầu tư tư bản của Pháp và Anh ở nước ngoài". "Jahrbuch für Nationalökonomie und Statistik". Bộ thứ 3, tập 39, 1910.

Thụy-sĩ có đến 2,6 tỷ phrăng "chứng khoán có giá của nước ngoài" (tr. 147)

còn Pháp có ở Thụy-sĩ - (1903) đến 900 triệu phrăng (148).

Đường sắt Thụy-sĩ: chứng khoán có giá của chúng là thuộc

	triệu phrăng
Pháp	— 420
Đức	— 67
Bỉ	— 8
Anh	— 3
Hà-lan	— 2
<b>Σ</b>	<b>= 500 triệu phrăng</b>

(tr. 150. Txi-ôn-lin-gơ)

Công nhân nước ngoài ở Thụy-sĩ trong công nghiệp = 24,4% toàn bộ công nhân (Σ = 625 299) trong đó có 85 866 = 13,7% người Ý

(tr. 108. Txi-ôn-lin-gơ) Phát hành ở Đức (theo "Der Deutsche Oekonomist")

Chứng khoán có giá

	trong nước		nước ngoài		Σ
1886 - 90	4 <sub>.4</sub>	+	2 <sub>.3</sub>	=	6 <sub>.7</sub> tỷ mác
1891 - 95	4 <sub>.8</sub>	+	1 <sub>.5</sub>	=	6 <sub>.3</sub>
1896 - 900	8 <sub>.2</sub>	+	2 <sub>.4</sub>	=	10 <sub>.6</sub>
1901 - 5	8 <sub>.3</sub>	+	2 <sub>.1</sub>	=	10 <sub>.5</sub>
1906 - 1910	12 <sub>.6</sub>	+	1 <sub>.5</sub>	=	14 <sub>.1</sub>

{ cũng những con số ấy }  
{ Nây-mác-cơ, tr. 232 }

Phát hành ở Pháp (Txi-ôn-lin-gơ, tr. III)

	Pháp		Nước ngoài		Tỷ phrăng
1902	—	64	+	66	= 130
1906	—	65	+	68	= 133
1910	—	69	+	73	= 142

"Cuối năm 1910, trên thế giới, đã có 815 tỷ chứng khoán có giá được định giá và bán trên các thị trường tài chính khác nhau. Trong số 815 tỷ chứng khoán có giá được bán ra đó thì từ 570 đến 600 tỷ là sở hữu của những người thuộc các quốc tịch khác nhau" (tr. 223: Nây-mác-cơ).

..."Thực tế, không nên lẫn lộn — chúng tôi luôn luôn nhấn mạnh nhận xét này — tổng số chứng khoán có giá được bán ra và được định giá tại một hoặc nhiều thị trường với cái tổng số là sở hữu của các nhà tư bản của những nước ấy. Cùng một chứng khoán có giá có thể được định giá và bán ra cùng một lúc trên nhiều thị trường" (tr. 203).

NB || Tác giả đã loại trừ một cách ước lượng sự trùng lặp đó, và có được con số 575 - 600 tỷ thay cho con số 815 <sup>1)</sup>.  
tr. 201 và các trang tiếp. "Bulletin". An-phết *Nây-mác-cơ*. "Thống kê quốc tế những chứng khoán có giá".

"Bulletin de l'institut international de statistique", tr. 201 và các trang tiếp <sup>2)</sup>.

NB || Bài báo này của *Nây-mác-cơ* là bản báo cáo thứ 9 của ông về chủ đề này (8 bản khác được đăng trong các tập IX; XI, 2; XII, 1; XIII, 3; XIV, 2; XV, 2; XVI, 1; XVII và XVIII, 2.  
NB || Ở đây, ai cũng có nhiều bài khác của ông về chủ đề đó xem *bản chỉ dẫn* trong XIX, 3, cho toàn bộ 19 tập

19 tập (phần lớn, mỗi tập gồm 2 - 3 quyển)  
tập 1 - 1885  
tập 19 - 1911

Trong bài báo ấy, *Nây-mác-cơ* dẫn ra cả những số liệu phát hành hàng năm kể từ năm 1871 đến hết năm 1910; những số liệu ấy là:

39<sub>.1</sub>; 76<sub>.1</sub>—39<sub>.1</sub> = 37<sub>.0</sub> : 7 = 5<sub>.3</sub>

1871	15 <sub>.6</sub>	12 <sub>.6</sub>	10 <sub>.9</sub>	4 <sub>.2</sub>	1 <sub>.7</sub>	3 <sub>.7</sub>	7 <sub>.9</sub>	4 <sub>.6</sub>	9 <sub>.4</sub>	5 <sub>.5</sub>	(1880)
[1881]	7 <sub>.2</sub>	4 <sub>.5</sub>	4 <sub>.2</sub>	4 <sub>.9</sub>	3 <sub>.3</sub>	6 <sub>.7</sub>	5 <sub>.0</sub>	7 <sub>.9</sub>	12 <sub>.7</sub>	8 <sub>.1</sub>	
(1891)	7 <sub>.6</sub>	2 <sub>.5</sub>	6 <sub>.0</sub>	17 <sub>.8</sub>	6 <sub>.5</sub>	16 <sub>.7</sub>	9 <sub>.6</sub>	10 <sub>.5</sub>	11 <sub>.3</sub>	11 <sub>.9</sub>	
(1901)	9 <sub>.9</sub>	21 <sub>.9</sub>	18 <sub>.3</sub>	14 <sub>.4</sub>	19 <sub>.1</sub>	26 <sub>.5</sub>	15 <sub>.3</sub>	21 <sub>.2</sub>	24 <sub>.6</sub>	26 <sub>.5</sub>	

Tư bản ở nước ngoài

NB || của Anh .....85 tỷ phrăng (1910) (tr. 216)  
của Pháp.....40  
của Đức.....20 - 25

1) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 454.

2) Như trên, tr. 453 - 455.

Ngoại thương (nhập + xuất) của tất cả các nước

tính bằng  $t\dot{y}$  phrăng

1867/8	— 55	tỷ phrăng	} Những con số của Nây-man- Xpan-lác (tr. 219)
1876	— 70	" "	
1889	— 93	" "	
1910	— 132	—————	} Con số của Nây-mác-cơ (tr. 218)

tỷ phrăng

Đức	—20	Mỹ	25
Anh	—25	Ấn-độ (thuộc Anh)	6
Pháp	—13	Nhật	2,3
Bỉ	— 6,7	Ca-na-đa	3,5
Áo - Hung	— 5,4	Nam Phi (thuộc Anh)	3
Ý	— 5,2		
Thụy-sĩ	— 2,8	Ai-cập	<u>2,2</u>
Tây-ban-nha	— <u>2,0</u>		
	80,1		42,0

$80,1 + 42,0 = 122$ , còn tác giả đã cộng là 132!!!! và chỉ có các nước đó thôi!!!

Đường sắt thế giới (983 868 ki-lô-mét vào năm 1909) trị giá gần 270  $t\dot{y}$  phrăng (tr. 223).

	<u>1885</u>	<u>1905</u>	<u>1909</u>	
Châu Âu	195,2	305,4	325,2	nghìn km
Châu Á	22,4	77,2	94,6	
Châu Mỹ	246,1	450,6	504,2	
Châu Phi	7,9	26,1	30,9	
Châu Đại- dương	<u>12,9</u>	<u>27,0</u>	<u>28,9</u>	
	484,5	886,3	983,8	

Thật nực cười khi đọc những lời kết luận: § IX mang đầu đề: "Của cải công cộng và tư nhân trên thế giới và nền hòa bình cho khắp mọi nơi" (tr. 225) — ... "Liệu có thể cho

xem  
Cau-xky

nói về “chủ nghĩa siêu đế quốc”<sup>16</sup> } rằng hòa bình có thể bị phá được chăng?..  
 } trước những con số đồ sộ ấy... liệu người ta có  
 } thể liệu lĩnh gây ra chiến tranh được chăng?..  
 } ...Kẻ nào dám chuốc lấy cái trách nhiệm như  
 } vậy về mình?...<sup>1)</sup>

“Theo những số liệu thống kê trước đây của chúng tôi, tổng số chứng khoán quốc gia và chứng khoán có giá của Pháp và nước ngoài, thuộc các tư bản Pháp, có thể đạt tới những con số sau đây”:

Các năm: cuối	Tỷ phrăng	Trong đó của nước ngoài
1850— 9		
1860— 31		---
1869— 33		-- 10
1880— 56		-- 15
1890— 74		-- 20
1902— 87 đến 90		-- 25 đến 27
1910—106 đến 110		.... 38 đến 40

NB { { trang } } { 289 } { } { xem tr. 67 của quyển vở này<sup>2)</sup> }

Tình hình phân bố tư bản Pháp ở nước ngoài tính theo từng nước (tr. 290):

	tỷ phrăng		
Nga	10 - 11 <sup>3)</sup>	NB	Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha 3 - 4
Anh	½		Mỹ và Ca-na-đa 2 - 3
Bỉ và Hà-lan	½		Ai-cập và vùng Xuy-ê 3 - 4
Đức	½		Ác-hen-ti-na, Bra-xin và Mê-hi-cô 4 - 5
Thổ-nhĩ-kỳ và Xéc-bi-a	2 - 2½		Trung-quốc và Nhật-bản 1 - 2
Bun-ga-ri, Ru-ma-ni và Hy-lạp	2 - 3		Tuy-ni-di và các thuộc địa Pháp 2 - 3
Áo - Hung	2 - 2½		Σ (do tôi tính) = 34-43½
Ý	1 - 1½		
Thụy-sĩ	½		

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 519.

<sup>2)</sup> Xem tập này, tr. 153.

<sup>3)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 459.

## TÂY-LO. “QUẢN LÝ XÍ NGHIỆP”

*Phrê-đê-rích U. Tây-lo. “Quản lý xí nghiệp”* (“Shop menagement”) (bản dịch và **bổ sung của Van-lích-xơ**). Xuất bản lần thứ 2. Béc-lanh, 1912.

Năm 1911, Van-lích-xơ đã đi thăm nước Mỹ. “Lấy nhà máy thép Vi-phle-em” làm ví dụ (tr. 17):

	hiện nay	trước đây
Tổng chi phí cho vận chuyển 924 nghìn tấn	130 000	280 000 mác
Chi phí cho 1 tấn	0.139	0.304 "
Lương của 1 công nhân	7.80	4.80 "
Số tấn một công nhân vận chuyển được	57	16 tấn!!!

Một ví dụ khác (tính bằng tiền mác) (tr. 32):

	trước đây	hiện nay
Tiền lương một ngày	10.0	14.50
Chi phí cho máy	14.0	14.00
Tổng chi phí trong một ngày	24.00	28.50
Chi phí cho một sản phẩm	: 5	{ sản phẩm } : 10
	= 4.80	{ trong 1 ngày } = 2.85

“Không nên quên rằng lúc đầu phải tính đến một sự chống đối nhất định của bộ phận công nhân xấu nhất, họ luôn luôn cố gắng dùng thuyết phục để cản trở những người khác làm khoán, không để họ đạt mức năng suất cao nhất” (28).

...“thời kỳ chuyển tiếp đầy khó khăn từ nhịp độ chậm của những phương pháp làm việc quen thuộc sang sản xuất nhanh, một sự sản xuất đặc trưng cho việc quản lý tốt phân xưởng” (29)...

tr. 9: “Mục tiêu chính của sự chậm chạp có hệ thống trong khi làm việc là ở chỗ cố gắng giữ không cho lãnh đạo

|| sic!!

của phân xưởng biết khả năng sản xuất của máy móc và công nhân.

Hình thức làm chậm lại một cách giả tạo này là quen thuộc đến mức khó có thể tìm thấy một người lao động khéo léo trong những công xưởng lớn áp dụng những chế độ tiền công quen thuộc mà không bỏ một phần thời gian đáng kể của mình vào việc tìm ra những phương pháp cho phép anh ta có thể làm việc càng chậm càng tốt mà vẫn làm cho người thuê mình làm việc tin vào sự cần mẫn của mình” (9)...

!! “Tuy tác giả đã thực hiện phương pháp của mình trong các ngành công nghiệp khác nhau của nước Mỹ từ năm 1883 nhưng ông ta vẫn chưa bao giờ phải mặt đối mặt với một cuộc bãi công và ông ta cho rằng nhờ thực hiện phương pháp của mình nên bãi công chỉ có thể xảy ra khi đa số công nhân thuộc vào một nhóm có những quy định nghiêm khắc đến mức không cho bất kỳ một ai trong số thành viên của nó làm việc theo những nguyên tắc khác ngoài những nguyên tắc mà nhóm của họ quy định” (25)...

Một ví dụ nữa (tr. 33 và các trang tiếp). Các cô gái *dùng tay* phát hiện ra độ nhám etc. để loại bỏ các viên bi (đã đánh bóng, bi thép) phế phẩm.

Người ta đã tiến hành việc giám sát, kiểm tra, “bấm giờ”, lựa chọn những nữ công nhân giỏi nhất etc. etc.. “Thì ra trước đó, một phần thời gian rất đáng kể đã được dùng để nói chuyện phiếm và ngồi không, và trước hết người ta đã đem những phụ nữ cầu thả nhất bố trí riêng ra, còn những người không chịu sửa chữa thì bị thải hồi” (35)...

(tr. 35)	<i>trước đây</i>	<i>hiện nay</i>
Kết quả: số lượng phụ nữ	120	35
tiền lương trong tuần của họ ngày công	15 - 19 mác	27 - 35 mác
	10½ tiếng đồng hồ	8½ tiếng đồng hồ
chất lượng công việc	100%	158%

“Hệ thống chức năng” của **c a i t h ợ**:

I) *trong xưởng*

1. Cai để điều chỉnh công việc (bản thân công việc)
2. Cai để điều chỉnh tốc độ công việc
3. Cai để kiểm tra (thợ nghiệm thu)
4. Cai để giám sát trật tự chung và việc sửa chữa (trình tự)

II) *trong văn phòng*

1. Có trách nhiệm phân phối công việc (phân bố)
2. Người trao công việc (trao công việc)
3. Người định mức và người định giá
4. Người giám sát trật tự chung (giám sát chung).

Thật là sai lầm nếu cho rằng một nhà máy có càng ít người “phi sản xuất” bao nhiêu thì hoạt động càng tốt bấy nhiêu (người sản xuất = lao động chân tay; “phi sản xuất” = người giám sát etc., cai thợ etc.). NB  
*Ngược lại.*

tr. 50 (§ 133 (281 - 3)). Những công xưởng tốt nhất: 6 - 7 người sản xuất thì có 1 người “phi sản xuất”. Những công xưởng tồi hơn — cứ 11 người sản xuất thì có 1 người “phi sản xuất”.

tr. 63. **Van-lích-xơ** tìm thấy rằng tại “Tê-bơ mê-niu-phêch-sơ-rinh cô-m-pa-ni”, một hãng **t u y ệ t v ờ i** (có gần 100 công nhân; sản xuất dụng cụ và máy đúc) thì cứ 3 công nhân có 1 nhân viên!!!

tr. 67. Điều kiện của “cuộc cải cách” ((thời gian để thực hiện là 2 - 4 năm !!))... “là phải tuyển những công nhân có năng suất hết sức cao, muốn làm việc khẩn trương để có tiền lương cao”...

... “phải tăng số lượng cai giám sát và nhân viên ít nhất là gấp đôi”... (67)...

(( báo cáo viết, dù chỉ là dưới dạng phiếu *in* sẵn mà  
 từng công nhân buộc phải làm!! ấy là chưa kể ))  
 các cai thợ!!

...“nhưng dù sao cũng cần phải có một thời gian  
 dài nữa thì họ (những con người) mới quen làm việc  
 tích cực, tận dụng từng phút, và nhiều người phải  
 thôi việc, — ấy là những người dù có mong muốn mấy  
 đi nữa, cũng vẫn không thể làm quen với điều đó được”  
 NB (69).

...“khả năng trở thành cai thợ hoặc thợ cả đã trở  
 nên thường xuyên hơn nhiều, vì trong những điều  
 kiện mới người ta cần đến một số lượng lớn những  
 chức trách ấy” (75).

(người ta tìm cách *dụ dỗ* và *mua chuộc* công  
 nhân bằng cách *cắt nhấc* họ lên làm cai thợ)

Nghiên cứu việc bấm giờ là rất khó khăn. Ví dụ một  
 kỹ sư (Xem-phoóc E. Tôm-xơn) (tr. 81) đã sáu năm tiến  
 hành việc đó trong lĩnh vực xây dựng!!! Bản thân ông ta  
 đã tự mình dùng đồng hồ bấm giây tiến hành việc quan  
 sát và đã cùng 2 người trợ lý phân tích những sự quan sát  
 đó!! ((Công trường, thợ nề, thợ mộc, “việc đổ bê-tông”,  
 việc đào đất v. v. và v. v.))

! ...“chỉ riêng về một trong những nghề đó người ta  
 cũng đã viết được một cuốn sách dày 250 trang (các bảng  
 thống kê và phân trình bày nội dung)”...

Sau đó, đến tìm hiểu riêng từng động tác nhỏ nhất (bỏ xẻng  
 xuống; nhắc xe đẩy lên; đẩy xe; đặt xe xuống; nâng xẻng lên etc.  
 etc. etc.), đo (m<sup>3</sup>) kích thước của xe đẩy, *idem* — của xẻng etc.  
 etc., theo *một phần mười* giây (tr. 84) (loại đồng hồ đặc biệt).

Để đo, phải chọn những công nhân *giỏi nhất* (91) và trả tiền  
 lương *cao nhất* cho họ (**hứa** tăng lương)...

Một thí dụ nữa: kiểm tra và làm sạch nồi hơi. Tác giả  
 giao cho một trợ lý nghiên cứu việc này. Anh ta là một

người không có kinh nghiệm và không làm *gì cả*. Tác giả  
 tự mình xúc tiến công việc, theo dõi thời gian. Ông ta phát  
 hiện ra rằng nhiều thì giờ bị bỏ phí vì người ta phải làm việc  
 trong “tư thế không tự nhiên” (99). Người ta trang bị  
 “*đệm bảo hiểm* cho khuỷu tay, đầu gối và háng và trang bị  
 các dụng cụ chuyên cho từng loại công việc” v. v. và v. v.  
 (100).

“Người ta đã chế nhạo khá nhiều tất cả những  
 quy định đó” (nhiều trang viết về: tiến hành việc  
 làm ăn, tức là công việc, như thế nào), “khi lần  
 đầu tiên những quy định ấy được áp dụng”...  
 Kết quả: tiền công cho việc kiểm tra và làm sạch  
 các nồi hơi có 300 *súc ngựa* đã giảm từ 250 mác  
 xuống 44 mác!!!

250

và 44

Tác giả đã làm việc 10 năm tại nhà máy đúc thép Mít-vôn  
 mà không xảy ra một cuộc bãi công nào. Những công nhân giỏi  
 nhất không tham gia công đoàn vì họ được trả lương hậu nhất  
 (cao nhất).

“Hãng theo đuổi một chính sách là khi có trường hợp  
 thuận tiện thì tăng lương cho từng công nhân và những ai  
 xứng đáng đều được đề bạt. Họ tiến hành ghi chép đầy đủ về  
 các mặt tốt và xấu của từng công nhân, điều này đặc biệt được  
 coi là nhiệm vụ của các thợ cả, và nhờ vậy mà người ta có thể  
 đối xử công bằng với từng người. Nếu ở một xí nghiệp nào  
 đấy, công nhân được trả lương phù hợp với giá trị cá nhân  
 của họ, thì sự liên hợp của những người được trả lương thấp  
 không thể phù hợp với lợi ích của những công nhân được trả  
 lương cao” (101)...

Nhiều lời nhảm nhí về sự thống nhất giữa lợi ích của  
 giai cấp công nhân và của chủ etc... Tác giả *ứng hộ* việc  
 phạt tiền, coi đó là một biện pháp kỷ luật tốt nhất... Tiền  
 phạt được sung vào quỹ bảo hiểm tai nạn ((phạt từ 5  
 pơ-phe-ních đến 250 mác — là mức phạt *đổi với* các nhà  
 chức trách *cũng như đối với* bản thân mình!!))...



NB  
 Dưới chế  
 độ tư bản  
 chủ nghĩa  
 “*cực hình* hay  
 là *kỹ xảo*”  
 chỉ có  
 60 000  
 công nhân

Chương bổ sung của *Van-lích-xơ* (“Những thành tựu mới đây”) – ở Mỹ, theo tác giả, chỉ có tất cả 60 000 công nhân làm việc theo những nguyên tắc của các xí nghiệp đã được tổ chức lại (sự lãnh đạo có suy nghĩ) (109)...

Gin-brét đã áp dụng chúng vào công việc của thợ nề và đưa số gạch, tính theo một công nhân, từ 120 lên đến 350 trong 1 giờ (109) (nhờ giảm số lượng động tác từ 18 xuống 5)...

Nghị viện đã thành lập một ban để nghiên cứu phương pháp *Tây-lo* (109)...

Đương nhiên rồi!  
 Những công đoàn rất có uy tín chống lại phương pháp *Tây-lo* (110)...

đúng!!!  
 (Van-lích-xơ): ...“Thành ngữ “sự lãnh đạo có suy nghĩ” chỉ là một câu nói mà nội dung được thể hiện một cách tốt nhất bằng “hoạt động sản xuất có cường độ cao” (111 - 112)...

Phụ lục. Sự tranh luận. Nhiều người nêu lên rằng *Tây-lo* “*tính toán mà không tính đến người làm chủ*”: các tổ chức công nhân không cho phép (119, 116 và những trang khác).

tr. 129: Ô-béc-lin Xmit đề nghị đưa phương pháp *Tây-lo* vào dạy trong nhà trường...

Hết

### DOI-BÉC. “QUA THỰC TẾ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÂY-LO”

Kỹ sư đã được cấp bằng *Ru-đôn-phơ Doi-béc*. “*Qua thực tế áp dụng phương pháp Tây-lo*”. Béc-lanh, 1914.

Tác giả đã bỏ ra 8 tháng để tiến hành nghiên cứu đặc biệt là “Tê-bơ mê-niu-phếch-sơ-rinh cô-ma-ni” (Phi-la-đen-phi-a) và hứa sẽ miêu tả *thực tế* một cách đầy đủ.

tr. 6: “Những người am hiểu những điều kiện của Đức và Mỹ đều công nhận thẳng thắn rằng về mặt sử dụng một cách tiết kiệm vật tư thì công nghiệp Đức đã vượt xa so với công nghiệp Mỹ, nhưng ngược lại, về mặt sử dụng tiết kiệm sức lao động của con người thì nước Đức còn phải học hỏi nước Mỹ rất nhiều” (7)...

Ông ta nói: Tốt hơn hết nên gọi “việc nghiên cứu thời gian” là “việc nghiên cứu năng suất”: không những người ta quan sát *thời gian*, mà còn nghiên cứu và rút ra *những phương thức* làm việc *tốt nhất* (9 - 10)...

– “Khoa học về lao động” (10) NB  
 dùng máy chiếu phim để nghiên cứu động tác – tư thế cúi giúp người ta dễ lấy nguyên vật liệu hơn (không cần nhìn) etc. etc.. “Không có một động tác thừa hoặc không hợp lý nào” (15). NB

Việc thực hiện cần phải thận trọng, phù hợp với tập quán *dân chủ* của Mỹ (tr. 22) để người ta không thấy đó là một “*cực hình*” (22) NB

thông thường thì lương tăng lên  $\frac{1}{3}$  so với số tiền mà người công nhân nhận được

sự thật là “(nếu +  $\frac{1}{3}$ ) thì quả thật là người công nhân đang mặc nhiên đứng ở trình độ kinh tế của một thương nhân bậc trung hay của một kỹ thuật viên được trả lương khá hậu” (22) NB  
 tư sản  
 hóa!!!

tr. 30: Cuộc cải cách của Tây-lo kéo dài “trung bình” là “5 năm”: “Tê-bơ mê-niu-phếch-sơ-rinh  
!! côm-pa-ni” “lâm vào nguy cơ **bị phá sản**” do gánh nặng chi phí để áp dụng phương pháp Tây-lo.

Công ty công nghiệp Tê-bơ được thành lập trong những năm 1890. Năm 1904, có cuộc bãi công (thắng lợi ½). Công việc không chạy. Tây-lo đề nghị cấp tiền để trở thành người tổ chức (32). Họ thỏa thuận với nhau.

5 năm sau:	sản xuất tăng 80%
	chi phí giảm 30%
	tiền lương tăng 25%
	năm 1912 45 công nhân (33)
	48 (!!sic!!!) <i>nhân viên</i> và <i>cai thợ</i> }
	((thông thường là 1: 3)) (clerks)
	(nhân viên bàn giấy, nhân viên phục vụ và cai thợ)

Tiếp theo là những bản sao “các chìa khóa” (những chữ viết tắt), phiếu ghi, giấy tờ, chỉ thị — vô số văn bản vô cùng phức tạp... các nhân viên phục vụ gọi đó là “pháp kinh Do-thái” (tr. 35)...

Một nhân viên *chỉ* chuyên nghiên cứu năng suất (bấm giờ), nhờ thế ông ta có thể *ngiên cứu* được tỉ mỉ mọi động tác của tay etc., mọi thao tác và *cải tiến* chúng.

...“Và nhờ vậy mà tại “Tê-bơ mê-niu-phếch-sơ-rinh

NB || côm-pa-ni” hầu như không có ngày nào mà bất kỳ một phương pháp làm việc nào đấy lại không được kiểm nghiệm về mặt hợp lý và lại không được cải tiến, nhờ có sự nghiên cứu năng suất” (107).

NB	tr. 153: “Bấm giờ và nghiên cứu <i>những động tác</i> ” = “thứ vị” nhất, “gây ấn tượng mạnh” nhất trong phương pháp Tây-lo.
----	---

[Đồng hồ — giờ và một phần trăm của một giờ (tr. 124). Tiềm lợi hơn.]

Những khó khăn trong việc áp dụng ở Đức... “ở Đức, sự phân hóa về mặt xã hội của các giai cấp lao động là một khó khăn mà ta không được coi thường. Ở Đức, người có trình độ giáo dục cao đẳng đối xử với kẻ không có trình độ đại học, người kỹ sư đối xử với cai thợ, cai thợ đối xử với công nhân thì phần lớn là theo cái “giọng mệnh lệnh”. Với phương pháp Tây-lo, cái phương pháp mà trong đó họ phải cảm thấy họ là những người cộng sự thì cái giọng đó sẽ không được dung thứ” (152)... Phải mất *nhieu năm*, người ta mới quen được với việc “đề bạt công nhân lên chức vụ cai thợ và nhân viên”...

!!  
NB

Hết

#### GIN-BRẾT. “VIỆC NGHIÊN CỨU ĐỘNG TÁC”

*Phran-cơ B. Gin-brết. “Việc nghiên cứu động tác theo quan điểm tăng của cải quốc dân”*. (“Annals of the American Academy”, 1915, tháng Năm, tr. 96 và các trang tiếp)

...“Các động tác của mỗi cá nhân, không phân biệt công việc của anh ta là gì, đều được nghiên cứu và tiêu chuẩn hóa...

...Trong việc xây, những động tác dùng để đặt từng viên gạch được rút bớt từ 18 xuống còn 5 động tác và hiệu suất đã tăng từ 120 viên gạch lên 350 viên trong một giờ. Khi gấp vải, con số động tác đã từ 20 đến 30 giảm xuống còn 10 hoặc 12, với kết quả là từ chỗ chỉ gấp được 150 tá tấm vải, người ta đã gấp được 400 tá mà không mỏi mệt hơn. Những động tác của một phụ nữ dán nhãn hiệu lên các hộp kem đánh giầy cũng được nghiên cứu. Các phương pháp của cô ta chỉ được thay đổi chút ít, nhưng trước đó,

|| ?

cô ta dán 24 hộp phải mất 40 giây, thì sau này cô ta dán được 24 hộp chỉ mất 20 giây mà tốn ít sức lực hơn. Một sự nghiên cứu tương tự đã giúp cho người ta giảm được động tác không những của nam và nữ làm những nghề nghiệp khác mà cả các động tác của bác sĩ, hộ lý, nhân viên văn phòng, nghĩa là các động tác của những người lao động làm từng loại công việc đã được nghiên cứu"... (96 - 97)

Việc lắp ráp (assembly) các máy xe dây... "trong khi trước kia một người lắp được 18 máy xe dây trong một ngày thì, hiện nay, một người có khả năng lắp được 66 máy trong một ngày mà không mỏi mệt hơn" (97)...

Phương pháp mới nhất = 1) nghiên cứu các động tác cực tiểu... 2) sử dụng "máy ghi chu kỳ thời gian" (97)...

I. "Đồng hồ ghi các động tác cực tiểu" được đặt trước mặt công nhân, ghi lại (đồng hồ ghi) "các thời điểm khác nhau trong một ngày lên từng tấm ảnh của cuốn phim chụp động tác" (98)...

II. "Phương pháp ghi chu kỳ thời gian để tiến hành nghiên cứu động tác là ở chỗ buộc những bóng đèn điện nhỏ xíu vào các ngón tay của thao tác viên hoặc vào một bộ phận thân thể của người đó hoặc vào vật liệu mà người ta muốn nghiên cứu hành trình của sự vận động"... (người ta chụp sự di động của ánh sáng, tuyến đi của nó) (98).

Những sự nghiên cứu ấy có ích cho toàn xã hội...

"Kết quả tiêu biểu là sự cách biệt giữa nhà trường và công xưởng dần dần được xóa bỏ. Sự nghiên cứu khản trương những động tác chứng minh rằng về mặt cơ học thì các nghề và thậm chí các ngành có nhiều sự giống nhau hơn là trước đây chúng ta tưởng. Giới công nghiệp sẽ ngày càng đòi hỏi nhiều công nhân trẻ được rèn cho khéo tay"... (101)...

trong các trường công cần phải dạy điều này:

!!  
NB

...“sự khéo tay”, tức là sự luyện tập các bắp thịt thế nào để chúng có thể đáp ứng một cách mau lẹ và dễ dàng những yêu cầu của lao động lành nghề”...

Hiện nay, đang có một “sự lãng phí ghê gớm” (102) do những “sự nghiên cứu” phân tán, trùng lặp etc... “Thành lập một cục tiêu chuẩn hóa các nghề cơ khí như vậy là một việc của chính phủ Mỹ. Những tiêu chuẩn được xác định và thu thập tại đây sẽ là sở hữu của xã hội, và các nhà nghiên cứu độc lập có thể dựa vào những tiêu chuẩn ấy mà sáng tạo ra những tiêu chuẩn mới” (103)...

một mô hình tuyệt vời về tiến bộ kỹ thuật dưới chủ nghĩa tư bản dẫn đến chủ nghĩa xã hội.

#### I-Â-Y-ĐEN-XƠ. “QUAN HỆ GIỮA CÁC NGÂN HÀNG LỚN Ở ĐỨC VỚI CÔNG NGHIỆP”

Tiến sĩ Ốt-tô I-ây-đen-xơ. “Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp, đặc biệt với công nghiệp luyện kim”. Lai-pxích, 1905 ((tập 24, quyển 2 “Schmoller's Forschungen”)).

Lời tựa đề tháng Sáu 1905

Đọc Rít-xơ rồi thì bắt tất cần đọc cuốn đó nữa: đó đều là những điều lặp lại, những tài liệu thô, những sự việc vô nghĩa, nil điều gì mới.

Điều này chỉ đúng với phần đầu của cuốn sách. Chắc là Rít-xơ đã lấy cấp nó. Khi nói về quan hệ với công nghiệp thì I-ây-đen-xơ viết phong phú hơn, sinh động hơn, thông minh hơn, khoa học hơn.

một hiện tượng thường gặp || tr. 18: Thí dụ: mua lại cổ phần (năm 1904) của hãng “Ghen-den-kiéc-khơ-ne béc-véc-xơ-ghe-thường den-sáp-phơ” nhằm bầu *Tít-xen* và “hội đồng giám sát” (!!).

tr. 57: Số lượng ngân hàng (cổ phần) và các chủ ngân hàng tư nhân tham dự vào việc phát hành chứng khoán của các công ty công nghiệp

	số chủ ngân hàng	số phát hành tính theo mỗi chủ ngân hàng	số ngân hàng	số phát hành tính theo mỗi ngân hàng
1871/2	90	4.4	31	6.1
1899	34	2.7	16	12.4

tr. 103: Anh em Man-nê-xman đã bán bằng phát minh của mình về “ống không cần hàn” lấy 16 triệu mác (!)... (1890)...

Bất kỳ một cuộc khủng hoảng nào (1857, 1873, 1900) cũng đều dẫn đến sự tích tụ, nhưng đặc biệt là cuộc khủng hoảng năm 1900:

“Khi cuộc khủng hoảng năm 1900 xảy ra thì bên cạnh những xí nghiệp khổng lồ thuộc các ngành công nghiệp chủ yếu, vẫn còn có nhiều xí nghiệp mà tổ chức, theo quan niệm hiện nay, thì đã lỗi thời rồi, đó là những xí nghiệp “đơn thuần” (tức là không liên hợp), “nổi lên trên đỉnh sóng của ngọn trào công nghiệp. Giá cả hạ xuống, lượng cầu tụt xuống đã đẩy các xí nghiệp “đơn thuần” ấy vào một tình trạng nguy khốn, tình trạng này hoặc giả hoàn toàn không làm tổn hại gì đến các xí nghiệp liên hợp khổng lồ, hoặc giả chỉ gây tổn hại cho những xí nghiệp khổng lồ đó trong một thời gian hết sức ngắn mà thôi. Vì thế, cuộc khủng hoảng năm 1900 đã dẫn đến một sự tập trung công nghiệp mạnh mẽ hơn rất nhiều so với cuộc khủng hoảng năm 1873 trước kia:

NB |||

cuộc khủng hoảng năm 1873 cũng đã làm việc chọn lọc ra những xí nghiệp khá nhất, nhưng với trình độ kỹ thuật thời bấy giờ, sự chọn lọc đó đã không thể dẫn đến sự độc quyền của những xí nghiệp biết thoát khỏi khủng hoảng một cách thắng lợi. Những xí nghiệp khổng lồ thuộc các ngành công nghiệp luyện thép và điện khí hiện nay chính đang nắm được cái địa vị độc quyền lâu năm như thế, hơn nữa lại nắm được với một mức độ cao, nhờ có kỹ thuật rất phức tạp, có tổ chức hết sức chu đáo và có tư bản hùng hậu; tiếp đó, trên một mức độ thấp hơn, là các xí nghiệp thuộc ngành chế tạo máy móc, một số ngành công nghiệp luyện kim, giao thông v. v.” (108)...<sup>1)</sup> ||| độc quyền

tr. 111: — khi cần phải đạt được sự sáp nhập hãng *Phê-ních-xơ* vào “*Stan-véc-xơ-phéc-ban-đơ*”, thì “*Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in*” đã mua lại phần lớn cổ phần của nó và làm cho quyết định được thông qua.

Cũng vậy “*Đrê-dơ-đne ban-cơ*” đã “chiếm được” 2 ghế trong “hội đồng giám sát” của nhà máy luyện kim “*Kê-ních-xơ - un-đơ Lau-ra-huyt-tơ*” (4 năm về trước) và làm cho những gì mà nó cần đều được thông qua...

Vai trò của các hội đồng giám sát là rất rộng rãi (trên thực tế, đó có thể là = của *ban giám đốc*)...

...“Những chức vụ trong các hội đồng giám sát được người ta tự nguyện dành cho những nhân vật có danh tiếng, cũng như cho những cựu viên chức nhà nước, những người này có thể làm cho việc giao thiệp với các nhà đương cục được dễ dàng rất nhiều”...<sup>2)</sup> (149). ||| sic! (đơn giản quá!)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 414 - 415.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 430.

“Trong “hội đồng giám sát” của một ngân hàng lớn, người ta thường thấy có... nghị viên thường hoặc ủy viên hội đồng thị chính Béc-lanh” thấy!! (152)...<sup>1)</sup>

155 (in fine)... “Nhưng những trường hợp nêu ra” (một loạt “t ê n” đã được nêu ra: Deng-buốc – giám đốc “Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ”, Gvin-nơ – giám đốc “Đoi-sơ ban-cơ”) “cho thấy rõ rằng các nhà hoạt động công nghiệp phần lớn là tham gia hội đồng giám sát của các công ty cùng ngành hoặc trong cùng khu vực, còn các giám đốc ngân hàng lớn thì ngược lại, có mặt trong ban giám đốc của các xí nghiệp rất khác nhau”...

I. Giám đốc “Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in” là ủy viên trong “hội đồng giám sát” của 33 công ty!! (tr. 155).

tr. 150: ví dụ về một người duy nhất mà giữ 35 ghế ủy viên hội đồng giám sát... (35).

tr. 156: ...“Song song với sự mở rộng phạm vi hoạt động của các nhà công nghiệp lớn riêng lẻ và song song với việc giao cho những giám đốc ngân hàng ở các tỉnh phụ trách chỉ một khu vực công nghiệp nhất định, thì việc chuyên môn hóa những người lãnh đạo các ngân hàng lớn cũng được phát triển trên một mức độ nhất định theo những lĩnh vực kinh tế nhất định. Việc chuyên môn hóa như thế, nói chung, chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện toàn bộ doanh nghiệp ngân hàng có quy mô lớn và, nói riêng, trong điều kiện nếu doanh nghiệp ngân hàng này có liên hệ rộng rãi trong giới công nghiệp. Sự phân công ấy được tiến hành

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 430.

theo hai hướng: một mặt, việc liên hệ với công nghiệp được giao toàn bộ cho một giám đốc, coi đó là công việc chuyên môn của giám đốc đó; mặt khác, mỗi giám đốc đảm đương việc giám sát riêng từng xí nghiệp hoặc các tập đoàn xí nghiệp gần gũi nhau về ngành hoặc về quyền lợi. Giám đốc này thì chuyên về công nghiệp Đức, đôi khi thậm chí chỉ chuyên về công nghiệp Tây Đức thôi, các giám đốc khác thì chuyên liên hệ với các nước khác và với công nghiệp nước ngoài, tìm hiểu về cá nhân các nhà kinh doanh công nghiệp, v. v., làm những công việc giao dịch v. v.. Ngoài ra, một giám đốc của ngân hàng thường được giao cho quản lý riêng một khu vực hoặc một ngành công nghiệp riêng; người này chủ yếu làm việc trong các hội đồng giám sát của các công ty điện, người kia làm việc trong các nhà máy hóa chất, các nhà máy bia hoặc các nhà máy đường, người khác nữa lại làm việc trong một số ít xí nghiệp còn ở riêng lẻ và đồng thời làm việc trong các công ty không thuộc công nghiệp, chẳng hạn như làm việc trong hội đồng giám sát của các công ty bảo hiểm. Nếu lấy những thí dụ về một số giám đốc ngân hàng Béc-lanh để chứng minh cho điều như vậy thì có lẽ sẽ đưa chúng ta đi quá sâu vào lĩnh vực cá nhân. Tóm lại, không nghi ngờ gì nữa, trong các ngân hàng lớn, tùy theo quy mô hoạt động được mở rộng và tính chất nhiều về trong sự hoạt động tăng lên, mà sự phân công giữa những người lãnh đạo các ngân hàng đó càng được rõ ràng hơn, nhằm mục đích (và đạt được kết quả) là nâng họ lên, có thể nói như vậy, cao hơn những hoạt động thuần

“giám sát”  
nền kinh  
tế công  
cộng

NB

NB ||| túy ngân hàng một chút: làm cho họ có thêm khả năng xét đoán hơn, thông thạo hơn trong các vấn đề chung của công nghiệp và trong các vấn đề riêng của từng ngành công nghiệp khác nhau, chuẩn bị cho họ có khả năng hoạt động trong phạm vi ảnh hưởng của ngân hàng đối với công nghiệp. Ngoài phương pháp này ra, các ngân hàng còn có thêm một khuynh hướng muốn bầu vào hội đồng giám sát của ngân hàng mình hoặc hội đồng của các ngân hàng phụ thuộc họ, những người hiểu biết nhiều về công nghiệp, những nhà kinh doanh, những cựu viên chức, nhất là những người đã từng làm việc trong các ngành đường sắt, hầm mỏ<sup>1)</sup>, mà họ yêu cầu không hẳn chỉ là phải có những quan hệ với các xí nghiệp công nghiệp mà chủ yếu là phải có những lời khuyên giám định, tức là những lời khuyên không hẳn chỉ là dựa vào kiến thức cao đẳng mà chủ yếu là dựa vào nhiều năm kinh nghiệm về kỹ thuật, về thực tiễn và về con người"... (157)...

NB ||| "...Nhưng một giám đốc ngân hàng là ủy viên hội đồng giám sát thì không những chỉ có lợi thế ở chỗ là ông ta quan tâm đến việc thi hành chức trách một cách có lương tâm vì ông ta có nghĩa vụ đối với ngân hàng: ông ta còn nắm vững hơn ai hết tình hình thị trường, có thể đem bộ máy to lớn những nhân viên của mình ra thực hiện những nhiệm vụ kỹ thuật - thương nghiệp của hội đồng giám sát; chính do nắm được tình hình của nhiều công ty

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 431 - 432.

nên ông ta đánh giá từng công ty một cách dễ dàng hơn và tránh được tình trạng đánh giá quá cao một xí nghiệp riêng lẻ nào, như người ta thường thấy ở những nơi mà một tư nhân ngồi trong hội đồng giám sát của chỉ độc một công ty" (157 - 158).

nhìn  
"toàn cục"

Vào cuối năm 1903, những ngân hàng lớn đều có mặt trong **HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT** của các công ty công nghiệp: (tr. 161 - 162)<sup>1)</sup>.

	"Đoi-sơ ban-cơ"	"Đi-xcôn-tô-ghe-den- sáp-phô"	"Đác-mơ-siét-te-rơ ban-cơ"	"Đrê-dơ-đne ban-cơ"	"Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in"	"Béc-lin-nơ-an-đen-xơ-ghe- den-sáp-phô"	Tổng số (do tôi tính) 6 ngân hàng lớn
Thông qua các giám đốc ....	101	31	51	53	68	40...	344
Thông qua các ủy viên hội đồng giám sát của chúng ...	<u>120</u>	<u>61</u>	<u>50</u>	<u>80</u>	<u>62</u>	<u>34...</u>	<u>407</u>
Tổng cộng	<u>221</u>	<u>92</u>	<u>101</u>	<u>133</u>	<u>130</u>	<u>74...</u>	<u>751</u>
Thông qua việc nắm chức vụ chủ tịch hoặc thông qua việc chiếm trên hai ghế ủy viên	98	43	36	41	38	33...	289
							1040

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 429 - 430.

phải chăng đó là trích dẫn cuốn sách của Rít-xơ? Xem tr. 170 - 171: các ủy viên các hội đồng giám sát xếp theo *các ngành công nghiệp*... tr. 137 và 139: phát hành chứng khoán công nghiệp

“bản chất  
vận năng”

...“Bản chất vận năng của các hoạt động ngân hàng trong công nghiệp, như miêu tả trên đây, khả năng và sự cần thiết đối với một ngân hàng lớn phải sử dụng một cách có hệ thống sự vận động định kỳ của hoạt động nghiệp vụ, việc cấp tín dụng công nghiệp, việc phát hành chứng khoán, việc chiếm các ghế ủy viên hội đồng giám sát, coi đó là một công cụ để có được những quan hệ chặt chẽ và lâu dài với các xí nghiệp công nghiệp, — tất cả những cái đó đang quện quanh ngân hàng và xí nghiệp công nghiệp, một tấm lưới dày đến mức một cuộc đấu tranh cạnh tranh với các xí nghiệp đó về một hoạt động riêng rẽ nào đó, thường là bị loại trừ, — và bị loại trừ trong một thời gian dài đối với một số ít công ty” (163)...

“một tấm lưới  
dày”

“tính chất  
vận năng”  
“trái với”  
(thời xưa)

“Việc nghiên cứu toàn bộ những mối liên hệ công nghiệp đưa đến kết quả là làm cho ta thấy tính chất vận năng của các cơ quan tài chính hoạt động cho công nghiệp. Trái với những hình thức khác của ngân hàng, trái với những yêu cầu đôi khi đã được người ta nêu ra trên sách báo đòi ngân hàng phải chuyên môn hóa trong một lĩnh vực hoạt động hoặc trong một ngành công nghiệp nhất định để khỏi mất chỗ đứng, — các ngân hàng lớn đều cố gắng làm cho những mối

liên hệ với các xí nghiệp công nghiệp trở nên hết sức nhiều về về phương diện nơi sản xuất và loại hàng sản xuất, cố gắng xóa bỏ những hiện tượng phân phối tư bản không đều nhau giữa các địa phương hoặc giữa các ngành công nghiệp khác nhau, những hiện tượng nảy sinh ra từ lịch sử phát triển của các xí nghiệp riêng biệt<sup>1)</sup>. Cùng với việc đó, người ta cũng mở rộng cái ý đồ muốn xây dựng những mối liên hệ với công nghiệp trên cơ sở quan hệ làm ăn lâu dài và thường xuyên và tạo cho những quan hệ này một hình thức và một khả năng mở rộng và phát triển sâu thông qua một hệ thống chân rết chiếm các ghế ủy viên trong hội đồng giám sát; so với hai phạm vi ảnh hưởng đó, thì hoạt động phát hành chứng khoán, đứng về mặt ý nghĩa của nó đối với những mối liên hệ của các ngân hàng lớn với công nghiệp mà xét, tương đối lùi xuống vị trí thứ yếu hơn. Một xu hướng muốn làm cho sự liên hệ với công nghiệp trở thành một hiện tượng chung; một xu hướng khác lại muốn làm cho sự liên hệ ấy được vững chắc và ngày càng được tăng cường; cả hai xu hướng này đều đã được thực hiện trong sáu ngân hàng lớn, tuy chưa đầy đủ, nhưng với một quy mô đáng kể và với một mức độ ngang nhau” (180)...<sup>2)</sup>

“xu hướng”

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 433.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 433.

những quan hệ “mới” của công nghiệp với ngân hàng

“chưa chắc có phải trước những năm 90” 1897

khủng hoảng (năm 1900)

sau cuộc khủng hoảng 1900 (thời

“Với tính cách là hiện tượng tiêu biểu của nền kinh tế quốc dân, những mối liên hệ giữa các xí nghiệp công nghiệp, với nội dung mới, với hình thức mới, với những cơ quan mới của những mối liên hệ đó, tức là những ngân hàng lớn được tổ chức một cách vừa tập trung đồng thời vừa phân tán, — đã hình thành chưa chắc có phải trước những năm 90; theo một ý nghĩa nào đó, người ta thậm chí có thể đặt khởi điểm ấy vào trước năm 1897 là năm có những sự “hợp nhất” lớn giữa các xí nghiệp, những sự hợp nhất này, vì những lý do thuộc về chính sách công nghiệp của các ngân hàng, mà lần đầu tiên đã áp dụng hình thức mới về tổ chức phân tán. Có lẽ có thể đặt khởi điểm đó vào một thời gian muộn hơn nữa, vì chỉ có cuộc khủng hoảng năm 1900 mới thúc đẩy hết sức nhanh chóng quá trình tập trung trong công nghiệp, cũng như trong ngành ngân hàng, mới củng cố vững chắc quá trình đó, và lần đầu tiên mới biến những mối quan hệ với công nghiệp thành sự độc quyền thật sự của các ngân hàng lớn, làm cho những quan hệ đó được chặt chẽ hơn và tăng cường hơn trước rất nhiều” (181)...<sup>1)</sup>

...“Sự tích tụ đột ngột trong ngành khai mỏ ở Ranh - Ve-xơ-pha-li, sự thành lập liên minh các nhà máy sản xuất thép, việc hợp nhất các công ty điện lớn v. v., không còn nghi ngờ gì nữa, đã thúc đẩy một cách

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 436.

đáng kể việc giải quyết trên thực tiễn vấn đề các mối quan hệ giữa ngân hàng và công nghiệp” (182)...

...“sự kinh doanh hiện đại của công nghiệp đã chuyển những ngân hàng đến những lĩnh vực hoàn toàn mới của đời sống kinh tế... ở một mức độ nhất định, ngân hàng đang chuyển từ lĩnh vực hoạt động về nguyên tắc mà nói chỉ đóng khung trong khâu làm trung gian sang lĩnh vực của nền sản xuất công nghiệp... ..Như vậy” (thông qua những mối liên hệ với công nghiệp) “các ngân hàng lớn đi đến chỗ không những dính với các khuynh hướng phát triển của những xí nghiệp riêng lẻ, mà còn dính với các mối quan hệ giữa các xí nghiệp khác nhau của cùng một ngành công nghiệp và giữa những ngành công nghiệp hoàn chỉnh” (183)...

“Trong những năm gần đây, ai mà quan sát sự thay đổi những người giữ chức giám đốc và những ủy viên các hội đồng giám sát của các ngân hàng lớn, thì người đó không thể không thấy rằng quyền bính dần dần đã chuyển qua tay những người nào coi việc can thiệp tích cực vào sự phát triển chung của công nghiệp là một nhiệm vụ cần thiết và ngày càng khẩn cấp của các ngân hàng lớn, và đồng thời giữa những người này và các giám đốc cũ của các ngân hàng đã nảy ra những bất đồng trong quan hệ nghiệp vụ và thường cả trong quan hệ cá nhân nữa. Về thực chất thì vấn đề là ở chỗ phải xem các ngân hàng, với tư cách là những cơ quan tín dụng, có vì can thiệp

kỳ tiêu điều)

NB

NB



như thế vào quá trình sản xuất công nghiệp mà bị tổn thất không; xem những ngân hàng đó có hy sinh hay không những nguyên tắc vững chắc và một khoản lời chắc chắn cho một hoạt động không dính dáng gì đến vai trò làm trung gian trong việc cấp tín dụng, và đưa ngân hàng đến một lĩnh vực trong đó nó phải chịu, nhiều hơn trước kia, sự chi phối mù quáng của tình hình công nghiệp. Nhiều người trong số các nhà lãnh đạo cũ của ngân hàng đều nói như thế, nhưng phần lớn các nhà lãnh đạo trẻ tuổi lại xem việc can thiệp tích cực vào những vấn đề của công nghiệp là một tất yếu cũng giống như sự tất yếu đã làm nảy sinh ra cả những ngân hàng lớn và doanh nghiệp ngân hàng công nghiệp mới nhất, song song với sự phát triển của công nghiệp lớn hiện đại. Cả hai bên đều chỉ đồng ý với nhau trên một điểm là: trong hoạt động mới của các ngân hàng lớn, không có những nguyên tắc vững chắc được cũng như chưa có mục đích cụ thể được”... (184)...<sup>1)</sup>

quá độ...  
đến cái gì?

“Những dịch vụ của ngân hàng với nước ngoài và ở nước ngoài được phân ra làm ba bộ phận, mỗi bộ phận tương ứng với một mức độ phát triển nhất định: thanh toán quốc tế, đảm nhận việc cho nước ngoài vay nợ và tham dự vào các xí nghiệp công nghiệp ở nước ngoài... mỗi bộ phận... đều in dấu ấn của mình lên một thời kỳ

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 435.

nhất định trong chính sách đối ngoại của các ngân hàng lớn của Đức.

...“Mười năm trước đây, một trong những người lãnh đạo Công ty chiết khấu, một công ty đặc biệt chú ý tới các dịch vụ ở nước ngoài, đã phát biểu về ý nghĩa của những khoản tín dụng đối với nền công nghiệp trong nước, trước ủy ban điều tra giao dịch chứng khoán như sau (“Biên bản của ủy ban điều tra giao dịch chứng khoán”, tr. 371, lời khai của Rút-xen): “Tôi cho rằng thật là tai hại cực độ nếu trao... việc bố trí những khoản tín dụng cấp cho nước ngoài ở Đức không phải vào tay tư bản Đức và ngân hàng Đức mà vào tay người nước ngoài. Chính là vì muốn tránh điều đó nên Bộ ngoại giao rất quan tâm — theo tôi quan tâm như vậy là hoàn toàn hợp lý — tới việc chúng ta cần có các chi điểm thương mại, các chi nhánh ngân hàng và những quan hệ ở nước ngoài. Vì chỉ nhờ có những mối liên hệ ấy tồn tại thì mới có thể tìm ra được một hoạt động cần thiết cho công nghiệp Đức ở nước ngoài.

...Lời ca thán chung của công nghiệp xuất khẩu của chúng ta là chính nước Đức đã quá thua kém Luân-đôn trên thị trường làm ăn lớn. Hầu hết các đơn đặt hàng đều tập trung ở Luân-đôn, thị trường lớn của thế giới, và chỉ do chỗ là chúng ta gần với một số xí nghiệp nước ngoài hơn nên mới có được những quan hệ làm ăn và công nghiệp mới có việc làm thường xuyên” (186 - 187)...

NB

NB

NB

“những  
đơn đặt  
hàng”

...“Do việc các ngân hàng lớn của Đức trực tiếp kinh doanh với các xí nghiệp công nghiệp nước ngoài, nên lại càng cần phải phân biệt hai giai đoạn phát triển khác nhau về nguyên tắc và nói chung cũng không giống nhau về mặt thời gian. Giai đoạn thứ nhất, nếu xem xét về mặt lịch sử, thì gần như trùng với giai đoạn hoàng kim của việc nước ngoài vay và do đó đối với mỗi nước, giai đoạn này ở vào những thời gian khác nhau: những năm 70 và 80 có thể coi là giai đoạn hoàng kim của việc xây dựng đường sắt ở nước ngoài”... (187)...

2 giai đoạn |||

đường sắt |||

2 điển hình nhỏ (“hai cực đối lập nhau”): đường sắt *Ru-ma-ni* và sự tham dự vào các đường sắt của *Mỹ*.

“Đặc điểm của giai đoạn một này là ở mối liên hệ chặt chẽ gắn bó hoạt động trong công nghiệp nước ngoài với những khoản tín dụng, tuy rằng công nghiệp trong nước, với tư cách là kẻ cung cấp, có thể được lợi phần nào trong trường hợp ấy. Sáng kiến của ngân hàng là mạnh mẽ và quyết định, song nó chỉ liên quan gián tiếp đến công nghiệp thôi, trong khi đó thì điều quan tâm chủ yếu của ngân hàng là bỏ vốn một cách có lợi vào những chứng khoán có giá của nước ngoài. Nó tính đến tình hình là công nghiệp trong nước chưa tích tụ đến mức cao và chưa có khả năng bành trướng như trường hợp bắt đầu từ những năm 90 trở đi.

từ những |||

năm 1890 |||

giai đoạn |||

thứ 2 |||

Ngược lại, trong giai đoạn thứ hai, những khoản tín dụng của nước ngoài, xét về mặt

ý nghĩa của nó đối với hoạt động của ngân hàng, đã trở thành thứ yếu, còn sự quan tâm của các ngân hàng lớn tới nền công nghiệp nước ngoài lại tăng lên vì nó ít phụ thuộc hơn vào những mối quan hệ tài chính khác với nước đó. Việc các ngân hàng lớn tổ chức hoặc giúp đỡ tổ chức các công ty công nghiệp tại các nước khác đã trở thành một hiện tượng thường xuyên hơn, đồng thời trong các dịch vụ ở nước ngoài, người ta đã thấy có sự cộng tác chặt chẽ của các ngân hàng lớn với công nghiệp trong nước” (188)...

...“Nếu như chúng (các xí nghiệp trong nước) khi xâm nhập vào nước ngoài, đều phụ thuộc nhiều hơn vào những ngân hàng, so với khi ở trong các công xưởng của mình ở trong nước... thì ngược lại” (khác với tình hình xảy ra ở trong nước mình) “ngân hàng đã tồn tại ở nước ngoài như ở trong nước mình, nó có các chi nhánh riêng, thống trị chu chuyển thanh toán quốc tế, có thể có một sự liên hệ nhất định với chính phủ của nước đó, nhờ việc tổ chức phát hành công trái” (189)...

“Có thể phân biệt bốn hình thức tham dự của ngân hàng vào các xí nghiệp công nghiệp nước ngoài: 1. Thành lập các chi nhánh hoặc các xí nghiệp con cho công nghiệp trong nước...

...2. Thành lập... những xí nghiệp nước ngoài riêng biệt, chỉ có những mối liên hệ không chặt chẽ hoặc hoàn toàn không có những mối liên hệ với công nghiệp trong nước... Nhưng trường hợp thật sự đặc

4 hình thức

do tôi  
viết ngả

trung là những việc khai trương hoạt động đường sắt mới nhất ở nước ngoài và những doanh nghiệp Đông Á của những ngân hàng lớn cùng tham dự vào “Đoi-sơ A-di-a-ti-sơ ban-cơ”... Đây chính là “một mắt xích trong việc xâm chiếm một khu vực kinh tế” (190).

(Bát-đa, — Trung-quốc etc. đều là thuộc địa)

...“3. Nhóm thứ ba là những ý đồ của các ngân hàng lớn muốn đảm bảo cho mình một vị trí trong một ngành công nghiệp nào đó ở nước ngoài bằng cách thiết lập những xí nghiệp riêng của mình, hoặc thường thường chỉ là thông qua việc tham dự vào các xí nghiệp đã có sẵn”... (191) tham dự vào các công ty khai thác mỏ ở Nam Phi (“Đoi-sơ ban-cơ” từ 1894 etc.).

thành lập  
công nghiệp  
“của mình”

4. ...“giới ngân hàng Đức cũng có ý định đảm bảo cho bản thân mình hoặc cho tư bản Đức đứng sau lưng nó, một ngành công nghiệp nào đó ở nước ngoài nhằm mục đích để chỉ riêng mình khai thác thôi” (192)... thí dụ, những cố gắng “để tổ chức, dưới bá quyền của mình, một bộ phận của ngành công nghiệp dầu hỏa mà trung tâm là công nghiệp Ru-ma-ni”...

phân chia  
thế giới

...“Thị trường dầu lửa thế giới ngày nay vẫn còn bị phân chia giữa hai tập đoàn tài chính lớn: công ty Mỹ “Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ cô-m-pa-ni” của Rốc-cơ-phen-lơ, và các ông chủ dầu lửa Nga ở Ba-cu là Rốt-sin-đơ và Nô-ben. Hai tập đoàn này liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng đã mấy năm

nay, địa vị độc quyền của chúng đã bị năm kẻ thù đe dọa” (193):

- (1) các nguồn dầu lửa của Mỹ bị cạnh
- (2) hãng Man-ta-sép và công ty ở Ba-cu
- × (3) các nguồn dầu lửa ở Áo
- × (4) idem ở Ru-ma-ni
- × (5) các nguồn dầu lửa ở bên kia đại dương, đặc biệt là trong các thuộc địa của Hà-lan (tên cự phú Xa-muy-en và hãng “Se-lơ-tơ-ran-xpôóc-tơ en-đơ-tơ-rây-đinh cô-m-pa-ni”)<sup>1)</sup>.

× = sự tham dự của “Đoi-sơ ban-cơ” và các ngân hàng khác của Đức.

...“Không phải nhiệt tình dân tộc thúc đẩy các ngân hàng tiến hành hoạt động của họ ở nước ngoài, mà là sự cần thiết ngày càng cấp bách, ở một trình độ phát triển nhất định của chủ nghĩa tư bản hiện nay, phải tạo cho tư bản nhân rồi của Đức ở nước ngoài, một địa bàn đầu tư có lợi” (197)...

“Vai trò ấy” (giúp các xí nghiệp công nghiệp) “là do các ngân hàng nắm giữ bằng cách lập các hội nghiên cứu kỹ thuật mà kết quả phải có lợi cho các xí nghiệp bạn. Trong số các hội đó, chẳng hạn, có hội nghiên cứu đường sắt tốc hành chạy điện, cũng như “Cục trung ương nghiên cứu khoa học - kỹ thuật” do công-xôóc-xi-ôm Lơ-vơ thiết lập

một chân lý  
đơn giản

vai trò kỹ  
thuật của các  
ngân hàng lớn  
(của tư bản  
tài chính)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 466.

và Cục mỏ trung ương, một công ty hữu hạn ở Phran-pho trên sông Manh mà các ngân hàng loại một cùng với các nhà kinh doanh công nghiệp cỡ lớn đã cấp vốn” (210 - 211)<sup>1)</sup>.

Đôi lúc, các ngân hàng làm cho các xí nghiệp công nghiệp khác nhau *xích lại gần nhau* (lúc thì đưa vào các-ten, lúc thì góp phần vào việc chuyên môn hóa v. v.)...

ngân hàng =  
“mối quan hệ  
bên trong”  
giữa các xí  
nghiệp

...“Ở đây ngân hàng thể hiện bằng cách nào đó mối quan hệ bên trong, — cái mối quan hệ đang hình thành giữa một số lớn các xí nghiệp cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, — nó tiêu biểu cho một cộng đồng quyền lợi đang tồn tại giữa các xí nghiệp đó” (215)...

...“Một công trình như đường sắt Bát-đa đã đem lại cho “*Đoi-sơ ban-cơ*” một khả năng rất phong phú trong việc tạo việc làm cho các nhà máy sống hữu ái với nó!” (217)...

NB  
sự phát triển  
các mối liên  
hệ

...“Tuy việc làm cho các xí nghiệp và các ngành công nghiệp khác nhau gần gũi nhau bằng cách khi có điều kiện thì giao đơn đặt hàng cho họ, được các ngân hàng thực hiện, từ trước đến nay, một cách “được chăng hay chớ”, nhưng dù sao sự gần gũi đó cũng là một dấu hiệu đáng kể chứng tỏ rằng sự phát triển của nền đại sản xuất công nghiệp làm cho những mối liên hệ càng trở nên nhiều hơn, song cũng phức tạp hơn và rộng hơn. Các mối liên hệ và quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các ngành công nghiệp và các

NB

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 434.

xí nghiệp khác nhau tìm thấy cơ cấu thể hiện chúng là các ngân hàng lớn, và những mối quan hệ ngầm ngày càng trở thành một sự cộng tác có hiệu lực" (219)...

Có tiếng phàn nàn về "chủ trương khủng bố" của các ngân hàng — (219 - 220) — chúng bắt buộc (để đổi lấy đơn đặt hàng v. v.) phải quan hệ với một hãng nhất định (220).

Cuộc khủng hoảng (chắc hẳn là cuộc khủng hoảng năm 1900) đã đóng một vai trò đặc biệt trong ngành công nghiệp điện, và các ngân hàng đã tăng cường và đẩy nhanh sự diệt vong của các xí nghiệp tương đối nhỏ và sự thôn tính của các xí nghiệp lớn đối với chúng (tr. 230 - 232). ... "Từ chối không giúp đỡ cho chính các doanh nghiệp cần đến sự giúp đỡ đó hơn cả, như thế là các ngân hàng dẫn đến thoạt đầu là một sự phát triển mãnh liệt, rồi sau đó là sự phá sản tuyệt đường hy vọng của các công ty không liên hệ mật thiết đầy đủ với những ngân hàng đó" (232)<sup>1)</sup>.

những chi tiết về ngành công nghiệp điện không lý thú gì. Xem những chi tiết mới hơn NB trong "Die Neue Zeit"

Nhóm Lơ-vơ.

Nhà máy sản xuất máy khâu của Lơ-vơ được thành lập năm 1869, kèm theo việc sản xuất vũ khí, sau đó (những năm 70 và 80) sản xuất súng lớn, nồi hơi v. v. và v. v., tiếp đến là công nghiệp điện, các công ty con etc. [I-ây-đen-xơ miêu tả không đạt lắm].

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 463.

Trong § về thái độ của các ngân hàng lớn đối với các các-ten (253 - 258), tác giả nói "hơi dài dòng" và tản mạn. Ông ta phân biệt 4 loại: 1) thờ ơ (đối với những các-ten không quan trọng); 2) "chú ý thật sự" (254) đến các các-ten như các-ten than đá (đến những các-ten tiêu biểu cho "vấn đề sinh tồn" của một ngành công nghiệp nhất định);

khác với số 2 ở chỗ nào? 3) "giúp đỡ" các-ten, thí dụ như các-ten đúc thép;

đó không phải là "sự chú ý thật sự"? 4) "quan hệ làm ăn về mặt ngân hàng" thuần túy — chẳng hạn như tổ chức "phòng quản lý xanh-đi-ca" bên cạnh "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in" (1899)...

258 - 265: mô tả sự tích tụ trong công nghiệp than đá (Tit-xen và các tác giả khác). Xem của Véc-ne trong "Die Neue Zeit", 1913 thì hay hơn và mới hơn, ghi trong quyển vở khác<sup>1)</sup>.

265 và các trang tiếp, công nghiệp điện (xem trích "Die Neue Zeit"<sup>2)</sup>).

"Nguyên tắc cao nhất của các ngân hàng trong lĩnh vực này thì trước hết là giúp đỡ một cách có ý thức sự tích tụ mà trước đây chúng đã gián tiếp giúp đỡ bằng cách nâng đỡ về mặt tài chính cho các xí nghiệp phát đạt" (268)...

"Việc biến đổi chính sách công nghiệp của các ngân hàng lớn từ chỗ là chính sách đứng làm cơ quan tín dụng thành chính sách tích tụ công nghiệp, thể hiện rõ mâu thuẫn ba mặt trong sự phát triển của ngành ngân hàng hiện nay" (268)...

1)... "Sự thật là sự cạnh tranh giữa các ngân hàng lớn ngày càng bị xóa bỏ" (269)...

2) "Sự phân tán" các ngân hàng (các chi nhánh địa phương và sự liên hệ với các ngân hàng tỉnh)

<sup>1)</sup> Xem tập này, vở "α" tr. 8 - 9.

<sup>2)</sup> Xem tập này, tr. 402.

dẫn đến "sự hợp nhất ngày càng tăng của những tư bản, một sự hợp nhất đang liên kết ngân hàng với công nghiệp lại thành một thể thống nhất"...

3) ... "sự tích tụ ngày càng tăng có nghĩa là một tổ chức phù hợp với mục đích hơn"... (270)

"Bằng cách phát triển rộng sự liên hợp về mặt sản xuất, — những xu hướng khác nhau của sự liên hợp này đang biểu hiện trong công nghiệp điện và nền đại công nghiệp luyện kim, — lĩnh vực của nền sản xuất được lãnh đạo một cách có ý thức này có thể mở rộng ra rất nhiều và các ngân hàng lớn là một nhân tố quan trọng trong cái quá trình vận động không chối cãi được này" (270)...

Làm như vậy là có khuynh hướng tạo thuận lợi một cách đặc biệt cho công nghiệp *nặng* (than đá và sắt) làm thiệt hại đến các ngành khác...

"Cố gắng của các ngân hàng lớn đi đến tích tụ và lãnh đạo công nghiệp một cách có mục đích là mâu thuẫn, một khi nó chỉ hạn chế ở một số ngành công nghiệp nhất định và do đó dẫn đến tình trạng mất tính kế hoạch còn trầm trọng hơn nữa trong những ngành công nghiệp khác" (271)<sup>1)</sup>

Hết

STIN-LÍCH VÀ "NỀN KINH TẾ  
TOÀN THẾ GIỚI".

BÌNH LUẬN

Tiến sĩ Ô-xca *Stin-lích*. "Những công trình nghiên cứu kinh tế - chính trị học về xí nghiệp lớn".

Tập I. "Công nghiệp sắt và thép". Béc-lanh, 1904.

II. "Công nghiệp than đá". Lai-pxích, 1906.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27. tr. 413.

Xem qua thì thấy đây là *sự miêu tả* những xí nghiệp cá biệt lớn vào loại nhất (miêu tả mặt *kỹ thuật, thương mại*, một phần về hoàn cảnh của công nhân).

{ Chỉ nói về những xí nghiệp cá biệt. Không có số liệu }  
{ tổng hợp, cũng không có những kết luận... }

Trong tài liệu đã nêu, cần ghi lời trích dẫn

NB | I. *Ghéc-man*. "Trình độ chuyên môn của công nhân nhà máy" đăng trong "Die Neue Zeit", xuất bản năm thứ 21, tập II, số 30.

((về vấn đề máy móc loại bỏ những công nhân không lành nghề và về vai trò ngày càng tăng của công nhân *lành nghề* trong điều kiện sử dụng máy móc))

"*Nền kinh tế toàn thế giới*" — "Niên giám và sách để đọc". Do Eng-xtơ phôn *Han-lê* xuất bản.

Xuất bản năm thứ I. 1906

II. 1907

III. 1908

Mỗi tập gồm 3 phần: 1) Điểm tình hình thế giới; 2) Nước Đức; 3) Các nước khác.

Những bài điểm tình hình thì *tồi hơn* của Nây-man - Xpan-lác, vì phần lớn không có những tổng số mà chỉ có các số liệu về từng nước.

Rời rạc, không đầy đủ, không tổng hợp. Không có các số liệu về từng năm (*đại bộ phận* là không có). Chỉ có thể dùng được vào việc tra cứu cá biệt.

Hoàn toàn không có sự quan tâm khoa học đến việc phân tích *những mối liên hệ* của nền kinh tế thế giới **nói chung**, một sự quan tâm mà ta thấy một phần nào thể hiện ở Can-vơ trong cuốn "Nhập môn" của ông ta; chỉ là những số liệu thống kê còn thô.

## TRÍCH TẠP CHÍ "NGÂN HÀNG"

"Die Bank", 1912, 2.

"Độc quyền về dầu hỏa của ngài phôn Gvin-nơ" (1032 —)  
(tiến sĩ Phê-lích Pin-nơ).

Ngày 15. III. 1911, Quốc hội Đức đã chấp thuận, gần như nhất trí hoàn toàn, một nguyện vọng về độc quyền dầu hỏa. Chính phủ đã nắm lấy cái ý đồ "được nhiều người hoan nghênh" (1032) đó. Té ra là các ngân hàng... "không thể nào thỏa thuận được về miếng mồi cướp được" (1033). Duy chỉ có "**Đoi-sơ ban-cơ**" là *đồng ý!!* Các ngân hàng khác (do "*Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ*" cầm đầu) phản đối, *một phần* vì cho rằng những của mà "*Đoi-sơ ban-cơ*" cướp được là quá đáng<sup>2)</sup>.

Cuộc đấu tranh giữa các ngân hàng là có lợi cho tình hình: "Chỉ sau khi những nhân vật hữu quan vạch mặt nhau — mà điều này thì họ làm đến nơi đến chốn, thành thạo và hiểu biết sâu sắc những điểm yếu của nhau — thì mới có thể làm sáng tỏ vấn đề đó" (1034)...

Người tiêu thụ sợ giá cả quá cao ("quá đắt", 1034). Người tiêu thụ được "*Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ-côm-pa-ni*" phục vụ *rất tốt*.

Chỉ bằng cách thiết lập *độc quyền dòng điện*, biến thủy lực thành nguồn điện rẻ thì mới đấu tranh được với Tơ-rốt dầu hỏa. Nhưng chúng ta chỉ có được *sự độc quyền về điện* khi nào điều đó là có lợi cho những người sản xuất.

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 79 - 80.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 467 - 468.

"Và độc quyền về điện sẽ ra đời khi nào những người sản xuất cần đến nó, nghĩa là

đúng khi nào công nghiệp điện đứng ở ngưỡng cửa của một thời kỳ phá sản lớn mới, và khi nào các nhà máy điện khổng lồ rất tốn kém — mà

NB

hiện nay là do những "công-xoóc-xi-om" công nghiệp điện tư nhân xây dựng lên ở khắp nơi và trong việc xây dựng những nhà máy này thì

hiện nay các "công-xoóc-xi-om" đó đã được các thành phố, các nước, v. v., giao cho một số độc quyền nào đó — sẽ không thể hoạt động một cách có lời nữa. Lúc đó, người ta sẽ phải dùng đến sức nước; nhưng người ta không thể dùng

sic!

tiền của nhà nước để biến sức nước thành điện rẻ tiền được mà vẫn lại phải giao công việc đó cho một "tổ chức độc quyền của tư nhân do nhà nước kiểm soát", vì công nghiệp tư nhân đã ký

!!

kết một số giao kèo và đã giành được cho mình những khoản bù đắp lớn cho những xí nghiệp đất tiền hoạt động bằng sức hơi nước của nó, điều này đã đổ gánh quá nặng lên địa tô cho tổ

"cống vật" cho tư bản tài chính

!!

chức độc quyền về điện nằm trong sự quản lý của nhà nước và sử dụng các nguồn sức nước.

Đối với tổ chức độc quyền bỏ tạt, thì trước đây là như thế; đối với tổ chức độc quyền dầu lửa,

hiện nay cũng như thế; sau này đối với tổ chức độc quyền điện cũng sẽ như thế thôi. Những người theo chủ nghĩa xã hội nhà nước ở nước ta

là những người tự để cho những nguyên tắc đẹp đẽ làm cho loá mắt, thì nay đã đến lúc cuối cùng họ phải **hiểu rằng** ở Đức các tổ chức **độc quyền**

chẳng bao giờ theo đuổi mục đích và đưa đến kết quả là làm lợi cho người tiêu thụ hay chí ít cũng để cho nhà nước hưởng một phần lợi nhuận của người kinh doanh, mà chỉ dùng ngân quỹ của nhà nước để làm hồi phục công nghiệp tư nhân đã đi tới chỗ gần bị phá sản".<sup>1)</sup> (1036. Do tác giả viết ngả).

"Đoi-sơ ban-cơ" đã bị "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" đánh bại và năm 1907, đã (bị bắt buộc) phải ký với nó một hợp đồng rất không có lợi, khiến cho năm 1912, "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" đã có thể mua lại những nguồn dầu hoả của "Đoi-sơ ban-cơ" với một giá rất rẻ.

Và thế là "Đoi-sơ ban-cơ" phải "lao vào việc cắt lức" để tạo ra một độc quyền!!

"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtơ" (với "Đoi-sơ éc-đen ác-txi-en-ghê-den-sáp-phtơ" của nó) chống lại "Đoi-sơ ban-cơ" và hoạt động một cách rất thận trọng theo hướng có lợi cho một hiệp nghị ký với "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni".

"Die Bank", 1912, 2, tr. 695:

"Thống kê về các ngân hàng cổ phần Anh" (Anh và Oen-xơ)

NB

NB

có một bảng "những sự liên hệ chông chéo" trong những "công-xoóc-xi-om" dầu hoả

{ Các ngân hàng }  
{ thuộc địa }

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 468 - 469.

						triệu 1.xt.	
NB	1890 — 104	ngân hàng (cổ phần) với	2203	chi nhánh.	Số tiền gửi	368	
	1911 — 44	" "	" 5417	" "	" "	749	
Ở Xcốt-len							
	1890 — 10	" "	" 975	" "	" "		
	1911 — 9	" "	" 1 227	" "	" "		
Ở Ai-rơ-len							
	1890 — 9	" "	" 456	" "	" "		
	1911 — 9	" "	" 739	" "	" "		
Các ngân hàng thuộc địa							
NB	1890 — 30	" "	" 1742	" "	" "		
	1911 — 38	" "	" 3645	" "	" "		

"Die Bank", 1912, 2 (629 và tiếp). "Chiến lược dầu hoả" của Phê-lích Pin-nơ:

một mặt, người Đức ("Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtơ" và "Éc-đen ác-txi-en-ghê-den-sáp-phtơ") muốn liên kết Ru-ma-ni (và Nga) chống lại "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni";

mặt khác, "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" đã

NB thành lập công ty ("Nê-đéc-lan-xkhê cô-lô-ni-a-lô pê-tơ-rô-lê-um mát-xkha-pây") ngay ở Hà-lan, bằng cách mua lại các nguồn (và các xí nghiệp tô nhượng) tại Nam-dương — đôn giáng vào kẻ thù chính của nó: *tơ-rốt Hà-lan - Anh* - "Se-lơ" ("Cô-nin-clip-cơ Se-lơ") v. v..

Cuộc đấu tranh để chia thế giới. "Phân chia thế giới", tr. 630.

Châu Á thuộc về *tơ-rốt Hà-lan - Anh*.

Phần còn lại của thế giới là thuộc về "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni".

"Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" muốn chiếm tất cả.

Người Đức muốn tự bảo vệ lấy mình (+ Ru-ma-ni + Hà-lan + Nga??).



"Die Bank", 1912, 1.

"**Chủ nghĩa yêu nước của các tơ-rốt**" của L. E-svê-ghê: ở Đức, người ta đã thành lập một tơ-rốt để mua lại những người phân phối phim! (Công ty Pa-tê (Pari) mỗi ngày sản xuất 80 000 mét phim trị giá mỗi mét là 1 mác. Tất cả các rạp chiếu bóng trên thế giới thu được gần 1 tỷ mác trong 1 năm!!) (tr. 216 - 7). Ngành công nghiệp này của Đức bị lạc hậu, nó đặc biệt phát triển ở Pháp. Ở Đức, gần 40 hãng cho thuê phim mua lại phim và cho các chủ rạp chiếu bóng "thuê". (Một tơ-rốt đã được thành lập: "Đoi-sơ phim-in-đu-xtơ-ri ác-txi-en-ghê-den-sáp phtơ" = "Phi-a-gơ", do nghị sĩ Pa-a-sơ, một phần tử dân tộc - tự do chủ nghĩa cầm đầu. Tư bản = 5 triệu mác, trong đó chắc chắn là người ta định sử dụng "một phần không nhỏ" làm "lợi nhuận sáng lập"... Người ta đang kiến lập một độc quyền. Liệu có thành công không??

Tơ-rốt  
điện  
ảnh!!

"Die Bank", 1912, 1 (tr. 223 và các trang tiếp), bài báo nhỏ của A. Lan-xbuốc. "*Kinh doanh tài chính của tơ-rốt của các ông hoàng*" (trên thị trường chứng khoán, người ta đặt tên như vậy cho "kinh doanh" của các ông hoàng Phuyéc-sten-béc và Hô-hen-lô-e, hai nhà tư bản tài chính rất giàu có). Họ đã đầu tư hàng triệu đồng tiền của bản thân họ và tiền của "*Đoi-sơ ban-cơ*", vào hãng (hãng xây dựng) Bô-xvau và Cnau-ơ. Hãng này đã vơ vét được một món tiền lớn có đến 100 triệu mác (!! tr. 229), đã lao thực mạng vào một loạt những kinh doanh liều lĩnh nhất và đã bị phá sản. "*Đoi-sơ ban-cơ*" bị mất gần 12 triệu, Phuyéc-sten-béc mất khoảng

bộ mặt thật của "*Đoi-sơ ban-cơ*"!!!

và  
sic!!  
"các công-xoóc-xi-om  
điện"

8 triệu (tr. 226), sau khi đã *che giấu và bung bít* (tr. 226) mọi quy mô của sự phá sản. Tác giả phần nộ hết sức và viết: "Toàn bộ sự phát triển kinh tế của chúng ta có một cái gì đó của cái nọc độc Cnau-ơ" (230)... "Cái nguyên tắc mà họ (Bô-xvau và Cnau-ơ) hoạt động theo đó không khác gì nguyên tắc đã làm cho, chẳng hạn, hai công-xoóc-xi-om điện lớn nhất của Đức thành công" (228)...<sup>1)</sup>

Giá như Bô-xvau và Cnau-ơ thoát nạn bằng cách gạt sự bất trắc sang cho kẻ khác thì chắc là họ sẽ được mọi người khen ngợi, còn hàng trăm hàng nghìn người ắt hẳn sẽ bị phá sản!

"Die Bank", 1912, 1.

L. E-svê-ghê. "*Đạo đức hoá chủ nghĩa tư bản*" (tr. 12 — ). Cuộc bầu cử vào Quốc hội Đức. Cuộc đấu tranh giữa những người bảo thủ và những người dân chủ. "Trong khi người ta tranh luận nhau xem nhân dân hay là giới quan lại sẽ cầm quyền thì một quyết định đã được thông qua từ lâu có lợi cho lực lượng thứ ba, cụ thể là cho giới tài phiệt" (12)... "tự do chính trị trở thành một câu nói trống rỗng trong nhà nước, nơi mà các nguồn tài sản kinh tế đã trở thành độc quyền của một số ít siêu nhân" (12). Người ta đang tìm cách đạo đức hoá chủ nghĩa tư bản: người ta cử vào hội đồng giám sát các ủy viên lấy từ các hội đồng địa phương!! (xã, khu, v. v..). Chẳng hạn như trong Công ty cổ phần "Tem-pen-gô-phéc phen-đơ" — một trò ám muội!! "một sự giả dối ti tiện" (15) — các đại biểu đó cũng nhận được tiền hoa hồng etc. etc. Kết quả là "một tình hình gian dối nội bộ" (16)... bọn quan lại "ăn cánh với giới tài phiệt" (19)...

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 449 - 450.

"Việc đầu tư tư bản của nước ngoài ở **Ca-na-đa**", tr. 32 và các trang tiếp.

Anh.....	> 2 000 triệu đô-la	
Mỹ.....	420	
Pháp.....	80	} $\left\{ \begin{array}{l} 80 \\ 32 \\ \frac{11}{123} \end{array} \right\}$
Đức.....	32	
Bỉ.....	} 11.5	
Hà-lan.....		

*L. E-svê-ghê*. "Lịch sử của một sự sáng lập" (tr. 420 và các trang tiếp) — công ty sân bay.

"Phli-u-gơ-pla-tơ I-ô-gan-ni-xtan" ở gần Béc-lanh. Giám đốc là Ác-tuya Mui-lơ đã lôi kéo các công tôn và các ông hoàng, lấy của họ hàng triệu đồng (tư bản cổ phần = 4½ triệu mác), dành cho mình "những cổ phần không mất tiền", rồi bán lại chúng (theo ý kiến của một người chuyên xác định giá cả đã bán mình làm tay sai thì đất đai ấy sẽ mang lại những lợi nhuận kếp xù... trong 10 - 20 năm!!), nói chung đây là một sự lừa lọc ghê gớm và tất cả đều *cực kỳ hợp pháp!!*

những trùm tư bản ngân hàng Mỹ...	A. <i>Lan-xbuốc</i> . "Tơ-rót tiền" (tr. 432 và các trang tiếp). "Nê-sân-nen xi-ty ben-cơ" (Rốc-cơ-phen-lơ và " <i>Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ cô-m-pa-ni</i> ") chi phối một số tư bản gần 1 tỷ đô la. "Ben-kéc-dơ tơ-ra-xtơ cô-m-pa-ni" (Moóc-gan) chi phối một số tư bản gần 1½ — 1¾ tỷ đô-la.	2
		ngân hàng —
		2¾
		tỷ
		đô-la
	(= 11	
	tỷ mác) <sup>1)</sup> .	

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 428.

Tác giả nhận xét rằng không ở đâu, ngân hàng lại được quy định một cách chặt chẽ như ở Mỹ (các ngân hàng "nhận gửi" và ngân hàng "chứng khoán" được phân định giới hạn hết sức chặt chẽ; cấm không cho lập các chi nhánh; cấm không cho một người vay > 10% số vốn v. v.). Ở Mỹ có 26 000 ngân hàng "cỡ chim chích" (438) — nhưng tất cả những điều đó cũng chẳng đi đến đâu!! Trên thực tế, *các nhà tỷ phú* cai trị và kiểm soát. Thay đổi pháp luật thì chỉ dẫn đến thay đổi *hình thức* thống trị của họ mà thôi.

"Die Bank", 1912, 1, tr. 523 và các trang tiếp.

*L. E-svê-ghê*. "Một loại phân bón có tính chất văn hoá" = những người Đức di cư vào Bra-xin. Một bảng quảng cáo vô liêm sỉ của chính phủ Bra-xin (cũng như của Ca-na-đa). Cứ kiếm được một người di cư thì người đất mới được 10 mác. Những lời nói dối trá về phúc lợi của những người di cư, sự nghèo khổ của họ etc. etc. Đất được bán cho họ với giá *đầu cơ* etc. etc.

"Die Bank", 1911, 1, tr. 1 và các trang tiếp.

NB đầu đề!	A. <i>Lan-xbuốc</i> . " <b>Đức - một nhà nước thực lợi</b> "
	Tiền gửi vào các quỹ <i>tiết kiệm</i> ở Đức = gần 16½ tỷ mác. Đây là sự di chuyển của tư bản từ trạng thái tiềm tàng sang trạng thái hiển nhiên, là một <i>sự giúp đỡ cho tư bản lớn</i> , một sự chuyển biến thành <i>lợi tức</i> (đại bộ phận là thành đồ cầm nợ). Tự mình không muốn quản lý lấy tiền của mình, những người gửi tiền đã "củng cố sức mạnh cho tư bản lớn và làm suy yếu sức chống đỡ của công nghiệp nhỏ" (8).

"Ở Đức, người ta ưa thích chế giễu cái xu hướng của người Pháp muốn trở thành những kẻ thực lợi. Song người ta quên rằng, nếu nói về giai cấp tư sản, thì tình hình ở Đức cũng lại ngày càng giống như tình hình ở Pháp" <sup>1)</sup> (10 - 11).

NB

Gần 45 tổng số (rõ ràng là 45%) trong các quỹ tiết kiệm là gồm những khoản tiền gửi từ 3000 *mác* hoặc hơn!!

Ibidem, tr. 218: những ngân hàng Đức

số ngân hàng	tư bản tự có	tư bản của những người ngoài
1883 .....	160 890	+ 850 (triệu <i>mác</i> )
1907 .....	440 4 450	+ 7 750 "
	+ 175%	+ 400%
		+ 812% "

những ngân hàng Áo

Triệu *cuca-ron*

số ngân hàng	tư bản tự có	tư bản của những người ngoài
1883 .....	38 500	620
1907 .....	53 1 130	3 130
	+ 40%	+ 126%
		+ 405%

"Die Bank", 1911, 2, tr. 605 và các trang tiếp. "Hai mươi năm của những ngân hàng Anh" của An-phrết Lan-xbước.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 506.

Sự phát triển của các ngân hàng Anh

Số ngân hàng	Tiền gửi và khoản vãng lai	Xcốt-len	Ai-ơ-len	Tư bản	(Anh + Xcốt-len + Ai-ơ-len)	Dự trữ
1891 <sup>1)</sup>	110 408.5	+91.6	+38.5 triệu	69.8		36.4
1911	46 776.6	106.6	62.5 1. xt.	78.7		49.0
Các chi nhánh của 46 ngân hàng Anh — 5 218 chi nhánh (1910)						
	của đảo Men	2				9
	của Xcốt-len	9				1 242
	của Ai-ơ-len	9				693

tr. 813 và các trang tiếp — Đức

Sự phát triển của ngành ngân hàng Đức	số ngân hàng	tư bản tự có (tỷ <i>mác</i> )	tiền của những người ngoài	tổng số tư bản mà các ngân hàng sử dụng
1872	174	1	1	3 tỷ <i>mác</i>
1910	422	5	11	30 " "

1872... 23 ngân hàng trong số 174 có 10 triệu tư bản và >.

Chúng chi phối 60% số tiền của những người ngoài 1910/1... 53 ngân hàng trong số 422 có 10 triệu tư bản và >. Chúng chi phối 82.5% số tiền của những người ngoài (tr. 818)

Nước Đức, sản lượng sắt năm 1870: 1 346, 1910: 14 793 nghìn tấn <sup>17</sup>.

<sup>1)</sup> Những con số ở cột một là lấy của những năm đã nêu, còn ở những cột sau là của năm 1890 và 1910.

L. E-s-vê-ghê. "Bọn tài phiệt và giới viên chức" (tr. 825 và các trang tiếp) điển hình cho một người cải lương tiểu tư sản. Hai thí dụ:

"Mấy năm về trước, do lập trường ngoan cố của xanh-đi-ca than đá Ranh - Ve-xơ-pha-li, một phong trào thù địch mạnh mẽ với các các-ten đã lan khắp nước Đức, chính phủ đế chế đã triệu tập một ủy ban điều tra để nghiên cứu vấn đề những các-ten. Trong các buổi thảo luận, viên cố vấn của chính phủ là ông Phuên-cơ đã nổi bật lên do sự hiểu biết sâu sắc vấn đề và những bài phát biểu thiết thực và sắc bén chống lại các đại diện của các các-ten. Sau đó ít lâu, viên cố vấn của chính phủ, ông Phuên-cơ, đã nhận một chức vụ được trả lương hậu là lãnh đạo liên hiệp công nghiệp thép của Đức, một tổ chức các-ten hùng mạnh nhất và khép kín nhất ở nước Đức. Sau khi chính phủ đã mất như vậy con người am hiểu nhất về vấn đề thì vấn đề cũng xẹp đi" (827 - 8). Tác giả nói, không cần viện dẫn nước Mỹ!

Có một "Ban thanh tra của đế quốc chuyên giám sát bảo hiểm tư nhân" — nó đã làm nhiều điều trong việc kiểm tra các công ty bảo hiểm tư nhân. Và thế là các công ty bảo hiểm câu "các nhân viên kiểm tra" bằng những chức vụ có lợi (thậm chí kể cả ghế giám đốc). "Có ít ra là ba vị nhân viên kiểm soát" (nhân viên chịu trách nhiệm kiểm tra như vậy) "trong mấy năm gần đây, đã nhảy

một ví dụ  
hay!!  
(tư bản tài  
chính và  
chính phủ)<sup>18</sup>

|| từ ban thanh tra của đế quốc sang ghế giám đốc công ty bảo hiểm" (831).

"Die Bank", 1911, 1, tr. 94 - 5. Tài liệu thống kê mới nhất về công nghiệp sắt:

1000 tấn

	Đức	Anh	Mỹ	Pháp	Nga	Sản lượng của thế giới	Sản xuất sắt gang
1810	15	158	54	—	—	—	
1820	—	—	20	198	—	1 650	
1850	—	2 228	564	405	204	4 187	
1870	1 346	6 059	1 665	1 178	360	12 021	
1890	4 625	8 033	9 203	1 962	727	27 427	
1910	14 793	9 664	27 250	3 500	2 870	60 000	

"Die Bank", 1910, 1 (tr. 401 và các trang tiếp...), An-phrết Lan-xbuốc. "Ngân hàng phục vụ nền kinh tế quốc dân", — viết về cuốn sách của Rít-xơ, mà tác giả chê trách là quá lạc quan và không biết đến những khuyết tật của các ngân hàng Đức.

|| "sự tham dự"  
của ngân  
hàng hiện  
đại!!  
|| **Idem:** An-phrết Lan-xbuốc. "*Chế độ tham dự*" trong ngành ngân hàng ở Đức" (497 và tiếp) và "Những sự nguy hiểm của chế độ tham dự". Hai bài báo không cung cấp được gì mấy; nói chung chung; những điều đã biết. Duy chỉ có biểu "sự tham dự" là tốt thôi (tr. 500). (Xem tr. 206 - 207. BT.)

"Die Bank", 1910, 1, tr. 288. Bài báo: "Các xí nghiệp tô nhượng của Đức ở nước ngoài".

Phòng thương mại *Bác-men* viết trong bản báo cáo gửi bộ trưởng Bộ thương nghiệp:

"Tư bản Đức đang tham dự với số lượng lớn vào các xí nghiệp mỏ vàng ở Tơ-ran-xva-an, mặc dầu vậy, đáng tiếc là cung ứng của các nhà máy chế tạo máy của Đức cho các mỏ ở Tơ-ran-xva-an là rất ít, vì sự lãnh đạo các xí nghiệp mỏ về mặt kỹ thuật phần lớn là nằm trong tay người Anh. Đứng trên góc độ này mà xét thì thật là vô cùng đáng tiếc nếu các xí nghiệp tô nhượng ở *Man-nê-xman*" (ở Ma-rốc) "bị hòa nhập vào xanh-đi-ca khai thác mỏ của Pháp. Có thể nhìn thấy trước một cách chắc chắn rằng như vậy sự lãnh đạo các mỏ ở Ma-rốc về mặt kỹ thuật sẽ rơi toàn bộ vào tay người Pháp, do đó hy vọng được cung cấp máy móc và thiết bị của Đức sẽ mất hẳn. Thật là một sai lầm không vớt vát được nếu như tư bản Đức tham dự vào các xí nghiệp mỏ ở Ma-rốc mà lại trao quyền lãnh đạo kỹ thuật cho người Pháp như đã để xảy ra ở Tơ-ran-xva-an với người Anh. Ngành công nghiệp chế tạo máy của Đức sẽ không có lợi gì trong việc khai thác các mỏ ở *Man-nê-xman* như vậy cả, và sự tham dự của tư bản Đức chỉ độc có lợi cho công nghiệp chế tạo máy của Pháp mà thôi. Ngược lại, nếu một bộ phận, dù tương đối nhỏ, những mỏ của Ma-rốc mà được khai thác dưới quyền lãnh đạo kỹ thuật của Đức thì đó sẽ là điều hết sức có ý nghĩa đối với công nghiệp Đức". (Trích từ các tr. 288 – 289.)

một thí dụ  
tốt về vai  
trò, ý  
nghĩa và  
chính sách  
của *tư  
bản tài  
chính*

"Đoi-sơ ban-cơ"<sup>1)</sup>

(1) thường xuyên tham dự vào 17 ngân hàng. <b>Trong số đó</b> thì 9	
(2) tham gia trong một thời	
gian không có hạn định vào	5 " "
(3) tham gia từng lúc vào	<u>8</u> " " " " " <u>5</u>
((Tổng số do tôi tính ra))	30 <u>14</u>

N B [ trong đó, tức là trong số 8 ngân hàng thì có *hai* của Nga:  
Ngân hàng thương mại Xi-bi-ri và Ngân hàng ngoại  
thương Nga và một của Áo: "Vi-ne-rơ ban-cơ-phê-rai-in" ]

! { tổng cộng một "công-xoóc-xi-om" có khoảng 1/2 tỷ mác }  
là tiền tự có và 1/3 tỷ là của người ngoài }

rõ ràng có thể lấy những số liệu đó về "Đoi-sơ

đại loại như sau:  
ngân hàng ở giữa ("Đoi-sơ ban-cơ")  
thì lớn đến mắt cân đối vì trong  
số ngân hàng phụ thuộc, có những  
ngân hàng có tới 70 – 80 triệu  
mác tư bản!!

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ,

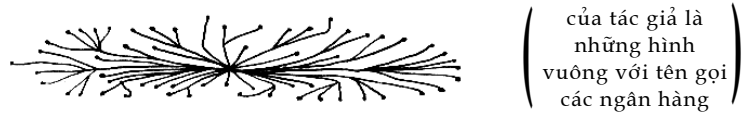
ngân hàng lại tham dự vào 34 ngân hàng; tr o n g s ố đ ó 4 lại tham dự vào 7



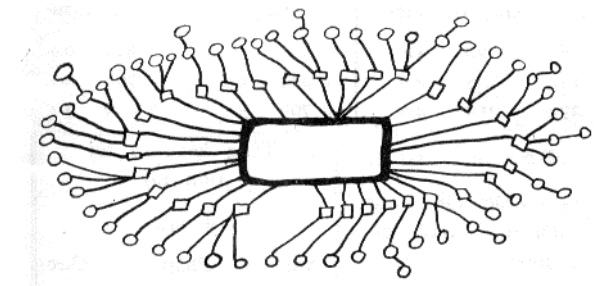
số đó gồm cả ngân hàng lẫn các chủ ngân hàng

Hệ thống "tham dự" NB

đại loại như sau



ban-cơ" để minh họa cho những sự tham dự



Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 417 – 419.

"Chiến dịch chống lại những ngân hàng lớn của Pháp", tr. 236 và các trang tiếp.

|| Những bài báo của Ly-dít (lúc đầu đăng trên "La Grande Revue", 1906).

|| Cuốn sách của Giuy-lơ Đô-méc-gơ, người ủng hộ ông ta. "Vấn đề các công ty tín dụng".

|| Phản đối Ly-dít là Tê-xtít. "Vai trò của các cơ quan tín dụng ở Pháp", 1907, một quyển sách (các bài đăng trên "Revue politique et parlementaire").

7%!!!

Sự đánh giá hời hợt: ông ta nói rằng Ly-dít cường điệu, song điều cơ bản là đúng. Nhà nước thực lợi = nước Pháp. Tư bản ở nước có % thấp chạy dồn sang nước có % cao. Ly-dít không phải là một chuyên gia etc.. Theo Ly-dít thì các ngân hàng ăn tới 7% hoa hồng trong việc bán các chứng khoán của nước ngoài!!!

(1910, 2) tr. 1200: trích những số liệu của "Tiểu ban tiền tệ quốc gia" Mỹ.

Thống kê tiền gửi và tiền tiết kiệm.

	Anh (triệu 1. xt.)					Pháp (triệu phrăng)				
	Gửi ở ngân hàng	Gửi ở các quỹ tiết kiệm				Gửi ở ngân hàng	Gửi ở các quỹ tiết kiệm			
	1880	425	8.4	78	1.6	?	?	1 280	0.9	
	1888	624	12.4	105	2.0	1 923	1.5	2 762	2.1	
	1908	1 160	23.2	212	4.2	4 703	3.7	5 226	4.2	
NB	Đức									
	Gửi ở ngân hàng	Gửi ở các hội tín dụng	Gửi ở các quỹ tiết kiệm							
	1880	529	364		2 614					
	1888	1 142	425		4 550					
	1908	7 067	2 207		13 889					

Tổng kết (do tôi tính ra)

tỷ mác

Anh	Pháp	Đức
10.0	?	3.5
14.4	3.7	6.0
27.4	7.9	23.1

Và ban biên tập nhận xét rằng không nên đem đồng nhất tài sản quốc dân "hữu hình" ấy với tài sản quốc dân nói chung.

Trích từ bài báo ngắn nói về nhà tư bản tài chính Ê-đu-a En-ghen đã chết vào tháng Mười một 1910:

"Cả một lô giám đốc ở Béc-lanh leo lên được địa vị của mình chỉ vì những người chủ nợ không thấy có khả năng nào khác để cứu nguy cho tiền của của họ ngoài việc tạo công danh cho con nợ của mình. Tuy phần nợ ngấm ngấm về sự khinh suất của bọn con nợ đó, nhưng vì những lợi ích kinh doanh của bản thân họ mà họ đã nhận thức đúng, họ đã công khai ca ngợi tính tháo vát của chúng" (1202 – 3).

bước  
đường  
công danh  
của các  
giám đốc  
ngân hàng

"Die Bank", 1909, 1, tr. 79. Bài báo ngắn: "Lao ùa vào ngân hàng" — các quan chức chuyển lên chức giám đốc ngân hàng (Van-đê-ma Mui-lơ, ph. Clít-txinh, Hen-phê-rích, Suên-phen-đơ) và chuyển sang công nghiệp (Phuê-nơ, Bút-đê)...

"Tinh thần liêm khiết của viên chức nhà nước như thế nào, khi mà trong thâm tâm anh ta lại ước ao có một chỗ béo bở nho nhỏ nào đó ở phố Bê-ren ["Đoi-sơ ban-cơ"]?"<sup>1)</sup> (79).

tr. 301 và các trang tiếp: An-phrết Lan-xbuốc. "Ý nghĩa kinh tế của chủ nghĩa Bi-dăng-tin" — một bài tiểu luận nhiệt tình (tính chất đa cảm tiểu tư sản) chống lại mối liên hệ giữa giới tài phiệt và hoàng đế etc.

"Chúng ta hãy nhớ lại cuộc hành trình đến Pa-le-xtin và kết quả trực tiếp của cuộc hành trình đó, tức là việc xây dựng con đường sắt Bát-đa,

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 451.

điển  
đạt  
hay! | cái "sự nghiệp vĩ đại" và bất hạnh đó "của óc kinh doanh của người Đức" lại là nguyên nhân của tình trạng bị "bao vây", nhiều hơn là tất cả những sai lầm chính trị của chúng ta gộp lại"<sup>1)</sup> (307).

**Lút-vích E-svê-ghê.** "*Những khuynh hướng cách mạng hóa trong công nghiệp sắt Đức*".

Ở Đức, trọng tâm khai thác quặng và sắt chuyển từ vùng Ranh – Ve-xtơ-pha-li sang vùng Lo-ren – Lúc-xăm-bua (Tây Nam). Trước đây thì quặng giàu phốt-pho (Minetteerz Lúc-xăm-bua và Lo-ren) là không có giá trị. Nó trở thành tốt do (1) phương pháp Tô-mát; (2) **việc luyện thép bằng lò điện** (*thanh dân điện*: 15 năm bảo đảm so với trước đây chỉ có 9 năm). Quặng ở vùng Lúc-xăm-bua – Lo-ren là 2 t y tấn (được 200 năm nếu tính theo mức tiêu dùng hiện nay của Đức) (tr. 316 – 317).

*A. Lan-xbuốc.* "*Tài sản quốc dân Đức lớn đến mức nào?*", tr. 319 và các trang tiếp.

Phê phán cuốn sách nổi tiếng của Stanh-man – Bu-khơ và sự tính toán của ông ta: 350 tỷ mác (190 – 200: Léch-xít và Smôn-lơ; Anh: 250 – 300, Pháp: 200 – 225). Số liệu hợp thành chủ yếu của Stanh-man – Bu-khơ (a) = 180 tỷ "động sản và bất động sản tư nhân" — là nhiều gấp 2 hoặc 3 lần (tr. 324) so với thực tế, vì ông ta (và Ban-lốt (tr. 322) đã bỏ qua điều đó!!) đã sử dụng các hợp đồng bảo hiểm (162.6

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 451 – 452.

tỷ và vê tròn thành 180!!), trong khi đó thì người ta bao giờ cũng bảo hiểm theo giá khi *đổi mới* chứ không phải theo giá hiện hành. "Họ đã mắc phải sai lầm của người bán đồ cũ muốn định giá cái mớ đồ đạc và quần áo cũ của mình theo giá đồ mới" (325). Stanh-man – Bu-khơ còn phạm nhiều sai lầm khác nữa!!!

Lút-vích *E - své - ghé*. "Xi-măng". 115 và tiếp (1909, 1).

Một công nghiệp được các-ten hóa mạnh. Giá độc quyền (*giá thành* một toa là 180 mác, giá bán là 280 mác!! 230 mác!!). Bán có chuyên chở đến tận nơi 400 mác một toa!! Lợi tức cổ phần là 12 – 16%. Loại trừ cạnh tranh bằng mọi cách: phao tin bịa đặt về tình trạng kinh doanh bê bối, quảng cáo nặc danh trên báo (các nhà tư bản! hãy thận trọng trong việc bỏ vốn vào ngành công nghiệp xi-măng!!); mua chuộc những xí nghiệp "*ở ngoài*" (thí dụ: 60 - 80 - 150 nghìn mác "tiền đền bù"; tr. 125). Những các-ten theo khu vực; xanh-đi-ca Nam Đức, Thượng Xi-lê-di, Trung Đức, Han-nô-vơ, Ranh - Ve-xtơ-pha-li, Bắc Đức và hạ lưu sông En-bơ<sup>1)</sup>.

các  
xanh-đi-ca  
làm ăn  
như thế  
nào?

"Die Bank", 1909, 2. Những bài báo của Ở-giê-n **Cau-phman** về *các ngân hàng Pháp*. 3 ngân hàng lớn – "*Crê-đi Li-on-ne*", "*Công-toa-rơ na-xi-ô-nan*", "*Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran*".

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 412.

NB ||| Cả ba: năm 1908 có – 7 4 9 . 1 triệu phrăng (tư bản + dự trữ) và 4 0 5 8 triệu tiền gửi (nói chung là tiền của người ngoài).  
thu nhập ||| Số ủy viên ban giám đốc (các hội đồng giám đốc) 13 - 15 - 17. Thu nhập của họ là 5 0 0 0 0 0 – 7 5 0 0 0 0 (!! ) phrăng ("Crê-đi Li-on-ne") (tr. 851).  
của các |||  
giám đốc |||  
và ủy viên |||  
ban giám đốc |||

"phòng thu ||| Bên cạnh "Crê-đi Li-on-ne" có – "**phòng thập tin tức tài chính**" – > 50 người (kỹ sư, nhà kinh tế học, luật sư, thống kê viên etc.) – tốn 0.6 – 0.7 triệu phrăng trong một năm (chuyên nghiên cứu các xí nghiệp công nghiệp, đường sắt v.v. của các nước khác nhau, thu thập tin tức, v.v.). Cơ quan đó có 8 bộ môn: 1) công nghiệp; 2) đường sắt và các công ty hàng hải; 3) thống kê chung; 4) tin tức về chứng khoán; 5) báo cáo tài chính v.v.. Cắt bài từ các báo và tạp chí tài chính của toàn thế giới v. v. và v. v.<sup>1)</sup>

Số lượng các chi nhánh (ở Pháp) (1908) (tr. 857):

	Pa-ri và vùng	ngoại ô	tỉnh	tổng số	ở nước ngoài
những     "Crê-đi Li-on-ne" . . . . .	53	192	245	22	
ngân hàng     "Công-toa-rơ na-xi-ô-	51	140	191	23	(phần lớn là ở
lớn của     nan" . . . . .					các thuộc địa)
Pháp     "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran" . . . . .	89	636	725	2	(tr. 954)
	193	968	1 161	47	<b>do tôi</b>
					<b>tính</b>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 432.



Trong số đó, "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran" có 222 chi nhánh lưu động tại các tỉnh (mở cửa 1 - 2 lần trong một tuần vào những ngày có phiên chợ).

Nhân viên phục vụ: những thiếu niên (grooms) 13 - 16 tuổi - 30 - 40 phrăng trong một tháng, từ 16 tuổi trở lên là nhân viên cấp thấp - 60 phrăng trong một tháng. Sau đó đến 2 000 - 2 400 phrăng trong một năm. Các trưởng phòng của "Crê-đi Li-on-ne" được trả đến 40 000 phrăng trong một năm.

## Số lượng nhân viên phục vụ

"Crê-đi Li-on-ne"	có đến	5 000
"Công-toa-rơ na-xi-ô-nan"		4 000
(trong số đó ở Pa-ri)		2 500)
"Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran"		7 000
(trong số đó ở Pa-ri)		1 000)
trong số đó có 300 - 400 phụ nữ...		

tr. 1101 (1909, 2). Bài báo về *đường sắt* *Bát-đã* viết theo tinh thần: có "xích mích" với Anh etc., ½ tỷ tiền Đức bỏ vào một nước không quen biết, những xích mích với Anh và Pháp, không đáng giá bộ xương của một người lính cận vệ, "một sự mạo hiểm cực kỳ nguy hiểm" etc. etc.

đường sắt  
Bát-đã  
thái độ đối  
với chính  
sách thuộc  
địa

tr. 799. Bài: "Ngân hàng trong thống kê chuyên nghiệp".

		(trong ngoặc đơn là số lượng phụ nữ)		
		1882	1895	1907
ngân hàng, cơ cấu kinh tế của chúng	(Các mục (1 và 2) các chủ ngân hàng, giám đốc ngân hàng etc . . . .	6 896 (148)	7 719 (195)	11 070 (185)
	(3) nhân viên ngân hàng (và nhân viên quỹ tiết kiệm) . . . . .	12 779 (95)	23 644 (444)	50 332 (2 728)
	(4 và 5) người học việc, người gác, những người trong gia đình hỗ trợ thêm . .	6 207 (56)	5 268 (170)	9 275 (382)
		Σ = 25 882 (299)	36 631 (809)	70 677 (3 295)
	cứ 100 (1 và 2) thì có (3) . . . .			
	[cứ 100 chủ thì số người phục vụ là:]	182.6	304.8	471.4

*An-phrết Lan-xbuốc*. "Tư bản Đức ở nước ngoài", tr. 819 và các trang tiếp. "Die Bank", 1909, 2.

Tác giả tìm cách chứng minh chủ đề ưa thích của Cau-xky: buôn bán sẽ phát triển tốt hơn nếu buôn bán với các nước độc lập<sup>1)</sup>.

		số tăng tính theo %	
		1889	1908
NB Cau-xky NB	Ru-ma-ni . .	48.2	70.8 + 47
	"Những nước mắc nợ" (của Đức)	19.0	32.8 + 73
	Bô-đào-nha . .	60.7	147.0 + 143
	Ác-hen-ti-na .	48.7	84.5 + 73
	Bra-xin . . . . .		

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 523 - 524.

	Chi-lê . . . . .	28. <sub>3</sub>	52. <sub>4</sub> +	85	
	Thổ-nhĩ-kỳ .	29. <sub>9</sub>	64. <sub>0</sub> +	114	
	$\Sigma = 234.8 451.5 + 92\%$				
tác giả <i>không</i> đưa ra những tổng số này	Anh . . . . .	651. <sub>8</sub>	997. <sub>4</sub>	53	tác giả <i>không</i> đưa ra những tổng số này
	Những Pháp . . . . .	210. <sub>2</sub>	437. <sub>9</sub>	108	
	nước độc Bỉ . . . . .	137. <sub>2</sub>	322. <sub>8</sub>	135	
	lập về mặt Thụy-sĩ . . . . .	177. <sub>4</sub>	401. <sub>1</sub>	127	
	tài chính Úc . . . . .	21. <sub>2</sub>	64. <sub>5</sub>	205	
	Nam-dương	8. <sub>8</sub>	40. <sub>7</sub>	363	
	$\Sigma = 1 206.6 2 264.4 + 87\%$				

Và tác giả kết luận:

"Rất chắc chắn rằng thật là một sai lầm vô cùng nghiêm trọng nếu coi việc đầu tư tư bản ở nước ngoài, dù dưới bất kỳ hình thức nào, là một lực lượng hoạt động đặc biệt có lợi cho các sản phẩm Đức, nếu muốn xem việc đó là người đi tiên phong mở đường cho thương mại của Đức" (828).

||| xem Cau-xky  
(và Xpéc-ta-to)

(Tác giả không đưa ra những tổng kết *bác bỏ* tác giả!!)

Nhưng chính những con số cụ thể về quan hệ tỷ lệ giữa những khoản tiền vay và xuất khẩu mà *chính tác giả* đưa ra lại càng *bác bỏ* tác giả (tr. 826 và 827) <sup>1)</sup>:

"Năm 1890/1, việc cấp cho *Ru-ma-ni* một *khoản tiền vay* đã được ký kết với sự môi giới của các ngân hàng Đức, là những ngân

||| điều này  
cần đặc biệt  
NB!!  
Tôi thêm:  
Những năm  
cấp các  
khoản tiền vay  
1890/1

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 524 – 525.

hàng ngay trong những năm trước đây, đã từng ứng trước khoản tiền vay đó. Khoản tiền vay này chủ yếu là để mua ở Đức những vật liệu đường sắt. Năm 1901<sup>1)</sup> xuất khẩu của Đức sang Ru-ma-ni trị giá là 55 triệu mác. Năm sau, con số đó tụt xuống còn 39.4 triệu và rồi cứ ngắt từng quãng mà tụt xuống còn 25.4 triệu vào năm 1900. Mãi mấy năm gần đây nhất, việc xuất khẩu đó mới đạt được mức năm 1891, nhờ có hai khoản tiền vay mới.

1888/9 Nhờ có những khoản tiền vay vào năm 1888/9, khối lượng xuất khẩu của Đức sang *Bô-đào-nha* đã tăng lên đến 21.1 triệu mác (1890), rồi hai năm sau lại tụt xuống tới 16.2 triệu và 7.4 triệu mác; mãi đến 1903, khối lượng xuất khẩu đó mới đạt được mức cũ của nó.

1888 Những số liệu về thương mại của Đức với *Ác-hen-ti-na* lại còn rõ rệt hơn nữa. Nhờ những khoản tiền vay các năm 1888 và 1890, khối lượng xuất khẩu của Đức sang *Ác-hen-ti-na* năm 1889 đã đạt tới 60.7 triệu mác. Hai năm sau, khối lượng xuất khẩu này chỉ còn có 18.6 triệu mác, tức là chưa bằng một phần ba mức trước đó. Chỉ mãi đến năm 1901 khối lượng xuất khẩu này mới đạt và vượt mức năm 1889, nhờ có các khoản tiền vay mới cấp cho nhà nước và cho các thành phố, nhờ việc xuất tiền để xây dựng các nhà máy điện và nhờ có những hoạt động tín dụng khác.

Do khoản tiền vay năm 1889, khối lượng xuất khẩu sang *Chi-lê* đã lên đến 45.2 triệu

<sup>1)</sup> Lan-xbước nhầm. Đúng ra là năm 1891.

(1892); một năm sau, lại tụt xuống 22.5 triệu mác. Sau khi cấp một khoản tiền vay mới, — được ký kết vào năm 1906 qua sự môi giới của các ngân hàng Đức, — khối lượng xuất khẩu lại lên đến 84.7 triệu mác (1907), rồi năm 1908, lại tụt xuống 52.4 triệu".

1906

thật kỳ lạ là tác giả không nhận ra rằng những sự kiện này hoàn toàn *bác bỏ ông ta*: xuất khẩu tăng lên *chính là sau khi* cấp những khoản tiền vay và *do* (infolge) cấp những khoản tiền vay

Quan điểm **tiểu tư sản** của Lan-xbuốc:

"Không những về mặt quy mô mà cả về mặt phân phối, hoạt động của công nghiệp Đức ở đây" (nếu tư bản xuất khẩu vẫn nằm lại trong nước) "là có lợi. Tư bản sẽ tự do tủa vào vô số các ngành công nghiệp, sẽ chảy vào vô số các kênh, trong khi đó thì từ nước ngoài vào — như kinh nghiệm đã cho thấy — nó chảy dồn vào những số đặt hàng của một số ít người có đặc quyền, và những người này thêm nữa, lại phải trả một giá đắt cho những đặc quyền của họ. Krúp có thể kể lại một đôi điều về việc phải dựa vào bao nhiêu triệu tiền tạp phí khi thì được gọi là của đứt lốt, khi thì gọi khác đi, để nâng đỡ hoạt động của các tín dụng Đức ở nước ngoài. Tuy nhiên sự phân phối tư bản một cách tự nhiên ắt làm lợi cho một số lượng hết sức lớn các lĩnh vực của hoạt động công nghiệp, thì lại có một ý nghĩa to lớn đối với toàn bộ sự phát triển công nghiệp của nước Đức" (824 – 5). ... "Nền sản xuất, được

lời vàng  
ngọc!!  
Krúp "bị  
thuyết  
phục!!!  
"một cách  
tự nhiên"!!  
ha ha

!!

"sự hài hòa" ||| thường xuyên tái sinh như vậy bằng lực lượng của bản thân" (khi tư bản được sử dụng ở trong nước) "là một đảm bảo cho sự phát triển *h à i h ò a* sau này" <sup>1)</sup> (825).

Sự xuất khẩu tư bản *không* mang lại những mối quan hệ thương mại *vững chắc*: tác giả muốn chứng minh điều đó bằng các thí dụ, các tr. 826 – 7, do tôi trích ra ở trên: các trang 101 – 102 của cuốn vở này<sup>2)</sup>.

Lê-vy versus Líp-man ||| A. Lan-xbuốc: "**Những xu hướng trong xí nghiệp hiện đại**" ("Hai cuốn sách"), tr. 1043 và các trang tiếp. Bài báo nhỏ viết về hai cuốn sách của Lê-vy ("Các công ty độc quyền và tư-rót") và của Líp-man ("Những công ty tài chính và công nghiệp"). A. Lan-xbuốc nói rất đúng rằng cả hai đều phiến diện: Lê-vy xét sức mạnh *kỹ thuật* của sự tích tụ, Líp-man — sức mạnh của ách áp bức (của tập đoàn trùm sỏ) về tài chính.

"Việc sử dụng chứng khoán có giá" ("Ef-fektifizierung") ngày càng nhiều trong hoạt động công nghiệp đưa một cách bắt buộc quá trình sản xuất vào những liên hiệp ngày càng to lớn, giảm số lượng những người sản xuất độc lập và tạo cho một số ít trong số đó cái khả năng liên hợp lại dễ dàng hơn nhằm đàn áp bất kỳ một đối thủ nào mới xuất hiện, nếu họ không muốn để cho một tư-rót khổng lồ duy nhất nào mua mất quyền tự quyết định của họ.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 525 – 526.

<sup>2)</sup> Xem tập này, tr. 215 – 218.

Đấy chính là điều mà hai cuốn sách của Líp-man và Lê-vy không nói đến, nhưng dù sao vẫn cứ biểu lộ trong đó một cách rõ ràng. Biết đâu chẳng bao lâu nữa, sẽ có một người nào đấy dựa vào cơ sở đó mà viết cho chúng ta một cuốn sách đã đến lúc rất cần phải viết ra: một cuốn sách miêu tả đời sống kinh tế cộng hòa bị chi phối như thế nào bởi tập đoàn trùm sở thao túng các chứng khoán có giá" (1051 – 1052).

Đôi lúc sự phát triển, thông qua sự tích tụ, dẫn đến những các-ten (điều này đã được Lê-vy chỉ ra một cách *đặc biệt* rõ ràng). Nhưng *không* phải bao giờ cũng vậy. Có lúc thông qua "sự thay thế các chứng khoán có giá", nó dẫn *ngay* đến tư-rốt, chẳng hạn như "trong việc xây dựng đường sắt ở thuộc địa"... Sự tích tụ kỹ thuật đánh dấu sự tiến bộ trong kỹ thuật; sự tích tụ tài chính có thể củng cố và *đang củng cố* quyền lực vạn năng của tư bản độc quyền khi kỹ thuật *lạc hậu*...

#### NHỮNG NHẬN XÉT ((VỀ TƯ BẢN TÀI CHÍNH NÓI CHUNG))

Sự xuất khẩu sang thuộc địa (và các nước phụ thuộc về tài chính) versus xuất khẩu sang các nước độc lập:

Cứ tạm coi loại thứ hai là *vừa* cao hơn loại thứ nhất *vừa* phát triển nhanh hơn. Nhưng điều đó có chứng minh rằng các thuộc địa và các hệ thống phụ thuộc về *tài chính* là "không cần thiết" chẳng? (C. Cau-xky). Không, vì (1) ngay trong xuất khẩu (ở bên trong sự xuất khẩu) sang các nước không phụ thuộc thì tỷ

trọng của các các-ten, tư-rốt, chính sách phá giá trong xuất khẩu... cũng tăng lên.

(2) Chủ nghĩa tư bản tài chính không loại bỏ các hình thức thấp nhất (ít phát triển hơn, lạc hậu) của chủ nghĩa tư bản mà là phát triển từ những hình thức ấy và bên trên những hình thức ấy...

*NB:*  
về tư bản  
tài chính  
và ý nghĩa  
của nó

(3) Có một mối quan hệ tỷ lệ nhất định giữa việc bán "bình thường" và bán một cách độc quyền, ergo giữa xuất khẩu "bình thường" và xuất khẩu độc quyền. Các nhà tư bản không thể không bán các hàng hóa hết sức thông dụng (staple) cho hàng triệu công nhân. Điều đó liệu có phải là họ "không cần thiết" phải kiếm một siêu lợi nhuận trong khi "cung ứng" cho nhà nước, cho đường sắt etc. không?

(4) Siêu lợi nhuận của việc bán có đặc quyền và độc quyền bù lại lợi nhuận thấp của việc bán "bình thường".

(5) Hãy so sánh với các ngân hàng: lợi nhuận thấp (đôi lúc không có tí lợi nhuận nào) trong những dịch vụ tín dụng "bình thường" được bù lại bằng siêu lợi nhuận do việc làm trung gian trong những vụ vay vốn và trong việc chạy đua mở các xí nghiệp nhằm mục đích đầu cơ v.v..

(6) Kỹ thuật cao của các xí nghiệp tích tụ và "kỹ thuật cao" của việc gian lận tài chính "kỹ thuật cao" (trên thực tế là kỹ thuật thấp) của ách thống trị của tư bản tài chính: những cái đó gắn chặt với nhau trong chủ nghĩa tư bản. C. Cau-xky muốn cắt đứt những mối liên hệ đó, "minh oan" cho chủ nghĩa tư bản, chọn lấy cái hay, vất bỏ cái xấu, "chủ nghĩa

Pru-đông hiện đại", chủ nghĩa cải lương tiểu tư sản, "dưới chiêu bài chủ nghĩa Mác".

ΣΣ = tư bản tài chính (những độc quyền, ngân hàng, tập đoàn trùm sỏ, sự mua chuộc etc.) không phải là một cục bướu ngẫu nhiên trên cơ thể của chủ nghĩa tư bản mà là sự tiếp tục không thể loại bỏ được và một sản phẩm của chủ nghĩa tư bản... Không những chỉ những thuộc địa mà còn cả (a) xuất khẩu tư bản; (b) các độc quyền; (c) mạng lưới tài chính của những mối quan hệ và của những sự phụ thuộc; (d) quyền lực vụn vặt của các ngân hàng; (e) xí nghiệp tô nhượng và sự mua chuộc etc. etc.

### TSIẾC-SKI. "CÁC-TEN VÀ TỜ-RỐT"

Tiến sĩ D. *Tsiéc-ski*. "Các-ten và tờ-rốt (Nghiên cứu so sánh về bản chất và ý nghĩa của chúng)". Hốt-tin-ghen, 1903 (129 tr.).

(Ít điều có giá trị. Những lời huyền thuyên tư sản *ủng hộ* các-ten – của Đức, của chúng ta, nhỏ hơn, ổn hơn! – chống lại tờ-rốt)...

Tác giả này là một gã tiểu thị dân tầm thường nhất. Một "kẻ đã qua thực tế" = đã từng làm việc cho các xanh-đi-ca và các-ten.

tr. 12. chú thích 1. Tờ-rốt các nhà máy tinh chế rượu của Mỹ đã đóng cửa 68 trong số 80 nhà máy mà nó đã mua lại.

tr. 13: "I-u-nai-tét Xtây-tơ xtin coóc-pô-rây-son" có "khoảng 1/3 triệu công nhân".

diễn hình!!		Tư bản của nó (1902) cổ phần = 800 triệu đô-la			
		trái khoán	553	" "	
		Sản xuất:	quặng sắt	- 13.3 triệu tấn	
		than cốc	9.1	" "	
		gang ect.	7.1	" "	
		thép	9.0	" "1)	
		thanh dẫn	1.7	" "	
		v. v.			

1/3 hoặc 1/4 cuối thế kỷ 19 || tr. 19 – những các-ten và tờ-rốt phát triển "bắt đầu từ phân ba hoặc phân tư cuối thế kỷ 19"

tr. 31 – một thợ dệt ở Mỹ – đứng 16 máy (máy Noóc-tơ-rốp, cải tiến năm 1895).

ha ha! || tr. 56 - ... "Tư tưởng về các-ten, trên thực chất, không phải là cái gì khác mà chỉ là việc áp dụng và ứng dụng tư tưởng về hợp tác vào sản xuất công nghiệp hiện đại"...

"Kết luận"

nói lên rõ vấn đề (hèn nhát hơn!) || ... "Dựa trên những công trình nghiên cứu trước đây của tôi, tôi không còn mảy may nghi ngờ rằng tờ-rốt củng cố cả những cái ưu việt cũng như – và thậm chí ở mức độ nhiều hơn – những khuyết điểm của xí nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn theo ý nghĩa là xí nghiệp này cấm đầu lao về phía trước và không ngừng lao như vậy trong khi đó thì chính sách của các-ten cố gắng hơn nhiều để kìm hãm lại, để phân chia. Nếu thị trường thế giới bị các tờ-rốt quốc gia lớn thống trị, thì chắc hẳn nó sẽ phải trải qua một cuộc đấu tranh vô cùng

1) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 406.

khốc liệt, với một quy mô rộng lớn, về mặt giá cả và tiêu thụ... Hơn nữa các các-ten có thể và buộc phải quan tâm đến tiến bộ kỹ thuật và kinh tế ở cùng một mức độ như sự cạnh tranh tự do; có thể là các-ten sẽ thúc đẩy tiến bộ đó một cách không thái quá như các "tơ-rót" (128) <sup>1)</sup>. ||| !!! không thúc đẩy!!!

### HAI-MẶN. "NHỮNG XÍ NGHIỆP HỖN HỢP"

Han-xơ Hi-đê-ôn *Hai-măn*. "Những xí nghiệp hỗn hợp trong nền đại công nghiệp luyện thép ở Đức". Stút-ga, 1904 (quyển 65 của "Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân Muyn-khen").

Tập sưu tầm những số liệu (đại bộ phận là khá rời rạc) về những cái ưu việt của nền sản xuất lớn, đặc biệt là sản xuất "hỗn hợp", nghĩa là liên hợp các công đoạn nối tiếp khác nhau của sản xuất...

"Vị đại diện của hãng Krúp tuyên bố với Ủy ban điều tra về sắt (Biên bản (1878), tr. 82) rằng: "Tôi không cho rằng một nhà máy sản xuất 20 – 30 nghìn tấn (hàng năm) lại có thể chống chọi nổi một nhà máy sản xuất 100 – 150 nghìn tấn". 25 năm sau, *Các-nê-gi* cho rằng cần thiết phải sản xuất 20 lần nhiều hơn là 150 000 tấn ("Vương quốc của doanh nghiệp". Niu-Oóc, Đa-bơn-đây, Pây-giơ và công ty, 1902, tr. 233): "Những công-xoóc-xi-om sản xuất một nghìn tấn thép một ngày khó mà chống chọi nổi lại một công-xoóc-xi-om sản xuất mười nghìn" (tr. 232, chú thích).

một thí  
dụ  
hay!!

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 423.

điều kiện của các các-ten... ||| Tư bản tăng lên và được "cố định hóa" (NB) là một trong những điều kiện quan trọng nhất của các độc quyền và các-ten.

"Một bảng thống kê đáng chú ý của Phuên-cơ cho thấy rằng những nhà máy hỗn hợp thường là thuộc về chùng hơn một tá các-ten"... (249)...

? Phuên-cơ? Những các-ten sắt?  
*Tháng Chạp 1903 (ở đâu?)*  
(tr. 256)...

– ?

NB ||| "Khắp nơi trong ngành sản xuất các thành phẩm, chúng ta đều thấy... một cảnh tượng như vậy. Các xí nghiệp đơn doanh bị diệt vong vì bị kẹp chết giữa giá nguyên liệu cao và giá thành phẩm hạ, trong khi đó thì các nhà máy hỗn hợp lại kiếm chác được khá nhiều nhờ giá nguyên liệu cao và kiếm được nơi tiêu thụ nhờ giá thành phẩm hạ; bởi vì các nhà máy lớn tránh những giá cả quá cao do sợ rằng sau đó giá cả đó không thể tránh khỏi sụt xuống, trong khi đó thì những nhà máy nhỏ lúc làm ăn thuận lợi, lại cố nâng giá cả lên chẳng khác gì những kẻ mất trí. Tơ-rót thép ở Mỹ, một tơ-rót lớn, cũng theo đuổi một chính sách ||| đúng y như vậy" (256).

Ngày nay, cạnh tranh đã bị loại trừ. Chỉ còn lại 2 – 3 chục nhà máy lớn. Đứng đầu là Tít-xen, Luy-ê-gơ và Kiéc-đoóc-phơ (261): "2 liên minh khổng lồ": "Cô-len-xanh-đi-ca" và "Stan-xanh-đi-ca" ((87.5% sản xuất thép)) "phải thống trị tất cả".

– – – Độc quyền về tư liệu sản xuất. Đất đai bị mua lại (than và quặng).

||| "Người lãnh đạo đứng ra kiểm soát công ty gốc" (theo đúng chữ là "công ty mẹ"); "công ty gốc lại chi phối các công ty phụ thuộc vào

nó" (các "công ty con"); "các công ty con này lại chi phối các "công ty cháu" etc.. Như vậy không cần có một số tư bản thật rất lớn mà người ta vẫn có thể chi phối được những lĩnh vực sản xuất rất lớn. Thật thế, nếu có 50% tổng số tư bản là luôn luôn đủ để kiểm soát một công ty cổ phần, thì người lãnh đạo chỉ cần có 1 triệu là có thể kiểm soát được tư bản 8 triệu trong các "công ty cháu". Và nếu lối "tổ chức móc xích" ấy cứ phát triển lên, thì với 1 triệu, người ta có thể kiểm soát được 16 triệu, 32 triệu v. v."<sup>1)</sup> (tr. 268 – 9).

tốt hơn  
trong cuốn  
sách của  
Líp-man,  
và *sớm*  
*hơn*

Kết luận:

"Còn lại, một bên là các công ty than đá lớn, sản xuất đến hàng mấy triệu tấn, được tổ chức vững chắc trong một xanh-đi-ca than đá của chúng; và sau nữa, kết hợp chặt chẽ với các công ty than đá nói trên, là các nhà máy luyện thép lớn cùng với xanh-đi-ca thép của các nhà máy đó. Những xí nghiệp khổng lồ này sản xuất hàng năm 400 000 tấn thép" (1 tấn = = 60 pút) "và những số lượng rất lớn quặng và than đá, chế tạo những thành phẩm bằng thép, những xí nghiệp đó dùng 10 000 công nhân ăn ở trong những trại thuộc các khu của xưởng, và có khi còn có cả đường sắt và bến tàu riêng nữa. Những xí nghiệp khổng lồ này là những điển hình tiêu biểu cho công nghiệp luyện thép ở Đức. Và sự tập trung ngày càng tiến lên nữa. Một số xí nghiệp ngày

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 439.

càng trở nên lớn hơn; ngày càng có nhiều xí nghiệp thuộc cùng một ngành công nghiệp hoặc thuộc nhiều ngành công nghiệp khác nhau, tập hợp lại thành những xí nghiệp khổng lồ, mà chỗ tựa và đồng thời cũng là người chỉ đạo là nửa tá ngân hàng lớn ở Béc-ling. Sự đúng đắn của học thuyết của Các Mác về sự tập trung đã được chứng minh chính xác đối với nền công nghiệp khai mỏ ở Đức; tuy nhiên, điều đó đúng đối với một nước mà công nghiệp đã được thuế quan và các thuế vận tải bảo hộ. Công nghiệp khai mỏ ở Đức đã chín muồi để cho người ta tước đoạt nó"<sup>1)</sup> (278 – 9). (Lời kết luận chương 5 của cuốn sách.).

NB

Xem tr. 108.

Thống kê của **Hai-mann**:

24 xí nghiệp hỗn hợp (trong số 24 đó – Krúp, Stum-mơ, "Đoi-sơ Cay-dơ" (Tít-xen), "Au-mét-xơ Phri-đơ" v. v. và v. v., tất cả đều là "lãnh tụ")

		(1902)	
		<i>nghìn</i> <i>tấn</i>	tổng cộng ở Đức
sản lượng của chúng:	Quặng sắt	6 934	17 963
		(+?)	
	Than đá	13 258 = 12.6%	107436
	Gang	5 849	8 523
		(+?)	
	Thép	8 215	7664 (?)
(đang hoạt động)	Lò cao	147 = 58.8%	250
	Lò Mác-tanh	130 = 38.8	335
	<i>Số lượng công nhân</i>	206 920 ?	?
	Tư bản	581.4 triệu mác	
	+ dự trữ	121.9 " "	

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 399-400.

Sự phát triển của sản xuất lớn trong công nghiệp sắt ở Đức

Gang	Những xí nghiệp đang hoạt động		Sản lượng (triệu tấn)		Công nhân (nghìn)		Năng suất của một công nhân (tấn)	Số công nhân tính theo mỗi xí nghiệp
	%	%	%	%				
1869 – 203	100	1.4	100	21.5	100	65.6	105.8	
1880 – 140	69	2.7	194	21.1	98	129.2	150.8	
1900 – 108	53	8.5	605	34.7	162	245.2	321.7	

Hết phần trích của **Hai-măn**.

Hết.

### BÀN VỀ VẤN ĐỀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC:

#### Bàn về vấn đề chủ nghĩa đế quốc:

##### Các chủ đề: (về đại thể)

- 5.1 Tư bản tài chính.
- 4.2 Các ngân hàng.
- 2.3 Những các-ten và tờ-rốt.
3. Độc quyền.
- 1.4 Sự tích tụ và nền sản xuất lớn.
- 6.5 Xuất khẩu tư bản.
- 7.6 Thuộc địa. Ý nghĩa của chúng.
- 8.7 Lịch sử các thuộc địa.
- 9.8 Sự phân chia thế giới.

Các tờ-rốt quốc tế thuộc địa Can-vơ
---

10.9. Cạnh tranh tự do versus chủ nghĩa đế quốc.

11.10. Quay trở lại cạnh tranh tự do hay tiến lên chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản?

12.11. Chủ nghĩa siêu đế quốc hay chủ nghĩa đế quốc quốc tế?

*12 bis:* Sự phát triển không đồng đều.

13.12. Hốp-xơn, Cau-xky, chủ nghĩa đế quốc.

14.13. Những kẻ ca tụng chủ nghĩa đế quốc và những nhà tiểu tư sản phê phán chủ nghĩa đế quốc.

15.14. Tính ăn bám trong các nước đế quốc chủ nghĩa... ("sự thối nát") ("nhà nước thực lợi").

16.15. Sự phân liệt dứt khoát của phong trào công nhân... ["chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa cơ hội"].

[17.16. Ngoại giao và chính sách đối ngoại 1871 – 1914.

[18.17. Vấn đề dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc.

19.18. *Sự liên kết chằng chịt* versus "*xã hội hóa*" (xem Rít-xơ).

Những bộ phận cấu thành của khái niệm "chủ nghĩa đế quốc".

*Đại thể là:*

- |   |    |     |   |           |
|---|----|-----|---|-----------|
| { | 1. | I   | độc quyền, với tư cách là kết quả của sự tích tụ  |           |
|   | 2. | II  | xuất khẩu tư bản (với tư cách là cái chủ yếu)   |           |
| { | 4. | III | phân chia thế giới {  |           |
|   |    |     |   | (a)       |
| { | 5. | IV  | (β)   | thuộc địa |
|   |    |     | 3.  | V         |
| { | 6. | VI  | sự thay thế buôn bán tự do và lưu thông hòa bình bằng chính sách bạo lực (thuế, chiếm đoạt, etc. etc.). |           |

Những khuyết điểm của **Hin-phéc-đinh**:

- 1) Sai lầm về mặt lý luận trong vấn đề tiền tệ.
- 2) (Gần như là hoàn toàn) không biết đến sự phân chia thế giới.
- 3) Không biết đến mối quan hệ của tư bản tài chính với tính ăn bám.
- 4) " " " " " " của chủ nghĩa đế quốc với chủ nghĩa cơ hội.



"Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng (hiện đại) của chủ nghĩa tư bản".

Đại thể là:

I ba nước chủ yếu (hoàn toàn độc lập)

6 nước này	{	<div style="display: inline-block; border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 0 5px;"> <div style="border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Anh</div> <div style="border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Đức</div> <div style="border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Mỹ</div> </div>	{	
		<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">II những nước thứ yếu (loại một nhưng không <u>hoàn toàn</u> độc lập)</div>		<div style="display: inline-block; border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; padding: 0 5px;"> <div style="border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Pháp</div> <div style="border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Nga</div> <div style="border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Nhật</div> </div>
		<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">III Ý</div>		<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Áo - Hung</div>

VỞ

"γ"

("GAM-MA")

Mục lục

γ

1 - 52

Hơ-ni-gơ	tr. 2	Be-ra	[23 - 24]
Tê-ry	[3]	Le-rơ	[25]
Lê-quya-rơ	[5 - 6]	Ruýt-xi-ê	[27]
Pa-tui-ê	[9 - 12]	Tôn-nê-la	[35]
Mô-xơ	[14 - 15]	Côn-xông	[37]
Bruy-nô	[17 - 18]	Rết-xlốp	[39 - 41]
Ly-dít	[19 - 21]	<i>P. Lu-i</i>	[43 - 45]
Hu-be	[22]	<i>Mô-ri-xơ</i>	[47 - 50]

*Chỉ dẫn thư mục:*

*2; 7 và 8; 13; 15; 16 và 18; 34*

### HƠ-NI-GƠ, "Ý NGHĨA KINH TẾ CỦA NGÀNH QUÂN SỰ ĐỨC"

Giáo sư tiến sĩ Rô-béc *Hơ-ni-gơ*: "Ý nghĩa kinh tế của ngành quân sự Đức". Lai-pxích, 1913. (Báo cáo "Gehe-Stiftung". Tập V, quyển 2.)

{ Những lời huyền thuyên của một kẻ tầm thường hoàn toàn trung thành với chủ nghĩa quân phiệt; tìm cách chứng minh rằng những chi phí cho quân đội là hoàn toàn không mất đi đâu vì tiền vẫn nằm lại trong nước, và mang lại lợi nhuận khổng lồ, rằng nghĩa vụ quân sự giáo dục và tăng cường etc. etc.<sup>19</sup>

Một đoạn trích tiêu biểu:

..."Nghị sĩ *Éc-xbéc-gơ* đã nói tại Quốc hội Đức (24 tháng Tư 1912) rằng: "Nếu như ngài bộ trưởng chiến tranh muốn thỏa mãn tất cả các yêu cầu về các đơn vị đồn trú mà người ta đề đạt với bộ chiến tranh thì ngài phải xin gấp sáu lần ngân sách quân sự" (tr. 18).

Giai cấp tiểu tư sản đang tìm mọi cách trục lợi về các đơn vị đồn trú. Một trong những nguyên nhân làm cho chủ nghĩa quân phiệt trở thành được nhiều người ưa chuộng!

Một số cuốn trong thư mục:

Vin-hem *A-rơ*: "Ngành quân sự và nền kinh tế quốc dân của các cường quốc lớn trong 30 năm qua". Béc-lanh, 1909.

Ha-vích *Su-bác*: "Mối quan hệ giữa tình hình kinh tế và lực lượng vũ trang nhà nước". Béc-lanh, 1910.

"Militärwochenblatt". Phụ trương: 90 (1902) và 10 (1904).

Ph. *Brau-man*: "Cái lợi về kinh tế của những đơn vị đồn trú". Ma-gđơ-bua, 1913.

"Văn hóa của thời đại hiện nay", phần IV, tập 12 ("Technik des Kriegswesens").

### TÊ-RY. "KINH TẾ CHÂU ÂU"

Ét-mông *Tê-ry*. "Kinh tế châu Âu". Pa-ri, 1911.

(Tác giả là biên tập viên tạp chí "L'Économiste européen", tác giả của **nhieu** trước tác kinh tế.)

Trong cuốn sách có *rất nhiều* bảng so sánh: {phần trình bày nội dung dường như chỉ là để kèm theo các sơ đồ}

	Dân số (triệu)				
	1858	1883	1908	1858-1883	1883-1908
Đức	36.8	46.2	63.8	+26%	+37%
Anh	28.6	35.7	45.1	25	26
Pháp	34.6	37.9	39.3	9	4
Nga (phần châu Âu)	66.8	86.1	129.8	29	51
Toàn châu Âu	278.1	335.1	436.1	20	30

### Chi phí của nhà nước (triệu phrăng)

	1858	1883	1908	1858-1883	1883-1908
Đức	801	2 695	9 263	+236	+244
Anh	1 651	2 192	5 169	33	136
Pháp	1 717	3 573	3 910	108	6 <sup>1)</sup>

v. v.

### Chi phí cho *quân đội* và *hải quân*

	1883	1908
Đức	458	1 068
	+ 46	436
Anh	432	676
	270	811
Pháp	584	780
	205	320
Nga	772	1 280
	122	231

v. v.

### Sản lượng than đá

	1898/9	1908/9	
Đức	130.9 triệu tấn	205.7	+57%
Pháp	32.4	37.9	+17%
Anh	202.0	272.1	+35%

<sup>1)</sup> Của Tê-ry là như vậy.

## Sản lượng gang

	1898/9	1908/9	
Đức	7.4	12.7	+72%
Pháp	2.5	3.6	+43%
Anh	8.8	9.7	+10%
v. v.			

**GHI CHÉP VỀ NHỮNG CUỐN SÁCH  
CỦA MÔNG-TE-XKI-U VÀ E-XTA-VƠ  
VÀ VỀ MỘT BÀI BÁO CỦA RÊ-VE-RƠ**

Mông-te-xki-u. "Những trái khoán Mỹ và tổng số chứng khoán của Pháp". Pa-ri, 1912. (Những lời khuyên các nhà tư bản: hãy cẩn thận)

L. E-xta-vơ: "Tâm lý học mới của chủ nghĩa đế quốc: Éc-ne-xtơ Xây-i-e". Pa-ri, 1913.

« Quan điểm tâm lý học của chủ nghĩa đế quốc à la Nít- »  
xơ<sup>20</sup>, và chỉ bàn về tâm lý học.

X. T. Rê-ve-rơ. "Những khả năng thương mại của châu Mỹ la-tinh", bài báo đăng trên "The North American Review". 1915 (tập 201), tr. 78:

"The South American Journal", xuất bản tại Luân-đôn, đưa tin rằng tư bản của Anh đầu tư vào châu Mỹ la-tinh đến cuối năm 1913 đã đạt tới một tổng số là 5 008 673 000 đô-la.

Hãy so sánh với **Pây-sơ 1909**<sup>1)</sup>

NB || 5 tỷ đô-la x 5 = 25 tỷ phrăng

<sup>1)</sup> Về Pây-sơ, xem tập này, tr. 468.

**LÊ-QUYA-RƠ. "TIỀN TIẾT KIỆM Ở PHÁP"**

Giăng Lê-quya-rơ. "Tiền tiết kiệm ở Pháp". Pa-ri. 1914.

NB || Trong lời nói đầu, tác giả đã viết rằng công trình của ông đã đăng trên "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", tập 137, III – trong một bản điều tra về tiền tiết kiệm ở các nước khác nhau.

Chú ý tr. 110, bảng VI. "Thống kê về của cải của Pháp" (theo ngài Nây-mác-cơ)

Chứng khoán có giá của Pháp		Tỷ phrăng	Chứng khoán có giá của nước ngoài	
1850	---	9	---	---
1860	---	31	---	---
1869	---	33	---	10
1880	---	56	---	15
1890	---	74	---	20
1902	---	từ 87 đến	90	từ 25 đến 27
1909	---	" 105 -	116	từ 35 đến 40

Chứng khoán có giá ký gửi (triệu phrăng) (tr. 51)

	"Crê-di Li-on-ne"	"Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran"	"Công-toa-rơ đê-xcông-tơ"
1863	- 9.8	- 57.4	- -
1869	- 54.6	- 88.3	- -
1875	- 139.7	- 205.7	- -
1880	- 244.6	- 253.7	- -
1890	- 300.8	- 251.9	- 122.9
1900	- 546.3	- 347.6	- 365.4
1910	- 839.0	- 562.2	- 633.2
1912	- 859.6	- 446.5	- 674.3

Số lượng tài khoản trong "Crê-di Li-on-ne" (tr. 52) <sup>1)</sup>

1863	–	2 568	1890	–	144 000
1869	–	14 490	1900	–	263 768
1875	–	28 535	1912	–	633 539
1880	–	63 674			

tr. 60: "Tổng số dự trữ của 9 công ty luyện kim của Pháp" tính trung bình trong những năm 1904 – 1908 (tính trung bình trong một năm) = 23.8 triệu phrăng (xem xong, bây giờ hãy chỉ ghi chép từng ấy thôi).

### HI-XI-ĐA. "ĐỊA VỊ QUỐC TẾ CỦA NHẬT VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT CƯỜNG QUỐC LỚN"

**Hi-xi-đa.** "Địa vị quốc tế của Nhật với tư cách là một cường quốc lớn". Niu-Oóc, 1905. (Luận án.)

Rõ ràng đây là một công trình non nớt. Trình bày lại lịch sử của Nhật versus các nước khác từ năm 660 trước ngày Thiên chúa giáng sinh đến 1905.

"Từ đó (từ chiến tranh Trung-quốc 1894/5) Viễn Đông đã trở thành đối tượng chủ yếu của những tham vọng mà chủ yếu là Pháp, Anh, Đức, Nhật, Nga và Mỹ đã theo đuổi trong khi họ cố gắng đáp ứng những nhu cầu của "sự bành trướng đế quốc chủ nghĩa" của họ về thương mại và chính trị" (tr. 256).

"Tính tích cực kinh tế của các cường quốc lớn đã mang hình thái "chủ nghĩa đế quốc", hình thái đó biểu thị tham vọng của họ muốn kiểm soát – nhằm mục đích kinh tế hoặc chính trị – "một phần thật lớn của trái đất tương ứng với nghị lực và khả năng của họ" (tr. 269).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 421.

Tác giả trích của:

*Rai-sơ.* "Chính sách toàn cầu". Niu-Oóc, 1902.

Hốp-xơn. "Chủ nghĩa đế quốc".

*Côn-cun.* "Bá quyền ở Thái-bình-dương, Niu-Oóc, 1902.

*Đơ-bi-đua.* "Lịch sử ngoại giao của châu Âu". Pa-ri, 1891  
(2 tập)

### CHỈ DẪN THƯ MỤC SÁCH ANH VÀ "NIÊN GIÁM CÔN-RÁT"

*Sách Anh:*

*S. K. Hốp-xơn.* "Xuất khẩu tư bản" 8<sup>0</sup> (290 tr.). 7 si-ling 6 pen-ni. (Côn-xtê-bơn.) Tháng Năm 1914.

*Gi. A. Hốp-xơn.* "Buôn bán sự phân bội: nghiên cứu về các chính đảng". 8<sup>0</sup> (1 si-ling) (En-vin). Tháng Sáu 1914.

" "Lao động và sự giàu có: sự đánh giá của con người". (8<sup>0</sup>) (386 tr.). 8 si-ling 6 pen-ni (Mác-mi-lan). Tháng Sáu 1914.

" "Trên con đường tiến tới một chính phủ quốc tế". 8<sup>0</sup> (216 tr.) 2 si-ling 6 pen-ni (Ô-len và En-vin). Tháng Bảy 1915.

*Gi. G. Giôn-xơ.* "Kinh tế của chiến tranh và xâm lấn" (về Noóc-man En-gien). Tháng Sáu 1915 (Kin-gơ). 178 tr. (2 si-ling 6 pen-ni).

*H. Gi. Oen-xơ.* "Chiến tranh và chủ nghĩa xã hội", 1 pen-ni (Nhà xuất bản "Hoóc-nơ"). Tháng Hai 1915.

*Hác-tli Vi-thớt-xơ.* "Chiến tranh và Lôm-bác-đơ-xtơ-rít". 8<sup>0</sup> (180 tr.), 3 si-ling 6 pen-ni (Xmít). Tháng Giêng 1915.

*Cl. U. Bê-rơn.* "Cuộc chiến tranh táo bạo" (4 si-ling 6 pen-ni). Tháng Năm 1915.

*A. L. Bao-li.* "Ảnh hưởng của chiến tranh đối với ngành ngoại thương của Vương quốc liên hợp Anh 1906 – 1914" 8<sup>0</sup> (64 tr.), 2 si-ling. Tháng Ba 1915.

- A. V. Hơ-m-phri. "Chủ nghĩa xã hội quốc tế và chiến tranh". 8<sup>0</sup> (176 tr.), 3 *si-linh* 6 *pen-ni*. Tháng Hai 1915.
- Ph. V. Hóc-xơ. "Kinh tế chính trị học của chiến tranh". Tháng Bảy 1915. 8<sup>0</sup> (342 tr.), 5 *si-linh*.
- Vi-gi-lăng. "Cách mạng và chiến tranh". 1 *si-linh*. (tháng Chín 1915).
- Cô-nô-li. "Cuộc xâm lược Ai-rơ-len lần thứ hai". 6 *pen-ni*. Tháng Tư 1915.
- "*Jahrbücher für nationalökonomie etc.*" của Côn-rát (NB bộ thứ 3. Tập 49 = 1915, 1) (bộ thứ 3. Tập 21 = 1901. Tập 40 = 1910.)
- Glia. "Về tình trạng hiện nay của công nghiệp luyện thép của Mỹ". *Bộ thứ 3. Tập 35*. 587.
- I-ê-rê-mi-a Giê-n-xơ. "Những tơ-rốt ở Mỹ". *Bộ thứ 3. Tập 1, 1*.
- Giôn-đơ-stanh. "Tình hình hiện nay của sự vận động của các các-ten: nước Nga" (Bộ thứ 3. Tập 40, 162).
- Den-gơ. "Tiền đề kinh tế của chủ nghĩa đế quốc Anh". Béc-lanh, 1906 (lời đánh giá trong bộ thứ 3. Tập 36, 397).

### PA-TUI-Ê. "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC MỸ"

Giô-dép Pa-tui-ê. "Chủ nghĩa đế quốc Mỹ", Đi-giông, 1904. (Luận án.) (388 tr.)

Luận án. Một cuốn sách hết sức non nớt. Không có một chút giá trị khoa học nào, ngoài vô số đoạn trích và *bảng tổng kết* một số sự kiện. Phần lớn là những lời tán hươu tán vượn về pháp lý, mặt kinh tế thì yếu.

(Trong phần đầu) tác giả trích của Hốp-xơn ("Chủ nghĩa đế quốc") và lựa chọn của Hốp-xơn ra những điều mà nhiều người biết nhất.

Tác giả nói về *chủ nghĩa đế quốc Anh* (tr. 33 và các trang tiếp) và *Đức* (tr. 36 và các trang tiếp) như là nói về một sự kiện (các phần I và II trong chương II).

Vài câu nói về chủ nghĩa đế quốc Nhật và Nga (tr. 39 in fine).

tr. 43: "Trên thực tế, chủ nghĩa đế quốc có nghĩa là muốn giành lấy các chìa khóa của thế giới, - không phải là những chìa khóa về quân sự như ở thời đại đế quốc La-mã, mà là những chìa khóa lớn về kinh tế và thương mại. Điều đó có nghĩa là cố gắng không phải để mở rộng lãnh thổ; mà là để chinh phục và chiếm đóng những khu vực trọng điểm lớn mà thương mại thế giới được tiến hành qua đó; chiếm lấy không phải là những thuộc địa lớn mà là những thuộc địa có vị trí tiện lợi, để bao trùm toàn thế giới bằng một mạng lưới dày đặc những ga, kho than và dây cáp" (trích của *đờ La-pra-đen-lơ*. "Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa Hoa-kỳ ở Mỹ". "Revue du droit publique". 1900, tập XIII, tr. 65 - 6. Do Pa-tui-ê trích, tr. 43).

**Đri-on** ("Những vấn đề chính trị", tr. 221 - 2): "Sự thất bại tan tành của Tây-ban-nha là một điều tiết lộ... Tưởng đâu như đã có sự sắp đặt đâu vào đấy cả rồi là sự cân bằng trên thế giới là một vấn đề do 5 - 6 cường quốc chủ yếu của châu Âu giải quyết: một ẩn số đã nhảy vào vấn đề này" (tr. 49).

"Như vậy là cuộc chiến tranh giành giật Cu-ba là một cuộc chiến tranh kinh tế ở chỗ là nó nhằm mục đích chiếm lấy thị trường đường của hòn đảo; cũng vậy, lý do của việc thôn tính quần đảo Ha-oai và Phi-li-pin chính là khát vọng chiếm lấy cà-phê và đường do những nước nhiệt đới đó sản xuất" (tr. 51). (Idem, tr. 62 - 3)...

"Tóm lại, việc chiếm đoạt các thị trường tiêu thụ, việc săn đuổi những sản phẩm nhiệt đới - đây chính là nguyên

nhân cơ bản để ra cái chính sách bành trướng thuộc địa mà người ta gọi là chủ nghĩa đế quốc. Tất cả những thuộc địa ấy còn sẽ là những địa điểm chiến lược tuyệt vời mà ý nghĩa của chúng, chúng ta có thể nêu lên là: ...để bảo đảm cho mình có những thị trường châu Á... họ cần có những điểm tựa"... (tr. 64).

## % xuất khẩu từ Mỹ

Toàn bộ xuất khẩu: triệu đô-la	% xuất khẩu từ Mỹ			Châu			
	Châu Âu	Bắc Mỹ	Nam Mỹ	Châu Á	Đại- đương	Châu Phi	
1870	79. <sub>35</sub>	13. <sub>03</sub>	40. <sub>09</sub>	2. <sub>07</sub>	0. <sub>82</sub>	0. <sub>64</sub>	
1880	86. <sub>10</sub>	8. <sub>31</sub>	2. <sub>77</sub>	1. <sub>39</sub>	0. <sub>82</sub>	0. <sub>61</sub>	
857. <sub>8</sub>	1890	79. <sub>74</sub>	10. <sub>98</sub>	4. <sub>52</sub>	2. <sub>30</sub>	1. <sub>92</sub>	0. <sub>54</sub>
1 394. <sub>5</sub>	1900	74. <sub>60</sub>	13. <sub>45</sub>	2. <sub>79</sub>	4. <sub>66</sub>	3. <sub>11</sub>	1. <sub>79</sub>
	1902	72. <sub>96</sub>	14. <sub>76</sub>	2. <sub>75</sub>	4. <sub>63</sub>	2. <sub>48</sub>	2. <sub>42</sub>

rất nhiều, vô khối những điều nói lên cuộc đấu tranh sắp xảy ra vì Thái-bình-dương

Đảo Ha-oai là 1/2 đường từ Pa-na-ma đến Hồng-kông – Phi-líp-pin là một bước đi về phía châu Á và *Trung-quốc* (tr. 118). Idem 119 - 120 - 122.

Người ta đã vin vào những lợi ích của *tự do*, của sự giải phóng Cu-ba etc. để biện bạch cho cuộc chiến tranh với Tây-ban-nha vì Cu-ba (tr. 158 và các trang tiếp).

Hiến pháp đòi hỏi là trong toàn nước Mỹ tất cả các thứ thuế etc. đều phải như nhau. Người ta "giải thích" rằng điều đó *không có liên quan* gì đến các thuộc địa, vì thuộc địa *không phải là một bộ phận của Mỹ mà là thuộc về Mỹ* (tr. 157). "*Dần dần*" (họ nói thế) sẽ mở rộng quyền cho các thuộc địa (tr. 190) (nhưng *không* cho thuộc địa có đầy đủ quyền lợi)...

*Ca-na-đa*. Sự phụ thuộc của nó về kinh tế chuẩn bị mở đường cho việc "sáp nhập" nó về mặt chính trị (tr. 198).

||| "Nước Đức" (sic) muốn "lấy Liên bang châu Âu ||| để đổi lập lại" Hợp chúng quốc Mỹ (tr. 205)...

Liên bang châu Âu<sup>21</sup> (và Vin-hem II) ||| ..."Bắt đầu từ năm 1897, Vin-hem II đã nhiều lần nói lên tư tưởng về một chính sách liên hợp để đấu tranh chống sự cạnh tranh hải ngoại, — một chính sách dựa trên một hiệp nghị thuế quan giữa các nước châu Âu, một loại bao vây của lục địa nhằm chống lại nước Mỹ"... (205) ..."Ở Pháp, Pôn Lơ-roa - Bô-li-ơ đã tuyên truyền cho việc thành lập liên minh thuế quan châu Âu" (206)...

||| "kết quả tốt đẹp" ||| ..."Hiệp nghị giữa các nước châu Âu có thể sẽ là một trong những kết quả tốt đẹp của chủ nghĩa đế quốc Mỹ" (206).

Ở Mỹ, tình thế đã gây ra cuộc đấu tranh của "*những người chống đế quốc*" chống lại bọn đế quốc (tr. 268, quyển II, chương I: "Bọn đế quốc và những người chống đế quốc")... Chủ nghĩa đế quốc là trái với tự do etc., nó dẫn đến việc nô dịch các thuộc địa etc. ||| (*tất cả những lý lẽ dân chủ: một loạt những đoạn trích dẫn*). Một người Mỹ chống đế quốc đã trích dẫn lời của *Lin-côn*:

"Khi người da trắng tự cai quản mình, thì đó là chế độ tự trị; khi họ tự cai quản mình và đồng thời cai quản cả những người khác, thì đó không còn là chế độ tự trị nữa, mà là chế độ chuyên chế"<sup>1)</sup> (272).

- *Phen-xơ*: "Sự can thiệp của Mỹ tại Cu-ba" (Niu-Oóc, 1898) và những người khác tuyên bố cuộc chiến tranh Cu-ba là "*tội lỗi*" v. v..

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 518.

Chương III, tr. 293, có nhan đề: "Chính sách hiện đại của Mỹ: sự kết hợp chủ nghĩa đế quốc và học thuyết Môn-rô"<sup>22</sup>: người ta đã kết hợp và đã giải thích!!!

Người Nam Mỹ vùng lên (tr. 311 và các trang tiếp) chống lại cách giải thích học thuyết Môn-rô cho rằng châu Mỹ là của người Bắc Mỹ. Họ sợ nước Mỹ và muốn độc lập. Nước Mỹ đang "trông mong" vào Nam Mỹ và đấu tranh chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Đức ở khu vực này...

(Hãy xem Nô-vi-cốp trong bản chỉ dẫn thư mục, xem riêng<sup>1)</sup>.)

Khi sáp nhập Phi-líp-pin, Mỹ đã lừa dối lãnh tụ *A-ghi-nan-đô* bằng cách hứa trả tự do cho đất nước (tr. 373): "sự sáp nhập được đánh giá là "sự lừa đảo của bọn sô-vanh"<sup>2)</sup>.

|| *Át-kin-xơn*. "Một sự xâm lược tội lỗi, ai đã gây ra?" Bô-xton, 1899. || NB  
|| *"The North American Review"*. 1899, tháng Chín. || NB  
|| *Phi-li-pi-nô*. "A-ghi-nan-đô buộc tội Mỹ". ||

Tại Nam Mỹ, xu hướng muốn *xích gân lại* || NB  
|| *với Tây-ban-nha* đang phát triển, một đại hội (Mỹ || NB  
|| - Tây-ban-nha) họp tại *Ma-đrít* năm 1900 có đại || NB  
|| biểu của 15 nước Nam Mỹ tới dự (tr. 326) (\*). Sự || NB  
|| phát triển các mối quan hệ với Tây-ban-nha, ảnh || NB  
|| hưởng của Tây-ban-nha, những mối cảm tình của || NB  
|| "các nước hệ ngôn ngữ la-tinh" etc. (\*\*)

|| Tr. 379: "Từ nay, thời đại của những cuộc chiến || sic!  
|| tranh dân tộc chắc là đã qua hẳn rồi"... || NB  
|| (chiến tranh vì thị trường v. v.) || NB

|| (\*) "Revue des deux mondes". 1901 (15. XI). || NB  
|| (\*\*) Khẩu hiệu: "Liên minh Tây-ban-nha - Mỹ". || NB

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr 243.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 518.

## CHỈ DẪN THƯ MỤC CỦA PA-TUI-Ê VỀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC MỸ

(Thư mục của Pa-tui-ê về chủ nghĩa đế quốc Mỹ etc).

*Các-pen-tơ*. "Sự tấn công của Mỹ (sự bành trướng lãnh thổ)".

Niu-Oóc, 1902.

*E. Đri-ôn*. "Những vấn đề chính trị và xã hội vào cuối thế kỷ 19". Pa-ri, 1900.

*U. E. G-ríp-phi-xơ*. "Nước Mỹ ở phương Đông". Niu-Oóc, 1899.

*Đ. Xt. Gioóc-đan*. "Nền dân chủ đế chế". Niu-Oóc, 1899.

*Đơ Mô-li-na-ri*. "Những vấn đề của thế kỷ 20". Pa-ri, 1901.

*Ru-dơ-ven*. "Những lý tưởng của Mỹ". Niu-Oóc, 1901. – "Cuộc sống khẩn trương". Luân-đôn, 1903.

*Pôn Xê*. "Nguy cơ Mỹ". Pa-ri, 1903.

*Xây-i-e*. "Triết học của chủ nghĩa đế quốc". Pa-ri, 1903.

*Xtít*. "Việc Mỹ hóa thế giới". Pa-ri, 1903.

"Annales des sciences politiques": 1902 (tập XVII). *E. Bút-my*. "Mỹ và chủ nghĩa đế quốc" (tr. 1 và các trang tiếp).

"Le Correspondant". 1890 (25. I). *Cl. Gia-nê*. "Những sự kiện kinh tế và phong trào xã hội tại Mỹ" (tr. 348 và các trang tiếp).

"L'Economiste français". 1899, 1. VII. *Lơ-roa - Bô-li-ơ*. "Sự bành trướng của Mỹ etc."

"Le monde économique". 1896 (4 và 18. IV). *Ma-sa*. "Sự cạnh tranh thương mại của Mỹ và châu Âu ở châu Mỹ".

"La Grande Revue". 1899 (1.x). *Vê-léc-xơ*. "Sự bành trướng của Mỹ".

"Revue politique et littéraire" (Revue bleue). 1896. (9. V). *Moa-rô*. "Bọn sô-vanh hiếu chiến và chủ nghĩa sô-vanh

- hiếu chiến ở Mỹ" (tr. 593 – 7). 1900 (21. IV). *Đri-ôn*.  
 "Chủ nghĩa đế quốc ở Mỹ" (tr. 502 và các trang tiếp).  
 "La Revue de Paris". 1899 (15. III). *Đơ Ru-di-ê*. "Chủ nghĩa đế quốc Mỹ".  
 "The North American Review". 1898, tháng Chín. *Cô-nan-tơ*.  
 "Những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc".  
 1897, N<sup>o</sup> 2. *Sáp-mên*. "Sự đe dọa của chủ nghĩa yêu nước giả hiệu".  
 1899, N<sup>o</sup> 1. *Các-nê-gi*. "Chủ nghĩa Hoa-kỳ versus chủ nghĩa đế quốc".  
 1902, N<sup>o</sup> 12. *Uyn-xtô*. "Niềm tin chống đế quốc".  
 1903, N<sup>o</sup> 1. *Bôn-xan*. "Nước Đại Đức tại Nam Mỹ".  
 "The Fortnightly Review". 1901, tháng Tám. *Brúc-xơ*. "Chủ nghĩa đế quốc Mỹ".  
 "Deutsche Rundschau". 1902, tháng Mười một. *Sia-brăng*.  
 "Tư tưởng đế quốc chủ nghĩa ở Mỹ".  
 "Revue socialiste". 1904, tháng Hai. *Cô-la-gian-ni*. "Chủ nghĩa đế quốc Ăng-glô-xắc-xông".  
 "Le Mercure de France", 1904, tháng Tư. *P. Lu-i*. "Khái luận về chủ nghĩa đế quốc".  
 "Revue des deux mondes". 1903 (15. VII). *Lơ-roa - Bô-li-ơ*.  
 "Đế quốc Anh và khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc".  
 ? *Nô-vi-cốp*. "Liên bang châu Âu". Xuất bản lần thứ 2, Pa-ri, 1901.  
*E. Tê-ry*. "Lịch sử kinh tế Anh, Mỹ và Đức", Pa-ri, 1902. ||  
*V. Be-ra*. "Nước Anh và chủ nghĩa đế quốc". Pa-ri, 1900.  
*Le-rơ*. "Chủ nghĩa đế quốc Đức". Pa-ri, 1902.

**MÔ-XƠ. "CÁC CƠ QUAN TÍN DỤNG CỦA PHÁP  
 VÀ SỰ ĐẦU TƯ TƯ BẢN CỦA PHÁP  
 VÀ ANH Ở NƯỚC NGOÀI"**

"Jahrbücher für Nationalökonomie". Bộ thứ 3. Tập XXXIX (39) 1910.

Phéc-đi-năng *Mô-xơ*. "Các cơ quan tín dụng của Pháp và sự đầu tư tư bản của Pháp và Anh ở nước ngoài" (tr. 237 – 256).  
 Chỉ có nửa trang viết về nước Anh, các tổng số là của Gi. Pây-sơ. Còn về Pháp thì có một số chỉ dẫn thư mục và những số liệu:

Tranh luận: *Ly-dít*. "Tập đoàn đầu sỏ tài chính". Pa-ri, 1907, và *Tê-xtít*. "Các cơ quan tín dụng". Pa-ri, 1907.

*Hăng-ri Misen*. "Bài phát biểu tại nghị viện ngày 30. XI. 1909".

"Thế giới kinh tế", các bài báo trong những năm 1906 và 1907 (P. Bô-rơ-ga).

*Giuy-lơ Đô-méc-gơ* ("Cải cách kinh tế").

*M. Man-sê* ("Le Temps", 2. I. 1910) ước tính rằng tư bản của Pháp ở nước ngoài là 3 5 tỷ phrăng (tr. 240).

*Nây-mác-cơ* ("Người thực lợi") ước tính rằng tư bản của Pháp ở nước ngoài là 2 5 - 3 0 tỷ phrăng (tr. 243).

Tổng số chứng khoán có giá tại Sở giao dịch chứng khoán ở Pa-ri = 130 tỷ phrăng (tr. 243)

trong	{	64	{	của Pháp	}
đó có	{	66	{	của nước ngoài	}

*Bồ-đào-nha* nhận được của (từ) Bra-xin trong những năm 1696 – 1754 là 2 400 triệu phrăng (tr. 238).

Tư bản của *Hà-lan* ở Anh trong năm 1747 là 1 600 triệu gun-đen (ibidem).

Tiền chảy dồn vào nơi nào mà % cao hơn.

*Theo Ly-dít*. Tiền gửi (ở 4 ngân hàng) – ("Crê-đi Li-onne" + "Công-toa-rơ na-xi-ô-nan" + "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran" + "Crê-đi anh-đuy-xtơ-ri-en ê com-méc-xi-an") (tr. 252):

1885 – 912 triệu phrăng

1890 – 1 302 " "

1900 – 2 171 " "

1905 – 2 897 " " (theo Ly-dít)



"Để trở thành thành viên ban giám đốc, chỉ cần có 50 - 200 - 300 cổ phần... Như vậy là khoảng 50 người, tất cả có thể không cần có quá 8 triệu phrăng, mà hàng năm lại chi phối hơn 2<sup>1</sup>/<sub>2</sub> tỷ tiền đã gửi và hơn 1<sup>1</sup>/<sub>2</sub> tỷ phrăng tiền mới gửi vào mỗi năm mà không cần báo cáo với ai về điều đó cả" (252).

Khi vay vốn, nước đi vay không bao giờ nhận được > 90% (tr. 253) – ngân hàng ăn phần còn lại. Công trái Nga - Trung năm 1895: 400 triệu phrăng với lợi tức là 4%. "Thị giá lúc ký vay là 450. Thị giá lần đầu là 495. Thị giá cao nhất là 520. Chênh lệch trong vòng một tháng là 45 phrăng hay 10%... Chỉ riêng "Ban-cơ đơ Pa-ri ê đơ Pây-Ba" đã kiếm được, trong vụ này, 20 triệu phrăng" (253) v.v..

1. 1907 – những lời công kích kịch liệt của các đảng viên đảng xã hội tại nghị viện chống việc bỏ tiền vào công trái của Nga... NB

### CU-DƠ-NÊ-TXỐP. "CUỘC ĐẤU TRANH CỦA CÁC NỀN VĂN MINH VÀ CÁC NGÔN NGỮ Ở TRUNG Á"

*P. Cu-dơ-nê-txốp.* "Cuộc đấu tranh của các nền văn minh và các ngôn ngữ ở Trung Á". Pa-ri, 1912. (Luận án – Pa-ri.) (353 tr.)

Cuốn sách chỉ đề cập đến **Tuốc-kê-xtan**, – lịch sử của nó, việc biến nó thành thuộc địa (có đoạn nói về cuộc khởi nghĩa An-đi-gia năm 1898; tác giả cảnh cáo rằng trong tương lai sẽ có thể có)... ((tr. 295 và các trang khác.))

Sự phát triển của văn hóa, của ngành trồng bông, của đường sắt etc. etc.. Nhiều chỉ dẫn thư mục... Quan điểm rõ ràng là quan điểm quan phương.

### THƯ MỤC NHỮNG TÁC PHẨM MỚI DẪN THEO "NIÊN GIÁM CÔN-RÁT"

Trong số những tác phẩm mới:

Lê-ô-pôn *La-cua*. "Nước Pháp hiện đại. Những vấn đề chính trị và xã hội". Pa-ri, 1909.

*Đơ Lê-nơ*. "*Xanh-đi-ca* của các nhà công nghiệp. *Nước Bỉ*". Pa-ri, 1909 (2 tập).

*Gi. S. Ni-côn-xơn*. "Một dự án đế quốc. (Kinh tế của chủ nghĩa đế quốc)". Luân-đôn, 1909 (310 tr.).

*Hăng-ri An-đri-ông*. "Sự bành trướng của Đức". Ăng-gu-lem, 1909.

"Sự phát triển của Đức, một cường quốc thế giới" (phụ lục của "Annals of the American Academy", tháng Giêng 1910)!! Nil. *Số không*. Bài phát biểu của đại sứ!!!

*Mác-xen Duy-boa*. "Nước Pháp và các thuộc địa của nó". Pa-ri, 1910.

*Giăng Crúp-pi*. "Vì sự bành trướng kinh tế của nước Pháp". Pa-ri, 1910.

Giăng G. *Ráp-pha*. "Quá trình tích tụ của những ngân hàng ở Anh". Pa-ri, 1910.

L. *Gô-chi-ê*. "Nhà nước – tư bản tài chính". Pa-ri, 1910.

NB *E-đu-a Đri-ôn*. "Thế giới hiện đại. Khái luận chính trị và kinh tế". Pa-ri, 1909 (372 tr.).

[Bài phê bình trong "Jahrbücher", tập 41, tr. 269 – nói với giọng ca tụng về "cuốn văn tuyển lịch sử thế giới" ấy, đặc biệt là về ý nghĩa của "các quá trình kinh tế đối với nền chính trị hiện nay".]

Ph. Ê. *Giung-nghê*. "Chính sách kinh tế của Mỹ". Béc-lanh, 1910.

*Gốt-phéc-nô*. "Đường sắt ở các thuộc địa của Pháp". Pa-ri, 1911 (439 tr.).

*Ơ-g. Te-ri-ê và S. Mu-rây*. "Sự bành trướng của Pháp". Pa-ri, 1910.

- Sác-lơ *Duy-hem-mơ*. "Chủ nghĩa đế quốc tài chính. Tổng hội hỗ trợ sự phát triển thương nghiệp và công nghiệp ở Pháp. Lời nói đầu của quyển sách là bức thư gửi bộ trưởng tài chính". Pa-ri, 1910 (95 tr.). ? (Pa-ri, "Tập chí thương mại và tài chính").
- Gi. *Bu-ốc-đô*. "Giữa hai chế độ nô lệ" (...Chủ nghĩa xã hội... (!!!!) *chủ nghĩa đế quốc*...). Pa-ri, 1910.
- Gióp-phri *Đrê-giơ*. "Sự tổ chức thương mại của đế chế". ? Luân-đôn, 1911 (374 tr.).
- R. Gi. *Lê-vy*. "Ngân hàng phát hành". Pa-ri, 1911 (628 tr.).
- Mác-xen *Gra*. "Về chủ nghĩa cơ giới và những hậu quả của nó"... Pa-ri, 1911. (Luận án.)
- Ét-mông Tê-ry*. "Kinh tế châu Âu". Xuất bản lần thứ 2. Pa-ri, 1911 (332 tr.).
- Cùng tác giả*. "Tài sản quốc dân của nước Pháp". Pa-ri, 1911.
- Luy-xiêng Hu-be*. "Tính tích cực của Đức". Pa-ri, 1911.
- Ê. *Phây-phơ*. "Hội Pha-biêng và phong trào xã hội chủ nghĩa Anh". Pa-ri, 1911. (Luận án.)
- Ác-tuya Bu-sê* (đại tá). "Nước Pháp là kẻ chiến thắng trong cuộc chiến tranh sắp tới". Pa-ri, 1911 (93 tr.).
- "Jahrbücher". Tập 42 (1911). NB bài của Gôn-đơ-smít nói về các đạo luật ruộng đất và chế độ ruộng đất của Tân Tây-lan. NB
- Snai-đơ*. "Jahrbuch der deutschen Kolonien". Xuất bản năm thứ 4. 1911.
- Mam-rốt*. "Chủ nghĩa lập hiến công nghiệp". I-ê-na, 1911 (bài phê bình trong tập 43. 1912).
- Sa-khơ*. "Vấn đề xã hội tại Úc và Tân Tây-lan". I-ê-na, 1911 (mô tả tỉ mỉ trong tập 43, 1912).
- Ô-véc-txia*. "Tờ-rốt hàng hải Mỹ - Anh". Béc-lanh, 1912 (4 mác).
- Gôn-đơ-smít*. "Bàn về sự tích tụ trong công nghiệp than đá Đức". 1912 ("Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân của các trường cao đẳng Ba-đen").

- Ibidem: *Bri-p-xơ*. "Các-ten rượu". 1912.
- Hin-rinh-hau-xơ*. "Những xanh-đi-ca thép của Đức trong sự phát triển thành một xanh-đi-ca *thống nhất*". Lai-pxích, 1912. (3 mác).
- En-ri-cô *Lê-ô-nê*. "Chủ nghĩa bành trướng và thuộc địa". Rô-ma, 1911. (235 tr.) 2 lia.  
"Jahrbücher", tập 44 (= 1912, 2):
- P. *Pát-xa-ma*. "Những hình thức mới của sự tích tụ công nghiệp". Pa-ri, 1910 (341 tr.). 8.50 phrăng.
- Bô-dê-ních*. "Kinh tế ngân hàng hỗn hợp mới của Đức". (Phân tích.) Muyn-khen, 1912 (366 tr.).
- Ác-giêng-ta-ri-út*. "Những bức thư của một giám đốc ngân hàng". Béc-lanh (Nhà xuất bản ngân hàng), 1912 (1 mác) (??).
- P. *Hau-xmai-xơ*. "Xí nghiệp lớn và sự độc quyền trong ngành ngân hàng Đức". (Tiểu luận phổ thông.) Stút-ga, 1912.
- En-nê-bích Lê-ông*. "Chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Nguồn gốc của chủ nghĩa đế quốc Anh". Bruy-xen, 1913 (295 tr., 6 phrăng) [t. 45].
- Rơ-nê Pi-nông*. "Pháp và Đức. 1870 – 1913". Pa-ri, 1913.
- Ê-mi-lơ *Béc-kê*. "Quốc tế hóa những tư bản". Mông-pe-li-ê, 1912 (432 tr.). 6 phrăng.
- B. I-tsi-kha-ni-an. "Những yếu tố nước ngoài trong nền kinh tế quốc dân Nga". Béc-lanh, 1913 (300 tr.). 7 mác.  
Bài phê bình trong tập 47: nói nhiều về việc nhập khẩu tư bản.  
Tác giả cho rằng nước Nga nợ Tây Âu 6 tỷ rúp. |||
- Pôn Éch-hác-tơ. "Lược khảo môn khoa học về kinh tế thế giới". Bi-lê-phen, 1913 (140 tr.) (2.30 mác).
- Phrăng-xoa *Mô-ry*. "Chứng khoán có giá của Pháp trong 10 năm gần đây". Pa-ri, 1912. (Thống kê số liệu 10 năm cho các nhà tư bản. **Rất nhiều** số liệu với % và những % khác về tỷ suất bảo đảm v.v.)

## LU-I BRUY-NÔ. "NƯỚC ĐỨC TẠI PHÁP"

Lu-i Bruy-nô. "Nước Đức tại Pháp". Xuất bản lần thứ 2. Pa-ri, 1914 (lấy từ các bài báo trong "La Grande Revue").

trích dẫn:

L. Ni-cô. "Nước Đức ở Pa-ri" (1887).

G. Mông-bác. "Kẻ thù" (1899). Kết thúc bằng câu:

"Nước Đức phải bị phá hủy nếu xứ Gòn-lơ muốn tồn tại".

M. Svốp. "Nguy cơ Đức". 1896.

" " "Trước trận đánh". 1904.

Ê-m. Gian-nít-xen. "Bóng ma Đức", 1906.

An-đrê Ba-rô. "Sự đe dọa của Đức". 1908.

Giăng đ'Ê-pê. "Nước Đại Đức". 1910.

Hen-ri Ga-xtôn. "Nước Đức trong cảnh khốn quẫn". 19..?)<sup>1)</sup>

Nước Đức không đủ sắt (40 năm nữa sẽ hết (tr. 3)) – nhập khẩu tăng:

8 triệu tấn trong năm 1908

11 - - - - 1911 (tr. 2)

còn ở Pháp, mới phát hiện ra các mỏ ở Méc-tơ và Mô-den – ở vùng Lo-ren của Pháp - - -

sản lượng sắt... 2.6 triệu tấn trong năm 1890

4.4 " " " " 1900

14.8 " " " " 1911

Năng-xi ... 0.2 tỷ tấn quặng

Bry-ơ ... 2.0

Lông-vy ... 0.3

Cruyn ... 0.5

3.0 tỷ tấn quặng (tr. 5)

nhiều mỏ được phát hiện ở Noóc-măng-đi: 100 – 700 triệu tấn quặng

<sup>1)</sup> Cuốn sách xuất bản năm 1912.

Xuất khẩu quặng sắt từ Pháp sang Đức:

1.7 triệu tấn năm 1909

2.8 " " " 1912 (tr. 21)

than đá từ Đức sang Pháp:

1909 – 3 triệu tấn

1912 – 5.7 " "

Một thương gia Hà-lan (Poóc-tơ) mua những vùng có mỏ sắt ở Noóc-măng-đi (đã mua 3 496 ha) và khai thác quặng rồi đưa sang Đức (tr. 24 – 5). (Tiếp theo là những chi tiết.)

Xtin-nê-xơ và Krúp mua sản lượng quặng sắt (30 – 31) – một phần thông qua Poóc-tơ.

Những thí dụ về "sự tham dự" và về thành phần các ban giám đốc (35)...

...(phần lớn là người Pháp + người Đức)...

Tít-xen, sự phát triển của nó etc.

Những thí dụ, thành phần các ban giám đốc, sự tham dự về tài chính etc. etc.

Chuyển các công ty sang Pháp etc.

*Không có tổng hợp.*

(Đọc điều ấy trong "La Grande Revue.")

CHỈ DẪN THƯ MỤC THEO "NIÊN GIÁM"  
(CỦA CÔN-RÁT)

Chỉ dẫn thư mục theo "Jahrbücher" (của Côn-rát):

Pôn Pi-lăng. "Nguy cơ Đức". Pa-ri, 1913.

R. Gi. A-sơ. "Chủ nghĩa Đại Đức". Luân-đôn (7/6). (1913?)

Tập 45 { "The Annals of the American Academy of Political and Social Science". Tập 42 (1912): "Sự cạnh tranh công nghiệp và sự liên hợp" (các tờ-rót (30 báo cáo)).

- Han-xơ Hen-gơ. "Sự đầu tư tư bản của Pháp"... 1913. || ?  
Stút-ga ("Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân Muyn-khen". Quyển 125).
- Lê-ông Văng-giê. "*Dầu hỏa*". (Luận án.) Pa-ri, 1913 (tập 47, 1914).
- Gi. Mi-sôn. "Những công ty vận tải đường thủy lớn của Anh". 1913. (Luận án.)
- Si-man. "Nước Đức và chính sách lớn năm 1913" (*tập 13*). 1914.
- Ô. U. Knau-tơ. "Chính sách của Mỹ đối với sự độc quyền trong công nghiệp". Niu-Oóc, 1913 (233 tr.). || NB (?) ("Những công trình nghiên cứu của trường đại học tổng hợp Cô-lum-bi-a".)
- ?? E. Phri-đê-gơ. "Bạc triệu và các nhà triệu phú". Béc-lanh, 1914. (383 tr.)
- P. Bô-đanh. "Tiền của nước Pháp". Pa-ri, 1914.
- Tập 46 (1913, I). Bài báo về lý luận của Mác về địa tô (An-bréch-tơ).
- E. Rốt-sin-đơ. "Những các-ten" etc. 1913.
- Đã xem nhanh các tập 45 – 47.
- Tập 48 (1914, 2): Giuy-li-út Hiéc-sơ. "Những xí nghiệp chi nhánh" etc. Bon, 1913. ("Những công trình nghiên cứu ở Cô-lô-nhơ", quyển I.)  
*Bài phê bình tán dương* ("Conrad's Jahrbücher", tập 48).
- NB [Trong *tập này* – tr. 649 – có thống kê về *chấn nu ôi* ở thế kỷ 19 (rất đầy đủ) cho nhiều nước châu Âu.]
- Van-tơ Stơ-rau-xơ. "Các nhà máy điện liên vùng ở Đức và ý nghĩa kinh tế của chúng". Béc-lanh, 1913 (đặc biệt là nói về nông nghiệp và cho nông nghiệp). || NB

"*Jahrbücher* für Nationalökonomie" của Côn-rát. 1915, I (bộ thứ 3, tập 49): "Sự dao động của việc nhập cư vào Mỹ". (Tổng kết thống kê 1870 – 1910.) NB

### LY-DÍT. "CHỐNG TẬP ĐOÀN ĐẦU SỔ TÀI CHÍNH Ở PHÁP"<sup>1)</sup>

*Ly-dít*. "Chống tập đoàn đầu sổ tài chính ở Pháp". Xuất bản lần thứ 5. Pa-ri, 1908 (260 tr.). Các chương có ghi ngày tháng:

1. XI. 1906; 15. XII. 1906; 1. II. 1907; 1. V. 1907; 15. XI. 1907.

Trong lời tựa của mình, Giăng Phi-nô nói rằng các báo Anh đã xác nhận sự thực do Ly-dít kể (lúc đầu đăng trên "*La Revue*"): một nhân vật đã nhận được 12 triệu phrăng (tr. VII) trong vụ cho Nga vay năm 1906, ngoài "một trăm triệu" (ibidem) *tiền hoa hồng!*

Ngày ?? ||||| Đã có một cuộc họp của nghị viện (2 ngày) (bao giờ?) để bàn về vấn đề ấy.

"độc quyền tuyệt đối" (tr. 11) (chứ không phải tương đối) của 4 ngân hàng thực hiện tất cả mọi cuộc phát hành

"tờ-rốt của những ngân hàng lớn" (tr. 12)	{	"Crê-đi Li-on-ne"
		"Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran"
		"Công-toa-rơ đê-xcông-tơ" + "Bang-cơ đơ Pa-ri"
		"Crê-đi anh-đuy-xtơ-ri-en ê đơ Pây-Ba" ê côm-méc-xi-an"

nước đi vay nhận được 90% tổng số (10% cho các ngân hàng, cho các xanh-đi-ca của "những người phân phối", cho "tiền bảo đảm" v. v.) – tr. 26.

Công trái Trung –

Nga	400 triệu phrăng.	Lãi <i>khoảng</i>	8%
Nga (1904)	800 " " " "		10%
Ma-rốc (1904)	62,5 " " " "		18 <sup>3</sup> /4%.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 446-447; t. 32, tr. 105; t. 30, tr. 233.

"Người Pháp là những kẻ cho vay nặng lãi ở châu Âu" (29)...

"Báo chí tài chính hầu như lúc nào cũng nhận được tiền trợ cấp" (35).

Vụ "Các nhà máy đường ở Ai-cập": công chúng đã bị mất 90 - 100 triệu phrăng (39). "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran" đã phát hành 64 000 trái phiếu của công ty đó; các cổ phần của nó; thị giá phát hành lên đến 150% (!)... Công ty này đã phân phát những "lợi tức cổ phần giả tạo" (39)...

"Một trong những giám đốc của "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran" là ủy viên ban giám đốc "Các nhà máy đường" !!! (39).

50 người đại diện cho 8 triệu phrăng, chi phối 2 tỷ đồng gửi trong 4 ngân hàng (40)...

Làm thế nào? "Trở lại cạnh tranh" (42)...

"Nước cộng hòa Pháp là nước quân chủ tài chính" (48)...

Khoản tiền Nga vay năm 1906: ngài X, "người làm trung gian cho các ngân hàng", đã nhận được 12 triệu (49).

Qua các báo cáo và biểu cân đối thì không thể hiểu nổi một tí gì...

"1<sup>3</sup>/<sub>4</sub> tỷ trong 3 dòng" (57)...

Thu nhập của các ngân hàng là từ đâu ra? từ những cuộc phát hành. Người ta che giấu điều đó.

"Thí dụ: không cần quảng cáo, không cần công bố trên báo chí, một cách lén lút, thông qua việc làm âm thầm và bí mật của "các thủ quỹ" và "những người phân phối" của nó, "Crê-đi Li-on-ne" đã phân phối các trái phiếu của Ngân hàng địa ốc quý tộc Nga với một số tiền là 874 triệu phrăng (giá trị danh nghĩa). Thị giá trung bình lúc phát hành: 96.80. Thị giá hiện nay: 66. Công chúng bị mất 269 triệu!" (tr. 75 - 76)...

"sự xuất khẩu đáng ghê sợ những tư bản của Pháp" (tr. 93 và các trang tiếp)

Nước Pháp là "kẻ cho vay nặng lãi trên thế giới" (119).

Sự sụt giá của các công trái Nga (so với lúc phát hành)

là ở vào mức mà trong số 14 tỷ phrăng thì công chúng bị mất đến 3-4 tỷ: đó chính là cái mà công chúng trả cho ngân hàng!!!

và vô số những tiếng kêu la chống lại việc các ngân hàng không chịu hỗ trợ cho công nghiệp Pháp... Nước Đức đang lớn mạnh, còn chúng ta thì dậm chân tại chỗ (tr. 187 và khắp các trang)... "chính sách phân dân tộc" v.v..

Chương V có đầu đề là:

"Sự thống trị hoàn toàn của tập đoàn đầu sỏ tài chính; nó thống trị cả báo chí lẫn cả chính phủ"...

những thủ đoạn mà ngân hàng dùng làm áp lực với nhà nước: giảm lợi tức... (!)

tiền lột tay bí mật:

1 triệu cho bộ trưởng  
1/4 triệu cho đại sứ (tr. 212) } !  
báo chí bị mua chuộc...

(chỉ xem qua: các bài báo, bài tạp văn, chỉ thế thôi)

Kết luận của tác giả: quy định quy chế ngân hàng  
tách ngân hàng nhận gửi khỏi  
ngân hàng phát hành (d'affaires)  
kiểm tra...

((một tên tiểu thị dân tầm thường))

### GHI CHÚ VỀ NHỮNG CUỐN SÁCH CỦA MA-CRÔ-XTI, BAM-GÁC-TÊN VÀ MÊT-XLÊ-NI VÀ BÉC-GLUNG

Hen-ri V. Ma-crô-xti. "Các tơ-rót trong công nghiệp Anh". Béc-lanh, 1910.

Rất nhiều những sự kiện lớn và nhỏ. Một cuốn sách cần cho việc tra cứu etc.

*Bam-gác-tên* và *Mét-xlê-ni*. "Những các-ten và tơ-rốt". Béc-lanh, 1906 (nhìn tổng quát cả về kinh tế lẫn *luật pháp*. Rõ ràng là nil novi).

A-bra-am *Béc-glung*. "Tơ-rốt thép của Mỹ", 1907. (Luận án, (Kể lại và chỉ dẫn thư mục. Một trước tác non nớt; cần cho việc tra cứu.)

### HU-BE. "TÍNH TÍCH CỰC CỦA ĐỨC"

*Luy-xiêng Hu-be*. "*Tính tích cực của Đức*". Pa-ri, 1911

(so sánh sự phát triển (kinh tế) của Pháp và của Đức).

Thu nhập ròng của các đường sắt (trên mỗi ki-lô-mét)

	1883	1906
Pháp	19 165 phrăng	19 560
Đức	15 476	21 684
Anh	26 755	26 542

Đội tàu buôn (nghìn tấn):

	1890/1	1905/7	+%
Anh	5 107	9 782	+ 91
Đức	656	2 110	+ 222
Mỹ	376	1 194	+ 217
Pháp	485	721	+ 49
Na-uy	176	717	+ 308
Nhật-bản	76	611	+ 704
Ý	186	493	+ 165

Chiếm ưu thế là những con số, đại bộ phận là riêng cho *hai* nước, không có những bảng đối chiếu, so sánh, chính xác như trên đây.

(Giá trị khoa học = 0)

### BE-RA. "NƯỚC ANH VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"

*Vích-to Be-ra*. "*Nước Anh và chủ nghĩa đế quốc*". Pa-ri, 1900. (381 tr.)

Xem qua thì thấy cuốn sách này là loại sách kiểu thu thập các bài báo: loại chính luận lưu loát, cực kỳ lưu loát, nhưng lại quá hời hợt. Tác giả kể chuyện, nói huyền thuyên, không hơn không kém. "Giô-dép Sem-bóc-lin" – chương thứ nhất. Trích dẫn những bài diễn thuyết của ông ta, bước đường công danh của ông ta, vinh quang của ông ta, etc. etc.. "Chủ nghĩa đế quốc" – chương thứ hai (hoặc là phần cũng được vì không thấy tên "chương", mà cũng chẳng thấy đánh số chương gì cả), cũng lại kiểu kể chuyện "có tính chất báo chí": "Thị trường, thị trường", **hàng đống** những ví dụ và những con số (về sự suy sụp của nền thương mại nước Anh etc.) trích từ "những sách xanh" ra, nhưng tất cả đều manh mún, đều hời hợt, và đã đọc Hốp-xơn và Sun-tê - Ghê-véc-ni-tơ rồi thì những thứ đó chẳng khác gì vở làm văn của học trò... Về sự cạnh tranh của Đức, thì cũng thế, v.v. và v.v.. Nil. Nil.

Có lẽ cũng chỉ có thể dùng được một đôi ví dụ mà thôi:

Trong số những luận cứ chống lại chủ nghĩa đế quốc:

"Cũng những số liệu thống kê ấy còn cho thấy rằng việc chiếm đóng một lãnh thổ nào đó bằng quân đội của nhà vua thường thường chỉ có lợi cho những kẻ ngoại bang và rất ít có lợi cho những công dân Anh: ở Ai-cập, sau năm 1881,

chỉ có việc buôn bán của người Đức và người Bỉ là đã thực sự tăng lên: hàng hóa của Anh nhập vào Ai-cập năm 1870 là 8 726 nghìn li-vơ xtéc-ling; năm 1880 – 3 060; năm 1892 – 3 192; năm 1897 – 4 435, trong khi đó thì năm 1886 hàng của Đức nhập vào là 21 000 li-vơ (một li-vơ Ai-cập = 25 phrăng 60), đến năm 1896 lên tới 281 000, còn hàng của Bỉ nhập vào cũng trong thời gian ấy đã từ 86 000 lên đến 458 000 li-vơ" (tr. 249).

"Sau khi đã tìm ra được cách chế biến đường từ củ cải đường, Pháp đã trở thành cường quốc đứng thứ nhất trên thế giới trong lĩnh vực công nghiệp đường: năm 1870, Pháp vẫn còn nắm độc quyền. Lúc đó Đức mới bắt tay vào việc. Sau khi nghiên cứu và so sánh những cây trồng của Pháp, Đức đã xác định được rằng hết như miền Bắc của Pháp, Đức cũng có đất đai phù hợp và khí hậu phù hợp ở gần vùng mỏ than. Tuy nhiên, đất ở Đức không được màu mỡ bằng; khí hậu lại khắc nghiệt hơn nhiều. Cho nên cuộc chạy đua với Pháp sẽ là cuộc chạy đua rất không cân sức. Thế nhưng bắt đầu từ năm 1882, những chủ nhà máy đường của Pháp đã bắt đầu la ó lên rằng đường của Đức đã xâm nhập ngay cả vào thị trường Pháp., củ cải đường Đức có hàm lượng đường là 12%; các chủ đồn điền người Pháp cho biết rằng củ cải của họ không thể có được hàm lượng đường quá 7%" – người Đức đã cải tạo được nghề trồng trọt, phân bón, chọn giống etc. etc..

"Pháp là nước phát hiện ra củ cải đường, thế mà chưa đầy 12 năm cạnh tranh của Đức, Pháp đã mất nguồn lợi do phát minh của mình đem lại. Kinh nghiệm khoa học của Đức, một nước từ hồi đó đã trở thành bà hoàng về đường và ngoài ra còn là bà hoàng về rượu mạnh, đã làm cho Pháp phải ra đạo luật 1884 về đường" (tr. 311 – 312).

Cuối cuốn sách đề: tháng Mười một 1898 - tháng Tư 1900.

## LE-RƠ. "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC ĐỨC"

Mô-rít *Le-rơ*. "Chủ nghĩa đế quốc Đức". Pa-ri, 1902. (341 tr.)

Bắt đầu từ việc miêu tả một cách ngắn gọn, ai cũng đã biết cả về chủ nghĩa đế quốc Anh, – rồi đến Mỹ – Nga – Nhật – Đức ("Chủ nghĩa đế quốc và những tên đế quốc". Lời mở đầu).

Ch. I. "Nguồn gốc của chủ nghĩa đế quốc Đức". (1870. – Sự phát triển và trưởng thành. Những tài liệu và số liệu mà ai nấy đều biết cả rồi. Cũng có tính chất "báo chí" như sách của V. Be-ra.)

Ch. II. "Linh hồn của nước Đức đế quốc chủ nghĩa"... và "ngài tiến sĩ" – cả Môm-sen lẫn Tơ-rai-tskê... toàn là lời ba hoa quanh bần tra! – và một mẫu trích tác phẩm của Mác (theo Bốc-đô)... Một trước tác thảm hại.

Ch. III. "Chính sách đế quốc chủ nghĩa".

..."Thế kỷ XX mở đầu cho sự thống trị của các ngài chủ ngân hàng lớn" (165) – và một đoạn trích dẫn Tút-xê-nen: "Người Do-thái là chúa của thời đại" (!!).

Ch. IV. "*Hôm qua*". Toàn con số là con số về sự phát triển kinh tế của Đức. Đường sắt Bát-đa etc.

Ch. V. "Hôm nay". – Về cuộc khủng hoảng năm 1900, ba hoa...

Ch. VI. "Ngày mai".

...Nghị quyết của Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế tại Pa-ri tháng IX. 1900 – "chống chủ nghĩa đế quốc" (tr. 324) và chiến tranh... Mỗi thứ một tí!..

Số  
không

Ông ta dẫn:

"Forum", tháng Sáu 1899: "Cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ về thương mại".

"The North American Review", tháng Chín 1898: "Cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc".

Pôn Ác-nơ-tơ. "Những quan hệ thương mại của Đức với Anh và các thuộc địa Anh". 1899.

Giuyl-i-út Vôn-phơ. "Đế quốc Đức và thị trường thế giới".

### BRÍP-XƠ. "CÁC-TEN RƯỢU"

Gốt-tơ Bríp-xơ. "Các-ten rượu". Các-xru-ê, 1912.

("Những công trình nghiên cứu của các trường cao đẳng Ba-đen". Bộ mới, quyển 7.) Đọc qua thì thấy hình như đây là một trước tác có tính chất chuyên môn, nhạt nhẽo.

tr. 240 - 241: "Như vậy, trên thực tế, liên hiệp các nhà máy rượu đã trở thành một độc quyền" (còn lại có 3 nhà máy "của những người ngoài": quá yếu), "mà trọng tâm là các nhà máy ở nông thôn chuyên nấu rượu khoai tây – hầu như đã hoàn toàn hợp thành xanh-đi-ca; – như thế là sự phát triển bên ngoài của thực lực của các-ten đã kết thúc".

Tổ chức độc quyền

### GÔN-ĐƠ-SMÍT. "BÀN VỀ SỰ TÍCH TỤ TRONG CÔNG NGHIỆP THAN ĐÁ ĐỨC"

Cuốc-tơ Gôn-đơ-smít. "Bàn về sự tích tụ trong công nghiệp than đá Đức". Các-xru-ê, 1912 (122 tr.)... (Ibidem<sup>1</sup>). Bộ mới. Quyển 5)

<sup>1</sup>) "Những công trình nghiên cứu của các trường cao đẳng Ba-đen".

[ít điều có giá trị, không có sự tổng hợp chính xác các số liệu]

		Than triệu tấn	Thép triệu tấn
1	1 Krúp . . . . .	2.4	0.98
2	Gia đình Ha-ni-en . . . . .	8.7	0.59
3	" " { Xtin-nê-xơ . . . . .	2.5	0.79
	{ Tít-xen . . . . .	5.5	
4	{ Tít-xen . . . . .	1.5	
	{ Tít-xen . . . . .	3.6	0.97
6	Ghen-den-kiếc-sen . . . . .	8.2	0.51
7	Hác-pen . . . . .	6.7	—
8	Hi-béc-nia . . . . .	5.1	—
9	Phê-ních-xơ . . . . .	5.4	1.13
		49.6	5.24
5	{ Các-lơ Phun-ke . . . . .	3.1	
	{ Các-lơ Phun-ke . . . . .	2.8	
	Σ (do tôi tính)	55.5	5.24

||| "9 công-xoóc-xi-om chiếm 66.9% sản xuất than ở vùng than" (((Ranh – Ve-xơ-pha-li))) "và 48% sản xuất của Liên đoàn các nhà máy luyện thép" (tr. 69). |||

Công-xoóc-xi-om Xtin-nê-xơ (tr. 69 - 70) bao gồm các xí nghiệp sau đây:

(1) mỏ than đá . . . . .	19
(2) nhà máy luyện thép . . . . .	7
(3) mỏ sắt . . . . .	rất nhiều
	{ ở Đức, Lúc-xăm-bua, Pháp}
(4) buôn bán (than) . . . . .	6
(5) vận tải đường thủy . . . . .	
	{ ở Đức . . . . . 12
	" Anh . . . . . 5
	" Ý . . . . . 3
	" Pháp . . . . . 2
	" Bỉ . . . . . 1
	" Thụy-sĩ . . . . . 1
	" Nga . . . . . 2

v. v..



**RUYT-XI-Ê. "SỰ PHÂN CHIA CHÂU ĐẠI-DƯƠNG"**

Hăng-ri *Ruyt-xi-ê*. "Sự phân chia châu Đại-dương". Pa-ri, 1905. (Luận án.)

*Một bản tổng hợp* rất chi tiết gồm rất nhiều tư liệu. Nhưng đáng tiếc là không có những tổng số chính xác có tính chất thống kê (à la Xu-pan). Việc tập hợp làm tốt. Có nhiều chỉ dẫn thư mục, bản đồ, ảnh.

Tác giả chia lịch sử "phân chia chính trị" ra thành các thời kỳ:

- 1) sự phát hiện (thế kỷ 16 - 18)
- 2) thời kỳ *truyền giáo* (1797 - 1840)
- 3) "những xung đột đầu tiên" (1840 - 1870)
- 4) "Cuộc đua tranh quốc tế", 1870 - 1904. ||| NB

Ngoài những cái khác ra, tác giả có dẫn bản tổng hợp (sự phân chia) của *Di-véc-xơ và Quy-ken-tan*. "Úc, châu Đại-dương và các nước ở Bắc và Nam cực". Lai-pxích, 1902, tr. 67-8. *Nên xem qua.*

Tiếp đó là những tư liệu tỉ mỉ về *kinh tế*, thương mại, địa lý của từng thuộc địa một.

Ngoài những nguyên nhân kinh tế của chính sách thực dân ra, tác giả còn kể thêm (NB) những nguyên nhân xã hội:

"Ngoài những nguyên nhân kinh tế đó" (những nguyên nhân kể trên, mà mọi người đều biết) "nên thêm những nguyên nhân xã hội: sự phức tạp trong đời sống ngày càng tăng, những khó khăn ngày càng tăng chẳng những đè nặng lên đông đảo quần chúng công nhân và còn đè lên cả những giai cấp trung gian nữa, vì vậy trong hết thảy các nước có nền văn minh cũ, đều đang tích tụ "những sự bất bình, bức tức, căm hờn, là những cái đe dọa nền an ninh xã hội; những lực lượng đã lia khỏi quỹ đạo giai cấp nhất định thì cần được sử dụng, cần để cho lực

lời || lượng ấy có một việc làm nào đó ở nước ngoài, nếu vàng || như người ta không muốn có sự bùng nổ ở trong ngọc || nước" <sup>1)</sup> (Van. "Nước Pháp ở thuộc địa". Pa-ri, tr. 92) !! || - (tr. 165 - 6).

NB ||| Những dẫn chứng về "**chủ nghĩa đế quốc**" Anh (tr. 171); - *Mỹ* (tr. 175) - sau chiến tranh Tây-ban-nha - *Mỹ* năm 1898; - *Đức* (tr. 180).

NB ||| Ngoài những cái khác ra, trích dẫn cả *Đri-ôn*. "Những vấn đề chính trị và xã hội vào cuối thế kỷ 19" etc. (Pa-ri, 1900), chương XIV, "Các cường quốc lớn và sự phân chia thế giới".

**PHÔ-GHEN-STANH. "NHỮNG HÌNH THỨC TỔ CHỨC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA TRONG ĐẠI CÔNG NGHIỆP HIỆN NAY"**

Tê-ô-đo **Phô-ghen-stanh**. "Những hình thức tổ chức tư bản chủ nghĩa trong đại công nghiệp hiện nay". Tập I: "Những hình thức tổ chức của công nghiệp luyện thép và công nghiệp dệt ở Anh và Mỹ". Lai-pxích, 1910. tr. 54-6

Các hãng của Anh: "Vích-ke-rơ-xơ, xan en-đơ Mác-xim li-mi-tét", Brao-xơ, Ca-men-xơ, hiện nay có những mỏ (sắt); mỏ than đá; những nhà máy luyện thép, xưởng đóng tàu, - một số nhà máy làm thuốc súng v.v. và v.v..

*Phân chia thế giới:* ||| *Các-ten làm ray:* "Trong thời kỳ tiêu điều nghiêm trọng hồi năm 1884, những nhà máy làm ray ở Anh, Bỉ và Đức đã thỏa thuận với nhau về việc

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 484.

phân chia những hoạt động xuất khẩu, đồng thời công nhận rằng đối với từng nhà máy thì nước của nhà máy ấy là thị trường tiêu thụ không ai chối cãi được. Lúc đầu, Anh được 66% xuất khẩu, Bỉ được 7% và Đức được 27%, rồi sau đó những con số này đã được thay đổi ít nhiều theo hướng có lợi cho lục địa. Ấn-độ hoàn toàn được trao cho Anh... Những hãng của Anh chia phần với nhau và định ra một giá cả đủ để cho ngay cả các nhà máy làm việc trong những điều kiện tồi tệ cũng có thể tồn tại nổi... Cuộc đấu tranh chống một công ty duy nhất của Anh đứng ngoài các-ten được tiến hành bằng tiền của xanh-đi-ca, bằng cách trích ra 2 si-linh trên toàn bộ khối lượng bán ra. Nhưng khi 2 hãng của Anh ra khỏi các-ten thì các-ten này cũng tan rã theo"...<sup>1)</sup> (tác giả dẫn theo lần xuất bản năm 1886)... "20 năm sau, mới tái lập được một liên hiệp quốc tế mới. Mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng người ta cũng vẫn không sao thỏa thuận được với nhau về việc phân định địa vực và phân chia phần được tham dự trong suốt mấy chục năm phát triển mạnh nhất đó của nền công nghiệp các nước lục địa và Mỹ...

Cuối cùng, vào năm 1904, người ta lại thỏa thuận được với Đức, Bỉ và Pháp trên cơ sở là dành 53.50%, 28.83% và 17.67% cho ba nước đầu tiên" (sic?? Anh, Bỉ, Đức??).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 470.

"Pháp được tham dự năm đầu là 4.8 đơn vị, năm thứ hai 5.8 và năm thứ ba 6.4 trong cái tổng số chung đã tăng thêm số phần trăm như vậy, nghĩa là bằng 104.8, 105.8 và 106.4 đơn vị.

Năm 1905, người ta thỏa thuận được cả với Mỹ nữa và năm sau... đưa được Áo và các nhà máy An-tô-xơ Kho-rơ-nô-xơ ở Tây-ban-nha vào liên minh này. Trong lúc này, việc phân chia thế giới đã xong, và những người tiêu thụ lớn, trước tiên là ngành đường sắt của nhà nước, có thể sống như nhà thi sĩ trên thiên cung của Giuy-pi-te, vì thế giới đã phân chia xong rồi và người ta không đếm xỉa gì đến những lợi ích của họ"<sup>1)</sup> (tr. 99 - 100).

Về "I-u-nai-tét Xtây-tơ xtin coóc-pô-rây-sơn", có một vấn đề vẫn còn chưa được giải quyết: liệu S. Svốp đúng khi ông nói là các mỏ sắt vùng hồ Thượng (phần lớn do "xtin coóc-pô-rây-sơn" mua rồi) sắp sửa sẽ trở thành những mỏ *duy nhất*, hay Các-nê-gi đúng khi nghĩ rằng ở Mỹ, vẫn còn có thể tìm ra vô khối mỏ quặng sắt.

Phần của "xtin coóc-pô-rây-sơn" trong sản xuất của Mỹ (tr. 275) là:

	1901	1908
Tổng sản lượng quặng sắt . . . . .	43.9%	46.3%
" " gang (Roheisen) . . .	42.9	43.5
" " thép . . . . .	66.3	56.1
" " thép dát . . . . .	50.1	47.1 <sup>2)</sup>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 470 - 471.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 406.

**ĐỀ CƯƠNG CUỐN "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC,  
GIAI ĐOẠN TỐT CÙNG  
CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN"**

*"Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản".*

(Khái luận phổ thông)

Để đối phó với sự kiểm duyệt: đại thể là: "Những đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện nay (hiện đại, ở giai đoạn hiện đại của nó)".

1. Giai đoạn *đặc thù* của chủ nghĩa tư bản ở thời đại chúng ta.

Chủ đề: nghiên cứu nó, phân tích, những kết luận.

2. *Sự phát triển của nền sản xuất lớn. Sự tích tụ sản xuất.*

{ Thống kê 1882 – 1895 – 1907 ở Đức  
" " 1900 – 1910 ở Mỹ

Idem về nước Nga ("Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản"?).

**Thống kê của Hai-măn...** β 108 [226 - 227] <sup>1)</sup>

Các chi nhánh (ngân hàng) và sự phát triển của chúng: α 15 [16].

Tư bản các công ty cổ phần của Đức: α 22 [22].

"Liên hợp": Hin-phéc-đinh 9 4 và 5 [397 - 402]

(tr. 285, 358).

Sự tích tụ trong công nghiệp than đá ở Đức: γ 26 [259 - 260]. *Đặc biệt* là α 7 - 8 [8 - 11].

Một kỷ nguyên mới của sự tích tụ: β 11 [75].

Sự tích tụ kỹ thuật và tài chính. NB

β 102 - 3 [216 - 221].

<sup>1)</sup> Số trang đóng trong ngoặc vuông là số trang trong tập này.

3. *Những các-ten và tơ-rôt.*

(2) <sup>1)</sup> Những con số tổng quát: Líp-man: α 40 [36 - 38]. Rít-xơ 9 8 [430-435]. Ta-phen β 37 [110].

(1) Những thời kỳ phát triển: Líp-man.

Phô-ghen-stanh: α 33 - 34 - 35 [57 - 58 -59].

(4) Kỹ thuật: Ta-phen: β 38 [110-112].

(5) "Sự cưỡng bách vào tổ chức:" Kê-xtơ-nơ. α 23 [22 - 23] và tiếp, 27 [24 - 25], đặc biệt là 28 [26 - 27].

Tính cố định (khó rút ra) của tư bản cố định. Hin-phéc-đinh 9 4 [397 - 399] (tr. 274).

Thương gia = đại diện: Hin-phéc-đinh 9 5 [398 - 401]

(tr. 322).

Ví dụ: Xi-măng: β 99 [210 - 211].

(3) Phần của "I-u-nai-tét Xtây-tơ xtin coóc-pô-rây-son": γ 28-29 [262-264]. β 104 [221-223]. α 40 [36-38]. ι 8 [454].

3 bis. *Những cuộc khủng hoảng? Sự phát triển không cân đối giữa nông nghiệp và công nghiệp.*

(6) Những cuộc khủng hoảng và *những độc quyền*: β 78 [171-173] (I-ây-đen-xơ). β 90 [189-191] (nhất là in fine).

Vận may, bất trắc, phá sản: ι 11. 12 - 13 [456-458].

4. *Độc quyền.*

(2 bis) % sản xuất chiếm được: Phô-ghen-stanh. Kê-xtơ-nơ: α 23-4 [22-23].

5. *Những các-ten quốc tế. "Sự phân chia thế giới" giữa chúng với nhau.* Xem Hin-phéc-đinh 9 5 [398 - 401] (tr. 491).

<sup>1)</sup> Những con số đóng trong ngoặc là do V. I. Lê-nin ghi sau bằng bút chì.

- 6<sup>1)</sup>. Số liệu tổng quát: Líp-man.
5. 5. Tơ-rốt thuốc nổ: α 39 [36 - 37].
2. 4. Dầu hỏa: β 13 [79 - 80]. β 64 [145 - 147]. β 87 [186-187]. β 92 + 93 [193 - 195 + 195 - 197].
3. 3. Vận tải đường thủy: 9 Rít-xơ 9 10 [436 - 437].
4. 2. Các-ten làm ray: 9 Rít-xơ 11 [440 - 441]. Phô-ghen-stanh: γ 28 [262]. – Béc-glung, trang 169.
1. NB: Tơ-rốt điện lực. "Die Neue Zeit", 1912: 9 7 - 8 [402 - 406] (xem 9 Rít-xơ 1 [409 - 411]). + β 64 [145-147]. β 89 [188 - 190].
- Việc buôn bán kim loại: α 11-12 [12-14].*
- "Txin-cơ-huyết-ten-phéc-ban-đơ": 9 Rít-xơ 13 [438].
7. Tổng kết và ý nghĩa.
6. *Những ngân hàng.*
- o. Vai trò chung của chúng. Xem Hin-phéc-đinh: 9 3 [396 - 398] (tr. 105) và 9 4 [397-399] (tr. 108, tr. 116).
6. "*Hình thức của sản xuất xã hội và của phân phối xã hội*" (Mác). Hin-phéc-đinh 9 4 [397 - 399] (tr. 262). NB: β 41 [116-118] **in fine**.

Sự phát triển của những ngân hàng Anh:  
β 95 [199-202]

1. Sự tích tụ của chúng: 9 Rít-xơ 1. 5 [409 - 411. 417 - 418]. γ 5 [234 - 235] Pháp; β 99-100 [209 - 214]; β 7 [69 - 70] (300 triệu: 300 người); β 13 [79 - 81]. (β 78 -9 [171 - 174] – I-ây-đen-xơ). α 45 và 48 + 1 [41 - 43 và 48 - 50 + 50].
4. Thư từ: 9 Rít-xơ 2 bis [416].
5. Tài khoản: γ 5 [234 - 235].
2. Các chi nhánh: 9 Rít-xơ 13 [421]. (β 50 [128 -

<sup>1)</sup> Về sau V. I. Lê-nin mới viết thêm hai cột số này bằng bút chì.

- 129) – Nga). β 66 [147 - 151] (Pháp). β 67 [151-155] (Anh). *Các ngân hàng ở Nga (1905 và sau đó): β 42 và 43 [118 và 119].*
- Các ngân hàng và sổ giao dịch: Hin-phéc-đinh. 9 Rít-xơ 3 [413-414] + β 10 [73 - 75]. (NB: α 42 [33 - 35]) ((α 42 [33 - 35])). α 46 [43 - 46]. 3. Các ngân hàng và những viên chức: 9 Rít-xơ 3 [413 - 414]. β 66 [149 - 151]. β 100 [213 - 215]. α 43 [37 - 40]. 5 bis. Các ngân hàng và bưu điện: β 3 [64 - 65].
- " " " " những quỹ tiết kiệm: β 15 [83 - 84].
7. *Các ngân hàng.*
7. Hợp nhất với công nghiệp. Hin-phéc-đinh: Mác, II, 79 (9 3 [396 - 397]). β 80 - 81 [174 - 178] (I-ây-đen-xơ).
8. Các ủy viên của các hội đồng giám sát etc. Hin-phéc-đinh: 9 4 [397 - 399] (tr. 159. 162). – 9 Rít-xơ 7 [427 - 429]. – β 79 [172 - 174] (I-ây-đen-xơ). β 81 [175 - 178] (α 41 [32 - 34] ví dụ – thư của ngân hàng gửi công ty công nghiệp).
9. "Tính chất vận năng" (I-ây-đen-xơ): β 81/2. 83. 84 - 7 [175 - 180. 180 - 181. 181 - 188]. β 88 [187-188]. (Vai trò kỹ thuật.) β 90 [189 - 191]. β 99 [209 - 212]. NB. Các ngân hàng có xu hướng tiến tới độc quyền. *Hin-phéc-đinh: 9 4 [397 - 399] (tr. 278). α 48 [47 - 51].*
8. "*Tư bản tài chính*".
1. "Sự tham dự". β 96 - 7 [202 - 207] (β 53 [130 - 132]). β 46 và 47 [122 - 124] (Đức. "*Đôi-sơ ban-cơ*"). β 56 [134- 136]. β 94 [196- 200]. ι 11 [456].
- || NB ví dụ về phân phối cổ phần: β 65 [146 - 148] ||
- ad § III. "Sự tham dự" vào các ngân hàng của Nga: β 49 (và 48) [124 - 128 (và 123 - 125)].
2. "Sự liên kết chằng chịt".

3. "Các công ty con". β 9 [71 - 73]. β 105-6 [223 - 227]  
 ι 7. 9 [452 - 453 - 454].  
 Sự lừa đảo.  
 Tô nhượng.  
 Mua chuộc.
7. "Phéc-ke-rơ-xơ-ru-xơ" và đất đai thành phố: β 12  
 [75 - 80] + β 94 [197 - 200].  
 (Sự đầu cơ các khoảnh đất): β 15 - 16 [83 - 86].
8. Các giám đốc các ngân hàng và các quan chức  
 (chính phủ): nước Nga β 50 - 51 và 53. 55 [128 - 130]  
 và 130 - 132. 133]. β 95 - 96 [199- 207]. β 99 [209 - 212].
4. **Việc chạy đua mở các xí nghiệp nhằm mục đích  
 đấu cơ:** "*Lợi nhuận sáng lập*": Hin-phéc-đinh:  
 9 5 [398 - 401] (tr. 336). Ly-dít: γ 19. 20 [251- 253. 253  
 - 254]. + β 65 [146 -148]. Một ví dụ của Đức: β 8 [70 -  
 72].
- Công trái nước ngoài: Ly-dít γ 19 - 20 [252 - 254]. α 2  
 [51 -52]. (của Đức) β 14 [81 - 83].
9. **Thống kê phát hành chứng khoán** (1910 -12): 9 9  
 [406 - 408]. ι 23 [464 - 465]. (*Idem* từ năm 1871):  
 β 17 và 68 [86 - 88 và 154 - 158]. β 68 [154 - 158] (Nây-  
 mác-cơ và Txi-ôn-lin-gơ). α 47 [46 - 48] (ad § 18).
6. Lợi nhuận do phát hành chứng khoán: α 38 [32-33].  
 ι 3. 5 [448 - 450. 451 - 452]. β 14 [81 - 83].
5. NB: "Những sự điều chỉnh". Hin-phéc-đinh:  
 9 [398] (tr. 172). Stin-lích: α 38 và 41 [32 - 34]. Líp-  
 man: ι 3 [448 - 450]. Lịch sử tài chính của Pháp: λ  
 2- 3 [531 - 532].
9. **Xuất khẩu tư bản** (§ IV).  
 Lời nói đầu? Sự tăng lên của tư bản và những mâu  
 thuẫn của nó.  
 Sự { Hốp-xơ χ 9 [492 - 494]  
 tăng { Lê-quya-rơ: γ 5 [234-235]. β 67 [151 - 155]  
 lên { (Mê-ren-xơ). β 69 [157- 160] (Nây-mác-cơ).

Quy mô: Nây-mác-cơ (β 68 và 69 [154 - 158 và 157-  
 160]) + 9 *Rít-xơ 14* [444 - 446].  
 Ham-xơ: ξ 3- 5 [342 - 348]. ξ 30 [382 - 383]  
 Ác-nơ-tơ: ε 1 [321].  
 Điu-rích: β 63 [143 - 146].  
 Cau-phman: β 66 [147 - 150].

Sun-txê- Ghê-véc-ni-tơ: α 2 [50 - 52].

Ý nghĩa.

Mối liên hệ với việc xuất khẩu hàng hóa. Xuất khẩu  
 và sự đầu tư tư bản: β 30 [104- 108]. (*Hin-phéc-  
 đinh* 9.) β 100 - 101 [212 - 217] (những khoản tiền  
 vay và sự xuất khẩu). NB. Xem 20<sup>1)</sup>. (Những đơn đặt  
 hàng etc.): β 14 - 15 [81 - 84].

Những cung ứng: β 27 [100-102]. β 28 [101 - 104]. β  
 29 [103- 105].

Các ngân hàng ở thuộc địa: β 65 [146 - 148]. α 30 [27-  
 29]. (+9 *Rít-xơ* 7 [427- 429]).

*Công trái nước ngoài* (? § III ?) (α 2 [50- 52])  
 NB. Tư bản nước ngoài ở Trung-quốc, ở Nhật và các  
 nước khác. β 17 [85 - 89]. Tư bản Đức ở Nga: γ 42 [289  
 - 290] (xem β 58 [136 - 138]). α 31 [54 - 55]. η 13 [392].  
 Tư bản nước ngoài ở Ác-hen-ti-na và các nước khác.  
 β 29 [103 - 105] và β 30 [104 - 108].

Ca-na-đa: β 94 [197 - 200].

"*Bán phá giá*": bán đi đâu? bán ở đâu?  
 cho § VII? xem 16<sup>2)</sup>

10. **Những thuộc địa.**

Ý nghĩa chung của các thuộc địa: nông nghiệp β 18  
 [88- 90].

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 274.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 273.

Công trái thuộc địa ι 21 [464].

Các ngân hàng thuộc địa: ϑ Rít-xơ 7 [427 - 428].

Ý nghĩa xã hội của các thuộc địa. Van: γ 27 [260- 261].

Nguyên liệu: β 18 [88- 90].

Nơi tiêu thụ: xuất khẩu sang các thuộc địa. β 20 [91 - 94].

Bóp nghẹt công nghiệp và phát triển nông nghiệp etc. 24 - 5 [97- 100]. (Ấn-độ và các nước khác) β 26 [99 - 101].

Mỹ ở Phi-líp-pin: β 26 [99 - 101].

**Anh: Xuy-ê:** α 44 [40 - 42].

(1) Những độc quyền – (các nguồn nguyên liệu).

(2) Xuất khẩu tư bản (tô nhượng).

*Tư bản tài chính* = sự thống trị.

#### 11. Sự mở rộng các thuộc địa.

Mô-ri-xơ: γ 47 [293- 294] và tiếp.

1860	} χ 2 - 3 [488- 491]
1880	
1900	

#### 12. "Sự phân chia thế giới": 1876 và 1914 (các thuộc địa).

ξ 5- 7 [346- 353]. Chế độ bảo hộ thực sự của Anh đối với Bồ-đào-nha, Na-uy, Tây-ban-nha (NB): β 21 - 22 - 23 [93 - 94 - 98]. Xiêm (ibidem). Ác-hen-ti-na - *Xác-tô-ri-út*, tr. 46 (Ác-hen-ti-na):

ξ 28 [690- 691]. λ 25 [550 - 553] (idem).

NB: (αα Thuộc địa...)

(ββ Nửa thuộc địa...)

(γγ Những nước phụ thuộc về tài chính...) – xem α 31 [53 - 55].

#### 3 13. Sự phát triển không đồng đều và "sự phân chia lại" thế giới.

Anh versus Đức. Crem-mông: ι 35 - 36 [480 - 482]. Nói chung (những phát minh mới) ι 12 - 13 [456 - 458].

Những bằng phát minh: λ 28 [554- 555].

Pháp versus Đức. Tê-ry: γ 3 [231- 233].

Hu-be: γ 22 [255- 256]. Be-ra: γ 24 [256- 257].

Mỹ, Anh và Đức. "Vorwärts" 1916. μ 1 [563- 565].

*Luân-đôn là thị trường quốc tế và là thế lực hùng mạnh về tiền tệ.* β 4 - 5 [65 - 68] ("3/4 thương mại" etc.) (xem α 46 [43- 45]). (Không phải cho § 7 hoặc 8??)

β 96 [202- 207] (sắt (sản lượng trên thế giới):

1850 - 1910). β 98 [205, 208 - 209] (tiền gửi).

Thủy lực: β 62 [142 - 143].

Dây cáp: β 64 [145 - 147]. ξ 3 [342 - 345].

[[Sắt, thép, thép si-lích: β 99 [209- 212]]].

[α 31- 32 [54- 57]: máu hăng của chủ nghĩa đế quốc Đức!]

Hốp-xơ: 103; 205; 144; 335; 386 [501; 506 - 507; 503 - 506; 520 - 522; 527 - 529].

#### 2 14. Bức tranh những đối sánh trong nền kinh tế thế giới.

R. Can-vơ. (Những sửa đổi.) μ [566 - 568].

Đường sắt. 1890 và 1913. μ [588 - 593]

Đối chiếu sự phát triển của đường sắt với sự phát triển của ngành luyện thép. μ [594]

Chương VII. 127 - 146 - 162<sup>1)</sup>.

<sup>1)</sup> V. I. Lê-nin đã nhập § 13, 14 và 15 vào chương VII với trật tự ngược lại; những con số chỉ số trang của bản viết tay cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" của V. I. Lê-nin.

15. *Tổng kết. Những đặc trưng kinh tế (sản xuất) cơ bản của chủ nghĩa đế quốc...*
- |  |   |
|--|---|
| α: Sự tích tụ và những độc quyền.                  | 1 |
| β: Xuất khẩu tư bản (điểm chủ yếu).                | 3 |
| γ: Tư bản ngân hàng và những "mạng lưới" của nó.   | 2 |
| δ: Những kẻ độc quyền sản xuất phân chia thế giới. | 4 |
| ε: Idem - thuộc địa.                               | 5 |
- Định nghĩa của C. Cau-xky.* δ [316] versus:
- Tính chất không đầy đủ của định nghĩa của Hin-phéc-đinh:  
 § 5 [398- 401] (tr. 388) xem v 6 [401 - 402] (tr. 495).  
*P. Lu-i* vào năm 1904: γ 43 - 5 [290 - 292].  
 Sự khác biệt với chính sách thuộc địa cũ. γ 1. 36.  
 40 [487 - 488. 517 - 519. 520 - 523].  
 Định nghĩa hay là khái niệm của Hốp-xơn. γ 11 [495 - 497]. γ 13 - 14. 17 [497 - 499. 501]. γ 32 [514 - 515].
- Chương IX. 162.
16. *"Chính sách kinh tế của tư bản tài chính" và sự phê phán chủ nghĩa đế quốc?*  
 "Bán phá giá".  
 "Chính sách thuế quan bảo hộ" - sự phát triển của nó ở Anh, Bỉ, Hà-lan, β 19 [89 - 92].  
 Ý nghĩa mới của những thuế quan bảo hộ. *Ăng-ghe-n* trong trước tác của Hin-phéc-đinh. § 5 [399-401] (tr. 300).  
 Báo lược. γ 11 [494 - 497] (những sự thôn tính). 42 [523 - 525].  
 β 97 [205- 207]: xuất khẩu và tư bản tài chính.
17. *Quay trở lại sự cạnh tranh tự do hay tiến lên thẳng chủ nghĩa tư bản?* Hin-phéc-đinh: § 6 [401-402] (tr. 567 NB).
18. *Sự ăn bám và "sự mục nát" của chủ nghĩa tư bản.*

*"Nhà nước thực lợi"...* (α 2 [50 - 52]). α 3 [51 - 54]. β 30 [105 - 107] (năm nước chủ nợ). (!!) β 95 [200 - 203] (Đức). λ 19 [542 - 545] (nước chủ nợ). λ 21 (22 - 3) [545 - 547 (547 - 550)]. λ 25 [551 - 553]. γ 26. 27. 28. 29 [552 - 556]. γ 46 - 48 [527 - 530]. γ 18. 21. 25. 34 [501 - 503. 503 - 505. 507 - 508. 515 - 516]. γ 9 [492 - 494] (15%) và 10. 39 [493 - 495. 520 - 522] Hà-lan. γ 14 [243 - 245] (Mô-xơ).

*Hin-đê-Brăng* = lo sợ cho chế độ độc quyền: β 34 [107 - 109] và tiếp.

Công nhân nước ngoài ở *Đức* (thống kê, 1907).

Công nhân nước ngoài ở *Pháp*. δ 8 [307- 309].

Sự di cư và nhập cư γ 5 [492 - 493].

Thống kê phát hành chứng khoán lấy từ § 8 ra

NB: Xác-tô-ri-út ξ 29 [692- 694].

- 1) 19. *"Chủ nghĩa siêu đế quốc" hay "chủ nghĩa đế quốc quốc tế"?*  
 γ 7 [522- 523] (xem λ 20 [544- 546]).
20. *Cau-xky* và *Hốp-xơn* versus chủ nghĩa Mác.  
 NB. *Cau-xky* versus *A-gát*. β.  
 Xuất khẩu sang Ca-na-đa: λ 20 [545].  
 Buôn bán với các nước độc lập và những nước phụ thuộc. β 100 - 102 [212 - 219].  
*Poóc-tô - Ri-cô*. λ 21 [546 - 547].
21. *Những kẻ chuyên nghề ca tụng chủ nghĩa đế quốc và những nhà tiểu tư bản phê phán chủ nghĩa đế quốc.* Sin-đơ, kẻ chuyên nghề ca tụng: β 27 [100 - 102]. Hin-đê-Brăng: β 35 [108 - 110].  
 Ni-bua α 13 [14 - 16] - γ 25. 27. 30 [508. 509 - 511. 512 - 513] (những người thuộc phái Pha-biêng). 31 [514 - 515]. Líp-man.  
 { Hốp-xơn. γ 1 [487- 488]. γ 15.  
 { 16 [498 - 501]. xem β 40 [113 - 115] về C. Cau-xky.

*Những người Mỹ* chống đế quốc. Pa-tui-ê. γ 11 [238-241]. V. Be-ra nói về Ai-cập: γ 23 [256 - 257]. A-gát: β 41 [116 - 118] và tiếp β 54 [131 - 133]. β 59 [138- 139]. β 60. 61 [140 - 141. 140 - 142].

(*E-své-ghé*. "Đạo đức hóa"; ông ta phản đối: β 94 [197- 200]). β 100 [213- 214]: phản đối Bát-đà. Nây-mác-cơ tán thành "hòa bình": β 69 [158 - 160] (125).

Anh em Pê-rây-rơ tán thành hòa bình toàn thế giới. α 42 [34 - 35].

|| *Những kẻ chuyên nghề ca tụng: Rít-xơ(υ) và Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ* (α 47 [45 - 48]). ||

22. *Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa cơ hội*. Chính sách công nhân tự do chủ nghĩa Anh.

Sự phân liệt dứt khoát của phong trào công nhân. Công nhân lớp trên λ 18 [543]. 22. 22 - 3. 23. 30 [547 - 549. 547 - 550. 548 - 550. 556 - 557]. χ 24 [506 - 508] (205) (sự mua chuộc). [ad. 18?].

2) 23. *Ngoại giao và chính sách đối ngoại* 1871 - 1914 [một đôi lời]. α 3.

...Hin-phéc-đinh υ 6 [401 - 402] (tr. 505)... υ Rít-xơ 11 [440 - 441].

Chính sách đối ngoại của Anh (1870 - 1914)... β 23 [94 - 97].

của Đức: β 97 [205- 207].

Hi-xi-đa: γ 6 [235].

Ở châu Đại-dương: γ 27 [260- 262].

Pa-tui-ê: γ 9 và 10 [237 - 238 và 238 - 239].

*Hin-lơ*: γ 46 [292 - 293].

3) 23 bis: *Chủ nghĩa đế quốc và chế độ dân chủ. Tư bản tài chính và thế lực phản động* (α 31 [54- 55]).

Ni-bua: α 13 [15].

4) 24. *Vấn đề dân tộc* trong thời đại chủ nghĩa đế quốc [đôi lời].

"Những cuộc chiến tranh dân tộc". Pa-tui-ê: γ 12 [240 - 242]. Nước Mỹ và thuộc địa. Pa-tui-ê: γ 10 [238 - 239].

Sự phát triển của phong trào dân tộc. β 28 - 29 [102 - 105].

Hin-đê-Brăng contra phong trào đó. β 35 [108- 110].

Ni-bua: α 13 [15].

Hin-phéc-đinh: υ, χ 17 - 19 - 20 [501 - 502 — 502 - 503 — 503 - 504].

ι 3 [448 - 450].

**Kết luận.** *Địa vị lịch sử của chủ nghĩa đế quốc* (?).

25. *"Sự liên kết chằng chịt" versus "xã hội hóa"*.

{ Sự phát triển mau chóng và tình trạng quá chín  
muỗi... (hai trạng thái song song tồn tại).  
"Sự mục nát" và sự ra đời của cái mới... }

Những ông chủ xưởng máy làm chai lọ: "Die Neue Zeit", 1912 (30,2), tr. 567. Người sáng chế tên là Ô-oen-xơ, chứ không phải là Ô-oen!

Líp-man: α 40 [36 - 38]

Rít-xơ: υ 3 và 10 [413- 414 và 436- 437].

**Xanh - Xi-mông** và **Mác (Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ)**: α 43- 44 [38- 42].

Sự phát triển mau chóng: υ Rít-xơ 9 [434- 435].

Tiến bộ của kỹ thuật và sự hành hạ (Quälerei) tăng lên. Tây-lo và "Việc nghiên cứu động tác". β 70-77 [161 - 171].



Tổng kết và kết luận. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội. NB:

*Chủ nghĩa Lạc quan* [về chủ nghĩa cơ hội?].

Những độc quyền và sự cạnh tranh tự do - ngân hàng và xã hội hóa. –

Sự liên kết chằng chịt và sự xã hội hóa - sự phân chia thế giới và những sự phân chia lại. –

"Quá độ" sang ...cái gì? β 84 [181- 184].

Tsiéc-ski ủng hộ các-ten (phản đối tư-rốt): ông ta sợ: β 104 [221- 223].

Tính chất không đầy đủ của định nghĩa của Hin-phéc-đinh. § 15. (Vào đây chăng?)

### BỔ SUNG THÊM VÀO ĐỀ CƯƠNG CUỐN SÁCH<sup>1)</sup>

(b) 3 mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản: 1) sản xuất xã hội và chiếm hữu tư nhân, 2) sự giàu có và sự nghèo túng, 3) thành thị và nông thôn, inde – xuất khẩu tư bản.

(a) Sự khác biệt của nó với xuất khẩu *hàng hóa*.

Những điểm khác biệt của chính sách thuộc địa **hiện đại**:

(1) độc quyền (nguyên liệu)

(2) – (về dự trữ ruộng đất)

(3) (sự phân giới – "tự cung tự cấp") – độc canh: β 25 [99].

(4) (xuất khẩu tư bản)

(5) tô nhượng và v. v..

- |   |    |
|---|----|
| 1. Ý nghĩa xã hội (sự thống trị (Hin-phéc-đinh, 511)).<br>Hin-phéc-đinh NB xem <i>V a n</i> . | NB |
| 2. Sự phụ thuộc của các nước "độc lập".   |    |

<sup>1)</sup> Toàn bộ phần bổ sung dưới đây thêm vào đề cương cuốn sách đều bị V. I. Lê-nin gạch đi bằng bút chì.

tr. 14, giữa, "chế biến nguyên vật liệu"? Công nghiệp nguyên liệu? + (NB) (trong "Die Neue Zeit"). Nói thêm về tư-rốt trong công nghiệp **hóa chất**. Nói thêm về "sự ấu trĩ" của tạp chí "Die Bank" trong § về tập đoàn đầu sỏ tài chính.

### ĐỀ CƯƠNG CỦA MỘT SỐ CHƯƠNG TRONG SÁCH

III. Lợi nhuận sáng lập và lợi nhuận do phát hành chứng khoán

Những sự chỉnh lý

Đất đai thành thị

Ngân hàng và chính phủ

Thống kê phát hành chứng khoán

VI. 1. Xu-pan. % % 1876. Idem 1900.

2. Mô-ri-xơ.

3. Bảng.

3. *bis*: "các nước phụ thuộc".

4. Thuộc địa trước kia và ngày nay  
xuất khẩu – tiêu thụ  
nguyên liệu  
bóp nghẹt công nghiệp.

VIII. 1. Nhà nước thực lợi.

2. Hộp-xơn 9 và 10 [492-493 và 494-495] (thu nhập do *đầu tư tư bản*): λ 21 [545- 548].

3. Hộp-xơn 30 và 46 - 48 [512 - 513 và 527 - 530].  
Triển vọng.

4. λ 28. 29 [553 - 555. 555 - 556]. λ 24 - 25 [549- 553].

4 *bis*. Tư bản nước ngoài.

5. Giảm tỷ lệ % công nhân sản xuất.

6. Ăng-ghen và *Mác* nói về công nhân Anh.

Ở Pháp có 300 000 công nhân Tây-ban-nha.

Báo "*La Bataille*" (VI. 1916).

IX. *Phê phán chủ nghĩa đế quốc.*

1. Phê phán = những tư tưởng nói chung.
2. Những kẻ chuyên nghề ca tụng. ("Những người thuộc phái Pha-biêng".)
3. Những người dân chủ tiểu tư sản.
4. Cau-xky versus Hốp-xơn. (*C. Cau-xky và Xpéc-ta-to. NB.*)
5. Tiến hay lùi?
6. Cạnh tranh tự do versus thuế quan, bán phá giá etc.
7. Xuất khẩu sang các nước phụ thuộc.
8. Chủ nghĩa siêu đế quốc hay là chủ nghĩa đế quốc quốc tế?
9. Những đặc điểm chính trị của chủ nghĩa đế quốc (ngoại giao)

{ phản động }  
{ áp bức dân tộc }

## X. 1. Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản độc quyền.

- |                        |                        |
|------------------------|------------------------|
| (a) Tư-rốt             | (1) Tư-rốt             |
| (b) ngân hàng          | (2) cướp nguyên liệu   |
| (c) phân chia thế giới | (3) ngân hàng          |
|                        | (4) phân chia thế giới |

## II. Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám hay là chủ nghĩa tư bản mục nát.

- (1) giai cấp tư sản cộng hòa và quân chủ? Mỹ và Nhật?
- (2) chủ nghĩa cơ hội.

đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc mà lại không  
đấu tranh và không đoạn tuyệt với chủ nghĩa cơ hội  
thì như thế là lừa bịp

## III. Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản quá độ hay là chủ nghĩa tư bản giấy chết.

I. và 1 - 4 --

II. - và (1) + (2). "Chủ nghĩa lạc quan" về chủ nghĩa cơ hội. --

III. Sự liên kết chằng chịt versus xã hội hóa.

*Xanh - Xi-mông* và Mác. - *Rít-xơ* về sự phát triển mau chóng. - Quá độ sang cái gì? (β 84 [181- 184] đã có lần như vậy). Tây-lo vào đây chăng?

### ĐỀ CƯƠNG CHUNG VÀ CÁC DẠNG MỤC LỤC CỦA CUỐN SÁCH

- A. 1. Lời mở đầu.
- B. 2 - 15. Phân tích kinh tế (những quan hệ sản xuất cơ bản).
- C. 18. (Sự ăn bám).
- D. 16 - 17. Chính sách kinh tế (chính sách thuế quan).
- E. 19 - 22. Đánh giá (thái độ đối với.., phê phán) chủ nghĩa đế quốc.
- E. 23 - 24. Một số những mối liên hệ và quan hệ chính trị.  
+ 18 sự ăn bám.
25. ΣΣ.

Đại thể là:

- I. Sự tích tụ sản xuất, các tổ chức độc quyền, các các-ten.
- II. Các ngân hàng và tư bản tài chính.
- III. Xuất khẩu tư bản.
- IV. Phân chia thế giới về mặt kinh tế: các các-ten quốc tế.
- V. Phân chia thế giới về mặt chính trị: các thuộc địa.
- VI. Tổng kết = khái niệm về chủ nghĩa đế quốc và chính sách của nó.

VII. Phê phán chủ nghĩa đế quốc.

VIII. Sự liên kết chặt chẽ hay xã hội hóa?

Đến 10 chương, nếu phần II = 2 chương + những phần bổ sung có thể có, lời mở đầu và kết luận.

Đại thể là:

I. Sự tích tụ sản xuất và các tổ chức độc quyền. –	Số	trang	30
II. Các ngân hàng. –	"	"	20
III. Tư bản "tài chính" (và tập đoàn đầu sỏ tài chính). –	"	"	30
IV. Xuất khẩu tư bản. –	"	"	10
V. Phân chia thế giới về mặt kinh tế. –	"	"	10
VI. Idem về mặt chính trị. –	"	"	20- 120
VII. Tổng kết = chủ nghĩa đế quốc (C. Cau-xky). –	"	"	10
VIII. Sự ăn bám. –	"	"	20
IX. Phê phán chủ nghĩa đế quốc. –	"	"	20
X. Xã hội hóa. Ý nghĩa chung của chủ nghĩa đế quốc(?) Địa vị lịch sử của chủ nghĩa đế quốc. –	"	"	10

Σ = 180

- I. Sự tích tụ sản xuất và độc quyền.  
 II. Các ngân hàng và vai trò mới của chúng.  
 III. Tư bản tài chính và tập đoàn đầu sỏ tài chính.  
 IV. Xuất khẩu tư bản.  
 V. Sự phân chia thế giới giữa những liên minh của bọn tư bản.  
 VI. Idem giữa các cường quốc lớn.  
 VII. *Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn đặc thù.*  
 VIII. Sự ăn bám và sự mục nát của chủ nghĩa tư bản.  
 IX.  
 X.

	tr.
I. Sự tích tụ sản xuất và các tổ chức độc quyền. –	3
II. Các ngân hàng và vai trò mới của chúng. –	30
III. Tư bản tài chính và tập đoàn đầu sỏ tài chính. –	58
IV. Xuất khẩu tư bản. –	82
V. Sự phân chia thế giới giữa những liên minh của bọn tư bản. –	91
VI. Sự phân chia thế giới giữa các cường quốc lớn. –	106
VII. Chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn đặc thù. –	127
VIII. Sự ăn bám và sự mục nát của chủ nghĩa tư bản. –	146
IX. Phê phán chủ nghĩa đế quốc. –	162
X. Địa vị lịch sử của chủ nghĩa đế quốc. –	186.

Lê-níp-txun. Đầu đề: "Những đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại".

(α) Lời chú thích số 101 (NB)

(β) Đăng trên tạp chí cũng của nhà xuất bản ấy? <sup>1)</sup>

### TÔN-NÊ-LA. "SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA ĐỨC RA NGOÀI CHÂU ÂU"

E. Tôn-nê-la. "Sự bành trướng của Đức ra ngoài châu Âu". Pa-ri, 1908 (sưu tập các bài báo những năm 1906 - 1908 đăng trên "La Revue de Paris").

Tác giả cho rằng việc chiếm Giao-châu (tr. X- XI) là "sự khởi đầu của một giai đoạn mới" tức là giai đoạn "đế quốc chủ nghĩa" của chính sách thực dân của Đức, (tr. X và tr. XI), và của "chính sách thế giới" (ibidem)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49, tr. 347.

	tr.
Những chương: người Đức ở Mỹ	(1 - 91)
" " " Bra-xin	(91 - 155)
" " " Sơn-đông	(155 - 197)
" " " Nam Phi	(197 - 277)

Ở Bra-xin, – tác giả viết – họ "không Đức hóa nổi, mà chỉ Mỹ hóa được Nam Bra-xin thôi" (tr. 154)

(hình như *chẳng có gì cả*)

(*một chuyện thuật lại*, không hơn không kém, về những người Đức ở nước ngoài nói chung).

### ĐRI-ÔN. "NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ VÀ XÃ HỘI"

Gi. E. Đri-ôn. "Những vấn đề chính trị và xã hội". Pa-ri, 1907.

((Lược khảo lịch sử tổng quát về "những vấn đề": An-da-xơ - Lo-ren, Rô-ma và giáo hoàng, Áo-Hung, Thổ-nhĩ-kỳ, Địa-trung-hải, Ai-cập, "Sự phân chia châu Phi", Trung-quốc, Mỹ (chương XI và phần "Chủ nghĩa đế quốc ở Mỹ" trong chương đó), Liên minh tay ba: Liên minh Pháp - Nga, chương XIV, xem đoạn do tôi trích dẫn <sup>1)</sup>, chương XVI "Vấn đề xã hội và vấn đề đạo đức". Phần lớn là những nhận xét của một nhà sử học và của một "nhà ngoại giao".))

Trích phần "*Kết Luận*":

"Quả thật đặc điểm của thời đại chúng ta là khắp nơi đều sôi động, một sự sôi động trong đó nền hòa bình hiện nay chỉ là một cuộc đình chiến; nhiều người cảm thấy rằng cuộc đình chiến này là dài quá và nhiều người đã không tôn trọng nó: cả thế

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 487-488.

giới đã lâm vào một cơn cuồng nhiệt chưa từng thấy của chủ nghĩa đế quốc, những khát vọng vô liêm sỉ, tham lam, đã trỗi dậy và đang được thực hiện ở khắp nơi; – cuộc đấu tranh giai cấp, gay gắt ở khắp mọi nơi, đang làm rung chuyển cả xã hội, chỉ trong thời gian gần đây, mới có phần dịu xuống; – bản thân nhận thức của con người, bị sự nghi hoặc làm lung lay, cũng đã đến lúc cảm thấy cần có một cái gì vững chắc.

Loài người đang ở trong thời kỳ cách mạng sôi nổi, – cách mạng về lãnh thổ, phân chia lại biên giới, sự tấn công trên những thị trường thế giới lớn, vũ trang quá mức làm như thể mai đây người ta sẽ lăn xả vào nhau để làm cho nhau phá sản và để tiêu diệt lẫn nhau; – cách mạng về xã hội, dựa trên những tình cảm xấu xa nhất, trên lòng căm thù của người nghèo đối với người giàu và trên thái độ khinh bỉ của người giàu đối với người nghèo, làm như thể xã hội vẫn luôn luôn phân chia thành người tự do và nô lệ, làm như thể xã hội đó không hề thay đổi gì từ thời thượng cổ; – cách mạng về đạo đức, một bước chuyển biến vọt vả từ tín ngưỡng tới khoa học, một mối lo âu dần vật đối với những người vốn có lương tâm nhạy bén, một sự tất yếu nặng nề đối với giáo hội là phải từ bỏ chức năng chi phối phần hồn của con người để bắt tay vào giáo dục họ. – Một cuộc cách mạng sâu sắc, ra đời từ cuộc cách mạng của thế kỷ trước, nhưng do những hậu quả nhiều vô kể mà nó mang lại, nó là một cuộc cách mạng còn khủng khiếp hơn nhiều: vì vấn đề không chỉ đơn thuần là vấn đề tổ chức chính trị của các quốc gia, mà là vấn đề những điều kiện vật chất và đạo đức của sự tồn tại của loài người" (393 - 394).

xem  
C.  
Cau-  
xky  
1909

((Và tiếp đó là những chuyện vô vị như: thế kỷ 19 đã làm được nhiều việc, đã giải phóng được các dân tộc etc. etc., nhưng cũng để lại nhiều việc còn phải làm tiếp. "Vì rằng thế kỷ (19) ấy là thế kỷ của khoa học, song nó đã bắt khoa học phục vụ cho bạo lực". Thế kỷ tiếp sau phải là "một trường học về công lý" etc. etc.. Một người theo chủ nghĩa tự do, không hơn không kém. Chính vì thế mà những lời thú nhận mà tôi đã chép ra đây lại càng có tính chất điển hình: ông ta cảm thấy cơn phong ba)).

### CÔN-XÔNG. "CƠ THỂ KINH TẾ VÀ SỰ HỒN LOẠN XÃ HỘI"

C. *Côn-xông*. "Cơ thể kinh tế và sự hỗn loạn xã hội". Pa-ri, 1912.

(những điều ngu dốt phản động. Nil. Nil.)

Tác giả này đã viết một bộ "Sách giáo khoa kinh tế chính trị học" gồm 6 quyển. Những quyển 4-6 gồm có những tư liệu về ngân hàng, thương mại, tài chính, v. v..

Có xuất bản những phụ lục cho những tập đó (từ 4 đến 6) *h à n g n ă m* (1 phrăng), in những số liệu mới.

(Tìm xem)

### RÉT-XLỚP. "NHỮNG NƯỚC PHỤ THUỘC"

Tiến sĩ Rô-béc **Rét-xlớp**. "Những nước phụ thuộc". ("Phân tích khái niệm quyền lực tối cao ban đầu.") Lai-pxích, 1914 (352 tr.). Một công trình thuần túy pháp học. Địa vị – xét về mặt pháp luật nhà nước –

của An-da-xơ - Lo-ren  
 của Phần-lan  
 của Bô-xni-a  
 (X) của Ca-na-đa,  
 (X) của Úc,  
 (X) của Nam Phi.

chỉ có  
 phân tích về mặt  
 pháp luật mà thôi

Xem một số chương (X) thì thấy rằng tác giả trích dẫn những đoạn hay trong các đạo luật nói về *bước tiến triển của tự do* ở các thuộc địa ấy của Anh, những thuộc địa này đang *h à u n h u* đạt được địa vị những nước tự do. Song chúng cũng vẫn là những nước *phụ thuộc*, như tác giả viết, vì chúng không có tự do *hoàn toàn* (tuy rằng tình hình rõ ràng là đang tiến triển theo hướng đi tới đó...)

người ta tự do *nói* về việc tách riêng.  
**Tán thành** nước Anh về các đạo luật...

Dùng để so sánh chủ nghĩa đế quốc (về mặt kinh tế) và độc lập chính trị.

Tình hình *đang tiến triển* theo hướng đi tới một liên bang tự do. Tác giả kết luận rằng Anh đã đem lại chế độ đại nghị, bây giờ đang cho phối hợp chế độ đó với "việc tổ chức quốc gia trong liên bang" (tr. 347). Nghị viện Nam Phi có thể thay đổi được biên giới của từng thuộc địa, có thể hợp nhất một số thuộc địa vào làm *một*. "Nhưng việc đó chỉ được tiến hành khi các thuộc địa hữu quan yêu cầu" (339)...

NB Ở Úc, nghị viện có quyền chia nhỏ các thuộc địa, nó có thể "hợp nhất" những thuộc địa, "song chỉ được tiến hành các biện pháp này khi dân cư hữu quan hoặc nghị viện của họ tán thành" (tr. 335).

( đã có những cuộc trưng cầu dân ý; việc thảo ra hiến pháp với sự đồng ý của tất cả các thuộc địa; – với sự đồng ý của Anh... )

tr. 330, chú thích, ngài *Đíp-xơ* (người Úc) nói một cách tự do về *việc tách ra* khỏi Anh và việc thành lập nước cộng hòa Úc độc lập...

Năm 1900: "Pháp lệnh về việc thành lập Liên bang Úc" (9. VII. 63 và 64. Vích-tô-ri-a)

chỉ là một bài lược thuật đơn giản về sự phát triển của chế độ liên bang và của tự do chính trị ở Ca-na-đa, ở Nam Phi và ở Úc. Bài lược thuật của tác giả rất hay và có thể sử dụng để đả phá những điều ngu si của "phái kinh tế đế quốc chủ nghĩa"...<sup>23</sup>

**CHO CÁC BÀI BÁO:  
"BÀN VỀ KHẨU HIỆU "GIẢI TRỪ QUÂN BỊ"  
VÀ "CƯƠNG LĨNH QUÂN SỰ  
CỦA CÁCH MẠNG VÔ SẢN" <sup>1)</sup>**

"Giải trừ quân bị là đem thiên đi. Giải trừ quân bị là sự than vãn cơ đốc giáo - phản động. Giải trừ quân bị không phải là đấu tranh *chống lại* cái hiện thực đế quốc chủ nghĩa, mà là *trốn tránh* hiện thực đó mà lẫn vào trong cái tương lai tươi đẹp tiếp theo *sau* cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi!!" (xem Vích-to Phi-sơ)...

"Quân sự hóa toàn dân", "nhân dân được vũ trang", ôi bất hạnh! - bây giờ càng ngày người ta lại càng hay nghe thấy nói như vậy. Nhưng chúng ta nói: quân sự hóa toàn dân, nhân dân được vũ trang, lôi cuốn cả trẻ em và có thể cả phụ nữ nữa vào luyện tập quân sự: *càng tốt*, chiến tranh càng mau chóng biến thành nội chiến, thành khởi nghĩa. Ủng hộ ư? Không, chúng ta không ủng hộ các tư-rốt.

Giải trừ quân bị thay cho vũ trang nhân dân.

1. Tiếng nói từ các nước nhược tiểu
2. Phản đối bất kỳ loại chiến tranh nào?
3. Chiến tranh dân tộc

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 194 - 208 và 170 - 185.

4. "Luận cương"
5. Nội chiến
6. Chiến tranh xã hội chủ nghĩa
7. Giai cấp bị áp bức?
8. Nhượng bộ chủ nghĩa cơ hội?
9. Chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa Cau-xky không phải là ở đó
10. Quân sự hóa toàn dân
11. Công xã
12. Thứ nhất, đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa Cau-xky
13. Thứ hai, cương lĩnh cụ thể
14. Thứ ba, "những yêu sách" thực tế
15. Hai đường lối ở Thụy-sĩ

Về vấn đề "Đội dân cảnh hay là giải trừ quân bị?"

I. Giải trừ quân bị *hay là* tước bỏ vũ khí *hay là* một cái gì đó đại thể như vậy? (thay cho đội dân cảnh).

II. Giai cấp bị áp bức không thiết học tập và nắm vững nghệ thuật quân sự? (Ăng-ghe-n trong "Chống Duy-rinh" nói về con đường đi tới sự tiêu vong của chủ nghĩa quân phiệt)<sup>24</sup>.

III. Nhượng bộ chủ nghĩa cơ hội hay là không khéo thì dễ sa vào chủ nghĩa cơ hội?

Không phải ở đây, không phải ở điểm này.

+ chính là lảng tránh cách mạng	Tất cả các cải cách dân chủ đều thúc đẩy điều đó (Nền cộng hòa. Tách nhà thờ ra khỏi nhà nước etc.)... Ngoại lệ (nước Mỹ)... Cuộc đấu tranh chung, toàn diện, chống chủ nghĩa cơ hội công khai và trá hình (chủ nghĩa Cau-xky).
---------------------------------------	---

+ chủ nghĩa đế quốc ở Thụy-sĩ (Na-khim-xôn)	Truy nã địch (chủ nghĩa cơ hội) khắp nơi và sát nút. Thay đổi cương lĩnh. Không <i>ủng hộ</i> đội dân cảnh Thụy-sĩ (nhất là sau 1907).
---	--

IV. Thực tiễn. Những công thức hay là thực tiễn cách mạng? Hiện nay, ngay lập tức, tuyên truyền cho giải trừ quân bị hay cho tước bỏ vũ khí? Hồ đồ! Ung hộ cuộc đấu tranh cách mạng ở các nước láng giềng, việc biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến. 20 000 x 2 pơ-phê-ních<sup>1)</sup> = 20 000 phrăng trong một năm. 3 tờ báo, việc phân phối chúng.

**VỀ CUỐN SÁCH CỦA DẮC "NGƯỜI ĐỨC VÀ TƯ BẢN ĐỨC TRONG NỀN CÔNG NGHIỆP NGA"**

"*Jahrbücher für Nationalökonomie etc.*" (Côn-rát) bộ thứ III. Tập 49 (1915. I), tr. 351.

Một bài báo ngắn (trong phần "Những vấn đề linh tinh") của Van-đê-cơ về một cuốn sách Nga của A. N. Dắc. "Người Đức và tư bản Đức trong nền công nghiệp Nga" (Xanh Pê-téc-bua, 1914) – (Dắc = giám đốc ngân hàng trung ương của các công ty tín dụng tương hỗ).

Tổng số tư bản cổ phần ở Nga:

	Của Nga	Của nước ngoài	Σ
tôi	1903 – 41.7 triệu rúp	+ 16.8	= 58.5
lược	1904 – – 92.5	26.7	119.2
gọn	1905 – – – 64.3	8.0	72.3
lại	1910 – – – 190.5	33.7	224.2
	1912 – – – 371.2	30.3	401.5

số công ty của Nga... 1 237 tư bản = 410.3 ("đang hoạt động" của nước ngoài... 196 ở Nga)

<sup>1)</sup> Đơn vị tiền tệ của Đức trị giá bằng 1% mác.

Những ban tổng giám đốc của các công ty ấy đóng ở:

Đức	--- 24 công ty	Thụy-sĩ..... 6
Thụy-điển	--- 3 " "	Ý..... 1
Anh	--- 33	Áo..... 3
Hà-Lan..... 2		Thổ-nhĩ-kỳ..... 1
Bỉ..... 70		Mỹ..... 6
Pháp..... 48		

**Các ngành công nghiệp**

	Tư bản Đức	Lợi nhuận của nó
		triệu rúp
1) luyện kim..... 20 (1912)		5.5
2) chế tạo máy..... 11.5		
3) cơ khí..... 33.5		
4) xút..... 1/2 toàn bộ tư bản		
5) điện..... 50		
6) kỹ thuật điện..... 57		
7) hơi thấp sáng..... 12.5 = 71.8% toàn bộ tư bản; + 12.6% của Pháp + 7.4% của Bỉ + 8.2% của Nga		
8) dầu hỏa ("Đôi-sơ ban-cơ")... 20		
9) dệt..... (34 – 50% ở tỉnh Mát-xcơ-va và các tỉnh vùng Pri-ban-tích).		

=====  
không có Σ của tác giả

**PÔN LU-I. "KHÁI LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"**

"Le Mercure de France", tập 50. Tháng Tư. Pa-ri, 1904. *Pôn Lu-i*. "Khái luận về chủ nghĩa đế quốc", tr. 100 và các trang tiếp.

|| "Chủ nghĩa đế quốc là hiện tượng chung của thời đại chúng ta; thậm chí nó lại còn là một trong những nét đặc

trung nhất của đầu thế kỷ XX, và ít dân tộc thoát được ảnh hưởng của nó.

Hiện nay, thế giới đang trải qua kỷ nguyên của chủ nghĩa đế quốc, đúng y như nó đã trải qua cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tự do, cuộc khủng hoảng của chính sách thuế quan bảo hộ, cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa thực dân, — đúng y như nó đã phải chịu sự căng thẳng chung của các lực lượng dân tộc, và cũng đã 10 năm nay, nó được chứng kiến sự lan truyền khắp nơi và những bước tiến ngày càng lớn của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời tất cả những yếu tố ấy, tất cả các mặt ấy của đời sống nhân loại đều gắn bó chặt chẽ với nhau; chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội, ở một mức độ rất rộng, là mâu thuẫn cơ bản của thời đại chúng ta. Xác định mâu thuẫn ấy tức là hầu như xác định những nguyên lý cơ bản của cả chủ nghĩa đế quốc lẫn chủ nghĩa xã hội" (100).

..."Chủ nghĩa đế quốc đều thắng lợi như nhau ở Anh và Mỹ, ở Nhật và ở đế quốc Nga, ở Đức, ở Pháp và ở Ý" (100-101)...

"Nó (chủ nghĩa đế quốc) biểu hiện ở mọi nơi như là một cố gắng cuối cùng của chủ nghĩa tư bản để duy trì của cải của mình, sự thống trị chính trị của mình, quyền lực xã hội của mình. Cố gắng ấy đòi hỏi phải đi chinh phục những lãnh thổ, mở rộng những lãnh địa bằng bạo lực hoặc bằng con đường hòa bình, đóng cửa các thị trường, thiết lập một đế quốc khép kín" (101).

Những cuộc chiến tranh 1820 - 1848 đều gắn liền "với sự thành hình các dân tộc lớn, Đức và Ý" (102)...

..."Chủ nghĩa đế quốc kết hợp giữa chủ nghĩa thực dân với chính sách thuế quan bảo hộ" (105)...

"Phải nghiên cứu nó (chủ nghĩa đế quốc) chủ yếu là ở Anh; ở đó, chủ nghĩa đế quốc đã tìm thấy thiên đường của nó" (106)...

Và bên cạnh Anh, những cái dưới đây đã phát triển

(1) sự cạnh tranh của Pháp, Đức, Mỹ, Nhật

(2) cuộc đấu tranh giành thị trường thuộc địa (của châu Âu và của bản thân các nước thuộc địa)

(3) đội tàu buôn của các nước khác

|| "Chủ nghĩa đế quốc đã ra đời từ ba nhân tố đã được xác nhận ấy" (107).

(Cuộc vận động của Sem-bóc-lin. Liên bang đế quốc etc.)

Cũng vậy đối với Mỹ, – Nga, – Đức, – Nhật (109).

(Inde – sự trầm trọng thêm của chủ nghĩa dân tộc etc.)

"Chủ nghĩa dân tộc dung hợp với chủ nghĩa đế quốc"... có nguy cơ làm nổ ra những cuộc chiến tranh etc. (112).

Song những cuộc chiến tranh ấy "sẽ giáng một đòn quyết định vào chế độ xã hội của những nước tham gia những cuộc chiến tranh ấy" (113).

Điều đó sẽ dẫn tới sự hình thành các đế quốc khổng lồ - sẽ dẫn đến sự bất bình ngày càng lớn của giai cấp công nhân (113), "của quần chúng"... (113) (vật giá đắt đỏ etc. etc.)

"Là con bài cuối cùng của thế giới tư bản chủ nghĩa, là hang ổ cuối cùng của thế giới tư bản chủ nghĩa, để tránh khỏi sự phá sản và sự suy sụp tự phát đang lao tới nó như một định mệnh không gì khắc phục được, chủ nghĩa đế quốc cũng là một người thợ xuất sắc, tuyệt vời tạo nên cách mạng" (114).

(Hết bài báo ngắn)

### HIN-LƠ. "LỊCH SỬ NGOẠI GIAO TRONG SỰ PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ CỦA CHÂU ÂU"

Đa-vít Giê-nơ *Hin-lơ* trong cuốn sách của mình "Lịch sử ngoại giao trong sự phát triển quốc tế của châu



Âu" (các tập I – III. Tập I, lời tựa đề ngày 1. II. 1905)

hứa là trong những tập sau sẽ đề cập đến

"nền ngoại giao trong thời đại chế độ chuyên chế, trong kỷ nguyên của cách mạng, của phong trào lập hiến và của chủ nghĩa đế quốc thương mại, và như vậy trình bày lịch sử của sự phát triển quốc tế cho đến tận ngày nay" <sup>1)</sup> (tr. X).

### MÔ-RI-XƠ.

#### "LỊCH SỬ CÔNG CUỘC DI THỰC"

Hen-rích C. Mô-ri-xơ. "Lịch sử công cuộc di thực". Niu-Oóc, 1900. 2 tập.

Lược khảo lịch sử từ thời kỳ xa xưa nhất đến năm 1899.

Những bảng thống kê đáng lưu ý:

Sự phát triển hiện nay của thực lực thuộc địa của Pháp

(tr. 419. I)

	<u>1815 - 30</u>	<u>1860</u>	<u>1880</u>	<u>1890</u>	<u>1899</u>
Châu Á	197	197	69 147	201 000	363 027
Châu Phi	1 034	185 650	624 624	2 128 814	3 320 488
Châu Mỹ	16 000	48 011	48 011	48 043	48 011
Châu Đại-dương	-	8 000	8 565	9 135	9 220
(Diện tích tính theo dặm vuông)	17 231	241 858	750 347	2 386 992	3 740 746

	<u>1815 - 30</u>	<u>1860</u>	<u>1880</u>	<u>1890</u>	<u>1899</u>
Châu Á	179 000	221 507	3 333 500	18 000 000	22 679 100
Châu Phi	95 000	2 800 000	3 702 482	16 800 000	33 257 010
Châu Mỹ	225 000	300 000	391 084	372 805	383 750
Châu Đại-dương	-	50 000	93 831	72 300	82 000
(Dân số)	499 000	3 371 507	7 520 897	35 245 105	56 401 860

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 530.

#### Idem của Anh (II, 88)

	<u>1815</u>	<u>1860</u>	<u>1880</u>	<u>1890-1891</u>	<u>1899</u>
Châu Âu		1 163	127	119	119
Châu Á	875 797	963 384	1 827 228	1 827 579	
Châu Phi	129 976	278 446	341 858	367 928	
Châu Mỹ	954 170	3 359 243	3 768 818	3 952 572	
Châu Úc	580 134	3 083 770	3 175 153	3 175 840	
(Diện tích tính theo dặm vuông)	2 541 240	7 684 970	9 113 176	9 324 038	
Châu Âu	340 000	386 557	175 186	191 417	204 421
Châu Á	124 200 000	137 279 105	256 148 625	288 436 340	291 586 688
Châu Phi	243 500	835 650	2 717 816	4 963 062	4 931 780
Châu Mỹ	1 599 850	4 226 744	6 016 077	6 708 042	7 260 169
Châu Úc	25 050	2 401 024	2 877 440	4 416 843	5 009 281
(Dân số)	126 408 400	145 129 080	267 935 144	304 715 704	308 992 339

Tác giả đã lấy những số liệu trong "The Statesman's Year-Book" năm 1900 để làm bảng thống kê sau đây, II, 318:

	Số thuộc địa	Diện tích (tính theo dặm vuông)		Dân số	
		Chính quốc	Thuộc địa etc.	Chính quốc	Thuộc địa etc.
Vương quốc liên hợp Anh	50	120 979	11 605 238	40 559 954	345 222 339
Pháp	33	204 092	3 740 756	38 517 975	56 401 860
Đức	13	208 830	1 027 120	52 279 901	14 687 000
Hà-lan	3	12 648	782 862	5 074 632	35 115 711
Bồ-đào-nha	9	36 038	801 100	5 049 729	9 148 707
Tây-ban-nha	3	197 670	243 877	17 565 632	136 000
Ý	2	110 646	188 500	31 856 675	850 000
Áo - Hung	2	241 032	23 570	41 244 811	1 568 092
Đan-mạch	3	15 289	86 634	2 185 335	114 229
(X) Nga	3	8 660 395	255 550	128 932 173	15 684 000
Thổ-nhĩ-kỳ	4	1 111 741	465 000	23 834 500	14 956 236
Trung-quốc	5	1 336 841	2 881 560	386 000 000	16 680 000
Mỹ	6	3 557 000	172 091	77 000 000	10 544 617
Tổng cộng . . . . .	136	15 813 201	22 273 858	850 103 317 <sup>1)</sup>	521 108 791

<sup>1)</sup> Của Mô-ri-xơ là như vậy.

(X) Ở Áo - Bô-xni-a và Ghéc-txê-gô-vin. - Ở Thổ-nhĩ-kỳ - Ai-cập, Bun-ga-ri (và Ru-mê-li-a) và Xa-mốt. - Ở Trung-quốc - Mãn-châu-lý, Mông-cổ, Tây-tạng, "Đgiun-ga-ri-a" và Đông Tuốc-ke-xtan. - Ở Nga, Bu-kha-ra 92 000 dặm vuông. Khi-va 22 300 dặm vuông: ? + ? Càng Lữ-thuận etc.??

điều đó không thấy có trong phần trình bày nội dung (tr. 291-2), phần lớn dựa vào "The Statesman's Year-Book".

Do tôi tính ra <sup>1)</sup>

Anh		Pháp		Đức		Cả ba ΣΣ	
triệu dặm vuông	triệu dân cư						
1815 - 30?	126	0.01	0.5				
1860	2.5	0.2	3.4	-	-	2.7	148.5
1880	7.7	0.7	7.5	-	-	8.4	275.4
1890	9.1	2.4	35.2	1.0	14.5	12.5	354.4
1899	9.3	3.7	56.4	1.0	14.7	14.0	380.1
tối đa 1860-1880 (gạch bỏ 1890)		1880-1890	1880-1890	1880-1890	1880-1890	1860-1880	1860-1880

Sự mở rộng các thuộc địa của Pháp (theo "The Statesman's Year-Book" năm 1900). I. 420

	Năm sáp nhập	Diện tích	Dân số
Châu Á			
Ấn-độ	1679	197	279 100
Trung-kỳ	1884	88 780	5 000 000
Cao-miên	1862	40 530	1 500 000
Nam-kỳ	1861	23 160	2 400 000
Bắc-kỳ (+Lào)	1884-93	210 370	13 500 000
	Tổng cộng. . . . .	363 027 <sup>2)</sup>	22 679 100

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 475.

<sup>2)</sup> Của Mô-ri-xơ là như vậy.

	Năm sáp nhập	Diện tích	Dân số
Châu Phi			
An-giê-ri	1830	184 474	4 430 000
Xa-kha-ra thuộc An-giê-ri		123 500	50 000
Tuy-ni-di	1881	50 840	1 500 000
Tỉnh Xa-kha-ra		1 684 000	2 500 000
Xê-nê-gan	1637	120 000	2 000 000
Xu-đăng	1880	300 000	2 500 000
Bờ biển Ngà etc.	1843	100 000	2 500 000
Đa-hô-mây	1893	50 000	1 000 000
Công-gô và Ga-bông	1884	425 000	12 000 000
Ghi-nê thuộc Pháp	1843	48 000	1 000 000
Ô-bốc và bờ biển			
Xô-ma-li	1864	5 000	22 000
Đảo Rê-uy-ni-ông	1649	970	173 200
Quần đảo Cô-mo	1886	620	53 000
Mai-ốt	1843	140	11 640
Nô-xi Bê	1841	130	9 500
Xanh Ma-ri	1643	64	7 670
Ma-đa-ga-xca	1896	227 750	3 500 000
		3 320 488 <sup>1)</sup>	33 257 010
Châu Mỹ			
Guy-an	1626	46 850	22 710
Goa-đơ-lúp và các đảo lân cận	1634	688	167 100
Mác-ti-ních	1635	380	187 690
Quần đảo Xanh Pi-e và Mi-kê-lông	1635	93	6 250
		48 011	383 750
Châu Đại-dương			
Tân Ca-lê-đô-ni và những đảo lân cận	1854	7 700	53 000
Các đất khác thuộc quyền cai trị của Pháp	1841-81	1 520	29 000
		9 220	82 000
		ΣΣ = 3 740 756 <sup>1)</sup>	56 401 860

<sup>1)</sup> Của Mô-ri-xơ là như vậy.

## Thuộc địa của Đức, II. 304

		<u>Diện tích</u>	<u>Dân số</u>
Châu Đại-dương			
Đất của Hoàng đế Vin-hem	1885/6	70 000	110 000
Quần đảo Bi-xmác	1885	20 000	188 000
" " Xa-lô-mông	1886	4 200	45 000
" " Mác-xan	1886	150	13 000
" " Ca-rô-lin	1899	560	40 000
" " Ma-ri-an	1899	250	2 000
" " Xa-moa		660	12 500
Xa-vai	1899	340	16 600
U-pô-lu	1899		
		<u>96 160</u>	<u>427 100</u>
Trung-quốc			
Giao-châu	1897	200	60 000
Châu Phi			
Đất Tô-gô	1884	33 000	2 500 000
Ca-mơ-run	1884	191 130	3 500 000
Tây Nam Phi			
thuộc Đức	1884/90	322 450	200 000
Đông Phi thuộc Đức	1885/90	384 180	8 000 000
		<u>930 760</u>	<u>14 200 000</u>
		<u>ΣΣ = 1 027 120</u>	<u>14 687 100</u>

Do tôi tính ra:		Ergo:	
(1880 - 1890)	94 350	356 000	1860 - 0 - 0
	930 760	14 200 000	1860 - 0 - 0
	<u>1 025 110</u>	<u>14 556 000</u>	1890 - 1 025 110 14 556 000
(1890 - 1899)	1 810	71 100	
	200	60 000	
	<u>2 010</u>	<u>131 100</u>	
	<u>1 027 120</u>	<u>14 687 100</u>	1899 - 1 027 120 14 687 100

## Thuộc địa của Anh, II. 88

		<u>Diện tích</u>	<u>Dân số</u>
Ấn-độ			
Ấn-độ thuộc Anh	1601-1856	1 068 314	221 172 952
Các công quốc chư hầu		731 944	66 050 479
		<u>1 800 258</u>	<u>287 223 431</u>
Châu Âu			
Gi-bran-ta	1704	2	24 093
Man-tơ và Gô-txô	1800	117	180 328
Châu Á			
A-đen và Pê-rim	1839	80	41 910
đảo Xây-lan	1795	25 333	3 448 752
Hồng-kông	1842	406	354 400
La-bu-an	1846	30	5 853
Xtơ-rây-tơ Xết-tơn-men	1819	1 471	512 342
Châu Phi			
đảo Thăng thiên	1815	35	430
Đất thổ dân Ba-dút	1868/83	10 293	250 000
Thuộc địa Cáp	1806	276 775	1 787 960
đảo Mô-ri-xơ	1810	705	337 856
Na-tan và Đất thổ dân Du-lu	1824	35 019	902 365
đảo Đức bà E-lê-na	1651	47	4 545
Tây Phi			
Găm-bi-a	1631	69	14 300
Bờ biển vàng	1661	40 000	1 473 882
La-gốt	1787	985	85 607
Xi-ê-ra Lê-ôn	1789	4 000	74 835
Châu Mỹ			
Quần đảo Béc-mút	1609	20	16 291
Ca-na-đa	1763	3 653 946	5 185 990
Quần đảo Phan-clen-đơ và Xanh Gioóc-giơ	1833	7 500	2 050
Guy-an thuộc Anh	1803	109 000	286 222
Hôn-đu-rát thuộc Anh	1670	7 562	34 747
Niu-phao-len và La-bra-đo	1497	162 200	202 040

		<u>Diện tích</u>	<u>Dân số</u>
Tây Ấn			
Quần đảo Ba-ha-ma	1629	4 466	53 256
Quần đảo Ha-mai-ca và Chuốc-cơ-xơ	1655	4 359	733 118
đảo Bắc-ba-đô-xơ	1605	166	190 000
Những đảo khuất gió	thế kỷ 17	701	127 800
Những đảo hứng gió	thế kỷ 17	784	155 000
đảo Tô-ri-ni-đát và Tô-ba-gô	1763-97	1 868	273 655
Châu Úc			
Quần đảo Phi-gi	1874	7 740	121 738
Tân Ghi-nê	1884	90 540	350 000
Tân Nam Oen-xơ	1788	310 700	1 357 050
Tân Tây-lan	1840	104 470	796 387
Quy-n-xlen	1859	668 500	498 523
Nam Úc	1836	903 690	362 897
đảo Ta-xman	1803	29 390	171 340
Tây Úc	1829	975 920	168 490
Tổng cộng thuộc địa		7 523 780 <sup>1)</sup>	21 768 908 <sup>1)</sup>
Ấn-độ và thuộc địa			
Tổng số chung		9 324 038	308 992 339

{ Có cảm tưởng là bản thân "lịch sử" là một bảng liệt kê }  
 { khô khan các sự kiện. }

<sup>1)</sup> Của Mô-ri-xơ là như vậy. Ngoài ra, của V. I. Lê-nin ở phần "Châu Úc" có bỏ mất số liệu về Vích-tô-ri-a: 87 890 dặm vuông và 1 176 854 dân.

**VỞ**  
"Đ"  
("ĐEN-TA")

Mục lục

	Tr.
<i>Xtép-phen.</i> "Chiến tranh thế giới và chủ nghĩa đế quốc"...	3 - 7
Chỉ dẫn thư mục.	
<i>Hen-gơ.</i> "Sự đầu tư tư bản của Pháp etc."	7
<i>Cau-xky 1914 và 1915</i> (về chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh và phái dân chủ - xã hội):	9
12. "Die Neue Zeit", 1897/8. NB.	
<i>B. I-tsi-kha-ni-an.</i> "Những yếu tố nước ngoài trong nền kinh tế quốc dân Nga"	14
<i>Pan-nê-cúc.</i> "Vấn đề trang trải những khoản chi của nhà nước và chủ nghĩa đế quốc".	15
<i>NB.</i> "Die Neue Zeit" XXVI, - I - về sự nhập cư.	

**XTÉP-PHEN. "CHIẾN TRANH THẾ GIỚI VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"**

Gu-xta-vơ Ph. Xtê-phen. "Chiến tranh thế giới và chủ nghĩa đế quốc. Những tài liệu tâm lý - xã hội và những nhận xét về chiến tranh thế giới 1914/5". I-ê-na, 1915. (Dịch từ tiếng Thụy-điển.)  
(tr. 3): "Chủ nghĩa đế quốc cũng già như lịch sử thế giới"...

"Nói một cách chung chung nhất, *chủ nghĩa đế quốc* là ý muốn thiết lập một nước lớn có ý nghĩa toàn thế giới bằng cách chinh phục, hoặc bằng cách chiếm làm thuộc địa, hoặc bằng cách hợp nhất, về mặt chính trị, một cách hòa bình các nước đang tồn tại, hoặc bằng cách áp dụng đồng thời các cách ấy; thiết lập một cường quốc thế giới bao gồm toàn thể nhân loại hoặc là phân chia nhân loại giữa bản thân nó với một số quốc gia có ý nghĩa toàn thế giới khác" (4)... Khái niệm "toàn thế giới" phụ thuộc "vào sự hiểu biết" của một dân tộc nào đó, về trái đất, etc. "Chủ nghĩa đế quốc là một yếu tố thuần túy tâm lý" (4).

"Trí tưởng tượng của xã hội là mẹ đẻ ra chủ nghĩa đế quốc" (5).

Chủ nghĩa đế quốc có lịch sử của nó. "Có chủ nghĩa đế quốc nguyên thủy và chủ nghĩa đế quốc cao hơn, già dặn hơn". (6).

Xê-da, - Na-pô-lê-ông etc. etc.

"*Chủ nghĩa đế quốc của sự phân chia*" (phân chia thế giới) ngày nay thì khác với "chủ nghĩa đế quốc đơn nhất" thời cổ (độc một nước quân chủ) - (tr. 15)...

Ở tr. 14, tác giả hứa sẽ xem xét những nét "*đặc trưng*" của "chủ nghĩa đế quốc châu Âu" "ngày nay"...

10 đế quốc... (tr. 15) và 50 quốc gia độc lập khác... đã chia nhau trái đất.

- |                      |  |   |
|----------------------|--|---|
| 1. Nga }<br>2. Anh } | với "những ước mơ" có tính chất }<br>đế quốc chủ nghĩa đơn nhất "về }<br>tương lai"... } | những quốc gia "nửa châu Âu".<br>(những lãnh địa rộng lớn của chúng ở ngoài châu Âu là điều rất tiêu biểu). |
|----------------------|--|---|

!!!  
ha ha!!

3. Pháp – cũng "ở một cấp đế quốc chủ nghĩa thấp hơn một chút (16)...

("những đế quốc có xu hướng bành trướng ra ngoài châu Âu").

4. Nhật-bản.

5. Thổ-nhĩ-kỳ – đế quốc yếu.

6. Trung-quốc – "đế quốc còn chìm trong giấc điệp" (17)... sau này còn phải tính đến "đế quốc Trung-hoa" (17)

7. Đức.

– chiến tranh hay xảy đến luôn vì "vị trí đế quốc chủ nghĩa và thực lực" của nó...

8. Áo - Hung.

9. Ý ("một đế quốc mới ra đời", 18)...

10. Mỹ.

Phần nào của trái đất đã "bị đế quốc hóa"?

$\Sigma$  của 10 đế quốc này = 96.66 triệu ki-lô-mét vuông  
= 66% trái đất

Nam Mỹ = 18.6 triệu ki-lô-mét vuông  
= 13% đất đai (tr. 18).

Tác giả đưa ra (dựa theo Huýp-nơ) những tổng số (ki-lô-mét vuông và dân số) về tất cả những quốc gia ấy.  $\Sigma$  = 96.662 triệu ki-lô-mét vuông và 1 399 689 nghìn dân. Toàn bộ trái đất (145.918 triệu ki-lô-mét vuông) (1 657.097 triệu dân).

Đồng minh (68.031 triệu ki-lô-mét vuông) (777.060 triệu dân) Đức + Áo

+ Thổ-nhĩ-kỳ 5.921 " " " 150.199 " "

Vậy thì đủ rõ là - tác giả nói - toàn bộ vấn đề là ở những yếu tố "tâm lý" (25)!!

"...Giờ đây, thế giới gần như hoàn toàn bị "phân chia". Nhưng lịch sử toàn thế giới cho ta diễn đạt hay rằng các đế quốc có xu hướng phân chia

lẫn nhau sau khi chúng đã ít nhiều phân chia với nhau những đất đai "vô chủ" rải rác ở khắp các châu" (37). hay!

(lặp lại tí mĩ Xi-li...)

Cũng như chủ nghĩa đế quốc Tây-ban-nha, Hà-lan, Bồ-đào-nha, Pháp và Anh hồi thế kỷ 16, 17, 18, chủ nghĩa đế quốc Anh và Pháp ngày nay vẫn là "chủ nghĩa đế quốc Tây Âu dựa trên cơ sở xâm chiếm thuộc địa ở hải ngoại" (43).

Ở Nga thì lại khác. Nga là một nước Á châu >. Quyền lợi của toàn châu Âu là ngăn cách mình với châu Á. Những người Đại Nga = giống lai với người châu Á; biên giới của châu Âu = biên giới của những người Đại Nga (tr. 50). Đồng minh giữa Pháp và Anh với Nga là đồng minh chống lại những "quyền lợi sống còn chung cho cả châu Âu" (51).

Ngoài ra: tr. 46, nói rằng Thụy-điển là "một cường quốc lớn cũ đã bị chính nước Nga làm mất tiếng tăm".

Không gì hợp pháp > việc thành lập (1871) đế quốc Đức. Anh, Pháp và Nga tự cho mình có "quyền" chia cắt và làm cho Đức yếu đi!! (56).

"Chủ nghĩa đế quốc là một giai đoạn phát triển chính trị phổ biến (sic!), mà mọi (!! ) dân tộc lớn có những tiềm lực bên trong lớn với những nhiệm vụ to lớn liên quan đến toàn nhân loại, đều phải trải qua" (56 - 7).

% chi phí cho quân đội và hạm đội - và  $\Sigma$  cho một đầu người ở Đức ít hơn ở Pháp và Anh (58). "Câu chuyện hoang đường" (59) về "chủ nghĩa quân phiệt" đặc thù của Đức!

"Nguyên nhân này (của thảm họa toàn thế giới 1914/5), như tôi cảm thấy, là ở sự yếu ớt tương đối của Đức, "

phái thân Đức!!

chủ nghĩa đế quốc "Thụy-điển" tán thành chủ nghĩa đế quốc Đức

chủ nghĩa đế quốc = quy luật của lịch sử!

chứ không phải ở sự vững mạnh tương đối của nó" (60)... Xét theo quan điểm của Nga + Anh + Pháp thì "cuộc chiến tranh phòng ngừa" *I ú c đ ó là cần thiết...*

"Thật ra, chủ nghĩa đế quốc kinh tế hiện đại và sự bành trướng đế quốc chủ nghĩa có thể xuất hiện ở một mức độ nhất định mà không cần trực tiếp *chiếm đoạt đất đai* ở các châu khác, điều mà chúng ta gọi là "việc chiếm làm thuộc địa". Tư bản, thương nhân, chủ xưởng kéo đến, đường sắt, kênh ngòi được xây dựng, những vùng rộng lớn của tất cả các châu trở nên thuận tiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, và như vậy là có thể có được những phạm vi ảnh hưởng của các lợi ích kinh tế hoặc phạm vi thống trị ở các châu khác mà không cần trực tiếp chiếm đất hay là chinh phục về mặt chính trị.

a ha! Không nghi ngờ gì nữa, chính chủ nghĩa đế quốc Đức, cho đến nay, đã để lộ ra, ở một mức độ rất lớn, những phương pháp bành trướng *ôn hòa hơn* ấy, những phương pháp có thể chỉ là, mà cũng có thể không phải chỉ là một sự chuẩn bị cho việc chiếm đoạt thuộc địa hiểu theo nghĩa trước đây" (62).

Nó chủ yếu là nhằm vào vùng Tiểu Á và Mê-dô-pô-ta-mi – những đất đai *không* thuộc về đế quốc Anh.

Anh không muốn để cho Đức cũng có được *chính cái* sự phát triển mà bản thân Anh + Pháp + Nga được hưởng rộng rãi (62 - 3).

"Chiến tranh thế giới 1914/5 vì vậy là cuộc chiến tranh thực sự thế giới, - một cuộc chiến tranh để cho đế quốc Đức, một đế quốc mới, được tham gia vào việc xâm chiếm thế giới, - một cuộc chiến tranh, trong đó Anh, nước làm bá chủ hoàn cầu, đóng vai trò chủ đạo, còn hai cường quốc thế giới kế sau nó về sức mạnh là Nga và Pháp, thì tham gia với tư cách là những nước cùng có quyền lợi" (63).

Anh + Pháp + Nga = 46% trái đất và 43% nhân loại; + Mỹ + Đức = 55% và 53% (tr. 68)... "Nói một cách khác

thì trên thực tế, chỉ có một số ít nước phân chia thế giới với nhau mà thôi" (69)...

*Xi-li* – 1883 ("Sự bành trướng...")...

*S. Đin-cơ* – 1890 ("Những vấn đề của Anh").

Phải là ba đế quốc: Anh + Mỹ + Nga.

Pháp và Đức = "*bọn lùn*" (!! ) (tr. 71).

*Giêm-xơ An-tô-ni Phru-đơ* – 1885 ("Châu Đại-dương hay là Anh và các thuộc địa của nó").

"*Đế quốc và thời đại*" 1905 (văn tập của 50 tác giả).

Tác giả trích ra một đoạn trong bài mở đầu cho văn tập ấy: bài "Lý tưởng đế quốc" của U. Ph. Ma-ni-pen-ni:

"Ngày nay, trong ngôn ngữ chính trị thông dụng, những từ "đế quốc" và "chủ nghĩa đế quốc" đã chiếm mất cái chỗ xưa kia của các từ "dân tộc" và "tính dân tộc"... lý tưởng dân tộc đã phải nhường chỗ cho lý tưởng đế quốc chủ nghĩa". (72)...

Chủ nghĩa đế quốc (La-mã!) là lâu đời hơn "chủ nghĩa dân tộc"(72- 3). Nhưng chủ nghĩa đế quốc *hiện đại* (moder-ner) là dựa trên *chủ nghĩa dân tộc*, "ở mức độ rất cao" (73)... *Gi. A. Crem-bơ*. "Đức và Anh" 1913... ("Đức là kẻ thù độc ác nhất của chúng ta"...). *Ứng hộ* quân đội thường trực... "Anh đã tiến hành chiến tranh 500 năm để thành lập *đế quốc*" (79)... Liên minh với Nga là liên minh "trái với tự nhiên" (80)...

"Nói một cách nôm na, cái chính là ở chỗ hiện nay, trong sự phát triển chung của nó về sức mạnh thì Đức ở vào mức độ cao hơn Pháp, Nga và Nhật rất nhiều và *chỉ* có nó mới có thể làm cho người ta thật sự lo ngại rằng trong tương lai nó sẽ là mối đe dọa cho sự thống trị toàn cầu của đế quốc Anh, và nhất là cho quyền bá chủ của Anh trên mặt biển. Bởi vậy, sự thỏa thuận của Anh với ba cường quốc lớn nói trên, tất nhiên là hết sức dễ dàng hơn là chính với Đức" (85).

đúng quá!

Một đống những câu nói ba hoa, — những câu trích dẫn Tơ-ru-bê-tơ-côi, — thủ tướng Đức còn có đạo đức hơn Lô-ít Gioóc-giơ etc. etc. *Những điều ngu ngốc có tính chất sô-vanh!* Những câu thú vị trích của Gioóc-giơ Béc-na *Sô* về thói đạo đức giả của Anh (120 - 123) etc. Nhưng, — ông ta viết, — chẳng phải là *Sô* cũng đã từng viết *cả* *lô* bài báo [ngoài các báo khác ra, đăng cả trên báo "New Statesman"] về chuyện nhất thiết phải "đập tan" Đức đó sao? (tr. 128).

Một trong những nguyên nhân là *"sự không hiểu biết"* lẫn nhau (136); — *giáo dục* theo tinh thần "những thành kiến dân tộc" (137), — — — Để có hòa bình, cần phải tước bỏ "tính độc lập" của nhà nước đi (138) (=quyền tiến hành chiến tranh) etc. etc.

Những lời trích dẫn Béc-nơ-hác-đi... ông này — tác giả viết — buộc tội dân tộc mình là chưa đủ tính hiếu chiến (!!)... và những lời trích dẫn Roóc-bách (ông ta *cũng* "ôn hòa"! (tr. 150) "những lời thôi thúc chỉ đạo có tính chất nhân đạo" (!!!) của Roóc-bách). — — Cái anh chàng *Xtép-phen* này thật quả là tầm thường!..

! Chủ nghĩa đế quốc Đức có "nhiều tính phòng thủ hơn là có tính xâm lược" (157).

ha ha!! Nước Đức tiến hành một cuộc chiến tranh "*phòng thủ*" (158) — "thật là nực cười" nếu nghĩ rằng nước Đức đã chọn "một tình huống hết sức không thuận lợi như hiện nay" etc. etc., để tiến công. Chủ nghĩa đế quốc Đức là "rất có văn hóa", mang tính chất xây dựng về mặt xã hội" etc. (163)...

Cuốn sách lúc đầu hứa hẹn một điều gì đó, rút lại chỉ là chủ nghĩa sô-vanh thân Đức tầm thường nhất!  
NB

Những tài liệu ngoại giao thì cực kỳ hỗn loạn — ở *tất cả* các nước đều có (một số) nhà ngoại giao *ủng hộ* chiến tranh, — các nhà quân sự cũng xen vào (và thậm chí lại mạnh mẽ)... "Chúng ta chỉ có thể xác định nguyên nhân của chiến tranh thế giới 1914/5 bằng cách nghiên cứu lịch sử thế giới" (180)...

Và tiếp tục cho đến cuối cuốn sách (tr. 254) là những lời trích dẫn các "cuốn sách" nổi tiếng về tinh thần thân Đức... Nil! Nil! Chẳng cần phí công đọc cái "của bỏ đi" như vậy!

### ỚP-PEN-HAI-MƠ. "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC ANH"

Tiến sĩ Phê-lích bá tước phon **Ớp-pen-hai-mơ**. "Chủ nghĩa đế quốc Anh", Viên, 1905.

(cuốn sách nhỏ dày 64 tr. Nil ngoài lời nói huyền thuyên mà mọi người đều biết về Sem-bóc-lin và phong trào "của ông ta". Nil!)

### HEN-GƠ, "SỰ ĐẦU TƯ TƯ BẢN CỦA PHÁP"

Han-xơ *Hen-gơ*. "Sự đầu tư tư bản của Pháp vào những chứng khoán có giá". Stút-ga, 1913 ("Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân Muyn-khen". Quyển thứ 125).

Một công trình cung cấp quá ít tài liệu. Nhắc lại những con số của *Nây-mác-cơ* về  $\Sigma$  những chứng khoán có giá.

815 tỷ, không tính hai lần số 600 tỷ phrăng, trong đó ở Pháp là 106 - 110.

$\Sigma$  thuế 4% về phiếu chia lợi tức (thuế đánh vào lợi tức và



vào lợi tức cổ phần) tăng từ 70.4 triệu phrăng năm 1891  
đến 102.5 " " năm 1910 (tr. 1).

Σ chứng khoán có giá (thuộc quyền sở hữu của người Pháp):  
(theo E. Tê-ry) 1891 - 77.1 tỷ phrăng

1907 - 98.6 " "

(theo tác giả) 1891/5 - 79.0 " "

1906/10 - 110.4 " "

Tư bản đầu tư hàng năm vào các công ty cổ phần  
ở Pháp ..... 566.2 triệu phrăng  
ở Đức ..... 1 080.5 " "

Tiến bộ kinh tế của Pháp:

	1890	1909
thu hoạch lúa mì	117 triệu <i>hec-tô-lít</i>	126
" kiều mạch	94 " "	117
sản lượng sắt	3.5 triệu <i>tấn</i>	16.6 (1911)
đội tàu buôn	0.9 triệu <i>tấn</i>	1.4 (1909)
số lượng máy chạy bằng hơi nước		
trong công nghiệp	55 967 (1891)	81 335
mã lực của chúng	916 000	2 759 350
tài sản của Pháp (căn cứ vào thuế tài sản thừa kế)	243 tỷ phrăng (1892)	287 (1908)
tiêu dùng về than đá (Đức)	28.96 triệu <i>tấn</i> (1885)	56.4 (1911)
	67.1	205.7 (1908)

Thương mại đặc  
biệt của Pháp

	1891 - 3	1908 - 10
tính theo đầu người	7 692 triệu phrăng	12 020 + 56.2%
của Đức	200.4 phrăng	304.7 + 52 %
tính theo đầu người	7 117 triệu mác	15 197 + 113.5%
	141.5 mác	238.6 + 68.6%

{ 238.6 mác = 294.5 phrăng. Ít hơn là ở Pháp! }

NB: Trong công nghiệp mỏ của Pháp, "một bộ phận lớn" công nhân là người nước ngoài: người Ba-lan, Ý, Tây-ban-nha<sup>1)</sup>.

"Nếu người Pháp sản xuất ít hơn, nếu công nghiệp và thương nghiệp ở Pháp không phát triển nhanh chóng như ở Đức thì rõ ràng là điều đó chưa phải là một điều đủ để chứng tỏ rằng Pháp có nguy cơ trở thành một nhà nước thực lợi" (78)... sự phát triển (công nghiệp và thương nghiệp) vẫn tiến lên, mặc dù có chậm hơn Đức. ?

N.B. Trích dẫn: "Annuaire statistique de la France", 1910 (các chỉ số kinh tế và xã hội).

### CAU-XKY 1914 VÀ 1915 (VỀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, CHIẾN TRANH VÀ PHÁI DÂN CHỦ - XÃ HỘI)

C. Cau-xky. "*Chủ nghĩa đế quốc*", "Die Neue Zeit", 1914, 2 (xuất bản năm thứ 32), tr. 908 và các trang tiếp.

Số 21 (11. IX. 1914).

((Bài báo có kèm theo một chú thích nói rằng bài này được viết từ trước chiến tranh, cho đại hội và có được sửa đổi chút ít.))

Hiện nay, đôi khi người ta quan niệm chủ nghĩa đế quốc là như sau: "người ta dùng khái niệm chủ nghĩa đế quốc để chỉ tất cả mọi hiện tượng của chủ nghĩa tư bản hiện đại, các các-ten, chính sách thuế quan bảo hộ, sự thống trị của các nhà tư bản tài chính, cũng như cả chính sách thực dân" (908). Như thế là "một sự trùng

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 512.

? || phức tầm thường nhất"; vì như thế thì "lẽ tự nhiên, chủ nghĩa đế quốc là một sự tất yếu sống còn đối với chủ nghĩa tư bản"<sup>1)</sup> (908).

Phải hiểu từ này "không phải theo một ý nghĩa chung như vậy mà theo ý nghĩa lịch sử xác định của nó" (909), như ở *Anh*, nghĩa là hiểu nó "là một hình thức đặc biệt của những ý đồ chính trị". "Người Anh hiểu" (909) chủ nghĩa đế quốc là ý đồ, một mặt muốn hợp nhất tất cả các bộ phận của đế quốc vào với chính quốc, mặt khác muốn mở rộng đế quốc...

? Hố-  
xon! || "Chủ nghĩa đế quốc là một sản phẩm của chủ nghĩa tư bản công nghiệp phát triển cao. Đó là xu hướng của mỗi dân tộc tư bản chủ nghĩa công nghiệp muốn sáp nhập hoặc chinh phục tất cả những vùng *nông nghiệp* ngày càng rộng lớn (do Cau-xky viết ngả), bất kể dân tộc ở những vùng đó là những dân tộc nào"<sup>2)</sup> (909)...

chẳng  
có gì || Và tiếp theo là lập luận về "Tính cân đối của sản xuất" (đầu đề §1 của bài báo) giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa tư liệu sản xuất và sản phẩm tiêu dùng.

§2: "Sản xuất hàng hóa giản đơn" (những điều ngớ ngẩn, cũ rích).

§3: "Sản xuất tư bản chủ nghĩa": điều cần thiết đối với công nghiệp tư bản chủ nghĩa là "thường xuyên mở rộng" "lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực phục vụ cho nó với tư cách là người cung cấp và là khách hàng" (kể lẻ đông dài!).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 491.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 491 - 492.

§ 4: "Tích lũy và chủ nghĩa đế quốc".

Mâu thuẫn giữa công nghiệp và nông nghiệp được thể hiện dưới hai hình thức (917):

(1) sản xuất thừa (trong công nghiệp)...

(2) sự đắt đỏ (của nguyên liệu và các hàng hóa thiết yếu)...

Trước chủ nghĩa đế quốc, đã có "hình thức" (khuy nh hướng mở rộng) thương mại tự do: "cũng như chủ nghĩa đế quốc ngày nay, nửa thế kỷ trước đây hình thức đó cũng được coi là hình thức mới nhất của chủ nghĩa tư bản" (917)...

Tự do buôn bán đã làm cho các nước khác (nước Mỹ + châu Âu) phát triển; chính sách thuế quan bảo hộ của họ: thay cho sự phân công giữa công nghiệp Anh với nông nghiệp của tất cả các nước khác, "họ" (các nước khác) "đã tiến hành phân chia các vùng nông nghiệp chưa bị chiếm đoạt trên trái đất, giữa các nước công nghiệp lớn với nhau vì các vùng ấy bất lực, không chống cự lại được. Nước Anh đã phản ứng lại điều đó. Chủ nghĩa đế quốc đã bắt đầu từ đó. || NB

Chủ nghĩa đế quốc đã được chế độ xuất khẩu tư bản vào các vùng nông nghiệp, một chế độ xuất hiện cùng với nó, tạo cho nó những thuận lợi đặc biệt" (918)... ?

Đường sắt ra đời ở thêm nhiều nước mới – sự phát triển của trao đổi – việc dùng chính quyền nhà nước để bảo vệ chúng – khuy nh hướng thôn tính (+ không cho công nghiệp phát triển ở các nước bị thôn tính)...

"Đó là những gốc rễ quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc, cái chủ nghĩa đã thế chân cho thương mại tự do"...

"Phải chăng đó là hình thức biểu hiện cuối cùng trong những hình thức biểu hiện có thể có được của chính sách toàn cầu của tư bản, hay còn có thể có một hình thức nào khác?"

Một "phương diện của chủ nghĩa đế quốc" là "sự tất yếu sống còn đối với chủ nghĩa tư bản" và "*chi*" có thể được khắc phục "bằng chủ nghĩa xã hội" (920), đó là: xây dựng đường sắt, thống trị các vùng nông nghiệp, nô dịch những vùng ấy...

Nhưng còn một phương diện *khác* của chủ nghĩa đế quốc: đấu tranh giữa các quốc gia, việc vũ trang, chiến tranh, sự kháng cự của Ấn-độ, Ít-xlam, Đông Á, sự kháng cự của giai cấp vô sản – tất cả những cái đó khiến cho "các nhà tư bản tất cả các nước" có khuynh hướng "liên hợp lại" (920)...

chủ  
nghĩa  
siêu đế  
quốc<sup>1)</sup> || "Như vậy, xét về mặt thuần túy kinh tế,  
không loại trừ khả năng là chủ nghĩa tư bản  
sẽ còn trải qua một giai đoạn mới nữa, trong  
đó *chính sách các-ten* sẽ được ứng  
dụng vào *chính sách đối ngoại*, đó  
ha ha || là *giai đoạn chủ nghĩa siêu đế  
quốc* mà chúng ta đương nhiên phải đấu  
tranh chống lại nó một cách cũng quyết liệt  
như chống lại chủ nghĩa đế quốc, mặc dù nó  
chứa đựng nguy cơ về một phương diện khác,  
chứ không phải về phương diện chạy đua vũ  
trang hoặc đe dọa hòa bình trên toàn thế giới"  
(921)...

!! || Cái đó – tác giả nói – đã được viết ra trước  
chiến tranh. Cuộc xung đột của nước Áo với  
Xéc-bi-a "nổ ra không phải chỉ do những khuynh  
hướng đế quốc chủ nghĩa" (922) – nó có "cả  
những gốc rễ dân tộc" cũng như (ebenso) những  
gốc rễ đế quốc chủ nghĩa" (922). Tác giả nói:

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 496.

thật ra có những "mâu thuẫn" do chủ nghĩa đế || ha ha!  
quốc gây ra "giữa các cường quốc lớn khác".  
Cũng có thể là việc vũ trang đang được tăng  
cường và hòa bình (sau cuộc chiến tranh này) sẽ  
chỉ là tạm đình chiến.

"Đứng trên quan điểm kinh tế thuần túy mà xét thì sẽ  
không có gì còn ngăn cản được cái tình trạng là công  
cuộc to lớn làm dịu tình hình căng thẳng này, rốt cuộc,  
sẽ dẫn tới việc thủ tiêu chủ nghĩa đế quốc bằng sự liên  
minh thân thánh của những người đế quốc chủ nghĩa"  
(922)... Chiến tranh và sự kiệt quệ càng kéo dài thì  
chúng ta càng ở *gần* giải pháp đó...

Ibidem, tr. 981 – trong bài báo về "Ảnh hưởng của  
chiến tranh": chủ nghĩa quốc tế "không loại trừ" "tình  
cảm dân tộc" và công cuộc bảo vệ tổ quốc, nhưng đòi  
hỏi phải công nhận nó cho "mỗi một dân tộc"; "chính  
là theo ý nghĩa này" (sic!) mà *người Đức và  
người Pháp* đã bỏ phiếu tán thành ngân sách.

tr. 975 – ibidem – "các đồng chí của chúng ta" đã bỏ  
phiếu tán thành ngân sách vừa vì công cuộc bảo vệ tổ quốc,  
vừa vì "công cuộc giải phóng nước Nga khỏi chế độ Nga  
hoàng" (!!)

tr. 974 – "cần phải kêu gọi các nhà hoạt động || ha ha!  
nhà nước của các nước chiến thắng nếu ôn hòa" (ba lần).

tr. 846 (21. VIII. 1914) – trong bài "Chiến tranh" (đề ngày  
8. VIII. 1914) – kết thúc bằng lời kêu gọi "tin cậy" *chứ đừng*  
"phê phán" – "kỷ luật trong đảng"...

Trong bài "Hai bài báo để học đi học lại" (1915, 2)  
§ d: "Khái niệm về chủ nghĩa đế quốc".

Chống lại Cu-nốp, tác giả nói rằng các "kết luận" (của Hin-phéc-đinh) về *tư bản tài chính* được "tất cả những nhà lý luận xã hội chủ nghĩa *nhất trí*" (C. Cau-xky viết ngả) thừa nhận" <sup>1)</sup> (tr. 107) (23. IV. 1915).

Cu-nốp *đồng nhất* chủ nghĩa đế quốc với "chủ nghĩa tư bản hiện đại" (109).

Tôi – tác giả nói, – bác bỏ sự đồng nhất ấy. Ở nước Anh, vào những năm 90 của thế kỷ 19 (110), người ta hiểu chủ nghĩa đế quốc là khuynh hướng vươn tới đại Anh (110), vươn tới đế quốc, là "một loại *chính sách đế quốc* đặc biệt" (110. C. Cau-xky viết ngả) – những thuộc địa, chính sách thuế quan bảo hộ.

? || "Nó ("chính sách mới ấy") được tất cả mọi người gọi là chủ nghĩa đế quốc" (NB) (ibidem).

NB ||| Tác giả nói: tôi "là người đầu tiên" nghiên cứu "chủ nghĩa đế quốc mới" ("Die Neue Zeit", 1897/8 (16,1). "Chính sách thuộc địa cũ và mới"), – chỉ ra sự xuất khẩu tư bản, vai trò của tập đoàn đầu sỏ tài chính. Hin-phéc-đinh, năm 1910, **không** gọi cái giai đoạn mới này của chủ nghĩa tư bản là "chủ nghĩa đế quốc" (110 – 111). "Và ông ta" (=Hin-phéc-đinh) "dùng từ "chủ nghĩa đế quốc" để chỉ *một loại chính sách* đặc biệt, chứ không phải là một "giai đoạn kinh tế". Đối với ông ta" (=Hin-phéc-đinh) "chủ nghĩa đế quốc là một chính sách mà tư bản tài chính ưa thích" (111)..

"Die Neue Zeit" 1897/8, xuất bản năm thứ XVI, tập 1 ||| nói quanh co và cãi cọ về từ ngữ

Chúng ta cần phân biệt điều này: chủ nghĩa đế quốc không phải là một "giai đoạn kinh tế", mà là một chính sách đặc biệt, cũng giống như chủ nghĩa Man-tse-xơ <sup>25)</sup>. *Phải*

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 520.

*phân biệt tư bản tài chính với chủ nghĩa đế quốc, tức "chính sách của tư bản tài chính"* (111).

"Chủ nghĩa đế quốc là một loại đặc biệt của chính sách tư bản chủ nghĩa cũng giống như chủ nghĩa Man-tse-xơ mà nó thay thế. Chủ nghĩa này cũng không phải là một "giai đoạn kinh tế" nhất || thế định *mặc dù nó tất yếu phải gắn liền với* ||| chứ! *một giai đoạn như thế"* (111) <sup>1)</sup>.

Chủ nghĩa đế quốc là chính sách của một "giai đoạn kinh tế" của tư bản tài chính!! Anh muốn như vậy ư? Kể lý sự cùn, kể ngụy biện <sup>26)</sup>, đồ lừa gạt <sup>27)</sup>, tên quanh co – anh là hạng người như vậy đấy! Thực chất vấn đề đã bị né tránh đi bằng những lời nói quanh co.

§e) "Tính tất yếu của chủ nghĩa đế quốc" (112 và tiếp).

"Chẳng ai phủ nhận rằng chủ nghĩa đế quốc nhất định sẽ xuất hiện và vì vậy nó là tất yếu. Vấn đề còn tranh cãi là ở chỗ nó có phải là tất yếu cho tương lai hay không"... (113).

Và tiếp theo là những đoạn mà tôi dẫn ở tạp chí "Người cộng sản" <sup>28)</sup> (tr. 144 - 5 và các trang khác <sup>2)</sup>)...

(chủ nghĩa siêu đế quốc cũng có thể có khả năng xuất hiện được... v. v.. Xem "Người cộng sản"...) |||

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 491.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 281 - 282.

Ngoài ra còn có:

*Cau-xky*: "Giao - châu". "Die Neue Zeit" XVI, 2 (1898) – (số 27. III. 1898) – có đoạn nói rằng "chính sách xâm chiếm" ở Trung-quốc etc. là:

sic!! "đó không phải là chính sách tiến bộ mà là chính sách phản động, không phải là chính sách tư sản hiện đại, mà là một bộ phận của chính sách phong kiến chuyên chế được tái sinh... một phản ứng chống lại chủ nghĩa Man-tse-xtơ... Ngay cả đúng trên quan điểm tư sản phát triển hơn mà nói, cũng cần phải đấu tranh chống nó như chống các thứ thuế đánh vào hàng tiêu dùng, chống tiền thưởng, chống lệ thói phùng hội và sự hạn chế tự do đi lại" etc. (tr. 25)...

NB. "Die Neue Zeit" XV, 1 (1897). *La-phác-gơ*. "Những chức năng kinh tế của sở giao dịch".

NB. 1915, 2 (năm thứ 33) bài báo về quyền sách của Héc-gác *Guyt-lơ*. "Đảng công nhân Anh" (I-ê-na, 1914).

**I-TSI-KHA-NI-AN. "NHỮNG YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN NGA"**

Tiến sĩ triết học B. *I-tsi-kha-ni-an*. "Những yếu tố nước ngoài trong nền kinh tế quốc dân Nga. Lịch sử, tình trạng phân bố, phân loại theo ngành nghề, lợi ích và tầm quan trọng về mặt kinh tế – văn hóa của những người ngoại quốc ở nước Nga". Béc-lanh, 1913 (Di-men-rốt). 7 *mác*.

Lập lại A-lếch-xin-xki trong "Die Neue Zeit", 1913 - 4, 32, 1, tr. 435 và các trang tiếp.

NB: Ngoài các tài liệu khác ra, có bảng sau đây của I-tsi-kha-ni-an (tr. 438):

	Tỷ phrăng	Tổng số ở nước ngoài	Ở Nga	% của những khoản kê ở cột bên cạnh
<i>NB:</i> Pháp có	40	40 tỷ phrăng	14 tỷ phr. (x)	27,5
tư bản Bỉ "	--	2.715 " "	0.634 " "	23,4
ở Đức "	32,5	26,0 " mác	4.00 " mác	15,38
nước Anh "	78,7	63,0 " "	0.775 " "	1,20
ngoài Các nước khác có	--	- " "	0.500 " "	-
	<u>151,2</u>		<u>14 1/2</u>	
	do tôi cộng		> 14 1/2 tỷ mác	
			(x) 14 582 triệu mác, trong đó 83,7% là công trái...	

Nước Mỹ ?? 10?? tối thiểu 160 tỷ phrăng

(x) Do tôi tính ra:  
14 634 phr. x 8 = 11 707 m.  
+ 5 275 = 16 982 mác,  
chứ không phải là 14 582??

**PAN-NÊ-CÚC.**

**"VẤN ĐỀ TRANG TRẢI NHỮNG KHOẢN CHI CỦA NHÀ NƯỚC VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"**

*An-t. Pan-nê-cúc*. "Vấn đề trang trải những khoản chi của nhà nước và chủ nghĩa đế quốc". ("Die Neue Zeit", 1913 - 14, 32, 1, số 4, 24. X. 1913, tr. 110 và các trang tiếp).

(X) "Mâu thuẫn giữa sách lược nguyên tắc và sách lược cải lương, theo ý kiến chúng tôi là ở chỗ sách lược cải lương đã được quyết

? định một cách thái quá bởi các lợi ích trước mắt, bởi các kết quả dễ dàng và bề ngoài, và đã hy sinh sức mạnh nội tại của giai cấp vô sản cho chúng. Còn sách lược mác-xít có tính nguyên tắc, do chiếu cố trước hết đến sự lớn mạnh của lực lượng của giai cấp vô sản, nên do đó nó bảo đảm những kết quả tích cực cao nhất; thật vậy, những kết quả ấy, tức là những nhượng bộ của các giai cấp thống trị, thì trước hết là phụ thuộc vào sức mạnh của giai cấp vô sản" (tr. 111).

Và trước câu này:

(\*\*) không đúng chữ, không phải thế đúng!

"Thực chất của cuộc đấu tranh giai cấp xã hội chủ nghĩa là ở sự thống nhất chặt chẽ giữa cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội (\*\*\*) với sự đại diện cho tất cả các lợi ích trực tiếp của giai cấp vô sản. Chính chỉ vì đảng đấu tranh cho tất cả các lợi ích thường ngày của giai cấp công nhân, nên đảng là đảng của giai cấp vô sản, đảng của quần chúng, và đảng có thể giành được thắng lợi" (x).

NB: Cách đặt vấn đề của Pan-nê-cúc về chủ nghĩa cải lương là không đúng.

NB Ở đây, Pan-nê-cúc đã tiến gần tới vấn đề quan trọng nhất, nhưng đã trả lời không đúng hay ít nhất cũng là chưa chính xác. "Sự thống nhất của cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và cho những cải cách" hay là "và cho các lợi ích trực tiếp của công nhân"? Thế nào là đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội? Trong công thức của Pan-nê-cúc, sự khác biệt giữa những người pháỉ tả với "phái giữa" bị làm mờ đi, bị xóa đi,

nó đã biến mất. Cả C. Cau-xky (là người không phản đối Pan-nê-cúc về bài báo này) cũng có thể tán thành công thức (này, trên đây) của Pan-nê-cúc. Công thức này sai. Cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất giữa đấu tranh cho các lợi ích trực tiếp của công nhân (tương ứng với đấu tranh đòi những cải cách) với đấu tranh cách mạng, để giành chính quyền, tước đoạt giai cấp tư sản, lật đổ chính phủ tư sản và giai cấp tư sản.

Cần phải kết hợp không phải cuộc đấu tranh đòi những cải cách + những lời hoa mỹ về chủ nghĩa xã hội, đấu tranh "cho chủ nghĩa xã hội", mà kết hợp hai hình thức đấu tranh.

Đại loại như sau:

1. Biểu quyết tán thành những cải cách + hành động cách mạng của quần chúng...
2. Chế độ đại nghị + các cuộc biểu tình...
3. Đòi tiến hành cải cách + yêu sách (cụ thể) tiến hành cách mạng...

Cùng với những người chưa được tổ chức, cùng với quần chúng, chứ không chỉ vì những người đã được tổ chức mà tiến hành đấu tranh kinh tế...

4. Sách báo cho tầng lớp trên + sách báo phổ thông phát không cho các tầng lớp dưới, cho những người chưa được tổ chức, cho "quần chúng lớp dưới nhất"...

5. Sách báo công khai + sách báo bí mật...

{xem cũng trong tập ấy của "Die Neue Zeit", tr. 591, về những công nhân "không lành nghề" ở châu Mỹ}

**VỎ**  
"ε"  
("ÉP-XI-LON")

Mục lục  
ε

"Weltwirtschaftliches Archiv" (1916)  
(tư bản của nước ngoài: *Ác-nơ-tơ*) [I].  
"The Economist"<sup>29</sup> bàn về chiến tranh  
và "The Daily Telegraph" [3 và 11, 14 - 15, 18 - 19.]  
*Than và sắt* (Những luận cương  
của N. I. Bu-kha-rin) [33 - 34].

**TƯ BẢN Ở NƯỚC NGOÀI<sup>1)</sup>**

Tư bản ở nước ngoài	Anh	Pháp	Đức
1862	3. <sub>6</sub>	-	-
1872	15	10 (1869)	-
1882	22	15 (1880)	?
1893	42	20 (1890)	?
1902	(62)	37 Điu-rích	Hin-phéc-đinh tr. 492
1914	75 - 100	60	44

(Ác-nơ-tơ)
Rít-xơ
xem ε I
(Nây-mác-co)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 457.

**TƯ BẢN CỦA NƯỚC NGOÀI: ÁC-NƠ-TƠ**

"Weltwirtschaftliches Archiv" (Nhà xuất bản Bê-ri-gác Ham-xơ). Tập 7. 1916, I.

"Thực lực của tư bản Pháp" của giáo sư tiến sĩ **Pôn Ác-nơ-tơ**.

Tác giả dựa vào bài báo của mình "Cái mới trong vấn đề đầu tư tư bản ở nước ngoài" (trong quyển "*Zeitschrift für Sozialwissenschaft*". 1915, tr. 311 và 456) và trích từ bài đó ra những con số về tư bản đầu tư ở nước ngoài: (tr. 35)

	(Rít-xơ, tr. 395 và tr. 404)
của Anh 3 tỷ li-vơ xtéc-ling	Tỷ phrăng
= 75 tỷ phrăng	62 (1900 Xpây-o)
của Pháp 60 tỷ phrăng	30 (1902 Đê-nơ)
= 60 " "	
của Đức 35 tỷ mác	31 (25 tỷ mác)
= 44 " "	
(Σ = 179)	

Ông ta nói: nước Pháp thuộc số "những đại cường quốc kinh tế" (tr. 37), chiếm vị trí thứ 4 sau nước Anh, Đức và "Bắc Mỹ".

**MỘT SỐ CUỐN TRONG THƯ MỤC**

Một số cuốn trong thư mục:  
Uy-li-am In-gli-sơ Vên-ling. "Những người xã hội chủ nghĩa với chiến tranh". Niu-Oóc, 1915 (XII + 512 trang). 1.<sub>50</sub> đô-la.  
"Nếu ở đây là những văn kiện chính thức quan trọng của đảng, thì tuyển tập này có lẽ là đầy đủ" (tr. 188).  
*Thư viện sách báo xã hội thành phố Xuy-rích:*

*Pác-vu-xơ*. "Việc quốc hữu hóa ngân hàng và chủ nghĩa xã hội".  
*Su-man*. "Ngân hàng quốc gia Đức".  
 " " "Bốn ngân hàng phát hành của tư nhân cuối cùng".  
*Sê-rơ*. "Ngân hàng phục vụ thương gia"..  
*Sun-txê*. "Những sự phá sản của các ngân hàng ở Dắc-dên".  
 1903.  
*Sê-rơ*. "Kỹ thuật hoạt động ngân hàng". Béc-lanh, 1908.  
*Lê-vy*. "Các công ty độc quyền, các-ten và tơ-rốt". I-ê-na,  
 1909.  
*Can-tô-rô-vích*. "Những vấn đề của những các-ten". Béc-lanh,  
 1911.  
*A-ben*. "Nước Anh ốm yếu". 1909.  
*Vê-ri-tát*. "Tương lai của Áo". Xuy-rích, 1892.  
*I-a-cốp Lô-ren-txơ*. "Bàn về vấn đề người Ý ở Thụy-sĩ".  
*Xuy-rích*.  
 { *Sê-rơ*. "Việc quốc hữu hóa thủy lực ở Thụy-sĩ". *Ba-lơ*, 1905.  
*Suych-kinh*. "Việc tổ chức nền hòa bình". Lai-pxích, 1909  
 (4 1).  
*Lát-xan*. "Chiến tranh Ý". *Béc-lanh*, 1859.  
*Stau-đin-gơ*. "Những cơ sở văn hóa của chính sách". I-ê-na,  
 1914.  
*Lô-ít Gioóc-giơ*. "Những ngày vàng son". I-ê-na, 1911.

### TỜ "NHÀ KINH TẾ" BÀN VỀ CHIẾN TRANH

"The Economist", 17 tháng Tư 1915.

Bài báo "Kết thúc của chiến tranh".

"Nhưng chiến tranh càng kéo dài thì khác với chính phủ, nhân dân ngày càng ngả sang phản đối mạnh cái cuộc tàn sát đang tàn phá hàng nghìn gia đình hết ngày này sang ngày khác, hết tuần này sang tuần khác. Thành thử lại một lần nữa, chúng ta đứng trước || vấn đề: "Nhà nước và cá nhân" và trước vấn đề là

xem đến *bao giờ thì những người cầm quyền của một nhà nước quan liêu, được tổ chức cao độ mới có đủ khả năng chống chọi lại với các lực lượng cách mạng trong nước*"... NB

### NHỮNG LÝ LỄ CỦA NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI - ÁI QUỐC

Những lý lẽ của những người xã hội - ái quốc

Cuốn sách nhỏ của Ép-tôn *Xin-cle*, có bài trả lời của *Blết-spho*, đã trình bày một cách đặc biệt rõ ràng, trực tiếp, chính xác và dứt khoát lập luận mới (khác những lập luận của Plê-kha-nốp, của Cau-xky etc.) của những người xã hội - ái quốc:

Vâng, chiến tranh là vì lợi ích của những nhà tư bản etc., nhưng chúng ta *rõ ràng là yếu*, rõ ràng là chúng ta không đủ sức để ngăn cản chiến tranh. Những lời bàn luận về cuộc đấu tranh chống chiến tranh, về "khởi nghĩa" etc. etc. đều chỉ là "những lời bàn luận vô bổ", "một sự phóng đại" không có hy vọng gì về lực lượng của chúng ta.

Một cách trình bày khác của cái lập luận về "chủ nghĩa không tưởng", đã có trong một bài của Plê-kha-nốp.

Xét theo quan điểm ấy thì nghị quyết Ba-lơ là một mưu toan có thiện ý nhằm răn đe các chính phủ một chút, chứ không phải là một lời hứa hẹn và quyết tâm tiến hành những hành động cách mạng respective với lời tuyên truyền cách mạng.

[Cách đặt vấn đề như vậy, tức là cách đặt vấn đề nhằm quy tất cả thành "cuộc chiến tranh phòng ngừa" là một cách đặt vấn đề cực kỳ nông cạn – và Blết-spho đã cố tình làm cho nó nông cạn. Lợi dụng sự khủng hoảng đ ế



tuyên truyền cách mạng và chuẩn bị những hành động cách mạng – thực chất của vấn đề là như vậy.]

**"ĐÂY-LI TÊ-LÊ-GRÁP",  
17 THÁNG MƯỜI MỘT 1914**

"The Daily Telegraph", 17. XI. 1914.

Nghị viện.

... "Ngài E. Giôn-xơ (đại biểu của khu Méc-ti-rơ Tai-đôn) có đặt vấn đề là liệu có thể kiểm duyệt những bài báo của ngài Cây-rơ Hác-đi đăng trên báo của ông ta không"...

Và sau đó chính ông ta lại nói vào cuối buổi họp: tôi đã báo cho C. Hác-đi biết là tôi sẽ nói về ông ta, và tôi sẽ không có lỗi nếu ông ấy vắng mặt.

Ông ta *đọc những đoạn trích* trong các bài báo của C. Hác-đi đăng ngày 31. X. và 7. XI., trong đó C. Hác-đi buộc tội người Anh và người Pháp là đã có những hành động tàn bạo, và nhạo báng lòng trung thực của quân đội Ấn-độ. Ông C. Hác-đi đã nói rằng vua Đức cũng dửng dưng như một người lính, nhưng lại nhạo báng nhà vua của chúng ta: "vua ta là người thích tổ ấm gia đình".

Liệu chính phủ có thể chịu đựng được những lời lẽ như vậy từ miệng một thành viên trong nghị viện chẳng? "Vì thế, trong suốt mấy tuần vừa rồi", chúng tôi "đã gặp ở khu Méc-ti-rơ Tai-đôn những khó khăn đáng kể trong việc tuyển lính, mặc dù là việc đó đã từng diễn ra trôi chảy trước khi ngài Cây-rơ Hác-đi tung cái chiến thuật của mình ra".

Sau đó, *Gi. A. Pi-dơ* phát biểu: "Cho phép tôi được phát biểu một ý kiến vắn tắt là trong chừng mực vấn đề có liên quan tới chính phủ thì chính phủ cho rằng tất cả những ý kiến của ngài C. Hác-đi, mà ngài Giôn-xơ đã dẫn chứng, là những ý kiến hoàn toàn không có cơ sở và cần phải bị coi khinh".

(Kết thúc phiên họp).

**DÂN SỐ VÀ DIỆN TÍCH  
CỦA CÁC NƯỚC THAM CHIẾN VÀ CÁC NƯỚC  
KHÔNG THAM CHIẾN**

(tr. 29. "Deutsche Rundschau" số 10)

dân số năm 1910, triệu người

Anh.....421	Đức.....78
Nga.....167	Áo.....51
Pháp.....86	Thổ-nhĩ-kỳ.....25 (khoảng)
674	(Cả 3 cường quốc
Nhật.....70	lớn) 154
(Cả 4 cường quốc lớn) 744	
+ Xéc-bi-a	Những nước không
+ Bỉ	tham chiến:
Nhóm tham chiến I.....744[750 versus 150]	Trung-quốc.....431
" " " II.....154	Mỹ.....103
Có tham chiến.....898	Ý.....36
+	(Cả 3 cường
Không tham chiến.....570	quốc lớn) 570
1 468	

Dân số toàn thế giới = 1 600

1912			
Dặm vuông (triệu)		Những nước không	
		tham chiến:	
Anh.....10,8	Đức.....1,2	Trung-quốc.....2,9	
Nga.....10,2	Áo.....0,2 (241000)	Mỹ.....3,7	
Pháp.....4,8	Thổ-nhĩ-kỳ...0,7	Ý.....0,7	
25,8	2,1	7,3	
Nhật.....0,3	(260 000)		
26,1			
Nhóm I....26,1			
Nhóm II....2,1			
Có tham chiến..28,2			
Không tham chiến..7,3			
35,5			

Toàn thế giới có 52,0 triệu dặm vuông

**TỜ "NHÀ KINH TẾ" BÀN VỀ CHIẾN TRANH  
VÀ TỜ "ĐÂY-LI TÊ-LÊ-GRÁP"**

"The Economist", 9. I. 1915. NB

Bài báo: "Châu Âu trong ngõ cụt"...

... "Không có gì đáng lấy làm lạ rằng trong những điều kiện như thế" ("những điều kiện khủng khiếp của chiến tranh hiện đại") "binh lính ở những nơi lây lợi đến nỗi không thể tiến lên được phải đột ngột ký kết những cuộc đình chiến tương tự như những cuộc đình chiến mà một phóng viên đã miêu tả trong báo "The Times" ngày hôm qua. Tất nhiên, những cuộc đình chiến như vậy chỉ xảy ra ở những khu vực trận địa mà chiến hào hai bên ở sát cạnh nhau, song chúng (những cuộc đình chiến ấy) chỉ gọi ra cho người ta nghĩ đến những sự tàn khốc vô nghĩa của chiến tranh và gọi cho một số người hy vọng rằng binh sĩ ở ngoài mặt trận sẽ phản đối việc kéo dài vô tận những sự khủng khiếp của chiến tranh" (tr. 46)...

NB

Idem, tr. 54: "Lợi nhuận công nghiệp":  
Lợi nhuận ròng (sau khi đã trả lợi tức etc.  
những khoản nợ)

Những báo cáo hàng quý đã được công bố vào ngày:	Số lượng các công ty	Lợi nhuận (triệu li-vơ xét-linh)		+	-	tổng số tư bản	% lợi nhuận của tư bản
		1913	1914				
31 tháng Ba	301	20.5	22.1	+8.4		230.1	9.6
31 tháng Bảy	263	22.6	23.6	+4.2		181.9	13.0
30 tháng Chín	131	10.6	9.5	-9.5		107.6	8.8
31 tháng Chạp	214	15.3	14.5	-5.6		116.4	12.4
Σ	909	69.0	69.7	+0.9		636.0	10.9

"những nỗi bất hạnh" của các nhà tư bản!!!

"The Economist", 19. XII. 1914. "Phụ trương về quân sự",  
tr. 10: những chi phí của Nga cho quân đội và hạm đội

1903 . . . . .	466 triệu rúp	%	
1904	491	+ 25	+ 5.3
1905	496	+ 5	+ 1.0
1906	504	+ 8	+ 1.6
1907	493	- 11	- 2.0
1908	612	+119	+24.1
1909	631	+ 19	+ 3.0
1910	648	+ 17	+ 2.7
1911	669	+ 21	+ 3.3
1912	809	+140	+20.9
1913	944	+135	+16.6

"The Economist", 19. XII. 1914, tr. 1059, bài báo: "Chiến tranh và những doanh nghiệp thương mại - công nghiệp hiện đại":

... "Khi mà cơn bão táp đẫm máu nhất trong những cơn bão táp lịch sử còn chưa bùng nổ ra vào cuối tháng Bảy này thì khó mà phân biệt được rằng Krúp bắt đầu từ đâu hoặc Crê-dô kết thúc ở đâu. Những khoản vay dành cho quân sự chống chéo chặt chẽ với những khoản vay dành cho kinh doanh hòa bình; sự mắc nợ có tính chất phi sản xuất chống chéo chặt chẽ với việc đầu tư tư bản một cách có tính chất sản xuất. Người ta có cảm tưởng rằng toàn thế giới kinh doanh, toàn thế giới tài chính đều tập trung cả ở Luân-đôn, ở Pa-ri và ở Béc-lanh là nhằm mục đích tàn phá hoặc xây dựng, đào kênh hoặc xây dựng pháo đài, đóng những con tàu vượt đại dương hay những chiến hạm. Những hãng tài chính thì hầu như không tránh khỏi là những hãng Anh-Đức, Anh-Pháp và Anh-Mỹ; các ban giám đốc chống chéo với nhau, các chi nhánh và các đại lý tồn tại hầu như ở tất cả các thành phố lớn của cả Thế giới mới lẫn Thế giới cũ. Những hãng và các công ty xích xù sẵn

"The Economist, 1915, số 3724 (9. I. 1915)\* (tr. 51):  
NB "Những chi phí quân sự của châu Âu"

	trong sáu tháng		triệu li-vơ xtéc-ling		triệu li-vơ xtéc-ling	
	Đức	Áo-Hung	Đức	Áo-Hung	Đức	Áo-Hung
Số lượng binh lính (triệu)	4 <sup>35</sup>	3 <sup>50</sup>	4 <sup>35</sup>	3 <sup>50</sup>	(15 <sup>6</sup> )	(5 <sup>3</sup> )
Chi phí quân sự	395	320	395	320	(15 <sup>6</sup> )	(5 <sup>3</sup> )
Thiệt hại do thu hẹp sản xuất	830	500	830	500	(11 <sup>2</sup> )	(11 <sup>2</sup> )
Thiệt mạng số người	294	141	294	141	(15 <sup>6</sup> )	(5 <sup>3</sup> )
Tổn phí về dân số 1913 (triệu)	68	50	68	50	(15 <sup>6</sup> )	(5 <sup>3</sup> )
Ngoại thương	1 063	264	1 063	264	(14 <sup>6</sup> )	(14 <sup>6</sup> )
Thu nhập quốc dân 1913 (tính theo đầu người)	2 100	?	2 100	?	(29 <sup>3</sup> )	(20 <sup>2</sup> )
(tính theo đầu người)	(31)	(25)	(31)	(25)	(29 <sup>3</sup> )	(20 <sup>2</sup> )
Tài sản quốc dân 1913 (tính theo đầu người)	16 000	?	16 000	?	(49)	(20)
(tính theo đầu người)	(235)	(212)	(235)	(212)	(20)	(21)
Đức	4 <sup>35</sup>	3 <sup>50</sup>	4 <sup>35</sup>	3 <sup>50</sup>	(29 <sup>3</sup> )	(20 <sup>2</sup> )
Áo-Hung	3 <sup>50</sup>	7 <sup>85</sup>	3 <sup>50</sup>	7 <sup>85</sup>	(8 <sup>6</sup> )	(9 <sup>4</sup> )
Σ					(9 <sup>4</sup> )	(9 <sup>4</sup> )
Nga	5 <sup>4</sup>	4 <sup>0</sup>	5 <sup>4</sup>	4 <sup>0</sup>	(1 <sup>6</sup> )	(1 <sup>6</sup> )
Pháp	4 <sup>0</sup>	4 <sup>0</sup>	4 <sup>0</sup>	4 <sup>0</sup>	(14 <sup>6</sup> )	(14 <sup>6</sup> )
Vương quốc liên hợp Anh	1 <sup>0</sup>	10 <sup>4</sup>	1 <sup>0</sup>	10 <sup>4</sup>	(29 <sup>3</sup> )	(8 <sup>6</sup> )
Σ	18 <sup>25</sup>	18 <sup>25</sup>	18 <sup>25</sup>	18 <sup>25</sup>	(9 <sup>4</sup> )	(9 <sup>4</sup> )
Σ Σ					(9 <sup>4</sup> )	(9 <sup>4</sup> )

\* - Ibidem, tr. 46 - khả năng binh lính *phản kháng* khi họ gần nhau trong các chiến hào.

sàng tiếp nhận những cổ đông thuộc tất cả các dân tộc mà rất ít chú ý đến những đồng minh ngoại giao... Trước đây sáu tháng, việc xác nhận rằng thành phần dân tộc không phải là một trở ngại cho những hiệp định kinh doanh, là một điều nhằm tai... Tất cả những điều đó chấm dứt một cách đột ngột... Nhưng cứ cho rằng cả những nhà kinh doanh, cả giai cấp công nhân cũng đều không có tội gì trong việc này. Đâu đâu người ta cũng cho rằng chỉ có một số người không đáng kể: các hoàng đế, các nhà ngoại giao, những người đứng đầu nhà nước, những nhà quân sự hay những "nhà triết học" là những thủ phạm chiến tranh... Chúng ta hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa, sẽ có sự tỉnh ngộ, lương tri sẽ được khôi phục, tín ngưỡng sẽ tái sinh và ý thức của con người sẽ trở lại sáng suốt hơn"...

	Những nước Liên minh	Những nước Đồng minh	Cả hai bên
Những chi phí trực tiếp (quân sự) trong sáu tháng	725	990	1 715 (triệu 1. xt.)
Những thiệt hại do đình chỉ sản xuất (I-vơ Guy-ô (α))	1 330	810	2 140
Tổng phí tổn trong sáu tháng	2 055	1 800	3 855
Thu nhập quốc dân bình thường trong sáu tháng ("cứ cho là như vậy")	1 500	2 500	4 000
Tỷ lệ những chi phí trực tiếp so với thu nhập quốc dân	48%	40%	43%
Tỷ lệ tổng phí tổn so với thu nhập quốc dân	137%	72%	96%
Tài sản quốc dân	25 000	40 000	65 000

(α) Tư liệu của I-vơ Guy-ô rõ ràng là có tính chất thiên vị!

Ibidem (2. I. 1915), tr. 12:

"Tất cả những người được mục kích đều tỏ thái độ ghê tởm đối với tính chất man rợ tột cùng và tàn khốc của cuộc chiến tranh hiện nay. Khắp nơi, mọi người đều tự hỏi rằng liệu con người, do bản chất của mình, có thể chịu đựng nổi những đau thương thảm khốc của cuộc chiến tranh chưa từng có này được lâu không, rằng không biết tình trạng kiệt quệ và nạn chết đói gần kề có mau chóng đưa nhân dân đến khởi nghĩa hay không. Một số tờ báo Đức hy vọng rằng cách mạng sẽ nổ ra ở Nga. Có lẽ chính họ cũng sẽ phải giáp mặt với cách mạng ở chính tổ quốc mình, vì rất có khả năng là giai cấp công nhân Đức sẽ tấn công mãnh liệt vào cái chủ nghĩa quân phiệt xâm lược rất tàn khốc đối với họ".

NB Đây là trích trong bài báo "Các quốc gia của vương triều Háp-xbuốc" trong đó có nói rằng ở nước Nga, tình cảnh dân chúng và các dân tộc là *tồi tệ hơn* ở Áo.

9. I. 1915, tr. 57: những người Ru-ma-ni sống ở Nga **khổ hơn** là ở Áo...

Ibidem, tr. 66: chi phí của Nga cho chiến tranh (1/2 năm) = 6 2 3 4 triệu rúp (1 3 triệu rúp một ngày).

tr. 72, quyển sách mới: *P. Vi-nô-gra-đốp*. "Vấn đề Nga" (1 si-linh)?

"The Daily Telegraph" (số 18 631), 29. XII. 1914.

*Đảng công nhân độc lập và chiến tranh.*

"Một trong những nghị quyết về vấn đề cuối cùng trong chương trình nghị sự của cuộc hội nghị hàng năm của đảng bộ Xcốt-len của Đảng công nhân độc lập – cuộc hội nghị này sẽ họp vào ngày thứ bảy ở Glát-gô, và tại đây ngài Cây-rơ Hác-đi, một nghị viên, sẽ phát biểu với các đại biểu, – đòi khai trừ (ra khỏi đảng) tất cả những đảng

viên nào của Đảng công nhân độc lập đã giúp chính phủ trong cuộc vận động tuyển lính hiện nay. Một nghị quyết khác đòi biểu lộ thái độ tiếc rằng khi chiến tranh bùng nổ, Đảng công nhân dân tộc đã không triệu tập hội nghị để xác định chính sách của mình".

## NHỮNG GHI CHÉP VÀ CHỈ DẪN THƯ MỤC

"The British Review", 1915, tháng Bảy, "Điều mà chúng ta phải thấy khi đứng trước chiến tranh" của *Giôn Phri-men*, tr. 87-88... "một bài chống chủ nghĩa yêu nước viết theo giọng đả kích" của ngài *Ba-rét* (đâu đây?)

(thuộc "nhóm công nhân "Tự do"").

"Chúng ta còn phải tiến hành một cuộc chiến tranh nữa, – ông ta tuyên bố, – một cuộc chiến tranh chống bọn nhà giàu, một cuộc chiến tranh mới nhằm tiến hành những cải cách"... tr. 88. NB

"Recht und Wirtschaft", 1915, tháng Sáu.

"Những công đoàn Đức trong thời chiến" của tiến sĩ V. *Tơ-rôn-tơ* (những lời khen ngợi!! ông ta trích dẫn "*Sozialistische Monatshefte*").

Phân liệt ở Vuyn-tem-béc (Stút-ga). "Frankfurter Zeitung" số 319, tờ ra buổi sáng xuất bản lần thứ II, 17. XI.

Danh mục những sách mới bổ sung của *thư viện thành phố* ở Vin-téc-tua (ra từ năm 1907), xuất bản năm thứ 7 1913/4.

Trong số *những tiểu thuyết*:

*Luy-xiêng Đê-ca-vơ*. "Máu chảy" (1870-1).

*Néch-xê*. "Pen-lê, kẻ xâm lược".

*A. Snít-tơ-lơ*. "Truyện ngắn". 1914.

*Sách báo về Thụy-sĩ*:

} *Pôn Béc-giê*. "Sau một cuộc đại bại: sự phân chia  
 } Thụy-sĩ". Lô-da-nơ, 1914.  
 } viết trước chiến tranh: ông ta tiên đoán Đức sẽ thắng,  
 } đe dọa phân chia Thụy-sĩ.  
 } NB: tr. 31, tuyên truyền cho cuộc đấu tranh điên  
 } cuồng chống "chủ nghĩa xã hội cách mạng" trong  
 } quân đội và trong nhà trường.

- A. *Ri-u-gơ*. "Cuộc đời của một cô hầu bàn". Xuy-rích, 1914.
- Phần III ("Các tác phẩm dùng cho giáo dục phổ thông và các tác phẩm khoa học"): "Các học thuyết về nguồn gốc". 1914.
- ("Văn hóa của thời đại hiện nay", III, IV.)
- Ô-g. *Béc-na*. "Ma-rốc". Pa-ri, 1913.
- E. *Héch-ken*. "Chúa Trời – giới tự nhiên". Lai-pxích, 1914.
- Ru-đ. Ki-en-len*. "Những cường quốc lớn thời đại hiện nay". Lai-pxích, 1914.
- A. *Ma-ne-xơ*. "Một bộ phận xã hội của thế giới" (về châu Úc). Béc-lanh, 1914.
- R. *Mác-tin*. "Những người thống trị nước Đức". 1910.
- U-đê*. "Phơ-bách". Lai-pxích, 1914.
- A. *Txác-tơ*. "Những cơ sở của vũ trụ: nguyên tử, phân tử". Stút-ga, 1913.
- Tây-lo*. "Những nguyên lý của công tác quản lý xí nghiệp một cách khoa học".

## THAN VÀ SẮT

"Internationale Monatsschrift für Wissenschaft, Kunst und Technik" (Lai-pxích), 1916, tháng Giêng (xuất bản năm thứ 10, số 4).

*Han-xơ Ác-lơ-tơ*, tiến sĩ, trợ tá khai khoáng ở Muyn-khen. "Than, sắt và ý nghĩa của chúng trong chiến tranh thế giới hiện nay". Thống kê *trữ lượng* than và sắt ở các nước đang tham chiến.

(Trữ lượng của thế giới về quặng sắt)

( " " " " " về than)

(Những đại hội của các nhà địa chất ở Xtốc-khôn 1910 và ở Tô-rông-tô 1913).

Về mặt giàu trữ lượng than sắt:

- |               |                 |
|---------------|-----------------|
| 1. Mỹ         | 1. Mỹ           |
| 2. Ca-na-đa   | 2. Niu-phao-len |
| 3. Trung-quốc | 3. Đức.         |
| 4. Đức.       |                 |

Sản lượng than khai thác được năm 1913:

Anh – 287.<sub>4</sub> triệu tấn

Đức – 278.<sub>9</sub>

(Tiêu thụ 250.<sub>3</sub> Đức  
233.<sub>8</sub> Anh)

Phát minh xuất sắc của Tô-mát (1878) được gọi là phương pháp lò chuyển kiêm tính hay phương pháp Tô-mát thay cho phương pháp Be-xơ-me về luyện sắt.

Phương pháp này giúp cho Đức có ưu thế vì nó *khử* được *phốt-pho* trong quặng sắt, mà chính là ở Đức quặng sắt lại *giàu phốt-pho* (NB).

**Nhờ đó mà Đức thắng được Anh.**

||NB

Công nghiệp hóa chất sản xuất ra được nhựa than đá (ở Đức, năm 1912, được một triệu tấn).

Những vùng của Pháp bị Đức chiếm

khoảng 70% trữ lượng than của Pháp

" 80% " " sắt " "

(không có Mỹ thì Pháp đã gục từ lâu rồi)

## NHỮNG LÃNH TỰ CÁC CÔNG LIÊN

*Những lãnh tụ các công liên* <sup>30</sup>

"The Daily Telegraph", ngày 7 tháng Mười 1915.

"Sau khi nghe những lời phát biểu của thủ tướng và của bá tước Kít-si-nơ, những lãnh tụ công nhân đặc cử đã hội ý kéo dài về vấn đề mộ lính và đã công bố lời kêu gọi những người tình nguyện, một lời kêu gọi với lời lẽ rất kiên quyết, trong đó có nói: "để bảo vệ nguyên tắc tình nguyện, cần phải làm sao cho mỗi tuần mộ được ít nhất là 30 000 tân binh".

Ngài X. U. *Bau-éc-men*, một nghị viên, thư ký của ủy ban nghị viện của đại hội công liên, chiều hôm qua, đã trao cho vị đại diện "The Daily Telegraph" một bản kêu gọi, nội dung như sau:

### Khủng hoảng.

*Lời kêu gọi những người tự do.*

NB "Cùng đồng bào... Chưa bao giờ trong lịch sử của dân tộc, dân tộc ta lại phải trải qua một cuộc khủng hoảng trầm trọng như ngày nay... Cuộc tấn công của Đức etc. ... (mục đích:) giành một thắng lợi giải thoát được thế giới khỏi nỗi lo về cái ách chuyên chế quân sự mà Đức toan bắt thế giới phải tuân theo..." Kêu gọi tòng quân, vì cái gì?... "không những vì làm như vậy thì họ sẽ bảo vệ được lợi ích riêng của họ, mà cũng còn vì những hành động của họ sẽ bảo vệ những quyền lợi sống còn của nhân dân"...

..."Chúng ta biết rằng đối với chúng ta thì sự thất bại hay là một nền hòa bình lúng lờ không những có nghĩa là

chúng ta sẽ mất đi cái uy tín dân tộc của chúng ta và chúng ta sẽ chắc chắn thấy cuộc xung đột lại bùng nổ sau vài năm, mà còn có nghĩa là chúng ta sẽ mất hết những tự do cá nhân và những quyền lợi cá nhân mà phải hàng bao nhiêu thế kỷ đấu tranh mới giành được"...

G. Gô-xlinh	}	Ủy ban nghị viện của	NB
X. U. Bau-éc-men		đại hội công liên.	
Gi. Ô'Gre-đi	}	Tổng liên đoàn công liên.	
U. Ê. Ê-pơ-ton			
Gi. Gi. Oác-đơ	}	Ban chấp hành	
U. X. Xên-đốc-xơ		Đảng công nhân".	

Ibidem, 9. X. 1915 (thứ bảy). Không kể những cuộc mít-tinh *quần chúng* (X X), nhất định sẽ có:

"Một hội nghị triệu tập vào thứ hai (11. X. 1915) giữa bá tước Đốc-bi, giám đốc mới phụ trách vấn đề mộ lính với các nhân vật đã ký tên vào bản tuyên ngôn quan trọng của các tổ chức công nhân được công bố vào thứ năm tuần trước (7. X. 1915)". "Hội nghị này, trong đó bá tước Đốc-bi có mời đại diện của các tổ chức công nhân tới dự, sẽ họp ở nhà số 12, phố Đao-ninh Xơ-rít"...

(X X)... "những phòng họp đã được trao cho Ban chấp hành" [= do ba tổ chức đã ký tên thành lập ra] "sử dụng không mất tiền để tiến hành các cuộc mít-tinh quần chúng"...

Ngoài những cuộc mít-tinh quần chúng ra, người ta còn tổ chức những chuyến công tác cho những người tuyên truyền, "những cuộc mít-tinh ở các xưởng thợ", "những cuộc hội họp vào giờ ăn cơm trưa" etc.

NB  
dùng  
phòng  
họp  
không  
phải  
trả tiền

NB || "...một khối lượng lớn tài liệu tuyên truyền, chủ yếu là dưới hình thức truyền đơn để rải trong các cuộc mít-tinh" sẽ được chuẩn bị... v. v..

NB } Ibidem, 15. X. 1915. Một bài phê bình tán  
về vấn đề tư } dương *En-lít Pô-oan*. "Sự tiến hóa của thị  
bản tài chính } trường tiền tệ" (10 s. 6 p.). Luân-đôn, 1915  
("Tin tức tài chính").

VỞ  
"ξ"  
("GIÊ-TA")

Mục lục

ξ

*Ham-xơ*: "Nền kinh tế toàn thế giới" [2-3].

*Xu-pan* [5-9].

*Huýp-nơ* [10].

*Giu-ni-út* [13-14].

*Đơ-moóc-nhi* (Ba-tư NB) [11].

{ "Le Temps" [16 và 19-20].

{ "The Daily Telegraph" và các báo khác [23-28].

{ Lô-ít Gioóc-giơ về 4 tở li-vơ xtéc-linh (4. V. 1915)  
[29-30].

*Bra-u-ơ* về (etwa "những người thất bại chủ nghĩa") Đức  
[17-18].

HAM-XƠ. "NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI"

**Bê-ri-gác Ham-xơ**. "Những vấn đề của nền kinh tế thế giới". I-ê-na, 1912. "Kinh tế quốc dân và kinh tế thế giới".

Những tư bản của Anh ở nước ngoài (1911) theo Gi. Pây-sơ ((*Gioóc-giơ Pây-sơ* trong "Journal of the Royal Statistical Society", tập LXXIV, 1910/11, tr. 167)) ("Đầu tư của tư bản Anh ở các thuộc địa etc.").

(*B. Ham-xơ*, tr. 228):

## I. Thuộc địa Anh (nghìn l. xt.)

Bắc Mỹ	Ca-na-đa và Niu-phao-len	372 541
Úc	Liên bang Úc	301 521
	Tân Tây-lan	78 529
Châu Phi	Nam Phi	351 368
	Tây Phi	29 498
Châu Á	Ấn-độ và Xây-lan	365 399
	Xtơ-rây-tơ Xét-tơn-men	22 037
	Hông-kông	3 104
	Bắc Boóc-nê-ô thuộc Anh	5 131
	những thuộc địa khác của Anh	25 024
	$\Sigma =$ Thuộc địa của Anh	1 554 152

## II. Các nước khác:

Mỹ	688 078
Cu-ba	22 700
Phi-líp-pin	8 202
Ác-hen-ti-na	269 808
Mê-hi-cô	87 334
Bra-xin	94 330
Chi-lê	46 375
U-ru-goay	35 255
Pê-ru	31 986
các nước khác ở châu Mỹ	22 517
Nga	38 388
Thổ-nhĩ-kỳ	18 320
Ai-cập	43 753
Tây-ban-nha	18 808
Ý	11 513
Bô-đào-nha	8 134
Pháp	7 071
Đức	6 061
những nước khác ở châu Âu	36 319
Nhật-bản	53 705
Trung-quốc	26 809
các nước ngoài còn lại	61 907
$\Sigma =$ các nước khác	1 637 684 <sup>1)</sup>
$\Sigma\Sigma =$ Tổng cộng	3 191 836

1) Của Ham-xơ là như vậy.

(và theo ông, tổng cộng là 3<sup>1</sup>/2 tỷ li-vơ xtéc-lingh)

Cũng như vậy, xếp theo các châu (triệu l. xt.):

		%
Châu Mỹ	1 700	= 53
Châu Á	500	16
Châu Phi	455	14
Úc	387	12
Châu Âu	150	5
	<u>3 192</u>	<u>100%</u>

*Tiến sĩ Dịch-mung Sin-đơ. "Chiều hướng phát triển của kinh tế thế giới". Béc-lanh, 1912 – tr. 150 – dựa vào Gi. Pây-sơ và nói rằng những con số của ông ta có rút bớt lại vì Gi. Pây-sơ lấy thị giá phát hành (ở châu Mỹ la-tinh 556 = 556 triệu l. xt., trong khi đó theo định giá của Sở giao dịch Luân-đôn ngày 31. V. 1909  $\Sigma = 767$  triệu l. xt., trong số đó Ác-hen-ti-na – 281 triệu, Bra-xin – 140 triệu). –*

Báo "The Economist" xuất bản ở Luân-đôn, ngày 26. VIII. 1911, ước tính rằng tư bản của Anh ở 10 nước cộng hòa Nam Mỹ (Ác-hen-ti-na, Bra-xin, U-ru-goay, Chi-lê, Pê-ru, Bô-li-vi-a, Cô-lum-bi-a, Vê-nê-đu-ê-la, Ê-cu-a-đo và Pa-ra-goay) = 622 triệu l. xt., trong số đó Ác-hen-ti-na – 316, Bra-xin – 162, U-ru-goay = 42, Chi-lê - 41 (ibidem, tr. 371).

Tư bản nước ngoài ở Ca-na-đa (1910) = 12 678 triệu phrăng, trong số đó của Anh 9 765, của Mỹ – 2 190, của Pháp – 372. Ở Mê-hi-cô (1886-1907) = 3 343 triệu phrăng, trong số đó của Mỹ 1 771, của Anh 1 334 (tr. 373).

Tư bản của Bỉ ở nước ngoài (báo "Export" xuất bản ở Béc-lanh, ngày 24 XI. 1910) tính theo triệu phrăng: Hà-lan – 70; Pháp – 137; Bra-xin – 143; Ý – 166; Ai-cập – 219; Đức – 244; Ác-hen-ti-na – 290; quốc gia Công-gô – 322; Tây-ban-nha – 337; Nga – 441; các nước khác – 338. Tổng cộng 2<sup>3</sup>/4 tỷ phrăng (tr. 365).



Tư bản của *Pháp* ở nước ngoài:

(ibidem, tr. 235)	tỷ phrăng
Nga	10. <sub>0</sub>
Anh	0. <sub>5</sub>
Bỉ và Hà-lan	0. <sub>5</sub>
Đức	0. <sub>5</sub>
Thổ-nhĩ-kỳ, Xéc-bi-a và Bun-ga-ri	0. <sub>5</sub>
Ru-ma-ni và Hy-lạp	4. <sub>0</sub>
Áo – Hung	2. <sub>0</sub>
Ý	1. <sub>5</sub>
Thụy-sĩ	0. <sub>5</sub>
Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha	3. <sub>5</sub>
Ca-na-đa và Mỹ	1. <sub>0</sub>
Ai-cập và Xuy-ê	4. <sub>0</sub>
Ác-hen-ti-na, Bra-xin và Mê-hi-cô	3. <sub>0</sub>
Trung-quốc và Nhật-bản	1. <sub>0</sub>
Tuy-ni-di và các thuộc địa Pháp	3. <sub>0</sub>
	<u>Σ = 35.<sub>5</sub><sup>1)</sup></u>

Còn bây giờ – tác giả nói – khoảng 40 - 42 tỷ

Tư bản của *Đức* ở nước ngoài (1904), không kể những chứng khoán có giá (và ở ngoài phạm vi châu Âu) (triệu mác)

Thổ-nhĩ-kỳ (trừ Ai-cập)	350
Châu Phi (tính cả Ai-cập)	1 350
Bán đảo Ba-tư – A-rập và Ấn-độ	75
Đông-Nam Á	250
Đông Á	450
Úc và Pô-li-nê-di-a	400
các nước chung quanh biển Trung Mỹ	1 200
bờ phía Tây của Nam Mỹ	550
bờ phía Đông " "	1 600
Mỹ và Ca-na-đa	3 000
	<u>Σ = 9 225</u>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 458.

Tư bản tiền tệ (chứng khoán) của Đức ở nước ngoài  
(1897 - 1906)

	cũng tính theo triệu mác
Ác-hen-ti-na	92. <sub>1</sub>
Bỉ	2. <sub>4</sub>
Bô-xni-a	85. <sub>0</sub>
Bra-xin	77. <sub>6</sub>
Bun-ga-ri	114. <sub>3</sub>
Chi-lê	75. <sub>8</sub>
Đan-mạch	595. <sub>4</sub>
Trung-quốc	356. <sub>6</sub>
Phần-lan	46. <sub>1</sub>
Anh	7. <sub>6</sub>
Ý	141. <sub>9</sub>
Nhật-bản	1 290. <sub>4</sub>
Ca-na-đa	152. <sub>9</sub>
Cu-ba	147. <sub>0</sub>
Lúc-xăm-bua	32. <sub>0</sub>
Mê-hi-cô	1 039. <sub>0</sub>
Hà-lan	81. <sub>9</sub>
Na-uy	60. <sub>3</sub>
Áo	4 021. <sub>6</sub>
Bồ-đào-nha	700. <sub>7</sub>
Ru-ma-ni	948. <sub>9</sub>
Nga	3 453. <sub>9</sub>
Xéc-bi-a	152. <sub>0</sub>
Thụy-điển	355. <sub>3</sub>
Thụy-sĩ	437. <sub>6</sub>
Tây-ban-nha	11. <sub>2</sub>
Thổ-nhĩ-kỳ	978. <sub>1</sub>
Hung-ga-ri	1 506. <sub>3</sub>
Mỹ	4 945. <sub>8</sub>
	<u>Σ = 21 909.<sub>7</sub></u>

(Do tôi cộng)

Tác giả ước tính tổng số tư bản của Đức ở nước ngoài là 35 tỷ mác (tr. 243).

Con số = 9.225 (1904), sau đó cũng chừng ấy ở châu Âu

$$\Sigma = 18$$

Sau đó chúng khoán có giá khoảng độ 17

$$\Sigma = 35^{1)}$$

Châu Mỹ	6 530. <sub>2</sub>
Châu Á (Thổ-nhĩ-kỳ)	2 625. <sub>1</sub>
Châu Phi	-
Úc	-
Châu Âu	12 754. <sub>4</sub>
$\Sigma$	21 909. <sub>7</sub>

NB Về vấn đề tư bản của Đức đầu tư ở nước ngoài, B. Ham-xơ dẫn (ngoài Xac-tô-ri-út ra): *Rít-xơ*. "Những ngân hàng lớn của Đức và sự tích tụ của chúng". Xuất bản lần thứ 3, I-ê-na, 1910. – *Pôn Đê-nơ*. "Những cấu tạo mới trong nền kinh tế thế giới". Béc-lanh, 1904. – *Pôn Ác-nơ-tơ*. "Bản chất và mục đích của việc đầu tư tư bản ở nước ngoài". "Zeitschrift für Sozialwissenschaft", 1912, quyển 1 - 3). – *Rô-bóc Líp-man*. "Các công ty tham dự và cung cấp tài chính". I-ê-na, 1909. –

Tư bản của Đức ở nước ngoài:

	Không kể chứng khoán có giá (1904)	Chứng khoán có giá (1897-1906)
Châu Phi	1 350	- (?)
(α) Châu Á (tính cả Thổ-nhĩ-kỳ Úc và Pô-li-nê-di-a)	1 125	2 625. <sub>1</sub>
(β) Trung Mỹ và Nam Mỹ	3 350	1 431. <sub>5</sub>
(γ) Mỹ và Ca-na-đa	3 000	5 098. <sub>7</sub>
$\Sigma$	9 225	
(α + β + γ)	(7 475)	9455. <sub>3</sub>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 458.

Tư bản của ba nước giàu nhất châu Âu ở nước ngoài ước tính có khoảng <sup>1)</sup>:

	Tỷ mác			$\Sigma$
	Anh	Pháp	Đức	
Châu Mỹ	37	4	10	51
Châu Á	11	1	4	16
Châu Phi	10	7	2	19
Úc	8	-	1	9
Châu Âu	4	23	18	45
Tổng cộng	70	35	35	140

Ước tính Anh chiếm %		Đức		tỷ mác	
		Tổng cộng ước tính		Anh	Pháp
		tỷ mác		ước tính	ước tính
37	Châu Mỹ	6. <sub>5</sub>	10	37	4
11	Châu Á	2. <sub>6</sub>	4	11	1
4	Châu Âu	12. <sub>8</sub>	18	4	23
10	Châu Phi	-	2	10	7
8	Úc	-	1	8	-
70		21. <sub>9</sub>	35	70	35

Tây Âu (Bỉ, Thụy-sĩ, các nước ở bán đảo Xcan-đi-na-vơ)	2	1 (??)	2
Nam Âu (Tây-ban-nha, Ý, Bồ-đào-nha)	1	1	5
Các nước Ban-căng	2	0. <sub>5</sub> (??)	4
Nga	5	1	10
Áo	8	0. <sub>5</sub> (??)	2
Tổng cộng châu Âu	18	4	23
Các nước Ban-căng + Nga + Áo	15	2 (??)	16

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 458.

*Mạng lưới đường sắt của thế giới (Ham-xơ, tr. 138)*

1868 -	106 886	ki-lô-mét
1870	211 000	
1875	294 000	
1899	617 285	
1909	1 006 748	

(ibidem):

	(ki-lô-mét)	
	1 8 9 9	1 9 0 9
Châu Âu	223 869	329 691
Châu Mỹ	313 417	513 824
Châu Á	33 724	99 436
Châu Phi	9 386	33 481
Úc	18 889	30 316
(do tôi tính) $\Sigma$	599 285	1 006 748

*Mạng lưới điện tín toàn thế giới (ki-lô-mét) (Ham-xơ, tr. 141):*

	1 8 9 8	1 9 0 8
Anh	208 747	253 898
Bắc Mỹ	50 545	92 818
Pháp	26 157	43 115
Đức	6 186	30 167
Đan-mạch	13 888	17 111
Hà-lan	1 786	5 721
Nhật	2 797	8 084
Tây-ban-nha	3 237	3 565
Ý	1 968	1 989
Các nước khác	3 233	7 724

*Ngoại thương (thương mại đặc biệt) của Đức (tr. 198)*

	(triệu mác)				Tăng	
	1 8 8 9		1 9 1 0			
	nhập	xuất	nhập	xuất	nhập	xuất
1. Châu Âu	3 239. <sub>9</sub>	2 509. <sub>7</sub>	5 196. <sub>8</sub>	5 623. <sub>9</sub>	+60%	+124%
2. Châu Phi	39. <sub>6</sub>	22. <sub>1</sub>	418. <sub>0</sub>	181. <sub>3</sub>		
3. Châu Á	128. <sub>2</sub>	84. <sub>3</sub>	818. <sub>3</sub>	332. <sub>3</sub>		
4. Châu Mỹ	635. <sub>4</sub>	613. <sub>6</sub>	2 190. <sub>7</sub>	1 255. <sub>0</sub>		
5. Châu Úc	35. <sub>1</sub>	23. <sub>5</sub>	293. <sub>0</sub>	71. <sub>8</sub>		
2-5	$\Sigma = 838.3$	743. <sub>5</sub>	3 730. <sub>0</sub>	1 840. <sub>4</sub>	+345%	+147%
	$\Sigma\Sigma = 7 343.5$	(1889)				

(tr. 203). Thương mại đặc biệt (kể cả các kim loại quý) của những nước quan trọng nhất

	1870		1882		1901		1910	
	triệu mác	mác (tính theo đầu người)	triệu mác	tính theo đầu người	triệu mác	tính theo đầu người	triệu mác	tính theo đầu người
Anh (+Ai-ro-len)	9 180	312	12 658	355	14 977. <sub>0</sub>	360	20 507. <sub>1</sub>	453
Pháp	4 540	124	7 326	195	6 705. <sub>8</sub>	171. <sub>9</sub>	10 212. <sub>5</sub>	260
Đức	4 240	106	6 409	141	9 852. <sub>6</sub>	172. <sub>2</sub>	16 408. <sub>8</sub>	257
Nga	2 000	27	2 140	30	2 926. <sub>8</sub>	26. <sub>1</sub>	5 047. <sub>5</sub>	40
Áo-Hung	1 660	47	3 015	75	3 007. <sub>3</sub>	65. <sub>7</sub>	4 450. <sub>4</sub>	88
Ý	1 480	61	2 000	70	2 474. <sub>4</sub>	76. <sub>1</sub>	4 170. <sub>4</sub>	123
Tây-ban-nha			840	53	1 386. <sub>8</sub>	74	1 566. <sub>2</sub>	80
Bồ-đào-nha			280		390. <sub>9</sub>	71. <sub>0</sub>	434. <sub>1</sub>	77
Hà-lan	1 420	388	2 520	602	6 391. <sub>0</sub>	1 239	9 446. <sub>7</sub>	1 657
Bỉ	1 280	252	3 380	421	3 239. <sub>4</sub>	476	6 137. <sub>9</sub>	841
Thụy-điển - Na-uy	840	115	1 080	131	1 407. <sub>7</sub>	190. <sub>2</sub>	1 891. <sub>5</sub>	242
Hợp chúng quốc Mỹ	3 420	98	6 150	120	9 526. <sub>5</sub>	122. <sub>5</sub>	13 578. <sub>7</sub>	150

XU-PAN. "SỰ BÀNH TRƯỚNG LÃNH THỔ THUỘC ĐỊA CỦA CHÂU ÂU"  
VÀ "BẢNG THỐNG KÊ ĐỊA LÝ" CỦA ỚT-TÔ HUÝP-NO

Giáo sư tiến sĩ A-lếch-xan-đrơ Xu-pan. "Sự bành trướng  
lãnh thổ thuộc địa của châu Âu". 1906 (tr. 256 và 257)<sup>1)</sup>

Bảng 1. Thuộc địa vào năm 1876 và 1900 (xếp theo các châu)<sup>2)</sup>

Châu Á	1876		1900		Tăng (+) và giảm (-)		Trích từ các bảng thống kê địa lý của Ớt-tô Huýp-no (1914)	
	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người
Anh	22 772. <sub>9</sub>	291 495	25 012. <sub>7</sub>	390 636	+ 2 239. <sub>8</sub>	+ 99 141	25 297. <sub>1</sub>	422 558
Hà-lan	3 765. <sub>4</sub>	241 835	5 224. <sub>4</sub>	301 495	+ 1 459. <sub>0</sub>	+ 59 660	5 265. <sub>3</sub>	324 773
Pháp	1 520. <sub>6</sub>	24 170	1 520. <sub>6</sub>	37 494	-	+ 13 324	1 520. <sub>6</sub>	37 717
Tây-ban-nha	296. <sub>3</sub>	2 683	664. <sub>2</sub>	18 073	+ 504. <sub>2</sub>	+ 15 390	803. <sub>5</sub>	17 272
Bô-đào-nha	19. <sub>9</sub>	849	-	-	- 296. <sub>3</sub>	- 6 000	-	-
Đế quốc Đức	-	-	0. <sub>5</sub>	84	+ 0. <sub>5</sub>	+ 84	0. <sub>5</sub>	192
Nga	17 010. <sub>7</sub>	15 958	17 286. <sub>8</sub>	25 045	+ 276. <sub>1</sub>	+ 9 087	17 388. <sub>1</sub>	33 164
Mỹ (chắc là Phi-líp-pin)	-	-	296. <sub>3</sub>	7 635	+ 296. <sub>3</sub>	+ 7 635	296. <sub>3</sub>	8 460

Châu Phi	3 218. <sub>7</sub>	11 425	26 950. <sub>9</sub>	123 349	+ 23 732. <sub>2</sub>	+ 111 924	28 583. <sub>8</sub>	126 614
Anh	706. <sub>9</sub>	2 331	9 201. <sub>2</sub>	53 097. <sub>2</sub>	+ 8 494. <sub>3</sub>	+ 50 766	9 675. <sub>7</sub>	52 069
Bỉ, quốc gia Công-gô	-	-	2 382. <sub>8</sub>	19 000	+ 2 382. <sub>8</sub>	+ 19 000	2 365. <sub>0</sub>	15 003
Pháp	700. <sub>0</sub>	2 875	10 211. <sub>2</sub>	31 518	+ 9 511. <sub>2</sub>	+ 28 643	9 660. <sub>3</sub>	37 750
Tây-ban-nha	9. <sub>8</sub>	319	220. <sub>3</sub>	673	+ 210. <sub>5</sub>	+ 354	560. <sub>5</sub>	589
Bô-đào-nha	1 802. <sub>0</sub>	5 900	2 073. <sub>2</sub>	6 865	+ 271. <sub>2</sub>	+ 965	2 069. <sub>9</sub>	8 351
Ý	-	-	510. <sub>0</sub>	731	+ 510. <sub>0</sub>	+ 731	1 590. <sub>1</sub>	1 403
Đế quốc Đức	-	-	2 352. <sub>2</sub>	11 465	+ 2 352. <sub>2</sub>	+ 11 465	2 662. <sub>3</sub>	11 449
Úc	7 699. <sub>4</sub>	1 970	7 699. <sub>4</sub>	3 983	-	+ 2 013	7 699. <sub>4</sub>	(3 983)
Anh	7 699. <sub>4</sub>	1 970	7 699. <sub>4</sub>	3 983	-	+ 2 013	7 699. <sub>4</sub>	7 760
Phô-ni-đê-đi-a	711. <sub>9</sub>	934	1 238. <sub>9</sub>	2 440	+ 527. <sub>0</sub>	+ 1 506	8 261. <sub>3</sub>	6 588
Anh	291. <sub>9</sub>	564	558. <sub>7</sub>	1 496	+ 266. <sub>8</sub>	+ 932	394. <sub>8</sub>	240
Hà-lan	394. <sub>1</sub>	240	394. <sub>8</sub>	240	+ 0. <sub>7</sub>	-	22. <sub>6</sub>	80
Pháp	23. <sub>3</sub>	93	24. <sub>2</sub>	88	+ 0. <sub>9</sub>	+ 5	-	-
Tây-ban-nha	2. <sub>6</sub>	37	-	-	- 2. <sub>6</sub>	- 3. <sub>7</sub>	-	-
Đế quốc Đức	-	-	243. <sub>8</sub>	449	+ 243. <sub>8</sub>	+ 449	245. <sub>1</sub>	641
Mỹ <sup>6)</sup>	-	-	17. <sub>4</sub>	167	+ 17. <sub>4</sub>	+ 167	17. <sub>4</sub>	211
Châu Mỹ	10 599. <sub>8</sub>	7 740	10 502. <sub>6</sub>	9 148	- 97. <sub>2</sub>	+ 1 408	9 184. <sub>1</sub>	10 731
Anh	8 711. <sub>4</sub>	5 160	8 728. <sub>2</sub>	7 533	+ 16. <sub>8</sub>	+ 2 373	8 962. <sub>3</sub>	10 114
Hà-lan	130. <sub>2</sub>	110	130. <sub>2</sub>	140	-	+ 30	130. <sub>2</sub>	140
Pháp	82. <sub>0</sub>	346	82. <sub>0</sub>	428	-	+ 82	91. <sub>2</sub>	450
Tây-ban-nha	123. <sub>3</sub>	2 025	-	-	- 123. <sub>3</sub>	- 2 025	-	-
Đan-mach	0. <sub>4</sub>	38	0. <sub>4</sub>	31	-	+ 7	0. <sub>4</sub>	27
Thụy-điển	0. <sub>02</sub>	1	-	-	- 0. <sub>02</sub>	- 1	-	-
Mỹ <sup>6)</sup>	1 552. <sub>5</sub>	60	1 561. <sub>8</sub>	1 016	+ 9. <sub>3</sub>	+ 956	-	-

[Xem tiếp đoạn cuối bảng này ở trang sau. B.T.]

	1876		1900		Tăng (+) và giảm (-)		nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>
	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người		
<i>Bắc Cực</i>	1 492,1	82	1 492,1	91	-	+	15	
Anh <sup>8)</sup>	1 301,1	1	1 301,1	1	-	-	2	1 374,0
Đan-mạch <sup>9)</sup>	191,0	81	191,0	90	-	+	13	88,1
<i>Nam Cực</i>	-	-	3,5	-	+	3,5	-	-
Pháp <sup>10)</sup>	-	-	3,5	-	+	3,5	-	-
Tổng số	46 494,8	313 646	72 900,1	529 647	+ 26 405,3	+ 216 001	-	-

<sup>2)</sup> Tính cả Ai-cập và Xu-đăng...

<sup>6)</sup> Xếp vào các thuộc địa ở đây có cả các đảo Ha-oai và A-la-xca là những xứ không cùng biên giới với lãnh thổ [chủ yếu của chính quốc].

<sup>8)</sup> Quần đảo Bắc Cực của Bắc Mỹ...

<sup>9)</sup> Ai-len và Grin-len.

<sup>10)</sup> (Các đảo Thánh Pa-ven, Tân Am-xtéc-đam, Kéc-gơ-lơn)...

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 473-475.

<sup>2)</sup> Bảng này do N. C. Crúp-xcai-a viết trong vở ghi chép, trừ những chữ in đậm.

A. Xu-pan, tr. 254:

"Lãnh thổ thuộc các cường quốc thực dân châu Âu (kể cả nước Mỹ) tính theo tỷ lệ phần trăm <sup>1)</sup>

	1876	1900	
ở châu Phi . . . . .	10,8	90,4	+ 79,6
" Pô-li-nê-di-a . . . . .	56,8	98,9	+ 42,1
" châu Á . . . . .	51,5	56,6	+ 5,1
" Úc . . . . .	100,0	100,0	-
" châu Mỹ * . . . . .	27,5	27,2	- 0,3

Như vậy, đặc điểm của thời kỳ này là *sự phân chia châu Phi và Pô-li-nê-di-a*... (tr. 254)...

Quá trình các nước châu Âu cướp bóc người bản xứ được nêu lên đặc biệt rõ nét ở phần trình bày *sự phân chia vùng Viễn Ấn* (Xiêm và "Miến-điện" thuộc Anh hoặc Biéc-ma-ni ở phía Tây và Đông-dương thuộc Pháp ở phía Đông) – trong sách của Xu-pan, tr. 299 và các trang tiếp. Tổng kết (những con số về diện tích được hết sức vẽ cho tròn) (tính theo nghìn km<sup>2</sup>):

	1876	1900	
Ma-lắc-cơ thuộc Anh . . . . .	32	92	+ 60
Miến-điện thuộc Anh . . . . .	228	696	+ 468
Những đất thuộc Pháp . . . . .	160	663	+ 503
Các nước độc lập . . . . .	1 665	634	- 1 031
Vùng Viễn Ấn hiểu theo ý nghĩa chính trị . . . . .	2 085	2 085	

"Ngoài ra, nên lưu ý rằng người ta chỉ bảo đảm cho Xiêm có 239 000 km<sup>2</sup> thôi"...

((Theo sách của *Huýp-nơ* (1914) thì *Xiêm* có 600 000 km<sup>2</sup>!! Chưa cướp được hết!!))

\* "Ở đây, A-la-xca bị coi là thuộc địa của Mỹ".

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 473.

Xu-pan viết: "Không còn nghi ngờ gì nữa, quá trình này" (phân chia vùng *Viễn Án*) "vẫn chưa kết thúc".

Tổng kết vấn đề chiếm thuộc địa, Xu-pan nói rằng điều chủ yếu đã được hoàn thành trong 50 năm gần đây (1850 - 1900) – tr. 306 và các trang tiếp – và ông ta chia ra 3 loại thuộc địa: 1) bản xứ (không có hoặc hầu như không có người da trắng. Ấn-độ thuộc Anh là ở loại này); 2) hỗn hợp (số ít là người da trắng; lẫn lộn); 3) thuộc địa di cư (đại đa số là người da trắng).

Khi đưa ra những số liệu tỉ mỉ về châu Mỹ (38 331 200 km<sup>2</sup>; 144.2 triệu người, trong đó 88.3 triệu người da trắng), châu Phi (26 950 900 km<sup>2</sup>; 123.3 triệu người); châu Á (24 506 200 km<sup>2</sup>; 390.6 triệu người); các thuộc địa ở biển phía Nam (8 938 300 km<sup>2</sup>; 6.4 triệu người), Xu-pan đã tổng kết như sau (tr. 313):

	km <sup>2</sup>	dân số	mật độ	số dân da trắng
1) Thuộc địa gồm người bản xứ:	35.6 triệu	477.0 triệu	13	–
2) " " hỗn hợp:	33.9	79.7	2.3	11.5 triệu
3) " " gồm những người di cư:	29.4	108.9	4	93.9
Những vùng đất bị chiếm làm thuộc địa	98.9	665.6	7	105.1

(trong loại 1, chủ yếu là Ấn-độ: 365 triệu ở châu Á và 105 triệu ở châu Phi. – Trong loại 3, chủ yếu là Bắc Mỹ: 78.7 triệu, Xi-bi-ri và Trung Á: 7.6 triệu)

NB ||| Xu-pan. "Dân số thế giới". Quyển X đến XII. ||| NB  
 ||| Các quyển bổ sung của "Tin tức Pê-téc-man". ||| NB  
 ||| Gô-ta, 1912. ||| NB

Bảng 2. Thuộc địa vào năm 1876 và 1900 (xếp theo các nước)<sup>1)</sup>

	1876		1900		tăng (+) và giảm (-)	
	nghìn km <sup>2</sup>	người	nghìn km <sup>2</sup>	người	nghìn km <sup>2</sup>	người
<i>Anh</i>	22 476.1	251 861	32 713.0	367 605	+ 10 236.9	+ 115 744
Châu Á	3 765.4	241 835	5 224.4	301 495	+ 1 459.0	+ 59 660
Châu Phi	706.9	2 331	9 201.2	53 097	+ 8 494.3	+ 50 766
Úc	7 699.4	1 970	7 699.4	3 983	-	+ 2 013
Pô-li-nê-di-a	291.9	564	558.7	1 496	+ 266.8	+ 932
Châu Mỹ	8 711.4	5 160	8 728.2	7 533	+ 16.8	+ 2 373
Bắc Cực	1 301.1	1	1 301.1	1	-	-
<i>Hà-lan</i>	2 044.9	24 520	2 045.6	37 874	+ 0.7	+ 13 354
Châu Á	1 520.6	24 170	1 520.6	37 494	-	+ 13 324
Pô-li-nê-di-a	394.1	240	394.8	240	+ 0.7	-
Châu Mỹ	130.2	110	130.2	140	-	+ 30
<i>Bỉ- quốc gia Công-gô</i>	-	-	2 382.8	19 000	+ 2 382.8	+ 19 000
Châu Phi	-	-	2 382.8	19 000	+ 2 382.8	+ 19 000
<i>Pháp</i>	965.3	5 997	10 985.1	50 107	+ 10 019.8	+ 44 110
Châu Á	160.0	2 683	664.2	18 073	+ 504.2	+ 15 390
Châu Phi	700.0	2 875	10 211.2	31 518	+ 9 511.2	+ 28 643
Pô-li-nê-di-a	23.3	93	24.2	88	+ 0.9	+ 5

[Xem tiếp bảng này ở các tr. 352 – 353. B. T.]

[tiếp theo. B. T.]

	1876	1900	tăng (+) và giảm (-)	1900	1900	1900	1900	1900
	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người	nghìn km <sup>2</sup>	nghìn người
Châu Mỹ	82 <sub>-0</sub>	346	82 <sub>-0</sub>	428	-	+ 82	91 <sub>-2</sub>	450
Nam Cực	-	-	3 <sub>-5</sub>	-	+ 3 <sub>-5</sub>	-	(3 <sub>-5</sub> )	-
<i>Tây-ban-nha</i>	432 <sub>-0</sub>	8 381	220 <sub>-3</sub>	673	- 211 <sub>-7</sub>	- 7 708	560 <sub>-5</sub>	589
Châu Á	296 <sub>-3</sub>	6 000	-	-	- 296 <sub>-3</sub>	6 000	-	-
Châu Phi	9 <sub>-8</sub>	319	220 <sub>-3</sub>	673	+ 210 <sub>-5</sub>	+ 354	-	-
560.5	589							
Pô-li-nê-di-a	2 <sub>-6</sub>	37	-	-	- 2 <sub>-6</sub>	- 37	-	-
Châu Mỹ	123 <sub>-8</sub>	2 025	-	-	- 123 <sub>-3</sub>	- 2 025	-	-
<i>Bô-đào-nha</i>	1 821 <sub>-9</sub>	6 749	2 093 <sub>-1</sub>	7 675	+ 271 <sub>-2</sub>	+ 926	2 092 <sub>-7</sub>	9 331
Châu Á	19 <sub>-9</sub>	849	19 <sub>-9</sub>	810	-	- 39	22 <sub>-8</sub>	980
Châu Phi	1 802 <sub>-0</sub>	5 900	2 073 <sub>-2</sub>	6 865	+ 271 <sub>-2</sub>	+ 965	2 069 <sub>-9</sub>	8 351
Ý	-	-	510 <sub>-0</sub>	731	+ 510 <sub>-0</sub>	+ 731	1 590 <sub>-1</sub>	1 403
Châu Phi	-	-	510 <sub>-0</sub>	731	+ 510 <sub>-0</sub>	+ 731	1 590	1 403
<i>Đế-Quốc Đức</i>	-	-	2 596 <sub>-5</sub>	11 998	+ 2 596 <sub>-5</sub>	+ 11 998	2 907 <sub>-9</sub>	12 282
Châu Á	-	-	0 <sub>-5</sub>	84	+ 0 <sub>-5</sub>	+ 84	0 <sub>-5</sub>	192
Châu Phi	-	-	2 352 <sub>-2</sub>	11 465	+ 2 352 <sub>-2</sub>	+ 11 465	2 662 <sub>-3</sub>	11 449
Pô-li-nê-di-a	-	-	243 <sub>-8</sub>	449	+ 243 <sub>-8</sub>	+ 449	245 <sub>-1</sub>	641

<i>Dan-mạch</i>	191 <sub>-4</sub>	119	191 <sub>-4</sub>	121	-	+ 2	88 <sub>-5</sub>	40
Châu Mỹ	0 <sub>-4</sub>	38	0 <sub>-4</sub>	31	-	- 7	0 <sub>-4</sub>	27
Bắc Cực	191 <sub>-0</sub>	81	191 <sub>-0</sub>	90	-	+ 9	88 <sub>-1</sub>	13
<i>Thụy-điển</i>	0 <sub>-02</sub>	1	-	-	- 0 <sub>-02</sub>	- 1	0 <sub>-02</sub>	-
Châu Mỹ	0 <sub>-02</sub>	1	-	-	- 0 <sub>-02</sub>	- 1	(0 <sub>-02</sub> )	-
<i>Nga</i>	17 010 <sub>-7</sub>	15 958	17 286 <sub>-8</sub>	25 045	+ 276 <sub>-1</sub>	+ 9 087	17 388 <sub>-1</sub>	33 164
Châu Á	-	-	296 <sub>-3</sub>	7 635	+ 296 <sub>-3</sub>	+ 7 635	296 <sub>-3</sub>	8 460
Châu Á	17 010 <sub>-7</sub>	16 958	17 286 <sub>-6</sub>	25 045	+ 276 <sub>-1</sub>	+ 9 087	17 388 <sub>-1</sub>	33 164
<i>Mỹ</i>	1552 <sub>-5</sub>	60	1875 <sub>-5</sub>	8818	+ 323 <sub>-0</sub>	+ 8758	(1875 <sub>-5</sub> )	(9687)
Pô-li-nê-di-a	-	-	17 <sub>-4</sub>	167	+ 17 <sub>-4</sub>	+ 167	17 <sub>-4</sub>	211
Châu Mỹ	1 552 <sub>-5</sub>	60	1 561 <sub>-8</sub>	1 016	+ 9 <sub>-3</sub>	+ 956	(1 561 <sub>-8</sub> )	(1 016)
Tổng số	46 494 <sub>-8</sub>	313 646	72 900 <sub>-1</sub>	529 647	+ 26 405 <sub>-3</sub>	+ 216 001	74 963 <sub>-5</sub>	568 694

1) Bảng này do N. C. Crúp-xai-a viết trong vở ghi chép: những chữ in đậm do V. I. Lê-nin viết.

*Thế nào là chủ nghĩa đế quốc?*

Những cường quốc "lớn":	Thuộc địa				Chính quốc Tổng số			
	1876		1914		1914		1914	
	(tính theo triệu)							
	km <sup>2</sup>	người	km <sup>2</sup>	người	km <sup>2</sup>	người	km <sup>2</sup>	người
Anh	22.5	251.9	33.5	393.5	0.3	46.5	33.8	440.0
Nga	17.0	15.9	17.5	33.2	5.4	136.2	22.8	169.4
Pháp	0.9	6.0	10.6	55.5	0.5	39.6	11.1	95.1
Đức	-	-	2.0	12.3	0.5	64.9	3.4	77.2
Nhật-bản	-	-	0.3	19.2	0.4	53.0	0.7	72.2
Hợp chủng quốc Bắc Mỹ	-	-	0.3	9.7	9.4	97.0	9.7	106.7
<b>Tổng số của sáu cường quốc "lớn"</b>	<b>40.4</b>	<b>273.8</b>	<b>65.0</b>	<b>523.4</b>	<b>19.5</b>	<b>437.2</b>	<b>81.5</b>	<b>960.2</b>

Ba nước bị người ta đặc biệt ra công xé ra thành ừng mảnh (Thổ-nhĩ-kỳ, Trung-quốc, Ba-tư) . . . . . 14.5 361.2

Toàn bộ trái đất (không kể hai cực) . . . . . 133 1 657

Tất cả các thuộc địa:	46.5	313.6	74.98	568.7
-----------------------	------	-------	-------	-------

Các thuộc địa *khó* thuộc về những cường quốc lớn 9.9 45.3

*NB* Nước Nga 169 x 0.57% = 96.33 *NB* 96 triệu người bị áp bức hoặc không bình đẳng về quyền lợi

	km <sup>2</sup>	người
		(triệu)
Toàn bộ châu Âu . . . . .	9.97	452.4
Anh + Pháp + Nga + Đức . . . . .	6.70	287.2
các nước khác . . . . .	3.27	165.2

	km <sup>2</sup>	người
	(triệu)	
Toàn bộ châu Mỹ . . . . .	39.98	189.5
Hợp chủng quốc Bắc Mỹ . . . . .	9.40	97.0
tất cả các thuộc địa . . . . .	9.20	10.7
các nước khác . . . . .	21.38	81.8
Toàn bộ châu Á . . . . .	44.45	871.2
tất cả các thuộc địa . . . . .	25.3	422.5
ba nước nửa thuộc địa (Thổ-nhĩ-kỳ + Trung-quốc + Ba-tư) . . . . .	19.1	448.7
còn lại . . . . .	4.6	87.5
Toàn bộ châu Phi	29.9	136.2
tất cả các thuộc địa:	28.6	126.6
còn lại =	1.3	9.6
Toàn bộ Úc:	8.9	7.8
tất cả các thuộc địa = (+ Pô-li-nê-di-a?)	7.7	3.4 (?)

6 cường quốc lớn	437.2	} 929.9
tất cả các thuộc địa	568.7	
3 nước "bị xâu xé"	361.2	
	1 367.1	

■ 300 có đặc quyền  
150 bị áp bức  
1 000 {thuộc địa và bị xâu xé}  
1 450  
150 nước nhỏ và dự bị  
1 600

*Khoảng:*  
triệu người  
300 "cường quốc lớn", những kẻ áp bức và ăn cướp có đặc quyền  
300 nước bị phụ thuộc, không có đầy đủ quyền lợi, bị cướp bóc và nhỏ bé  
1 000 thuộc địa và nước "bị xâu xé"  
1 600



Quốc tịch những người nước ngoài ở các cảng  
tô nhượng

	1912	
	Hãng	Cá nhân
Người Nhật	733	75 210
Người Nga	323	45 908
Người Anh	592	8 690
Người Mỹ	133	3 869
Người Pháp	107	3 133
Người Đức	276	2 817
Người Bồ-đào-nha	44	2 785
Người Ý	40	537
Người Áo	17	328
Người Đan-mạch	11	279
Người Na-uy	8	250
Người Bỉ	15	245
Người Tây-ban-nha	6	224
Người Thụy-điển	2	189
Người Hà-lan	13	157
Người Hung-ga-ri	3	27
Người Bra-xin	1	9
Những người khác	4	97
<b>Tổng số</b>	<b>2 328</b>	<b>144 754</b>

	Chính quốc		Thuộc địa		Tổng số		(Thuộc địa) tính theo triệu	
	triệu km <sup>2</sup>	triệu người	triệu km <sup>2</sup>	triệu người	triệu km <sup>2</sup>	triệu người	1876	1914
(β) Nga (châu Âu) + châu Á	5.4	136.2	16.9	33.2	22.3	169.4	17.0	15.9
(α) Anh	0.3	46.5	30.0	378.5	30.3	425.0	22.5	251.9
(γ) Pháp	0.5	39.8	10.6	55.5	11.1	95.1	0.9	6.0
Σ =	6.2	222.3	57.5	467.2	63.7	689.5		
1) Bỉ	0.03	7.5	2.4	15.0	2.4	22.5		
Xéc-bi-a	0.09	4.5	—	—	0.1	4.5		
(δ) Đức	0.5	64.9	2.9	12.3	3.4	77.2		
Áo - Hung	0.7	51.4	—	—	0.7	51.4		
Thổ-nhĩ-kỳ	1.8	21.6	—	—	1.8	21.6		
(ε) Nhật-bản	3.0	137.9	2.9	12.3	5.9	150.2		
Trung-quốc	0.4	53.0	0.3	19.2	0.7	72.2		
(ξ) Mỹ	11.1	329.6	—	—	11.1	329.6		
6 cường quốc "lớn" (α - ξ)	9.4	97.0	0.3	9.7	9.7	106.7		
Σ =	16.5	437.2	61.0	508.4	77.5	945.6	40.4	273.8
Thổ-nhĩ-kỳ							1.8	21.6
Trung-quốc							11.1	329.6
Σ =							12.9	351.2
Ba-tư							1.6	10.0
Σ =							14.5	361.2

<sup>1)</sup> Bỉ 29 452 km<sup>2</sup> và 7.5 người (triệu) + 2.4 triệu km<sup>2</sup> thuộc địa và 15 triệu triệu dân. Σ = 2.4 triệu km<sup>2</sup> và 22.3 triệu người

Xéc-bi-a 87 303 km<sup>2</sup> và 4.5 triệu dân  
Σ = 0.1 triệu km<sup>2</sup> và 4.5 triệu dân

Các nước vùng Ban-căng trước và sau chiến tranh 1912/3<sup>1)</sup>

	Tổng diện tích tính theo km <sup>2</sup>			Dân số		
	Diện tích cũ	Đất có thêm	Diện tích hiện nay	Diện tích cũ	Đất có thêm	Diện tích hiện nay
Ru-ma-ni	131 353	8 340	139 693	7 248	354	7 602
Bun-ga-ri	96 345	17 660	114 005	4 337	429	4 766
Xéc-bi-a	48 303	39 000	87 303	2 912	1 533	4 445
Mông-tê-nê-grô	9 080	5 100	14 180	285	150	435
An-ba-ni	—	28 000	28 000	—	800	800
Hý-lạp	64 657	51 318	28 180	2 632	1 624	-4 256
Crết	8 618	- 149 755	28 180	344	- 4 583	1 891
Thổ-nhĩ-kỳ	169 317			6 130		
Các nước vùng Ban-căng	527 673	- 337 <sup>1)</sup>	527 336	23 888	307	24 195

<sup>1)</sup> Chỗ khác nhau là do ước tính sai, cụ thể là An-ba-ni được đưa ra bé hơn trên thực tế.

<sup>1)</sup> Bảng này do N. C. Crúp-xcai-a viết trong vở ghi chép.

Toàn bộ trái đất:	Dân số			Thương mại đặc biệt (1912)		
	triệu km <sup>2</sup>	triệu	%	tính trên mỗi km <sup>2</sup>	Nhập (triệu)	Xuất (mác)
Châu Á	44. <sup>45</sup>	871. <sup>2</sup>	526	19. <sup>6</sup>	9 278	10 162
Châu Âu	9. <sup>97</sup>	452. <sup>4</sup>	273	45. <sup>4</sup>	56 655	44 224
Châu Phi	29. <sup>89</sup>	136. <sup>2</sup>	82	4. <sup>5</sup>	3 149	3 584
Châu Mỹ	39. <sup>98</sup>	189. <sup>5</sup>	114	4. <sup>7</sup>	15 738	18 286
Úc	8. <sup>96</sup>	7. <sup>8</sup>	5	0. <sup>9</sup>	2 199	2 269
Các nước ở hai cực	12. <sup>67</sup>	0. <sup>01</sup>	0	—	—	—
Tổng cộng:	145. <sup>92</sup>	1 657. <sup>1</sup>	1 000	11. <sup>4</sup>	87 019	78 525

*Bảng thống kê địa lý của Ôt-tô Huýp-nơ, xuất bản 1914 (xuất bản năm thứ 63)<sup>1)</sup>*

<i>Anh</i>	<u>Đường sắt</u>
	km
(1912) Ai-cập	4 241
(1912) Xu-đăng thuộc Ai-cập	1 725
(1912) Man-tơ	13
(1911/12) Síp	98
(1911/12) Ấn-độ	55 875
(1911) Xây-lan	971
(1911) Xơ-rây-tơ Xết-tơn-men	34
	16
(1912) Vùng bảo hộ Mã-lai	1 180
(1912) Hồng-kông	15
(1912) Bắc Boóc-nê-ô	211
(1912) Liên bang Nam Phi	12 626
(1910) Đất thổ dân Ba-dút	26
(1912) Rô-đê-di-a	3 872
(1912) Nước Ni-a-xa	182
(1912) Đông Phi	943
(1912) Đan-di-ba	10
(1912) Ni-giê-ri-a	1 467
(1912) Xi-ê-ra Lê-ôn	365
(1912) Bờ biển vàng	270
(1912) đảo Mô-ri-xơ	207

<sup>1)</sup> Đoạn ghi ở trang 10 của quyển vở này (xem tập này, tr. 359-362) do N. C. Crúp-xcai-a viết; những chỗ in đậm do V. I. Lê-nin viết.

(1912) Niu-phao-len	1 238
(1912) Ca-na-đa	47 150
(1912) Ha-mai-ca	313
(1912) Những đảo hứng gió	45
(1912) Tô-ri-ni-đát	135
(1912) Hôn-đu-rát	40
(1912) Guy-an	152
(1912/13) Liên bang Úc	30 141
(1912/13) Tân Tây-lan	4 588
	<hr/>
	168 149

*Pháp*

(1910) An-giê-ri	3 491
(1912) Tuy-ni-di	1 656
(1913) Tây Phi	2 400
(1913) Bờ biển Xô-ma-li	130
(1913) Ma-đa-ga-xca	368
(1913) Rê-uy-ni-ông	126
(1913) Ấn-độ	30
(1912) Đông-dương	1 374
(1908) Mác-ti-ních	224
(1913) Guy-an	16
(1913) Tân Ca-lê-đô-ni	17
	<hr/>
	9 832

(1912) *Công-gô thuộc Bỉ* 1235

*Ý*

(1912) Li-bi	87
(1912) Ê-ri-tô-rê	120
	<hr/>
	207

*Đế quốc Đức*

(1913) Đông Phi	1 602
(1913) Ca-mơ-run	443
(1913) Tô-gô	327
(1913) Tây Nam Phi	2 104
	<hr/>
	4 476

<i>Hà-lan</i>	
(1912) Đông Ấn	2 355
	2 683
Các đất khác	337
	<hr/>
	5 375

*Nga*

(1913) Cáp-ca-dơ	}	17 036
Trung Á		
Xi-bi-ri		

(1911) <i>Thổ-nhĩ-kỳ trong đó ở</i>	6 660
1. Châu Âu	1 994
2. Tiểu Á	2 372
3. Xy-ri và A-ra-bi	2 294
(1909) Ba-tư đã được sử dụng	54
	12

Tổng  
diện tích      Dân số  
tính bằng km<sup>2</sup>

<i>Thổ-nhĩ-kỳ</i> , nhà nước lập hiến từ năm 1909	1 794 980	21 600 000 (1910)
Thổ-nhĩ-kỳ thuộc châu Âu	28 180	1 891 000 (1910)
Tiểu Á	501 400	10 940 765 (1910)
Ác-mê-ni-a và Cuốc-đi-xtan	186 500	2 357 436 (1900)
Xy-ri và Mê-dô-pô-ta-mi	637 800	5 361 203 (1910)
A-ra-bi	441 100	1 050 000 (1910)

<i>Trung-quốc</i> , nước cộng hòa từ tháng Ba 1912	11 138 000	329 617 760
Trung-quốc chính quốc	6 242 300	325 817 760 (1910)
Mông-cổ	2 787 600	1 800 000
Tây-tạng	2 109 000	2 000 000

<i>Nhật-bản</i> , đế quốc có hiến pháp	673 681	72 206 475
Nhật-bản chính quốc	382 415	52 985 423 (1912)
Đài-loan	35 997	3 512 607 (1913)

Ca-ra-phu-tô (Xa-kha-lin thuộc Nhật)	34 069	42 612 (1913)
Quan-đông	3 374	501 767(1913)
Triều-tiên	217 826	15 164 066 (1913)

**N B:** tính theo nghìn km<sup>2</sup> (**tổng diện tích**)

BA-TU – khoảng 1645 **(toàn bộ dân số Ba-tu  
năm 1907: 9 1/2 triệu)**

Theo hiệp ước năm 1907:

phạm vi ảnh hưởng của Anh khoảng 355  
" " " " " Nga khoảng 790

## NHỮNG LỜI BUỘC TỘI LẤN NHAU

*Những lời buộc tội lẫn nhau:*

"La Revue de Paris", 1 tháng Ba 1915 (số 5, 1915)

bài báo của **G. Đơ-moóc-nhi**: "*Những phương pháp  
Thổ-nhĩ-kỳ - Đức ở Ba-tu*" (có kèm theo bản đồ những  
phạm vi ảnh hưởng của Nga và Anh ở Ba-tu).

NB ||| Tiếng la ó của một tên đế quốc chủ nghĩa về thắng lợi  
của người Đức. (Điện hình để miêu tả chủ nghĩa đế quốc.)

Có đoạn viết (trang 217):

NB ||| "24 tháng Chạp (1914) một trái bom đã nổ ở Tê-hê-  
ran, nhằm giết những viên công sứ Nga, Pháp, Bỉ và  
Anh, nhưng đã không trúng đích và kết quả là trái  
bom đã giết chết một trong những kẻ tham gia vụ âm  
mưu do bọn Đức – Thổ-nhĩ-kỳ tổ chức"...

NB ||| Tác giả trích dẫn những bài báo của mình đăng trên  
tạp chí "*Revue du monde musulman*", 1913, các số 22  
và 23 (tháng Ba và tháng Sáu 1913) và trích những  
cuốn sách của mình như: "*Những vấn đề sông  
Đa-nuýp*". Pa-ri, 1911 (La-rô-dơ và Tê-nanh); "*Bộ  
máy cai trị của Ba-tu*". Pa-ri, 1913 (Lê-ru);  
một cuốn khác nữa cũng của ông: "Những cơ quan tài  
chính của Ba-tu". Pa-ri, 1915 (Lê-ru).

*Năm Xích-can-in* (21. III. 1912 – 20. III. 1913).

1. Buôn bán giữa Nga và Ba-tư = 628 857 900 cran (1 đồng cran = 0,4545 phrăng).

Xuất khẩu của Ba-tư sang Nga = 69% tổng số xuất của Ba-tư.

Nhập khẩu của Nga vào Ba-tư = 58% tổng số nhập của Ba-tư (tr. 205).

2. Xuất khẩu của Anh sang Ba-tư = 25% tổng số nhập của Ba-tư.  
Xuất khẩu từ Ba-tư sang Anh = 13% tổng số xuất của Ba-tư.
3. Thổ-nhĩ-kỳ
4. Buôn bán giữa Đức với Ba-tư = 24 316 252 cran.
5. Pháp
6. Ý

((Thứ tự các nước xếp theo quy mô buôn bán với Ba-tư: 1 – 6))

“**Preussische Jahrbücher**”, 1915, quyển 3 (tháng Ba), bài của Han-xơ Đen-bruych (tr. 485):

“Phin-đây, công sứ Anh ở Na-uy, thay mặt chính phủ Anh, đã tìm cách thuê một tên giết người để khử Ngài Rốt-giơ Kê-dơ-men, người Ai-rơ-len”. (Trích lời buộc tội trở lại của Đen-bruych đưa ra chống lại Anh). NB

### “NHỮNG NHẬN XÉT VỀ KỸ THUẬT”

“The Daily Telegraph”, 15. III. 1915. “Những nhận xét về kỹ thuật”. “*Xăng dầu trong chiến tranh*. Một tàu chiến hoàn toàn chạy bằng dầu”.

“Viên đại thân phụ trách ngân khố quốc gia đã nói đúng, khi ông ta phát biểu: “Đây là cuộc chiến tranh kỹ thuật”. Chúng ta thấy kỹ thuật in dấu ấn của nó vào từng giai đoạn của cuộc đấu tranh rộng lớn hiện đang diễn ra trên toàn thế giới. Kỹ thuật không còn đóng vai trò thứ yếu nữa rồi.

Nó đã trở thành một nét điển hình chủ yếu của chiến tranh, đến nỗi khi gần đây miêu tả vai trò của sức kéo bằng máy trên lục địa, một “nhân chứng” đã cho rằng có thể gọi nó là một cuộc “chiến tranh xăng”. Có lẽ nên gọi nó là “chiến tranh dầu hoả” thì đúng hơn vì thuật ngữ này bao hàm cả hạm đội trong chùng mực nói như vậy là nói đến rất nhiều trong số những tàu lớn nhất cũng như nhỏ nhất của hạm đội, mà tiêu biểu là những siêu chiến hạm và tàu ngầm”.

Tàu “Nữ hoàng Ê-li-da-bét” là một trong những chiếc tàu đầu tiên “hoàn toàn chạy bằng dầu”. Giá rẻ hơn. Điều chủ yếu là lấy nhiên liệu được nhanh chóng etc. etc. Một bước tiến khổng lồ của kỹ thuật.

Người ta sắp chuyển sang dùng “động cơ đốt trong cho các tàu chiến”. Những tàu buôn đã chuyển sang dùng loại động cơ này rồi.

### GIU-NI-ÚT. “CUỘC KHỦNG HOẢNG CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI”<sup>1</sup>

**Giu-ni-út.** “*Cuộc khủng hoảng của đảng dân chủ - xã hội*”.

Phụ lục: “Đề cương về những nhiệm vụ của phái dân chủ – xã hội quốc tế”. Xuy-rích, 1916. 109 tr. (105 – 109, đề cương).

“Lời mở đầu” đề ngày 2. 1. 1916: theo như tác giả nói, cuốn sách này được viết vào tháng IV. 1915.

tr. 6: “Sự đầu hàng của phái dân chủ – xã hội quốc tế... có lẽ không có gì ngu xuẩn bằng giấu giếm sự đầu hàng đó”...

tr. 24: “Hai đường lối phát triển... dẫn đến... cuộc chiến tranh ấy” 1) 1870, NB, sự sắp nhập An-da-xơ và Lo-ren và 2) sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc trong 25 năm gần đây.

<sup>1</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 1 – 20.

tr. 28: Bài phát biểu của Bu-i-lốp 11. XII. 1899. Cương lĩnh đế quốc chủ nghĩa rõ ràng: người Anh thì "nước Anh lớn hơn nữa", người Pháp thì "nước Pháp mới", người Nga thì châu Á, người Đức thì "nước Đức lớn hơn nữa". NB

tr. 31 – 33: viết rất hay về việc tư bản tài chính Đức cướp bóc nông dân Thổ-nhĩ-kỳ ở Tiểu Á.

tr. 42: ... "Trong cuộc chiến tranh hiện nay, vấn đề chỉ là sự tồn tại của 2 quốc gia: Bỉ và Xéc-bi-a"...

tr. 43: Ở Nga, chủ nghĩa đế quốc "không" hẳn là "sự bành trướng kinh tế" mà chủ yếu là "lợi ích chính trị của nhà nước".

tr. 48: sự tan rã của nước Áo được đẩy nhanh "do sự xuất hiện những nước dân tộc độc lập ở ngay sát nách nền quân chủ"...

... "Tình trạng *khô ng* có sức sống nội tại của Áo đã bộc lộ rõ rệt"...

... "Nền quân chủ Háp-xbuốc không phải là một tổ chức chính trị của nhà nước tư sản, mà chỉ là một tập đoàn gắn bó một cách lỏng lẻo vài bọn sâu mọt của xã hội lại với nhau" (49)...

... "tình trạng lưỡng nan khó tránh khỏi: hoặc là nền quân chủ Háp-xbuốc, hoặc là sự phát triển tư bản chủ nghĩa ở các nước vùng Ban-căng" (49)...

... "Việc xoá bỏ Áo – Hung, đứng về mặt lịch sử mà nói, chỉ là sự tiếp tục sự tan rã của Thổ-nhĩ-kỳ và cùng với sự tan rã của Thổ-nhĩ-kỳ, nó là một yêu cầu của tiến trình phát triển lịch sử" (49 – 50). NB

"Chủ nghĩa đế quốc Đức, bị trói chặt vào hai xác chết đang thối rữa, đã đi thẳng tới cuộc chiến tranh thế giới" (50).

... "Đu-a-la Man-ga Ben ở Ca-mơ-run... vì... một cái tội không có thật là âm mưu (phản quốc)... đã bị xử giảo một cách lạng lẽ, không qua các thủ tục nặng nề của việc xử

án, trong tiếng súng nổ của chiến tranh... Đảng đoàn trong nghị viện Đức đã bao phủ cái xác của lãnh tụ Đu-a-la bằng một bức màn yên lặng kín đáo" (56).

tr. 60: 2 nguyên nhân gây ra thất bại năm 1905:

? (1) cương lĩnh chính trị "rộng lớn" của nó; "một số (vấn đề), như vấn đề ruộng đất thì hoàn toàn không thể giải quyết được trong phạm vi chế độ xã hội hiện nay"...

(2) sự giúp đỡ của bọn phản động châu Âu...

71: "Nguy cơ đối với "sự phát triển mang tính chất giải phóng của nước Đức" không phải là ở nước Nga, như đảng đoàn trong nghị viện Đức tưởng, mà là ở ngay chính nước Đức"... (và ngoài ra có câu: "đường lối Tsa-béc-no", tr. 71).

74: "Chẳng lẽ nguyên tắc xã hội chủ nghĩa về quyền dân tộc tự quyết lại không có nghĩa là mỗi dân tộc đều có quyền và có nghĩa vụ phải bảo vệ nền tự do và độc lập của mình hay sao?"... (75) "tất nhiên, dân tộc nào đầu hàng giặc ngoại xâm, thì thật đáng bị khinh bỉ"...

75: Những lời trích dẫn quyển "*Nội chiến ở Pháp*": "Nhiệt tình anh hùng cao nhất mà xã hội cũ còn có thể đạt tới được, là một cuộc chiến tranh dân tộc, và hiện nay thì rõ ràng rằng chiến tranh ấy là một trò bịp bợm một trăm phần trăm của chính phủ"...

76: "Và thế là trong lịch sử của giai cấp tư sản, sự xâm chiếm và cuộc đấu tranh giai cấp không phải mâu thuẫn với nhau như các huyền thoại quan phương vẫn tuyên bố, mà cái này lại là thủ đoạn và biểu hiện của cái kia. Và nếu như đối với những giai cấp thống trị, sự xâm chiếm là "một thủ đoạn hữu hiệu để chống lại đấu tranh giai cấp, thì đối với các giai cấp đang lên, một cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt nhất vẫn cứ là thủ đoạn tốt nhất để chống lại sự xâm chiếm"... Lịch sử các thành phố Ý ở *thời trung cổ* đặc biệt là năm 1793.

77: cũng thế đối với quyền tự quyết: “Đúng là chủ nghĩa xã hội thừa nhận rằng mọi dân tộc đều được hưởng quyền độc lập và tự do, quyền tự mình định đoạt số phận của mình. Nhưng nếu coi những nước tư bản chủ nghĩa hiện nay là biểu hiện của quyền dân tộc tự quyết ấy thì như thế là thật sự nhạo báng chủ nghĩa xã hội. Cho tới nay, ở nước nào trong những nước ấy, nhân dân đã được quyết định những hình thức và điều kiện của sự tồn tại dân tộc, chính trị và xã hội của họ (sic!)?”. Mác, Ăng-ghen, Lát-xan hiểu “quyền tự quyết của nhân dân Đức” là “một nước cộng hoà Đức thống nhất lớn”. [Nước Đức hiện nay được xây dựng (NB) (77) “trên đồng hoang tàn đổ nát của cái quyền dân tộc (NB) tự quyết (NB) của nhân dân Đức”...]

77 ...“hoặc ví dụ như Cộng hoà đệ tam với các thuộc địa của nó ở bốn châu và những hành vi bạo tàn của nó ở thuộc địa ở hai châu chẳng lẽ lại là biểu hiện của “quyền tự quyết” của nhân dân Pháp hay sao?”...

78: “Hiểu theo nghĩa xã hội chủ nghĩa của khái niệm này, thì sẽ không có một dân tộc nào được gọi là có tự do, nếu như sự tồn tại của nó, với tư cách là quốc gia, lại dựa trên cơ sở sự nô dịch các dân tộc khác, vì há chẳng phải ngay chính nhân dân các thuộc địa cũng bị coi là nhân dân và thành viên của quốc gia ấy đó sao? Chủ nghĩa xã hội quốc tế thừa nhận quyền các dân tộc được tự do, độc lập và bình đẳng, nhưng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể tạo nên những dân tộc như vậy, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể thực hiện được quyền dân tộc tự quyết. Và khẩu hiệu ấy của chủ nghĩa xã hội, cũng như các khẩu hiệu khác, không phải là để biện hộ cho cái đang tồn tại, mà là kim chỉ nam, là nhân tố thúc đẩy giai cấp vô sản đi theo một chính sách tích cực cách mạng, có tính chất cải tạo”...

? ... Trong hoàn cảnh đế quốc chủ nghĩa hiện nay thì nói chung, không thể có “những cuộc chiến tranh dân tộc tự vệ” được nữa (78)... không tính đến hoàn cảnh này tức là “xây nhà trên bãi cát”.

Vì vậy, “vấn đề phòng ngự và tấn công, vấn đề “kẻ tội phạm” là tuyệt đối chẳng có một ý nghĩa gì cả” (78) và cả Pháp lẫn Anh đều không “tự vệ”, họ bảo vệ “không phải là vị trí dân tộc của họ, mà là vị trí chính trị thế giới của họ”...

NB: ... “để xua tan cái bóng ma “chiến tranh dân tộc” hiện đang chi phối chính sách của phe dân chủ – xã hội” (81).

Chính sách đế quốc chủ nghĩa là một hiện tượng quốc tế, là kết quả “của sự phát triển toàn thế giới của tư bản” (79)... “Chỉ có xuất phát từ đó, mới có thể đặt một cách đúng đắn vấn đề “bảo vệ tổ quốc” trong cuộc chiến tranh hiện nay” (80)... Hệ thống các liên minh, những lợi ích quân sự v.v. trực tiếp *thu hút* những lợi ích *đế quốc chủ nghĩa* và các nước *đế quốc chủ nghĩa*... “Cuối cùng, chính cái sự thật là hiện nay tất cả các nước tư bản chủ nghĩa đều có thuộc địa, mà các thuộc địa này thì trong thời kỳ có chiến tranh, ngay cả khi chiến tranh này lúc mới bắt đầu là một “cuộc chiến tranh dân tộc tự vệ” đi nữa, cũng đều bị lôi cuốn vào chiến tranh dù là do những nguyên nhân chiến lược quân sự thuần túy”... “chiến tranh thần thánh” ở Thổ-nhĩ-kỳ, sự khuyến khích khởi nghĩa ở các thuộc địa... — “chính sự thật ấy cũng tự động biến mọi cuộc chiến tranh hiện nay thành một đám cháy đế quốc chủ nghĩa toàn thế giới” (82)...

Tám gương Xéc-bi-a (nước Nga đứng sau nó), Hà-lan (thuộc địa của nó v.v.)... “Như vậy, cũng lại là hoàn cảnh lịch sử của chủ nghĩa đế quốc hiện đại đang quyết định tính chất của các cuộc chiến tranh trong các nước khác nhau, và hoàn cảnh đó đã tác động đến mức là hiện

nay, nói chung, không thể có những cuộc chiến tranh dân tộc tự vệ được nữa" (84)...

Tác giả trích dẫn C. Cau-xky: "Chủ nghĩa yêu nước và đảng dân chủ – xã hội", 1907, nhất là tr. 16, nói rằng "trong những điều kiện ấy, thì không còn có thể mong chờ ở đâu... có một cuộc chiến tranh để bảo vệ tự do dân tộc được nữa" (Cau-xky, do Giu-ni-út trích dẫn, tr. 85). (C. Cau-xky, tr. 12 – 14, nói về "các vấn đề dân tộc" rằng "*chỉ*" (NB) *sau* (NB) khi giai cấp vô sản chiến thắng" thì những vấn đề ấy mới có thể được giải quyết.) [C. Cau-xky, tr. 23. NB]

Thế thì nhiệm vụ của phái dân chủ – xã hội là gì? Không "thụ động". Không. "Như vậy, thay cho việc che đậy một cách giả nhân giả nghĩa cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, bằng tấm áo bảo vệ tổ quốc, thì chính là cần phải *coi trọng* (do tác giả viết ngả) quyền dân tộc tự quyết và việc bảo vệ tổ quốc, dùng chúng như một chiếc đòn xeo cách mạng để *chống lại* (do tác giả viết ngả) chiến tranh đế quốc chủ nghĩa (85). Yêu cầu sơ đẳng nhất của công cuộc bảo vệ tổ quốc là ở chỗ nhân dân tự tay nắm lấy sự nghiệp quốc phòng. Bước đầu tiên để tiến tới đó là: *đội dân cảnh*, tức là không những chỉ vũ trang ngay lập tức toàn thể nam giới lớn tuổi, mà còn trước hết là để cho dân chúng quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; sau đó, điều đó có nghĩa là lập tức xoá bỏ mọi tình trạng không có quyền về chính trị, vì tự do chính trị thật rộng rãi là cần thiết để làm cơ sở cho sự tự vệ của nhân dân. Tuyên bố những biện pháp hữu hiệu ấy trong việc bảo vệ tổ quốc, đòi phải thực hiện chúng, đó chính là nhiệm vụ hàng đầu của phái dân chủ – xã hội" (86). Ấy thế mà những người dân chủ – xã hội hình như lại từ bỏ yêu sách thành

?

???  
NB

lập đội dân cảnh cho đến khi hết chiến tranh!!! mặc dù chính chúng ta đã nói rằng "*chỉ* có đội dân cảnh" mới có khả năng bảo vệ tổ quốc!!!

"Những bậc thầy của chúng ta lại hiểu việc bảo vệ tổ quốc theo một cách khác"... (trong tác phẩm "Nội chiến", Mác ủng hộ cuộc chiến tranh dân tộc của Công xã)... và... Phri-đrich Ăng-ghe-n năm 1892 ủng hộ việc lập lại năm 1793... Nhưng cạnh đó: "*Khi Ăng-ghe-n viết như vậy, ông định nói về một tình hình khác hẳn tình hình hiện tại*" (87) – trước cuộc cách mạng Nga. "Ông (Ăng-ghe-n) nói tới một cuộc chiến tranh dân tộc tự vệ thực sự của nước Đức đang bị tấn công" (87)...

NB! |||||

?? |||||

?? |||||

NB |||||

?? |||||

Và tiếp sau: "Đúng vậy, những người dân chủ – xã hội phải bảo vệ đất nước mình trong thời kỳ khủng hoảng lịch sử lớn lao. Và chính đó cũng là lỗi lầm lớn" của phái dân chủ – xã hội... "Phái này đã *bỏ mặc* tổ quốc mà không hề bảo vệ trong giờ phút nguy hiểm nhất. Bởi vì, trong giờ phút ấy, nghĩa vụ hàng đầu của họ đối với tổ quốc là vạch cho tổ quốc thấy mặt trái thực sự của cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa ấy, xé toang bức màn những lời yêu nước và ngoại giao giả dối đang che đậy sự xâm phạm đó đối với tổ quốc; tuyên bố mạnh mẽ và rõ ràng rằng đối với nhân dân Đức thì thắng hoặc bại trong cuộc chiến tranh này cũng đều nguy hại như nhau cả... tuyên bố cần phải lập tức vũ trang cho nhân dân và để cho nhân dân tự quyết định lấy vấn đề chiến tranh và hoà bình... cuối cùng là đem cương lĩnh cũ thực sự dân tộc của những người yêu nước và các nhà dân chủ năm 1848, cương lĩnh của Mác, Ăng-ghe-n và Lát-xan: khẩu hiệu một nước cộng hoà Đức lớn và thống nhất mà đối lập với cương lĩnh chiến tranh



để quốc chủ nghĩa, tức cương lĩnh nhằm bảo tồn Áo và Thổ-nhĩ-kỳ; nghĩa là bảo tồn bọn phản động ở châu Âu và ở Đức. Đó chính là lá cờ lẽ ra phải đem giương lên trước đất nước, lá cờ thực sự dân tộc, thực sự giải phóng, lá cờ lẽ ra phù hợp với các truyền thống tốt đẹp nhất của nước Đức và của chính sách giai cấp quốc tế của giai cấp vô sản" (88).

... "Như vậy, tình trạng lưỡng nan nặng nề giữa lợi ích của tổ quốc và sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản, cuộc xung đột bi thảm đã thúc đẩy các nghị viện của chúng ta đứng về phía chiến tranh để quốc chủ nghĩa mà "lòng đau như cắt", tất cả đều chỉ là những điều tưởng tượng, bịa đặt của bọn dân tộc chủ nghĩa tư sản. Ngược lại, giữa lợi ích của đất nước với lợi ích giai cấp của Quốc tế vô sản có một sự hài hoà hoàn toàn, ngay cả trong thời chiến cũng như trong thời bình: cả chiến tranh lẫn hoà bình đều đòi hỏi phát triển hết sức mạnh mẽ cuộc đấu tranh giai cấp, đòi hỏi bảo vệ một cách kiên quyết nhất cương lĩnh dân chủ – xã hội" (89)...

Nhưng đảng đã có thể làm được những gì? Tuyên bố tổng bãi công ư? hay việc binh lính cự tuyệt chiến đấu? Trả lời những câu hỏi ấy thì thật là nực cười. Người ta không thể "làm" một cuộc cách mạng được. "Các quy định và những công thức có tính chất kỹ thuật" đều "đáng nực cười" (90), vấn đề không phải là ở đó, mà là ở một khẩu hiệu chính trị rõ ràng. (Hơi nói dài dòng chống lại kỹ thuật etc. etc., chống lại "những nhóm âm mưu nhỏ" etc.) (NB 101 – 102.)

§ VIII (93 – 104) đặc biệt bàn về vấn đề "thắng hay bại" và tìm cách chứng minh rằng cả hai đều không tốt (sự tàn phá, những cuộc chiến tranh mới

100:

etc.). Việc lựa chọn này sẽ là "một sự lựa chọn tuyệt vọng giữa hai trận đòn" (98)... "ngoại trừ trường hợp duy nhất: trường hợp giai cấp vô sản thế giới, bằng hành động can thiệp cách mạng của mình, phá vỡ mọi sự tính toán" (của hai tên đế quốc) (98)... Status quo không thể có được (99), không "lùi lại", mà tiến tới thắng lợi của giai cấp vô sản. Không mơ mộng theo tinh thần giải trừ quân bị, không "không tưởng", "cải cách bộ phận" (99), mà là đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

tr. 102 - đe dọa "tiêu diệt, trên quy mô lớn, giai cấp vô sản châu Âu" (102)... "Tín hiệu một cuộc cách mạng xã hội giải phóng loài người chỉ có thể phát lên từ châu Âu, từ những nước tư bản chủ nghĩa lâu đời nhất, khi thời cơ đến. Chỉ có công nhân Anh, Pháp, Bỉ, Đức, Nga, Ý mới có thể cùng nhau lãnh đạo đội quân những người bị bóc lột và bị nô dịch của cả năm châu" (103).

#### "NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HOÀ BÌNH"

"Journal des débats", 11. XI. 1915.

"Những người xã hội chủ nghĩa và hoà bình"... "Rõ ràng rằng cái liên minh ấy" (liên minh Xim-méc-van) "đã được tổ chức bởi những người xã hội chủ nghĩa Đức mà ai nấy đều biết mối quan hệ thân tình của họ với chính phủ nước này. Đó là một động tác giả mà kẻ địch của ta không thể dùng để làm cho ta kinh ngạc được. Chúng đã nhiều lần dùng lại cái trò ấy, từ khi chúng cảm thấy là chúng thất bại đến nơi rồi".

... "Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp thấy cần thiết phải phát biểu như vậy" (nghị quyết của Đảng xã hội chủ nghĩa chống lại hội nghị), "để đánh tan mọi sự hiểu

lầm và để khẳng định một lần nữa rằng đảng một mực trung thành với bản hiệp ước liên minh thần thánh, một hiệp ước yêu nước” !!

VỀ NHỮNG BÀI BÌNH LUẬN  
TRONG BÁO “TĂNG”

“Le Temps”, 13. XI.

Bài bình luận (trang 2) bàn đến một bài của báo “Vorwärts” viết về lời phát biểu của Rơ-nô-đen và bàn *một cách có thiện cảm* đến bài báo của báo “L’Humanité” *phản đối* Xim-méc-van.

*Ibidem* 12. XI.

“Những người xã hội chủ nghĩa và An-da-xơ - Lo-ren”

bài của Côm-pe-rơ - Mô-ren đăng trên báo “L’Humanité” nói thẳng ra “rằng chúng ta không xem An-da-xơ - Lo-ren đúng như thực chất của nó” (= như là lãnh thổ của Đức mà chúng ta không muốn “xâm chiếm”)...

BRAU-Ơ VIẾT VỀ ETWA

“NHỮNG NGƯỜI THẤT BẠI CHỦ NGHĨA” ĐỨC

“Hochland”. Muyn-khen. Quyển 8 1914/1915. Tháng Năm 1915.

cơ quan ngôn luận thiên chúa giáo, quý tộc của phái giáo quyền Áo – Muyn-khen

(nhà xuất bản Các-lơ Mu-tơ)

*T.Brau-ơ* “Chiến tranh và chủ nghĩa xã hội”.

... “Chiến tranh có ý nghĩa lớn hơn một sự kiện bình thường xảy ra trong quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội: nó mở đầu (ít nhất là trong tiềm năng) cho sự hoàn thành nhất định của quá trình phát triển ấy” (176)...

...(Ông ta “giới thiệu” Mác, Ăng-ghen, Bê-ben...)

... ““Thất bại” về mặt lý luận không cản trở “chủ nghĩa cơ hội” tiếp tục sống vui vẻ và được kính trọng. Quần

chúng tập hợp xung quanh ngọn cờ xã hội chủ nghĩa càng tăng thêm, thì nguyện vọng của họ hướng về hiện tại cũng tăng thêm theo một quy mô còn lớn hơn nhiều, và hoàn toàn không thể ngăn cản họ hướng về một nhà nước hiện đại khi họ đã có ước vọng” (179 - 180)...

...Chính là trong hệ tư tưởng (cách mạng) ấy, cái hệ tư tưởng mà Béc-stanh đấu tranh chống lại, — “chính là trong hệ tư tưởng ấy, cuộc chiến tranh châu Âu đóng một vai trò lớn lao là phòng chừ để đi vào cách mạng xã hội” (180).

(Các công đoàn đang trở nên thông minh)

... “ngay trước chiến tranh, tình hình đã đi đến chỗ là chủ nghĩa xã hội công đoàn thực sự xích lại gần cuộc cải cách xã hội “tư sản”” (181).

“Bước quay ngoắt trong phái dân chủ - xã hội Đức khi chiến tranh được tuyên bố, đã diễn ra như là một sự ly khai mạnh mẽ và đột ngột, nếu như chỉ xét nó đơn thuần về mặt bên ngoài. Mới hôm qua đây, các bài phát biểu trên báo chí đã có những lời nhắc nhở, cảnh cáo và những lời khẩn cầu bằng thứ ngôn ngữ tuyên truyền cũ rích. Thậm chí đã có cả những luận điệu vang lên dương như ca ngợi thất bại, khi nói đến cái tình hình dường như đã xảy ra ở Pháp sau năm 1870. Nhưng sau đó, một ngày nọ, đã xảy ra... một bước quay ngoắt dứt khoát đến nỗi không ai có thể hình dung được. Những lời giải thích quan phương được công bố về vấn đề ấy thì không thể biện minh cho bước quay ngoắt đó được dù chỉ là ở mức độ rất xa xôi. Như mọi người đều rõ, — vì vậy ở đây cũng không cần thiết phải nói nhiều về vấn đề này nữa, — ta có thể dễ dàng bác bỏ những lời giải thích đó dựa trên những lời tuyên bố quan phương trước đây” (181).

...(Ông ta nói: quần chúng xã hội chủ nghĩa đã tiếp xúc với thực tế “đầy đủ” của cuộc sống)...

NB

... "Những người xã hội chủ nghĩa sáng suốt, nhất là ở phe xét lại" (182)... đã chỉ ra từ lâu mối nguy hiểm của lối giáo dục quần chúng nhân dân kiểu như thế (kiểu xã hội chủ nghĩa cũ)...

... (ca ngợi chủ nghĩa yêu nước)...

... "Rốt cuộc thì bây giờ, các nhà cải lương đã có thể hy vọng tìm được một cơ sở mạnh và vững cho một cương lĩnh xã hội chủ nghĩa và dân chủ – xã hội mới mà họ nhiệt tình mong muốn xiết bao" (183)...

... "Nếu như cần xác định một cách ngắn gọn kết quả thực tế của hoạt động xét lại, thì đại khái có thể nói rằng hoạt động ấy đã làm lay chuyển lòng tin – của các lãnh tụ và của lớp các nhà tổ chức thực tiễn giữ vai trò lãnh đạo – đối với chủ nghĩa Mác, và cho đến nay họ chẳng biết thay chủ nghĩa đó bằng cái gì cho đây đủ, nên đã biến sách lược của họ thành "biểu tượng của lòng tin" (184).

NB

và nói chung (188), ông ta nói, chúng ta chờ tiếng nói của những người từ chiến hào trở về.

NB: "Báo cáo công tác của các thanh tra công xưởng và hầm mỏ Thụy-sĩ năm 1912 và 1913" – *A-a-rau, 1914* (265, tr., 3 mác).

#### VỀ CÁC BÀI BÁO VÀ NHỮNG BÀI BÌNH LUẬN TRONG BÁO "TĂNG"

"Le Temps", 6. XII. 1915.

"Lễ kỷ niệm trận Săm-pi-nhi" được tổ chức hôm nay.

Diễn văn của ngài An-be Tô-ma:

"Không thể có hoà bình, chừng nào miền An-da-xơ của

chúng ta và miền Lo-ren của chúng ta còn chưa được sáp nhập vĩnh viễn vào nước Pháp"...

... cho đến khi làm cho chủ nghĩa đế quốc Đức không còn khả năng tác hại được nữa etc. etc. (... "chiến thắng"...)... "triệt để"...

Ibidem, 7. XII. 1915

Bài (của toà soạn) "Những lời nói hay".

"Cuộc biểu tình này lại càng có ý nghĩa vì trong chính phủ, ngài An-be Tô-ma cùng với các ngài Ghe-đơ và Xam-ba đã đại diện cho một đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất mà một số thành viên của nó không thể quên được những xu hướng nguy hại đã chiếm ưu thế trong số họ hồi trước chiến tranh, và vẫn đang tiếp tục bị chi phối bởi cái lý tưởng mơ hồ về chủ nghĩa quốc tế đã suýt làm cho chúng ta bị diệt vong".

... "Ồ đấy" (trong diễn văn của Tô-ma) "có một yêu sách rõ ràng và chính xác về việc trao trả hoàn toàn và không điều kiện, vùng An-da-xơ - Lo-ren cho nước Pháp. Những lời lẽ này lại đối lập rất đạt với những công thức quá ư thận trọng, những công thức mà đôi khi cánh cực tả cũng đưa ra và dẫn đến những sự hiểu lầm đáng tiếc".

Ibidem (tr. 2) "Trong những người xã hội chủ nghĩa". Hôm qua, đã có một cuộc họp trừ bì của đảng bộ Xe-nơ (chuẩn bị cho đại hội đảng 25. XII. 1915). Bốc-đơ-rông định phát biểu, "nhưng người ta đã ngắt lời ông một cách thô bạo" (người ta la ó là ông không được uỷ nhiệm) (*idem "Journal de débats"*, 7. XII. 1915. Khi Bốc-đơ-rông tuyên bố là ông đại diện cho phe thiểu số thì "tiếng phản đối mạnh mẽ nổi lên"...).

"Chiều hôm qua ngài Méc-hem phải đọc tại phố Pa-ri ở Mông-tơ-rơi một bản báo cáo về liên minh những người hoà bình chủ nghĩa quốc tế ở Xim-méc-van. Bản báo cáo của ngài Méc-hem đã bị cấm".

BÀI BÁO  
 “NHỮNG KẾ CUNG CẤP TRANG BỊ QUÂN SỰ  
 CỦA MỸ”

“Neue Zürcher Zeitung”, 1915, số 485, tờ ra buổi sáng xuất bản lần thứ nhất. 23. IV. 1915.

*Những kế cung cấp trang bị quân sự của Mỹ.*

“Trong một thời gian khá dài, các báo Mỹ đã có đăng những tin tức về việc cung cấp trang bị quân sự cho các nước Đồng minh. Xin trích dưới đây những lời lẽ của một tờ báo Ca-li-phoóc-ni-a:

Từ nay trở đi, những nhà sản xuất người Mỹ sẽ gửi trang bị quân sự cho các nước đồng minh bằng đường biển qua Ca-na-đa, rồi từ đó người ta sẽ bốc sang các tàu của Anh để chở sang Anh. Những hàng hoá dành cho Pháp và Nga cũng được chở qua đường đó, rồi sau sẽ chuyển tiếp từ Anh đi. Những nước đồng minh thông qua các đại diện hoặc trực tiếp ký hợp đồng mua với hầu hết các nhà máy sản xuất vũ khí, những xí nghiệp chế tạo trang bị quân sự của Mỹ. Tất nhiên, những nhà máy này phải cố giữ bí mật chuyện đó vì sợ bị đình chỉ việc cung cấp như vậy, bởi lẽ toàn bộ vật tư đó là hàng quân sự buôn lậu.

Ở Mỹ, có 57 nhà máy chuyên sản xuất vũ khí hoặc trang bị quân sự. Trong thời kỳ bình thường, các nhà máy ấy có khoảng 20 000 công nhân, nhưng bây giờ khi mà các nhà máy đều làm việc hai – ba ca thì số công nhân phải có tới khoảng 50 000 người. Những nhà máy sản xuất vũ khí và các xí nghiệp chế tạo trang bị quân sự không sản xuất những chất nổ. Đây là một ngành công nghiệp độc lập bao gồm 103 nhà máy. Khi bắt đầu chiến tranh, sản lượng của chúng đã tăng lên gấp đôi. Một số nhà máy py-rô-xi-lin đã phải làm việc tới 3 ca. Dĩ nhiên là vì cái nhu cầu lớn như vậy nên giá cả đã tăng lên. Ví dụ như chính phủ Pháp hồi tháng Hai

đã đặt mua 24 triệu phun py-rô-xi-lin với giá 65 xu một phun; những lúc bình thường trước đây chỉ giá 20 – 25 xu một phun thôi.

Rồi đến các hàng để trang bị cho lính và ngựa: giày dép, dụng cụ nhà bếp, yên ngựa, da thuộc, v.v.. Chiến tranh châu Âu rõ ràng là một điều đặc biệt có lợi cho Mỹ”.

*Lô-ít Gioóc-giơ* trong nghị viện.

“ĐÂY-LI TÊ-LÊ-GRÁP”,  
 22 VÀ 23 THÁNG TƯ 1915

“The Daily Telegraph”, 22. IV. 1915.

Bài phát biểu của Lô-ít Gioóc-giơ tại Hạ nghị viện:

“Ông đã làm cho Hạ nghị viện phải ngạc nhiên khi báo tin rằng chỉ trong hai tuần cuối tháng mà pháo binh Anh đã bắn hết một số lượng đạn nhiều hơn số đạn dùng trong toàn bộ chiến tranh Bô-e”.

NB || Nếu trong tháng Chín, sản lượng (đạn pháo) là 20,

thì tháng Ba là 388 – gấp 19 lần.

(Thế mà tháng Chín còn nhiều hơn tháng Tám, tháng Tám lại nhiều hơn tháng Bảy!)

Trước chiến tranh, người ta đã tính ra rằng trên lục địa sẽ có 6 sư đoàn. Thế mà bây giờ đã có tới 36 sư đoàn = 720 000 người.

➔ Hồi tháng Ba, người ta đã thông qua “đạo luật về bảo vệ nhà nước, – uỷ thác” (cho chính phủ) “có quyền nắm lấy tất cả những nhà máy cơ khí thích hợp và chuyển chúng sang sản xuất đạn đại bác”.

NB || “Trang bị quân sự tuôn ra liên tục - đó là công thức tốt nhất để cứu những sinh mạng và đảm bảo cho chiến tranh mau chóng kết thúc”...

Ibidem, 23. IV.

“Nghĩa vụ yêu nước của những nhà kinh doanh”:  
tôi xin tuyên bố rằng *khi thu xếp công ăn việc làm sau chiến tranh*, thì tôi sẽ chú ý trước hết đến những người đã phục vụ trong quân đội.

Chữ ký

(*được sự đồng ý của nhà vua và các bộ trưởng*).

Ibidem. *Cuốn sách của Ru-dơ-ven*. “Nước Mỹ và chiến tranh thế giới”.

Tác giả chủ trương theo quy tắc này: “nói nhẹ nhàng thôi, nhưng mang theo mình một cây dùi cui” (ông ta phân nân là người ta cứ gọi ông ta là “big stick” (“dùi cui”) mà quên mất đoạn đầu câu nói của ông ta). (Ví dụ *về nước Bỉ*.)

Ông ta chủ trương ban hành ở Mỹ chế độ “*huấn luyện quân sự*” cho toàn dân theo kiểu Thụy-sĩ hay Úc...

#### NHỮNG BÀI BÁO CỦA HU-GÔ BỐT-GÔ ĐĂNG TRÊN BÁO “TA-GO”

“Der Tag”, 1915, số 93 (quyển A). 22. IV. 1915.

Bài báo: “Những công đoàn tự do và chính phủ” của tiến sĩ *Hu-gô Bốt-gô*, nghị viên.

Tác giả bắt đầu từ chuyện ông *Kiéc-đoóc-phơ*, tổng giám đốc công ty khai thác mỏ (ở Ghen-den-kiéc-sen) trách ông bộ trưởng *Den-bruyích* (bộ trưởng Bộ nội vụ) là có “quan hệ chặt chẽ với những lãnh tụ công đoàn”.

Như vậy là nguy hiểm, công nhân sẽ có thể ngày càng không muốn ngồi yên.

Tác giả phản đối rằng việc đó chẳng có gì là tai họa cả, rằng cả chủ lẫn công nhân đều đứng chung trong một chiến hào, rằng “nếu như họ (= những công đoàn tự do = những người dân chủ – xã hội) đều được lôi cuốn vào làm việc chung trong Bộ nội vụ

về những vấn đề nhất định của giai cấp công nhân và về những vấn đề của toàn dân tộc, thì điều đó đối với họ không những là sự thừa nhận, mà còn là nghĩa vụ phải *khước từ* trong suốt thời gian chiến tranh *một số điều khoản nhất định trong cương lĩnh dân chủ – xã hội*, những điều khoản thuộc phạm vi của **Quốc tế**, và giống như các thành phần khác trong nhân dân, phải hoàn thành nghĩa vụ của mình và bảo vệ tổ quốc”...

Bài báo của cũng tác giả ấy trong số 82 (9. IV.). “Sự phát triển của chính sách của chúng ta” có đoạn viết:

“Đáng ngạc nhiên là ngay đến cả trong các cuộc thảo luận của những người dân chủ – xã hội, trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác, cũng lại nổi lên một cách rõ ràng ý kiến là giờ đây cần phải tính đến sự phát triển sau này của chủ nghĩa đế quốc và sự phát triển của các đại cường quốc thế giới tự chủ và hết sức độc lập đối với bên ngoài. Một số phản đối điều này, số khác lại định ghép chủ nghĩa đế quốc vào tiến trình phát triển của chủ nghĩa xã hội, và tất nhiên là trong hai xu hướng ấy, xu hướng nào sáng suốt hơn và có nhiều triển vọng thắng lợi nhất thì đấy là điều đã hoàn toàn chắc chắn rồi”...

#### BÀI BÁO “NHỮNG MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN TRANH” ĐĂNG TRÊN BÁO “NHÀ KINH TẾ”

“**The Economist**”, 27. III. 1915. Thứ bảy.

Bài báo: “Những mục đích của chiến tranh” (nhân bài phát biểu của Grây tại Bê-stanh – Hôn-lơ hôm thứ hai (22. III. ??)).

Ban biên tập khóc than cho hoà bình và lấy làm mừng vì Grây không nói một điều gì có thể “kéo dài chiến tranh hoặc làm cho nó thêm ác liệt”...

Cuối bài báo có đoạn:

“Những nhân vật nhà nước không thể cam chịu cái triển vọng là chiến tranh kết thúc đầy đau thương; một cái tang chung và là một sự phá sản gần như phổ biến. Sắp đến thời kỳ có khả năng tính đến những yêu cầu nhân đạo và đồng thời thực hiện những mục đích mà ngài E-đu-a Grây đã chỉ ra” (tự do của các dân tộc etc.)... “Nhược bằng bỏ lỡ thời cơ đó thì chiến tranh sẽ không kéo dài mãi mãi được. Nó sẽ phải kết thúc bằng một tình trạng hỗn độn cách mạng mà không một ai có thể biết rằng tình trạng đó sẽ bắt đầu từ đâu và sẽ kết thúc ra sao. Dù là ngày mai chiến tranh có kết thúc thì ngay cả ở cái đất nước tương đối thịnh vượng này cũng chưa chắc đã tìm ra được một gia đình không phải chịu đựng cái cảnh đau đớn kéo dài bao năm vì những điều bất hạnh do chiến tranh gây nên” (tr. 615). (Hết).

“BÁO GIỜ-NE-VƠ”, 7 THÁNG TƯ 1915

“Journal de Genève”, 7. IV. 1915.

Bài xã luận dưới đầu đề: “Nói quá nhiều là có hại” nói về cuốn sách: “Những bài học của cuốn Sách vàng năm 1914” của Hăng-ri Ven-sin-gơ, một thành viên của Viện, Nhà xuất bản Blu và Gây, Pari.

Vì muốn nêu lên tình trạng thiếu chuẩn bị của Pháp, ngày 13. VII. 1914 (chú ý ngày tháng!) tại Thượng nghị viện, ngài S. Hum-be, “thuyết trình viên của tiểu ban quân sự” đã nói trong bài phát biểu rằng hầu như Pháp không có pháo hạng nặng, ngay cả pháo cỡ 10 – 13 – 21 cen-ti-mét cũng không có. Còn súng cối cỡ 28 cen-ti-mét... thì sau một năm nữa họ mới có!!

Ngày ngày hôm sau, 14. VII. 1914, ông Mét-xi-mi, bộ

trưởng chiến tranh tuyên bố trước Thượng nghị viện rằng cuối năm 1915 (!) Pháp sẽ có

200 pháo nòng dài cỡ 105 mm và đến cuối năm 1917 (!!!) có 200 pháo nòng ngắn cỡ 120 mm.

NB ||| “Chẳng lẽ Đức lại có thể rút ra một kết luận khác với kết luận: “Phải tiến lên, không để mất thời gian sao?”

### LÔ-ÍT GIOỐC-GIỜ NÓI VỀ BỐN TỶ LI-VỜ XTÉC-LINH

**Lô-ít Gioốc-giờ** trong *Hạ nghị viện*. Thứ ba, ngày 4. V. 1915. (“The Daily Telegraph”, 5.V.)

... “Thu nhập của nước ta như thế nào? Thu nhập của nước ta trong thời bình được khoảng 2 400 000 000 li-vờ xtéc-linh.

Chắc là số thu nhập này hiện nay phải cao hơn.

NB ||| Vì sao? Chúng ta phải chi ra ở đây hàng trăm triệu tiền đi vay. Một phần khá lớn số tiền ấy là chi ở ngay trong nước. Người ta làm đủ giờ quy định và có làm thêm giờ, lương của họ đã được tăng lên; lợi nhuận của một số ngành đã cao hơn và tất nhiên là sẽ cao hơn nhiều; do đó thu nhập của nước ta hiện nay có lẽ phải cao hơn là hồi hoà bình. Một số người có lẽ thu được những món lãi khá lớn – (chú ý, chú ý) – còn những người khác thì đã tăng được thu nhập của mình lên gấp bội so với mức cũ.

NB ||| Tôi không còn nghi ngờ gì nữa rằng hoàn toàn sẽ là công bằng khi chúng tôi nghĩ, - nếu điều đó có thể, - đến những thuế mà các ngài phải tăng lên hoặc đến những khoản đảm phụ phải đặt ra để có thể có đủ phương tiện mà nuôi dưỡng chiến tranh trong khoảng độ hai ba năm, -

rằng điều hoàn toàn hợp lý là nhằm vào những ai có thu nhập đặc biệt cao nhờ chiến tranh (tán thành)... NB  
 ... Bình thường số tiền tiết kiệm ở nước ta trong thời bình được bao nhiêu? Bình thường hàng năm, số tiền tiết kiệm được khoảng độ 300 – 400 (triệu) li-vơ xtéc-ling. Thu nhập đã cao hơn, và tôi nghĩ rằng tôi không cường điệu khi nói rằng mức sống ở mỗi nước châu Âu đều thấp hơn nhiều, - tôi cũng không rõ là đã thấp đến mức nào rồi.

Nhưng số tiền tiết kiệm của nước ta trong thời gian chiến tranh, khi mà thu nhập cao hơn, có lẽ phải tăng lên gấp đôi”. NB

Vấn tác giả đó, bài đã dẫn.

“Nước ta là nước vô cùng giàu có – rõ ràng là giàu nhất châu Âu. Tôi không rõ liệu nước ta có phải là nước giàu nhất thế giới tính theo tỷ lệ dân số không. Chúng ta đầu tư 4 000 000 000 li-vơ xtéc-ling vào những chứng khoán có giá có lãi nhất ở nước ngoài và ở các thuộc địa”... 4 tỷ li-vơ xtéc-ling

“... Chúng ta đã bắt đầu cấp tiền cho đại bộ phận các nước đồng minh của chúng ta mua hàng”...

VỞ

“η”

(“Ê-TA”)

Mục lục

η

Những đoạn trích và ghi chép về chủ nghĩa đế quốc.

C. Cau-xky (“Quốc gia dân tộc etc.”)	[3 – 4]
Lên-sơ	[5 – 10]
“Tư bản tài chính ở Nga”	[13-14]
Cuốn sách của Bê-ron viết về chiến tranh (NB)	[15]
Lên-tơ bàn về chiến tranh hiện đại	[17 – 18]

#### C. CAU-XKY. “QUỐC GIA DÂN TỘC ETC.”

“Quốc gia dân tộc, quốc gia đế quốc chủ nghĩa và liên minh các quốc gia” của C. Cau-xky. Nuyn-béc, 1915 (50 pơ-phê-ních) (80 tr.).

Trong § I – “Vài ý kiến về chế độ dân chủ và quốc gia dân tộc” – C. Cau-xky đã bắt bẻ một người cánh hữu (Vin-ních) và một người cánh tả ở Han-lơ (trong “Volksblatt” ở Han-lơ) là những người nói rằng nguyên tắc “quyền của mỗi dân tộc về nền độc lập dân tộc” (tr. 5) đã lỗi thời (trong tuyên ngôn ngày 4 tháng Tám). Trong vấn đề này, Cau-xky ủng hộ phái giữa và nhai lại những điều cũ rích về mối quan hệ giữa chế độ dân chủ và quốc gia dân tộc.

Ngoài ra, trong vấn đề này, ông ta chống lại “nền dân chủ nguyên thủy” và chống lại “chế độ lập pháp trực tiếp

của nhân dân" (8), song ông ta lại coi "hình thức tích cực || hơn của nền dân chủ, tức là bãi công quần chúng" là "dân || chủ nguyên thủy" (8).

Ông ta nói: chúng ta không ủng hộ status quo (14), mà ủng hộ một cách khác để thoát ra khỏi những khuôn khổ dân tộc...

"Giai cấp vô sản không thể tự giải phóng bằng cách là một vài tầng lớp của nó làm một số nghề nhất định hoặc sống trong những vùng nhất định sẽ nhận được phần của mình do ách áp bức và bóc lột mang lại. Cách đó chẳng qua chỉ là làm cho vị trí của giai cấp vô sản yếu đi mà thôi" (16)...

[Và không có một lời nào về cái kết luận cần phải rút ra từ điều này cả!! Một kẻ nguy hiểm!]

Ở tr. 17, cả một sự đối trá xuyên tạc lập trường của những người cánh tả. Ông ta nói: cả họ nữa (cũng như những người phái hữu) cũng tán thành rằng chủ nghĩa đế quốc là tất yếu, nhưng để đáp lại, họ đòi chủ nghĩa xã hội "phải được thực hiện ngay lập tức" (17)...

"Điều này có vẻ cấp tiến lắm, song chỉ (!!!) có thể góp phần đẩy những ai không tin vào việc thực hiện ngay lập tức chủ nghĩa xã hội trên thực tế sang phe chủ nghĩa đế quốc".

tên  
bị  
bơm  
cỡ  
nhỏ!!

Tiếp đó là những điều ba hoa tầm thường nhất nói rằng xã hội là một cơ thể, chứ không phải là một chiếc máy v.v. cùng những chuyện nhảm nhí trẻ con khác nữa (có ẩn ý ám chỉ rằng "những tình cảm dân tộc" (18) trong công nhân thì mạnh mẽ) để rồi kết luận rằng tính tất yếu của chủ nghĩa đế quốc không đưa đến cái điều phi lý là đấu tranh với nó "ở bên trong phương thức sản xuất" (tư bản chủ nghĩa) "đó" (21).

NB

Chống chủ nghĩa đế quốc, nhưng ủng hộ những cách

thức khác nhằm phát triển tư bản (trừ thuộc địa ra) – "những anh tiểu tư sản và những anh tiểu nông, và ngay cả nhiều nhà tư bản và trí thức nữa" đều như vậy (21)...

### LÊN-SƠ. "ĐẢNG DÂN CHỦ – XÃ HỘI ĐỨC VÀ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI"

Tiến sĩ Pôn Lê-nơ. "Đảng dân chủ – xã hội Đức và chiến tranh thế giới". Béc-lanh, 1915 (Phoóc-véc-tơ). 64 tr. (1.00 mác).

Thật là một mẫu mực về những giọng điệu ba hoa sô-vanh của những kẻ chuyên nghề bợ đỡ. Dem so sánh với Plê-kha-nốp sẽ bỏ ích!!

Chiến tranh = "sản phẩm của chính sách đế quốc chủ nghĩa" (5).

Bê-ben phát biểu ở I-ê-na (1911) rằng thay cho giải NB || trừ quân bị, việc vũ trang đã diễn ra và tình hình đang tiến đến một "thảm họa lớn". (5)...

Nhắc đến các cuộc chiến tranh và các cuộc cách mạng hồi đầu thế kỷ 20, Lê-nơ lớn tiếng nói: "điều mà chúng ta đang trải qua, chính là cách mạng" (6)...

Ông ta nói: chúng ta, những người dân chủ – xã hội Đức, chúng ta là "một nhóm mạnh nhất trong Quốc tế" (6), chúng ta đấu tranh với chính phủ ta kiên quyết hơn bất cứ ai etc. etc., chúng ta luôn luôn đề nghị lấy nước Anh làm kiểu mẫu (làm như thế kẻ cai trị nước Anh không phải là "bọn tư bản", mà là "uy ban xúc tiến 10 điều khuyên và những điều luật khác về đạo lý" (6 – 7)). Theo ông ta thì những truyền thống của lịch sử nước Đức và của Liép-nêch – một người "không bao giờ hoàn toàn thoát khỏi cái chủ nghĩa bản vị nào đó của người Nam Đức và sự thù ghét đối với người Phổ" - đều là cổ lỗ (7).

Thậm chí đến mức là Cau-xky đã có thể viết rằng đối với Anh, làm bá chủ trên mặt biển là "điều tối cần thiết"



(7: trích ở đâu?) (xét theo góc độ những phương tiện để sinh sống, khác với Đức)...

"Tính chất nguy hiểm của luận chứng này, một luận chứng tuy vậy rất phù hợp với quan điểm đại diện cho một ý kiến hầu như nhất trí trong đảng, đã được bộc lộ ra đầy đủ trong cuộc chiến tranh thế giới hiện nay" (7)...

... "sự yếu ớt như vậy của việc phê bình các nước ngoài" (8)... đã bắt nguồn "từ lực lượng rất hùng hậu của đảng"... "từ tính quốc tế của nó".

"Không còn nghi ngờ gì nữa, nó (cuộc chiến tranh thế giới này) là chiến tranh đế quốc chủ nghĩa" (9)... Chính sách ở phương Đông... đường sắt Bát-đa... Anh và Ai-cập etc., sự phân chia Thổ-nhĩ-kỳ (còn trong dự kiến), Ma-rốc etc.

"Trong việc phân chia thế giới này, nước Đức đã hoàn toàn không được ai hỏi han gì đến" (10) "và vì nặng về phần đối sự sơ suất có tính chất nhục mạ này hơn là để bảo vệ những lợi ích vật chất không đáng kể lắm trong việc buôn bán của Đức ở Ma-rốc" mà chính phủ Đức lên tiếng phản đối hiệp nghị Anh – Pháp về Ma-rốc.

Năm 1908 (trong cuộc gặp gỡ ở Rê-ven) mấy nước (Nga + Anh + Pháp) đã định chia nhau Thổ-nhĩ-kỳ, nhưng cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ đã cản trở việc ấy (11).

Năm 1914, Anh với Đức gần như đã thoả thuận xong với nhau về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Phi (13) và ở phương Đông etc. – chiến tranh do lỗi của nước Nga.

Năm 1913, Đức dọa gây chiến tranh vì Ác-mê-ni-a (14)...

"Đối với Đức, mà chúng ta hiểu là đế quốc Đức và Áo - Hung, thì vấn đề sự bành trướng tư bản chủ nghĩa đã trở thành vấn đề tồn tại dân tộc" (15).

Vấn đề hiện nay không phải là việc phân chia thuộc địa và phạm vi ảnh hưởng etc. nữa, mà là như sau: "Nhân dân Đức liệu có được tiếp tục tồn tại như là một dân tộc lớn độc lập hay không hay là một phần lớn lãnh thổ dân tộc của nó, ở phía Đông cũng như ở phía Tây, sẽ bị tách ra và bị ép phải chịu quyền thống trị của kẻ khác?" (15).

"Lợi ích của chủ nghĩa xã hội quốc tế nói chung và của phong trào công nhân Đức nói riêng sẽ ở về phía nào trong cuộc chiến tranh này, một khi đây là sự uy hiếp đối với sự thống trị của Anh trên thế giới?" (16).

Sự thống trị của Anh trên mặt biển là sự tiếp tục những cuộc chiến tranh chống cách mạng Pháp. Độc quyền của Anh hồi giữa thế kỷ 19: Anh phải trở thành "công xưởng" của thế giới.

"Nền tự do" được khoe khoang quá đời của Anh là dựa vào sự nô dịch thế giới" (20).

"Theo một ý nghĩa nhất định, Anh là giai cấp thống trị của thế giới" (20)...

Tôi, Lên-sơ, ở Hem-ni-tơ, 1912 (tr. 417 và các trang tiếp của các biên bản) đã trích dẫn lời Ăng-ghe-nen bàn về sự sụp đổ của sự độc quyền của Anh và tôi đã phát biểu:

"Tuy vậy, chủ nghĩa xã hội quốc tế, về phần mình, không hề có lấy một lý do nào để góp phần duy trì vĩnh viễn sự thống trị lâu dài đó của độc một nhà nước tư bản chủ nghĩa đối với tất cả những nhà nước khác. Làm như thế thì những điều kiện để cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi sẽ chỉ thêm khó khăn và chậm lại một cách giả tạo mà thôi" (22 – 3).

... "đối với toàn thế giới và đặc biệt là đối với chủ nghĩa xã hội quốc tế thì thắng lợi lịch sử lớn lao là việc làm suy yếu sự thống trị của Anh trên mặt biển" (23 – 4) và hoà bình càng lâu bao nhiêu thì thắng lợi ấy càng chắc chắn

bấy nhiêu... Phong trào công nhân đang đe dọa giai cấp tư sản Anh...

... "Nếu như xem xét vấn đề theo quan điểm ấy thì đối với giai cấp tư sản Anh, việc tham gia chiến tranh thế giới chẳng qua chỉ là chạy trốn chủ nghĩa xã hội mà thôi" (24)...

... "Trong thực tế, nếu như có cách nào để đưa cuộc đấu tranh giải phóng có tính chất quốc tế của giai cấp vô sản chống chủ nghĩa tư bản lùi lại hàng chục năm thì đó là làm cho Đức thất bại trong cuộc chiến tranh này chống lại Anh" (25)...

"Là nạn nhân chủ yếu của Quốc tế", những người dân chủ - xã hội Đức sẽ bị nghiền nát, và giai cấp công nhân sẽ bị quăng sang phe chủ nghĩa tư bản etc. (25)...

"Nước Đức là quê hương và cái nôi của chủ nghĩa xã hội khoa học" (26)... "Lợi ích của giai cấp vô sản quốc tế ở về phía nước Đức" (27)...

Chế độ Nga hoàng... *Mác và Ăng-ghen* hồi năm 1848. *Nhưng bây giờ đã khác rồi*. Ăng-ghen năm 1891 (đoạn trích: tr. 29). *Nhưng bây giờ đã khác rồi*.

Nước Đức với tư cách là *đơn vị dân tộc hoàn chỉnh*, "chỉ có bây giờ" "mới sinh ra" "cùng với cuộc chiến tranh này" (31)...

Chiến tranh Đức - Nga "đã vượt xa phạm vi một cuộc chiến tranh để quốc chủ nghĩa. Nó là chặng kết thúc trên con đường phát triển đầy đau khổ của nhân dân Đức đi đến sự thống nhất dân tộc của mình" (33) ...

Trích lời Ăng-ghen nói về *ngoại giao* của Nga (35): chẳng khác gì vừa mới viết...

Chống lại sự chia cắt nước Nga (37) ("không có sự chia cắt" (38)), chống lại việc thành lập các quốc gia nhỏ, chỉ cần "một nền tự trị dân tộc nào đó" là đủ...

Làm sụp đổ chế độ Nga hoàng (việc này thì phải trông đợi ở giai cấp vô sản Nga) thì sẽ thúc đẩy sự phát triển...

*Nước Pháp và chiến tranh* (§ V)... Sự phục thù

"Những lợi ích của tự do và dân chủ là dứt khoát không thể tương dung được với thắng lợi của vũ lực của Pháp" (42), vì Pháp là đồng minh với Anh và Nga.

"*Hiện nay*" Đảng dân chủ - xã hội Đức quan niệm việc mất vùng An-da-xơ -Lo-ren "là sự cắt xén nước Đức" (43).

Một "nền hoà bình trong danh dự" (44) với nước cộng hoà Pháp - đó chính là cái cần có.

*Quá khứ và tương lai của nước Đức* (§VI):

Văn hoá dân tộc và ý nghĩa của nó (theo Ô.Bau-ơ, trích dẫn tr. 53). "Tính cộng đồng về văn hoá" (50 và v.v.).

Chủ nghĩa tư bản *phái* phát triển "theo hướng đi tới chế độ dân chủ" (55)...

"*Nguy cơ chiến tranh*" (56) - đó chính là nguyên nhân kìm hãm sự tiến bộ dân chủ ở Đức.

!! "Chủ nghĩa quân phiệt" (58) ở Đức?? Ngược lại, nghĩa vụ quân sự bắt buộc đối với mọi người = chính là thiết chế dân chủ nhất, và "hầu như là thiết chế dân chủ duy nhất" (Ăng-ghen), còn ở nước các anh thì đó là "những đội quân đánh thuê" (59)...

"Liên minh các quốc gia Trung Âu" (đó là cái mà Li-xơ mong muốn) - (+ các nước ở bán đảo Xcan-đi-na-vơ + Thụy-sĩ + Ý + các nước Ban-căng + Thổ-nhĩ-kỳ) - "thời đại mới trong sự phát triển chính trị của thế giới" (63)... - "đầu tàu của lịch sử thế giới" (62) = cuộc chiến tranh này... "bước tiến" "kỳ lạ" "theo hướng chế độ dân chủ, hoà bình cho toàn thế giới, tự do cho các dân tộc và chủ nghĩa xã hội" (62). "Đúng, cả theo hướng chủ nghĩa xã hội nữa!" (62)...

Đập tan chế độ Nga hoàng, - hoà giải với Pháp - đập tan "sự thống trị bằng bạo lực của giai cấp tư sản Anh" (63)...

Hiện nay Quốc tế đã bị đập tan, nhưng nó sẽ hồi sinh, giống như sau năm 1870 (64).

BÀI BÁO CỦA O. B.  
 "ĐỒNG MINH CÁC QUỐC GIA CHÂU ÂU?"

"Die Grenzboten", 1915, số 9 (3. III. 1915).

Bài báo "Đồng minh các quốc gia châu Âu?" – là một bức thư ngỏ của một ông O. B. nào đó gửi giáo sư H. Hai-man-xơ ở Grô-nin-ghen.

Giáo sư này cùng với 4 vị nữa thành lập một uỷ ban gọi là "Đồng minh các quốc gia châu Âu". Ngoài những cuốn sách khác ra, uỷ ban ấy đã xuất bản tác phẩm của Hai-man-xơ dưới nhan đề "Gửi các công dân các nước tham chiến". Để trả lời lại tác phẩm đó, một bức thư ngỏ đã được đăng trên tờ "Die Grenzboten".

Bức thư ngỏ này còn đặt ra vấn đề các thuộc địa (tr. 270). "Chẳng phải là đối với các thuộc địa "nền độc lập về nội chính" cũng là điều đáng mong muốn hay sao? Và chẳng phải là bản thân những người Ấn-độ, da đen và Tác-ta cũng được hoàn toàn "bình quyền" với người Anh, người Pháp và người Nga đó sao?"... (270).

... "Để quốc thuộc địa của Anh – cũng như các đế quốc thuộc địa khác, được hình thành hoàn toàn không phải "trên cơ sở bình quyền và độc lập về nội chính" của các dân tộc thuộc địa, – chiếm gần một phần năm diện tích trái đất. Nước Anh liệu có nên giữ cái đế quốc thuộc địa ấy thật lâu cho đến khi có thể là những người Anh chết hết ở chính nước Anh, trong khi đó nước Đức sẽ không được phép lấy được một mét vuông nào từ cái đế quốc đó, ngay cả trong trường hợp dân số của Đức lên tới 200 triệu người?" (271)...

trích lời  
 kêu gọi  
 của uỷ  
 ban  
 độc địa!

TƯ BẢN TÀI CHÍNH Ở NGA

"Finanz-Archiv" (do San-tơ xuất bản). Béc-lanh, 1915 (xuất bản năm thứ 32, tập I):

Tiến sĩ Eng-xơ Sun-tơ. "Tư bản Pháp ở Nga" (tr. 125 – 133).

Cuối năm 1899, ở Nga có 146 công ty nước ngoài có tô nhượng với số tư bản tổng cộng là 765 triệu rúp hoặc 2 075 triệu phrăng. Trong số đó, Pháp có 792, Bỉ có 734, Đức có 261, Anh 231 triệu phrăng (125)...

	triệu phrăng
Pháp	-- 792
Bỉ	-- 734
Đức	-- 261
Anh	-- 231
	Σ = 2 018

"Người ta chỉ ra rằng trong tổng số 732 tỷ phrăng rải khắp thế giới dưới dạng những chứng khoán có giá, như: công trái quốc gia và công trái thị chính, văn tự cầm cố, cổ phiếu và trái khoán công nghiệp thì ở nước Nga, hình như người ta chỉ đầu tư vào có 20 – 25 tỷ phrăng. Phần lớn chủ nhân của những chứng khoán có giá ấy là (127):

<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="text-align: right;">Σ</td> <td style="text-align: left;">Σ</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">130</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">100</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">25</td> <td style="text-align: right;">75</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+ 12</td> <td style="text-align: right;">22</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">5</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">260</td> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">97</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+ 12</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black; border-bottom: 3px double black;">272</td> <td></td> </tr> </table>	Σ	Σ	130		100		25	75	+ 12	22	5		260	97	+ 12		272		<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>Mỹ .....</td> <td>110 – 115 tỷ phrăng</td> <td rowspan="5" style="font-size: 3em; vertical-align: middle; padding-left: 10px;">}</td> <td rowspan="5" style="vertical-align: middle;">420</td> </tr> <tr> <td>Anh .....</td> <td>125 – 130 " "</td> </tr> <tr> <td>Pháp .....</td> <td>95 – 100 " "</td> </tr> <tr> <td>Đức .....</td> <td>60 – 75</td> </tr> <tr> <td>Nga .....</td> <td>20 – 25</td> </tr> <tr> <td>Áo.....</td> <td>20 – 22</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Ý.....</td> <td>10 – 12</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nhật.....</td> <td>5 " " v.v." 1)</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>(Σ do tôi tính =) 440 – 484</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	Mỹ .....	110 – 115 tỷ phrăng	}	420	Anh .....	125 – 130 " "	Pháp .....	95 – 100 " "	Đức .....	60 – 75	Nga .....	20 – 25	Áo.....	20 – 22			Ý.....	10 – 12			Nhật.....	5 " " v.v." 1)				(Σ do tôi tính =) 440 – 484		
Σ	Σ																																														
130																																															
100																																															
25	75																																														
+ 12	22																																														
5																																															
260	97																																														
+ 12																																															
272																																															
Mỹ .....	110 – 115 tỷ phrăng	}	420																																												
Anh .....	125 – 130 " "																																														
Pháp .....	95 – 100 " "																																														
Đức .....	60 – 75																																														
Nga .....	20 – 25																																														
Áo.....	20 – 22																																														
Ý.....	10 – 12																																														
Nhật.....	5 " " v.v." 1)																																														
	(Σ do tôi tính =) 440 – 484																																														

1) Ác-xen phon Bao-stát và Đa-vít Tô-rít-sơ. "Đế quốc Nga". Béc-lanh, 1910. tr. 227.

Ở Pháp, từ 1889 đến 1908, người ta đã phát hành chứng khoán có giá tất cả là 24 tỷ phrăng: 18 tỷ ở nước ngoài + 6 tỷ (25%) ở Pháp.

Tại Đức, từ 1883 đến 1907, người ta đã phát hành chứng khoán có giá tất cả là 42 tỷ mác: 10 tỷ ở nước ngoài + 32 tỷ (80%) ở Đức.

Tài sản quốc dân của Pháp

(1905) - 204 tỷ phrăng

1914 – khoảng 250 “ “ (tuy vậy, Cay-ô lấy con số 200 tỷ để xác định thuế thu nhập).

Năm 1912, Pháp đầu tư vào các xí nghiệp của Nga ở nước Nga 367.<sub>66</sub> triệu rúp = gần 990 triệu phrăng (trong đó 115.<sub>5</sub> triệu rúp đầu tư vào ngành đường sắt, 96.<sub>25</sub> đầu tư vào các xí nghiệp nhà nước; 70.<sub>9</sub> đầu tư vào các ngân hàng thương mại v.v.).

Hiện nay tư bản của nước ngoài ở Nga là đại thể như sau:

của Pháp... gần 20 tỷ mác (tỷ)

của Đức ... 4 - 5.<sub>5</sub> “ “

của Anh - 0.<sub>25</sub> “ “

của Bỉ - 0.<sub>6</sub> “ “

Σ (do tôi tính) 24 - 26.<sub>35</sub>

Tác giả = một người Đức theo chủ nghĩa sô-vanh. Ông ta đoán trước rằng nước Pháp sẽ phải chịu những tổn thất khổng lồ do chiến tranh gây ra: tr. 133.

### CUỐN SÁCH CỦA BÊ-RƠN VIẾT VỀ CHIẾN TRANH

“Cuộc chiến tranh táo bạo”. Cl. U. Bê-rơn – “những nguyên nhân của nó về mặt thương mại, tổn phí của nó về tiền và về người”. *Lời thông báo* (chứ không phải là lời nhận xét) trong “The Economist”, 20 tháng Ba 1915:

“Với tư cách là người xuất bản các tờ báo: “The Wall Street Journal”, “The Boston News Bureau” và “The Philadelphia News Bureau”, ông Bê-rơn đã đi ra nước ngoài để sưu tầm tin tức về những mặt trái về mặt tài chính và ngoại giao của cuộc chiến tranh, và ông đã thu thập được những tin tức ấy”.

Hãy gửi phiếu đặt mua cho người đại lý bán sách nơi các bạn hay gửi cho “The Wall Street Journal”. 44. Brót Xtơ-rít, Niu-Oóc Xi-ti. 4 si-linh 6 pen-ni (kể cả bưu phí). (Công ty Hau-ton Míp-phlin, những người phụ trách xuất bản.)

### LÊN-TXƠ BÀN VỀ CHIẾN TRANH HIỆN ĐẠI

Phri-đrich Lên-txơ. “Những tiền đề chính trị của chiến tranh hiện đại”. “Deutsche Rundschau” XLI, 4. 1915, tháng Giêng.

Đơn vị là triệu dặm vuông Anh (tr. 81):

	1862	1888	1912
Đế quốc thế giới Anh:	4 600	9 300	10 800
“ “ “ “ Nga:	7 600	8 600	10 200
Đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ:	1 800	1 300	700
Hợp chúng quốc Bắc Mỹ:	1 500	3 500	3 700
Pháp cùng các thuộc địa (vê tròn):	400	1 100	4 800
Đế quốc Đức cùng các thuộc địa (vê tròn):	240	600	1 200
Áo – Hung:	239	241	241
Nhật-bản cùng các thuộc địa:	150	150	260
Ý “ “ “ “:	100	110	700

*Đầu tháng Mười 1914* đã có (tr. 102):

?	Dân số tính theo triệu (1910)	Diện tích tính theo dặm vuông (1912)	Ngoại thương tính theo triệu đồng mác (1912)
(Đức - Áo)	130	1 440 000	26 750
(Anh - Pháp - Nga)	670	26 090 000	76 750
(Trung lập) (tính về tròn)	<u>800</u>	<u>24 470 000</u>	<u>58 000</u>
	1 600	52 000 000	161 500

*Dân số* (ibidem, tr. 83):

	Đức (trước 1870 không có An-da-xơ - Lo-ren)	Pháp (từ 1870 không có An-da-xơ - Lo-ren)
1 700	14	21 triệu
1788	16	25
1816	23	29
1860	36	37
1912	66	40
1925 - 30	80	40

VỎ  
"g"  
("TÊ-TA")

### Mục lục

9 9 R	9 = 1 - 10 ((+ Rít-xơ 1 - 16)) <sup>31</sup>
-------	---

<i>Hin-phéc-đinh</i> . "Tư bản tài chính"	[3 - 6]
<i>Tơ-rốt điện lực</i>	[7 - 8]
<i>Thống kê phát hành chứng khoán</i>	[9 - 10]
<i>Rít-xơ</i>	[1 - 15]

HIN-PHÉC-ĐINH.  
"TƯ BẢN TÀI CHÍNH"<sup>32</sup>

**Hin-phéc-đinh.** "Tư bản tài chính".  
("Giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản"). Mát-xcơ-va, 1912.

xuất bản bằng tiếng Đức năm 1910 (tập III của "Những công trình nghiên cứu về chủ nghĩa Mác").

hở lớn... || tr. 13 - "Theo E. Ma-khơ" thì cái "tôi" chỉ là tiêu  
không đúng || điểm mà những mối giây vô tận của cảm  
không phải là || giác đều quy tụ lại một cách chen chúc  
"y như vậy" || hơn ở đó... Hệt y như vậy, đồng tiền là cái  
|| nút trong mạng lưới các quan hệ xã hội"...

- tr. 34. – Học thuyết số lượng (tiền) từ thời Tu-cơ đã được coi một cách đúng đắn là học thuyết vô căn cứ”...
- tr. 54, chú thích và nhất là 54 – 5. Sai lầm của Hin-phéc-đinh, xem “Die Neue Zeit”, 1912, xuất bản năm thứ 30, tập I. không đúng
- (Theo Hin-phéc-đinh thì tiền đi vào lưu thông không có giá trị).
- tr. 71, chú thích. “Chỉ có trực quan của chúng ta mới đem lại cho vật cái hình thức không gian” (người theo phái Can-tơ)<sup>33</sup>. không đúng
- tr. 90 – 91 (và 91, chú thích).  
Mác đã tiên đoán sự thống trị của các ngân hàng đối với công nghiệp (NB) như thế nào (‘‘Tư bản’’, II, tr. 79). NB

tỷ đồng mác	Trong đó các ngân hàng đã nhận thanh toán
1885–12. <sub>1</sub>	16%
1905–25. <sub>5</sub>	31%

93. chú thích.  $\Sigma$  hối phiếu mỗi năm:

NB

102 (và chú thích). Phần lớn những hợp đồng thương mại quốc tế được thực hiện bằng những hối phiếu mà các ngân hàng “nhận thanh toán”.

105-6. *Vai trò của các ngân hàng.*

108. *Ba chức năng của ngân hàng*
- 1) làm trung gian trong việc thanh toán.
  - 2) chuyển tư bản nhàn rỗi thành tư bản hành động.
  - 3) tập hợp thu nhập của mọi giai cấp dưới dạng tiền và đem tiền đó cho các nhà tư bản vay.
- 110, chú thích. Công trình tuyệt vời của I-ây-đen-xơ và nhược điểm của nó.

112. Các nước “*chủ ngân hàng quốc tế*”
- (1) Pháp, Bỉ, Hà-lan
  - (2) Anh
  - (3) Mỹ và Đức
- 116: *Vai trò của các ngân hàng trong sản xuất* ((chủ yếu dựa theo I-ây-đen-xơ)). 120 idem
- 154 – 5, chú thích  $\left\{ \begin{array}{l} 7\% \text{ cho các cổ phần được ưu đãi và} \\ 2\% \text{ cho các cổ phần thường: có giữ lợi} \\ \text{tức lại trong nhiều năm, rồi sau đó} \\ \text{chia luôn một lúc lợi tức ấy vào dịp} \\ \text{thích hợp.} \end{array} \right.$   
Tơ-rốt thép và % của nó.
157. Một tư bản 5 triệu khổng chế 39 triệu.  
“Tochtergesellschaft” dịch là “công ty – con”, “công ty nhánh”
159. Những ghế uỷ viên hội đồng giám sát (thu nhập của các ghế ấy ở khắp nước Đức là 60 triệu – 70 triệu) – lợi dụng sự liên hệ và quen biết.
162. 6 ngân hàng – 751 ghế trong các hội đồng giám sát (I-ây-đen-xơ)... Năm 1909, số ghế như vậy là 12 000 – 197 nhân vật chiếm 2918 ghế (Xem ibidem *Moóc-gan ở Mỹ*).
172. Ý nghĩa của “việc chỉnh lý”:
- (1) hoạt động có lãi;
  - (2) làm cho các công ty túng thiếu phải phụ thuộc vào ngân hàng.
183. (i. f.) và 184. – Thay các hối phiếu bằng cách ghi vào sổ sách ngân hàng.
199. Sức ép của tư bản lớn đối với sở giao dịch (và chú thích: ví dụ về Moóc-gan hồi năm 1907).
211. — — Các ngân hàng thay thế sở giao dịch...
222. Thực chất và ý nghĩa của việc buôn bán có kỳ hạn.
- NB 262. Đoạn trích *Tư bản*, III, 2, tr. 144 – 5 (bản dịch ra tiếng Nga) về *vai trò của các ngân hàng versus chủ nghĩa xã hội* (NB).

274. Công nghiệp nặng. Khó rút tư bản ra (con đường dẫn tới độc quyền).  
(277 –) 278: Xu hướng của các ngân hàng tiến tới *độc quyền*.
281. NB: Cu-nốp viết về các các-ten trên tờ "*Die Neue Zeit*", XXII, 2, tr. 210.
285. "Liên hợp" = liên hợp công nghiệp khai khoáng với công nghiệp chế biến.  
295: Công ty và "những người ngoài" (NB)...
298. Nếu không có ngân hàng giúp thì không một xí nghiệp công nghiệp lớn nào có thể tồn tại được.
- 300 – 1. Ăng-ghe-n viết về thuế quan bảo hộ *kiểu mới* và các các-ten (Tư bản, III, 1, tr. 95).
- 302 – 3: Quá trình tiến triển của những hình thức của các-ten (và *đặc biệt* là 304).
308. Sự tích tụ của thương nghiệp (xem *Ô. Li* trong tờ "*Die Neue Zeit*", XXVII, 2, tr. 654).
- 320, chú thích. Loại bỏ thương nghiệp sẽ không làm giảm giá sản phẩm.
- 322 – 3: Thương nhân - đại diện – người rao đặt hàng (NB) (và 324).
331. (Bắt chước *những từ ngữ* của Mác).
336. Ví dụ về lợi nhuận sáng lập: *Tơ-rốt đường* (NB) ở Mỹ (70% dành cho tư bản *hoạt động*, 10% cho tư bản "pha thêm")<sup>1)</sup>
- 338 – 9: **định nghĩa tư bản tài chính** (và 341): tư bản tài chính = "tư bản nằm trong tay ngân hàng và do các nhà công nghiệp sử dụng" (339).
- 346: Các-ten – "*sự cạnh tranh trở nên khó khăn hơn*".
353. Mối liên hệ giữa các các-ten với *việc xuất khẩu* tư bản.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 445 – 446.

355. Tư bản tài chính và "việc tổ chức nền sản xuất xã hội"... (xem 353 và 354).
358. Cùng với sự phát triển của liên hợp, việc sản xuất cho các nhu cầu nội bộ cũng phát triển (nhưng dành cho sản xuất **hàng hoá**).
362. *Mác* viết về khủng hoảng (III, 1, 219 – 220, bản dịch ra tiếng Nga).
364. Tập II "những phần xuất sắc nhất của một công trình tuyệt diệu" ("công lao" của *Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki?*)<sup>34</sup> trong phần chú thích).
382. "Các sơ đồ" (tập II) và ý nghĩa của "*tính tỷ lệ*" ((xem 426 và + 427)).
- 447: "*Về mặt kinh tế* có thể có" ("về mặt xã hội và chính trị, không thể có") một các-ten chung... nó sẽ loại trừ các cuộc khủng hoảng... Nhưng "mong đợi các các-ten riêng lẻ loại trừ khủng hoảng" = không hiểu được.

Trước phần V: "Chính sách kinh tế của tư bản tài chính"

- tr. 454, chú thích. Trích dẫn Sun-txê – Ghê-véc-ni-txơ ("chủ nghĩa đế quốc Anh", tr. 75): "Ngài Rô-bốt Pi-ơ đã từng nói: N || "Trong mỗi thuộc địa của chúng ta, chúng ta đều có một Ai-rơ-len thứ hai" ||
- 474: xuất khẩu tư bản = "xuất khẩu giá trị để sản xuất ra giá trị thặng dư ở nước ngoài".
- 487: ở các nước mới, việc nhập khẩu tư bản "gây ra sự chống đối của dân chúng đang giác ngộ ý thức dân tộc"... || "Chính chủ nghĩa tư bản cung cấp cho các dân tộc bị chinh phục những phương tiện để họ tự giải phóng"... || "phong trào giành độc lập"... ||
487. Vấn đề phong trào dân tộc ở các nước phụ thuộc

- ("các dân tộc bị chinh phục" có xu hướng vươn lên "tự giải phóng")...
488. Việc đẩy nhanh sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở các nước mới...
- 491: cuộc đấu tranh "của các nhóm ngân hàng dân tộc" để giành phạm vi đầu tư vốn (*Pây-sơ* và những người khác)...
- 493: tư bản ở các nước thuộc địa đem lại doanh lợi>.
495. Chính sách của tư bản tài chính (1.2.3.)
- 495: "Chính sách của tư bản tài chính nhằm đồng thời ba mục đích: một là tạo ra một lãnh thổ kinh tế càng rộng lớn càng tốt, hai là lãnh thổ ấy phải được bảo vệ chống lại sự cạnh tranh của nước ngoài bằng các bức tường thuế quan và ba là, nhờ vậy nó phải trở thành lĩnh vực bóc lột cho các liên minh độc quyền dân tộc"...

NB: 484: *tranh luận về nhập cư* trong tờ "Die Neue Zeit", xuất bản năm thứ 25, 2 (1907)

505. "Hiện nay, làm đại diện cho tư bản tài chính đang trở thành chức năng quan trọng nhất của ngoại giao"...
506. *Các-lơ Ê-mi-lơ* viết về chủ nghĩa đế quốc *Đức*. "Die Neue Zeit", XXVI, 1.
510. Quốc gia dân tộc.
511. Tư bản tài chính không muốn tự do, mà muốn thống trị.
- 512 – 3. Dân tộc và chủ nghĩa đế quốc.
- 513 – 4. Tập đoàn đầu cơ tài chính thay cho dân chủ.
567. "Câu trả lời của giai cấp vô sản cho chính sách kinh tế của tư bản tài chính, cho chủ nghĩa đế quốc, có thể sẽ không phải là tự do buôn bán, mà chỉ là chủ nghĩa xã hội" khôi phục lại tự do buôn bán = "*Iý tưởng phản động*" (NB)

Tư bản tài chính = tư bản ngân hàng thống trị công nghiệp.

[nói: "tư bản tài chính = tư bản *ngân hàng*" còn chưa đầy đủ sao?]

**Ba nhân tố chủ yếu:**

Công ty  
ở Mỹ.

Mỹ và  
Đức

Bảng –  
và ví dụ  
về Ác-  
hen-ti-  
na.

Sự phát triển và lớn mạnh đến một mức độ nào đó của tư bản lớn... Vai trò của *ngân hàng* (Tích tụ và xã hội hoá).

Tư bản *độc quyền* (chiếm đoạt một bộ phận lớn của một ngành công nghiệp nào đó đến mức cạnh tranh được thay thế bằng *độc quyền*)...

*Phân chia thế giới*... (Thuộc địa và phạm vi ảnh hưởng)...

NB *Hin-phéc-đinh*: trong "Die Neue Zeit", 1912 (xuất bản năm thứ 30, tập 1), tr. 556... "xu hướng vốn có của mỗi độc quyền tư bản chủ nghĩa là làm cho độc quyền kinh tế của nó trở nên không gì phá vỡ nổi bằng cách củng cố độc quyền kinh tế đó bằng độc quyền về những tài nguyên thiên nhiên"...

**TƠ-RÓT ĐIỆN LỰC**

*Tơ-rốt trong công nghiệp điện:*

"Con đường của tơ-rốt điện lực" của *Cuốc-tơ Hai-ních* (Béc-lanh). ("Die Neue Zeit", 1912 (28. VI. 1912), xuất bản năm thứ 30, tập 2, tr. 474).



Một minh họa tuyệt diệu về chủ nghĩa đế quốc<sup>1)</sup>:

Năm 1907 giữa AÊG ("An-ghê-mai-nơ ê-lếch-tơ-ri-txi-tét ghê-den-sáp-phtơ") ("Tổng công ty điện khí") và GÊC ("Giê-nê-ran ê-lếch-tơ-rích cô-m-pa-ni")<sup>35</sup> đã ký kết *bản hiệp nghị*

Công-xoóc-xi-om AÊG  
Tơ-rốt GÊC

về phân chia thế giới:

GÊC - Mỹ và Ca-na-đa

AÊG - Đức, Áo - Hung, Nga, Hà-lan, Đan-mạch, Thụy-sĩ, Thổ-nhĩ-kỳ, những nước vùng Ban-căng.

	Chu chuyển hàng hoá (triệu đồng mác)	Số viên chức	Lợi nhuận ròng (triệu đồng mác)
GÊC (Mỹ)	1907: 252	28 000	35,4
	1910: 298	32 000	45,6
AÊG (Đức)	1907: 216	30 700	14,5
	1911: 362	60 800	21,7

298 + 362 = 660 triệu đồng mác

Những hiệp ước đặc biệt (bí mật) về các công ty = con. "Ngoài ra còn trao đổi những phát minh và kinh nghiệm!" (tr. 475). NB

Số lượng các công ty (phần lớn là những công ty cổ phần) mà AÊG "có tham dự và nắm quyền thống trị", là 175 - 200 (tr. 484). Tư bản của sáu công ty chính

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 464 - 465.

trong những công ty đó lên tới gần 3/4 tỷ, tổng tư bản của tất cả các công ty có lẽ là khoảng 1 1/2 tỷ mác<sup>1)</sup>.

Số lượng "các công ty chế tạo" - 16

sản xuất cao su - dây cáp - đèn thạch anh - dụng cụ cách điện - tín hiệu đường sắt - ô-tô - máy chữ - những loại máy bay được, v.v.

NB || Nét điển hình của công nghiệp hiện đại: chính ngay xí nghiệp ấy sản xuất ra nguyên liệu etc.

\* Số lượng những cơ quan đại diện trực tiếp ở nước ngoài của AÊG = 34 (trong đó có 12 công ty cổ phần)<sup>2)</sup>.

\* 1. Xanh Pê-téc-bua

và Vác-sa-va

7. Ru-ma-ni

2. Li-xbon

8. Viên

Tổng cộng là

3. Khri-xti-a-ni-a

9. Mi-lăng

ở 10 nước

4. Xtốc-khôn

10. Cô-pen-ha-gơ

5. Bruy-xen

Tây Nam Phi

6. Pa-ri

((thuộc địa?))

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 442.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 463.



"Volkswirtschaftliche Chronik" của Côn-rát (1913, tr. 783)			Tổng số chứng khoán phát hành
Tổng số chứng khoán phát hành trong những năm 1883/1912 (tính theo tỷ mác)			
1883 - 3. <sub>4</sub>	1893 - 4. <sub>9</sub>	1903 - 14. <sub>8</sub>	Tổng số trong ba năm đó tỷ mác Đức và thuộc địa của Đức 7. <sub>2</sub> Anh và thuộc địa của Anh 5. <sub>2</sub> + Nam Phi 0. <sub>4</sub> + Ca-na-đa 3. <sub>0</sub> Σ (do tôi tính) 8. <sub>6</sub>  Pháp và thuộc địa của Pháp 4. <sub>8</sub> Áo - Hung 2. <sub>1</sub> Nga 3. <sub>2</sub> Bỉ 1. <sub>0</sub> - Công-gô thuộc Bỉ 0. <sub>3</sub> Σ (do tôi tính) 1. <sub>3</sub>  Hà-lan và thuộc địa của Hà-lan 0. <sub>6</sub> Lúc-xăm-bua 0. <sub>01</sub> Tây-ban-nha 0. <sub>6</sub> Bô-đào-nha và thuộc địa của Bô-đào-nha 0. <sub>1</sub> Đan-mạch 0. <sub>2</sub> Thụy-điển 0. <sub>1</sub> Na-uy 0. <sub>1</sub> Thụy-sĩ 0. <sub>7</sub> Ý 0. <sub>7</sub>
4. <sub>0</sub>	14. <sub>4</sub>	11. <sub>7</sub>	
2. <sub>7</sub>	5. <sub>3</sub>	15. <sub>5</sub>	
5. <sub>4</sub>	13. <sub>5</sub>	21. <sub>5</sub>	
4. <sub>1</sub>	7. <sub>8</sub>	12. <sub>4</sub>	
6. <sub>4</sub>	8. <sub>5</sub>	17. <sub>2</sub>	
10. <sub>3</sub>	9. <sub>2</sub>	19. <sub>9</sub>	
6. <sub>6</sub>	9. <sub>6</sub>	21. <sub>4</sub>	
6. <sub>2</sub>	8. <sub>0</sub>	15. <sub>8</sub>	
1892 - 2. <sub>0</sub>	1902 - 17. <sub>8</sub>	1912 - 16. <sub>4</sub>	
Σ = 51. <sub>1</sub>	99. <sub>0</sub>	116. <sub>6</sub>	
(do tôi tính)			
Hợp chúng quốc Mỹ 10. <sub>6</sub> Ai-cập Anh và thuộc địa của Anh 8. <sub>8</sub> Đức và thuộc địa của Đức 7. <sub>2</sub> Pháp và thuộc địa của Pháp 4. <sub>9</sub> Σ (do tôi tính) 29. <sub>5</sub> <sup>1)</sup>			

Tổng số chứng khoán phát hành

53.0

Đây là tổng số cho toàn thế giới.

Theo từng nước, tr. 782, gồm những năm 1910, 11 và 12

Tổng số trong ba năm đó

Đức và thuộc địa của Đức	7.2
Anh và thuộc địa của Anh	5.2
+ Nam Phi	0.4
+ Ca-na-đa	3.0
Σ (do tôi tính)	8.6

Pháp và thuộc địa của Pháp	4.8
Áo - Hung	2.1
Nga	3.2
Bỉ	1.0
- Công-gô thuộc Bỉ	0.3
Σ (do tôi tính)	1.3

Hà-lan và thuộc địa của Hà-lan	0.6
Lúc-xăm-bua	0.01
Tây-ban-nha	0.6
Bô-đào-nha và thuộc địa của Bô-đào-nha	0.1
Đan-mạch	0.2
Thụy-điển	0.1
Na-uy	0.1
Thụy-sĩ	0.7
Ý	0.7
Σ =	4.91

<sup>1)</sup> Trong bản viết tay là như vậy.

		tỷ mác	
Nga	3. <sub>2</sub>	Ru-ma-ni	0. <sub>4</sub>
Áo - Hung	2. <sub>1</sub>	Bun-ga-ri	0. <sub>1</sub>
Bỉ và thuộc địa của Bỉ	1. <sub>3</sub>	Xéc-bi-a	0. <sub>2</sub>
Nhật	1. <sub>7</sub>	Hy-lạp	0. <sub>5</sub>
	8. <sub>3</sub>	Thổ-nhĩ-kỳ	0. <sub>6</sub>
		Hợp chúng quốc Mỹ	10. <sub>6</sub>
		những nước còn lại ở châu Mỹ	7. <sub>0</sub>
		Ai-cập	0. <sub>2</sub>
		Ma-rốc	0. <sub>1</sub>
		Trung-quốc	0. <sub>6</sub>
		Nhật	1. <sub>7</sub>
		Ba-tư	0. <sub>1</sub>
<b>Do tôi tổng kết:</b>			
4 nước lớn	29. <sub>5</sub>		
4 nước thứ yếu	8. <sub>3</sub>		ΣΣ = 52. <sub>2</sub>
Những nước còn lại ở châu Mỹ	7. <sub>0</sub>		16. <sub>4</sub>
14 nước châu Âu	4. <sub>91</sub>		15. <sub>8</sub>
Trung-quốc + Ba-tư	0. <sub>7</sub>		21. <sub>4</sub>
	50. <sub>41</sub>		chính xác ΣΣ = 53. <sub>6</sub>

Một số cuốn trong thư mục NB:  
 "Weltwirtschaftliches Archiv" của Ham-xơ (đã xuất bản được 6 tập).

Bản tổng hợp (do tôi lập) dựa theo "Wolkswirtschaftliche Chronik" của Côn-rát.

Về thống kê các các-ten: Số lượng những các-ten: ((ở Đức)) (tr. 903 - 6)

	mới thành lập	vẫn hoạt động và mở rộng	giải tán
1913----	38 -----	34-----	15
1914----	31-----	38-----	6

do tôi tính tăng hoặc giảm các trường hợp  
 + 72 - 15 = 57  
 + 69 - 6 = 63

<sup>1)</sup> Trong bản viết tay là như vậy.

RÍT-XƠ. "CÁC NGÂN HÀNG LỚN Ở ĐỨC  
VÀ SỰ TẬP TRUNG CÁC NGÂN HÀNG ĐÓ"

*Tiến sĩ Rít-xơ.* "Các ngân hàng lớn ở Đức và sự tập trung các ngân hàng đó do sự phát triển chung của nền kinh tế Đức". Xuất bản lần thứ 3. *I-ê-na, 1910.*

(Một vài con số, nhưng không phải tất cả, đã được bổ sung thêm căn cứ theo lần xuất bản thứ 4, năm 1912).

*Nền công nghiệp điện của Đức* trước năm 1900 (trước *cuộc khủng hoảng năm 1900*, cuộc khủng hoảng này trên một mức độ lớn là do *sản xuất thừa trong công nghiệp điện* gây ra) (Rít-xơ, *xuất bản lần thứ 3*, tr. 542 và các trang tiếp)<sup>1)</sup>:

7 nhóm (với 27 (sic!!) công ty riêng biệt):

	Số lượng những ngân hàng <i>đứng sau lưng</i> từng nhóm		
Sự cộng đồng về lợi ích 1902/3. Hợp nhất 1904	11 – I.	Nhóm Xi-men-xơ và Gan-xơ (4 công ty)	1903 hợp nhất lại: nhóm Xi-men- xơ - Su-ke
{	8 – II.	Nhóm AÊG (4 công ty)	
	8 – III.	Nhóm Su-ke (4 công ty)	
		<i>1908</i> "Hợp tác" – thành lập công ty "Ê-lếch-tơ-rô-tơ-rai-han-đơ-ghê-den sáp- phtơ" với số tư bản là 30 triệu mác.	
	6 – IV.	Nhóm "U-ni-ôn ê-lếch-tơ-ri-txi-tét ghê-den-sáp-phtơ" (2 công ty)	
	9 – V.	Nhóm Hê-li-ô-xơ ("bắt đầu giải thể" : tr. 582, xuất bản lần thứ 4) (5 công ty)	

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr.463-464.

- 8 – VI. Nhóm La-mây-e: năm 1910 phần lớn  
cổ phần là của AÊG (tr. 583, xuất bản  
lần thứ 4) (2 công ty)
- 2 – VII. Nhóm Cum-me – phá sản năm 1900  
(7 công ty)

=====  
*nhiều chỗ*

*trùng lặp*

=====  
7 nhóm

[Σ công ty = 28, chứ không phải 27 như Rít-xơ đã chỉ ra, tr. 542 (tr. 582, lần xuất bản thứ 4). Ở tr. 568 ông ta cũng có nói là: 28 công ty]

Kết quả của quá trình tích tụ (tr. 568 và các trang tiếp theo).

Hiện nay	"Ngành công nghiệp hiện đại nhất trong các ngành công nghiệp của chúng ta" là <i>công nghiệp điện</i> ... 7 nhóm, tổng cộng là 28 công ty tham gia các công-xoóc-xi-om...
2	Công nghiệp <i>hoá chất</i> ... 2 nhóm chính (xem dưới đây)
2	<i>Công nghiệp khai khoáng</i> – 2 xanh-đi-ca ("Stan-véc-xơ-phéc-ban-đơ"; "Rai-ni-sơ - Vê- xơ-phê-li-sơ cô-len-xanh-đi-ca")...
2	<i>Hàng hải</i> – 2 công ty (Ham-buốc – A-mê-ri-ca- ni-sơ pa-kết-phác-tơ ác-txi-en-ghê-den-sáp- phtơ"; (Ha-pa-gơ) và "Noóc-đoi-tse-rơ Lô-ít", "chúng có liên hệ với nhau và với một tơ-rốt Anh - Mỹ bằng nhiều hiệp định")...
5	<i>Ngân hàng</i> – 5 nhóm ("bao trùm tổng cộng 4/1 ngân hàng nằm trong các công-xoóc-xi-om")
13	
do tôi cộng	
===== Tổng số do tôi tính là 18 nhóm =====	

Sự gia tăng *số lượng* các vụ liên hợp dựa trên cơ sở những  
lợi ích chung giữa các ngân hàng lớn với ngân hàng tỉnh (tr. 505).

Sự phát triển của sự tích tụ (tr. 542 của lần xuất bản thứ 4):

1881 – 1	1908 – 32 (41)
1895 – 2	1911 – 26 (46)
1902 – 16	

(Rít-xơ, tr. 547 và các trang tiếp)  
*Công nghiệp hoá chất của Đức*  
 (sự tích tụ)<sup>1)</sup>

		Tổng số do tôi tính tư bản cổ phần
I	“Phác-ve-rơ-ke”, trước là Mai-xte-rơ, Li-u-txi-út và Bruy-ninh ở Huê-xơ trên sông Manh Lê-ô-pôn Cát-xen-la và công ty ở Phran-pho trên sông Manh Can-lơ và công ty (ở Bi-bri- khơ trên sông Ranh) (3.2)	(tư bản cổ phần – 20 tư bản trái khoán – 10) (mác triệu) (tư bản cổ phần – 20 tư bản trái khoán - 10)
	(“Liên minh tay đôi”) 1904 “liên hợp” trao đổi cổ phần có tại ban giám đốc	(“Liên minh tay ba”) 1908 (trao đổi cổ phần)
	20 20 3	20 20 3
		<u>43</u>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 408.

II	“Ba-đi-se a-ni-lin – un-đơ xô- đa-pha-brích” ở Lút-vích- xkha-phen (tư bản cổ phần 21 triệu mác). “Phác-ben-pha-brích” trước là Phri-đrich Bai-ê-rơ và công ty ở En-béc-phen-đơ (21 triệu mác). “Ác-txi-en-ghê-den-sáp-phơ phi-u-rơ a-ni-lin-pha-bri-ca- taxi-on” tại Tơ-rép-tốp – gần Béc-lanh (tư bản cổ phần 9 triệu mác).	1904 liên hợp	21 21
	43% 43% 14% 100% lợi nhuận	9 51	
	Giữa nhóm I và nhóm II, một sự “tiếp cận” đã bắt đầu dưới dạng “hiệp định” về giá cả v.v.		

tr. 560 và các trang tiếp: “Công nghiệp khai khoáng”.

2 tên: *Au-gu-xơ Tít-xen* và *Hu-gô Xtin-nê-xơ*. Vai trò khổng lồ của họ (trong công nghiệp than đá và sắt), sự lớn lên của nó<sup>36</sup>.

... “Nhờ việc ký kết vào ngày 1. I. 1905 một hiệp định xác lập lợi ích chung giữa “Ghen-den-kiéc-khơ-nê béc-véc-xơ ác-txi-en-ghê-den-sáp-phơ”, “A-a-khơ-nê huyết-ten-phê-rai-in rô-tơ éc-đơ” với “San-kê-rơ-gru-ben-un-đơ huyết-ten-phê-rai-in” của Tít-xen người ta đã tiến được một bước, bước tiến này, một mặt, đã hợp nhất được một loạt ngân hàng cạnh tranh với nhau như “Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ”, “Đoi-sơ ban-cơ”, “Đrê-dơ-đne ban-cơ”

và "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in" vào cùng một doanh nghiệp chung, nhưng đồng thời lại mở rộng quyền lực của Hu-gô Xtin-nê-xơ và Au-gu-xơ Tít-xen là những người đã có chân trong "tổng uỷ ban" của liên hợp này với tư cách là những thành viên" (tr. 563) (tr. 603 của lần xuất bản thứ 4).

(tr. 577) idem tr. 624 của lần xuất bản thứ 4

1882 – 28 ngân hàng có 50 và > nhân viên: 2 697 nhân viên –  
11.8% tổng số

1895 – 66 “ “ “ “ “ “ “ “ : 7 802 nhân viên –  
21.6%

+ 189.3% { dưới 5 nhân viên + 59.9% }  
6 đến 50 + 34.5%

1907 có lẽ khoảng độ  $1/3$

"Đoi-sơ ban-cơ" 1907 – 4 439 nhân viên ngân hàng (tr. 578)

1908 – 4 860

"Tôi ước tính số nhân viên ngân hàng của 6 ngân hàng lớn nhất ở Béc-lanh vào cuối năm 1910 là 18 000" (tr. 625 của lần xuất bản thứ 4).

Cuối sách, Rít-xơ tranh luận với những người xã hội chủ nghĩa bằng một ngôn ngữ quan phương và nịnh bợ, tuyên truyền cho sự hài hoà (nói chung *Rít-xơ* là loại người *như vậy*).

Ông ta nói rằng sự xã hội hoá, với tính cách là một { ha }  
dự đoán, "đã không thực hiện được" (tr. 585). { ha!! }

tr. 582 (tr. 629, của lần xuất bản thứ 4):

"**Ngân hàng và sở giao dịch**" (do Rít-xơ viết ngả):

"Nếu như nói về ảnh hưởng của quá trình tích tụ đối với chức năng và tình hình của *sở giao dịch* thì sự thật

là nhờ những uỷ thác đổ dồn vào các ngân hàng lớn nên những ngân hàng này, về phần mình, *đảm nhiệm* đến một mức độ nhất định, *những chức năng của sở giao dịch* bằng cách *bù trừ* những món mua và bán mà chỉ để cho *sở giao dịch* cái phần những uỷ thác *không* được bù trừ. Điều đó cũng xảy ra trong lĩnh vực mua bán chứng khoán có giá, nghĩa là trên cả *thị trường của tư bản*, cũng như trong những hoạt động chiết khấu, tức là trên *thị trường tiền tệ*.

Vì vậy, *sở giao dịch* vốn đã bị luật lệ về sở giao dịch phá hoại nghiêm trọng, nay lại càng ngày càng mất một số lớn những chứng khoán có giá cần thiết cho việc xác định đúng đắn thị giá và do đó càng trở nên *yếu hơn*, điều đó dẫn đến những hậu quả cực kỳ nguy hiểm, nhất là vào những lúc gay go nhất, như nhiều trường hợp xấu đã chứng minh (*chú giải*: trong thời kỳ gần đây, chỉ cần nêu ra ngày bùng nổ cuộc chiến tranh Nga – Nhật).

Từ đó ta thấy rằng *sở giao dịch* ngày càng mất tính chất tuyệt đối cần thiết đối với toàn bộ nền kinh tế và đối với lưu thông chứng khoán có giá, cái tính chất không chỉ là *công cụ đo lường* chính xác nhất của nó mà còn là "cái hàu như tự động *điều tiết* những sự vận động kinh tế quy tụ vào mình"<sup>1)</sup> (*chú giải*. Trích dẫn Rít-xơ: "Sự cần thiết phải xét lại đạo luật về sở giao dịch"; Béc-lanh, 1901), và như thế nó ngày càng ít có khả năng một mặt "dùng sự lên xuống của thị giá để biểu hiện dư luận xã hội về năng lực trả nợ và phương pháp quản lý của đa số các nước, các cơ quan thị chính, các công ty cổ phần và các công ty" và mặt khác, kiểm tra dư luận ấy.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 427.

Như vậy, việc xác định thị giá các chứng khoán có giá và việc định giá của chúng tại sở giao dịch – trước kia đã cho ta, trong chừng mực nói chung có thể có được, một bức tranh rất chính xác “về những quá trình kinh tế chưa ở đâu được tập hợp lại một cách chính xác đến thế và chưa ở đâu lại có thể được nhận biết một cách rõ ràng đến thế trong tính cộng đồng của chúng” và vì thế, cho ta cả một bức tranh về mối tương quan giữa *cầu* và *cung*, – hiện nay phải mất đi cả tính chính xác cũng như tính ổn định và tính vững chắc của chúng, đó là điều quá ư đáng buồn đối với những lợi ích của xã hội.

Hơn nữa, cần phải lo ngại rằng trên con đường ấy, con đường đồng thời ngày càng dẫn tới việc loại bỏ các cơ cấu trung gian (người trung gian v.v.) có thể nảy sinh ra một mâu thuẫn càng ngày càng trở nên gay gắt hơn giữa các ngân hàng và sở giao dịch – điều đó cũng sẽ hết sức nguy hiểm. Mâu thuẫn này biểu hiện ra không những ở những quan hệ căng thẳng – mà mọi người đều biết và trước đây đều đã thấy nhiều lần – giữa các ngân hàng và các giới khác quan tâm đến hoạt động của sở giao dịch, mà còn biểu hiện ra trong lĩnh vực hoạt động chủ yếu của sở giao dịch, tức là việc xác định thị giá nữa.

Trong thời đại chúng ta, trên thực tế, ngay cả trong số những chuyên viên, cũng có một số người định nghĩa ngân hàng và sở giao dịch như là hai cơ quan hoàn toàn giống nhau, nhưng như thế là hoàn toàn sai (*chú giải: E-sê-bách* đã định nghĩa đúng như vậy trong cuốn “Những cuộc tranh luận của liên minh đấu tranh cho một chính sách xã hội” ngày 16 tháng Chín 1903: “Schriften des Vereins für Sozial-

politik”, tập CXIII), ngược lại, một số người khác lại coi chúng là hai cơ quan đối lập hẳn nhau, đó cũng lại là không đúng” (chú giải, xem *Eng-xtơ Lơ-bơ* trong tờ “Nationalzeitung” ngày 18. IV. 1904, số 244) (tr. 583) (tr. 630 của lần xuất bản thứ 4).

*Rít-xơ* (xuất bản lần thứ 3, 1910), tr. 499:

Sự tăng lên của tư bản ngân hàng của những ngân hàng lớn nhất (năm 1908):

	Đức <sup>1)</sup>	1870	1908	1911
1. “Đoi-sơ ban-cơ”.....		15	200	200
2. “Đrê-dơ-đne ban-cơ”.....		9 <sub>6</sub>	180	200
3. “Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtơ”.....		30	170	200
4. “Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ”.....		25 <sub>8</sub>	154	160
Σ (triệu mác).....		80 <sub>4</sub>	704	
“Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in”		15 <sub>6</sub>	145	145
“Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-den-sáp-phtơ”		16 <sub>8</sub>	110	110
ΣΣ =		112 <sub>8</sub>	959	1 015
	Pháp	1870	1908	
1. “Crê-đi Li-on-ne”.....		20 -	250	
2. “Công-toa-rơ na-xi-ô-nan”.....		50 -	150	
3. “Crê-đi anh-đuy-xtơ-ri-en”.....		15 -	100	
4. “Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran”.....		60 -	300	
Σ (triệu phrăng).....		145 -	800	
	= triệu mác	116 -	640	

3 ngân hàng lớn nhất: Đức: 54<sub>6</sub> – 550 (mác)  
Pháp: 130 – 700 (phrăng)  
(104 – 560 (mác))

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 422.

2 ngân hàng lớn nhất: Đức: 24,6 – 380 (mác)  
Pháp: 80 – 550 phrăng  
(64) (440)

tr. 367 idem tr. 398

Những thư đến, đi (số lượng)<sup>1)</sup>:

1852	6 135	6 292	
1870	85 800	87 513	
1880	204 877	208 240	("Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phơ") Ngân hàng lớn ở Béc-lanh
1890	341 318	452 166	
1900	533 102	626 043 (chiếc)	

Rít-xơ, xuất bản lần thứ 3, tr. 693 (phụ lục VIII)

(tr. 745 của lần xuất bản thứ 4):

*Quá trình tiến triển của sự tích tụ trong nội bộ một số ngân hàng lớn và trong nội bộ các công-xoóc-xi-om ngân hàng*

*Tám ngân hàng lớn ở Béc-lanh có<sup>2)</sup>:*

Cuối năm	Các phân chi (chi điểm và chi nhánh) ở Đức	Các quỹ nhận gửi và sổ hồi đoái	Công ty lương hợp (hoạt động vào các ngân hàng)	Tham dự thường xuyên	Tổng số các cơ sở
#	#	#	#	#	#
1895	16 18 (5)	14 23 (12)	11 13 (-)	1 2 (-)	42 56 (17)
1896	18 20 (5)	18 27 (12)	11 14 (-)	1 2 (-)	48 63 (17)
1900	21 25 (5)	40 53 (17)	11 12 (-)	8 9 (5)	80 99 (27)
1902	29 33 (7)	72 87 (35)	10 11 (-)	16 16 (5)	127 147 (47)
1905	42 46 (8)	110 149 (44)	8 12 (1)	34 34 (11)	194 241 (64)
1908	- 69 (10)	- 264 (73)	- 12 (2)	- 97 (31)	- 442 (116)
1911	104 104 (9)	276 276 (93)	7 7 (2)	63 63 (15)	450 450 (119)

tr. 747  
xuất bản  
lần thứ 4

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 421.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 419.

[NB trong sách xuất bản lần thứ 3, có nói về 8 ngân hàng, trong sách xuất bản lần thứ 4 nói về 6 ngân hàng].

# Những số liệu trích từ sách xuất bản lần thứ 4, tr. 745 (cho 6 ngân hàng: "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ", "Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghe-den-sáp-phơ", "Đoi-sơ ban-cơ", "Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phơ", "Đrê-dơ-đne ban-cơ" và "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in").

(trong ngoặc đơn, những số liệu cho "Đoi-sơ ban-cơ")

NB "Đoi-sơ ban-cơ". Doanh số:

1870	1875	1885	1895	1905	1908	1911
239 tr.	5,5 tỷ	15,1 tỷ	37,9 tỷ	77,2 tỷ	94,5 tỷ	112,1 tỷ

8 ngân hàng này gồm có, một là năm ngân hàng hợp thành các "nhóm": "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" ("Ban-cơ phi-u-rơ han-đen-un-đơ in-đu-xtơ-ri"), "Đoi-sơ ban-cơ", "Đi-xcôn-tô-ghe-den-sáp-phơ", "Đrê-dơ-đne ban-cơ" và "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ-phê-rai-in", - còn ba ngân hàng sau: "Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghe-den-sáp-phơ", "Côm-méc-tơ-un-đơ đi-xcôn-tô-ban-cơ", "Na-txi-ô-nan-ban-cơ phi-u-rơ Đoi-sơ-lan-đơ".

Dưới đây là "những nhóm" ấy ["Các liên hợp trên cơ sở lợi ích chung"] của 5 (năm) ngân hàng và "thực lực tư bản" của chúng (tr. 484 và các trang tiếp):



	số ngân hàng	(tr. 520) Triệu mác	Triệu	các chi điểm ngân hàng tư nhân bị nuốt	các ngân hàng bị nuốt
1. Nhóm					
2. "	"Đội-sơ ban-cơ"	12 929 <sub>3</sub> 1 266 <sub>4</sub> <sup>1)</sup> 786 <sub>8</sub> 1045 <sub>4</sub> <sup>1)</sup>		31	21
	"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp- phô" <sup>2)</sup> .....	6 662 <sub>6</sub> - 564 <sub>7</sub>		23	8
3. "	"Đrê-dô-đne ban-cơ" <sup>3)</sup> .....	8 321 <sub>3</sub> - 285 <sub>7</sub>		7	1
4. "	"Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cơ- phê-rai-in" <sup>4)</sup> .....	4 209 <sub>9</sub> - 278 <sub>5</sub>		11	6
5. "	"Đác-mơ-siét-te-rơ ban-cơ" <sup>5)</sup> ("Ban-cơ phi-u-rơ han-den un-đơ in-đu- xtơ-ri").....	5 260 <sub>6</sub> - 297 <sub>4</sub>		17	7
		<u>2 720<sub>7</sub></u> ΣΣ 2 471 <sub>7</sub>		<u>89<sup>1)</sup></u>	<u>43</u>

{2<sup>3</sup>/4 tỷ} nghĩa là gần 2<sup>1</sup>/2 tỷ mác

NB: Đó là *chỉ* kể những tư bản cổ phần và những dự trữ nghĩa là *chỉ* kể số tiền của chúng, không kể tiền của người ngoài.

<sup>1)</sup> Đó là tính thêm cả những "ngân hàng bạn".

<sup>2)</sup> Trong bản thảo thì tổng số "89 chi điểm ngân hàng tư nhân" được nối liền bằng mũi tên với cùng con số đó trong bảng dưới đây ("Những ngân hàng tham gia các công-xoóc-xi-om") (xem tập này, tr. 420).

tr. 537: đến ngày 30. IX. 1911		<i>Những ngân hàng tham gia các công- xoóc-xi-om (con số 41), tham gia 5 nhóm của năm ngân hàng lớn, cho tới ngày 31. XII. 1908 có:</i>		đến ngày 1. X. 1911
Bị nuốt	Các ngân hàng			
Dm. B.	- 8	[697]	chi nhánh ..... 241	- 285
D. B.	- 45	41 ngân hàng tham gia các công-xoóc- xi-om của năm nhóm	cơ quan đại diện.. 325	- 377
D. G.	- 61		công ty lưỡng hợp .. 18	- 21
Dr. B.	- 2		quỹ nhận gửi ..... 102	- 126
	<u>116</u>		chi điểm ngân hàng tư nhân .... 89	- 116
	45		ngân hàng ..... 43	- 45
			những liên hợp trên cơ sở lợi ích chung, nhờ có cổ phần và trao đổi cổ phần... 16	- 20

Tổng, cộng tất cả các ngân hàng lớn và các công-xoóc-xi-om của chúng cho đến ngày 31. XII. 1908, đã nuốt — 164 chi điểm ngân hàng tư nhân + 60 ngân hàng, NB (tr. 500).

Ở Anh, năm 1899, có 12 ngân hàng thuộc loại có 100 và > chi nhánh; chúng có tổng cộng là 2304 chi nhánh ("Niederlassung").

Ở Anh, năm 1901, có 21 ngân hàng thuộc loại có 100 và > chi nhánh; chúng có tổng cộng là 6672 chi nhánh (tr. 521) (tr. 558).

NB "Chỉ riêng một ngân hàng – "Lân-đân xi-ti en-đơ mít-len-đơ ben-cơ" – vào đầu năm 1905, đã có 447 chi nhánh, nghĩa là *nhiều hơn* 257 chi nhánh so với các ngân hàng lớn ở Béc-lanh cộng với 52 ngân hàng tỉnh liên hợp với chúng vào cuối năm 1904; ngày 31. XII. 1907 (#), theo tờ "The Economist", các ngân hàng cổ phần của Anh có ít nhất là 6809 chi nhánh và phân nhánh (522), số lượng các ngân hàng đó lúc bấy giờ chỉ là 74 cái (không kể các ngân hàng ở thuộc địa và của nước ngoài), trong đó có 35 ngân hàng được quyền phát hành giấy bạc".

Trích tiếp của *Rít-xơ*

(#) Trong lần xuất bản thứ 4 (tr. 558) "ngày 31. XII. 1908, các ngân hàng nhận gửi ở Anh và Ai-rơ-len – lúc đó là 63 cái – có ít nhất là 6801 chi nhánh và phân nhánh. Đến cuối 1910, số lượng chi nhánh ước tính là 7151. Trong

thời kỳ ấy, *bốn* ngân hàng ở Anh và ở Oen-xơ mỗi cái có hơn 400 chi nhánh, cụ thể là:

"Lân-đân xi-ti en-đơ mít-len-đơ ben-cơ .....	689 (315 năm 1900)
"Lô-ít ben-cơ" .....	589 (311 " " )
"Béc-clây en-đơ côm-pa-ni" .....	497 (269 " " )
"Kê-pi-tôn en-đơ ca-un-ti-dơ ben-cơ" ...	447 (185 " " )

Bốn ngân hàng khác mỗi cái có trên 200 chi nhánh và 11 ngân hàng (kể cả ngân hàng Scốt-len và Ai-rơ-len là 20) mỗi cái có hơn 100 chi nhánh<sup>1)</sup> (tr. 559).

Số phòng đại diện và chi nhánh ở *Pháp* (tr. 522) (tr. 559):

Ngân hàng:	1894		1908		ở nước ngoài (và ở An-giê-ri
	Ở Pa-ri và vùng phụ cận	ở các tỉnh	Ở Pa-ri và vùng phụ cận	ở các tỉnh	
Crê-đi Li-on-ne"	27 – 96		62 – 175		20
"Công-toa-rơ đê-xcông-tơ"...	15 – 24		49 – 150		–
"Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran"	37 – 141		88 – 637		2

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 420.

Trong "Phụ lục VII" (tr. 666 và các trang tiếp) có bản liệt kê những công ty và ngân hàng tham gia "các công-xoóc-xi-om" của những ngân hàng lớn. Tôi lựa ở đây ra những ngân hàng **nước ngoài**:

Phạm vi (theo địa điểm đặt các chi nhánh)	(Số lượng chi nhánh)	Địa điểm đặt ngân hàng	Tên ngân hàng	Tư bản tính theo triệu mác (v.v.)	Những ngân hàng lớn ở Béc-lanh đã thành lập ra nó hoặc tham dự vào nó
	(-)	Am-xtéc-đam	— "Đi Am-xtéc-đam-sơ -- 6 phlo-rinh - ban-cơ"		"Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ"
Trung-ước, Nhật-bản, Ấn-độ v.v.	(12)	Thượng-hải	— "Đoi-sơ A-di-a-ti-sơ -- 7,5 ta-en ban-cơ"		- "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" + "Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-đen-sáp-phốt" + "Đoi-sơ ban-cơ" + "Đi-xcôn-tô-ghê-đen-sáp-phốt" + "Đrê-dơ-đne ban-cơ" + "Sáp-phơ-hau-đen-sơ ban-cơ-phê-rai-in".
Ý	(33)	Mi-lăng	— "Ban-ca côm-méc- -- 105 lia tsi-a-le I-ta-li-a-na"		- "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" + "Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-đen-sáp-phốt" + "Đoi-sơ ban-cơ" + "Đi-xcôn-tô-ghê-đen-sáp-phốt" + "Đrê-dơ-đne ban-cơ"
(? Bỉ)	(-)	Bruy-xen	— "Ban-cơ anh-téc- -- 25 phrăng na-xi-ôn-nan đơ Bruy-xen"		- "Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" + "Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-đen-sáp-phốt" + "Đi-xcôn-tô-ghê-đen-sáp-phốt" + "Sáp-phơ-hau-đen-sơ ban-cơ-phê-rai-in"

Phạm vi (theo địa điểm đặt các chi nhánh)	(Số lượng chi nhánh)	Địa điểm đặt ngân hàng	Tên ngân hàng	Tư bản tính theo triệu mác (v.v.)	Những ngân hàng lớn ở Béc-lanh đã thành lập ra nó hoặc tham dự vào nó
(? Anh)	(-)	Luân-đôn	— Bê-n-kéc-đơ to-rê-đinh xin-đi-ca	— 0,1 li-vơ -- xtéc-linh	"Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ"
Ru-ma-ni	(-)	Bu-ca-rét	— "Ban-ca Mác-mô-rô-sơ Bian-cơ"	— 10 lây	"Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ" + "Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-đen-sáp-phốt"
(? Mỹ)	(-)	?	— "A-mê-ri-ca ben-cơ"	— 25 mác	"Đác-mơ-stét-te-rơ ban-cơ"
(? Anh)	(-)	Luân-đôn	— "Lân-đán en-đơ gan-xi-tích ben-cơ"	— 0,1 xt.	"Côm-méc-txơ-un-đơ đi-xcôn-tô-ban-cơ"
(Nam Mỹ etc.)	(22)	Béc-lanh	— "Đoi-sơ i-u-béc-dai-sơ ban-cơ"	— 20 mác	"Đoi-sơ ban-cơ"
Đông Phi	(?)	Béc-lanh	— "Ác-ti-en-ghê-đen-sáp-phốt phi-u-rơ i-u-béc-dai-sơ bau-un-téc-nê-mun-ghen"	— 2 mác	"Đoi-sơ ban-cơ"

Trung Mỹ	(?)	Béc-lanh	— "Xen-tô-ran - A-mê-ri-ca ban-cô" — 10 mác — "Đoi-sơ ban-cô"
Mê-hi-cô	(?)	Mê-hi-cô	— "Mêch-xi-ca-ni-sơ ban-cô phi-u-rô han-đan un-đơ i n-đu-xtô-ri" — 16 pê-dô — "Đoi-sơ ban-cô"
Pô-li-nê-di-a	(?)	Ham-buóc	— "Đoi-sơ han-đen-xô-un-đơ plan-ta-gien-ghê-den-sáp-phtô đê-rô duy-đơ-de-in-den-nô" — 2 <sup>3</sup> / <sub>4</sub> mác — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"
Tân Ghi-nê	(?)	(?)	— "Nôi-Ghê-nê-a-côm-pa-ni" — 6 mác — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"
Bra-xin	(5)	Ham-buóc	— "Bra-di-li-a-ni-sơ ban-cô phi-u-rô Đoi-sơ-lan-đơ" — 10 mác — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"
Chi-lê và Trung Mỹ	(9)	Ham-buóc	— "Ban-cô phi-u-rô Chi-lê un-đơ Đoi-sơ-lan-cô" — 10 mác — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"
Ru-ma-ni	(2)	Bu-ca-rét	— "Ban-cô đgiê-nê-ran-la Rô-mu-na" — 10 lây — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"

Phạm vi (theo địa điểm đặt)	(Số lượng)	Địa điểm	Tư bản tính theo
Bỉ	(?)	An-tvéc-pen	— "Côm-pa-ni côm-méc-xi-an ben-giô" — 5 phrăng — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"
Châu Phi thuộc Đức	(15)	(?)	— "Đoi-sơ A-phri-ca ban-cô" — 1 mác — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"
Bun-ga-ri	(?)	Xô-phi-a	— "Ban-cô đơ crê-đi" — 3 lê-vơ — "Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phtô"
Tây Phi thuộc Đức	(4)	Béc-lanh	— "Đoi-sơ Vê-xta-phri" — 1 mác — "Đrê-dơ-đne ban-cô"
Tiểu Á, Thổ-nhĩ-kỳ Xa-lô-ních-cô, v.v..	(12)	Béc-lanh	— "Đoi-sơ Ô-ri-en-tô-ban-cô" — 16 mác — "Đrê-dơ-đne ban-cô" + "Na-txi-ô-nan-Đoi-sơ-lan-đơ" + "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cô-phê-rai-in"
Nam Mỹ	(3)	Béc-lanh	— "Đoi-sơ - Duy-đơ-a-mê-ri-ca-in-sơ ban-cô" — 20 mác — "Đrê-dơ-đne ban-cô" + "Sáp-phơ-hau-den-sơ ban-cô-phê-rai-in"

Về vấn đề các ngân hàng thuộc địa (hầu như tất cả đều do các ngân hàng lớn ở Béc-lanh thành lập) thì những tổng số của Rít-xơ là như sau (bổ sung cho năm 1910 trích từ lần xuất bản thứ 4, tr. 375<sup>1)</sup>):

"Cuối những năm 90, chỉ có 4 ngân hàng hải ngoại của Đức; năm 1903, đã có tới 6 cái với 32 chi nhánh và đầu năm 1906, đã có 13 ngân hàng với ít nhất là 100 triệu mác chi phối hơn 70 chi nhánh.

Tuy nhiên, xét một cách tương đối thì tất cả những cái đó chẳng thấm tháp là bao so với những điều đã thực hiện được của những nước khác trong lĩnh vực ấy: ví dụ, Anh, ngay từ năm 1904, đã có 32 (năm 1910: 36) ngân hàng thuộc địa có những ban giám đốc ở Luân-đôn và 2104 (1910: 3 358) ngân hàng có những ban giám đốc ở ngay các thuộc địa, và còn có 18 (1907: 30) (1910: 36) ngân hàng Anh khác ở nước ngoài với 175 (2091) chi nhánh). Pháp, ngay từ năm 1904/5 đã có 18 ngân hàng ở thuộc địa và ở nước ngoài với 104 chi nhánh; Hà-lan: 16 ngân hàng hải ngoại với 68 chi nhánh" (tr. 346).

NB

NB	Nhu vậy là:	1910	1904
		72 - 5 449	Đức ... 13 - 70
			Anh ... 50 - 2 279
			Pháp... 18 - 104
			Hà-lan. 16 - 68 <sup>2)</sup>

Con số thứ nhất = số lượng ngân hàng ở thuộc địa và ở nước ngoài nói chung; con số thứ hai - số lượng chi nhánh của chúng (hoặc là số lượng ngân hàng riêng lẻ ở thuộc địa).

<sup>1)</sup> Ở đây, trong những ngoặc đơn là các số liệu do V. I. Lê-nin dựa vào lần xuất bản thứ 4 (tr. 375) mà bổ sung vào; trong bản thảo viết tay thì những số liệu bổ sung này được ghi ở những chỗ tương ứng giữa các dòng viết tay, ở bên trên hay bên dưới những con số có liên quan ghi ở nguyên bản.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 461.

Về vấn đề mối liên hệ của các ngân hàng với các xí nghiệp công nghiệp (theo I-ây-đen-xơ (1895 - 1903) (tr. 383)

Số lượng lần phát hành chứng khoán công nghiệp trong các năm	tr. 307	Σ trong 7 năm	1904 - 1910	Chữ viết tắt là do tôi viết	Số lượng công ty được hưởng dùng những lần phát hành chứng khoán ấy	Số lượng những xí nghiệp công nghiệp (tr. 284) (1903/4) (1911)	Số lượng những xí nghiệp công nghiệp (tr. 463) (1908) (1910) (tr. 501)
424	204 -			Dr. B.	— 220	— 191	— 11 — 8
361	174 -			S. BV.	— 187	— 211	— 19 — 17
312	142 -			B. HG.	— 149 — 281	— 95	— 15 — 13
302	151 -			D. G.	— 154 — 290	— 111	— 4 — 2
456	306 -			D. B.	— 139 — 419	— 250	— 4 — 5
314	166 -			Dm. B.	— 140 — 285	— 161	— 4 — 6 <sup>1)</sup>

\* Trong số đó có Krúp, giám đốc của hãng (Dr. B.); của các hãng Ha-pa-gơ, và "Nôóc-đoi-tse-rô Lô-ít" và "Chen-đen-kie-khơ-nê béc-véc-xơ ác-bi-en-ghê-den-sáp-phitô" (D. Ges.), "Hi-béc-nia," "Hác-pe-nô-ác-bi-en-ghê-den-sáp-phitô", "Ô-béc-sle-đi-sơ ác-bi-en-ghê-den-sáp-phitô" và những người khác nữa (B. H. Ges.) v.v..

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 429 - 430.

( Những số liệu hình như không được đầy đủ ) Số lượng những ngân hàng hải ngoại do các ngân hàng lớn thành lập (bảng liệt kê của Rít-xơ, tr. 327 và các trang tiếp) (tr. 354 và các trang tiếp)

Σ		D. B.	D. G.	Dr. B.	Dm. B.	B. HG.	S. BV.	N. B.	Tổng cộng
								f. D.	
11	1880-89	3	3	1	1	1	1	1	11
22	1890-99	4	6	2	2	2	4	2	22
24	1900-4	3	3	1	—	—	—	1	8
	1905, 1906-8	2	3	5	1	1	3	1	16

không đủ chục năm, cho đến những năm 1908 – 9.

R. E. Mai (trong cuốn "Schmoller's Jahrbuch", 1899, tr. 271 và các trang tiếp) (tr. 83) phân phối thu nhập quốc dân của Đức (dân số) Thu nhập (triệu) tính theo người tỷ mác	(tr. 82) những số liệu của Ranh-ba-ben, bộ trưởng Bộ tài chính Phổ 1908	(tr. 99 – 100) ở Đức
triệu người %	triệu mác thuế %	Số lượng công ty cổ phần
Dưới 900 mác	$18\frac{1}{3}$ $12\frac{3}{4}$	$17.9 = 47.22$ 0
900 – 3000	$3\frac{2}{3}$ $6\frac{1}{2}$	$16.2 = 42.54$ $83.7 = 34.26$
> 3000	$1\frac{1}{3}$ $5\frac{3}{4}$	$1.9 = 5.50$ 66% <sup>1)</sup>
Σ =	$22\frac{1}{3}$ 25	$36.0$ $95.26$
Nhân khẩu tự lập NB	> 9 500 mác 0.87% dân số 43% thuế	1908 – 6 249 – 9.4

<sup>1)</sup> Của Rít-xơ là như vậy.

Của Rít-xơ không phải là một biểu mà là một bản liệt kê. Phụ lục IV

Số lượng công ty công nhân hàng có Các

Các ngân hàng	Ngành khai khoáng, nhà máy luyện kim, công nghiệp muối	Công nghiệp xi-li-cát	Công nghiệp gia công kim loại	Công nghiệp chế tạo máy (1)	Hoá chất	Xà phòng, dầu mỡ etc.	Dệt và da	Giấy
"Đác-mơ-stét-te-ơ ban-cơ"	9	4	2	15	3	2	5	2
"Béc-lin-nơ han-đen-xơ-ghê-den-sáp-phơ"	18	1	8	10	4	1	—	—
"Côm-méc-tơ-un-đơ đi-xcôn-tô-ban-cơ"	1	2	2	7	1	—	—	—
"Đoi-sơ ban-cơ"	13	1	3	24	1	4	6	1
"Đi-xcôn-tô-ghê-den-sáp-phơ"	13	2	2	8	5	2	—	—
6) "Đrê-dơ-đne ban-cơ"	10	2	3	14	1	—	2	1
"Na-txi-ô-nan ban-cơ phi-u-rơ Đoi-sơ-lan-đơ"	13	4	3	18	2	3	1	—
8) "Sáp-phơ-hau-đen-sơ ban-cơ phê-rai-in"	18	2	4	15	2	1	4	—
Tổng cộng	95	18	27	111	19	13	19	4
	140		+ 111		+ 83			

<sup>1)</sup> kể cả công nghiệp kỹ thuật điện.

ngành và thương nghiệp mà trong đó các  
*những ghé trong hội đồng giám sát.*  
ngành công nghiệp:

Xen-luy-lô	Thực phẩm	Thương mại	Các công ty bảo hiểm	Giao thông	Các công ty nước ngoài	Công nghiệp xây dựng	Ngành khách sạn và tiệm ăn uống	Công nghiệp cao su	Công nghiệp nghệ thuật	Những công ty trồng trọt	Triển lãm	Tổng cộng
1	7	24	3	9	6	-	-	-	-	-	-	
-	3	16	-	9	17	1	-	-	-	-	-	
-	3	7	2	3	1	1	1	-	-	-	-	
-	3	28	8	6	13	2	-	1	2	-	-	116
-	1	29	2	4	21	-	-	-	-	2	1	
-	2	29	3	11	8	-	1	-	-	-	-	
-	7	21	1	9	6	2	-	-	4	2	-	
-	1	20	1	16	6	3	-	-	1	-	-	
1	27	174	21	67	78	9	2	1	7	4	1	
			+ 174			+ 166			+ 24			= 698

Thu nhập do  
hoạt động ngân  
hàng mang lại: !!!  
450 triệu phrăng

“Theo sự đánh giá của bộ thương mại về năm 1898, tổng *thu nhập* mà Anh đã thu được từ *các uỷ ban ngân hàng cùng các uỷ ban khác* trong năm đó là 18 triệu li-vơ xtéc-linh (tức là vào khoảng 432 triệu cua-ron) (tr. 399) (tr. 431)... Trong buôn bán của châu Âu với các nước hải ngoại, “hình như” hàng năm có tới hơn 6 tỷ mác được thanh toán thông qua Anh”... [tr. 431 của lần xuất bản thứ 4]

*Thu nhập của Anh do cho thuê tàu*, hàng năm là 1 800 triệu mác; của Đức là 200 – 300 triệu mác (tr. 400) (tr. 432 idem).

Bản khai năm 1907 về các nhân viên ngân hàng ở Đức: những câu trả lời của 1 247 hãng có 24 146 nhân viên (tr. 579) (tr. 626)

	tiền lương trung bình của nhân viên ngân hàng tư nhân nói chung
trong số đó có	
264 ngân hàng cổ phần	16 391 viên chức 20 – 39 tuổi 1 459 – 3 351 1 467 – 2 380
708 ngân hàng tư nhân	5 938 “ “ 40 – 54 “ 3 638 – 4 044 2 413 – 2 358
275 ngân hàng hợp tác	1 817 “ “ 55 – 70 “ 3 899 – 2 592 2 264 – 1 879

“Số lượng *những chuyển khoản* trong năm 1876 là 3 245 đã lên tới 24 821 (24 982) trong năm 1908

NB (1910), nhưng ngoài các quốc khố ra, chuyển khoản này chủ yếu là do các xí nghiệp công thương nghiệp lớn tiến hành đến nỗi cho đến nay, khối lượng chuyển khoản của Ngân hàng quốc gia vẫn mang tính chất đôi chút tài phiệt" (122) (tr. 131).

Năm 1907, số tiền trung bình của mỗi tài khoản (chuyển khoản của Ngân hàng quốc gia) = 24 116 mác. Doanh số = 260.6 tỷ mác, 354.1 – năm 1910 (tr. 132). Thanh toán bằng séc bưu điện (1909) = 23 847 người có tài khoản, 49 853 – năm 1910, và tổng số tiền của họ = 94 triệu mác (tr. 132).

Tổng kim ngạch thanh toán trong các cơ quan thanh toán (tr. 123) (tỷ mác)

ông ta viết: ở Đức, ký chuyển hối phiếu thì phát triển hơn, nhưng séc và sự thanh toán bằng séc thì ít phát triển hơn		1884	1908	1910
Đức		12.1	45.9	54.3
Pháp		3.3	21.3	23.7
Anh		118.5	260.1	299
Mỹ		143.2	366.2	422

Tổng doanh số của Ngân hàng quốc gia ở Đức năm 1908 = 305 1/4 tỷ mác 1910 – 354.1

Số lượng các-ten ở Đức 1896 gần 250 (tr. 137) 1905 -- 385 (tr. 149)

khoảng 12 000 xí nghiệp tham dự vào đó<sup>1)</sup> –

Số tiền gửi (ở tất cả các ngân hàng) và tiền gửi vào quỹ tiết kiệm tính bằng tỷ mác (tr. 162 – 3)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 405.

	Đức	
kế cả tiền gửi ở quỹ tiết kiệm	9 . . . . . 1900 . . . . . gần 10 13 . . . . . 1906 . . . . . 15.5 1909 – 15 1/2	
Anh . . . . .	(1903 – 5) -- 10.5	
Mỹ . . . . .	(1905) -- 47 (59 trong năm 1909)	
Pháp (chỉ kể tiền gửi ở ngân hàng 1905) . . . . .	-- 4	
Đức (chỉ kể tiền gửi ở ngân hàng) 1900 . . . . .	-- 1	
	1906 -- 2.5	
Anh (chỉ kể tiền gửi ở ngân hàng 1905) . . . . .	-- 6.25	
Mỹ (chỉ kể tiền gửi ở ngân hàng)	-- 15	

NB. "Từ bảng so sánh trên đây ta thấy rằng tiền gửi ở Đức, cho đến tận bây giờ, cũng vẫn không lớn so với tiền gửi ở Anh và ở Mỹ, và rõ ràng là nó cũng thua Pháp không phải ít" (164) (idem 177).

Rít-xơ, tr. 354 (tr. 384):

NB "Sự tiến bộ không phải quá chậm chạp của thời đại trước (1848 – 1870) đem so với tốc độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế ở Đức và nói riêng của các ngân hàng ở Đức vào thời đại này (1870 – 1905) thì cũng gần như tốc độ của một chiếc xe thư do ngựa kéo thời xưa so với tốc độ của chiếc xe hơi hiện đại" . . . "chiếc xe hơi này phóng nhanh... đến nỗi trở thành mối nguy cho khách bộ hành vô tâm và cho cả bản thân những người ngồi trên xe nữa" . . .<sup>1)</sup>

Và bên cạnh điều đó, trong câu tiếp theo, Rít-xơ, cái anh chàng tư sản tầm thường (một tiểu thị dân chính cống về

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 536.



mặt tinh thần) và kẻ nô lệ của túi tiền đã tìm ra bí quyết đảm bảo "an ninh xã hội" và "sự tiến bộ thật sự", đó là "đức hạnh cao cả nhất" của người lãnh đạo: *việc giữ đúng mức độ!!!*

Còn ở trang sau (355 – tr. 385) anh ta thừa nhận rằng các ngân hàng là... "các doanh nghiệp mà xét về nhiệm vụ và sự phát triển của nó, thì "không mang tính chất thuần túy kinh tế tư nhân"\* và ngày càng vượt ra khỏi phạm vi sự điều tiết mang tính chất thuần túy kinh tế tư nhân<sup>1)</sup>.

\*) Trích dẫn văn của Rít-xơ, chủ tịch Đại hội ngân hàng toàn Đức lần thứ nhất họp tại Phran-pho trên sông Manh ngày 19 và 20. IX. 1902.

Nhưng lời thú nhận đó không ngăn cản được thằng gốc tư sản ấy viết:

"Nhưng một kết quả khác của quá trình tích tụ, cái kết quả mà những người xã hội chủ nghĩa đã tiên đoán, cái kết quả rất cuộc sẽ dẫn tới *việc xã hội hoá tư liệu sản xuất* mà họ mong muốn và cần phải được thực hiện trong "nhà nước tương lai", – đã không được thực hiện ở nước Đức và chưa chắc có thể thực hiện được trong tương lai"<sup>2)</sup> ||| !! ha ha!! "bác bỏ"...

(**Chỉ riêng** "Đoi-sơ ban-cơ" có *doanh số là 94<sup>1</sup>/<sub>2</sub> tỷ* mác (tr. 361) (112.<sub>1</sub> tỷ trong năm 1910, tr. 391), nó gắn liền với một nhóm gồm 12 ngân hàng, nó chi phối một tư bản là 1 tỷ mác – tư bản của nhóm ấy và của các ngân hàng "bạn" – nó đã nuốt 52 ngân hàng, hiện có 116

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 538.

<sup>2)</sup> Như trên.

chi nhánh, quỹ v.v. ở Đức – nó có chân trong các hội đồng giám sát của 120 công ty công nghiệp và thương mại v.v.. Và đó cũng *chẳng phải là* "xã hội hoá" !!!!!) "Đoi-sơ ban-cơ":

Tư bản của bản thân nó	= 200 triệu + 100 triệu dự trữ
doanh số	= 94 <sup>1</sup> / <sub>2</sub> tỷ mác
tổng lợi nhuận	= 55 triệu mác (1908) (tr. 352)
	= 62. <sub>9</sub> " " (1910) (tr. 382)

Số lượng nhân viên ngân hàng ở "**Đoi-sơ ban-cơ**" 4860 (1908), – tr. 578 ((năm 1895, ở 66 ngân hàng thuộc loại có 50 và > nhân viên thì có tất cả là 7 802 nhân viên, ibidem))

Ở tr. 114 và các trang tiếp, Rít-xơ nói về hàng hải thương mại và sự phát triển của nó ở Đức và ông ta nhận xét như sau:

H. – A. P. A. – G. (Ham-buốc – Mỹ), tư bản (1908) 125 triệu mác (+ 76 triệu trái phiếu), 162 tàu (trị giá 185.<sub>9</sub> triệu mác).

"Noóc-đoi-tse-rơ Lô-ít", tư bản (1908) 125 triệu mác (+ 76 triệu trái phiếu), 127 tàu (trị giá 189.<sub>1</sub> triệu mác). 125 + 76 = 201.

"Trong năm 1902/3, hai công ty này đều ký những hiệp định – mà thực ra là giống nhau – với "In-téc-nây-sân-nơ-néc-ken-tai-lơ me-rin cô-m-pa-ni" do các chủ ngân hàng và chủ tàu thủy của Mỹ thành lập ngày 1. I. 1903, với số tư bản là 120 triệu đô-la (= 480 triệu mác) và bao trùm chín tuyến đường tàu thủy của Mỹ và Anh" (tr. 115). Đó chính là cái gọi là *tơ-rốt Moóc-gan*.

Nội dung của hiệp định: chia lợi nhuận và **phân chia thế giới** (các công ty Đức từ chối những hợp đồng của Anh – Mỹ về thuê vận tải; người ta đã thoả

thuận rằng ai sẽ vào cảng nào etc. etc.). Một uỷ ban kiểm tra chung đã được thành lập. Hiệp định có giá trị trong 20 năm (từ bỏ thì phải báo trước một năm). Nếu có chiến tranh thì bãi bỏ (tr. 116 ở cuối) (tr. 125 trong lần xuất bản thứ 4)<sup>1)</sup>.

Và đó cũng không phải là "xã hội hoá"!!

"Còn về "Rây-kho-xban-cơ", thì theo số liệu của một uỷ ban điều tra ngân hàng (tr. 179), ngày 1. IX. 1906, số lượng các hãng và cá nhân có khả năng thanh toán nợ nói chung tính theo chu chuyển hối phiếu của họ trong toàn nước Đức là 70 480":

Trong đó		
a) thương nhân và công ty thương nghiệp.....	29 020 = 41 %	NB Số lượng quá ít ỏi những người và công ty có khả năng thanh toán nợ
b) nhà công nghiệp và công ty công nghiệp.....	21 887 = 31	
c) nghiệp chủ nông thôn và các cơ sở thủ công nông nghiệp và các xí nghiệp công nghiệp .....	9 589 = 14	
d) hợp tác xã các loại .....	883 = 1	
e) người thực lợi, thợ thủ công và những người làm nghề thủ công.....	9 101 = 13	
	<u>70 480</u> <u>100</u>	

tr. 194 idem

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 471.

"Stan-véc-xcơ-phéc-ban-đơ" (ở Đuyt-xen-đoóc-phơ) được thành lập ngày 30. III. 1904 (thời hạn là 3 năm và ngày 30. IV. 1907 gia hạn 5 năm nữa). Sản lượng của nó năm 1904 = 7,9 triệu tấn (tr. 141) (tr. 153).

Ngày 28. XI. 1904, nó ký hiệp định về xuất khẩu đường ray giữa Anh 53,5%, với Đức 28,83%, với Pháp và Bỉ 17,67% (+ Pháp 4,8 – 6,4%.  $\Sigma\Sigma = 104,8, 106,4\%$ ) (tr. 147) (tr. 159).

Phân chia thế giới	Các-ten đường ray	Hiện nay, sau khi "I-u-nai-tét Xtây-tơ xtín coóc-pô-rây-sơn" gia nhập, phần của Đức = 21%
	Các-ten tiêu thụ tà-vẹt (xuất khẩu tà-vẹt) – các phần:	
	Đức	73,45%
	Pháp	11,50%
	Bỉ	15,05%

"Tháng Hai 1909, "In-te-rơ-na-txi-ô-na-lơ txin-cơ-huyt-ten-phéc-ban-đơ" cũng được thành lập (tr. 159), đầu tiên định đến 31. XII. 1910, rồi sau gia hạn thêm, hình như 3 năm nữa. Ba nhóm tham gia liên minh đó (căn cứ vào vị trí địa lý của các nhà máy). Nhóm A gồm tất cả các nhà máy của Đức và một số nhà máy của Bỉ; nhóm B gồm 10 nhà máy của Bỉ, Pháp và Tây-ban-nha; còn nhóm C thì gồm những nhà máy của Anh. Tính con số tròn thì toàn bộ sản lượng của châu Âu trong năm 1908 là 513 nghìn tấn, trong đó phần của Đức là... 226,9, phần của Bỉ – 165, của cả Pháp và Tây-ban-nha – 55,8, của Anh – 54,5.

Các nhà máy thành viên của liên minh sản xuất được gán 92% tổng sản lượng của châu Âu. NB

Theo những hiệp ước mới nhất, bắt chấp những con số cố định quy định mức độ tham gia sản xuất, mỗi một thành viên trong liên minh có thể sản xuất bao nhiêu tùy ý với một điều kiện là: nếu những dự trữ trong kho của nó đến một thời gian quy định (bắt đầu là tính đến ngày 31. III. 1911) đã đạt mức tối thiểu là 50 000 tấn, thì trong những điều kiện nhất định, nó phải giảm bớt sản xuất đi một số phần trăm nhất định sao cho phù hợp với cái mức tham gia sản xuất đã quy định" (tr. 160 của lần xuất bản thứ 4). NB

Các ngân hàng tập hợp lại thành từng nhóm (hoặc là công-xoóc-xi-om) để tiến hành những công việc kinh doanh đặc biệt lớn:

- I. a) "Prôi-xen công-xoóc-xi-om" – năm 1909 28 ngân hàng (tr. 310)
- b) "Rai-khơ-xan-lai-e-công-xoóc-xi-om" – 29 " " (311)
- c) Nhóm Rốt-sin-đơ – năm 1909 13 ngân hàng (312) (kể cả 3 hăng của Rốt-sin-đơ ở Viên, Luân-đôn và Pa-ri)
2. Nhóm để kinh doanh ở châu Á
  - v.v..
  - v.v..

|| "Những trận chiến đấu nhỏ về chính trị của các đội tiền duyên nổ ra trên lĩnh vực tài chính. Nhưng chỉ có ban chỉ đạo có trách nhiệm phụ trách chính sách đối ngoại của nước nhà mới được quyết định thời gian tiến hành những trận chiến đấu nhỏ ấy, các đối thủ và cách thức tiến hành những trận chiến đấu tài chính nhỏ ở tiền duyên ấy" (tr. 402) (tr. 434). NB

Tư bản Pháp ở Tuy-ni-di và Ma-rốc

" " " " Nga  
" " " " Ý (bước đầu của sự gán gũ về chính trị *thông qua* sự gán gũ về tài chính)

" " Đức " Ba-tư (đấu tranh chống nước Anh) cuộc đấu tranh của các tư bản tài chính châu Âu vì giành giật các tá khoản ở Trung-quốc và Nhật-bản tư bản Pháp và Anh ở Bồ-đào-nha và ở Tây-ban-nha, v.v.. (tr. 403)<sup>1)</sup>

sách của Rít-xơ xuất bản lần thứ 1, lời tựa đề ngày 4 tháng Bảy 1905.

*Chu chuyển hối phiếu* của Đức (tính theo thuế hối phiếu) tăng từ 12 tỷ mác vào năm 1885 lên đến 25<sup>1</sup>/<sub>2</sub> tỷ vào năm 1905 và tới 31.5 tỷ vào năm 1907 (tr. 228) – và tới 33.4 vào năm 1910 (tr. 246).

Tài sản quốc dân của Đức (Mơn-hôn 1895: 150) 130 – 216 tỷ (Rít-xơ): 200 tỷ mác (tr. 76) (Stanh-man: 350).

Thu nhập quốc dân của Đức 25 – 30 tỷ mác (tr. 77).

Pháp: Tài sản quốc dân: Mơn-hôn (1895) – 198 tỷ mác; Phô-vin (1902) – 161; Lơ-roa – Bô-li-ơ (1906) – 205; Tê-ry (1906) – 161.

Thu nhập quốc dân = 20 tỷ mác (Lơ-roa - Bô-li-ơ) (tr. 78).

Anh – 204 tỷ mác (Ghíp-phen 1885), – 235 (Mơn-hôn 1895), 228 (Ki-ốt-txa - Mô-na 1908).

Mỹ – tài sản quốc dân = 430 tỷ mác (1904, Cục điều tra).

Ở Đức "hàng năm người ta bỏ ra gần 1.2 tỷ mác, – nghĩa là gần 1/3 số tiền tiết kiệm hàng năm của cả nước để mua chứng khoán có giá" (tr. 81) – (tr. 86 *idem*).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 531.

- Một số cuốn trong các chỉ dẫn thư mục của *Rít-xơ*  
(Những tác phẩm đặc biệt đáng ca ngợi hoặc  
đặc biệt quan trọng đều được đánh dấu bằng \*).
- \* *Van-tơ Lốt-tơ*. "Kỹ thuật phát hành chứng khoán". 1890.  
*An-phrết Lan-xbuốc*. "Ngành ngân hàng của Đức". 1909.  
\* " " " " "Việc các ngân hàng kiểm soát tài sản  
quốc dân" – trong tạp chí "Die Bank", 1908.  
*Su-ma-khơ* viết về sự tích tụ của các ngân hàng, "Schmoller's  
Jahrbuch", xuất bản năm thứ XXX, quyển 3.  
*Vác-sau-ơ*. "Về các hội đồng giám sát", "Conrad's Jahrbücher".  
(III, tập XXVII).  
*Tê-ô-đô E. Bốc-tơn*. "Khủng hoảng tài chính etc.". Niu-Oóc,  
1902.  
\*\* *Gi. V. Gin-bốc*. "Lịch sử etc. của các ngân hàng". Luân-đôn,  
1901.  
**"Schriften des Vereins für Sozialpolitik"**.  
Tập CX và CIX và các tập khác. (Khủng hoảng năm 1900.)  
CXIII: "Các bài học của khủng hoảng".  
*V. Dôm-bác-tơ*. "Kinh tế quốc dân Đức trong thế kỷ 19". Xuất  
bản lần thứ 2, 1909.  
*L. Pô-lê*. "Sự phát triển của đời sống kinh tế Đức vào thế kỷ 19".  
Xuất bản lần thứ 2, 1908.  
*A. Dau-kê*. "Xí nghiệp lớn... trong công nghiệp... có mạnh lên  
không?" "Conrad's Jahrbücher" III, tập XXXI.  
*phôn Han-lê*. "Nền kinh tế quốc dân Đức ở giữa hai thế kỷ". 1902.  
*Mai* viết về việc phân phối thu nhập quốc dân. "*Schomoller's*  
*Jahrbuch*", 1899.  
\* *Glia*. "Công nghiệp sắt Mỹ". "Schmoller's Jahrbuch", xuất bản  
năm thứ 27, quyển 3; xuất bản năm thứ 28  
\* idem, "Conrad's Jahrbücher", tập XXXV (1908).  
*Ê-đ. Va-gôn*. "Sự phát triển về mặt tài chính của các công ty cổ  
phần Đức từ 1870 đến 1900". I-ê-na, 1903.

- Giên-xơ*. "Các tờ-rót". "Conrad's Jahrbücher". Bộ thứ 3, tập I  
(1891).  
*Phuên-cơ*. "Công nghiệp sắt Đức". "Revue economique  
internationale". III. 4 (1904).  
*Côn-man*. "Liên đoàn các nhà máy luyện thép". "Die Nation".  
1905 (xuất bản năm thứ 22).  
*Van-đê-ma Mui-lơ*. "Tổ chức tín dụng ở Đức". "Bank-Archiv",  
1909 (xuất bản năm thứ 8).  
*Vác-sau-ơ*. "Các hoạt động trong cơ thể của các ngân hàng Đức".  
1903.  
*Ê. Giáp-phê*. "Ngành ngân hàng Anh". 1905.  
*D. Búp-phơ*. "Chu chuyển séc ở Đức". 1907.  
\* *A-đ. Vê-bơ*. "Các ngân hàng Ranh - Ve-xtơ-pha-li và cuộc  
khủng hoảng". 1903.  
" idem. "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", tập CX.  
\* *Cũng tác giả ấy*. "Các ngân hàng nhận gửi và các ngân hàng  
đầu cơ".  
\*\* *Ốt-tô I-ây-đen-xơ*. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở  
Đức với công nghiệp". "Schmoller's Jahrbuch". (? "Khảo  
cứu?") 1905.  
\*\* *V. Pri-ông*. "Hoạt động chiết khấu hối phiếu ở Đức". 1907.  
"Schmoller's Forschungen". Quyển 127.  
*Phr. Lô-i-tơ*. "Ngân hàng và kỹ thuật của nó". 1903.  
\*\* *Br. Bu-khơ-van*. "Kỹ thuật của xí nghiệp ngân hàng". Xuất bản  
lần thứ 5. 1909.  
*H. Dát-tơ*. "Ngân hàng chứng khoán". 1890. (Rít-xơ không khen  
ngợi.) NB [lời tựa của A. Vác-nơ. *Rít-xơ* rất phần nộ  
đối với nhà xã hội chủ nghĩa quốc gia Vác-nơ!!]  
*Phr. Oi-len-buốc*. "Những hội đồng giám sát". "Conrad's  
Jahrbücher". Bộ thứ 3, tập XXXII.  
" " " " "Cuộc khủng hoảng hiện nay"... ibidem, bộ thứ  
3, tập XXIV.  
\* *Gi. Diu-rích*. "Sự bành trướng của các ngân hàng Đức ở nước  
ngoài". Pa-ri, 1909.

- R. *Rô-den-đoóc-phơ*. "Những ngân hàng Đức ở hải ngoại". "Blätter für vergleichende Rechtswissenschaft etc.". Xuất bản năm thứ 3. 1908.
- A. P. *Bruy-ninh*. "Sự phát triển của các ngân hàng ở nước ngoài". 1907.
- R. *Rô-den-đoóc-phơ*. "Những mối liên hệ hải ngoại của các ngân hàng Đức". "Schmoller's Jahrbuch", XXVIII, quyển 4.
- R. *Stanh-bách*. "Những chi phí quản lý của các ngân hàng lớn ở Béc-lanh". "Schmoller's Jahrbuch", xuất bản năm thứ 29, quyển 2.
- E. *Mô-lơ*. "Doanh lợi của công ty cổ phần". I-ê-na, 1908.
- C. *Hê-ghe-man*. "Sự phát triển của những ngân hàng lớn của Pháp". Muyn-xơ. 1908.
- S. *Gi. Ben-lốc*. "Sự tích tụ của các ngân hàng". "The Atlantic Monthly". 1903, tháng Tám.
- H. *Phuên-cơ*. "Các hình thức liên hợp và tham dự vào lợi nhuận trong đại công nghiệp của Đức". "Schmoller's Jahrbuch". Tập XXXIII.
- L. *E-svê-ghe*. "Những khuynh hướng cách mạng hoá trong công nghiệp sắt Đức". "Die Bank", 1909, tháng Tư.
- Gi. *Cốc-béc-nơ Má c - Đô-nan*. "Ảnh hưởng kinh tế của sự tích tụ tư bản vào tay một số ít người". "Học viện ngân hàng", 1900, tháng Mười. NB (?)

tr. 70 và các trang tiếp (tôi lược gọn)

Bảng ghi những sự kiện quan trọng nhất có ảnh hưởng tới sự phát triển của hoạt động ngân hàng Đức ở thời kỳ thứ hai: NB

1871 – 2: kết thúc chiến tranh. 5 tỷ. Hưng thịnh "mãnh liệt"...

"Bước đầu các-ten hoá công nghiệp"...

1873. Khủng hoảng.

- 1874 – 8. Tiêu điều.
- 1879 – 82. Hưng thịnh về kinh tế. Hoạt động mở các xí nghiệp nhằm mục đích đầu cơ.
1879. Tiền vàng. (Liên minh với Áo.)
- 1883 – 87. Tiêu điều. (1887. Liên minh với Ý.)
- 1888 – 90. Hưng thịnh. Hoạt động mở các xí nghiệp nhằm mục đích đầu cơ. Đầu cơ.
- 1891 – 94. Tiêu điều.
- 1891: Sự phá sản của nhiều ngân hàng ở Béc-lanh.
1895. Bắt đầu hưng thịnh.
- 1896 – 97. Hưng thịnh tăng lên. Sự phát triển tuyệt vời của công nghiệp kỹ thuật điện.
1897. Thành lập "Rai-ni-sơ - Vê-xơ-phê-li-sơ rô-ây-den-xin-đi-ca".
- 1898 – 1900. Cục diện kinh tế lên cao.
1899. Những sự cải tổ, việc thành lập các công ty và việc phát hành chứng khoán lên tới đỉnh cao của nó.
- 1900/1. Khủng hoảng. Chứng khoán có giá của công nghiệp khai khoáng sụt giá. Sự phá sản của nhiều ngân hàng. "Sự can thiệp kiên quyết của các ngân hàng lớn. Sự phát triển mạnh hơn nữa của sự tích tụ"...
- 1901/2. "Nhu cầu về tiền kéo dài và đặc biệt cao hơn"... sự thành lập "I-u-nai-tét Xtây-tơ xtin cóóc-pô-rây-sơn".
- 1902 – 6. "Thời kỳ phục hồi".
1904. Sự thành lập "Stan-véc-xơ-phéc-ban-đơ". Sự phát triển vũ bão của sự tích tụ.
1907. Khủng hoảng ở Mỹ. Lãi suất chiết khấu tăng lên tới  $7\frac{1}{2}\%$ .
1908. Cuộc khủng hoảng nghiêm trọng ở Mỹ kết thúc. "Thời kỳ phục hồi". Tiền tệ dễ lưu thông.
1909. Tiền tệ càng dễ lưu thông hơn etc.
- 1910: Sự cải thiện tăng lên dần từng bước... (xuất bản lần thứ 4, tr. 76)

NB 1895 – 1900 “lần đầu tiên có số nhập cư quá thừa” NB

(tr. 75)

*Một số cuốn sách mới*

NB: *Tiến sĩ Mác Au-gơ-xt-in*. “Sự phát triển của nền nông nghiệp ở Mỹ”. Muyn-khen, 1914. (4 mác.)

V. *Vích-cơ*. “Sao Thủy nhỏ”. Xuy-ri-ích, 1914. (416 tr.) (“Số tay thương mại”).

Trong sách xuất bản lần thứ 4 của Rít-xơ có nói về những tư bản *nước ngoài* (đầu tư ở nước ngoài) (tr. 426 và các trang tiếp) như sau:

*Đức* (vào năm 1905) ít ra có 24 – 25 tỷ mác (bây giờ “không còn nghi ngờ gì nữa” nó “đã vượt xa lắm rồi”, tr. 436 in fine), trong đó có 16 tỷ mác chứng khoán có giá nước ngoài...

“Trong toàn bộ số chứng khoán có giá của **Pháp** mà Ét-mông *Tê-ry* (“Tiến bộ kinh tế ở Pháp”... tr. 307) đã ước tính vào cuối năm 1908 là 100 tỷ phrăng, *Nây-mác-cơ* đã ước tính vào năm 1906 là khoảng 97 – 100 tỷ phrăng (với một thu nhập là  $4\frac{1}{2}$  tỷ phrăng), thì theo sự tính toán của *Tê-ry*, vào cuối năm 1908, có khoảng  $38\frac{1}{2}$  tỷ phrăng là chứng khoán có giá nước ngoài.

Tất nhiên là những con số ước tính đó thường khác nhau nhiều nhưng tất cả mọi người đều thừa nhận là số tăng hàng năm *tối thiểu* là vào khoảng 1 tỷ phrăng. Hăng-ri *Giéc-manh*, nguyên giám đốc “Crê-đi Li-on-ne” ước tính rằng số tăng hàng năm ấy (trong những năm ngay trước năm 1905) là vào khoảng  $1\frac{1}{2}$  tỷ phrăng. Pôn Lơ-roa - Bô-li-ơ mới đây thậm chí còn ước tính là khoảng  $2\frac{1}{2}$  tỷ phrăng.

Trong bản báo cáo tại Học viện ngân hàng (“Một vài kiến giải về tài chính quốc dân”), ngày 7. VI. 1900 ngài *Ét-ga Xpây-ơ*, một chuyên gia tài chính nổi tiếng của Anh,

đã ước tính tổng số tư bản của Anh đầu tư ở nước ngoài là 2 500 triệu li-vơ xtéc-linh, tính tròn là vào khoảng 50 tỷ mác, với một thu nhập hàng năm là 110 triệu li-vơ (X); ấy thế mà trong bản báo cáo đọc tại Câu lạc bộ thuộc địa tự do, ông ta ước tính tổng số đó là 3 500 triệu li-vơ xtéc-linh hoặc khoảng 70 tỷ mác, vào cuối năm 1910.

Sự đánh giá này là gần phù hợp với sự đánh giá của *Gioóc-giơ Pây-sơ* về năm 1907/8, cho rằng tổng số đó là 2 700 triệu li-vơ, nghĩa là khoảng 54 tỷ mác. Số đó được phân chia gần như đều nhau một mặt cho Ấn-độ và các thuộc địa (1 312 triệu li-vơ), và mặt khác, ở nước ngoài (1 381 triệu). Cũng vẫn tác giả ấy đưa ra con số 3 192 triệu li-vơ hoặc gần 64 tỷ mác vào cuối năm 1910, và trong bản báo cáo đọc tại Hội thống kê hoàng gia, căn cứ vào những báo cáo hàng năm của các quan chức phụ trách vấn đề những thu nhập trong nước của Nhà nước, ông ta ước tính rằng thu nhập do đầu tư của Anh ở nước ngoài mang lại vào năm 1911 là khoảng 180 triệu li-vơ; nhưng trong khi thảo luận báo cáo của *Xpây-ơ* ngày 27. V. 1911, ngài Phê-lích *Su-tơ* cho rằng con số đó là quá bị thổi phồng”. (tr. 427).

NB ||| (X) “Ngoài ra, bản báo cáo đó đã chỉ ra một cách hoàn toàn chính đáng rằng: xuất khẩu được tăng cường, những đợt phát hành quy mô lớn những chứng khoán có giá ở nước ngoài và sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động kinh doanh chỉ là những hình thức biểu hiện khác nhau của cùng một hiện tượng. Trong bản báo cáo thứ hai, một đoạn có đầu đề là: Xuất khẩu tư bản của Anh là nguyên nhân chính của sự phồn vinh của đế quốc” (tr. 426).

VỞ  
“I”  
 (“I-Ô-TA”)

Mục lục



<i>Líp-man</i> . “Các công ty tham dự và cung cấp tài chính”. [1 - 13]	
“Die Neue Zeit”, 1911 (về chiến tranh NB)	
và 1912 (có đoạn nói về <i>Liên bang châu Âu</i> ). [15–20]	
“ <i>Finanz – Archiv</i> ”: 1915. [21]	
<i>Thống kê về phát hành chứng khoán có giá</i> . [23]	
Éc-ghen-svi-lơ.	
<i>Crôn</i> (về Ác-hen-ti-na NB).	
<i>Pây-sơ</i> . [25-26]	
<i>Muyn-hau-tơ</i> . “Các-ten sữa”. [27-30]	
<i>Những liên minh của các nhà tư bản nói về chiến tranh</i> . [31-34]	
<i>Crem-mông</i> . Anh và Đức. [35-36]	
<i>Xay</i> . Nhật-bản versus Anh. [37-38]	

LÍP-MAN. “CÁC CÔNG TY THAM DỰ  
VÀ CUNG CẤP TÀI CHÍNH”

*Giáo sư tiến sĩ Rô-bóc Líp-man*. “Các công ty tham dự và cung cấp tài chính”. I-ê-na, 1909. (Nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản hiện đại và về bản chất các chứng khoán) (X + 495).

[so sánh nhất là tr. 11 của các đoạn trích]

((Tác giả là một tên đại ngốc, lúng túng trong các định nghĩa – hết sức ngu xuẩn – tất cả những định nghĩa này

chỉ xoay quanh chữ “thay thế”. Những tài liệu thực tế quý báu, phần lớn là những tài liệu hoàn toàn chưa được chỉnh lý. Kẻ thù của học thuyết giá trị là do lao động tạo ra, etc. etc.)).

tr. 104 – 449: “Phần miêu tả”. Phần lý luận = hồ đồ

tr. 9: — chống lại Dôm-bác-tơ vì Dôm-bác-tơ “hoàn toàn đi theo con đường” của học thuyết giá trị là do lao động tạo ra của Ri-các-đô - Mác.

tr. 33: “Ở Phổ, số người có *cổ phần* chỉ chiếm 2% dân số”. Ở Anh và Mỹ thì nhiều hơn. “Theo sự tính toán trong dự luật về việc đánh thuế các công ty cổ phần, thì vào năm 1909, số tiền sở hữu cổ phần trung bình trong tay một người có cổ phần ở Phổ thậm chí không quá 10 000 mác. Số cổ phần đó nằm trong tay khoảng 700 000 người. Song tất cả những sự ước tính kiểu ấy đều chẳng chính xác tí nào”. (34).

“Hiện nay, không có những số liệu *thống kê* tổng quát về quy mô phát triển của tư bản chứng khoán... Theo *Phi-líp-pô-vích* (“Nguyên lý”, xuất bản lần thứ 7, tr. 164), 40% tài sản quốc dân của Anh là “tư bản bằng chứng khoán có giá” (nghĩa là chứng khoán có giá và đồ cầm cố). *Smôn-lơ* (phụ lục thống kê cho các báo cáo tốc ký của Ủy ban điều tra giao dịch chứng khoán năm 1892/3) đã tính ra rằng vào năm 1892, ở Phổ, những chứng khoán có giá là vào khoảng 16 – 20 tỷ mác, nghĩa là gần 1/4 toàn bộ tư bản của Phổ. *Dôm-bác-tơ* (“Kinh tế quốc dân Đức trong thế kỷ 19”, tr. 224) ước tính rằng tư bản chứng khoán của Đức năm 1900 là 31 – 32 tỷ mác” (37). “Số tiền đó, đối với thời kỳ hiện nay, rõ ràng là quá ít, phải cho rằng ở Đức, tư bản được chuyển thành chứng khoán là vào

khoảng 45 – 50 tỷ mác, và như thế vẫn mới chỉ là gần  $\frac{1}{5}$  tài sản quốc dân Đức, tài sản này được ước tính là 250 tỷ mác" (37).

Ở Mỹ (X), năm 1904, tài sản quốc dân là 107 tỷ đô-la. Khoảng  $\frac{1}{3}$  là tư bản chứng khoán. "Đối với nước Anh, ông ta (X) ước tính rằng tư bản chứng khoán là 26 tỷ đô-la; đối với Pháp là  $19\frac{1}{2}$  tỷ đô-la. Tư bản chứng khoán của toàn châu Âu là gần 75 tỷ đô-la" (38).

(X) *Sác-lơ A. Cô-nan-tơ*. "Sự tích tụ tư bản ở Niu-Oóc và những người điều khiển nó". "Bankers' Magazine". Tháng Mười một 1907 (trích dẫn tr. 38). NB

Và thế là:

Tư bản	Mỹ .....	35	tỷ đô-la	}	58,0	- 75
chứng	Anh .....	26	" "			
khoán.	Pháp .....	19,5	" "			
	Đức .....	<u>12,5</u>	" "			
		<u>93,0</u>	<i>sai số</i>			
		× 5 = 465 tỷ phrăng				17
		[thế mà Nây-mác-cơ tính là 600]				

44: ... "sự liên kết chằng chịt" một cách kỳ lạ của tất cả những lợi ích kinh tế"...

51: "U-ni-ôn" (công ty cổ phần công nghiệp khai khoáng etc. ở *Đoóc-mun*) ((Stin-lích cũng nói về công ty này α tr. 38 và 41<sup>1)</sup>). Thành lập năm 1872. "Tư bản cổ phần là gần 40 triệu mác phát hành năm 1872; thị giá của nó tăng lên tới 170% khi nó đã trả lợi tức cổ phần là 12% sau một năm hoạt động. Thế nhưng sau đó, việc trả lợi tức cổ phần bị đình chỉ cho đến năm 1880, và ngay từ năm (12% - 0%)

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 32 – 34.

1875 lần đầu tiên người ta đã phải áp dụng một trong những biện pháp chính lý mà từ đó trở đi hầu như trong mỗi một thời kỳ tình hình không thuận lợi người ta đều phải đem ra áp dụng lại... Lần nào cũng vậy, những người thường xuyên có cổ phiếu đều phải là những nạn nhân chính"<sup>1)</sup>.

NB "Nhưng ngay cả khi các công ty cổ phần, lúc mới *thành lập*, không đặt cho mình những mục tiêu như vậy ("đầu cơ chứng khoán") thì cũng vẫn thường xảy ra tình hình là trên thực tế, những xí nghiệp theo đuổi các mục đích khác ít nhiều đều phải *chuyển sang* chuyên đầu cơ chứng khoán. Điều này có thể xảy ra một phần vì những cổ đông quan tâm không thích đáng đến hoạt động của các giám đốc của họ, phần nữa vì các giám đốc đã lừa gạt họ về mặt này". (67). NB

71: *Các loại* công ty khác nhau chiếm ưu thế ở các nước khác nhau:

Ở Mỹ – *sự kiểm tra* đối với các công ty khác.

Ở Đức – những công ty *bao nhận* (Übernahme-).

Ở Pháp – những công ty đầu tư.

Ở Hà-lan – ("là nhà nước thực lợi", tr. 71) – cũng thế.

Bỉ – à la<sup>2)</sup> Đức.

Anh – các công ty đầu tư (investment trusts)...

*I-ây-đen-xơ*. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp". Lai-pxích, 1905.

*Tiến sĩ Rít-xơ*. "Bản về lịch sử phát triển của những

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 449.

<sup>2)</sup> – theo kiểu.



ngân hàng lớn của Đức, có đặc biệt chú ý đến xu hướng tích tụ". 1906.

tr. 117 – một trong nhiều thí dụ về tình hình sở hữu các cổ phần của "Xô-xi-ê-tê giê-nê-ran" của Bỉ (31. XII. 1906 – 198 triệu phrăng cổ phần và trái phiếu, vô số công ty).

tr. 136 – 7. Một ví dụ nhỏ:

Công ty "Lân-dân en-đơ cô-lô-ni-ôn phai-nân-xơ coóc-pô-rây-sân", "chỉ với một tư bản cố định là 21 745 li-vrơ xtéc-linh mà năm 1890 đã kiếm được một khoản lợi nhuận ròng là 80 567 li-vrơ xtéc-linh = 370% số tư bản và trả lợi tức cổ phần là 100%".

Công ty đầu tư (Kapitalanlagegesellschaft) – "Ăc-txi-en-ghê-den-sáp-phtơ phi-u-rơ rai-ni-sơ-vê-xơ-phê-li-sơ in-đu-xtơ-ri". Thành lập vào tháng Mười năm 1871 (tr. 156).

	Lợi tức cổ phần 1872 – 35%	– 35	!!	một ví dụ hay
NB	1873 – 1883 0	– 0		
	1884 – 1895 – 3 – 9%			
NB	1896 – 1899 – 10 – 21%			
	1900 – 60% 60			
	1901 – 2 – 0 0		!!	
	1905 – 6 – 40% 40			
	1907 – 8 – 6 – 4%			

Tiến sĩ Ê-mi-lơ Vôn-phơ. "Hoạt động thực tế về cấp vốn etc.". Béc-lanh, 1905.

Phren-xít Cu-phơ. "Việc cấp vốn cho xí nghiệp". 2 tập. Niu-Oóc, 1906.

E-đu-a Ca-rôn. "Nguyên tắc và kinh nghiệm thực tế về các hoạt động tài chính". 1902 (Niu-Oóc).

V. Lốt-txơ. "Kỹ thuật phát hành chứng khoán". Trong "Schmoller's Jahrbuch". 1890, tr. 393 và các trang tiếp.

"Như vậy là việc sử dụng các công ty đầu tư để "đảm bảo cho những người sở hữu nhỏ có được mức doanh lợi của những người sở hữu lớn" (X), – là chẳng mang lại kết quả gì cả" (163).

NB tr. 64: "Lu-i Ha-ghen, chủ ngân hàng Cô-lô-nhơ, là uỷ viên của các hội đồng giám sát trong 35 xí nghiệp; theo I-ây-đen-xơ (XX) các giám đốc của "Đoi-sơ ban-co" có chân trong các hội đồng giám sát trong 101 công ty cổ phần, ngoài ra ngân hàng đó còn có các uỷ viên hội đồng giám sát của chính nó ở 120 công ty" (tr. 64).

(X) Gioóc-ghen-xơ, tr. 45 – 46.

(XX) I-ây-đen-xơ. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp". 1905.

Nhiều công ty khác nhau phát hành nhiều lần những chứng khoán bằng cùng một giá trị.

NB Ví dụ (Mỹ)... "tư bản vật tư của chúng (của 5 lần các công ty đường sắt ấy) được lập đi lập lại 5 lần lập lại!! trong tư bản chứng khoán của các công ty trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát chúng" (182).

S. A. Cô-nan-tơ. "Những xu hướng của các ngân hàng hiện đại" ("Bankers' Magazine", 1905).

Công ty "Nô-dốc-nơ pê-xi-phích rên-uây côm-pa-ni". Tư bản = 80 triệu đô-la cổ phần sáng lập. Cuộc đấu tranh giữa Ha-ri-man và

*Hin-lơ*. *Hin-lơ* mua được 15 triệu cổ phần sáng lập. “Nhờ có cuộc “đột kích” (cuộc tấn công) ấy, thị giá cổ phiếu của công ty “Nô-dốc-nơ pê-xi-phích rên-uây côm-pa-ni” tăng lên gần 1000%... Ngày 9. V. 1901, đã nổ ra một cuộc khủng hoảng của sở giao dịch, làm phá sản một số lớn những kẻ có ít cổ phần, trong khi đó, theo những dẫn chứng của Ha-ri-man, thì những kẻ tham dự lớn lại không thiệt hại gì vì cái âm mưu (corner) đó” (184).

“Với sự phát triển hơn nữa hiện nay của chủ nghĩa tư bản chúng khoán thì những thủ đoạn mà người ta dùng để *móc túi dân chúng lấy những món tiền lớn* để nhồi cho đầy túi mình, — đã trở nên *tinh tế* hơn đôi chút. Cái thủ đoạn để thực hiện điều đó giờ đây là *liên tiếp lập ra ngày càng nhiều công ty mới và chồng chất chúng lên nhau*, bán lại cho chúng và cho chúng thuê cùng một tài sản vật tư, và cái tài sản này cứ luôn luôn chuyển vòng quanh trong các công ty ấy” (186).

Năm 1900, “Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni” được thành lập.

“Tư bản sáng lập của tư-rốt này lên đến 150 triệu đô-la. Người ta đã phát hành 100 triệu đô-la cổ phần thường và 106 triệu đô-la cổ phần ưu tiên. Những cổ phần ưu tiên này từ năm 1900 đến 1907 mỗi năm thu được phần lời như sau: 48, 48, 45, 44, 36, 40, 40, 40%, tổng cộng là 367 triệu đô-la. Từ năm 1882 đến hết năm 1907 người ta thu được 889 triệu đô-la lợi nhuận ròng, trong đó 606 triệu được

1000% và  
khủng  
hoảng

(do tôi  
viết ngả)  
NB

do Líp-man  
viết ngả

NB

đem chia và số còn lại thì bỏ vào tư bản dự trữ”<sup>1)</sup> (212).

“Năm 1907, tất cả những xí nghiệp của công ty” (Tơ-rốt thép) “thuê ít nhất là 210180 công nhân và nhân viên... (1908 – 165 211)... Xí nghiệp lớn nhất trong ngành công nghiệp mỏ ở Đức là “Ghen-den-kiéc-khơ-ne béc-véc-xơ-ghe-den-sáp-phơ”, năm 1908, đã dùng 46 048 công nhân và nhân viên, năm 1907 có 43 293”<sup>2)</sup> (tr. 218).

“(kỹ thuật mới) lợi tức cổ phần là 500%... “In-te-rơ-na-txi-ô-na-lơ boóc-ghe-den-sáp-phơ” (ở Éc-cơ-len-tơ)... “Nó được thành lập nhằm mục đích áp dụng phương pháp khoan do kỹ sư An-tôn Ra-ki phát minh... (235) ...trong năm 1905 – 6 và 1906 – 7, công ty mỗi năm đã trả lợi tức cổ phần là 500%” (236).

“Nói chung, kinh nghiệm cho biết chỉ cần có khoảng 40% cổ phiếu được quyền bỏ phiếu trong một xí nghiệp thì đã đủ để nắm quyền kiểm soát xí nghiệp đó ở những thời kỳ bình thường”<sup>3)</sup> (258). Cũng còn có (nhất là ở Mỹ) “những cổ phiếu không được quyền bỏ phiếu” (259), và những trái phiếu etc. — nhưng nếu như đó là cổ phiếu của công ty kiểm soát hàng loạt công ty khác, thì “chỉ với tư bản của mình là 5 triệu đô-la, anh ta (nhà tư bản) có thể chi phối được một tư bản lớn gấp từ 40 đến 50 lần” (259).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 439.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 406.

<sup>3)</sup> Như trên, tr. 439.

...và thậm chí chi phối “một khối lượng tư bản lớn gấp từ 80 đến 100 lần” (so với tư bản mà anh ta có) (260)...

“Việc buôn bán kim loại (trừ sắt ra), đặc biệt là buôn bán đồng và kẽm, cũng như những kim loại quý, ở Đức và các nước quan trọng nhất khác, đã tập trung một cách phi thường” (301)... “một số nhỏ các hãng” (chủ yếu là nằm trong tay tư nhân)...

...“rất nhiều nhà máy sản xuất hơi đốt ở Đức trong thời kỳ trước là do các xí nghiệp Anh xây dựng và được xây dựng bằng tư bản của Anh”... (321)...

... “chỉ có một số rất ít hiện đã đạt được trình độ điều luyện trong lĩnh vực ấy” (335) – trong các hoạt động tài chính etc. || ha ha!!

...“Viện tín dụng Thụy-sĩ tự mình điều khiển nó” (“ngân hàng dành cho các xí nghiệp điện” ở Xuy-rích), “vì “ngân hàng” không phải là một cơ quan, một viện, mà giống như tất cả các công ty loại đó, nó là một loại cặp to đùng các chứng khoán của mình và một vài cuốn sổ tài khoản” (376)...

“An-ghê-mai-nơ ê-lếch-tơ-ri-txi-tét ghê-den-sáp-phơ” (AÊG)

– cổ phần	– 100 triệu mác
Trái phiếu	– 37 “ “
“chứng khoán có giá nắm trong tay”	– 23 “ “ etc.

Đất có vàng ở Nam Phi. “Những lợi nhuận ghê gớm – mà người ta đã thu được đặc biệt là vào cuối những năm 80 và đầu những năm 90 – đã kích thích không những tư bản Anh, mà đồng thời và trước hết là tư bản Pháp, cũng như tư bản Đức, Bỉ, Hà-lan mua cổ phần của những mỏ. ...Thị giá tăng vọt đến mức cao nhất ở thời kỳ “náo nhiệt” kết thúc vào năm 1895. Sự sụt giá tiếp theo đó của các chứng khoán có giá của công nghiệp khai khoáng lại càng trầm trọng thêm vì có chiến tranh Tơ-ran-xva-an”... (414). || NB

NB || “Nền kinh tế quốc dân mà càng **phát triển** thì nó càng hướng về những xí nghiệp có tính chất **mạo hiểm**

NB || **hơn** hoặc những xí nghiệp ở nước ngoài, những xí nghiệp cần có một thời kỳ lâu dài để phát triển, hoặc cuối cùng hướng về những xí nghiệp chỉ có ý nghĩa địa phương<sup>1)</sup>. Đây chính là những lĩnh vực mà vì nó người ta phải thành lập những công ty đặc biệt để cấp vốn: những xí nghiệp cần có thời gian dài để phát triển, ví dụ như xí nghiệp đường sắt hoặc khai khoáng”... (etc.) (434).

NB || [Càng phát triển bao nhiêu thì càng mạo hiểm bấy nhiêu... NB]

NB || Sun-tê - Ghê-véc-ni-tơ *hầu như* đã lặp lại *nguyên văn* điều đó trong bài “*Hoạt động ngân hàng*”, tr. 21 (Quyển III. “Những cơ sở của nền kinh tế xã hội”. Chương V, phần II.)

“Khi trọng tâm hoạt động kinh tế thực thụ nằm trong tay các công ty phụ thuộc, và công ty chính thì chỉ là kẻ sở hữu chứng khoán của chúng, còn những cổ đông lại hoàn toàn chẳng biết gì về hoạt động của các công ty phụ thuộc, như thường xảy ra trong các công ty kiểm soát của

NB || Mỹ, thì khi đó rõ ràng là toàn bộ các quyết định của luật pháp nhằm bảo đảm cho công chúng kiểm soát trên quy mô hết sức rộng đối với việc quản lý công việc của công ty ấy, đều có thể bị tê liệt. Nguy cơ kiểu ấy có thể xảy ra đối với tất cả các công ty được thành lập bằng cách thay thế tài sản của các công ty khác, và thậm chí ngay cả đối với mọi sự tham dự quan trọng của một xí nghiệp vào những xí nghiệp khác” (439).

NB || “Cuối năm 1904, 3,8% tổng số công ty hữu hạn nắm một

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 413.

tư bản trên 1 triệu mác, 9,1% tổng số công ty đó có một tư bản trên 500 000 mác mỗi công ty. Trong khi đó, tư bản của 3,8% số công ty nói trên bằng 45,2% tổng số tư bản của tất cả các công ty hữu hạn, còn 9,1% số công ty thì có 60,5% số tư bản ấy" (459).

(Ở Đức chẳng? Chắc thế.)

460: Dự án của tác giả: buộc các công ty "công bố" trong báo cáo những số chứng khoán  $> \frac{1}{20}$  "tư bản cổ phần đóng góp".

((Lê thối quan liêu ngu ngốc!))

"Chắc chắn là trong một tương lai gần đây loài người sẽ lại một lần nữa có nhiều biến đổi lớn trong lĩnh vực kỹ thuật; những biến đổi ấy sẽ tác động đến cả việc tổ chức nền kinh tế quốc dân". ...Điện khí, hàng không... NB  
 "Thường thường và theo thông lệ, thì trong thời kỳ có những sự biến đổi cơ bản về mặt kinh tế ấy người ta thấy phát triển một tình trạng **đấu cơ mạnh mẽ**<sup>1)</sup> và trên cơ sở NB  
 kinh nghiệm trước đây, thì không còn nghi ngờ gì nữa, trong tình hình đó nguyên tắc thay thế chứng khoán có giá và các công ty tham dự và cấp vốn sẽ đóng một vai trò lớn trong việc thực hiện những cuộc đầu tư lớn đang trở nên cần thiết" (465 – 466)...

Ông ta nói: thế nhưng... "thời thanh xuân" của chủ nghĩa tư bản chứng khoán đã qua rồi. Quân chúng đã khôn ra rồi... Và khi có các phát minh kỹ thuật lớn, "Gründungsschwindel" ("sự thành lập các xí nghiệp giả") "vị tất đã có" etc... (466 – 7)... ("một kẻ hài hoà chủ nghĩa")

... "thực chất của *thương mại* nói chung là thay thế nhu cầu"... (475)

((ha ha! "Nhà lý luận"!))

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 414.

... "thương mại là một hoạt động kinh tế nhằm thu thập những của cải, bảo quản và trao những của cải đó vào tay người sử dụng" (476). ((Chữ in ngả đậm nét. Đồ ngốc!))<sup>1)</sup>

Nil về lý luận

Hết

"NOI TXAI-TƠ", 1911 (VỀ CHIẾN TRANH NB)  
 VÀ 1912 (CÓ ĐOẠN NÓI VỀ LIÊN BANG CHÂU ÂU)

"Die Neue Zeit", xuất bản năm thứ 30 (1912)

[NB. Ở đây có bài viết về lịch sử các tài sản tư nhân ở Mỹ].

Xuất bản năm thứ 30, I (X. 1911 – 1912)

những bài báo của Vác-ga (tr. 660), Hin-phéc-đinh (tr. 773) và Cau-xky (tr. 837 và các trang tiếp) viết về vàng, hàng hoá, tiền.

|| *Ôt-tô Bau-ơ* cũng viết về chủ đề đó trong **xuất bản phẩm xuất bản năm thứ 30, tập 2.**

Cũng NB, tr. 1, "Một chính sách ăn cướp" (6. X. 1911) – bài báo của Cau-xky về cuộc chiến tranh Tơ-ri-pô-li-ten, kết thúc bằng câu: "Nó (cuộc tranh cử của chúng ta) có thể chỉ trong một đêm là biến thành cuộc đấu tranh giành chính quyền" (tr. 5). !!

Xuất bản năm thứ 30, 2 (1912)

những bài báo của *Pan-nê-cúc* ("Hành động quần chúng và cách mạng") (tr. 541 và các trang tiếp) và của

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 438.

*Cau – xky*. "Một chiến thuật mới" (2. VIII. 1912 và những ngày tiếp) với những đoạn *tôi tẹ* viết về các bộ, v. v. (một bài báo cơ hội chủ nghĩa *tôi tẹ* nhất). [NB trước Ba-lơ.] Ra- đếch "Bàn về cuộc đấu tranh của chúng ta chống chủ nghĩa đế quốc" (tr. 233).

[Chính ở đây, có *cuộc bút chiến* giữa *Lên-sơ* và *Cau-xky* về *giải trừ quân bị*. NB

[Chính ở đây, có các bài báo của *Éch - Stanh* cũng chống Pan-nê-cúc

[bài báo của **Pan-nê-cúc**: "Thực chất các yêu sách hiện nay của chúng ta", tr. 810.

Hoàn toàn chuyên bàn về vấn đề "khả năng thực hiện" các yêu sách.

"Vậy tại sao lại đưa vào cương lĩnh những yêu sách sau đây: dân chủ về chính trị, đội dân cảnh, dân chủ hoá tư pháp, v. v. là các yêu sách không thể thực hiện toàn bộ được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, và tại sao không đưa vào cương lĩnh quyền lao động hoặc việc cấm sử dụng các máy móc làm giảm bớt số lượng công nhân cần thiết, là điều cũng không thể thực hiện được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa?" Hai loại điều không thể thực hiện được: "không thực hiện được về mặt kinh tế" và "bị loại trừ về chính trị" (811). Những yêu sách trước mắt là không thực hiện được, "không phải hiểu theo ý nghĩa tuyệt đối", dưới chế độ tư bản chủ nghĩa (812).

"Die Neue Zeit", 1911, 2 (xuất bản năm thứ 29).

tr. 248 và 276. Cuộc "bút chiến" nhỏ giữa Các-lơ Cau-xky và "Leipziger Volkszeitung" (Rô-da Lú-xăm-bua) về vấn đề Liên bang châu Âu — những nhận xét *không* nói đến thực chất của vấn đề, nhưng lại chỉ ra rằng có một cuộc bút chiến *đang diễn ra* trên tờ "Leipziger Volkszeitung".

"Leipziger Volkszeitung" cũng tấn công Lê-đê-bua về câu ông ta viết:

"Chúng ta đề ra... cho xã hội tư bản chủ nghĩa... yêu sách... là họ (những nhà hoạt động nhà nước) phải vì lợi ích của sự phát triển tư bản chủ nghĩa của bản thân châu Âu, mà chuẩn bị cho sự hợp nhất đó của châu Âu thành Liên bang châu Âu, đặt sau đó ngăn ngừa sự suy tàn hoàn toàn của châu Âu trong cuộc cạnh tranh toàn thế giới" (tr. 276).

Đó cũng chẳng khác gì điều mà Can-vơ đã nói để bảo vệ liên minh thuế quan chống lại Mỹ.

Cau-xky trả lời: không, *không phải là* chẳng khác gì. Lê-đê-bua *không* nói lời *nào* về cuộc đấu tranh thuế quan mà *chỉ* nói về Liên bang châu Âu, "tư tưởng mà mũi nhọn của nó... không nhất thiết phải nhằm chống lại Hợp chúng quốc" (277). ((Cổ nghĩa là tư tưởng cạnh tranh hoà bình!)).

Các-lơ Cau-xky, tr. 248, nói rằng cả Pác-vu-xơ lẫn Giô-han Phi-líp Béc-cơ đều đang (hay đã) ủng hộ Liên bang châu Âu.

Ibidem, tr. 943 – 4 (29. IX. 1911), tường thuật bài báo của *H. Quen-sơ* (trong tờ "The Social-Democrat", 1911, tháng Tám); *H. Quen-sơ* nói rằng cả các nhà tư bản cũng ủng hộ hoà bình (chính tư bản *cũng đã* có tính chất quốc tế rồi): tư bản đã có khả năng thành lập "Hợp chúng quốc *thế giới*" (NB: sic! "der Erde"), nhưng cái tơ-rốt toàn thế giới ấy sẽ lại càng áp bức công nhân nhiều hơn. "Thế giới tư bản chủ nghĩa ở khắp nơi... cảnh sát quốc tế vạn năng, việc hoàn toàn không còn có quyền cư trú chính trị... trong cái quốc gia đó của những người nô lệ, hoà bình và an ninh sẽ ngự trị"... (tr. 944).

*Quen-sơ* (*bất chấp* cả Các-lơ Cau-xky) chờ đợi chiến tranh sẽ đem lại *không phải là* một cuộc cách mạng, mà là sự phồn vinh kinh tế, sự thoát khỏi "áp lực của sản phẩm".

"Die Neue Zeit", 1911, 2 (xuất bản năm thứ 29, tập 2), số 30, 28. IV. 1911 (tr. 97 – 107).

Các-lơ Cau-xky. "*Chiến tranh và hoà bình*".

Trong bài báo này, Các-lơ Cau-xky tán thành tuyên truyền cho hoà bình và *ủng hộ* Liên bang châu Âu (§3 của bài báo đó *chính mang nhan đề như sau*: "Liên bang châu Âu").

Các-lơ Cau-xky phản đối những đề nghị quyết định trước việc dùng bãi công để *đáp lại* chiến tranh (đây là đoạn mà năm 1915 ông đã trích dẫn nói rằng nhân dân ("die Bevölkerung"), "**đám đông**" sẽ tự tay mình giết những kẻ chống chiến tranh, nếu họ cho là biên giới đang lâm nguy, nếu họ sợ *sự xâm chiếm*, – tr. 104 etc. etc.).

Nhưng khi Cau-xky trích những đoạn *như vậy* trong bài báo đó của mình viết năm 1911, thì năm 1915 *ông ta không* trích những đoạn sau đây:

1) trong § 1: "**Chiến tranh triều đại và chiến tranh nhân dân**". NB ((do tôi viết ngả)).

... "Ở thế kỷ 18, các vương công coi các quốc gia chỉ là những gia sản của mình...

... **Cũng vậy**, hiện nay các nhà tư bản của các nước khác nhau ở châu Âu (và của Hợp chúng quốc) coi các dân tộc đứng ngoài phạm vi của văn minh châu Âu, là gia sản của mình, và những mâu thuẫn giữa các chính phủ tư bản chủ nghĩa nảy sinh *chỉ* từ khát vọng của họ muốn mở rộng hoặc làm tròn trình gia sản ấy: thuộc địa và "phạm vi ảnh hưởng" của họ. *Hoàn toàn giống như* những mâu thuẫn triều đại ở thế kỷ 18. Và *hiện nay*, phúc lợi của nhân dân châu Âu có liên quan tới điều đó *không nhiều hơn* so với hai thế kỷ trước đây"... (tr. 99).

2) "Người ta ngày càng tin chắc rằng cuộc chiến tranh châu Âu *phải* được chấm dứt *một cách tự nhiên và tất nhiên* bằng một *cuộc cách mạng xã hội*."

|| Đó là một yếu tố kích thích mạnh mẽ, có lẽ là mạnh mẽ nhất, để buộc các giai cấp thống trị phải tôn trọng hoà bình và đòi giải trừ quân bị" (tr. 100).

3) "Cách mạng đi theo sau chiến tranh, đó là **một điều tất yếu không thể tránh khỏi**, đó không phải là kết quả của một ý đồ của những người dân chủ – xã hội, mà là do cái lô-gích *thép của sự vật*. Bản thân các nhà hoạt động nhà nước hiện nay đang lưu ý tới khả năng của một lối thoát như vậy" (tr. 106).

... "Cách mạng là kết quả của cuộc chạy đua vũ trang hoặc là kết quả của chiến tranh, dù sao chẳng nữa cách mạng cũng sẽ là *một hiện tượng quốc tế*" (tr. 106)...

... "Nhưng dù cho cách mạng có không phải là kết quả của sự phản ứng lại cái ách vũ trang hoặc phản ứng lại những tai hoạ của chiến tranh, mà nổ ra vì những nguyên nhân khác chẳng nữa, và nếu như thoát đầu nó cũng chưa mang tính chất quốc tế mà chỉ hạn chế ở ranh giới một quốc gia, *thì trong các điều kiện hiện nay tình hình ấy không thể kéo dài được*. Nó (cách mạng) *phải* lan sang các nước khác"... (107) và từ đó, Các-lơ Cau-xky đã đi đến Liên bang châu Âu "và việc nó rút cuộc sẽ chuyển biến thành Hợp chúng quốc của toàn bộ thế giới văn minh".

2 || *tr. 105*: Các-lơ Cau-xky xác định Liên bang châu Âu là một liên minh "có *một chính sách thương mại chung*" (+ một nghị viện etc., một quân đội).

S || Trong §1 của bài báo ấy (tr. 97) Các-lơ Cau-xky nêu lên "sự thay đổi của hoàn cảnh thế giới" ("trong 2 chục năm gần đây") ... "Tư bản công nghiệp đã biến thành tư bản tài chính, và nó hợp nhất với những kẻ chiếm hữu ruộng đất độc quyền"... "Những cải cách xã hội đã hoàn toàn tắt hẳn"...

"Thế nhưng" (bất chấp tất cả những khó khăn khi thực hiện Liên bang châu Âu) "xu hướng muốn hoà bình hợp

nhất các quốc gia châu Âu thành một chính thể liên bang hoàn toàn không phải là vô hy vọng. Tiền đồ của nó gắn liền với tiền đồ của *cách mạng*" (do C. Cau-xky viết ngả, tr. 106).

"Die Neue Zeit", 1911, 2. tr. 96: thuật lại bài báo của *Ốt-tô Bau - ơ* trong văn tập "*Đấu tranh*" 1911, số 3): "Cuộc chiến tranh toàn thế giới" là "tiếng nói cuối cùng của nó" (của chủ nghĩa tư bản"... Nếu như cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ dẫn tới cuộc chiến tranh toàn châu Âu, thì hậu quả không tránh khỏi của nó sẽ là cách mạng châu Âu":

"Die Neue Zeit" 1911, 2. tr. 179

bài báo của *Rốt-stanh* về đại hội Cô-ven-tơ-ri (1911), cuộc đại hội mà ở đó Đảng xã hội chủ nghĩa Anh đã thông qua **một nghị quyết tán thành** "việc duy trì một hạm đội đủ sức để bảo vệ đất nước".

... "Làm như vậy là đại hội đảng không những đã rời bỏ lập trường dân chủ – xã hội quốc tế mà thực ra còn liên kết với bọn xâm lược tồi tệ nhất" (tr. 182)...

chống lại luận điệu cổ động của Hen-đman

"Nước Đức dù có xâm lược đến đâu đi nữa, thì tính chất xâm lược của nó cũng chỉ nhằm vào những thứ chẳng có nghĩa lý gì mấy đối với nhân dân Anh, như những đất có vàng ở Tô-ran-xva-an... Nhưng, mặt khác, nếu tán thành hoặc dung thứ những hành động của các giai cấp thống trị ở Anh biểu hiện trong chính sách bao vây (etc.) chống lại nước Đức... thì thật ra có thể sẽ đến lúc ngay cả giai cấp vô sản cũng buộc phải cầm vũ khí và – khi họ bảo vệ tổ quốc – phục vụ sự nghiệp của giai cấp các nhà tư bản"... (tr. 183).

"Die Neue Zeit", 1911, 1, bài báo của *A-xki-u* về chính sách thuộc địa của Anh ở *Ai - cậ p*.

"LƯU TRỮ TÀI LIỆU TÀI CHÍNH": 1915

"*Finanz- Archiv*". Xuất bản năm thứ XXXII, 1915.

"Tư bản Pháp ở Nga" (125 – 133).

*Bản chỉ dẫn* của năm xuất bản thứ 32. (*Gần như nil.*)

"*Finanz- Archiv*". Xuất bản năm thứ XXXI, 1914.

"*Các khoản thuộc địa nợ và các khoản thuộc địa vay*".

Năm 1901 tại các sở giao dịch ở Luân-đôn đã có những chứng khoán thuộc địa giá  $\Sigma$  600 triệu li-vơ xtéc-linh = 12 tỷ mác (tr. 8). Phần lớn đó là thuộc địa của Anh.

Từ 1897 đến 1907, Pháp đã cho các thuộc địa vay (tr. 16) không < 400 triệu phrăng.

Bỉ > 250 triệu phrăng.

Đức – (1911) – lên tới 137,4 triệu mác (tr. 28).  $13/_{,4} \times 1_{,25} = 171_{,75}$  triệu phrăng.

Triệu phrăng: 15000, 400, 250, 171, 75.

### THỐNG KÊ VỀ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CÓ GIÁ. ÉC-GHEN-SVI-LƠ. CRÔN (VỀ ÁC-HEN-TI-NA)

*Van-tơ Éc-ghen-svi-lơ* (Xuy-rích). "Tài liệu thống kê về vấn đề: chiến tranh, bước tiến của sản xuất và sự vận động của giá cả". "*Schmoller's Jahrbuch*". 1915, số 4.

(Tác giả chỉ đưa ra những số liệu hàng năm)

	Phát hành công khai trên thế giới (tỷ mác)	=	Trung bình mỗi năm	Tối thiểu – Tối đa
1871-1880	76,1 : 10	=	7,61	1,7 – 15,6
1881-1890	64,5 : 10	=	6,45	3,3 – 12,7
1891-1900	98,0 : 10	=	9,8	2,5 – 17,8
1901-1909	136,1 : 9	=	15,1	7,9 – 21,5

Số lượng phát hành (toàn bộ):

(tác giả chỉ đưa ra những số liệu hàng năm)

	Anh (triệu mác)	Pháp (triệu <i>phrăng</i> )	(do tôi tính ra) $\left( \begin{matrix} 80 \\ \text{triệu mác} \end{matrix} \right)$	Đức (triệu mác)
1903 - 7	13187 :5 = 2637	18469	= 14775	16630
1908 - 12	21309 :5 = 4262	23122	= 18497	19783
$\Sigma$ (trong 10 năm)	34496 :10 = 3449	41591	33272	36413 :10 = 3641

Ibidem (số 2). *G. Ph. Crôn*. "Ác-hen-ti-na trong cuộc chiến tranh kinh tế Anh - Đức (xem tr. 114 cuốn sách của Txi-ôn-lin-gơ về tính chất điển hình của Ác-hen-ti-na)...

một minh hoạ xuất sắc về chủ nghĩa đế quốc!!

#### VAN-TƠ TAXI-ÔN-LIN-GƠ

#### "BẢNG CÂN ĐỐI NHỮNG SỰ DI CHUYỂN CHỨNG KHOÁN CÓ GIÁ TRÊN TRƯỜNG QUỐC TẾ"

Van-tơ *Txi-ôn-lin-gơ*. "Bảng cân đối những sự di chuyển chứng khoán có giá trên trường quốc tế". 1914.

(tr. 106) căn cứ vào những con số của *Nây - mác - cơ* ("Bulletin de l'institut international de statistique". Tập XIX, quyển II, 1912).

số liệu tính bằng phrăng<sup>1)</sup>

1871 = 80.....	76. <sub>1</sub> tỷ
1881 = 90.....	64. <sub>5</sub> "
1891 = 1900.....	100. <sub>4</sub> "
1901 = 1910.....	197. <sub>8</sub> "
	( $\Sigma = 438.8$ )

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 454.

(Ibidem) Tổng số chứng khoán có giá<sup>1)</sup>

(năm 1910, tối đa)		những nước khác vào năm 1902:
Anh.....142	<i>tỷ phrăng</i>	(32 tỷ)
Mỹ.....132	" "	Hà-lan.....10
Pháp.....110	" "	Bỉ.....6
Đức.....95	" "	Tây-ban-nha.....6
Nga.....31	" "	Thụy-sĩ.....5
Áo - Hung.....24	" "	Đan-mạch.....3
Ý.....14	" "	Thụy-điển, Na-uy,
Nhật.....12	" "	Ru-ma-ni
Những nước khác.....40	" "	v.v..... <u>2</u>
	$\Sigma = 600$	$\Sigma = 32$

#### CAN-ME-XƠ. "NHỮNG TÁC PHẨM MỚI NHẤT VIẾT VỀ VIỆC ĐẦU TƯ TƯ BẢN"

*An-be Can-me-xơ* (giáo sư viện hàn lâm ở Phran-pho trên sông Manh). "Những tác phẩm mới nhất viết về việc đầu tư tư bản". "Jahrbücher für Nationalökonomie", bộ thứ III, tập 47 (tập thứ 102), 1914, tr. 522.

Tác giả tán dương cuốn sách của người Thụy-sĩ

NB  $\left\{ \begin{array}{l} A. May-ơ. "Sự đầu tư". Xuy-rích, 1912 (tr. 525: phần tổng  
luận thì tác giả cho là "đặc sắc").  
Phr. Ê-rên-spéc-gơ. "Sự đầu tư tư bản hiện đại". Béc-nơ,  
1911.$

*Phr. Bôt-gơ*. "Đầu tư tiền và quản lý tư bản". *Lai-pxích?* (193 tr.) ("xem xét tỉ mỉ hơn" "*việc đọc các bản cân đối*", tr. 525).

*Hen-ri Lơ-ven-phen-đơ*. "Nghệ thuật đầu tư tư bản". ("Tất cả những gì có liên quan đến việc đầu tư tư bản".) Béc-lanh, 1911 ("Chủ đề quán xuyên": "sự phân bố về mặt địa lý của sự đầu tư tư bản").

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 454.



*Pôn Lô-roa – Bô-li-ơ*: "Nghệ thuật đầu tư của cải của mình và quản lý chúng". Pa-ri, 1912 (451 tr.) —(ca ngợi lắm).

Vẫn ông *Can-me-xơ* phân tích — trong tập 105 (1915, quyển 5) — những sách mới nói về việc cấp vốn.

Xem *cũng trong cuốn đó* bộ thứ III, tập 39, 1910 bài của *Mô-xơ* về "việc đầu tư tư bản" ở Pháp và Anh. NB

**BÀI BÁO CỦA PÂY-SƠ  
TRONG "TẠP CHÍ HỘI THỐNG KÊ HOÀNG GIA".  
THÁNG GIÊNG 1911**

Tư bản của Anh đầu tư vào công trái và công ty ở Ấn-độ, ở các thuộc địa và ở các nước ngoài, và thu nhập do chúng đem lại trong những năm 1907 – 08 (Pây-sơ, tr. 168):

tôi tập hợp lại thành 3 nhóm lớn: A, B, C	Tư bản (nghìn 1. xt.)	Thu nhập (idem)	%
A) Công trái (của chính phủ và thị chính).....	757 460	29 938	3.9
B) Đường sắt.....	1 198 991	52 839	4.4
C) { Ngân hàng v.v.....	366 022	21 870	
	Mỏ.....	243 386	
Dầu hoả v.v.....	127 879	8 999	
<u>    C) Tổng cộng</u>	<u>737 287</u>	<u>57 014</u>	<u>7.7</u>
<u>Tổng cộng</u>	<u>2 693 738</u>	<u>139 791</u>	<u>5.2</u>

Trong sách của tác giả, bảng này không chia thành 3 nhóm (A, B, C) mà chia thành *rất nhiều* nhóm.

- A) = 3.2% — 4.7%
- B) = 3.8 — 4.7%
- C) = 3.3 — 30.5%

năm 1910 (nghìn li-vơ xtéc-linh):

Các thuộc địa của Anh:

	Ca-na-đa và Niu-phao-len	Liên bang Úc	Tân Tây-lan	Tổng cộng trong toàn bộ châu Úc	Châu Phi Nam Phi	Phi Tây Phi	Ấn-độ và Xây-lan	Xtơ-rây-xtơ Xét-ion-men và các nước Mã-lai	Các đất khác thuộc Anh	Σ (do tôi tính)
A)	92 948	198 365	64 721	263 086	115 080	8 541	182 517	7 943	6 969	677 084
B)	223 740	2 951	761	3 712	9 354	—	136 519	—	1 717	375 042
C)										503 026
Σ	(*) 373 541	301 521	78 529	380 050	351 368	29 498	365 399	22 037	33 259	(*) 1 555 152

(\*) **Chú giải:** Tổng số của Pây-sơ là = 1 554 152, vì về Ca-na-đa thì trong bảng tổng kết của ông, ông ghi 372 541 (tr. 186), còn ở bảng ông dùng làm căn cứ (tr. 180) lại là 373 541.

	Mỹ	Cu-ba	Phi-lip-pin	Nhật	Trung-quốc	Các nước khác
A)	7 896	2 282	—	42 784	22 477	818
B)	586 227	17 387	7 902	8 910	—	4 521
C)	93 955	3 031	300			
Σ	688 078	22 700	8202	53 705	26 809	61 907

	Ác-hen-ti-na	Mê-hi-cô	Bra-xin	Chi-lê	U-ru-goay	Pê-ru	Các nước khác ở châu Mỹ
A)	38 339	8 276	40 221	17 071	9 860	81	3 838
B)	186 126	54 306	29 961	12 646	21 194	6 476	11 681
C)							
Σ	269 808	87 335	94 440	46 375	35 255	31 987	22 517

	Nga	Thổ-nhĩ-kỳ	Ai-cập	Tây-ban-nha	Ý	Bồ-đào-nha	Pháp	Đức	Các nước khác ở châu Âu	Σ	không kể Ai-cập thì:
A)	19109	9650	14044	1885	4164	1336	-	1351	22870	74409	60365
B)	2013	6146	1916	5473	3284	4432	-	-	495	23759	21843
C)			27793				7071			90199	62406
Σ	38388	18320	43753	18808	11513	8134	7071	6061	36319	188367	144614

"Journal of the Royal Statistical Society", tập LXXIV. Tháng Giêng 1911.

Bài báo của Pây-sơ (và cuộc tranh luận ở Hội thống kê về bài báo đó (bài tr. 167 - 187, cuộc thảo luận, tr. 187 - 200)) đã chứng tỏ rằng tác giả *rất* thận trọng và cẩn thận trong công việc của mình.

Ông ta loại trừ những việc thay đổi điều khoản công trái, — không lấy giá trị danh nghĩa mà lấy giá trị phát hành

của chúng khoán, — để tránh hiện tượng tính hai lần, ông ta lấy *số thu nhập* do những chúng khoán có giá đem lại etc. Chính vì vậy mà các số liệu của ông ta là *vô cùng* có giá trị hơn các "số liệu" thiếu căn cứ về Pháp và Đức.

Tài liệu chủ yếu của ông ta về năm 1907 - 8.

	Triệu 1. xt.		
	1907-8	1908-9 và 1910	vào 1910
thuộc địa:	1312	+228	1554
các nước khác	1381	+288	1637
<u>Tổng cộng</u>	<u>2693</u>	<u>+516</u>	<u>3191</u>

NB || NB. An-phrết Nây-mác-cơ. "Tài chính hiện đại". Tập VI và VII. "Tiền tiết kiệm và những chúng khoán có giá của Pháp từ 1872 đến 1910". 2 tập. 8°. Pa-ri, 1911.

#### MUYN-HAU-TƠ. "CÁC-TEN SỮA"

Tiến sĩ En-ghen-béc Muyn-hau-tơ. "Các-ten sữa. Bàn về những các-ten và giá sữa". Các-xru-ê, 1912.

"Những công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân của các trường cao đẳng Ba-đen". Bộ sách mới. Quyển 9.

Một cuốn sách nhỏ rất hay và thiết thực, miêu tả những hiện tượng vô cùng đáng chú ý.

Một số trong *thư mục* NB: Ph. Ác-nôn trong "Conrad's Jahrbücher". Tập 41, 1911 và trong bài "Bàn về thống kê của Vương quốc Ba-vi-e". Tập 41 (1910).

"Từ điển các khoa học về nhà nước". Tập 6 (xuất bản lần thứ 3). ("Ngành sản xuất sữa").

Na-khim-xôn. "Chiến tranh sữa". "Die Neue Zeit", 1911 (xuất bản năm thứ 29), tập 2 (tr. 668 và các trang tiếp).

Trong lĩnh vực này, vị trí *độc quyền* của những trang trại (50 - 100 km xung quanh các thành phố lớn) và *sự lớn mạnh lên của các hợp tác xã là có lợi cho các các-ten*.

Sau khi phát minh ra máy ly tâm, các hợp tác xã chế biến sản phẩm sữa mọc lên nhan nhản như nấm sau trận mưa xuân ẩm áp:

1870 – 1	Số lượng các hợp tác xã nông nghiệp (tr. 24):	1890 – 3000
1903 – 2245 với 181 325 xã viên		1900 – 13600
1909 – 3039 " 270 692 " " (tr. 5)		1910 – 24900

{ theo *Pê-téc-xi-lí*. "Thông báo về thống kê những hợp tác xã của Đức". Béc-lanh, 1911. }

Cho đến khoảng trước năm 1900, trước khi có phong trào các-ten hoá một cách rầm rộ, giá thức ăn khô đóng bánh cho gia súc etc. tăng lên (+ 13 – 50%, 1896 - 1906, tr. 7) etc. và v. v. *không* làm tăng giá cả (tr. 7).

Tác dụng vô cùng lớn lao của nền *đại* sản xuất (bảo quản etc.) sữa (về mặt giá rẻ, vệ sinh etc. etc.) *có lợi cho* những các-ten.

Béc-lanh	<i>mỗi ngày</i>	cần dùng	1 triệu lít sữa
Ham-buốc	với các vùng phụ cận	0,5 " " "	
Viên		0,9 " " "	
Muyn-khen		0,25 (tr. 16)	

và v. v.

1cm<sup>3</sup> sữa chứa khoảng 9000 **vi khuẩn** (cen-ti-mét?? Hay mi-li-mét?) ngay sau khi vắt; 12000 sau 2 – 3 giờ, 120000 sau 9 giờ và *hàng triệu* sau 24 giờ (trang ?).

Đại bộ phận sữa được chở đến bằng đường sắt (từ những nơi cách thành phố 50 - 100 km). Vị trí độc quyền

thực tế của những nông dân *ngoại ô* làm nghề nuôi bò lấy sữa.

"Hợp tác xã đã giáo dục người nghiệp chủ nông thôn cho các-ten" (25).

Lịch sử của một vài *các-ten* sữa.

"Béc-lin-nơ min-khrinh". Thành lập vào *tháng Sáu 1900*.

**Đấu tranh quyết liệt** chống lại những người bán buôn (công chúng *ủng hộ* những người bán buôn).

*Bôn-lơ* (hãng buôn bán sữa lớn nhất ở Béc-lanh, mức kinh doanh 45 triệu lít sữa trong một năm; tư bản 10 triệu mác; lợi tức cổ phần 8%, tr. 91), năm 1903, đã ký hoà ước với các-ten sữa. (Trong một thời gian ngắn, Bôn-lơ đã trở thành triệu phú; *Phun-đơ* ở Đrét-đen cũng vậy, mức kinh doanh 21 triệu lít.)

Những điều kiện vệ sinh luôn luôn được các xanh-đi-ca sữa cải thiện.

Nhưng xanh-đi-ca này thì rất tồi về mặt *tài chính* và đã *phá sản* ngày 27. 11. 1907.

*Ham-buốc*. Thành lập vào tháng VI. 1900. Trong 10 năm, đã mang lại cho các thành viên của mình 10,3 triệu mác (tr. 53), tăng giá trị của *chúng* (từ 11,2 đến 14,1 pơ-phe-ních), ký hiệp định với các nhà buôn lớn.

*Phran-pho trên sông Manh*. Thành lập từ bao giờ?? năm 1911, nó *rất mạnh*.

Nó đã ký hiệp định với các nhà buôn. Sau đó, đòi *họ* phải tăng giá từ 16 đến 17 pơ-phe-ních.

"Vi cái đồng pơ-phe-ních ấy mà nổ ra một cuộc đấu tranh gay go kéo dài ba tháng giữa các nghiệp chủ nông thôn với những nhà buôn được sự ủng hộ của cả liên minh công nhân dân chủ - xã hội lẫn của liên minh công nhân tự do chủ nghĩa và liên hiệp các công đoàn" (tr. 54). Các nhà buôn nhượng bộ.

"Cuộc đấu tranh này kết thúc bằng một hiệp nghị – điều này làm cho những người tiêu dùng hết sức ngạc nhiên, –

giữa các nhà buôn sữa với "Phê-rai-ních-tơ lan-đơ-vích-tơ" (tên gọi của các-ten) "theo hiệp định ấy, các thành viên của các-ten không được cung cấp sữa nữa cho tất cả những nhà buôn nào không áp dụng việc tăng giá nói trên" (tr. 55).

Ở Viên, có một xanh-đi-ca rất lớn. Nó đã giảm chi phí của nó (về tiêu thụ sữa) từ 7.<sup>67</sup> hen-lơ-rơ một lít vào năm 1900 (doanh số 0.<sup>56</sup> triệu cua-ron) xuống còn có 3.<sup>775</sup> hen-le-rơ một lít vào năm 1910 (doanh số 6.<sup>74</sup> triệu) (tr. 57).

Ảnh hưởng của những các-ten đến các nhà sản xuất?

Từ 1900 đến 1910 *giá tăng lên* trung bình là 2 pơ-phe-ních (so với 1890 – 1900) (tr. 61).

Nguyên nhân của sự tăng giá đó chính là *những các-ten* (nếu không thì sản xuất có đắt lên cũng sẽ không làm tăng giá).

"Lấy gì mà có thể giải thích khác đi được cái điều kỳ lạ này là giá cả bắt đầu tăng lên chính trong những năm mà các-ten sữa xuất hiện?" (63).

"Sau cùng, nếu không có sự tồn tại của các các-ten thì làm thế nào mà giải thích được cái sự thật này là giá cả tăng lên nhiều nhất chính là ở những vùng được kể là giàu sữa nhất: Thụy-sĩ và Vuyn-tem-béc?" (64).

Việc đẩy mạnh tiêu thụ sữa đã làm cho cả thức ăn của gia súc (tr. 66) – *lần thức ăn của dân chúng đều kém đi* (67).

Tiêu dùng sữa ở Thụy-sĩ

	Mỗi người
	một ngày lít
1903-1905	— 1. <sup>01</sup>
1906-1909	— 0. <sup>98</sup> (tr. 68)

Ở Đức, cũng thế.

Ảnh hưởng đến việc buôn bán? Thu nhập của nó giảm từ 7 - 8 pơ-phe-ních một lít, xuống đến 6 - 7 pơ-phe-ních (72), — việc buôn bán thụt lùi dần.

Ảnh hưởng đến người tiêu dùng? Cải thiện về chất lượng, về vệ sinh v.v..

Tình hình tốt nhất là ở Ba-lơ, nơi mà liên minh những người tiêu dùng và liên minh những nông dân sản xuất sữa đứng đối lập *trực tiếp* với nhau. Thành phố điều khiển *ngành kinh doanh sữa một cách mấu mực*, nhưng về giá cả thì người tiêu thụ lại phụ thuộc vào *nông dân*!!

"Theo giáo sư Ca-đơ-đoóc-phơ thì ở Áo, một con bò cho trung bình là 5 lít sữa một ngày, ở Đức từ 8 đến 10 lít, ở Đan-mạch là 12 lít" (tr. 83).

Trong điền sản lớn của đại công tước Phri-đrich, ở gần Viên, sản lượng sữa là như sau:

1853 — 3. <sup>00</sup>	lít, tính theo đầu bò
1880 — 4. <sup>67</sup>	
1890 — 6. <sup>27</sup>	
1900 — 6. <sup>86</sup>	(tr. 84)
1910 — 8. <sup>00</sup>	

Việc buôn bán nhỏ về sữa hãy còn chiếm ưu thế, (ở Muyn-khen, năm 1910, có 1609 cơ sở chuyên buôn bán sữa, trong đó

250 cơ sở cho đến 50 lít  
1310 (81.4%) cho đến 150 lít)

thường là thiếu vệ sinh; việc rót sữa không được bảo đảm sạch sẽ etc.

NB ||| và có "sự hoang phí không thể tưởng tượng được về thời gian, sức lao động và tư bản" (87), việc chuyên chở sữa, sữa không bán được, một nhà có tới 2 - 3 người mang sữa đến, v.v. và v.v..

!!! ||| "Ảnh hưởng xã hội của các-ten sữa" (chương V) — sẽ có "*một nền hoà bình có vũ trang*" (95) giữa thành thị và nông thôn, một cuộc chiến tranh trực diện giữa người tiêu thụ và người bán, như ở Ba-lơ.

Ở Ba-lơ, người tiêu thụ *phụ thuộc* hoàn toàn (về mặt giá cả) vào các-ten của nông dân sản xuất sữa.

Toàn bộ Thụy-sĩ đã được tổ chức *tốt hơn hết* thành những các-ten của nông dân bán sữa – và chính ở đây, giá sữa cũng đắt hơn hết!! chính ở đây, quyền lực của những các-ten ấy cũng lớn hơn hết!!

"Tổng liên hiệp những người tiêu thụ (ở Ba-ơ) hoàn toàn bất lực trước chính sách giá cả của những các-ten của những người sản xuất" (tr. 77). NB

"Và ở Thụy-sĩ, nơi mà công nhân và nông dân có những quan hệ trực tiếp với nhau nhiều hơn ở các nước khác, giữa họ thường xảy ra những cuộc tranh chấp gay gắt và đấu tranh dữ dội vì giá cả (tr. 95).

### NHỮNG LIÊN MINH CỦA CÁC NHÀ TƯ BẢN NÓI VỀ CHIẾN TRANH

#### Những liên minh của các nhà tư bản *nói về chiến tranh*

"Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik" (Ét-ga Giáp-phê) (tập 41, quyển 1), 1915, tháng Chín. Tr. 296 - 7 – "Những tổ chức của các ông chủ NB bàn về chiến tranh".

... "Vậy thì" (theo quan điểm của các tổ chức của các ông chủ), "vấn đề là sự phát triển hoặc sự lớn mạnh kiểu đặc Đức, và chiến tranh được tiến hành vì cái đó. Thực ra mà nói, quan điểm như vậy là hoàn toàn phù hợp với cả những lợi ích của các nhà kinh doanh nữa. Họ hiểu rằng quả là có sự nguy hiểm nhất định cho các nhà kinh doanh khi được nghe tuyên bố sau chiến tranh là: *vestra res agitur* (vấn đề liên quan tới các anh), vấn đề là sinh mệnh của các anh

và lợi ích của các anh! Chiến tranh được tiến hành để quyết định xem ai đóng vai trò chủ yếu trên *thị trường thế giới!*" ("Deutsche Arbeitgeberzeitung", 7. II. 1915). Lúc đó rõ ràng là tất cả các xu hướng chính trị - xã hội, tất cả những ý đồ dùng cả lợi nhuận của các nhà kinh doanh nữa để trang trải các chi phí chiến tranh có lẽ sẽ được hoàn toàn thông cảm. Nhưng nếu chiến tranh được tiến hành vì những lợi ích của văn hoá, để bảo vệ không phải là những lợi ích của lợi nhuận, mà để bảo vệ một hình thức văn hoá nào đó thì toàn thể xã hội phải chịu lấy gánh nặng của chiến tranh và không thể tách ra một giai cấp đặc biệt nào mà quyền lợi lại được chiến tranh phục vụ trước nhất.

Các ông chủ cho rằng *ảnh hưởng* của chiến tranh, trong chừng mực nó tác động đến tình hình chính trị trong nước, thì chủ yếu là có lợi. Đặc biệt nổi lên hàng đầu là cái có lợi do ảnh hưởng của nó đối với đảng xã hội chủ nghĩa đem lại. Người ta tán dương cái "số mệnh - nhà giáo dục". Chiến tranh đã tạo ra khối thống nhất của nhân dân và đã phá vỡ những cơ sở của các lý luận xã hội chủ nghĩa đẹp đẽ nhất. (Như trên, 2. VIII. 1915.) Chỉ có trong cuộc chiến tranh này, nhân dân mới thực sự trở thành nhân dân (theo cách nói của Tơ-rai-tskê) và chỉ điều đó thôi cũng đã có thể biện hộ cho chiến tranh rồi. ... Trong hàng thế kỷ nữa chiến tranh vẫn sẽ là hình thức duy nhất để giải quyết xung đột giữa các quốc gia, và hình thức này được hoan nghênh, là vì chiến tranh kìm hãm sự phát triển theo hướng dân chủ: "Chúng ta đã đi tới ranh giới của sự suy yếu, tới ranh giới của sự thoái hoá và sự

yếu đuối. Nhưng số mệnh đã cứu chúng ta ra khỏi kết cục đó, khỏi bị chìm đắm trong vực thẳm đó, — cái số mệnh đó rõ ràng là đã vạch cho nhân dân Đức chúng ta một mục đích đặc biệt". (Như trên, 16. VIII. 1914.)

"Như vậy là người ta cứ khẳng khẳng cho rằng chiến tranh nói chung xảy ra là do sự thoái hoá của *tâm hồn*; người ta hạ thấp ý nghĩa kinh tế và chính trị của chiến tranh, người ta không thừa nhận những hậu quả nghiêm trọng về chính trị và kinh tế của chiến tranh"

... "Người ta đã vạch ra một cách đúng đắn rằng những biện pháp sau đó của chính phủ Đức là nhằm *điều tiết tiêu dùng*, nhưng mục tiêu của chủ nghĩa xã hội lại là xã hội hoá *tư liệu sản xuất*. (Như trên, 28. II. 1915.) Vì thế tất cả các biện pháp ấy đều lại phải xoá bỏ đi khi hoà bình trở lại. Toàn bộ những quan điểm đó đều phù hợp với lợi ích của các nhà kinh doanh, và có lẽ rằng không có một cái gì làm lộ rõ sự đối kháng giữa những lợi ích giai cấp của các nhà kinh doanh và công nhân, bằng cái sự thật là ngay cả chiến tranh cũng phản ánh vào hệ tư tưởng của hai giai cấp ấy một cách hoàn toàn đối lập nhau. Nhưng sự đối lập này mang nhiều sắc thái khác nhau. Những người xã hội chủ nghĩa theo xu hướng cơ hội chủ nghĩa và xét lại coi chiến tranh là một cuộc chiến tranh kinh tế. Họ theo quan điểm cho rằng cuộc chiến tranh này mang tính chất đế quốc chủ nghĩa, thậm chí họ còn bảo vệ quyền của mỗi dân tộc được tiến lên chủ nghĩa đế quốc, rồi từ đó họ kết luận rằng các nhà kinh doanh và công nhân của một dân tộc có những lợi ích chung và họ phải triệt để đứng trên con đường tiến tới trở thành đảng tư sản cấp tiến cải lương. Ngược lại, trong lúc đó,

xu hướng cấp tiến của phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa tuy cũng cho rằng chiến tranh mang tính chất đế quốc chủ nghĩa (ít ra là có những điều kiện đặt trước) nhưng lại phủ nhận chính sự phát triển ấy, họ cho rằng do chiến tranh mà đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt thêm lên là một điều tất yếu và họ đòi hỏi phải nhấn mạnh quan điểm vô sản ngay trong thời chiến. Còn các nhà kinh doanh thì như chúng ta đã thấy, họ phủ nhận tính chất đế quốc chủ nghĩa của chiến tranh. Họ không muốn người ta nói với họ rằng: *Tua res agitur* (vấn đề liên quan tới anh). Họ bác bỏ cả quan điểm tích cực, khẳng định của những người xã hội chủ nghĩa xét lại về cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa lẫn thái độ phê phán của chủ nghĩa xã hội cấp tiến đối với cuộc chiến tranh ấy. Họ tìm lối thoát trong "ý nghĩa văn hoá" của chiến tranh, bằng cách đưa ra những lời khẳng định mà không quy cho một giai cấp nhất định nào phải chịu trách nhiệm về chiến tranh, và cũng chẳng quy cho một giai cấp nào thu được đặc lợi vì chiến tranh cả. Và thế là chúng ta đứng trước một bức tranh kỳ quái: trong khi các chính phủ khắp nơi đứng trên quan điểm của lý luận đế quốc chủ nghĩa hoặc ít ra là "thú vị!!)", "nhận thấy ý nghĩa quyết định của những lợi ích kinh tế của kẻ thù thì những đại diện chủ yếu của các lợi ích kinh tế lại chỉ nói đến ý nghĩa thuần túy văn hoá của chiến tranh. Kết quả là họ hầu như đi theo những quan điểm cũng thịnh hành trong phe xã hội chủ nghĩa cấp tiến; họ xem xét chiến tranh theo quan điểm kinh tế, chỉ coi chiến tranh là một giai đoạn trung gian; tất cả các

diễn đạt  
hay!

thú vị!  
lời châu  
ngọc!

hiện tượng xảy ra trong thời chiến, tất cả các biện pháp của nhà nước đều do hoàn cảnh này đẻ ra và nhất định phải mất đi cùng với chiến tranh. Do đó quan điểm của những nhà kinh doanh về chiến tranh dù cho tưởng chừng như có một *tư tưởng* trung tâm nào đó đi nữa, cũng vẫn phải chỉ được coi là hệ tư tưởng (giai cấp) mà thôi" (tr. 295 - 297). (Hết bài báo.)

Chú giải, tr. 293 - 4:

"Bài xã luận của tờ "Deutsche Arbeitgeberzeitung" (ngày 15. VIII. 1915) là đặc biệt bổ ích, nó hết sức cương quyết bác bỏ những xu hướng muốn có một phương châm mới (dân chủ) trong chính sách đối nội..."

... Trước hết đảng dân chủ - xã hội còn cần phải tiếp tục "*học lại*": nói sẽ phải "chỉ ra trước hết rằng cả sau chiến tranh nữa, liệu cái *quá trình* *lột xác* (mà nó viện ra ấy) có thực sự trở thành *máu thịt* của nó chưa. Chỉ khi nào sự kiện ấy được hoàn toàn chứng minh trong một thời kỳ ít nhiều lâu dài, thì lúc đó mới có thể nói — mà cũng phải nói một cách rất thận trọng — rằng liệu trong chính sách đối nội của Đức có thể có được một vài thay đổi đó chăng". ... Dù sao đi nữa thì tạm thời hiện nay chưa có một tiền đề nào cho một chính sách đối nội tương lai (theo tinh thần của các đảng cánh tả)... ngược lại, "trường học khắc nghiệt của chiến tranh mang lại cho chúng ta những luận chứng hùng hồn nhất mà người ta chỉ có thể nêu lên để chống lại việc dân chủ hoá hơn nữa chế độ nhà nước của chúng ta" ... (tr. 294).

NB

NB

## CREM-MÔNG. ANH VÀ ĐỨC

"Journal of the Royal Statistical Society", 1914, tháng Bảy (tập LXXVII, phần VIII) (tr. 777 - 807).

**Ét-ga Crem-mông.** "*Quan hệ kinh tế giữa các đế quốc Anh và Đức*".

Hai đế quốc đó gộp lại chiếm 39% thương mại quốc tế của thế giới (1911: 26,9% Anh + 12,5% Đức); — 53% tàu buôn của thế giới.

		<u>Đức</u>	<u>Anh</u>	
Dân số	1872	41. <sup>23</sup> (triệu)	31. <sup>87</sup> (triệu)	
	1888	48. <sup>17</sup> "	36. <sup>88</sup> "	
	1910	64. <sup>92</sup> "	(1911) 45. <sup>22</sup> "	
	+ (1872 - 1910)	+ 23. <sup>69</sup>	+ 13. <sup>34</sup>	
Trong 1 000 cháu ra đời		29. <sup>5</sup> (1911)	24. <sup>4</sup>	
" " người chết		18. <sup>2</sup>	14. <sup>8</sup>	
% dân thành phố..		57,4% (1905)	71,3% (1901)	
Giá trị sản lượng của công nghiệp mỏ (1911)		102 1. xt. (triệu)	124. 5 "	
		<u>Mỹ</u>	<u>Đức</u>	<u>Anh</u>
Sản xuất than đá	{ 1911	450. <sup>2</sup> tr. tấn	234. 5	276. 2
	{ 1886	103. <sup>1</sup>	73. 7	160. 0
		+ 347. 1	+ 160. 8	+ 116. 2
		+ 336. 6%	+ 218. 1%	+ 72. 6%
sản xuất thép chưa gia công	{ 1910	26. <sup>5</sup>	13. <sup>7</sup>	6. <sup>1</sup>
	{ 1886	2. 6	0. 9	2. 4
		+ 23. 9	12. 7	3. 7
		+ 910. <sup>3</sup> %	+ 1 335%	+154. <sup>3</sup> %
		<u>Đức</u>	<u>Anh</u>	
Xuất khẩu hàng bông vải sợi	{ 1887:	10. <sup>0</sup> tr. 1. xt.	72. <sup>0</sup>	
	{ 1912	24. <sup>3</sup> " " "	122. <sup>2</sup>	
tiền gửi ở ngân hàng:		468. <sup>0</sup> " " "	1 053. <sup>0</sup>	
(1912 - 3) quỹ tiết kiệm:		839. <sup>0</sup> " " "	221. <sup>1</sup>	
Σ (do tôi tính) =		1 307. <sup>0</sup>	1 274	

		<u>Đức</u>	<u>Anh</u>
Trọng tải ròng của	1880:	1.2 tr.	6.6 tr.
đội tàu buôn	1911:	3.0 "	11.7
		+ 1.8	+ 5.1
		+ 156%	+ 77.7%
Toàn bộ trọng tải của	1880:	13.0 tr. tấn	49.7"
các tàu phục vụ xuất		(trong đó 39.1%	(trong đó 72.2%
nhập khẩu trong		là tàu Đức)	là tàu Anh)
ngoại thương	1911:	49.5 (50.4% là	138.9 (59% là tàu
		tàu Đức)	Anh)
Đóng tàu:		+	-
sản xuất hàng năm	1898 - 1904:	240.8 nghìn tấn	898.0
	1913:	618.8	2 203.0
Trọng tải các tàu đi	1892:	809.0 nghìn tấn	8 102.0
qua kênh Xuy-ê	1912:	4 241.0	17 611.0
% tổng số tàu đi qua	1892:	7.4%	74.5%
kênh Xuy-ê	1912:	15.1%	62.9%
Tổng thu nhập của	1888:	58.4 tr. 1. xt.	72.9
đường sắt	1910:	149.5	127.2%
		+ 156%	74.3%
Ngoại thương	1888:	323.6 tr. 1. xt.	558.1
(xuất + nhập)	1912:	982.6	1 120.1
		+ 204%	100.7%
		+ 659.0 tr. 1. xt.	+ 562.0 tr. 1. xt.
Chi phí cho quân đội		70.0 tr. 1. xt.	102.4
và hạm đội (1912)			
tài sản quốc dân:		15 000 " " "	25 000 (*)
thu nhập quốc dân			
(của Đức, theo Hen-phê-rích):		2 000 " " "	3 400
đầu tư tư bản ở nước ngoài		1 000 " " "	3 800
		= 6.6% (tài sản	(= 23%)
		quốc dân)	

(\*) Đây là của cả *đế quốc*. Chỉ riêng ở nước Anh, không kể thuộc địa = 16 500.

		<u>Đức</u>	<u>Anh</u>
thu nhập do tư bản đầu tư ở nước			
ngoài mang lại (1912) .....		50.0 tr. 1. xt.	185.0 tr. 1. xt.
thu nhập do hàng hải.....		30.0 " " "	100.0 " " "
thu nhập quốc dân (của Đức,	1896 1912	1 075 " " "	1 430
theo Hen-phê-rích)		2000 " " "	2140
mức tăng của tài sản			
quốc dân trong một			
năm (ở Đức: 18 năm gần đây)			
(ở Anh: 28 năm gần đây)	=	272.0 " " "	230.0 " " "

trong năm năm gần đây thì gần giống nhau.

### XAY. NHẬT-BẢN VERSUS ANH

Một bài báo rất đáng chú ý trong tờ "Journal of the Royal Statistical Society", tập LXXIV, 1911, tháng Tư.

*Sác-lơ V. Xay. "Một vài số liệu thống kê về Nhật-bản",* tr. 467 - 534.

Phần so sánh với Vương quốc liên hợp Anh thì đặc biệt bổ ích:

	<u>Nhật-bản</u>	Vương quốc liên <u>hợp Anh</u>
Diện tích (dặm vuông)	147 648	121 390
dân số (1910).....	49 587 000	44 538 000
" " trên 1 dặm vuông	335	367
tỷ lệ sinh đẻ (trong		
1 000)	31.30	27.95
tỷ lệ chết (trong 1 000)	20.70	16.89
mức tăng (trong 1 000)	+ 10.60	+ 11.96
ngũ cốc, rau và cây		
công nghiệp etc.....	12 894 000 (a-cơ) 13.6%	12 437 000 = 16%



	<u>Nhật-bản</u>		Vương quốc liên <u>hợp Anh</u>
cỏ và bãi chăn nuôi rừng	3 006 000	3.2	34 565 000 = 44%
giá đất (+ súc vật etc.)	55 083 000	= 58.0	3 070 000 = 4%
= 57%	1 299 (tr. 1. xt.)		1 220 = 11%
sản lượng (1907) gạo, mì, đại mạch, kiều mạch khoai tây ..... củ cải trắng, củ cải vàng..... củ cải khô			toàn bộ tài sản quốc dân
	= 372.8 (tr. bu-sen)		307.3
	3.9 (tr. tấn)		5.2
	rất ít		36.3 (tr. tấn)
	2.3 (tr. tấn)		-
	rất ít		15.6 " "
nhập khẩu ròng các loại nước uống, thực phẩm và thuốc lá trâu bò (1908)..... ngựa (1908) cừu lợn			
	3.46 (tr. 1. xt.)		212.4
	1.3 (tr.)		11.7
	1.5 "		2.1
	87 000 (= 0.08 tr.)		31.3
	0.28 (tr.)		4.0
số lượng công nhân mỏ than làm việc dưới hầm lò (1908) ...	126 999		796 329
số than khai thác được (tấn)	14.8 (tr.)		261.5
số tấn than do một công nhân khai thác được trong 1 năm	117		328
giá trị tính theo 1. xt.	6.5 (tr.)		116.6
giá trị một tấn	8 si-linh 9 pen-ni		8 si-linh 11 pen-ni
xuất khẩu than (tấn)	2.86 (tr.)		62.55
giá trị một tấn than xuất khẩu	12 si-linh 11 pen-ni		12 si-linh 8 pen-ni
chiều dài đường sắt tính theo dặm (1908)	5 020		23 280
hành khách (tr.)	146.0		1 265.1
chuyên chở hàng hóa (tr. tấn)	25.4		499.9

	<u>Nhật-bản</u>		Vương quốc liên <u>hợp Anh</u>
tổng thu nhập (tính cho 1 dặm đường sắt)	1 690 1. xt.		4 854
chi phí (- " -)	868		3 133
thu nhập ròng (- " -)	+ 822		+ 1 721
tàu thủy (100 tấn và hơn thế, trọng lượng cả bì)	1 146 977		18 059 037
tàu vào cảng của Trung-quốc (1 000 tấn)	1902: 7 350 (13.6%)		26 950 (49.9%)
	1909: 18 949 (21.8%)		34 027 (39.2%)
tổng giá trị sản lượng của các nhà máy dệt (1907)	37.77 (tr. 1. xt.)		247.27
công nhân	355 000		808 398
giá trị tính theo đầu công nhân	106 (1. xt.)		306 1. xt.
nhập + xuất (kể cả xuất khẩu lại)	1889: 20.99 (tr. 1. xt.)		744.0
	1909: 82.35		1 094.0
idem tính theo đầu người	1899: 10 s. 6. p.		19 1. xt. 19 s. 10 p.
	1909: 11. xt. 12 s. 10 p.		22. 1. xt. 5 s. 8 p.
chi phí của nhà nước (1909)	64.9 (tr. 1. xt.)		152.3
tiền gửi ở quỹ tiết kiệm bưu điện (1909) số người gửi	8.66 (tr.)		11.
tổng số (tiền gửi) (tính theo triệu 1. xt.)	10.8 (tr. 1. xt.)		160.6
tính theo đầu người gửi tiền	1 1. xt. 5 s. 1 p.		14 1. xt. 11 s. 7 p.
giá trị sản phẩm nông nghiệp	126 (tr. 1. xt.)		174.8
số lượng lao động ở các trang trại (kể cả nông dân tư canh)	11.50 (triệu)		2.05

"với số lượng công nhân ít hơn một phần năm, sản lượng ở Vương quốc liên hợp Anh lại nhiều hơn và giá trị sản lượng lại cao hơn là 40%" (tr. 488)... NB

Nông nghiệp ở Nhật-bản rất độc đáo. 60% dân số làm nghề nông (tr. 481). Tổng số hộ (households) ở Nhật là 9 250 000. Trong đó có 3 748 000 chỉ làm nghề nông, 1 662 000 còn làm thêm các nghề khác. Các chủ trại khác là 70 000. Địa chủ = 43 000.  $\Sigma = 5 523 000$ .

Ruộng đất bị đánh thuế rất nặng. Nông nghiệp quy mô rất nhỏ:

	% trang trại (tr. 482)
Diện tích trang trại: dưới $1\frac{1}{4}$ a-cơ (5 tan)	37. <sup>26</sup>
từ $1\frac{1}{4}$ đến $2\frac{1}{2}$ a-cơ (5 tan — 1 trô)	32. <sup>61</sup>
" $2\frac{1}{2}$ " 5 " (1—2 " )	19. <sup>62</sup>
" 5 " $12\frac{1}{4}$ " (2—5 " )	9. <sup>37</sup>
hơn $12\frac{1}{4}$ a-cơ (5 trô).....	1. <sup>14</sup>
	<hr/> 100. <sup>00</sup>

Năng suất lao động nông nghiệp hết sức thấp, chủ yếu là vì nông nghiệp quy mô nhỏ và không có máy móc.

Ở Nhật, sản xuất lúa trên 1 **a-cơ** cần có 110 ngày công.

Ở Téch-dát và Lu-i-di-a-na, sản xuất lúa trên 1 a-cơ cần có một người làm 2 ngày + một cặp ngựa trong 1 ngày rưỡi.

("American Economic Association Journal",  
1904, tháng 11)

BÀI BÁO "CÁC HIỆP ĐỊNH TÀI CHÍNH  
VÀ NHỮNG MÓN NỢ  
VÌ CHIẾN TRANH CỦA CHÂU ÂU"

The Economist", 13. II. 1915. Bài báo "Các hiệp định tài chính và những món nợ vì chiến tranh của châu Âu"...

..."Càng nhìn kỹ vào tương lai tài chính và chính trị của châu Âu sau chiến tranh, thì thấy các vấn đề của tương lai ấy càng ảm đạm và đen tối. Nhưng lại càng có nhiều cơ sở để cho những người độc lập, có kiến thức, nhạy bén và có tài tiên đoán, suy nghĩ về ý nghĩa chính trị và kinh tế của cuộc chiến tranh ấy. Chưa bao giờ có một cuộc đụng độ như vậy giữa các thế lực, có sự tàn phá ở quy mô như vậy trong một thời gian ngắn như vậy. Chưa bao giờ lại có sự khó khăn đến như thế hoặc sự cần thiết đến như thế trong việc xác định quy mô của tai họa, tính toán các chi phí, nhìn trước hậu quả (của chiến tranh) đối với xã hội loài người và áp dụng các biện pháp để ngăn ngừa những hậu quả đó. Những con người có lòng từ thiện hy vọng rằng việc ký kết hòa ước sẽ đưa tới kết quả là quân số và vũ khí của tất cả các nước sẽ được giảm đi nhiều, và điều đó sẽ cho phép các dân tộc khỏi mắc thêm một món nợ mới vì chiến tranh, và do đó tránh được sự phá sản. Rõ ràng là tâm lý sợ phá sản sẽ đóng một vai trò nào đấy, nếu không thì việc ký kết hòa ước sẽ chỉ có thể đưa tới việc chuẩn bị một loạt cuộc chiến tranh mới. Nhưng những ai biết rằng trên thực tế những lực lượng nào đang điều khiển nền ngoại giao châu Âu thì những người đó không có ảo tưởng. Tương lai sẽ có những cuộc cách mạng đẫm máu và cuộc đấu tranh khốc liệt giữa lao động và tư bản, hoặc giữa quần chúng và các giai cấp thống trị ở lục địa châu Âu". (Hết bài báo.)

NB

VỖ  
"X"  
("CẤP-PA")

GI. A. HỚP-XƠN. "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"  
"Chủ nghĩa đế quốc". Khảo cứu của Gi. A. Hốp -  
xơn (Luân-đôn, 1902)<sup>37</sup>.

tr. 4. Sự di thực thực sự chính là ở chỗ những người dân chính quốc di cư đến sống ở một nước vắng vẻ và có ít dân cư và đem theo văn hóa của mình tới đó, còn việc chinh phục các dân tộc khác là sự vi phạm những phạm vi của chủ nghĩa dân tộc chân chính ("debasement of this genuine nationalism") ("spurious colonialism"), đó là biểu hiện thuộc loại đế quốc chủ nghĩa. Ca-na-đa và các hòn đảo tự trị của châu Úc là điển hình về đất thực dân thực sự.

tr. 6. "Nếu xét về mặt chính trị, thì cái mới trong chủ nghĩa đế quốc hiện đại chủ yếu là ở chỗ nó được một vài dân tộc chấp nhận. Quan niệm về một loạt những đế quốc đối địch thực ra là một quan niệm hiện đại".

tr. 9. "Chủ nghĩa dân tộc là một con đường rộng dẫn thẳng tới chủ nghĩa quốc tế, và nếu có biểu hiện một xu hướng định đi trệch con đường đó, thì chúng ta có quyền coi đó là sự xuyên tạc bản chất của nó cũng như nhiệm vụ của nó. Chủ nghĩa đế quốc chính là một sự xuyên tạc như thế: dưới chủ nghĩa đế quốc, các dân tộc, trong khi vượt khỏi ranh giới của sự đồng hóa không đau đớn, thì đồng thời biến cuộc thi đua có tính chất kích thích và lành mạnh giữa

NB

!!

nhiều loại dân tộc khác nhau thành cuộc đấu tranh ăn cướp giữa các đế quốc đối địch".

tr. 17 - 18. Hạt nhân của đế quốc Anh là một dân cư gồm 40 triệu người sống trên một lãnh thổ rộng 120 nghìn dặm vuông. Chỉ tính riêng một thế hệ gần đây, đế quốc Anh đã có thêm 4 754 000 dặm vuông và 88 triệu dân.

tr. 19. Các thuộc địa của Anh và các nước phụ thuộc năm 1900 = 13 142 708 dặm vuông với số dân là 366 793 919 (\*).

**NB: Hốp-xơn tính cả "đất bảo hộ" (Ai-cập, Xu-đăng v. v.), còn Mô-ri-xơ thì k h ô n g tính!!**

(\*) Ở đây, Hốp-xơn trích dẫn Mô-ri-xơ, II, 87 và R. Ghíp-phen: "Sự phát triển của các bộ phận cấu thành của Đế quốc chúng ta, có so sánh", báo cáo đã được trình bày tại Viện thuộc địa, tháng Giêng 1898.

(Sau đó "The Statesman's Year-Book" năm 1900.)

tr. 20. Từ 1884 đến 1900 đã có 3 711 957 dặm vuông (tính cả Xu-đăng, v. v.) với số dân là 57 436 000 bị sáp nhập vào đế quốc Anh<sup>1)</sup>.

tr. 21 - 22. Ở Đức, những xuất bản phẩm khẳng định là Đức cần phải có thuộc địa đã xuất hiện vào những năm 70. Sự giúp đỡ chính thức đầu tiên cho "Công ty thương mại và trồng trọt Đức ở những vùng biển phía Nam" là vào năm 1880. "Mối quan hệ giữa Đức với Xa-moa" cũng nảy sinh ra vào thời kỳ ấy, nhưng chính sách đế quốc chủ nghĩa thật sự của Đức thì chỉ bắt đầu từ năm 1884,

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 474.

năm mà các xứ bảo hộ ở châu Phi xuất hiện và các đảo ở châu Đại-dương bị sáp nhập. Trong 15 năm sau đó, 1 000 000 dặm vuông với số dân là 14 000 000 đã trở thành thuộc địa của Đức. Đại bộ phận những lãnh thổ đó là ở vùng nhiệt đới, chỉ có vài nghìn người da trắng thôi.

Ngay từ đầu những năm 80, tinh thần thực dân cũ lại sống lại ở Pháp. Nhà kinh tế học có uy tín nhất đã từng truyền bá cái tinh thần ấy là Lơ-roa - Bô-li-ơ. Năm 1880, những thuộc địa ở Xê-nê-gan và Xa-kha-ra đã được mở rộng, vài năm sau, Tuy-ni-di bị sáp nhập, năm 1884 Pháp tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giành châu Phi, đồng thời củng cố sự thống trị của mình ở Bắc-kỳ và Lào tại châu Á. Từ năm 1880, Pháp đã chiếm được  $3\frac{1}{2}$  triệu dặm vuông với số dân là 37 000 000 người, hầu hết là những nước vùng nhiệt đới và á nhiệt đới do những chủng tộc kém coi cư trú và không thể dùng làm đất cho Pháp di dân đến được.

Năm 1880 Ý thất bại trong cuộc viễn chinh đánh A-bit-xi-ni và tham vọng đế quốc chủ nghĩa của Ý cũng thất bại. Những đất thuộc Ý ở Đông Phi thì chỉ có Ê-ri-tơ-rê và đất bảo hộ Xô-ma-li.

Hiệp ước về châu Phi năm 1884 - 6 đã trao cho Bô-đào-nha vùng Ăng-gô-la rộng lớn và vùng duyên hải Công-gô, rồi đến năm 1891 một phần lớn của Đông Phi đã thuộc quyền kiểm soát chính trị của nước này.

Năm 1883, quốc gia Công-gô tự do đã trở thành sở hữu của vua Bỉ và từ đó đã mở rộng thêm ra rất nhiều; nó phải được coi là phần đất mà Bỉ đã giành được trong cuộc đấu tranh giành châu Phi.

*Tây-ban-nha* bị loại ra khỏi vũ đài đấu tranh giành thế giới.

*Hà-lan* không tham gia cuộc đấu tranh hiện tại của chủ nghĩa đế quốc; những vùng đất lớn thuộc nước này ở Đông và Tây Ấn-độ là những đất chiếm được từ lâu rồi.

*Nga*, nước duy nhất có chính sách đế quốc chủ nghĩa trong số các nước miền Bắc, thì chủ yếu cố gắng xâm chiếm châu Á, và tuy rằng việc xâm chiếm thuộc địa của nó là có tính chất tự nhiên hơn và được tiến hành bằng cách mở rộng biên giới quốc gia, nhưng chẳng bao lâu nữa Nga sẽ đụng độ với các cường quốc khác trong vấn đề phân chia châu Á.

tr. 23. Tổng cộng lại, tất cả các quốc gia châu Âu + Thổ-nhĩ-kỳ + Trung-quốc + Hợp chúng quốc Mỹ bao trùm một diện tích là 15 813 201 dặm vuông với số dân là 850 103 317 người mà có 136 thuộc địa với diện tích 22 273 858 dặm vuông và 521 108 791 dân (hoàn toàn lấy của Mô-ri-xơ, II. 318, Hốp-xơn cũng viện dẫn tác giả này).

tr. 26 - 27. "Sự bành trướng của các cường quốc chủ yếu ở châu Âu tính từ năm 1884"<sup>1)</sup>:

Anh (xem tr. 20).	3 711 957 dặm vuông	57 436 000
Pháp	3 583 580 " "	36 553 000 (dân)
Đức	1 026 220 " "	16 687 100 "

**Nga (?) 114 320 dặm vuông (?) 3 300 000 (dân)**  
**(đó là Khi-va + Bu-kha-ra) (đó là = Khi-va + Bu-kha-ra)**  
**Nga ((Khi-va (1873), Bu-kha-ra (1873<sup>2)</sup>), Quan-đông (1898),**  
**Mãn-châu-lý (1900)))**

**Tuy ở trong đầu đề thì viết là "từ 1884", nhưng Hốp-xơn nhập cục cả Khi-va lẫn Bu-kha-ra vào đó**

Bỉ (Công-gô)	900 000	30 000 000
Bô-đào-nha (Ăng-gô-la), 1886; Đông Phi, 1891, v. v.)	800 760	9 111 757

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 475.

<sup>2)</sup> Của Hốp-xơn là như vậy. Đúng ra là năm 1868.

**NB NB: (Hộp-xơn thêm, tr. 28 - 9,2 bản đồ châu Phi, hồi 1873 và 1902, minh họa rõ quá trình phát triển của sự phân chia châu Phi).**

**tr. 34: Tỷ lệ phần trăm so với tổng giá trị:**

Nhập vào Anh từ		Xuất từ Anh sang			tr. 37 Tỷ lệ phần trăm		
Trung bình hàng năm	Các nước ngoài	Các thuộc địa của Anh	Các nước ngoài	Các thuộc địa của Anh	Trung bình trong từng bốn năm một	Của xuất khẩu từ Anh sang các thuộc địa etc.	Của nhập khẩu từ các thuộc địa etc. vào Anh
					1856 - 59	46.5	57.1
1855 - 59	76.5	23.5	68.5	31.5	60 - 63	41.0	65.4
60 - 64	71.2		66.6		64 - 67	38.9	57.6
65 - 69	76.0		72.4		68 - 71	39.8	53.5
70 - 74	78.0		74.4		72 - 75	43.6	54.0
75 - 79	77.9		66.9		76 - 79	41.7	50.3
80 - 84	76.5		65.5		80 - 83	42.8	48.1
85 - 89	77.1		65.0		84 - 87	38.5	43.0
90 - 94	77.1		67.6		88 - 91	36.3	39.7
95 - 99	78.6		66.0		92 - 95	32.4	36.6
					96 - 99	32.5	34.9

**tr. 38. Năm 1901, tính đến tháng Chạp:**

(triệu 1. xt.)	Nhập từ %	Xuất sang %
Các nước ngoài	417.615 = 80	178.450 = 63.5
Ấn-độ thuộc Anh	38.001 = 7	39.753 = 14
Châu Úc	34.682 = 7	26.932 = 9.5
Ca-na-đa	19.775 = 4	7.797 = 3
Nam Phi thuộc Anh	5.155 = 1	17.006 = 6
Các đất khác thuộc Anh	7.082 = 1	10.561 = 4
	522.310 = 100	280.499 = 100

**tr. 39. Thương mại của các nước trong đế quốc với nước Anh (tính theo nghìn):**

	Trung bình hàng năm	Tổng số nhập khẩu (l. xt.)	Nhập khẩu từ Anh	% nhập khẩu của Anh	Tổng số xuất khẩu (l. xt.)	Xuất khẩu sang Anh (l. xt.)	% xuất khẩu sang Anh
1867-71	Ấn-độ Thuộc địa	45 818	31 707	69.2	56 532	29 738	52.6
	tự trị	42 612	24 502	57.5	42 386	23 476	55.4
	Các thuộc địa khác	23 161	7 955	34.3	23 051	10 698	46.4
1892-96	Ấn-độ Thuộc địa	52 577	37 811	71.9	68 250	22 656	33.2
	tự trị	74 572	44 133	59.2	83 528	58 714	70.3
	Các thuộc địa khác	39 835	10 443	26.2	36 626	10 987	29.3

Lấy tài liệu của giáo sư Phlác-xơ: "Ngọn cờ và thương mại", "Journal of the Royal Statistical Society", tháng Chín 1899, tập LXII, tr. 496 - 498.

tr. 48. "Tất cả những dân di trú gốc người Anh chỉ là một phần nhỏ của dân cư; trong những năm gần đây của sự bành trướng đế quốc chủ nghĩa, cái phần này đã giảm đi một cách rõ rệt. Tại các đất thuộc Anh, chỉ có một số ít dân di trú, còn ở các nước mới chiếm được trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc mới thì số dân di trú ấy chiếm một tỷ lệ phần trăm hết sức thấp"...

từ năm 1884, con số dân di cư giảm đi<sup>1)</sup>:  
1884... 242 179 (trong số đó, sang Mỹ là 155 280)

lại còn phải trừ bớt dân nhập cư nữa!!

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 512.

**1900... 168 825 (trong số đó, sang Mỹ là 102 797)  
(tr. 49)) (tác giả cung cấp những con số hàng năm  
và tỉ mỉ hơn).**

tr. 58. (Theo sự tính toán của ông Mơn-hôn) quy mô và mức tăng đầu tư của Anh ra nước ngoài và vào các thuộc địa từ năm 1862 là:

Năm	Số tiền 1. xt.	Mức tăng hàng năm tính theo % %	(tỷ phrăng)		
			Anh	Pháp	Đức
1862	144 000 000	...	3,6	—	—
1872	600 000 000	45,6	15	10 (1869)	—
1882	875 000 000	27,5	22	(1880) 15	?
1893	1 698 000 000	74,8	42	(1890) 20	
				27 (1902)	12,5 (1902)
				40 (1910)	35 (1910)
<b>1914</b>	<b>4 000 000 000</b>		<b>(75 — 100 (1914))</b>	<b>60 (1914)</b>	<b>44 (1914)<sup>1)</sup></b>

tr. 59. "Năm 1893, tư bản của Anh đầu tư ở nước ngoài đã lên khoảng 15% tổng số của cải của Vương quốc liên hợp Anh. Gần một nửa số tư bản này (770 triệu 1. xt.) được đầu tư dưới hình thức cho các chính phủ nước ngoài cũng như cho thuộc địa vay; đại bộ phận của số còn lại được đầu tư vào đường sắt, ngân hàng, bưu điện và các công trình công ích khác của các chính phủ, hoặc được đặt dưới quyền kiểm soát hay ảnh hưởng mạnh mẽ của những chính phủ đó, còn lại bao nhiêu thì phần lớn nhất được đầu tư vào đất đai và hầm mỏ hoặc vào công nghiệp có liên quan trực tiếp với ruộng đất<sup>2)</sup>. (\*)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 457 - 458.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 504.

Theo sự tính toán của ngài R. Ghíp-phen, thì phải coi con số 1 698 000 000 là thấp hơn sự thật.

(\*) tr. 59. **Đầu tư: cho nước ngoài vay — 525 triệu 1. xt., cho thuộc địa vay — 225, cho địa phương vay — 20, tổng số tiền cho vay = 770 triệu 1. xt.. Đường sắt: Hợp chúng quốc Mỹ — 120 triệu 1. xt.; thuộc địa — 140 và linh tinh — 128; tổng cộng đầu tư vào đường sắt — 388 triệu 1. xt.. Còn thì: ngân hàng = 50 triệu 1. xt.; đất đai = 100 triệu 1. xt.; hầm mỏ etc. = 390 triệu 1. xt.**

Σ = 770	}	1 698
388		
540		

tr. 60. "Không có gì quá đáng nếu ta nói rằng chính sách đối ngoại ngày nay của Anh trước hết là *đấu tranh giành những thị trường đầu tư có lợi*".

tr. 62 - 63. "Nhiều món nợ, nếu không phải phần lớn những món nợ ấy, đều là những món nợ "công cộng", còn tín dụng thì hầu như bao giờ cũng là của tư nhân...

Chủ nghĩa đế quốc xâm lược, một thứ chủ nghĩa rất đắt đối với người nộp thuế, và không có ý nghĩa lắm đối với nhà công nghiệp và thương nhân, ... là nguồn lợi nhuận kếch xù cho nhà tư bản đang tìm chỗ đầu tư tư bản của mình...

Ngài R. Ghíp-phen<sup>1)</sup> đã ước tính rằng tổng thu nhập hàng năm mà Anh thu được bằng con đường ngoại thương và thương mại với thuộc địa, bằng xuất nhập khẩu, là 18 triệu li-vơ 18 triệu xtéc-linh trong năm 1899, nếu tính 2<sup>1</sup>/<sub>2</sub>% của một

tổng doanh số là 800 triệu li-vơ xtéc-ling". Cho dù số tiền này có lớn đến mấy đi chăng nữa thì nó cũng không nói lên được đầy đủ tính chất xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Anh. Cái giải thích được tính chất đó là số tiền "90 hay 100 triệu li-vơ xtéc-ling, thu nhập ròng của tư bản đã được đầu tư"<sup>1)</sup>.

versus

90 triệu

1) "Journal of the Royal Statistical Society", t. LXII, tr. 9.

Những người đầu tư quan tâm đến việc làm giảm bớt những sự bất trắc dính liền với những điều kiện chính trị của những nước mà họ đầu tư tư bản của mình vào. "Các loại nhà tư bản đầu tư và nói chung là đầu cơ, cũng đều muốn rằng nước Anh sẽ chiếm lấy các lãnh thổ nước ngoài khác, đặt chúng dưới ngọn cờ của mình, nhằm bảo đảm có những khu vực mới để đầu tư tư bản một cách có lợi và đầu cơ".

NB

tr. 63. "Nếu những lợi ích riêng của những người đầu tư có thể va chạm với những lợi ích xã hội và dẫn tới một chính sách tai hại thì NHỮNG LỢI ÍCH ĐẶC THÙ CỦA NHÀ TÀI CHÍNH, NHÂN VẬT HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG VIỆC ĐẦU TƯ, lại là một nguy cơ còn lớn hơn. Đúng về cả mặt kinh tế lẫn mặt chính trị mà nói thì đa số những người đầu tư nhỏ sẽ chỉ là công cụ trong tay các hãng tài chính lớn, là những hãng ít sử dụng chứng khoán có giá và cổ phiếu

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 505.

NB làm những món đầu tư mang lại lợi tức, hơn là sử dụng làm món để đầu cơ trên thị trường tiền tệ".

tr. 68. "Những lực lượng kinh tế cụ thể hoạt động có lợi cho chủ nghĩa đế quốc là: một nhóm rất lớn nhưng ít gắn bó với nhau gồm các nhân vật hoạt động trong thương nghiệp và công nghiệp và trong các nghề khác nhau, tìm kiếm các công việc kinh doanh có lợi và các chức vụ được hưởng thù lao cao do chỗ những cơ quan dân sự và quân sự phình ra, do có những chi phí cho các chiến dịch quân sự, do việc khai thác những lãnh thổ mới và do việc buôn bán với những lãnh thổ này, do việc huy động các tư bản mới mà các hoạt động đó đòi hỏi — và tất cả bọn họ đều coi cái thực lực của nhà tài chính chung của tất cả bọn họ là lực lượng lãnh đạo và chỉ đạo trung tâm của họ". ("Tư bản tài chính".)

tr. 72. Nước Anh thấy Pháp và Đức đóng cửa những thị trường mà họ đã chiếm được đối với mình, liền cũng đóng cửa thị trường của mình đối với Pháp và Đức. "Khi chủ nghĩa đế quốc hất bỏ cái "nhóm cũ" gồm các nhà chính trị được giáo dục lúc còn trẻ bằng học thuyết tự do thương mại, thì chủ nghĩa đế quốc sẽ công khai dùng chính sách thuế quan bảo hộ, một thứ chính sách cần thiết để làm hoàn chỉnh chính sách đế quốc chủ nghĩa" (72 - 73)...

tr. 78. Chủ công xưởng và nhà buôn hài lòng với việc buôn bán với các nước khác, nhưng những kẻ đầu tư tư bản thì lại hết sức mong muốn "thôn tính, về mặt chính trị, các nước mà ở đó có những khoản đầu tư có tính chất đầu cơ nhất của họ".

Việc đầu tư tư bản là có lợi cho đất nước, vì nó mở ra cho đất nước những thị trường mới để buôn bán và tìm ra "công việc cho giới kinh doanh Anh". Từ chối

"sự bành trướng của đế quốc" có nghĩa là trao thế giới cho các dân tộc khác. "Như thế nghĩa là chủ nghĩa đế quốc không phải là con đường mà người ta có thể tự do lựa chọn mà là một tất yếu" (= lập luận của bọn đế quốc)...

tr. 80 - 81 (các tơ-rốt). Tự do cạnh tranh bao giờ cũng đi đôi với "sản xuất thừa", sản xuất thừa đã làm cho giá hạ xuống tới mức những kẻ cạnh tranh yếu hơn đều bị loại khỏi vũ đài cạnh tranh. Bước đầu của việc thành lập tơ-rốt là việc đóng cửa các công xưởng trang bị tồi nhất và ở vào vị trí kém nhất, việc giảm bớt chi phí sản xuất bằng cách chỉ dùng những máy móc nào hoàn thiện nhất.

"Sự tập trung của công nghiệp thành "các tơ-rốt" vừa định giới hạn cho số tư bản có thể được sử dụng một cách có hiệu quả, vừa tăng thêm phần thu nhập sẽ được tích lũy lại và sẽ là những tư bản mới". Tơ-rốt ra đời như một thứ thuốc giải độc cho nạn sản xuất thừa, cho việc đầu tư quá đáng vào một ngành sản xuất nào đó; vì vậy, toàn bộ tư bản mà những người tham gia tơ-rốt muốn ném vào lưu thông, cũng không thể đầu tư được hết trong phạm vi của tơ-rốt. Các tơ-rốt cố gắng dùng số tư bản còn dư ra vào "việc thành lập các tổ chức tương tự ở các ngành công nghiệp khác để tiết kiệm tư bản được nhiều hơn nữa và làm cho những người gửi tiền bình thường ngày càng khó tìm chỗ đầu tư tiền dành dụm của mình".

tr. 82 - 4. Thị trường trong nước của Mỹ đã bão hòa rồi, tư bản không còn nơi đầu tư nữa.

"Chính cái nhu cầu đột ngột phải có thị trường nước ngoài đó cho các sản phẩm công nghiệp và cho việc đầu tư là nguyên nhân rõ ràng làm cho *chủ nghĩa đế quốc* được đảng cộng hòa — một đảng mà các trùm sỏ công nghiệp và tài chính là thuộc về nó và đồng thời cũng là đảng của họ, — *thừa nhận* là một nguyên tắc chính trị và thực tiễn chính trị. Nhiệt

NB

||| tình phiêu lưu của tổng thống Ru-dơ-ven và của cái đảng có "thiên chức rõ ràng" và "sứ mệnh khai hóa" của ông ta không thể làm chúng ta lầm lẫn được. *Chủ nghĩa đế quốc là cần thiết cho các ngài Rốc-cơ-phen-lơ, Piéc-pôn Moóc-gan, Han-na, Svốp và bầu bạn của họ, và họ chính là những người đặt nó lên vai của nước cộng hòa vĩ đại phương Tây. Họ cần chủ nghĩa đế quốc vì họ muốn lợi dụng những tài nguyên quốc gia của nước họ để tìm những lĩnh vực đầu tư có lợi, nếu không thì sẽ thừa tư bản.*

Tất nhiên không cần phải chiếm một nước mới có thể buôn bán với nước ấy hoặc là mới đầu tư tư bản của mình vào đó được, và rõ ràng là Mỹ có thể tìm được một thị trường tiêu thụ nào đó cho những hàng hóa và tư bản thừa của mình ở các nước châu Âu. Nhưng trong đa số trường hợp, các nước này đã có thể tự cung ứng cho mình: phần lớn họ đã định ra những thuế biểu để chống lại việc nhập khẩu sản phẩm công nghiệp, và thậm chí nước Anh cũng buộc phải quay lại với chính sách thuế quan bảo hộ để tự vệ. Các nhà công nghiệp và tài chính lớn của Mỹ sẽ phải dòm ngó sang Trung-quốc, Thái-bình-dương và Nam Mỹ để tìm những khả năng có lợi nhất. Là những người tin tưởng vào chính sách thuế quan bảo hộ và trên thực tế đã thi hành chính sách đó, họ sẽ tìm cách xác lập độc quyền của họ một cách đầy đủ nhất đối với những thị trường tiêu thụ ấy, và sự cạnh tranh của Đức, Anh và các nước buôn bán khác sẽ thúc đẩy họ thiết lập các quan hệ chính trị đặc biệt với những thị trường có giá trị nhất đối với họ. Cu-ba, Phi-líp-pin, Ha-oai chỉ là "món khai vị" nhằm kích thích dịch vụ để ngồi vào mâm cỗ sang trọng hơn. Thêm nữa, ảnh hưởng to lớn của các trùm công nghiệp và tài chính đối với chính trị cũng là một sự kích



thích đặc biệt, có tác động ở nước Anh và khắp nơi như chúng tôi đã nói. Những chi phí mà nhà nước bỏ ra để thực hiện các biện pháp đế quốc chủ nghĩa còn là một nguồn lợi nhuận khổng lồ nữa cho những người nào đóng vai những nhà tài chính cho vay, những người đóng tàu và chủ tàu thủy được trợ cấp, những người cung cấp và chủ nhà máy sản xuất các vũ khí và các thiết bị khác cho chủ nghĩa đế quốc".

NB

tr. 86. Cách sản xuất hoàn thiện hơn càng được áp dụng, sở hữu và kiểm tra càng tập trung thì các nhà tư bản càng gặp nhiều khó khăn trong việc "sử dụng sao cho có lợi các tài nguyên kinh tế của mình, và họ càng mài mê tìm cách lợi dụng chính phủ của họ để kiếm lấy cho mình một nước lạc hậu xa xôi nào đó bằng cách sáp nhập hay bảo hộ để sử dụng riêng".

NB

Thoạt nhìn, cứ tưởng là lực lượng sản xuất và tư bản đã vượt quá tiêu dùng và không thể tìm được nơi ứng dụng ở ngay trong nước mình nữa. Đó chính là cội rễ của chủ nghĩa đế quốc. Nhưng... "nếu như những người tiêu dùng của nước ấy nâng mức tiêu dùng của mình lên cho phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thì lúc đó không thể có hiện tượng dư thừa hàng hóa hoặc tư bản, cái sự dư thừa nói lên rằng cần phải nhờ đến chủ nghĩa đế quốc để tìm được thị trường".

ha ha!!  
thực chất  
của sự phê  
phán tiêu  
tư sản đối  
với chủ  
nghĩa đế  
quốc

tr. 89. "Quy mô sản lượng không ngừng tăng lên nhờ sự phát triển của các máy móc hiện đại". Của cải có thể do nhân dân và một nhóm người giàu có tiêu dùng. Chính mức lương là cái xác định giới hạn tiêu dùng của dân chúng. Khối lượng tiêu dùng cá nhân của những người giàu có không thể chiếm hết một số lượng lớn lắm về sản phẩm, vì số người giàu không nhiều lắm. "Những người giàu không

bao giờ mình mẫn đến mức chi tiêu sao cho đủ ngăn ngừa được nạn sản xuất thừa". Phần chủ yếu của sản xuất là để "tích lũy". Dòng thác cuốn trôi cái phần sản phẩm to lớn ấy "bỗng nhiên hóa ra là không những không có khả năng tiếp tục mở rộng, mà còn rõ ràng là bắt đầu bị kẹt lại".

tr. 91. "Như vậy, chúng ta đi tới kết luận cho rằng chủ nghĩa đế quốc là ý muốn của các ông chủ lớn trong công nghiệp nhằm mở rộng lòng sông cho dòng nước của cái thặng dư của mình, bằng cách tìm kiếm các thị trường nước ngoài và chỗ đầu tư ở nước ngoài để tiêu thụ các hàng hóa và tư bản mà họ không thể bán và sử dụng ở nước mình.

tính tất yếu  
của chủ  
nghĩa đế  
quốc

xem  
C. Cau-xky

Hiện nay người ta đã thấy rõ sai lầm của giả thuyết về tính tất yếu của sự bành trướng đế quốc chủ nghĩa, coi đó là lối thoát cần thiết cho nền công nghiệp đang phát triển. Không phải sự phát triển của công nghiệp đòi hỏi mở ra những thị trường mới và những lĩnh vực mới để đầu tư, mà chính là SỰ PHÂN BỐ KHÔNG HỢP LÝ của khả năng tiêu dùng, nó cản trở việc tiêu thụ hết sản phẩm và tư bản ở trong nước".

xem  
C. Cau-xky

tr. 94. "Không cần mở ra những thị trường nước ngoài mới: các thị trường trong nước có khả năng mở rộng ra vô cùng tận".

tr. 96. "Như vậy, chủ nghĩa công liên và chủ nghĩa xã hội là những kẻ thù tự nhiên của chủ nghĩa đế quốc, vì chúng tước bỏ của các giai cấp "đế quốc chủ nghĩa" những thu nhập thừa, tức là những nhân tố kích thích chủ nghĩa đế quốc về mặt kinh tế".

tr. 100. "Như chúng ta đã thấy, chủ nghĩa đế quốc có nghĩa là việc sử dụng bộ máy chính phủ để phục vụ cho những lợi ích riêng, chủ yếu là lợi ích tư bản chủ nghĩa nhằm bảo đảm cho họ có những đặc lợi về kinh tế ở ngoài ranh giới của nước họ".

"Giá trị trung bình hàng năm của *ngoại thương* của nước ta là 636 000 000 li-vơ xtéc-ling trong những năm 1870 - 75, đến năm 1895 - 98 đã tăng lên tới 737 000 000. Chi phí của nhà nước trong cùng thời gian đó tính trung bình tăng từ 63 160 000 li-vơ xtéc-ling lên đến 94 450 000. Chi phí tăng nhanh hơn so với toàn bộ *thu nhập quốc dân*. Theo sự ước tính phỏng chừng của các nhà thống kê thì cũng trong thời gian ấy, thu nhập quốc dân đã từ 1 200 000 000 tăng lên thành 1 700 000 000 li-vơ xtéc-ling".

tr. 101 - 2. "Việc tăng chi phí cho quân đội và hạm đội như vậy từ 25 đến 60 triệu li-vơ xtéc-ling trong vòng hơn *một phần tư* thế kỷ một chút là sự kiện đáng chú ý nhất của tài chính đế quốc chủ nghĩa. Các nhóm tài chính, công nghiệp và thực nghiệp là hạt nhân kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, như chúng tôi đã nói; chúng đã dùng thực lực chính trị của chúng để cướp số tiền đó của dân chúng nhằm đầu tư có lợi hơn và mở ra những phạm vi mới để sử dụng tư bản, và nhằm tìm ra những thị trường béo bở để tiêu thụ hàng hóa dư thừa của mình. Đồng thời, nhờ những chi phí của nhà nước bỏ vào những mục đích ấy, họ kiếm được *những món lời kếch xù khác cho bản thân* bằng *các hợp đồng đặt mua* có lợi và bằng những *chức vị* được trọng vọng hoặc có thu nhập cao".

tr. 103. "Những kẻ điều khiển *chính sách rõ ràng mang tính ăn bám* đó, là những nhà tư bản; nhưng cũng chính những động cơ ấy đã ảnh hưởng đến cả NHỮNG TẦNG LỚP ĐẶC BIỆT TRONG CÔNG NHÂN. Tại nhiều thành phố, các ngành công nghiệp quan

trọng nhất đều lệ thuộc vào những đơn đặt hàng của chính phủ; chủ nghĩa đế quốc ở các trung tâm công nghiệp luyện kim và đóng tàu thủy cũng phụ thuộc vào những khoản đặt hàng đó trên một mức độ không ít<sup>1)</sup>.

tr. 114. "Ở những nước đã hoặc mới bước lên con đường chủ nghĩa đế quốc, với cùng sự liên kết chằng chịt như vậy của *những lợi ích kinh tế núp đằng sau tấm mặt nạ chủ nghĩa yêu nước, văn minh v. v.* thì chính sách thuế quan bảo hộ là một chính sách tài chính truyền thống, chỉ còn có việc mở rộng những khuôn khổ của nó và hướng nó xuôi vào con đường cần thiết là được".

tr. 115. "Cả hai nước (\*) sẽ ngày càng chịu ảnh hưởng của giai cấp những người *cho vay tiền* và tự nhận mình là những người đế quốc chủ nghĩa và những người yêu nước".

tr. 120. "Trong số 367 triệu thần dân của nhà vua !! Anh sống ở ngoài những hòn đảo của nước Anh thì có không quá mười triệu người, hay nói một cách khác là chỉ có vền vện <sup>1/37</sup> số người ấy được hưởng *một quyền tự trị thực sự* nào đó về mặt luật pháp và hành chính".

tr. 121. "Một số thuộc địa lâu đời nhất của nhà vua nước ta được cai trị theo *nguyên tắc đại nghị*. Trong khi quyền hành chính là hoàn toàn nằm trong tay viên thống đốc do nhà vua chỉ định, và được một hội đồng do hãn chỉ định, giúp việc, thì dân thuộc địa lại bầu có <sup>một phần</sup> Quốc hội lập pháp...

Ở những thuộc địa này, bộ phận những đại biểu được bầu ra thì rất khác nhau về mặt số lượng và ảnh

NB || (\*) là Anh và Mỹ. ||

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 507.

hưởng, song ở đâu cũng vậy, về mặt số lượng, bộ phận này không được trội hơn bộ phận được chỉ định. Bởi vậy, nói cho đúng ra, bộ phận đó chỉ là bộ phận có tính chất tư vấn, chứ không phải bộ phận có quyền lập pháp thật sự. Chẳng những là số thành viên được bầu ra luôn luôn ít hơn số thành viên được chỉ định, mà trong mọi trường hợp, bộ thuộc địa còn có quyền phủ quyết tuyệt đối đối với những biện pháp đã được hội nghị thông qua. Cần phải nói thêm rằng hầu như bao giờ cũng vậy, quyền bầu cử là gắn liền với tư cách tài sản tương đối cao, cái thứ tư cách gây trở ngại cho dân da màu thực hiện quyền bầu cử phù hợp với nhân số và tác dụng của họ ở trong nước".

tr. 131. "Nói tóm lại, chủ nghĩa đế quốc mới đã mở rộng lãnh thổ dưới quyền thống trị của chế độ chuyên chế ở Anh, đã vượt xa sự tăng lên của dân số và của những quyền tự do thật sự mà một vài thuộc địa dân chủ của chúng ta đã giành được.

Nó không góp phần vào việc phổ biến nền tự do của nước Anh và những phương pháp cai trị của chúng ta. Nói chung, vì chúng ta cai trị các nước và các dân tộc mà chúng ta đã thôn tính, cho nên chúng ta cai trị họ bằng những phương pháp rõ ràng là chuyên chế, những phương pháp mà phần lớn là do Đạo-ninh Xơ-rít quyết định, một phần khác là do các trung tâm cai quản thuộc địa quyết định trong những trường hợp các thuộc địa tự trị được phép đi xâm chiếm".

tr. 133. "Nền hòa bình của Anh, bao giờ cũng là một sự dối trá trắng trợn, trong những năm gần đây đã trở thành đỉnh cao của sự giả dối khủng khiếp. Ở biên giới của chúng ta ở Ấn-độ, ở Tây Phi, Xu-đăng, U-gan-đa, Rô-đê-di-a, chiến tranh hầu như không chấm dứt".

tr. 134. "Sự phân tích kinh tế của chúng ta đã vạch ra một điều là chỉ có lợi ích của các nhóm người kinh doanh cạnh tranh với nhau như: người đầu tư, người cung cấp, các nhà công nghiệp làm việc cho xuất khẩu, và những nhóm thực nghiệp nào đó, một là những lợi ích đối địch lẫn nhau mà thôi; những nhóm đó tiếm đoạt quyền lực và tiếng nói của nhân dân, sử dụng tiền của nhân dân để giải quyết việc riêng tư, phung phí xương máu và tiền bạc của nhân dân trong cái trò chơi chiến tranh khổng lồ và tàn phá đó, bằng cách bịa ra những mâu thuẫn đối kháng giữa các dân tộc là cái chẳng hề có một chút cơ sở nào trong thực tiễn cả".

tr. 135 - 136. "Nếu chúng ta muốn giữ lại tất cả những cái mà chúng ta cướp đoạt được từ năm 1870, và ganh đua với các nước công nghiệp trẻ trong việc tiếp tục phân chia lãnh thổ và phạm vi ảnh hưởng ở châu Phi và châu Á thì chúng ta cần phải sẵn sàng chiến đấu. Sự thù địch giữa những đế quốc đối địch, bộc lộ công khai trong thời gian chiến tranh Nam Phi, thì rõ ràng là nảy sinh ra từ cái chính sách đã cho phép chúng ta vượt các đối thủ ấy và còn cố gắng vượt chúng trong việc xâm chiếm đất đai và thị trường tiêu thụ trên toàn thế giới".

tr. 143 - 144. "Việc tổ chức những đội quân bản xứ đồng đảo, được vũ trang bằng súng ống "văn minh", huấn luyện theo những phương pháp "văn minh", dưới quyền chỉ huy của những sĩ quan "văn minh", là một trong những nét tiêu biểu nhất của những giai đoạn phát triển cuối cùng của các đế quốc vĩ đại ở phương Đông rồi sau đó của cả đế quốc La-mã nữa. Đó là một trong những phát minh nguy hiểm nhất mà lối sống ăn bám đã nghĩ ra, nó khiến cho dân chúng chính quốc đã giao phó việc bảo vệ cuộc sống của mình, tài sản của mình vào những bàn tay không đáng tin cậy

của "những bộ lạc đã bị chinh phục" do những tên thống đốc hiếu danh chỉ huy.

Một trong những triệu chứng kỳ lạ nhất của *bệnh mù quáng* của chủ nghĩa đế quốc là sự thần nhiên của *Anh, Pháp và các nước đế quốc chủ nghĩa khác* khi bước vào con đường ấy. Nước Anh thì đi xa hơn tất cả. *Phần lớn những trận đánh mà nhờ đó chúng ta đã chiếm được đế quốc Ấn-độ của chúng ta*, đều do những đội quân của chúng ta gồm *những người bản xứ* tiến hành cả; ở Ấn-độ cũng như gần đây ở *Ai-cập, những đội quân thường trực lớn* đều đặt dưới quyền chỉ huy của người Anh; hầu hết các cuộc chiến tranh của chúng ta nhằm chinh phục châu Phi, *trừ miền Nam châu Phi ra*, đều do những người bản xứ tiến hành cho chúng ta cả<sup>1)</sup>.

*tr. 151.* "Về mặt là nhân tố của nền chính trị thực tế, đảng *tự do ở Đức, Pháp và Ý, hoặc đã biến mất* hoặc đã trở thành bất lực. Hiện nay ở Anh, rõ ràng là đảng đó đã phản bội trắng trợn và thô bạo những nguyên tắc cơ bản của tự do và nó đang tìm kiếm một cách vô ích những cương lĩnh để thay thế những nguyên tắc của nó... Hành động đầu hàng chủ nghĩa đế quốc như thế chứng tỏ là những đảng ấy coi trọng lợi ích kinh tế của những giai cấp hữu sản và đầu cơ, — những giai cấp mà phần lớn lãnh tụ của chúng là thành viên, — hơn sự nghiệp của chủ nghĩa tự do".

*tr. 157.* "Giữa tình trạng suy đồi chung đó của chế độ đại nghị, "hệ thống các đảng" rõ ràng là đang

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 507.

*tan rã* vì nó hình thành từ những bất đồng về các vấn đề chính sách đối nội, những vấn đề <sup>ít</sup> có ý nghĩa so với *những yêu cầu và sức mạnh* của chủ nghĩa đế quốc.

*tr. 158 - 159. "Sự phản ứng* không những chỉ là khả năng, mà là không thể tránh khỏi. Vì cái bộ phận được cai trị theo lối chuyên chế trong đế quốc của chúng ta, cứ mở rộng ra mãi về mặt lãnh thổ, nên ngày càng có nhiều người trở về Anh, họ trước kia là lính, là quan chức ở các thuộc địa của nhà vua, ở các đất bảo hộ và ở đế quốc Ấn-độ, họ được giáo dục theo *những tập quán và phương pháp của một chế độ chuyên chế*; thêm vào đó còn có một lớp đông đảo *những thương gia, chủ đồn điền, kỹ sư và giám thị* là những kẻ ở đó đã hình thành một đẳng cấp cao cấp, sống một cuộc sống giả tạo, thiếu hẳn mọi nguyên tắc lành mạnh và hợp lý của xã hội Âu châu bình thường; tất cả những con người ấy đã mang theo mình *những tập quán, tình cảm và những cách suy nghĩ mà môi trường xa lạ đó đã nhồi nhét cho họ*".

Chương II (162 - 206) — những điều nhằm nhí. **Mang đầu đề là "Việc bảo vệ một cách khoa học chủ nghĩa đế quốc" và được dành để bác bỏ "một cách khoa học" (trên thực tế là một cách tự do chủ nghĩa tầm thường) những "chứng minh một cách khoa học" và "về mặt sinh vật học" Đác-uy-n chủ nghĩa v. v. cho chủ nghĩa đế quốc.**

thế giới  
và  
những  
thuộc  
địa

*tr. 204 - 205. "Nếu giả định là có thể có một chế độ nhà nước kiểu liên bang các dân tộc châu Âu và các thuộc địa của họ, một chế độ nhà nước có khả năng ngăn ngừa những sự xung đột nội bộ giữa chúng, thì cái thế giới toàn những dân tộc theo đạo Cơ-đốc ấy sẽ luôn*

luôn *bị đe dọa bởi "những chủng tộc hạ đẳng"* da đen và da vàng, là những người, trong tay có vũ khí và nắm được chiến thuật quân sự mà những "dân tộc văn minh" để lại, rất có thể đè bẹp cái thế giới ấy bằng những đòn tấn công man rợ, chẳng khác gì các bộ lạc chậm phát triển hơn ở châu Âu và châu Á đã từng đè bẹp đế quốc La-mã".

**2 nguyên nhân làm suy yếu lực lượng của các đế quốc cũ: (1) "tính ăn bám về mặt kinh tế"; (2) việc sử dụng những quân đội người nước ngoài<sup>1)</sup>.**

*tr. 205. "Nguyên nhân thứ nhất là thói quen ăn bám về mặt kinh tế; theo thói quen đó, nhà nước thống trị sử dụng các tỉnh của nó, các thuộc địa của nó và các nước lệ thuộc để làm giàu cho giai cấp đang cầm quyền của mình và mua chuộc những giai cấp bên dưới trong nước mình nhằm làm cho những giai cấp này nằm yên"<sup>2)</sup>.*

NB

*tr. 205 - 206. "Sự kết hợp bất hạnh giữa sự mất trí với tật xấu xưa nay vẫn luôn luôn tạo ra sự sụp đổ của các đế quốc. Liệu nó có thể là niềm bất hạnh cả đối với liên bang các dân tộc châu Âu hay không đây?*

Chắc hẳn nó sẽ là như thế nếu sức mạnh tập thể của các dân tộc này lại vẫn được sử dụng vào cũng *những mục đích ăn bám* ấy và nếu *những chủng tộc* da trắng, *sau khi vứt bỏ lao động* dưới hình thức *nặng nhọc nhất*

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 507.

<sup>2)</sup> Như trên.

**NB** || của nó, SẼ SỐNG NHƯ GIAI CẤP QUÝ TỘC THẾ ||  
 || GIỚI BẰNG CÁCH BÓC LỘT "NHỮNG CHỦNG ||  
**NB** || TỘC HẠ ĐẲNG", đồng thời chuyển giao ngày càng ||  
 || nhiều việc duy trì trật tự ở trên thế giới vào tay ||  
 || những người đại diện cho chính ngay ||  
 || những chủng tộc đó".

tr. 207. "Việc phân tích lịch sử thực tế của chủ nghĩa đế quốc hiện đại (**NB khái niệm**) đã làm sáng tỏ sự kết hợp các lực lượng chính trị và kinh tế đã tạo ra nó. Những lực lượng này bắt nguồn từ những lợi ích ích kỷ của những tầng lớp công nghiệp, tài chính và thực nghiệp nhất định, tức là những tầng lớp lợi dụng chính sách bành trướng đế quốc chủ nghĩa để mưu cầu lợi ích cá nhân và dùng ngay chính sách đó để bảo vệ những đặc quyền kinh tế, chính trị và xã hội của mình chống lại áp lực của chế độ dân chủ".

**bàn về** tr. 210 - 211 (chú thích 2). "Cứ lấy lập luận kỹ  
**vấn đề** cục của giáo sư Ghít-đinh làm ví dụ, ta cũng có thể  
**"tự** thấy sự xuyên tạc các động cơ có thể đưa một  
**quyết"** nhà tư tưởng chính trị giàu kinh nghiệm đi xa đến mức nào. Khi bàn về "sự thỏa thuận của những người bị thống trị", coi đó là điều kiện của sự thống trị, ông ta khẳng định "nếu một dân tộc đã man buộc phải tiếp nhận quyền lực của một quốc gia văn minh hơn, thì điều chứng minh rằng sự cưỡng bức đó là chính đáng hay không chính đáng, hoàn toàn không phải là sự đồng ý chấp nhận, hay sự đề kháng của họ khi thiết lập quyền lực này, mà chỉ là mức độ của khả năng theo đó những kẻ hiểu được mọi việc đã được thực hiện, sẽ đồng ý

một cách tự do và biết điều, sau khi họ hoàn toàn biết được qua kinh nghiệm điều mà chính phủ ấy có thể làm để đưa mức sống của nhân dân dưới quyền mình lên cao hơn" ("Đế quốc và chế độ dân chủ", tr. 265). Hình như giáo sư Ghít-đinh quên mất rằng toàn bộ sức mạnh đạo đức của cái học thuyết kỹ diệu về các sự thỏa thuận có hiệu lực ngược trở về trước, là dựa trên việc phán đoán mức độ của khả năng, theo đó sự đồng ý tự do và biết điều sẽ được phát biểu, quên mất rằng học thuyết của ông ta tuyệt nhiên không hề bảo đảm rằng sự phán đoán đó sẽ là một sự phán đoán có tín nhiệm và vô tư, và trên thực tế NÓ MANG LẠI CHO BẤT KỲ MỘT DÂN TỘC NÀO CÁI QUYỀN ĐƯỢC XÂM CHIẾM VÀ CAI QUẢN LÃNH THỔ CỦA BẤT CỨ một dân tộc NÀO KHÁC trên cơ sở tự xưng là mình có tính ưu việt và có những đức tính để làm cái công việc khai hóa".

tr. 212 - 213 (trả lời những người dùng hoạt động truyền đạo "Cơ-đốc" để bảo vệ chủ nghĩa đế quốc): "Chúng ta làm cách nào để cân bằng được hai tổng số kết quả đó? Đạo Cơ-đốc và nên văn minh cân nặng bao nhiêu? — công nghiệp và thương nghiệp cân nặng bao nhiêu? Đó là những câu hỏi kỳ lạ cần được trả lời".

tr. 214. "Ông ta" (**huân tước Huy Xê-xin trong bài diễn văn của ông ta ngày 4 tháng Năm 1900 ở "Hội tuyên truyền cho Phúc âm" (!!!)**) "cho rằng bằng cách nâng cao tầm quan trọng của sự nghiệp truyền đạo trong nhận thức của chúng ta, chúng ta sẽ thần thánh hóa tinh thần của chủ nghĩa đế quốc đến một mức độ nào đó".

nhà xã  
 hội chủ  
 nghĩa đạo  
 đức<sup>38</sup>

diễn đạt  
 hay!!

lời châu  
 ngọc!

"tư bản  
tài chính"

tr. 224. "Lực lượng kiểm soát và lãnh đạo toàn bộ quá trình, như chúng ta đã thấy, là áp lực của những lý do tài chính và công nghiệp tác động vì những lợi ích vật chất trực tiếp của những nhóm NHỎ, CƯỜNG QUYẾT VÀ ĐƯỢC TỔ CHỨC TỐT ở nước ta".

((( chúng đứng ngoài, nhìn từ xa, và  
kích động như trong thời gian chiến  
tranh Bô-e<sup>39</sup> )))

tr. 227 - 228. "Chủ nghĩa sô-vanh hiếu chiến chỉ là tham vọng không được nâng cao bằng một cố gắng, một sự mạo hiểm hoặc một sự hy sinh cá nhân nào đó của một khán giả thích thú trước những hiểm nguy, đau khổ và chết chóc của anh em mình, những người anh em mà anh ta không biết, nhưng lại khát khao tiêu diệt, trong cơn điên giận mù quáng và bị kích động một cách giả tạo của sự căm thù và ý muốn trả thù. Người theo chủ nghĩa sô-vanh hiếu chiến hoàn toàn bị thu hút bởi sự mạo hiểm và sự phẫn nộ mù quáng trong chiến đấu. Khó khăn và tính đơn điệu mệt mỏi của cuộc hành quân, những thời gian chờ đợi dai dẳng, những thiếu thốn ghê gớm, sự mệt mỏi rã rời trong một chiến dịch kéo dài — tất cả những cái đó chẳng có tác dụng gì đối với trí tưởng tượng của anh ta cả; những yếu tố đề cao chiến tranh, tình đồng đội tuyệt đẹp mà những nỗi nguy hiểm chung đã phát triển, kết quả của tinh thần kỷ luật và của sự hy sinh quên mình, sự tôn trọng con người của kẻ địch, mà anh phải thừa nhận là dũng cảm và dần dần thấy là một con người, một con người giống mình, —

tất cả những yếu tố đó làm mờ nhạt thực tế của chiến tranh đều hoàn toàn xa lạ với tình cảm của người theo chủ nghĩa sô-vanh hiếu chiến. Chính vì lý do ấy mà một số người bạn của hòa bình khẳng định rằng hai nhân tố mạnh mẽ nhất kìm hãm được chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh, là nghĩa vụ quân sự bắt buộc đối với mọi công dân và những kinh nghiệm đã trải qua khi đi xâm lược.

... Hoàn toàn hiển nhiên là DỤC VỌNG BÀNG QUAN CỦA CHỦ NGHĨA SÔ-VANH HIẾU CHIẾN là một nhân tố vô cùng quan trọng của chủ nghĩa đế quốc. Mãn kịch giả tạo về chiến tranh cũng như về toàn bộ chính sách bành trướng đế quốc chủ nghĩa nhằm kích động khoái cảm đó trong quảng đại quần chúng chiếm một vị trí không nhỏ trong nghệ thuật của những nhà tổ chức thực sự ra những chiến công cho chủ nghĩa đế quốc — đó là những nhóm nhỏ gồm những người kinh doanh và những người hoạt động chính trị là những kẻ biết rõ rằng mình muốn gì và làm thế nào đạt được điều mong muốn đó.

Lóa mắt lên vì cái hào quang thật hay giả của lòng dũng cảm chiến đấu và vì kỳ vọng rực rỡ muốn xây dựng các đế quốc, chủ nghĩa sô-vanh hiếu chiến đã trở thành linh hồn của LÒNG YÊU NƯỚC KIỂU ĐẶC BIỆT mà người ta có thể đẩy lên thành sự điên cuồng hoặc là một tội ác bất kỳ nào đó".

tr. 232 - 233. "Dĩ nhiên phạm vi tạo ra sự nguy hiểm là rộng hơn chủ nghĩa đế quốc rất nhiều và bao trùm toàn bộ lĩnh vực những lợi ích vật chất. Nhưng nếu sự phân tích

độc đáo!

sic!

ở các chương trên đây là đúng thì *chủ nghĩa đế quốc là tiền đồn của những lợi ích đó*: đối với các giai cấp tài chính và đầu cơ thì nó có nghĩa là những giai cấp này giải quyết các công việc riêng tư của chúng trên lưng xã hội; đối với các nhà công nghiệp làm việc cho *xuất khẩu* và các nhà buôn thì nó là việc mở rộng bằng bạo lực các thị trường ở nước ngoài và một chính sách thuế quan bảo hộ gắn liền với nó; đối với *tầng lớp quan lại* và các nhóm *thực nghiệp* thì nó là *con đường mở rộng dẫn đến một sự nghiệp đầy danh vọng và lợi lộc*; đối với nhà thờ thì nó là sự củng cố uy tín của nhà thờ và sự thiết lập sự kiểm soát tinh thần của nhà thờ đối với quảng đại quần chúng của các bộ lạc hạ đẳng; đối với *tập đoàn đấu sỏ chính trị* thì nó là phương tiện hữu hiệu duy nhất để *đánh lạc hướng những lực lượng dân chủ* và là triển vọng có một bước đường công danh chính trị rực rỡ trong một hoạt động khoa trương: xây dựng các đế quốc".

"đánh  
lạc  
hướng"

tr. 238. Ngài Kít-đơ, giáo sư Ghít-đinh và những kẻ đế quốc chủ nghĩa "Pha-biêng" (NB) viện cứ rằng sỏ dĩ cần phải có "sự

!! kiểm soát của các dân tộc "văn minh" đối với các dân tộc ở nhiệt đới" là vì nhu cầu *vật chất*. Những tài nguyên thiên nhiên của các nước nhiệt đới "*có một tầm quan trọng sống còn cho sự tồn tại và sự tiến bộ của nền văn minh phương Tây...* Một mặt nhờ sự tăng thêm bình thường của dân số trong miền ôn đới, mặt khác nhờ sự tăng lên của đời sống vật chất, sự phụ thuộc đó của các nước ôn đới vào các nước nhiệt đới cũng phải tăng lên". Cần phải khai phá ngày càng rộng hơn những diện tích của các nước nhiệt đới. Nhưng do những

đặc tính mà khí hậu nóng bức làm cho nảy nở trong những người dân địa phương nên họ không thể tiến bộ được: họ sống rất vô tư, nhu cầu của họ không tăng lên. "Dân bản xứ sẽ không chủ động khai phá các tài nguyên thiên nhiên của miền nhiệt đới" (239).

tr. 239 - 240. "Người ta nói rằng chúng ta không thể *bỏ hoang hóa những đất đai ấy* được; bốn phận của chúng ta là quan tâm sao cho chúng được khai phá vì lợi ích chung. Nhưng những người da trắng không thể "biến" những vùng này "thành đất thực dân" được, và tuy đến sinh sống ở đó họ cũng không thể tự tay mình lao động khai phá các tài nguyên thiên nhiên của nó; *họ chỉ có thể tổ chức* lao động của dân bản xứ và *giám thị* lao động ấy. Bằng cách đó, họ sẽ đay cho dân bản xứ nhiều nghề khác nhau và khơi động trong họ ý muốn tiến lên về mặt vật chất và tinh thần, bằng cách làm cho họ có những "nhu cầu" mới — những nhu cầu làm cơ sở cho nền văn minh ở bất kỳ một xã hội nào".

!!!

tr. 251. "Tóm lại, chừng nào chưa có một hội đồng quốc tế thật sự, có thể buộc một dân tộc văn minh phải giáo dục chủng tộc hạ đẳng thì những tham vọng được "ủy thác" chẳng qua chỉ là *hành vi mạo xưng trở tráo*".

(\*)

(\*) !! ủy thác (các thuộc địa "ủy thác" cho người ta dạy họ, ủy thác "việc" đó cho các chính quốc)!!

tr. 253 - 254. Tơ-rốt các cường quốc chủ yếu ở châu Âu sẽ là sự bóc lột các nước ở ngoài châu Âu. Việc những người Âu thống trị Trung-quốc "đã vạch trần, bằng các sự kiện lịch sử, khá đầy đủ tính vô căn cứ của những lời khẳng định rằng chính sách đối ngoại của thế giới Cơ-đốc giáo hoặc của các dân tộc hợp thành thế giới đó đang được sự quan tâm tới văn minh cổ vũ và quy định... Nếu đối



với các chủng tộc hạ đẳng, có một chính sách quốc tế chung nào đó, thì chính sách đó sẽ xuất phát không phải từ sự ủy thác tinh thần, mà từ "một hợp đồng" thương mại".

**((( Về vấn đề Liên bang châu Âu!!! )))**

tr. 259-260. "Cuộc đấu tranh lớn nhất và nói cho cùng là quan trọng nhất ở Nam Phi là cuộc đấu tranh giữa chính sách của Ba-du-tô-len-đơ và chính sách của Giô-han-ne-xbuc và của Rô-đê-di-a, vì chính trong cuộc đấu tranh này, chúng ta nhìn thấy rõ hơn sự khác nhau giữa *chủ nghĩa đế quốc "lành mạnh"* đang lẫn mình vào sự nghiệp bảo hộ, giáo dục và phát triển "chủng tộc hạ đẳng" với một *chủ nghĩa đế quốc "không lành mạnh"* muốn bắt những chủng tộc này phải chịu cảnh bị bòn thực dân da trắng bóc lột về mặt kinh tế, biến họ thành "công cụ sống", biến đất đai của họ thành những kho chứa quặng hoặc những báu vật có lợi khác".

!! tr. 262. (chú thích). "Ở Dan-di-ba và Pem-ba là những vùng đất bảo hộ của Anh, chế độ nô lệ vẫn còn tồn tại và tòa án của Anh công nhận tình trạng ấy"... Sự giải phóng được tiến hành quá chậm chạp, nhiều người có lợi về tình trạng ấy. "Ở Pem-ba có độ 25 000 nô lệ, nhưng hiện nay mới có gần 5 000 người được giải phóng theo sắc lệnh".

**(((1897 - 1902)))**

**Sắc lệnh của sun-tan về vấn đề giải phóng nô lệ, được ban hành năm 1897, còn những lời nói này thì được tuyên bố ngày 4 tháng Tư 1902 trong cuộc mít-tinh của "Hội đấu tranh chống chế độ nô lệ".**

tr. 264. "Khác với" chủ nghĩa thực dân, lịch sử thực tế của chủ nghĩa đế quốc minh họa rõ ràng xu hướng này"

(xu hướng cưỡng bức người bản xứ phải khai thác đất đai của họ vì lợi ích của chúng ta).

tr. 265. "Ở đa số các nước trên thế giới, thì chỉ có lợi ích và cách hoạt động thương mại thuần túy hoặc rõ ràng mới tạo thành cái hạt nhân để ra chủ nghĩa đế quốc; những điểm dân cư đầu tiên của thương nghiệp đã biến thành các khu công nghiệp mà quanh đó những tô nhượng về đất đai và về những tài nguyên khoáng sản đã phát triển; khu công nghiệp đòi hỏi phải có lực lượng vũ trang để tự bảo vệ, để đảm bảo có được những tô nhượng mới và để đàn áp, trừng trị mọi sự vi phạm các hiệp định và trật tự; những lợi ích khác về chính trị và về tôn giáo bắt đầu có ý nghĩa nhiều hơn và điểm dân cư trước kia của thương nghiệp mang *tính chất quân sự và chính trị rõ hơn*, quyền hành chính thường được chuyển từ tay công ty sang cho nhà nước rồi đất bảo hộ không rõ ràng cũng dần dần mang hình thức thuộc địa".

tr. 270. Người ta dùng bạo lực bắt dân địa phương phải làm việc cho các công ty công nghiệp, điều đó đôi khi trông có vẻ là tổ chức một "đội dân binh" gồm dân bản xứ tựa hồ như để bảo vệ đất nước nhưng thực ra là để làm việc cho các công ty công nghiệp của các nước châu Âu.

tr. 272. Một con thuyền cập bờ, người ta đem những chuỗi hạt, những con lúc lắc ra để làm môi nhử ông chúa. Để lấy các thứ đó, ông này đánh dấu luôn vào một bản "hiệp ước" mà bản thân ông ta không hiểu nội dung một chút nào. Người phiên dịch và anh chàng phiêu lưu qua nước này đã ký hiệp ước, và từ nay trở đi nước này được coi là bạn đồng minh (**thuộc địa**) của cái nước quê hương anh chàng người phương xa tới đó, tức là Pháp hoặc Anh.

tr. 280. Ở nơi nào mà chế độ nô lệ công khai đã được bãi bỏ, thì thuế má là phương tiện để cưỡng bức dân

NB

!!

bản xứ làm việc. "Nhiều khi, những thuế má này được áp dụng sao cho có thể cướp ruộng đất của dân bản xứ, cưỡng bách họ bán sức lao động của họ và thậm chí dồn họ tới con đường khởi nghĩa để rồi sau đó người ta tiến hành những vụ tịch thu đại quy mô".

tr. 293. "Nhưng chùng nào mà những người da trắng là chủ trại hoặc chủ mỏ, mà những lợi ích thương mại chật hẹp của họ đã làm cho họ thành thiên cận, đã có khả năng nhảy xổ — hoặc là tự mình mạo hiểm, hoặc là dùng áp lực đối với chính phủ nước thuộc địa hay là chính phủ đế quốc, — vào những lãnh thổ của "những chủng tộc hạ đẳng" và xâm chiếm đất đai hoặc lao động của họ vì lợi ích cá nhân của mình, thì lúc đó, cái nguyên tắc đầu tiên của chủ nghĩa đế quốc "lành mạnh" sẽ bị vi phạm, và những câu nói về việc đạy "cách lao động cao quý", và về việc chuẩn bị cho các chủng tộc "ấu thơ" trưởng thành lên cũng chỉ hơn những điển hình vô sĩ về sự đạo đức giả một tí chút thôi, dù cho kẻ phát ngôn những điều đó có là giám đốc các công ty khai khoáng hay là những nhà hoạt động nhà nước ở Hạ nghị viện đi chăng nữa. Những lời nói ấy dựa trên cơ sở XUYÊN TẠC NHỮNG SỰ THẬT VÀ BÓP MÉO những lý do đã thực tế quyết định chính sách".

tr. 295. "Dấu ấn "ăn bám" in đậm trên mỗi một làng da trắng nằm giữa các chủng tộc hạ đẳng ấy; nói một cách khác là chẳng có nơi nào mối quan hệ giữa người da trắng và người da màu lại mang tính chất tương trợ lành mạnh cả. Sự giúp đỡ lớn nhất là ở chỗ nền văn minh của người da trắng có thể làm gương về những tập đoàn người da trắng lành mạnh, bình thường, sống theo kiểu hay nhất của lối sống châu Âu, thì hầu như sự giúp đỡ ấy chẳng bao giờ thực hiện được vì các điều kiện khí hậu và thể

chất khác. Sự có mặt của một nhóm rải rác *các quan lại người da trắng, các nhà truyền đạo, nhà buôn, các gia m thị ở hầm mỏ, đồn điền* tạo thành một loại đẳng cấp đàn ông thông trị ít hiểu biết và ít thông cảm với chế độ xã hội của dân tộc đó — sự có mặt ấy hoàn toàn không phù hợp với mục đích mang lại cho những chủng tộc hạ đẳng đó ngay cả những thành tựu mà lẽ ra nền văn minh phương Tây có thể mang lại được".

tr. 301. "Giáo sĩ G. M. Bô-vin, linh mục chánh xứ của nhà thờ lớn", là một "*người điều hòa* chuyên nghiệp giữa Chúa và thần tài". Trong cuốn sách "Những người bản xứ dưới ngọn cờ xứ Tơ-ran-xva-an" ông ta đã tô vẽ rằng ở các mỏ, người ta cho phép dân bản xứ dùng lều, thành thử họ có thể sống "trong những điều kiện ít nhiều giống như trong những cra-an ở quê hương họ". Tất cả những điều đó chỉ là những lời hoa mỹ giả nhân giả nghĩa; cuộc sống của dân bản xứ "hoàn toàn mang tính chất nông dân và du mục", thế mà người ta lại bắt họ *làm việc ở mỏ để lấy tiền công*.

tr. 304. "Ở những vùng đất dành cho họ, dân bản xứ bị trói buộc vào ruộng đất và sống một cuộc sống hoàn toàn nô lệ. Họ chẳng có quyền bầu cử, cũng chẳng có một phương tiện chính trị nào khác để biểu hiện những yêu sách của mình và thiếu cả phương tiện kinh tế để tiến bộ".

tr. 309 - 310. "Tuy vậy hàng triệu nông dân ở Ấn-độ — những con người chỉ vền vẹn có *một nửa a-cơ* — đang đấu tranh cho sự tồn tại của họ. Sự tồn tại của họ là *cuộc đấu tranh thường xuyên chống nạn đói* và thường thường kết thúc bằng thất bại. Chưa nói đến chuyện sống cho ra *con người* — một cuộc sống dù chỉ có những tiện nghi sinh sống ở mức khốn khổ mà họ vẫn thường sống xưa nay,

NB

(diện tích các mảnh đất của nông dân ở Ấn-độ)

mà ngay chỉ là khả năng sống cho đừng chết thôi họ cũng khó mới kiếm nổi... Chúng ta có thể nói thật rằng ở Ấn-độ, ngoài một số vùng được tưới nước, nạn đói là một hiện tượng kinh niên, mãn tính".

NB

tr. 323. "Cái ý kiến sai lầm đó" (cho rằng "chúng ta khai hóa cho Ấn-độ") "chỉ dựa trên những lời ngụy biện của chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa thù địch nên điều lừa dối đó để che đậy tấm thân lỏa lồ và những tiền lời mà một vài nhóm hữu quan bòn rút được từ đế quốc".

tr. 324. "Chủ nghĩa đế quốc mới khác với chủ nghĩa đế quốc cũ: một là ở chỗ nó không biểu thị những ước vọng của một đế quốc đang bành trướng, mà biểu thị lý luận và thực hành của nhieu đế quốc cạnh tranh với nhau, những đế quốc này đều bị chi phối bởi cùng những khát vọng như nhau là bành trướng về chính trị và được lợi về thương mại; hai là ở chỗ những lợi ích tài chính hay lợi ích có *liên quan đến đầu tư tư bản lại thống trị* những lợi ích thương mại<sup>1)</sup>.

**NB: sự khác biệt giữa chủ nghĩa đế quốc mới và cũ**

tr. 329 - 330. "Dẫu sao đi nữa thì cũng không có điều gì không thể xảy ra trong cái chuyện là Trung-quốc có thể trả đũa lại các dân tộc công nghiệp phương Tây bằng chính những thủ đoạn của họ, bằng cách sử dụng tư bản và lực lượng tổ chức của họ, hoặc nói cho đúng hơn là bằng cách thay lực lượng ấy bằng lực lượng của chính mình, Trung-

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 493.

quốc có thể làm *tràn ngập thị trường của họ* bằng các sản phẩm giá rẻ do chính mình sản xuất ra, và khi từ chối không chịu nhận những hàng hóa mà họ nhập khẩu, nó có thể đảm bảo thu được những món mà họ phải trả cho mình bằng cách tịch biên tư bản của họ; và nhờ vậy quá trình đầu tư tư bản trước kia sẽ quay lại ngược chiều cho tới khi rốt cuộc Trung-quốc dần dần nắm được quyền kiểm soát tài chính đối với những kẻ trước kia bảo hộ mình và khai hóa mình. **Điều đó hoàn toàn chẳng phải là ảo tưởng không thực tế" (Trung-quốc có thể bùng tỉnh dậy)...**

tr. 332 - 333. "Chủ nghĩa quân phiệt còn có thể tồn tại rất lâu vì như trên kia đã nói, về rất nhiều mặt, nó là chỗ dựa cho chế độ tài phiệt. Nhưng chi phí gắn liền với nó mang lại một *sự nâng đỡ về mặt lợi nhuận* cho một số lợi ích tài chính có thể lực nhất định; nó là yếu tố *trang trí* cho đời sống xã hội, song điều chủ yếu là: nó là rất cần thiết để *kiềm chế* áp lực của những lực lượng xã hội đòi hỏi những cải cách trong nước. Khắp nơi, các lực lượng tư bản dưới hình thức tập trung nhất của nó đều được tổ chức tốt hơn và đạt đến trình độ phát triển cao hơn là những lực lượng của công nhân; trong khi giai cấp công nhân bàn luận về sự hợp tác quốc tế giữa những người lao động thì tư bản đã thực hiện sự hợp tác quốc tế của nó rồi. Vì điều đó có liên quan tới

những lợi ích tài chính và thương mại lớn nhất, nên hoàn toàn có thể là thế hệ sắp tới sẽ là người chứng kiến sự liên hợp quốc tế mạnh mẽ của tư bản, một sự liên hợp quốc tế mạnh mẽ

diễn đạt hay!!

đến mức khiến cho *chiến tranh giữa các dân tộc phương Tây sẽ trở nên hầu như không thể có được*. Mặc dù chính sách hiện đại là ích kỷ và tham lam khiến cho hiện nay hành động của châu Âu ở phương Đông xa xôi có yếu đi nhưng *màn kịch thật sự* sẽ bắt đầu khi các lực lượng của chủ nghĩa tư bản quốc tế, là thứ chủ nghĩa tự xưng là đại biểu cho văn hóa của thế giới Cơ-đốc giáo hợp nhất, *được đem ra sử dụng để thôn tính Trung-quốc một cách hòa bình*. Chính lúc đó, sẽ nảy sinh ra "mối họa da vàng". Nếu như cho rằng chờ đợi cho Trung-quốc sẽ thâm sâu được chủ nghĩa yêu nước *dân tộc*, cái chủ nghĩa sẽ đem lại cho nó sức mạnh *đánh đuổi* bọn bóc lột phương Tây, là vô ích thì như thế có nghĩa là Trung-quốc sẽ *không tránh khỏi* tình trạng phân hủy mà người ta phải gọi là "sự phân thây" Trung-quốc thì đúng hơn gọi là "sự phát triển" của nước đó.

Chỉ khi đó, chúng ta mới hiểu được toàn bộ *tính mạo hiểm* và toàn bộ sự điên rồ của việc làm ấy, việc làm vĩ đại nhất, *cách mạng* nhất ấy trong toàn bộ lịch sử loài người. Cũng có thể là chỉ lúc đó, các dân tộc phương Tây mới sẽ hiểu rằng họ đã cho phép một nhóm nhỏ những tư nhân đầu cơ *lôi họ vào một loại chủ nghĩa đế quốc*, trong đó tất cả các chi phí và các hiểm họa của chính sách phiêu lưu đó *tăng lên gấp trăm lần*, một loại chủ nghĩa đế quốc mà rõ ràng là người ta *không thể nào* thoát ra khỏi được mà *không bị tổn thất*".

tr. 335. ((NB: tiền đồ của sự ăn bám)). Lúc đó.

một bộ phận *lớn* của Tây Âu sẽ có thể có bộ mặt và tính chất giống như bộ mặt và tính chất hiện nay của một vài nơi trong những nước đó: *miền Nam nước Anh, miền Ri-vi-e-ra*, những vùng của Ý và của Thụy-sĩ được các nhà du lịch đến tham quan nhiều nhất và có nhiều người giàu có ở, cụ thể là: *một nhóm nhỏ những nhà quý phái* giàu sang nhận lợi tức cổ phần và tiền trợ cấp từ *phương Đông xa xôi* gửi về, với một nhóm hơi đông hơn một chút gồm *các nhân viên* chuyên môn và *nhà buôn*, và với một số đông hơn nữa *những người tôi tớ và công nhân làm việc trong ngành vận tải* và trong công nghiệp hoàn thành chế phẩm. Còn các ngành công nghiệp chủ yếu thì sẽ biến mất và một khối lượng rất lớn *những thực phẩm, những nửa thành phẩm sẽ từ châu Á, châu Phi tuôn về với tính cách cống vật*"<sup>1)</sup>.

tr. 337. "Nhưng như chúng ta đã thấy, trong khi mở đường xông vào Trung-quốc, nhiệm vụ kinh tế của chủ nghĩa đế quốc hoàn toàn không phải là ở chỗ tiến hành buôn bán bình thường: nhiệm vụ đó là tạo ra một thị trường rộng lớn mới cho những người đầu tư của Tây Âu, một thị trường mà lợi nhuận thu được từ đó không vào tay toàn dân mà vào tay một nhóm tư bản đầu tư tư bản. Sự tiến triển bình thường và lành mạnh của quá trình các dân tộc nắm lấy nguồn tài nguyên ngày càng tăng của thế giới sẽ bị cản trở bởi chính bản chất của

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 508.

**thực chất  
của chủ nghĩa  
đế quốc**

chủ nghĩa đế quốc ấy. *Thực chất của chủ nghĩa đế quốc là ở chỗ phát triển những thị trường để đầu tư tư bản, chứ không phải là để buôn bán, và sử dụng ưu thế kinh tế của sản phẩm nước ngoài rẻ để chèn ép công nghiệp của chính nước mình và duy trì sự thống trị chính trị và kinh tế của một giai cấp nhất định*".

tr. 346. "Sự thống trị của châu Âu đối với châu Á bằng bạo lực và nhằm mục đích kiếm lời, việc biện hộ cho sự thống trị đó bằng cách nói là nó sẽ khai hóa cho châu Á và nâng châu Á lên một mức sống tinh thần cao hơn, chắc sẽ được lịch sử coi là *đỉnh cao của sự ngu dốt và bất công của chủ nghĩa đế quốc*. Chúng ta từ chối không lấy cái mà châu Á có thể mang lại cho chúng ta: kho tàng tri thức vô giá do kinh nghiệm của nhiều thế kỷ gom góp lại, — còn cái mà chúng ta lẽ ra có thể mang lại cho châu Á, dù nhiều hay ít, thì chúng ta lại phá hoại đi bằng sự man rợ khi chúng ta thực hiện cái ấy. Đó chính là cái mà *chủ nghĩa đế quốc* đã và đang làm cho châu Á".

tr. 350. "Khi nói về dự luật mà Glát-xtôn đưa ra năm 1886, về chế độ tự trị, ngài Sem-bóc-lin đã phát biểu: "Tôi muốn tìm một giải pháp theo hướng *nguyên tắc liên bang*. Ông bạn đáng kính của tôi lại coi những quan hệ giữa nước ta với các thuộc địa đang tự cai quản lấy mình và trên thực tế đã được độc lập, là mẫu mực". Nhưng liên bang thì tốt hơn, vì khi đó Ai-rơ-len vẫn còn là một bộ phận cấu thành của Anh, còn quan hệ của Anh với các thuộc địa tự trị thì chỉ có tính chất tinh thần thôi. Hiện nay, sự phát triển của nền dân chủ đi theo hướng liên bang, theo hướng đoàn kết, chứ không phải là theo hướng phân chia" (**tất cả những điều này đều trích từ điển văn của Sem-bóc-lin**).

Sem-bóc-lin ủng hộ liên bang, chống lại sự phân chia, chống lại xu hướng "ly tâm"<sup>40</sup>.

tr. 351. "Đạo Cơ-đốc — đã được củng cố trong một số ít đế quốc liên bang lớn, trong đó mỗi đế quốc lại có một số thuộc địa chưa được khai hóa và những nước phục thuộc, — đã được nhiều người coi là sự phát triển hợp quy luật nhất của các xu hướng hiện nay, hơn nữa lại là sự phát triển mang lại hy vọng nhiều nhất về một nền hòa bình lâu dài trên cơ sở vững chắc là chủ nghĩa liên đế quốc"<sup>1)</sup>.

Tác giả viết: cái tư tưởng chủ nghĩa liên Đức, chủ nghĩa liên Sla-vơ, chủ nghĩa liên La-mã, chủ nghĩa liên Anh v. v., một số "liên minh các quốc gia" ("Unions of States") đang ngày một lớn lên.

"**chủ nghĩa siêu đế quốc**" của Cau-xky và Liên bang châu Âu trên cơ sở chủ nghĩa tư bản sẽ đưa đến cái gì: đưa đến "chủ nghĩa liên đế quốc"!!

tr. 355 - 356. Trong phạm vi chính sách đế quốc chủ nghĩa hiện nay, "Vương quốc liên hợp" "không thể mang nổi gánh nặng tài chính do nhu cầu tăng cường hạm đội đòi hỏi, nếu không có sự giúp đỡ đáng kể của thuộc địa". Điều đó có thể dẫn tới sự ly khai của các thuộc địa mà lợi ích của chúng là không để cho mình bị lôi cuốn vào chính sách đế quốc chủ nghĩa (của Anh) vì trong việc xác định cái đó (**chính sách**), các thuộc địa ấy chẳng có một tiếng nói quyết định nào; mỗi một thuộc địa, với tư cách là một

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 527.

NB  
x e m  
Cau-xky  
về "chủ  
nghĩa siêu  
đế quốc"

nước liên minh, chỉ là một thiểu số không đáng kể trong số rất nhiều các thuộc địa của Anh và trong đa số trường hợp, các thuộc địa ấy rất ít có cái gì giống nhau. "Liên bang đế quốc" là có lợi cho Anh, mà chẳng có lợi gì cho các thuộc địa cả.

tr. 373. "Chủ nghĩa đế quốc mới giết chết liên bang các quốc gia tự do tự trị: có lẽ các thuộc địa sẽ chú ý tới điều đó, nhưng sẽ vẫn cứ đi theo con đường cũ của mình".

tr. 378 - 379. "Hiện nay, cái tập quán mới hình thành gần đây là đầu tư tư bản vào các nước ngoài, đã phát triển tới mức là các giai cấp giàu có và có thế lực chính trị ở nước Anh hiện nay đang thu được một phần thu nhập ngày càng lớn từ những tư bản đầu tư ở ngoài phạm vi đế quốc Anh. Sự quan tâm ngày càng tăng lên ấy của các giai cấp giàu có ở nước ta đối với các nước mà họ không kiểm soát về mặt chính trị là một sức mạnh có tính chất cách mạng hóa trong chính sách hiện đại; chính sách đó đánh dấu một xu hướng ngày càng tăng là xu hướng sử dụng sức mạnh chính trị của mình là công dân của một nước nào đó, để can thiệp vào đời sống chính trị của những quốc gia có nền công nghiệp có liên quan tới những lợi ích vật chất của họ.

Cần phải thừa nhận một cách rõ ràng tính chất bất hợp pháp về thực chất của việc sử dụng như vậy những nguồn của cải của nhà nước để bảo vệ và nâng cao mức lợi nhuận của sự đầu tư tư nhân".

tr. 380. "Người ta thường gọi các lực lượng đó là lực lượng tư bản chủ nghĩa nhưng mới hiểm họa ghê gớm nhất nảy sinh ra không phải là từ những sự đầu tư công nghiệp chân

chính sách của tư bản tài chính

chính ở các nước ngoài, mà từ chỗ chính các nhà tài chính là những người chi phối những chứng khoán có giá và cổ phiếu, dựa trên những sự đầu tư ấy".

tr. 381 - 382. "Sự phân tích chủ nghĩa đế quốc và các cơ sở tự nhiên của nó — chủ nghĩa quân phiệt, tập đoàn đầu sỏ chính trị, chế độ quan liêu, chính sách thuế quan bảo hộ, sự tích tụ của tư bản và những dao động kinh tế đột ngột — đã cho thấy rằng chủ nghĩa đế quốc là hiểm họa lớn nhất đối với các quốc gia dân tộc hiện đại. Thế lực trong nước của các lực lượng đế quốc chủ nghĩa, cái thế lực cho phép họ sử dụng nguồn tài nguyên quốc dân để phục vụ cho quyền lợi cá nhân của họ thông qua bộ máy nhà nước, chỉ có thể bị đập tan bằng cách thiết lập một nền dân chủ thực sự, bằng cách thi hành một chính sách do nhân dân lãnh đạo vì lợi ích của nhân dân, một chính sách được thực hiện thông qua các đại biểu của nhân dân, những người chịu sự kiểm soát thực sự của nhân dân. Thật khó mà tin một cách nghiêm túc rằng nước ta hoặc một nước nào đó đã có khả năng thi hành một nền dân chủ như thế, nhưng ít có hy vọng tìm ra được một phương thức cứu chữa chừng nào mà chính sách đối ngoại của đất nước "không dựa trên cơ sở vững chắc là ý muốn của nhân dân".

tr. 382 - 383. "Chủ nghĩa đế quốc chỉ vừa mới bắt đầu nhận thức được tất cả khả năng của mình và chỉ vừa mới bắt đầu biến thành một nghệ thuật tinh vi trong việc lãnh đạo các dân tộc; quyền bầu cử rộng rãi dành cho nhân

«ảo tưởng»  
tiểu tư sản!!

nhà dân chủ tiểu tư sản !!

dân chủ hóa chính sách đối ngoại

dân mới chỉ được giáo dục tới mức độ bắt đầu đọc được những cái người ta in ra mà chưa có thái độ phê phán gì đối với điều mình đã đọc, quyền ấy đã tạo thuận lợi rất nhiều cho những ý đồ của các nhà chính trị táo bạo và tháo vát là những người nhờ kiểm soát được báo chí, trường học, và nếu cần cả nhà thờ nữa, đang tiêm nhiễm chủ nghĩa đế quốc cho quần chúng bằng cách ngụy trang chủ nghĩa ấy bằng lớp vỏ hấp dẫn là chủ nghĩa yêu nước.

Như chúng tôi đã xác định, nguồn gốc kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc là sự không đồng đều giữa những khả năng kinh tế, nhờ đó mà một giai cấp có đặc quyền tích lũy được những thu nhập dư thừa khiến giai cấp đó ngày càng đi xa để tìm kiếm chỗ đầu tư có lợi. Ảnh hưởng của những người đầu tư ấy và những người chỉ huy tài chính của họ đối với chính sách của nhà nước sẽ bảo đảm sự thống nhất có tính chất toàn quốc của những lợi ích vật chất khác mà phong trào đòi cải cách xã hội đang đe dọa. Như vậy, việc xác lập chủ nghĩa đế quốc nhằm hai mục đích: nó bảo đảm các lợi ích vật chất cá nhân của những giai cấp có đặc quyền gồm những người đầu tư và các nhà buôn bằng cách trút phí tổn lên lưng xã hội, và đồng thời củng cố sự nghiệp chung của chủ nghĩa bảo thủ, bằng cách đánh lạc hướng nghị lực và sự chú ý của xã hội khỏi công việc cổ động trong nước, lái nó ra ngoài.

tr. 383. "Gọi chủ nghĩa đế quốc là chính sách dân tộc là một điều đối trá trắng trợn: lợi ích của dân tộc luôn luôn đối lập với chính sách bành trướng đó. Mọi sự bành trướng của nước Anh ở vùng nhiệt đới đều rõ ràng là làm cho chủ nghĩa dân tộc Anh chân chính yếu đi. Một số giới thậm chí còn ca ngợi chủ nghĩa đế quốc là đã tạo thuận lợi và thúc

à la Cu-nốp  
và đồng  
bọn!!

đẩy sự phát triển của chủ nghĩa quốc tế, do nó phá vỡ khuôn khổ chật hẹp của các dân tộc. Thậm chí còn có cả những kẻ, dưới áp lực của chủ nghĩa đế quốc, đã tán thành việc các dân tộc lớn dùng bạo lực bóp nghẹt các dân tộc nhỏ yếu, hoặc còn biện hộ cho việc đó bằng cách mường tượng ra rằng đây chính là cái cách tự nhiên để tiến tới liên bang toàn thế giới và hòa bình vĩnh cửu".

**Những kẻ bênh vực  
chủ nghĩa đế quốc tán  
thành việc nuốt chửng các  
dân tộc nhỏ yếu!!**

tr. 384. "Niềm hy vọng vào chủ nghĩa quốc tế mai sau trước hết đòi hỏi là các dân tộc độc lập phải được duy trì và tự do phát triển, vì không thế thì chủ nghĩa quốc tế không thể dần dần phát triển được, mà chỉ có thể có hàng loạt các mưu toan vô ích vượt tới chủ nghĩa thế giới hỗn loạn và không bền vững. Chủ nghĩa cá nhân là cần cho bất kỳ một hình thức lãnh mạnh nào của chủ nghĩa xã hội dân tộc, thì chủ nghĩa dân tộc cũng cần thiết như vậy cho chủ nghĩa quốc tế; chẳng có một quan điểm hữu cơ nào về chính sách thế giới lại có thể xây dựng trên một giả thuyết nào khác thế".

tr. 384 - 385. Trong chừng mực có thể có những chính phủ dân tộc chân chính đại diện cho lợi ích của nhân dân, chứ không phải cho một nhóm đầu sỏ chính trị nào, thì những xung đột giữa các dân tộc sẽ bị loại trừ và chủ nghĩa quốc tế yêu chuộng hòa bình (những hiệp định bưu điện

mở  
hố  
lớn

v. v.. theo con đường đó, ông ta nói thế) dựa trên sự cộng đồng lợi ích giữa các dân tộc sẽ ngày càng phát triển. "Những mối liên hệ kinh tế là một cơ sở của sự phát triển của chủ nghĩa quốc tế, một cơ sở mạnh và vững chắc hơn rất nhiều so với cái được gọi là mối liên hệ chủng tộc" (liên Đức, liên Sla-vo, liên Anh etc.) "hoặc là so với cái liên minh chính trị dựa trên một sự tính toán thiên cận nào đó nhằm giữ thế cân bằng về thế lực".

tr. 385 - 386. "Đấy là những khả năng mà một liên minh rộng rãi hơn của các nước phương Tây, một liên bang châu Âu các cường quốc lớn, đang mở ra cho chúng ta: liên bang này chẳng những sẽ không thúc đẩy nền văn minh thế giới tiến tới mà còn có thể là một mối nguy rất lớn về tính ăn bám của phương Tây: làm cho một nhóm nước công nghiệp tiên tiến đứng tách riêng ra, trong những nước đó các giai cấp bên trên được hưởng một cống vật kéch sù của *châu Á* và *châu Phi*, và nhờ có cống vật đó mà nuôi sống một số rất đông nhân viên và tòi tớ *thuần dưỡng*, những người này không được dùng để sản xuất thật nhiều sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp, mà chỉ làm những việc phục dịch cá nhân hay làm những công việc công nghiệp thứ yếu, dưới sự kiểm soát của *bọn quý tộc tài chính mới*. Những ai sẵn sàng *bác bỏ cái lý luận ấy*<sup>1)</sup>, coi nó như là không đáng được xem xét tới, thì hãy ngẫm nghĩ đến những điều kiện kinh tế và xã hội của các khu vực ở

++++  
 NB +++++  
 +++++

<sup>1)</sup> Trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản", sau chữ "lý luận ấy", V. I. Lê-nin đã bổ sung trong ngoặc đơn: "phải nói là: cái triển vọng ấy" (xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 508 và t. 30, tr. 214 - 215).

*miền Nam nước Anh* hiện nay, là những khu vực ĐÃ RƠI VÀO TÌNH TRẠNG ĐÓ RỒI. Họ hãy suy nghĩ xem sự bành trướng mà chế độ ấy có thể có được sẽ to lớn như thế nào, nếu *Trung - quốc bị đặt* dưới quyền kiểm soát kinh tế của những nhóm *tài chính* tương tự như thế, của "*bọn đầu tư*", những viên chức chính trị và những nhân viên công thương nghiệp của chúng, bọn này thu vét lợi nhuận ở kho dự trữ tiềm tàng *lớn nhất* chưa bao giờ thấy trên thế giới, để đem *tiêu dùng số lợi nhuận ấy ở châu Âu*. Đương nhiên, tình hình thật quá phức tạp, sự biến động của các lực lượng trên thế giới thật rất khó mà lường trước được, nên không thể coi dự kiến này hay bất cứ một dự kiến nào khác về tương lai là dự kiến *rất chắc chắn* theo một chiều hướng duy nhất được. *Song* những ảnh hưởng hiện đang chi phối chủ nghĩa đế quốc Tây Âu, giờ đây đều *đi theo chiều hướng ấy*, và nếu không gặp *sự phản kháng*, không bị chuyển theo hướng khác, thì chúng sẽ tác động theo *chiều hướng kết thúc quá trình đúng như thế*<sup>1)</sup>.

Nếu các giai cấp cầm quyền ở các nước phương Tây có thể thực hiện được những lợi ích của mình trong sự liên hợp ấy (chủ nghĩa tư bản rõ ràng là càng ngày càng trở nên có nhiều tính chất quốc tế hơn), và nếu Trung-quốc lại tỏ ra là không có khả năng phát triển được đủ sức đề kháng thì *ngày càng hiển nhiên là có khả năng xuất hiện một chủ nghĩa đế quốc ăn bám*, cái chủ nghĩa đế quốc này sẽ lấp lại *nhiều đặc điểm của đế quốc La-mã thời cuối*, với quy mô lớn hơn nữa".

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 508 - 509.

đúng



tr 389. "Về thực chất, chủ nghĩa đế quốc mới chẳng khác gì cái mẫu thời xưa của nó" (Đế quốc La-mã). Nó cũng ăm bằm như thế. Nhưng những quy luật thiên nhiên bắt *những kẻ ăn bằm* phải diệt vong, cũng có tác dụng không những đối với cá nhân, mà còn đối với cả dân tộc nữa. Tính phức tạp của quá trình và việc bản chất của sự vật bị che giấu có thể *trì hoãn sự diệt vong, nhưng không thể ngăn chặn nó*. "Nhà nước đế quốc chủ nghĩa trong khi dùng bạo lực để nô dịch các dân tộc khác và lãnh thổ của họ mà lại cho rằng mình hành động như vậy là nhằm đem lại cho các dân tộc bị chinh phục những sự giúp đỡ ngang với những sự giúp đỡ mà chính mình đã đòi họ phải làm cho mình, thì rõ ràng là nó nói dối: nhà nước đế quốc chủ nghĩa ấy hoàn toàn không hề định đem lại những sự giúp đỡ ngang bằng, và cũng chẳng có khả năng làm như vậy".

---

Hết

---

VỎ  
"λ"  
("LAM-ĐA")  
Mục lục  
λ

M. Xam – ba. "Các ngài sẽ kiếm được một ông vua etc." [I – 17]

Sun – txê - Ghê - véc-ni-txơ. "Chủ nghĩa đế quốc Anh" [18 – 34]

XAM-BA.

"CÁC NGÀI SẼ KIẾM ĐƯỢC MỘT ÔNG VUA, NẾU KHÔNG BẢO ĐẢM ĐƯỢC HÒA BÌNH"

Mác-xen *Xam-ba. "Các ngài sẽ kiếm được một ông vua, nếu không bảo đảm được hòa bình"*<sup>41</sup>. Pa-ri, 1913 (O-g. Phi-ghi-e-rơ). **Xuất bản lần thứ 5 ((278 tr.))**.  
(Xuất bản ngày 20 tháng Bảy 1913).

"Nếu chúng ta phát hiện ra chẳng hạn rằng người ta lôi kéo chúng ta vào một hệ thống những liên minh dẫn thẳng tới chiến tranh, thông qua chạy đua vũ trang; rằng tuy thế, hệ thống những liên minh ấy lại được xây dựng trên những cơ sở đủ để đảm bảo hòa bình thì sao?" (tr. XI).

"Chẳng lẽ các bạn không biết rằng cuộc chiến tranh hiện đại ngày càng giống như một công cuộc kinh doanh công nghiệp hay sao? Rằng sự động viên là một chiến dịch công nghiệp lớn hay sao? Rằng giống như bất kỳ một chiến dịch công nghiệp nào, nó cũng đòi hỏi phải có những kiến thức và những khả năng về mặt kỹ thuật hay sao?" (tr. 13).

"Đúng vậy! Có thể hình dung được một nước cộng hòa ít bị tách rời khỏi cuộc sống và hoạt động. Điều đó lại

càng cần thiết hơn vì nước cộng hòa hiện nay không những không có khả năng tiến hành chiến tranh, như tôi đã cố gắng trình bày trong các trang trên, mà còn cũng không có khả năng bảo đảm hòa bình" (tr. 25).

"Xin đừng nói với tôi rằng có thể không cần điều đó, rằng các ngài không thích xâm chiếm, rằng các ngài chỉ muốn tự vệ thôi: đó là điều ba hoa thuần túy" (tr. 28).

"Sau cuộc khủng hoảng A-ga-đia, ở Hạ nghị viện, đã có lần tôi đề nghị thủ thành lập một cơ quan mới" (tr. 31).

"Đề nghị của tôi là tổ chức một hội đồng cố vấn gồm tất cả các cựu bộ trưởng ngoại giao để lãnh đạo chính sách đối ngoại" (tr. 31).

"Tập hợp tất cả các cựu bộ trưởng ngoại giao lại ư? Nhưng anh bạn ơi, họ sẽ chỉ suy nghĩ đến chuyện chơi khăm người kế vị họ thôi! Anh bạn rơi từ trên trời xuống chắc?" (tr. 33).

**NB** *Lịch sử tài chính của nước Pháp hiện đại*, nếu được viết một cách thành thực, có lẽ là lịch sử của cả một loạt vụ ăn cướp riêng biệt giống như chuyện cướp phá một thành phố bị xâm chiếm!

**NB** Đó là lịch sử những hành vi cướp bóc của những tên tài phiệt khôn khéo đối với một dân tộc ngu si. Chúng ta hãy xem xem chuyện gì sẽ xảy ra khi nhà nước Pháp phải đối phó với các chính phủ các nước khác, chứ không phải là với công dân của mình" (tr. 41.).

"Để thuyết phục được nó<sup>1)</sup>, ngài Đen-cát-xê đề nghị dành cho nó một mảnh lớn của nước Ma-rốc, đồng thời hứa là chúng ta sẽ giúp đỡ một cách hữu nghị và chi viện về quân sự và tài chính. Trên cơ sở có đi có lại mà! Hai trăm nghìn lính Tây-ban-nha thiện chiến sẽ bổ sung một cách tuyệt diệu cho chỗ thiếu của chúng ta về lực lượng quân sự" (tr. 49).

<sup>1)</sup> Tây-ban-nha.

"Chúng ta đã bỏ mất bao nhiêu tháng trước khi công nhận nước cộng hòa Bồ-đào-nha?"

Khi tôi đang viết điều này thì chúng ta còn chưa công nhận nước cộng hòa Trung-hoa: Mỹ đã đối xử với nó như đối với nhân vật quan trọng! Nhưng chúng ta đã đem nó làm vật hy sinh cho các nhà tài phiệt của chúng ta.

Khi Na-uy còn do dự, chúng ta đã có một cử chỉ nhỏ nào chưa, đã nói lấy một lời nào chưa? Thế mà đó là điều mà Na-uy đã chờ đợi!" (tr. 65).

"Nếu trong vòng hai mươi năm, chúng ta không đặc biệt làm cho những nhà cách mạng Tây-ban-nha im tiếng và nản lòng, thì sẽ chẳng phải là chỉ có độc một nước Bồ-đào-nha trở thành nước cộng hòa! Lẽ ra chúng ta không cần mua sự liên minh với Tây-ban-nha bằng những máu của xứ Ma-rốc! Lẽ ra chúng ta không cần phải thảo luận việc phục hồi đạo luật nghĩa vụ quân sự 3 năm" (tr. 68).

"Anh bạn Giô-re-xơ của tôi đã nhiều lần bảo tôi: "Anh cường điệu mối nguy. Không nên nghĩ rằng chiến tranh nhất định sẽ nổ ra. Mỗi một năm qua đều củng cố hòa bình và làm giảm bớt khả năng có chiến tranh. Ngược lại, tiên đoán trước sự xung đột chẳng phải là cường điệu cái khả năng ấy lên sao?"

Tôi sẽ vui sướng biết bao nếu như tôi có thể chia sẻ được niềm tin ấy và tự thuyết phục mình rằng những cố gắng chung của chúng ta sẽ giúp gạt bỏ nguy cơ ấy trong một thời gian dài nữa. Nhưng chính vì tôi sợ cái điều ngược lại, chính vì sau khi suy nghĩ kỹ vấn đề này hàng mấy năm trời, tôi cảm thấy rằng trong đầu óc mình đang có một ý nghĩ ngược lại lớn dần lên và được củng cố thêm lên, nên tôi đã viết quyển sách này" (tr. 76 - 77).

"Và sau đó, làm thế nào mà anh lại muốn rằng người Đức coi trọng những điều cam kết hòa bình của chúng ta, khi những kẻ đi theo chủ nghĩa phục thù một cách nhiệt tâm nhất tuyên bố mình là người bảo vệ hòa bình?"

Từ đó, họ kết luận rằng nước Pháp muốn phục thù, rằng chỉ có sự thận trọng mới không cho phép chúng ta lớn tiếng nói lên điều ấy. Họ cảm thấy rằng chúng ta đã cảnh giác, rằng chúng ta sẵn sàng lợi dụng bất kỳ một trường hợp nào hứa hẹn thắng lợi cho chúng ta. Tôi xin hỏi tất cả những người Pháp chính trực: họ sai lầm đến thế chẳng? Trong thâm tâm các anh có dám khẳng định là họ sai lầm chẳng? Nếu thật sự có một trường hợp rõ ràng, ngoại lệ, đặt nước Đức đã suy yếu dưới quả đấm của chúng ta và hứa hẹn một thắng lợi chắc chắn cho chúng ta thì chẳng lẽ chúng ta lại do dự không tấn công nước Đức hay sao? Ai trong số chúng ta có thể bảo đảm chắc rằng nguyện vọng hòa bình sẽ thắng, và làn sóng hung hãn của chủ nghĩa yêu nước hiếu chiến sẽ không bẻ gãy bất kỳ một sự đề kháng nào?" (tr. 88).

**NB** |||| "Nhưng một cuộc chiến tranh phòng thủ cũng là một cuộc chiến tranh không kém gì cuộc chiến tranh tấn công, và khái niệm phòng thủ có thể dẫn tới tấn công" (tr. 91).

**NB** |||| "Cần phải hết lòng cố vũ điều đó! Những người xã hội chủ nghĩa thích diễu cợt những ý đồ hòa bình chủ nghĩa! Họ coi đó là một loại lòng bác ái quốc tế nào đó, *thứ lòng bác ái này đang tự lừa dối mình nếu không định* lừa dối kẻ khác và nó nhắm mắt làm ngơ trước những điều kiện kinh tế của chiến tranh, hệt như lòng từ thiện cá nhân không đếm xỉa đến những điều kiện cứ tự nhiên như tự nhiên sản sinh ra nạn nghèo đói.

Nhưng dù sao những người xã hội chủ nghĩa cũng vẫn bất công khi họ nhạo báng kẻ khác! Những lời nhạo báng đó không ngăn cản đa số các đại biểu xã hội chủ nghĩa gia nhập "Nhóm trọng tài" và ủng hộ tất cả những lời phát biểu của nhóm này" (tr. 93).

"Lê-ông Bốc-gioa đã đi đến chỗ quan niệm một Liên bang các dân tộc và Liên bang châu Âu! Chà! Té ra là chúng ta là hàng xóm thân cận của Quốc tế!" (tr. 95).

... "Hỡi toàn thể giai cấp vô sản!.. khởi nghĩa còn hơn là chiến tranh... báo chí đầu độc... âm mưu của bọn tư bản... Crê-dô... những chủ xưởng đại bác... chúng ta lấy khởi nghĩa của công nhân để chống lại những lực lượng của các nhà tư bản..." (tr. 106).

"Dân Pa-ri gửi lời chào anh em tới nhân dân Đức và tuyên bố rằng họ sẽ sẵn sàng dùng mọi cách, và nếu cần dùng cả tổng bãi công và khởi nghĩa để chống lại những hành vi tội lỗi của những kẻ xúi giục gây chiến tranh..." (tr. 106 - 107).

"Trong thâm tâm, tôi nghĩ rằng ở đây có một nỗi lo lắng nào đó: nỗi lo lắng của những người không dám tự mình thừa nhận với mình tất cả những điều mình suy nghĩ" (tr. 108).

"Chỉ cần chiến tranh bắt đầu, là họ sẽ thấy! *Dù sao*<sup>1)</sup> thì ở ngoại ô, sẽ có một điều gì đó xảy ra!"

Dù sao? Nhưng như vậy là chúng ta đã la to tiếng để làm cho người ta sợ hãi, song chúng ta hoàn toàn không tin rằng chúng ta có thể khống chế được những lời sét đánh mà chúng ta đang bắt chước tiếng sấm của chúng đó.

Tổng bãi công ư? Đúng, các công đoàn đã tán thành tổng bãi công. Họ sẽ hành động? Khởi nghĩa ư? Chiến lũy ư? Đúng, ngoại ô sẽ hành động, đặc biệt khi dân chúng cho rằng chúng ta là kẻ xâm lược, gây chiến.

Thế nếu người ta thách thức chúng ta thì sao? Nếu Vin-hem tấn công chúng ta mà không cần báo trước gì thêm nữa thì sao?

"Trong trường hợp đó, đã có những người xã hội chủ nghĩa Đức!" Câu nói đó là để nói với những kẻ thù, hay

<sup>1)</sup> Do Xam-ba viết ngả.

với những ai còn nghi ngờ, và cả với những kẻ hoài nghi còn ẩn náu trong mỗi chúng ta: người ta nói câu đó bằng một giọng kiên quyết và chắc nịch. Nhưng sau đó, một giọng nói từ bên trong lại bắt đầu thâm thì: "Thế nếu những người xã hội chủ nghĩa Đức, cũng như chúng ta, có nhiều ý đồ tốt đẹp hơn là thực lực thì sẽ ra sao?.. Chính là vì báo chí sô-vanh quá ư khéo léo khi cần làm rối tinh những vấn đề ở cả hai phía của biên giới!" (tr. 108 - 109).

"Người ta sẽ in các lời hiệu triệu, các bài báo, những văn kiện mới! Người viết sẽ là những kẻ không dám nói tất cả, còn người đọc sẽ là những kẻ không dám tự mình thừa nhận với mình tất cả mọi điều!" (tr. 110).

"Chính là bộ chiến tranh lập những sổ đen chỉ là để chống lại chúng ta. Trong trường hợp có chiến tranh, chính chúng ta đe dọa chính phủ là sẽ dùng đến bạo lực" (tr. 112).

"Nếu chúng ta cảm thấy rằng người ta thách thức chúng ta thì lúc ấy sẽ bùng lên một sự phẫn uất chung, một dòng thác không gì ngăn nổi sẽ dâng lên, rồi sẽ như ở Ý, tức nước phải vỡ bờ và dòng thác sẽ cuốn đi những gì nó gặp trên đường đi của nó" (tr. 114).

"Khởi nghĩa tốt hơn!..

Tôi tán thành!.. Các bạn có thấy vị trí, hoàn cảnh, đường phố, những biểu hiện trên khuôn mặt bạn bè, số báo không?" (tr. 115).

"Tôi sợ rằng chúng ta không biết làm gì nữa khi nó đã nổ ra rồi" (tr. 117).

"Đây là sự hỗ trợ to lớn mà người bạn nổi tiếng Va-li-ăng E-đu-a của chúng ta đã nhiều lần mang lại cho nước Pháp khi vào tất cả những thời điểm nguy kịch nhất, ông ta đã tung ra cho những người cầm quyền lời thách thức nổi tiếng: "*Khởi nghĩa tốt hơn là chiến tranh!*"<sup>1)</sup>

Các nhà cầm quyền đều hiểu: "Chúng ta cần phải thận trọng hơn mới được! Chúng ta sẽ không nên liều tiến hành

<sup>1)</sup> Do Xam-ba viết ngả.

chiến tranh một cách thiếu suy nghĩ! Chúng ta sẽ không nhẹ dạ liều lĩnh với thất bại! Có thể đó sẽ là một ngày 4 tháng Chín mới nữa!" (tr. 119).

"Những ngày tuyệt đẹp ở Ba-lơ, khi trên các đường dẫn lên núi, những đoàn người của Quốc tế nườm nượp kéo đến nhà thờ lớn cổ kính!" (tr. 120 - 121).

"Bao nhiêu người trong số ba trăm nghìn người quốc tế chủ nghĩa ở Tơ-rép-tốp đã đồng ý đưa nước Đức không có gì để tự vệ ra chịu đòn của bọn sô-vanh?"

Không một ai cả! hoan hô! tôi khen ngợi họ về điều đó! Cũng vậy, chúng tôi cũng không chịu dâng nước Pháp cho những tên có tư tưởng liên Đức!" (tr. 122).

"Như vậy là ở mỗi một nước, chúng ta đều vùng lên chống lại chính phủ để không cho họ khởi chiến, và chúng ta đặt Quốc tế cao hơn tất cả các tổ quốc riêng lẻ" (tr. 122).

"Từ đó ta thấy rằng *trong sự nghiệp bảo vệ và gìn giữ hòa bình ở châu Âu ngày nay dù trong hoàn cảnh nào và dù nguy hiểm đến đâu cũng không thể trông chờ vào chúng ta nhiều hơn là trông chờ vào những người hòa bình chủ nghĩa*<sup>1)</sup>.

Sự thật đáng buồn? Anh đã nói điều đó với ai đấy? Nhưng dù sao thì đó là một sự thật nói ra là có lợi" (tr. 123).

"Hãy hiểu rằng hô: "Đả đảo chiến tranh!", "Đấu tranh chống chiến tranh!" mà không biết trước được rằng phải dùng những biện pháp thực tiễn nào mới có thể ngăn ngừa trước được sự xung đột này hoặc sự xung đột kia, thì như thế có nghĩa là niệm thần chú, phù phép, tiến hành ma thuật" (tr. 124).

"Ma thuật là cái nguyện vọng chưa được thỏa mãn đành tự biểu lộ ra và mong muốn dùng nét mặt để nhanh đến giờ phút được thỏa mãn!" (tr. 125).

"Như tôi đã nói, khả năng khởi nghĩa là một phương tiện mạnh mẽ để gây áp lực và là sự đe dọa rất hay. Nhưng

<sup>1)</sup> Do Xam-ba viết ngả.

nếu như thời gian có thể đe dọa được đã qua rồi? Nếu như đã tuyên chiến? (tr. 126).

Làm gì? Tuyên bố thành lập công xã ở từng thành phố và sau khi giương cao lá cờ đỏ và sau khi khởi nghĩa thì thà chết còn hơn là chịu thua quân đội của nước này hay nước khác ư? Và chúng ta, những người xã hội chủ nghĩa khoa học, sẽ nuôi dưỡng cái điều phi lý đó sao? Nhưng chiến tranh hiện đại là một công việc kinh doanh công nghiệp lớn. Thành phố nào đứng lên chống lại quân địch mà trong tay không có một khẩu súng, một viên đạn, thì đó chính là một anh thợ thủ công đứng lên chống lại một nhà máy lớn. Quân đội hiện đại sẽ lần lượt nuốt chửng từng thành phố khởi nghĩa như nuốt chửng quả dâu rừng vậy. Trong chiến tranh ở thế kỷ hai mươi, chuyện đó chỉ cần làm một tuần là xong! Bằng làn mưa đạn và hỏa lực tập trung của các khẩu đội! Và những thành phố của chúng ta lấy đâu ra thời gian để cùng nhau liên kết lại và tổ chức phòng thủ chung, nghĩa là nếu tôi không lầm, để lại quay trở lại với quân đội quốc gia có khả năng chịu đựng được sự đựng độ?

... Nhưng sự hy sinh oanh liệt là một nhiệt tình tuyệt đẹp trong chốc lát mà thôi, chứ không phải là cương lĩnh của đảng! Đó không phải là chiến thuật! Và đó cũng chẳng phải là một chiến dịch quân sự nghiêm túc, cũng chẳng phải là chiến lược!" (tr. 127).

"Hò hét chung chung: "Đả đảo chiến tranh!" và giơ nắm tay lên, tưởng tượng rằng làm như vậy là có thể tránh được chiến tranh — đó chỉ là một trò trẻ con thuần túy! Sự chiến tranh thì chưa đủ để tránh khỏi nó, chứ rửa chiến tranh thì cũng chưa đủ để lẩn tránh nó" (tr. 128 - 129).

"Chẳng có một hiệp ước nào bắt chúng ta làm như vậy cả. Chúng ta làm như vậy một cách tự nguyện tự giác; chúng ta đã tự nguyện hàng năm lấy đi của nền công nghiệp Pháp chất nhựa sống, khi đem tiền tiết kiệm của mình để duy trì công nghiệp nước ngoài. Mọi người đều biết như

vậy và mọi người đều khuyến khích nên làm như vậy" (tr. 199).

"Các ngài không nghĩ rằng họ đòi các chứng khoán có giá của Đức phải được sở giao dịch Pa-ri chấp nhận!" — anh ta nói.

Không, tôi biết chuyện này rất rõ, và ngài đờ Va-lép-phơ hoàn toàn đúng! Tất nhiên là không còn nghi ngờ gì nữa, người Đức sẽ đòi như vậy" (tr. 202).

"Đối với nước Pháp, kết quả duy nhất của hiệp ước Pháp - Đức phải là vĩnh viễn xác lập hòa bình châu Âu và trong tương lai, phải đảm bảo những điều kiện cho Pháp tự do phát triển và bảo đảm ảnh hưởng chính đáng của Pháp ở Tây Âu đã đoàn kết lại" (tr. 213).

"Liên hợp với họ" ((**với ai?**)) "để đánh bại người Đức hoặc là bắt người Đức chịu cái ách thống trị của họ — cái ách mà ngay chúng ta cũng chẳng thể trốn được lâu dài, — như thế có nghĩa là chỉ cho toàn thế giới thấy rằng nước Pháp đang hành động liên minh với sự dã man để chống lại văn minh" (tr. 218).

"Chúng ta đã nghe người ta nói quá nhiều về việc hạn chế vũ trang! về việc giải trừ quân bị "ngày một nhiều thêm và cùng một lúc!"

Nói cho đúng ra thì đó là những đề nghị mà cách đây khoảng 15 - 20 năm, hết như một chàng trai tốt bụng đáng quý, ông bạn cũ Đơ-giăng-tơ của tôi đã nêu ra!" (tr. 225).

"Về phần tôi, tôi không giấu rằng tôi coi sự gần gũi giữa Pháp và Đức là một sự kiện lịch sử lớn lao, mang nhiều kết quả to lớn và mở ra một kỷ nguyên mới cho toàn thế giới. Một mặt, lúc đầu thì đó là một sự gần gũi thiết thực, hẹp và hạn chế, và chúng ta phải chấp nhận nó là do nguyện vọng tránh được cuộc chiến tranh sắp xảy ra. Mặt khác, về tương lai thì tôi thấy hình như nó tạo ra mầm mống cho Liên bang châu Âu sau này" (tr. 230).

"... đó sẽ là màn đầu của cuộc xâm chiếm giống như cuộc

xâm chiếm của những người Bốc-ghi-nhông hoặc Noóc-măng. Đó sẽ là cuộc thiên di của các dân tộc" (tr. 244).

"Sự thật là bản năng chiến đấu gắn liền rất chặt chẽ và sâu sắc với ý niệm Tổ quốc" (tr. 246).

"Đả đảo chiến tranh!.." Các bạn có nhận thấy một điều gì không? Trong các cuộc mít-tinh chống chiến tranh, chẳng bao giờ người ta hô: "Hòa bình muôn năm!"

Không bao giờ! hoặc hầu như không bao giờ!...

Chào mừng hòa bình ư? Chúng ta đến đây để phản đối và chống lại tai họa, chống lại hành động đê hèn, chống lại cuộc chiến tranh mà chúng ta căm ghét, và chống lại những quân vô lại đang chuẩn bị chiến tranh.

"Nhưng nếu các bạn căm ghét chiến tranh thì các bạn phải yêu quý hòa bình!"

Điều này có vẻ rất rõ ràng, hiển nhiên, không chối cãi được, và thế mà bất chấp lô-gích, có một điều gì đó trong tâm hồn nhân dân đang nói: không phải, và tâm hồn nhân dân lại đúng.

Chỉ hô lên: "Hòa bình muôn năm!" Chỉ thế thôi ư? Nghĩa là hòa bình đó làm chúng ta thỏa mãn ư? Và chúng ta hài lòng rồi ư? Không bao giờ! Nếu bạn muốn, chúng ta sẽ hô: "Cách mạng xã hội muôn năm!" chứ không phải là "Hòa bình muôn năm!" Đả đảo chiến tranh, điều đó rất tốt, vì nó dễ hiểu và đúng. Thật vậy, chúng ta căm ghét mọi loại chiến tranh, dù nó là chiến tranh gì đi nữa; nhưng nói chúng ta yêu quý mọi thứ hòa bình là không đúng. Nhân dân lao động không yêu quý hòa bình tư sản, cái thứ hòa bình trong đó không có chiến đấu mà người ta đối với họ như đối với kẻ bại trận. Công nhân cảm thấy lờ mờ rằng khi chào mừng thứ hòa bình ấy, họ gây ra một ấn tượng rằng nguyện vọng duy nhất của họ là chấm dứt mọi nỗi lo âu, quay trở về với công việc quen thuộc hàng ngày và lại tiếp tục uể oải quay cái bánh xe của mình.

Nhưng hoàn toàn không phải như vậy!" (tr. 249 - 250).

"Những phần tử tích cực của chúng ta cảm thấy được quần chúng" (tr. 251).

"Nhưng trong thâm tâm, họ cảm thấy rằng cái nhiệt tình chiếm lĩnh tâm tư anh nông dân kia khi anh ta mơ ước vinh quang, là một ngọn lửa bùng bùng đến mức một ngày phấn khởi như vậy đáng giá cả một cuộc đời mù mẫm, và cảm thấy rằng một thanh niên mà tuần sau người ta giết ở công sự Tsatan-gi, sẽ có một cuộc đời lâu dài hơn là nếu anh ta chết trên mảnh ruộng của mình năm 75 tuổi.

Họ hiểu rất rõ điều ấy, và nếu họ coi thường cái nhiệt tình chiến đấu đó, thì chính là vì họ biết một kiểu nhiệt tình khác và cuộc chiến tranh khác mà họ cho là cao quý hơn, và từ đỉnh cao của nhiệt tình đó, của chiến tranh đó, họ nhìn cái nhiệt tình kiểu lính tráng cũ kỹ đó, một cách thương hại và khinh rẻ, — cái nhiệt tình họ đã từng quen biết và đã dập tắt đi" (tr. 252 - 253).

"Người công nhân không có gì trong thời bình thì ở thời chiến, cũng chẳng có gì để mà mất. Anh ta chỉ có cái mạng để mất thôi, nhưng bù lại, anh ta lại có súng. Với khẩu súng đó, anh ta có thể làm được nhiều việc lắm. Anh ta mơ ước điều đó. Không, tuyệt nhiên chẳng phải là lợi ích kinh tế đã kích động người công nhân căm ghét chiến tranh" (tr. 255).

"Các ngài có biết là nước Đức chắc chắn sẽ kiếm chác được cái gì trong cuộc chiến tranh mới với Pháp hay không?

"Được quặng mỏ của vùng Lo-ren chẳng, các ngài có nghĩ thế không?"

Không, hơn thế nhiều! Tiến được vào cửa ngõ Pa-ri, nước Đức sẽ lấy được cả Bỉ lẫn Hà-lan, và chỉ thế thôi. Miền hạ (inferior) Đức... và những thuộc địa của nó là những vùng vô cùng rộng lớn" (tr. 257).

"Đối với chúng ta, biên giới của các nước hiện đại không phải là các trở ngại vĩnh viễn và không thể vượt qua... Và chúng ta thấy mặt trời mới của Liên bang châu Âu đang mọc trên chân trời nước Pháp" (tr. 268).

"Nếu chúng ta tổ chức được hòa bình và châu Âu, thì tôi cảm thấy rằng nước Cộng hòa, Tổ quốc và Quốc tế sẽ hoàn toàn hài hòa với nhau, và chúng ta chẳng cần phải đem nước Cộng hòa bỏ lên gác xếp nữa" (tr. 272).

DANH MỤC NHỮNG CHỖ TRÍCH TRONG  
CUỐN SÁCH CỦA SUN-TXÊ - GHÊ-VÉC-NI-TXƠ  
"CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC ANH"<sup>42</sup>

43 công nhân lớp trên và quần chúng công nhân versus nhà thờ	401 chủ nghĩa duy tâm phục vụ cho chủ nghĩa đế quốc!
56 từ trên	402 nước Đức đứng đầu nhân loại.
73 những thuộc địa ( <i>đã tãng gắp đôi</i> )	412 (Giép-bơ) 415 (Số 53)
75 (Ai-rơ-len thứ hai)	422 Hôn-lăng
87 chủ nghĩa đế quốc cuối thế kỷ 19	423 (Số 104), idem số 111 Hốp-hao-xơ, ibidem số 112 Mác
104 Mun-ta-tu-li	426 Số 116 và 118
119 lũy chiến đấu <sup>43</sup>	Số 133
122 kinh tế quốc dân	Số 136
159 li-vơ xtéc-linh trước thế kỷ 20	Số 151 Số 155
174 Ca-na-đa	Số 171
217 (như trên)	Số 342 Số 365

SUN-TXÊ - GHÊ-VÉC-NI-TXƠ.  
"CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC ANH"

Tiến sĩ G. phon *Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ*. "Chủ nghĩa đế quốc Anh và nền thương mại tự do của Anh đầu thế kỷ XX". Lai-pxích, 1906 (477 tr.).

Hèn hạ vào bậc nhất, đê tiện, người theo chủ nghĩa Can-tơ, bênh vực tôn giáo, sô-vanh, ông ta thu thập được một vài sự kiện rất đáng chú ý về chủ nghĩa đế quốc Anh và viết được một cuốn sách sinh động, không làm người ta ngán. Ông ta đã đi khắp nước Anh, thu thập được nhiều tài liệu và đã quan sát nhiều. Các ngài người Anh, các ngài cướp bóc nhiều rồi, hãy để cho chúng tôi cướp bóc, bằng cách đem Can-tơ, Chúa trời, chủ nghĩa yêu nước, khoa học ra "thần thánh hóa" sự cướp bóc = đó là thực chất lập trường của cái "nhà bác học" này!!

(Có nhiều lời ba hoa thừa nữa).

Trong phần mở đầu, trình bày khái quát về "những cơ sở của uy lực thế giới của Anh", cuộc đấu tranh với Hà-lan, Pháp... vai trò vĩ đại của thanh giáo, của tín ngưỡng tôn giáo ((đặc biệt)), của giới luật etc. etc.

Ở Anh "các giáo phái thường dựa vào các giai cấp trung gian và một phần nào dựa vào công nhân lớp trên, trong khi đó thì quảng đại quần chúng công nhân lớp giữa, đặc biệt là ở các thành phố lớn, nói chung là ít chịu ảnh hưởng của tôn giáo".

tr. 56: Ở Anh nên cộng hòa và Crôm-oen đã làm cho chủ nghĩa đế quốc tiến lên khủng khiếp và đặc biệt là đã đẩy mạnh khủng khiếp việc xây dựng hạm đội: dưới thời Các-lơ hàng năm đóng không được > 2"chiếm hạm", dưới thời cộng hòa hàng năm đóng được đến 22chiếc (1654).

Ở thời cực thịnh của phong trào Man-tse-xơ và của chính sách tự do buôn bán,

**NB**  
(( công nhân ))  
lớp trên  
và  
tôn giáo

||| nên cộng hòa  
và chủ nghĩa  
đế quốc!!!!

chính sách đối ngoại đã tiến một cách đặc biệt  
mãnh liệt: 1840 - 42 chiến tranh thuốc phiện;  
những chi phí cho hạm đội (tr. 73):  
1837 — 3 si-linh 3 pen-ni cho I đầu người.  
1890 — 10 " " " " "

"thuộc địa đã Từ năm 1866 đến 1900, những thuộc địa  
*tăng gấp đôi*" *tăng lên gấp đôi* (ibidem).

**NB** "Ngài Rô-bóc Pi-lơ đã từng nói: "Trong mỗi  
thuộc địa của chúng ta, chúng ta đều có một Ai-  
rơ-len thứ hai"... (75).

"Chính vào cuối thế kỷ 19, đế quốc Anh đã tỏ ra ăn không  
biết no: Miến-điện, Bê-lút-gi-xtan, Ai-cập, Xu-đăng, U-gan-  
đa, Rô-đê-di-a, các nước cộng hoà Nam Phi đã bị nuốt  
chửng"... (87)...

Có chỗ ông ta nhắc đến *Mun-ta-tu-li*, và cuốn  
tim hiểu sách của ông này viết về sự cai trị của người Âu  
xem!! ở thuộc địa (104).

... "những quốc gia châu Á mà huân tước Cốc-dơn gọi là  
"những lũy chiến đấu của pháo đài Ấn-độ": Ba-tư, Áp-ga-ni-  
xtan, Tây-tạng và Xiêm" (119).

"Nước Anh dần dần biến từ một nước công  
nghiệp thành *một nước cho vay nợ*.  
Mặc dù sản xuất công nghiệp và xuất khẩu công  
nghiệp có tăng lên một cách tuyệt đối, nhưng đối  
với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thì ý nghĩa  
tương đối của những khoản thu nhập do lợi tức  
và lợi tức cổ phần, do việc phát hành trái khoán,  
do việc đứng làm trung gian ăn hoa hồng và do  
việc đầu cơ đem lại, đều tăng lên. Theo ý tôi thì  
chính sự kiện đó là cơ sở kinh tế cho sự phát triển  
của chủ nghĩa đế quốc.

**NB** "Chủ nợ gấn bó chặt chẽ với con nợ hơn là  
đúng!!  
kẻ bán với người mua"<sup>1)</sup> (122).

"Bằng cách đó" (bằng cách đảm bảo, củng  
cố bản vị vàng) "ông ta (Pi-lơ) đã nâng đồng li-  
vơ xtéc-linh lên vị trí đồng tiền thế giới — cái  
vị trí này, đồng li-vơ xtéc-linh đã giữ độc  
quyền cho đến cuối thế kỷ 19" (159).

"Để làm cơ sở cho những luận cứ ấy" (ủng  
hộ liên minh thuế quan giữa các thuộc địa với  
Anh) "người ta đã dẫn chứng những thiệt hại  
mà chính sách thuế quan đế quốc chủ nghĩa đã  
gây ra cho xuất khẩu của Đức sang Ca-na-đa.  
Ông ta nói: Ca-na-đa là nước duy nhất trên thế  
giới, mà ở đó sự bành trướng thương mại của  
Đức đã ngừng tăng lên trong thời gian gần  
đây, trái hẳn với sự phát triển mạnh mẽ của  
thương mại Anh, và cũng có lợi cho những  
người sản xuất đường ở Tây Ấn nữa" (tr. 174).

	Xuất khẩu sang Ca-na-đa		Xuất khẩu đường của Đức sang Ca-na-đa (triệu <i>mác</i> )
	Anh (tính theo	Đức triệu 1. xt.	
1898 — —	5.8	1.2	—
1899	7.0	1.2	—
1900	7.6	1.0	4.3
1901	7.8	1.3	6.2
1902	10.3	1.9	9.2
1903	11.1	1.8	2.4
1904	10.6	1.2	0

cần xem  
lại một lần  
nữa!!

**(NB)**

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ,  
Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 506.



(tr. 217) Xuất khẩu của Vương quốc liên hợp, tính theo triệu li-vơ xtéc-ling:

	1866	1872	1882	1902
Sang các thuộc địa Anh . . . .	53.7	60.6	84.8	109.0
" châu Âu . . . . .	63.8	108.0	85.3	96.5
" các nước không thuộc Anh ở châu Á, châu Phi và Nam Mỹ . . . . .	42.9	47.0	40.3	54.1
" Mỹ . . . . .	28.5	40.7	31.0	23.8

**NB** “Và như thế là có thể hoàn toàn nhận thấy ý nghĩa lớn lao mà những người đế quốc chủ nghĩa gán cho các thị trường tiêu thụ thuộc địa. Tuy nhiên, mặc cho những người tán thành cải cách tài chính muốn nói gì thì nói, chúng ta cần phải xác nhận rằng để thống trị các thị trường thuộc địa ấy, cho tới nay, nước Anh không cần đến các biểu thuế quan ưu đãi. Nếu nước Anh có thể mong chờ các biểu thuế quan ưu đãi đó mang lại điều gì tốt hơn thì đó là trong tương lai có thể hạn chế sự cạnh tranh của nước ngoài đang thâm nhập dần dần mà thôi”.

... Ngoài ra, tâm trạng đế quốc chủ nghĩa được tăng cường là do chỗ “một số trong số những nước” (ngoài) “thi hành chính sách thuế quan bảo hộ đó ngày càng có nhiều vùng cung cấp nguyên liệu rộng lớn, và độc quyền sử dụng những vùng ấy cho nền công nghiệp và ngành hàng hải – đã được những hàng rào thuế quan rất cao bảo vệ – của mình...”

... Về mặt này, Mỹ hành động một cách đặc biệt không khách sáo gì. Hàng hải giữa Tây Ấn và Mỹ trước **NB** kia được tiến hành hoàn toàn dưới lá cờ của Anh. Sau khi Poóc-tô - Ri-cô được đưa vào liên minh thuế quan của

Mỹ và tàu buôn duyên hải của Mỹ đã chiếm được quyền ưu tiên, thì ngành vận tải hàng hoá trên biển của nước Anh bị loại ngay tức khắc. Năm 1900, 97% ngoại thương của hòn đảo bị khuất phục đó đã được vận chuyển bằng tàu **NB** Mỹ” (229). **NB** một ví dụ hay!!

“Theo cuốn Sách xanh của Anh đã xác định thì biểu thuế quan của Đức tồn tại cho đến nay đã thu gần 25% giá trị của những hàng hoá xuất khẩu chủ yếu của Anh, còn Pháp thì thu 34%, Mỹ – 73%, Nga – 131%” (230). **NB** các con số NB

“Từ năm 1865 đến 1898, thu nhập quốc dân của Anh tăng gần *gấp đôi*, theo Ghíp-phen thì cũng trong thời gian ấy “thu nhập thu được từ nước ngoài”, đã tăng *gấp chín lần*” <sup>1)</sup> (tr. 246). **NB** (rất quan trọng) gấp 21 lần và gấp 9 lần

Đây là trích của Rô-béc *Ghíp-phen*. “Những công trình nghiên cứu và luận văn kinh tế”, 1904, tập II, 412 tr. [và “Fabian Tract” số 7].

Thu nhập do đầu tư tư bản ở nước ngoài mang lại năm 1898 là từ 90 tr. 1. xt. (Ghíp-phen).

và lên tới 118 tr. 1. xt. Không dưới 100 tr. 1. xt. (tr. 251): dân số thu nhập (ước tính), nghĩa là theo đầu người

<b>NB</b>	1861	28.9	tr. ...311.8	tr. 1. xt. = 10.7	1. xt.
	1901	41.4	...866.9	= 20.9	1. xt.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 510.

Xuất khẩu sản phẩm của Anh (không kể tàu)  
tính theo 1 000 li-vơ xtéc-ling:

	(A) Sang những nước áp dụng thuế quan bảo hộ	(B) Sang các thị trường trung lập	(C) Sang các đất thuộc Anh	Tổng cộng
1870	94 521	53 252	51 814	199 587
1880	97 743	50 063	75 254	223 060
1890	107 640	68 520	87 371	263 531
1900	115 147	73 910	93 547	282 604
1902	100 753	69 095	107 704	277 552

(A) = châu Âu và Mỹ. (B) = Nam Mỹ, châu Á và châu Phi =  
"những vùng cung cấp nguyên liệu nằm ngoài châu Âu". (C) =  
thuộc địa của Anh.

« cần xem lại  
lần nữa và  
lần nữa » "Những công nhân được tổ chức vào công  
đoàn" (Anh) "từ lâu đã bước vào con đường làm  
chính trị thực tế. Việc mở rộng quyền bầu cử đã  
làm cho họ trở thành chủ nhân của chế độ nhà  
nước đã được dân chủ hoá, tuy rằng quyền bầu  
cử vẫn còn *bị hạn chế* đủ để *gạt* tầng lớp  
dưới **thật sự vô sản** ra ngoài"<sup>1)</sup> (298)

"Cái vị trí có ảnh hưởng như vậy của người công  
nhân là không nguy hiểm đối với nước Anh, vì bài học  
về nghề nghiệp và chính trị nửa thế kỷ nay, đã dạy cho  
người công nhân biết đem những lợi ích của mình đồng  
nhất với những lợi ích của ngành công nghiệp của  
mình. Đúng là trong vấn đề tiền công, giờ lao động  
v.v., công nhân đã chống lại người thuê mình, nhưng  
bên ngoài, bất cứ ở đâu mà người ta động chạm đến  
những lợi ích của bản thân ngành công nghiệp của họ,  
thì công nhân lại nhất trí với người chủ mình. Không

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ,  
Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 511.

hiếm trường hợp, những hiệp hội của chủ và những hội  
liên hiệp công nhân cùng nhau can thiệp vào những vấn  
đề kinh tế trước mắt. Ví dụ: những công đoàn ở Lan-ca-si-  
rơ đã bảo vệ chế độ song bản vị cho tới khi ở Ấn-độ, vàng  
được đưa vào làm cơ sở cho tiền tệ; hiện nay họ ủng hộ  
những cố gắng đưa bông vào trồng ở châu Phi" (299).

Tác giả trích của E. Béc-stanh. "Công nhân Anh và  
chủ nghĩa đế quốc thuế quan - chính trị" trong "Archiv für  
Sozialwissenschaft und Sozialpolitik". Tập XIX, tr. 134.

Hiện nay (1903) công nhân chống lại  
Sem-bóc-lin (Đại hội công liên năm 1903, 458

phiếu chống 2)... "*Đại hội hợp tác*  
*xã* bao gồm *toàn thể tầng lớp trên*  
*của công nhân*, cũng có một lập  
trường hệt như vậy" (tr. 300).

Tác giả nói: việc cải thiện điều kiện sinh sống của  
công nhân là việc tất nhiên rồi. Nạn thất nghiệp không  
phải là trầm trọng đến như thế: "Đây" (vấn đề nạn thất  
nghiệp) "chủ yếu là vấn đề có liên quan đến thành phố  
Luân-đôn và **tầng lớp vô sản bên dưới, là tầng lớp**  
**mà các nhà chính trị ít đếm xỉa đến**"<sup>1)</sup>

(tr. 301) (tác giả trích dẫn: "Báo cáo của Bộ thương mại",  
"Labour Gazette" tháng Chạp 1905, tr. 355. "Trong tháng  
Mười một 1905, ở Luân-đôn có 24 077 công nhân thất  
nghiệp, so với 12 354 người ở phần còn lại của nước Anh  
và ở Oen-xơ") (chú thích số 400).

"Để ý đến những hiện tượng này, hiện nay những  
tầng lớp **trên** của giai cấp công nhân Anh không thấy  
có lý do gì khiến phải thay đổi triệt để chính sách thuế  
quan của Anh cả" (tr. 301).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ,  
Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 511.

“tư bản  
tài chính”

NB

"Sở giao dịch Man-tse-xơ trước kia đã là trung tâm của nền kinh tế quốc dân Anh thì Sở giao dịch chứng khoán Luân-đôn hiện nay cũng là như vậy. Nhưng theo nhận định chung thì trong cái thế giới muôn màu muôn vẻ của sở giao dịch chứng khoán hiện nay, chính những chứng khoán có giá của các nước xa lạ chiếm ưu thế: công trái của chính phủ và của thị chính của các thuộc địa, của Ấn-độ, Ai-cập v.v., công trái của Nam Mỹ, nhất là của Ác-hen-ti-na và Nhật-bản, cổ phần mỏ đồng và đường sắt của Mỹ và Ca-na-đa, và trước hết là cổ phần mỏ vàng của Nam Phi và của Tây Úc, cổ phần khai thác kim cương châu Phi, các chứng khoán có giá của Rô-đê-di-a v. v. ...

... Do đó, một mẫu người mới đã nổi lên hàng đầu và cầm lấy tay lái của nền kinh tế quốc dân Anh. Thay cho nhà kinh doanh công nghiệp, đã bèn rễ ở đất nước quê hương mình, mang nặng những nhà cửa và máy móc là *nhà tư bản tài chính*, bọn này tạo ra những chứng khoán có giá nhằm để bán cho thật nhanh" (310).

Ở các nước nhiệt đới, cây cỏ phát triển nhanh hơn vô cùng. Ví dụ, *chuối* (bột chuối) có "một tương lai rất lớn", việc sản xuất ra nó hết sức dễ dàng – lúa miến, chà là, lúa, v. v.. "Trên thực tế, những sản phẩm này có nhiều vô tận, điều đó bác bỏ quan điểm cũ kỹ của Man-tuyt cho rằng lương thực thực phẩm là có hạn và xua tan đi cái nguy cơ là đất trồng ngũ cốc có thể bị bạc màu" (315 - 6)

Ở đây, người châu Âu là vô dụng,  
còn đối với người da đen thì không thể dạy họ được nếu không dùng cưỡng bức

tên đế quốc  
chủ nghĩa

"Chính đây là sự biện hộ về mặt văn hoá - lịch sử cho chủ nghĩa đế quốc thời hiện đại. Tính chất nguy hiểm mà chủ nghĩa đế quốc mang lại là ở chỗ trong điều kiện quá ư căng thẳng về các quan hệ thống trị chính trị, châu Âu sẽ trút lao động chân tay – trước tiên là lao động nông nghiệp và hầm mỏ và sau đến là lao động công nghiệp thô sơ hơn – cho các dân tộc da đen, còn bản thân mình thì nhận lấy vai trò kẻ thực lợi, và có thể là đang chuẩn bị giải phóng về kinh tế, và sau đó về chính trị, cho các chủng tộc da đỏ và da đen"<sup>1)</sup> (317).

NB!!

NB  
(triển vọng)

NB  
"Châu Âu" =  
người thực lợi  
(cưỡi trên lưng  
người da đen)

"Nam Mỹ, và nhất là *Ác-hen-ti-na*, đang ở vào một tình trạng phụ thuộc Luân-đôn về tài chính, đến nỗi nên gọi nó *gần như là một thuộc địa thương mại của Anh vậy*"<sup>2)</sup> (318).

(Phần lớn các nước nhiệt đới và á nhiệt đới nằm trong tay nước Anh).

"Trong số những khoản đầu tư ở nước ngoài, thì chiếm hàng đầu là những khoản đầu tư vào những nước phụ thuộc về chính trị hay liên minh về chính trị: Anh cho Ai-cập, Nhật, Trung-quốc, Nam Mỹ vay.

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 510.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 485.

NB Trong trường hợp cực kỳ cần thiết, hải quân Anh đóng vai mô toà. *Lực lượng chính trị của nước Anh bảo vệ nó chống lại những sự phần nộ của các con nợ*"...<sup>1)</sup> (320).

NB "Với tư cách là *nước cho vay*, nó (Anh) ngày càng dựa nhiều vào các vùng thuộc địa ít nhiều phụ thuộc về mặt chính trị, vào "Thế giới mới" (ở đây, chú thích số 422, tác giả trích dẫn các số liệu về thu nhập năm

!!! 1902/3: do các khoản cho thuộc địa vay đem lại – 21.4 triệu li-vơ xtéc-linh, do các khoản cho các nước ngoài vay đem lại – 7.56 triệu 1. xt., trong đó châu Âu chỉ là 1.48 triệu 1. xt.!!!). "Nước Anh, với tư cách *nước cho vay*, không

NB phụ thuộc vào những lợi ích tự do buôn bán của nước Anh với tư cách là nước công nghiệp, ngược lại, trong một vài trường hợp, nó có lợi trong việc dùng những cải cách tài chính để thúc đẩy sự phát triển của thuộc địa. Đó là mối liên hệ bên trong giữa sở giao dịch chứng khoán với chủ nghĩa đế quốc, giữa chính sách đối ngoại với những lợi ích của nước Anh với tư cách là nước cho vay.

NB Nước cho vay dần dần nổi lên hàng đầu, trái ngược với nước công nghiệp. Dù sao thì *thu nhập của nước Anh, là nước cho vay, đã nhiều lần cao hơn lợi nhuận ròng của toàn bộ ngành ngoại thương*. Năm 1899, trong tổng kim ngạch nhập khẩu và xuất khẩu là 800 triệu 1. xt., Ghíp-phen đã ước tính rằng lợi nhuận ròng của ngoại thương là 18 triệu 1. xt., còn số tiền thu được do nước ngoài trả lợi tức của tiền vay, nếu đánh giá một cách thận trọng, thì lên đến 90 - 100 triệu 1. xt. Ngoài ra, số thu nhập vừa nói đến ấy tăng lên rất

<sup>1)</sup> Xem. V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 505.

nhanh, trong khi đó thu nhập do ngoại thương mang lại, tính theo đầu người, lại giảm đi. Ngoài ra, nếu ta lưu ý rằng chiến tranh và những khoản bồi thường chiến tranh, những đất sáp nhập và các tô nhượng ở nước ngoài đã làm cho hoạt động phát hành chứng khoán của các sở giao dịch của một nước nào đó diễn ra náo nhiệt thêm; rằng những người lãnh đạo thế giới tài chính đã chi phối phần lớn báo chí nhằm tạo nên những tâm trạng đế quốc chủ nghĩa thì không còn có thể nghi ngờ gì nữa về những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc" (321).

((thế nhưng – tác giả nói – tất nhiên là không chỉ có kinh tế: tư tưởng, tôn giáo v.v., v.v..))

"Đặc biệt rõ ràng là những lợi ích tài chính quan trọng nhất, có hiệu lực nhất của Sở giao dịch Luân-đôn là phụ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc chính trị: những người Nam Phi đã có được một loại chiến lợi phẩm dưới hình thức lao động của người Trung-quốc, một chiến lợi phẩm mà không bao giờ họ có thể nhận được từ tay ông già Kruy-gơ, từ cái Phôn-cơ-xra-át<sup>44</sup> đã được cải cách. Điều khó chịu nhất đối với họ là có một kẻ địch có trọng lượng như Giôn Bóc-xơ là người cho rằng tốt nhất là đuổi người Trung-quốc về nước họ, và biến Nam Phi thành vườn ươm những công đoàn người da trắng. Ngay cả Xê-xin Rốt-xơ, người được dân Nam Phi sùng bái, cũng thích lao động không có tổ chức của người da đen hơn, còn những viên chức da trắng mà ông ta được biết là có cảm tình với công đoàn, thì hình như ông ta chuyển họ đến những nơi hoang vắng trong nước, ở đó họ có thể truyền bá học thuyết của mình cho những người Búc-sơ-men và Du-lúc-xơ mà không bị trừng phạt. Nỗi sợ phong trào công nhân da trắng theo kiểu

NB NB || Úc, là một trong những sợi dây ràng buộc những trùm  
|| số của công nghiệp khai khoáng ở Ran-đơ<sup>45</sup> vào chiếc  
|| xe của chủ nghĩa đế quốc chính trị" (322).

NB ( và trong chú thích số 424, tác giả trích nguyên văn )  
NB ( lời tuyên bố sau: "những thủ lĩnh của công nghiệp" )  
NB ( địa phương, người Nam Phi, sớ tấm gương Úc... )

"Số lượng *những người thực lợi* ở Anh, tính tròn, có thể ước  
tính là 1 triệu (323).

NB	Dân số Anh và Oen-xơ		Số lượng công nhân trong các ngành công nghiệp chủ yếu	%
	1851	17 928 000	4 074 000	23
1901	32 526 000	4 966 000	15	

= "giảm tỷ trọng công nhân sản xuất tính theo đầu người" <sup>1)</sup>  
(tr. 323)...

"Nước cho vay đã để lại dấu vết sâu của nó ở một số bộ  
phận của nước Anh. Nếu như việc phải lựa chọn: tự do buôn  
bán hay là cải cách tài chính, trên một quan điểm nào đó, có  
nghĩa là cuộc đấu tranh giữa nhà nước công nghiệp với nhà  
nước cho vay, thì đồng thời nó cũng biểu hiện mâu thuẫn giữa  
các vùng "ngoại ô" của miền Nam nước Anh với các biệt thự  
của nó — nơi mà sản xuất công nông nghiệp bị đẩy lùi xuống  
hàng thứ hai — và các vùng sản xuất công nghiệp của miền Bắc.  
Giai cấp những người thực lợi cũng đã chiếm giữ một phần lớn  
Xcốt-len và đã biến đổi cái phần này cho phù hợp với những  
yêu cầu của các vị khách cứ một năm thì bỏ ra 3 - 4 tháng để  
đến đó đánh cầu, đi chơi bằng ô-tô hay thuyền buồm, săn thú  
và câu cá. Xcốt-len là "sân thể thao" quý tộc nhất của cả thế giới;

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 511.

và như người ta đã nói hơi phóng đại một chút rằng nó sống bằng  
cái dĩ vãng của nó và nhờ vào ông Các-nê-gi" <sup>1)</sup> (324) ((ở đây, tác  
giả trích dẫn Hốp-xơn, như nhiều lần ông đã làm như thế)).

Đó là trích ở § 5 (chương III), nhan đề: "Nhà nước thực lợi".

§ 6 có nhan đề: "Sự già cỗi của chủ nghĩa tư bản", ở đây tác  
giả trình bày những sự kiện chứng tỏ sự thua kém của Anh (so  
với Đức) về mặt phát triển công nghiệp.

Có đoạn đưa ra những con số sau đây:

*Những bằng phát minh* sáng chế đã được trao  
(tr. 347):

	cho Anh	cho Đức	cho Mỹ
ở Đức (1904) — —	574	—	474
" Pháp (1904) — —	917	2 248	1 540
" Anh (1903) — —	—	2 751	3 466
" Ý (1904) — —	337	1 025	314
" Áo - Hung (1904) — —	154	962	209
" Nga (không kể Phần-lan) (1901) — —	146	438	196
" Thụy-sĩ (1903) — —	164	897	198
" Ca-na-đa (1904) — —	310	185	4 417
" Mỹ (1903) — —	1 065	1 053	—
Tổng số	3 667	9 559	10 814

[Tác giả không cộng các con số lại.]

Tinh thần thanh giáo cũ đã biến mất. *Sự xa  
hoa* phát triển (360 và các trang tiếp)... "Chỉ  
dành riêng cho chuyện đua ngựa và săn cáo  
mà hàng năm, như người ta nói, nước Anh  
tiêu mất 14 triệu li-vơ xtéc-linh" <sup>2)</sup> (361)...

14 triệu li-vơ  
xtéc-linh!!

1) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 510 - 511.

2) Như trên, tr. 511.

Thể thao. Những người thanh giáo đã chống lại thể thao. Thể thao là tất cả công việc trong đời của "những thành viên của giai cấp ăn không ngồi rồi và giàu có" (362).

"Điều đáng chú ý là những môn thể thao dân tộc được ưa chuộng nhất đều mang sắc thái tài phiệt rõ rệt" (362).

"Chúng (những môn thể thao đó) được dành riêng cho tầng lớp quý tộc ấy, cái tầng lớp sống bằng lao động của những người da đen, người Trung-quốc và Ấn-độ, bằng lợi tức và địa tô rút được của toàn thế giới và trực tiếp coi đất đai của tổ quốc mình là một xa xỉ phẩm" (363).

... "Quần chúng, mà hơn thế nữa cả quần chúng công nhân, trở thành người khán giả không hoạt động, nhưng lại hết sức say mê" (thể thao) (363).

"... Về thực chất, giới thực lợi rất xa lạ với nền văn hóa. Nó sống bằng quá khứ và bằng lao động của người khác, và như U. Mô-ri-xơ đã trách móc, nó nghệt thờ trong cảnh xa hoa" (363).

"Đối với nước Anh, vấn đề là ở chỗ liệu cái cổ của giai cấp thực lợi có đủ cứng để gánh cái ách xã hội - chính trị mà chủ nghĩa xã hội muốn đặt lên đầu nó không? Hiện nay, những người Anh thực lợi liệu có đủ giàu có để cho người ta tước đoạt mà đổi lấy cái vinh dự được dùng sản phẩm mà những người công nhân Anh phải làm việc 8 giờ một ngày để sản xuất ra và chỉ lĩnh được đồng lương bảo đảm "mức sống tối thiểu" không?" (374).

"Thuế quan bảo hộ xã hội" và chủ trương của nó; người công nhân có lợi ở chỗ giá cả *cao* ("Fabian Tract" số 116) — tr. 375 — để cho đất nước giàu có hơn và có thể chia nhiều hơn cho công nhân.

"Có thể là nó" (việc thực hiện những chủ trương như vậy) (der Ausbau), "có thể thực hiện được cho nước Anh vào thế kỷ 20 trên cơ sở giới thực lợi là những kẻ bắt các vùng rộng lớn và giàu nguyên liệu nộp cống cho nó, những kẻ mua nguyên liệu và thực phẩm bằng phiếu

lợi tức và phiếu chứng chỉ lợi tức cổ phần và thi hành chủ nghĩa đế quốc chính trị để bảo vệ quyền thống trị về kinh tế. Ở nơi nào mà vấn đề là ở chỗ kéo một nhà nước xã hội chủ nghĩa tương lai từ chín tầng mây xuống mặt đất, thì ở đó phải thấy điều ấy chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một tổ chức chặt chẽ trên quy mô cả nước. Liên bang Úc, một nước gần nhất với ảo tưởng xã hội sẽ diệt vong nếu như nó ôm người phu Trung-quốc vào ngực và nói: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại" *Dẫu bằng cách nào thì cũng không thể gạt bỏ được một cách đơn giản* cái nước Anh mà Đảng công nhân mơ tưởng *như là gạt bỏ một ảo tưởng được*, nhưng nước Anh sẽ là một tác phẩm xã hội nhân tạo và nó sẽ sụp đổ dưới áp lực của những con nợ căm phẫn mà cái quốc gia chủ nợ thống trị không còn đủ sức ngăn chặn bằng các thủ đoạn chính trị" (375).

Và trong chú thích số 512, có một đoạn trích trong tạp chí "Justice", 16. XII, 1905 (!) cho rằng "chúng ta" cần phải "phá hủy hạm đội Đức"... "Hen-đman là hiện thân của mối liên hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa sô-vanh, một mối liên hệ nhằm đặc biệt chống lại nước Đức" (tr. 474).

Những lời thú nhận rất quan trọng:

- (1) "mối liên hệ" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa sô-vanh.
- (2) các điều kiện để "thực hiện" chủ nghĩa xã hội - sô-vanh (nhà nước thực lợi, việc duy trì chế độ nô lệ về chính trị ở các thuộc địa etc.)... **NB:**
- (3) tính chất đặc thù và quý tộc của công nhân (người phu).

*Chủ nghĩa duy tâm phục vụ cho chủ nghĩa đế quốc:*

"Bản thân hoạt động kinh tế là chưa đủ để nâng con người lên trên "thế giới súc vật"; nói cho đúng ra chỉ có làm cho đời sống kinh tế phục tùng các mục đích cao hơn kinh tế thì mới thực hiện được điều đó. Nhờ vậy, và *chỉ* nhờ vậy, một người công nhân bình thường, cũng như một ông chủ thế giới, trở thành những người có văn hóa trong lĩnh vực kinh tế. Chính sách duy tâm chủ nghĩa trong vấn đề dân số, chính sách dân tộc duy tâm chủ nghĩa, chính sách xã hội duy tâm chủ nghĩa đòi hỏi phải có một cơ sở kinh tế rộng lớn, bao hàm trong "vương quốc của các mục tiêu"; những chính sách đó đưa ra những yêu cầu ngày càng tăng, mà chế độ kinh tế ngưng trệ và bị cản trở của quá khứ không còn có khả năng thỏa mãn nữa. Để hoàn thành được các nhiệm vụ văn hóa đặt ra trước chúng ta, chúng ta cần có đôi vai rộng của người khổng lồ đang lao mình mãnh liệt về phía trước và có tên gọi là chủ nghĩa tư bản hiện đại" (401).

nước Đức || Dân tộc nào sẽ thực hiện được điều  
cầm đầu thế || đó, thì "sẽ cầm đầu nhân loại, vì lợi ích  
giới || của nhân loại và theo ý Chúa" (402).

Hết

Nói chung, giá trị khoa học của cuốn sách này là *ăn cắp* của Hốp-xon. Kẻ ăn cắp văn phẩm khoác chiếc áo của người theo chủ nghĩa Can-tơ, một tên đề tiện ngoan đạo, một tên đế quốc chủ nghĩa, thế thôi.

Một số cuốn trong thư mục:

Ri-sa *Giép-bơ*. "Những công trình nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc thuộc địa". Luân - đôn, 1905.

A. Ph. Uy. *In-grê-m*. "Lao động trong các thành phố lớn". Luân-đôn, (năm?).

Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ đặc biệt thích thú vị giám mục *Oe-xtơ-cốt*, người "đã tổ chức được sự giao tiếp thân ái giữa những nhà kinh doanh với những lãnh tụ công nhân bằng cách tổ chức các cuộc nói chuyện hàng quý của những nhân vật lãnh đạo của phía bên này và phía bên kia trong tòa giám mục... tại đây, những con người trước đó đấu tranh gay gắt với nhau đã học được cách tôn trọng lẫn nhau" (tr. 415, chú thích số 53).

*Hôn-lăng*. "Đế quốc và tự do". Luân-đôn, 1901.

*Hốp-hao-xơ*. "Dân chủ và phản động". Luân-đôn, 1904.

(( có rất nhiều điều đáng chú ý về chính sách thực dân tự do chủ nghĩa kiểu cũ ))

R. *Cốp-đen*. Cuốn sách nhỏ của một "người tán thành chính sách tự do buôn bán và bạn của hòa bình". Brê-mơ xuất bản lần thứ 2, 1876.

Cốp-đen là người tán thành hòa bình và **giải trừ quân bị**.

*Nát-xe* viết về Cốp-đen. "Sự phát triển và khủng hoảng của chủ nghĩa cá nhân kinh tế ở nước Anh". "*Preussische Jahrbücher*". Tập 57, quyển 5, tr. 445.

Những lời Cốp-đen nói về chính sách thực dân, chẳng hạn: "Có thể nào chúng ta lại đóng vai kẻ chuyên chế và tên đao phủ ở đó được chăng" (ở Ấn-độ) "và liệu có thể nào như vậy lại chẳng phải là trong tổ quốc chúng ta, tính chất của chúng ta đã hư hỏng đi rồi?" (tr. 423, chú thích số 104). *Ibidem* tán thành sự tách rời của Ca-na-đa.

Cốp-đen đã chống chiến tranh Crum (tr. 70 của Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ).

Cốp-đen

*Giôn Moóc-li*. "Cuộc đời của Cốp-đen". Luân-đôn, 1896, Tập 1 và 2.

Cốp-đen | "Cốp-đen tuyên bố sự thống trị của nước Anh  
trên mặt biển là "một sự tiếm đoạt" phi pháp, còn  
việc chiếm giữ Gi-bran-ta là "một ví dụ về bạo lực  
tàn nhẫn mà không một lời xin lỗi nào có thể làm mờ  
đi được"... Đối với Cốp-đen, việc thống trị Ấn-độ  
"chỉ đơn thuần là một việc làm vô hy vọng"... "là sự  
mạo hiểm"... Cốp-đen đòi hỏi phải đơn phương  
giảm quân đội và hạm đội Anh, coi đó là bước đầu  
để giải trừ quân bị trên toàn thế giới... Cốp-đen chỉ  
NB || coi chiến tranh là có lý khi nào một phần của lãnh  
NB || thổ quốc gia đã bị quân thù chiếm đóng"... (70-71).  
NB || *Mác-xơ*. "Tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc hiện tại".  
Đrét-đen. 1903.

*Đơ Chi-e-ri*. "Chủ nghĩa đế quốc". Luân-đôn, 1898.

*Gi. P. Gu-sơ*. "Trái tim của đế quốc". Luân-đôn, 1902 (sự phê phán của phái tự do đối với chủ nghĩa đế quốc).

*Đốc-kê-xô - Bốp-pa*. "Lịch sử thiết chế nhà nước của các thuộc địa Úc". Muyn-khen, 1903.

Nam tước phon *Ốp-pen-hai-mơ*. "Chủ nghĩa đế quốc Anh". Viên, 1905.

lòng căm thù của người Ai-rơ-len  
đối với nước Anh.

NB || Báo "*The Gaelic American*" ở Niu-Oóc. Ngoài ra:  
NB || hội nghị 18. XI. 1905 (tr. 429, chú thích số 136) - sự phản đối  
chính sách của Ê-đu-a (Đen-cát-xê etc.), một chính sách nhằm  
*lôi kéo vào chiến tranh với Đức*. Trích nghị quyết:  
"Liên minh với Nhật bảo đảm cho Anh được Nhật ủng hộ  
để duy trì Ấn-độ dưới ách thống trị của mình và Anh

đang tìm kiếm sự ủng hộ của Mỹ để duy trì Ai-rơ-len và Nam Phi dưới sự thống trị của nó"...

Về "giọng điệu *đổi lập* của báo chí Ấn-độ":...

*Mê-rê-đít Tao-nơ-xen*. "Châu Á và châu Âu".

Xuất bản lần thứ 3, 1905.

*Giung-hót-xbên*. "Những quan hệ thực sự của chúng ta với Ấn-độ" trong văn tập "Đế quốc và thế kỷ". NB

*Cũng ông ta* trong tạp chí "*The Monthly Review*", 17. NB

II. 1902 (bây giờ, chúng ta đưa 200 000 quân sang Ấn-độ để hơn là năm 1875 đưa 20 000 quân, và với ưu thế về pháo binh, chúng có thể làm được những gì? tr. 434, chú thích số 155).

Trong số rất nhiều sách viết về Xê-xin Rốt-xơ, tác giả chỉ ra một "bài phê phán rất đáng chú ý" (chú thích số 171).

*Ngài Ma-gơ-nút*. Luân-đôn (Phi-sơ En-vin), 1896, Đầu đề? NB?

*A-phri-can-đa*. "Xê-xin Rốt-xơ — một người thực dân và đế quốc chủ nghĩa" trong tờ "*The Contemporary Review*", 1896, tháng Ba.

*Pôn Gia-dôn*. "Sự phát triển của sự phân chia thu nhập ở Anh". Hai-đen-béc, 1905.

*R. Ghíp-phen*. "Những công trình nghiên cứu kinh tế". Luân-đôn, 1904. 2 tập ("quá ư lạc quan") (tr. 458, chú thích số 342).

*E. Béc-stanh*. "Công nhân Anh và chủ nghĩa đế quốc thuế quan - chính trị" trong tờ "Archiv für Sozialwissenschaft". Tập XIX, tr. 134.

*L. G. Ki-ốt-txa*. "Thương mại Anh và vấn đề liên minh thuế quan". Luân-đôn, 1902.

*Ê. Giáp-phê*. "Ngành ngân hàng Anh". Lai-pxích, 1905, tr. 125, 142, 172 và passim. "Quan hệ tỷ lệ giữa các hối phiếu ở nước ngoài gửi sang Anh và các hối phiếu ở Anh gửi sang nước ngoài là bằng 9:1" (tr. 464, chú thích số 404). NB



*Sác-lơ Đin-cơ*: "Những vấn đề của Anh". Luân-đôn (năm?).  
*H. Đ. Lô-ít*: "Nước Anh hiện đại". 1902 (Luân-đôn).  
*Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ*: "Tiến tới một nền hòa bình xã hội".  
Lai-pxích, 1890. 2 tập.  
→ Gương nước Úc, ảnh hưởng của nó: "chủ nghĩa xã hội phát  
biểu với giai cấp thống trị".

---

---

Hết

---

---

Mun-ta-tu-li.

*Gu-sơ*: "Lịch sử và những người viết sử ở thế kỷ 19" (1913).

---

**VỞ**  
**"μ"**  
**("MI")**  
**Mục lục**

μ

*Thống kê*

Svác-tơ	[I – 3] <sup>1)</sup>
“Vorwärts”, 13. IV. 1916	[I]
R. Can-vơ	[4]
“Tập bản đồ thương mại thế giới”	[8 - 9]
“Lúa mì trong lưu thông toàn thế giới”	[10 – 12]
Đường sắt	[14 – 16]

SVÁC-TXƠ.  
“CÁC HỆ THỐNG TÀI CHÍNH  
CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC LỚN”

**Ô. Svác-tơ.** “Các hệ thống tài chính của các cường quốc lớn” (Tủ sách của nhà xuất bản Hơ-sen). Tập I và II. Lai-pxích, 1909.

Bảng thống kê dưới đây (tr. 1 – 2) <sup>1)</sup> là *bảng thống kê s ở VI* được lược bớt *một chút* (rất ít): “Các chỉ tiêu phát triển của nền kinh tế và của phúc lợi”.

(Tài sản quốc dân, *phần lớn* là dựa theo Môn-hôn).

(Tập II, tr. 93)

Thuế của nhà nước đã tăng lên  
(tính theo đầu người và bằng mác)

Tăng

*Ở Anh* từ 1875 đến 1907/8

trực tiếp từ 7.<sub>6</sub> lên 26.<sub>6</sub> = 250%  
gián tiếp "31.<sub>9</sub>" 32.<sub>6</sub> = 2%

<sup>1)</sup> Xem bảng thống kê đặt ở giữa tr. 562 và tr. 563.

*Ở Pháp* từ 1875 đến 1907/8

trực tiếp từ 12.<sub>7</sub> lên 18.<sub>9</sub> = 49%  
gián tiếp " 39.<sub>2</sub> " 47.<sub>2</sub> = 20%

*Ở Phổ* từ 1875 đến 1908

trực tiếp " 5.<sub>8</sub> " 8.<sub>6</sub> = 48%  
gián tiếp " 6.<sub>6</sub> " 20.<sub>4</sub> = 209%

*Ở Đức* từ 1881/2 đến 1908

trực tiếp " 6.<sub>3</sub> " 10.<sub>4</sub> = 65%  
gián tiếp " 11.<sub>4</sub> " 24.<sub>2</sub> = 112%

Tập II, tr. 63

Toàn bộ chi phí cho *quân đội* và *hạm đội ở Đức*:

	1881/2	1891/2	1908
	408 triệu mác	563	1069
tính theo đầu người	9. <sub>0</sub> mác	10. <sub>8</sub>	16. <sub>9</sub>

“PHOỐC-VÉC-TXƠ” SỐ 103,  
13 tháng Tư 1916

“*Vorwärts*”, 1916, số 103 (xuất bản năm thứ 33), 13. IV. 1916. Bài xã luận: “Những người chủ tương lai của thế giới”.

Tài sản quốc dân (1912)

Mỹ.....	187. <sub>74</sub>	ty <sup>2</sup> đô-la
Đức .....	75	" "
Anh .....	90	" "

Xuất khẩu của Mỹ trong 10 tháng của năm 1915 (1914): sang châu Á là 115.<sub>8</sub> (77.<sub>6</sub>); sang Nam Mỹ là 116.<sub>7</sub> (70.<sub>4</sub>); sang châu Đại-dương là 77.<sub>6</sub> (64.<sub>8</sub>); sang Châu Phi là 29.<sub>1</sub> (22.<sub>1</sub>) triệu đô-la.

Người ta đã trả tiền nhập hàng quân trang quân bị etc. bằng cách bán những “chứng khoán có giá” Mỹ; Anh “bán” được 950 triệu đô-la, Pháp bán được 150; Hà-lan bán được 100; Đức bán được 300; Thụy-sĩ bán được 50.

Sản lượng (tính theo triệu tấn)			
	<u>than (1913)</u>	<u>Quặng sắt (1913)</u>	<u>gang (1913)</u>
Mỹ	517. <sup>14</sup>	59. <sup>44</sup>	31. <sup>46</sup>
Đức	278. <sup>98</sup>	35. <sup>94</sup>	19. <sup>30</sup>
Anh	92. <sup>01</sup>	16. <sup>25</sup>	10. <sup>64</sup>
	570. <sup>99</sup>	52. <sup>19</sup>	29. <sup>94</sup>
	17. <sup>30</sup>	7. <sup>01</sup>	24. <sup>31</sup>

Tiêu dùng (tính theo nghìn tấn) (1913)		Tiêu dùng	
	<u>đồng</u>	<u>chì</u>	<u>kẽm</u>
Mỹ	348. <sup>1</sup>	401. <sup>3</sup>	313. <sup>3</sup>
Đức	259. <sup>3</sup>	223. <sup>5</sup>	221. <sup>3</sup>
	404. <sup>0</sup>	414. <sup>9</sup>	415. <sup>9</sup>
	144. <sup>7</sup>	191. <sup>4</sup>	194. <sup>6</sup>
		43. <sup>7</sup>	24. <sup>4</sup>
		1. <sup>26</sup>	3. <sup>28</sup>
			4.

(Đây là vào năm 1912 - 3)

CAN-VỎ. "KINH TẾ THẾ  
 Ri-sa Can-vỏ. "Kinh tế thế giới nhập môn" (tập 30  
 Một thí nghiệm hay về việc tổng hợp số liệu (khoảng  
 (tôi thử xếp thành

#	Đội tàu buôn					
CÁC KHU VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU TRÊN THẾ GIỚI	Diện tích (triệu km <sup>2</sup> )	Dân số (triệu)	Mật độ dân số trên 1 km <sup>2</sup>	Đường sắt, nghìn km	Tàu thủy (nghìn)	Trọng tải (rông) triệu tấn
Trung Âu	27. <sub>6</sub> (23. <sub>6</sub> )	388. <sub>4</sub> (146. <sub>1</sub> )	14. <sub>05</sub>	203. <sub>8</sub>	41. <sub>2</sub>	7. <sub>9</sub>
Anh	28. <sub>9</sub> (28. <sub>6</sub> )	398. <sub>0</sub> (355. <sub>4</sub> )	13. <sub>75</sub>	140. <sub>3</sub>	35. <sub>3</sub>	11. <sub>1</sub>
Nga	22. <sub>2</sub>	130. <sub>8</sub>	5. <sub>9</sub>	63. <sub>2</sub>	5. <sub>6</sub>	1. <sub>0</sub>
Đông Á	12. <sub>4</sub>	389. <sub>4</sub>	31. <sub>4</sub>	8. <sub>2</sub>	5. <sub>2</sub>	0. <sub>9</sub>
Mỹ	30. <sub>3</sub>	148. <sub>5</sub>	4. <sub>9</sub>	378. <sub>9</sub>	25. <sub>7</sub>	6. <sub>0</sub>
Σ =	121. <sub>4</sub>	1455. <sub>3</sub>	12	794. <sub>4</sub>	113. <sub>0</sub>	26. <sub>9</sub>
"Không được tính"	14. <sub>6</sub> (khoảng 70)			22. <sub>3</sub>		
Toàn thế giới	136	1525		816. <sub>7</sub>		

# trong ngoặc đơn ở dưới là diện tích (Fläche) thuộc địa và dân số thuộc địa

GIỚI NHẬP MÔN<sup>1)</sup>

"Tủ sách Mai-ơ-Rốt-sin-đơ". 1906 (3 mác).

năm 1900 "Về các khu vực kinh tế chủ yếu trên thế giới" bảng như sau:

Bưu điện									
Đường dây nghìn km	Điện tín (triệu)	Ngoại thương (nhập + xuất) 1900 (tỷ mác)	Sản lượng than đá (1900) triệu tấn	Sản lượng gang triệu tấn	Sản lượng vàng (1900) nghìn kg	Cọc sợi trong công nghiệp bông vải sợi (1900) triệu cái	Số lượng cừu triệu con	Sản lượng len triệu kg	
520.2	168.9	40.9	250.8	14.6	8.2	26.0	89.1	214.4	
313.3	121	24.8	249.4	9.4	279.9	51.2	158.5	447.0	
171.8	20	3.3	16.1	2.9	36.0	7.0	62.4	191.1	
60.7	17	2.4	8.3	0.02	12.4	1.8 <sup>{ 1)</sup>	175	59.0	
<u>526.8</u>	<u>79</u>	<u>13.9</u>	<u>245.6</u>	<u>14.0</u>	<u>131.6</u>	<u>19.5</u>	<u>143.5</u>	<u>438.1</u>	
		85.3	770.2	40.9	468.1	105.5	628.5	1349.6	
		2.5	0.1	0.5	2.7				
		87.8	770.3	41.4	470.8				

1911<sup>46</sup>

Đức	10.4	149.8	234.5
Anh	15.3	228.8	276.2
Mỹ	9.2	244.6	450.2
	34.9	623.2	960.9
	= 81%		

<sup>1)</sup> "Các nước khác trên thế giới" (tức là khu vực "Đông Á" cộng với các khu vực khác).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 497 – 499.

R. Can-vơ liệt kê những thuộc địa như sau (tr. 90):

	Triệu dân
Đức .....	2.6 km <sup>2</sup> (triệu)
Pháp .....	10.98
Hà-lan.....	2.0
Bỉ .....	2.4
Đan-mạch .....	0.2
Ý.....	0.5 (trước Tô-ri-pô-li!!)
Tây-ban-nha .....	0.2
Bồ-đào-nha .....	2.1
Anh .....	28.6
Mỹ .....	0.3

Trừ Anh và Nga ra, còn *toàn bộ* châu Âu tác giả đều liệt vào "khu vực Trung Âu".

"Không được tính" nghĩa là không được chia theo khu vực, thì ngoài ra còn có Áp-ga-ni-xtan, Ba-tư, A - r a - b i; ở châu Phi, thì có A-bit-xi-ni, M a - r ó c (tác giả lạc hậu quá!!! sách của ông xuất bản năm 1906!!!) v.v..

Sự phát triển mạng lưới đường sắt ở năm khu vực sau đây trong những năm 1890 và 1913 (xem những con số chủ yếu dưới đây)<sup>1)</sup> sẽ là như sau:

	1890:	1913:
kể cả các thuộc địa của nó (châu Á không tính thuộc địa)	Trung Âu..... 1913	Đế quốc Anh... 166.2 — 268.9 + 102.7
	Đế quốc Nga... 107.3	— 207.8 + 100.5
	Khu vực Đông Á 32.4	— 78.1 + 45.7
	Mỹ (không tính thuộc địa) .... 3.3	— 27.5 + 24.2
	<u>308.1</u>	<u>521.9 + 213.8</u>
	Σ = 617.3	1104.2

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 586 – 594.

"BẢN TIN CỦA VIỆN THỐNG KÊ QUỐC TẾ"  
 ("Bulletin de l'institut international de statistique")  
 XIX, 1 (tr. 382)  
 Động cơ (mã lực) (trừ động cơ điện)

		hơi nước nghìn	tổng số nghìn
A) Đan-mạch	1897	47.5	52.0
	1907	112.0	131
Áo	1902	1170.0	1640.0
Thụy-sĩ	1905	?	516.0
Đức	1895	2720	3427
	1907	6715	8264
Bỉ	1901	683	?
	1906	872	?
Pháp	1901	1761	2285
	1906	2605	3551
B) Mỹ	1905	19 440	22 240
Tân Tây-lan	1906	?	75
C) Na-uy	1905	79	308
Thụy-điển	1896	104	296
	1905	282	735
Phần lan	1907	70	161
Thụy-sĩ	1901	84	284
Hà-lan	1904	331	?
Ý	1899	390	742
	1903	615	1151
Nhật	1895	57	60
	1907	237	281

Thống kê này về các động cơ cung cấp tài liệu:

- A) theo các cuộc tổng điều tra công nghiệp,
- B) theo các cuộc điều tra về công nghiệp,
- C) theo thống kê "hành chính"

Tôi tách (riêng) đầu tàu hoả ra. Tôi chỉ tính động cơ *hơi nước* và *tổng số* [tức là + nước v.v., nhưng không tính động cơ điện].

Nhiều thứ quá và số liệu không đầy đủ!!

BÁC-TÔ-LÔ-MI-U. "TẬP BẢN ĐỒ THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI"  
 "Tập bản đồ thương mại thế giới" etc. của G. H. Bắ-c-tô-lô-mi-u. Luân - đôn, 1907  
 Rất nhiều số liệu cùng các biểu đồ chỉ % etc. và nói về toàn bộ thế giới. Tôi dẫn ra một số:

Năm	Xuất Nhập	Vương quốc Anh	Đức	Pháp	Vương quốc liên hợp Anh (triệu 1.xt.)	Xuất sang		Nhập từ		Vương quốc liên hợp Anh (triệu 1.xt.)
						các nước thuộc địa khác (Anh)	khác	các nước thuộc địa khác (Anh)	khác	
1800	302	-	-	-	-	64	189	238	64	189
1840	573	52	51	20	23	25	34	32	43	324
1850	832	98	71	36	28	34	28	36	32	324
1870	2 191	259	199	88	89	179	(1875)	129	116	112
1890	3450	356	263	159	174	207	166	177	150	94
1900	4420	460	291	171	282	288	230	188	164	102
1905	5440	487	330	242	329	336	279	191	194	128

Bản đồ lưu thông tiền tệ rất đáng chú ý.

- Những nước có tiền bản vị vàng *chính thức* - (một phần khá lớn trên thế giới)
- " " " " " *bạc* " " " - Trung-quốc + Ba-tư
- " " " *ché độ song bản vị chính thức* - chỉ một phần châu Phi + Pháp, Tây-ban-nha, Ý
- " " " tiền bản vị vàng *trên thực tế* - *Pháp (Anh) etc.*
- " " " song bản vị *trên thực tế* - *Mỹ, Ấn - độ*
- " " " tiền giấy *trên thực tế* - *Tây-ban-nha, Nga, Nam Mỹ*



Sản lượng gạo triệu tạ Anh	Sản lượng lúa mạch đen triệu bu-sen	Sản lượng lúa đại mạch triệu bu-sen	Sản lượng chè triệu phun Anh	Sản lượng cà-phê triệu phun Anh
Trung-quốc	550	887.5	Trung-quốc	Bra-xin
Ấn-độ thuộc Anh	448.3	386.9	Ấn-độ	Cô-lum-bi-a
Gia-va	90.0	130.7	Xây-la-n	Gia-va
Nhật	89.6	51.2	Nhật	Goa-tê-ma-la
Đông-dương	33.1	38.8	Gia-va	Ấn-độ
			Đài-loan	
Xiêm	14.8	27.2	Nai-tan	
Ý và Tây-ban-nha	20.1	25.7	Cáp-ca-dơ	
toàn thế giới	1.257.9	1672.9	Ấn-độ 101.1	tổng số xuất khẩu = 2283

Tàu buôn (trọng tải ròng). Triệu tấn

	Vương quốc liên hợp Anh	Mỹ	Đức	Na-uy	Pháp	Nhật
1860	4.6	-		0.6	1.0	
1870	5.6	4.2	1.0	1.0	1.1	
1880	6.6	4.1	1.2	1.5	0.9	0.09
1890	7.9	4.4	1.4	1.7	0.9	0.1
1900	9.3	5.2	1.9	1.5	1.0	0.9
1905	10.7	6.4	2.3	1.5	1.3	1.3

Sản lượng toàn thế giới về đường trong đó có đường củ cải triệu tấn	Cũng thế cà phê nghìn tấn	Cũng thế bông sơ triệu tạ Anh	Cũng thế gang triệu tấn	Cũng thế đồng đen nghìn tấn	vàng tấn
1850 1.4 0.2	1855 - 321	1850 12.8	4.4	1851/60 49.0	1851 134
1860 2.2 0.4	1865 - 422	1860 22.8	7.2	1861/70 88.5	1860 192
1870 2.7 0.9	1875 - 505	1870 24.8	11.9	1871/80 117.0	1870 182
1880 3.7 1.8	1885 - 718	1880 32.2	18.1	1881/90 233	1880 164
1890 6.1 3.6	1892 - 700	1890 50.0	27.2	1891/900 364	1890 177
1900 9.8 6.1	1903 - 1150	1900 61.7	40.4	1901 518	1900 377
		1903 65.0	1903 46.1	1905 723	1904 500

Sản lượng than toàn thế giới

Nây-man - Xpan-lác. Năm xuất bản 1883/4, tr. 322.

Triệu tấn theo hệ mét	Tổng kim ngạch lưu thông thương mại toàn thế giới
1860 - 136	-
1866 - 185	44.2
1872 - 260	57.8
1876 - 287	55.8
1880 - 345	63.8
1885 - 413	61.7 tỷ mác
	Ngoại thương thế giới nhập khẩu + xuất khẩu
	<u><u>Năm 1885</u></u>
Anh	161.9
Đức	73.6
Mỹ	103.9

Toàn bộ tàu *b u ô n* của thế giới”

1872 – 15.5 triệu tấn  
 1875 – 16.7 “ “  
 1880 – 19.3 “ “  
 1885 – 20.98 “ “

Các nước chủ yếu vào năm 1885:

Anh .....	7.6
Đức .....	1.2
Mỹ .....	2.6
Na-uy ....	1.5
Pháp .....	0.9
Ý .....	0.9
Nga .....	0.3

Tiêu dùng tính theo đầu người

	Chè phun Anh (1903)	Cà-phê	Rượu vang ga-lông	Bia	Rượu mạnh	Dầu ăn	(1901 – 3) Than đá tạ Anh
Vương quốc liên hợp Anh	6.0	-	0.3	28.8	1.0	19	78.4
Mỹ	1.3	11	0.5	18.4	1.0	20	70.5
Đức	0.2	6	1.1	27.2	1.5	8	34.2
Pháp	0.1	4	32.7	7.6	1.7	8	22.7
Nga	1.2	-	-	-	1.8	5	2.7
Áo – Hung	-	-	5.0	8.6	1.7	7	7.7
Hà-lan	1.4	14.5	Bỉ	40.1	1.6	15	-
Úc <sup>47</sup>	7.1	-	0.8	11.6	0.7	17	24.5
Ca-na-đa	4.0	-	-	5.0	0.9	22	33.4
Ý	-	-	27.5	Đan-mạch	-	22	-
Tây-ban-nha	-	-	17.0	-	-	Bỉ	58.4
Sản lượng							
	rượu vang ga-lông		rượu mạnh (an-côn nguyên chất)		cá triệu 1. xt.		<i>b ô n g</i> sơ triệu tạ Anh
Pháp	1 216	240	45.1	5	Bra-xin	0.5	
Ý	880	-	-	-	Tiểu Á	0.3	

Tây-ban-nha	395	8.9		Tuốc-ke-xtan	1.8
Nga	137	86.3	8	Châu Phi	1.5
Áo – Hung	169	420	55.2	Ai-cập	5.4
An-giê-ri	124			Trung-quốc	4.0
Bỉ	308			Mê-hi-cô	0.4
Bồ-đào-nha	134			Mỹ	45.4
Đức	49	1512	84.1	Ấn-độ	9.6
Hy-lạp	66				
Ca-na-đa					
Nhật					
Mỹ	1561	58.6	11		
Vương quốc liên hợp Anh	1253	29.2	10		
Hà-lan					
toàn thế giới	3330	7.6			
	(trung bình của 1900 – 1903)			toàn thế giới	70.0

“LÚA MÌ TRONG LƯU THÔNG TOÀN THẾ GIỚI”

“*Lúa mì trong lưu thông toàn thế giới*”, nhà xuất bản Bộ nông nghiệp đế chế – vương quốc etc. *Viên, 1900.*

Tác phẩm đồ sộ này (860 + 188 tr. khổ in 8<sup>0</sup>) là một bản tổng hợp vô cùng tỉ mỉ những số liệu phong phú nhất ((rất nhiều những con số cơ bản)) về sản lượng, tiêu dùng và buôn bán lúa mì từ 1878 đến 1897 (và thường là lâu hơn thế), một bản tổng hợp vô cùng tỉ mỉ mà tôi chưa từng thấy một cuốn nào tương tự như thế. Rõ ràng đó là công trình tốt nhất trong lĩnh vực này [NB: rất nhiều tài liệu lấy của *Nây-man-Xpan-lác*. “Übersichten der Weltwirtschaft” (và Giu-ra-séch)].

Tôi chỉ lấy những tài liệu quan trọng nhất (\*).



	Quặng sắt	Thép	Than	Đồng	Tiêu dùng đồng nghìn tấn	Sản lượng vàng (triệu ôn-xơ) (1901-3)	Dầu hoả triệu ga-lông (1902-4)
	(1900-2)	(1901-3)	(1901-3)	(1905)			
Mỹ	30.7	14.3	284.0	0.41	215		
Đức	17.5	7.3	152.8	0.02	144	Tơ-ran-xva-an 4.9	
Vương quốc liên hợp						Mỹ 3.7	3573
Anh	13.2	4.9	255.5	-	133	Úc 3.5	
Nga	5.4	2.0	16.1	0.009	29	Nga 1.1	2728
Pháp	5.0	1.6	31.9		63	Ca-na-đa 0.9	Nhật 51
Áo-Hung	3.4	1.2	39.5		26	Mê-hi-cô 0.5	Ấn-độ 87
Tây-ban-nha	8.0	0.2		0.04		Ấn-độ 0.5	Ru-ma-ni 98
Mê-hi-cô				0.06		Tân Tây-lan 0.4	Ga-li-xi-a 179
Ý					18	Rô-đê-di-a 0.3	Xu-ma-tô-ra, Gia-va, Boóc-nê-ô 231
Thụy-điển	3.7	0.3					
Bỉ	-	0.8	22.6				
Châu Úc				0.04			
Toàn thế giới	90.4	33.0	812.4	0.7	679		17.7 6996

(\*) Đơn vị đo lường dùng ở đây là: *tạ theo hệ mét* = 1 xen-tơ-nơ kép. Tạ theo hệ mét = xen-tơ-nơ kép = 100 ki-lô-gam (xen-tơ-nơ kép).

Nghĩa là ở đây lấy tạ theo hệ mét = 1 xen-tơ-nơ-kép = 1 *tạ theo hệ mét*.

Tấn = 1000 ki-lô-gam.

A-cơ = 40<sub>.467a</sub>.

Trít-via = 2<sub>.09</sub> héc-tô-lít.

1 phút = 16<sub>.379</sub> ki-lô-gam.

Xem tr. 8, chú thích 2: 3<sub>.674</sub> bu-sen = 1 tạ (= 1 xen-tơ-nơ kép).

tr.6, chú thích 2: 1 héc-tô-lít lúa mì = 78 ki-lô-gam etc. (kiểu mạch 1 héc-tô-lít = 45 ki-lô-gam) v.v..

[Ví dụ, tr. 271: 49 348 phút = 8083 tạ.]

Trung bình hàng năm	#1 Sản lượng toàn thế giới tính theo					Tổng số
	Lúa mì	Lúa mạch đen	Đại mạch	Kiểu mạch	Ngô <sup>1)</sup>	
1878-82	554.5	303.7	176.4	319.7	492.0	1846.3
1883-87	579.7	330.2	182.9	356.9	543.9	1993.6
1888-92	592.0	310.2	191.5	366.6	603.1	2063.4
1893-97	642.7	370.1	214.4	408.7	608.4	2244.3
Tây Âu						
1878-82	233.4	130.4	102.8	159.3	70.1	
1893-97	250.1	145.2	100.5	171.2	74.2	
xem trang sau <sup>1)</sup>						
Đông Âu						
1878-82	87.5	162.2	43.2	90.5	29.7	
1893-97	147.2	209.3	71.6	118.3	37.6	
trang sau, chú thích <sup>1)</sup>						
Tây Âu						
1876-85	10.89	10.17	13.0	11.73	11.23	
1886-95	11.16	10.89	13.18	12.01	10.93	
Thu hoạch trên 1 héc-ta <sup>3)</sup>						
Đông Âu						
1876-85	6.69	6.20	6.92	5.96	10.06	
1886-95	7.36	6.64	7.78	6.45	10.60	
Thu hoạch trên 1 héc-ta <sup>3)</sup>						
Mỹ						
1876-85	8.35	8.18	12.45	10.09	15.89	
1886-95	8.58	7.95	12.66	9.36	14.79	

<sup>1)</sup> Ngô ở Mỹ: 379<sub>.2</sub>; 426<sub>.9</sub>; 471<sub>.4</sub>; 465<sub>.8</sub> ((nghĩa là > 75% ở

<sup>2)</sup> Những con số này, tr. 21, các tác giả lấy từ cuốn sách của vào Đông Âu; những con số trong những năm 1876 – 85 và *một đầ u n g ừ i*.

<sup>3)</sup> Những con số này, tr. 26, cũng là theo Dun-béc, chỉ số

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 580 - 583

triệu tạ theo hệ mét  
theo %

Lúa mạch		Đại	Kiều	tr. 37 Ngô <sup>1)</sup>	Tổng số	Tr. 39 Dân số châu Âu, châu Mỹ và Úc %	
Lúa mì	đen	mạch	mạch	100		=	100
100	100	100	100	100	100	440	100
105	109	104	112	111	108	466	106
107	102	109	115	123	112	495	112
116	122	122	128	124	122	526	119
kg cho 1 đầu người dân							
103	57	43	71	19			
96	56	39	73	17 <sup>2)</sup>			
102	153	45	82	45			
110	145	49	79	47 <sup>2)</sup>			

Mỹ).

*Dun-béc*, ông này gộp cả Hung-ga-ri, Ga-li-xi-a cả Bu-cô-vi-na 1886 – 95 chỉ số lúa mì đã sản xuất ra *tính theo ki-lô-gam cho*

thu hoạch được trên 1 ha tính theo tạ theo hệ mét.

Tiêu dùng tính theo *đầu người* (ki-lô-gam)

Châu Âu	lúa mạch				
	lúa mì	đen	đại mạch	kiều mạch	ngô
1878-82	111. <sub>9</sub>	89. <sub>8</sub>	44. <sub>4</sub>	76. <sub>7</sub>	36. <sub>7</sub>
1883-87	112. <sub>4</sub>	92. <sub>3</sub>	42. <sub>5</sub>	74. <sub>5</sub>	33. <sub>3</sub>
1888-92	108. <sub>1</sub>	81. <sub>8</sub>	41. <sub>4</sub>	70. <sub>6</sub>	35. <sub>3</sub>
1893-97	116. <sub>1</sub>	91. <sub>9</sub>	45. <sub>2</sub>	75. <sub>6</sub>	34. <sub>9</sub>
<i>Mỹ</i>					
1878-82	100	9	19	101	592
1883-87	107	8	21	131	621
1888-92	105	8	23	129	648
1893-97	78	6	16	117	525

#

Kể cả những nước  
sau đây<sup>1)</sup>;

"Statistisches Jahrbuch für das  
Deutsche Reich", 1915

	Sản lượng trung bình lúa mì		triệu tấn (1000 kg) 1913	Sản lượng: lúa mạch đen	
	triệu xen-tơ-nơ kép 1878-82	1893-7		triệu xen-tơ-nơ kép 1878-82	1893-7
1. Bỉ	4.7	5.0	0.40	4.2	5.2
2. <i>Bun-ga-ri</i>	7.4	9.9	1.65	1.9	1.9
3. Đan mạch	1.2	1.0	0.2	4.4	4.8
4. Đức	23.7	29.5	3.97	58.5	70.6
5. <i>Phân-lan</i>	0.01	0.04	0.004	2.4	3.1
6. Pháp	75.2	84.0	8.7	17.6	16.7
7. <i>Hy-lạp</i>	1.4	1.3	?	0	0
8. Anh	22.1	15.0	1.4	0.4	0.5
Ai-rơ-len			0.03		
9. Ý	40.3	33.2	5.83	1.3	1.1
10. Hà lan	1.4	1.2	0.1	2.6	3.1
11. Áo-Hung	37.9	52.4	1.6	29.5	31.2
Hung			4.5		

<sup>1)</sup> Những tên nước viết ngả = "Đông Âu"

Châu Âu + Mỹ

lúa mì	lúa mạch đen	đại mạch	kiều mạch	ngô
118.2	79.4	41.9	82.6	127.5
118.2	80.7	40.1	86.1	132.1
114.1	71.2	39.4	83.1	136.9
116.1	79.0	41.3	85.7	125.2

(châu Âu + Mỹ (tr. 93))

4 loại ngũ cốc <u>đầu tiên</u>	Châu Âu (4 loại ngũ cốc đầu tiên)	Châu Mỹ
322.2	323.4	314.5
325.2	321.7	346.9
307.8	302.0	341.8
322.1	328.8	284.5

"Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich", 1915				Thu hoạch trên 1 ha tính theo xen-tơ-nơ kép (100 kg)		
triệu tấn	lúa mì		( <sup>2</sup> )	lúa mạch đen		
1913	1876/85	1886/95	1913	1876/85	1886/95	1913
0.57	16.3	18.5	25.2	14.9	16.9	22.0
0.27			16.0			14.9
0.43	22.0	25.2	33.7	15.9	16.0	17.6
10.43	12.7	13.7	20.7	9.8	10.6	17.2
0.24	10.6	11.8	10.9	9.7	10.6	9.9
1.27	11.2	11.9	13.3	10.0	10.6	10.6
?	-	-	-	-	-	-
0	18.2	20.1	21.1	-	-	-
0.005			25.6			
0.14	8.0	7.4	12.2	-	-	11.4
0.42	16.9	18.7	24.2	12.9	14.3	18.5
2.70	10.8	10.7	13.4	9.9	9.9	13.8
1.34	9.6	12.4	12.8	8.3	10.2	11.9

(<sup>2</sup>) Số liệu về 1913, trích từ "Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich", 1915. Phần còn lại, tr. 781.

	lúa mì			lúa mạch đen	
	1878-82	1893-7	1913	1878-82	1893-7
12. Bồ-đào-nha	1.7	1.9	?	1.3	1.3
13. Ru-ma-ni	13.4	15.4	2.3	1.2	2.1
14. Nga (phần châu Âu + Ba-lan)	55.1	112.6	22.8	152.9	198.3
15. Thụy-điển – Na-uy	0.9	1.2	0.2	4.9	5.7
Na-uy			0.08		
16. Thụy-sĩ	1.0	0.9	0.1	0.5	0.4
17. Xéc-bi-a	2.4	2.2	0.4	0.3	0.3
18. Tây-ban-nha	23.1	24.7	3.0	5.1	4.4
19. Thổ-nhĩ-kỳ (phần châu Âu)	7.7	5.6	?	3.3	3.5
<b>Châu Âu</b>	<u>320.9</u>	<u>397.3</u>	Σ = 57.0	<u>292.6</u>	<u>354.4</u>
20. An-giê-ri	5.6	6.1	1.0	0	0
21. Ai-cập	4.8	3.3	?	-	-
22. Ác-hen-ti-na	3.8	16.2	5.4	-	-
23. Úc	8.5	8.7	2.4	-	-
24. Ca-na-đa	8.2	11.1	6.3	0.5	0.5
25. "Thuộc địa Cáp và Na-tan"	1.0	0.8	0.1	-	-
26. Chi-lê	4.1	3.9	0.6	-	-
27. Ấn-độ	69.4	62.3	9.9	-	-
28. Nhật	3.7	5.1	0.7	4.2	8.4
29. Tuy-ni-di	1.0	1.8	0.1	-	-
30. U-ru-goay	0.8	1.8	0.1	-	-
31. Mỹ	<u>122.7</u>	<u>124.2</u>	20.8	<u>6.3</u>	<u>6.7</u>
Các nước không ở châu Âu	<u>233.6</u>	<u>245.4</u>	Σ=47.4	<u>11.1</u>	<u>15.7</u>
<i>Thế giới =</i>	554.5	642.7	104.4	303.7	370.1
Lúc-xăm-bua			0.02		
Mê-hi-cô			0.3		
Tân Tây-lan			0.1		

NB. Xem kết luận chung ở trang sau <sup>1)</sup>. NB

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 585.

triệu tấn	lúa mì			lúa mạch đen		
	1876/85	1886/95	1913	1876/85	1886/95	1913
1913	—	—	—	—	—	—
?	—	—	—	—	—	—
0.09	—	10.6	14.1	—	—	10.5
24.69	5.3	5.6	9.1	6.0	6.4	8.5
0.56	13.1	14.8	24.2	13.4	14.4	14.1
0.02	—	—	17.6	—	—	16.3
0.05	—	—	22.0	—	—	19.2
0.04	—	—	10.7	—	—	8.7
0.71	—	—	7.8	—	—	9.1
	—	—	—	—	—	—
Tây Âu	10.9	11.2	—	10.2	10.9	—
Đông Âu	6.7	7.4	—	6.2	6.6	—
	8.8	9.2	—	7.3	7.8	—
—	—	—	—	—	—	—
0.00	—	—	7.2	—	—	13.7
—	—	—	—	—	—	—
0.03	—	—	7.8	—	—	9.0
—	—	—	(7-10-16)	—	—	8.1
0.06	—	—	14.1	—	—	12.1
0.00	—	—	4.5	—	—	—
0.04	—	—	14.4	—	—	13.0
—	—	6.3	8.3	—	—	—
—	—	10.9	14.4	—	11.9	15.2
—	—	—	—	—	—	—
0.00	—	—	4.5	—	—	8.4
1.05	8.3	8.6	10.2	8.2	7.9	10.2
—	—	—	—	—	—	—
—	—	—	—	—	—	—
0.02	—	—	—	—	—	—
0.00	—	—	—	—	—	—
0.00	—	—	—	—	—	—

## Tiêu dùng tính theo đầu người (ki-lô-gam)

		Đức	Pháp	Anh	Ý	Áo-Hung	Nga
lúa mì	1878-82	55.3	214.0	188.1	} 123	-	-
	1883-87	57.2	213.0	164.6		91.8	-
	1888-92	59.8	213.0	171.1		92.5	18.9
	1893-97	71.8	204.0	167.0		100.5	37.4
	1913 <sup>*)</sup>	96	—	—		—	—
lúa mạch đen	1878-82	129.3	38.0	1.3	-	-	-
	1883-87	118.6	37.0	2.1	?	66.2	-
	1888-92	108.5	36.0	2.1	3.3	60.4	111.0
	1893-97	126.7	38.0	2.7	2.9	59.2	139.0
	1913 <sup>*)</sup>	153	—	—	—	—	—
đại mạch	1878-82	48.7	31.0	?	-	-	-
	1883-87	51.8	31.0	67.0	?	41.9	-
	1888-92	55.8	32.0	68.6	6.0	37.6	17.8
	1893-97	59.8	31.0	71.7	5.2	38.4	27.1
	1913 <sup>*)</sup>	108	—	—	—	—	—
kiều mạch	1878-82	89.1	91.0	?	-	-	-
	1883-87	84.1	95.0	84.6	?	51.9	-
	1888-92	86.9	96.0	87.4	8.1	48.8	48.1
	1893-97	85.3	92.0	85.8	7.2	51.6	65.7
	1913 <sup>*)</sup>	128	—	—	—	—	—
ngô	1878-82	5.1	20.6	48.5	} 65.0	-	-
	1883-87	3.8	23.4	41.7		68.2	-
	1888-92	8.4	23.3	44.9		77.6	2.3
	1893-97	14.4	22.4	53.8		82.2	4.7
	—	—	—	—		—	—

\*) "Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich", 1915.

Những số liệu viết thêm vào bảng bút chì này về năm 1913 rõ ràng là không thể dùng để so sánh được, vì ngay cả so với năm 1893/7 thì những số liệu ấy cũng cao hơn rất nhiều

Những kết luận rất chung của các tác giả:

"Như đã nêu rõ, trong mấy chục năm gần đây, do những điều kiện dân số và giao thông khác nhau, sản xuất ngũ cốc của các xứ và các quốc gia đã phát triển rất khác nhau. Ở trung tâm Tây Âu, là nơi có sự phát triển có thể gọi là sự phát triển có tính chất đô thị, ở Anh, Bỉ, Hà-lan, v.v., do chỗ diện tích canh tác giảm đi đồng loạt trong lúc năng suất tăng lên, nên sản lượng lúa mì, lúa mạch đen, đại mạch và ngô đã giảm đi, trong khi đó thì sản lượng kiều mạch dùng chủ yếu cho gia súc, lại tăng lên. NB

Ở các vùng khác của Tây Âu, không kể các vùng biên giới, ta thấy có tình trạng tăng giảm nào đó, việc mở rộng diện tích canh tác đã dừng lại, nhưng năng suất lại tăng lên khá nhiều, và do đó, sản lượng của hầu hết các cây trồng thuộc loại ngũ cốc lại tiếp tục tăng lên. Ở những vùng giáp ranh giữa Tây Âu và Đông Âu, Thụy-điển, Ba-lan, Ga-li-xi-a, Hung v.v., tổng sản lượng tăng lên mạnh do mở rộng diện tích canh tác, và càng mạnh hơn do năng suất tăng lên nhiều. Ở Đông Âu, chủ yếu là nhờ mở rộng diện tích canh tác, nên sản lượng ngũ cốc đã tăng lên một cách phi thường, nhưng chỉ là những loại chủ yếu nhất, chứ không phải là loại thứ yếu. NB

Trong số các vùng hải ngoại, cũng cần phải phân biệt, một mặt là các nước, như Mỹ, Ca-na-đa, Ác-hen-ti-na và U-ru-goay, do hoàn cảnh địa lý hoặc do sự phát triển đường giao thông và mạng lưới đường sắt mà có mối liên hệ chặt chẽ với các trung tâm đông dân cư của Tây Âu; và mặt khác là các nước khác. Những nước loại thứ nhất đã phát triển sản xuất ngũ cốc của họ chủ yếu là theo con đường mở rộng diện tích canh tác, đôi khi mở rộng một cách ồ ạt; còn ở các nước loại sau thì chỉ có một NB

số là tăng được sản lượng mà thôi. Chính vì sản xuất bị hạn chế như vậy mà Ai-cập và Nhật Bản phải nhập khẩu lúa mì, An-giê-ri và Tuy-ni-di thì trở thành những nước chủ yếu cung cấp cho Pháp, do áp lực của chính sách kinh tế của Pháp, còn Ấn-độ, Nam Phi và Úc thì do điều kiện dân cư và cũng do mạng lưới giao thông kém phát triển, nên thường xuyên không sản xuất được dư thừa lớn, vượt nhu cầu trong nước của họ" (tr. 36). NB

#### ĐƯỜNG SẮT<sup>48</sup>

"Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich", xuất bản năm thứ 36, 1915, Béc-lanh, 1915 (2 mác). "Điểm tình hình quốc tế", bảng 31 (tr. 46\*). "Đường sắt trên toàn thế giới năm 1890 và 1913". ((Nguồn tài liệu: "Archiv für Eisenbahnwesen" (do Nội các vương quốc Phổ xuất bản), 1892 và 1915.))

Ba nhóm (1, 2, và 3) do tôi phân ra

Σ (và ΣΣ) là do tôi tính ra, cũng như tôi tự sắp xếp

	(ki-lô-mét)	
	<u>1890</u>	<u>1913</u>
(1) <u>Anh và Ai-rơ-len</u>	32 297	37 717
(1) <u>Man-tơ, Giéc-xi, Men</u>		110
(1) <u>Bồ-đào-nha</u>	2 149	2983
(2) Tây-ban-nha	9 878	15 350
(1) <u>Pháp</u>	36 895	51 188
(1) <u>Bỉ</u>	5 263	8 814
(1) <u>Hà-lan</u> (+ Lúc-xăm-bua)	3 060	3 781
(1) <u>Thụy-sĩ</u>	3 190	4 863
(2) Ý	12 907	17 634
(2) Thụy-điển, Na-uy và Đan-mạch	11 566	21 354
(1) <u>Các nước cũ, có thuộc địa của Tây Âu</u>	<u>82 964</u>	<u>109 456</u>

Tây Âu. Σ	117 315	163 794
(2) Đức	42 869	63 730
Tây Âu. ΣΣ	160 184	227 524
(2) Tây Âu. <u>Các nước thuộc dân tộc Bun-ga-ri – Ma-đi-a</u>	<u>77 220</u>	<u>118 068</u>
(3) Áo-Hung (+ Bô-xni-a + Ghéc-txê-gô-vin)	27 113	46 195
(3) Nga (phần châu Âu) (+ Phần-lan)	30 957	62 198
(3) Ru-ma-ni	2 543	3 763
(3) Xéc-bi-a	540	1 021
(3) Thổ-nhĩ-kỳ, phần châu Âu	} 1765	1 994
(3) Bun-ga-ri		1 931
(3) Hy-lạp	767	1 609
Các nước vùng Ban-căng. Σ	5 615	10 318
(3) Đông Âu. ΣΣ	<u>63 685</u>	<u>118 711</u>
Toàn bộ châu Âu (Europa):	223 869	346 235

	(ki-lô-mét)	
<i>Châu Mỹ:</i>	<u>1890</u>	<u>1913</u>
Ca-na-đa (+ Niu-phao-len)	22 712	48 388
Mỹ (+ A-la-xca 1054 km)	268 409	410 918
Mê-hi-cô	9 800	25 492
Trung Mỹ <sup>1)</sup>	1 000	3 227
Các đảo Ăng-ti <sup>2)</sup>	2 338	6 022
Bắc và Trung Mỹ. Σ	304 259	494 047
Cô-lum-bi-a và Vê-nê-du-ê-la	1 180	2 020
Guy-an thuộc Anh	35	167
Guy-an thuộc Hà-lan	—	60
Bra-xin	9 500	24 985
Pa-ra-goay và U-ru-goay	1 367	3 011
Ăc-hen-ti-na	9 800	33 215
Chi-lê, Bô-li-vi-a, Pê-ru và Ê-cu-a-đô	5 276	12 603
Nam Mỹ. Σ	27 158	76 061
Toàn bộ châu Mỹ	331 417	570 108

	(ki-lô-mét)	
	<u>1890</u>	<u>1913</u>
toàn bộ đất thuộc Pháp	40	224
toàn bộ đất thuộc Anh	[23 181]	49 185
toàn bộ đất thuộc Hà-lan	-	60
Mỹ	268 409	410 918
Poóc-tô-Ri-cô	18	547
Mê-hi-cô + Trung Mỹ + các đảo		
Ăng-ti	12 646	33 340
Nam Mỹ (không kể thuộc địa)	27 123	75 834
Tổng số	331 417	570 108

	<u>1913</u>
<sup>1)</sup> Goa-tê-ma-la	987 km
Hôn-đu-rát	241
Xan-va-đo	320
Ni-ca-ra-go-a	322
Cô-xta – Ri-ca	878
Pa-na-ma	479
Σ =	3 227

		<u># 1890</u>
các nước tự trị	<sup>3)</sup> Cu-ba	3 752 ..... 1 731
	Cộng hoà Đô-mi-ních	644 ..... 115
	Ha-i-ti	225
	Ha-mai-ca	313 thuộc Anh
	Poóc-tô - Ri-cô	547 thuộc Mỹ
		18
	Mác-ti-ních	224 thuộc Pháp
	Bác-ba-đô-xơ	175 thuộc Anh
	Tơ-ri-ni-đát	142 thuộc Anh
	Σ =	6 022
		474
		2 338

Cuốn "Điểm tình hình quốc tế" xuất bản năm 1903 – lần đầu tiên – có đưa ra những số liệu về năm 1890:

Cu-ba	1 731
Cộng hoà Đô-mi-ních	115
"Các đảo Ăng-ti"	492
	(km) 2 338

(#) Tôi lấy những số liệu này ở “Avchiv für Eisenbahnwesen” 1892, tr. 496, trong đó số 474 bao gồm cả Ha-mai-ca, cả Mác-ti-ních, cả Bắc-ba-đô-xơ và cả Tơ-ri-ni-đát.

Có thể ước tính cho năm 1890:

những vùng thuộc Pháp (Mác-ti-ních).....	40 km	} Σ= 2 338
những vùng thuộc Anh .....	434	
những vùng thuộc Mỹ (Póc-tô - Ri-cô) .....	18	
các nước tự trị .....	1 846	

<b>Châu Á:</b>		<u>1890</u>	<u>1913</u>
Tiểu Á, Xy-ri, A-ra-bi và Síp thuộc Anh (98 km)		800	5 468
Ba-tư		30	54
Ấn-độ thuộc Anh	} thuộc Anh	27 000	55 761
Xây-lan		308	971
Nam-dương	} { Gia-va Xu-ma-tơ-ra	1 361	2 854
Các quốc gia vùng Mã-lai (Boóc-nê-ô, Xê-le-bơ v.v.) <sup>4)</sup>		100	1 380
Ấn-độ thuộc Bồ-đào-nha		54	82
Xiêm		-	1 130
Đông-dương và Phi-líp-pin (thuộc Mỹ) <sup>1)</sup>		105	3 697
Nga (Xi-bi-ri và Trung Á) <sup>3)</sup>		1 433	15 910
Trung Quốc		200	9 854
Nhật-bản (+ Triều-tiên)		2 333	10 986

Tất cả các đất thuộc Anh (Síp, Ấn-độ + Xây-lan, Ma-lắc-ca)...	27 408	58 204
Tất cả các đất thuộc Pháp	105	2 493

Toàn bộ châu Á	<u>33 724</u>	<u>108 147</u>
----------------	---------------	----------------

<sup>4)</sup> Boóc-nê-ô thuộc Anh (một phần của nó là thuộc Anh) năm 1912 theo “The Stateman's Year-Book”: 130 dặm (idem năm 1915)

Xê-le-bơ (thuộc Hà-lan)?

{ NB. Rõ ràng là toàn bộ “các quốc gia vùng Mã-lai” phải được đưa vào những đất thuộc Anh năm 1901, người ta ghi 439km.

	<u>1913</u>	
	km	
<sup>1)</sup> Nam-kỳ, Cao-miên, Trung-kỳ, Bắc-kỳ	2 398	thuộc Pháp
Pông-đi-sê-ri.....	95	thuộc Pháp
Tổng số của các đất thuộc Pháp	<u>2 493</u>	
Ma-lắc-cơ	92	thuộc Anh
Phi-líp-pin	<u>1 112</u>	thuộc Mỹ
	Σ =	3 697

Con số 105 của năm 1890 là về Nam-kỳ, Pông-đi-sê-ri và Bắc kỳ (nghĩa là tất cả là những đất thuộc Pháp).

<sup>3)</sup> Đường sắt Đông Trung-quốc (1 480 km) lại được ghi là thuộc về Trung-quốc (năm 1913)

<i>Châu Phi:</i>		<u>1890</u>	<u>1913</u>	
An-giê-ri và Tuy-ni-di		3 104	6 382	
Công-gô thuộc Bỉ		-	1 390	
{ Ai-cập (+Xu-đăng)	} {	1 547	} { 5 946	
{ Liên bang Nam Phi		3 825		} { 17 628
{ Các thuộc địa của Anh		[98] <sup>6)</sup>		
“ “ “ của Đức	-	470	4 176	
“ “ “ của Ý	-	27	155	
“ “ “ của Bồ-đào-nha		[292] <sup>6)</sup>	992	1 624
“ “ “ của Pháp		[520] <sup>5)</sup>	1 160	3 218
(*)		[910] <sup>2)</sup>	12 963	
Toàn bộ châu Phi		<u>9 386</u>	<u>44 309</u>	
{ toàn bộ đất thuộc Anh		[5 470]	27 364	
“ “ “ “ Pháp		<u>3 624</u>	<u>9 600</u>	

<sup>6)</sup> phân bố một cách ước chừng  
 Về năm 1885 Nây-man – Xpan-lác đưa ra con số 147 km  
 (!!), đối với đảo Mô-ri-xơ - 440 (!!!) đối với Ăng-gô-la + Mô-  
 dăm-bích!!

<sup>5)</sup> Theo "Archiv für Eisenbahnwesen", 1892, tr. 1229.

<sup>2)</sup> thuộc về:

1902:	1890:
169 đảo Mô-ri-xơ (thuộc Anh) .....	
127 Rê-uy-ni-ông thuộc Pháp .....	126
"Vùng Xê-nê-gan" thuộc Pháp? .....	394
543 Ăng-gô-la thuộc Bồ-đào-nha .....	
449 Mô-dăm-bích thuộc Bồ-đào-nha .....	

Đế quốc	Úc	1890	1913
		Liên bang Úc	Tân Tây-lan
Anh	Ha-oai (với các đảo Ma-uy: 11 km và Ô-a-hu: 91 km)	15 769	30 626
		3 120	4 650
Mỹ:	Toàn bộ Úc	—	142
	Tổng cộng	18 889	35 418
		617 285	1 104 217

(tính cả các thuộc địa)	1890	1913
Mỹ .....	268 427	412 719
Đế quốc Anh .....	107 355	207 856
Nga .....	32 390	78 108
Đức .....	42 869	67 906
Pháp .....	40 664	63 505
	491 705	830 094

	1890	1913		
4 nước thực dân nhỏ (Bỉ, Hà-lan, Bồ-đào-nha, Ý)	25 086	39 377		
11 nước không có thuộc địa (phần còn lại của châu Âu)	57 362	98 080		
#	Nhật	2 333	10 986	
	Các nước nửa thuộc địa	Ở châu Á	1 030	16 506
		Ở châu Mỹ	12 646	33 340
	Nam Mỹ (10 nước)	27 123	75 834	
	Tổng số .....	617 285	1 104 217	
#	trừ đi 5 nước đầu tiên	125 580	274 123	
	Những nước độc lập và nửa độc lập châu Á và châu Mỹ	43 132	136 666	

Tất cả các thuộc địa (châu Mỹ, châu Á, châu Phi và Úc)

1890:	1913:	Thuộc địa:	1890:	1913:
74 948	170 029	.....	51 767	120 844
3 769	12 317	của Anh .....	3 729	12 093
1 361	2 914	.....	1 361	2 854
346	1 706	của Pháp .....	346	1 706
1433	15 910	.....	1 433	15 910
-	1 390	của Hà-lan .....	-	1 390
-	155	của Bồ-đào-nha...	-	155
-	4 176	Nga .....	-	4 176
18	1 801	.....	-	1 254
81 875	210 398	của Bỉ .....	58 636	160 382
		.....	2 333	10 986
		Tất cả các thuộc địa	1 030	16 506
		Nhật .....		
		Nửa thuộc địa:		
		{ Tiểu Á, Ba-tư, Xiêm và Trung-quốc }		
			Tổng số	61 999



Châu Âu .....	223 869	346 235	
Mỹ .....	268 409	410 918	
ββ tất cả các thuộc địa .....	81 875	210 398	
# {	nửa thuộc địa: châu Á .....	1 030	16 506
	“ “ châu Mỹ .....	12 646	33 340
	(Mê-hi-cô, Trung Mỹ + các đảo Ăng-ti) .....		
	Nhật .....	2 333	10 986
Nam Mỹ (không kể thuộc địa) .....	27 123	75 834	
Tổng cộng	617 285	1 104 217	
# α	43 132	136 666	
α + ββ	125 <sub>0</sub>	347 <sub>1</sub>	

Nguồn tài liệu chủ yếu là “Archiv für Eisenbahnwesen”. Năm xuất bản **1892** (xuất bản năm thứ 15), tôi đã xem kỹ. Đã bổ sung vào các trang trên.

Những số liệu về “các nước vùng Mã-lai”, năm 1890, chỉ là một tổng số và trong ngoặc *không* ghi gì cả (không có các chữ “Boóc-nê-ô, Xê-le-bơ v.v.” là những từ được ghi trong lần xuất bản năm 1915 của “Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich”).

Có những số liệu về từng mười năm một: số liệu về 1840 và các năm sau (đến năm 1890) đã được chép lại vào Từ điển bách khoa toàn thư của Bróc-hau-xơ.

Có những số liệu tính toán về chi phí xây dựng (chủ yếu là về 1888 – 1891)

Châu Âu	tính trung bình là 302 <sub>5</sub> nghìn mác	1km
Đường sắt ngoài châu Âu	“ “ “ 160 <sub>6</sub> “ “ “	
Σ = 131 tỷ mác	tính trung bình là 212 <sub>1</sub> cho toàn thế giới, nghĩa	
	là khoảng 131 tỷ mác (212 <sub>1</sub> x 617 <sub>3</sub> nghìn)	
	212 <sub>1</sub> x 200 nghìn = 40 000 triệu <sup>1)</sup>	

<sup>1)</sup> Xem V.I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 500 – 501.

Nếu đem đối chiếu những số liệu này về đường sắt với các con số sau đây (“Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich”, 1915) thì rất bổ ích

	Sản lượng than (triệu tấn)				
	Đức	Pháp	Nga	Anh	Mỹ
1892	92 <sub>5</sub>	26.1	6.9	184.7	162.7
1912	255 <sub>7</sub>	39.2 (1911)	31.0	264.6	450.2 (1911)
	Sản lượng gang (triệu tấn) <sup>1)</sup>				
1892	4.9	2.0	1.1	6.8	9.3
1912	17.6	4.9	4.2	9.0	30.2

NB Điều đập vào mắt người ta là sự mất cân đối giữa một mặt là sự phát triển sản xuất sắt và than, với mặt khác là việc xây dựng đường sắt (độc quyền = thuộc địa).  
Bàn về vấn đề độc quyền và tư bản tài chính!!

#### TẠP CHÍ “NGÂN HÀNG”

Tạp chí “Die Bank”, 1910, tr. 222

Thị giá ở sở giao dịch và diễn biến của cục diện kinh tế

1898 – 1909

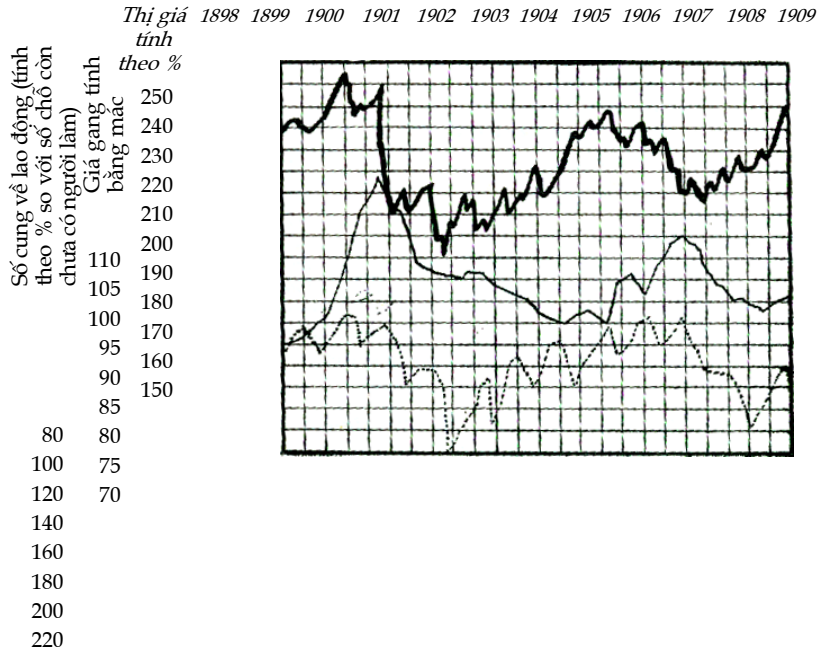
————— Thị giá ở sở giao dịch (thị giá cổ phiếu của “Đi-xcôn-tô Côm-man-đít”, Hác-pe-nơ, Bô-khu-me và An-ghe-mai-nơ ê-lếch-tơ-ri-txi-tét, tính bình quân vào cuối tháng).

————— Giá gang (định giá của Ham-buốc đối với gang của Anh (Glát-gô), tính bình quân hàng quý).

..... Thị trường lao động (số công nhân đố

<sup>1)</sup> Xem V.I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 502

dồn vào các sở giới thiệu việc làm của Đức, tính bình quân hàng quý. Để dễ so sánh, đường biến diễn của thị trường lao động được vẽ *đảo ngược*, điểm tối đa chúc xuống *phía dưới*.



Biểu đồ này trích ở bài báo của An-phrết *Lan-xbuốc*. "Tài tiên đoán bản sinh của sở giao dịch" ("Die Bank", 1910, I. tr. 222).

Có thể dùng để minh họa những dao động *cụ thể* và những xu hướng *chung* trong quá trình biến diễn của một chu kỳ đầy đủ trong thời kỳ hiện đại (khủng hoảng 1900, tiêu điều 1907, hưng thịnh 1898 – 99 v.v.).

**BỔ SUNG CHO TÍNH TOÁN VỀ ĐƯỜNG SẮT**

"The Statesman's Year-Book" năm 1915 (Luân-đôn, 1915) (năm thứ 52). Nhà xuất bản G. Xcốt Ken-ti.

**"Đế quốc Anh", 1913 – 4**

**Những đường sắt đang hoạt động (Railways open)**

	+ 8 Man-tơ
Vương quốc liên hợp Anh	23 441 dặm
Ấn-độ	<u>34 656</u>
Síp	61
Xây-lan	605
Xtơ-rây-tơ Xết-tơn-men và các nước thuộc Liên bang Mã-lai	771
"Boóc-nê-ô và Xa-ra-oác"	<u>130</u>
Châu Á (trừ Ấn-độ)	1 567
Úc và châu Đại-dương	23 021
Châu Phi	17 485
Châu Mỹ	31 953
	<hr/> <hr/> <b>ΣΣ= 134 131<sup>1)</sup></b>

1 dặm = 1,6 km; 134 x 1,6 = 214,4 nghìn km; 130 x 1,6 = 208,0

771 x 1,6 = 1 233,6 + 208 = 1 441 ki-lô-mét

Đường sắt ở các thuộc địa của *Hà-lan* (cuối 1913)

1 512 dặm – Gia-va

209 " Xu-ma-tơ-ra "Đông Ấn-độ thuộc Hà-lan", kể cả Boóc-nê-ô và Xê-le-bơ v.v.

Σ = 1 721 "

1 721 x 1,6 = 2 753,6 km

Tây Ấn-độ thuộc Hà-lan (Xu-ri-nam = Guy-an thuộc Hà-lan, Quya-ra-xao) – *không có* đường sắt.

# *Nây-man* – *Xpan-lác*. "Übersichten der Weltwirtschaft". Năm xuất bản 1883 – 4.

<sup>1)</sup> Ở từ "The Statesman's Year-Book" là như vậy.

tr. 508. "Trên *đảo Mô-ri-xơ*, từ 1882, ngoài 2 tuyến dài 92 dặm, người ta không tiếp tục xây dựng thêm đường sắt nữa.  
Ibidem, tr. 512.

	<u>1885</u>
Ăng-gô-la =	350 +
Mô-dăm-bích =	<u>90</u>
	440 km

$$92 \text{ dặm} \times 1,6 = 147,2 \text{ km} + 440 = 587$$

$$147,2 : 587 = 25,1\%$$

<u>1890</u>	gần 98 km của Anh (đảo Mô-ri-xơ)
Σ = 1890 = 910	292 " của Bồ-đào-nha (Ăng-gô-la
- 520	và Mô-dăm bích)
<u>390 km</u>	390 $\times 25,1 = 97,89$
	+ 520 của Pháp
	<u>Σ = 910</u>

# Ibidem, tr. 504. Ha-mai-ca (1885) – 107 km

Bác-ba-đô-xơ 42

Mác-ti-ních (đường sắt "ngắn")? **không có tài liệu...**

1890	1913
Ha-mai-ca .....313	
Mác-ti-ních .....224	
Bác-ba-đô-xơ .....175	
Tơ-ri-ni-đát .....142	
<u>        </u>	<u>        </u>
Σ = 474	854

*giả định* là năm 1890  
Mác-ti-ních có 40 km.  
(ít hơn Bác-ba-đô-xơ  
một chút)

4 nước thực dân nhỏ

Hà-lan	+ 3 060	3781	→ 2 914
	<u>1 361</u>	<u>2 854</u>	<u>- 2 854</u>
	4 421	6 635	60
Bồ-đào-nha	2 149	2 983	
	346	1 706	
Bỉ	5 263	8 814	
	-	1 390	
Ý	12 907	17 634	
	<u>        </u>	<u>155</u>	
	Σ = 25 086	39 317	

(11 nước)

Tây-ban-nha	9 878	15 350
Thụy-sĩ	3 190	4 863
Xcan-đi-na-vơ	11 566	21 354
Áo-Hung	27 113	46 195
Ru-ma-ni	2 543	3 763
Xéc-bi-a	540	1 021
Bun-ga-ri và Thổ-nhĩ-kỳ	1 765	1 994
		1 931
Hy-lạp	<u>767</u>	<u>1 609</u>
	57 362	98 080

Đường sắt của Anh ở châu Phi [1913]

6 399	
1 775	
5 582	
<u>3 872</u>	
Σ = 17 628	
5 946	
<u>3790</u>	(1 099 + 192 + 418 + 302 + 1 567 + 212 = 3 790)
27 364	

Châu Á Châu Mỹ Đường sắt của Anh ở châu Á:

	<u>1890</u>		<u>1913</u>
của Anh	27 000	22 712	55 761
	308	434	971
	100	35	+ 92
	27 408	23 181	56 732
			56 824

+ 1 380  
58 112  
+ 92 Ma-lắc-co  
58 204

	<u>1890</u>	<u>1913</u>
Châu Á	33 724	108 147
Châu Phi	9 386	44 309
Châu Úc	18 889	35 418
	61 999	187 874
Châu Âu	166. <sub>2</sub>	268. <sub>9</sub>
Đế quốc Anh	107. <sub>3</sub>	207. <sub>8</sub>
Đế quốc Nga	32. <sub>4</sub>	78. <sub>1</sub>
Đông Á	3. <sub>3</sub>	27. <sub>5</sub>
Châu Mỹ	308. <sub>1</sub>	521. <sub>9</sub>
Σ =	617. <sub>3</sub>	1 104. <sub>2</sub>

	<u>1913</u>
Châu Âu	346 235
Châu Mỹ	570 108
Còn lại	187 874
Σ =	1 104 217

617 283	1 104 157
---------	-----------

1. Mỹ
2. Đế quốc Anh
3. Nga
4. Đức
5. Pháp
6. Các nước thực dân nhỏ (Hà-lan, Bồ-đào-nha, Bỉ, Ý)
7. Phần còn lại của châu Âu
8. Nhật
9. Nam Mỹ
10. "1/2 thuộc địa"...

	<u>1890</u>	<u>1913</u>	
Mê-hi-cô	9 800	25 492	
Trung Mỹ	1 000	3 227	
Các nước độc lập trong quần đảo Ăng-ti	<u>1 846</u>	<u>4 621</u>	
	12 646	33 340	
	<u>1890</u>	<u>1913</u>	
Tiểu Á	800	5 468	Tiểu Á
Ba-tư	30	54	Ba-tư
		1 130	(Xiêm)
Trung-quốc	<u>200</u>	<u>9 854</u>	(Trung-quốc)
	1 030	16 506	
	<u>1890</u>	<u>1913</u>	
Châu Á thuộc Anh	27 408	58 204	
Châu Phi " "	5 470	27 364	
Úc " "	<u>18 889</u>	<u>35 276</u>	
Anh	51 767	120 844	} Bồ-đào-nha 54 .....82 +292 ... 1 624 346 1 706
Pháp	3 729	12 093	
Hà-lan	1 361	2 854	
Bồ-đào-nha	292	1 624	
Bỉ	-	1 390	
Ý	-	155	
Đức	-	4 176	
Mỹ	-	1 112	
		142	
<i>Các thuộc địa</i>	Σ = 57 149	144 390	+ 1 433 ... 15 910
Nhật	2 333	10 986	
Nửa thuộc địa {Tiểu Á, Ba-tư, Xiêm, Trung-quốc}	<u>1 030</u>	<u>16 506</u>	
	60 512	171 882	
	<u>1 433</u>	<u>15 910</u>	
	61 945	187 792	} 61 999 187 874
	54	82	

VỞ  
“U”  
 (“NI”)

Mục lục

U

Chủ nghĩa đế quốc

{ <i>Ang-ghen</i> (giải trừ quân bị) <i>Lau-phen-béc</i> }		
<i>Plen.</i> Chính sách toàn cầu	(1)	(1)
<i>Vê-ghê-nơ</i>	[1 – 2]	
<i>Ph. Ang-ghen.</i> “Giải trừ quân bị”:	3 – 9	
<i>Ph. Ang-ghen.</i> “Những bài viết về những vấn đề quốc tế đăng trên tờ “Volksstaat”:	10 – [14]	
<i>Lau-phen-béc:</i>	15 – [24]	
“Nước Đức và chiến tranh thế giới”	[30 – 32]	
<i>An-bréch Viéc-tơ</i>	[24 – 25 và 33 – 38]	
<i>Gioóc-giơ Át-lơ.</i> “Chính sách xã hội đế quốc chủ nghĩa”. 1897	[39]	
<i>A. Dích-phrít.</i> “Tân Tây-lan”. 1909	[40 – 41]	
<i>Hốt-sơ.</i> “Tuốc-kê-xtan” (tr. 38: Đại hội của nước Ai-cập mới) 42 – 43: Chủ nghĩa liên Hồi.	(42 - 3)	
Chủ nghĩa xã hội ở Trung-quốc...	44	

“ĐIỂM TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ”

“*La Revue politique internationale*”, 1915,  
tháng Ba – tháng Tư (số 14) (Lô-da-nơ)

“*Nước Nga dân chủ và chiến tranh*” của ngài Gri-gô-ri A-lếch-xin-xki, cựu đại biểu Đu-ma ((tr. 168 – 186)).

Chú giải của *ban biên tập*: “Thật kỳ lạ khi thấy rằng tuy có những điểm bất đồng về nguyên tắc, nhưng hiện nay phần lớn những người cách mạng Nga và những người theo chủ nghĩa tự do lại gắn bó với chế độ Nga hoàng chuyên chế” (tr. 168).

Ông ta nói: Nước Nga không thể mong có chiến tranh được (ngay cả giới đại diện chính thức của Nga cũng vậy). Nước Nga đã chuẩn bị cho 1918, 1920 chưa? Kẻ giết người đã xuất hiện trước đó năm năm ư??

[tr. 177: chú giải của ban biên tập (trích trong sách của A-lếch-xin-xki) nói rằng ở Nga có “2 chính phủ”.]

Nước Nga đã bảo vệ Xéc-bi-a yếu đuối etc., đó là “việc làm tốt” (181), mặc dù có những điều “hèn hạ” khác của chế độ Nga hoàng.

Ủng hộ việc trung lập hoá những eo biển – không ủng hộ “chiến tranh xâm lược”, như Mi-li-u-cốp... chiến thắng của những nước đồng minh là điều may mắn cho sự tiến bộ của châu Âu.

PLEN. “CHÍNH SÁCH TOÀN CẦU”

*Tiến sĩ Han-xơ Plen.* “Chính sách toàn cầu. Lược sử thế giới hiện đại từ sau khi thành lập liên minh Anh – Nhật”. Béc-lanh, 1907 (214 tr.). Xuất bản lần thứ 3.

Đó là một cuốn sách khá hay. Phần lớn nói về Anh và Nhật (có nói đến cả Mỹ lẫn Nga khi có vấn đề liên quan. Anh – Nhật – Mỹ – Nga).

Phần hai (tr. 91 – 167) nói về cách tổ chức đường lối đối ngoại của Anh (*không phải một nhà nước, mà là một “xã hội”*).

### VÊ-GHÊ-NƠ. “ẤN-ĐỘ NGÀY NAY”

Giáo sư tiến sĩ Gioóc-giơ *Vê-ghe-nơ*: “ẤN-độ ngày nay”. Cơ sở và vấn đề của sự thống trị của Anh ở Ấn-độ”. (“Những công trình nghiên cứu về các vấn đề thuộc địa”. Quyển 61/63. 1 mác 20 pơ-phe-ních). Béc-lanh, 1912 (52 tr.).

Không dở một chút nào, rõ ràng, ngắn gọn.

Ấn-độ – 4 575 000 km<sup>2</sup>

315 triệu (1911) (1901 – 297)

(1801 – 100)

Nguy cơ chiến tranh từ phía nước Nga: bây giờ người Anh ở đây đã được vũ trang “đến tận răng”.

Không có dân tộc thống nhất, không có ngôn ngữ thống nhất.

“Những người Băng-gan” = 70 triệu. Người Anh chia cắt Băng-gan (để làm suy yếu phong trào dân tộc) năm 1905. Năm 1911 (lễ đăng quang ở *Đê-li*) đã hứa *bãi bỏ* biện pháp này.

Hệ thống *các đẳng cấp*.

Người Anh thống trị bằng chính sách “chia để trị”...

Những điều kiện địa lý vô cùng muôn màu muôn vẻ.

Đứng cô lập đối với phần thế giới còn lại.

Thời trung cổ (tôn giáo – thế giới bên ngoài là hư không) – nông nghiệp – quan hệ chur hầu.

<sup>2</sup>/<sub>3</sub> nước nằm trực tiếp dưới ách thống trị của người Anh, <sup>1</sup>/<sub>3</sub> là những nước chur hầu.

Mùa hè, (nông nghiệp) hoàn toàn phụ thuộc vào mưa (gió mùa hè = *gió hanh khô*). Nếu không thì *đói*.

Quân đội – 75 000 người Anh

– 150 000 người bản xứ (thuộc các bộ lạc **khác**

**nhau**). Người Anh *đặc biệt* lợi dụng sự hằn thù giữa người Hồi giáo (gần 60 triệu) với người Ấn-độ.

Điều nguy hiểm chủ yếu của cuộc khởi nghĩa của người Xi-pai (1857) là quân đội người bản xứ chạy theo nghĩa quân. Sự bất hoà giữa các dân tộc và trạng thái chưa thức tỉnh của quần chúng đã cứu vãn tình hình.

Chết do bệnh dịch hạch năm 1905 – 1 069 140

1907 – 1 315 892, v.v..

Sự cai trị của người Anh hoàn toàn mang tính chất “độc tài” (31), “chuyên chế” (31).

“Phủ dân chính ở Ấn-độ” gồm gần 1 000 người, bộ tham mưu của những quan lại ưu đẳng được trả lương rất hậu.

Ông ta nói: nước Anh đã mang lại nhiều (hoà bình kiểu Anh, đường sắt, bưu điện, tư pháp etc. etc.).

Nguyên nhân của tình hình sôi động:

1) người nước ngoài dùng bạo lực đối với dân chúng...

2) dân số tăng nhanh. (Đói).

3) “Ấn-độ ngày càng bị nông nghiệp hoá”: nước Anh bóp nghẹt nền công nghiệp trong nước.

Phong trào “nội hoá” (= dùng hàng sản xuất trong nước) (tẩy chay hàng hoá của Anh).

4) thuế má. Thu thuế ruộng đất của nông dân.

5) sự hình thành tầng lớp trí thức. Trường học đã đào tạo ra một “giai cấp vô sản lao động trí óc loại tồi tệ nhất và khó chịu nhất về mặt chính trị” (43), tác giả là một tên vô lại phản động.

6) sự hình thành của dân tộc Ấn-độ. (“Các đại hội dân tộc”).

7) phong trào tôn giáo chống lại người Anh, ủng hộ người châu Á, ủng hộ bản thân mình, ủng hộ những gì là của mình, của châu Á... (khủng bố etc.).

( người Anh chỉ cung cấp pháo và vũ khí, tr. 48, cho quân đội )  
( người da trắng. Nói chung, người Anh vô cùng thận trọng.)

ĂNG-GHEN. "LIỆU CHÂU ÂU CÓ THỂ GIẢI TRỪ  
QUÂN BỊ ĐƯỢC KHÔNG?"

*Phri-đrich Ăng-ghen.* "Liệu châu Âu có thể giải trừ quân bị được không?" *Nuyn-béc*, 1893. Bài in thành lập riêng của tờ "Vorwärt" (Vê-rơ-lai-in và công ty)<sup>49</sup>.

Trong Thư viện công nhân ở Béc-nơ, *văn tập* bắt đầu bằng cuốn sách nhỏ: "Các Mác trước toà án hội thẩm Cô-lô-nhơ".

**Lời tựa:** - những bài báo này được đăng vào *tháng Ba* 1893 trên tờ "Vorwärt" tại Béc-lanh "trong thời gian Quốc hội Đức thảo luận về dự thảo luật quân sự" (tr. 3).

"Như vậy, xuất phát từ hoàn cảnh ấy" (hiện tại, heutigen), "tôi chỉ đề nghị ở đây một vài biện pháp mà bất kỳ một chính phủ nào hiện nay cũng có thể áp dụng mà không có hại gì cho khả năng quốc phòng của nước mình. Tôi chỉ cố gắng xác định rằng đứng trên quan điểm quân sự thuần túy mà nói thì hoàn toàn không có một trở ngại nào đối với việc dần dần xoá bỏ quân đội thường trực", và nếu có duy trì quân đội ấy thì đó là để "chống kẻ thù trong nước" (tr. 3).

NB

NB

"Dần dần giảm bớt thời hạn nghĩa vụ quân sự theo một hiệp định quốc tế" đó là "điểm chủ yếu của những suy luận của tôi" (tr. 4) - "chuyển toàn bộ từ quân đội thường trực thành **dân cảnh**" (tr. 4, *idem*, tr. 3).

(Vây thì: "*thực chất*" vấn đề mà Ăng-ghen đề ra = chuyển thành dân cảnh. Về điểm này NB.)

Lời tựa đề rõ: Luân-đôn, 28 tháng Ba 1893.

§I. Thế là đã 25 năm, châu Âu tự vũ trang một cách "chưa từng thấy"... "Ở đây, nói về giải trừ quân bị, có phải là mất lý trí không?" (tr. 5).

Nhưng quần chúng nhân dân... kêu gọi... "giải trừ quân bị" ở tất cả các nước"... Lẽ nào không có một lối thoát nào khác ra khỏi đường cụt này, ngoài chiến tranh huỷ diệt?

"Tôi khẳng định rằng: giải trừ quân bị, và do đó việc bảo đảm hoà bình, là điều có thể thực hiện được" (5)... và nước Đức có đủ "sức mạnh và chức trách" để làm điều đó...

Sau đó, §1 mô tả ngắn gọn việc chuyển sang chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân. Mặt "cách mạng" (tr. 6) của nó là thu hút toàn thể nam giới tham gia vào công cuộc "bảo vệ đất nước"...

Cần phải chuyển sang áp dụng "mức tối đa có tính chất quốc tế về thời hạn nghĩa vụ quân sự" "với hệ thống dân cảnh, coi đó là mục tiêu cuối cùng" (7).

lúc đầu maximum là 2 năm, sau đó 1<sup>1</sup>/<sub>2</sub> năm v.v.! đến bao nhiêu??

§II. Khả năng (về mặt quân sự và kỹ thuật) áp dụng thời hạn nghĩa vụ quân sự ngắn. Không cần thời hạn dài. (dạy đi đều bước (9), lính gác (9), lính hầu (10), v.v.. là điều ngu xuẩn).

Còn kỵ binh thì sao? Nên ấn định một thời hạn dài hơn, nếu trước đó họ chưa biết cưỡi ngựa. Nhưng ngay cả về mặt này người ta cũng có thể làm được nhiều điều, ngoài ra có thể chấp nhận loại "những người tình nguyện ba hoặc bốn năm"(10).

Trong đời, tôi đã được thấy biết bao nhiêu sự thất bại của các tập quán, điều lệ, quy tắc quân sự (10) được khen ngợi trước kia, - - - "đến nỗi tôi muốn khuyên mọi người nên đặc biệt chú tin ngay chính ý kiến của "*chuyên gia*" quân sự" (tr. 11, phần cuối §II).

§III. Tính chất ngu ngốc của chủ nghĩa bảo thủ trong nghệ thuật quân sự, trong khi kỹ thuật quân sự là đặc biệt cách mạng.

Cự ly bắn của bộ binh  
 40 năm trước là cách ... 300 **bước**  
 1870/1 - - - - - 600 – 1000 “ (pháo binh: 3 – 4000)  
 “mới” - - - - - cho đến 3000 – 4000 “ (tr. 11).

Sự cần thiết của việc huấn luyện quân sự cho thanh niên, của thể dục etc. (13 – 14), hành quân (về mùa hè), “luyện tập dã ngoại” (14) etc. etc.

Còn huấn luyện viên? – những hạ sĩ quan đã xuất ngũ. Nếu lôi được họ ra “ánh sáng của sân trường và hình luật phổ thông”, - “thì lúc đó tôi xin đảm bảo rằng giới thanh niên học sinh hay nổi loạn (sic!?) của chúng ta sẽ dạy được khôn ngoan cho kẻ độc ác nhất trong số những kẻ trước đây hay hành hạ lính” (15).

§IV. Các nước khác có chấp nhận hay không? Áo và Ý thì có. Còn Pháp? – “nước quyết định” (15). Pháp có đánh lừa ta không?

Nhưng Đức còn mạnh hơn rất nhiều: dân cư đông hơn, sĩ quan nhiều hơn, mà điều đó rất quan trọng. (“Tới nay, trong tất cả các cuộc chiến tranh, chỉ sau một vài tháng chiến trận, là người ta đã bắt đầu cảm thấy thiếu sĩ quan” (17))...

Đồng thời, cái chế độ tình nguyện “không dân chủ và có hại về chính trị” (16) lại rất có ích cho nước Đức về mặt quân sự (sĩ quan>). Thế mà ở Pháp, “binh lính phải làm nghĩa vụ quân sự ba năm lại thẳng tay đuổi bọn người có đặc quyền phải làm nghĩa vụ có một năm ra khỏi quân đội. Điều đó chứng tỏ rằng ở Đức, trình độ giác ngộ chính trị – xã hội và những quy định về mặt chính trị vẫn được chấp nhận là thấp hơn đến chừng nào so với ở Pháp” (16).

§V. Nước Nga? Có chấp nhận hay không cũng chẳng quan trọng. Nói chung là không quan trọng, ở đó không có sĩ quan.

Người lính Nga rất dũng cảm và khi có đội ngũ thì họ kiên cường. Nhưng hiện nay, cần có hành động cá thể, thì anh lính Nga hoàn toàn không thích dụng và không sánh được với “lính phương Tây” (19).

Tham ô ngân khố etc. ở Nga (20).

“Chỉ cần nước Nga thua vài ba trận là chiến trường sẽ chuyển từ Vi-xla sang Đvi-na và Đni-ép; ở hậu phương quân đội Đức và được sự ủng hộ của quân Đức, người ta sẽ thành lập một đội quân gồm những người Ba-lan, đồng minh của nó; và Phổ sẽ bị trừng trị đích đáng nếu Phổ, vì an ninh của chính mình, buộc phải khôi phục lại Ba-lan thành một nước hùng mạnh” (20).

§VI. Tình hình trong nước của Nga “hầu như tuyệt vọng”... “cái nước Trung-hoa ở châu Âu ấy” (21)... sự phá sản của nông dân sau 1861... “*Con đường ấy*” (“cách mạng

NB ||| kinh tế và xã hội” = chủ nghĩa tư bản – ở Nga), “*hiện nay, chủ yếu là con đường sụp đổ*” (21).

Làm đất bạc màu, phá rừng etc, ở Nga. Tín nhiệm đang giảm xuống. “Không phải Pháp cần Nga, - mà ngược lại, Nga cần Pháp hơn... Nếu Pháp thông minh hơn một chút nó sẽ có thể bòn rút ở Nga tất cả những gì nó muốn. Nhưng đáng lẽ làm như vậy thì nước Pháp quan phương lại bỏ rập mình trước mặt Nga hoàng” (23)...

Nga sống bằng xuất khẩu lúa mạch đen, chủ yếu là đưa sang Đức. “Chỉ cần Đức bắt đầu ăn bánh mì trắng thay cho bánh mì đen là nước Nga Nga hoàng của giai cấp đại tư sản quan phương hiện nay sẽ phá sản ngay lập tức” (23).

NB?! ||| hết §VI



§VII. Còn tình hình ở nước ta ra sao? “ Binh lính bị mắng nhiếc” thường xuyên (24)... “tầng lớp quý tộc ăn bám”, “những cậu ấm tư sản vênh váo”... Trước kia người ta thường làm như vô tình bắn chết người trong khi tập luyện (25) – “tôi có biết một anh thanh niên người Cô-lô-nhơ chết năm 1849 như vậy bởi một viên đạn lẽ ra dành cho người chỉ huy của anh ta” (25), - bây giờ với khẩu súng cỡ nhỏ có hộp đạn “người ta không thể làm được điều ấy một cách dễ dàng và kín đáo như vậy được” (25)...

NB

Ở Pháp **không thể** cư xử với binh lính như thế được... binh lính Pháp ắt hẳn khinh miệt lính Đức khi họ biết lối người ta cư xử với binh lính ở các trại...

§VIII. Liệu người ta có chấp nhận đề nghị ấy không?

Đức đề nghị như vậy với Áo, Ý, Pháp. Nếu Pháp chấp nhận, thì cũng không vì thế mà vị trí của nó xấu đi, nếu từ chối thì sẽ xấu hơn.

“Tất cả các quân đội đều có năng lực kỳ lạ là học được nhiều điều, sau những *cuộc thất bại lớn*” (27)...

“Chúng ta không nên quên rằng 27 năm thống trị của Bi-xmác đã làm cho nước Đức trở nên đáng ghét đối với tất cả các nước khác – và thế cũng đáng đời. Cả việc xâm lấn người Đan-mạch ở Bắc Slê-vích, cả việc không tuân thủ và rút cuộc là bãi bỏ một cách gian lận các điểm có quan hệ đến họ trong Hiệp ước Pra-ha, cả việc xâm chiếm An-da-xơ - Lo-ren, cả những biện pháp ghê tởm chống lại người Ba-lan sống ở nước Phổ, đều chẳng có gì là giống với việc kiến lập “sự thống nhất dân tộc cả” (27)... Bi-xmác làm cho người ta căm ghét Đức...”

NB

NB

“Dù bạn có đến đâu đi nữa, thì bạn cũng đều sẽ thấy là người ta có cảm tình với Pháp và nghi ngờ Đức” (28)...

NB

“Chúng ta không nên quên rằng nước Anh sẽ quyết định kết cục của cuộc chiến tranh sắp tới” (28) – sự thống trị mặt biển, “chỉ làm cho” (Pháp hay là Đức) “chết lả đi thôi”.

Đức sẽ đại thắng, nếu biết đưa ra đề nghị như vậy (tr. 29)...

=====  
Hết  
=====

MÁC. “VẠCH TRẦN SỰ THẬT VỀ  
VỤ ÁN XỬ NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN  
Ở CÔ-LÔ-NHƠ” VỚI LỜI NÓI ĐẦU  
CỦA ĂNG-GHEN

Ăng-ghen, trong bài báo “Về lịch sử Đồng minh những người cộng sản” (đề ngày 8 tháng Mười 1885) in trong cuốn sách nhỏ: “Vạch trần sự thật về vụ án xử những người cộng sản ở Cô-lô-nhơ” (Xuy-rích 1885) - - - cuối bài có đoạn viết:

...Mác “là người mà những người đương thời căm thù nhất và nói xấu nhiều nhất”<sup>50</sup> (tr. 17)...

Lời bạt của Mác (8. 1. 1875) viết cho cuốn sách nhỏ ấy có đoạn: ...<sup>51</sup>

NB | ... “Sau thất bại của cuộc cách mạng 1848, phong trào công nhân Đức chỉ còn tồn tại dưới hình thức lý luận, và hơn nữa lại bị hạn chế trong phạm vi chật hẹp của công tác tuyên truyền, một công tác tuyên truyền mà chính phủ Phổ chưa hề có giây phút nào lại ngộ nhận là công tác đó không phải là một mối nguy thực tế” (73).

ĂNG-GHEN. “NHỮNG BÀI VIẾT  
VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ QUỐC TẾ  
ĐĂNG TRÊN TỜ “PHÔN-CƠ-STÁT””

**Phri-đrich Ăng-ghen.** “Những bài viết về những vấn đề quốc tế đăng trên tờ “Volksstaat”” (1871 – 1875). Béc-lanh, 1894.

LỜI TỰA 1894<sup>52</sup>

Trong lời tựa (3. I. 1894), Ăng-ghen đã nhận  
tiện nói rằng trong tất cả các bài viết đó (1871 –  
5), ông tự gọi mình là một người cộng sản, chứ  
không phải một người dân chủ – xã hội vì *lúc đó*,  
những người theo chủ nghĩa Pru-đông ở Pháp  
và những người thuộc phái Lát-xan ở Đức cũng  
tự xưng là những người dân chủ – xã hội (tr. 6).

“Vi vậy, Mác và tôi hoàn toàn không thể dùng  
thuật ngữ nhiều nghĩa như vậy để đặc biệt chỉ quan  
điểm của chúng tôi. Hiện nay tình hình đã khác rồi, và  
chắc là từ đó<sup>1)</sup> có thể dùng được, mặc dù nó vẫn không  
thật chính xác đối với một đảng mà cương lĩnh kinh tế  
của nó không chỉ mang tính chất xã hội chủ nghĩa nói  
chung, mà mang tính chất cộng sản chủ nghĩa hẳn hoi,  
- đối với một đảng mà mục tiêu chính trị cuối cùng  
của nó là xoá bỏ mọi nhà nước và do đó, xoá bỏ cả dân  
chủ nữa. Nhưng tên gọi của những đảng chính trị  
*chân chính*” (do Ăng-ghen viết ngả) “không bao giờ là  
hoàn toàn thích hợp cả; đảng thì phát triển còn tên gọi  
của nó thường không thay đổi” (tr. 7).

<sup>1)</sup> “người dân chủ – xã hội”.

“PHÁI BA-CU-NIN TRONG HÀNH ĐỘNG”

“Phái Ba-cu-nin trong hành động” (1873). Đoạn cuối...  
NB || “ở Tây-ban-nha, phái Ba-cu-nin nêu cho chúng ta một  
tấm gương chưa từng có về cái cách *không*” (do Ăng-  
ghen viết ngả) “nên làm một cuộc cách mạng” (tr. 33).

“TUYÊN NGÔN BA-LAN”<sup>54</sup>

Ibidem “Tuyên ngôn Ba-lan” (11. VI. 1874).  
NB || “Nền tảng của toàn bộ chủ nghĩa quân phiệt châu Âu  
là chủ nghĩa quân phiệt Nga. Quân đội Nga trong chiến  
tranh 1859 đã đứng làm quân dự bị cho phía Pháp, và  
năm 1866 và 1870 cho phía Phổ, nên lần nào nó cũng tạo  
NB |||| khả năng cho cường quốc quân sự lớn nhất đánh tan kẻ  
địch của nó hết kẻ này đến kẻ khác. Phổ, với tư cách là  
cường quốc quân sự số một ở châu Âu, chính là sản  
phẩm của nước Nga, mặc dù sau đó nó đã vượt người  
bảo hộ nó một cách không lấy gì làm dễ chịu cả” (tr. 35).

...“Hơn nữa, sau những cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-  
ông, nước Nga đã chiếm cái phần béo bở nhất gồm các tỉnh  
trước kia là của Phổ – Ba-lan và Áo- Ba-lan, và hiện nay nó lại  
công khai can thiệp với tư cách là trọng tài ở châu Âu; nó đã liên  
tục đóng vai trò đó đến tận năm 1853... Trong những năm cách  
mạng, việc quân đội Nga đè bẹp Hung-ga-ri là một sự kiện cũng  
có tính chất quyết định đối với Đông Âu và Trung Âu, chẳng  
khác gì những trận chiến đấu hồi tháng Sáu ở Pa-ri đối với  
phương Tây... ở châu Âu, cùng với sự thống trị của nước Nga,  
sự thống trị của phái phản động đã được thiết lập. Cuộc chiến  
tranh Crưm đã giải phóng phương Tây và nước Áo khỏi những  
tham vọng vô sỉ của Nga hoàng... Trên kia, chúng ta đã thấy  
rằng quân đội Nga là lý do và cơ sở của toàn bộ chủ nghĩa quân phiệt

châu Âu... Chính là vì vào năm 1870, quân đội Nga ngăn cản Áo can thiệp để giúp Pháp mà Phổ đã có thể thắng được quân Pháp và thành lập xong nền quân chủ quân sự Đức – Phổ” (38)...

Những lời ba hoa về tính chất “chủ yếu là quý tộc” của phong trào Ba-lan là những lời “ngu ngốc”.

“Do toàn bộ quá trình phát triển lịch sử của mình và do hoàn cảnh hiện nay của mình, Ba-lan còn bị đặt – ở một mức độ lớn hơn nước Pháp – trước hai con đường phải chọn: làm cách mạng hoặc là chết” (39)...

năm 1871 những người Ba-lan (lưu vong) phần lớn đứng về phía Công xã... “chẳng lẽ đây là hành động của những người quý tộc hay sao?” (39).

“Tầng lớp quý tộc Ba-lan ngày càng gần gũi nhiều hơn với nước Nga để thống nhất Ba-lan, dù thống nhất dưới sự thống trị của Nga; còn quân chúng cách mạng thì trả lời lại bằng cách đề nghị liên minh với đảng công nhân Đức, và đấu tranh trong hàng ngũ của Quốc tế” (39).

“*Một dân tộc đi áp bức các dân tộc khác thì không thể là một dân tộc tự do.* Lực lượng vũ trang mà nó cần có để đi đàn áp một dân tộc khác, rốt cuộc lại quay sang chống lại chính nó” (40) – về nước Nga: việc phục hưng lại Ba-lan “là một sự cần thiết... cho chính bản thân người Nga” (NB) (40).

### “VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở NGA”

“Về vấn đề xã hội ở Nga” (1875)

... “Giai cấp đại tư sản ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ô-đét-xa phát triển nhanh chưa từng thấy trong mười năm gần đây, đặc biệt là nhờ việc xây dựng đường sắt... toàn bộ nền đại công nghiệp Nga tồn tại chỉ nhờ có... thuế quan bảo vệ, - chẳng lẽ tất cả những phần tử có ảnh hưởng và lớn lên

rất nhanh ấy trong dân cư lại không có lợi gì trong sự tồn tại của nước Nga sao?...<sup>55</sup> (tr. 52) (chống Tơ-ca-tsep).

Lời bạt (1894) – cho bài báo “Về vấn đề xã hội ở Nga”<sup>56</sup> – kết thúc bằng câu sau:

“Nó (cách mạng Nga) không những chỉ xoá bỏ tình trạng phân tán rời rạc của những thôn xóm, nơi mà nông dân, bộ phận chủ yếu của dân tộc, sinh sống, nơi đã được họ tạo thành cái “thế giới” của họ, vũ trụ của họ; không những chỉ đưa nông dân lên vũ đài rộng lớn, ở đây họ đồng thời nhận thức được cả thế giới bên ngoài lẫn bản thân họ, hiểu được hoàn cảnh của mình và những phương pháp để thoát khỏi tình trạng thiếu thốn hiện nay, mà cách mạng Nga còn sẽ đem lại một sự thúc đẩy mới cho phong trào công nhân ở phương Tây, sẽ tạo cho phong trào này những điều kiện đấu tranh tốt hơn nữa và do đó làm cho thắng lợi của giai cấp vô sản công nghiệp hiện đại xích lại gần – thắng lợi mà thiếu nó thì nước Nga hiện nay không thể thông qua công xã hoặc chủ nghĩa tư bản mà đạt tới công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với xã hội được”. (tr. 72).

### LAU-PHEN-BÉC. “TỔ CHỨC, CHIẾN TRANH VÀ PHÊ PHÁN”

*Lau-phen-béc* || “Tổ chức, chiến tranh và phê phán”. Tư liệu cho cuộc tranh luận trong đảng ở Ham-buốc của tiến sĩ Hen-rích *Lau-phen-béc*, của Phri-txơ *Vôn-phơ-hem* và tiến sĩ Các-lơ *Héc-tơ*. “Chỉ để phân phát cho đảng viên khi xuất trình thẻ đảng”. (Do tiến sĩ *Lau-phen-béc* in và phát hành. Ham-buốc) (1 – 77 tr.) Năm ??? (1915) ((chắc chắn là 1915)).

"Tiếng vang"<sup>57</sup> đi theo khẩu hiệu của chính phủ (8) – những đoạn trích dẫn từ "Tiếng vang" (9 – 15) (ủng hộ việc quân phiệt hoá thanh niên, 26 và tiếp) **rất thú vị**. Những lời tuyên bố của Lau-phen-béc và của những người khác – phản đối.

Một chiến thuật như là tố cáo etc. của các lãnh tụ.

Đề nghị triệu tập "những người được uỷ nhiệm" bị bác bỏ (23 và các trang khác).

... "phải vạch trần mâu thuẫn giữa các lãnh tụ đi theo chính sách của "Echo" với quần chúng vẫn đứng trên các nguyên tắc vô sản ngày trước và vứt bỏ chính sách hài hoà xét lại kiểu mới" (34)...

§VIII: "*Sự câu kết (Sammlung) của các lãnh tụ*" (NB) (chống lại quần chúng).

Các cuộc thảo luận đã chứng tỏ:

"Cuộc tranh luận kéo dài bốn buổi tối là hết sức tiêu biểu cho tâm trạng của cái gọi là những nhóm lãnh đạo của Ham-buốc. Điều mà bất kỳ người nào chú ý quan sát sinh hoạt đảng ở Ham-buốc đều biết rõ từ lâu đã biểu lộ ra hoàn toàn rõ ràng: trong thâm tâm, lớp trên trong số các lãnh tụ đó đã xa rời từ lâu thế giới quan cấp tiến của quần chúng đảng viên Ham-buốc. Trong hội nghị, họ còn có thể tung ra những công thức cấp tiến, nhưng trên thực tế, đối với các nhóm ấy, chủ nghĩa Mác đã trở thành chiếc áo choàng bất tiện mà họ chỉ mặc khi phát biểu một cách chính thức trong đảng" (36).

*phôn En-mơ, - Au-gu-xtơ Vin-ních, - Hin-đê-brăng-tơ* và những người khác đã bảo vệ chủ nghĩa đế quốc etc. (tr. 36).

((H. Tô-mát ủng hộ En-mơ và những người khác, tr. 47 và các trang khác))

Các lãnh  
tụ và  
quần  
chúng

!!  
NB  
!!

NB

NB

... "ở khu 1 và 2, nơi ban lãnh đạo nắm được các tổ chức, người ta không hề triệu tập một cuộc họp nào trong 4 tháng đầu tiên sau khi tuyên bố chiến tranh" (37)...

tr. 41 – những kẻ cơ hội chủ nghĩa viên dẫn những kẻ cơ hội chủ nghĩa và Cau-xky (họ nói: ông ta cũng ủng hộ việc không phê phán) – và một *lời chú giải* của các tác giả nói rằng Cau-xky **phản đối** việc "làm dụng" tên ông ta như vậy.

Ở khu *Ham-mơ*, - trước chiến tranh có 6000 đảng viên, - sau 4 cuộc họp, tuyệt đại đa số *ủng hộ* Lau-phen-béc (tr. 47)...

§XI: "Củ cà rốt và chiếc gậy", những kẻ cơ hội chủ nghĩa, "những ông chủ" của các tổ chức, *En-mơ* (A-đôn-phơ phôn En-mơ) và E-min-lơ Crau-dê "đã đưa" vào "Ủy ban cứu tế nhân dân" (48) một công nhân trẻ (lấy từ Ủy ban trung ương phụ trách giáo dục công nhân) để hành động theo một tinh thần ôn hoà...

"Các-lơ *Hôi-mơ*" chịu trách nhiệm bán cuốn sách nhỏ của Lau-phen-béc (48) - anh ta là công nhân trong xưởng in *Au-ơ và công ty* (của đảng) và người ta đã hăm hại anh ta (Treiberei), người ta bảo anh ta: đi mà phân nản với "ông tiến sĩ Lau-phen-béc của anh đi" (48).

Cảnh sát đã đi tới mức "ra những chỉ thị rành rọt cho các diễn giả về nội dung những diễn văn của họ và cấm thảo luận, giống như trường hợp các bài diễn văn của Sai-đê-man và Lên-sơ. Trong khi hoạt động của các hội *tư sản* không phải chịu sự can thiệp của cảnh sát thì sinh hoạt xã hội của các tổ chức của đảng và công đoàn bây giờ đã bị cảnh sát kiểm tra. Như vậy là chúng ta đang ở vào một tình hình đặc biệt giống như trong thời kỳ có đạo luật về những người xã hội chủ nghĩa" (52)...

*Ủy ban báo chí* (H. Tô-mát viết dưới

NB  
!!!

!!



vô sản đã phát triển xuất phát từ tiền đề là trong thời gian gần nhất, không thể nghĩ tới những cuộc xáo động chính trị lớn được và trọng tâm đấu tranh sẽ còn nằm lâu dài ở sự thoả hiệp trong nghị trường với những lực lượng cũ, đã bén rễ sâu xa...

...Cuộc chiến tranh thế giới đã lập tức đảo lộn tình thế. Nó đã chứng tỏ rằng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã chuyển từ giai đoạn hưng thịnh thường xuyên sang kỷ nguyên ô ạt mở rộng phạm vi hoạt động của nó, một sự mở rộng được thực hiện bằng những sự bùng nổ. Vì thế, giai cấp vô sản đứng trước nhiệm vụ phải làm cho các tổ chức giai cấp của mình thích ứng với yêu cầu cách mạng của tương lai.

Những sự kiện kỳ quái của mùa hè năm ngoái đã xảy ra đúng vào lúc các tổ chức của giai cấp vô sản chưa được chuẩn bị tí gì. Chỉ có độc một mình giới quan liêu địa phương là được xác định lập trường đối với các sự kiện chính trị có ý nghĩa toàn thế giới, làm như thế đó là vấn đề kiểm tra thường kỳ hàng tháng các tem bán ra để thu đảng phí” (74)...

... “Chúng tôi có cảm tưởng rằng điều chủ yếu đối với phái đối lập hiện nay là: tiến hành những sự sửa đổi – mà thời điểm hiện nay đòi hỏi – đối với các hình thức tổ chức của giai cấp vô sản Đức là giai cấp đã phải xuất phát từ *nguyên tắc “ra lệnh”* trong những vấn đề tổ chức, và *hoàn toàn* chỉ xuất phát từ hành động *có tính chất nghị trường* trong công tác thực tiễn, cho phù hợp với hoàn cảnh chung trước kia ở Đức, cái hoàn cảnh đã buộc giai cấp vô sản phải thực hành một sách lược chủ yếu là *cải lương* trong hàng chục năm. Những bước ngoặt lịch sử mà chúng ta hiện đang trải qua buộc giai cấp vô sản phải chuyển sang *các hoạt động quân chúng*, là những hoạt động đòi hỏi phải có một quần chúng *tự do* trong tổ chức của họ, một quần

NB

|| chúng tự giác và quy định một cách hoàn toàn độc lập  
|| tiến trình hoạt động của mình” (75).  
Và các tác giả thậm chí đã đề nghị cả “*điều lệ*” nữa! (76 – 77).

Hết

### VIẾC-TỜ. “LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI”

An-bréch *Viếc-tờ*. “Lịch sử thế giới hiện đại”. Xuất bản lần thứ 4. Lai-pxích, 1913 (và những nguồn tài liệu khác). [Lời nói đầu quả là đặc biệt: “1783 – 1870” (hai niên đại, thế thời)]

c. = chiếm                                  p. c. = phân chia  
c. t. = chiến tranh                      c. l. = chống lại<sup>1)</sup>  
H. ư. = Hiệp ước

#### *Những cuộc khủng hoảng quốc tế*

1779?	
1789 – 1871	
1877 – 78	Nga chống Thổ-nhĩ-kỳ
1885	Nga chống Anh
1895	Nga + Đức + Pháp chống Nhật
1898	Anh chống Pháp
1904/5	Nga chống Nhật Pháp chống Đức
1911	Pháp (Pháp + Anh) chống Đức

<sup>1)</sup> Đây là lời giải thích của V. I. Lê-nin về những chữ viết tắt trong các bản ghi sau này. Trong bản dịch này, chúng tôi không dùng những chữ viết tắt ấy.

## BẢNG KÊ CÁC CUỘC XÂM CHIẾM THUỘC ĐỊA VÀ CHIẾN TRANH

Châu Mỹ và Tây Âu (350) <sup>1)</sup>	Đông Âu (Áo + các vùng Ban-căng + Nga) (250) <sup>1)</sup>	Các nước khác (chủ yếu là châu Á và châu Phi) (1000) <sup>1)</sup>
1873-1879 Anh chiếm các đảo Phi-gi (73). - Mỹ: nhóm ngô Ha-i-ti (74). - <i>Anh</i> chiếm Két-ta (76). - <i>Anh</i> chiếm Tô-ran-xva-an (77). - <i>Anh</i> tiến hành chiến tranh với Áp-ga-ni-xtan (78). Huỷ bỏ hiệp ước về Slê-xvích - Hôn-sây-nơ (Viên 11. X. 1878). Anh tiến hành chiến tranh với Du-lu 1879. - 1879: Anh chiếm Síp. <i>Liên minh tay ba</i> (Đức + Áo + Ý) (79) (8. X. 1879).	Nói chung, cuộc vận động của Nga ở Tuốc-kê-xtan: 1868 - 1876. - Nga chống Khi-va (73). - Nga chiếm Xa-kha-lin (75). - Nga chiếm Phe-rơ-ga-na (76). - Chiến tranh Nga - Thổ-nhĩ-kỳ (77). (Nga chiếm một phần Bét-xa-ra-bi-a và Tiểu Á). 1878. Hạm đội Anh ở Đắc-đa-nen. Đe dọa. 1878: Đại hội ở Béc-lanh.	1868: Nhật duy tân. - Khi-va chống Nga (73). - Các đảo Phi-gi chống Anh (73). - Khởi nghĩa ở <i>Vân-nam</i> (Trung-quốc) và <i>A-sin</i> (73). - <i>Nhật</i> chống Đài-loan (74). - Khởi nghĩa ở Sa-sum (77) (ở Nhật). - Tô-ran-xva-an chống lại <i>Anh</i> (77). - Áp-ga-ni-xtan chống lại Anh (78).
1880-1891 Chiến tranh ở Chi-lê, Pê-ru và Bô-li-vi-a (80). - Đức chiếm Xa-mô-a (80). - Pháp chiếm Tuy-ni-di (81). Ở Tuy-ni-di <i>đến tận</i> bây giờ vẫn có 90 000 người Ý và 35 000 người Pháp. - Tô-ran-xva-ra đánh Anh: 27. 11. 1881 (1879 - 1880). - Ý ở Ma-xa-u-a (81). - Anh chiếm Ai-cập (82). - Ý gia nhập liên minh Đức và Áo.	Nga chiếm Méc-vơ (84). Chiến tranh Xéc-bi-a - Bun-ga-ri (85). - Nga suyết xảy ra chiến tranh với Anh (85): hiệp nghị ở Pen-giơ về Áp-ga-ni-xtan) (10. IX. 1885 hiệp định Anh - Nga về Áp-ga-ni-xtan được ký kết).	Đức chiếm Xa-mô-a (80). - Tô-ran-xva-ra được độc lập (81). - Cun-đơ-gia được trả lại (81). - "Những vụ rối loạn" ở Triều-tiên (84). - Phân chia Công-gô (85). - Phân chia U-gan-đa (90) - (17. VI. 1890 đổi lấy Hen-gô-lăng-đơ) (đổi Hen-gô-lăng-đơ lấy Dain-di-ba).

<sup>1)</sup> Con số trong ngoặc là dân số tính theo triệu người.

Châu Mỹ và Tây Âu	Đông Âu (Áo + các nước vùng Ban-căng + Nga)	Các nước khác (chủ yếu là châu Á và châu Phi)
Năm 1881 (? 20. V. 1882. Ý gia nhập liên minh). - Chiến tranh giữa Pháp với Trung-quốc kết thúc bằng hoà ước 25. VIII. 1883: Pháp chiếm Bắc-kỳ. - Đức chiếm thuộc địa ở châu Phi (84). - Pháp chống Trung-quốc (84). - Anh chống Ai-cập (84). - 26. II. 1884: Hiệp nghị của Anh với Bồ-đào nha: phân chia miền Trung châu Phi. - Hiệp ước của Anh với Tô-ran-xva-an (84). - Anh chiếm Bê-su-a-na (84). - Phân chia Công-gô (85). - Đại hội 15. XI. 1884 (đến 26. II. 1885) ở Béc-lanh về Công-gô: phân chia Công-gô. - Anh chiếm Miến-điện (85). - Năm 1885: tìm được vàng ở Tô-ran-xva-an. - Anh suyết xảy ra chiến tranh với Nga (85). - Năm 1885 chiến tranh giữa Pháp và Trung-quốc và Pháp không thành	Khoản vay đầu tiên của Nga ở Pháp (500 triệu phrăng) XII. 1888. - Liên minh Nga - Pháp (22 tháng Tám 1891?) (ký ngày 22 tháng Tám 1891). (Hiệp định quân sự: cuối tháng VI. 1892)	

<p>công (30. III. 1885: Phe-ry đổ vì chuyên đó). Bra-xin trở thành nước cộng hoà (89). - Anh và Đức bàn về U-gan-đa (90). - Tới hậu thư của Anh gửi Bồ-đào-nha (1890): Anh cướp bóc Bồ-đào-nha ở châu Phi. Hiệp ước giữa Anh và Bồ-đào-nha: 11. VI. 1891. - Liên minh Nga - Pháp (1891)</p>	<p>Hiệp định của Nga (?) về Pa-mia (92). Phân chia một phần Trung-quốc (95). - Quân viễn chinh của Nga vào A-bit-xi-ni (96). - Chiến tranh Hy-lạp - Thổ-nhĩ-kỳ (97).</p>	<p>Xiêm chống Pháp (93). - Ma-ta-bê-lê chống Anh (93). Chiến tranh Nhật - Trung-quốc (94) và hiệp ước ở Xi-mô-nô-xê-ki (95). 17. IV. 1895 - hiệp ước ở Xi-mô-nô-xê-ki. 20. IV. 1895 - sự can thiệp của Pháp + Đức + Nga. 21. VII. 1895 - hiệp ước Bắc-kinh (Nhật từ chối thắng Trung-quốc...). - Ma-đa-ga-xca chống Pháp (95). - Khởi nghĩa ở Phi-líp-pin (96). - A-bit-xi-ni chống lại Ý (96).</p>
<p>Cách mạng ở Chi-lê (92). - Hiệp định của Anh (?) về Pa-mia (92). Pháp chiếm một phần Xiêm (93). - Chiến tranh của Anh với Ma-ta-bê-lê (93). - Phân chia một phần Trung-quốc (95: Xi-mô-nô-xê-ki). Pháp chống Ma-đa-ga-xca (95) (1894 - 1895). - A-bit-xi-ni chống lại Ý (96). Anh chống Ai-cập (96). - Đức chiếm Giao-châu (97). Chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ để giành Cu-ba (98).</p>		

<p>Châu Mỹ và Tây Âu</p> <p>Anh suy t xây ra chiến tranh với Pháp (98).</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p>4. XI. 98 rút khỏi Pha-sô-đa.</p> </div>	<p>Đông Âu (Áo + các nước vùng Ban-căng + Nga)</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p>Hiệp ước bí mật của Nga với Tây-tạng về chế độ bảo hộ của nước Nga được công nhận năm 1902.</p> </div> <p>Chiến tranh Nga - Nhật (1904) (vi Triều-tiên và một phần Trung-quốc).</p>	<p>Các nước khác (chủ yếu là châu Á và châu Phi)</p> <p>6. III. 1898 - nhượng Giao-châu. 27. III. 1898 - nhượng của Lữ-thuận. 11. IV. 1898 - nhượng Quảng-châu<sup>1)</sup> cho Pháp. ? nhượng Uy-hải-vệ cho Anh. Những người Bô-e chống lại Anh (99). - Chiến tranh ở Phi-líp-pin chống Mỹ (99). - Trung-quốc chống lại châu Âu (900): các cuộc chiến tranh của Nghĩa hoà đoàn. Kết thúc chiến tranh Anh - Bô-e (902). - Pa-na-ma và Mỹ (903). - Tây-tạng chống lại Anh (904). - Ghê-rê-rô chống lại Đức (04). - Chiến tranh Nhật-Nga (1904).</p>
<p>1899 - 1904</p> <p>21. III. 1899: Anh và Pháp chia nhau châu Phi. - Anh tiến hành chiến tranh với người Bô-e (99). - Mỹ tiến hành chiến tranh với Phi-líp-pin (99). Chiến tranh với Trung-quốc (900) (cuối 1900 - IX. 1901). - Hiệp ước Anh - Nhật: 30. I. 1902. Kết thúc chiến tranh Anh - Bô-e (1902). - 1902: Sắc lệnh của nhà vua về việc xây dựng đường sắt Bát-đa 1902. - Mỹ chiếm Pa-na-ma (903). 1903: Đức + Anh + Ý phong toả</p>		<p><sup>1)</sup> Quảng-châu-văn</p>



<p>1905 - 1914</p>	<p>Vê-nê-du-ê-la. (Đức ném bom). Người ta thu lại hết nợ!! Anh chống Tây-tạng (904). Đức chống Ghê-rê-rô (04). - Hiệp định Anh - Pháp 8. IV. 1904 (phân chia châu Phi) (Đổi Ai-cập lấy Ma-rốc). - - -</p>	<p>Pháp suýt xảy ra chiến tranh với Đức (Ma-rốc) (1905). - Phân chia ở An-khê-xi-ra (1906). - Kết thúc chiến tranh của người Gốt-ten-tốt chống lại Đức (1907). - Áo sáp nhập Bô-xni-a và Ghec-txê-gô-vin (1908). 1907 - 8: Pháp và Anh mỗi nước chiếm một mảnh của Xiêm và các nước láng giềng. Hiệp ước của Anh với Nga (1907?); phân chia Ba-tư. - VI. 1907. - Hiệp định Anh - Nga 31 tháng Tam (1907?); phân chia Ba-tư)... + cuộc gặp gỡ ở Rê-ven: VI. 1908. Tháng Năm (tháng Sáu) 1908: cuộc gặp gỡ ở Rê-ven (9. VI.</p>	<p>Hoà ước ở Po-rơ-smút (1905). Cách mạng ở Nga (1905). Hiệp ước Nga - Nhật: 30. VII. 1907 ("status quo"). Hiệp định Anh - Nga 31 tháng Tam 1907 (chia Ba-tư)... 1908: cách mạng ở Thổ-nhĩ-kỳ. Khởi nghĩa ở An-ba-ni và A-ra-bi (1909). Hiệp ước của Nga với Anh (1907) ((cuộc gặp gỡ ở Rê-ven. VI. 1908)). Tháng Năm (tháng Sáu) 1908: cuộc gặp gỡ ở Rê-ven (9. VI. 1908) của các hoàng đế Anh và Nga. - Mùa thu 1909: Cuộc gặp gỡ ở Ra-cô-nít-giơ của các hoàng đế Y và Nga. (Chuẩn bị cho liên minh Ý và Nga chống lại Áo). Nga chống Ba-tư 1909.</p>	<p>Ma-rốc bị phân chia (An-khê-xi-ra) (1905). <i>Nhật</i> chiếm Triều-tiên v.v.. (1905). Chiến tranh của người Gốt-ten-tốt với Đức. Kết thúc (1907) (chiến tranh ba năm). Ma-rốc chống lại Tây-ban-nha (909). Cách mạng ở Ba-tư (1909?) Hiệp ước của Nhật với Nga (1910). <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;">Khởi nghĩa ở Triều-tiên - 1907-9.</div> <i>Nhật</i> bình định Triều-tiên (1907 - 1909) (1909: viên toàn quyền I-tô bị giết). Phân chia Ma-rốc (1911). To-ri-pô-li chống lại Ý (1911). Cách mạng ở Trung-quốc (1911 - 12)</p>
------------------------	---	---	--	---

<p>Châu Mỹ và Tây Âu</p>	<p>Đông Âu (Áo + các nước vùng Ban-căng + Nga)</p>	<p>Các nước khác (chủ yếu là châu Á và châu Phi)</p>
<p>1908) của các hoàng đế Anh và Nga. Tây-ban-nha chống Ma-rốc (909) - 1909 - 1910. Mùa thu 1909: cuộc gặp gỡ ở Ra-cô-nít-giơ của hoàng đế Y và Nga (chuẩn bị cho liên minh Nga và Ý chống lại Áo). - Nước Cộng hòa ở Bô-đao-nha (1910) (X. 1910). Suýt xảy ra chiến tranh vì vấn đề Ma-rốc (1911) (Anh, Pháp, Đức). 21. V. 1911: Pháp tiến vào Phết-xơ. - 4. XI. 1911: hiệp định của Pháp với Đức về việc trao đổi một phần Công-gô để lấy quyền thống trị Ma-rốc. Ý chống To-ri-pô-li (1911). Cách mạng và phản cách mạng ở Mê-hi-cô (1911 - 3).</p>	<p>Hiệp ước của Nga với Nhật (1910). Chiến tranh Ban-căng lần thứ 1 năm 1912. Chiến tranh Ban-căng lần thứ 2 năm 1913 (VI). <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">Nga tấn công Ác-mê-ni-a (1913?). (Tối hậu thư gửi Đức? 1913?)</div></p>	<p>Nga chống Ba-tư (1909). <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;">Đầu 1909: Nga tiến vào A-đéc-bai-gian.</div></p>
<p>Anh và Đức phân chia vùng Bết-da (Tiểu Á) (1913?)</p>	<p>IV. 1913: Đức bỏ ra 1 tỷ để vũ trang.</p>	

1872 – 79 (liên minh "tay ba")  
 1879 – 1891 (liên minh Pháp – Nga)  
 1891 - 1898 (trước Pha-sô-đa)  
 1898 - 1904 (trước chiến tranh Nga - Nhật)  
 1904 - 1914 (trước chiến tranh thế giới)  
 1914

Các mốc của lịch sử ngoại giao:

1879: liên minh Đức và Áo (1881 + Ý)

1891: liên minh Pháp – Nga.

1898: Pha-sô-đa.

1904: hiệp định Anh – Pháp.

1907: các hiệp định Anh – Nga; Nga – Nhật; Pháp – Nhật.

Nói đến việc xoá bỏ chế độ nô lệ và về các đại hội châu Âu nhằm mục đích ấy (- 1890 – có một số đại hội như vậy! tr. 132), tác giả cho biết rằng Mỹ đã xoá bỏ chế độ nô lệ, "nhưng càng về sau, càng thêm nhiều người da đen ở các bang phía nam lại bị dồn vào cảnh nông nô, cho nên hiện nay, ở rất nhiều nơi, họ thực ra đã bị mất quyền bầu cử" (132).

"Tôi cứ tưởng rằng người ta bao giờ cũng phải được hưởng quyền tự do ngang như nhau... Hiện nay, châu Âu đã xoá bỏ chế độ nô lệ, nhưng một người nô lệ thuộc bộ lạc Xoa-kê-li lại khinh người thủy thủ trên tàu biển của châu Âu vì cái công việc thấp kém, nặng nhọc của người thủy thủ nọ; và nhiều anh chị em công nhân ở thành phố lớn là những con người như thế nào, nếu không phải là những nông nô phải rầm rập nghe theo lời sai bảo của ông chủ?... Lòng dửng dăm của A-ri-xtô-phan giờ đây có thể đã trở thành một điều phi thường và ngày nay thì Luy-tơ sẽ bị truy tố hàng trăm lần trong một ngày

Không đến nỗi dở! | về tội xúc phạm, lăng mạ nhà thờ, thúc đẩy hần thù giai cấp và tội phạm thượng. Với chế độ nô lệ, thì cũng như vậy mà thôi" (133).

Trong một chương nhỏ nói về Ai-rơ-len, tác giả viết:

NB | "Có ách thống trị thì có hành động phản kháng, còn sự mềm dẻo sẽ bị xem như tinh thần điều hoà và mềm yếu. Biết làm thế nào đây? Tôi thiết nghĩ rằng tất cả đều phụ thuộc vào những đặc điểm của dân tộc nhược tiểu mà người ta cần phải lôi cuốn về phía mình. Không bao giờ có thể dùng bạo lực mà khuất phục được những người An-ba-ni đâu. Chính sách điều hoà ở An-da-xơ - Lo-ren cũng là đúng... Người Anh đã giết hại hết tất cả những người dân ở Ta-xman. Nhưng người Ai-rơ-len không phải là người Ta-xman! Muốn tiêu diệt hết họ, không phải là chuyện đơn giản" (133).

Những năm 1880: cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len; - giới nghiêm; Pác-nen v.v..

NB | "Ngay sau Xi-mô-nô-xê-ki, các nhà văn Nhật đã so sánh chiến tranh chống Trung-quốc với chiến tranh của Phổ chống Áo" (187): rồi muốn có sự liên minh đánh giá chiến tranh | chống châu Âu. Hoàng thân Cô-nô-e, chủ tịch thượng nghị viện Nhật bản đã trình bày quan điểm này một cách đặc biệt gay gắt.

1894 - 5 | tr. 299: "thời đại chủ nghĩa đế quốc" (ngày nay) – NB | và ở các chỗ khác cũng vậy. ((Ví dụ, tr. 5, trong ngay câu đầu cuốn sách)).

"Sự trì trệ của đế quốc Đức" (tr. 306 và các trang tiếp). 1899 – 1911, không chiếm được gì.

(tr. 309). Đức, năm 1870, có 541 000 km<sup>2</sup>

1903, có 3 200 000 km<sup>2</sup>

Pháp, - 536 000 km<sup>2</sup> ở hải ngoại

6 600 000

xây dựng đường sắt ở châu Á:

Đức: 1 100 km (1884 – 1904)

Nga: 13 900 km (1886 – 1904) !! (tr. 311).

Một trong “những vấn đề” của châu Phi (Nam) là người da đen sinh sôi nảy nở nhanh hơn người da trắng rất nhiều.

“Một số người di thực công khai mong muốn có khởi nghĩa để kìm hãm sự phát triển nguy hiểm của dân số Ca-phơ và để chấm dứt mọi quyền lợi của họ và quyền sở hữu ruộng đất của họ” (385)

trong chương: “Những cải cách ở châu Phi”.

tr. 396: những đất thuộc châu Âu ở châu Phi (Hen-sơ. “Geographische Zeitschrift”, 1912):

	1890	1912
Anh .....	2.1 triệu km <sup>2</sup>	8.8
Đức .....	2.1	2.4
Công-gô thuộc Bỉ .....	2.1	2.4
Pháp .....	1.8	9.2
Bồ-đào-nha .....	1.8	2.1

“Các-lây-lơ nói rằng ngay từ thế kỷ 18, tiến hành chiến tranh vì lợi ích của Anh đã là “nghĩa vụ” của các nước trên lục địa” (408).

Diễn  
đạt  
hay!

“Hiện nay, toàn thế giới đang bị lôi cuốn vào một trong các hệ thống liên minh, đang tham gia vào một trong hai công-xoóc-xi-om lớn nhằm xâm chiếm thế giới: vào Liên minh tay ba, được tăng cường thêm Ru-ma-ni hoặc vào nhóm do Anh đứng đầu. Duy chỉ có Mỹ là còn chưa muốn tham gia. Hơn nữa tình hình diễn ra kỳ quặc đến nỗi là cả hai công-xoóc-xi-om nói trên, tuy hết sức kình địch với nhau trong toàn bộ Thế giới cũ, nhưng lại nhất trí ủng hộ Nam Mỹ chống Bắc Mỹ” (411).

NB

Dân cư *Ba-tư* hoàn toàn không phải là thuần nhất về mặt dân tộc: Người Ba-tư, người Cua-đơ (2 triệu), người

Bác-ti-a-rơ; người Ả-rập, người Bê-lút-gi; người Ác-mê-ni-a; người Giu-đê; người Thổ-nhĩ-kỳ (1+1/2 triệu) và còn nhiều thành phần dân tộc khác nữa (416).

Dân cư Thổ-nhĩ-kỳ (1909): người Thổ-nhĩ-kỳ – 9 triệu; người Ả-rập – 7 triệu; người Hy-lạp – 2½ – 3; người An-ba-ni – 2½; người Cua-đơ - 1½; người Ác-mê-ni-a – 1¼; người Bun-ga-ri – 1 triệu; người Lê-van-tin – 1; người Xéc-bi-a – 3/4; người Do-thái – 2/3; người Va-la-khơ - 0.5; người Béc-be-rơ và người da đen ở Tô-ri-pô-li – 0.7; những giống người khác – 1. Σ = 29 triệu (tr. 422)...

“Tất nhiên sự kiện quan trọng nhất trong sự phát triển ngày càng rối bời vừa qua của Ba-tư là khoản tiền vay khổng lồ mà Anh và Nga cùng cung cấp cho Ba-tư. Khoản tiền vay lớn nhất trong lịch sử Ba-tư: 70 triệu mác. **Đó là sự giao dịch điển hình của chủ nghĩa đế quốc hiện đại.** Điều đó cũng đã được tiến hành cả ở Ma-rốc nữa. Một nước nào đó làm cho một cường quốc hiện đại hùng mạnh nổi lòng thèm muốn sặc mùi tư lợi. Nước đó – là Cu-ba, Li-bê-ri-a hoặc I-ran cũng vậy, - đang ở trong hoàn cảnh khó khăn, đang có những sự rối loạn mà tuy thế người ta cũng có thể giải quyết được nếu không có kẻ nào can thiệp vào. Cường quốc ngoại bang không để cho vết thương kín miệng, nó làm tăng những rối loạn sẵn có và bằng thủ đoạn khiêu khích, nó bồi thêm những rối loạn mới vào những rối loạn cũ. Cũng có khi một tên khiêu khích nào đó bị giết, thí dụ như tiến sĩ Mô-san ở Ma-ra-kê-sơ, hoặc bọn cướp biển Bắc Mỹ ở Ni-ca-ra-go-a, hay là cảnh sát ở Ta-vri-đơ bị buộc tội về việc một lính Nga đào ngũ biến mất.

(nhưng rồi vài ngày sau người ta tìm thấy hấn ở cánh đồng trồng ngô tận đằng xa), và khi đi tìm kẻ đào ngũ, cảnh sát đã xâm phạm nhà ở, bất kể đó là tư thất của một nhân vật tôn giáo cao cấp. Và thế là ở cái nước đã có những sự rối loạn, bùng lên sự phẫn nộ tự nhiên đối với những kẻ ngoại bang gây rối loạn. Tình hình đi tới chỗ sự phẫn khích của nhân dân bùng nổ, tới mức có những hành động tàn bạo. Cường quốc ngoại bang gửi quân đội đến để trả thù cho những kẻ ngoại bang gây rối loạn kia và đồng thời đòi nước bị xâm lấn phải đền bù cho sự xâm lấn ấy. Nước đó không thể trả được. Làm thế nào bây giờ? Thế là lúc đó, cường quốc ngoại bang đi xâm lấn sẽ mỉm cười khả ái mà tuyên bố rằng mình sẵn sàng giúp đỡ ông bạn thân mến thoát ra khỏi cái khó khăn nhỏ bé đó và đề nghị cho anh ta vay tiền. Dĩ nhiên là lợi tức cũng chẳng lấy gì làm nhỏ. Bởi vì sự bảo đảm chẳng có gì là vững chắc cả. Và thế là nước đó nằm trong móng vuốt của tên cho vay nặng lãi. Từ nay nó không thoát khỏi số mệnh của nó được: phải chịu sự khai hoá của cường quốc bè bạn đã xâm lấn mình" (tr. 443).

Điều ấy là do một nhà văn tư sản viết! NB

Ngoài những cuộc xâm chiếm ra, chủ nghĩa đế quốc Ý cũng biểu hiện ra ở cái đầu óc che chở cho nhau ngày càng tăng, ở chủ nghĩa liên Ý. Ngay từ tháng Mười 1908, một đại hội toàn quốc Ý đã họp ở La-mã, sau đó năm 1912 lại họp ở Phoóc-li"... những người Ý – Mỹ etc. ..." ở nước ngoài, có 6 triệu công dân Ý"... (476).

Ngay cả bây giờ, An-ba-ni vẫn được người ta nói rất rõ biết đến ít hơn là biết một phần lớn Trung Phi" (50). vấn đề!!

NB "Trước kia, những sự bành trướng còn có một địa bàn hoạt động nào đó; tất cả các dân tộc phương Tây còn tìm được cho họ một chỗ đủ để mỗi nước phát triển trong cái "châu Âu mới" của họ, và sự đua tranh chỉ dẫn tới một sự cạnh tranh có hiệu quả mà thôi. Nhưng Bắc Mỹ đã không muốn nghe nói đến các kiều dân nữa. Úc thì đã đóng cửa rồi, Xi-bi-ri chỉ có lợi cho những người mang quốc tịch của một nước nhất định nào đó thôi, còn ở Nam Phi thì cái sự thật u ám này đang thể hiện rõ ràng một cách khủng khiếp: để có chỗ đứng trên một thế giới đã trở thành quá chật hẹp, việc di dân chẳng còn giúp gì được cho chúng ta như trước đây, và những người Âu buộc phải tàn sát lẫn nhau thôi. Hiện nay còn nhiều đất đai, nhưng những nước nhỏ trước kia đã thành cường quốc lớn rồi, còn những cường quốc lớn trước kia lại trở thành cường quốc thế giới, và bây giờ họ phải quan tâm đến việc tìm thêm diện tích đủ cho số dân tương lai của họ. Người Mỹ không nhả cho ta những đất đai của Bra-xin, còn các vùng đất khô cạn ở Tô-ri-pô-li thuộc về Ý thì đang khiến người Pháp vô cùng thèm muốn. Trở nên ác liệt hơn, cuộc đấu tranh sinh tồn làm cho sự hằn thù giữa những người Âu với nhau càng thêm gay gắt và sẽ dẫn đến những mưu toan tiêu diệt lẫn nhau. Cuối cùng điều đó rồi sẽ chỉ có lợi cho phương Đông mà thôi" (215).

Trong chương "Chiến tranh để giành Cu-ba":

"Người Mỹ đã bắt đầu từ việc tuyên truyền cho quyền bình đẳng của mọi người và từ khát vọng muốn có một nhà nước lý tưởng, tràn đầy hạnh phúc thanh bình và mãn nguyện. Rốt cuộc, họ đã đi đến chỗ tin rằng sự bất bình đẳng của con người là bất di bất dịch và đã kết thúc bằng

một chính sách bạo lực và xâm lược. Họ bắt đầu từ quyền tự do về mọi mặt, từ tự do buôn bán và tự do quan hệ, từ thái độ khoan dung đối với những tín ngưỡng, các chủng tộc và các quốc gia khác. Họ đã đi đến chỗ áp dụng những thuế quan bảo hộ thô bạo nhất, đến chỗ ngày càng thù địch nhiều hơn đối với những người theo đạo Thiên chúa, đến một chính sách xâm lăng cương quyết đối với các chủng tộc và các quốc gia khác. Trước hết họ tước bỏ quyền nhập tịch của người Trung-quốc và đã cấm họ vào nước mình, rồi sau đó, họ đã xoá bỏ, không phải bằng luật pháp, mà là trên thực tế, tất cả những quyền lợi của chính những người da đen – họ đã chiến đấu trong nội chiến vĩ đại vì những người da đen ấy một cách vô ích và ngu xuẩn thế đấy – và cuối cùng họ dùng tất cả những biện pháp nhỏ mọn để hạn chế chính cái dòng người di dân da trắng trước đây họ thiết tha mong chờ. Cái chế độ đóng cửa ngày càng gắt gao đi liền với chính sách toàn cầu của Mỹ. Để hoàn thành địa vị độc chiếm và sự tập trung đang ngày càng tăng lên thì chỉ còn thiếu chế độ độc tài nữa thôi" (252)...

NB  
NB  
ha ha!!

# Idem, tr. 345: "Thật ra chiến tranh (nội chiến) đã không có ý nghĩa gì, vì những người da đen – những người mà chiến tranh đã diễn ra vì họ, - lại đang ở trên con đường đi đến chỗ bị tước hết mọi quyền lợi". NB

Sự va chạm giữa Đức và Mỹ (Xa-moa(\*)), giữa Đức và Anh, giữa Anh và Pháp (Pha-sô-đa) ngày càng trầm trọng thêm, vũ trang ngày càng tăng... "Chủ nghĩa đế quốc" trở

thành một từ thông dụng để chỉ cái tinh thần tấn công phổ biến ấy" (253).

(\* Xem tr. 269: "Từ tháng Ba đến hết tháng Năm 1899 người Đức và người Xa-moa đã ở vào tình trạng chiến tranh công khai với quân Anh và quân Mỹ ở gần A-pi-a".

Trong chương: "Thái-bình-dương và Úc":

"Khi Anh định phê chuẩn cho thống nhất những đất của mình ở Bắc Mỹ thành một lãnh thổ tự trị Ca-na-đa, thì đại bộ phận dân chúng Anh đã không muốn nghe nói đến việc tiếp tục một chính sách mạo hiểm như vậy. Đặc biệt, họ đang hết sức lo ngại là chính sách này sẽ được bắt chước ở Úc. Có thể thường xuyên nghe thấy có ý kiến là việc thành lập các quốc gia thuộc địa tham gia liên bang kiểu như Ca-na-đa chỉ là bước đầu nhằm tách hoàn toàn chúng ra khỏi chính quốc. Hiện nay ở Anh người ta đánh giá việc thành lập liên bang Úc là một thắng lợi của chính sách thuộc địa, còn Sem-bóc-lin thì được tăng bốc lên tận mây xanh là một vị bộ trưởng thuộc địa có công mở rộng và củng cố đế quốc! Chẳng có gì tạo điều kiện thuận lợi cho điều đó bằng kinh nghiệm mà Anh đã thu được trong chiến tranh Nam Phi. Đáng lẽ phải lợi dụng tình hình khó khăn của chính quốc để phục vụ cho lợi ích của mình, đáng lẽ phải – như một số người bi quan đoán trước, - nghĩ đến việc phải làm cho những mối liên hệ của mình với nước Anh yếu thêm đi thì tất cả các thuộc địa, không trừ một thuộc địa nào, đã hết sức nhiệt tình ủng hộ Anh trong cuộc đấu tranh của nước này và không những đã biểu thị lòng yêu nước mà còn biểu thị cả chủ nghĩa sô-vanh đến mức không ai còn có thể nghi ngờ được nữa về tính chất đúng đắn của chính

NB

?  
Ấn-độ?

sách thuộc địa mà phái tự do đã áp dụng trong hàng chục năm nay. Úc đứng đầu những thuộc địa đem quân đội của mình để ủng hộ chính quốc. Cần phải đánh giá cao những hy sinh của Úc, nhất là vì tất cả những thuộc địa ở Úc đều ở tình trạng hết sức gay go về tài chính. Việc nước Anh nhanh chóng chấp thuận sự liên minh mà những thuộc địa ấy đã ký kết chính là sự công nhận lòng yêu nước của họ và chứng tỏ lòng tin của chính quốc đối với thái độ trung thực của họ” (271).

NB: liên minh những kẻ có đặc quyền, những kẻ tham gia các tổ chức độc quyền, ở Úc – đó là những kẻ độc quyền chiếm giữ một lãnh thổ vô cùng rộng lớn, cùng nhau cướp bóc những người “da vàng” và “da đen” v.v..

A. phôn Pê-tơ. “Nước Anh và lục địa”, 1910. || ?  
 Rô-lốp. “Kỷ sự lịch sử châu Âu”... [nghĩa là của Sun-tê-xơ]. || ?  
 Txim-méc-man. “Bản về chính sách toàn cầu”. 1901. || ??

Hiệp ước về *bảo trợ lẫn nhau* (khi nào? năm 1884 được ký; năm 1887 gia hạn đến 1890). Đức + Nga cam đoan giữ thái độ trung lập hữu ái, nếu như có một nước thứ 3 tấn công. Ai? Anh hay Áo!! (Một hành động bí mật của Đức chống lại Áo.)

Về lịch sử của liên minh Pháp – Nga: chủ nghĩa Bu-lăng-giê 1886 – 1889: 7. I. 1886 – Bu-lăng-giê vào nội các. 4. IV. 1889 – Bu-lăng-giê trốn đến Bruy-xen, vì bị buộc tội âm mưu (30. IX. 1891: Bu-lăng-giê tự sát).

Ngoài ra: *Viết-tơ* đưa ra các con số: kết quả của chính sách *Ba-lan* ở Phổ: 1890 – 1910 dân Đức ở Phổ + 29.37%; dân Ba-lan + 23.48% (tr. 101). Hàng trăm triệu mác cho việc “di dân”!!

*Thư mục sách tham khảo:*

Smít-tơ. “Nghệ thuật chính trị”. 1912. Béc-lanh.

Đê-căng. “Châu Phi mới”.

NB

Lê-ô-pôn (Bỉ), kẻ chạy việc, nhà tài phiệt, tên bịp bợm, mua Công-gô cho mình và “phát triển” Công-gô. Một gã điển hình!!<sup>58</sup>

Vác-nếch. “Lịch sử các đoàn truyền giáo”.

(Vai trò của các đoàn truyền giáo trong việc cướp bóc thuộc địa.)

Viết-tơ, tr. 85: những năm 1880 – 1900 hoạt động của các đoàn truyền giáo “đã tăng hầu như gấp đôi”.

## ĐẠI HỘI CỦA NƯỚC AI-CẬP MỚI

NB: Về lịch sử phong trào dân tộc ở **Ai-cập**:  
 Phong trào “Europäischer Geschichtskalender” (của Sun-tê-xơ), 1909, 605 tr.  
*Ai-cập* (phong trào sinh viên, sự bất bình dân tộc etc. etc.).

NB  
*Bắt tay thân thiện* với Ai-rơ-len || 13. IX. 1909. “Đại hội thanh niên Ai-cập” ở Giơ-ne-vơ (gần 100 người). Cây-rơ Hác-đi hứa sẽ bảo vệ sự nghiệp của họ ở Hạ nghị viện, “hạ nghị sĩ *Kết-tơ* người Ai-rơ-len nhắc lại sự đoàn kết anh em giữa Ai-cập và Ai-rơ-len”.

## TÁC-ĐI-Ơ. “NƯỚC PHÁP VÀ CÁC LIÊN MINH”

Ăng-đrê Tác-đi-ơ (bí thư thứ nhất danh dự của sứ quán). “Nước Pháp và các liên minh. Cuộc đấu tranh giành thế cân bằng”. Pa-ri, 1909. ((Một trước tác rất có ích!))

Ở tr. 17, tác giả viết: “trong bức thư phạm thượng”  
 (!! “của mình viết về “Liên minh tay ba, một đối trọng  
 rất cần thiết để chống lại chủ nghĩa sô-vanh Pháp –  
 Nga”, ngài Giô-re-xơ là người duy nhất bất chấp lịch sử  
 và địa lý, đã không công nhận cái chân lý hiển nhiên  
 này” (sự cần thiết phải có liên minh Pháp – Nga).

“Thực ra, chính ngài Giô-re-xơ từ đó đã thay đổi ý  
 kiến” (khi nào? ở đâu?) “đã tuyên bố vào ngày 23. 1.  
 1903 rằng mình không hề phản đối, về nguyên tắc, liên  
 minh với nước Nga” (tr. 29)...

Các cuộc chiến tranh giữa Anh với Pháp để tranh giành  
 quyền thống trị: 1688 – 1697; 1701 – 1711; 1742 – 1748; 1754 –  
 1763; 1778 – 1783; 1793 – 1815 (tr. 41).

Đức với Anh:

hiệp ước 14. VI. 1890 } phân chia châu Phi  
 “ “ 15. XI. 1893 }

Hiệp ước bí mật năm 1898 “đã quy định trước tương  
 lai của các thuộc địa Bồ-đào-nha, theo những điều kiện  
 ít ai biết” (52).

Từ lâu (ngay từ thời Mát-di-ni 1838! Tr. 95), nước Ý đã nhòm  
 ngó Bắc Phi. Bi-xmác đã viết về vấn đề đó cho Mát-di-ni năm  
 1866. Lòng căm thù về chuyện Tuy-ni-di (1881) đã đẩy Ý về  
 phía Đức.

Những thất bại ở A-bít-xi-ni và khủng hoảng tài chính buộc  
 Ý phải xa rời Đức. Năm 1900, các ngân hàng Pháp “cứu thị  
 trường La-mã” (101)<sup>1)</sup>

Khi  
 nào?  
 NB  
 ở đâu?

sic!

!!

“Khủng hoảng kinh tế ở Đức đã làm cho Ý phải gằn gười, về  
 mặt chính trị, với Pháp” (102)<sup>1)</sup>. “Thị trường tiền tệ Đức không  
 gánh vác nổi chức trách là chủ ngân hàng của Ý” (102)<sup>1)</sup>...

XII. 1900: trao đổi thông điệp thân thiện giữa Pháp và Ý.

NB niên đại 1882 – 1900: Ý là đồng minh của Đức:  
 tr. 105.

“Chuyện gì sẽ đến, nếu nước Ý năm 1905 xử sự đối với  
 chúng ta như nước Ý năm 1889?” (109)...

Với Tây-ban-nha... “sự giúp đỡ” của “những tư bản Pháp”  
 (113)...

6. X. 1904 hiệp định giữa Pháp và Tây-ban-nha (phân chia  
 Ma-rốc)...

cuộc chiến đấu của Pháp chống Đức (sau 1870) “một mặt là  
 cuộc đấu tranh giữ thế cân bằng, mặt khác là cuộc đấu tranh  
 giành bá quyền” (344)...

ở đâu? *Cri-xpi* trước kia là “một người đồ” và đã hết sức cố  
 gắng sửa lại điều đó!

Tác giả - Tác-đi-ơ - bản thân là một nhà ngoại giao, một  
 chuyên gia! Nói rất nhiều về vai trò của tài chính. Những nhận  
 xét tổng quát thì đầy đủ và tốt. Bỏ ích và cần thiết, với tư cách  
 là lịch sử ngoại giao, theo quan điểm *Pháp*.

**Sách tham khảo:**

Ru-ia. “Cuộc đua tranh Anh – Nga ở châu Á”

Đơ Kô. “Pha-sô-đa”.

<sup>1)</sup> G. M. Phi-a-min-gô. “Cơ sở tài chính của tình hữu nghị  
 Pháp – Ý”.

A. Bi-ô (cựu đại sứ Pháp của chúng ta ở La-mã). “Pháp và Ý”.

Lu-ít-gi Ghi-a-la (hay là Ki-a-la?). “Vài trang lịch sử hiện đại”.

Vích-to Be-ra. “Sự kiện Ma-rốc”.

Rơ-nê Pi-nông. “Đế quốc Địa-trung-hải”.

MÊ-VIN.

“TỪ HOÀ ƯỚC PHRAN-PHO  
ĐẾN HỘI NGHỊ AN-KHÊ-XI-RA”

Ăng-đrê Mê-vin. “Từ hoà ước Phran-pho đến Hội nghị An-khê-xi-ra”. Pa-ri, 1909. Đã đọc qua; chỉ có điều là yếu hơn, rời rạc hơn, chêm biếm hơn, đề tài hẹp hơn. Ông kia (Tác-đi-ơ) là nhà viết sử và nhà ngoại giao. Mê-vin là người viết văn chêm biếm.

Đúng ra chỉ là lược ghi các sự kiện khoảng 1905 [đề tài hẹp hơn rất nhiều].

“SỔ TAY CHÍNH TRỊ”

“Sổ tay chính trị”

Của La-băng và những người khác.

Tập I. “Những nguyên tắc cơ bản của chính trị”.

(Những điều chung chung, chế độ đại nghị, etc.)

Tập II. “Các mục tiêu của chính trị”, 1912. Trình bày tổng quát các vấn đề chính trị: các đảng phái, thuộc địa, **chính sách đối ngoại** (NB) etc. etc.

Một tài liệu trình bày tổng quát ngắn gọn rất bổ ích, do các chuyên viên viết, có nêu thư mục sách tham khảo.

Vấn đề Ba-lan ở Đức  
chính sách đối ngoại của tất cả các nước  
vấn đề trường học  
bài báo của Béc-stanh về chủ nghĩa  
xét lại trong phong trào dân chủ – xã  
hội etc.

NB:

“sự bành trướng của Đức”  
“các mục tiêu chính trị của các cường quốc hiện đại”

“NƯỚC ĐỨC VÀ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI”

“Nước Đức và chiến tranh thế giới”.

(Tuyển tập các bài báo: 686 tr.) Béc-lanh, 1915.

(Nxb. Ô. Hin-txô, Phr. Mây-nêch-kê và những người khác)

NB ||| Giáo sư tiến sĩ Han-xơ Uy-béc-xbe-gơ (Viên). “Nước Nga và chủ nghĩa liên Xla-vơ” – một bản khái luận bổ ích về nền ngoại giao Nga, có nêu ra một loạt tư liệu...

Mác-ten-xơ: “Tuyển tập các hiệp ước”, 15, tr. 237 (bức thư của quốc vụ khanh Nét-xen-rô-đê gửi Ki-xê-lép, đại sứ ở Pa-ri, ngày 30. VIII. 1848 về việc Pháp xích lại gần Nga để chống Đức).

Bác-xu-cốp. Cuộc đời của Pô-gô-đin, 5, tr. 330 và các trang tiếp; 9, tr. 262 (bản phúc trình của Pô-gô-đin năm 1840 về việc “giải phóng” những người Xla-vơ ở Áo).

Ti-út-tsep. Trong bản phúc trình “Nước Nga và cách mạng” (gửi A-lếch-xan-đơ II) – “Tiếp sẽ được tự do, nếu Ga-li-xi-a là của Nga” (“Hồ sơ lưu trữ của Nga”, 1873, tr. 926 và các trang tiếp).

Bản phúc trình năm 1864. “Chính sách hiện đại” (viết theo chỉ thị của Goóc-tsa-cốp) cho rằng những người Xla-vơ ở Áo phải chờ nước Nga đem tự do lại cho: (Ếch-hác-to) “Giác thư bí mật của Nga 1864” trong tờ “Deutsche Rundschau”, VI, 11, tr. 209 và các trang tiếp.

Hội từ thiện Xla-vơ ở Mát-xcơ-va. Chính sách của hội đó.

Đa-ni-lép-xki. “Nước Nga và châu Âu”: các bài báo trong tờ “Bình minh” 1869 – 1870 và quyển sách: xuất bản lần thứ 1, 1871.

Đa-ni-lép-xki chứng minh rằng thất bại của Pháp làm cho Pháp và Đức hằn học và thù địch với nhau, là rất có lợi cho Nga để cho Nga thống trị (đã đăng trên tờ “Bình minh” 1871, tháng Giêng; in lại trong “Tuyển tập các bài



báo về kinh tế và chính trị” của *Đa-ni-lép-xki*. Xanh Pê-téc-bua, 1890, tr. 27 và 29).

*Pha-đê-ép*. “Ý kiến về vấn đề phương Đông”. Xanh Pê-téc-bua, 1870.

*Bản phúc trình của P. A. Xa-bu-rốp*. “Hồ sơ lưu trữ của Nga”, 1912, I, tr. 470 (“thành công của quân đội Phổ, 1870, cũng là thắng lợi của chúng ta”. Sic!!!).

I-van Xéc-ghê-ê-vích *Ác-xa-cốp*: diễn văn ngày 4 tháng Bảy 1878 (chống lại nền ngoại giao Nga và gián tiếp chống Nga hoàng: không hài lòng về hội nghị Béc-lanh).

*Pô-crốp-xki*. “Chính sách đối ngoại của Nga” trong “Lịch sử nước Nga thế kỷ 19”, 9, tr. 204 và các trang tiếp (và tr. 174) (về việc nước Nga nhòm ngó Bun-ga-ri và đường sắt của nó năm 1877).

“Chủ nghĩa Xla-vơ mới” hồi năm 1908 và xung quanh thời gian đó.

Xem “*Truyền tin châu Âu*”, 1909, số 1, tr. 386

*Tháng Năm 1908*: chuyến đi Nga (Xanh Pê-téc-bua) của một người Tiệp (nghị sĩ), một người Xlô-vác theo phái tự do và một người Tây U-cra-i-na thân Nga.

*Đmốp-xki*. “Đức, Nga và vấn đề Ba-lan”

(kế hoạch “hoà giải” người Ba-lan với Nga *bằng cách* áp bức người U-cra-i-na).

*P. Xơ-ru-vê*. “Patriotica”, tr. 213 (“Thời kỳ Xla-vơ”).

“Tuần báo Mát-xơ-va”, 1910, số 27, cột 4.

Ép-ghê-ni Tơ-ru-bê-tơ-côi phản đối Men-si-cốp tán thành việc xích lại gần người Ba-lan.

*Gô-ri-a-i-nốp* (giám đốc cục lưu trữ bộ ngoại giao): “Bô-xpho và Đác-đa-nen”. 1907.

*G. Tơ-ru-bê-tơ-côi*. “Nước Nga, một cường quốc lớn”, tr. 122 (tạm thời Ý ở trong phe địch thì có ích hơn!!!)

*Gr. Ép-rê-i-nốp* (hạ nghị sĩ). “Hệ tư tưởng của vấn đề Cận Đông”, Xanh Pê-téc-bua, 1911.

“Tin tức Xla-vơ”, 1913, số 8 (6/19. I. 1913); 1912, số 45 (10/23. XI. 1912).

NB || “*Một mắt xích mới*”, 1914, số 13, tr. 407 (28. III. 1914) – 3 tháng trước Xa-ra-ê-vô, Bri-an-tsa-ni-nốp đã tiên đoán là sau 1 tháng rưỡi – 2 tháng sẽ có chiến tranh châu Âu.

#### PHRAN-KÊ. “CÁC CƯỜNG QUỐC LỚN Ở ĐÔNG Á”

Cũng ở đó, bài báo của Ốt-tô Phran-kê. “Các cường quốc lớn ở Đông Á”.

Một cuốn sách bổ ích sưu tập các sự kiện (và một phần là những chỉ dẫn các nguồn tư liệu) cho thấy Anh và Pháp cướp bóc Trung-quốc như thế nào (Pháp cướp bóc Trung-kỳ, Anh cướp bóc Miến-điện, Tây-tạng, Pháp cướp bóc Xiêm và Anh cướp bóc những vùng đất cũ hoặc những nước phụ thuộc của Trung-quốc).

tr. 442: “... Như các bản phúc trình của bá tước Ha-i-a-xi, đại sứ Nhật, đã nêu rõ, - rất tiếc rằng sau này chính phủ Tô-ki-ô đã cấm công bố các bản phúc trình ấy, - theo sáng kiến của Giô-đép Sem-bóc-lin, năm 1898 ở Luân-đôn đã có các cuộc thương lượng với Nhật về vấn đề liên minh tay ba Anh – Nhật - Đức, để ngăn chặn Nga xâm nhập thêm vào Đông Á. Chuyện này xảy ra đúng vào lúc Luân-đôn bí mật yêu cầu Béc-lanh thành lập liên minh Anh – Đức. Những

NB: 1898: thương lượng về việc thành lập liên minh Anh - Đức - Nhật chống lại Nga

yêu cầu ấy đã không có kết quả, có lẽ chỉ vì Anh không thể đưa ra hoặc đề nghị với Đức một điều gì khác ngoài cái vinh hạnh đánh nước Nga. Còn Nhật thì đã sẵn sàng không do dự gia nhập liên minh đó với Đức"... (442 – 3).

*Tháng Bảy 1910* (tr. 456) hiệp ước giữa Nga với Nhật: Nhật được tự do hành động ở Triều-tiên. [Một vài tuần lễ sau, Triều-tiên bị sáp nhập].

- Nga ở *Mông-cổ* (mùa xuân 1911, hiệp ước giữa Nga với Trung-quốc).

17. IX. 1914: hiệp ước giữa Nga với Mông-cổ "độc lập" (trên thực tế đã thiết lập chế độ bảo hộ của Nga ở Mông-cổ).

1911: hiệp ước giữa Anh với Nhật (thay cho hiệp ước cũ) – Anh sẽ trung lập nếu như có chiến tranh giữa Nhật với Mỹ. (*Rõ ràng* là Nhật được "tự do" chống Đức).

Không ngã giá  
được với nhau!!

NB

NB

#### ÔN-KÊ. "TIỀN SỬ CỦA CHIẾN TRANH"

*Ibidem* Héc-man *Ôn-kê-n*. "Tiền sử của chiến tranh".

*Tr. 475 – 7*: Năm 1898, Anh thương lượng với Đức để lập liên minh chống Nga ("The Saturday Review" doạ rằng dân chúng sẽ thanh toán với triều đình nếu nó liên minh với Đức!!) và họ đã không thoả thuận được với nhau: Anh nói rằng: "Đức đòi hỏi nhiều quá" (477), nhưng – theo ông ta – nói thế là không đúng sự thật, Béc-lanh chẳng đề ra một yêu cầu gì (?!?). Mãi tháng X. 1898 người ta *mới* ký được một hiệp ước "trù định trước rằng Đức

(NB  
lời châu  
ngọc!) và Anh trong tương lai sẽ xâm nhập về kinh tế vào các thuộc địa của Bồ-đào-nha, nếu như Bồ-đào-nha không làm tròn được bổn phận của mình trong vấn đề trả nợ" (477).

Tháng X. 1898, Anh và Đức *chia nhau* những thuộc địa của Bồ-đào-nha.

ÁT-LO

"CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỂ QUỐC CHỦ NGHĨA"

Gioóc-giơ **Át-lơ**. "**Chính sách xã hội để quốc chủ nghĩa**". - Đì-xra-ê-li, Na-pô-lê-ông III, Bi-xmác". Lược khảo. Ti-u-bin-ghen, 1897 (44 tr.). Lời tựa đề: III. 1897.)

(In lại các bài báo trong tạp chí "Die Zukunft").

Một cuốn sách nhỏ bổ ích! Sau lời nói đầu ngắn gọn về phong trào hiến chương (những câu nói về "những sự chờ đợi thiên niên vạn đại trên thế gian" (2), về "những ảo tưởng" (2) và vai trò của chúng trong "phong trào quần chúng" etc.), Át-lơ dành một chương nói về Các-lây-lơ và "học thuyết xã hội – quý tộc của ông" (phê phán chủ nghĩa tư bản, căm thù chế độ dân chủ, "kêu gọi phong kiến hoá hoạt động kinh tế hiện đại" (11), "tư tưởng của tầng lớp quý tộc xã hội"). Sau đó là chương III: "Chính sách xã hội của Đì-xra-ê-li". Người Do-thái, một gã phiêu lưu, lúc đầu là người cấp tiến, chuyển sang đảng bảo thủ, nợ như chúa chổm, bị nhạo báng do bài diễn văn đầu tiên ở nghị viện (1838), Đì-xra-ê-li là lãnh tụ đảng bảo thủ và thủ tướng năm 1868. Áp dụng tư tưởng chế độ quân chủ + tầng lớp quý tộc xã hội (thực chất là: lợi dụng cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản). Cái

cách bầu cử năm 1867 (Các-lây-lơ điên cuồng chủi rửa cuộc cải cách đó trong bài văn trào phúng "Xuôi dòng Ni-a-ga, rồi sao nữa?"), những nhượng bộ nhỏ và ve vãn phong trào công nhân đã mất tính chất cách mạng, chính sách thuộc địa và đối ngoại xuất sắc 1874 – 1880. Tóm lại = "một tên đế quốc – xã hội" (tr. 22) – và ở *nhiều chỗ là* "chính sách đế quốc – xã hội" etc.

Ví dụ: "*chủ nghĩa đế quốc – xã hội*" v.v., tr. 44, tr. 43, tr. 35.

Chương IV là nói về Na-pô-lê-ông III. Cũng là một kẻ phiêu lưu, một người mơ mộng. Tác giả: "Sự bần cùng hoá biến mất" (1844). Sự phát triển kinh tế xuất sắc, - chính sách đối ngoại xuất sắc, - đấu tranh điên cuồng với các tổ chức **chính trị** của công nhân và *khuyến khích các tổ chức kinh tế* ((tr. 32)), - các quỹ tương trợ (ve vãn *tất cả* các giai cấp). **Léch-xít**, trong cuốn sách viết về "**các công đoàn Pháp**", đã công nhận là tình cảnh của công nhân Pháp hồi 1850 – 70 có sự cải thiện rõ rệt và chính sách của Na-pô-lê-ông III có sự thành công nào đó: "Một mặt là kỷ luật và sự giám sát công nhân, mặt khác là cải thiện tình cảnh vật chất của họ, đó là tư tưởng mà chính sách đối nội của Lu-i Na-pô-lê-ông không bao giờ xa rời" (Léch-xít, ghi theo đoạn do Át-lơ trích dẫn, tr. 34).

Chương V. "Chính sách xã hội của Bi-xmác".

Là một nước "của trường học và trại lính" dĩ nhiên là Phổ phải trở thành nước mẫu mực của "chính sách xã hội đế quốc chủ nghĩa" (36): cuộc đấu tranh của Bi-xmác chống tự do tư tưởng, ve vãn công nhân, quyền đầu phiếu phổ thông (để khích giai cấp tư sản chống giai cấp vô sản), các đạo luật xã hội... bảo hiểm xã hội (được Át-lơ ca ngợi).

Để kết luận (tr. 43) Át-lơ nói rằng "không nên" (!!ha ha!!) so sánh điều này với chủ nghĩa Xê-da thời

La-mã suy tàn, vì người được ủng hộ không phải là những kẻ bình dân ăn bám, mà là những người lao động. Còn *Pru-đông* thì viết (ở đâu?) (trích dẫn *Pru-đông*: "Chúng ta không nhận một xu nhỏ của nước ngoài", tr. 43) rằng chủ nghĩa Xê-da (La-mã) sống bằng cách cướp bóc các dân tộc khác, còn bây giờ, không phải là như vậy.

!!

xem Ăng-ghen viết về Na-pô-lê-ông III versus Bi-xmác

"Chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ"

... "Xét về mặt bao hàm sự bền vững, chủ nghĩa đế quốc – xã hội... về mặt khách quan... là một bước tiến lớn lao trong sự nghiệp đưa giai cấp vô sản vào xã hội hiện đại và trong sự nghiệp hợp tác tích cực của giai cấp vô sản trong việc thực hiện những nhiệm vụ văn hoá của xã hội" (44). ((Gốc rễ của chủ nghĩa xã hội – số-vanh!!) – vì vậy "chủ nghĩa đế quốc – xã hội" là một "ảo tưởng có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới" vì chủ nghĩa đó là có ích, mặc dù nó không hoà giải được giai cấp vô sản, là kẻ thù của cả Đì-xra-ê-li lẫn của Na-pô-lê-ông III và Bi-xmác.

((Hết cuốn sách nhỏ của Át-lơ)).

DÍCH-PHRÍT. "TÂN TÂY-LAN"

Ăng-đrê Dích-phrít. "*Tân Tây-lan*". Béc-lanh, 1909.

(NB chương 28: "Chủ nghĩa đế quốc").

Đây là một cuốn lược khảo rất bổ ích, có quy mô chính trị và kinh tế *rộng lớn*. Tính độc đáo của "chủ nghĩa đế quốc": tính khép kín trong một phạm vi riêng. *Người ta*

NB

*hoàn toàn không để cho người da vàng vào đất nước của mình*. Sự hạn chế **độc ác** [ví dụ: 100 li-vơ xtéc-ling!!! – tr. 190] đối với sự

nhập cư nói chung. Một đất nước ở tận cùng trái đất ||  
(muốn đến Úc phải đi 4 ngày trời!). Một nước lớn gần ||  
bằng Ý, mà dân số chỉ có < 1 triệu người!!! (900 000  
– tr. 189; năm 1907 mới có được 929 nghìn, tr. 234; 1/2  
nước Pháp) ((khí hậu tuyệt vời etc.)).

“Tính chất đua đòi” của dân chúng (chương XXI): tâm lý đầy  
tố trước xã hội quyền quý (“huân tước” là một tước danh dự,  
người ta phải bỏ rạp trước nó), trước chế độ quân chủ Anh,  
trước cung đình etc. etc. Dân số phát triển *rất chậm chạp*.

Một đất nước của những người tiểu thị dân lạc hậu, không  
có văn hoá, ngu muội, ích kỷ, họ đã du nhập “**văn hoá**” từ Anh  
sang và giữ khư khư nền văn hoá đó như chó giữ xương. (Dân  
bản xứ – người Ma-ô-ri - đã bị giết sạch; bằng súng và bằng  
gươm; hàng loạt cuộc chiến tranh.)

Ví dụ: truy bức những công nhân (tr. 191) Áo (NB) di cư  
(1893, 1898 -): “đảng công nhân” đã truy bức họ.

Quyền bình đẳng của phụ nữ. – Cuộc đấu tranh với nạn  
nghiện rượu. – Chủ nghĩa tăng lữ: lòng sùng đạo tăng lên; vô  
văn giáo phái.

Chống lại sự đoàn kết với Úc: chúng tôi chỉ quan tâm đến  
chúng tôi thôi, chúng tôi là “nước tốt đẹp nhất thế giới” (293) (!!)...

“Chủ nghĩa đế quốc Tân Tây-lan” (tr. 294)... “hình ||  
thái đặc biệt” của nó (ibidem)... “chủ nghĩa sô-vanh || NB  
hiếu chiến thuộc địa” (295 idem 296) có thể gọi là “chủ ||  
nghĩa đế quốc châu Úc” (295).

Hai trào lưu của chủ nghĩa đế quốc (cả hai đều hoàn toàn có  
thể điều hoà với nhau):

1) chủ nghĩa đế quốc nước lớn (tham gia vào  
chủ nghĩa đế quốc Anh).

NB:

NB || 2) “**chủ nghĩa đế quốc địa phương**” (295) – ||  
|| tính biệt lập của nó... tính khép kín trong một ||  
|| phạm vi riêng. || “*chủ nghĩa*  
*đế quốc địa*  
*phương*”

Những sự phản đối chống sự có mặt của người Pháp ở Tân  
Ca-lê-đô-ni – chống việc người Đức chiếm Xa-moa (297), v.v..  
Sự hằn thù quyết liệt, theo quan điểm “Đại Tân Tây-lan”, sinh ra  
là vì vấn đề đó...

Tháng VI. 1901, Tân Tây-lan xâm lấn quần đảo Cúc. –

Tân Tây-lan = thuộc địa “trung thành” nhất, tận tụy nhất của  
nước Anh.

Nợ do nhà nước vay: 51,2 triệu li-vơ xtéc-ling (trong số 66,5) là tư bản của Anh Thương mại – 66% với Anh	Những người cực kỳ yêu nước trong cuộc chiến tranh Bô-e (307)... (đã gửi quân đội đến chống lại người Bô-e)...
---	---

**Thủ tướng** Xét-đôn là đại diện cho chủ nghĩa đế quốc châu Úc.

“Một tên đế quốc thực thụ” (310)... (chết ngày 10. VI. 1906.

Là thủ tướng (1893 – 1906) (tr. 71)

Chuyến đi Anh đầu tiên của ông ta – 1897

“ “ “ lần thứ hai “ “ – 1902

NB chính sách xã hội + chủ nghĩa đế quốc!	“Con người tiên tiến đấu tranh cho <i>một chính sách xã hội</i> đã bắt đầu lùi xuống hàng thứ hai trong con người ông ta (Xét-đôn) và nhường chỗ hàng đầu cho con người chính khách <i>đế quốc chủ nghĩa</i> và theo <i>chính sách thuế quan bảo hộ</i> ” (311). Mặc dù là nhà cải cách (ủng hộ cải cách ở Tân Tây-lan), nhưng ở Anh, ông ta lại xun xoe bên cạnh <i>đảng bảo thủ</i> . Các đảng viên đảng bảo thủ ra sức tăng bốc “nhà xã hội chủ nghĩa Xét- đôn” (311), “ <i>The Times</i> ”, 18. VI. 1902: lời tâng bốc Xét-đôn, nhà cấp tiến, nhà dân chủ, người đế quốc chủ nghĩa!! (trích dẫn, tr. 311).
NB	Sự lớn mạnh của tư tưởng thuế suất ưu đãi và thực tiễn thi hành thuế suất đó...

“Chủ nghĩa xã hội” của họ: “Những người Tân Tây-lan rất thực tế và cơ hội chủ nghĩa đến mức tráo tráo” (67) - - - và công nhân cũng vậy (67), họ hoàn toàn “bảo thủ”, NB họ có cái để mà “bảo vệ” (ibidem).

(Xét-đôn là đại diện cho “phái công nhân trong đảng tự do” (68)).

Các đạo luật về bảo hộ lao động – thanh tra nhà máy – cả khi làm việc ở nhà - tuần lễ làm việc là 48 giờ (đạo luật 1901) đối với nam giới, 45 giờ đối với nữ giới, tiền lương tối thiểu etc.

Toà án trọng tài bắt buộc etc.

“Chia khoá” cho tất cả những cái đó là chế độ thuế quan bảo hộ (140) và *sự phồn vinh* của công nghiệp... ((Sự phồn vinh đó có lẽ không duy trì được trong điều kiện tự do buôn bán))... Tiền hưu cho người già (65 tuổi)...

|| NB:  
giai cấp tư sản  
để quốc chủ  
nghĩa mua  
chuộc công  
nhân bằng  
những cái  
cách xã hội

Hình thành quyền sở hữu ruộng đất **nhỏ**; mua những điền sản lớn (cướp đoạt v.v. một cách vô cùng dễ tiện của những người Ma-ô-ri v.v.) bán lại cho các tiểu chủ) - đó là “*dân chủ*, chú không phải là *chủ nghĩa xã hội*” (175). ((Đúng!))

“Biến sở hữu ruộng đất lớn thành sở hữu ruộng đất nhỏ! Cách mạng Pháp cũng đã làm điều đó” (175)...

### HỚT-SƠ: “TUỐC-KÊ-XTAN CỦA NGA”

*Ốt-tô Hớt-sơ*. “Tuốc-kê-xtan của Nga và các khuynh hướng của chính sách thuộc địa hiện tại của Nga”... (“Schmoller’s Jahrbuch”, xuất bản năm thứ 37. 1913, quyển 2).

((Tác giả biết tiếng Nga, đã ở Tuốc-kê-xtan NB và nghiên cứu sách báo rất kỹ)).

NB || *Nước Nga* tiêu dùng khoảng 11 triệu pút bông (100 triệu rúp) đưa từ Tuốc-kê-xtan (+ Khi-va + Bu-kha-ra) đến, khoảng từ 11 đến 12 triệu đưa từ châu Mỹ đến.

Tuốc-kê-xtan = 1.5 triệu dặm vuông (1 dặm vuông = 1.<sub>13</sub> km<sup>2</sup>)

Khi-va 0.05

Bu-kha-ra 0.2

$\Sigma = 1.75$  (lớn gần gấp 4 nước Đức). Dân số [của Tuốc-kê-xtan] = 5.3 triệu (1897) và 6.<sub>47</sub> triệu (1910).

Dân cư – hỗn hợp “Ấn-độ – I-ran” phần lớn là “Tuyếc-cơ – Mông-cổ”.

Khắp nơi đều có chi nhánh của các ngân hàng lớn của Nga...  
... “đời sống kinh tế thuộc địa sầm uất, ngày càng phát triển”... (tr. 388)...

Đạo Hồi thống trị ở đây. *Hoàn toàn* tự do tín ngưỡng. *Chủ nghĩa liên Hồi*:

BN || ... “Người Tác-ta theo đạo Hồi ở miền Bắc, ở vùng Vôn-ga (người Nô-gai) và Tây Xi-bi-ri đang đưa công tác cổ động theo chủ nghĩa liên Hồi vào tiến hành trong môi trường của những người Xác-tơ và Kiếc-ghi-di vốn khá yên ổn về mặt này. Về mặt văn học và chính trị, những phần tử trí thức Tác-ta đó hiện nay là những phần tử tiên tiến của đạo Hồi, là những người kiên quyết nhất và có uy tín nhất tán thành đạo Hồi. Và đạo Hồi trước hết phải hàm ơn họ về sự củng cố bên trong và bên ngoài của mình và về sự phát triển văn hoá

của mình. Năm 1880 Nga có đến 11 triệu người Hồi giáo, toàn bộ sách in ra của họ chỉ có 7 – 8 cuốn; họ có 1 nhà in, 4 lãnh tụ và 12 người có trình độ văn hoá đại học, trong đó 1 người học ở Tây Âu. Năm 1910 họ đã có 20 triệu người, có hơn 1000 sách in, 14 nhà in và 16 ấn phẩm định kỳ, 200 người học đại học ở Nga và 20 người học ở Tây Âu, gần 100 nhà văn, 6 trường cao đẳng và 5000 trường tiểu học, 37 cơ quan từ thiện, 3 ngân hàng không lớn lắm và 3 ngân hàng nông thôn<sup>1)</sup>. Chính cái phong trào “đạo Hồi” vĩ đại đó đã lan đến cả các bộ lạc như Vô-chi-a-ki, Trê-rê-mi-xơ, Tru-va-sơ và đã được nghiên cứu trong một công trình...<sup>2)</sup> nhất là trong lĩnh vực học đường và giáo dục. Trong vòng 10 năm gần đây, dân theo đạo Hồi ở Nga phát triển rất mạnh về mặt văn hóa, ví dụ: người Tác-ta vùng Ca-dan hiện nay cứ 150 người dân có một giáo đường và một vị trưởng giáo. Trong khi đó thì những người Nga

1880

và

1910

1880 và  
1910: 12 –  
200 người có  
học vấn cao  
1 – 14 nhà in  
0 – 16 ấn  
phẩm định kỳ  
8 – 1000  
quyển sách  
NB

<sup>1)</sup> *Ô-xơ-rô-u-mốp*. “Thế giới đạo Hồi”.

Ta-sken, 1912.

*Cũng ông ta*. “Người Xác-tơ”. Ta-sken, 1908.

*Cũng ông ta*. “Kinh Cô-ran và sự tiến bộ”.

Ta-sken, 1903.

<sup>2)</sup> *Giám mục An-đrây và N. V. Ni-côn-xki*. “Những tài liệu thống kê quan trọng nhất về những người dị tộc ở miền Đông nước Nga”. Ca-dan, 1912.

NB

và những người dị tộc ở ngay vùng này cứ 1500 người dân mới có một linh mục; cứ 100 người Tác-ta cả nam lẫn nữ thì có một trường học; trong khi đó những người theo chính giáo cứ 1500 – 3000 người mới có được một trường học. Việc phổ biến sách vở báo chí của người Tác-ta theo đạo Hồi cũng phát triển rộng ra hơn nhiều. Nếu như ưu thế về văn hoá và khả năng tồn tại dẫn đến chỗ người Tác-ta theo đạo Hồi đồng hoá được một cách dễ dàng hơn những người dị tộc theo đạo Cơ-đốc, cũng như theo đa thần giáo thì bây giờ người Tác-ta rất lo lắng về chính sách giáo dục dân tộc chủ nghĩa của chính phủ, một chính sách được Đu-ma ủng hộ” (ngôn ngữ dùng trong nhà trường!) “và họ có xu hướng trở thành những người khó bảo hơn và sẽ tán thành sự công phần hiện đang bao trùm toàn bộ thế giới những người theo đạo Hồi, và sẵn sàng dựa vào những người theo đạo Hồi ở Trung-quốc và ở Ấn-độ. Đồng thời, mối liên hệ với dân theo đạo Hồi ở Tuốc-kê-xtan tất nhiên nảy sinh; và thật vậy, sự nổi loạn liên Hồi là từ phía Bắc mà đến với họ. Chính phủ Nga lo ngại trước sự xâm nhập đó của những người Tác-ta theo đạo Hồi và đã tìm cách ngăn ngừa không cho họ vào Tuốc-kê-xtan. Thực ra, chính sách nhà trường của Nga ở Tuốc-

!!!

1 : 100

1 : 2000

:NB

sự gần gũi với  
những người  
theo đạo Hồi.

Ấn độ và  
Trung-quốc

“từ phía  
Bắc”... “nổi  
loạn”

kê-xtan hoàn toàn không phải là dân tộc chủ nghĩa một chút nào cả”... tự do tín ngưỡng và trường học dân tộc. Người Xác-tơ thích học tiếng Nga: những trường “dạy học bằng tiếng Nga được dân địa phương thích đến học”... “Do ảnh hưởng của đời sống kinh tế, người Xác-tơ có đầu óc thực tiễn ngày càng thấy rõ ý nghĩa của việc học tiếng Nga, coi đó là ngôn ngữ quốc gia và thông dụng”. Một quá trình “Nga hóa về mặt văn hoá” đang diễn ra một cách “rất từ từ” (406 – 409)...

Về *tưới nước*, tr. 362 trong quyển ba: ở vùng Da-ca-xpiên + Xư-rơ - Đa-rin-xcơ + Xa-ma-rơ-can-đơ + Phe-rơ-ga-na – 2¼ triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất được tưới, trong đó 1,0 triệu trồng lúa mì, 0,379 trồng bông.

Ergo (tr. 363) trong tổng số ruộng đất 159 triệu đê-xi-a-ti-na thì 156<sup>3</sup>/<sub>4</sub> khô cạn và cần cỗi; chỉ có 2<sup>1</sup>/<sub>4</sub> được tưới nước nhân tạo.

#### Tài liệu tham khảo:

NB: Bá tước Gioóc-cơ phôn Vác-ten-buốc. “Sự xâm nhập của nước Nga vào châu Á”. Béc-lanh, 1900.

H. Vam-bê-ri. “Thực lực của Nga ở châu Á”. Lai-pxích, 1871.

Cốc-dơn. “Nga ở vùng Trung Á”. Luân-đôn, 1889.

A-ba-da. “Chinh phục Tước-kê-xtan”. Xanh Pê-téc-bua, 1902.

### CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở TRUNG-QUỐC

“Die Neue Zeit”, 1913 – 14, XXXII, 1, tr. 711 – 2.

Thuật lại bài báo của A. Giê-xơ (Thượng-hải) trong “The Socialist Review” (1913, số 1).

Bài báo có nhan đề “*Phái phản động ở Trung-quốc*”.

Chủ nghĩa xã hội ở Trung-quốc

Tác giả dịch những điều lệ của các đảng và các tổ chức xã hội chủ nghĩa ở Trung-quốc. Tác giả viết: điều làm cho người ta ngạc nhiên là những điều lệ đó thì “không rõ ràng” và chứa đựng “những nguyện vọng tốt đẹp”. Tiếng Trung-quốc chỉ có một từ duy nhất để chỉ cả chủ nghĩa xã hội lẫn xã hội (sua-huây). Hàng loạt những người xã hội chủ nghĩa đã bị xử tử hình. Công nhân Vãn (người Thượng-hải) (đã bị xử tử hình) là người sáng lập ra “**Đảng công nhân của nước cộng hoà Trung-hoa**”. Hồi đầu năm 1913, đảng này đã tổ chức thành công một cuộc bãi công ba ngày liền của công nhân chạm bạc ở Thượng-hải. Cương lĩnh rất không rõ ràng.

Trước kia đã có cả “Đảng xã hội chủ nghĩa Trung-quốc” và một “đảng xã hội chủ nghĩa thực sự” (sic!). Phần lớn thủ lĩnh đều bị xử tử hình. Các đảng bị Viên Thế Khải phá hết.

#### NA-HA-XƠ. “HOÀN CẢNH KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA NÔNG DÂN AI-CẬP”

Giô-dép Ph. Na-ha-xơ. “*Hoàn cảnh kinh tế và xã hội của nông dân Ai-cập*”.

(Luận án.) Pa-ri, 1901.

Một cuốn sách rất non nớt. Có dẫn *tài liệu tham khảo*.

Nông dân Ai-cập

Miêu tả (quá ngắn) sự bần cùng tuyệt vọng của nông dân sống trong các lều tranh vách đất, không có đồ đạc, ở cùng với súc vật, làm việc từ sáng đến tối. Sự khiếp nhược, ngu dốt như là ở Nga.

Quan điểm vô cùng độc đáo: quan điểm *dân túy – tự do chủ nghĩa* hoàn toàn như ở Nga trong những năm 1880 – 1900!!  
tr. 38, chú giải. Nước Anh bóp nghẹt nền công nghiệp!!!

“NOI TXAI-TƠ”, XXX, 1

CAU-XKY. “HÀNH ĐỘNG CỦA QUẦN CHÚNG”

“Die Neue Zeit”, XXX, 1 (1912).

NB: tr. 45 (Các-lơ Cau-xky). Quần chúng = 30 triệu. 1/10 đã được tổ chức. NB.

LIN-CƠ. “CÁC QUỸ TIẾT KIỆM CÓ PHẢI LÀ CƠ QUAN TỬ  
THIỆN KHÔNG?”

tr. 60. Các quỹ tiết kiệm:  $\frac{1}{4}$  số tiết kiệm = 87% tổng số tiền gửi. (Phổ 1909). (Số tiền gửi > 600 mác.)

NHỮNG TÍNH TOÁN VỀ DÂN SỐ CỦA CÁC NƯỚC

	Số lượng các nước	Dân số triệu người (ước tính)	trong đó các nước phụ thuộc	trong đó các nước phụ thuộc địa:	
				Số lượng (dân số) triệu	Ước tính
(α) Tây Âu	15	220	(10 – 15)	2 -	0.2
Châu Mỹ	23	145	(không có?)	7 -	13.5 (?)
Σ =	38	365	(10 – 15)	9 ...	14 (?)
(β) Đông Âu và phần châu Á của nó	12	215	(90 – 100?)	5 ...	25 (?)
(γ) Phần còn lại của châu Á, châu Phi và Úc	64 (?)	870	các nước nửa phụ thuộc, gần 300?	60 ....	480 (?)
Σ =	114 (?)	1450	100 – 115	74 ...	519

	km <sup>2</sup> triệu	Dân số triệu	Dân số triệu	Các nước phụ thuộc	Các thuộc địa
Nhật ...	0.4.....	46.5	α) 400	< 5%	< 5%
Trung-quốc	3.9.....	319.5	β) 250	40 – 50 %	10%
	7.3.....	10.6	γ) 900		> 50%
Áp-ga-ni-xtan	0.5.....	4.5	1550		
Ba-tư ...	1.6.....	9.0			
		390.1			
(4)		480	dân số tính theo triệu người, trong đó		
		870	các nước các phụ thuộc địa		
0.2			toàn bộ thuộc địa		
7.9					
0.04	thuộc địa				
0.4			α) 400	.....20 +	20 = 40
					10%
0.14		498.5	β) 250	....100 +	25 = 125
					50%
8.6		17.3	γ) 900	.... – +	500= 500
					60%
17.3		481.2	1550	....120 +	545= 665

	km <sup>2</sup> (triệu)	dân số (triệu)	trong đó các nước phụ thuộc	các thuộc địa	dân số triệu
Nga .....	5.3	106.2	gần 60		
+					
{ Khi-va ....	0.06	0.5	} 24.6	}	(5)
{ Bu-kha-ra.....	0.2	1.5			
{ Cáp-ca-dơ .....	0.5	9.2			
{ Trung Á .....	3.5	7.7			
{ Xi-bi-ri.....	12.5	5.7			
Nga .....	22.1	130.8	(60?)		(5) – 24.6
Áo – Hung.....	0.6	45.3	(gần 25)		--
Xéc-bi-a.....	0.05	2.5	?		--
Ru-ma-ni.....	0.1	5.9	?		--



	km <sup>2</sup> (triệu)	dân số	trong đó các nước phụ thuộc	các thuộc địa	dân số triệu
Bun-ga-ri.....	0.1.....	3.7	?	—	—
Hy-lạp.....	0.06.....	2.4	}	?	—
Thổ-nhĩ-kỳ.....	0.1-.....	5.9			
+					
Châu Á .....	1.8.....	17.2			
	1.9.....	23.1	(10?)		
...					

không kể A-ra-bi? + 2.5 km<sup>2</sup>, 1.9 triệu dân

$$\begin{array}{r} \hline 213.7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \hline (90 - 100) \\ \hline \end{array} = (5) \quad \begin{array}{r} \hline 2 \\ 5 \\ (?) \\ ) \\ \hline \end{array}$$

		Số lượng các nước		
		độc lập	phụ thuộc	
α	38	29	+ 7	$\begin{array}{r} 7 \\ + 5 \\ \hline 12 \end{array}$
β	12	7	+ 5	
γ	64	2 - 4	- 60 - 62	

Tây Âu và châu Mỹ:

Đông Âu:

Áo - Hung

Nga, các nước vùng Ban-căng và Thổ-nhĩ-kỳ (một phần châu Á, như vậy trong đó có):

Phần còn lại của châu Á, châu Phi và Úc.

VỞ  
“ξ”  
 (“KXI”)

Mục lục  
ξ

*Chiến tranh và chủ nghĩa đế quốc*

<i>Béc-nơ-hác-đi</i>	[5 – 10]
<i>Ruy-đoóc-phơ</i>	[11 – 19]
<i>Mác-cây: Trung-quốc</i>	[20 – 22]
<i>Luy-ca-xơ</i>	[22 – 23]
<i>Ben-gơ</i>	[24 – 26]
<i>Roóc-bách</i>	[27]
<i>Xác-tô-ri-út ph. Van-tơ-hau-xen</i>	[28 – 30]
<i>Crô-mơ</i>	[33]
Ruy-đoóc-phơ NB 16 tr.	
Ben-gơ NB 26 tr.	

Anh (1897 – 1911) – 998,5 triệu li-vơ xtéc-ling	19,97 tỷ mác
Đức	5 490 triệu mác
	5,5 tỷ mác.

NHỮNG ĐOẠN TRÍCH CÁC BÁO

“*L’Écho de Paris*”, 13. X. 1914.

“Bài báo của Giu-ni-út” về cuộc nói chuyện của Giu-ô với Lê-ghin.

... “Cuộc nói chuyện của ngài Giu-ô, thư ký Tổng liên đoàn lao động, với nghị sĩ xã hội chủ nghĩa Đức, là ngài Lê-ghin, ngày 24 tháng Bảy năm nay, hơn nữa lại ở Bruy-xen, sẽ là một bài học bổ ích biết bao nếu những nhà công đoàn chủ nghĩa của chúng ta muốn lợi dụng được bài học đó! – Ngày và địa điểm đều có ý nghĩa tượng trưng. “Ngài định làm gì để tránh được chiến tranh?” – Ngài Giu-ô hỏi. “Ngài có quyết tâm hành động không? Về phía chúng tôi, chúng tôi sẽ sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi của ngài”. Và ông ta nói thêm: “Và mặc dù những câu hỏi này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhưng Lê-ghin... vẫn không trả lời gì cả. Chúng tôi rời Bruy-xen, tin chắc rằng lòng tin của chúng tôi đối với thiện chí của các tổ chức Đức sẽ phải mất đi”. Ông ta đã rút ra kết luận gì từ thất bại của mình? Tôi tiếp tục trích dẫn bài của ông ta: “Chúng tôi soạn ra một bản cáo trạng để nhắc nhở mọi người rằng cách duy nhất nhằm làm cho các quan hệ quốc tế được bền vững và chắc chắn, - đó là tiến hành ở khắp nơi cùng một hoạt động đấu tranh cho hoà bình và phản đối chiến tranh”. Các sự kiện vừa chứng minh cho ông ta thấy rằng cái hoạt động chung kiểu ấy là không thể thực hiện được. Ông ta cho rằng những sự kiện đó chỉ là ngẫu nhiên và vẫn cứ tiếp tục giữ ảo tưởng đó, một ảo tưởng sai lầm đến nỗi người ta chỉ mới nghĩ đến nó, đã phải run lên rồi. Nếu ngài Lê-ghin tỏ ra là một con người ít trung thực hơn và hứa suông với ông bạn ngây thơ của mình là sẽ giúp đỡ ông ta nhưng sau đó không giúp gì, thì sẽ ra sao?” Nhưng thôi, chúng ta sẽ chẳng nghĩ tới những tai hoạ hiện chưa xảy ra. Và sau đó là lời khuyên ngài Giu-ô:

“Những bộ óc thông minh kiểu ngài Giu-ô công nhận, mà không lầm lẫn, rằng trên đời này có những lợi ích giai cấp, và nói cho đúng hơn là những lợi ích nghề nghiệp... Thế nhưng họ không nhận ra một điều, đó là chẳng có nghề nghiệp nào lại tồn tại ở ngoài một nước cả. Trước khi

thuộc vào một giai cấp nào đó, công nhân hoặc nông dân, cũng hết như nhà tư sản đều là bộ phận hợp thành của một dân tộc nhất định... Như vậy, nếu một người lao động thuộc về một nước nào đó, trước khi anh ta thuộc về một giai cấp nào đó, thì lợi ích của đất nước phải đứng trên lợi ích của giai cấp. Toàn bộ sai lầm của chủ nghĩa công đoàn quốc tế là ở chỗ không hiểu được sự phụ thuộc nằm ngay trong chính bản chất sự việc đó. Vấn đề không phải là đánh giá không đúng mức lợi ích giai cấp. Vấn đề là phải xác định được vị trí của lợi ích đó... Những giáo điều giả dối của chủ nghĩa quốc tế không đứng vững được nổi lấy một tiếng đồng hồ trước tính tất yếu dân tộc hiển nhiên... Chúng tôi chỉ đề nghị với họ” (họ, những nhà công đoàn chủ nghĩa) “một điều là họ cần hiểu bài học của cuộc chiến tranh này, và khi nào nghĩ về những lợi ích của giai cấp của mình, họ phải nghĩ đến chúng trong mối liên hệ với những lợi ích dân tộc. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể dễ dàng thoả thuận với nhau”. *Giu-ni-út*. (Hết bài).

\_\_\_\_\_

*Volksrecht*”, số 241, 16. X. 1914.

V. “Đến nay, chúng ta đã tốn bao nhiêu để tiến hành chiến tranh”.

*Chi phí chiến tranh:*

Trong 2 tháng đầu của chiến tranh  
tất cả các nước tham chiến – 6250 tr. phrăng.

*Đức* – 1800 triệu mác = 2 250 tr. phrăng

kể cả cho Áo, nước mà nền tài chính là rất xấu.
---

Anh -----	2150		
(trong đó có thể là $\frac{1}{3}$ cho mình)	4 400	tr. phrăng	
Pháp .....	1 040	"	"
Nga 300 tr. rúp =	750		
Σ =	6 190	"	"
Nga –	750		
Pháp	1 040		
	1 790		
6 250 – 4 400 =	1 850	–	1 040 = 810

“Tám tuần sắp tới của chiến tranh sẽ tốn gấp đôi”...

Lơ-roa – Bô-li-ơ - xem “*L' Humanité*” – ước tính là trong bảy tháng thì mỗi tháng, mỗi nước trong số 5 nước lớn nhất sẽ tốn 1 tỷ.  $5 \times 7 = 35 + 15$  tỷ, chi phí của các nước nhỏ và trung lập.  $\Sigma = 50$  tỷ.

*Các cha cố đạo Cơ-đốc nói về chiến tranh:*

Cha *Ba-buyt* (người Pháp) đưa ra một *bản dự thảo tuyên ngôn* (và đã gửi bản dự thảo đó cho các cha cố người Đức):

“Những người theo đạo Cơ-đốc ở Đức, Anh, Áo, Pháp, Nga, Bỉ và Xéc-bi-a ký tên dưới đây, lo lắng, băn khoăn về sự xung đột sẽ dẫn châu Âu tới cảnh kiệt quệ và đẫm máu, nên tuyên bố:

1 ° Vì mỗi người đều hết sức gắn bó với tổ quốc của mình nên họ không muốn nói hoặc làm một điều gì trái với lòng yêu nước nồng nàn và chân thành vẫn cổ vũ họ,

2 ° song đồng thời, họ không thể quên hoặc phủ nhận rằng Chúa là Chúa của tất cả các dân tộc và là cha của tất cả mọi người, rằng đức chúa Giê-xu là Đấng cứu thế của mọi người, rằng đức chúa Giê-xu đã dạy các con chiên phải coi nhau là anh em và yêu thương nhau như người ruột thịt, rằng như Đức thánh Pa-ven vẫn dạy, đối với đạo Cơ-đốc, thì không có sự phân biệt người cổ Hy-lạp, người Giu-đê,

kẻ ngoại bang, người Xki-phơ - vì thế lại càng không có sự phân biệt người Đức và người Pháp, người Áo và người Nga, mà đức chúa Giê-xu là ở trong mỗi người, trong tất cả mọi người.

Do đó mà họ nguyện trước Chúa – và nhờ Chúa – là gạt bỏ mọi hận thù trong lòng đối với những kẻ mà giờ đây họ có bốn phận phải gọi là kẻ thù và làm điều lành cho những kẻ ấy nếu có dịp; nguyện dùng tất cả ảnh hưởng mà họ có thể có được để làm cho chiến tranh được tiến hành sao cho nhân đạo nhất, sao cho kẻ chiến thắng, dù là bên nào đi nữa, đừng có quá lạm dụng sức mạnh của mình, sao cho người ta tôn trọng thân thể cũng như quyền của kẻ yếu; họ nguyện thương yêu những anh em đồng đạo của họ, bằng tình anh em vốn có trước kia, dù những người đó thuộc dân tộc nào đi nữa, họ nguyện cầu nguyện cho tất cả những nạn nhân của chiến tranh không trừ một ai, nguyện thiết tha cầu xin Chúa hãy mau chóng đem phước lành là nền hoà bình công bằng và triệt để thay cho hoạ chiến tranh, và cầu xin cho những sự kiện bất hạnh và tàn bạo mà chúng ta đang chứng kiến làm cho thiên đường tối gần hơn”.

(“*Journal de Genève*”, 17. X. 1914).

Bức thư này được viết vào ngày 4 tháng Tám 1914. Ngài *Ba-buyt*, vị mục sư đáng kính ở Nim, đã gửi bức thư đó cho ngài *Dry-an-đơ* người Đức, một nhà truyền giáo của triều đình, ở Béc-lanh.

Ngài *Dry-an-đơ* đã viết một bức thư dài đề ngày 15. IX. 1914 (“*Journal de Genève*”, 18. X. 1914) có chữ ký của ông và hai mục sư (La-hu-den và Ác-xen-phen), để trả lời như sau:

... “chúng tôi sẵn sàng đồng ý những đề nghị 1 và 2. Chúng là một phần của chung của tất cả những người theo đạo Cơ-đốc. Tinh thần yêu nước và đạo Cơ-đốc không loại trừ lẫn nhau, mà trái lại cái nọ đòi hỏi phải có cái kia” – –

về nguyên tắc, chúng tôi tán thành cả phần còn lại, song chúng tôi không thể ký vào dưới bức thư đó được, vì chúng tôi không muốn người ta có lý do (*dù cho là một lý do xa xôi nhất*) để nghĩ rằng Đức tiến hành một cuộc chiến tranh không hợp với những nguyên tắc nhân đạo etc. Chúng tôi không muốn có chiến tranh, chúng tôi là những người yêu chuộng hoà bình, etc. etc. Bên tiến công là Anh và những nước khác etc. etc. v.v..

NB. “Volksrecht” (1914) số 239 (“Để tiến tới một nền hoà bình vĩnh viễn”) và số 242 (Béc-stanh)

“Frankfurter Zeitung” (1914) số 291 (tờ ra buổi sáng xuất bản lần thứ hai) 20. X. (Sai-đê-man tán thành chiến tranh).

#### BÉC-NƠ-HÁC-ĐI. “ĐỨC VÀ CUỘC CHIẾN TRANH SẮP TỚI”.

*Phri-đrích ph. Béc-nơ-hác-đi.* “Đức và cuộc chiến tranh sắp tới”. Béc-lanh, 1913 (xuất bản lần thứ 6) (345 tr.). Lời nói đầu viết cho lần xuất bản thứ 6 đề *tháng Hai 1913*.

Đây là một cuốn sách hiểu chiến điển hình, than phiền về tinh thần yêu chuộng hoà bình của người Đức etc. etc. Tác giả thường trích dẫn tác phẩm gồm **hai tập** của mình viết về chiến tranh hiện đại.

Ca ngợi chiến tranh, ca ngợi sự tất yếu của nó (“một sức mạnh sáng tạo và gọn trong”: tr. 9)... [Chương I. “Quyền tiến hành chiến tranh”; chương II. “Tính tất yếu của chiến tranh”.]

Than vãn vì Đức chịu nhượng bộ Pháp, lùi bước trong vụ rắc rối về vấn đề Ma-rốc (tr. 17 và các trang khác).

“Đạo đức của đạo Cơ-đốc chỉ là một đạo đức cá nhân và xã hội mà thôi cho nên về thực chất, nó không bao giờ có thể trở thành đạo đức chính trị được” (24 – 25).

Căm thù *những người dân chủ – xã hội*: ông ta nói: họ là những người “về nguyên tắc, chủ trương nói dối và vu khống” trong cuộc đấu tranh mang tính chất đảng (32). Họ “tán thành cách mạng” (73)... (idem, 75)

Hê-ghe-n, Luy-tơ đều tán thành chiến tranh etc.

... “Trong khi đó, người Đức hoàn toàn không có tinh thần cách mạng, mặc dù những phần tử chuyên xúi bẩy thuộc phái dân chủ – xã hội cứ tung ra những lời văn hoa trống rỗng. Toàn bộ bản tính của họ đã đưa họ phát triển lành mạnh và hợp quy luật”... (80)...

Đức không có những thuộc địa giàu có (thị trường tiêu thụ), như của Anh (89)...

Chương 5. “Cường quốc thế giới hay là sự diệt vong”...

Năm 1912, Ý lại tham gia “liên minh tay ba”, *nhưng* trong trường hợp chiến tranh xảy ra *chưa chắc* đã có thể trông cậy được gì vào Ý (96)... (idem, 180).

Chúng ta phải ủng hộ Áo trong chính sách vùng Ban-căng của nước này và cố làm sao giành được Tuy-ni-di cho Ý (97).

Nga đang rung chuyển vì cách mạng (100) – “quân đội thì không đáng tin cậy lắm” (100) etc., chưa chắc Nga sẽ mong muốn một cuộc chiến tranh tiến công Đức (102)...

Pháp không có gì đáng lo ngại đối với Anh cả vì tình hình đình đốn của dân số ở Pháp (107) và vì những khát vọng bành trướng của Pháp đã quá đủ (107) etc.

Nếu Ý đã dân ra... “thì có thể tạo nên một ưu thế hơn hẳn về lực lượng để chống lại Đức và Áo” (114)...

Chúng ta bị đe dọa cả trên biển lẫn trên đất liền (115) – chúng ta đang ở trong một cuộc khủng hoảng âm ỉ nhưng nghiêm trọng (115). Cần phải luôn luôn ghi nhớ điều đó, điều đó “bị che đậy... bởi những thủ thuật lừa dối của những âm mưu

ngoại giao và bởi *chủ nghĩa hoà bình quan* || NB!!  
*phương* của tất cả các nước" (116).

Dù sao chăng nữa, vẫn cứ phải thanh toán với Pháp. "Pháp ||  
nhất định phải bị đánh quy hẳn đến mức nó không bao giờ có ||  
thể cản đường tiến của chúng ta nữa" (118).

Bỉ... trung lập, nhưng Pháp và Anh sẽ cố gắng ||  
hội quân ở Bỉ (123) – "nói chung, khái niệm trung || ha ha!!  
lập lâu dài là mâu thuẫn với bản chất của nhà nước" ||  
(123)... với "những mục đích đạo đức cao nhất của ||  
nó"... (123)..

... "Phải mất cả năm trời mới đúc được loại pháo || thời gian  
cỡ 30 xen-ti-mét" (141)... || để chuẩn  
bị...

Chương 7: "tính chất của cuộc chiến tranh sắp tới  
của chúng ta".

Lực lượng của các nước khác nhau... Những số ||  
liệu... Hình như Pháp có thể có những "đội quân da || ha ha !!  
đen xuất sắc" (150)...

Chúng ta (kể cả Áo) có ít quân hơn (?) Pháp + Nga, vậy cần  
phải đuổi kịp về chất lượng (156)...

Lực lượng hải quân (theo "Na-u-ti-cu-xơ"<sup>1)</sup> năm 1912) – hạm  
đội Anh mạnh gấp > hai lần hạm đội của chúng ta (170).

Nước Nga được lãnh thổ rộng lớn của nó bảo vệ (176) – ở  
Nga không thể có cuộc đấu tranh sinh tồn... bộ phận có văn  
hoá trong nhân dân ủng hộ cách mạng (ibidem), như trong thời  
kỳ chiến tranh Nga – Nhật (177), chưa chắc đã có được "cao trào  
dân tộc nhất trí" (177).

Thụy-sĩ, Bỉ, Hà-lan (quân Pháp, quân Anh sẽ đi qua hai  
nước Bỉ và Hà-lan)... "trung lập chỉ là một hàng rào bằng giấy  
mà thôi" (179).

Nước Anh muốn tiêu diệt hạm đội của chúng ta (tr. 184  
và các trang tiếp. Chương 8: "Cuộc chiến tranh sắp tới

trên mặt biển")... Nó có thể làm cho việc buôn bán của chúng ta  
ở hải ngoại bị tê liệt (186)... Nó đang củng cố Ha-rơ-vích (189),  
xây dựng một bến cảng ở Rô-xai và ở Xca-pa – Phơ-lâu (191)...  
Chúng ta phải chú trọng không quân (195)... Chúng ta phải  
gắng hết sức để từ đất liền mà tiêu diệt hạm đội của Pháp (196)  
– "chiến tranh huỷ diệt" (196) với nước Pháp... "vĩnh viễn xoá  
bỏ vị trí cường quốc lớn của Pháp" (196).

Chỉ có thắng lợi trên đất liền mới tạo cho ta khả năng thành  
công trên mặt biển (199)... Nga + Pháp = 180 triệu dân. Đức –  
65 triệu (201)... Tăng thêm quân đội... hiện nay, người ta đòi  
hỏi nhiều hơn ở một người lính (205), quân đội chính quy là  
quan trọng nhất... Phải "tấn công" (206).

("Cán bộ khung", chứ không phải là "quân hậu bị", 210.) Chất  
lượng quan trọng hơn số lượng (213)... không nên chiến đấu  
bằng những đội hình "dày đặc", vai trò của cá nhân tăng lên, vai  
trò của chỉ huy giảm đi (214)...

Tầm quan trọng đặc biệt của việc chuẩn bị về mặt cơ động  
(và về mặt cung cấp) cho những cánh quân lớn, những nhiệm  
vụ đặc biệt do đó mà ra (226 và tiếp). Viết một cách chi tiết về  
vấn đề này trên phương diện kỹ thuật quân sự...

Vai trò của kỵ binh là đi trinh sát và "yểm hộ" (235)...

Cần phải có "tính linh hoạt" (cơ động, linh động) trong tổ  
chức (237)...

Sẵn sàng đón tiếp cái mới, không đi theo đường mòn (247 và  
tiếp)...

Cần phải nâng cao hơn nữa việc huấn luyện quân đội –  
"những cuộc nói chuyện có tính chất khoa học phổ cập" (267) –  
ở các học viện quân sự etc.

Chúng ta (Đức) cần tiến hành một chính sách toàn cầu (268,  
269) – muốn vậy, phải có lực lượng hải quân (chương 12:  
"Chuẩn bị chiến tranh trên mặt biển")... - ở ngoài biển chúng ta  
không thể tấn công được, - việc bảo vệ bờ biển etc.

<sup>1)</sup> Số tay hải quân.

“Phải thừa nhận rằng” đại bác cỡ 24 cm “là hoàn toàn không thể dùng được trong hải chiến hiện đại” (276)...

... Một đạo luật mới về hải quân quy định phải đóng 72 tàu ngầm mới (277)... chỉ đến năm 1914, mới lập xong hải đội thứ ba (278)...

Cần phải củng cố Txin-đao tốt hơn (282).

Tấn công bất ngờ:

Anh 2 – 5. IX. 1807 tấn công vào Cô-pen-ha-gơ...

“ 11 – 12. VII. 1882 “ “ A-léch-xan-đri-a

(Ai-cập)...

Ý tấn công Tô-ri-pô-li và tàu chiến của Thổ-nhĩ-kỳ...

Trước đây đã có sai lầm là chúng ta không “thanh toán” trước với nước Pháp; không thiếu gì lý do để làm chuyện ấy (287): “Tôi cho rằng một sai lầm cực kỳ nghiêm trọng mà nói chung là đường lối chính trị của Đức đã có lúc nào đó có thể mắc phải là Đức đã không thanh toán với nước Pháp đúng vào lúc tình hình thế giới đang hết sức có lợi cho chúng ta và chúng ta tin chắc sẽ thành công. Rõ ràng là chẳng thiếu gì cơ hội để làm việc ấy cả” (287)...

Việc giáo dục dân chúng phải mang tính *tín ngưỡng* và *yêu nước hơn nữa*, phải nhằm chống những người dân chủ – xã hội (cùng những quan niệm của họ trái với lòng yêu nước: 291)... (chương 13)...

“Ngày hiện nay, chỉ có 6,14% số lính sinh ở Đức, là sinh ra ở những thành phố lớn, 7,37% - ở các thành phố trung bình, 22,34% - ở các thành phố nhỏ và thị trấn và 64,15% - ở nông thôn<sup>1</sup>, trong khi đó sự phân bố dân cư giữa thành thị và nông thôn lại hoàn toàn khác hẳn” (tr. 292)...

NB  
thành phần  
quân đội >  
nông thôn  
NB

<sup>1</sup>) Bá tước Pô-da-đốp-xki. “Vấn đề nhà ở”. Muyn-khen, 1910.

1905:	nông thôn .....	42,5%
	thành phố nhỏ	25,5%
	“ “ trung bình	12,9
	“ “ lớn	19,1

... “Dân nông thôn gắn bó chặt chẽ với quân đội” (292)... phần lớn nông dân thành thị “có thái độ thật sự là kinh địch với quân đội” (292)...

Giáo dục quân sự có tác dụng tốt ((quân đội – theo ông ta – không làm cho dân chúng *lơ là* những công việc hữu ích, mà còn *giáo dục* họ [điểm này *không phải* trong chương 13]))... công việc làm trong nhà máy là có hại về nhiều mặt... ngày làm việc ngắn là có hại (294)...

Ông ta viết: ở Nga (khác với ở Nhật) những giai cấp có học coi chủ nghĩa yêu nước là một khái niệm đã hết thời etc. etc. – do đó mới có những kẻ theo chủ trương làm cho chính phủ nước mình thất bại trong chiến tranh (304)...

Chính phủ phải nắm trong tay các cơ quan báo chí phổ thông (305)...

ôi!!!! “Tôi cho rằng thật là có lợi nếu như bắt được tất cả các báo chí phải đăng một số thông báo nhất định của chính phủ để cho người đọc không tiếp thu sự giải thích một chiều về những quan hệ xã hội mà báo chí của các đảng phái đưa ra” (306)...

Trong việc “chuẩn bị về tài chính và chính trị cho chiến tranh” (chương 14) không nên theo “quan điểm tiểu tư sản” (311)... không nên nhượng bộ “tâm lý từ thiện yếu đuối của thời đại” (312)...

Tài sản quốc dân tính bằng mác cho một đầu người	Chi phí cho quân đội và hạm đội tính bằng mác cho một đầu người	
Ở Đức = 5 – 6 nghìn.....	16	
Ở Pháp cũng khoảng như vậy	20	
Ở Anh 6 – 7 nghìn	29	
		(tr. 315)
	Dân di cư	Những người thất nghiệp có chân trong các hội liên hiệp công nhân
Từ Đức sang	20 000 (1908)	4.4%
Từ Anh sang	336 000 (1908)	10%
Từ Pháp sang		11.4%
		(tr. 318)

Kinh tế của Đức phát triển nhanh hơn (316 – 7)...

Dân chúng hàng năm tiêu khoảng 5 tỷ bạc vào khoản thuốc lá và rượu mạnh, rất có thể bỏ ra "vài trăm triệu" (320) để bảo vệ danh dự, nền độc lập và tương lai của mình.

Hồi năm 1870, Na-pô-lê-ông III đã hy vọng vào liên minh với Áo (chuyến thăm viếng của hoàng tử An-brech-tơ sang Pa-ri và chuyến đi của một viên tướng Pháp sang Viên... 326), nhưng ông ta đã tính nhầm...

Lời bạt (1913): tình thế của ta – tác giả viết - đã trở nên xấu hơn. Chiến tranh ở vùng Ban-căng, đòn giáng vào Thổ-nhĩ-kỳ và "Liên minh tay ba"... Hy vọng không đầu vào một hoà ước với Anh... Phải lợi dụng những "mưu đồ gần gũi" với Anh để chuẩn bị tốt hơn (343)...

((Chính cuốn sách này thì được viết vào mùa thu năm 1911: 338 tr.)).

Hết

## RUY-ĐOỐC-PHƠ. "NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH TOÀN CẦU HIỆN NAY"

I. 1. Ruy-đoóc-phơ. "Những đặc trưng cơ bản của chính sách toàn cầu hiện nay". Béc-lanh, 1914. (XIII + 252 tr.)

(Lời tựa đề tháng Mười 1913).

Đây là một cuốn sách nhỏ đầy hóm hỉnh của một nhà ngoại giao. Ông ta dùng những lời hoa mỹ để che đậy những dã tâm đế quốc chủ nghĩa của giai cấp tư sản Đức. Chủ đề chính của nó là cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa và thế giới chủ nghĩa.

Tham vọng muốn bàn về xã hội học và triết học = những điều vớ vẩn hết sức ngu dốt viết theo giọng chủ nghĩa Can-tơ mới về quần chúng nhân dân, xem như cá nhân, so sánh với rừng (nhắc lại đến hàng chục lần), về thần linh cùng những điều bậy bạ khác nữa.

Thực ra, đề tài này là một đề tài hiện đại, nhưng nó đã bị lấp liếm bằng những lời bàn về "thuyết tự mục đích" của A-ri-xtốt, v.v..

Để kết thúc những kế hoạch của mình ở châu Phi (đường sắt Cáp – Cai-rơ), Anh "chỉ còn phải giải quyết cho xong những vấn đề tranh chấp với Đức và Bỉ" (94)...

... "Do đó trên thực tế, Bồ-đào-nha và - ở mức độ thấp hơn chút ít – cả Tây-ban-nha nữa đều là những nước phụ thuộc vào đế quốc Anh, một đế quốc thế giới. Nhật không thể thoát khỏi nanh vuốt của thị trường tiền tệ Anh; Anh không cần phải kiếm những chỗ dựa ở Nam Mỹ làm gì vì Sở giao dịch Luân-đôn đã cấp vốn cho một nước quan trọng nhất và có tương lai phong phú nhất ở Nam Mỹ là Ác-hen-ti-na, do đó mà thống trị được nước đó..."

Sự thống trị của Anh đối với thế giới... - ngoài việc làm chủ trên mặt biển ra, còn dựa trên hai trụ cột khác

nữa là: tình trạng cùng chung nền văn hóa Anh và Sở |  
giao dịch Luân-đôn" (95)...

Còn Đức – tác giả viết – thì không có khả năng bành trướng nữa (châu Á là dành cho Nga, Bắc Phi cho Pháp cùng Ý) và bị kiềm chế ở cả hai sườn, lại chậm chân (các thuộc địa đã bị chiếm hết), nên rơi vào tình trạng khó khăn (§ 7 trong chương 2, tr. 101 và các trang tiếp)).

Trong vấn đề Ma-rốc, Đức đành nhượng bộ Pháp (105).

"Số phận chính sách toàn cầu của Đức được định đoạt chính là tại lục địa" (107)... "Có lẽ là người ta còn có thể quan niệm được chính sách toàn cầu của Đức mà không có ưu thế trên mặt biển, nhưng không bao giờ có thể quan niệm được chính sách đó mà không có ưu thế trên đất liền" (ibidem).

(thắng lợi trên lục địa châu Âu – đối với Đức, đó là mấu chốt của mọi vấn đề)

Ma-rốc... "rút lui" (108): ta phải chịu lùi một ít...

"Chương này, một chương nói về chính sách toàn cầu của Đức, minh họa một cách rõ nhất nét độc đáo của vị trí quốc tế của đế quốc, khả năng có hạn của nó trong việc bành trướng, sự liên quan giữa chính sách toàn cầu và chính sách lục địa, tính phức tạp của những nhân tố mà chính sách toàn cầu của Đức phải tính đến" (109)...

Chủ nghĩa dân tộc ở Đức – tác giả viết – còn non quá,... "cách thức của bọn mới phát" (112).

Ở Mỹ, *dân tộc*, quốc gia mới bắt đầu hình thành (đặc biệt là dân di cư thuộc hệ ngôn ngữ la-tinh và dân di cư người Xla-vơ).

"Về mặt tài chính, có thể xem Ác-hen-ti-na là một thuộc địa do Sở giao dịch Luân-đôn điều khiển" (133)... Những quốc gia ở Nam Mỹ "hiện nay và chắc chắn là trong tương lai còn lâu dài nữa, là những khách thể chứ không phải là chủ thể của một chính sách toàn cầu" (131)...

"Nước Nhật hiện nay đang khổ sở vì những thành công

của mình" (137) – nó không sao khuất phục được những thuộc địa của mình, không củng cố được etc... (Nhật còn thiếu một cơ sở tôn giáo: 138) ((đồ ngốc!))...

Xu hướng thế giới chủ nghĩa – những lời huyền thuyên về đạo Thiên chúa... về lý tưởng văn hoá...

"*Tư bản*" và sức mạnh của nó...

NB "Nếu đứng trên quan điểm đó mà nghiên cứu lịch sử bành trướng thuộc địa của các cường quốc lớn ở châu Âu trong vòng mấy chục năm lại đây, ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng tất cả những cuộc chiến tranh gần đây, mà các cường quốc lớn ở châu Âu đều tham gia, nếu không phải là trực tiếp được gây ra vì những lợi ích của tư bản, thì chắc chắn là cũng do những lợi ích ấy gây ra" <sup>1)</sup> (157)...

"Sự liên kết chằng chịt giữa những lợi ích vật chất của thế giới văn minh, sự xuất hiện một nền kinh tế thế giới thống nhất là một trong những sự kiện chủ yếu của nền chính trị ngày nay" (159)...

Đấu tranh để nắm được "đa số cổ phần" <sup>2)</sup> (161)... "Tất cả những doanh nghiệp kinh tế có ý nghĩa chính trị trực tiếp, ví dụ như đường sắt, sông đào v.v., hiện nay mang tính chất dân tộc cụ thể mặc dù là về nguồn gốc hoặc hình thức thì tư bản của chúng là có tính chất quốc tế" (161)...

Luật quốc tế và các toà án trọng tài quốc tế? "Nói chung, cái công cụ toà án trọng tài chỉ dùng để ngăn ngừa những cuộc chiến tranh không cần thiết có thể xảy ra vì những chuyện rắc rối không lường được trước và không động chạm gì đến những lợi ích sống còn của dân tộc; nhưng chưa ở đâu và chưa bao giờ xảy ra chuyện toà án trọng tài giải quyết được những vấn đề sống còn của một dân tộc, hoặc

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 309.

<sup>2)</sup> Như trên.



nhờ có sự giúp đỡ của các toà án đó mà tránh được những cuộc chiến tranh mà người ta muốn tiến hành” (167)...

**Chủ nghĩa xã hội quốc tế?** (§5 chương 3, phần I, tr. 172 và các trang tiếp).

“Nếu chủ nghĩa xã hội quốc tế có thể từ trong nội bộ mà tách hẳn được người công nhân ra khỏi dân tộc của người đó và làm cho người công nhân ấy chỉ đơn thuần là một thành viên của một giai cấp thì như vậy chủ nghĩa xã hội ấy đã thắng; vì rằng những biện pháp cưỡng bức đơn thuần mà nhà nước dân tộc, lúc bấy giờ, có thể dùng để buộc người công nhân phải đi theo mình, nếu tiếp tục áp dụng thì đương nhiên ắt sẽ tỏ ra là những biện pháp vô dụng. Song nếu như chủ nghĩa xã hội quốc tế không làm được như vậy và nếu những mối liên hệ bên trong gắn bó người công nhân với cái cơ thể mà người ta gọi là dân tộc đó, vẫn được duy trì, dù là được duy trì một cách không tự giác đi nữa, thì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội quốc tế sẽ còn là vấn đề chừng nào những mối liên hệ ấy vẫn còn tồn tại; và thắng lợi ấy sẽ biến thành thất bại, nếu như rút cục lại, những mối liên hệ ấy tỏ ra vững chắc hơn”<sup>1)</sup> (173 - 174)...

Tác giả viết: không có “sự bản cùng hoá” và cũng không hề có tình trạng là đối kháng giai cấp gay gắt thêm (174). Cuộc đấu tranh dân tộc gay gắt hơn và chủ nghĩa dân tộc đang lôi cuốn được công nhân (175)... “Thành thử có thể nói được rằng mặc dù lúc bấy giờ” (gần đây) “phong trào xã hội chủ nghĩa đã trở thành một phong trào có quy mô lớn, và mặc dù các đảng xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước đều lớn lên rất nhiều, về mặt lực lượng và về mặt ảnh

NB

NB

NB

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 309.

hưởng, song nhân tố quốc tế của phong trào trong thời gian đó không những không phát triển song song, mà thậm chí còn mất cả tác dụng và sức mạnh tấn công” (175).

Cuộc tranh cử trong những năm gần đây đã buộc những người dân chủ – xã hội Đức phải “che đậy hoặc làm mờ bết” chủ nghĩa quốc tế của họ (176)...

... “Nó” (Đảng dân chủ - xã hội Đức) “đã căm phẫn bác bỏ những lời khẳng định của đối phương cho rằng trong trường hợp xảy ra chiến tranh, đảng dân chủ - xã hội sẽ thúc đẩy quần chúng công nhân chịu ảnh hưởng của đảng, quay súng lại chống lại sĩ quan chỉ huy họ, và do đó mưu toan ngăn ngừa chiến tranh bằng cách liên minh với những người xã hội chủ nghĩa Pháp; đảng ấy thậm chí coi lời chê trách là thiếu lòng yêu nước, là một sự xúc phạm...”

Vấn đề (về xu hướng “dân tộc”) là vấn đề trung tâm của toàn bộ cuộc tranh luận, nó trở thành vấn đề *mấu chốt* của chủ nghĩa xã hội”<sup>1)</sup> (176).

... “Vấn đề duy nhất là ở chỗ xem xét ý nghĩa thời sự của những cuộc biểu tình đó” (của công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa để ủng hộ chủ nghĩa quốc tế etc.) “đối với những sự kiện chính trị và những giải pháp chính trị của quần chúng và lãnh tụ của họ là ý nghĩa như thế nào. Ở tất cả các nước có tình cảm dân tộc mạnh mẽ, ý nghĩa đó không lớn lắm. Nói chung, có thể cho rằng trong tất cả các vấn đề mà chính phủ có thể kêu gọi đến tình cảm dân tộc của nhân dân thì họ hoàn toàn không cần phải tính đến chủ nghĩa quốc tế của các đảng xã hội chủ

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 309.

nghĩa nước mình, và cho tới nay, chưa có một cuộc chiến tranh dân tộc nào phải gác lại vì sợ thái độ thù địch của những người xã hội chủ nghĩa đối với nó, và trong tương lai, những nguyên nhân như vậy cũng sẽ không ngăn trở được một cuộc chiến tranh nào cả. Có thể là các chính phủ, do những lý luận hoà bình của chủ nghĩa xã hội, sẽ cố gắng che đậy cản thận những mục đích của mình bằng những tình cảm dân tộc, nhưng bản chất của vấn đề vẫn hoàn toàn chẳng vì vậy mà thay đổi, mà người ta sẽ chỉ tiến hành một vài thay đổi trong các hình thức chính trị và trong kỹ thuật mà chính sách hiện đại đang áp dụng" <sup>1)</sup> (177 - 178).

Xem tr. 103: "Trong các bài phát biểu của mình ở nghị viện và trong công tác tuyên truyền trong nhân dân, đảng dân chủ - xã hội cũng ngày càng bị buộc phải tính đến các luận cứ về vấn đề dân tộc" (idem, tr. 110).

Các thuộc địa của Anh đã áp dụng thuế quan ưu đãi đối với chính quốc (206) – Ca-na-đa, Úc, Nam Phi = "thực tế đã tăng thuế quan đánh vào các nước sản xuất không thuộc Anh" (206)...

"Hình như có sự mâu thuẫn Pháp – Ý do việc tranh giành quyền bá chủ" (ở Địa-trung-hải và châu Phi) (211)...

... "Chùng nào Nga không phải vất vả gì lắm mà có thể mở rộng được sang Mông-cổ và Ba-tư thì khuynh hướng bành trướng này của Nga sẽ không chống lại Áo – Hung, Ban-căng và Côn-xtan-ti-nô-pôn" (211)...

Nước Nga được vị trí địa lý của nó bảo vệ "khỏi sự diệt vong dân tộc" (216) – "trong trường hợp bị

!!

ông ta  
nói:  
dễ lừa  
thôi!!

NB

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 309.

NB || thất bại, thì điều mà nó phải lo lắng trong trường hợp xấu nhất là thắng lợi của cách mạng và tình trạng làm chậm trễ (?) tiến trình phát triển của mình" (216)...

Nói chung, hiện nay không thể tiến hành chiến tranh nếu không "cần thiết" (218), nhưng như thế nghĩa là thế nào?

NB || "Phân biệt tự vệ và tấn công trên lời nói thì không có gì khó cả, nhưng trên thực tế thì tự vệ hoặc tấn công? hết sức khó xác định được một cách không thể tranh cãi được rằng ai tấn công và ai tự vệ" (218).

"Thật là không đúng, nếu cho rằng những cường quốc lớn hiện đại tuy vẫn vũ trang, nhưng không sử dụng đến lực lượng vũ trang của mình" (219). – Những sự vũ trang này "là có tính toán", người ta có tính đến chúng trong những cuộc thương thuyết ngoại giao, trong việc gây "sức ép" etc. etc.

NB || "Các khối liên minh châu Âu đã hình thành chung quanh hai mâu thuẫn lớn – Đức - Pháp và Áo - Nga" (224)...

NB || "Nhưng về mặt chính trị, cách xử sự của nó (Anh) rất đúng mức. Ảnh hưởng to lớn của nước này ở Nam Mỹ, nhất là ở Ác-hen-ti-na là dựa trên cơ sở hoạt động phát hành chứng khoán của Sở giao dịch Luân-đôn; sự phụ thuộc kiểu chur hầu của Bồ-đào-nha và ảnh hưởng ưu thế của Anh ở Tây-ban-nha một phần cũng giống như thế" (235)...

NB || "Phương pháp của chủ nghĩa đế quốc tài chính được nước Pháp hiện đại biểu hiện dưới hình thức thuần túy nhất. Pháp đã trở thành chủ ngân hàng toàn thế giới không phải là nhờ ở chỗ nó giàu tiền lắm của mà nhờ tư bản của nó rất dễ di chuyển. Hiện nay Đức, Anh, Mỹ giàu hơn nhiều, nhưng không một nước nào trong số các nước giàu hơn đó có được một số tư bản



nhân rồi đang đi tìm chỗ đầu tư lại nhiều như ở Pháp” (235 - 236)...

Tác giả viết: có hai nguyên nhân: “tính bủn xỉn” nhiều hơn ở Pháp và đời sống kinh tế Pháp ít đòi hỏi tiền hơn.

Người ta đã hoài công trách móc người Đức rằng họ không lợi dụng vụ rắc rối về vấn đề Ma-rốc để nắm lấy “cơ hội thuận tiện” mà “giữ Tây-ban-nha trên trận địa chống Pháp” (236)...

“Cơ hội đó không bao giờ đến cả vì Đức thậm chí không thể mơ tưởng đến việc chặt tung được sợi xích tài chính đang ràng buộc Tây-ban-nha với Pháp và gánh lấy việc cung cấp tài chính cho một nước đang cần tiền. Nước Pháp bao giờ cũng ít nhiều công khai tỏ ra cho Áo và Hung biết rằng chỉ vì họ đánh bạn với Đức hoặc vì Liên minh tay ba, mà việc thoả mãn những yêu cầu của hai nước đó về tiền tệ gặp khó khăn ở Sở giao dịch Pa-ri” (236)...

NB

NB

NB

... “Nếu như hiện nay đế quốc Đức chỉ sử dụng trên quy mô nhỏ việc cho vay để xây dựng ảnh hưởng chính trị quốc tế của mình thì trước hết đó là vì dù nó giàu hơn Pháp, nhưng tư bản của nó lại khó di chuyển hơn” (237)... Sự phát triển kinh tế nhanh hơn của Đức cũng cần đến tư bản...

... “Thổ-nhĩ-kỳ thường có được sự ủng hộ của các ngân hàng Đức để chống lại những điều kiện chính trị đi kèm theo những điều kiện cho vay do Pháp nêu ra; điều đó cũng xảy ra y hệt như với Ru-ma-ni, với Hung và các trường hợp khác. Tóm lại, có thể nói rằng việc chống lại chủ nghĩa đế quốc tài chính của Pháp sẽ phải bắt buộc cả đường lối chính sách của Đức cũng phải đi vào con đường ấy” (238).

NB

---

 Hết

MÁC-CÂY. “TRUNG-QUỐC, NƯỚC CỘNG HOÀ  
Ở TRUNG TÂM.  
CÁC VẤN ĐỀ VÀ TIỀN ĐỒ CỦA NÓ”

B. L. bá tước phôn Mác-cây. “**Trung-quốc, nước Cộng hoà ở trung tâm. Các vấn đề và tiền đồ của nó**”. Béc-lanh, 1914. ((264 tr. + phụ lục.))

Tên khốn kiếp, tên phản động, ngu ngốc và vô lại, hần thu nhật trong hàng chục cuốn sách, những lời vu khống “các nhà dân chủ cấp tiến” (“quốc dân đảng” do Tôn Dật Tiên đứng đầu). Ý nghĩa khoa học — số không. Tr.?? **Phụ lục V. Truyền đơn của Quốc dân đảng** = chủ nghĩa cộng hoà *dân chủ* ngây thơ ((tác giả, tên vô lại ấy, đã hoài công chửi rửa chủ nghĩa ấy)). [“Giải thích ưu điểm của chế độ cộng hoà”.]

NB

**Trích thư mục sách tham khảo:**

- Giêm-xơ Ken-tli và Se-ri-đan Giôn-xơ. “Tôn Dật Tiên và sự thức tỉnh của Trung-quốc”. Luân-đôn, 1913.  
Phô-xbéc – Rê-cốp. “Cách mạng ở Trung-quốc”. Béc-lanh, 1912.  
Giô-dép Suên. “Bàn về các mục đích của Nga ở Trung-quốc”. Viên, 1900.  
M. ph. Bran-tơ. “Những vấn đề của Đông Á”. Béc-lanh, 1897.  
Vin-hem Suy-lơ. “Lược sử Trung-quốc hiện đại”. Béc-lanh, 1913.

Trong chương “Những mối lo ngại và những sự va chạm về chính trị có tính chất toàn thế giới” (chương 13) có lược thuật sự cướp bóc của các nước đối với Trung-quốc: Nga

(Mông-cổ) [biên bản bí mật ở U-rơ-ga 1912], Nga + Nhật (Mãn-châu-lý, Hiệp ước bí mật Nga + Nhật 8. VII. 1912), Anh (Tây-tạng), Đức (Giao-châu) <sup>1)</sup> v.v..

tr. 222 - 224: viết sau bức tối hậu thư của người Nhật gửi Đức (vào tháng VIII. hay IX. 1914) — điên cuồng chửi rủa Anh về "chính sách" của nó, "một chính sách chỉ do quyền lợi của bọn chủ tiệm và túi tiền quyết định mà thôi" (223), về tội ác của Anh chống lại nền văn hoá châu Âu etc. etc. Còn chính tác giả thì ủng hộ "việc mở rộng những vị trí của Đức ở Trung-quốc" (228)...

Phần của Đức trong thương mại của Trung-quốc = 4.2% trên thực tế (ông ta nói) (NB) > 7% — ông ta nói là cho đến 25% (!!?), nếu tính toàn bộ chu chuyển hàng hoá của Đức.

Phần của Anh trong thương mại của Trung-quốc = 50%, trên thực tế — 21% (tr. 232).

... "cũng hết như tư bản "quốc tế" ngày càng trở nên có tính dân tộc hơn dưới ảnh hưởng của các xu hướng đế quốc chủ nghĩa hiện đại, guồng máy của cái mà chúng ta gọi là nền kinh tế thế giới cũng phải ngày càng phục tùng quy luật của các nền kinh tế quốc dân của những cường quốc lớn" (235).

((ở chương 14: "Sứ mệnh của Đức"))

Anh và Mỹ, "chỉ riêng năm ngoái, đã bỏ 18 triệu mác vào việc xây dựng các trường cao đẳng mới ở Sơn-đông, Hán-khẩu và Hồng-kông" (236); so với số tiền này thì tất cả những gì mà Đức bỏ ra trong cùng thời gian đó "chẳng có nghĩa lý gì hết". Thế thì số tiền đó lấy ở đâu ra? Nguồn gốc chính: những doanh nghiệp thương nghiệp và công nghiệp của các nhà tư bản lớn người Anh và người Mỹ ở Trung-quốc!!

<sup>1)</sup> Tên gọi hiện nay là Giao-huyện.

Anh có "vài trăm" viên chức "thuế quan hàng hải của mình" biết tiếng Trung-quốc ("viên chức có kinh nghiệm") — những người mở đường (239)...

Bỉ và những lợi ích thương mại của nó ở Trung-quốc (243): "Xô-xi-ê-tê đê-tuyt đê sơ-manh đơ phe ăng Sin-nơ" — nó được tô nhượng 2 tuyến đường sắt ở Trung-quốc.

tr. 245 — bản đồ đường sắt dự kiến xây dựng (và hiện có) ở Trung-quốc của 3 nhóm

( NB ) 1) của Đức --- (trung bình)  
2) của Anh --- (ngắn nhất)  
3) của Nga - Pháp - Bỉ (dài nhất)

Theo *Hen-ních* ("Các đường giao thông trên thế giới", Lai-pxích, 1909) thì đã có những đường:

1) Bắc-kinh — Thiên-tân (và đến tận Đại-liên)

2) Giao-châu — Tế-nam-phủ <sup>1)</sup>

3) Bắc-kinh — Hán-khẩu

4) Thượng-hải — Phố-khẩu

... "Cửa sông Dương-tử — đó là Sát-en — A- ráp Á-Đông của Anh, còn phạm vi lợi ích trên sông Dương-tử là Nam Ba-tư Á-Đông của Anh" (246 - 7)...

NB || Người Anh và người Đức cùng nhau xây dựng tuyến đường sắt Thiên-tân - Phố-khẩu (247).

NB || Anh có 1900 km đường sắt tô nhượng ở Trung-quốc (247)...

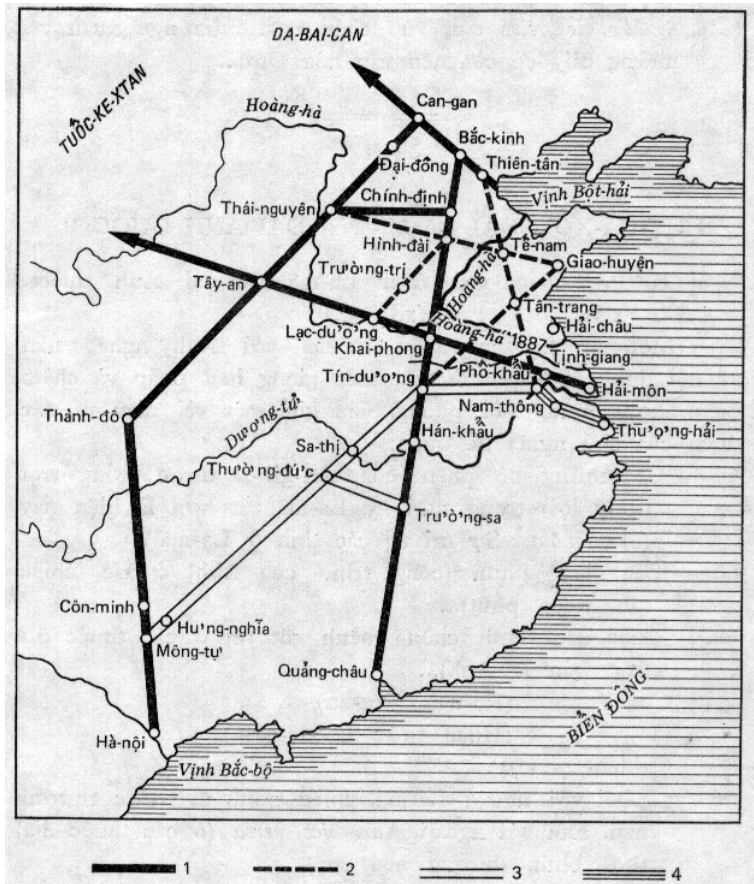
Đức có 700 km đường sắt tô nhượng ở Trung-quốc (248)...

Những mục tiêu lớn của các công trình tưới tiêu ở Trung-quốc — kỹ thuật Đức về mặt này vượt tất cả các nước (254 - 5 và các trang tiếp)...

!! || Người Trung-quốc — tác giả viết — cần đồng tình không phải với "chủ nghĩa dân chủ cấp tiến của Thế giới mới", không phải với cái chủ nghĩa lập hiến Ăng-glô-

<sup>1)</sup> Tên gọi hiện nay là Tế-nam.

Mác-cây, tr. 245



Đường sắt hiện có và dự kiến xây dựng ở Trung-quốc

- 1 đường của Pháp – Nga - Bỉ
- 2 đường của Đức
- 3 đường của Anh
- 4 (( - không rõ đường “của ai”))

||| xác-xông vẫn giữ cái “quyền lực nhà vua đã phai nhạt”,  
 ||| mà với nước Đức quân chủ (257).  
 ||| Và viết vừa dài, vừa chán ngắt, vừa ngu xuẩn về  
 ||| những cái đẹp của nền văn hoá Đức...

Hết

LUY-CA-XƠ. “ĐẠI LA-MÃ VÀ ĐẠI ANH QUỐC”<sup>1)</sup>

Ngài S. P. Luy-ca-xơ. “Đại La-mã và đại Anh quốc”.

Ốc-xpho, 1912. (184 tr.)

(Một sự so sánh giữa La-mã với Anh nghèo nàn về nội dung, chủ yếu là viết theo giọng luật pháp và châm biếm, hợm hĩnh, thổi phồng. Chỉ ghi một vài điều về đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc:)

- 65 – Có những bộ phận của An-giê-ri được trồng trọt (thuỷ lợi) trong thời kỳ La-mã tốt hơn là hiện nay (*Ác-nôn*. “Sự cai trị các tỉnh ở La-mã”).
- 66 – Các giếng phun (công trình của Anh) ở Úc (chiều sâu 5 000 phút)...
- 68 – Cuộc đấu tranh chống bệnh sốt rét ở các thuộc địa (các bác sĩ Anh)...

(Rô-nan Rốt-xơ)

(Huân tước Li-xtê-rơ)

(idem 70 – 71)

76 – 77: Đối với người La-mã, chiến tranh đi trước thương mại.

Đối với người Anh *vice versa* (ở các thuộc địa) (hoà bình, thương mại etc.)

80: Nhưng ở thế kỷ 18, cũng có chiến tranh (Ca-na-đa, Úc)

86... Những công ty có đặc quyền cũ

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 308 và t. 27, tr. 481.

"I-xơ In-đi-a công ty" trước 1858 }  
 "Hét-xon bậy công ty" trước 1869 }

Mới: "Roi-ơn Ni-ghe công ty" (1880 – 1890)  
 "Xao-thơ A-phri-ca công ty"

- 91: Chế độ chiếm hữu nô lệ — tác giả viết — ở chỗ chúng tôi (Tây Ấn) chỉ là ngoại lệ [Một người dân tộc chủ nghĩa tầm thường và hay khoe khoang...]
- 94: Người La-mã không kể gì đến chủng tộc, không loại trừ người da đen.
- 96 - 7: Những "người da màu" ở đế quốc Anh hiện tại không được hưởng đầy đủ các quyền: ở Ấn-độ, người da màu không có quyền bầu cử, — người ta không lấy họ vào làm viên chức etc. etc.
- 98: "Hiện nay, ở các vùng tự trị thuộc đế quốc Anh, những dân bản xứ da màu, mặc dù cũng đều là công dân Anh, nhưng thường không có quyền bầu cử, ví dụ như ở Úc, ở một số vùng Nam Phi hoặc ở Cô-lum-bi-a thuộc Anh"...
- 99: hạn chế người da đen nhập cư v.v.
- 103: "Ở đế quốc của chúng ta, khi công nhân da trắng làm việc bên cạnh công nhân da màu, ví dụ như ở Nam Phi, thì họ không làm việc như những người đồng chí, mà đứng ra thì người công nhân da trắng là kẻ giám thị những người da màu". NB
- 107 — Ở châu Úc, công nhân da trắng chống lại người da đen và da vàng — coi họ là những người làm giảm tiền công...
- 142: Hai bộ phận của đế quốc Anh  
 1) lĩnh vực để thống trị (thống trị các chủng tộc "hạ đẳng") ((Ấn-độ, Ai-cập, etc.))  
 2) " " " di dân (người Anh đến ở các thuộc địa: Úc, châu Mỹ etc.)

- 175 — Về vấn đề tự do buôn bán và chế độ thuế quan bảo hộ, tác giả ủng hộ "quyền ưu tiên của đế quốc" (175), ủng hộ "chủ nghĩa cơ hội khôn ngoan" (176).  
 "Quyền ưu tiên của đế quốc là mục đích cần phải đạt được. Phải tiến dần từng bước tới mục đích đó" (176).
- 176 — 7... "Sự tồn tại của những nước lệ thuộc vào Anh đó có thể và chắc chắn sẽ là nhân tố kích thích chủ yếu đối với các xứ tự trị để họ nằm lại trong khuôn khổ đế quốc Anh", — bởi vì — theo tác giả — tất cả các quốc gia dân tộc đã trưởng thành (Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Pháp, Đức, v.v.) đều cần thuộc địa, thế mà các thuộc địa đều đã bị chiếm giữ và phần lớn lại nằm trong tay Anh ((ngay cả họ nữa (Úc etc.) cũng sẽ có lợi về việc chúng ta cướp bóc Ấn-độ, Ai-cập, v.v.))

Trích thư mục sách tham khảo: Bem-pơ-phen-đơ *Phu-lơ*  
 "Lược khảo về đời sống và tâm lý Ấn-độ". 1910.  
*Crô-mơ*: "Chủ nghĩa đế quốc cổ đại và chủ nghĩa đế quốc hiện đại".

BEN-GƠ. "ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI  
 SAU CHIẾN TRANH" <sup>1)</sup>

- Éc-vin Ben-gơ** (nguyên tổng thư ký liên minh đế quốc chống đảng dân chủ - xã hội). "*Đảng dân chủ - xã hội sau chiến tranh*". (60 pơ-phe-ních.) Béc-lanh, 1915 (Béc-lanh T. N. 11. Nhà xuất bản Đức Côn-coóc-đi-a). (45 tr.)
- 3 — khen ngợi "hành vi không chê trách vào đâu được, đáng tôn trọng của họ" (những người dân chủ - xã hội)...

<sup>1)</sup> Xem V.I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 308 - 309.

- 6 — “Rô-da Lúe-xăm-bua”, — mấy lần công kích gay gắt chống lại bà ta; chống lại “giới báo chí ô hợp của đảng” (6) v.v..
- 9 — phiên họp ngày 4 và 5 tháng Tám của Quốc hội Đức... “mang lại cho chúng ta niềm vui lớn lao”... “tiếng hô “Đồng ý!” của đảng dân chủ - xã hội là một vệt sáng trong tình hình” (10)...
- ... “Nhờ thế, nó (đảng dân chủ - xã hội) có thể nâng cao đầu mà ra trước sự phán xét quốc tế tại một trong những đại hội toàn thế giới của các đảng” (13)...
- ... Cái liên minh đế quốc của chúng ta hiện nay đang hấp hối (16)...
- ... “Có thể hình dung được một người Đức nào tuyệt diệu hơn là người anh hùng ở Man-hai-mơ của chúng ta, tiến sĩ Phran-cơ, người được Đảng dân chủ - xã hội Đức yêu mến ấy?” (21)...
- (4 tháng Tám) “thế giới trải qua một bước ngoặt lịch sử lớn lao chưa từng thấy” (21)...
- ... “Khó hình dung được rằng có một kẻ nào đó bỗng nhiên lại chuyển từ chỗ là *một người yêu nước* người Đức thành *một người quốc tế chủ nghĩa* cuồng nhiệt. Cuộc chiến tranh này phải khắc sâu trong mọi trái tim con người hai khái niệm “*dân tộc*” và “*của Đức*”, đến mức không ai còn có thể gạt bỏ được hai khái niệm đó nữa” (26)...
- ... “Người nào, 15 năm trước đây, đã từng nghe các diễn giả của đảng dân chủ - xã hội phát biểu trong các cuộc họp quần chúng, thì người đó thường phải lấy làm lạ rằng vì sao những con người biết suy nghĩ lại có thể nghiêm chỉnh tiếp thu những lời nói quái gở, đầy hằn thù và chửi rủa om sòm đó, và lại còn vỗ tay cuồng nhiệt nữa. Nhưng người nào khoảng 10 năm gần đây hay đi dự các cuộc họp của đảng dân chủ - xã hội, thì có thể ngày càng khâm phục mà thấy trình độ của các diễn giả và quần chúng đã được nâng cao như thế nào” (32)...

- Lòng căm thù giai cấp — tai họa là ở đó (33 và các trang tiếp).
- ... “Những sự khác biệt giai cấp đi đâu hết? Bây giờ chẳng còn một đảng nào cả, và lại càng ít có sự phân chia giai cấp. Sĩ quan”... thợ nguội v.v. (36)...
- Con của hoàng đế và lãnh tụ các liên đoàn thanh niên dân chủ - xã hội Ba-vi-e là Mi-kha-in Svác-tơ đều đã được thưởng những “chữ thập sắt” giống hệt nhau (36)... “Có thể nào con người đó, một con người đã được tình yêu tổ quốc kêu gọi ra chiến trường,... một lúc nào đó lại để cho cánh thanh niên đi theo mình hằn thù con cái của những chiến hữu của mình hồi năm 1914? Tất nhiên là không, nếu như anh ta không muốn nhỏ toẹt vào tất cả những cái hay cái tốt”... (36)...
- ... “Hậu quả sau này của việc thay đổi sách lược”... “Đối lập bất chấp tất cả” “là một vũ khí nguy hiểm” v.v..
- “Trong tương lai, liệu những nguyên tắc ấy có thể tiếp tục cứ giữ nguyên dưới cái dạng chết cứng của chúng không? Ai muốn trung thực với mình và với mọi người, đều phải trả lời: *không!*” (38)...
- “Đảng dân chủ - xã hội, với tư cách là một đảng”, phải vẫn cứ không có (41) “ảo tưởng” (43), không có ý nghĩ dùng “bạo lực”, “những điều vô nghĩa” (41)... “với tư cách là một đảng công nhân *thuần túy*” (do tác giả viết ngã)... là một đảng “*dân tộc*”.
- ... “Sau chiến tranh, những người Đức chúng ta sẽ càng có ít đất để mà truyền bá *những tư tưởng quốc tế chủ nghĩa không tưởng*” (44)...
- ... “Sau khi đã trải qua kinh nghiệm, như chúng tôi đã nêu lên trên đây, những người công nhân Đức sẽ phải cân nhắc một cách bình tĩnh và vứt bỏ vĩnh viễn những khuynh hướng quốc tế chủ nghĩa của đảng dân chủ - xã hội”... (44)
- Tác giả viết: phải chăng là ban lãnh đạo của đảng dân chủ - xã hội không đấu tranh với sự giả dối của những



người Pháp, của Ban chấp hành Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa (45) v.v..

... "Khi người ta buộc phải sửa lại toàn bộ Cương lĩnh Éc-phuya đã lỗi thời, — mà điều đó nhất định sẽ có lúc xảy ra, — thì mong sao người ta hãy rút ra những kết luận hết sức thích đáng và trước hết hãy loại bỏ các nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa ra khỏi cương lĩnh" ... (45)

Đảng phải "*công nhận mình thuộc về dân tộc*" (45)...

Lúc đó, những người công nhân sẽ có không phải là một đảng quốc tế chủ nghĩa "hoạt động cho cách mạng" ... "mà là một **đảng công nhân Đức**" (do tác giả viết đậm nét) "thừa nhận sức mạnh của tư tưởng dân tộc, sẵn sàng đi tới một hiệp định hoà bình thiết thực và kiên quyết bảo vệ lợi ích của những người đi theo mình!" (45)

((Những lời cuối cùng của cuốn sách)).

Hết

ROOC-BÁCH. "VÌ SAO CUỘC CHIẾN TRANH NÀY  
LÀ CỦA ĐỨC!"

"*Chiến tranh của Đức*". Quyển 1 (50 pơ-phe-ních) (Béc-lanh, 1914). **Pôn Roóc-bách**. "*Vì sao cuộc chiến tranh này là của Đức!*"

Còn loạn thần kinh sô-vanh chống lại "một nền hoà bình mục nát" ... Tác giả nói rằng: chỉ có chúng ta là đấu tranh cho sự tồn tại của mình, còn Pháp và Nga thì do "sự mê muội của tình cảm dân tộc" (24), Anh thì vì có tư lợi ("cuộc chiến tranh của những tên cướp biển" — 24)...

... "Trong thực tế, chúng ta, cũng hệt như Áo - Hung, buộc phải chọn không phải là giữa chiến tranh và hoà bình, mà là giữa chiến tranh bây giờ hay chiến tranh sau một

hay hai năm nữa; nhưng chỉ có điều là lúc đó thì chiến tranh sẽ vô cùng nguy hiểm hơn nhiều đối với chúng ta (22)...

... "Có thể giả định rằng bộ chỉ huy quân sự Pháp và Nga dự định tấn công Đức và Áo vào đầu năm, hoặc là sáu tháng đầu năm 1916" (20)...

VAN-TO-HAU-XEN.

"HỆ THỐNG KINH TẾ QUỐC DÂN  
TRONG VIỆC ĐẦU TƯ TƯ BẢN Ở NƯỚC NGOÀI"

A. *Xác-tô-ri-út nam tước phôn Van-tơ-hau-xen*. "*Hệ thống kinh tế quốc dân trong việc đầu tư tư bản ở nước ngoài*"<sup>1)</sup>. Béc-lanh, 1907. (442 tr.)

(Tác phẩm chia ra làm 4 quyển: ... tôi chỉ kịp xem qua phần lớn, chọn đọc những điều quan trọng nhất.)

Ác-hen-ti-na = "trong thực tế là thuộc địa thương mại của Anh" (45 - 6), "Anh đầu tư vào đây hơn 50 triệu li-vrơ xtéc-ling" (46)...

50 x 25 = 1 250 triệu phrăng = 1<sup>1</sup>/<sub>4</sub> tỷ Phrăng

Tư bản của Pháp

ở Nga	khoảng 9 - 10 tỷ phrăng (theo sự đánh giá năm 1906)	(tr. 48)
" Bỉ	" 0,6 "	"
" Anh	" 0,9 "	"
" Thụy-sĩ	" 0,4 "	(cho tới 1,0)
" Đức	" 0,2 - 0,3 "	(Lơ-roa - Bô-li-ơ. "L'Économiste Français", 1902. II, tr. 449 và các trang tiếp)
" Tây-ban-nha	3 tỷ phrăng	(tr. 53)...
" Tuy-ni-di	512 triệu phrăng...	(tr. 50)

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 309 và t. 27, tr. 485 - 506.

Tư bản của Pháp ở nước ngoài

- 30 tỷ phrăng (tr. 55) (L. – Bô-li-ơ, ibidem)
- 34 " " (L. – Bô-li-ơ: tr. 98)
- (\*) 40 " " (1905: do tác giả tính ra, tr. 98)

Tư bản của Anh ở châu Mỹ (1857) – 80 triệu li-vơ xtéc-ling (tr. 62 – theo bộ "Tư bản" của Mác, III, 2, tr. 15, chú giải)<sup>59</sup>

Tư bản của Đức ở nước ngoài [chỉ kể chứng khoán có giá]

cho đến 10 tỷ mác (1892) (tr. 101)...  
cho đến 16 " " (tác giả ước tính, tr. 102, cho năm 1906)

+ 10 không phải là chứng khoán có giá (tr. 104)

(\*) 26 tỷ mác

tư bản của Đức ở các thuộc địa của Đức (1904) = 370 triệu mác (tr. 133)

B. Ham-xơ (tr. 234 và các trang tiếp)	(*) Ergo (1905)	tỷ mác
70 – 65	Anh	55
35 – 34	Pháp	32
35 – 35	Đức	26
140 134		113

"Người ta tính ra rằng hiện nay Anh nhận được của Mỹ, dưới dạng lợi nhuận và lợi tức do tư bản mang lại, khoảng 1 tỷ mác" (68).

(\*) Tư bản của Anh ở nước ngoài (theo ước tính của Xpây-ơ cho năm 1900) = 2 500 triệu li-vơ xtéc-ling (tr. 94).

x 20 = 50 tỷ mác
+ 50 triệu mỗi năm
x 5 (1901 – 5)
250 x 20 = 5 000
5 + 50 = 55 do tôi tính ra

Tư bản nước ngoài

ở Áo - Hung (1903) = (tr. 107)

9 809 triệu cua-ron

{	Trong đó Đức .....	4 653
	Pháp .....	3 270
	Hà-lan .....	647
	Anh .....	356
	Bỉ .....	243
	Thụy-sĩ .....	242
	các nước khác .....	398

( Idem B. Ham-xơ. "Những vấn đề của nền kinh tế thế giới", I-ê-na, 1912, tr. 236.

**Dấu hoả Ru-ma-ni** (1905) (tr. 145 – 6):

tư bản (tư nhân)	triệu phrăng
Đức .....	- 92.1
Hà-lan .....	- 8.0
Anh .....	- 5.2
Pháp .....	- 6.5
Bỉ .....	- 4.0
Ý .....	- 7.5
Mỹ .....	- 5.0

Tư bản Bỉ ở Nga (1900) = 494 triệu phrăng (tr. 182).

Các ngân hàng thuộc địa (1905) (chi nhánh)

	chi nhánh	tư bản triệu
Anh (tr. 151)	2 136	35.5 1. xt.
	+ 175	17.2 " "
Pháp	136	328 phr.
Hà-lan	67	98.3 gun-đen
Đức (tr. 152)	87	60 mác

Tư bản nước ngoài ở Hợp chủng quốc Mỹ (tr. 240). Các khoản tiền Mỹ vay (1902): 3 tỷ đô-la ở các xí nghiệp etc.

Anh – 4 tỷ mác (khoảng) (tr. 242)  
Đức 2 " "  
Pháp 450 triệu phrăng

... “Hiện nay, giữa các thị trường tiền tệ lớn thường có sự cân bằng, nhưng tùy theo các hoàn cảnh đặc biệt mà trọng tâm lúc thì chuyển sang Luân-đôn, lúc thì Pa-ri, lúc thì Niu-Oóc” (251)...

Tư bản Mỹ ở Mê-hi-cô (1902) – 500 triệu đô-la (tr. 243)... ở *Cu-ba* – 159 triệu đô-la (tr. 244).  
từ năm 1900, chúng có những “thắng lợi khổng lồ” ở Bra-xin (243)...  
tổng số tư bản Mỹ ở nước ngoài (tr. 245).

triệu

đô-la

(1897) – 600 – 800

(1902) – 1 300 – 1 500

Năm 1870 - 1, Lơ-roa - Bô-li-ơ ước tính tài sản (quốc dân) của Pháp là 140 tỷ phrăng, tiền gửi tiết kiệm hàng năm là 2 tỷ phrăng (tr. 348, chương: “Tư bản xuất khẩu và chiến tranh”); tư bản ở nước ngoài = 15 tỷ (thu nhập do chúng đem lại = 600 – 700 triệu).

**Quốc trái**

của Nga (1906)  
– 9 tỷ rúp hoặc  
20 " mác (tr. 292 – 3)  
trong đó  
9 – 10 " mác nợ của Pháp,  
2 – 3 " mác nợ của Đức,  
còn lại là nợ của Anh,  
của Hà-lan,  
của Áo (!!)

Quyển thứ tư – “Chủ nghĩa tư bản xuất khẩu và xã hội” (357 - 442) thì chủ yếu là dành để nói về vấn đề “**nhà nước thực lợi**” (ví dụ Hà-lan) – tác giả nói rằng bây giờ Anh và Pháp đang trở thành những nước như vậy, – “Các nhiệm vụ kinh tế thế giới của Đức” (chương III của quyển 4):

Trong chương này, tác giả tỏ ra là một người yêu nước

đế quốc chủ nghĩa Đức rất rõ ràng. Ông ta *ủng hộ* việc phân chia một cách hòa bình những phạm vi ảnh hưởng (và lợi nhuận) ở châu Phi v.v. (tr. 424 - 5 và các trang khác), nhưng lại **h o à n t o à n s ả n s ả n g l a o v à o c h i ế n t r a n h** (440 ở phần cuối)... Ủng hộ việc vũ trang...

... “Ở Trung-quốc, Ma-rốc, nước Công-gô, đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ, Nga... vẫn còn có triển vọng nào đó cho các nhà tư bản và các nhà kinh doanh” (423)...

NB ... “Châu Phi... là lãnh địa thế tập của châu Âu” (425), nếu nhượng (konzedieren) châu Mỹ cho Hợp chúng quốc Mỹ.

NB ... “Tương lai lớn nhất đối với việc xuất khẩu tư bản châu Âu nằm giữa mũi Blan-cô và mũi Kim” (425)...

(Trích dẫn Mác và Ăng-ghe-n), tác giả viết: những người xã hội chủ nghĩa ôm ấp những “điều không tưởng”... Trên thực tế, chế độ xã hội hiện đại đem lại cho người công nhân những triển vọng đẹp đẽ. Phần lớn người giàu có đều xuất thân từ công nhân và tầng lớp tiểu thị dân (xem “Lịch sử các tài sản hiện nay” của C. Smít-Vai-xen-phen-xơ, Béc-lanh, 1893, “có những tấm gương bổ ích; ví dụ Boóc-dích trước kia là thợ mộc, Krúp là công nhân kim khí, Lai-ten-béc-gơ là chủ xưởng nhỏ, Lan-na là công nhân đóng tàu... Xi-men-xơ là tá điền... Đrây-dơ là thợ nguội... Rốt-sin-đơ là tiểu thương” v.v.)...

Chúng ta, những người Đức, không biết đánh giá các thuộc địa của mình và ý nghĩa của chúng như người Anh (434)...

Công nhân với tư cách là một giai cấp, sẽ được lợi về kinh tế do các thuộc địa và chính sách toàn cầu mang lại... Chủ nghĩa xã hội là sự đình trệ: “Những kẻ mị dân vô sỉ dám tuyên truyền điều ngu xuẩn đó cho quần chúng công nhân ngây thơ về chính trị, như một bộ kinh phúc âm yên bình và sung túc” (437)...

... “Đảng dân chủ – xã hội ở nước ta không muốn nghe đến việc không ngừng nâng cao phúc lợi toàn dân... Đảng muốn đoàn kết tất cả những người vô sản các nước lại để phá tan xã hội tư bản chủ nghĩa. Như ta đã biết, cái tư tưởng ấy không được chứng minh là đúng, cả về mặt tuyên truyền lẫn về mặt những kết quả xã hội hữu ích. Đòi phá tan các ngôi nhà cũ để làm gì, nếu như không xây dựng nổi một ngôi nhà mới, chung cho mọi người? Chẳng thể nào trả lời được câu hỏi này, ngoài những lời tuyên truyền mâu thuẫn với khái niệm đầy sức sống là dân tộc” (438)...

NB

Tác giả ca tụng “chủ nghĩa hiện thực” (438 và 9) của công nhân Anh (đấu tranh chống lại việc nhập cư) và mong muốn công nhân Đức cũng làm như vậy...

NB của cũng tác giả ấy: “Tư liệu về vấn đề Liên bang kinh tế Trung Âu” trong tờ “Zeitschrift für Sozialwissenschaft”, tập V, quyển 7 – 11.

Hết

HEN-NÍCH. “CÁC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC TẾ”

**Ri-sa Hen-ních.** “Các đường giao thông quốc tế”, Lai-pxích, 1909 (284 tr.).

Phần lớn chỉ là lược thuật, liệt kê các đường sắt, bản đồ etc.

*Châu Phi: đường sắt* (1907) (tr. 213)

	km	“đang xây dựng hoặc đã thiết kế xong”
Các thuộc địa Anh	13 117	15 113
Ai-cập	5 252	6 956
(Anh)	$\Sigma = 18 369$	22 069
Các thuộc địa Pháp	5 657	9 849
" " " Bồ-đào-nha	1 173	2 313
" " " Đức	1 398	1 988
" " " Bỉ	642	—
" " " Ý	115	115
Tổng cộng	27 354	36 334

Có những chỉ dẫn đáng chú ý về cuộc đấu tranh cực kỳ vô sự giữa các cường quốc để có được những tô nhượng (về đường sắt – ví dụ như ở Trung-quốc), lửa gặt v.v. và v.v..

HEN-PHÊ-RÍCH. “PHÚC LỢI NHÂN DÂN CỦA ĐỨC”

*Tiến sĩ Các-lơ Hen-phê-rích* (giám đốc “Đoàn-sơ-ban-cơ”). “*Phúc lợi nhân dân của Đức 1888 - 1913*”. Béc-lanh, 1913.

Huênh hoang... Trước tác có tính chất tăng bốc, quan phương

Sự huênh hoang thiếu nghiêm chỉnh

Thu nhập quốc dân hàng năm của Đức là khoảng 40 tỷ, versus 22 - 25 trong năm 1895; trong số 40 tỷ, có gần 7 tỷ chi vào các mục đích xã hội, gần 25 chi vào các nhu cầu cá nhân, gần 8 tỷ để tích lũy = 40 (tr. 123). Tài sản quốc dân của Đức hàng năm > 300 (1) tỷ; versus 200 trong năm 1895.

tr. 114:

	tỷ mác	tính theo đầu người (mác)
Ở Đức, tài sản quốc dân	= 290 – 320	4 500 – 4 900
" Pháp " " " "	232,5 (287 tỷ phrăng)	5 924 (7 314 phrăng)
" Anh " " " "	230 - 260	5 100 – 5 800
" Mỹ " " " "	500	5 500

(tr. 99 – 100)

	(1908)	tính theo đầu người
Thu nhập quốc dân của Đức	– 35 tỷ mác	555
" " " " " Pháp	– 20 " "	514
" " " " " Anh	– 35 " "	815

(tr. 61)	Khai thác than (tính theo triệu tấn)			Sản lượng gang (tính theo nghìn tấn)		
	1886	1911	+ %	1887	1911	+ %
Mỹ	103,1	450,2	+ 336,6	6 520	24 028	368,5 <sup>1)</sup>
Anh	160,0	276,2	+ 72,6	7 681	10 033	30,6
Đức	73,7	234,5	+ 218,1	4 024	15 574	387,0 <sup>1)</sup>
Nga				612	3 588	486,3
Áo – Hung	20,8	49,2	+ 136,5			
Pháp	19,9	39,3	+ 97,5	1 568	4 411	281,3 <sup>1)</sup>
Bỉ	17,3	23,1	+ 33,5	756	2 106	178,6

(<sup>1</sup>) trong đó có 20 tỷ mác là tư bản đầu tư ở nước ngoài (tr. 113).

### CRÔ-MƠ. “CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC CỔ ĐẠI VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC HIỆN ĐẠI”

Bá tước Crô-mơ. “*Chủ nghĩa đế quốc cổ đại và chủ nghĩa đế quốc hiện đại*”<sup>2)</sup>. Luân-đôn, 1910. (143 tr.)

<sup>1)</sup> Của Hen-phê-rích là như vậy.

<sup>2)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 481.

Hầu như là con số không. Một sự ba hoa tự đắc, — dưới cái vỏ bác học và hăng hà sa số những câu trích của các nhà văn La-mã, — của một tên đế quốc chủ nghĩa và tên quan liêu người Anh, kết thúc bằng lời hò hét *ủng hộ* việc giữ Ấn-độ, chống lại những người cho phép nghĩ đến vấn đề để Ấn-độ tách ra. Giải phóng Ấn-độ “sẽ là một tội ác chống lại nền văn minh”... v.v. và v.v..

Những sự đối chiếu với La-mã, những suy nghĩ và lời khuyên của một tên quan liêu, có tính chất hầu như hoàn toàn “hành chính”, chỉ có thể thôi.

tr. 101: ở Ấn-độ (“Cuộc điều tra ở Ấn-độ”, tr. 173), cứ 10 000 đàn ông thì có 90 người biết đọc và viết tiếng Anh, cứ 10 000 đàn bà thì có 10 người biết đọc và viết tiếng Anh (101)...

103: may là chúng ta không phản đối việc dạy tiếng Hà-lan ở Nam Phi: bây giờ thứ tiếng đó đang dần mòn tàn lụi...

107: căm thù, hằn học “anh chàng thanh niên đáng thương” (Đin-gra) đã giết chết ngài Cóc-dơn Vin-li (và viết lời bào chữa cho mình bằng tiếng Anh)...

110: trích dẫn “Journal of the Statistical Society”, tập XLI: *Uôn-phoóc-đơ*: “Những nạn đói trên thế giới”... (350 nạn đói). Ở Ấn-độ có lần có 3 – 10 *triệu* người chết đói (111)... *Rô-me-sơ Đốt-tơ*: “Nạn đói ở Ấn-độ” (trích dẫn, 113)...

122: Ở Ấn-độ, có 147 thứ tiếng; 276 triệu người nói 23 thứ tiếng (“Cuộc điều tra ở Ấn-độ”, tr. 248)...

124, chú giải: khuyên người Anh ít tuổi nên “đọc, ghi chép, nghiên cứu và nắm được” lịch sử “khởi nghĩa Ấn-độ”...

VỞ

“O”

(“Ô-MI-CRÔN”)

Mục lục

O

“Die Gleichheit”. “Bremer Bürger-Zeitung”

“*Volksstimme*” ở Hem-ni-tơ

Lô-ren-tơ 17

Trích dẫn

“Die Gleichheit”

+ những cái khác

N. B.:

1. — **Mác**: bài báo viết năm 1878 về Quốc tế.*Nhận xét về quyền dân tộc tự quyết.*

2. — Tuyên ngôn Ba-lơ và nghị quyết Hem-ni-tơ.

3 - 6. Tạp chí “Die Gleichheit”, 5 tháng Tám 1914.  
7 (và 12). Den-bruyích.8 – 11. “*Volksstimme*” (Hem-ni-tơ).

13. Trước tác viết về đội dân cảnh.

14. Lên-sơ viết về đội dân cảnh (1912).

15. C. Cau-xky 1910 và 1912.

16. B. Bác-xơ viết về *chủ nghĩa đế quốc* (1900).

18 – 20. Lên-sơ: “đảng dân chủ – xã hội”...

21 – 22. “*Volksstimme*” ở Hem-ni-tơ.

23 – 29. Un-brích. Các dân tộc và chủ nghĩa đế quốc.

30. Phr. *Át-t-ơ* và *Ran-ơ*

31. Hin-phéc-đinh (những quan điểm kiểu Cau-xky).

32, 33. *Ăng-ghen* và *Mác* viết về công nhân Anh etc.

33. C. Cau-xky viết về chủ nghĩa yêu nước.

34 -35. Ô. Bau-ơ.

36 – 37. *Ăng-ghen*.

38 – 39. E. Hai-lman (“Die Glocke”).

NB ||| 40 – 41. Liếp-néch V. và **Mác** (bức thư gửi *Liếp-néch*  
*năm 1878*).42 – 44. *Grây-lích* và “*Grütlianer*”.45. “Schweizerische *Metallarbeiter-Zei-*  
*tung*”.

NB:

|| *Ăng-ghen* (viết về giai cấp công nhân ở Anh) – tr. 14. +  
“*Neue Rheinische Zeitung*”, tr. 46 và 47.

C. Cau-xky viết về tôn giáo... tr. 15 (?).

Những người xã hội chủ nghĩa và những người da đen  
(Mỹ)... 15.

Công nhân Ý và Ba-lan ở Thụy-sĩ 17.

Người Nhật và chủ nghĩa sô-vanh của công nhân Mỹ... 41.

*Notabene:*|| *Mác* viết về chiến tranh  
của Pháp để giành tự do  
(tháng Giêng 1871): 22.▶ *Mác* phát triển các quan  
điểm về chiến tranh năm  
1870: tr. 22.*Mác* viết về *Ai-rơ-len*: 22.*Mác* viết về cuộc *chiến tranh* sắp tới (năm 1874) – 22.

Thư mục sách tham khảo (chỉ dẫn)... 13 và 16.

NB

Bác-xơ viết về chủ nghĩa đế quốc 1900... tr. 16.

Độc quyền và kỹ thuật... 17.

Phong trào công nhân ở Ca-na-đa... 17.

Cau-xky viết về tôn giáo (những điều tầm thường) – 15.

Những hiến pháp của Pháp năm 1791 và năm 1848 nói về các cuộc chiến tranh dân tộc: tr. 30.

"Các giai đoạn" của lịch sử cận đại, tr. 28.

Danh ngôn của Xanh – Xi-mông – 49.

"NIÊN GIÁM SMÔN-LO", 1915, QUYỂN 1

Trong bài: "Tình hình ăn uống của nhân dân trong thời chiến và thời bình", Các-lơ Ban-lốt ("Schmoller's Jahrbuch", 1915, quyển 1) đã thử thu thập (không đầy đủ) các số liệu về tình hình ăn uống của nhân dân:

Thực phẩm thực vật và động vật.

Tổng số cho một đầu người trong một ngày

thứ tự	Ca-lo	trong đó		Đức	
		thực vật	động vật	Thực vật	Động vật
				2 103 + 294 =	2 397
					150 150
				2 103 + 444 =	2 547
				61 61	
				2 164 + 444 =	2 608
4. Đức.....	2 708	2 164	544		
2. Anh .....	2 900	1 925	975		
5. Ý .....	2 607	2 367	240		
3. Pháp .....	2 749	2 205	544		
6. Áo.....	2 486	2 030	456		
1. Mỹ .....	2 925	1 870 <sup>1)</sup>	1 054	Anh	1 925
7. Nga .....	2 414 <sup>2)</sup>	2 235	279		975
8. Nhật .....	1 814	1 764	50		2 900

<sup>1)</sup> Ở đây Ban-lốt nhầm; đúng ra là 1871.

<sup>2)</sup> Cũng vậy; đúng ra là 2514.

thứ tự các nước là do tôi xếp. Đối với Đức, các số liệu của Ban-lốt không được phân chia hết thành ca-lo thực vật và động vật. Việc phân chia này là do tôi làm căn cứ vào những số liệu từng phần của ông ta.

Ibidem bài báo của I-ê-gơ: "Chủ nghĩa phê phán mới của chủ nghĩa Mác" viết về Át-lơ và về việc ông ta kết hợp chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa Can-tơ.

Ibidem bài báo ngắn của Smôn-ơ về tập thư từ trao đổi giữa Mác và Ăng-ghen: thái độ coi thường khi nói về cách mạng: phải thay cách mạng bằng cải cách (tr. 432).

Các công đoàn mạnh hơn đảng; giới quan liêu (5 – 10 nghìn người) trong phong trào dân chủ – xã hội... "Tóm lại, đảng công nhân mác-xít Đức đang ở trong quá trình tan rã hoặc là ở trong quá trình thoái hoá về phía tư sản, dù cho nó có phủ nhận điều đó đến thế nào chăng nữa" (424).

NB, cũng ở đây, bài của Gioóc-giơ Di-gvác: "Sự phì nhiêu của đất đai là một yếu tố lịch sử".

MÁC. BÀI BÁO VIẾT NĂM 1878  
VỀ QUỐC TẾ. NHẬN XÉT  
VỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

C. Mác  
1878:

Trên tờ "Die Neue Zeit", XX, 1, tr. 585 (1901 – 2), M. Ba-khơ dịch bài báo viết bằng tiếng Anh của C. Mác năm 1878: "Lịch sử Hội liên hiệp công nhân quốc tế do ngài Gioóc-giơ Hô-nen soạn"<sup>60</sup>.

Mác khinh miệt cái anh chàng Hô-oen này (một trong những nhà chính trị công nhân tự do chủ nghĩa điển hình), ông sửa hàng loạt những điều khẳng định đối trá của anh ta về Quốc tế, tuyên bố rằng ông, Mác, là tác giả của bài "Nội chiến ở Pháp", và đã cho đăng bài đó từ lâu trên tờ "The Daily News", nói về bước chuyển của "Quốc tế" sang một hình thức mới, "cao hơn" và đưa ra những nhận xét cá biệt khác. Mác có viết một đoạn như sau:

"Vả lại một điểm trong cương lĩnh mà tôi có vinh dự được trình bày trước Hội đồng trung ương" (trong hội nghị năm 1865) "có nói: "Cần phải tiêu diệt ảnh hưởng của Mát-xơ-va ở châu Âu bằng cách áp dụng nguyên tắc quyền tự quyết của các dân tộc và bằng cách phục hưng lại Ba-lan trên một cơ sở dân chủ và xã hội chủ nghĩa" (tr. 586). ((Trên tờ "The Secular Chronicle", tập X, số 5, ngày 4 tháng Tám 1878. Tờ tạp chí "có khuynh hướng tự do tư tưởng cộng hoà". Người xuất bản là bà Ha-ri-ét Lô, thành viên của Quốc tế.))

((Do tôi viết ngả.))

TUYÊN NGÔN BA-LƠ  
VÀ NGHỊ QUYẾT HEM-NI-TXƠ

*Chủ nghĩa đế quốc.* Trong "Archiv für die Geschichte des Sozialismus" của Gruyn-béc, 1915 (quyển 1 và 2), có đưa ra nghị quyết của đại hội đảng ở Hem-ni-txơ (IX. 1912 [15 - 21. IX. 1912]) về chủ nghĩa đế quốc (tr. 314 - 5).

NB  
Mác (1865)  
(và 1878) về  
quyền dân  
tộc tự quyết

Trong đó nhấn mạnh: xuất khẩu tư bản, việc đi tìm những "khu vực mới để đầu tư", các tổ chức của những ông chủ, ảnh hưởng của họ đối với nhà nước và "xu hướng bành trướng" của họ, xu hướng của họ muốn bắt "các lãnh thổ lớn trên thế giới" phải phụ thuộc vào họ "về mặt kinh tế"... Tóm lại là: "chính sách xâm lược và ăn cướp trở tráo... đó là hậu quả của những ý đồ bành trướng đế quốc chủ nghĩa".

Do đó: xung đột giữa các nước, - nguy cơ chiến tranh, lợi ích của những kẻ cung cấp "vật tư chiến tranh".

... "chủ nghĩa đế quốc bạo lực"

Để giảm bớt (mildern) các hậu quả nhất thời của nó - tự do buôn bán, "liên minh giữa các dân tộc" etc. Câu cuối cùng của nghị quyết:

NB "Vi giai cấp vô sản có sứ mệnh biến chủ nghĩa tư bản, đã đạt tới giai đoạn cao nhất của nó, thành xã hội xã hội chủ nghĩa và bằng cách đó, bảo đảm lâu dài hoà bình, độc lập và tự do cho các dân tộc".

Ibidem, tr. 324 - biểu quyết điểm sửa đổi do Rô-da Lú-xăm-bua đưa ra (về bãi công có tính chất quần chúng) tại đại hội ở I-ê-na (1913):

Ủng hộ Rô-da - 144 = 30%  
phản đối..... 336  
480

Ibidem, tr. 306 - 311 - Tuyên ngôn Ba-lơ (24 - 25. XI. 1912) NB, ibidem, đánh giá cuốn sách:

*O. Phe-xy.* "Phong trào công nhân trong thời kỳ đầu của chế độ quân chủ tháng Bảy". Pa-ri, 1908 (359 tr.). 10 phrăng.

Cũng của ông ta: "Khởi nghĩa ở Ly-ông năm 1831". "Annales des sciences politiques". 1910 (tr. 85 - 103).



TẠP CHÍ "BÌNH ĐẰNG",  
5 THÁNG TÁM 1914

"*Die Gleichheit*", 1914, số 23, 5 tháng Tám 1914.

"ĐẤU TRANH CHỐNG CHIẾN TRANH"

*Bài bình luận thứ nhất* "Đấu tranh chống chiến tranh" – trích dẫn nghị quyết Đại hội Stút-ga<sup>61</sup> – khi có nguy cơ chiến tranh thì triệu tập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa và áp dụng mọi biện pháp chống chiến tranh. Nếu như chiến tranh nổ ra thì v.v..

"PHỤ NỮ VÔ SẢN, HÃY SẴN SÀNG!"

*Bài thứ hai*: "Phụ nữ vô sản, hãy sẵn sàng!"

Viết sau khi tuyên bố chiến tranh với Xéc-bi-a, nhưng trước chiến tranh châu Âu.

Nước Áo hy vọng rằng Nga và các nước khác chưa chắc đã có khả năng tham chiến. "Chủ nghĩa đế quốc" Áo, "tội ác" của nó. "Nó" (chủ nghĩa đế quốc Áo) "đấu tranh hoàn toàn chỉ vì lợi ích của triều đình Hấp-xbước phản động, chỉ vì lòng tham vàng và quyền lực của những địa chủ và nhà tư bản lớn vô lương tâm, vô nhân tính"...

Các tờ báo Đức "trơ tráo" kêu gọi chiến tranh...

"Điều đó không bao giờ nên xảy ra. Những người vô sản Đức, nam và nữ, phải dùng hành động để chứng minh rằng họ đã thức tỉnh, rằng họ đã trưởng thành để được tự do"...

Chính phủ Đức quả quyết rằng họ muốn hoà bình.

"Nhưng nhân dân Đức đã thấy rõ rằng cái lưỡi của những nhà hoạt động chính phủ lại xẻ đôi như là lưỡi rắn".

Giai cấp tư sản là sô-vanh, nhưng

"Chỉ có giai cấp vô sản mới đưa bộ ngực rộng lớn của mình ra chống lại tai hoạ chiến tranh thế giới đang đến gần"...

Ở Nga, chính cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản là trở ngại lớn nhất đối với chiến tranh.

"Chúng ta sẽ không hèn và yếu hơn họ" (= công nhân Nga).

"Chúng ta sẽ không bỏ lỡ một phút nào. Chiến tranh đang ở ngay ngưỡng cửa chúng ta... Tất cả chúng ta hãy ra khỏi cổng nhà máy và công xưởng, khỏi các túp lều và gác xép để tiến hành một hành động phản đối có tính quần chúng"...

"Quần chúng bị bóc lột đã đủ mạnh để gánh trên vai mình toàn bộ toà nhà của nền trật tự mới... Lẽ nào họ lại tỏ ra yếu đuối đến mức phải lùi bước trước thiếu thốn, sợ hãi nguy hiểm và chết chóc, khi mà cuộc đấu tranh cho hoà bình và tự do kêu gọi họ? Lẽ nào họ lại mở thông đường cho chủ nghĩa quân phiệt vừa bị dư luận rộng rãi nguyên rửa là một tên đao phủ tàn bạo giết chóc con em họ?"

Đối với giai cấp công nhân, tình anh em của các dân tộc không phải là "một ảo tưởng hào huyền" mà là vấn đề sống còn, là "sự đoàn kết của những người bị bóc lột thuộc tất cả các dân tộc".

"Nó" (sự đoàn kết ấy) "không thể cho phép người vô sản này đem vũ khí giết người chống người vô sản khác. Nó phải gây cho quần chúng lòng quyết tâm sử dụng trong cái chiến tranh chống lại chiến tranh này tất cả loại vũ khí nào họ có sẵn trong tay. Toàn bộ sức mạnh tất thắng mà quần chúng vô sản đem ra để chống lại sự điên cuồng của chiến tranh thế giới, là ngang với một trận chiến đấu thắng lợi trong cuộc đấu tranh giải phóng của họ. Nghị lực cách mạng và nhiệt tình biểu hiện trong hành động của họ, sẽ khiến họ bị bức hại, gặp nhiều nguy hiểm và đòi hỏi họ phải có hy sinh. Nhưng kết quả sẽ như thế nào? Trong cuộc đời của một số người và trong cuộc sống của các dân tộc, có những lúc mà người ta chỉ có gan đánh liều

tất cả mới giành được tất cả mà thôi. Giờ phút đó đã điểm. Phụ nữ vô sản, hãy sẵn sàng!" (tr. 354).

Hết bài

“BÌNH LUẬN CHÍNH TRỊ”

Và trong tờ “Bình luận chính trị”

(tr. 363) “Lực lượng cách mạng của quần chúng vô sản ở các nước Tây Âu phần lớn vẫn còn chưa thức tỉnh, nhưng những lực lượng ấy đã tồn tại, và chính ngọn đuốc chiến tranh có thể thức tỉnh họ”. NB

(cách mạng đang còn ở trong trạng thái manh nha, không những ở Nga mà còn “ở các nước châu Âu khác nữa”...)

ở đây cũng có một bài báo ngắn, viết về sự tiến triển của các cuộc bãi công và chiến lũy ở Nga (và 10 dòng về hội nghị ở Bruy-xen ngày 16 – 18. VII. 1914, sự thống nhất – tác giả viết – sẽ hỗ trợ phong trào...)

ĐEN-BRUYCH. “CHÍNH PHỦ VÀ Ý CHÍ CỦA NHÂN DÂN”

*Han-xơ Đen-bruych. “Chính phủ và ý chí của nhân dân”*. Béc-lanh, 1914.

Nói chung, đây là một bài phản động bản thủ nhất, vận dụng các khái niệm để *chống lại* nền dân chủ. Từ đầu chí cuối là *chống lại* nền dân chủ. Hàng loạt những điều nguy hiểm, những ví dụ lịch sử etc.

(\*\*) Điều bổ ích (1) là việc tố cáo nền dân chủ *tr* *sản* (viện dẫn, chẳng hạn, những tác phẩm *Anh* vạch mặt nền dân chủ đó).

Thư mục sách tham khảo:

(\*\*)

Vin-hem Ha-xbách. “Nền dân chủ hiện đại” (1912).

A-đôn-phơ Téch-len-buốc. “Sự phát triển của quyền bầu cử ở Pháp từ năm 1789.”

I. U-nôn. “Chính trị dưới ánh sáng của học thuyết tiến hoá” (tác giả nói: đây là tác phẩm của một nhà báo).

Lô-oen. Hiến pháp Anh.

*Ben-lốc và Sét-xtóc-ton*. “Chế độ các đảng”.

2) *Vấn đề Ba-lan*. Tác giả là người chống lại chính sách của Phổ đối với Ba-lan vì nó là vô hiệu.

Tr. 1. Nhân dân là gì? Nhân dân Đức? – ở nước ta có “nhiều triệu: người Ba-lan, người Đan-mạch, người Pháp” (tr. 1).

NB “Ở An-da-xơ - Lo-ren, có cả những người nói tiếng Đức luôn luôn tuyên bố rằng về mặt chính trị, họ không nhận thuộc dân Đức” (tr. 1).

Hê-ghen nói về “nhân dân”

Một châm ngôn của Hê-ghen: “Nhân dân là cái bộ phận của quốc gia chẳng biết mình muốn gì” (tr. 41)..

NB: tên phản động nói về *quyền tự quyết* của các dân tộc

“Rõ ràng là không thể nào mà mỗi một bộ phận của nhân dân, được tách ra một cách tùy tiện, lại đều có quyền tự quyết. Nếu chúng ta thừa nhận quyền đó cho những người An-da-xơ - Lo-ren nói chung thì tại sao lại không thừa nhận quyền đó cho từng bộ lạc trong ba bộ lạc là Soa-bơ, Phrăng và Pháp? Và rốt cuộc tại sao lại không thừa nhận quyền đó cho từng công xã riêng biệt một?” (tr. 2)

Nói về những người dân chủ – xã hội: Mi-khen-xơ thừa nhận rằng những người dân chủ – xã hội đã mất tinh thần cách mạng (lo cho các tổ chức). “Hơn nữa, từ lâu người ta đã nói trước rằng một đảng cách mạng như vậy càng lớn lên thì nó càng không tiến gần tới mục đích của nó là một cuộc cách mạng thật sự, mà lại càng xa rời mục đích ấy, về mặt nội bộ” (tr. 80). Và tr. 82 – 3, chống lại Mê-rinh: tổ chức *bao giờ* cũng cần có lãnh tụ, **quần chúng**, dù là được *giáo dục tốt nhất*, cũng cần có lãnh tụ và “vấn đề là xem xem các vị lãnh tụ ấy có sử dụng quyền lực của mình để tiến hành cách mạng và gây nên một sự đảo lộn chung, và làm như vậy thì không khéo có cơ hy sinh không phải là nhà nước đang tồn tại và xã hội đang tồn tại, mà là hy sinh chính bản thân họ, hay là tùy trường hợp, họ lại nặng về thoả hiệp” (83), vấn đề này đã bị Mê-rinh phủ nhận một cách vô căn cứ. (Viết năm 1914. Lời tựa: 11. XI. 1913).

Mê-rinh trả lời Đen-bruyích rằng ông ta, Mê-rinh, *không* viết bài báo này, và luận chứng, thực ra thì rất, rất không vững, rằng trước hết những người dân chủ – xã hội tìm “biện pháp” chống lại tệ quan liêu (“Die Neue Zeit”, 1913 – 4, 32, I, tr. 971).

NB: số lượng các viên chức ở Đức = gần 1 350 000 = gần  $\frac{1}{10}$  cử tri: 13 300 000 năm 1907, tr. 182

Đến nay thì chính sách của Phổ nhằm Đức hoá người Ba-lan đã tốn mất 1 tỷ mác. Vì sao lại “*phá sản hoàn toàn*”? (161).

Trường học Đức làm cho dân Ba-lan căm phẫn: trẻ em Ba-lan “bằng kinh nghiệm bản thân, hiểu được tất cả nỗi đắng cay của việc ngoại bang thống trị, bởi vì không có sự sỉ nhục nào đối với ý thức dân tộc sâu sắc hơn” là sự sỉ nhục đối với tiếng nói (162).

Người Ba-lan đang Ba-lan hoá các thành phố. Trong số bốn tầng lớp (quý tộc, tầng lữ, nông dân, tư sản) thì chỉ có giai cấp tư sản là không hoà hoãn. Việc thực dân hoá của Đức đã làm dân Ba-lan căm ghét và đoàn kết lại theo tinh thần dân tộc. Tẩy chay hàng hoá: “người mình dùng hàng của mình”.

Không thể “hoà giải” được với người Ba-lan (tr. 171), phải chia rẽ họ, giúp cho việc thành lập một đảng Phổ – Ba-lan (172).

“Dĩ nhiên, xét về mặt tư tưởng thì những người Ba-lan đã chịu khuất phục cũng vẫn chỉ là “người Phổ có thời hạn”, nói theo cách diễn đạt của chúng tôi” (tr. 174) - điều đó là không thể tránh khỏi, nhưng cần phải thi hành một chính sách sao cho “thời hạn chối từ có thể có về mặt tư tưởng (Kündigung) không bao giờ thành sự thật”.

“Đối với bất kỳ một chính sách đối ngoại nào, việc một dân tộc được đánh giá như thế nào ở các dân tộc lớn có văn hoá khác, - có một ý nghĩa quan trọng. Dân tộc Đức - về việc này không nên có ảo tưởng gì cả - là một dân tộc ít được yêu mến nhất, và hoàn toàn không phải chỉ có lòng ganh tị mà chúng ta thường dựa vào để tự bào chữa, đã làm cho các dân tộc khác căm ghét chúng ta. Chính sách dân tộc sai lầm của chúng ta - đó chính là cái điều phần lớn đã làm cho chúng ta bị căm ghét ở khắp nơi” (175): người Ba-lan và *người Đan-mạch* (NB) đã phàn nàn về chúng ta trên khắp trái đất này!!

## “TIẾNG NÓI CỦA NHÂN DÂN” (HEM-NI-TXO)

## “CHỐNG LẠI CÁ HAI GIU-NI-ÚT”

“**Volksstimme**” (Hem-ni-txo), phụ trương của số 131 (8. VI. 1916).

Bài báo nhỏ: “*Chống lại cả hai Giu-ni-út*”.

“Đối với những ai chỉ căn cứ vào những nỗi khổ đau và những hy sinh ghê gớm do cuộc chiến tranh này đem lại mà nhận xét, những ai chỉ phát biểu trong cơn tuyệt vọng và căm phẫn thì dĩ nhiên là về mặt chính trị, nói chung khó có thể chứng minh được một điều gì cho họ hiểu cả. Nhưng người nào không muốn quyết định một cách mù quáng, người nào có nghiên cứu và suy nghĩ, thì có lẽ tình hình hiện nay là hết sức rõ ràng đối với người đó. Độc giả của chúng tôi, qua các nguồn tin của chúng tôi, đã biết về cuốn sách nhỏ của Giu-ni-út, cuốn sách đó tự đặt cho mình nhiệm vụ thuyết phục giai cấp vô sản Đức rằng giai cấp này có lợi trước hết về việc nước Đức bị thất bại, rằng giai cấp công nhân phải hướng toàn bộ lực lượng của mình để thực hiện mục đích ấy. Không phải ngẫu nhiên mà tác giả vô danh của cuốn sách có tính chất liên Đức chủ nghĩa, - một cuốn sách khích động thù tướng Đức, ra đời từ những nhóm đối lập của Tiếc-pi-txo, có tính chất thôn tính và khát máu đến mức điên loạn, - lại lấy bí danh là *Junius Alter*, là Giu-ni-út thứ hai. Hai Giu-ni-út - một người thì tuyên truyền cho sự thất bại của Đức, người kia lại tuyên truyền cho việc Đức thống trị toàn thế giới, - trên thực tế, đã nối giáo cho nhau. Và khi đọc cuốn sách của Giu-ni-út thứ nhất, chúng ta luôn tự hỏi rằng phải chăng nó là do một người dân chủ - xã hội mất hết lý trí nào đó viết ra, chứ không phải là chỉ đơn thuần là một tên khiêu khích người Nga viết ra! Giai cấp công nhân Đức sẽ đuổi cổ cả hai tên Giu-ni-út ấy đi. Giai cấp công nhân sẽ tiếp tục kiên trì đấu tranh

chống kẻ thù bên ngoài chừng nào chúng không tỏ ý sẵn sàng ký kết một hoà ước hợp lý, và chống những kẻ thù bên trong muốn làm cho dòng máu Đức quý báu phải đổ vì những kế hoạch xâm lược điên rồ. Đó là chính sách của đảng dân chủ - xã hội, và lịch sử của phong trào công nhân sẽ cảm ơn những lãnh tụ nào, trong những ngày đó, đã rất cương quyết đại biểu cho chính sách ấy trong Quốc hội Đức, bất chấp tất cả những lời công kích và vu khống”.

[[ Hết. Toàn văn bài báo. ]]

“HOÀN TOÀN ĐÚNG”

NB: “**Volksstimme**” (Hem-ni-txo), 1916, số 133 (thứ bảy, ngày 10 tháng Sáu 1916):

“*Hoàn toàn đúng*. Về những nhận xét của chúng tôi về những diễn văn của đồng chí tiến sĩ Lên-sơ về vấn đề thuộc địa, “Bremer Bürger-Zeitung” đã viết:

“Rõ ràng là “**Volksstimme**” ở Hem-ni-txo đã coi việc chấm dứt sự cãi cọ trong đảng là quan trọng. Chắc chắn rằng nó đã đầu cơ triển vọng hợp nhất những người xã hội - ái quốc, những người xã hội - đế quốc và những người xã hội - hoà bình, cái triển vọng sở dĩ có là nhờ thái độ của cánh tả thậm chí cực đoan nhất của phái giữa của đảng. Cơ quan ngôn luận của đảng ở Hem-ni-txo có lẽ không nhằm trong vấn đề này. Còn về phe cấp tiến cánh tả, thì dĩ nhiên là tờ báo đã hoài công hy vọng vào việc nó hợp nhất với những người xã hội - ái quốc”.

Chúng ta có thể khẳng định với tờ báo Brê-mơ rằng ý kiến của nó hoàn toàn đúng. Chúng ta quả đã hết sức coi trọng vấn đề làm sao cho sự cãi cọ trong đảng phải chấm dứt, hoặc ít ra là (sic!) sự cãi cọ ấy được đặt trong những khuôn khổ (sic!) sao cho nó không tạo ra

một nguy cơ nào đó cho sự thống nhất về tổ chức nữa. Đến nay, chúng ta vẫn rất hy vọng rằng những người xã hội – hoà bình – đó là tiếng mà “Bremer Bürger-Zeitung” dùng để gọi nhóm Ha-dơ - Lê-đê-bua – lại hợp nhất với những người xã hội - ái quốc (nghĩa là chúng tôi) và với những người xã hội - đế quốc - đây có ý nói tới các thủ lĩnh công đoàn Lên-sơ, Cu-nốp v.v. – thành đảng dân chủ – xã hội thống nhất và cố kết. Chúng ta thừa biết rằng nhóm Ruy-lê – Kni-phơ sẽ không tán thành như vậy, họ đã tuyên bố rằng *sự chia rẽ trong đảng là tiền đề cho đảng tiếp tục hoạt động* (do tờ “Volksstimme” ở Hem-ni-tơ in ngả). “Nhưng giai cấp vô sản có thể chịu đựng được sự mất mát đó mà tính chiến đấu của nó chẳng vì thế mà sa sút đi”.

((toàn văn bài báo ngắn))

#### “BÁO CÔNG DÂN BRÊ-MƠ”

“NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ ĐỨC VÀ NHÓM “QUỐC TẾ””

“Bremer Bürger-Zeitung”. 1916, số 139, 16. VI. 1916.

“Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức và nhóm “Quốc tế””<sup>62</sup>

Đồng chí Kni-phơ, từ chỗ nghỉ phép, viết về cho chúng tôi:

“Bremer Bürger-Zeitung”, ngày hôm kia, đã in ở bên cạnh lời hiệu triệu của nhóm “Quốc tế”, một chú giải của ban biên tập, có thể tạo khả năng cho việc lan truyền quan điểm sai lầm về quan hệ giữa *những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức* và nhóm “Quốc tế””.

Tác giả viết: chúng tôi đã nhiều lần nói về quan hệ giữa hai nhóm này, đặc biệt là trong số 77 (ngày 31. III.) ở bài xã luận.

Ở đó có thể đọc thấy:

“Phe đối lập gồm có *hai* nhóm khác hẳn nhau về nguyên tắc: *phái giữa của đảng* (Cau-xky... Ha-dơ - Lê-đê-bua... “Die Neue Zeit”... “Leipziger Volkszeitung”, “Vorwärts”)... và *phái cấp tiến cánh tả* gồm... những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức và nhóm “Quốc tế”... (“Lichtstrahlen”, “Bremer Bürger-Zeitung”, “Volksfreund” ở Brao-nơ-svây, “Der Sozialdemokrat” (Stút-ga)), và cả một vài cơ quan ngôn luận ở vùng Ranh, mặc dù không hoàn toàn nhất quán”.

“Volksfreund” ở Brao-nơ-svây là tờ báo cấp tiến cánh tả do Tan-hai-mơ làm chủ bút – hiện nay, do *Vê-đê-mai-ơ* làm chủ bút, “nó đại diện cho quan điểm của phái giữa”.

Trong số 74 (28. III.), “Bremer Bürger-Zeitung” đăng lại (khi vắng mặt Hen-kê) một bài của tờ “Volksfreund” ở Brao-nơ-svây viết rằng tờ báo này đang (và đã) đứng trên lập trường của nhóm “Quốc tế” (và cho rằng “những luận cương chỉ đạo của các lá thư ký tên nhóm “Xpác-ta-cút” trình bày “cương lĩnh sách lược và nguyên tắc” của mình)...

“Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức và nhóm “Quốc tế” như vậy là không giống nhau. Cả hai nhóm đều đại diện cho phái cấp tiến cánh tả, và đặc biệt là về mặt chiến thuật, đều đối lập với phái giữa của đảng và “Phái hợp tác lao động dân chủ – xã hội”. Nhưng trong khi những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức đứng trên lập trường ấy ngay từ đầu, thì nhóm “Quốc tế” chỉ dần dần tách rời phe đối lập tập hợp chung quanh Lê-đê-bua – Ha-dơ. Tờ “Bremer Bürger-Zeitung” lúc đương thời, đã hoan nghênh quá trình ấy, coi đó là một bước làm sáng tỏ (số 74, 28. III.)... Từ đó nhóm “Quốc tế” tiến hành một cuộc đấu tranh gay gắt và cương quyết chống lại “Phái hợp tác lao động dân chủ – xã hội” trong các lá thư ký tên nhóm “Xpác-ta-cút” của mình”

(trích lá thư ký tên nhóm “Xpác-ta-cút” mới đây).

“Về thái độ của mình đối với tài sản tư hữu” (tài sản tư hữu của “Phái hợp tác lao động dân chủ – xã hội” ư??) “những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức và nhóm “Quốc tế”, như đã nói, hoàn toàn đồng ý với nhau, mặc dù họ không đồng ý với nhau trong một số vấn đề khác”

NB

Cả hai nhóm đều hoạt động “trong khuôn khổ” của tổ chức ấy”, “chùng nào mà sự chuyên quyền của bọn quan liêu trong đảng còn chưa khiến cho họ không thể hoạt động được như vậy”...

Theo tác giả, điều đó là quan trọng, vì người ta thường nhầm lẫn và định “xoá nhoà ranh giới giữa phái giữa với phái cấp tiến cánh tả”...

“Hai nhóm đó sẽ còn tiến xa tới đâu trên con đường tổ chức riêng biệt, dĩ nhiên điều đó phụ thuộc hoàn toàn vào sự phát triển của các mối quan hệ trong nội bộ đảng. Dù sao thì để cho rõ ràng, người ta chỉ có thể làm vui mừng thấy rằng hai nhóm đó chính là khác nhau về bề ngoài ở cái tên gọi thôi”. (Hết).

Giô-han Kni-phơ

HEN-KÊ. “KHÔNG ĐỒNG NHẤT, NHƯNG GIỐNG NHAU”

*Ibidem*, số 140 (17. VI. 1916).

Câu trả lời của Hen-kê. “Không đồng nhất, nhưng giống nhau”...

... “Tôi cũng không còn nhớ rằng tôi đã phải đọc được những gì nói về sự khác nhau giữa hai nhóm và về sự thống nhất cao độ của họ trong phe cấp tiến cánh tả. Có lẽ việc thiếu sự quan tâm nào đó đối với các nhóm biệt phái đó đã làm cho trí nhớ của tôi không được tốt như vậy”.

NB

“Còn bản thân tôi thì chẳng thuộc nhóm này hoặc nhóm kia”...

NB

tôi thì bao giờ cũng tuân thủ “các nguyên tắc xã hội chủ nghĩa” etc. etc. v.v. những câu nói trống rỗng, chẳng có gì chính xác cả.

Hen-kê

“THÊM MỘT XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ KHÁC NỮA  
Ở BRÊ-MÔ”

Số 141 (19. VI. 1916) – in lại lời kêu gọi về “Chính sách công nhân” (xuất bản phẩm hàng tuần của phái cấp tiến cánh tả).

TRƯỚC TÁC VIẾT VỀ ĐỘI DÂN CẢNH

*Dân cảnh, quân đội – etc.*

“Đảng dân chủ – xã hội trong quân đội. Cải cách chế độ nghĩa vụ quân sự ở Đức để đấu tranh với chủ nghĩa xã hội”. I-ê-na, 1901 (Stam-gam-mơ III).

Ga-xtôn Mô-sơ. “Quân đội của một quốc gia dân chủ”. Pa-ri, 1899 (bằng tiếng Đức, Stút-ga, 1900).

P. Svéc-tơ. “Người sĩ quan và người dân chủ – xã hội”. Muyn-khen (R. Áp-tơ), 1899? (Stam-gam-mơ III).

Lơ-ben. “Đối phó với đảng dân chủ – xã hội trong quân đội như thế nào?” Béc-lanh, 1906 (xuất bản lần thứ hai 1907).

R. Guyn-tơ. “Nghệ thuật quân sự và đảng dân chủ – xã hội” (“Grenzboten”. 1899, I).

Gi. Sác-mông. “Quân đội và dân chủ” (“Revue politique et parlementaire”. VI. 1900).

“Các quân nhân và đảng dân chủ – xã hội” (“Neue Zürcher Zeitung”, 1907, 17 – 18. IX).

C. Blây-bơ-tơ-roi. “Quân đội của chế độ dân chủ” (“Die Zeit”, Viên, 21. VII. 1900, số 303).

- phôn Mi-cô-xơ*. "Chủ nghĩa xã hội và quân đội". Huyn-xơ, 1907.  
 "Chủ nghĩa xã hội cách mạng trong quân đội Đức". Xuất bản lần thứ 4. Pa-ri (Ây-ten), 1901.
- "Quân đội và những cuộc bãi công". Lô-các-nô, 1906.
- "Quân đội trong lúc có bãi công" (bãi công tháng X. – XI. 1902) của trung úy D. (Pa-ri, 1904) ("Tủ sách xã hội chủ nghĩa", số 23 – 4).
- Ác-tuya *Đích-xơ*. "Đảng dân chủ – xã hội, chủ nghĩa quân phiệt và chính sách thuộc địa ở các cuộc hội nghị của những người xã hội chủ nghĩa". Béc-lanh, 1908.
- Hăng-ri *Bây-li*. "Chủ nghĩa quân phiệt và các phương thức đấu tranh với nó". Ly-ông, 1903.
- Cau-xky. "Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa xã hội ở Anh".  
 "Die Neue Zeit", 18, I (1899 – 1900).
- "Síp-pen và chủ nghĩa quân phiệt". "Die Neue Zeit", 17, I (1898 -9).
- R. *Lúc-xăm-bua*. "Cải cách xã hội hay cách mạng?" (Phụ trương: "Đội dân cảnh và chủ nghĩa quân phiệt"). Lai-pxích, 1899. Xuất bản lần thứ hai 1908.
- Các-xki. "Luật quốc tế và chủ nghĩa quân phiệt". "Die Neue Zeit", 17, 2 (1898/9).
- C. *Lôi-tơ*. "Một nhân vật chống chủ nghĩa quân phiệt (C. Liép-nếch)". "Die Neue Gesellschaft". 1907, 20. III.  
 "Quân đội và cách mạng". *Ibidem*, 1906, 36.
- "*Con chó gác nhà của tư bản*". (Liên đoàn chống chủ nghĩa quân phiệt). *Xuy-rích*, 1906.
- "Lập trường của giai cấp công nhân Thụy-sỹ trong vấn đề quân sự. Biên bản của đại hội đảng". *Ôn-ten* (11. II. 1906). *Xuy-rích*, 1906.
- "Chủ nghĩa quân phiệt và đảng dân chủ – xã hội". "Die Neue Zeit", 19, 2 (1900 – 1).
- Xki-a-vi*. "Chủ nghĩa quân phiệt và những người xã hội chủ nghĩa Ý". "*Le Mouvement Socialiste*". 1903, số 113.

- C. *Ê-mi-lơ*. "Chủ nghĩa chống quân phiệt". "Die Neue Zeit", 25, 2 (1907).  
 "Các đảng tư sản và chủ nghĩa quân phiệt". "Die Neue Zeit", 25, 2 (1907).
- Pi-e Ra-muyt*. "Sự phát triển lịch sử của chủ nghĩa chống quân phiệt". ("Kultur und Fortschritt", 153.) Lai-pxích, 1908.
- Đvi-mích. "Các nạn nhân của chủ nghĩa quân phiệt". "Die Neue Zeit", 18, 2 (1899 – 1900).
- E. *Van-tơ*. "Tổ chức quân sự và giai cấp công nhân". *Xuy-rích*, 1907.
- C. Liép-nếch. "Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa chống quân phiệt". Lai-pxích, 1907.

## LÊN-SƠ VIẾT VỀ ĐỘI DÂN CẢNH (1912)

- P. *Lên-sơ*. "Đội dân cảnh và giải trừ quân bị". "Die Neue Zeit", 1912 (30, 2).

?? || – ngoài ra, có một câu như sau: "Hệ thống dân cảnh là tổ chức vũ trang của một nhà nước dân chủ nhằm bảo đảm an ninh trong và ngoài nước. Đối với các cuộc chiến tranh xâm lược, đội dân cảnh là hoàn toàn không thích hợp, và chính vì vậy chúng ta tán thành đội dân cảnh" (tr. 768).

Ở đây cũng có một câu trích dẫn lời Ăng-ghe-n, 1865 (phải chép ra), nói rằng công nhân không cần biết rằng quốc gia lớn nào sẽ thắng, nhưng cần biết rằng mình có được học quân sự hay không.

ĂNG-GHEN VIẾT  
VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN Ở ANH <sup>63</sup>

Cũng trong bài báo này, có trích dẫn lời *Ăng-ghe-n* (rõ ràng là trích từ lời tựa viết cho cuốn sách "Tình cảnh

giai cấp công nhân", tái bản) (tr. XXIII ở cuốn "Tình cảnh", xuất bản lần thứ 2).

"Chừng nào chế độ độc quyền công nghiệp của Anh còn tồn tại, thì giai cấp công nhân Anh, trong một chừng mực nhất định, vẫn tham dự vào những lợi ích của chế độ độc quyền đó. Những lợi ích ấy được phân chia rất không đồng đều giữa công nhân: phần lớn nhất rơi vào tay thiểu số có đặc quyền đặc lợi, nhưng thỉnh thoảng đông đảo quần chúng cũng được một cái gì đó. Chính vì vậy mà khi chủ nghĩa Ô-oen tiêu vong thì ở Anh không có chủ nghĩa xã hội nữa. Cùng với sự sụp đổ của chế độ độc quyền công nghiệp Anh, giai cấp công nhân Anh cũng sẽ mất địa vị đặc quyền của mình. Sẽ tới ngày toàn thể giai cấp công nhân Anh, kể cả thiểu số lãnh đạo và có đặc quyền đặc lợi, ở vào mức độ giống như công nhân các nước khác. Và chính vì vậy, chủ nghĩa xã hội sẽ lại xuất hiện ở Anh" <sup>1)</sup>.

Ăng-ghen  
viết về giai  
cấp công  
nhân và  
những độc  
quyền của  
Anh

Ăng-ghen  
viết về chủ  
nghĩa xã hội  
Anh

#### BUYÉC-CLI. "VIỆC DÂN CHỦ HOÁ CHẾ ĐỘ QUÂN ĐỘI CỦA CHÚNG TA"

Các-lơ Buyéc-clip. "Việc dân chủ hoá chế độ quân đội của chúng ta". Xuy-rích, 1897. (Báo cáo ngày 15. XI. 1896 tại đại hội đảng dân chủ – xã hội ở Vin-téc-tua).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 219 - 220.

Ngay từ đầu (tr. 5): giai cấp tư sản (Thuy-sĩ) "chỉ đưa tới việc bắt chước ở một trình độ thấp hơn, chủ nghĩa quân phiệt quân chủ; nó vẫn luôn luôn mong muốn bắt chước nước ngoài, muốn đưa vào trong nước ta một loại chủ nghĩa Phổ mới nào đó".

NB  
ngay từ  
1896

CAU-XKY 1910 và 1912

CAU-XKY. "ĐẠI HỘI CÔ-PEN-HA-GƠ"

"Die Neue Zeit", 1910 (28, 2) (26. VIII. 1910).

C. Cau-xky. "Đại hội Cô-pen-ha-gơ"

tr. 776: "Nếu chiến tranh nổ ra giữa Đức và Anh thì vấn đề sẽ không phải là chế độ dân chủ, mà là sự thống trị thế giới, nghĩa là việc bóc lột thế giới. Đó chẳng phải là vấn đề trong đó những người dân chủ – xã hội sẽ phải đứng về phía những kẻ bóc lột dân tộc mình" (và sau đó (và trước đó) trực tiếp chống lại Hen-đman).

NB

So sánh với chính lời nói của ông ta ở XXIII, 2 (về chủ nghĩa yêu nước và chiến tranh) <sup>1)</sup>.

CAU-XKY. "MỘT LẦN NỮA GIẢI TRỪ QUÂN BỊ"

C. Cau-xky, 1912 (30, 2), 6. IX. 1912, bài báo "Một lần nữa giải trừ quân bị", tr. 851:

"Điểm xuất phát của tư tưởng và danh từ chủ nghĩa đế quốc – tức là sự hợp nhất tất cả các bộ phận cấu thành của những lãnh thổ thuộc Anh thành một quốc gia khổng lồ khép kín, thành một đế quốc, – điểm xuất phát ấy,

!!

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 756 – 757.



trong những năm gần đây, hoàn toàn đã bị đẩy lùi về phía sau và có thể được coi là bị vứt bỏ trong thực tế". | ha ha!!!

tr. 850 – 851: chủ nghĩa đế quốc không phải là một "nguyên vọng tự nhiên, tất yếu" của tư bản muốn bành trướng etc., mà chỉ là một "phương thức đặc biệt" – đó là: bạo lực.

### CAU-XKY VIẾT VỀ TÔN GIÁO<sup>64</sup>

C. *Cau-xky* viết về tôn giáo. Ngoài ra, tr. 353: Về vấn đề tôn giáo thì "nhà tuyên truyền của chúng ta phải trả lời rằng ở các hội nghị của đảng ta, vấn đề ấy không được đặt ra và cũng không được giải đáp, vì chúng ta muốn tôn giáo là việc riêng của mỗi người, còn đối với nhà nước thì chúng ta đòi *cả* nó cũng phải nhìn nhận vấn đề tôn giáo như vậy"...

[đầu óc tầm thường!]

!!??  
Cau-xky  
viết về  
*tôn giáo*

### NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHỮNG NGƯỜI DA ĐEN Ở MỸ<sup>65</sup>

*Đảng xã hội chủ nghĩa và những người da đen ở Mỹ: tr. 382 – 3: "Công nhân công nghiệp thế giới"*<sup>66</sup> ủng hộ người da đen. Thái độ của Đảng xã hội chủ nghĩa "không hoàn toàn nhất trí". Chỉ có độc một lời kêu gọi ủng hộ người da đen vào năm 1901. Chỉ có thể thôi!!!

thái độ đối  
với người  
da đen  
NB:  
những người  
xã hội chủ  
nghĩa và  
người da đen:

*những người  
da đen và  
những người  
xã hội  
chủ nghĩa!!*

Ibidem, tr. 592: trong bang Mít-xi-xi-pi, những người xã hội chủ nghĩa tổ chức người da đen thành "các nhóm địa phương đặc biệt"!!

### CHỈ DẪN THỦ MỤC

"Die Neue Zeit", 32, 1 (1913 – 14).

*Ăng-ghen*. "Bàn về quyền uy". *Mác*. "Chủ nghĩa bành trướng chính trị"<sup>67</sup>.

Ri-a-da-nốp chống Brúp-ba-khơ (và Mê-rinh là người ủng hộ ông ta)

NB "**Phong trào đòi thoát ly nhà thờ**": một loạt bài báo.

"Die Neue Zeit", 30, 2 (1912, IV. - IX.) Những bài báo của Cau-xky (và Lên-sơ) về đội dân cảnh và "giải trừ quân bị".

Ibidem *Grim* nói về đội dân cảnh Thụy-sĩ.

28, 2 (C. Cau-xky viết về Đại hội *Cô-pen-ha-gơ 1910* và "việc giải trừ quân bị". Idem Rốt-stanh).

29, 1: Rốt-stanh chống Hen-đman.

29, 2: Quen-sơ cũng về đề tài đó.

### BEN-PHO-BÁC-XƠ VIẾT VỀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC (1900)

"Die Neue Zeit", XIX, 1 (1900 – 1) (21. XI. 1900), tr. 247.

NB: 1900 *Ben-pho-Bác-xơ*. "Một kết luận sai lầm lan truyền rộng rãi".

"Một trong những sai lầm rất thông thường mà người ta hay vấp phải khi thảo luận các vấn đề về *chủ nghĩa đế quốc* để quố*c và chính sách thực dân mới*, rõ

ràng đã ăn sâu vào đầu óc của một số người xã hội chủ nghĩa"... Và sau đó tác giả phân tích lý lẽ của những người *ủng hộ* chính sách thực dân chỉ vì tính chất tiến bộ của chủ nghĩa tư bản. Bác-xơ đã bác bỏ các lý lẽ ấy...

... "*Chủ nghĩa đế quốc tư bản - dân tộc* - đó là câu trả lời của chủ nghĩa tư bản cho phong trào dân chủ - xã hội quốc tế... Lịch sử thế giới hiện nay đứng trước một bước ngoặt - hoặc là **chủ nghĩa đế quốc tư bản - dân tộc**, hoặc là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa - quốc tế!"...

... Hệ thống kinh tế hiện đại... (trong chừng mực nó lan ra những phạm vi hoạt động mới)... "được kéo dài sự tồn tại của mình một cách nhân tạo"...

nói về chủ nghĩa đế quốc

nhân tiện nói về bút chiến giữa Béc-stanh và Cau-xky. Béc-stanh nhắc lại rằng ngay từ năm 1896/7, Ben-pho - Bác-xơ đã chỉ trích Béc-stanh, mà Cau-xky, theo tác giả, lúc đó lại *ủng hộ* Béc-stanh. Cau-xky trả lời rằng khi ấy Bác-xơ đã đi tới mức nói rằng "thà chịu chế độ nô lệ còn hơn là chủ nghĩa tư bản" - nói nguyên văn như thế - và về phần tôi thì cả lúc đó lẫn bây giờ, tôi đều không tán thành Bác-xơ *về điểm ấy* vì coi đó là "chủ nghĩa không tưởng tình cảm". Nhưng tôi vẫn luôn luôn *phản đối* chính sách thực dân.

xem "**Die Neue Zeit**", XIX, 1 (1901), tr. 804: *N. B. M. Be-rơ* viết về sự tan rã của nước Anh và về *chủ nghĩa đế quốc*. "**Die Neue Zeit**", XX, 1, tr. 209: "Chủ nghĩa đế quốc xã hội" (phái Pha-biêng), tr. 243, "kỷ nguyên chủ nghĩa đế quốc - xã hội".

## VỀ ĐÉP-XƠ

về Đép-xơ

"*Die Neue Zeit*", 1913 - 4, 32, 1, tr. 1007 - 8. *Đép-xơ* trong bài "*Bình luận xã hội chủ nghĩa quốc tế*" (1913, tháng Ba) *ủng hộ* sự thống nhất giữa Đảng xã hội chủ nghĩa + Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa<sup>68</sup> (Đép-xơ là người sáng lập ra liên minh "*Công nhân công nghiệp thế giới*") với liên minh "Công nhân công nghiệp thế giới" chống lại Liên đoàn lao động Mỹ. Từ "*New Yorker Volkszeitung*", 7. III. 1913 diên cuồng chống lại Đép-xơ, nó lên án Đép-xơ là lạm dụng "đặc quyền của mình nói những điều ngu xuẩn" (sic!), nó tuyên bố rằng "Công nhân công nghiệp thế giới" = số không, rằng Liên đoàn lao động Mỹ = "phong trào công nhân Mỹ" và nó cho rằng "không thể "giáo dục tinh thần tiến bộ" cho phong trào công nhân của một nước bằng cách thành lập cái gọi là các tổ chức cách mạng có những cương lĩnh cấp tiến" (sic!)... (Rõ ràng ở đó là một cảnh thường thấy: "*New York Volkszeitung*" = "phái chính thống", những người tán thành Cau-xky, còn *Đép-xơ* là một nhà cách mạng, nhưng không có lý luận rõ ràng, không phải là người mác-xít.)

## CÔNG NHÂN Ý VÀ BA-LAN Ở THUY-SĨ

I. *Lô-ren-txơ*. "Bàn về vấn đề người Ý ở Thụy-sĩ". *Xuy-rích?*

" "Công nhân Ba-lan ở Thụy-sĩ". *Xuy-rích*, 1910.

Chỉ dẫn thư mục. Có một cuộc nổi loạn của người Ý ở *Xuy-rích* 26 - 29. VII. 1896.

Số lượng những người Ý: 1860 – 9 nghìn  
1870 – 18  
1900 – 117

Đói khổ cùng cực. Ví dụ: *50 người ở 3 phòng!!* (tr. 16).  
Ngủ một đêm trong các góc nhà, trên các tấm phản phải trả 10 – 20 xăng-tim etc.

năm 1910 – 400 người. Đói khổ cùng cực.	} (xem bài của cũng tác giả ấy trong tờ "Neues Leben", 1916, 1
Trả 1. <sub>50</sub> – 1. <sub>60</sub> phrăng một ngày và chủ nuôi cơm	
thường có cả "đánh đập" (tr. 11)	

#### PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở CA-NA-ĐA

*Phong trào công nhân ở Ca-na-đa ("đã tư sản hoá")*

... "Bộ phận lãnh nghề của *giai cấp công nhân*, đặc biệt là những người nói tiếng Anh, đã hoàn toàn tư sản hoá. Quan điểm của họ về các công đoàn vẫn còn hoàn toàn trùng hợp với quan điểm của các đoàn viên cũ thiển cận của các công liên ở Anh. Thêm vào đó, về mặt tinh thần, họ còn hoàn toàn nằm dưới quyền lực của nhà thờ. Bị coi là "kẻ ly khai" - đó là điều nhục nhã nhất, "được tôn kính" - đó là vinh dự cao nhất". Đã có một sự đối khác: tinh thần bất mãn... giá cả tăng vọt. "Hiện nay, trên thực tế, 42 người nắm trong tay hơn 1/3 tổng số tài sản của đất nước"... Giai cấp tiểu tư sản, đặc biệt là trong nông thôn, phản đối các tư-rốt. ("Die Neue

Phong trào công nhân (đã tư sản hoá) ở Ca-na-đa.

42 người...  
1/3 tổng số tài sản

Zeit", 1913 - 4, 32, I, tr. 382, thuật lại bài báo của Gu-xta-vơ May-ơ: "Sự bất mãn của nông dân ở Ca-na-đa" đăng trên tờ "The New Review", 1913, tháng Chín.)

Nam Phi

"lãnh tụ của công nhân", những người công liên chủ nghĩa cũ, hẹp hòi, nhấn tâm

Ibidem, tr. 384, nói về Nam Phi ("Ran-đơ"). Công nhân là người Trung-quốc, Ca-phơ và những người da trắng (người da trắng bị bản cùng hoá vì chiến tranh Bô-ê). Những hành động đê tiện không kể xiết của bọn tư bản Anh, chủ các mỏ và chính phủ. Cuộc đấu tranh giai cấp của *tất cả* công nhân làm thuê phát triển dần dần lên, nhưng chậm chạp "chủ yếu là vì sự do dự, hẹp hòi và nhấn tâm của những lãnh tụ công nhân còn hoàn toàn phụ thuộc vào chủ nghĩa công liên cũ" (trích "The International Socialist Review", 1913, tháng Mười, bài thuật lại).

#### LÍT-XA-GA-RAY. "LỊCH SỬ CÔNG XÃ 1871"

Lít-xa-ga-ray. "Lịch sử công xã". 1894, tr. 193 (đề từ cho chương 17): "Nếu dân tộc Pháp chỉ gồm toàn phụ nữ, thì đó là một dân tộc ghê gớm biết bao". "The Daily News", tháng Năm 1871. NB

Đạo luật quân sự mới của Thuỵ-sĩ được thông qua ngày 3. XI. 1907: + 329 953  
- 267 605

## ĐỘC QUYỀN VÀ KỸ THUẬT

Các tờ-rót, độc quyền và kỹ thuật:

“Các tổ chức độc quyền kìm hãm nhiều hơn là đẩy nhanh sự hoàn thiện kỹ thuật ấy, chỉ có sự hoàn thiện này mới bảo đảm sự phát triển của những năng lực xuất khẩu” (“Die Neue Zeit”, 32, I, 1913 – 4, tr. 383, thuật lại bài báo của Lu-i C. Phrai-na. “Sự tích tụ, độc quyền, cạnh tranh: một xu hướng mới trong nền kinh tế quốc dân”, trên tờ “The New Review” (Niu-Oóc) (1913, tháng 9)).

LÊN-SƠ. “ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI,  
SỰ CÁO CHUNG CỦA NÓ  
VÀ NHỮNG THÀNH TỰU CỦA NÓ”

**P. Lên-sơ.** “Đảng dân chủ - xã hội, sự cáo chung của nó và những thành tựu của nó”. Lai-pxích (Hin-txê), 1916 (lời tựa ngày 22. V. 1916).

tr. 11 – 12. Mác chỉ biết “chế nhạo” “những quan niệm đầy thiện ý” như là việc giải trừ quân bị, “quyền tự quyết”<sup>1)</sup> của các dân tộc” etc.

(tr. 41: “bệnh giáo điều tiểu tư sản cũ”)

tr. 15 – – từ những năm 90, đảng dân chủ – xã hội “đần độn vứt bỏ tất cả những gì là biệt phái”... (mất hy vọng về sự thống trị hàng nghìn năm etc.)... “biệt phái”

Mọi người đều xuất phát từ quan điểm “tuyên truyền” (17)... để đánh giá “thời kỳ phấn chấn” của Đảng dân chủ - xã hội Đức... (ngay từ năm 1889 với nghị quyết về 1. V.).

<sup>1)</sup> Chữ “tự quyết” trong bản thảo có một mũi tên nối liền với dòng chữ viết thêm về sau như sau: “(tr. 41: “bệnh giáo điều tiểu tư sản cũ”)

Sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc – cuối thế kỷ 19 – ở Anh, Pháp và Đức cũng vậy (26 – 27)...

ha ha!! Sự phát triển của chủ nghĩa xét lại: cả hai khuynh hướng (cả chủ nghĩa xét lại lẫn chủ nghĩa cấp tiến) đều cần thiết và có ích (31 – 5)...

Mác và Ăng-ghen không phải là “những người tiểu tư sản đa cảm”: “Hai ông hiểu rằng trong chiến tranh thì phải bắn một chút” (39)...

62 - 68. Lẽ ra phải bỏ phiếu ngày 4 tháng Tám chống ngân sách (trên thực tế có lẽ mọi chuyện đều như vậy), và tán thành ngày 2. XII. 1914, vì người Pháp và người Anh đã vi phạm chủ nghĩa quốc tế. [Đồ bịp bợm!!]

Điều đó làm giảm bớt lòng căm thù quốc tế đối với người Đức và do đó đẩy mạnh sự nghiệp dân tộc của người Đức: 69 - 70.

Chà! đồ bịp bợm quá sá!!!

ha ha!!! “Sự phá sản của Quốc tế” (chương 3) – là do chỗ người Pháp và người Anh tán thành chiến tranh (sic!!).

Tất nhiên, sẽ có một Quốc tế III, chỉ có điều là nó “ít ảo tưởng hơn” (112) và nhận thức rõ hơn về “cơ sở kinh tế” của mình...

sic! “Giai cấp vô sản nước này hay nước khác càng trưởng thành bao nhiêu, thì trong chiến tranh nó càng tích cực bấy nhiêu” (113) – luận điểm đó của Ran-ơ là “không đúng”, vì không phải “sự trưởng thành” là nguyên nhân của thái độ ở Anh và Pháp, mà chính là cuộc đấu tranh chống nước Đức để giành quyền thống trị thế giới mới là nguyên nhân đó.

Những công nhân Anh bảo vệ vị trí đặc biệt (độc quyền) của mình và những đặc quyền đặc lợi của mình (114 - 5)...

Tầng lớp quý tộc (115) của giai cấp vô sản Anh.

Nói về sự đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân thì còn "quá sớm" (117), chừng nào vẫn còn các dân tộc đi bóc lột, vẫn chưa có "sự cân bằng" giữa "các cường quốc" (116)...

và "tập phiếu ghi những nguyện vọng chính đáng" (quyền tự quyết (tiểu tư sản etc.), phản đối sự thôn tính etc.) – là mơ hồ và không đếm xỉa tới nhiệm vụ cụ thể (121) của chiến tranh là bẻ gãy "sự thống trị giai cấp" (114) (+ 122) của Anh, sự độc quyền của nó (122), "vị trí đặc biệt của nó" (120)...

– đây là một "cuộc cách mạng" (123 và lời tựa), cuộc chiến tranh hiện tại chính là như thế đó!! "sự phát triển của giai cấp ấy" (vô sản) "mặc dù diễn ra dưới tiếng sấm của cuộc chiến tranh cách mạng thế giới, nhưng lại không có làn chớp của nội chiến cách mạng"... (124) (do tác giả viết ngả).

"Sự lung lay của sự thống trị thế giới của Anh" = cách mạng.

những tàu ngầm và các khinh khí cầu (125)... "bước đầu sự cáo chung" ưu thế của Anh (126) (sau này vai trò của chúng sẽ còn quan trọng hơn nữa, khi chiến tranh chấm dứt)

131 – Trong 3 - 4 chục năm cuối của thế kỷ 19, Anh còn thêm 15 triệu km<sup>2</sup> vào thuộc địa của mình thêm 15 triệu

xem những số liệu của tôi<sup>1)</sup>

Anh + Pháp + Nga =

NB | NB | "xanh-đi-ca để phân chia thế giới" (132) ha ha  
và ở các chỗ khác) nhằm mục đích cách diễn  
"weltpolitisch aushungern" Đức<sup>2)</sup> (132). đạt!!

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 295.

<sup>2)</sup> Một cách nói không thể dịch được. Nguyên văn là: "làm cho nước Đức chết đói về mặt chính sách thế giới", nghĩa là o ép cho đến mức Đức phải quy phục bằng cách tước bỏ của Đức khả năng tiến hành chính sách thế giới.

175: gần một nửa giai cấp công nhân Anh không có quyền bầu cử.

!!! )) "Nguyên tắc tổ chức" - đó là thực chất của lịch sử Phổ. Sức mạnh của Đức bắt nguồn từ đây. Đức là gần nhất với "cách mạng xã hội" (184), nó là "nguyên tắc cách mạng", Anh là nguyên tắc "phản động".

186: "Chuyến đi thăm tượng trưng nhà của công đoàn Béc-lanh"... (chính phủ đã công nhận vai trò của công đoàn). (Khen ngợi các lãnh tụ công đoàn) (185 - 6).

188 - Đó là cái mà tôi gọi là "chủ nghĩa xã hội quân sự", và từ này đã "được quốc tế công nhận".

195: Những chi phí mới (4 tỷ một năm) sau chiến tranh nhất định sẽ dẫn tới việc xã hội hoá và độc quyền.

198: "Dân chủ hoá các tổ chức quân đội" – do đó... = "vũ trang cho nhân dân" (204) = ý nghĩa của cương lĩnh "dân chủ - xã hội của chúng ta".

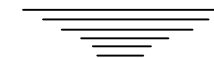
209 - 210 — — thiếu số trong đảng Đức là phản động theo ý nghĩa lịch sử và vì vậy, số phận của thiếu số đó là: "chủ nghĩa không có khả năng và những lời ba hoa biệt phái".

Đảng dân chủ - xã hội từ nay trở đi, sẽ ít hẹp hòi hơn; "trí thức", và thậm chí cả sĩ quan, sẽ quay trở về với đảng (212).

Nhà nước sẽ công nhận sự cần thiết phải có đảng ấy và sẽ nhận cho những người dân chủ - xã hội vào hàng ngũ sĩ quan (!!).

NB ||| Khi đảng dân chủ - xã hội "phát động" công nhân thì đã phát động họ về mặt dân tộc (215 in fine) ("sự phát động dân tộc")

(= "đảng dân chủ - xã hội là đảng mang tính dân tộc nhiều nhất trong tất cả các đảng") (216).



ở đâu đâu người ta cũng chơi chữ “biện chứng”, hiểu theo nghĩa tầm thường nhất. Chẳng có tí gì là toàn diện cả. Chỉ có một điều *được rút ra* theo kiểu **ngụy biện**: Phải phá vỡ sự thống trị thế giới của Anh.

Chẳng phải  
biện chứng,  
mà là ngụy  
biện

PE-RANH ĐƠ BÚT-XÁC. “VỀ QUÂN ĐỘI THUỘC ĐỊA”  
VÀ “THƯ MỤC LAO ĐỘNG”

*Pe-ranh đơ Bút-xác*. “Về quân đội thuộc địa”. Luận án. Pa-ri, 1901. Nil. Một công trình non nớt. Trích dẫn *đơ La-nét-xăng*. “Các nguyên tắc chiếm thuộc địa” – vai trò của người lính trong quân đội thuộc địa, với tư cách là một tên thực dân, một người làm nông nghiệp, một **chủ ruộng** etc. ((NB: biến người lính của quân đội thuộc địa thành tên địa chủ ở thuộc địa: *tiên đồ!!*))

“*Thư mục lao động*”. 1913. Bô-xton, 1914: || NB  
150 trang thư mục rất *chi tiết* và rất tốt. || NB:  
NB

“TIẾNG NÓI CỦA NHÂN DÂN” Ở HEM-NI-TXƠ  
“PHẢN ĐẢNG LÀ PHẢN QUỐC”

“Volksstimme” (Hem-ni-txơ) số 156 (phụ  
trương I), 8. VII. 1916,  
bài báo: “*Phản đảng là phản quốc*”.  
“Đã mấy tháng liền, trong *nhiều truyền  
đơn nặc danh*, người ta đã tuôn ra  
những lời buộc tội theo đủ mọi giọng kể cả cái  
giọng “*chó đẻ*”, nhằm lên án những lãnh  
tụ được bầu ra và có kinh nghiệm của đảng và

NB: những  
lời thú nhận  
quý báu

công đoàn là đã bán và phản bội giai cấp vô sản trong thời kỳ cuộc khủng hoảng lớn của lịch sử thế giới mà đỉnh cao đối với chính sách của đảng rõ ràng là ngày 4 tháng Tám 1914. Khi đọc chỗ đó, lúc đầu người ta còn cười. Nhưng những thảm hoạ của chiến tranh càng bộc lộ rõ ra, số nạn nhân càng nhiều, tình trạng thiếu lương thực càng lớn và hy vọng hoà bình càng ít đi vì sự ngoan cố của đối phương trong việc thực hiện những kế hoạch huỷ diệt của chúng thì càng có nhiều người sẵn lòng tin vào lời vu khống bản thủ đó”.

“càng”

Giọng nói “chó đẻ” – rõ ràng là ám chỉ cách nói trong một tờ truyền đơn nói rằng có thể phải dùng “roi đánh chó” để đối xử với bọn xã hội - đế quốc!

“Vi sao Sai-đê-man, Đa-vít, Lan-xbéc lại phản bội giai cấp vô sản, để được trả công thế nào, - điều này cho tới nay người ta không hề nói cho chúng ta biết rõ”... Nhưng không phải vì địa vị trong đảng: “việc phủ quyết ngân sách thì chẳng có gì nguy hiểm cho sinh mệnh cả”... Phản bội ở *chỗ nào*, điều đó lại càng mù mịt khó hiểu hơn vì đó chính là quan điểm của họ, là sự đánh giá của họ về các sự kiện... “Vi thế, lời trách cứ là phản bội là hoàn toàn không có nghĩa gì hết”.

“Nhưng đối với đảng, lời trách cứ ấy là vô cùng nguy hại. Người ta có thể nghi ngờ và tranh luận với nhau về ý nghĩ của quần chúng đảng viên về điều ấy. Nhưng không còn *một chút* nghi ngờ nào rằng bây giờ ít nhất là  $\frac{3}{4}$  số người mà giai cấp vô sản đã chọn làm lãnh tụ vào thời

binh vì công lao của họ, coi việc bỏ phiếu tán thành ngân sách là đúng và cần thiết. Kết quả là hơn 90 trong số 110 đại biểu dân chủ – xã hội trong Quốc hội Đức dường như đã phản bội vào ngày 4. VIII., và hơn  $\frac{3}{4}$  lãnh tụ và cán bộ đảng vẫn còn phản bội cho đến tận bây giờ. Nếu đó là sự thật, thì thông minh nhất là để cho đảng tự sát và bỏ nó vào quan tài càng nhanh càng tốt và đem chôn nó đi. Bởi vì nếu sau 50 năm làm công tác tổ chức, giai cấp vô sản chỉ toàn có những lãnh tụ phản bội, thì đó là một bằng cứ xác đáng không ai bác bỏ được chứng minh rằng giai cấp vô sản chẳng có năng lực gì về chính trị và suốt đời sẽ chỉ bị đánh lừa. Còn có thể rút ra kết luận nào khác nữa? Có thể đuổi cổ tất cả các lãnh tụ cũ đi và chọn những người mới để thay họ, nhưng không có gì đảm bảo rằng đến cuộc khủng hoảng lớn, tiếp sau đây, những lãnh tụ mới ấy lại không phản bội"... Vì nhiều người cấp tiến cực đoan đã tán thành ngày 4 tháng Tám (Phan-cúc, Ê-béc v.v.)... "Như vậy thì có thể bảo đảm gì với công nhân rằng nếu những người đó phản bội, thì những người thừa kế họ, rút cục lại, sẽ đều không phản bội?"

Hiện nay, – ông ta viết, – những tờ truyền đơn nặc danh đã đi tới chỗ công khai kêu gọi bãi công trong ngành công nghiệp quân sự. Như thế = phản quốc.

"Vì, không cần phải nói thì ai cũng biết rằng tư tưởng về một cuộc bãi công có tính chất quần chúng đó sẽ không có một chút tác dụng thực tiễn nào đối với cả những người Pháp dân tộc chủ nghĩa cuồng tín, lẫn những người Anh kiêu ngạo"...

hãy so sánh  
với Mác-tốp  
trong tờ  
"Tin tức"  
etc.

Chắc chắn rằng đó không phải là những người dân chủ - xã hội, mà là *những tên điên* hoặc *những tên khiêu khích Anh - Nga*... Điều này "không chân thực và không yêu nước" đến mức chúng ta sẽ không bao giờ có thể có một cái gì chung với những loại người tương tự như thế v.v..

"BÁO NHÂN DÂN LAI-PXÍCH"<sup>69</sup>

"Leipziger Volkszeitung", 10. VII. 1916.

CÔNG TÁC ĐẢNG

"Phản đảng là phản quốc".

Tờ "Volksstimme" ở Hem-ni-tơ đặt đầu đề như vậy cho một bài báo kịch liệt phê phán lời buộc tội "mà người ta đã tuôn ra trong nhiều truyền đơn nặc danh và theo đủ mọi giọng, kể cả cái giọng "chó đẩu", nhằm lên án những lãnh tụ được bầu ra và có kinh nghiệm của đảng và công đoàn" là phản đảng.

Sau sự biện hộ ấy là việc công kích. Trong phần thứ hai của bài báo, người ta nói về "tội phản quốc". Bài báo viết:

"Đồng thời, những truyền đơn nặc danh đã trở thành một sự công khai phản bội tổ quốc. Dĩ nhiên là chúng ta không nói về Các-ơ Liép-nếch, người mà chẳng hiểu trên cơ sở pháp lý nào lại bị toà án quân sự muốn trừng trị về tội phản quốc, nhưng thái độ của Liép-nếch thì trong mọi trường hợp chẳng có gì là giống với tội phản quốc, như nhân dân vẫn hiểu, – ở đây, chúng tôi muốn nói tới một tội phản quốc không

NB

xem  
Mác-tốp!!

sic!!

thể chối cãi được. Như tờ "Hamburger Echo" đưa tin, hiện nay trong tầng lớp công nhân, đang lưu hành, bằng những con đường nào đó không rõ, một tờ truyền đơn kêu gọi tổng bãi công trong công nghiệp quốc phòng<sup>1)</sup>. Dưới khẩu hiệu "đả đảo chiến tranh!", tờ truyền đơn kêu gọi "hành động theo kiểu mới" và đã dùng những ví dụ rõ ràng để nói rằng phải hiểu đó là bãi công có tính chất quần chúng. Như thế nghĩa là ngay trong khi ở ngoài mặt trận, kẻ địch điên cuồng mở các cuộc tấn công, lấy sắt thép chôn vùi những người lính Đức thì người ta lại muốn làm cho pháo binh Đức không có đạn; mặc cho bộ binh Đức không được pháo binh yểm trợ, chết dần vì bom đạn địch, mặc cho những người vô sản Đức trong quân ngũ bị hy sinh. Vì không cần phải nói thì ai cũng thấy rằng tư tưởng về một cuộc bãi công có tính chất quần chúng đó sẽ không có một chút tác dụng thực tế nào đối với cả những người Pháp dân tộc chủ nghĩa cuồng tín, lẫn những người Anh kiều ngạo.

Như vậy là luận điệu tuyên truyền ấy chỉ là phản quốc, phản các đồng chí cùng giai cấp của chúng ta đang ở trong quân đội, và chúng tôi rất muốn biết các đồng chí ở ngoài mặt trận sẽ nói gì về điều khinh suất ấy.

Chúng tôi tin chắc rằng chính giai cấp công nhân Đức sẽ trả lời một cách thoả đáng cho những kẻ đưa ra với họ những yêu cầu kiểu ấy. Như trên đã nói, những truyền đơn này đều là nặc danh; chúng tôi không biết rằng có phải những truyền đơn ấy là do những tên điên hoặc những tên khiêu khích Anh - Nga viết ra hay không. Không bao giờ chúng lại có thể do những người dân chủ - xã hội viết ra. Ai đồng ý ủng hộ luận điệu tuyên truyền kiểu đó, mặc dù ủng hộ một cách tiêu cực, thì người ấy cũng sẽ vĩnh viễn không còn tồn tại nữa đối với Đảng dân chủ - xã hội Đức. Bởi vì luận điệu tuyên truyền đó là không chân thực và không yêu nước, và tất nhiên ta sẽ tuyệt đối không thể có gì là chung với con người đã sa ngã đến mức đó.

Nhưng chỉ riêng việc hiện tượng ấy có thể xảy ra cũng đủ để chứng tỏ rằng loại truyền đơn nặc danh ấy có thể dẫn tới đâu. Nó bắt đầu bằng những lời chửi rủa trắng trợn đến nỗi các tác giả không dám chịu trách nhiệm về những lời đó trước các đồng chí của mình ở trong đảng, còn bây giờ, loại truyền đơn đó đã thoái hoá tới mức trở thành một công việc khiêu khích như thế đấy. Lúc đầu là những lời hò hét về tội phản đảng, còn bây giờ, đó là phản quốc công khai! Đã tới lúc

<sup>1)</sup> Các chữ ở đây và ở các chỗ dưới đây là do tác giả bài báo viết ngả.

phải dứt khoát thanh toán nó. Trong thời buổi này, ai muốn nói điều gì thì người ấy phải dũng cảm nhận trách nhiệm về lời mình nói. Nếu không thì phải chẳng ít ra những người ấy cũng quá hèn nhát không dám chịu nguy cơ bị truy bức trong khi hàng vạn người khác dám hy sinh tính mạng để bảo vệ sự nghiệp của mình? Hơn nữa, nặc danh cũng sẽ chẳng cứu vớt được những kẻ phân phát truyền đơn không ký tên; nếu người ta tóm được họ thì tất nhiên là họ sẽ bị trừng phạt nặng nề nhất.

Bây giờ việc tuyên truyền nặc danh đó hoàn toàn rõ ràng là nguy hiểm. Nó làm cho người ta không thể phân biệt được những sai lầm chân thật với sự phản bội như nhuốc đối với tổ quốc, một sự phản bội có lẽ do ngoại bang trả tiền. Vì vậy, chúng tôi kêu gọi các đồng chí trong đảng hãy từ bỏ những truyền đơn nặc danh ấy. Những truyền đơn ấy là cái màn che cho những kẻ muốn nhận chìm nhân dân Đức và trước hết là giai cấp vô sản Đức vào tai họa. Hãy cảnh giác với bọn khiêu khích!

Chúng tôi cho rằng cần phải ghi lại những suy nghĩ ấy để cho độc giả biết rằng "Hamburger Echo" và "Volksstimme" ở Hem-ni-tơ coi nhiệm vụ trước mắt là gì. Nếu về thực chất, cả hai tờ báo đó phản đối những kẻ phân phát truyền đơn, thì đó là quyền chính đáng của họ, nhưng nếu họ tuyên bố âm ỉ lên rằng tuyên truyền tức là phản quốc thì đó là một sự cố gắng mà giai cấp công nhân cần đánh giá nó cho thích đáng.

Vả lại, về thực chất, lời buộc tội đó hoàn toàn không có cơ sở vì những truyền đơn nói trên, ít nhất như chúng tôi được biết, chỉ coi bãi công là phương diện diễn đạt cho rõ ràng những yêu sách của giai cấp công nhân về các vấn đề nóng hổi hàng ngày. Còn về cái mục đích mà tờ "Hamburger Echo" và "Volksstimme" ở Hem-ni-tơ đã giả định là của những truyền đơn ấy, thì những truyền đơn ấy thậm chí cũng không ám chỉ đến.

MÁC VIẾT VỀ CHIẾN TRANH CỦA PHÁP  
ĐỂ GIÀNH TỰ DO (I. 1871),  
VỀ CUỘC CHIẾN TRANH SẮP TỚI  
(NĂM 1874)

Mác viết về chiến tranh 1870:

Trong lời kêu gọi thứ nhất của Quốc tế (23. VII. 1870) Mác trích dẫn nghị quyết của các đại biểu của 50 000 công



nhân ở Hem-ni-tơ, tuyên bố rằng chiến tranh "hoàn toàn mang tính chất hoàng triều" (tr. 18 cuốn "Nội chiến", xuất bản lần thứ 3).

[*Ibidem*, tr. 17 - 18: đối với người Đức, đó là một cuộc chiến tranh tự vệ.]

Trong lời kêu gọi thứ hai (9. IX. 1870) có nói rằng "cuộc chiến tranh tự vệ đã kết thúc... bằng việc tuyên bố thành lập nước cộng hoà"... (tr. 19) rằng "giai cấp công nhân Pháp đang ở vào những điều kiện vô cùng khó khăn"... NB "không tự buông mình theo những hồi ức dân tộc hồi 1792"... "mọi mưu toan lật đổ chính phủ mới sẽ là một hành động ngu xuẩn tuyệt vọng"... "bình tĩnh và cương quyết lợi dụng các quyền tự do cộng hoà để làm công tác tổ chức giai cấp của mình" <sup>70</sup> (tr. 25).

Thư ngày 13. XII. 1870: "Chiến tranh dù kết thúc thế nào đi nữa, nó cũng dạy cho giai cấp vô sản Pháp biết sử dụng vũ khí" [vở ghi chép: "*Chủ nghĩa Mác bàn về nhà nước*", tr. 2, bên lề <sup>71</sup>].

Bài báo đăng trên tờ "The Daily News", 16. I. 1871: "Nước Pháp đấu tranh vừa để giành độc lập dân tộc cho mình, vừa giành tự do cho Đức và châu Âu"<sup>72</sup>.

Thư ngày 12. IV. 1871: hân hoan về "sáng kiến lịch sử của công nhân Pa-ri" etc. (vở ghi chép: "*Chủ nghĩa Mác bàn về nhà nước*", tr. 12) <sup>73</sup>. "Nội chiến ở Pháp": 30. V. 1871.

Mác trong thư gửi Cu-ghen-man ngày 14. II. 1871 ("Die Neue Zeit", XX, 2, tr. 608) có dẫn ra bức thư do ông công bố trong tờ "The Daily News" ngày 16. I. 1871, kết thúc như sau: "Nước Pháp hiện nay không chỉ đấu tranh vì độc lập của chính mình, mà còn vì tự do của Đức và châu Âu, và rất may là sự

Tháng I. 1871  
nước Pháp đấu  
tranh vừa để  
giành độc lập dân  
tộc cho mình,

vừa giành tự do cho Đức và châu Âu... nghiệp của Pháp có thể được coi là hoàn toàn không phải là vô hy vọng"<sup>74</sup>.

Như trên, trong thư ngày 28. III. 1870, Mác có dẫn ra những lời mình phân nân về Ba-cu-nin và văn bản nghị quyết của Hội đồng trung ương ngày 1. I. 1870, trong đó ngoài những điều khác ra, có biểu thị thái độ của Hội đồng trung ương đối với vấn đề *Ai-rơ-len*:

Mác viết về Ai-rơ-len (1870) (1874) ... "Những nghị quyết của Hội đồng trung ương về việc ân xá Ai-rơ-len chỉ là bước mở đầu cho các nghị quyết khác, trong đó sẽ nói rằng dù chưa kể đến sự công bằng quốc tế, thì tiền đề để giải phóng giai cấp công nhân Anh là biến tình trạng hợp nhất cưỡng bức hiện nay, tức là tình trạng Ai-rơ-len bị nô dịch, thành một liên minh tự do và bình đẳng, nếu điều này có thể thực hiện được, hoặc là tách rời hẳn ra, nếu điều này là cần thiết"<sup>75</sup> (tr. 478). —  
Như trên, tr. 800: thư ngày 18. V. 1874<sup>76</sup>:

... "Bất chấp mọi hoạt động ngoại giao, một cuộc chiến tranh mới nhất định sẽ xảy ra, chỉ sớm hơn hay muộn hơn chút ít thôi, và trước khi chiến tranh kết thúc, chắc gì ở một nơi nào đó, sự việc sẽ dẫn tới một phong trào nhân dân mạnh mẽ, hoặc nhiều nhất là phong trào ấy sẽ mang tính chất địa phương và không đáng kể".

#### UN-BRÍCH. CÁC DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

*Ét-mung Un-brích*. "Cường quốc thế giới và quốc gia dân tộc". (Lịch sử chính trị 1500 - 1815). Do Gu-

x ta-vơ *Rô-den-ha-ghen* chỉnh lý và xuất bản. Lai-pích, 1910. (668 tr.).

Trong sách, có nhiều lần nói tới các “kế hoạch **để quốc chủ nghĩa**” etc.

Chỉ có 2<sup>1/2</sup> trang, 666 – 668, là dành cho thời kỳ sau năm 1815: “Tổng kết và triển vọng”.

“Các cuộc chiến tranh giải phóng cũng sẽ chấm dứt cuộc đấu tranh lịch sử toàn thế giới nhằm giành quyền thống trị trên mặt biển và về mặt thương mại: kết quả là sự thống trị của Anh trên mặt biển.

Nhưng thời đại cách mạng và những cuộc chiến tranh giải phóng cũng đánh dấu bước đầu của một giai đoạn phát triển mới. Cách mạng đã phá vỡ chế độ phong kiến cũ của nước Pháp và do đó đã thúc đẩy việc cải tạo trật tự xã hội và nhà nước, và các nước châu Âu khác, chỉ do nhân dân giúp đỡ, mới có thể tự bảo vệ mình chống lại các thế lực do cách mạng đẩy lên ở nước Pháp. Trong mọi tư tưởng cách mạng, không có một tư tưởng nào thoát đầu lại tỏ ra có hiệu lực hơn tư tưởng dân tộc. Do ách thống trị tàn khốc của ngoại bang và do cuộc đấu tranh anh dũng chống lại ách thống trị đó, các dân tộc châu Âu khác cũng vươn lên đến nhận thức được mối quan hệ nội tại giữa quốc gia và dân tộc. Nếu, ở thế kỷ 18, các quốc gia lớn đã đứng lên bảo vệ nền độc lập của châu Âu và thế quân bình của châu Âu chống lại sức mạnh được tăng cường quá mức của một cường quốc riêng biệt, thì bây giờ, chính bản thân các dân tộc đã trở lại và sinh động hơn lên nhờ nguồn lực mới xuất hiện trong nội bộ. Tư tưởng dân tộc đã trở thành hạt nhân và mục đích của hầu hết các cuộc chiến tranh của thế kỷ 19.

NB

NB

Việc các dân tộc ngày càng có ý thức nhiều hơn về sức mạnh của mình chắc chắn phải phát huy tác dụng cả

trong nội bộ của chính nước họ. Quần chúng bắt đầu đòi được tham gia sinh hoạt của nhà nước.

Cách mạng Pháp, sự thống trị của Na-pô-lê-ông đối với thế giới và những cuộc chiến tranh giải phóng đem lại kết quả là làm cho tình cảm dân tộc và nguyện vọng được có quyền tự do chính trị lớn lên thành những lực lượng bách chiến bách thắng của lịch sử hiện đại. Những xu hướng dân tộc xen kẽ với các tư tưởng tự do chủ nghĩa và dân chủ đã ăn sâu bén rễ trong thời đại khai sáng và hoà với các tư tưởng đó thành học thuyết về chủ quyền của nhân dân, một học thuyết theo đó thì nhà nước phải dựa trên cơ sở một dân tộc thống nhất, sao cho ý chí tối cao và quyền lực tối cao phải thuộc về dân tộc và quyền của người đứng đầu nhà nước chỉ có được từ quyền của dân tộc” (667).

Học thuyết này đe dọa cả chế độ quân chủ, cả cấu thành nhiều dân tộc của nó: thế lực phục tặc chống lại những tư tưởng ấy...

Nhưng toàn bộ thế kỷ 19 là một phong trào tiến tới tự do chính trị và quốc gia dân tộc.

“Nhưng cuộc đấu tranh thương mại – chính trị, từ thời kỳ xuất hiện nền kinh tế tiền tệ và những phát minh vĩ đại, đã ngày càng quyết định lịch sử các dân tộc – cuộc đấu tranh này không vì thế mà ở thế kỷ 19 lại tụt lùi xuống hàng thứ yếu. Quả thực là thoát đầu, quyền thống trị tuyệt đối về thương mại là thuộc về nước Anh, và lợi dụng thế lực đó, nước Anh đã nhờ thuyết tự do buôn bán mà vượt qua được thời đại đấu tranh kinh tế mà thuyết trọng thương đã gây ra. Nhờ thuyết này, - cái thuyết, cũng giống như chủ nghĩa tự do chính trị, đã xuất hiện trong thế kỷ khai sáng, - mà nước Anh chiếm được cả thế giới, thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng thương mại và các quan hệ trong đời sống của các dân tộc. Những nước yếu hơn về mặt kinh tế thì khuất phục hệ thống này trong một thời

gian nào đó; thậm chí cả những nước trẻ nhất trong các cường quốc lớn ở châu Âu, là Ý và Đức, cũng không thể lẩn tránh thuyết mới ấy.

Nhưng sau khi vượt qua được một cuộc khủng hoảng nặng nề ở trong nước, Hợp chúng quốc Mỹ đã bước lên vũ đài thương mại – chính trị với tư cách là một kẻ cạnh tranh mới, hùng mạnh. Thế là bắt đầu một thời đại mới của cuộc đấu tranh kinh tế, thời đại được đánh dấu bằng việc quay trở lại chính sách bảo vệ lao động dân tộc, nhờ có các thuế quan bảo hộ và các hiệp định thương mại, nhưng không phục hồi chính sách bạo lực tàn bạo cố hữu của thuyết trọng thương cũ. Nói gót Mỹ trên con đường ấy, là Cộng hoà đệ tam của Pháp và từ năm 1880, là cả đế quốc Đức mới nữa. Sau khi hoàn thành cuộc đấu tranh cho chế độ nhà nước dân tộc và tự do, sau khi hoàn thành công cuộc xây dựng bên trong của các quốc gia lập hiến, người ta cố gắng tạo ra một không gian càng rộng càng tốt cho những lực lượng đã được củng cố của nhân dân. Trong cuộc chạy đua chiếm thuộc địa, các cường quốc lớn cố chiếm được nhiều lãnh thổ để tiêu thụ hàng hoá của mình, chiếm được những nguồn nguyên liệu cần thiết cho mình; bằng một công tác ngoại giao kiên trì, họ cố gắng mở ra cho nhân dân lao động của mình những khu vực buôn bán mới. Mặt khác, một xu hướng ngày càng lớn muốn có một nền kinh tế tự cung tự cấp lại nhất trí với những xu hướng bành trướng đó. Nước Anh muốn cùng với các thuộc

ha ha!!

NB

địa của mình tổ chức thành một chính thể thương mại duy nhất, khép kín, là đại Anh quốc. Mỹ thì cố gắng tự cung về mặt kinh tế, muốn không phụ thuộc vào Thế giới cũ về mặt thương mại và công nghiệp. Chỉ mãi đến bây giờ mới bắt đầu một cuộc chạy đua, với đúng nghĩa của nó, giữa các dân tộc để tranh giành quyền thống trị thế giới và thương mại thế giới. Cuộc chạy đua này dẫn tới sự xuất hiện *một vài cường quốc thế giới*, tồn tại bên nhau, và **phải thi hành chính sách đế quốc chủ nghĩa** nếu muốn tồn tại.

NB

NB

“chủ nghĩa đế quốc”

“chủ nghĩa đế quốc mới”

“các đặc điểm”

ha ha!!

*Chủ nghĩa đế quốc mới*, tên gọi đó và khái niệm đó không phải là từ đế quốc La-mã, và cũng không phải từ những đế quốc thời trung cổ và từ chế độ Giáo hoàng mà ra; bây giờ vấn đề không còn là sự thống trị thế giới của một nước duy nhất nào đó nữa. Sự bành trướng về thuộc địa, sự tham gia vào thương mại thế giới, việc bảo vệ các quyền lợi của mình ở nước ngoài bằng hạm đội hùng mạnh - đó là những đặc điểm của các cường quốc thế giới hiện đại, những đặc điểm mà các cường quốc đó đã bắt chước của đế quốc Anh. Các cường quốc như vậy hoàn toàn có thể tồn tại cạnh nhau và thúc đẩy sự tiến bộ của loài người bằng cuộc thi đua hoà bình giữa các dân tộc” (667 - 668). (Hết sách).

N. B. *Chủ nghĩa đế quốc cũ và mới:*

Trích lời nói đầu, tr. XXIII:

“*Chủ nghĩa đế quốc cũ* đã được an táng yên ổn trong cảnh quạnh hiu của đảo Thánh E-lê-na; người đại diện cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc cũ cũng đã chết cùng với Bô-na-pác-tơ; và vòng hào quang lãng mạn của sự tráng lệ đế vương đã qua vẫn còn lấp lánh trên đầu con người lừng lẫy chiến công đó. Lịch sử hiện đại đã bắt đầu, dựa trên cơ sở tư tưởng dân tộc là tư tưởng đã tỏ ra là mạnh hơn những nguyện vọng phản động của các quốc vương và của những người hoạt động nhà nước trong vài chục năm sau khi Na-pô-lê-ông sụp đổ. Cái quá trình được bắt đầu vào thế kỷ 16, thì bây giờ đang được hoàn thành vào thế kỷ 19, khi mà hai dân tộc Trung Âu là Ý và Đức trước kia đã bị các cường quốc ngoại bang bóc lột trong nhiều thế kỷ, thì bây giờ rốt cuộc, đã có được sự thống nhất dân tộc. Nhưng *một chính sách toàn cầu mới* là có khả năng thực hiện được *trên một cơ sở dân tộc như thế*. **Từ chủ nghĩa đế quốc lại xuất hiện trở lại với một nội dung mới.** Nước Anh, kẻ địch mà Na-pô-

“chủ nghĩa đế quốc cũ đã chết”

NB:  
“Chính sách toàn cầu mới”  
NB

“chủ nghĩa đế quốc mới”

lê-ông chưa từng đánh bại được, đã đặt cơ sở đầu tiên cho sự xuất hiện trở lại ấy ngay từ thế kỷ 18, và nó làm như vậy một cách vô ý thức nhiều hơn là có ý thức bằng cách tạo lập ra *một đế quốc thế giới mới* ở ngoài châu Âu nhờ xâm chiếm các thuộc địa hải ngoại và duy trì một đội hải quân hùng mạnh. *Hiện nay, tiếp theo bước chân của Anh, là những cường quốc lớn khác trên thế giới:* sự cần thiết về kinh tế dẫn tới chạy đua kinh tế giữa các dân tộc trên toàn bộ hoàn cầu”.

Toàn bộ trước tác chia làm 3 phần.

“Phần I: Sự cáo chung của đế quốc thế giới thời trung cổ và sự xuất hiện của những quốc gia dân tộc trong thời đại cải cách tôn giáo và phản cải cách tôn giáo, 1500 – 1648.

Phần II: Sự hình thành của năm cường quốc lớn ở châu Âu trong thời đại chế độ quân chủ chuyên chế.

Phần III: Sự xuất hiện và sự cáo chung của một cường quốc thế giới mới, nước Pháp, và cuộc đấu tranh của các cường quốc để giành độc lập dân tộc, 1789 – 1815”.

Tôi bổ sung thêm: (“các giai đoạn”) của các thời đại  
Ergo, 1500 – 1789 = 289 năm  
1789 – 1871 = 82 năm  
1871 – 1914 = 43 năm

Những thời điểm chủ yếu

**Phần I:**

Sự ra đời của “nhà nước dân tộc Tây-ban-nha” (tr. 24 và các trang tiếp) và sau đó, “sự hình thành của cường quốc thế giới Tây-ban-nha – Háp-xbuốc” (tr. 51 và các trang tiếp).

Các-lơ V và cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ thế giới (phong trào cải cách tôn giáo Đức) 1517 – 1555.

Vương quyền dân tộc ở Đan-mạch và Thụy-điển (tr. 148 và các trang tiếp)... “Thụy-điển chinh phục E-xtơ-li-an-đi-a” etc.

Ba-lan phát triển thành một cường quốc lớn (tr. 163 và các trang tiếp)... liên minh Ba-lan – Thụy-điển... Ba-lan và cuộc chiến đấu xâm chiếm Nga.

Bước đầu của cuộc đấu tranh với Tây-ban-nha. “Chiến tranh giải phóng” của Hà-lan và “Hà-lan tách ra khỏi Tây-ban-nha”. Ac-ma-đa <sup>1)</sup> 1588. Kết quả của cuộc đấu tranh là “Sự hưng thịnh của Pháp, Anh và Hà-lan. Tây-ban-nha lụn bại” (233 và các trang tiếp).

Cuộc chiến tranh 30 năm, thời kỳ 1616 – 1659: “Chính sách thế giới Thiên chúa giáo – Tây-ban-nha – Háp-xbuốc trong cuộc đấu tranh với đạo Tin lành Đức, với Đan-mạch và Thụy-điển, với Pháp và Anh” (273 và các trang tiếp).

(kể cả liên minh Anh, Hà-lan và Đan-mạch chống Áo.

Người Thụy-điển đã đến trước thành Viên. Thụy-điển tiến hành chiến tranh chống Pháp etc.)

Cách mạng ở Anh hồi thế kỷ 17.

**Phần II:**

“Sự hình thành xong xuôi của nhà nước dân tộc Pháp” (Ri-sơ-li-ơ) và “Pháp vươn lên tới địa vị thống trị ở châu Âu”. 1661 – 1685.

Sự khôi phục thế cân bằng ở châu Âu (chiến tranh vì quyền thừa kế Tây-ban-nha); sự hưng thịnh của Anh, Áo, Nga, Phổ.

Nga trong cuộc đấu tranh với Thụy-điển (và với Ba-lan)...

<sup>1)</sup> Hạm đội Tây-ban-nha.

“Thụy-điển trong cuộc chiến tranh với Đan-mạch, Ba-lan, Bran-đen-buốc, Áo và Hà-lan” (1655 – 1660).

Áo trong cuộc đấu tranh với Thổ-nhĩ-kỳ (thế kỷ 17)

Cuộc đấu tranh của các cường quốc lớn (1740 – 1789).

Cuộc chiến tranh 7 năm (1758 – 1762) (“chiến tranh thuộc địa” của Anh và Pháp).

Cuộc chiến tranh của Hợp chúng quốc Mỹ giành độc lập (liên minh với Pháp, Tây-ban-nha và Hà-lan).

“Những kế hoạch đế quốc chủ nghĩa của I-ô-xíp II và Ê-ca-tê-ri-na II. Sự cáo chung của Ba-lan”.

**Phần III:**

Những cuộc chiến tranh chống lại cách mạng Pháp.

Cuộc chiến tranh liên minh thứ nhất (1792 – 7)

" " " " " thứ hai (1799 – 1801/2)

Chiến tranh Anh – Pháp (1793 – 1799).

Chiến tranh của Na-pô-lê-ông chống Phổ và “những kế hoạch của Na-pô-lê-ông nhằm làm bá chủ thế giới”. (Thất bại năm 1812).

“Các cuộc chiến tranh giải phóng 1813 – 1815”.

Ba-lan vào thời gian sát trước năm 1660 (theo bản đồ lịch sử):

Căn cứ theo Liên minh (Union) Li-u-blin - năm 1569 – *Ba-lan* có cả bờ biển Ban-tích với Đan-txi-gơ, Cuộc-li-an-đi-a, Li-phli-an-đi-a với Ri-ga (đã được trả cho Thụy-điển theo hoà ước *Ô-li-va* năm 1660), Tiểu Nga với Ki-ép, Pôn-ta-va cùng Tséc-ni-gốp, Pô-đô-li-a, Vô-lun etc., Bê-lô-ru-xi-a với Xmô-len-xcơ.

<p>( theo hoà ước An-đru-xốp, 1667, Ba-lan trả lại cho Nga Xmô-len-xcơ, Ki-ép, Tséc-ni-gốp, Pôn-ta-va và các đất khác nữa</p>	}	<p>Sự phân chia Ba-lan: Lần thứ nhất 1772 Lần thứ ba 1795</p>
---	---	---

Hiện nay, toàn bộ Nam Mỹ đã được giải phóng, trừ có ba phần đất Guy-an:

{	thuộc Tây-ban-nha, thuộc	}	thuộc Anh	(1781)
	Bồ-đào-nha và thuộc Hà-lan,		thuộc Hà-lan	(1667)
	hồi thế kỷ 16 – 17		thuộc Pháp	(1674)

Bắc Mỹ 1783. 13 bang không phụ thuộc vào Anh Lu-i-di-a-na (hiện nay thuộc Tây-ban-nha là một loạt bang): 1763  
lưu vực sông Mit-xi-xi-pi: thuộc Pháp 1802, thuộc Anh 1763, thuộc Mỹ 1803, thuộc Mỹ 1783

Mê-hi-cô và Trung-Mỹ: thuộc Tây-ban-nha (Mê-hi-cô, nước cộng hoà từ 1810)

Thổ-nhĩ-kỳ: đế quốc Ôt-tô-man dưới thời Ma-hô-mét IV (1648 – 1687) gần đến Viên, Áo  
Ru-ma-ni, Crum, Cáp-ca-dơ toàn bộ bán đảo Ban-căng, v.v..

Xéc-bi-a	{	thuộc Hung từ 1718	}	thành vương quốc từ 1817
		thuộc Thổ-nhĩ-kỳ từ 1739		

Thụy-điển cho đến (trước) năm 1719 (từ giữa thế kỷ 17) đã có cả Phần-lan In-héc-man-lan-đi-a (Xanh Pê-téc-bua)

(Na-uy từ năm 1815 thuộc Thụy-điển) E-xơ-li-an-đi-a Li-phli-an-đi-a một phần nước Đức (Tây Pô-mê-ra-ni-a (Stét-tin) + Brê-mơ)

Mỹ. Chiến tranh giành độc lập 1775 - 1783	Năm 1763, Pháp nhường Ca-na-đa cho Anh.		
{	Năm 1778 hiệp ước thân thiện với <i>Pháp</i>	}	Ngày 4 tháng Bảy năm 1776,
	" 1779 " " thân thiện với <i>Tây-ban-nha</i>		13 bang tuyên bố độc lập
{	Năm 1781, quân Mỹ – Pháp đánh Anh	}	Kết thúc chiến tranh vào 3. IX. 1783: Hoà ước Véc-xây. Theo hoà ước này, Tây-ban-nha, đồng minh quân sự của Mỹ, đã lấy lại Phlô-ri-đa.

Mãi đến năm 1819, Phlô-ri-đa mới sáp nhập vào Hợp chúng quốc Mỹ.

Bồ-đào-nha là thuộc Tây-ban-nha vào 1580 – 1640.

Hà-lan: tách ra khỏi Tây-ban-nha: năm 1581

1796 Bỉ là thuộc Pháp

Hà-lan = Cộng hoà Ba-ta-vơ

1814 - 1831 Bỉ là thuộc Hà-lan

#### “CÁC GIAI ĐOẠN” CỦA LỊCH SỬ CẬN ĐẠI

Về vấn đề các giai đoạn lịch sử của lịch sử cận đại, cũng xem cuốn “Sử liệu học về lịch sử thế giới” của P. He-rê, Lai-pxích, 1910, trong đó, khi nêu các sách báo tham khảo, có tổng hợp sự phân chia giai đoạn mà người ta vẫn thường làm, và ngoài ra, có đề ra “những giai đoạn” thuộc loại sau đây: “Giai đoạn của tư tưởng trung cổ về sự thống trị thế giới” (khoảng 800 - đến khoảng 1250). – “Giai

đoạn xuất hiện những quốc gia dân tộc” (khoảng 1250 - đến khoảng 1500)... “Giai đoạn hình thành và phát triển các quốc gia dân tộc lập hiến” (khoảng 1789 - đến khoảng 1870)... “*Giai đoạn những quốc gia thế giới và những nền kinh tế thế giới*” (“khoảng 1870 - đến khoảng 1910”).

NB: “các giai đoạn” lịch sử trong lịch sử cận đại

TẠP CHÍ “ĐẤU TRANH”

ÁT-LƠ VÀ RAN-NƠ

“Der Kampf”, 1916, số 2. Trong bài “Những mục đích của chiến tranh” (chống thôn tính) Phr. Át-lơ có trích dẫn từ “Süddeutsche Monatshefte” lời tuyên bố của họ”:

“Những nước tạo thành thế giới hiện nay đều dựa trên cơ sở bạo lực. Nhưng sức mạnh của chúng là ở đất đai, con người và của cải”... “Họ (binh lính) mong đợi “những bảo đảm thực tế”: họ mong đợi đất đai, con người và của cải”... rõ quá!

và để đối chiếu, có dẫn ra hiến pháp năm 1791, điều VI:

“Dân tộc Pháp từ chối không tiến hành bất kỳ một cuộc chiến tranh nào nhằm mục đích xâm lược và sẽ không bao giờ dùng lực lượng của mình để chống lại nền tự do của bất cứ một dân tộc nào”...

và hiến pháp năm 1848: “Nước Cộng hoà Pháp tôn trọng các dân tộc khác cũng như nó hy vọng dân tộc mình được tôn trọng. Nó sẽ không tiến hành bất kỳ một cuộc chiến tranh nào nhằm mục đích xâm lược và sẽ không bao giờ sử dụng lực lượng của mình để chống lại nền tự do của bất cứ một dân tộc nào”...

Hiến pháp của Pháp năm 1791 nói về các cuộc chiến tranh dân tộc

Tôi thêm:  
 Những văn bản các hiến pháp của Pháp năm 1791, 1793 v.v. xem trong tác phẩm của Ph. Ê-ly. “Những hiến pháp của Pháp”.

Ran-nơ nói về Tơ-rốt-xki ha ha!!

Ibidem, Số I: C. Ran-nơ trong bài “Thực tế hay tư tưởng điên rồ?, ngoài những điểm khác ra, ở trang 17, gọi Tơ-rốt-xki là “người bạn gần gũi nhất của Hin-phéc-đinh”.

điên hình!!

Những lập luận của ông ta ủng hộ liên minh giữa Đức và Áo – Hung: “Nếu trước đây, trên thế giới, chúng ta chỉ có hai hệ thống kinh tế lớn thì chúng ta, những người dân chủ – xã hội, đã phá bỏ được cái hàng rào lớn cuối cùng, một cách dễ dàng hơn hiện nay, khi mà chúng ta đang ở trong cái mê cung rối rắm, chính điều đó khiến chúng ta phải tìm lối ra một cách vất vả như thế. Cứ để cho toàn thế giới bình tĩnh dần bước vào con đường liên minh, điều đó càng thuận lợi cho chúng ta bao nhiêu, thì chúng ta càng đi gần tới mục đích cuối cùng bấy nhiêu” (19 – 20).

NB: xem Trung Âu và Liên bang châu Âu

(tr. 16: “Cả hiện hay nữa, phong trào ủng hộ cái gọi là Trung Âu cũng vẫn phát triển hoàn toàn trên một cơ sở tư sản, và trước hết tôi nói về cái đó”.)

**Chúng ta và họ:**

- 1) Ran-nơ, "Sozialistische Monatshefte", "Die Glocke" và đồng bọn = những kẻ làm tội tở cho giai cấp tư sản để quốc chủ nghĩa.
- 2) Cau-xky, Hin-phéc-đinh và đồng bọn (+ người bạn thân nhất = Tơ-rốt-xki) = những kẻ dụ dỗ giai cấp tư sản để quốc chủ nghĩa.  
những kẻ kêu gọi lương tâm giai cấp tư sản để quốc chủ nghĩa  
những nhà cải cách của nó<sup>78</sup>
- 3) những người cánh tả = chiến sĩ cách mạng *chống lại* nó.

## HIN-PHÉC-ĐINH (NHỮNG QUAN ĐIỂM KIỂU CAU-XKY)

"Der Kampf", 1916, số 2, tr. 59 – 60.

Hin-phéc-đinh lập lại luận cứ quen thuộc của Cau-xky nói rằng các mối quan hệ của nền kinh tế thế giới buộc *không được* co mình lại trong một phạm vi riêng; rằng ở thuộc địa của Anh, xuất và nhập (1899 – 1913) với những nước khác, *ngoài* nước Anh, thì tăng nhiều hơn (tr. 57): "Đức không phải tiêu tốn nhiều lắm để chiếm và cai trị các thuộc địa, nhưng ngay sau khi sự phát triển tư bản chủ nghĩa của Đức đã cho phép Đức làm việc đó thì nó rút được từ khả năng sản xuất của thuộc địa cũng những lợi ích hết như nước Anh. Không thể có vấn đề độc quyền của Anh về thuộc địa"... (hệt như nước Anh – hoàn toàn không đúng: đường

||| các mảnh khoé  
||| xâm lược của tư  
||| bản tài chính

điều chủ yếu:

sắt, tô nhượng, xuất khẩu tư bản. Đức đã vượt Anh, *mặc dù* Anh có các thuộc địa của mình. Không có thuộc địa thì có lẽ Anh còn tụt hậu hơn nữa. Đó là điểm thứ nhất. Hai là, ở Anh, tư bản tài chính *càng* "ngủ yên trên những vòng nguyệt quế của nó" *hơn*. *Bây giờ, tư bản tài chính Đức cũng* muốn "ngủ yên").

"Đặc điểm của chính sách đế quốc chủ nghĩa là ở chỗ nó cố gắng giải quyết những vấn đề của cạnh tranh kinh tế bằng những phương tiện cưỡng bức của nhà nước nhằm phục vụ lợi ích của tầng lớp những nhà tư bản đang thống trị trong nước. Nhờ có thuế quan bảo hộ, chính sách đó bảo đảm cho các các-ten trong nước bóc lột thị trường trong nước; nó cố gắng dùng chính sách thuộc địa và chính sách phạm vi ảnh hưởng để củng cố sự độc quyền của các nhà tư bản của nó đối với một số bộ phận của thị trường thế giới, và dùng áp lực kinh tế và chính trị để biến các nước nhược tiểu thành nơi cho tư bản của nó bóc lột. Thành thử nó ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn với chính sách đế quốc chủ nghĩa của các quốc gia khác. Do đó mà nảy ra xu hướng tăng cường quyền lực nhà nước, chạy đua vũ trang về hải quân và lục quân ngày càng ráo riết hơn. Chính cái chính sách đó đã dẫn tới tai họa. Và giờ đây các dân tộc



đang đứng trước tình thế lưỡng nan: họ (!!!) có tiếp tục thực hiện chính sách này sau chiến tranh nữa không, hay là từ bỏ chính sách đó. Tiếp tục thi hành những chính sách không thể tách rời nhau như chính sách thuế quan bảo hộ, chính sách thuộc địa và chính sách vũ trang hay là đoạn tuyệt với chính sách nước lớn!" (59 - 60). --

Trước hết, phải *tự mình* giành lấy *chính quyền*, chứ đừng hoài công nói về "chính quyền".

"Vấn đề không phải là ở chỗ chỉ điều tiết các quan hệ buôn bán, mà là ở chính sách nước lớn, một chính sách cố gắng bảo đảm địa vị độc quyền cho tư bản của chính mình trên lưng kẻ khác, - ở chính sách làm nảy sinh ra nguy cơ chiến tranh. Và phải chăng là vì trước chiến tranh đã như thế thì bây giờ chúng ta phải thích ứng với chính sách đó, chứ không phải là dùng mọi cách chống lại việc tiếp tục thực hiện chính sách này ở mức độ còn cao hơn nhiều nữa? Chúng tôi nghĩ ngược lại: chính vì chúng ta đã thấy được rằng chính sách nước lớn độc quyền của các quốc gia đã dẫn tới đâu nên chúng ta phải dùng toàn lực để đấu tranh chống lại việc tiếp tục thi hành và mở rộng chính sách đó" (61).

#### ĂNG-GHEN VÀ MÁC VIẾT VỀ CÔNG NHÂN ANH

*Ăng-ghe-n*. "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh".  
Xuất bản lần thứ 2. 1892<sup>79</sup>.

tr. XX. "Tầng lớp quý tộc của giai cấp công nhân" - "một thiểu số công nhân có đặc quyền" NB

NB  
"họ"

NB

NB

NB

đối lập với "quảng đại quần chúng công nhân" (trích bài báo ngày 1. III. 1885).

NB S S  
Sự cạnh tranh của các nước khác đã bẻ gãy "tình trạng độc quyền công nghiệp" (XXI) của Anh "một thiểu số nhỏ bé có đặc quyền và được bảo vệ" (XXII) (của giai cấp công nhân) - chỉ riêng thiểu số đó là có "lợi ích lâu dài" trong những năm 1848 - 68, còn "quảng đại quần chúng thì nhiều nhất cũng chỉ được hưởng những sự cải thiện địa vị của mình trong một thời gian ngắn mà thôi"<sup>1)</sup>.

(xem tr. 14<sup>2)</sup> *quyển vở ghi chép này*)

tr. XXIV: sự lớn mạnh của những "công liên mới", những công liên của những công nhân *không chuyên nghiệp*:

NB  
"Họ" (những hội viên công liên mới đó) "đều có một ưu thế không gì sánh kịp: tâm lý của họ đang còn như một miếng đất hoang, hoàn toàn chưa nhiễm phải những thiên kiến "sĩ diện" tư sản được kế thừa lại, những thiên kiến làm lạc hướng đầu óc "những phần tử công liên già" có địa vị khá hơn"<sup>3)</sup>.

Và nói về cuộc bầu cử năm 1892:

NB  
"Trong số những người trước kia được mệnh danh là đại biểu của công nhân, nghĩa là trong số những người mà người ta đã quên là họ thuộc giai cấp công nhân, vì chính bản thân họ sẵn sàng đim cái phẩm chất đó của mình trong cái biển cả chủ nghĩa tự do của họ, - Hen-ri Brôt-hóc-xơ, người đại diện xuất sắc nhất cho chủ nghĩa công liên cũ, đã thất cử

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 220.

<sup>2)</sup> Xem tập này, tr. 718 - 719.

<sup>3)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 220.

thảm hại, bởi vì ông ta tuyên bố mình là kẻ phản đối chế độ ngày làm việc 8 giờ<sup>1)</sup>.

Sau năm 1847: "Do hai nguyên nhân đó [1] sự cáo chung của phong trào hiến chương; 2) sự phồn vinh của công nghiệp], giai cấp công nhân Anh, về mặt chính trị, đã trở thành phụ thuộc vào "đảng tự do vĩ đại", cái đảng do các ông chủ xưởng lãnh đạo" (XVII).

*Thư gửi Doóc-ghê.*

#### Mác viết về các lãnh tụ của công nhân Anh:

*Ph. Ăng-ghen* gửi Doóc-ghê (21. IX. 1872):... "Ở đây, Hên-dơ đã tạo ra trong Hội đồng liên đoàn một vụ lộn xộn lớn, đã đạt được việc đưa ra lời khiển trách Mác vì Mác nói rằng các lãnh tụ công nhân Anh đã bị mua chuộc, nhưng có một tiểu tổ của Anh ở đây và một tiểu tổ Ai-ro-len đã phản đối, công nhận rằng Mác nói đúng"...<sup>80</sup>

*Ăng-ghen* gửi Doóc-ghê ngày 5. X. 1872: "Ở đây, Hên-dơ đã tiến hành một chiến dịch vu khống điên cuồng chống lại Mác và tôi, song chiến dịch đó lại bắt đầu quay sang chống trở lại chính ông ta... Lý do là lời tuyên bố của Mác về các lãnh tụ công nhân Anh bị mua chuộc"...<sup>81</sup>

*Mác* gửi Doóc-ghê ngày 4. IV. 1874<sup>82</sup>:

... "Đối với công nhân các thành phố" (ở Anh), "thì điều đáng tiếc là cả cái bè lũ thủ lĩnh đó lại không tham gia Quốc hội. Nếu chúng tham gia thì đấy chính là biện pháp chắc chắn nhất để thoát khỏi cái bầy chó má đó"...<sup>2)</sup>

xem ở đây 40 - 41 <sup>3)</sup> còn mạnh hơn

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 220.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 218.

<sup>3)</sup> Xem tập này, tr. 767-769.

xem phần tiếp theo, tr. 46 <sup>1)</sup>:

C. Mác gửi Cu-ghen-man ngày 18. V. 1874: "Ở Anh, hiện nay chỉ có phong trào của những người lao động nông thôn là tiến triển; công nhân công nghiệp trước hết phải trút bỏ các thủ lĩnh hiện nay của mình. Khi tôi vạch mặt các ngài đó ở Hội nghị La Hay, tôi đã biết rằng vì thế, tôi sẽ bị ghét bỏ và bị vu cáo etc. Nhưng bao giờ tôi cũng thờ ơ với những hậu quả kiểu như vậy. Ở một nơi nào đó, người ta đã bắt đầu tin rằng, bằng những lời tấn công ấy, tôi chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình thôi"<sup>83</sup>. ("Die Neue Zeit", XX, 2, 1901 - 2, tr. 800).

*Gin-éch-khơ*. "Quốc tế", tr. 191: ở La Hay, Mác đã nói: "Nếu ở Anh có một người nào đó không phải là lãnh tụ công nhân được công nhận, thì điều ấy chỉ tăng thêm vinh dự cho anh ta, vì mỗi một "lãnh tụ công nhân được công nhận" ở Luân-đôn đều được Glát-xtôn, Moóc-li, Đin-cơ và đồng bọn, nuôi dưỡng"...

về vấn đề này, xem *Gin-éch-khơ* viết trong tờ "Die Neue Zeit", XXIII, 2, tr. 28.

#### CAU-XKY. "CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC, CHIẾN TRANH VÀ PHONG TRÀO DÂN CHỦ - XÃ HỘI"

*C. Cau-xky*. "Chủ nghĩa yêu nước, chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội" ("Die Neue Zeit", XXIII, 2; 1905).

<sup>1)</sup> Những chỗ trích trong thư từ trao đổi giữa Ăng-ghen và Doóc-ghê được viết ở các trang 36 và 37 của vở ghi chép (xem tập này, tr. 761).

Bãi chiến = "một điều ngu ngốc anh hùng" (370), cũng giống như "mưu toan" của những người hoà bình chủ nghĩa tư sản định dùng các toà án trọng tài để loại bỏ các cuộc chiến tranh. Hai điều ngu ngốc đó đều "bắt nguồn từ một sai lầm cho rằng chiến tranh là một sự kiện tách biệt".

Nhưng chiến tranh sẽ mang lại một thảm hoạ: "Tuy nhiên thất bại trong một cuộc chiến tranh mạnh động là một thảm hoạ dẫn tới sự phá sản nặng nề nhất" (371).

"Chắc gì" giai cấp vô sản "hiện nay ở một nơi nào đó đã đủ mạnh" để có thể, ngay khi chiến tranh chưa nổ ra, đã biến nó thành không thể thực hiện được nhờ một cuộc cách mạng (mà bãi chiến là cách mạng). "Nhưng ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản đã mạnh đến mức mà bất kỳ một cuộc chiến tranh nào vô hiệu quả và có kèm theo nhiều tổn thất lớn lao, đều phải trở thành điểm xuất phát của cách mạng, một cuộc cách mạng sẽ thiết lập nên một chế độ vô sản" (371).

BAU-Ơ. "VẤN ĐỀ DÂN TỘC  
VÀ PHONG TRÀO DÂN CHỦ - XÃ HỘI"

*Ốt-tô Bau-ơ.* "Vấn đề dân tộc và phong trào dân chủ - xã hội". Xanh Pê-téc-bua, 1909.

Trích § 30: "Chủ nghĩa xã hội và nguyên tắc dân tộc".

tr. 534: ... "Không bao giờ cộng đồng xã hội chủ nghĩa lại có thể dùng bạo lực để sáp nhập nhiều dân tộc trọn vẹn vào làm thành viên của mình được. Bạn hãy thử tưởng tượng những quần chúng nhân dân, có tất cả những lợi ích của nền văn hoá dân tộc, tham gia một cách đầy đủ và tích cực vào việc làm luật pháp và vào quản lý, và cuối cùng có vũ khí trong tay, - liệu có thể dùng bạo

lực mà buộc các dân tộc như thế phải chịu sự thống trị của một kết cấu xã hội khác hay không? Bất kỳ một chính quyền nhà nước nào cũng đều dựa trên sức mạnh của vũ khí. Quân đội nhân dân hiện nay, nhờ một cơ chế khéo léo, vẫn là công cụ trong tay một cá nhân nào đó, một dòng họ nào đó, một giai cấp nào đó, hết như là đội kỵ binh hoặc đội quân đánh thuê của thời xưa. Còn quân đội của cộng đồng dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa thì không phải là một cái gì khác ngoài quần chúng nhân dân đã được vũ trang, vì quân đội ấy gồm những con người rất có văn hoá, tự nguyện làm việc trong các xưởng công cộng và tham gia một cách đầy đủ vào tất cả các lĩnh vực của đời sống nhà nước. Trong điều kiện như vậy hoàn toàn không có khả năng bị nước ngoài thống trị" (534).

Liên bang châu Âu "không phải là một ảo tưởng trống rỗng", mà là "kết cục không thể tránh được của con đường mà từ lâu các dân tộc đã bước vào" (542).

Nếu như nước Đức xã hội chủ nghĩa muốn để cho một phần những người lao động của mình đến U-cra-i-na, thì nó (nước Đức) sẽ không để cho họ đi như vậy "nếu chưa bảo đảm cho họ được độc lập về văn hoá" (543)... (đó là phần cuối của § 30).

Ở § 29, "**Chủ nghĩa đế quốc và nguyên tắc dân tộc**" (512 - 529 của bản dịch sang tiếng Nga), tác giả trích dẫn lời Sun-tê - Ghê-véc-ni-txơ viết về *chủ nghĩa đế quốc Anh*, tác giả xem xét việc phân chia Thổ-nhĩ-kỳ, ý đồ của Ý định chiếm An-ba-ni: "Họ sẽ chăm chăm nhìn về phía Tơ-ri-en và Tơ-ri-ét, nhưng lại nghĩ đến An-ba-ni" (519). "Như vậy thì có thể đem cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa với mục đích xâm lược mà trình bày với quần chúng nhân dân Ý như một cuộc chiến tranh giành tự do dân tộc" (519)...

NB  
như  
vậy

Bát-đa, nước Nga ở Ba-tư etc. – “đó là những hạt giống và nhân tố của các cuộc xung đột ấy trong tương lai” (518)...

Cũng bằng cách đó, “chủ nghĩa đế quốc Anh trải ra trước mắt quần chúng cử tri một bức tranh quyến rũ về một đế quốc gồm 400 triệu người dưới sự thống trị của một dân tộc duy nhất là dân tộc Anh trong khi đó thì nó lại nghĩ đến lợi nhuận của những các-ten của bọn trùm tư bản sắt thép và đến cuộc đấu cơ ở Sở giao dịch Luân-đôn”... “một lúc nào đó, có lẽ đế quốc Nga sẽ tuyên bố nền tự do và thống nhất của Ba-lan và U-cra-i-na để mở ra những thị trường mới cho các chủ nhà máy ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va và Lốt-dơ”... “cũng vậy, chủ nghĩa đế quốc Đức sẽ phải đóng vai người thừa kế tư tưởng Đại Đức năm 1848, sẽ phải viết lên lá cờ của mình việc thực hiện một tổ quốc Đại Đức thống nhất, khi nó định hy sinh tính mạng của công nhân và nông dân Đức vì quyền lợi của tư bản” trên sông Ti-grơ và sông Ô-phra-tơ” (522 – 523)...

NB

“Việc làm cho Áo tan rã bên trong xã hội tư bản chủ nghĩa chỉ có thể là việc làm của chủ nghĩa đế quốc” (528)...

“Việc làm cho Áo sụp đổ đòi hỏi phải có tiền đề là thắng lợi của chủ nghĩa đế quốc ở Đức, Nga và Ý. Nhưng thắng lợi của chủ nghĩa đế quốc lại đòi hỏi phải có tiền đề là sự thất bại của giai cấp công nhân tại các nước đó” (527). Công nhân Áo nên hy vọng không phải vào thắng lợi của chủ nghĩa đế quốc...

GRUM-BÁCH. “SAI LẦM  
CỦA XIM-MÉC-VAN - KI-EN-TAN”

X. Grum-bách. “*Sai lầm của Xim-méc-van - Ki-en-tan*”. Béc-nơ, 1916 (95 tr.) (một hành vi tầm thường của một tên xã hội – sô-vanh).

tr. 24: ... “Mặc dù ông ta (Cau-xky) ngày 4. VIII. 1914 đã không hiểu rõ được tình hình đến nơi đến chốn, nhưng dù sao đối với chúng ta (!!!) và đối với những người xã hội chủ nghĩa của tất cả các nước, ông ta vẫn là một trong các nhà lý luận chỉ đạo của Quốc tế”...

tr. 26 ... “Chủ nghĩa bình quân chung mà Xim-méc-van và Ki-en-tan tuyên truyền”...

– tr. 40 – những người dân chủ – xã hội Đức không trả lời *đề nghị* của Va-li-ăng - Cây-rơ Hác-đi, và mặc dù họ đã hứa hẹn, nhưng họ vẫn không thảo luận lời đề nghị đó ở Hem-ni-xtơ (1913) (để chuẩn bị cho Đại hội năm 1914 ở Viên)!!! (Hồ đồ! Làm như thể Lê-ghin và đồng bọn *đã có thể* làm được điều đó!). (Xem Huy-xman trong thư gửi cho đảng Thụy-sĩ – idem).

Thiếu số Pháp cũng *tán thành* bảo vệ tổ quốc!! (– 54 –). [Hồi tháng Tám và tháng Mười một năm 1914, Grim cũng đã tán thành bảo vệ tổ quốc – 68.]

tr. 77: Lê-nin *tán thành* chiến tranh Ma-rốc etc.

(tr. 4 cuốn sách nhỏ viết bằng tiếng Đức<sup>1)</sup>). “Ở đây sự điên rồ đã được đưa lên thành một phương pháp”! Ma-rốc có thể tự bảo vệ, còn Pháp thì không!! (Thằng hề!)

tr. 78: Lê-nin (“Vorbote”<sup>84</sup> số 1<sup>2)</sup>) coi các cuộc nổi loạn vì đối ở Đức là “khởi điểm của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng!! Đó là *áo tưởng*!! Ngược lại “nhân dân Đức hoàn toàn không có phẩm chất cách mạng” (78).

82: Mai-ơ Lon-đơn đã nói vào ngày 18. I. 1916, ở hạ nghị viện Mỹ, là ông ta sẽ bảo vệ tổ quốc của mình trong trường hợp bị tấn công!!!!

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 392 – 393.

<sup>2)</sup> Như trên, t. 27, tr. 149 – 166.

84 – 5: Tuyên bố của Lê-đê-bua phản đối những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức và của Boóc-khác-tơ phản đối Lê-đê-bua. “Không bao giờ” các ngài lại có được sự từ chối **“bảo vệ tổ quốc”**!!! và ngay cả Liép-nếch cũng *tán thành* bảo vệ tổ quốc!!

#### ĂNG-GHEN. NHỮNG BỨC THƯ GỬI DOỐC-GHÊ

*Ăng-ghen* gửi Doóc-ghê ngày 3. VI. 1885... Về vấn đề trợ cấp cho các hãng tàu thủy (sau khi đạo luật đặc biệt bị bãi bỏ); “rõ ràng là sẽ có sự phân liệt và điều đó chỉ có lợi thôi. Một cánh xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản sẽ không tránh khỏi xuất hiện ở một nước như nước Đức, nơi mà chủ nghĩa phi-li-xtanh đã “tồn tại từ đời xưa đời xưa” còn mạnh hơn cả pháp luật lịch sử”...<sup>85</sup>

Ngày 29. IV. 1886: “Ở Đức, trong những thời kỳ yên tĩnh, mọi thứ đều sặc mùi chủ nghĩa phi-li-xtanh; ở đây, sự kích thích do sự cạnh tranh của Pháp là hoàn toàn cần thiết. Và cái đó thì chẳng phải lo là không có”...<sup>86</sup>

Ngày 22. II. 1888: ... “Điều đó mà bắt đầu ở một nơi nào đấy là những nhà tư sản sẽ ngơ ngác thấy rằng lúc đó chủ nghĩa xã hội tiềm tàng sẽ xuất hiện ra ngoài ánh sáng và sẽ trở thành hiển nhiên” (291)...

7. XII. 1889: ... “Cái đáng ghê tởm nhất ở đây” (ở nước Anh), “chính là cái “lối sĩ diện” tư sản đã thấm sâu vào tận xương thịt công nhân... thậm chí Tôm Man, người mà tôi coi là khá nhất, cũng rất sẵn sàng nói rằng anh ta sẽ đi ăn sáng với ông thị trưởng. Khi so sánh họ với người Pháp thì người ta sẽ thấy thế nào là cách mạng”<sup>87</sup>...<sup>1)</sup>

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 219.

Ngày 8. II. 1890 ... “Phái Pha-biêng là một lũ tư sản có học vấn và đầy thiện chí đã bác bỏ Mác... Mục tiêu chính của họ là... thu hút *nhà tư sản* về phía chủ nghĩa xã hội và do đó, đưa chủ nghĩa xã hội vào bằng con đường hoà bình và lập hiến” (331)...

((về phái Pha-biêng 393 (18. III. 1893) – tr. 401 (11. XI. 1893)... – họ muốn đem chủ nghĩa xã hội thấm nhuần vào chủ nghĩa tự do; cần phải làm cho chính họ thấm nhuần tinh thần công nhân)).

Ngày 19. IV. 1890... ở Anh, có hàng hà sa số các cuộc tranh luận etc., những tập tục, những sự hiềm khích, những thành kiến của các công nhân lành nghề, etc. etc.

... “Nhưng phong trào đang phát triển ở *bên dưới*, nó thu hút được những tầng lớp ngày càng rộng rãi và nhất là trong quần chúng *lớp dưới cùng*” (do Ăng-ghen viết ngả) “cho đến nay vẫn còn nằm im, chẳng bao lâu nữa sẽ đến cái ngày mà quần chúng đó bất ngờ *tự thấy được vai trò của mình*” (do Ăng-ghen viết ngả), “ngày mà họ hiểu rõ được rằng họ chính là lực lượng vĩ đại đang hoạt động”...<sup>1)</sup> (336).

Ngày 4. III. 1891... chính đây là thất bại của công nhân hơi đốt và bến tàu và công liên của họ, “công liên mới của họ tan vỡ, và những công liên bảo thủ cũ, *giàu có*” (do Ăng-ghen viết ngả) “và chính vì vậy mà hèn nhất, sẽ còn lại một mình trên chiến trường” (359).

Ngày 14. IX. 1891. Hội nghị các công liên ở Niu-ca-xơn cũng là một thắng lợi (giống như hội nghị quốc tế)... “Các công liên *cũ*” (do Ăng-ghen viết ngả) “do những người thợ dệt cầm đầu, và

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 219.

toàn thể đảng phái phản động trong công nhân đã hết sức cố gắng bãi bỏ quyết định ngày làm việc 8 tiếng đưa ra năm 1890. Họ đã thất bại... và các báo chí tư sản hoàn toàn thú nhận sự thất bại của *đảng công nhân tư sản*" (do Ăng-ghe-nhien viết ngả) "với một nỗi kinh hoàng, những tiếng rên rỉ, những cơn nguyền rủa kèn kẹt" <sup>1)</sup> (368).

NB

NB

Ngày 24. X. 1891... về một cuộc chiến tranh có thể nổ ra... chúng ta, những người Đức (có lẽ) cần phải "diễn năm 1793"... thật là tai vạ nếu có chiến tranh, và nếu chiến tranh "sẽ đưa chúng ta lên nắm chính quyền quá sớm thì cần phải chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với tình thế đó" (371)...

Idem, 376: nếu có chiến tranh như thế, "chúng ta sẽ phải dám hành động, bất chấp mọi sự nguy hiểm" (376).

... "quần chúng (ở Đức) rất tốt và phần lớn tốt hơn cả những người cầm đầu"... (399) (7. X. 1893).

2. XII. 1893... Những trở ngại trong sự phát triển của phong trào công nhân ở Mỹ; 1) chế độ "đảng của chính quyền" (2 đảng; những phiếu bỏ cho đảng thứ ba là không có tác dụng); 2) sự nhập cư chia công nhân ra thành hai nhóm; chia kiểu dân ra thành các nhóm nhỏ, ngoài ra lại còn *người da đen* nữa; 3) thuế quan bảo hộ làm cho công nhân "chịu ảnh hưởng của sự phồn vinh", điều mà châu Âu không có... (403)...

412 (12. V. 1894), *chủ nghĩa biệt phái* trong liên đoàn dân chủ – xã hội và trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa Đức – Mỹ ở Mỹ đã biến lý luận thành "một giáo điều cứng đờ"... ((sao cho công nhân chưa phát triển có thể nuốt trôi ngay được)).

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcô-va, t. 30, tr. 219.

## TẠP CHÍ "CÁI CHUÔNG"

ENG-XTƠ HAI-LMAN. "THỰC CHẤT CỦA CUỘC TRANH LUẬN"

"Die Glocke", 1916, số 20 (12. VIII. 1916).

*Eng-xtơ Hai-lman*. "Thực chất của cuộc tranh luận" (770 – 786).

Mục đích là trình bày "những ý kiến cơ bản của ba nhóm đang tranh luận với nhau" (770):...

"Nhóm đa số, nhóm hợp tác lao động và nhóm quốc tế chủ nghĩa (nhóm của Liép-nếch)" (771)...

1 – muốn cho "Đức thắng"

2 – muốn "kế cục của chiến tranh là không thắng không bại"

3 – muốn "Đức thất bại" (771)...

NB ||| "Hai khuynh hướng đầu ủng hộ việc bảo vệ tổ quốc trong khi nhóm hợp tác lao động hết sức lo lắng sao cho không vượt quá phạm vi tự vệ đơn thuần, còn những người theo "Quốc tế thứ ba" lại phủ nhận nguyên tắc "bảo vệ tổ quốc", coi đó là một lời nói làm cho người ta lạc hướng" (771)...

"Nhóm Liép-nếch tỏ ra hoàn toàn tự trung thành với bản thân mình... Hiện nay những người theo xu hướng đó đã thống nhất lại thành một đảng mới với một cương lĩnh Xpác-ta-cút. Theo bước nhà lãnh tụ lý luận của mình là Lê-nin ở Nga, họ muốn áp đặt một cách vô điều kiện nghĩa vụ quốc tế cho tất cả các đảng dân chủ - xã hội là phải làm cho nước mình phải thất bại, bằng đủ mọi cách: truyền đơn không hợp pháp, tổ chức bí mật, bãi công có tính chất quần chúng và khởi nghĩa" (771)... "Ở Nga, những người theo xu hướng này đã tự xưng một cách chân thực và không sợ sệt là những kẻ theo chủ trương làm cho chính phủ nước mình thất bại" (772).

Sự tuyên truyền Xpác-ta-cút, – một sự tuyên truyền khẳng định rằng nói chung, sự xâm chiếm của địch không

hề có gì là đáng ghê sợ nhất, ngược lại, sự xâm chiếm ấy lại có thể dẫn tới việc giành được tự do, – có lẽ được đại đa số những nhà lý luận người Nga lưu vong tại Thụy-sĩ ủng hộ; trên thực tế, nó chỉ có thể có giá trị đối với nước Đức, và vì vậy, nó là sự tuyên truyền cho sự thất bại của Đức" (772)...

"Nhóm hợp tác lao động, hay là phái hữu Xim-méc-van mà Cau-xky là nhà lý luận, và Ha-dơ và Lê-đê-bua là các lãnh tụ chính trị, không những chỉ rút ra từ tình hình thực tế một kết luận rằng các cuộc chiến tranh này phải kết thúc bất phân thắng bại, mà chính là còn muốn cho cuộc đại chiến kết thúc đúng như thế" NB

"Phê phán cái lập trường lưng chừng ấy thì thật là quá ư dễ dàng và đơn giản. Lời khẳng định rằng vấn đề phòng thủ nước Đức đã được giải quyết rồi lại mâu thuẫn quá rõ ràng với các sự kiện khiến cho những người có lý trí phải phì cười" (773)...

"Nó (đạ số) đã hành động theo hướng ký được hoà ước thật nhanh, song hoà ước ấy chỉ có thể do các chính phủ hiện nay thực hiện được thôi" (778). HB

"Nói chung, đối với tư tưởng về một thảm họa, hoặc tư tưởng về một cuộc cách mạng với tính cách là phương tiện để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải đem chôn nó một cách vĩnh viễn và cũng không cần phải chọn một giai đoạn cụ thể nhất định nào đó mới đem chôn nó, mà trên nguyên tắc là phải đem chôn nó đi. **Làm một người xã hội chủ nghĩa có nghĩa là về nguyên tắc làm một người chống đối cách mạng**" (do tác giả viết đậm nét); "quan điểm ngược lại chính là di sản của cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp tư sản, một di sản mà chúng ta còn lâu mới hoàn toàn trút bỏ được về mặt tinh thần" (780)... NB

tr. 782: nhiều ví dụ ( $1/2$  trang tên người) các bá tước và tướng tá (con cái của họ là sĩ quan etc.) hy sinh ha ha!!!

trong chiến tranh: lý lẽ là "trước mặt kẻ thù, tất cả chúng ta đều bình đẳng" (783) (!!!!).

"Thành thử rút cục lại là cuộc khủng hoảng chính trị ngày 4 tháng Tám chẳng qua chỉ là sự tái diễn cuộc đấu tranh xưa kia giữa lý luận về thảm họa với thuyết tiến hoá, một cuộc đấu tranh hiện nay sắp kết thúc bằng thắng lợi của các quan điểm tiến hoá. Vì vậy, nếu không kể một số ít những kẻ chạy từ phe này sang phe khác, chúng ta vẫn thấy đó là sự đối lập và sự đấu tranh giữa những hàng ngũ cũ là những người cải lương và các chiến sĩ cách mạng, hoặc có thể nói là những người xét lại và các nhà cấp tiến, và chúng ta vẫn nghe thấy những khẩu hiệu cũ" (784)...

NB "Bất chấp những lời nguyên rủa nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần, quan điểm tiến hoá trong lịch sử ngày càng được khẳng định trong đảng, và nó sẽ thắng ngay cả trong trường hợp là ở một nơi nào đó, sau chiến tranh, sự phẫn nộ của các dân tộc đã chịu quá nhiều đau khổ, dẫn tới chỗ cách mạng bùng nổ. Các sự kiện sục sôi và thậm chí đẫm máu có thể kim hãm hoặc thúc đẩy tiến trình phát triển nhưng không bao giờ có thể làm đổi thay những đặc trưng cơ bản của tiến trình ấy" (785 – 786).

ở đây, mấu chốt là nửa đầu của câu đó

!! "Do chỗ con số những người kiếm sống không phải bằng hoạt động kinh tế tư nhân hoặc lĩnh tiền công và tiền lương không phải của các tư nhân, ngày càng tăng lên, nên chủ nghĩa xã hội ngày càng trở thành hiện thực. Người công nhân các xí nghiệp nhà nước, công xã và hợp tác xã cũng được xã hội hoá, giống như người bác sĩ phụ trách quỹ chữa bệnh hoặc viên chức công đoàn" (784). lời châu ngọc

## LIẾP-NẾCH V. và MÁC

(BỨC THƯ GỬI V. LIẾP-NẾCH NĂM 1878)

V. *Liép-néch*. "Bản về vấn đề phương Đông hay là châu Âu có cần trở thành Ca-dắc không? Lời báo trước gửi nhân dân Đức". **Xuất bản lần thứ 2**. Lai-pxích, 1878, tr. 57 và 59.

NB  
phải tìm  
cho  
được!!

Được trích dẫn trong "*Sozialistische Monatshefte*", 1916, tr. 1905 (số 21, 19. X. 1916), trong bài báo của Síp-pen khẳng định rằng có hai lá thư của một "người bạn", rõ ràng là của **Mác**, in kèm theo quyển sách này của Liép-néch. (Trong quyển sách của V. Liép-néch xuất bản lần thứ I *không có* in kèm theo hai lá thư ấy<sup>88</sup>). Lúc đó – theo tác giả, - **Mác** đã viết:

"Do một *giai đoạn hủ hoá* bắt đầu từ năm 1848, dần dần *giai cấp công nhân Anh* đã ngày càng *mất tinh thần* hơn, và rốt cuộc nó đã đi tới mức trở thành *vật phụ thuộc* đơn thuần vào cái đảng tự do lớn, tức là đảng của những người nô dịch họ, của những tên tư bản. Quyền lãnh đạo *giai cấp công nhân Anh* đã chuyển hẳn vào tay những lãnh tụ nghiệp đoàn *bị mua chuộc* và những tuyên truyền viên chuyên nghiệp. Nói gót bọn Glát-xtôn, Brai-tơ, Men-đen, Moóc-li, bọn chủ xưởng đê tiện, v.v., bọn người ấy đã dùng đủ mọi giọng để tâng bốc Nga hoàng trong vai người giải phóng các dân tộc, đồng thời lại chẳng hề đả động đến *những người anh em* của chính chúng đang bị các tên chủ hãm

(1848 - 1878)  
*Mác*  
viết  
về công nhân  
Anh  
năm 1878

mỏ Nam Oen-xơ *đẩy vào cảnh chết đói*. Bọn người đê tiện! Để cho những điều đó đi đến chỗ triệt để, thì trong những lần biểu quyết gần đây ở Hạ nghị viện (ngày 7 và 8 tháng Hai khi phần lớn các phần tử trụ cột của đảng tự do lớn như Phoóc-xtơ, Lô, Hác-cóc, Gô-sen, Hác-tinh-tơn và ngay cả Giôn Brai-tơ vĩ đại đã bỏ mặc quân đội của mình trong cảnh khốn cùng mà chuồn mất đúng lúc biểu quyết để khỏi phải tham gia một cuộc bỏ phiếu nào làm tổn hại đến thanh danh của họ) những đại biểu công nhân duy nhất trong Hạ nghị viện, – và thật đau lòng khi nói ra – những người đại biểu trực tiếp cho công nhân mỏ và bản thân cũng là con cái thợ mỏ, như Bớt-tơ và tên **Mác-Đô-nen** tiểu nhân đã là những người biểu quyết cùng với bọn tay chân của "đảng tự do" tức là bọn vãn ca tưng Nga hoàng! Nhưng những kế hoạch của người Nga được triển khai một cách mau lẹ, đã xua tan ngay mọi sự mê hoặc, chấm dứt ngay lối cổ động máy móc (những tờ giấy bạc năm li-vrơ xtéc-linh là động lực chủ yếu của bộ máy đó); giữa giây phút ấy mà mở miệng nói trong bất cứ cuộc mít-ting công khai nào của công nhân cũng đủ "nguy hiểm cho tính mạng" của bọn Mốt-te-rơ-xkhe-đơ, Hô-nen, Giôn Gây-lơ, Síp-tôn, Ô-xbo-rơ và cho cả bè lũ đó; thậm chí quần chúng nhân dân có



thể dùng bạo lực để đình chỉ và giải tán cả những cuộc họp kín của chúng (mà chỉ những người có giấy mời mới được dự)".

NB: Thư của Mác (gửi Liép-nếch?)  
năm 1878

NGƯỜI NHẬT VÀ CHỦ NGHĨA SÔ-VANH  
CỦA CÔNG NHÂN MỸ

"Die Neue Zeit", 1913 (31, 2), tr. 410 – 412 (số ra ngày 20. VI. 1913)

NB  
chủ nghĩa sô-vanh của công nhân

*Éc-vin Gút-đê.* "Đạo luật đặc biệt mới chống người Nhật ở Mỹ". (Đê: Xan Phran-xi-xcô, ngày 21. V. 1913).

Đạo luật này nhằm cấm người Nhật mua đất (chỉ được thuê trong vòng 3 năm thôi) đã được thống đốc ký ngày 19. V. 1913, bất chấp sự phản đối của Vu-đrô Uyn-xơn.

Đây là "một đạo luật đặc biệt loại tồi nhất" (410) – "một chính sách còn tồi hơn cả chính sách của Phổ đối với người Ba-lan" (412).

Và ngay cả công nhân Mỹ cũng là những người mắc phải "*chủ nghĩa sô-vanh*" (NB) (412). "Các ngài trong "Liên đoàn lao động Mỹ" không những chỉ muốn tước bỏ mọi quyền của "những

Công nhân  
Mỹ và  
*chủ nghĩa*  
*sô-vanh*  
của họ  
  
đối với  
*người*  
*Nhật*

NB |||| người da vàng" mà nói chung họ còn muốn tống cổ hết những người đó ra khỏi nước họ" (411).

Công nhân ủng hộ bọn đế quốc chủ nghĩa...

"Đảng xã hội chủ nghĩa" cũng vậy!!!

||| Đạo luật đặc biệt này "cho ta thấy rằng nhân dân Ca-li-phoóc-ni-a, mà trước tiên là quần chúng công nhân, đã vào hòa với *bọn đế quốc* Mỹ là bọn đã từ lâu chuẩn bị chiến tranh với Nhật. *Trong vấn đề này, Đảng xã hội chủ nghĩa cũng đã tỏ ra thấp kém*" (411).

Đạo luật này "mới chỉ là một khâu trong cả chuỗi dài các đạo luật" (412)...

GRÂY-LÍCH VÀ TỜ "GRUYT-LI-A-NE-RO"

GRÂY-LÍCH. "BỨC THƯ NGỎ GỬI HỘI GRUYT-LI<sup>89</sup>  
HỐT-TIN-GHEN"

"Grütlianer" số 230. 1916 (2. X. 1916).

*Héc-man Grây-lích.* "Bức thư ngỏ gửi Hội Gruýt-li Hốt-tin-ghen".

|| Chỉ có một số nhỏ công nhân tham gia phong trào công nhân. "Bởi vậy mức sống mới chỉ được nâng cao lên một chút, mà hơn nữa lại *chỉ* được nâng lên ở *những tầng lớp trên* của giai cấp công nhân thôi. Còn đông đảo quần chúng công nhân thì vẫn nằm trong cái gọng kìm của cảnh thiếu thốn, khốn cùng và bất hạnh. Bởi vậy người ta thỉnh thoảng lại tự hỏi mình xem không biết con đường họ theo đuổi từ xưa đến nay có đúng hay không. Sự phê phán là để tìm ra những con đường mới và nó hy vọng chủ yếu vào việc có *những hành động cương quyết hơn nữa* để dẫn tới thắng lợi. Người ta đã thử làm theo hướng này, nhưng thường thường đều bị thất bại; thành thử người ta lại có những cố gắng mới để trở

lại dùng sách lược cũ. Ai đã từng theo dõi quá khứ của phong trào công nhân trong một thời gian tương đối dài, sẽ thấy trạng thái khi lên khi xuống của nó... Nhưng rồi chiến tranh thế giới bùng nổ... đối với quảng đại quần chúng... nỗi thất vọng đau đớn... tình trạng sút kém ghê gớm của những điều kiện sinh sống, - khiến cho ngay cả những tầng lớp trước kia sống vào loại trung bình, ngày nay cũng đã lâm vào cảnh bần cùng, - đã *tăng cường trào lưu cách mạng*. Tất cả những vấn đề trước đây như những nguyên tắc, sách lược và tổ chức đều bị đặt thành vấn đề nghi vấn. ... Ai là người có khả năng nhận thức được đúng đắn cái cảnh lộn xộn hiện nay... hẳn phải thấy cuộc tranh luận lớn ấy” (về những nguyên tắc và sách lược cách mạng) “là hoàn toàn tự nhiên và không vì nó mà thất vọng. Tất nhiên đã có khá nhiều việc làm khờ dại, nhưng đấy là cả đôi bên đều làm...”

Cho đến nay, hầu như chỉ có mỗi mình tôi là có ý định hoà giải... Thực ra bộ phận lãnh đạo của đảng không có khả năng làm tròn nhiệm vụ của mình và đã chịu quá nhiều ảnh hưởng của những cái đầu nóng... Ban chấp hành trung ương Hội Gruýt-li đã quyết định đi theo con đường “*chính sách dân tộc thực tiễn*” và có ý định tiến hành chính sách này ở ngoài đảng... Tại sao nó lại không tiến hành trong nội bộ đảng? Tại sao dường như bao giờ nó cũng chỉ để cho một mình tôi phải đứng ra đương đầu với những phần tử cấp tiến cực đoan?...

...Tôi tin chắc rằng rút cục lại tình trạng lên men hiện nay ở trong đảng sẽ mang lại rượu vang hảo hạng, nếu như thùng rượu không bị bịt kín trước khi quá trình lên men kết thúc... Đảng chỉ có thể là một đảng vô sản và không thể là một biệt phái có những hành động mà giai cấp vô sản không hiểu nổi... Nếu

nó (Hội Gruýt-li)... cứ tuyệt sự thoả thuận với đảng, thì chỗ của tôi sẽ không còn là ở trong hội ấy nữa. Tôi tin tưởng vào tương lai của đảng và vì vậy mà bao giờ tôi cũng đi theo đảng”. (Hết). Béc-nơ. 26. IX. 1916.

Ở đây, cũng có bản trả lời của Ban chấp hành trung ương Hội Gruýt-li gửi Grây-lích. Chủ nghĩa cấp tiến cực đoan và “phái giữa” đều không tán thành sự tồn tại của Hội Gruýt-li. Ở đây, cũng có một tiểu phẩm “Xpác-ta-cút là ai?” (ca ngợi)!!!

“ĐÁ CHỨ KHÔNG PHẢI BÁNH MÌ!”

“*Grüt lianer*” số 255, 31. X. Bài xã luận: “*Đá chứ không phải bánh mì*” của một “*cán bộ công đoàn*”: chính “*khuyh hướng cấp tiến*” đã đem lại “đá chứ không phải bánh mì”. Phải có một “*nhận thức cải lương chủ nghĩa*”, “*cải cách xã hội thực tiễn*”, “*cải cách dân chủ - xã hội chủ nghĩa*”... .. (chống lại những người gọi là “*mác-xít*”)...

“SỰ BẤT ĐỒNG CÓ TÍNH CHẤT NGUYÊN TẮC TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ”

Số 253. 28. X. 1916. Bài xã luận: “*Sự bất đồng có tính chất nguyên tắc trong việc đánh giá*”. Đoạn trích dẫn từ “*Leipziger Volkszeitung*”, đoạn này bảo vệ “*quan điểm xã hội chủ nghĩa*”. Báo chí ở Xuy-rích và Béc-nơ mắng nhiếc Péc-néc-xtoóc-phơ.

Chúng tôi *không tán thành* đa số ở Đức, mà cũng không ủng hộ báo chí ở Xuy-rích và Béc-nơ, chúng tôi *tán thành* những đường lối "hợp pháp". Chúng tôi thấy hành động của Át-lơ "*chỉ là một sự ngông cuồng*"...

NB  
họ ủng hộ "phái giữa"

"GIỮA CHÚNG TA KHÔNG CÓ NHỮNG SỰ BẤT ĐỒNG NÀO VỀ NGUYÊN TẮC CẢ!"

Số 249. X. 1916. Bài xã luận: "Giữa chúng ta không có những sự bất đồng nào về nguyên tắc cả!" (trong ngoặc kép) – lời phát biểu của *Hu-bơ* (Rô-tsác) trong hội nghị các đại biểu Hội Gruýt-li, ông ta nói: thế mà "*Volksrecht*" tán dương Át-lơ đấy!! *Chúng tôi* lên án ông này về nguyên tắc!

NB

"NHỮNG LOÀI CỎ DẠI DÂN TỘC CHỦ NGHĨA" ĐANG TÁCH KHỎI "GIỐNG LÚA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ"

Số 248. 23. X. 1916. Bài xã luận: "Những loài cỏ dại dân tộc chủ nghĩa" đang tách khỏi "giống lúa xã hội chủ nghĩa quốc tế" (đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ đã phát biểu như vậy trong đại hội của những người xã hội chủ nghĩa Ý của Thụy-sĩ).

"LUẬN CƯƠNG CHO BÀI THUYẾT TRÌNH"

Số 235. 7. X. 1916. Luận cương cho *bản cương lĩnh* Gruýt-li.

"VIỆC NHẬP QUỐC TỊCH CHO NGOẠI KIÊU"

Số 243 (17. X. 1916) và một loạt trước số này (các số 237 (10. X.) – 243). Những bài về "*Việc nhập quốc tịch cho ngoại kiều*"...

Năm 1912, uỷ ban "chín người" (trong đó có Grây-lich và Vun-slê-gơ) đệ trình một bản đề nghị.

!!!! || Sau 15 năm thì bắt buộc phải nhập quốc tịch. Chi phí cho việc nhập quốc tịch: không quá 300 phrăng!!

Số 242 và 243.

"ĐẢNG HAY HỘI GRUYT-LI?"

"Grütliener" 18. X. 1916. "Đảng xã hội - ái quốc" Thụy-sĩ.

"CÔNG ĐOÀN VÀ VẤN ĐỀ QUÂN SỰ"

NB || "Grütliener", số 216 (15. IX. 1916): một bài báo ngắn với đầu đề: "**Công đoàn và vấn đề quân sự**".

(\*) Số 6, phố Ca-pen-len-stra-xe, Béc-nơ

(\*\*) bài báo của ông I. G., Ba-lơ này rất tốt, thuần túy có tính chất công nhân và quốc tế chủ nghĩa cách mạng

"Trong "*Schweizerische Metallarbeiter-Zeitung*" (1916, số 38, 16. IX. 1916) khi bàn tới vấn đề kể trên, một phóng viên [I. G., Ba-lơ] (\*\*) đã đi đến kết luận ngắn gọn và rõ ràng là "nhiệm vụ của các đoàn viên công đoàn là lo lắng làm sao cho vấn đề quân sự được đảng giải quyết một cách rõ ràng và theo đúng nguyên tắc. Hiện nay là đấu tranh kiên quyết nhất với chủ nghĩa quân phiệt và với việc bảo vệ tổ quốc, còn tương lai là giải trừ quân bị đồng thời với chủ nghĩa xã hội".

Về việc này, ban biên tập của tờ báo ("Lời bạt của ban biên tập"), đồng chí Snê-ê-bóc-gơ nhận xét rằng công đoàn tự bản thân nó không nên quan tâm đến cả vấn đề tài

giảm binh bị lẫn vấn đề giải trừ quân bị. Một người mới là đoàn viên công đoàn thì chưa phải là một người dân chủ - xã hội, cũng chưa phải là người chống chủ nghĩa quân phiệt; ngay bản thân những quan điểm chính trị và tín ngưỡng của họ cũng không có quan hệ gì với việc họ nằm trong tổ chức công đoàn. Đúng là trong nhiều trường hợp, thành viên công đoàn đã mau chóng trở thành người tán thành những quan điểm xã hội chủ nghĩa hoặc dân chủ - xã hội. Song họ sẽ thể hiện những quan điểm đó trong công đoàn ít hơn là trong các tổ chức dân chủ - xã hội được đặc biệt lập ra nhằm mục đích này. Phương thức đó là rất hợp lý, và vì lý do đó cũng như vì phạm vi nhiệm vụ của công đoàn trong lĩnh vực kinh tế là khá rộng nên cho đến sau này nữa, cũng vẫn nên duy trì phương thức ấy.

Hơn nữa công đoàn hay những cơ quan của nó sẽ tuyệt đối không thể tiến hành công tác giáo dục thực sự trong lĩnh vực này được.

Những điều quá ư dĩ nhiên đây rầy trong bài báo đang được phân tích đó, thật là vô bổ. Những lời lẽ như vậy đã chẳng thuyết phục được những người đã thấm sâu những quan điểm hoàn toàn khác hẳn (đa số trường hợp là như vậy), thì lại càng khó có khả năng dùng đôi ba lời mà giải thích được bản chất của chiến tranh hoặc gây được tác dụng đối với bạn đọc vốn không có thiên kiến và vô tư bằng cách phóng đại vai trò của những lực lượng quân sự của Thụy-sĩ trong những trận chiến đấu với công nhân. Chỉ cần nhắc tới cuộc đấu tranh của công nhân ở Ý, ở Tây-ban-nha, ở Pháp và ở Đức hay thậm chí ở cả nước Mỹ tự do là có thể làm cho người ta công nhận rằng dù sao những điều kiện của Thụy-sĩ vẫn còn tốt hơn của Nga.

!!

NB

Nhưng công thức: "người công nhân không có tổ quốc" đã hoàn toàn trở thành một câu nói vô vị trong lúc mà đại bộ phận của giai cấp công nhân toàn châu Âu đã hai năm nay kề vai sát cánh với giai cấp tư sản để chiến đấu chống "kẻ thù" của tổ quốc mình, còn những người ở hậu phương thì cố gắng "đứng vững" bất chấp mọi sự thiếu thốn và đau khổ. Nếu Thụy-sĩ bị tấn công như vậy thì chắc chắn là chúng ta sẽ được chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Và có thể ở đấy những người đầu tiên rút khỏi trận địa của mình là những người hiện đang lớn tiếng hò hét nhiều nhất".

Tờ "Grütliener" in lại những đoạn [đánh dấu bằng hai gạch] bằng những chữ in đậm nét. Nói chung, báo này đã in lại *toàn bộ* lời bạt và ghi thêm tên người biên tập. Báo "*Metallarbeiter-Zeitung*" có in: ban biên tập: Ô. Snê-ê-bóc-gơ và C. Đuy-a-rô ((NB)).

"BÁO CÔNG NHÂN KIM KHÍ THỤY-SĨ"

E. T. "NHẬN XÉT CHUNG"

"*Schweizerische Metallarbeiter-Zeitung*", 1916, số 40 (30. IX. 1916)... Bài của E. T. "Nhận xét chung": Chiến tranh là "có tính chất kinh tế"... "Sự phá sản của Quốc tế"... "Tổ chức của các nhà tư bản là "Đức"" chống lại một tổ chức như vậy là "Anh"... ngoài nghề nghiệp của chúng ta ra (như thợ nguội, v.v.) chúng ta còn cần phải trở thành những nhà chính trị và mong muốn "xã hội hoá các tư liệu sản xuất"... "Không thể có sự tách rời giữa công đoàn và chính trị được"; chúng ta không khéo thì sẽ phải "buộc bản thân chúng ta phải làm hộ lý cho chủ nghĩa tư bản"...

rất  
hay!

## “NHẬN XÉT CHUNG. (QUAN ĐIỂM KHÁC)”

Trong số 41 (7. X. 1916), có một bài báo *khuyết danh*: “Nhận xét chung. (Quan điểm khác)” nói rằng E. T. không đồng tình cả với tác giả của bài báo “Công đoàn và vấn đề quân sự”, *lần lời bạt của ban biên tập*. Ông ta phản đối “sự tách rời” công đoàn và “việc khuôn” nó “vào trong những vấn đề thuần túy mang tính chất công đoàn”.

NB

Tác giả bài báo đã dành hẳn 3<sup>1</sup>/<sub>2</sub> cột báo để tự biện hộ rằng chúng ta không đủ sức làm đủ mọi việc, rằng chúng ta có rất nhiều công việc phải giải quyết (danh mục những vấn đề *cải lương!!*), rằng ta đã có được 6 bài báo bàn về “chủ nghĩa đế quốc” cũng xuất phát từ quan điểm dân chủ – xã hội; rằng năm 1904, ở Luy-txéc-nơ, *Snê-ê-bóc-gơ*, với tư cách là đại biểu của Ban chấp hành trung ương công đoàn công nhân kim khí đã phản đối “việc lao (với tư cách là công đoàn) vào những hoạt động chính trị”, và trong hội nghị các công đoàn Luy-txéc-nơ, ông ta đã giành được 56 phiếu thuận, 18 phiếu chống; rằng đảng lẽ phải tiến hành một “công tác có kế hoạch” (tr. 2, cột 3) “và có hiệu quả để trước hết là nhằm mục đích hoàn thành đến mức tối đa những nhiệm vụ đã được nêu ra trong điều lệ của công đoàn thì chúng ta lại để ra một ý kiến vô cùng gàn dở về cải tiến thế giới bằng đủ mọi loại dự thảo kế hoạch mà chúng ta sẽ lớn tiếng tuyên bố, nhưng rốt cuộc sẽ không có một kế hoạch nào được thực hiện. Đại đa số công nhân đã căn cứ vào những sự kiện thực tế. Mặc dù họ luôn luôn mong sao cho “việc xã hội hoá tư liệu sản xuất” chóng trở thành hiện thực, nhưng họ cũng vẫn không muốn lao mình vào những cuộc phiêu lưu”.

!!

!!

!!

## “BÁO RANH MỚT”

“*Neue Rheinische Zeitung*”. Bình luận về chính trị - kinh tế, do C. Mác làm chủ biên. (Những quyển I – V/VI in thành một tập riêng.) Luân-đôn, 1850.

Quyển **I**, tháng Giêng 1850. – Quyển **II**, tháng Hai 1850. – Quyển **III**, tháng Ba 1850. – Quyển **IV**, tháng Tư 1850. – Quyển **V/VI** (không có bìa) 1850.

cuối tr. 47.

Có lẽ Mê-rinh đã đem in *tất cả* (không phải *tất cả* <sup>1)</sup>) trong “Di sản văn học” (tìm hiểu xem!). Cần ghi nhớ một đoạn ngắn điển hình trong một bài bình luận ngắn “*Những vấn đề khác nhau*” trong quyển **IV**: “*Gốt-phrít Kin-ken*”<sup>90</sup> (đã bị đập thẳng cánh vì những lời lẽ bảo hoàng đốn mạt của ông ta trước toà án quân sự) (không ký tên ở dưới):

NB!

nhượng lại  
tả nạn sông  
Ranh cho  
người Pháp

... “Y hệt như vậy, ngài Kin-ken đã phản đảng của mình trước toà án quân sự, bằng cách nói lung tung bất tuyện về những kế hoạch nhượng cho Pháp tả nạn sông Ranh và tuyên bố rằng mình hoàn toàn không có dính dáng gì đến những ý đồ tội lỗi như vậy. Ngài Kin-ken thừa hiểu rằng người ta nói đến việc sáp nhập tỉnh Ranh vào nước Pháp thì chỉ là để khẳng định rằng trong trường hợp đấu tranh quyết liệt giữa một bên là cách mạng với một bên là phản cách mạng

<sup>1)</sup> Về sau, ở phía trên hai chữ “tất cả”, V. I. Lê-nin đã viết “không phải tất cả” khi phát hiện ra những chỗ trong các quyển IV và II mà Mê-rinh không in (xem chú thích của V. I. Lê-nin ở tr. 781 và 782 trong tập này).

thì tất nhiên là tính ấy sẽ ngã về bên cách mạng, cho dù những người đại biểu cho cách mạng là người Pháp hay người Trung-quốc cũng không sao"... (tr. 71). NB

tr. 397, trong tập III, do Mê-rinh xuất bản

Mê-rinh viết, tr. 479 – 480 (tập III), rằng ông đã không in toàn bộ bài "nhận xét chung về tháng Tư" (tức là bài nhận xét chung trong quyển IV) và trong bài về tháng Hai (quyển II) ông chỉ lấy đoạn nói về Ca-li-phoóc-ni-a etc. và về chủ nghĩa xã hội Trung-quốc.

Với dân tộc cách mạng, thì người Pháp hay người Trung-quốc, đó không phải là điều quan trọng! Hãy so sánh với điều mà Ăng-ghe-nh viết vào năm 1859 (?) trong sách "Sông Pô và sông Ranh"<sup>91</sup>, trong đó ông nhen lên nhiệt tình dân tộc của người Đức chống lại Na-pô-lê-ông III, kẻ đã biến "những tỉnh trù phú của chúng ta" thành đối tượng của hoạt động ngoại giao etc.

Nói hết sức rõ về vấn đề dân tộc!

Tất cả đều phụ thuộc vào chỗ xem xét, vào lúc ấy, là dân tộc cách mạng hay là Na-pô-lê-ông III!

Ibidem, quyển IV, tr. 58 (tr. 438, tập III, do Mê-rinh xuất bản) (đợ *Gi-ra-đanh*. "Chủ nghĩa xã hội và thuế")<sup>92</sup>:

... "Đằng sau việc xoá bỏ thuế là việc bãi bỏ nhà nước. Đối với những người cộng sản, việc bãi bỏ nhà nước chỉ có ý nghĩa khi nó là kết quả tất yếu của việc xoá bỏ giai cấp, mà cùng với việc xoá bỏ giai cấp, đương nhiên sẽ không còn

“bãi bỏ”  
nhà nước

cần phải có lực lượng có tổ chức của một giai cấp để duy trì những giai cấp khác trong sự phục tùng”...

Ibidem, tr. 55: “Trong cách mạng, thì sau khi tăng thuế khoá lên đến mức cao, người ta có thể sử dụng thuế như một hình thức tấn công vào chế độ sở hữu tư nhân, song ngay trong trường hợp đó, thuế có thể đưa đến hoặc là những biện pháp cách mạng mới, hoặc cuối cùng nó sẽ dẫn đến chỗ khôi phục lại những quan hệ tư sản cũ”...

tr. 436, tập III, do Mê-rinh xuất bản

NB:  
hai phái của phong trào hiến chương:  
(1) tiểu tư sản + tầng lớp quý tộc trong công nhân (những người cải lương tiểu tư sản)  
(2) “đông đảo” những người cách mạng thực sự vô sản

Quyển 5/6, tr. 158 (trích bài “Nhận xét chung. Tháng Năm – tháng Mười”; đề: Luân-đôn 1. XI. 1850. Không ký tên)<sup>93</sup>.

... “Tổ chức của đảng hiến chương vẫn tồn tại từ trước đến nay, cũng sẽ không còn nữa. Những phần tử tiểu tư sản vẫn còn lại trong đảng, đều có liên hệ với tầng lớp quý tộc trong công nhân và tạo thành một phái dân chủ thuần túy mà cương lĩnh chỉ hạn chế trong khuôn khổ của Hiến chương nhân dân và của một vài cải cách tiểu tư sản. Đông đảo công nhân sống trong những điều kiện thực sự vô sản, thì thuộc về phái cách mạng của những người hiến chương”. (Lãnh tụ của phái thứ nhất: Phéc-guyét Ô’ Côn-no; lãnh tụ của phái thứ hai: Giu-li-an Hác-ni và Êc-nê-xơ Giôn-xơ) (tr. 468, tập III, do Mê-rinh xuất bản).

Quyển II, tr. 71-73 (trong "Nhận xét chung")<sup>94</sup> nói về vai trò phản cách mạng của Nga sau 1848 và 1849, nói về " một cuộc chiến tranh châu Âu" có thể xảy ra chống lại nước Nga (tác giả nói: nước Anh **quyết định**), nói về "những đám người dã man của Nga" có thể sẽ "tràn ngập nước Đức".

NB

không có trong sách do Mê-rinh xuất bản

Ibidem, tr. 78 - (Luân-đôn, 31. I. 1850) nói về cách mạng ở Trung-quốc (nước Cộng hoà Trung-hoa - đó là điều bọn "phản động ở châu Âu" có thể gặp ở Trung-quốc).

hay!

tr. 445, tập III, do Mê-rinh xuất bản

"những tên phản động của ta ở châu Âu trong cảnh sắp phải chạy trốn sang châu Á đến nơi rồi" : **ha ha!!**

×

những tên phản động ở châu Âu chạy sang châu Á để trốn tránh cách mạng ở châu Âu, chúng chạy đến "bức trường thành" của Trung-quốc và thấy trên đó có ghi: "Nước Cộng hoà Trung-hoa. Tự do! Bình đẳng! Bác ái!" Mác lập luận như vậy đó. ×

Ibidem, tr. 80: tám gương Thụy-sĩ cho thấy rằng "cái gọi là "nền độc lập" và "nền tự trị" của các nước nhỏ nằm giữa những cường quốc lớn hiện đại" có ý nghĩa như thế nào (hoặc Liên minh thần thánh sẽ đè bẹp Thụy-sĩ, hoặc cách mạng "sẽ không chấp nhận" "một chính phủ phản bội và hèn nhát như vậy ở giữa lòng châu Âu...")

không có trong sách do Mê-rinh xuất bản

!!!

không có trong sách do Mê-rinh xuất bản

NB:  
tinh tiết của cuộc đấu tranh giữa phái phản cách mạng và phái cách mạng!

không có trong sách do Mê-rinh xuất bản

NB

Viết về Thụy-sĩ sau khi *kế hoạch* tiến công Thụy-sĩ được công bố (Đức + Áo + Nga + Pháp). Kế hoạch chiến đấu chống lại Pháp, với những cách thức nghi binh chống Thụy-sĩ và Thổ-nhĩ-kỳ. "Liên minh thần thánh" chống cách mạng.

"Có điều dứt khoát là: Liên minh thần thánh sẽ can thiệp ngay trong năm nay, hoặc là lúc đầu chống Thụy-sĩ hay Thổ-nhĩ-kỳ, hoặc là trực tiếp chống Pháp và trong cả hai trường hợp, số phận của Hội đồng liên bang đều đã được quyết định trước rồi. Dù bên nào nhảy vào Béc-nơ trước đi nữa: Liên minh thần thánh hoặc cách mạng, thì Hội đồng liên bang cũng đã tự mình quyết định từ trước sự tận số của mình, do đã chọn con đường trung lập hèn nhát. Phái phản cách mạng không thể thoả mãn với những sự nhượng bộ của Hội đồng liên bang vì cái nguồn gốc ít nhiều cách mạng của nó; cách mạng không bao giờ có thể chịu chấp nhận cho một chính phủ phản bội và hèn nhát như vậy tồn tại ở giữa lòng châu Âu, xung quanh lại có ba nước bị lôi kéo nhiều nhất vào phong trào. *Thái độ của Hội đồng liên bang Thụy-sĩ là tám gương tiêu biểu nhất và – chúng ta hy vọng như vậy – là tám gương cuối cùng về cái gọi là "độc lập" và "tự trị" của những quốc gia nhỏ nằm giữa những cường quốc lớn hiện đại*" (tr. 80). (Hết.)

và tr. 72 – Thụy-sĩ là nước hèn nhát "đối với Liên minh thần thánh, cũng như đối với dân di trú" (NB)... "nếu Thụy-sĩ đã làm nhục Liên minh thần thánh, thì mặt khác nó cũng đã phản bội cách mạng" (73).

tr. 72 – tin chắc là có khả năng sắp nổ ra một cuộc chiến tranh châu Âu (Nga sẽ gây ra cuộc chiến tranh đó chống lại Thổ-nhĩ-kỳ). Cách mạng đang phát triển ở Pa-ri – "trung tâm của cách mạng" (72) – và ở "Tây Âu" (sic!! 71-2: "Tây Âu")...

Cách mạng đang phát triển ở Pháp (74), nông dân sẽ bị lôi cuốn vào phong trào, do đó có sự "tin tưởng vào thắng lợi nay mai của cách mạng" (74) (sic!!)...

#### DANH NGÔN CỦA XANH-XI-MÔNG

... "Mọi người đều biết điều khẳng định của *Xanh-Xi-mông* nói rằng nếu bỗng dưng một nghìn quan chức cao cấp hoặc là những người trong hoàng tộc đột ngột chết đi thì nước Pháp sẽ bị thiệt hại ít hơn nhiều so với khi một nghìn công nhân ưu tú của Pháp chết đi – chính vì lời khẳng định này mà Xanh-Xi-mông đã bị truy tố" (tr. 11 trong sách của Ê-mi-lơ Ca-lơ. "Vin-hem Vai-tling", Xuy-rích, 1887, số XI "Tủ sách dân chủ - xã hội).

((( Theo từ điển bách khoa toàn thư Đức của Brốc-hau-xơ, Xanh-Xi-mông nói không phải 1000, mà nói 10000 (NB) – trong cuốn "Ngụ ngôn chính trị", lần phát hành thứ nhất của "Người tổ chức" (1820). )))

## VỞ "BRÂY-XPHOỐC"

### Mục lục

Brây-xphoóc I <sup>95</sup>

xem những đoạn trích tr. 164

Brây-xphoóc II

BRÂY-XPHOỐC. " CHIẾN TRANH THÉP VÀ VÀNG"

**Hãng-ri Nô-en B r â y - x p h o ó c.** "Chiến tranh thép và vàng"

**Nghiên cứu nền hoà bình vũ trang. Luân-đôn, 1914**

**(Cuốn sách để tháng Ba 1914) (317 tr.)**

"Hoàn toàn chắc chắn là ở vùng Ban-căng, Áo, một nước dựa vào ảnh hưởng khống chế của Liên minh tay ba, đã lợi dụng một trong những cuộc khủng hoảng, cụ thể là cuộc khủng hoảng xảy ra ngay sau cuộc cách mạng của phái trẻ Thổ-nhĩ-kỳ, để tự mở cho mình con đường tới Xa-lô-ních-cơ và ít nhất cũng thôn tính được một phần Ma-kê-đô-ni-a...

Châu Âu đã có một kinh nghiệm khá lâu dài về "bá quyền" của Đức, trong suốt phần tư thế kỷ tính từ khi đế quốc Pháp sụp đổ cho đến khi ký kết liên minh Pháp-Nga. Không có một tai họa gì xảy ra cả. Không một quốc gia nhỏ nào bị xâm chiếm cả, không một đường biên giới láng giềng nào bị xê dịch cả, không một ngai vàng nào bị lật đổ, không một nền tự do dân tộc hoặc tự do tín ngưỡng nào bị đe dọa cả" (tr.34).

"Thời đại xâm chiếm nhau ở châu Âu đã kết thúc; và nếu như không kể Ban-căng và có lẽ cả những vùng



biên cương của đế quốc Áo và của đế quốc Nga thì có thể nói với mức độ chính xác tối đa về mặt chính trị rằng những đường biên giới của các quốc gia dân tộc ngày nay của chúng ta đã được xác định một cách dứt khoát rồi. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng sẽ không thể có chiến tranh giữa sáu cường quốc lớn với nhau nữa" (tr.35).

"Việc hoạch định lãnh thổ hiện nay của châu Âu, trừ một số rất ít trường hợp, là dựa vào những đường biên giới quốc gia" (tr 35).

"Liệu Đức có phải đi khai thác quặng sắt trên những sườn núi Át-lát rồi chuyển nó đi Bát-đa dưới dạng ray thép hay không? Đây là một vấn đề điển hình trong công tác ngoại giao hiện nay, và nếu suy nghĩ một cách nghiêm túc ra thì vấn đề này quan trọng hơn rất nhiều so với vấn đề điển hình của thế giới trước kia là ai sẽ lên nắm ngôi vua ở Tây-ban-nha: một người thuộc giòng Buốc-bông hay là Háp-xbuốc. Để giải quyết vấn đề này cũng như nhiều vấn đề khác kiểu như thế này, thanh niên châu Âu đã phải kinh qua lối huấn luyện quân sự khắc nghiệt; các tàu chiến được đóng ra và thuế bị tiêu phung phí đi. Người ta không dám mạo hiểm làm bất kỳ một điều gì có thể đụng đến số phận hoặc là quyền sở hữu, dù chỉ là sở hữu một mẫu đất ở châu Âu. Cho dù những vấn đề này có được giải quyết một cách khác, hoặc nói chung không giải quyết được đi chăng nữa thì về mặt đường lối chính trị, tín ngưỡng, hoặc đời sống xã hội của bất kỳ một quốc gia châu Âu nào cũng sẽ không có gì thay đổi cả" (tr.36).

"Nhưng thử hỏi ở Anh ai là người quan tâm tới chuyện quặng sắt Ma-rốc sẽ dùng để đúc ra súng đại bác của Đức ở Ê-xen, chứ không phải để đúc đại bác của Pháp ở Crê-dô?" (tr.36).

"Hiệp định thân thiện giữa Anh và Pháp, một hiệp định đánh dấu bước đầu căng thẳng trong các mối quan hệ với Đức, thì như dư luận rộng rãi trên thế giới được biết,

là chỉ dựa trên một văn bản duy nhất: cái văn bản chẳng qua chỉ điều chỉnh — theo lối buôn bán — những lợi ích của Pháp và Anh ở Ai-cập và Ma-rốc mà thôi" (tr 37).

"Hãng "Anh em Man-nê-xman" của Đức có đủ cơ sở để khoe khoang rằng nó đã có được một tô nhượng hoàn toàn dành riêng cho nó khai thác tất cả các mỏ quặng ở Ma-rốc, để bù vào số tiền mà nó đã cho vua Ma-rốc vay khi đang lâm vào cảnh khó khăn trong thời nội chiến. Đó chính là vấn đề tranh chấp, điều đó người ta đã thấy qua những điều kiện được đem ra thảo luận nhiều lần trong các cuộc thương thuyết giữa Pa-ri và Béc-lanh nhằm mục đích giải quyết xung đột. Năm 1910, người ta đã "giải quyết" hay là tạm thời giải quyết được sự xung đột đó bằng một hiệp ước gồm vắn vện có một điều khoản: các giới tài chính Đức và Pháp đều sẽ tham gia vào tất cả các xí nghiệp và các công ty nhằm mục đích "khai thác" Ma-rốc bằng cách xây dựng các cảng, đường sắt, hầm mỏ và các công trình công cộng khác. Bản hiệp ước này không mang lại một kết quả cụ thể nào cả, và sự phẫn nộ ở Đức ngày càng dâng lên trước thái độ trì hoãn của giới ngoại giao Pháp cũng như của giới tài chính Pháp đã được cụ thể hoá bằng việc gửi pháo hạm "Con báo" đến A-ga-đia làm khúc dạo đầu cho những cuộc "thương thuyết" sau này. Chúng tôi được biết, qua những cuộc điều tra tiếp sau đó của uỷ ban thượng viện, rằng nếu như ngài Cay-ô vẫn còn nắm quyền thì những cuộc thương thuyết đó sẽ kết thúc ra sao. Ông ta không những chỉ sẽ điều hoà những lợi ích thực dân của Pháp và của Đức, mà còn sẽ thực hiện một sự thoả thuận chung bao hàm toàn bộ những quan hệ Pháp - Đức. Tất cả những điểm ông ta đưa ra khi bắt đầu thương thuyết đều mang tính chất kinh tế; điểm chính trong những điểm đó là đề nghị chấm dứt ngay việc giới tài chính Pháp tấy chạy đường sắt Bát-đa và phải để cho những chứng khoán có giá của Đức được định giá ở Sở giao dịch Pa-ri. Sự lo âu do hành

động tảo bạo đó của Cay-ô gây ra không những trong hàng ngũ những người yêu nước ở Pháp mà cả trong hàng ngũ bọn đế quốc chủ nghĩa Anh, vẫn còn chưa ai lãng quên, và dư âm của sự lo âu này vẫn còn vang lên ở cả Luân-đôn lẫn Pa-ri cho đến tận cuối năm 1913, khi ngài Cay-ô trở lại chính phủ. Trong những cuộc thương thuyết không chính thức ấy, ông ta đã đặt cơ sở cho việc xem xét lại những mối quan hệ Pháp - Đức, và nếu như ngài Cay-ô còn làm thủ tướng mấy tháng nữa thì sự xem xét này ắt hẳn sẽ làm thay đổi không những đường lối chính sách của Pháp, mà còn sẽ làm thay đổi cả chính sách của châu Âu nữa. Những người Pháp yêu nước báo động vì e rằng ông ta sẽ tước bỏ mất ước mơ của họ: trả thù về năm 1870. Bọn đế quốc chủ nghĩa Anh đả kích ông ta trên báo chí bảo thủ ở nước ta vì sợ rằng nếu Pháp dàn hoà được với Đức thì Anh sẽ bị cô lập. Trong một câu phát biểu trong dịp thảo luận (ngày 27 tháng Mười một 1911) ngay sau khi có vụ khủng hoảng A-ga-đia, ngài E-đu-a Grây dùng những từ ngữ chứng tỏ rằng giới ngoại giao của nước ta chia sẻ nỗi lo sợ của báo chí bảo thủ. Theo lời ông ta, thì có nguy cơ là Pháp có thể bị lôi cuốn vào quỹ đạo ngoại giao của Đức. Chính là vì nguyên nhân ấy, chứ không phải vì chúng ta quan tâm thực sự tới quy mô của sự đền bù mà Pháp phải trả cho Đức ở Công-gô để đổi lấy việc chiếm Ma-rốc, mà chúng ta sẵn sàng ủng hộ đường lối ngoại giao ít có tính chất hoà giải hơn của những người kế tục ngài Cay-ô và nếu cần, chúng ta sẽ ủng hộ cả bằng sức mạnh vũ khí nữa. Có lẽ đây là việc mang nhiều bài học nhất trong lịch sử hiện đại của nền ngoại giao châu Âu" (tr.38-40).

"Mới đây ngân hàng Pê-ri-ê ở Pháp đã cho chính phủ Thổ-nhĩ-kỳ vay một triệu li-vơ xtéc-ling để chính phủ Thổ-nhĩ-kỳ trả lần đầu vào số tiền mua chiếm hạm tuần tiểu đóng ở Niu-ca-xơn. Chỉ vài ngày sau, đã có tin cho biết rằng ngân hàng này được nhượng đường sắt Xmiéc-nơ-

Đác-đa-men, rõ ràng là coi như tiền hoa hồng. Trong khi thừa nhận rằng xuất khẩu tư bản không thể tiến hành mà lại không có sự di chuyển hàng hoá nào đó, chúng ta dù sao cũng vẫn phải xuất phát từ quan điểm xã hội học về giai cấp mà vạch ra ranh giới dứt khoát giữa hoạt động tài chính với sự trao đổi hàng hoá giản đơn. Đối với những giai cấp đứng ra đầu tư thì thương mại tiến hành trên cơ sở tín dụng phát triển là có lợi hơn cho sự trao đổi giản đơn giữa các dân tộc có cùng một trình độ phát triển kinh tế. Nếu chúng ta gửi than của Oen-xơ sang Pháp và đổi lấy hoa nhân tạo thì tư bản sẽ được hai lần lợi nhuận: lợi nhuận của những người Anh chủ mỏ than và lợi nhuận của những người Pháp bóc lột. Nhưng nếu chúng ta cho Ác-hen-ti-na vay tiền để nước này dùng tiền ấy mua của chúng ta ray rồi sau đó xuất khẩu thịt và bán thịt đó cho ta để trả lợi tức tiền vay của chúng ta, thì tư bản được những ba lần lợi nhuận: lợi nhuận của công nghiệp luyện thép Anh, lợi nhuận của việc buôn bán thịt ở Ác-hen-ti-na và lợi nhuận của những chủ ngân hàng và người đầu tư người Anh. Giai cấp sống bằng nguồn thu nhập không do lao động làm ra đánh giá loại lợi nhuận thứ ba này cao nhất, và mục đích của chủ nghĩa đế quốc là phát triển loại thương mại ấy, một loại thương mại đòi hỏi phải có một cơ sở tín dụng như vậy, tức là loại buôn bán với những nước con nợ yếu hơn" (tr.73-74).

"Trong " *Từ điển kinh tế chính trị học*", ngài Môn-hôn đã tính rằng kể từ năm 1882 đến 1893, số tiền chúng ta đầu tư ra nước ngoài và vào các thuộc địa đã tăng lên với một tốc độ kinh khủng là 74% trong một năm. Nhưng ngài Rô-béc Ghíp-phen mới là người đã đưa ra một chứng cứ quyết định. Ông ta đã tính ra rằng năm 1899, lợi nhuận của toàn bộ ngoại thương của chúng ta trong việc buôn bán hàng hoá với những nước ngoài và thuộc địa chỉ là 18 triệu li-vơ xtéc-ling. Nhưng ông ta lại tính ra rằng cũng vẫn trong năm

ấy, lợi nhuận do đầu tư ra nước ngoài và vào thuộc địa mang lại là 90-100 triệu li-vơ xtéc-ling" (tr.77).

"Mười năm sau, như ngài Gioóc-giơ Pây-sơ đã khẳng định trong bản báo cáo đọc tại Hội thống kê hoàng gia, lợi nhuận của chúng ta do đầu tư ra nước ngoài và vào thuộc địa đem lại lên tới 140 triệu" (tr 77-78).

"Đằng sau họ <sup>1)</sup> có các sứ quán, và đằng sau các sứ quán ấy, là các hạm đội của cả châu Âu; những hạm đội này khi có lệnh là chỉ vài tiếng đồng hồ sau đã có thể triển khai tiến vào hải phận Thổ-nhĩ-kỳ, nếu như có sự trì hoãn nào đó hoặc sự lưỡng lự nào đó trong việc trả những khoản thu nhập đã được đảm bảo cho các công ty đường sắt châu Âu hoặc cho những người chủ các trái khoán Thổ-nhĩ-kỳ. Nói tóm lại, các cơ quan ngoại giao và các lực lượng vũ trang sẵn sàng được huy động để hỗ trợ cho những hợp đồng cho vay nặng lãi vô liêm sỉ được ký kết – dựa vào đút lót – giữa nam tước Hiéc-sơ và những người theo ông ta với các bộ trưởng Thổ-nhĩ-kỳ, những kẻ mà không một người nào có lương tâm lại thêm bắt tay cả" (tr. 85).

"Trong một thời gian dài, những chức vụ trong quân đội cũng như trong bộ máy hành chính đã tăng lên rất nhiều đến nỗi con cái của giai cấp tư sản khá giả cũng có thể với tới được. Đối với họ, rút cục lại Ấn-độ và Ai-cập đã có một ý nghĩa thực tiễn – đó là nơi mà con cái, anh em ruột, hoặc dẫu chỉ là anh em họ đều "có thể sống thoải mái" (tr. 86-87).

"*Một tờ-rót quân sự bị vạch mặt*" của Gi. T. U-ôn-tơn Niu-bôn-đơ, tôn sư khoa học (" Nhà xuất bản công nhân toàn quốc". Man-tse-xtơ, i pen-ni), chủ yếu đề cập tới quan hệ giữa các hãng cung cấp quân trang quân bị của Anh với nhau. "*Vũ trang và chủ nghĩa yêu nước*", P. U. U. ("The Daily News", i pen-ni) hoàn toàn nói về việc bộ trưởng Muyn-li-nơ

<sup>1)</sup> những người chủ các trái khoán Thổ-nhĩ-kỳ.

tham gia tổ chức một vụ gây kinh hoàng trên mặt biển hồi năm 1909. "*Những kẻ buôn bán chiến tranh*" của Gi. H. Pê-ri-xơ ("Hội đồng hoà bình toàn quốc", 167. Xanh Xtê-phen-xhao-đơ, Vét-min-xtơ, 2 pen-ni) thuật lại phần lớn những sự kiện đã dẫn ra trong hai cuốn sách nhỏ khác, có thêm một số ít tài liệu bổ sung. Tất cả đều dựa trên cơ sở những tư liệu chính thức hết sức chính xác" (tr. 89, phần chú thích).

"Đây là một công-xoóc-xi-om phát đạt. Trong thế kỷ này, A-rơ-mơ-xtơ-rông chưa bao giờ trả dưới 10% và lợi tức cổ phần của nó thường đạt tới 15%. Những nhà máy lớn của Pháp ở Crê-dô (của Snai-đơ) đôi khi trả tới 20%. Việc đóng và trang bị một thiết giáp hạm phải NB || đem lại cho công ty nhận đơn đặt hàng ít nhất là *một phần tư triệu lợi nhuận*. Một lãi suất như vậy thật cũng đáng công cố gắng. Và những hãng này hoàn toàn có khả năng gây áp lực về mặt chính trị và xã hội. Bản danh sách những cổ đông của riêng một nhà máy A-rơ-mơ-xtơ-rông có tên của 60 người thuộc tầng lớp quý tộc hoặc vợ con của họ, mười lăm công tước, hai mươi người trong giới hiệp sĩ, tám nghị sĩ, năm giáo sĩ, hai mươi sĩ quan lục quân, hải quân và tám nhà báo. Trong số những người có quyền lợi ở các hãng này, thì hệ năm ngoài có hai vị bộ trưởng thuộc phái tự do, một quan toà cao cấp và hai thủ lĩnh phái đối lập ở nghị viện. Có một sự tương ứng kỳ cục giữa những bản danh sách cổ đông này với những bản danh sách các uỷ viên của Đồng minh hải quân và Đồng minh quân nhân toàn quốc" (tr. 90).

"Hồi bấy giờ, đồ đốc phôn Tiéc-pi-tơ cũng như chủ hãng Krúp đã trình bày đầy đủ những sự việc chính xác trước nghị viện. Nghị viện lại thích tin ngài Muyn-li-nơ. Bởi vậy, ngài Mác-Ken-na đã tính toán rằng vào "giờ phút nguy cấp", tức là tháng Ba 1912, Đức sẽ có 17 thiết giáp hạm, thành thử ông ta phải xem xét lại chương trình của ông ta cho phù

hợp với tình hình đó. Ngài Ban-phua còn tiên đoán rằng Đức sẽ có 21 hoặc 25 tàu chiến chủ lực. Những sự kiện xảy ra sau này cho thấy rằng đồ đốc phon Tiéc-pi-tơ đã nói đúng: đến lúc ấy, Đức đã có được chín tàu. Nỗi sợ đó đã làm cho chúng ta phải trả giá bằng một món "trong hạn ngạch" là bốn thiết giáp hạm — con số này chỉ là con số phải chăng thôi, nhưng nó làm tăng sự bức tức và thiếu tin tưởng ở châu Âu đến mức độ không thể nào tính toán bằng con số được" (tr. 91).

"*Những mối quan hệ quốc tế* của các hãng *buôn bán vũ khí* là một đề tài hấp dẫn để chiêm biếm. Những bình luận đều bắt nguồn tất yếu và rõ ràng từ những sự thật và ở đây, chúng sẽ được trình bày ra *không một chút tô son trát phấn*. Tư bản hoàn toàn không có chủ nghĩa yêu nước. Một hãng lớn của Đức nằm dưới sự lãnh đạo của các giám đốc người Pháp. Các hãng của Đức khôi phục lại hạm đội hải quân của Nga, một đối thủ của hạm đội Đức. Các hãng của Anh đều có chi nhánh ở Ý, những chi nhánh này chế tạo những thiết giáp hạm mà người ta nói là đối thủ của những thiết giáp hạm của chúng ta. Tơ-rốt Nô-ben và, cho đến gần đây, công ty Gac-vây đã sáp nhập tất cả những hãng chủ yếu sản xuất vũ khí của Anh, của Pháp, Đức và Mỹ. Có lúc hãng Snai-đơ ở Pháp và hãng Krúp ở Đức đã hợp nhất thành một xanh-đi-ca khai thác quặng sắt Oen-tơ ở An-giê-ri" (tr. 92).

"Trong toàn thế giới, những lực lượng tập trung, cương quyết và rất thạo tin đó nhất định sẽ thắng những lực lượng còn bị phân tán hơn, được lãnh đạo tập trung ít hơn và tán thành giải trừ quân bị và hoà bình. Số người sống nhờ vũ trang và chiến tranh thì tương đối ít so với toàn bộ dân số của thế giới văn minh. Song ý nghĩa cá nhân của họ lại lớn hơn nhiều, vì họ hoạt động liên minh với cái "xã hội" xem đế quốc là mảnh đất để cho con cái leo lên con đường công danh và liên minh với những giới tài chính coi đế quốc là khu vực để đầu tư" (tr. 93).

"Ngài Glát-xtôn, với một cương lĩnh kiên quyết chống lại chủ nghĩa đế quốc, đã lên nắm chính quyền sau chiến dịch Mít-lô-ti-an. Điểm chủ chốt trong chính sách đối ngoại của chính phủ của ông là chiếm Ai-cập. Từ đó trở đi, sự đối trá đã thâm nhập vào đầu óc phái tự do" (tr. 103-104).

"Dưới ảnh hưởng đó, phái tự do đã trở thành một đảng đế quốc chủ nghĩa, trong đó huân tước Rô-dơ-bê-ry, rồi sau đó là ngài E-đu-a Grây là những người duy nhất lãnh đạo chính sách đối ngoại. Huân tước Rô-sơ-bê-ry đã làm thông gia với gia đình Rốt-sin-đơ, và chính ảnh hưởng của Rốt-sin-đơ đã dẫn đến việc xâm chiếm Ai-cập" (tr. 105).

"Lẽ ra đã không có sự tan vỡ với Pháp và lẽ ra cái *Hiệp định thân thiện* đã được ký kết cách đây 20 năm rồi. Vũ khí của châu Âu đã không lớn đến như thế, và thắng lợi ngoại giao của Bi-xmác sẽ kém hơn. Và điều chủ yếu là không bao giờ thành lập được cái liên minh đã làm cho ngân khố của nước Nga chuyên chế đầy ắp vàng bạc của Pháp, và do đó đã lưu danh thiên cổ một chính thể chuyên chế tàn bạo nhất ở châu Âu" (tr. 108).

"Trong năm 1907 ở Cu-ma-xi những công trình công cộng sau đây đã được khởi công và hoàn thành: một nhà bưu điện, một nhà giam phụ nữ, một bệnh viện và phòng chữa bệnh chuyên khoa, một bệnh viện cho người Âu, một xí nghiệp giặt là cho người Âu và một vài toà nhà cho các binh đoàn của Bờ biển vàng".

Lật sang trang sau, thì thấy là người ta "đã hoàn thành sân chơi gôn có 13 lỗ". Những mỏ vàng, nhà giam, trại lính, một xí nghiệp giặt là cho người Âu, xây dựng bằng tiền công cộng, và sân chơi gôn — đấy là sự nghiệp khai hoá của chúng ta. Nhưng tuyệt nhiên không có một trường học nào cả" (tr. 127).

"Nói một cách khác, dù đảng nào nắm chính quyền đi nữa thì bộ trưởng Bộ ngoại giao bao giờ cũng vẫn là một tên đế quốc, một nhân vật mà "The Times", Xi-ti và đảng

bảo thủ có thể tin tưởng một cách tuyệt đối. Một người cấp tiến có ít triển vọng chiếm được ghế bộ trưởng Bộ ngoại giao hơn là một tín đồ Thiên chúa giáo La-mã chiếm được ghế chủ tịch Thượng nghị viện. Học thuyết "kế thừa" có nghĩa là trên thực tế những công việc ngoại giao bị gạt ra khỏi phạm vi một chính phủ có tính đảng phái, và chỉ chịu ảnh hưởng của giai cấp cầm quyền mà thôi, tức là phục tùng ý kiến của những người năng lui tới chốn cung đình và xã hội, những người coi quân đội và cơ quan hành chính là những nghề nghiệp dành riêng cho những người trong gia đình họ, và coi thế giới ở bên ngoài những hòn đảo của nước Anh, chủ yếu là những nơi để đầu tư của cải còn thừa của họ" (tr. 132).

"Một điều quan trọng hơn nữa là sự bất lực của Hạ nghị viện đối với các hiệp ước. Nếu những hiệp ước không có những điều khoản về tài chính thì không nhất thiết phải đưa ra nghị viện, và chừng nào những hiệp ước chưa được ký kết dứt khoát, chưa được phê chuẩn và chưa được công bố thì không được tổ chức thảo luận những hiệp ước ấy. Kết quả là một hiệp ước bí mật cũng trói buộc chúng ta không kém gì một hiệp ước được công bố công khai. Một bản hiệp ước bí mật do một chính phủ Anh ký và phê chuẩn theo đúng thủ tục cũng trói buộc cả các chính phủ kế tục. Về lý luận mà nói thì nhà vua và bộ trưởng ngoại giao của vua khi hành động được sự tán thành của các đồng nghiệp của mình trong nội các thì có quyền thay mặt cho 40 triệu dân trên những đảo do họ cai quản tiến hành những cam kết hệ trọng và chủ yếu mà không cần hỏi ý kiến những đại biểu dân cử của họ" (tr. 137-138).

"Những bức thư này công khai thừa nhận rằng ngài thủ tướng Giôn Rốt-xen hoàn toàn không có khả năng kiểm tra những hành động của Pan-méc-xton là người thường xuyên giải quyết những vấn đề quan trọng mà không được nội các nói chung và ngay cả người đứng đầu nội

các uỷ quyền. Ông ta đã vượt quyền quá xa đến mức coi việc công nhận Lu-i Na-pô-lê-ông sau coup d'état <sup>1)</sup> là hoàn toàn thuộc phần trách nhiệm riêng của ông ta, trái với sự mong mỏi chẳng những của dư luận xã hội mà thậm chí của cả nữ hoàng và của các đồng sự của ông ta. Khi người ta khuyên ông ta phải truất Pan-méc-xton đi, ông Giôn Rốt-xen bao giờ cũng trả lời rằng nếu truất Pan-méc-xton thì ông ấy sẽ trả thù bằng cách nhảy sang hàng ngũ phái đối lập và sẽ lật đổ chính phủ. Những sự kiện sau đây cho thấy rằng sự lo lắng ấy là có cơ sở đến mức nào. Cuối cùng, đến hạ tuần tháng Chạp 1851, Pan-méc-xton đã buộc phải từ chức. Nhưng đến tháng Hai 1852, ông ta lật đổ tất cả những đồng nghiệp cũ của ông ta. Một nội các mà không thể truất một bộ trưởng của mình thì tất phải để cho vị bộ trưởng ấy tự do hành động" (tr. 143-144).

"Mặt khác, cái thế giới trong đó bản thân bà ta <sup>2)</sup> lui tới là thế giới của các vua chúa và các chính phủ. Bà ta không biết đến và cũng không thừa nhận các dân tộc. Trong thời kỳ có những sự chấn động khủng khiếp xảy ra trong những năm 1848-1860 và tạo lập các dân tộc Ý, thế mà bà ta không thấy gì cả ngoài những trận tấn công của Xác-đi-ni-a chống Áo" (tr. 148-149).

"Khi Pan-méc-xton và Lu-i Na-pô-lê-ông đàm phán với nhau vào năm 1848 về cuộc trưng cầu dân ý để quyết định số phận của Lô-m-bác-đi-a, bà ta đã tuyên bố rằng nếu như tất cả các dân tộc đều được phép thay đổi quốc tịch bằng cách biểu quyết toàn dân thì đó "sẽ là tai hoạ trong bao nhiêu thế kỷ"" (tr. 149).

"Trước khi có thể tin tưởng vào sự vững bền của phái dân chủ trong những thời kỳ khủng hoảng dân tộc, cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, phải có nhiều

<sup>1)</sup> – cuộc chính biến.

<sup>2)</sup> – nữ hoàng.

cố gắng có ý thức hơn nữa để khẳng định các nguyên tắc" (tr. 160).

"Cần phải gây cho người ta có một thái độ hoài nghi phổ biến và sâu sắc để cho mọi người theo bản năng mà trả lời những khái niệm trừu tượng đầy thiện ý và những bài diễn văn cuồng nhiệt bằng cách hỏi rằng: "Nói cho đúng ra, các ngài đang nói về những công trái nào, về tô nhượng nào hoặc về phạm vi lợi ích kinh tế nào?" Một nhiệm vụ như thế vượt quá phạm vi thông thạo, đôi khi vượt cả sự hiểu biết của những cán bộ của chúng ta chuyên tuyên truyền cho hoà bình nữa" (tr. 160).

"Hôm nay, ông ta nói về giải trừ quân bị và cơ quan trọng tài, ngày mai, ông ta sẽ làm việc cho một đảng cũng phụ thuộc không kém gì đối thủ của nó vào các chủ thầu và chủ ngân hàng cỡ lớn là những người đảm đương mối liên hệ hiện nay giữa giới ngoại giao và giới tài chính. Chỉ có những đảng xã hội chủ nghĩa mới có thể tiến hành công tác giáo dục và tổ chức vì lợi ích của hoà bình, với mức độ cần thiết, và chỉ có những đảng ấy mới là một lực lượng luôn luôn nhất trí đứng lên chống chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc" (tr. 161).

"... chiến tranh là một việc lỗi thời, một hiện tượng hầu như không thể xảy ra trong một xã hội dựa vào sự tôn trọng quyền tư hữu và quen tiến hành mọi công việc của mình dựa trên hệ thống tín dụng thế giới" (tr. 162).

"Giả sử rằng chiến tranh là sự điên rồ xét theo quan điểm lợi ích dân tộc, nhưng chiến tranh hoàn toàn có thể là hợp lý xét theo quan điểm của một giai cấp thống trị không đồng người có quyền lực" (tr. 163)

"**Tên đế quốc chủ nghĩa hiện nay** để ý tìm không phải là "những chỗ đứng dưới ánh sáng mặt trời". Y đi tìm những đất nước mới "để bóc lột", những vùng đất đầy hứa hẹn có những hầm mỏ chưa hề được khai thác, có những cánh đồng chưa hề được trồng trọt, có

NB những thành phố chưa có ngân hàng, những đường xá chưa hề biết đến thanh ray. Đây là những khả năng mà y thèm khát. Y rất mừng nếu như nắm được những vùng đất này mà không phải mất công chinh phục, y không muốn có chiến tranh. Lý tưởng của y là cô lập các vùng đất này để biến chúng thành phạm vi của những lợi ích kinh tế của y, trong đó y có thể đầu tư tư bản của y trên cơ sở độc quyền dân tộc.

Đó là một quá trình mà chúng ta cần phải hình dung được một cách rõ ràng nếu như chúng ta muốn biết vấn đề vũ trang đã sống dai dẳng như thế nào. Song quá trình này được chú ý tới quá ít trong học thuyết của ngài Noóc-man En-gien" (tr. 164).

"Khi Đồng minh tay ba chiếm ưu thế thì nó chiếm luôn Ma-rốc và chia cắt luôn Ba-tư. Khi Liên minh tay ba chiếm ưu thế thì nó chiếm luôn Tơ-ri-pô-li, thiết lập sự khống chế của nó đối với Bô-xni-a, thực hiện có kết quả việc xâm nhập kinh tế vào phần nước Thổ-nhĩ-kỳ thuộc châu Á" (tr. 167).

"Nét đặc trưng của nền văn minh của chúng ta là che giấu mối liên hệ của nền ngoại giao với một mặt là việc vũ trang và mặt khác với nền tài chính bằng cái chiêu bài những quy tắc tinh vi về sự lịch thiệp và sự giả nhân giả nghĩa" (tr. 168).

"Nếu mai đây, bỗng dưng tất cả các cường quốc lớn, xuất phát từ một ý nghĩ lạnh mạnh, đều đi đến quyết định là giảm bớt vũ trang đi một nửa thì điều đó vẫn không làm cho chúng ta thoát khỏi những hậu quả tinh thần của một cuộc xung đột không tránh khỏi giữa uy tín và sức mạnh, một cuộc xung đột sẽ phát sinh ra khi người ta định khôi phục lại sự cân bằng giữa chúng với nhau" (tr. 169).

"Một cơ cấu đúng đắn của uỷ ban sẽ là điều bảo đảm trong một chừng mực nào đó rằng chính sách của bộ ngoại giao sẽ thực sự phản ánh được ý chí của dân tộc" (tr. 213).

"Chỉ khi phái dân chủ tập trung chú ý đến những đề nghị tương tự và đặc biệt chú ý đến việc thành lập một uỷ ban thường trực về chính sách đối ngoại thì nó mới có thể hy vọng có ảnh hưởng quyết định đến những nhân tố quyết định chiến tranh và hoà bình, gây nên việc tăng cường vũ trang và hạn chế những khả năng của chúng ta trong việc phục vụ sự nghiệp nhân đạo trên toàn thế giới" (tr. 217).

"Từ 1854 đến 1906, Xi-ti đã tẩy chay Nga. Khoản vay năm 1906 là tiếp ngay sau những lời bóng gió trong những lời phát biểu của ngài E-đu-a Grây, rõ ràng là do những bài báo đăng trên tờ "The Times" gợi ý; những bài báo này đã dự kiến khả năng ký kết một hiệp ước chính trị mà lúc bấy giờ đang ở trong quá trình đàm phán. Giới tài chính và giới ngoại giao giúp đỡ lẫn nhau và trong thế giới hiện đại, họ trở thành cần thiết lẫn cho nhau. Khi giới ngoại giao có quan hệ với một quốc gia mắc nợ thì sự giúp đỡ to lớn đối với nó là ở chỗ nó biết được rằng trên thực tế, đằng sau nó là số tư bản xuất khẩu của một quốc gia giàu có, cái số tư bản mà nó có thể trao hay là giữ lại. Nếu một cường quốc nào đó hoặc một nhóm cường quốc nắm giữ độc quyền trên thị trường tiền tệ thế giới dù chỉ trong vài ba năm và sử dụng độc quyền đó một cách có ý thức vào những mục đích chính trị, thì rốt cuộc có lẽ chúng sẽ buộc được cả Nga, Trung-quốc, Thổ-nhĩ-kỳ và các nước cộng hoà ở châu Mỹ la-tinh làm theo ý muốn của chúng" (tr. 221).

"Nước Nga rất dễ bị đập tan, bởi vì hết như bất kỳ một nước cộng hoà nào ở châu Mỹ la-tinh, nó phụ thuộc vào tiếng tăm của nó trên các thị trường phương Tây. Phần lớn những khoản tiền nó vay là phải vay từ nước ngoài. Những nguồn tiền của bản thân nó thậm chí không thể bảo đảm cho các xí nghiệp thị chính của các thành phố của nó. Các mỏ

than và sắt và các mỏ dầu chưa được khai thác của nó còn đang chờ đợi có tư bản nước ngoài để khai hoa kết trái. Nếu như chúng ta có thể hình dung một chút rằng ý kiến của Đức có ý nghĩa gì đối với chúng ta, nếu như chúng ta buộc phải phát hành công trái hợp nhất của chúng ta thông qua "Đoi-sơ ban-cơ", nếu muốn xây dựng đường tàu điện cho mình, Mantse-xơ phải hỏi vay tiền của Béc-lanh, nếu một mỏ than ở Nam Oen-xơ buộc phải giành cho được một lời nhận xét tốt của một nhà tài chính nào đó ở Ham-buốc, thì đại khái chúng ta có thể hiểu được rằng tại sao ý kiến của nhân dân Anh lại quan trọng đối với chính phủ Nga và quan trọng đến mức độ nào. Tindakan là một công việc tế nhị. Chừng nào mà các nhà đầu tư của Anh cho rằng nước Nga hoặc là một đế quốc thù địch, nguy hiểm cho chính chúng ta, hoặc là một chính thể chuyên chế không bền vững bị cách mạng đe dọa, thì các nhà tài chính Nga có đề nghị gì với Xi-ti cũng vô ích. Tính thận trọng, tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo — tất cả đều chống lại họ. Quan điểm của các giai cấp hữu sản bắt đầu thay đổi, khi giới báo chí bảo thủ lên tiếng bênh vực *sự tiếp cận*, khi tờ "The Times" không dành một chỗ nổi bật để đăng những tin tức làm cho chế độ chuyên chế mất uy tín, và khi mọi người bắt đầu biết rằng một hiệp ước về Ba-tư đang ở trong quá trình ký kết. Nguyên nhân của sự thay đổi thái độ ấy chẳng có gì là bí ẩn cả. Ngài E-đu-a Grây tuyên bố rằng cần phải làm cho nước Nga khôi phục lại địa vị một cường quốc lớn của nó, để lập lại thế cân bằng ở châu Âu. Diễn đạt lại bằng một ngôn ngữ mộc mạc, thì điều đó có nghĩa là giới ngoại giao của chúng ta muốn có sự ủng hộ của Nga để chống lại nước Đức, còn Pháp thì cố đạt cho được và tổ chức sự hoà giải. Những tháng đầu năm 1906 là thời kỳ quyết liệt đối với các nhà tài chính Nga, và thời kỳ này lại ngẫu nhiên trùng với thời kỳ quyết liệt trong tiến trình phát triển hiến pháp của Nga. Chính cái lúc mà

Nga cố gắng vay của Tây Âu món tiền một trăm triệu thì lại phải có cuộc bầu cử Đu-ma I. Hiến pháp vẫn chỉ là một mẩu giấy lộn mà thôi. Tất cả phụ thuộc vào khả năng của Đu-ma có đứng vững được hay không, có kiểm soát được tầng lớp quan liêu hay không, có trở thành cơ quan quyền lực tối cao ở Nga được không. Muốn vậy, nó có một biện pháp rất rõ ràng. Nó phải nắm được quyền kiểm soát quốc khố, mà điều này lúc đó có nghĩa là phải kiểm soát được khoản vay ấy của nước ngoài. Nếu món vay ấy được ký kết trước khi Đu-ma nhóm họp, thì tầng lớp quan liêu sẽ hoan nghênh nó với những ngân khố quân sự đầy ắp. Trong vòng một vài tháng hoặc vài tuần lễ, dư luận xã hội châu Âu có khả năng làm chủ vận mệnh của Nga. Nó đã công khai bày tỏ thiện cảm của nó đối với phong trào lập hiến và nó cũng có khả năng biến mối thiện cảm đó thành hiện thực. Phái tự do Nga (những người dân chủ - lập hiến) đã cùng với những người xã hội chủ nghĩa đòi việc vay tiền phải được Đu-ma đồng ý. Điều đó có thể trì hoãn việc vay tiền mất khoảng 2 hay 3 tháng, nhưng sẽ tạo khả năng cho đa số trong nghị viện đặt điều kiện cho Nga hoàng là người đã hối tiếc vì đã nhượng bộ họ. Phái tự do và những người xã hội chủ nghĩa vừa mới toàn thắng trong cuộc bầu cử, sẽ có thể nói với các bộ trưởng của Nga hoàng như sau: "Chúng tôi được sự ủng hộ của nước Nga và được sự ủng hộ của châu Âu. Ngân khố của các ngài đã rỗng tuếch, ngân sách của các ngài đã kiệt quệ. Nếu các ngài công nhận rằng chúng tôi có đầy đủ quyền lực của một chính phủ có trách nhiệm thì chúng tôi sẽ chấp nhận các món thuế của các ngài và sẽ phê chuẩn món tiền các ngài vay. Nếu các ngài không cho chúng tôi quyền lực, thì chúng tôi tin rằng ở Luân-đôn, cũng như ở Pa-ri, các ngài đều sẽ không tìm được một xu để cấp kinh phí cho các hành động hà hiếp của các ngài". Thế nhưng một khoản vay rất lớn đã được thực hiện ở Pa-ri và Luân-đôn ngay từ tháng Ba 1906, và vào tháng Năm, khi Đu-ma

nhóm họp, nó đã đứng trước một chính phủ chẳng phải sợ sệt điều gì từ phía nước Nga và chẳng còn phải chờ đợi thêm gì ở phía châu Âu nữa. Châu Âu đã tạo cho chính phủ ấy khả năng trả tiền cho những tên Cô-dắc của họ. Trong khoảng hai thế hệ, chúng ta đã đóng cửa thị trường tiền tệ đối với các Nga hoàng và bây giờ chúng ta lại mở cửa thị trường ấy cho Nga hoàng ba tháng sớm hơn lúc thích hợp. Nếu chúng ta chờ thêm ba tháng ấy, như là giới báo chí tự do chủ nghĩa của Nga yêu cầu, thì chắc chắn là các đảng tiến bộ sẽ đắc thắng. Những người Cô-dắc sẽ chỉ làm được chút ít thôi, nếu sau lưng họ không có nhà tài chính. Nhưng không một nghị viện nào có thể sử dụng một cách có hiệu quả thứ vũ khí cổ truyền là ngân sách, nếu các ngân hàng nước ngoài trước đó đã thoả mãn nhu cầu của tên chuyên chế. Trong trường hợp này, vấn đề là do Luân-đôn quyết định. Các ngân hàng Pa-ri, đã khốn khổ vì cái gánh nặng ủng hộ tình trạng hỗn loạn không ổn định ở nước Nga, đã nhận ủng hộ vụ vay tiền ấy với điều kiện là các ngân hàng Anh phải tham gia cái gánh nặng sinh lợi ấy. Các ngân hàng Anh có thể đòi lui lại một thời hạn ngắn cần thiết để được Đu-ma phê chuẩn. Có thể nói rằng "công việc là công việc"; không nên hy vọng rằng một ông chủ ngân hàng, khi được hứa hẹn một món hoa hồng lớn về việc cấp tiền vay, sẽ cân nhắc mọi hậu quả của những hoạt động của ông ta đối với nền tự do của một dân tộc ngoại bang" (tr. 225-228).

"Tất cả những sự mua chuộc của chúng ta vẫn không mua nổi lòng trung thành của người Nga và không sao ngăn cản được nước Nga ve vãn đối thủ của chúng ta là Đức. Thế mà, chúng ta lại có đủ mọi con bài trong tay. Nước Đức có thể làm cho Nga được nhiều chuyện, song nó không thể cho Nga vay tiền được. Nếu như chúng ta đặt điều kiện trước khi cho vay và thậm chí nếu như tạm ngừng nguồn vàng nhập vào, thì chúng ta đã có thể đạt được một sự kiểm soát nào đó đối với chính sách của Nga. Nếu Pháp



ủng hộ chúng ta (và chúng ta đáng được Pháp ủng hộ trong thời gian có cuộc khủng hoảng ở Ma-rốc), thì chúng ta có thể nói cho Nga biết: "Chừng nào chưa rút quân khỏi Ba-tư thì chưa có tiền". Nói cho cùng thì đối với Nga, Ba-tư là món xa xỉ; song tiền lại là thứ cần thiết" (229).

"Châu Âu đã tỏ ra hoặc làm ra vẻ là đã cố gắng đến một chừng mực nào đó, song ít có hiệu quả, để giữ không cho các cuộc chiến tranh Ban-căng bùng nổ. Những cố gắng ấy không mang lại kết quả, vì đó là những sự cố gắng giả dối. Như bây giờ chúng ta đã biết, nước Nga không những không cố gắng ngăn ngừa chiến tranh, mà trên thực tế còn tổ chức chiến tranh bằng cách chỉ đạo việc thành lập Liên minh Ban-căng. Đúng cái lúc mà nó tham gia vào hành động phối hợp của các cường quốc bằng cách tuyên bố rằng nó không để một nước nào trong số các nước đồng minh được giữ phần đất chiếm được, thì nó lại ký vào bản hiệp ước chia cắt đất đai và tự trao cho mình cái cương vị làm trọng tài trong việc phân chia các lãnh thổ. Hành động hai mặt này đã làm cho các hành động phối hợp của các cường quốc trở nên không có hiệu lực. Tất cả những cuộc chiến tranh ấy đều có thể tránh được, nếu như người ta cấm tất cả các ngân hàng Pháp cấp tiền cho những bên tham chiến. Nhưng những ngân hàng này đã không bị cấm làm việc đó, vì nước Nga muốn làm khác đi" (tr. 230-231).

"Mặt khác, cái chế độ nổi tiếng với cái tên gọi là chế độ làm mướn để trả nợ được phổ biến trên khắp châu Mỹ la-tinh, và tư bản làm chỗ dựa cho chế độ này thì thường là tư bản của nước ngoài, đôi khi là tư bản Anh. Đây là lệ thường ở Mê-hi-cô và Bra-xin và cũng có thể là ở tất cả các nước cộng hoà lạc hậu hơn ở Nam Mỹ. Nạn nhân, thường là người bản xứ, đôi khi có thể là người da trắng hoặc người lai bị phụ thuộc - do nợ nần - vào chủ đồn điền hoặc thương nhân và, theo luật pháp của châu Mỹ la-tinh về con

nợ và chủ nợ, là những người không biết đến Truck Acts <sup>1)</sup>, nên trên thực tế, họ đã trở thành kẻ nô lệ của hãn chừng nào chưa thanh toán hết nợ nần. Mà nợ nần thì không bao giờ trả cho xong vì chủ đồn điền là người ghi sổ sách. Dưới chiêu bài ghi chép nợ nần tưởng như là minh bạch ấy, thực ra chúng đã tiến hành việc mua bán nô lệ, xoá sạch cả loạt làng xóm, đẩy những người nông dân có ruộng đất xuống tới mức chỉ còn là nông nô, dồn hàng loạt các bộ lạc trọn vẹn đến những vùng xa xôi để áp bức họ ở đó. Người ta mua bán trẻ con; đàn bà con gái bị dồn đến bước đường làm gái đi chuyên nghiệp. Tất cả những cái đó là biểu hiện điển hình của nền văn minh ở châu Mỹ la-tinh. Nhưng tư bản nước ngoài, một khi xâm nhập vào các nước này, đã thích nghi ngay với môi trường xung quanh và hành động ở Mê-hi-cô như ở nhà mình vậy. Nó đã biến lối bóc lột tương đối mềm yếu và ít hiệu quả của những tên địa chủ Tây-ban-nha lười biếng thành một hệ thống tích cực và có quy mô rộng lớn được tiến hành một cách tàn bạo và trên những quy mô vượt xa phong tục của đất nước. Đây không phải là một cảnh tượng mà những nhà dân chủ châu Âu nhìn bằng con mắt thờ ơ và khoanh tay ngồi yên được. Nếu như nhân dân Mê-hi-cô hoặc Bra-xin lập ra một chế độ tư bản chủ nghĩa riêng của mình, dù cho những nỗi bất hạnh do chế độ này mang lại là thế nào đi nữa thì rõ ràng là vẫn phải để cho tiến trình này diễn biến theo chiều hướng tự nhiên của nó. Chính bản thân người Mê-hi-cô phải tìm ra cách để thoát khỏi những tai hoạ có tính chất thuần túy Mê-hi-cô. Nhưng nhà tài chính châu Âu xuất hiện trong tay có nguồn tài nguyên cướp được trong kho tàng của chúng ta, nó tiến bước trên con đường xâm lược và bóc lột, dưới sự che chở của ngọn cờ của chúng ta và dưới sự che chở của uy tín của chúng ta" (tr. 236-237).

<sup>1)</sup> — thể lệ thanh toán công xá bằng hiện vật.

"Các vùng mà hiện nay người ta còn đang bàn cãi xem có nên phê chuẩn<sup>96</sup> hay không, dầu sao cũng là những vùng khá rộng và bao gồm cả nước Nga, Thổ-nhĩ-kỳ, Trung-quốc, Ba-tư, các thuộc địa của Bồ-đào-nha và một phần lớn châu Mỹ-la-tinh" (tr 242-243).

"Nếu lấy tổng số tiền mà Anh và Đức dùng để tăng cường quân bị trong thế kỷ XX thì có thể đại khái phân chia số tiền tăng thêm như sau: 50% hoặc ít hơn một chút là để giải quyết vấn đề ai sẽ bóc lột Ma-rốc; 25% hoặc hơn thế là để có được đặc quyền xây dựng đường sắt tới Bát-đa và xa hơn nữa; 25% hoặc hơn một chút là để giải quyết các vấn đề của tương lai mà hiện nay vẫn còn chưa giải quyết xong, - đó là số phận của các thuộc địa của Bồ-đào-nha ở châu Phi và số phận của Trung-quốc. Hai là, việc phân chia giới hạn phạm vi ảnh hưởng tỏ ra hầu như không tránh khỏi trở nên nguy hại đối với sự tồn tại dân tộc của nước bị chia cắt, và cũng không tránh khỏi làm tăng thêm gánh nặng trách nhiệm của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. Ba-tư là một bức tranh minh họa rõ ràng cho điều ấy. Rõ ràng là ngài E-đu-a Grây không muốn để cho diễn biến của những sự kiện buộc ngài phải nhận bất cứ một trách nhiệm trực tiếp nào về việc quản lý phạm vi thế lực của nước Anh. Quyết định của ông ta thật đáng khen, song nước Nga có thể làm cho quyết định ấy tan thành mây khói vào bất cứ lúc nào" (tr. 246-247).

"Những tham vọng riêng của chúng ta nhằm lấy phần lớn hơn, nghĩa là lấy thung lũng Dương-tử, chẳng được một cường quốc nào khác công nhận cả, và rất đáng ngờ là không biết bộ ngoại giao có ủng hộ những tham vọng ấy hay không" (tr. 248).

"Đó là vì lợi ích của toàn bộ giai cấp đang xuất khẩu tư bản ra nước ngoài. Thế nhưng nếu không chú ý đến hoặc đánh giá thấp lợi ích trực tiếp của công nghiệp thì thật là điên rồ. Lợi ích này đã bén rễ sâu vào các nhóm chính trị,

và như những chiến công của ngài Muyn-li-nơ đã cho thấy, đó chính là cái lợi ích vô cùng sống động và có sinh khí. Nếu đời sống chính trị sau này sẽ còn phát triển theo hướng ấy thì chuyện tai tiếng lớn nhất trong tương lai sẽ là việc phát hiện ra rằng các khoản tiền quỹ của đảng tự do không được đầu tư vào các xí nghiệp Mác-cô-ni, mà là vào các nhà máy của Krúp" (tr. 267-268).

"Cái lý luận cho rằng Anh và Nga có quyền định đoạt vận mệnh của nhân dân Ba-tư chỉ vì họ có các lợi ích vật chất lớn lao - về chính trị, chiến lược và thương mại - ở Ba-tư, là một lý luận thật là kỳ quái" (tr. 290).

"Dĩ nhiên là thật điên rồ nếu cho rằng việc chấp nhận nguyên tắc ấy về ưu thế của sự hành động phối hợp (của các cường quốc lớn) sẽ tạo nên ngay lập tức sự hài hoà và dẫn tới việc giảm quân bị. Nhưng nó sẽ nhanh chóng dẫn tới các kết quả sau đây: nó sẽ tạo nên một tiêu chuẩn đạo đức cho việc nhận thức thế giới văn minh; nó sẽ đưa ra một tiêu chuẩn khách quan để thử thách tính trung thực của bất kỳ một chính sách nào, song điều chủ yếu là nó sẽ tạo ra một cơ sở chung trên đó tất cả các phía ủng hộ hoà bình đều có thể gặp nhau. Nó sẽ cho phép giảm dần dần tình hình căng thẳng ở châu Âu, làm yếu dần dần các liên minh đang tồn tại và sẽ dần dần tạo nên một bầu không khí trong đó ít ra thì đề nghị giảm trừ quân bị và có thể là cả kế hoạch thành lập hội đồng liên bang tự do có trách nhiệm giải quyết các vấn đề của toàn châu Âu, cũng có thể trở thành đối tượng để thảo luận" (tr. 293).

"Đứng trên quan điểm ích kỷ giai cấp thì, đối với giai cấp bọn tư bản, việc vũ trang là hoàn toàn hợp lý, vấn đề chạy đua vũ trang là có đầy đủ cơ sở, và cuộc đấu tranh để cân bằng lực lượng là một giai đoạn và một biểu hiện của hệ thống tài chính hiện đại" (tr.310).

"Mọi người đều không có xu hướng tin rằng những lợi ích chia rẽ các quốc gia, xét về thực chất của nó, là có

tính chất hèn hạ và vị kỷ. Chúng ta tô son điểm phấn cho các lợi ích ấy bằng những lời lẽ trừu tượng to lớn; chúng ta làm sống lại ký ức về những thời đại anh hùng. Chúng ta đùa với cái di sản thần thoại về sự cân bằng lực lượng cho tới khi nào chúng ta thấy rằng đất nước chúng ta lâm nguy, rằng lòng tin và tự do của chúng ta bị đe dọa. Nhưng trong thời đại chúng ta thì những nỗi lo ấy của thế giới cũ cũng không hiện thực như là những bóng ma của Man-bô-rô và của Oen-linh-tôn. Ngày nay, các cường quốc đấu tranh hoàn toàn không phải vì cái động chạm đến đất nước của chúng ta, đến sự tồn tại hàng ngày của chúng ta. Tính đa cảm lãng mạn của quần chúng đã tiếp tay cho chủ nghĩa hiện thực giả hoạt của giai cấp cầm quyền" (tr. 315-316).

## VỞ "VỀ CHỦ NGHĨA MÁC VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"

### Mục lục

- 1) Thư từ giữa Mác và Ăng-ghen
- 2) Những vở ghi chép về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa đế quốc<sup>97</sup>
- I) "Những tài liệu mới về tiểu sử của C.Mác và Ph. Ăng-ghen". Của Ph. *Mê-rinh* 1-11
- 2) "Sự bành trướng của nước Anh" của Gi. R. *Xi-li* 15-26
- 3) "Về chính sách thuộc địa và chính sách toàn cầu của Đức" của Pôn *Đê-nơ* 27-46

### MÊ-PIN. "NHỮNG TÀI LIỆU MỚI VỀ TIỂU SỬ CỦA MÁC VÀ ĂNG-GHEN"

*Ph Mê-rinh. "Những tài liệu mới về tiểu sử của C. Mác và Ph. Ăng-ghen". "Die Neue Zeit", xuất bản năm thứ 25 (1907).*

"Tôi cho rằng chính sách của Mát-di-ni là hoàn toàn sai lầm. Khi xúi Ý cắt đứt ngay quan hệ với Áo, ông hành động chỉ vì lợi ích của Áo. Mặt khác, ông đã quên mất rằng ông phải dựa vào nông dân, một bộ phận trong nhân dân Ý, bộ phận đã từng bị bóc lột hàng bao nhiêu thế kỷ nay, và vì quên như vậy nên ông đã chuẩn bị một chỗ dựa mới cho thế lực phản cách mạng. Ngài Mát-di-ni chỉ biết đến các đô thị với giai cấp quý tộc tự do chủ nghĩa của chúng cùng "những công dân có học thức" của chúng. Dĩ nhiên là những nhu cầu vật chất của quần chúng nông thôn ý, quần chúng

mà người ta đã rút hết chất, mà người ta đã dồn — giống như đã dồn nông dân Ai-rơ-len, — một cách có kế hoạch tới mức hoàn toàn kiệt quệ và ngu ngốc, các nhu cầu đó dĩ nhiên là quá ư thấp hèn đối với lời lẽ hoa mỹ của những bản tuyên ngôn tư tưởng thế giới chủ nghĩa - tân thiên chúa giáo của ông ta. Nhưng rõ ràng là phải rất dũng cảm mới dám tuyên bố với giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc rằng bước đầu dẫn tới độc lập của Ý là phải hoàn toàn giải phóng nông dân và biến chế độ phát canh thu tô thành chế độ sở hữu tư sản tự do. Hình như, Mát-di-ni cho rằng vay được 10 triệu phrăng có một ý nghĩa cách mạng lớn hơn cả *việc thu hút 10 triệu người về phía mình*. Tôi rất ngại rằng trong giờ phút gay go, chính phủ Áo sẽ tự mình thay đổi hình thức chiếm hữu ruộng đất ở Ý, và sẽ tiến hành một cuộc cải cách "theo kiểu Ga-li-xi-a"<sup>1)</sup> (tr. 58-59)<sup>98</sup>.

Về phần tôi, tôi không hề có công phát hiện ra *các giai cấp trong xã hội hiện đại*, cũng không hề có công *phát hiện ra cuộc đấu tranh giữa các giai cấp* ấy với nhau. Trước tôi *từ lâu*, các nhà sử học *tư sản* đã trình bày sự phát triển, lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp ấy, và các nhà kinh tế học tư sản đã phân tích cơ cấu kinh tế của các giai cấp. *Điều cốt yếu mới của tôi* là chứng minh rằng: 1) sự tồn tại của các giai cấp *chỉ gắn liền* với những giai đoạn lịch sử *nhất định* trong sự phát triển của sản xuất; 2) đấu tranh giai cấp tất nhiên *đưa đến chuyên chính vô sản*; 3) chuyên chính đó, *chính nó cũng chỉ là BƯỚC QUÁ ĐỘ TIẾN LÊN THỦ TIÊU MỌI GIAI CẤP VÀ TIẾN LÊN XÃ HỘI KHÔNG CÓ GIAI CẤP* <sup>1)</sup>. Những kẻ ngốc nghếch dốt nát như Hai-xen, không những phủ nhận cuộc đấu tranh giữa các giai cấp mà còn phủ nhận cả sự tồn tại của các giai cấp thì chỉ có thể

<sup>1)</sup> Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 33, tr. 41-42.

chứng minh được rằng, bất kể những tiếng gào thét khát máu và có vẻ đầy tinh thần nhân ái của họ, họ vẫn coi những điều kiện xã hội làm nền tảng cho sự thống trị của giai cấp tư sản là cái sản phẩm cuối cùng, là ranh giới tột cùng của lịch sử; chứng minh được rằng *họ chỉ là những tên đầy tớ của giai cấp tư sản*. Những tên ngu ngốc đó càng ít hiểu biết tầm vĩ đại và tính tất yếu tạm thời của bản thân chế độ tư sản thì thái độ hùa hạ đó càng đáng ghê tởm" (tr. 164-165)<sup>99</sup>.

"Ngày 1 tháng Giêng 1870. Hội đồng trung ương công bố bức thông tri mật do tôi soạn thảo bằng tiếng Pháp (chỉ có báo chí Pháp, chứ không phải báo chí Đức, là thích hợp để tác động đến nước Anh) nói về mối quan hệ giữa *cuộc đấu tranh dân tộc của Ai-rơ-len* với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, và do đó, nói về lập trường mà *Hội liên hiệp quốc tế* phải có đối với vấn đề Ai-rơ-len. Ở đây, tôi xin thông báo tóm tắt về những điểm chính.

Ai-rơ-len là thành lũy của tầng lớp quý tộc địa chủ của nước Anh. Việc bóc lột Ai-rơ-len không chỉ là nguồn chủ yếu của tầng lớp ấy về của cải vật chất. Ai-rơ-len là *sức mạnh tinh thần lớn nhất của tầng lớp ấy*. Trên thực tế, tầng lớp quý tộc Anh là hiện thân của sự thống trị của Anh đối với Ai-rơ-len. Vì vậy, Ai-rơ-len là *công cụ quan trọng nhất* giúp tầng lớp quý tộc Anh duy trì được quyền thống trị của nó ở ngay chính nước Anh.

Mặt khác, nếu mai đây quân đội và cảnh sát Anh rời bỏ Ai-rơ-len thì *một cuộc cách mạng ruộng đất sẽ bùng nổ ngay lập tức ở Ai-rơ-len*. Nhưng sự sụp đổ của tầng lớp quý tộc Anh ở Ai-rơ-len sẽ gây ra và đem lại hậu quả tất yếu là *sự sụp đổ của nó ở Anh*. Đồng thời những điều kiện tiên quyết cho *cách mạng vô sản ở Anh* cũng nảy sinh. Vì ở Ai-rơ-len, vấn đề ruộng đất cho tới nay vẫn là hình thái đặc biệt của vấn đề xã hội, vì nó

là vấn đề sinh tồn, vấn đề sống chết đối với đại đa số nhân dân Ai-rơ-len và *đồng thời không tách rời khỏi vấn đề dân tộc*, cho nên việc tiêu diệt tầng lớp quý tộc địa chủ Anh ở Ai-rơ-len là *vô cùng dễ dàng hơn cả ở Anh*, đây là chưa nói đến *tính chất* hăng hái hơn và *cách mạng hơn* của những người Ai-rơ-len so với người Anh.

Còn giai cấp tư sản Anh, thì trước hết nó cùng với bọn quý tộc Anh đều mong muốn biến toàn bộ Ai-rơ-len thành một bãi chăn nuôi lớn, cung cấp cho thị trường Anh thịt và len với giá rẻ mạt. Lợi ích của giai cấp tư sản Anh cũng còn là ở chỗ đuổi tá điền ra khỏi các lãnh địa và cưỡng bức phải di cư để giảm dân số Ai-rơ-len xuống đến mức không đáng kể, khiến cho tư bản Anh (tư bản địa tô) có thể hoạt động "vững chắc" ở xứ ấy. Giai cấp tư sản Anh cũng lưu tâm cả đến việc "thanh lọc" các lãnh địa Ai-rơ-len, cũng như trước kia nó đã lưu tâm đến việc thanh lọc các vùng nông thôn Anh và Xcốt-len. Ngoài ra còn phải tính đến tình hình là hàng năm có 6 000 - 10 000 li-vơ xtéc-ling thu nhập của các chủ ruộng không sống ở các trang ấp của mình, và những thu nhập khác ở Ai-rơ-len chảy về Luân-đôn.

Nhưng giai cấp tư sản Anh còn có những lợi ích quan trọng hơn nhiều trong nền kinh tế Ai-rơ-len hiện nay.

Nhờ việc ngày càng tăng cường tập trung các ruộng đất lĩnh canh, Ai-rơ-len đã *thường xuyên* cung cấp *số dư thừa* [về nhân công] của mình cho thị trường lao động ở Anh và do đó, ảnh hưởng đến tiền công và đến TÌNH CẢNH VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN của giai cấp công nhân ANH.

**Và, rất cuộc lại, đây là điều quan trọng nhất!**

Hiện nay, tất cả các trung tâm công nghiệp và thương nghiệp của Anh đều có một giai cấp công nhân chia thành *hai phe thù địch với nhau*: đó là giai cấp vô sản Anh và giai cấp vô sản Ai-rơ-len.

NB

Người công nhân Anh bình thường *cảm ghét* người công nhân Ai-rơ-len là kẻ cạnh tranh làm cho mức sống trung bình của mình hạ thấp xuống. Đối với người công nhân Ai-rơ-len, công nhân Anh cảm thấy mình là **thành viên của dân tộc thống trị**, và chính vì vậy họ trở thành *công cụ trong tay bọn quý tộc và bọn tư bản Anh chống lại Ai-rơ-len* VÀ DO ĐÓ, họ củng cố ÁCH THỐNG TRỊ CỦA BỌN CHÚNG ĐỐI VỚI CHÍNH BẢN THÂN MÌNH. Công nhân Anh nuôi dưỡng những định kiến tôn giáo, xã hội và dân tộc đối với công nhân Ai-rơ-len. Họ đối xử với *công nhân Ai-rơ-len* gần giống như *dân nghèo da trắng* (poor whites) đối xử với *người da đen* ở các bang dưới chế độ *chiếm hữu nô lệ* trước kia của Liên bang Mỹ. Người Ai-rơ-len cũng trả đũa lại họ và còn hơn thế. Họ coi *công nhân Anh vừa là kẻ tòng phạm, vừa là công cụ mù quáng của nền thống trị Anh* ở Ai-rơ-len.

Sự đối kháng ấy được các giới báo chí, các bài thuyết giáo ở nhà thờ, các tạp chí hài hước, nói tóm lại là tất cả các phương tiện nằm trong tay các giai cấp thống trị duy trì một cách giả tạo và đầy mạnh lên. Bí mật của *sự bất lực của giai cấp công nhân Anh, mặc dù nó có tổ chức*, là ở sự đối kháng đó. Bí mật về tình trạng quyền lực của giai cấp tư bản vẫn còn được duy trì là ở sự đối kháng ấy. Giai cấp tư bản hoàn toàn có ý thức về điều đó.

Nhưng tai họa không chỉ dừng lại ở đó. Nó còn vượt qua đại dương nữa kia. *Đối kháng* giữa người Anh và người Ai-rơ-len là *cái cơ sở ẩn kín của mối xung đột giữa Mỹ và Anh*. Nó làm cho bất kỳ một *sự hợp tác* nào nghiêm túc và *chân thành giữa giai cấp công nhân của hai nước* đều không thể thực hiện được. Nó giúp cho chính phủ của cả hai nước, khi thấy cần,

đều có thể làm dịu bớt sự gay gắt của sự xung đột xã hội, bằng cách kích động hai nước chống lại nhau, và nếu cần thì bằng cách gây chiến tranh giữa hai nước.

Hiện nay, nước Anh, với tư cách là chính quốc của tư bản, một cường quốc từ trước tới nay vẫn thống trị trên thị trường quốc tế, đang là một nước quan trọng nhất đối với cuộc cách mạng công nhân, và hơn nữa lại là nước **duy nhất** trong đó các điều kiện vật chất của cuộc cách mạng ấy đã chín muồi tới một mức độ nhất định. Vì vậy, mục tiêu quan trọng nhất của Hội liên hiệp công nhân quốc tế là thúc đẩy nhanh cuộc cách mạng xã hội ở Anh. Và phương pháp duy nhất để làm được điều đó là **làm cho Ai-rơ-len được độc lập**.

Vì vậy, Quốc tế phải tự đặt cho mình nhiệm vụ là ở khắp nơi, phải đem sự xung đột giữa Anh và Ai-rơ-len đặt lên hàng đầu và luôn luôn công khai ủng hộ Ai-rơ-len. Nhiệm vụ đặc biệt của Hội đồng trung ương ở Luân-đôn là thúc tỉnh cho giai cấp công nhân Anh nhận thức được rằng đối với họ sự nghiệp giải phóng dân tộc của Ai-rơ-len không phải là một vấn đề trừu tượng về chính nghĩa và lòng nhân đạo, mà chính là điều kiện tiên quyết để tự giải phóng mình về mặt xã hội" (tr. 226-228)<sup>100</sup>.

"VỀ NHỮNG NGƯỜI CÔNG NHÂN NƯỚC NGOÀI LÀM  
SỰ TIỀN LƯƠNG  
VÀ VỀ THÁI ĐỘ  
CỦA QUỐC TẾ ĐỐI VỚI HỌ"

"Về những người công nhân nước ngoài làm sự tiền lương và về thái độ của Quốc tế đối với họ". "Die Neue Zeit", xuất bản năm thứ 25 (1907).

"Khi mời các công đoàn Anh tham dự Đại hội Bruy-xen năm 1868, Hội đồng trung ương tuyên bố:

"Nguyên tắc cơ bản của Hội liên hiệp ghi rằng sản phẩm lao động phải thuộc về công nhân, rằng tình hữu ái lao động phải là cơ sở của xã hội và công nhân tất cả các nước phải gạt bỏ những kinh địch nhỏ nhen và những ác cảm dân tộc để tiến hành cuộc đấu tranh thống nhất chống tư bản. Lao động không có tổ quốc. Ở mọi nơi, công nhân đều phải đấu tranh chống lại cùng một tai hoạ như nhau. Tư bản chỉ là lao động đã được tích lũy lại. Tại sao công nhân phải làm nô lệ cho sản phẩm của chính mình? Đã từ quá lâu rồi, bọn tư bản đã có lợi về tình trạng phân tán dân tộc của những người lao động. Sự cạnh tranh của nước ngoài luôn luôn là một lý do thích hợp để hạ tiền lương" (tr. 511-512).

"Để chống lại một cách thắng lợi những lời than vãn thường xuyên của các nhà tư bản Anh cho rằng ngày lao động dài hơn và tiền lương ít hơn của công nhân lục địa tất phải dẫn tới việc hạ thấp tiền lương, thì người ta chỉ có thể nêu lên ý chí là làm cho ngày lao động và tiền công ở vào một mức như nhau trong toàn châu Âu<sup>1)</sup>. Đó là một trong những nhiệm vụ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế" (tr. 512).

"Trên thực tế, đó là biện pháp duy nhất để bảo đảm những thành tựu của cái bộ phận của giai cấp vô sản quốc tế nằm trong một hoàn cảnh thuận lợi hơn. Những thành tựu ấy sẽ luôn luôn bị đe dọa, nếu chỉ có một thiểu số

<sup>1)</sup> Do báo "Die Neue Zeit" in bằng chữ ngả.

được hưởng và nguy cơ ấy càng lớn, nếu trình độ của đa số quần chúng vô sản càng thấp hơn so với thiểu số ấy. Điều này liên quan đến quần chúng ở trong một nước cũng như ở trên phạm vi toàn bộ thị trường thế giới. Giai cấp vô sản tiên tiến có thể tự vệ được nếu biết đoàn kết lại, biết nâng đỡ những người còn tụt lại sau, chứ không phải tách khỏi họ, xa rời họ, áp bức họ. Ở những nơi nào do ảnh hưởng của **đấu óc phường hội thiên can**, những người vô sản vẫn giữ phương pháp vừa nói trên đây, thì sớm muộn phương pháp ấy cũng sẽ thất bại và trở thành một trong những phương pháp nguy hiểm nhất để làm yếu cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản" (tr. 512).

NB

#### XI-LI. "SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA NƯỚC ANH"<sup>101</sup>

"Sự bành trướng của nước Anh" của Gi. R. Xi-li, tôn sư khoa học.

"Nét đặc trưng cơ bản của các nước châu Âu vào thế kỷ XVIII và XVII mà người ta thường quên mất, — là ở chỗ mỗi một trong năm cường quốc ở Tây Âu đều có một đế quốc riêng của mình ở Thế giới mới. Trước thế kỷ XVII, tình hình đó mới bắt đầu thành hình, thế mà sau thế kỷ XVIII, nó đã không còn tồn tại nữa. Những kết quả to lớn, không thể lường được của sự phát hiện của Cô-lum-bô phát triển hết sức chậm chạp; toàn bộ thế kỷ XVI đã trôi qua mà đa số các dân tộc ấy ở châu Âu mới bắt đầu nhúc nhích và mới bắt đầu đòi phần của mình ở Thế giới mới. Đến cuối thế kỷ đó, chưa có nước Hà-lan độc lập, vì vậy mà lại càng không thể có nước Đại Hà-lan. Trong thế kỷ đó, Anh và Pháp cũng chưa chiếm thuộc địa. Thực ra, Pháp đã có ý đồ thành lập đất thực dân ở Bắc Mỹ, bằng chứng là

cái tên Ca-rô-li-na lấy từ tên vua Pháp Các-lơ IX, nhưng người Tây-ban-nha ở vùng Phlo-ri-đa gần đó đã ngăn cản họ. Ít lâu sau, cái đất thực dân do ngài Van-tơ Ra-lây thiết lập ở ngay gần đó, hoàn toàn biến mất, không còn lại một vết tích gì. Như vậy là hầu như trong vòng cả thế kỷ ấy, Thế giới mới còn nằm dưới quyền lực của hai cường quốc có công nhiều nhất trong việc phát hiện ra Thế giới mới, đó là Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha thì hướng về châu Mỹ nhiều hơn, còn Bồ-đào-nha lại hướng về châu Á nhiều hơn; cho tới năm 1580 khi hai nước này hợp thành một liên minh và liên minh này đã tồn tại được 60 năm. Trong 7 năm từ 1595 đến hết 1602, người Hà-lan bắt đầu tiến hành một cuộc đấu tranh rộng rãi để thành lập đế quốc của mình, và sau đó là Pháp và Anh trong những năm đầu của thế kỷ XVII, nghĩa là trong triều đại vua Gia-cốp I của chúng ta.

Vào thế kỷ XIX, cuộc đua tranh của năm cường quốc đó ở Thế giới mới đã chấm dứt. Nó chấm dứt do hai nguyên nhân: do hàng loạt cuộc chiến tranh giành độc lập, nhờ đó các thuộc địa hải ngoại tách khỏi các chính quốc, và do việc Anh đi chiếm các thuộc địa. Tôi đã miêu tả cuộc Chiến tranh một trăm năm, trong đó các đất đai của nước Đại Pháp bị nước Đại Anh nuốt mất. Đại Hà-lan cũng bị nhiều tổn thất đáng kể, mất cả mũi Hảo vọng và Đê-mê-ra-ra, hai vùng này bị người Anh nâng mất. Thế nhưng ngay cả hiện nay, người ta vẫn còn có thể nói rằng Đại Hà-lan vẫn tồn tại, nếu ta lưu ý đến cái thuộc địa rộng lớn của nó là Gia-va gồm có ít nhất 19 triệu dân. Sự sụp đổ của Đại Tây-ban-nha và Đại Bồ-đào-nha xảy ra trong thế kỷ này, ngay trước mắt những người hiện còn đang sống cùng chúng ta. Nếu chúng ta đánh giá các sự kiện không theo sự xúc động do chúng gây ra lúc đó, mà chủ yếu là theo những hậu quả hiển nhiên của chúng, thì chúng ta phải gọi sự kiện đó là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử trái đất,

vì nó là sự khởi đầu của một cuộc sống độc lập của hầu như toàn bộ Nam và Trung Mỹ. Điều đó xảy ra chủ yếu là vào những năm 20 của thế kỷ này và là kết quả của hàng loạt cuộc khởi nghĩa; nếu tìm xem nguồn gốc của những cuộc khởi nghĩa ấy, chúng ta sẽ thấy rằng những cuộc khởi nghĩa ấy là kết quả của đòn đả kích do cuộc tấn công của Na-pô-lê-ông giáng vào Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha, cho nên trên thực tế, một trong những kết quả chủ yếu, nếu không phải là kết quả chủ yếu nhất, của những hành động của Na-pô-lê-ông là sự sụp đổ của Đại Tây-ban-nha và Đại Bồ-đào-nha cùng việc thiết lập nền độc lập của Nam Mỹ.

Kết quả của tất cả những cuộc đảo lộn lớn ấy, những cuộc đảo lộn mà tôi cho rằng chỉ có một số trong các ông là biết được đôi chút, là việc các cường quốc Tây Âu, trừ Anh ra, về cơ bản bị tách ra khỏi Thế giới mới. Dĩ nhiên là điều đó sát đúng chỉ tương đối thôi. Tây-ban-nha vẫn còn nắm giữ Cu-ba và Poóc-to - Ri-cô, Bồ-đào-nha còn có những đất đai rộng lớn ở châu Phi, Pháp bắt đầu xây dựng một đế quốc mới ở Bắc Phi. Nhưng dù sao đi nữa địa vị quốc tế của bốn cường quốc này đã có sự thay đổi quan trọng. Họ lại trở thành chủ yếu là những nước châu Âu thuần túy, như trước khi Cô-lum-bơ vượt qua Đại-tây-dương" (tr. 62-64).

"Như vậy, chúng ta thấy rằng thế kỷ XVII, và hơn nữa, thế kỷ XVIII là thời kỳ trong đó Thế giới mới gắn liền một cách độc đáo với năm nước phía Tây của hệ thống châu Âu. Mối dây liên hệ ấy chế ước và quy định tất cả các cuộc chiến tranh và hiệp ước, tất cả các quan hệ quốc tế của châu Âu trong thời gian ấy. Trong bài giảng trước, tôi đã chỉ ra rằng không thể hiểu được cuộc đấu tranh giữa Anh và Pháp trong suốt các thế kỷ ấy, nếu như chỉ lưu ý đến châu Âu không thôi, vì hai bên tham chiến đều thật sự là hai cường quốc thế giới – Đại Anh và Đại Pháp. Bây giờ tôi xin vạch rõ rằng như vậy là trong lịch sử của thời kỳ

này, đáng lẽ đọc là: Hà-lan, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha, chúng ta phải luôn luôn đọc là Đại Hà-lan, Đại Bồ-đào-nha và Đại Tây-ban-nha. Tôi cũng xin vạch rõ rằng, ngày nay, tình hình đó không còn nữa: đế quốc Tây-ban-nha, và về cơ bản cả đế quốc Bồ-đào-nha và Hà-lan đều chịu chung một số phận như đế quốc Pháp. Nhưng Đại Anh quốc thì vẫn tồn tại. Như vậy là chúng ta đã bắt đầu nhận thấy được nguồn gốc lịch sử và tính chất của đế quốc này" (tr 64-65).

"Chúng ta bị lôi cuốn vào hai cuộc chiến tranh lớn, chủ yếu là vì các thuộc địa của chúng ta, và sự đoan tuyệt vĩnh viễn số dĩ xảy ra thì đó là do áp lực của Anh đối với các thuộc địa thì ít, mà là do áp lực của các thuộc địa đối với Anh thì nhiều. Nếu chúng ta buộc các thuộc địa phải đóng thuế, thì đó chỉ là để trả những món nợ mà chúng ta cho họ vay, và chúng ta cảm thấy một nỗi cay đắng tự nhiên là bản thân chúng ta đã giúp cho các thuộc địa chẳng cần gì đến chúng ta, khi chúng ta, vì lợi ích của họ, đã xoá bỏ sự thống trị của Pháp ở Bắc Mỹ" (tr. 75).

"Đứng về mặt kinh tế mà nói thì trong thời trung cổ, Anh không phải là một nước tiên tiến, mà là một nước lạc hậu thì đúng hơn. Rõ ràng là các nước buôn bán quan trọng nhất đã coi thường nước Anh. Bây giờ, Anh nhìn các hệ thống thương mại và ngân hàng – đã lỗi thời so với hệ thống của Anh – của các nước như Đức và thậm chí cả Pháp nữa với con mắt như thế nào thì người Ý ở thời trung cổ ắt hẳn cũng đã nhìn Anh với con mắt như thế. Sống ở thành thị, có nhiều mối giao dịch rộng rãi và khéo léo trong các vụ buôn bán nên người Ý ắt phải liệt nước Anh, cũng như nước Pháp, vào loại các nước nông nghiệp và phong kiến đã lỗi thời nằm ngoài trào lưu tư tưởng chủ yếu của thời đại đó" (tr 96-97).

"*Sự kinh dịch* giữa năm cường quốc thống trị trên biển ở Tây Âu để tranh giành Thế giới mới – đó là công thức tóm tắt phần lớn các sự kiện lịch sử đã diễn ra trong thế kỷ XVII và XVIII. Đó là một trong các điều khái quát mà



chúng ta không chú ý tới khi chúng ta nghiên cứu lịch sử của từng nước riêng biệt" (tr. 108).

"Chúng ta chiếm Ấn-độ bằng cách nào? Sự xâm chiếm đó không phải là kết quả trực tiếp của việc chúng ta buôn bán với Ấn-độ hay sao? Nhưng đó chỉ là một trong hàng loạt những ví dụ hiển nhiên minh hoạ cho cái quy luật chi phối lịch sử Anh ở thế kỷ XVII và XVIII, quy luật về sự phụ thuộc lẫn nhau chặt chẽ giữa chiến tranh và thương mại, do đó mà trong suốt thời kỳ ấy, tự nhiên là thương mại sẽ dẫn đến chiến tranh, còn chiến tranh thì nuôi dưỡng thương mại. Tôi đã chỉ ra rằng các cuộc chiến tranh của thế kỷ XVIII lớn hơn và khốc liệt hơn rất nhiều so với các cuộc chiến tranh thời trung cổ. Các cuộc chiến tranh ở thế kỷ XVII cũng đã rất lớn, nhưng cũng không lớn tới mức độ như thế. Chính trong thời đại đó, Anh ngày càng trở thành một nước thương nghiệp. Và trong thời kỳ ấy, thương nghiệp càng phát triển bao nhiêu, Anh càng trở nên hiếu chiến bấy nhiêu" (tr. 120).

"Và trên thực tế, biện hộ cho hành động của những người thành lập ra Đại Anh quốc không phải là dễ dàng" (tr. 145).

"Có thể là các bạn sẽ hỏi rằng: nếu như nước Anh được xây dựng trên cơ sở tội ác thì chúng ta có thể chờ mong hoặc cầu chúc cho nước Anh phần vinh hay không. Nhưng Chúa trời, hoá thân trong lịch sử, thường không xét đoán như vậy. Trong lịch sử, chúng ta chưa thấy có sự xâm chiếm không chính đáng của một thế hệ này lại tất nhiên phải mất đi hoặc thậm chí gần như mất đi trong thế hệ sau" (tr. 146).

"Ở thế kỷ XVII, bản thân đế quốc thuộc địa của chúng ta cũng như việc chúng ta tham gia mua bán nô lệ đều tăng lên dần dần. Có thể coi Hiệp ước U-tơ-rếch là việc phê chuẩn sự tham gia đó và sự tham gia này đã trở thành "mục tiêu chủ yếu của chính sách của nước Anh" (câu này là mượn của ngài Léch-ky. Xem cuốn "Lịch sử nước Anh hồi thế kỷ XVIII", II, tr. 13). Tôi sợ rằng từ lúc đó, chúng ta

đã chiếm vị trí chủ chốt trong việc mua bán nô lệ và tự bôi nhọ mình nhiều hơn các dân tộc khác bằng những hành vi dã man khủng khiếp và đê tiện trong việc mua bán ấy" (tr. 148).

"Tôi đã nói rằng trong thế giới hiện đại, khoảng cách đã mất đi một phần lớn ý nghĩa, và một vài dấu hiệu chứng tỏ rằng đã bắt đầu một thời đại trong đó các quốc gia sẽ rộng lớn hơn rất nhiều so với trước đây" (tr. 308).

P. ĐÊ-NƠ. "VỀ CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA  
VÀ CHÍNH SÁCH TOÀN CẦU CỦA ĐỨC"

*"Về chính sách thuộc địa và chính sách toàn cầu của Đức"*  
của Pôn Đê-nơ. (Xuất bản lần thứ hai, Béc-lanh, 1907.)

"Hiện nay, trên các mặt biển, ngoài các tàu chiến ra, có khoảng 40 000 tàu buôn lớn gồm tàu chạy bằng hơi nước và tàu buồm, có trọng tải rỗng là 25 triệu tấn đăng kiểm và trọng tải là 61 triệu tấn, tính mỗi tấn là 1 000 kg" (tr. 37).

"Hàng năm nó <sup>1)</sup> mang lại cho người Anh hơn 180 triệu mác, mang lại cho người Đức (có 220 tàu đánh cá) gần 25 triệu, và mang lại cho người Pháp 10 triệu mác" (tr. 39).

"Bờ biển của Đức chỉ dài có 1 270 km và chỉ bằng 1/4 đường biên giới trên bộ, trong khi đó Pháp được biển bao vây 3 phía và có một dải bờ biển dài 3 175 km" (tr. 41).

"Theo những sự tính toán của giáo sư Ê-kéc trong cuốn "Những lợi ích trên mặt biển của vùng Ranh và Ve-xơ-pha-li" (1906) thì một phần ba tổng số nhập của Đức bằng đường biển và hơn một phần năm tổng số xuất của Đức bằng đường biển là qua các hải cảng của Hà-lan và Bỉ" (tr. 42).

"Đầu năm 1907, hãng "Ve-ri-ta-xơ" đăng ký 14 656 tàu với 18,9 triệu tấn đăng kiểm. Trong tổng số đó, nước Anh có 6 249 tàu với 9,8 triệu tấn; nước Đức có 1 351 tàu với 2,1 triệu tấn; Hợp chúng quốc Bắc Mỹ có 885 tàu với 1,2

<sup>1)</sup> việc đánh cá trên biển khơi.

triệu tấn, và Pháp có 586 tàu với 0,7 triệu tấn. Trong tổng số 26 579 tàu buồm với 7,5 triệu tấn đăng kiểm thì Anh có nhiều nhất, cụ thể là 6 338 tàu với 1,8 triệu tấn. Sau đó là đến Hợp chúng quốc Bắc Mỹ – 3 695 tàu với 1,5 triệu tấn, Pháp – 1 356 tàu và Đức – 991 tàu, mỗi nước – 0,5 triệu tấn. Trong thời kỳ từ năm 1882 đến hết năm 1905, trọng tải của các tàu Anh qua kênh Xuy-ê tăng 103%, còn của Đức tăng 1 561 %!" (tr. 43).

"Theo số liệu thống kê của Mỹ, tổng diện tích mỏ than trên trái đất là gần 1 500 000 km<sup>2</sup>. Trong đó 520 000 ở Trung-quốc, 500 000 ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ, 169 000 ở Ca-na-đa, 91 000 ở Ấn-độ thuộc Anh, 62 000 ở Tân Nam Oen-xơ, 52 000 ở Nga, 31 000 ở Anh, 14 000 ở Tây-ban-nha, 13 000 ở Nhật, 5 400 ở Pháp; Áo, Hung và Đức mỗi nước có 4 600, và Bỉ có 1 300. Việc khai thác các mỏ than ấy phụ thuộc vào độ sâu, chất lượng và địa điểm của chúng".

\* \*  
\*

"Theo số liệu của Anh, năm 1905 người ta khai thác được tổng cộng gần 840 triệu tấn than đá trị giá khoảng 6 tỷ mác.  
*Tình hình khai thác than đá trên thế giới vào năm 1905*

	Triệu tấn	% tổng số	Tính theo đầu người
Hợp chúng quốc Bắc Mỹ	350,8	41%	4 1/4 tấn
Anh	236,1	28	5 1/2
Đức	119,8	14	2
Pháp	34,8	4	1
Bỉ	21,5	2,7	3
Nga	19	2,3	
Nhật	10	1,2	
Ấn-độ thuộc Anh	8,4	3,5	
Ca-na-đa	7,8		
Úc	9,8		
Nam Phi thuộc Anh	3,6		
Các nước khác	19,1		
	840		

Ba nước khai thác than nhiều nhất chiếm 83% tổng sản lượng than" (tr. 46-47).

"Trong thời gian từ 1883 đến hết 1903, tiêu dùng than ở Anh tăng 24%, ở Đức – 102%, ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ – 129%" (tr. 47).

"Gần 3/4 than xuất khẩu của Anh được đưa sang lục địa châu Âu và vùng Địa-trung-hải" (tr. 55).

"Ở các căn cứ hải quân của mình (Anh có gần 40 căn cứ như vậy ở tất cả năm châu), Anh đã xây dựng những kho than lớn" (tr. 56-57).

"Những dự trữ than ở đó lên tới hàng triệu tấn. Pê-tơ có lần gọi những kho than đó là những cột mốc của sự thống trị của Anh trên mặt biển" (tr. 57).

"Nếu chỉ tính chi phí vận tải than xuất khẩu của Anh tới các nước khác nhau trung bình là 5 mác một tấn, thì với tổng khối lượng xuất khẩu năm 1906 là 58 triệu tấn, việc vận chuyển này đã đem lại cho ngành vận tải đường biển của Anh thu nhập hàng năm về chi phí vận tải là khoảng 300 triệu mác" (tr. 57-58).

"Tiếc rằng cho tới nay vẫn chưa đầy được than của Anh ra khỏi các vùng biển Bắc và biển Ban-tích. Thậm chí Béc-lanh vẫn nhập của Anh 1/6 số than nó tiêu thụ (đa số là than cốc)" (tr. 62).

"Tình hình khó khăn của công nghiệp Đức trong việc kiếm bông được minh họa bằng những số liệu của quốc vụ khanh Đeng-buốc. Giá bông tăng 4 pơ-phe-ních một phun làm cho số bông tiêu thụ trên thế giới đắt thêm 320 triệu mác. Từ năm 1899, giá bông tăng lên đã làm tốn thêm hàng tỷ mác! Năm 1905, Đức tiêu thụ 1,6 triệu kiện và gần đây, tùy theo sự dao động về giá cả mà những kẻ đầu cơ ở Niu-Oóc chuyên trục lợi bằng cách nâng giá đã gây ra, mà hàng năm Đức phải trả *thêm*<sup>1)</sup> 150-200 triệu mác so với trước

<sup>1)</sup> Do Đê-nơ viết ngả.

kia, nghĩa là từ 5 đến 7 lần nhiều hơn so với số tiền hàng năm nó cấp cho các thuộc địa. Nó phải thoát khỏi món thuế ấy, món cống nạp ấy cho nước ngoài.

Muốn thoát khỏi ảnh hưởng của việc đầu cơ trên thị trường chứng khoán, các thương nhân và chủ nhà máy Anh ngày càng hay lần mò đi khắp các bang miền Nam và mua tại chỗ những nguyên liệu họ cần đến. Các chủ nhà máy Anh đã mua các mảnh đất lớn ở Téch-dát để tự mình trồng trọt bông hoặc cho linh canh ruộng đất" (tr. 81).

"Ở Mỹ, số cọc sợi đã tăng từ 14,6 triệu cái năm 1890 lên đến 23,2 triệu năm 1906" (tr. 82).

"Năm 1906 Mỹ tiêu thụ 4,8 triệu kiện (Anh chỉ tiêu thụ 3,6 triệu kiện và Đức – 1,6). Đầu những năm 60 của thế kỷ 19, Mỹ tiêu dùng 20% thu hoạch bông của mình, đến những năm 80 đã tiêu dùng 32%, những năm 90 – 35%, còn từ năm 1900 trở đi - tới 40%" (tr. 82).

"Nếu Mỹ không buộc phải đi tìm ở nước ngoài nơi tiêu thụ phần lớn bông của mình nữa, thì khi đó việc cung cấp bông cho thị trường thế giới sẽ trở thành vấn đề sức mạnh" (tr. 83).

"Vi làm chủ thị trường bông, nên Mỹ, với hệ thống thuế quan xuất khẩu của mình, đã nắm được một thứ vũ khí vô cùng sắc bén chống lại châu Âu. Các nước châu Âu phải dùng mọi cách thoát khỏi chiếc gơm ấy của Đa-mô-clét. Ở đây, phải coi thường mọi sự hy sinh. Suy cho cùng, đây là một vấn đề sức mạnh nhưng lại chỉ có thể giải quyết được bằng con đường hoà bình" (tr. 87-88).

"Theo sáng kiến của uỷ ban kinh tế thuộc địa thì sau những hành vi quá đáng của bọn đầu cơ bông Niu-Oóc năm 1903, những đại biểu của ngành công nghiệp bông vải sợi châu Âu đã họp những đại hội quốc tế vào giữa năm 1904 ở Xuy-rích, vào tháng Tư 1905 ở Bruy-xen, tháng Sáu 1906 ở Man-tse-xtơ và tháng Năm 1907 ở Viên để tìm những biện pháp chống lại" (tr. 88).

"Khuyến khích trồng bông dưới ngọn cờ của Đức là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của ngành kinh tế thuộc địa và chính sách thuộc địa của Đức. Bi-xmác đã hiểu được điều đó" (tr. 90).

"Việc khuyến khích trồng bông ở các thuộc địa không những chỉ tạo ra triển vọng là đảm bảo cung cấp cho Đức thứ nguyên liệu mà nó rất cần đến, mà còn thúc đẩy sự phồn vinh thường xuyên của chính các thuộc địa là những nước sẽ phát triển với tư cách những khách hàng tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp.

Nhà dân chủ - xã hội Can-vo còn hy vọng rằng việc xây dựng ngành trồng bông ở các thuộc địa Đức cũng sẽ có lợi cho cả công nhân Đức nữa"... ("Sozialistische Monatshefte". 1907, quyển 3) (tr. 96-97).

"Ở châu Phi, Anh có 18 369 km đường sắt, Pháp có 5 657, Đức có 1 398, Bồ-đào-nha có 1 173, Ý có 115 và nước Công-gô có 642 km" (tr. 104).

"Nếu không kể những người dân chủ - xã hội theo chủ nghĩa hư vô, thì những địch thủ của việc xâm chiếm thuộc địa, bất chấp mọi số liệu trong tay, vẫn tránh đưa ra những kết luận dứt khoát, họ không dám tuyên bố rằng những thuộc địa đòi hỏi phải bỏ ra những kinh phí lớn như vậy, lại chẳng có một chút giá trị nào; họ tránh không đòi từ bỏ những thuộc địa ấy, và làm như thế, họ đã hành động thông minh vì nếu kết luận dứt khoát như vậy thì rõ ràng là toàn bộ lập trường của họ là sai trái" (tr. 113-114).

"Trước ngày bầu cử năm 1907, các nhà cổ động và các cơ quan báo chí dân chủ - xã hội đã mở một chiến dịch đặc biệt dữ dội chống lại chính sách thuộc địa của Đức; cơ quan ngôn luận trung ương của họ nói rằng chính sách này là "nhằm thiết lập một quốc gia Đức mới, một quốc gia Đức chiếm hữu nô lệ, bằng tài sản và xương máu của giai cấp vô sản Đức." Theo họ, cần phải "làm thất bại hoàn toàn" chính sách này.

Dù sao, ngay cả trong phe dân chủ - xã hội, vẫn có những tiếng nói ủng hộ việc xâm chiếm thuộc địa và bác bỏ quan điểm của những người chỉ biết chế giễu thuộc địa của Đức, coi đó là những bãi sa mạc hoang vu chẳng có tí giá trị nào.

Đầu năm 1907, trong tờ "Sozialistische Monatshefte", cựu đại biểu thuộc đảng dân chủ - xã hội là Can-vơ đã lên tiếng chống lại lập trường của những người dân chủ - xã hội là kịch liệt phản đối chính sách thuộc địa của Đức" (tr. 121).

"Đ/c. Can-vơ tỏ ra rằng ông ta hiểu rõ những yêu cầu của tình hình thế giới, khi vào tháng Ba 1907, ông ta đã lên tiếng trên tờ "Sozialistische Monatshefte" để phản đối thái độ thù địch của ban lãnh đạo đảng dân chủ - xã hội đối với hạm đội Đức" (tr. 130).

"Can-vơ có đầy đủ lý do để chế nhạo những đồng chí cho rằng chẳng cần phải nghĩ ngợi lâu gì, người ta có thể nâng ngay tiền công ở Đức lên cao bằng tiền công ở Anh và Bắc Mỹ, mà không cần quan tâm trước đến những vị trí của mình ở các thuộc địa và trên thị trường thế giới" (tr. 132).

"Năm 1905/6, số nhập của Ba-tư là vào khoảng 140 triệu mác. Trong đó, Nga chiếm 70, Anh - 30, Ấn-độ thuộc Anh - 16, Pháp - 8, Áo - Hung - 5, còn Đức chưa được 3 triệu mác" (tr. 148-149).

"Nếu một ngày nào đó, con đường Bát-đa sẽ thật sự được xây xong dưới sự chỉ đạo của người Đức, còn người Anh thì không chịu từ bỏ các mục tiêu đã định của mình, thì vịnh Ba-tư là nơi cho tới nay vẫn bị cô lập, rất có thể trở thành trung tâm của các cơn bão chính trị của thế giới" (tr. 158).

"Do hậu quả của học thuyết Môn-rô, các nước hữu quan, trước hết là Anh, và cả Pháp, Hà-lan và Đan-mạch, sẽ phải tính đến khả năng là sẽ có thể mất thuộc địa trong một thời gian rất gần đây" (tr. 196).

"Theo những số liệu bán chính thức, cho tới cuối năm 1904, tư bản Đức đầu tư vào ruộng đất, vào công nghiệp, đường sắt và thương mại ở châu Mỹ là từ 5 đến 6 tỷ mác, và chỉ riêng ở Trung và Nam Mỹ là từ 2,8 đến 3,4 tỷ mác" (tr. 229).

"Người ta cho rằng số tư bản được xuất từ Mỹ để đầu tư vào ruộng đất và nhà máy ở Ca-na-đa là hơn 2 tỷ mác.

Theo các báo cáo bán chính thức thì từ giữa năm 1907, tư bản của Mỹ ở Mê-hi-cô đã lên tới gần 3<sup>1</sup>/<sub>2</sub> - 4 tỷ mác" (tr. 232-233).

"Theo hiệp định đã ký kết, hai công ty điện lớn nhất của châu Âu và châu Mỹ là "An-ghê-mai-nơ ê-lếch-tơ-ri-txi-tét ghê-den-sáp-phtơ" ở Béc-lanh và "Giê-nê-ran ê-lếch-tơ-rích côm-pa-ni" ở Niu Oóc đã chia thị trường thế giới thành hai khu vực quyền lợi. Ngoài ra, công ty Mỹ đã giành được một khu vực hoạt động riêng biệt của mình là Trung và Nam châu Mỹ" (tr. 249).

"Ở nơi nào mà người ta áp dụng những thuế suất ưu đãi thì ở đó những thuế suất ấy vẫn tỏ ra chưa đủ để loại trừ được thương mại của nước ngoài. Những thuế suất ưu đãi ấy sau này cũng sẽ mãi mãi chỉ được áp dụng trong những giới hạn rất hạn chế, vì những lợi ích địa phương, nhất là lợi ích của những ngành công nghiệp đang phát triển và thậm chí cả những lợi ích của nền nông nghiệp đang xuống dốc, cũng đòi hỏi không những được bảo vệ ở một mức độ nhất định, mà còn đòi hỏi phải xóa bỏ cả mọi độc quyền của ngoại bang. Sự phản kháng đó lớn tới mức nó không cho phép những kẻ ủng hộ những cố gắng của đế quốc Anh và những cố gắng liên Mỹ về mặt thuế quan đạt được mục đích cuối cùng của họ là tạo nên một liên minh thuế quan hoàn toàn khép kín.

Mâu thuẫn với cả hai điều ấy, là toàn bộ sự phát triển kinh tế thế giới của thời hiện đại, cùng với cái xu hướng cố hữu của nó là mở rộng sự trao đổi quốc tế trên cơ sở khắc

phục những trở ngại nhân tạo, cùng với nhu cầu của các quốc gia mạnh, một nhu cầu vốn có của sự phát triển đó, là giành cho được một địa bàn tự do cho hoạt động kinh tế vượt ra khỏi giới hạn của nước mình, và thậm chí vượt ra khỏi phạm vi châu của mình. Thực ra, những xu hướng hình thành những liên minh thuế quan độc lập lớn đã bị đẩy lùi về phía sau" (tr. 254-255).

"Không có cuộc đấu tranh nào để giành bá quyền ở châu Âu cả. Nếu nước Anh gây ra một cuộc đấu tranh như vậy, thì nói chung không nhất thiết là cuộc đấu tranh ấy phải dẫn tới chiến tranh. Chừng nào mà nội các của phái tự do còn nắm chính quyền thì hoà bình còn được bảo đảm, vì những người ủng hộ phái đó một cách trung thành nhất lại chính là những người Anh ủng hộ nền hoà bình chung, họ hoàn toàn không thù địch với nước Đức" (tr. 329).

## VỞ "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC"

### Mục lục

#### Chủ nghĩa đế quốc<sup>102</sup>

Rê-ven-tlốp [1-4]

Cau-xky. "Chủ nghĩa xã hội và chính sách thực dân"  
[21-22]

Ăng-ghen (thư ngày 12. IX. 1882) - tr. 23 - 25

Kvoát-phlich [27 - 40 và 17 - 20]

RÊ-VEN-TLỐP. "CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI  
CỦA ĐỨC TỪ 1888 ĐẾN 1913"

"*Chính sách đối ngoại của Đức từ 1888 đến 1913*" của bá  
tước Eng-xtơ *Rê-ven-tlốp*. Béc-lanh, 1914.

*Phần thứ tư.*

"Từ 1903, đề án của Đức về đường sắt Bát-đa, đã được Thổ-nhĩ-kỳ thông qua, lại bổ sung thêm vào đó như là một bóng ma nguy hiểm" (tr. 314).

"Nếu nói thêm rằng nhiệm vụ chính của Uỷ ban Ban-căng là tiến hành một công tác tuyên truyền chính trị có ý thức, thì khỏi cần phải chứng minh rằng cái uỷ ban đó, với những phương tiện tài chính to lớn trong tay là một trợ thủ mạnh mẽ và hơn nữa là vô trách nhiệm đến mức nào đối với chính sách chính thức của nước Anh" (tr. 314).

"Mối quan hệ về tư tưởng giữa đường sắt Xan-giắc và đường sắt Bát-đa tương lai là rất dễ nhận thấy" (tr. 317).

"Năm 1906, tờ "Revue Slave", xuất bản ở Pa-ri, viết rằng tất cả những người Xla-vơ sống ở Trung Âu và Ban-căng phải quan tâm đến việc thành lập một liên minh thuế quan lớn với Nga, Hung, Ru-ma-ni và Hy-lạp. "Nhất định là tất cả các dân tộc ấy sẽ có lợi về cái liên minh đó nhiều hơn là với cái liên minh thuế quan với Đức... Sức mạnh được phục hưng của nước Nga sẽ trở nên vô địch, nếu mai đây tất cả các phần tử Xla-vơ, đoàn kết lại dưới sự bảo trợ tinh thần của Nga, sẽ trở thành những kẻ thù kiên quyết của bất kỳ một chính sách bạo lực thô bạo nào" (tr. 318).

"Ngày từ đầu, phong trào đã mang một dấu ấn Do-thái đậm nét, điều đó làm cho phong trào gắn liền với các trung tâm của tư bản châu Âu. Phong trào phái trẻ Thổ-nhĩ-kỳ luôn luôn được Anh và Pháp ủng hộ, nhất là thông qua Uỷ ban Ban-căng" (tr. 319).

"Ngày 19 tháng Bảy 1908 vua Ê-đua VII đi thăm Nga hoàng và gặp Nga hoàng ở vùng Rê-ven. Cuộc gặp mặt này là đỉnh cao của sự gần gũi Anh - Nga và làm chấn động cả giới chính trị châu Âu" (tr. 319).

"Dù sao, cũng cần nhớ lại cảnh hoảng hốt bao trùm toàn châu Âu trong những năm 1906 - 1908, nhất là ở Đức. Chúng ta đã thấy rằng trong những năm 1906 - 1907 ý nghĩa chính trị hiện thực của những lời nói xác đáng về việc "bao vây" nước Đức - mà người ta đang thực hiện bằng chính sách thoả thuận của vua Ê-đua - ngày càng được chứng thực hơn như thế nào. Những hiệp ước Địa-trung-hải và hiệp ước với Nga hình như đã khép kín vòng vây" (tr. 320).

"Vấn đề là một kế hoạch rất sâu xa nhằm phân chia Thổ-nhĩ-kỳ" (tr. 322).

"Ồ Luân-đôn, người ta hoàn toàn bị bất ngờ, giống như ở Pa-ri" (tr. 327).

"Không thể nghi ngờ được rằng nếu Đức chỉ ủng hộ nên quân chủ lưỡng vị nhất thể một cách có điều kiện và có những điều bảo lưu, thì nên quân chủ ấy sẽ nằm

dưới áp lực hết sức mạnh mẽ của các nước khối Đồng minh, nghĩa là bắt đầu từ một thời điểm nào đó, Anh và Nga sẽ đòi điều ngược lại, để dùng áp lực đó mà chứng minh rằng tốt nhất là Áo - Hung gia nhập Đồng minh tay ba; điều đó, đối với chính bản thân Áo - Hung, sẽ có lợi hơn là liên minh với đế quốc Đức" (tr. 332).

CAU-XKY. "CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  
VÀ CHÍNH SÁCH THỰC DÂN"

*Các-lơ Cau-xky.* "Chủ nghĩa xã hội và chính sách thực dân".  
Béc-lanh, 1907.

"Nhưng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đóng xong cái vai trò là nhân tố kích thích mạnh mẽ nhất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngay từ những năm 80 của thế kỷ vừa qua, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đạt tới cái giới hạn mà vượt qua đó, nó ngày càng biến thành một trở ngại cho sự phát triển tiếp tục của lực lượng sản xuất. Nói thế chưa phải theo cái nghĩa là nó làm cho bất kỳ một sự phát triển tiếp tục nào của lực lượng sản xuất đều trở nên không thể thực hiện được; ngược lại, sự phát triển ấy vẫn diễn ra; mà nói thế là theo cái nghĩa rằng đã có khả năng thực hiện được một phương thức sản xuất trong đó năng suất sẽ phát triển hơn so với khi ở trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, và vì lợi ích phải tự bảo tồn mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa buộc phải tạo ra những trở ngại ngày càng lớn cho sự phát triển của năng suất" (tr. 35).

"Hiện nay, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một tất yếu về kinh tế. Lúc nào chủ nghĩa xã hội được thiết lập, - đó chỉ là vấn đề lực lượng. Hiện nay, hơn bao giờ hết, việc tạo ra lực lượng ấy cho giai cấp vô sản bằng con đường tổ chức và công tác giáo dục là nhiệm vụ quan trọng nhất của đảng dân chủ - xã hội. Không có gì kỳ quặc hơn là những

người xã hội chủ nghĩa nào tưởng rằng họ đồng thời cũng phải quan tâm đến cả sự phát triển hơn nữa lực lượng của chủ nghĩa tư bản" (tr. 37).

ĂNG-GHEN. THƯ NGÀY 12 THÁNG CHÍN 1882 <sup>1)</sup>

*Bức thư của Phri-đrich Ăng-ghen (12. IX. 1882)*

["Thế là ở Đức phong trào ủng hộ việc đi tìm thuộc địa bắt đầu đã được một phần tư thế kỷ (1907 - 1882 = 25). Là người nghiên cứu vấn đề này, có lần tôi đã hỏi Phri-đrich Ăng-ghen xem thái độ của công nhân Anh đối với các thuộc địa của họ ra sao".] <sup>2)</sup>

Ngày 12 tháng Chín 1882, Ăng-ghen đã trả lời tôi như sau:

"Anh hỏi tôi rằng công nhân Anh nghĩ gì về chính sách thực dân? Cũng như họ nghĩ về chính trị nói chung thôi. Ở đây chẳng có đảng công nhân nào đâu, chỉ có đảng bảo thủ và đảng cấp tiến - tự do, CÒN CÔNG NHÂN THÌ HỌ HẾT SỨC THẢN NHIÊN CÙNG VỚI HAI ĐẢNG NÀY HƯỞNG ĐỊA VỊ ĐỘC QUYỀN CỦA NƯỚC ANH VỀ THUỘC ĐỊA VÀ ĐỘC QUYỀN CỦA NƯỚC NÀY TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI" <sup>3)</sup>. Theo ý tôi, những thuộc địa chính cống, nghĩa là những đất đai bị dân cư châu Âu chiếm cứ, như Ca-na-đa, Cáp, Úc sẽ độc lập tất cả; trái lại, đối với những nước chỉ bị nô dịch và có người bản xứ ở, như Ấn-độ, An-giê-ri và các thuộc địa của Hà-lan, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha thì giai cấp vô sản phải tạm thời đảm nhiệm lấy và đưa các nước đó đến độc lập càng chóng càng

<sup>1)</sup> *Bức thư của Ăng-ghen (có lời tựa và lời bạt của Cau-xky) được in ở cuối quyển sách nhỏ của Cau-xky (xem phần trên) dưới dạng phụ lục.*

<sup>2)</sup> *Đoạn này là lời đề tựa của Cau-ky viết cho bức thư của Ăng-ghen; V. I. Lê-nin đã gạch bỏ đoạn này.*

<sup>3)</sup> *Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 513.*

hay. Khó mà nói được quá trình đó sẽ diễn ra như thế nào. Ấn-độ có thể và *thậm chí chắc hẳn sẽ làm một cuộc cách mạng*, và vì giai cấp vô sản đang trên con đường tự giải phóng không thể tiến hành các *cuộc chiến tranh thuộc địa* được, *cho nên đành phải chịu như vậy*, và tất nhiên điều đó không thể xảy ra mà lại không có những sự phá huỷ đủ mọi loại. Nhưng những sự phá huỷ đó đều gắn liền với mọi cuộc cách mạng. Ở các nơi khác, chẳng hạn như ở An-giê-ri và ở Ai-cập thì cũng có thể như vậy, và *đối với chúng ta* <sup>1)</sup>, chắc chắn là điều đó tốt hơn hết. *Chúng ta sẽ có khá nhiều việc phải làm ở nước chúng ta.* Một khi mà châu Âu và Bắc Mỹ được tổ chức lại rồi thì điều đó sẽ tạo nên một sức mạnh khổng lồ và sẽ nêu lên một tấm gương khiến cho các nước nửa văn minh tự họ phải theo chúng ta; *những nhu cầu kinh tế cũng đủ để thúc đẩy họ theo chúng ta.* Còn về các giai đoạn xã hội và chính trị mà lúc ấy các nước đó sẽ phải trải qua trước khi đạt đến một tổ chức xã hội chủ nghĩa, thì về mặt đó, tôi thiết tưởng rằng chúng ta chỉ có thể đề ra những giả thiết khá viễn vông mà thôi. Chỉ có một điều không nghi ngờ gì nữa là: *giai cấp vô sản chiến thắng không thể bắt bất cứ một dân tộc nào khác phải hưởng một hạnh phúc nào, mà lại không làm tổn thương đến thắng lợi của chính mình* <sup>1)</sup>. Đương nhiên, điều đó *tuyệt nhiên không loại trừ những cuộc chiến tranh tự vệ thuộc những loại khác nhau* <sup>2)</sup>.

<sup>1)</sup> *In ngả trong sách của Cau-xky*

<sup>2)</sup> *Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 64-65.*

Chuyện xảy ra ở Ai-cập là do giới ngoại giao Nga bày đặt ra. Người ta đề nghị Glát-xtôn chiếm Ai-cập (là nước còn hoàn toàn chưa nằm trong tay ông ta, mà thậm chí nếu ông ta có làm được việc đó thì điều đó cũng hoàn toàn không có nghĩa là ông ta sẽ giữ được nó) để cho nước Nga có thể chiếm được Ác-mê-ni-a; theo Glát-xtôn thì dù sao sự xâm chiếm đó cũng là giải phóng một nước Cơ-đốc giáo ra khỏi ách Hồi giáo. *Tất cả những điều còn lại trong chuyện này đều là giả dối, là lừa bịp, là cái cớ mà thôi*<sup>1)</sup>. Liệu mưu chước ấy có thành công hay không – chẳng bao lâu nữa, chúng ta sẽ thấy"<sup>103</sup>.

"Phần cuối bức thư nói đến việc Ai-cập bị người Anh xâm chiếm, sau cuộc khởi nghĩa ở Ai-cập do A-ra-bi-pa-sa cầm đầu. Mới đây, người ta đã công bố bức thư của Ăng-ghe-nê ngày 9 tháng Tám 1882 viết về vấn đề này, trong đó Ăng-ghe-nê cảnh cáo trước rằng đừng xuất phát chỉ từ tình cảm để có thái độ đối với phong trào dân tộc của Ai-cập. Từ đó người ta đã rút ra kết luận rằng dường như Ăng-ghe-nê có một mối cảm tình đặc biệt với việc người Anh xâm chiếm Ai-cập. Hiện nay chúng ta đã thấy rằng điều đó ít phù hợp với thực tế ra sao rồi!"<sup>2)</sup> (tr. 79-80).

KVOÁT-PHLÍCH. "CHÍNH SÁCH BÀNH TRƯỚNG  
CỦA NGA 1774 - 1914"

"*Chính sách bành trướng của Nga 1774 - 1914*" của tiến sĩ  
Phran-xtơ Kvoát-phlich. Béc-lanh, 1914.

<sup>1)</sup> In ngả trong sách của Cau-xky.

<sup>2)</sup> Đoạn này là lời bạt của Cau-xky viết cho bức thư của Ăng-ghe-nê.

"Trong lúc đó, bằng hiệp ước Cô-uết, Anh đã chuyển những mâu thuẫn của mình với Nga về vấn đề Thổ-nhĩ-kỳ sang Ác-mê-ni-a và Tiểu Á, Nga thì bí mật tiến hành hoạt động của mình ở Ác-mê-ni-a, Pháp khao khát chiếm Xy-ri, còn Đức thì muốn chiếm vùng sông O-phra-tơ. Như vậy trong từng khoảng thời gian ngắn một, có lẽ vấn đề Thổ-nhĩ-kỳ sẽ còn khuấy động châu Âu trong một thế kỷ nữa, và giới ngoại giao Nga phải lưu ý nhiều hơn nữa tới vấn đề Nam Á. Chính sách bành trướng đại quy mô của Nga ở châu Á ắt hẳn có nghĩa là tương lai của Nga cũng là dựa trên các vùng biển; không có một hạm đội mạnh và di chuyển tự do thì không thể có một châu Á thuộc Nga nào; con đường đi qua biển Mác-ma-ra càng có một ý nghĩa lớn lao đối với chính sách hàng hải của Nga vì năm 1905 Nga đã lại mất vị trí thuận lợi của mình ở Đông Á" (tr. 96).

"Ngay cả sau hiệp ước phân chia ký ngày 7 tháng Tám 1907, thì những dự định nói trên đây đều có thể được thực hiện mà không vi phạm các quyền được quy định trong hiệp ước. Hiệp ước 1907 ấy chia Ba-tư thành 3 vùng: một vùng thuộc phạm vi ảnh hưởng của Nga, một vùng thuộc phạm vi ảnh hưởng của Anh và vùng chung cho cả hai cường quốc. Hai chính phủ Anh và Nga cùng cam kết rằng trong vùng thuộc phạm vi ảnh hưởng của mình, họ sẽ không tìm cách có được những tô nhượng mang tính chất chính trị hay thương mại và sẽ không giúp cho công dân nước mình hoặc công dân nước thứ ba nào có được những tô nhượng như vậy. Toàn bộ miền Bắc của Ba-tư tức là phần lãnh thổ nằm ở phía Bắc tuyến Ca-xrê - Si-rin - I-xpha-khan - I-ê-dơ - Ca-khơ cho tới giao điểm của các biên giới Ba-tư - Áp-ga-ni-xtan - Nga, được trao cho Nga, trong khi đó ảnh hưởng ở miền Đông, tức là phần lãnh thổ nằm ở phía Đông-Nam tuyến Ben-đéc - Áp-bát - Kéc-man - Bi-rơ-gien - Ga-dích là thuộc về Anh" (tr. 134).



"Hành vi tối hậu của chính sách Anh - Nga là bản hiệp định Anh - Thổ-nhĩ-kỳ mà Khắc-ki-pa-sa đã ký kết ở Luân-đôn năm 1913, chúng ta sẽ trở lại nói về bản hiệp ước đó khi xét đến chính sách của Nga ở Tiểu Á. Theo hiệp định này, Anh được phần cuối của con đường sắt Bát-đa, Ba-xra - Bát-đa, nghĩa là thêm một phần nữa của tuyến đường Síp - Ấn-độ. Sau đó Thổ-nhĩ-kỳ từ bỏ các quyền của mình đối với vương quốc Cô-uết là nơi mà xưa nay chỉ phụ thuộc vào Thổ-nhĩ-kỳ một cách khá lỏng lẻo, và bây giờ phải trở thành nước chư hầu của Anh. Vì vậy toàn bộ vùng ven biển Tây Nam của vịnh Ba-tư từ cửa sông Ô-phra-tơ đến eo biển Oóc-mu-dơ đều trở thành đất của Anh" (tr. 135).

"Những thành công của chính sách Nga ở Ba-tư còn thua những thành công của chính sách Anh, vì Anh có thể đe dọa Ba-tư từ phía biển" (tr. 136).

"Gần đây, Nga quay trở lại chính sách cũ của mình là tổ chức những cuộc khởi nghĩa, nghĩa là Nga lại dùng những người Ác-mê-ni-a của mình làm những người gây khởi nghĩa ở các vùng ở Thổ-nhĩ-kỳ; nhưng dĩ nhiên là lúc này chẳng cần nói nhiều về chuyện ấy. Ngược lại, Anh đã lợi dụng các cuộc nổi dậy ở vùng Ban-căng vào năm 1913 để tiến hành cải cách bằng con đường hoà bình, nhằm làm cho Nga không có lý do để can thiệp vào công việc của Thổ-nhĩ-kỳ, và nếu can thiệp là chuyện cần thiết, thì Anh sẽ được mời làm điều đó, vì Thổ-nhĩ-kỳ hứa với Anh sẽ tiến hành cải cách. Theo hiệp ước Cô-uết, Anh sẽ bảo đảm cho hoàng đế Thổ-nhĩ-kỳ giữ những vùng đất thuộc Thổ-nhĩ-kỳ ở châu Á trong 40 năm, nghĩa là khi Nga định xâm chiếm thì Anh lại có quyền can thiệp với tư cách là nước bảo vệ Thổ-nhĩ-kỳ và chiếm lại của Nga tất cả những phần mà Nga sẽ có thể chiếm được. Ngược lại, Thổ-nhĩ-kỳ cam kết là tiến hành cải cách ở Ác-mê-ni-a, A-na-tô-li và nói chung là ở tất cả các vùng ở Tiểu Á lẻ tẻ có dân theo đạo Cơ-đốc" (tr. 146 - 147).

"Theo đúng những thông báo nói trên, Anh bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ hiện nay của Thổ-nhĩ-kỳ trong vòng 40 năm. Hiện thời điều này có tầm quan trọng đối với Nga là nước đang tiến hành những hành động phá hoại ở Ác-mê-ni-a", — như Roóc-bách viết" <sup>1)</sup> (tr. 147).

"Việc xây dựng một mạng lưới giao thông bao gồm đường sắt, đường thuỷ và đường quân sự chứng tỏ rằng nước Nga vẫn còn chưa coi vấn đề Tiểu Á là vấn đề đã được giải quyết xong. Trái lại, việc xây dựng một cách có kế hoạch như vậy chứng tỏ rằng khi có thời cơ thì vấn đề ai là người thống trị duy nhất ở Nam Á sẽ phải được giải quyết bằng vũ khí" (tr. 171).

"Ngay từ năm 1903, công tước I-tô đã tán thành liên minh Nga-Nhật, vì sự liên minh sẽ đơn giản hoá khá nhiều việc phân chia đế quốc Trung-quốc và dù sao nó cũng cho phép thoả mãn từng thành viên trong liên minh" (tr. 173).

"Hiệp ước 17/30 tháng Bảy 1907 giữa Nga và Nhật đã chỉ ra một phương hướng mới cho đường lối chính trị của Nga cũng như của Nhật. Như vậy là Anh đã bị cô lập, và liên minh Anh-Nhật đã mất hết phần lớn giá trị" (tr. 173-174).

"Chẳng bao lâu sau hiệp ước Nhật - Nga, ngày 7 tháng Tám 1907, Anh đã ký với Nga một bản hiệp định, theo đó Nga tạm thời từ bỏ ý đồ tiếp tục tiến vào Á-p-ga-ni-xtan" (tr. 174).

"Chính sách Nga - Nhật nhích lại gần nhau được tiếp tục thể hiện trong hiệp ước ký ngày 4 tháng Bảy 1910, một bản hiệp ước rất giống với một liên minh phòng thủ" (tr. 219).

"Hiệp ước này được mở rộng bằng một bản hiệp định bổ sung ký vào ngày 7 tháng Năm 1911. Cả hai nước đều cam kết tôn trọng những phạm vi quyền lợi của nhau ở Mãn-châu-lý và cam kết chống lại bất kỳ một sự can thiệp

<sup>1)</sup> "Münchener Neueste Nachrichten", số 280, 4. IV. 1913.

nào từ bên ngoài vào. Do đó mà Nhật nhường hẳn cho Nga được toàn quyền tự do hành động ở Mông-cổ" (tr. 220).

"Nhưng trong thời gian này Nga đã bắt đầu nêu vấn đề Mông-cổ ra, vì điều đó đã được người Nhật đồng ý theo hiệp định ngày 7 tháng Năm 1911. Dựa vào cách mạng và vào chỗ là chính sách di dân của Trung-quốc — một chính sách chủ trương rằng theo sau những dân di trú lương thiện là những đơn vị quân đội, — là một chính sách vi phạm các hiệp định hiện hành giữa những người Mãn-châu-ly và những bộ tộc Khan-kha, các công tước Mông-cổ đã tuyên bố vùng đất của họ độc lập. Nước Nga vội vã công nhận nền độc lập của Mông-cổ, tuy Nga cũng không làm được gì giúp cho việc thực hiện nền độc lập ấy" (tr. 220 - 221).

"Như vậy là tuy nhìn bề ngoài, Trung-quốc có quyền lực tối cao đối với Mông-cổ, nhưng cũng không phải là báo chí Nga đã khẳng định không đúng, khi nói rằng Nga đã đặt Mông-cổ dưới quyền bảo hộ của mình. Ở đây, giới ngoại giao Nga đã đạt được những kết quả như họ đã đạt được ở Triều-tiên trước năm 1904. Lần này, được Nhật tán thành nên có thể nói là Nga gặp may hơn lần trước, khi mà Nga đã buộc phải đương đầu với sự phản kháng của cường quốc này" (tr. 221).

"Vấn đề chỉ còn ở chỗ là liệu Trung-quốc có khả năng cải tổ lại được không. Trung-quốc là một nước có số dân rất đông gồm 300 triệu người. Đó là những con người yêu nước và đã phần nộ chẳng phải ít vì thái độ đối xử của những người ngoại quốc đối với nước họ. Năm 1911, đã nổ ra một cuộc cách mạng và cuộc cách mạng này đã đi đến chỗ đuổi được người Mãn-châu-ly. Như vậy là Trung-quốc đã giải quyết được nhiệm vụ đầu tiên của mình là lật đổ được chính quyền nước ngoài, điều mà nó đã cố làm nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Liệu Viên Thế Khải hay là một người nào khác sẽ trở thành một người cải cách lại Trung-quốc? Một khi Trung-quốc đã thức tỉnh, nó

sẽ là đối thủ đáng gờm đối với đường lối bành trướng của Nga hơn là Nhật, và công tước U-khtôm-xki đã nói rất đúng: "Trung-quốc sẽ phục hưng lại bằng lực lượng của chính mình, như điều đó đã thường xảy ra trong lịch sử mấy nghìn năm của nó; sự phục hưng đó sẽ diễn ra chậm chạp hơn nhưng cũng có thể là vững chắc hơn so với Nhật, và lúc đó, vấn đề sẽ là: không phải là Nga hay Nhật, mà là Nga hay Trung-quốc" (tr. 222).

"Nguyên tắc chỉ đạo của chính sách Ban-căng của Nga ở thế kỷ 19 là cố gắng chiếm cho được các vùng của Thổ-nhĩ-kỳ, hoặc bằng cách dùng con đường pháp luật nhà nước mà gộp những đất ấy vào đế quốc Nga, hoặc bằng cách dựa trên luật quốc tế mà có được quyền chi phối bản thân Thổ-nhĩ-kỳ, hay là có được quyền chi phối một liên bang các quốc gia vùng Ban-căng được thành lập từ đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ. Sau này khu vực bị chi phối có thể biến thành một quốc gia có tính chất pháp lý nhà nước.

Dù những mục đích cuối cùng của Nga ở Trung Á và Nam Á, kể cả Tiểu Á, có thể khác nhau như thế nào ở từng giai đoạn một đi chăng nữa, nhưng vẫn có thể quy những mục đích đó thành một công thức duy nhất. Mục đích cuối cùng đó là: trước hết là đặt toàn bộ những quốc gia ở đây, — Ác-mê-ni-a với Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Áp-ga-ni-xtan và các nước nhỏ tiếp giáp với chúng, — dưới phạm vi ảnh hưởng của Nga, sau đó buộc chúng phải nhận chế độ bảo hộ của Nga, để rồi cuối cùng nhập chúng vào đế quốc Nga" (tr. 227-228).

"Tạm thời, họ không đòi Triều-tiên và một phần Mãn-châu-ly nữa, mà xích lại gần Nhật-bản để có thể sáp nhập Mông-cổ và Bắc Mãn-châu-ly vào đế quốc một cách chắc chắn hơn. Hiện nay, do khéo lợi dụng các quan hệ chính trị và xã hội độc đáo vẫn có giữa Mông-cổ và nước thống trị Mông-cổ là Trung-quốc nên có lẽ là cái chính sách ấy, được sự đồng ý của chính phủ Nhật-bản, sẽ đạt được mục đích

của nó. Từ đó, ta thấy rằng ở Đông Á cũng có một quá trình bành trướng được tiến hành một cách triệt để, theo một kế hoạch đã được suy tính từ trước và có một bộ mặt thay đổi tùy theo hoàn cảnh nhưng vẫn giữ nguyên không hề thay đổi gì những phần cơ bản của nó, một quá trình bành trướng nhằm mục đích trực tiếp chiếm lấy những lãnh thổ rộng lớn kéo dài đến tận Vạn lý trường thành và đặt cho được bá quyền ở Đông Á.

Vì vậy có thể rút ra kết luận cuối cùng một cách hoàn toàn đúng đắn rằng tư tưởng cơ bản của chính sách của Nga vào thế kỷ 19 là xây dựng một đế quốc thế giới, hơn nữa cần hiểu cái đế quốc thế giới ấy có nghĩa là một quốc gia mà khi xác định biên giới dứt khoát của nó người ta không cần tính đến bất cứ một yếu tố nào trong những yếu tố mà người ta thường dùng làm tiêu chuẩn để thành lập một quốc gia. Những biên giới mà người ta muốn đạt được thì không trùng hợp với biên giới của dân tộc, với biên giới của ngôn ngữ chung, của chủng tộc, lại cũng không phù hợp với ranh giới của tôn giáo là cái mà mọi người càng ít tính đến hơn; những biên giới đó không được xác định theo địa hình, và vì vậy, không phải ở nơi nào cũng trùng hợp với đường biên giới tự nhiên do thiên nhiên cấu tạo ra" (tr. 230 - 231).

"Đê-rinh nói: "Các cường quốc thế giới bao giờ cũng độc quyền chiếm hữu đất đai, cái nguồn đem lại tất cả các của cải vật chất". Các cường quốc thế giới hiện đại như Nga, Anh và Mỹ, còn đi xa hơn. Họ đã mở rộng đế quốc của mình, hoặc là đang cố gắng mở rộng các đế quốc ấy sang tất cả các khu vực, không phải theo nghĩa đen, mà bằng cách sao cho có thể có được trong phạm vi lãnh thổ của đế quốc mình, tất cả những gì đất đai có thể mang lại. Nước Anh đã đạt được điều đó. Anh đã chiếm được 1/4 mặt đất có dân cư, và theo lời tuyên bố kiêu hãnh của Sem-bóc-lin tại hội nghị các thủ tướng các thuộc địa thì không có một cái gì mà người ta lại không thể kiếm ra được ở một vùng nào

đó trong cái đế quốc rộng lớn mênh mông đó. Nếu Nga và Mỹ mà thực hiện được kế hoạch tạo lập lên những đế quốc thế giới của mình, thì họ sẽ chiếm hai phần tư nữa của trái đất và cũng sẽ ở trong tình thế thuận lợi như đế quốc Anh" (tr. 234).

"Smôn-lơ đã nhận định về một con đường khác, một con đường riêng của nước Đức, như sau: "Chúng tôi không muốn và sẽ không tiến hành một chính sách toàn cầu sô-vanh. Chúng tôi sẽ không đi theo con đường thực hiện những kế hoạch mở rộng vô hạn các hạm đội và lực lượng hàng hải; nhưng chúng tôi muốn mở rộng thương nghiệp và công nghiệp của chúng tôi sao cho chúng tôi có thể sống được và duy trì được sự tồn tại của một dân số ngày càng tăng; chúng tôi muốn bảo vệ các thuộc địa của chúng tôi và nếu có thể, kiếm thêm một thuộc địa nông nghiệp cho Đức ở một nơi nào đó; bất cứ ở đâu, chúng tôi cũng sẽ chống lại chủ nghĩa trọng thương cực đoan và có tính chất ăn cướp, và chống lại việc phân chia thế giới như vậy giữa ba cường quốc thế giới là Anh, Nga và Bắc Mỹ, là những cường quốc muốn gạt bỏ tất cả các nước khác và đồng thời tiêu diệt luôn cả nền thương mại của các nước ấy". Nhưng hiện nay chỉ có một vài cường quốc lớn là có thể đi theo con đường ấy với đôi chút hy vọng thành công mà thôi" (tr. 237).

"*Anh luôn luôn là bạn của một cường quốc yếu hơn*"<sup>1)</sup> để kéo một cường quốc mạnh hơn xuống tới mức không còn nguy hiểm gì cho Anh nữa. Lúc đầu, Anh liên hiệp với Hà-lan để diệt trừ thế lực của người Tây-ban-nha, sau đó liên hiệp với Pháp để chấm dứt sự thống trị song song của Hà-lan trên mặt biển, sau đó Anh lại ủng hộ Phri-đrich Đại đế để tạo khả năng tốt nhất cho việc phân nhỏ đế quốc thuộc địa của Pháp; cũng như vậy, Anh đã liên kết với Nhật-bản để

<sup>1)</sup> Do Kvoát-phlich viết ngả.

chống lại thế lực của người Nga đang ngày càng phát triển một cách nguy hiểm trên mặt biển ở Đông Á; cũng như vậy, hiện nay Anh đã trở thành bạn của Pháp hoặc Nga để tiêu diệt địa vị hùng mạnh của Đức trên mặt biển; cũng như vậy, nó sẽ thành bạn đồng minh của Đức ngay khi nó chẳng có gì phải sợ hạm đội Đức nữa, hoặc là vì hạm đội của Đức sẽ bị tiêu diệt, hoặc là vì Đức tự nguyện rút lui không cạnh tranh với nó nữa. Lúc đó thì đế quốc của Nga hoàng có thể sẽ trở thành địch thủ kế tiếp của Anh" (tr. 246).

Bảng sau đây minh họa sự phát triển đường sắt ở Nga (tr. 239):

	Toàn bộ chiều dài	Vùng Trung Á	Xi-bi-ri và Mãn-châu-lý
1858	1 165 km	..... km	..... km
1878	22 910 »	..... »	..... »
1890	32 390»	1 433 »	..... »
1908	73 699»	4 519 »	10 337»
1909	76 284»	6 544 »	10 337»

"Các nước ở trung tâm châu Âu: Đức, Áo - Hung và Ý đã ký kết một liên minh chống lại các xu thế xâm lược của chính sách của Nga và của Pháp. Liên minh này đã đứng vững trong một thời gian dài, vì giữa ba thành viên của nó chỉ có thể có những sự bất đồng ý kiến không đáng kể; vả lại những sự bất đồng ý kiến như thế chỉ tồn tại giữa Áo và Ý, vì ở vùng biên giới giáp Ý, Áo vẫn có những người dân nói tiếng Ý, và mâu thuẫn đó lại được những âm mưu của những kẻ ở Tơ-ri-ét và Ti-rôn thuộc Ý chủ trương khôi phục lại lãnh thổ của Ý, làm cho gay gắt thêm; cho nên không thể gạt bỏ một cách vô điều kiện cái khả năng là liên minh quốc tế rất ít cố kết ấy có thể trở thành một liên minh vững chắc hơn. Như vậy là ở đây đã có sự khởi đầu của một liên hiệp các quốc gia châu Âu. Ba cường quốc lớn châu Âu không có ý định tấn công, đã đoàn kết lại để chống

sự tấn công của dân Xla-vơ, hay nói cho đúng hơn chống lại sự bành trướng của Nga và của các nước Xla-vơ nhược tiểu ở bán đảo Ban-căng do chính phủ Nga chỉ đạo" (tr. 248-249).

"Khối thống nhất các cường quốc địa ở châu Âu – một khối thống nhất vô cùng cần thiết để đối phó với các cường quốc thế giới như Anh và Nga, và thêm vào đó còn phải kể cả một cường quốc thứ ba là Liên bang Bắc Mỹ, với khát vọng liên Mỹ đã tiến triển rất nhiều của nó sau công văn khẩn của Môn-rô, – thành thử đang bị phá hoại. Chừng nào mà các nước châu Âu còn không liên kết với nhau thì ba cường quốc nói trên có thể đi xa hơn nữa trong việc phân chia phần còn lại của thế giới. Trong thời gian Anh-Nga chống chọi với nhau ở châu Á, người ta phát hiện ra rằng hầu như chỉ có hai cường quốc ấy là quan trọng mà thôi, còn các nước khác ở châu Âu thì chỉ đóng vai trò hoàn toàn thứ yếu. Như đã nói ở trên, trong suốt một thế kỷ, cứ cách từng khoảng thời gian ngắn một, Nga đã mở rộng đế quốc của mình nay ở chỗ này, mai ở chỗ kia; cũng giống hệt như từ khi Anh chiếm đảo Man-tơ năm 1800 đến khi nó chiếm các nước cộng hoà Bô-ê năm 1900, không có một khoảng thời gian mười năm nào mà Anh không mở rộng cái đế quốc khổng lồ của nó. Nếu Nga và Anh đã chia nhau phần thế giới ở ngoài châu Âu, thì những người Bắc Mỹ đã dành riêng cho mình toàn bộ lục địa châu Mỹ, coi đó là đối tượng để xâm chiếm. Do đó, chính sách xâm lăng của Nga chỉ là sự lặp lại chủ nghĩa đế quốc Anh và chủ nghĩa liên Mỹ của Bắc Mỹ; mặc dù những mục tiêu riêng của chúng có khác nhau về bề ngoài; song chúng đều có cùng một mục đích cuối cùng: xây dựng một cường quốc thế giới độc lập ngăn cách với thế giới bên ngoài bằng một bức thành cao là thuế quan. Phong trào xây dựng các cường quốc thế giới đã bắt đầu vào thế kỷ XIX, đến thế kỷ XX phong trào ấy trở thành đặc điểm rõ rệt nhất của chính sách đối ngoại

của các nước; xu hướng này sẽ bộc lộ trong sự bành trướng của các cường quốc lớn nhất và sự liên hiệp của các nước bé hơn, cũng như của các cường quốc bước lên vũ đài quá muộn, nghĩa là bộc lộ trong sự liên hiệp của các nước châu Âu, không kể Anh và Nga. Điều mà Sem-bóc-lin tuyên bố trong bài diễn văn đọc ngày 17 tháng Giêng 1903 ở Giô-han-ne-xbuc: "Thời đại của các nước nhỏ và của sự đua tranh nhỏ đã qua rồi; tương lai là thuộc về các cường quốc lớn" sẽ được chứng thực" (tr. 254 - 255).

## VỞ "Ê-GHEN-HÁP"

Ê-GHEN-HÁP. "LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI" <sup>104</sup>

**Hốt-lốp Ê-ghen-háp.** "*Lịch sử hiện đại* từ hoà ước Phran-pho đến nay". Xuất bản lần thứ 4. Stút-ga, 1913.

Lời tựa, XI. 1912

Tác giả là một tên đê tiện, một người theo chủ nghĩa Bi-xmác. Nhưng dù sao, quyển sách này cũng rất có ích về phương diện là một bảng tổng hợp các sự kiện và tài liệu để tra cứu. Một bảng tổng hợp đơn giản đưa ra một bức tranh về *chủ nghĩa đế quốc* và *phong trào dân chủ*, coi đó là những đặc trưng cơ bản của *thời đại*. (NB. Vô cùng quan trọng đối với khái niệm "thời đại"!)) Nói hết sức ít về chủ nghĩa xã hội, do quan điểm phản động ngu ngốc của tác giả.

NB

NB

Tác giả đã viết *một số* công trình về lịch sử, trong đó có cuốn viết về Vin-hem I và *Bi-xmác*, một tập dầy cộm; tiếp theo là "**Sơ lược về lịch sử**", ba phần: thời cổ đại, thời trung cổ, thời cận đại, 1905 - 1909 (xuất bản ở Lai-pxích), và "Bình luận chính trị hàng năm" năm 1908, v.v., đến 1912.

Có một điều rất tiêu biểu là tác giả ngốc nghếch này, với một sự chính xác cầu kỳ, đưa ra những niên đại, v.v. về từng ông vua nhỏ và họ hàng thân thích của ông ta, về các lần sảy thai của nữ hoàng Hà-lan (sic! tr. 440) v.v., nhưng lại không nhắc một lời nào tới cuộc khởi nghĩa nông dân ở Ru-ma-ni năm 1907 (\*)!!

(\*) Tiện thể nói thêm. Trong "*Europäischer Geschichtskalender*" năm 1907 chỉ có những thông báo của chính phủ về cuộc khởi nghĩa này (tr. 340), trong đó nói rằng các thủy thủ Nga thuộc chiến hạm "Pô-ti-ôm-kin" là "một nhân tố nguy hiểm của tình hình sôi động" (sic!!)...

"Bảng niên biểu" kèm theo làm phụ lục cho cuốn sách được soạn ra một cách ngốc nghếch, đó là một danh mục khô khan, trần trụi không có hệ thống.

Trước tiên lưu ý đến những cái sau đây (năm ngoài hệ thống chung):

tr. 5: Đức sử dụng 5 tỷ phrăng tiền bồi thường chiến tranh của Pháp (1871) — 120 triệu "ngân sách quân sự" 12 triệu — "để thưởng bằng tiền

(trợ cấp) cho 28 vị tướng có công lao và chủ nhiệm văn phòng thủ tướng Đen-bruych".

sic!  
thưởng tiền  
cho tướng  
lĩnh, v.v.!

350 triệu — chi cho các pháo đài và trại lính...

17 triệu — "cho các chủ tàu bị thiệt hại trong chiến tranh"

etc..

cuộc chiến  
tranh văn  
minh và sự  
cướp bóc

NB

!!

!!

về vấn đề  
tự quyết

tr. 7... "Trong cuộc bầu cử Quốc hội Đức năm 1874 (ở An-da-xơ - Lo-ren), 10 người theo chủ trương quyền lực của giáo hoàng và 5 đối thủ của việc sáp nhập đã trúng cử, họ là những người mà sau đó, ngày 18 tháng Hai đã mưu toan đưa ra Quốc hội Đức thông qua một đề nghị cho tiến hành cuộc toàn dân bỏ phiếu về vấn đề họ sẽ thuộc Pháp hay là thuộc Đức; nhưng đề nghị này bị bác bỏ không cần tranh luận với toàn bộ số phiếu trừ 23".

((Không biết 23 người ấy là những ai? Sau cuộc bầu cử ngày 10. I. 1874, trong Quốc hội Đức năm 1874, có 15 "người chủ trương An-da-xơ tự trị" + 9 người dân chủ - xã hội. 15 + 9 = 24?? (1 người Đan-mạch, 14 người Ba-lan, 4 người Ven-phơ). Chắc là những người An-da-xơ + những người dân chủ - xã hội đều bỏ phiếu tán thành. Tìm hiểu! ở đâu? hỏi Bê-ben?))

về vấn đề kết  
quả của các  
cuộc chiến  
tranh thuộc  
địa:

Cuộc khởi nghĩa ở Ghê-rê-rô (Tây Nam châu Phi) — 1904 - XII. 1905. Bài hát của họ là: "Đất Ghê-rê-rô thuộc về ai?" và điệp khúc: "Đất Ghê-rê-rô thuộc về chúng ta". Quân đội Đức lên tới 17 000 người (tr. 298 - 9). Người Ghê-rê-rô "bị tiêu diệt phần lớn" (sic!) — "tổn

thất nặng nề cho cả họ lẫn chúng ta" (299), vì không còn có "nhân công" nữa (!!)...

"Điều chứng minh rằng đất nước đó tuy vậy không bị mất giá trị và sức hấp dẫn, là việc, theo báo cáo chính thức tháng Mười 1906, *591 binh sĩ* của quân đội thuộc địa đã quyết định không quay về Đức, mà ở lại nước đó để làm nông dân và người chăn nuôi. Trong các tháng tiếp theo, con số ấy càng tăng lên hơn nữa, và ngày 10. V. 1907 Quốc hội mới đã thông qua *5 triệu* mác để đền bù cho các chủ trại về những thiệt hại họ phải chịu trong thời gian chiến tranh, nên người ta đã có thể bắt đầu khôi phục lại những cái bị phá huỷ" (299).

Cuộc khởi nghĩa của *những người Gót-ten-tốt* (cũng ở Tây Nam Phi) từ IX. 1904 đến năm 1907. Các toán hoạt động lẻ tẻ của họ cho tới cuối tháng XII. 1908, những toán này "lại khiến cho các nhà cầm quyền Đức và Anh phải có những biện pháp bình định phối hợp" (300).

Lòng căm thù của nước Cộng hoà Pháp đối với nước Ý (ngoài những lý do khác, vì giáo hoàng) (và cũng vì chẳng hạn như): "*tháng Tám 1893 ở Ê-gơ-Moóc-tơ* công nhân Ý bị những người Pháp cạnh tranh với họ đánh cho gần chết" (345).

(cướp ruộng và biến thành địa chủ!)

1908 người Anh cùng người Đức tiến hành chiến tranh thuộc địa!!

(công nhân các nước khác nhau)

Số cử tri tính theo triệu		<i>Những cuộc cải cách bầu cử ở Anh:</i>	
0.4	..lần thứ 1	1832 (bỏ "những thị trấn thối nát". Tư cách. Số cử tri tăng từ khoảng 400 000 đến 800 000).	Những cuộc cải cách bầu cử ở Anh
0.8	..lần thứ 2	1867 (số cử tri từ 1 056 000 đến 1 <sup>1</sup> / <sub>2</sub> triệu. Chủ nhà cho thuê và người thuê nhà).	
1.5	..lần thứ 3	1884 (số cử tri tăng 75%). Từ 1 <sup>1</sup> / <sub>2</sub> đến 4 triệu. Tư cách: định cư 1 năm. Trừ những đầy tớ, người thuê phòng v.v.. "Như vậy là tới năm 1912, trong số 6 triệu đàn ông thuộc lứa tuổi đã trưởng thành ở Anh còn gần 2 triệu người không có quyền bầu cử" (368).	
4	..lần thứ 4	1912 (mọi người thuộc nam giới > 21 tuổi không phân biệt gì như trước; tư cách: định cư <i>nửa năm</i> (tr. 377) (xem "Europäischer Geschichtskalender" của Sun-tê-xơ))	
6.5		( đề nghị vào 17. VI. 1912 được thông qua vào 12. VII. 1912 phải có hiệu lực vào 1. VI. 1914 ((1832 - 1912, nghĩa là 80 năm!!))	

"Tiểu tiết": Ê-đu-a VII (1841 - 1910) "từ thuở thiếu thời đã đắm đuối trong các cuộc chơi bởi trác táng thường mang tính chất tội lỗi (sic!!) và đắm đuối trong thể thao" (425). ||| tội hình sự!!

Cuộc hành quân (1900 - 1901) chống lại cuộc khởi nghĩa của *Nghĩa hoà đoàn ở Trung-quốc* (quân đội đồng minh của *Nga, Nhật, Đức, Pháp, Anh, Mỹ*) đã được viên tướng Pháp là *Phrây* đánh giá như sau: cuộc hành quân này "*lần đầu tiên thực hiện ước mơ của các nhà chính trị duy tâm: Hợp chúng quốc thế giới văn minh*" (469)... ((Theo tác giả, những bức thư của những người dân chủ - xã hội - "những bức thư của người Gun-nơ" là đối trá hoặc xuyên tạc! (467) Tất nhiên rồi!)) ||| lời châu ngọc!!

"Hợp chúng quốc thế giới văn minh" (!!!)

Khi hoàng tử Triều-tiên (I-u I-ôn-gơ) đến Hội nghị La-Hay *lần thứ 2* (khai mạc ngày 15. VI. 1907) để than phiền về người Nhật và trình bày bản tuyên bố độc lập của Triều-tiên, thì người Nhật đã đuối hoàng đế Triều-tiên đi và đưa con ông ta lên ngai vàng và ký với hắn một "hiệp ước" ngày 24. VII. 1907, quy định rằng tất cả các quan hệ ngoại giao đều qua đại sứ Nhật ở Xê-un. ||| Hội nghị La Hay và Triều-tiên!!!!

Về thất bại của những người theo chủ nghĩa xét lại ở đại hội họp tại Nuyn-béc (1908) (258 so với 119 *phản đối* việc bỏ phiếu thông qua ngân sách), tác giả, Ê-ghen-háp, viết:

NB

ý kiến của một gã tư sản: những người xét lại còn "nguy hiểm hơn cả những người dân chủ - xã hội cấp tiến"

NB

"Tự trung lại, *những người xét lại* khác với những người dân chủ - xã hội cấp tiến không phải ở mục đích cuối cùng của họ là xã hội hoá toàn bộ các quan hệ mà chỉ khác ở cái chiến thuật thận trọng của họ, nhằm không làm cho tầng lớp tư sản hoảng sợ, và hết sức cố gắng cùng đi với những cánh tả tư sản, và chính vì họ xử sự một cách ôn hoà nên *họ thực ra còn nguy hiểm hơn cả những "kẻ man rợ" trong phái cực tả*" (523).

Bi-xmác ủng hộ việc thiết lập chế độ cộng hoà ở Pháp

*Bi-xmác ủng hộ* việc thành lập chế độ cộng hoà ở Pháp để *tách* (NB) Pháp ra khỏi nước Nga quân chủ - và đại sứ, bá tước Ha-ry *Ác-nim*, người đã "hoạt động" ở Pa-ri để phục hồi nền quân chủ, đã *bị triệu hồi* vào năm 1874 (III. 1874) và năm 1875 bị kết án 5 năm khổ sai (!) về tội công bố một tài liệu mật của quốc gia (đã trốn sang Ni-xơ) (tr. 93).

NB!!

Ai-rơ-len: Tháng Chạp 1796, tướng *Hô-sơ*, cùng với một đội quân 20 000 người, đã xuất hiện trước hòn đảo, và chỉ vì có bão nên đã không đổ bộ được (tr. 380). (Cách mạng Pháp đã gây nên một phong trào ở Ai-rơ-len.)



Mỹ: 1775 - 83 – cuộc chiến tranh giải phóng "với sự giúp đỡ của Pháp và Tây-ban-nha". 1819 "Tây-ban-nha bán cho Mỹ... bán đảo Phlo-ri-đa thuộc Tây-ban-nha lấy 5 triệu đô-la" (tr. 453).

hay đấy!  
("liên  
minh" -  
và "bán  
chác")

Sách trích dẫn: *Gin-be*. "Chiến tranh ở Nam Phi". Pa-ri, 1902.

NHỮNG CUỘC KHỦNG HOẢNG CHỦ YẾU  
TRONG CHÍNH SÁCH QUỐC TẾ  
CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC LỚN  
SAU NHỮNG NĂM 1870 - 1871

Những cuộc khủng hoảng (chủ yếu) trong chính sách quốc tế của các cường quốc lớn sau những năm 1870 - 1871:	Chuẩn bị cuộc chiến tranh 1914 - 6 ("những mốc")
1877 - 1878: (Giải phóng các quốc gia dân tộc ở vùng Ban-căng.) Cướp bóc ("phân chia") <i>Thổ-nhĩ-kỳ</i> (Nga + Anh + Áo).	1879: Liên minh Đức và Áo
1885: Nga suýt xảy ra chiến tranh với Anh. Cướp bóc ("phân chia") <i>Trung Á</i> (Nga và Anh).	1891: Liên minh Nga và Pháp
1895: (Chiến tranh Trung-Nhật.) Cướp bóc ("phân chia") <i>Trung-hoa</i> . (Nhật + Nga + Anh + Đức + Pháp).	
1898: Anh suýt xảy ra chiến tranh với Pháp (Pha-sô-đa). Cướp bóc ("phân chia") <i>châu Phi</i> .	
1904/5: (Chiến tranh Nga - Nhật). Cướp bóc ("phân chia") <i>Trung-hoa và Triều-tiên</i> (Nga và Nhật).	

1907: Liên minh Nga và Anh	1905: Đức suýt xảy ra chiến tranh với Pháp và Anh. Cướp bóc ("phân chia") <i>Ma-rốc</i> .
	1911: Đức suýt xảy ra chiến tranh với Pháp và Anh. Cướp bóc ("phân chia") <i>Ma-rốc</i> . <i>Đổi</i> Ma-rốc lấy Công-gô.

NB: Hiệp định bí mật giữa Nga và Áo ngày 15. I. 1877 về việc "phân chia" Thổ-nhĩ-kỳ...

NB: 1876: A-lếch-xan-đơ II hỏi Bi-xmác xem Đức có giữ thái độ trung lập trong cuộc chiến tranh của Nga với Áo hay không [Ê-ghen-háp, tr. 128]

10. I. 1891: Tối hậu thư của Anh gửi Bồ-đào-nha: cướp bóc ("phân chia") châu Phi.
- 1889: Cướp bóc các đảo Xa-moa (Anh, Đức và Mỹ cùng nhau tiến hành).
- 1898: Chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ. (Cướp bóc Cu-ba và Phi-líp-pin.)
- 1898: Anh tiến hành đàm phán với Đức để cùng nhau liên minh chống Nga. (Không mặc cả xong!)
- X. 1898: Hiệp ước giữa Anh và Đức: phân chia các thuộc địa của Bồ-đào-nha ("trong trường hợp" Bồ-đào-nha vỡ nợ)...
- 1899: "Va chạm" giữa Đức, Anh và Mỹ vì các đảo Xa-moa. Đe dọa gây chiến. Xung đột. Hiệp ước về việc "phân chia" các đảo đó: 14. XI. 1899.
- 1900: Tất cả cùng bóp cổ Trung-quốc: Đức + Nga + Mỹ + Nhật + Anh + Pháp.
- 1903: Buộc Vê-nê-du-ê-la phải trả nợ (bằng cách ném bom): Đức + Anh + Ý.

- 
- 1904: Hiệp ước giữa Anh và Pháp (8. IV.): phân chia châu Phi (chuẩn bị chiến tranh với Đức).
- 1907: Hiệp ước giữa Nga với Anh (31. VIII.): phân chia Ba-tư, Áp-ga-ni-xtan, Tây-tạng (chuẩn bị chiến tranh với Đức).
- 1908: Hiệp ước giữa Nhật với Mỹ (28. XI.) về việc bảo đảm "những lãnh địa" của hai cường quốc ở Thái-bình-dương.
- VII. 1910: Nga và Nhật ký hiệp ước: "đổi" Triều-tiên lấy Mông-cổ!
- 1911: Hiệp ước giữa Nga với Đức (19. VIII.): "bảo trợ lẫn nhau" cũng kiểu ấy (đổi Ba-tư lấy Bát-đà).
- 1911: Hiệp ước giữa Anh với Nhật (Anh sẽ giữ thái độ trung lập nếu xảy ra chiến tranh Nhật - Mỹ)... (xem Phran-kê trong văn tập "Đức và chiến tranh thế giới").
17. IX. 1914: "Hiệp ước" giữa Nga với Mông-cổ "độc lập". (Cướp bóc Mông-cổ.)
-

THỦ LÀM BẢNG TỔNG HỢP  
TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI SAU NĂM 1870.

A		B	C	D	E
Chiến tranh		Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế (tơ-rót v.v.; các hiệp ước thuế quan etc.; tô nhượng lớn...)	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
1870	Chiến tranh Pháp – Phổ (70 – 71)	"Đồng minh 3 hoàng đế" (71).	(1866 – 7: Nga chiếm Cô-can-đơ).  1868: Nga chiếm Bu-kha-ra.	73: Tiền vàng ở Đức.	Công xã Pa-ri (71).  71 - 75: Việc xét xử những chiến sĩ công xã.
- 1875	Chiến tranh Pháp – Phổ (70 – 71)  72: Cuộc gặp mặt của 3 hoàng đế ở Béc-lanh.	1875: Xung đột giữa Đức và Pháp. Sự can thiệp của A-lếch-xan-đơ II.	1873: Nga chiếm Khi-va.	XI. 75: Anh mua cổ phiếu Suy-ê.	75: Đại hội đảng dân chủ – xã hội ở Gô-ta. Hợp nhất.

CÁC SỰ KIỆN CHỦ YẾU  
(Ê-GHEN-HÁP VÀ CÁC NGUỒN TÀI LIỆU KHÁC)

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng (không mang tính chất vô sản)	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
1868 – 1871: Nhật. (Cách mạng và những cải cách.)	(1867: Hiệp ước giữa Hung với Áo).	61 – 72: Cải cách nông dân và các cải cách dân chủ - tư sản. Nga. 71: Bắt đầu "cuộc đấu tranh văn hoá" ở Đức (71 – 78).  71 – 79: Đấu tranh với những người bảo hoàng và những người theo thuyết giáo quyền ở Pháp (75: thắng lợi của chế độ cộng hoà). 2. IV. 73: Cải cách bầu cử ở Áo (4 đoàn tuyển cử). 75: Hôn nhân không theo lễ nghi tôn giáo ở Đức.		20. IX. 70: Ý chiếm La-mã.
73: Chế độ cộng hoà ở Tây-ban-nha. Sự can thiệp của viên sĩ quan hàng hải Đức tên là Véc-ne 1. VIII. 1873. 74: An-phôn-xơ XII ở Tây-ban-nha và 74 – 6: Chiến tranh Ca-rơ-lít.	75: Khởi nghĩa ở Bô-xni-a và Ghéc-tê-gô-vin.			

A	B	C	D	E
Chiến tranh	Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế (tơ-rốt v.v.; các hiệp ước thuế quan etc.; tô nhượng lớn...)	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
1876	76: Những cuộc đàm phán Nga - Đức về chiến tranh của Nga chống Áo. 15. I. 77: Hiệp ước Nga - Áo (về phân chia Thổ-nhĩ-kỳ). 78: Đại hội Béc-lanh (cướp bóc Thổ-nhĩ-kỳ). 11. X. 78: Hiệp ước Áo - Phổ (xoá bỏ những điều kiện của Hội nghị Pra-ha về Đan-mạch). 79: Liên minh Đức - Áo (7. X. 79).	77: Anh chiếm Tơ-ran-xva-an.  78: Anh chiếm Síp.  79: "Liên minh châu Phi" (liên minh của những người Hà-lan ở Nam Phi).	79: Biểu giá thuế quan bảo hộ ở Đức (liên minh giữa các nhà công nghiệp và nông nghiệp).	78: Luật về những người xã hội chủ nghĩa ở Đức (19. X).
77: Chiến tranh Nga - Thổ.				
79: Chiến tranh giữa Anh với người Du-lu.				

*Tiếp theo*

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng (không mang tính chất vô sản)	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
	76: Khởi nghĩa ở Bun-ga-ri.  77: Chiến tranh Nga - Thổ.	III. 76: Nội các cánh tả ở Ý (Đơ-prê-tít) cho đến năm 91.  1877: Đạo luật về giáo dục phổ thông (Ý).		30. I. 1879: Mác - Ma-hông từ chức. 79: Phong trào bài
		79: Phan-cơ từ chức (kết thúc "cuộc đấu tranh văn hoá". Xem 87). 79: Thủ tục tố tụng mới ở Đức.		

A	B	C	D	E
Chiến tranh	Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế (tơ-rót v.v.; các hiệp ước thuế quan etc.; tô nhượng lớn...)	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
-1880		80: Thương gia Gô-đép-phroa người Ham-buốc thành lập công ty thương nghiệp ở <i>Xa-moa</i> . (Ngày 27. IV. 80 Quốc hội bác bỏ trợ cấp.)		
1881	27. II. 81: Người Bô-e chiến đấu chống người Anh (bên núi Mát-giu-ba).	81 (3. VIII): Anh công nhận độc lập của Tô-ran-xva-an. 81: Nga chinh phục người Tuyéc-mê-ni.  82: Anh chiếm Ai-cập.  83: "Liên minh tay ba" (Đức + Áo + Ý) (20. V. 1882).	81: Pháp chiếm Tuy-ni-di. 81: Ý ở <i>Át-xa-ba</i> . ← 81	

## Tiếp theo

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng (không mang tính chất vô sản)	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
				Do-thái ở Đức (78: thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa - Co-đốc giáo).
1. III. 81: A-lếch-xan-đrơ II bị ám sát.	82: Trường đại học tổng hợp Pra-ha chia ra thành trường đại học tổng hợp Tiệp và trường đại học tổng hợp Đức.	81: Dự luật ruộng đất ở Ai-rơ-len của Glát-xtôn.  82: Các trường thế tục ở Pháp.	81: Thông điệp của Vin-hem I về những cải cách xã hội.  83: Bảo hiểm bệnh tật ở Đức.	

A		B	C	D	E
Chiến tranh		Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế (tờ-rốt v.v.; các hiệp ước thuế quan etc.; tờ nhượng lớn...)	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
1885	85: Chiến tranh Pháp – Trung (vì Bắc-kỳ).	84: Cuộc gặp mặt của ba hoàng đế ở Xke-rơ-nê-vi-txư. 15. XI. 84. Béc-lanh. Hội nghị bàn về vấn đề Công-gô: phân chia châu Phi. “Độc lập” của Công-gô!!	84: Đức chiếm những thuộc địa ở Tây Nam Phi + Ca-mơ-run. 84: Nga chiếm Méc-vơ.  85: Đức và Tây-ban-nha tranh chấp nhau vì các đảo Ca-rô-lin. 85: Anh chiếm Bê-su-a-na (Nam Phi). 85: Ý ở Ma-xa-u-a. 85: Pháp chiếm Bắc-kỳ. 85: Anh chiếm Miến-điện.	85: Trợ cấp cho các công ty tàu thủy ở Đức.  1880 – 88: Đường sắt Xa-ma-rơ-can-đơ.	

*Tiếp theo*

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng (không mang tính chất vô sản)	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
		84: Cải cách bầu cử của Glát-xtôn.	84: Bảo hiểm tai nạn ở Đức.	

A	B	C	D	E
Chiến tranh	Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế (tơ-rốt v.v.; các hiệp ước thuế quan etc.; tô nhượng lớn...)	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa.
1886				
			87: "Hiệp ước về bảo trợ lẫn nhau" (Đức và Nga).	
			88: "Pa-na-ma" ở Pháp. 88 (4. X): "Đoi-sơ ban-cơ" nhận tô nhượng về đường sắt Bát-đa (cho đến An-gô-ra <sup>1)</sup> ) 89: Xê-xin Rốt-xơ thành lập "Tsa-rte-rđơ cô-m-pa-ni ốp Xau-ơ A-phri-ca".	
-1890				
	90: Hiệp định Anh - Đức. (Đổi Hen-gô-lăng-đơ lấy một phần châu Phi.)			90: Bãi bỏ đạo luật đặc biệt ở Đức.

<sup>1)</sup> Ngày nay gọi là An-ca-ra.

## Tiếp theo

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng (không mang tính chất vô sản)	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
	86: Bản dự luật đầu tiên về những người Ba-lan (Đức) (ủy ban di cư).	86: Bản dự luật đầu tiên của Glát-xtôn về quyền tự trị. 87: Kết thúc "cuộc đấu tranh văn hoá" ở Đức (23. V. 1887). 88: Quyền tự quản dân chủ địa phương ở Anh.		86: Bu-lăng-giê – bộ trưởng chiến tranh.
			89: Bảo hiểm tuổi già (ở Đức).	
				90: Bi-xmác sụp đổ.

A	B	C	D	E
Chiến tranh	Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
1891	10. I. 91: Tối hậu thư của Anh gửi cho những người Bồ-đào-nha (cướp bóc châu Phi). 91: Liên minh Pháp-Nga.	93: Pháp chiếm <i>Đa-hô-mây</i> .	91: Những hiệp định thương mại giữa Đức và Áo cùng các nước khác (hạ thấp thuế quan). 92: Cải cách tiền tệ ở Áo. 93: "Đoi-sơ ban-co" lại được thêm tô nhượng đường sắt Bát-đa.	1893: Bãi công trong ngành đường sắt ở Hà-lan.
94 – 5: Chiến tranh Trung - Nhật.				

## Tiếp theo

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng <i>không</i> mang tính chất vô sản	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
		1891: Thuế thu nhập ở Đức.  92: "Đạo luật về chế độ chiếm hữu ruộng đất tiểu nông" ở Anh. 93: Bản dự luật thứ hai của Glát-xtôn về quyền tự trị. 93: Nghĩa vụ quân sự hai năm (Đức). 1893: Cải cách bầu cử ở Bỉ (biểu quyết đa số). 94: Bắt đầu vụ Đrây-phyýt (Pháp). 94: Hôn nhân không theo lễ nghi tôn giáo ở Hung.		92: "Phái tham gia" (tham gia chế độ cộng hòa) ở Pháp. 93: "Liên hiệp những nghiệp chủ ở nông thôn" (Đức).



A		B	C	D	E
Chiến tranh		Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
- 1895	1895: Chiến tranh của Pháp chống Ma-đa-ga-xca.	95: Hoà ước Xi-mô-nô-xê-ki. 95: Hiệp định về Pami (Nga với Á-p-ga-ni-xtan).		95: Kênh đào mang tên Vin-hem II <sup>1)</sup> .	
1896	96: A-bit-xi-ni thắng Ý (I. III) (hoà ước ngày 26. X. 1896).  97: Chiến tranh Hy-lạp - Thổ.  98: Chiến tranh Tây-ban-nha - Mỹ. 99 - 1902: Chiến tranh Anh với những người Bô-e.	97: Hiệp ước Nga - Áo về vùng Ban-căng.  98: Pha-sô-đa (Anh và Pháp chia nhau châu Phi (21. III. 1899)).	96: Cuộc tiến quân của Giêm-xôn (Anh ở Nam Phi). 96: Anh chiếm A-san-ti.  97: Pháp chiếm Ma-đa-ga-xca. 97: Đức chiếm Giao-châu.  98: Vin-hem II ở Giê-ru-xa-lem. 98 (?): Khởi nghĩa ở An-đi-gia. 99: Đức chiếm các đảo Ca-rô-lin, Xa-vai cùng các đảo khác.		

<sup>1)</sup> Kênh đào Ki-ên.

## Tiếp theo

	F	G	H	I	K
	Phong trào cách mạng <i>không</i> mang tính chất vô sản	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
		95: Khởi nghĩa ở Cu-ba.	1888 - 1895: Những cuộc đàm phán giữa Va-ti-căng với Cvi-ri-nan. Không thành công!		
			96: Ba-đê-ni lập ra đoàn tuyển cử thứ năm trong nghị viện Áo.		97: Luy-ê-gơ là thị trưởng thành phố Viên.
		98: Bản dự luật thứ hai về những người Ba-lan (Đức). 99: Đề bẹp Phần-lan.	98: Phong trào "Cút khỏi La-mã" ở Áo.		98: Đạo luật thứ nhất về hạm đội (Đức) (30. IV. 1898 thành lập Liên minh hải quân).

A	B	C	D	E
Chiến tranh	Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
-1900				
1901	1900-01: Chiến tranh với Trung-quốc (các cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hoà đoàn).  1902: Hiệp ước Anh – Nhật.		01: Xây dựng xong đường sắt Xi-bi-ri.  22. I. 02: “Công ty Đức – Pháp” nhận tô nhượng tuyến đường sắt Bát-đa + giao thông đường thuỷ ở Mê-dô-pô-ta-mi + các mỏ quặng. 1902: Biểu suất thuế quan ở Đức. 1903: Sem-bóc-lin tán thành liên minh thuế quan của đế quốc Anh.	

## Tiếp theo

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng <i>không</i> mang tính chất vô sản	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
				900: Đạo luật thứ hai về hạm đội ở Đức.
	1902: Dự luật lần thứ ba về người Ba-lan (Đức)  1903: Khủng hoảng ở Hung. (Xung đột với Áo vì ngôn ngữ trong quân đội.)	01: “Liên bang” (“Commonwealth”) của Úc. 01: Đạo luật của Pháp về lập hội (chống lại các giáo đoàn).  1902: Xoá bỏ “điều nói về chế độ độc tài” ở An-da-xơ-Lo-ren.  1903: Com-bơ đóng cửa các giáo đoàn Thiên chúa giáo ở Pháp. 1903: Dự luật <i>A i-rơ-len</i> (về ruộng đất).		

A	B	C	D	E
Chiến tranh	Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
-1905	1904-07: Chiến tranh với người Ghê-rê-rô. 1904 - 5: Chiến tranh Nga - Nhật.	1904: Hiệp ước Anh - Pháp. 1904: Lu-bê ở Ý. 1905: Hiệp ước thứ 2 của Anh - Nhật.	04: Anh ở <i>Lơ-kha-xa</i> . 05: Vin-hem II ở Tan-giê (Ma-rốc).	1905: Các hiệp định thương mại mới của Đức.
1906	1906: Hội nghị ở An-khê-xi-ra.  1907: Kết thúc chiến tranh ở châu Phi (với người Ghê-rê-rô v.v.).	1906: Hội nghị ở An-khê-xi-ra.  1907: Hiệp ước của Pháp và Nga với Nhật. 1907: Hiệp ước của Nga với Anh.	1907 (VIII): Toà án xử phạt "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ-côm-pa-ni" 29 triệu đô-la.	

Tiếp theo

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng <i>không</i> mang tính chất vô sản	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
1905: Cách mạng ở Nga. 1905: Na-uy tách ra.	← 1905	1905: Nghĩa vụ quân sự 2 năm ở Đức. 1905: Tách nhà thờ ra khỏi nhà nước ở Pháp.		
1906: Nghị viện ở Ba-tư.  1907: Đảo chính ở Nga.	1906-7: Học sinh "bãi khoá" ở Ba-lan thuộc Phổ (có tới 50 000 người tham gia).	1906: Chế độ lương nghị sĩ <sup>1)</sup> ở Quốc hội Đức. ( 12. VII. 1906: Đrây-phuyt được khôi phục các quyền. ) 1907: Phổ thông đầu phiếu ở Áo. 1907: Đạo luật ruộng đất ở Anh (giúp cho chế độ sở hữu nhỏ).		

<sup>1)</sup> – chế độ đãi ngộ cho các đại biểu nghị viện ở một số nước tư sản.

A	B	C	D	E
Chiến tranh	Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
-1910	<p>1908 (9. VI. 08): Cuộc gặp mặt của Ê-đua VII và Ni-cô-lai II ở Rê-ven.</p> <p>1908: Hiệp ước Nhật – Mỹ về Thái-bình-dương.</p> <p>1909: Hiệp ước Đức – Pháp về Ma-rốc.</p> <p>1910: Cuộc gặp mặt ở Pốt-xđam (Vin-hem II và Ni-cô-lai II).</p>	<p>1910: Nhật thôn tính Triều-tiên.</p>	<p>1909: Chiến lũy ở Bác-xê-lôn và Ma-đrít. Ám sát Phe-rơ (13. X).</p> <p>1910: Bri-ăng đàn áp cuộc bãi công của công nhân đường sắt.</p>	

## Tiếp theo

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng <i>không</i> mang tính chất vô sản	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
<p>1908: Ám sát Các-lơ I ở Bô-đào-nha.</p> <p>1908: Cách mạng ở Thổ-nhĩ-kỳ.</p> <p>1909: Lật đổ Áp-đun – Ha-mít.</p> <p>1909: Lật đổ quốc vương Ba-tư.</p> <p>1910: Chế độ cộng hoà ở Bô-đào-nha.</p>	<p>1908: Ai-len đòi Đan-mạch trả lại độc lập; được thành lập nghị viện.</p> <p>1908: Dự luật lần thứ 4 về người Ba-lan (mua cưỡng bức).</p> <p>1908: Áo thôn tính Bô-xni-a và Ghéc-txê-gô-vin.</p> <p>1908: Bun-ga-ri tuyên bố độc lập.</p> <p>1910: “Đảng lao động dân tộc” thắng đảng độc lập ở Hung.</p> <p>1910: Xoá bỏ nền độc lập của Phần-lan.</p>	<p>1909: Những ưu đãi mới dành cho chủ trang trại Ai-rơ-len.</p> <p>1910: Xung đột giữa Hạ nghị viện và Thượng nghị viện ở Anh.</p>		

A		B	C	D	E
Chiến tranh		Ngoại giao	Chính sách thuộc địa	Chính sách kinh tế	Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa
1911	1911 (29. IX) (-18. X. 1912): Chiến tranh Thổ-nhĩ-kỳ - Ý (Tơ-ri-pô-li-ten). 1912: Chiến tranh Ban-căng (lần thứ 1 và thứ 2) (8. X.-17. X. 1912: tuyên chiến). 1914: Chiến tranh châu Âu.	1911: Hiệp ước Nga - Đức về Ba-tư. 1911: Hiệp ước Đức - Pháp về Ma-rốc.	1911: Pháp và Tây-ban-nha "tiến triển" ở Ma-rốc. 1913: Nga xâm chiếm Ác-mê-ni-a.	15. V. 11: Toà án tuyên bố "Xtan-đa-rơ-đơ ôi-lơ côm-pa-ni" bất hợp pháp.	
-1915					

F	G	H	I	K
Phong trào cách mạng <i>không</i> mang tính chất vô sản	Phong trào dân tộc và vấn đề dân tộc	Cải cách dân chủ	Cải cách xã hội	Những nhận xét khác và chú giải
1912: Chế độ cộng hoà ở Trung-quốc.	!! 21. IV. 1910: Đạo luật (Bỉ) về tiếng Phla-măng ở các trường trung học (ở 4 tỉnh Phla-măng).	1911: Bãi bỏ (rút bớt) những đặc quyền của Thượng nghị viện ở Anh. 21. IV. 1911: Tách nhà thờ khỏi nhà nước ở Bồ-đào-nha. 1912: Dự luật về tự trị của A-xquít. 25. V. 1912: Cải cách bầu cử ở Ý (số cử tri từ 2 triệu tăng lên 6 triệu). 17. VI. 1912: Cải cách bầu cử ở Anh (quyền phổ thông đầu phiếu). 11. IV. 1912: Chấp nhận quyền tự trị đối với Ai-rơ-len.	1911: Đạo luật về bảo hiểm ở Anh.	

PHÁC THẢO ĐỀ CƯƠNG  
CỦA BẢNG "THỬ LÀM BẢNG TỔNG HỢP  
CÁC SỰ KIỆN CHỦ YẾU  
TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI  
SAU NĂM 1870"

## I

- 3 – I) Các cuộc chiến tranh, ngoại giao, chính sách thuộc địa.  
1 – II) Chính sách kinh tế (§ 8).  
1 – III) Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa.  
2 – IV) Các phong trào cách mạng *có một tính chất khác* và các phong trào dân tộc - dân chủ khác.  
2 – V) Những cải cách dân chủ, những cải cách xã hội.

## II

- 1) Các cuộc chiến tranh.  
2) Ngoại giao...  
3) Chính sách thuộc địa.  
4) Phong trào công nhân và các đảng xã hội chủ nghĩa.  
5) Các phong trào cách mạng (tư sản), không chỉ riêng các phong trào xã hội chủ nghĩa.  
6) Những cải cách dân chủ (kể cả những cải cách chống lại nhà thờ).  
7) Những cải cách xã hội.  
8) Chính sách kinh tế các tư-rót; luật thuế quan; các hiệp định thương mại; những cuộc chiến tranh thuế quan.  
9) Phong trào dân tộc.

TRÍCH VỞ  
"THỐNG KÊ NÔNG NGHIỆP CỦA ÁO"  
VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

SỰ PHÂN BỐ CÁC THUỘC ĐỊA  
GIỮA CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

*Ôt-tô Huýp-nơ*: "Bảng thống kê địa lý", 1916, và "The Statesman's Year-Book", 1916 (=St.) (con số lấy theo Huýp-nơ)

ĐÔNG ÂU VÀ PHẦN CHÂU Á CỦA NÓ

		Ngìn km <sup>2</sup>	Dân số ngìn người	
(Châu Á) 35 559	Phần châu Âu của Nga	5 452	140 841	} Phần-lan: 81.4% người Phần-lan 10.7% người Thụy-điển, người Tuyéc-mê-ni, người U-dơ-bếch, người Kiéc-ghi-di, người Tát-gích
	Phần châu Á của Nga	16 637	33 259	
	những nước chư hầu của Nga (Khi-va và Bu-kha-ra)	271	2 300	
	Toàn bộ Nga . . . . .	22 360	176 400	43% Đại Nga, tức là thuộc dân tộc thống trị
	+ Biển Ca-xpiên và hồ A-ran:.....	506	—	theo Huýp-nơ 44.3% ???
	Áo - Hung cộng với Bô-xni-a.....	677	513 90	12.0 triệu người Đức, 10.0 triệu người Hung
				22.0 triệu, tức là 42.8% thuộc dân tộc thống trị
				gần 92% là người Ru-ma-ni hồi 1899
vùng Ban-căng:	Ru-ma-ni . . . . .	140	7 602	
	Bun-ga-ri . . . . .	114	4 767	80.7% là người Bun-ga-ri, 10.7% là người Thổ-nhĩ-kỳ

	Nghìn km <sup>2</sup>	Dân số nghìn người	
Hy-lạp (+Crét)	120	4 822	Trong khu vực cũ (trước năm 1912) có 1 850 nghìn người Hy-lạp trong tổng số 1 980 nghìn
+ Xa-mốt <sup>1)</sup> . . . . .	0,5	53	
<span style="border: 1px solid black; padding: 2px;">= 93,4%</span>			
Xéc-bi-a . . . . .	87	4 490	95,4% là người Xéc-bi-a năm 1910 (nghĩa là trước chiến tranh 1912)
An-ba-ni . . . . .	28	850	"người An-ba-ni" (và chỉ thế thôi ư??)
Mông-tê-nê-grô . . . . .	14	435	Người Xéc-bi-a, người Thổ-nhĩ-kỳ, người Ác-na-út.
Phần châu Âu của Thổ-nhĩ-kỳ . . . . .	28	1 891	43% là người Thổ-nhĩ-kỳ
Phần châu Á của Thổ-nhĩ-kỳ . . . . .	1 767		
Toàn bộ Thổ-nhĩ-kỳ	<u>1 795</u>	<u>21 600</u>	3: Nga + Áo + Thổ-nhĩ-kỳ 249 390
Đông Âu:	<u><u>          </u></u>	<u><u>272 409</u></u>	6: các nước nhỏ ở vùng Ban-căng 23 019
		<u><u>          </u></u>	<u><u>272 409</u></u>

<sup>1)</sup> Ở bảng của Huýp-nơ thì Xa-mốt được coi là thuộc châu Á và được xếp riêng. Trong St. thì được coi là thuộc Hy-lạp.

	Nghìn km <sup>2</sup>	Dân số nghìn người		
+  Phần châu Á còn lại:				
	<u>819 330</u>			
	874 598	Trung-quốc... 11 139	329 618 chủ yếu là người Trung-quốc, sau đó là "pun-ti" <sup>105</sup> , người Mông-cổ v. v.	
		Nhật-bản..... 674	72 673 chủ yếu là người Nhật (theo từ điển Bách khoa toàn thư > 99% ở bản địa Nhật-bản là người Nhật)	
"trong đó"	Đài-loan . . . . .	36	3 612	<del>52 986 = Nhật-bản</del> 19 687 = thuộc địa của Nhật <span style="border-top: 1px solid black; border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">72 673 = tổng số</span>
	Ca-ra-phu-tô <sup>106</sup> . . . . .	34	49	
	Quan-đông . . . . .	3	517	
	Triều-tiên . . . . .	218	15 509	
		nửa thuộc địa (7 nước):		
Trung-quốc:	1. Ba-tư . . . . .	1 645	9 500	- người Xiêm 1 800 người Trung-quốc 1 400 v.v. - người Áp-ga-ni-xtan 351 nghìn, người Tát-gích 225 nghìn v.v. - người Mông-cổ và người Ấn-độ. - người Ả-rập, người Ấn-độ, người Ba-tư, người da đen - ...?
	2. Xiêm . . . . .	600	8 149	
	3. Áp-ga-ni-xtan . . . . .	624	4 450	
	4. Nê-pan . . . . .	154	3 000	
	5. Ô-man . . . . .	212	1 000	
	6. A-ra-bi độc lập . . . . .	2 279	950	
	<u>329 618</u>			
	<u>27 049</u>			
	<u><u>356 667</u></u>			

	nghìn km <sup>2</sup>	Dân số nghìn người	
7 Các đất thuộc Anh	5 265	324 879	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">                     trong đó                      4) Ấn-độ 315 961                      Xây-lan 4 263                 </div>
2 — “ — Hà-lan	1 521	37 717	
5 — “ — Pháp	803	17 267	
3 — “ — Bồ-đào-nha	23	980	
1 — “ — Đức <sup>2)</sup>	0.6	209	
1 các đất thuộc Mỹ (Phi-líp-pin)	296	8 938	— gần 98% dân bản xứ = 389 900 = Σ ở các thuộc địa của các nước châu Âu ở châu Á. + 19 687 = thuộc địa của Nhật 409 677 = Σ ở các thuộc + địa ở châu Á 356 667 = nửa thuộc địa 52 986 = Nhật-bản 819 330
		819 330	
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block; margin-top: 10px;">                     Số lượng gần đúng của                      “các nước” (“etwa”)                 </div>			
<b>Châu Phi:</b>			
Các đất thuộc Pháp .....	9 660	38 500	— 85.8% người Ả-rập v.v. 8.9% người Pháp — 88.4% dân bản xứ
An-giê-ri.....	575	5 564	
Tuy-ni-di.....	125	1 957	
Ma-rốc.....	500	5 000	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"> <b>Châu Phi:</b>                      các thuộc địa                      của Pháp 38 500                      các thuộc địa                      của Anh 51 660                 </div>
Tây Phi và châu Phi xích đạo.....	5 352	21 895	
Đông Phi .....	714	3 635	
Các đất thuộc Anh.....	—	51 660	

<sup>2)</sup> Giao châu — 0.5 và 192 nghìn + Thiên-tân — 0.1 và 17 nghìn

<sup>4)</sup> Ở Ấn-độ thuộc Anh, năm 1911, có hơn 100 bộ lạc; trong số 313.3 triệu: 74% là người Ấn-độ A-ri-en.

	nghìn km <sup>2</sup>	Dân số nghìn người	
Liên bang Nam Phi	1 222	6 212	các thuộc địa khác 36 839 nửa thuộc địa <u>9 560</u> 136 559 — 92.7% người Ai-cập
Ni-giê-ri-a.....	869	17 471	
Bờ biển vàng .....	309	1 502	
Dan-di-ba .....	2	199	
Các nước khác .....	3 788	11 507	
Ai-cập .....	3 485	14 726	Người da đen và các dân tộc nhỏ 36 839 <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block; margin-top: 5px;">                         tất cả các                          thuộc địa ở                          châu Phi                          = 1 26 999                     </div>
+ Xi-nai .....	59	31	
+ Ta-xốt <sup>3)</sup> .....	0.3	12	
Công-gô thuộc Bỉ .....	2 365	15 003	
các đất thuộc Đức .....	2 707	11 527	
các đất thuộc Bồ-đào-nha các đất thuộc Ý.....	2 070 1 590	8 352 1 368	
Tơ-ri-pô-li-ten .....	1 100	723	
Ê-ri-tơ-rê và Xô-ma-li ...	490	645	
các đất thuộc Tây-ban-nha Ma-rốc (Tan-giê) .....	560 0.6	589 60	
A-bit-xi-ni .....	1 120	8 000	
Li-bê-ri-a .....	95	1 500	
Ba hồ (Sát, Tan-ga-ni-i-ca và Ni-a-xa) .....	87	—	
		136 559	tất cả phần còn lại ở châu Phi = thuộc địa

<sup>3)</sup> Huýp-nơ coi Xi-nai là thuộc châu Á, Ta-xốt thuộc châu Âu và không coi Ai-cập là “đất thuộc Anh”, St. coi Ai-cập là đất thuộc Anh.

(Tây Âu + Anh + Nhật không có thuộc địa)	có thuộc địa	nửa thuộc địa
1871 – 1876 - - (8 trong số 14)	6	9 560 ở châu Phi
1914 – 1916 - - (3 trong số 14)	11	+ 356 667 ở châu Á
		366 227
		3 + 7 = 10 nước
		= tất cả là nửa thuộc địa

**Úc và châu Đại-dương**

Các đất thuộc Anh: ..... 8 261 6 675



	nghìn km <sup>2</sup>	Dân số nghìn người	
{ Liên bang Úc .....	7 704	4 922	— 82,3% người Úc — 69,7% người Tân Tây-lan
{ Tân Tây-lan .....	271	1 085	
{ Các đảo Phi-gi .....	19	154	
các đất thuộc Đức ...	245	641	
“ “ “ Hà-lan	395	240	
“ “ “ Mỹ ...	17,4	228	
{ Ha-oai .....	16,7	208	
{ Tu-tu-i-la .....	0,2	7	
{ Gu-am .....	0,5	13	
các đất thuộc Pháp ...	23	81	
các đảo không bị chiếm	13	—	
Tổng số Úc và	<u>8 955</u>	<u>7 865</u>	
Pô-li-nê-di-a:			
Châu Á		409 677	
Châu Phi		126 999	
Châu Âu		250	
Châu Mỹ		<u>12 306</u>	
toàn bộ thuộc địa cộng lại		557 097	
<b>Tây Âu:</b>			
1. Đức.....	548	64 926	92,5% người Đức. Gần 5 tr. dân tộc “ngoại bang” người Ba-lan — — 5,47% người Pháp — — 0,37% người Đan-mạch — — 0,25% Dân xứ An-da-xơ - Lo-ren = 1 874 nghìn
2. Anh.....	318	46 813	95% nói tiếng Anh <i>Ai-ro-len</i> : 83 nghìn km <sup>2</sup> , dân số: 4 375 nghìn = 4,4 tr.
kể cả các thuộc địa ở châu Âu là Gi-bran-ta, Man-tơ, Gô-tô và Cô-mi-nô .....	(0,3	250)	
3. Pháp .....	536	39 602	93,7% người Pháp <sup>2)</sup>    NB người Ý 1,3% <sup>2)</sup>
4. Ý.....	287	35 598	99,1% người Ý
5. Tây-ban-nha.....	504	20 366	96,6% người Tây-ban-nha (+ quần đảo Ca-na-ri-a và Prê-di-đi-ốt)

<sup>2)</sup> Số liệu cho năm 1881.

	nghìn km <sup>2</sup>	Dân số nghìn người	
6. Bỉ .....	29	7 571	43,4% người Phla- măng <sup>2)</sup> 38,1 người Pháp 81,5% chỉ xét theo tiếng nói thôi 53% người Phla-măng
7. Hà-lan	34	6 213	98,8% người Hà-lan
(+ ven biển)	7	—	
8. Bồ-đào-nha (+ quần đảo A-xo và Ma-đây-ra)	92	5 960	99,5% người Bồ-đào- nha
9. Thụy-điển	448	5 639	99,4% người Thụy- điển người Phần-lan — 25 nghìn người Láp-pơ — 7 nghìn
10. Đan-mạch (+ quần đảo Pha-re-rơ và Ai-len)	145	2 860	96,3% người Đan- mạch ( <i>sinh ra ở</i> <i>Dan-mạch</i> )
11. Na-uy	323	2 358	98,9% người Na-uy
Σ = 310 + 2 <sup>1)</sup>	12. Lú-xăm-bua	2	260 93,1% người Đức
	13. Mô-na-cô	0,001	23 (người Ý, người Pháp v.v.)
	14. Xanh Ma- ranh	0,06	11 (người Ý)
	15. Lích-ten-stên	0,1	11 (người Đức)
	16. An-đo-ra	<u>0,4</u>	<u>5</u> (người Tây-ban-nha)
17. Thụy - sĩ	41	3 765	69% người Đức } 21,1 người Pháp } 98,1% 8,0 người Ý } 31%? các dân tộc “khác”
<b>Tổng số Tây Âu</b>	<u>242 161</u>		

<sup>1)</sup> Huýp-nơ còn bổ sung thêm “Ta-xốt (vào Ai-cập)”. Tôi xếp Ta-xốt vào Ai-cập, châu Phi. (<sup>3)</sup> Ở Bỉ 43.4% số dân *chỉ* nói được tiếng Phla-măng và 38.1% *chỉ* nói được tiếng Pháp. Ergo, khoảng: 43.4% của 81.5 = 53.2 người Phla-măng trong dân chúng.

**Tây Âu:**

17 – 5 nước nhỏ xít = 12

Trong số các nước đó: không có thuộc địa (9. 11. 17) nghĩa là 3

9 có thuộc địa

Năm 1876 số nước không có thuộc địa (1. 4. 6. 9. 11. 17) nghĩa là 6

6 có thuộc địa

Không có thuộc địa: Thụy-điển .....	5.6	triệu dân
Đan-mạch .....	2.9	“ “
Na-uy .....	2.3	“ “
Thụy-sĩ .....	3.8	“ “
	<u>14.6</u>	

*Châu Mỹ:*

	nghìn km <sup>2</sup>	Dân số (nghìn người)					
Mỹ (không kể Ha-oi)	9 369	98 902	<table border="1"> <tr> <td>74.3% người Mỹ</td> </tr> <tr> <td>88.7% người da trắng</td> </tr> <tr> <td>74.3% người Mỹ</td> </tr> <tr> <td>14.4% người quê ở nước ngoài</td> </tr> </table>	74.3% người Mỹ	88.7% người da trắng	74.3% người Mỹ	14.4% người quê ở nước ngoài
74.3% người Mỹ							
88.7% người da trắng							
74.3% người Mỹ							
14.4% người quê ở nước ngoài							
+ các hồ và ven biển	241	—	<table border="1"> <tr> <td>10.8% người da đen và người lai da đen</td> </tr> <tr> <td>0.3% người da đỏ</td> </tr> </table>	10.8% người da đen và người lai da đen	0.3% người da đỏ		
10.8% người da đen và người lai da đen							
0.3% người da đỏ							

	khí km <sup>2</sup>	Dân số (nghìn người)	
“Khu kênh đào Pa-na-ma”	1	63	
“Poóc-to – Ri-cô”	9	1 184	trong cột này là năm
Tổng số Mỹ:	100 149	(1783)	giành được độc lập
Bra-xin	8 497	24 908 (1829)	40% người da trắng
			55.9% người da đỏ, người lai và các loại người khác
Mê-hi-cô	1 985	15 502 (1823)	99.3% người Mê-hi-cô
Ác-hen-ti-na	2 950	7 468 (1810)	78.5% người Ác-hen-ti-na, 16% người Pháp, người Tây-ban-nha và người Ý
Pê-ru	1 834	5 580 (1821)	86.4% người da đỏ, người lai, người da đen
			12% người da trắng
Cô-lum-bi-a	1 206	5 071 (1819)	10% người da trắng
			90% người lai, người da đen, người da đỏ.
Chi-lê	758	3 505 (1820)	người da trắng sinh ở thuộc địa, người lai và các loại người khác
Vê-nê-đu-ê-la	1 020	2 756 (1811)	99% người lai da đen
			1% người da trắng sinh ở thuộc địa
“Ha-i-ti” (phần phía Tây đảo Ha-i-ti)	29	2 500 (1820)	90% người da đen
Cu-ba	114	2 469 (1902)	66.4% người da trắng
			33% người da đen, người lai da đen.
Bô-li-vi-a	1 470	2 521 (1825)	77.8% người da đỏ, người lai và các loại người khác
			12.8% người da trắng

	nghìn km <sup>2</sup>	Dân số (nghìn người)			
Goa-tê-ma-la	113	2 119	(1821)	65%	người La-đi-nô
				35%	người da đỏ
Ê-cu-a-đô	307	1 500	(1822)	53%	người da đỏ, người da đen và các loại người khác
				33%	người Tây-ban-nha và người lai
U-ru-goay	187	279	(1828)		“người da trắng và người lai”. “người nước ngoài 181 nghìn”
Xan-va-đô	21	1 226	(1821)		chủ yếu là người lai và người da đen
Pa-ra-goay	253	752	(1811)	>90%	người da trắng và người lai
Cộng hoà Xan Đô-min-gô	48	708	(1843)		chủ yếu là người da trắng sinh ở thuộc địa và người lai da đen.
Hôn-đu-rát	115	566	(1821)	95%	người da đỏ và người lai
Ni-ca-ra-go	128	460	(1821)	99%	người da đỏ, người da đen và các loại người khác
				1%	người Âu
Cô-xta- Ri-ca	48	411	(1821)	99,5%	người da trắng sinh ở thuộc địa, người da đỏ, người da đen.
Pa-na-ma	86	364	(1903)		gần $\frac{9}{10}$ người lai, người da đen và người da đỏ

	nghìn km <sup>2</sup>	Dân số (nghìn người)		
Các đất thuộc Anh	8 962	10 431 <sup>1)</sup>	từ 1763 thuộc Anh 54% người Ăng-glô- xác-xông 28,5% người Pháp 1,5% người da đỏ	
Ca-na-đa	8 528	8 075		
Niu-phao-len và La-bra- đo	129	245		từ 1713 thuộc Anh
Quần đảo Tây Ấn	32	1 752		Ha-mai-ca từ 1494 thuộc Tây-ban- nha từ 1659 thuộc Anh từ 1667 thuộc Hà-lan từ 1803 thuộc Anh
Guy-an	234	305		quần đảo Phan-clen-đơ từ 1786 thuộc Anh từ 1883 thuộc Anh
Hôn-đu-rát Quần đảo Phan-clen-đơ và Béc-mút	22 17	41 24		
Các đất thuộc Pháp	91	460	1674 thuộc Pháp	
Các đất thuộc Hà-lan	130	141	1667 thuộc Hà-lan	
Tây Ấn thuộc Đan-mạch	0,3	27	Tất cả thuộc địa ở châu Mỹ: của Anh: 10 431 của Pháp: 460 của Hà-lan: 141 của Đan-mạch: 27 của Mỹ: { 63 1 184 12 306	
Toàn bộ châu Mỹ:	39 977	192 873		
Mỹ .....	{ 98 902	}		
toàn bộ thuộc địa phần châu Mỹ còn lại	{ 12 306 81 665			
			12 306	

<sup>1)</sup> Của Huýp-nơ là như vậy.

Các loại:	Nhóm các nước:	Số lượng các nước	Dân số triệu	% dân tộc bị áp bức	Thời đại những phong trào dân tộc và dân chủ
I	Tây Âu	(12) 17	242	7%	1789 (1789 – 1848) 1566 (*) – 1871
	Hợp chủng quốc Mỹ	1 19	99 394	11% 7%	1783 – 1865
	Nhật	1	53	0%	– 1871
II	Đông Âu và phần châu Á của nó	9	272	53%	(1848.) 1905. 1909 <sup>1)</sup>
	Nam và Trung châu Mỹ	20	82	?	(1823 – 1911) <sup>2)</sup>
III	Nửa thuộc địa	10	366	?	1911 <sup>1)</sup>
	Thuộc địa	? khoảng (60) ?	557	100%	(?) thế kỷ 20 <sup>1)</sup>
Tổng số		(118)	1671		

(\*) 1566 = bước đầu của cách mạng Hà-lan

Toàn bộ trái đất:

	km <sup>2</sup>	dân số (nghìn)
Châu Á.....	44 450	874 928
Châu Âu .....	9 977	459 261
Châu Phi .....	29 888	136 438
Châu Mỹ .....	39 977	192 873
Úc .....	8 954	7 865
Các vùng ở hai cực.....	12 669	15
Toàn bộ trái đất:	145 917	1 671 380

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 889.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 882 - 885.

(1916) Các thuộc địa (dân số tính theo nghìn)

	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Úc	Châu Mỹ	Tổng cộng	– không có thuộc địa vào năm 1871
của Anh	250	324 879	51 660	6 675	10 431	393 895	
của Pháp	–	17 267	38 500	81	460	56 508 <sup>1)</sup>	6000 năm 1876
của Hà-lan	–	37 717	–	240	141	38 098	
của Bồ-đào-nha	–	980	8 352	–	–	9 332	
của Đức (Đức)	–	209	11 527	641	–	12 377	–
của Mỹ	–	8 938	–	228	1 247	10 413	–
của Nhật	–	19 687	–	–	–	19 687	–
của Đan-mạch	–	–	–	–	27	27	–
của Bỉ	–	–	15 003	–	–	15 003	–
của Ý	–	–	1 368	–	–	1 368	–
của Tây-ban-nha	–	–	589	–	–	589	–

Dân số (tính theo nghìn)

393 895	1. Anh	393 895
+ 56 508	2. Pháp	56 508
450 403	3. Hà-lan	38 098
	4. Bồ-đào-nha	9 332
	5. Đức	12 377
	6. Mỹ	10 413
	7. Nhật	19 687
	8. Đan-mạch	27
	9. Bỉ	15 003
	10. Ý	1 368
	11. Tây-ban-nha	589
	Toàn bộ thuộc địa:	557 297

<sup>1)</sup> Trong bản thảo là như vậy.

Tổng số thuộc địa = 557 tr.  
 nửa thuộc địa = 366 "  
 Tổng cộng ..... 923 "

Trong đó Ấn-độ — 320 tr.  
 " " Trung-quốc 330 "  
 Trung-quốc + Ấn-độ 650 "

Hiện nay (XII. 1916) Đan-mạch không còn nằm trong số các nước có thuộc địa (? còn Ai-len [cùng một dân tộc]).

NB Trong số 10 nước có thuộc địa, có 5 nước mới có thuộc địa sau năm 1871.

Tỷ phrăng tư bản ở nước ngoài (1913)	(4) nước giàu nhất:	Dân số của họ		% thuộc địa so với dân số (triệu)	Thứ tự xếp theo sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	Sản lượng gang triệu tấn	Chiều dài đường sắt (chính quốc + thuộc địa) nghìn km
		Thuộc địa của họ	Thuộc địa của họ				
Ac-tơ-nơ ε 1 <sup>1)</sup>							
75	78.7	1. Anh...	47 394	842%	3	9.0	207.8
60	40.0	2. Pháp...	40 56	141%	4	4.9	63.5
44	32.5	3. Đức ...	65 12.5	20%	2	17.6	67.9
179	10.0?	4. Mỹ ....	100 10.4	10%	1	30.2	412.7
	161.2						
	I-tsi-kha-ni-an δ 14 <sup>2)</sup>	Σ =	252 473				
		Các nước có thuộc địa khác...	129 84	65%			
			381 557				

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 321.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 316.

Bức tranh phân chia thế giới (căn cứ vào sự phát triển dân tộc)

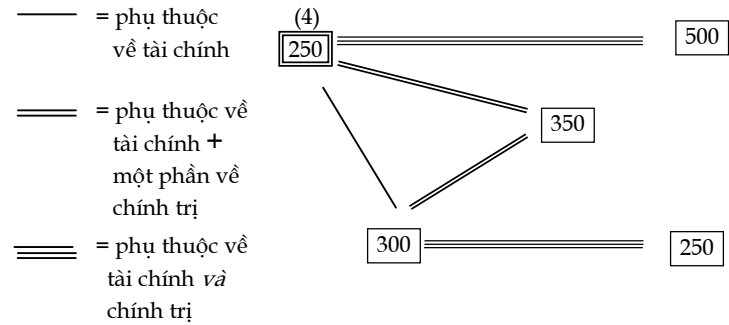
(α) (β) (γ) (δ)

Các nước độc lập về tài chính và chính trị

Các nước phụ thuộc về tài chính, độc lập về chính trị

nửa thuộc địa (Trung-quốc)

Thuộc địa và các nước phụ thuộc về chính trị



250 + 300 + 350 + 750 = 1650

Niên đại (thời đại) của các phong trào dân tộc dân chủ - tư sản lớn:	1649 1789 (1871)	1848 1905	1911	Thế kỷ 20

α = không < 160 (??) tỷ phrăng tư bản ở nước ngoài. Không dưới 300 tỷ phrăng!!

α) 4 nước: Anh + Đức + Pháp + Mỹ = 252 triệu dân. Họ có: 473 triệu dân ở thuộc địa



người Anh, và bên kia là người Thổ-nhĩ-kỳ và người Đức, đánh nhau trên lãnh thổ Ba-tư và cướp bóc Ba-tư.

tr. 227: 27. VIII. 1915, viên phó lãnh sự Đức Suê-nê-man công kích lãnh sự Nga và Anh, v.v.. NB!!

Ở phụ lục cuốn sách có một bản đồ Ba-tư chỉ rõ những “khu vực ảnh hưởng” của Nga và Anh.

Hiệp ước Nga - Anh (năm 1907) về việc phân chia “phạm vi ảnh hưởng” của hai cường quốc ở Ba-tư không làm cho họ hài lòng (“việc thực hiện (hiệp ước năm 1907) không đạt được mục đích của nó” (67)), — sự ẩu đả và nghi ngờ lẫn nhau (“sự kinh địch Anh - Nga”, tr. 64 và passim) vẫn tiếp diễn. Đức lợi dụng điều đó, và hiệp ước của Đức với Nga (cuộc gặp mặt ở Pốt-xdam, năm 1910) là một “thắng lợi của nền ngoại giao Đức” (tr. 57) — một âm mưu chia Ba-tư giữa Đức và Nga. “Chúng ta sẽ chia nhau Ba-tư và gạt bỏ Anh” (57) — Đơ-moóc-nhi đã giải thích nội dung (hay nói đúng hơn là ý nghĩa và thực chất) của hiệp ước đó như vậy.

“Chủ nghĩa đế quốc Anh - Ấn” (tr. 65 và các trang khác).

Trên thực tế, ngay cả ở vùng “trung lập” (trong nước Ba-tư) Anh đã hành động như chủ nhân, và cuộc đấu tranh với Nga vẫn tiếp diễn.

“Tất cả những gì quan trọng ở trong nước, kể từ chính phủ trở đi, đều hoạt động dưới sự bảo trợ của Nga, Đức hoặc Anh” (78).

Ông thường trích dẫn cuốn “Sự bóp nghẹt Ba-tư” của *Moóc-gan Su-xtơ*. Niu-Oóc, 1912. Người Nga bắt ông ta phải ra đi (11. I. 1912) vì ông ta có cung cách “độc tài”. Người Anh bảo vệ ông ta nhưng không bảo vệ nổi. Tác giả gọi cuốn sách của ông này là cuốn sách “cay đắng” (“cuốn sách cay đắng chống lại Ba-tư, Nga, Anh và Đức” (86)) và nói rằng ông

này “không hiểu tình hình”, ông ta “không phải là nhà ngoại giao” (“một nhà ngoại giao tồi” (85)).

Các cường quốc ngoại bang, nếu không được Nga hoặc Anh đồng ý, thì không thể có được một tô nhượng nào ở Ba-tư (80).

(Chúng ta, những người Pháp) khi tính toán, sẽ không quên *Xy-ri* (82)...

Các lãnh sự (của cả ba cường quốc lớn) tiến hành những âm mưu vô liêm sỉ, mua chuộc các bè phái, kích động đấu tranh, “hành động điên cuồng của các lãnh sự” (tr. 110 và các trang khác), bức hại các đại sứ “ôn hòa”, v.v. (tr. 89 và các trang khác viết về nước Nga).

“Việc kiểm soát nền tài chính quốc gia, điều mà họ muốn đạt được, đã trở thành

NB! công thức mới của chế độ bảo hộ nguy hiểm! Diễn đạt hay! công thức hết sức hợp thời trong lúc này” (93, chú giải).

“Chủ nghĩa đế quốc Nga” (tr. 120 và các trang khác) NB

... “Tô nhượng đường sắt Giun-pha - Tép-rít - Rê-dai-ơ - Tê-hê-ran được trao ngày 24 tháng Giêng - 6 tháng Hai 1913 cho ngân hàng chiết khấu Nga ở Tê-hê-ran” (168)...

“Từ 1912 – 1914, sự kinh địch giữa Nga và Anh ở Ba-tư vẫn tiếp diễn dưới cũng các hình thức ấy” (196).

... “Cũng còn có vấn đề được thảo luận rất gay gắt về tuyến đường sắt lớn xuyên Ba-tư... Trên lĩnh vực này, Đức đã khéo léo lợi dụng sự kinh địch Nga - Anh mà chính phủ Ba-tư duy trì một cách khôn khéo. Cũng trên lĩnh vực này, những lợi ích của Pháp cho tới nay vẫn bị phụ thuộc vào những âm mưu bí mật của một số nhóm tài chính” (262)...

“Ngày 24 tháng Chạp” (1915 hay 1914?) “quả bom đáng lẽ phải giết hại các công sứ Nga, Pháp, Bỉ và Anh, đã nổ ở Tê-hê-ran, nhưng vụ mưu sát không thành công, và

quả bom đó đã giết chết một trong những người tham gia vụ âm mưu do bè lũ Đức - Thổ-nhĩ-kỳ tổ chức. Phái đoàn ngoại giao Đức không nản chí, họ tuyển mộ thêm 1000 tên phỉ, trả công mỗi tháng 90 phrăng một tên và cấp vũ khí cho chúng. Những tên này vội vàng bán hết súng đạn và cuốn gói chuồn mất" (273).

||| Cuộc họp ngày 23. XI. 1910 ở Mát-xcơ-va của các nhà công nghiệp Nga đã phản đối đường sắt xuyên Ba-tư, vì tuyến đường đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự cạnh tranh của Anh và Đức (266 - 267).

NB (Hiện nay, năm 1915, ở Ba-tư) "đã không còn có khu vực ảnh hưởng nữa, bây giờ người Nga và người Anh đã đi qua đi lại khu vực của nhau để truy lùng người Đức. 300 lính Cô-dắc đã rời Mê-sét để đuổi theo 4 sĩ quan Đức và 83 người Ba-khơ-ti-a vừa rời khỏi thành phố này và đi về phía Áp-ga-ni-xtan là nơi họ định tổ chức một cuộc khởi nghĩa" (296).

V.v. và .v.v..

Có những con số về thương mại Ba-tư  
toàn bộ doanh số là 628 triệu "cran" (= 0.45 phrăng)

- 1) Nga — 63% toàn bộ thương mại (tr. 247)
- 2) Anh — 25%
- 3) Thổ-nhĩ-kỳ — 9%
- 4) Đức (24 triệu cran)
- 5) Pháp(11)
- 6) Ý

#### I-Ê-GƠ. "BA-TƯ VÀ VẤN ĐỀ BA-TƯ"

Giáo sư tiến sĩ T. I-ê-gơ (Ham-buốc). "Ba-tư và vấn đề Ba-tư".  
Vây-ma, 1916. ("Tủ sách phương Đông của Đức". Nhà xuất bản Eng-xtơ Giéc-khơ, XIV) (179 tr.).

NB: Quyển này tốt hơn quyển trước.

Một quyển sách rất tốt, chi tiết, rõ ràng, trình bày chính xác, thường trích dẫn các tài liệu. Một bản đồ rất tốt về Ba-tư, các khu vực ảnh hưởng của Nga và Anh. Dĩ nhiên, tác giả là một tên đế quốc đê mê.

NB Dẫn cuốn sách của một "nhà yêu nước Ba-tư" cuốn "Ba-tư và chiến tranh châu Âu" xuất bản lúc sách của I-ê-gơ được đưa in. (Giá bao nhiêu? Nơi xuất bản?)

Ở nhiều chỗ khác nhau, ông ta lại trích dẫn *Cốc-dơn*. "Ba-tư". Luân-đôn, 1892. 2 tập.

Cuốn sách bắt đầu bằng một đoạn trích dẫn "Lời di chúc của Pi-e Đại đế" mà ông ta nói là Na-pô-lê-ông I đã "đọc cho chép dưới dạng đề cương năm 1812 khi ông ta cần chuẩn bị tinh thần cho chiến dịch chống Nga" (tr. 9).

1722 - 3: Pi-e Đại đế chiếm Đéc-ben, Ba-cu, Re-xtơ và phần lớn Ghi-li-an (một tỉnh ở phía Tây Bắc Ba-tư, gần biển Ca-xpien).

1735 — Ghi-li-an, Đéc-ben, Ba-cu lại được trả cho Ba-tư.

1802 — Gru-di-a trở thành một tỉnh của Nga.

1800 — Na-pô-lê-ông I cùng với Pa-ven I đặt kế hoạch tấn công Ấn-độ.

1807 — Đoàn đại biểu quân sự của Na-pô-lê-ông I ở Ba-tư (70 sĩ quan và các loại nhân viên khác, đứng đầu là tướng *Gác-đa-nơ*).

1808 — Anh cử sang Ba-tư một đại sứ đặc biệt; Anh giúp Ba-tư trong cuộc chiến tranh chống lại Nga.

1813 — Ba-tư thất bại trong cuộc chiến tranh với Nga. Hoà ước Gu-li-xtan. Ba-tư nhượng Đéc-ben, Ba-cu, v.v. và v.v.. Ba-tư cam đoan không duy trì những chiến hạm trên biển Ca-xpien.

1814 — Hiệp ước của Anh với Ba-tư: "liên minh tự vệ và tiến công" (13)...



- 1825 — Chiến tranh của Ba-tư với Nga (là nước đã lôi cuốn Ba-tư vào chiến tranh như kiểu Anh đã lôi cuốn những người Bô-e năm 1899 vậy).  
Anh đã lừa gạt Ba-tư: điều này — tác giả nói — không nằm trong hiệp ước của chúng ta!!
- 1828 — Ba-tư thua trong cuộc chiến tranh với Nga. Hoà ước Tuyéc-kman-tsai (Ba-tư nhượng Na-khi-tse-van, Ê-ri-van và những nơi khác); 3<sup>1</sup>/<sub>2</sub> triệu li-vrơ xtéc-linh tiền bồi thường chiến tranh.
- 1890 — Anh (một công ty của Anh) được tô nhượng năm độc quyền về thuốc lá trong 50 năm liền, với giá phải trả là 300 000 mác + <sup>1</sup>/<sub>4</sub> lợi nhuận ròng.  
 một ví dụ hay !! || Một công ty có vốn 13 triệu mác, sau khi đã trừ hết các khoản, đã thu được một lợi nhuận *ròng* là 7<sup>1</sup>/<sub>2</sub> triệu, tức là > 50% (tr. 17).
- || Những cuộc bạo động của nhân dân vì những lý do đó etc. (“hàng trăm người bị thiệt mạng”!! tr. 17) — năm 1892, chính phủ Ba-tư chuộc lại tô nhượng với số tiền là 10 triệu mác (!!). 10 triệu này là vay của Anh với lãi suất 6%!!!
- 5 tháng Tám 1906. Vua Ba-tư hứa với nhân dân là sẽ ban hành hiến pháp và thiết lập nghị viện.
1909. Do yêu cầu của Anh, Ba-tư trục xuất đại diện của Nga là *Hác-tvích* (phôn Hác-tvích), người bày mưu lập kế một cách vô liêm sỉ nhất etc. (y được chuyển sang Bê-ô-grát, ở đó y là “một trong những kẻ chủ mưu trong vụ ám hại thân vương kế vị và phu nhân”, tr. 21).
23. VI. 1908. Đảo chính ở Ba-tư. Với sự giúp đỡ của Li-a-khốp, nghị viện bị giải tán.
31. V. — 13. VI. 1908 — Bức thư của Li-a-khốp gửi bộ Tổng tham mưu quân khu Cáp-ca-dơ (nguyên văn), trích trong sách của *Brau-nơ*. “*Cách mạng*

- Ba-tư*” 1905/9. Kem-brit, 1910, tr. 222. Một kế hoạch *vô sỉ nhất* của lực lượng phản cách mạng ở Ba-tư, kế hoạch mua chuộc, tàn sát etc. ((tr. 26 – 28 trong tác phẩm của I-ê-gơ)). NB
29. XI. 1911 — Tối hậu thư (thứ 2) của Nga (gửi Ba-tư): trục xuất Moóc-gan Su-xtơ v.v..
- Nước Nga không ngừng tiến triển ở A-đéc-bai-gian*. (Khởi công tuyến đường sắt từ Giun-pha đến Tép-rít.)  
Hàng loạt đoạn trích dẫn Brau-nơ về sự cướp bóc vô liêm sỉ nhất và thái độ bạo ngược của lính Cô-dắc... (38 và tiếp)... Những lính Cô-dắc đã treo cổ các thầy tu Hồi giáo (41) v.v.!!  
Thư của một người Pháp cũng về việc này (“*Siècle*”, 11. I. 1910) — tr. 39.  
Cảnh sát *Thụy-điển* được gọi đến để giữ trật tự... (42).
- 1914 — Người Nga chuyển nông dân Nga đến định cư ở A-đéc-bai-gian...  
Ở Ba-tư, chẳng có cả “giới công chức hiện đại” lẫn “tiền nông” (49). Việc thu thuế thì đem cho *bao thầu*.  
Trích *Moóc-gan Su-xtơ*. “Sự bóp nghẹt Ba-tư”. NB
1912. ((Trong phiên họp của Hội đồng bộ trưởng, Moóc-gan tố cáo một bộ trưởng tham ô 83 000 tô-man = 332 000 mác. Trả lời: tôi không biết chuyện đó, đấy là viên thư ký riêng của tôi đã tham ô!))
- Các viên chức thuế quan người *Bỉ* cũng làm như thế (*Nô-xơ* tậu một lâu đài bằng tiền “kiếm được” ở Ba-tư (53)).  
Ba-tư = 1 645 000 km<sup>2</sup>.  
Dân số — 4 triệu (“có lẽ thế”) (10 triệu là một con số phóng đại, tr. 60).

	1900/1	1912/3
Thương mại của Ba-tư: xuất	60,2 tr. mác	165,8
nhập	119,4	215,7
	$\Sigma = 179,6$	381,5
trong đó		
{ Nga		62,7%
{ Anh		20,9%
		<u>83,6%</u>
Ba-tư nhập của Đức	0,9 (tr. mác)	4,6
Nga	45,5 ----	131,6
Đế quốc Anh	50,1 ----	60,0
Pháp	9,5 ----	4,4
Thổ-nhĩ-kỳ	5 ----	9,5
Ba-tư xuất sang Đức	0,07 ----	7,8
Nga	35,3 ----	120,0
Đế quốc Anh	10,2 ----	20,3
Pháp	2,6 ----	1,9
Thổ-nhĩ-kỳ	7,2 ----	15,3

Nga coi Ba-tư là lãnh thổ “của mình” và không cho phép tự do quá cảnh qua Ba-tư (67)...

Cách lẩn tránh chuyện đó: gửi *bưu kiện*:

	tổng số	trong đó Đức
(tr. 68 – 9)	1904 ---- 10	1
	1913 ---- 384 368	193 816 !!

NB!! Nga đã thử cấm chuyên chở các bưu kiện từ ngày 1. II. 1914, nhưng *tất cả* các cường quốc đều phản đối chuyện đó (cả Anh và Pháp) và Nga đành nhượng bộ (tr. 70 - 71).

Năm 1902, Nga ký hiệp định thương mại với Ba-tư, bảo đảm được một thị trường tiêu thụ đường, dầu hoả v.v. “của mình” (71)...

Moóc-gan Su-xtơ nói rằng biểu giá ấy là vô cùng tai hại cho Ba-tư và có lợi cho Nga (73) — (tr. 270 trong cuốn sách của Su-xtơ)...

Như vậy, Nga đã bảo đảm cho mình *độc quyền* (74) ở Bắc Ba-tư, buộc người Ba-tư phải mua những hàng kém phẩm chất bằng một giá đắt gấp ba!!

Cuộc đấu tranh giành ảnh hưởng ở Ba-tư: trường học (của Nga, Pháp, Đức), bệnh viện (của Nga, Anh, Đức) etc. *Các hiệu thuốc* của Đức, công ty buôn bán than (89).

Sự xâm chiếm của Nga ở Trung Á từ 1861 đến hết 1891 (số liệu năm 1911)

		km <sup>2</sup>	dân số
(1869 - 1873)	Vùng Da-ca-xpiên —	598 090	451 000
	Bu-kha-ra —	203 430	1 500 000
	(1873) Khi-va —	67 430	800 000
	Xư-rơ - Đa-ri-a —	489 240	1 874 000
{ năm 1884 }	(1875 - 6) Phe-rơ-ga-na —	142 790	2 069 000
{ Méc-vơ }	Xa-ma-rơ-can-đơ —	87 560	1 184 000
		<u>1 588 540</u>	<u>7 878 000</u>

5. V. 1903 diễn văn của huân tước *Lê-minh-tơn* ở Thượng nghị viện (tr. 100 và các trang tiếp) (chống lại nước Nga: chúng tôi rất cần *vịnh Ba-tư* — nó là bức tường bảo vệ biên giới Ấn-độ...)

idem diễn văn của huân tước *En-lê-n-bô-rô*:

... “Tôi thích thấy Nga ở Côn-xtan-ti-nô-pôn hơn là thấy một kho vũ khí châu Âu trên bờ vịnh Ba-tư” (111). NB Hiệp ước Nga - Anh 31. VIII.

1907 (văn bản: tr. 114 và các trang tiếp) (“hiệp ước Nga - Anh về việc phân chia”)...

Khu vực của Nga — 790 000 km<sup>2</sup>

“ “ “ Anh — 355 000 “ (tr. 119)...

Thông điệp của các đại sứ *Anh* và Nga gửi Ba-tư (ngày 18. II. 1912) — tr. 124 và các trang tiếp — — cho biết mỗi nước sẽ cho vay 100 000 li-vơ xtéc-linh với lãi suất 7% !!! v.v. ... Dĩ nhiên, các bộ trưởng, tay sai của Nga, đều *đồng ý!!* 7%

Hiệp ước Pốt-xdam ngày 19. VIII. 1911 — (văn bản: 130 và các trang tiếp). Đức công nhận khu vực của Nga ở Ba-tư, Nga đồng ý không ngăn cản về tuyến đường sắt Bát-đa.

Diễn văn của thủ tướng ở Quốc hội Đức (10. XII. 1910) cũng về chuyện đó...

( Nga đã chia với Anh, sau  
đó lại cùng Đức bảo trợ lẫn  
nhau!! ) bảo trợ lẫn nhau!!

Đức thì cần đường để vào Ba-tư và vào Ấn-độ, — chỉ để buôn bán thôi, tất nhiên là chỉ thế thôi!! — con đường Bát-đa tận cùng ở vịnh Ba-tư, điều đó không tiện chút nào, Anh có thể đóng cửa vịnh ấy. Phải làm sao cho con đường này tận cùng ở Ben-đơ - Áp-bát (!!)

Trên thực tế, *Ô-man* nằm trong tay Anh (tr. 144).

*Tép-rít* (220 000 dân). Thương mại (1906/7)

xuất khẩu — 23,4 tr. mác		
nhập khẩu — 30,9 “ “		
trong đó	Nga	34,0%
	Anh	31
	Áo	10
	Thổ-nhĩ-kỳ	4,2
	Pháp	3
	Ý	5,6
	Đức	4,5

$\Sigma = 92,3$  (tr. 150)

(Theo ông ta, điều này không phù hợp với lực lượng thương mại của Đức.)

*Mùa hè* 1914: hiệp ước về việc phân chia các tuyến đường ở Tiểu Á.

(tr. 151)!! | Pháp được 4522 km đường ở Thổ-nhĩ-kỳ  
Đức — — 4900 km

*Áp-ga-ni-xtan* — vùng toàn núi

624 000 km<sup>2</sup>. 4 450 000 dân. Hoàn toàn *độc lập trên danh nghĩa*. Trên thực tế, toàn bộ chính sách *đối ngoại* nằm trong tay Anh; quốc vương do Anh *trả lương*. Theo hiệp ước của Nga với Anh (31. VIII. 1907), Anh thừa nhận quyền tự do buôn bán ở *Áp-ga-ni-xtan* và Nga thừa nhận rằng *Áp-ga-ni-xtan “nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của Nga”*.

Người Anh thậm chí không cho người nước ngoài đặt chân!! vào *Áp-ga-ni-xtan* (!! tr. 154).

Đứng về mặt quân sự mà nói, người *Áp-ga-ni-xtan* “tuyệt nhiên không phải là những đối thủ mà người ta có thể coi thường được” (157).

Anh đối xử với họ vô cùng thận trọng:

“Người ta thấy đó là sự khôn ngoan của chính sách “quả đấm bọc nhung” của Anh, vì thật ra, người Anh không thể nào đối xử với ai một cách chu đáo hơn, thận trọng hơn cái cách họ đã đối xử với ông ta” (quốc vương của *Áp-ga-ni-xtan*) (158).

NB

*Tuốc-kê-xtan* (= Trung Á). Các vùng U-ran, Tuốc-gai, Ác-mô-lin-xcơ, Xê-mi-pa-la-tin-xcơ, Phe-rơ-ga-na, Xa-ma-rơ-can-đơ, Xê-mi-rê-tsen-xcơ, Xư-rơ - Đa-ri-a, Da-ca-xpiên (tr. 161)

— 3 488 530 km<sup>2</sup> và 10 957 400

+ Khi-va và Bu-kha-ra

$\Sigma\Sigma = 3\,760\,000$  km<sup>2</sup>. 13<sup>1</sup>/<sub>4</sub> triệu dân.

Hầu như toàn dân theo đạo Hồi.

“Sứ quán đặc biệt của các nước đó, nhất là của vùng Kiếc-ghi-di, hiện nay đang đến triều đình của bốn nước đồng minh và các nước trung lập để khiêu nại về ách áp bức của Nga và *đòi* được giải phóng khỏi ách áp bức của Nga và *khôi phục lại các quốc gia cũ của mình*” (162).

NB

Về *Tuốc-kê-xtan*, ông ta nói, hãy xem “báo cáo” (của Cri-vô-sê-in chẳng?) đã dịch sang tiếng Đức và

NB || “*Tước-kê-xtan thuộc Nga*”, báo cáo của lãnh sự Bỉ (“Văn tập lãnh sự của Bỉ”, Bruy-xen, tập 160, 1912).

Hiệp ước của Nga với Anh về *Tây-tạng* (cũng thời gian ấy, 1907) — cả hai bên đều công nhận chủ quyền của Trung-quốc (văn bản, tr. 169), sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ của Tây-tạng etc. etc. (họ chuyển cuộc đấu tranh giành Tây-tạng sang cho “triều đình” ở Bắc-kinh)...

“Vấn đề đường sắt Bát-đa... trở thành vấn đề Ba-tư” (173)...

!! || *Bê-lút-gi-xtan* là một nước độc lập về hình thức. Ở đây, Anh có tuyến đường sắt và 200 i-ác dọc theo cả hai phía của “lãnh thổ Anh” (“thuê”!). Cả nước “giữ mối quan hệ hữu nghị và liên minh bền chặt nhất với Anh” và “dĩ nhiên là” (nước này) “đã trao toàn bộ chính sách đối ngoại vào tay họ (Anh), nhưng về các mặt khác thì vẫn là nhà nước bản xứ độc lập như Á-p-ga-ni-xtan hoặc Nê-pan vậy” (174 - 5).

Kết luận của tác giả:

ha ha !!! || “Ngược lại với điều đó” (khác với hai nước độc ác là Anh và Nga) “nguyện vọng duy nhất của Đức là không muốn biến thành một lực lượng thứ ba đứng giữa hai anh em — Nga và Anh, — để trong những hoàn cảnh nào đó, không bị tấn công ở đáy từ cả hai phía; nhưng cũng giống như trong mọi hoàn cảnh tương tự như vậy (Thổ-nhĩ-kỳ, Ma-rốc), mục đích của Đức chỉ là ở chỗ muốn nước Ba-tư là nước độc lập và hùng mạnh, để tất cả đều có quyền như nhau, — và trong trường hợp tốt nhất thì ưu tiên cho Đức một chút” (176)...

Đức nhập vào Thổ-nhĩ-kỳ	Thổ-nhĩ-kỳ xuất khẩu sang Đức
1882 — 5. <sub>9</sub>	1. <sub>2</sub> triệu mác
1887 — 12	3. <sub>2</sub>
!! 1891 — 37	13. <sub>8</sub>
1900 — 34. <sub>4</sub>	30. <sub>5</sub>
1912 — 98. <sub>4</sub>	74. <sub>0</sub> (tr. 179)

17. VII. 1914: Hạ nghị viện Anh thông qua (với 254 phiếu > 18) đề nghị của chính phủ về việc mua hết cổ phiếu của “Công ty dầu hoả Anh - Ba-tư” (những nguồn dầu lửa phong phú trên sông Ca-run). Tác giả so sánh việc này với việc mua cổ phiếu Suy-ê.

tr. 158 - 9: Di chúc của quốc vương cũ của Á-p-ga-ni-xtan (Áp-đua Ra-man): phải cố gắng lập liên minh || NB thế giới Hồi giáo chống lại nước Nga...

**NHỮNG ĐOẠN GHI CHÉP LẶT VẶT  
1912 - 1916**

*Ghi chép trong những năm 1912-  
1916 bằng tiếng Nga, Đức, Anh,  
Pháp và bằng nhiều thứ tiếng  
khác*

*In lần đầu trong những năm  
1936 - 1937 trong các Văn tập  
Lê-nin, t. XXIX, XXX*

*Theo đúng các bản thảo  
Những ghi chép bằng tiếng nước  
ngoài được dịch ra tiếng Việt.*

ĐỀ CƯƠNG BÀI BÁO VỀ CÁC XANH-ĐI-CA<sup>108</sup>

1. Giá cả tăng. Cướp đoạt. “Đình công”. Gô-lu-bi-át-ni-cốp...

Mác-cốp thứ 2 và phái tự do

2. Các xanh-đi-ca (“hiện tượng thế giới”) ở châu Âu (Mỹ) và Nga
- (a) sự phát triển sản xuất
  - (b) thị trường trong nước. Sự bần cùng của phéc-mi-ê và nông dân.
  - (c) tình hình công nhân. Tình trạng không có quyền
  - (d) tự do chính trị.
3. Các xanh-đi-ca và “**giới quan liêu**”.
4. Các xanh-đi-ca xăng dầu và đường *versus* các địa chủ... (xanh-đi-ca của các địa chủ phong kiến).
5. Các xanh-đi-ca và *U-ran*...
6. Chủ nghĩa tự do của viên chức (hoặc là quan điểm tự do chủ nghĩa - viên chức) (“chủ nghĩa xã hội tàn sát dị tộc”) *versus* đấu tranh giai cấp. Sự trì trệ quan trường và *cuộc sống*.
7. Bọn ăn cắp và sự liên đới bảo chúng của bọn ăn cắp.  
*7 bis*. Chủ nghĩa tư bản và các xanh-đi-ca.
8. Những phương tiện: (1) mở cửa biên giới  
(2) dành 20 triệu cho nhà ở của công nhân ở những khu công nghiệp than và dầu lửa.

(3) sản xuất của nhà nước và chế độ kiểm soát dân chủ

(5) (4) những công đoàn và tự do chính trị

(4) (5) điều tra và ủy ban công khai và sự vạch mặt hoàn toàn.

#### SẢN XUẤT VÀ GIÁ DẦU HÓA Ở MỸ

“Statistical Abstract of the United States”, tr. 211 và 223 “Niên giám của tờ “Ngôn luận””, tr. 681

1900

75 752 691 đô-la: 63 620 529 = 1.<sub>19</sub> đô-la

2 r. 38 c.: 8 = 29 (30) cô-pếch một phút  
517 triệu phút “Niên giám của tờ “Ngôn luận””,  
tr. 681 5 170 : 636 = 8.<sub>1</sub> phút *một thùng*

{Chắc là *một thùng* đựng được hơn 8 phút dầu}

1907

1407 : 166 = 8.<sub>5</sub> phút một thùng

1908

1512.<sub>0</sub> triệu phút : 178.<sub>5</sub> = 8.<sub>5</sub> phút *một thùng*

1909

1455 triệu phút : 183 = (8) 7.<sub>9</sub> phút một thùng

1910

127 896 328 đô-la: 209 556 048 thùng = 0.<sub>61</sub> đô-la (dầu thô)

61 xu một thùng 1 (= 42 ga-lông)

1 ga-lông =  $\frac{61}{42} = 1.<sub>4</sub>$  xu

1714 triệu phút “Niên giám của tờ “Ngôn luận””,  
tr. 681

1714 : 209 = 8.<sub>1</sub> phút *một thùng*

61 xu (gần 1 rúp 22 cô-pếch một thùng)

122 : 8 = 15 cô-pếch một phút

#### BÊ-BEN VIẾT VỀ CHIẾN TRANH GIỮA ĐỨC VỚI NGA<sup>109</sup>

**Bê-ben** hồi năm 1886 đã tán thành chiến tranh với Nga.

“Die Neue Zeit”, 1886 (tháng Mười một 1886) (xuất bản năm thứ 4 (số 11)), tr. 502 - 515, có đăng một bài của Bê-ben: “Đức, Nga và vấn đề phương Đông”.

Bài báo tuyên truyền cho một *cuộc chiến tranh* “phòng ngừa” (có thể nói như vậy) của Đức chống lại Nga và Pháp.

Năm 1878, — tác giả viết, — “lẽ ra ta đã phải đi xa hơn nữa” (tr. 513, cột 1), nghĩa là không những phải hạn chế bớt các yêu sách của Nga, mà còn phải lôi được các nước vùng Ban-căng mới được thành lập ra khỏi sự thống trị của Nga và lập nên một “liên minh giữa các nước Ban-căng” (sic).

“Nếu Nga không chịu thoả mãn những yêu cầu ấy, thì phải đáp lại bằng một cuộc chiến tranh có thể làm tê liệt lực lượng của Nga trong hàng chục năm” (513, cột 2)...

Năm 1886 (hoặc là 1885), sau khi công tước A-lếch-xan-đrơ trở về Bun-ga-ri (chắc là sau cách mạng Bun-ga-ri ngày 18. IX. 1885), khi cả những người Xéc-bi-a và người Ru-ma-ni đều sợ Nga mạnh lên thì lẽ ra cần phải liên kết các nước Ban-căng lại trong “một liên minh các nước độc lập gắn bó với Đức và Áo-Hung” ở vùng Ban-căng.

“Nếu lúc đó Nga dám tuyên chiến, thì Đức sẽ chống cự lại một cách đồng tâm nhất trí hơn bao giờ hết, và liên

tác giả nói rằng cả nước, tất cả các giai cấp ở Đức đều không hài lòng với chính sách đối ngoại của Đức: 511, cột 2.

minh với Áo, với các nước vùng Ban-căng, và có thể với cả Thổ-nhĩ-kỳ nữa, Đức có thể tiến hành chiến tranh chống Nga và Pháp với triển vọng thành công tốt hơn cả, — một cuộc chiến tranh mà sau này dù sao Đức cũng vẫn phải tiến hành, nhưng rất có thể — và thậm chí chắc chắn — là phải tiến hành trong *những điều kiện bất lợi hơn rất nhiều* (513, cột 2).

"NOI TXAI-TƠ", 1912/1913

*Cuộc-tơ Vi-đen-phen*. "Xanh-đi-ca than Ranh - Ve-xtơ-pha-li".  
Bon, 1912.

(Bảo tàng thương nghiệp và công nghiệp Cô-lô-nhơ.  
"Các cơ quan kinh tế hiện đại". Quyển 1.) Bài phê  
bình (Xp.) trong tờ "Die Neue Zeit", 1913, tập 2,  
tr. 946.

**Ibidem**, những cuộc tranh luận (hàng loạt bài báo) về bãi  
công có tính chất quần chúng và Rô-da Lúc-xăm-bua.  
"Bản chính thức".

*idem* về dự luật về vấn đề vũ trang.

"Die Neue Zeit", 1912, 1.

Cuộc tranh luận giữa *Cau-xky* với Hin-phéc-đinh về tiền tệ  
(*ibidem* Vác-ga và Hin-phéc-đinh).

Cau-xky "Những cuộc đấu tranh của quần chúng"...

Bài báo của *Hu-ê* "Ma-rốc và nhu cầu của Đức về quặng" đã  
chứng minh rằng Đức tuyệt nhiên không cần mỏ quặng ("tuyệt  
nhiên không hề thiếu quặng"), rằng Đức giàu quặng hơn tất cả  
các nước khác, rằng "bạc triệu chi phí vào cuộc khởi nghĩa của  
người Ghê-rê-rô" lẽ ra phải đem sử dụng để cải tiến công  
nghiệp khai mỏ etc.

*Hin-phéc-đinh*. "Bản về lý luận liên hợp": về sai lầm của  
Mác trong cuốn "Những học thuyết" và những nhận xét về  
*sự liên hợp*.

E. CÔ-RA-ĐI-NI. "CHỦ NGHĨA DÂN TỘC Ý"

*En-ri-cô Cô-ra-đi-ni*. "Chủ nghĩa dân tộc Ý". Mi-lăng,  
1914.

Viết *trước chiến tranh*. Trong bài báo "Chủ  
nghĩa dân tộc và chủ nghĩa xã hội" (14 tháng Giêng  
1914), có những công thức đáng chú ý của một tên  
đế quốc thuộc một dân tộc nhỏ. Pháp và Anh = các  
ngân hàng với số tư bản là 300 và 400 *tỷ* (tr. 162).  
Các nước tài phiệt (Pháp, Anh, Đức) "có tinh thần  
hoà bình chủ nghĩa" (sic!) (ha ha!) "chủ yếu là vì họ  
là tài phiệt" (188), trong khi đó các dân tộc vô sản  
(Ý, khi đấu tranh với Thổ-nhĩ-kỳ, đã đấu tranh  
chống lại cả các nước tài phiệt (sic!! ha ha!). Chủ  
nghĩa đế quốc — ông ta viết — là một hiện tượng có  
tính thời đại, nhưng nó chia các dân tộc ra làm hai  
loại: tài phiệt và vô sản; "đó (chủ nghĩa dân tộc) là  
chủ nghĩa xã hội của dân tộc Ý trên thế giới" (156).

Đó là toàn bộ thực chất của cuốn sách tội tệ này: các dân  
tộc khác cướp đoạt rất nhiều. "Chủ nghĩa xã hội" chính là ở chỗ  
làm sao cho dân tộc nghèo nàn và nhỏ bé của chúng ta đuổi kịp  
hoặc vượt được các dân tộc đang đi cướp đoạt rất nhiều, và sao  
cho dân tộc ta cũng cướp đoạt được nhiều hơn!!

NÍT-TI. "TƯ BẢN NƯỚC NGOÀI Ở Ý"

Trong "Revue d'économie politique" (1915, số 4, tháng  
Bảy — tháng Tám) có bài phê bình cuốn sách của



Phran-tse-xcô *Nít-ti*: “Tư bản nước ngoài ở Ý” (156 trang). Tất cả chỉ có 500 triệu (?), trong đó

của Bỉ ..... 182 triệu  
 của Pháp ..... 148  
 của Anh ..... 110  
 của Thụy-sĩ ..... 46  
 của Đức ..... 28

đáng ngờ, có ít quá không? Đối chiếu với *Pây-sơ* và *Ham-xơ*<sup>110</sup>

$\Sigma = 504$  (do tôi cộng lại)

R. LÍP-MAN.

"CHIẾN TRANH CÓ ĐƯA CHÚNG TA ĐẾN GÂN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG?"

Giáo sư tiến sĩ *Rô-bóc Líp-man*: “*Chiến tranh có đưa chúng ta đến gần chủ nghĩa xã hội không?*”

(Số 56 “Chiến tranh Đức”, do E. Giéc-khơ xuất bản. Stút-ga - Béc-lanh, 1915).

Tác giả chống lại quan điểm (của *Giáp-phê* và những người khác) cho rằng chiến tranh sẽ đưa chúng ta tới gần chủ nghĩa xã hội. Thuế má, độc quyền, phiếu lương thực — tất cả những cái đó chẳng có gì giống với chủ nghĩa xã hội cả (tác giả viết: chủ nghĩa cộng sản = điều tiết *sự tiêu dùng*, chủ nghĩa xã hội = xoá bỏ quyền tư hữu).

Những luận cứ tầm thường nhất chống lại chủ nghĩa xã hội nói chung. Tất nhiên tác giả là một người ủng hộ “cải cách”, ủng hộ “việc làm dịu những mâu thuẫn giai cấp” v.v..

Nói chung, chủ nghĩa xã hội đối với tác giả là một “mơ ước” (39), “ảo tưởng” (37), một “chủ nghĩa quốc tế rất tai hại” (dân chủ - xã hội) — (37)...

Tác giả nói rằng người ta trách móc những người dân chủ - xã hội Đức về thái độ của họ đối với chiến tranh, trong khi đó “chẳng thấy có một lời một tiếng nào” (37) (sic!) “trách móc” những người xã hội chủ nghĩa Pháp và Anh cả.

“Tư cách của những người dân chủ - xã hội Đức... đáng được kính trọng” (37)...

... “Việc thủ tiêu chế độ kinh tế hiện nay là không thể thực hiện được trên phạm vi toàn thế giới, còn trong phạm vi một dân tộc thì sẽ gây tác hại” (39)... “công nhân các nước khác lưu ý nhiều hơn đến thực tế nên đều không nghĩ đến việc thử làm điều đó trong thực tiễn” (như trên) (theo ông ta thì nhất là công nhân *Anh*, tr. 38)...

... Hãy để cho Pháp “thử nghiệm” chủ nghĩa xã hội (39 – 40)...

“Rất khó nói rằng những người thuộc *Đảng dân chủ - xã hội* Đức là thật sự còn (!) trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa đến mức nào và phải chăng đảng này chỉ đơn thuần là *đảng cải cách xã hội* trên *một cơ sở dân chủ*”... (40)... Những ý kiến của tôi “chỉ chủ trương cải mà xu hướng xét lại ở ngay chính trong lòng chủ nghĩa xã hội đang chủ trương” (40)...

“Để làm công tác chính trị chung sau chiến tranh thì điều hoàn toàn đáng mong muốn là làm sao cho đảng dân chủ - xã hội tuyên bố **từ bỏ** một cách dứt khoát lý tưởng ấy hoặc ít ra cũng tuyên bố rằng nó tạm thời không ủng hộ những biện pháp dùng để thực hiện lý tưởng đó; nói một cách khác, nếu *phong trào xét lại* trong nội bộ phái dân chủ - xã hội Đức, một phong trào có mục đích là thực hiện điều đó, được mọi người công nhận thì chính vì thế, sẽ chẳng còn một điều gì mơ hồ về lập trường của đảng dân chủ - xã hội sau chiến tranh nữa” (41)...

ông ta khen những người dân chủ - xã hội!

công nhân các nước khác không nghĩ đến chủ nghĩa xã hội

những người dân chủ - xã hội *hay là* “những người cải lương chủ nghĩa” *tôi tán thành* chủ nghĩa xét lại!!

!!

!

"NIÊN GIÁM CÔN-RÁT" 1915.

QUYỂN 2.

THÁNG TÁM

"*Conrad's Jahrbücher*" 1915. Quyển 2. Tháng Tám (tr. 214 - 6).

Bài nhận xét của Đi-ơ về luật pháp của *Dan-mạch* ngày 10. V. 1915. Thuế đánh vào lợi nhuận do chiến tranh đem lại. Đánh thuế tất cả các thứ *thu nhập ngoại ngạch* (sau năm 1912 - 15) là 10% vào số dư.

(không chỉ lợi nhuận do chiến tranh đem lại mà bất kỳ một thu nhập ngoại ngạch nào).

(người bị đánh thuế có thể được miễn, nếu chứng minh được rằng *không* có một phần thu nhập ngoại ngạch nào kiếm được nhờ chiến tranh cả).

NB [Về vấn đề *cải cách* dưới chế độ đế quốc chủ nghĩa nói chung.]

"NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA HỘI ĐẤU TRANH  
CHO MỘT CHÍNH SÁCH XÃ HỘI"

"**Schriften des Vereins für Sozialpolitik**". *Tập 145*. III. (Xem mặt sau)<sup>1)</sup>

*Tiến sĩ Các-lơ phôn Tư-sca*: "Tiền công và giá sinh hoạt ở Tây Âu vào thế kỷ thứ 19" (Lai-pxích, 1914).

Một bảng trình bày rất chi tiết những số liệu của *Pháp* và *Anh*, tóm tắt những số liệu của *Tây-ban-nha*, *Bỉ* và *Đức*. *Kết quả là có lợi* cho **Anh**. Bảng tổng kết (do tôi lược gọn):

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 915.

Chỉ số: 1900 = 100. *Sự biến động* so sánh của *tiền công thực tế*.

Năm:	Anh	Phổ	Nam Đức	Pháp	Tây-ban-nha	Bỉ
1870	53. <sub>8</sub>	57. <sub>8</sub>	(1875: 93. <sub>0</sub> )	69. <sub>0</sub>		51. <sub>0</sub>
1885	68. <sub>2</sub>	56. <sub>1</sub>	90. <sub>9</sub>	74. <sub>5</sub>	(1890: 89. <sub>5</sub> )	78. <sub>6</sub>
1900	100	100. <sub>0</sub>	100. <sub>0</sub>	100. <sub>0</sub>	100. <sub>0</sub>	100. <sub>0</sub>
1910	92. <sub>2</sub>	82. <sub>9</sub>	99. <sub>5</sub>	106. <sub>0</sub>	102. <sub>0</sub>	86. <sub>5</sub>
						vào năm 1905

Theo tác giả, nhờ tự do buôn bán, Anh ít bị lao đao hơn cả vì tình trạng giá cả tăng lên (tr. 289 và những đoạn khác).

Anh trở thành "nước công nghiệp" sớm hơn các nước khác (tr. 101), giá cả ở Anh thích hợp hơn và đã hoàn toàn chuyển hẳn sang cơ sở ấy.

(94 — sự tăng lên của tiền công sẽ là *ít hơn*, nếu lấy số bình quân "có cân nhắc", nghĩa là nếu chú ý rằng các nghề được trả lương thấp hơn đã tăng lên *nhiều hơn*. Đây là nói về 26 phân xưởng trong ngành công nghiệp chế tạo máy của Đức.)

NB: Nhưng điều này có liên quan tới tất cả các ngành công nghiệp khác nữa.

NB. Tập 145: "Các chi phí về tư liệu sinh hoạt ở những thành phố lớn". (I - IV).

NB|| Một công trình *rất tỉ mỉ* (trong 145, IV. 1915) về Ham-buốc, (1890 —), *giá cả và ngân sách, tiêu dùng, nhà ở* etc. so sánh với Luân-đôn.

"**Schriften des Vereins für Sozialpolitik**".

Tập 140. II. "Việc cung cấp sữa cho các thành phố" (1914).

Những số liệu *rời rạc* về *một số* cơ sở kinh doanh sữa (số lượng bò sữa; sản lượng etc.).

Sự phát triển của việc “bán lẻ” sữa và bán sữa cho công chúng; bia bị lấn át (ít ỏi và hiếm).

Những con số chi tiết về giá cả.

Tập 140. V. “Việc cung cấp sữa cho công chúng ở Đức” (1914).

*Han-xơ Hét-xơ: “Điện tử trong ngành vật lý”.* ||  
“Himmel und Erde”, 1915, tháng Ba (số 3). (Xuất bản năm thứ 27, quyển 3)

một ý đồ rất hay nhằm tổng kết những thành tựu của lý thuyết điện tử

### "CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - ĐẾ QUỐC VÀ CHỦ NGHĨA CẤP TIẾN CÁNH TẢ"

“*Bremer Bürger-Zeitung*” 1915, số 291 (13, XII.)

Bài xã luận: “**Chủ nghĩa xã hội - đế quốc và chủ nghĩa cấp tiến cánh tả**”... “Nó [tức là chủ nghĩa cấp tiến cánh tả] là một xu hướng trong chủ nghĩa cấp tiến Đức, đã kết tinh lại trong phong trào đòi quyền bầu cử ở Phổ và trong các cuộc tranh luận về vấn đề giải trừ quân bị năm 1910 – 1913”...

NB || ... “Ông ta (Cau-xky) có ý định mô tả chủ nghĩa đế quốc là một hình thức bành trướng của chủ nghĩa tư bản, một hình thức có thể được thay thế bằng một hình thức khác, êm dịu hơn”...

Theo ông ta thì “Rô-da Lú-c-xăm-bua, Pan-nê-cúc, Ra-đếch, Tan-hai-mơ, Txét-kin và những người khác” đều thuộc vào cánh tả đó...

... “Những người cấp tiến cánh tả tiến hành đấu tranh gay gắt chống lại những tàn dư tư tưởng của chính sách đối ngoại Man-tse-xơ chủ nghĩa của Anh” (trong sách của Lê-đê-bua và của C. Cau-xky, cũng như của *Éch-stanh*)...

Những người cấp tiến cánh tả và những người xã hội - đế quốc đều nhất trí cho rằng “thế giới đã bước vào thời đại đế quốc chủ nghĩa”...

... “Trong khi mà đối với những người cấp tiến cánh tả, thì trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, thậm chí cả bản thân *đội dân cánh* cũng không còn là phương tiện để trừ bỏ xu hướng bành trướng nữa; trong khi mà họ tán thành đội dân cánh chỉ vì hy vọng rằng những xu thế chống đế quốc của quần chúng nhân dân sẽ chín muồi ở trong đó thì những người xã hội - đế quốc lại lợi dụng từng cơ hội có lợi cho đội dân cánh — do cuộc chiến tranh đó mang lại, nhưng lại chỉ có thể được thực hiện trái với chính sách do chiến tranh bảo vệ, — làm cái môi để quân sự hoá đảng dân chủ - xã hội”.

### E. RÁP-PA. "TIẾN TỚI MỘT SỰ THOẢ THUẬN DÂN TỘC"

Tiến sĩ Vin-li-am E. Ráp-pa: “Tiến tới một sự thoả thuận dân tộc”. Xuy-rích, 1915 (“Schriften für schweizerische Art und Kunst”, 26). (Thư viện quốc gia).

“Trước 1870, tỷ lệ dân số giữa Đức và Pháp là 9 so với 8; bây giờ là 13 so với 8. Trong 40 năm gần đây, sản lượng than ở Pháp tăng gấp đôi, ở Đức tăng gấp 4, cho nên hiện nay sản lượng than ở Đức so với Pháp là 6 trên 1. Về sản lượng gang, 40 năm trước đây, cả 2 nước đều ở vào một mức độ tương đương nhau. Bây giờ Đức đã vượt Pháp gần 3 lần” (tr. 15).  
( $400x : 200y = 6 : 1$ ;  $400x = 1200y$ ;  $x = 3y$ )

8 : 8; 13 : 8

3 : 1; 6 : 1

1 : 1; 3 : 1

## BẢNG TỔNG HỢP TỐT

|| Bảng tổng hợp tốt về các con số so sánh ||

NB || *Tiến sĩ Êc-ne-xtơ Guyn-tơ: "Tài nguyên kinh tế của Đức*  
(*"Kriegshefte aus dem*

Năm	Dân số (triệu) (tính số tròn)					Người Đức + người Áo
	Đức	Áo - Hung	Pháp	Anh	Nga	
1810	30	30	30	20	45	267
1910	65	51.5	39.5	46	136.5	258

## Tình hình trồng trọt ở Đức (nghìn) héc-ta

	lúa mạch đen	lúa mì	kiểu mạch	đại mạch	tổng số ngũ cốc	khoai tây
1800	4 623	1 027	2 569	2 055	10 274	350
1901/10	6 080	1 849	4 271	1 666	13 866	3 291
	+ 23%	+ 80%	+ 67%	- 19%	+ 35%	+ 840%

## Thu hoạch bình quân trên 1 héc-ta trong 5 năm gần đây, xen-tơ-nơ kép

	lúa mì	lúa mạch đen	đại mạch	kiểu mạch	khoai tây
Nga	7.0	8.0	8.7	8.2	76.7
Mỹ	9.3	8.9	11.7	8.1	107.0
Hung	12.2	11.5	13.9	11.4	78.0
Áo	13.9	13.9	15.4	12.9	99.0
Pháp	14.0	11.3	14.3	13.1	98.9
Anh	20.7	—	17.9	16.7	153.3
Đức	21.4	18.2	20.8	19.7	136.0
Bỉ	25.9	22.3	28.0	23.3	187.3

## VỀ CÁC CON SỐ SO SÁNH

và của các địch thủ chủ yếu của Đức". Ê-xen, 1915  
Industriebezirk". Quyển 7). 80 pơ-phe-níc.

Trong 1000 người Âu có			Số người chết tính trong 1000 người:		
người Anh	người Pháp	người Nga	Thời kỳ:	Đức	Pháp
93	153	200	20 – 25 năm về trước	25	22
103	88	300	hiện nay	16	18

## Thu hoạch trên 1 héc-ta, xen-tơ-nơ kép

lúa mạch đen	lúa mì	kiểu mạch	đại mạch
8.62	10.28	5.64	8.00
16.3	19.6	18.30	19.00
+ 90%	+ 90%	+ 227%	+ 137%

## Thu hoạch trên 1 héc-ta (lúa mì), xen-tơ-nơ kép:

1881/90	1901/10		
5.45	6.77		
8.27	9.30	+ 1.32	+ 24%
(1876 - 85)	(1899 - 1901)	+ 1.03	+ 12%
12.0	13.9	+ 1.9	+ 16%
18.2	20.0	+ 1.8	+ 10%
14.8	19.6	+ 4.8	+ 32%

Số lượng công nhân (tính theo 1000) trong công nghiệp dệt			Xuất khẩu máy móc (triệu mác)		
	<i>Anh</i>	<i>Đức</i>		<i>Anh</i>	<i>Đức</i>
1895	1 018	945	1902	400	183
1907	1 015	1 057	1913	674	678

Tỷ lệ so sánh về sản lượng (than) trên thế giới			Sản lượng sắt (triệu tấn)		
	<i>Anh</i>	<i>Đức</i>	<i>Mỹ</i>	<i>Anh</i>	<i>Đức</i>
1860	60% (81 tr. tấn)	12,4% (16 <sup>1</sup> / <sub>2</sub> tr. tấn)	10,0%	7,8	2,6
1880	45	18	20	9,1	8,5
1900	30	20	32	10,5	19,5
1910	24	19	37		
1913	21	21	39		
(280 triệu tấn)					

Trọng tải của đoàn tàu biển của Đức, Pháp và Anh						
	1870	1880	1890	1900	1910	1912
Đức 1000 tấn	1 146	1 614	2 835	4 569	7 698	8 454
%	100	141	247	399	672	739
Anh 1000 tấn	7 917	12 027	18 062	23 687	32 412	33 849
%	100	152	228	299	409	427
Pháp 1000 tấn	1 528	1 767	2 444	2 622	3 082	3 139
%	100	116	160	172	202	206
Đoàn tàu Đức	100	100	100	100	100	100
“ “ Anh	691	745	637	518	421	400
“ “ Pháp	133	109	86	57	40	37

Số lượng công nhân (tính theo 1000) trong công nghiệp chế tạo máy và đóng tàu			Phần trong toàn bộ thương mại của thế giới %				
	<i>Anh</i>	<i>Đức</i>					
1881	217	206	Đức —	10,3	12,1	12,0	12,9
1901	400	700	Pháp —	12,5	10,0	9,4	9,2
			Anh —	20,8	19,5	16,9	16,6

Đường sắt (1000 km)		Phần trong toàn bộ thương mại của thế giới %				
<i>Anh</i>	<i>Đức</i>	1886	1900	1910	1912	
29	34	Đức —	10,3	12,1	12,0	12,9
38	63	Pháp —	12,5	10,0	9,4	9,2
		Anh —	20,8	19,5	16,9	16,6

Ngoại thương (nhập + xuất)									
	Đức		Anh		Pháp		Đức	Anh	Pháp
	thương	%	toàn bộ	%	thương	%			
	mại đặc		thương		mại				
	biệt triệu		mại		đặc				
	mác				biệt				
1880	5 712	100	14 232	100	6 896	100	100	249	121
1890	7 473	130	15 253	107	6 633	96	100	204	89
1900	10 377	181	17 900	126	10 776	155	100	172	69
1913	20 868	365	28 644	201	12 307	178	100	137	59

## A. B. HÁC-TƠ. "HỌC THUYẾT MÔN-RÔ"

A. B. Hác-tơ: "Học thuyết Môn-rô". Bô-xtơn, 1916.

Đây là một cuốn sử rõ ràng là không phải không đáng chú ý về chính sách đối ngoại của Mỹ.

Có thư mục sách tham khảo.

Tr. 373: "những kẻ chống đế quốc" đã thất bại, 1898.

303 - 4: bảng thống kê (rất bổ ích) về sự phát triển của nhà nước ở Mỹ từ 1823 đến 1915. (Sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc ở Mỹ, v.v..)

314: "Sự thay đổi lạ lùng nhất trong đời sống của các dân tộc là việc thành lập các tổ chức liên hợp lớn. Sự liên hợp được tiến hành không những giữa các ngân hàng, xí nghiệp và đường sắt, mà còn giữa những cường quốc lớn". Thế kỷ sau sẽ được thấy năm cường quốc lớn: Anh, Đức, Nga, Trung-quốc và Mỹ (!!)...

Sự phát triển của chế độ bảo hộ và "ảnh hưởng" (và của các lợi ích tài chính! 332). Hợp chúng quốc ở Trung Mỹ! — 332 —

NB: "Chính sách bảo hộ được xác định rõ ràng" (335).

359: *Rô-lăng Gi. A-sơ*. "Chủ nghĩa liên Mỹ. Tiên đoán một sự xung đột không thể tránh khỏi giữa Mỹ và kẻ chiến thắng ở châu Âu". Niu-Oóc, 1915 (tr. 419).

Tác giả đã nhiech móc nó, nhưng chính mình lại bảo vệ!! "học thuyết"... "chế độ bảo hộ" (369) để "bảo vệ tư bản Mỹ" (369)!!

ΣΣ (402) **ủng hộ** chủ nghĩa quân phiệt!! (NB) (đặc biệt là § 5) — đặc biệt chống (!!!) Đức và Nhật (403). NB

ÉP-G. PHI-LÍP-PÔ-VÍCH. "CÁC TỔ CHỨC ĐỘC QUYỀN"

Ép-g. ph. Phi-líp-pô-vích: "Các tổ chức độc quyền"...<sup>111</sup>

Ở Mỹ (1912) 180 chủ hãng và giám đốc các hãng (18 ngân hàng) nắm 746 ghế giám đốc ở 134 công ty với Σ tư bản là 25 325 triệu đô-la (= 101 300 triệu mác). "Có lẽ đó là 1/3 toàn bộ tài sản quốc dân của Mỹ" (tr. 159)

AÊG (An-ghe-mai-nơ ê-lếch-tơ-ri-txi-tét ghê-den-sáp-phto). Tư bản (1912) = 378 triệu mác. Hội đồng giám sát của nó gồm 32 uỷ viên nắm gần 500 ghế giám đốc ở các xí nghiệp khác nhau.

"BÁO GIỜ-NE-VÔ", 18 THÁNG TƯ 1916

"Journal de Genève", 18. IV. 1916.

Nguồn tin từ La-mã cho hay rằng Viện nông nghiệp quốc tế đã công bố những con số thống kê về sản lượng ngũ cốc trên thế giới:

Triệu tạ theo hệ mét	1915	1914	So với sản lượng bình quân trong 5 năm gần đây
	và 1915/6	và 14/15 %	
lúa mì .....	1 161	119	116,4
lúa mạch đen .....	462	106,6	103,5
kiều mạch .....	706	114	108,7
ngô .....	996	105,2	109,3
lúa gạo .....	638	167,2	113,7
đại mạch .....	323	105,9	99,2

TIÊU THỤ KA-LI Ở CÁC NƯỚC

Tờ "Arbeiter - Zeitung" ở Viên, 22. IV. 1916, tr. 6.

... Theo số liệu của xanh-đi-ca ka-li, ở Áo - Hung và Đức, lượng ka-li được tiêu thụ làm phân bón cho một km<sup>2</sup>

diện tích canh tác, trong những năm gần đây, tính theo ki-lô-gam là:

	1900	1910	1913
Áo .....	12. <sub>4</sub>	64. <sub>3</sub>	114. <sub>2</sub>
Hung .....	0. <sub>5</sub>	6. <sub>1</sub>	19. <sub>8</sub>
Đức .....	334. <sub>4</sub>	1 025. <sub>1</sub>	1 529. <sub>3</sub>

"TÀI LIỆU LƯU TRỮ KHOA HỌC XÃ HỘI  
VÀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI"

NB "Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik". 1916  
(4 tháng Tám 1916) (tập 42, quyển 1).

Bài: — ρ. "Phong trào công đoàn năm 1915"...

Mục "*Hệ tư tưởng của các công đoàn*"...

Hai xu hướng *không* bao hàm trong chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cấp tiến. "*Korrespondenzblatt*" tương ứng với "*Sozialistische Monatshefte*".

"Ngược lại, chỉ có một vài tạp chí công đoàn là biểu hiện rõ ràng các quan điểm khác, cấp tiến hơn. Trong đa số trường hợp, đó là các cơ quan ngôn luận của các công đoàn mà thành viên chủ yếu là công nhân không lành nghề hoặc là phụ nữ" (325)...

... "Vì các cơ quan ngôn luận của những công đoàn lớn cũ hiện nay đứng cả về phe đa số, trong khi đó thì các cơ quan ngôn luận còn lại xử sự dè dặt hơn nhiều. Như chúng ta có thể thấy, hoàn toàn không có những lời phát biểu rõ ràng là *tán thành* quan điểm và sách lược của phe thiểu số" (327)...

Về công đoàn công nhân kim khí, tác giả nhận xét rằng ban lãnh đạo tán thành phái đa số, rằng trong nghề này tiền công cao hơn (330), rằng ít có người bị gọi đi<sup>1)</sup> hơn, rằng đó là một công đoàn cũ và rất lớn "luôn luôn làm thành trì cho các quan điểm ôn hòa", rằng trong cuộc đại hội ngày 30. VI. 1915... người ta đã gián tiếp

<sup>1)</sup> Ý nói bị gọi nhập ngũ.

đưa ra một lời gằn như là khiển trách ban lãnh đạo: "Dù thế nào chăng nữa, việc thông qua đề nghị ấy đã chứng tỏ rằng quần chúng công đoàn có những quan điểm và tâm trạng khác với những người lãnh đạo" (332)...

Tác giả cho rằng trên chóp bu, đã hình thành một "tầng lớp tiểu tư sản" (335)...

"*Korrespondenzblatt*" (17. IV. 1915) tuyên bố rằng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc là một điều cũng phi lý như là phá hoại máy móc vậy.

*Nó cũng* chỉ trích *phe đa số* trong các tổ chức công đoàn ở Pháp và Anh (cũng giống như chính nó), điều này làm cho ngài tác giả tư sản nêu ra một nhận xét thâm độc:

"Như vậy, không thể nói rằng phái hữu ở Đức nói chung đã hoàn toàn không còn hiểu chính sách công nhân cấp tiến nữa" (338).

Tác giả thừa nhận rằng nói cho đúng ra, phe đa số không còn là những người xã hội chủ nghĩa nữa (tr. 340 và ở *các chỗ khác nữa*).

LÔI-TNO. "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC NHÂN DÂN Ở NGA"

"*Die Neue Rundschau*" ((tháng Năm, 1915))

C. Lôi-tno. "*Chủ nghĩa đế quốc nhân dân ở Nga*"

tr. 590: — về Plê-kha-nốp, tác giả nói rằng ông "đã chuyển sang phe chiến tranh".

... "Cũng vậy, chủ nghĩa cấp tiến cực đoan nhất ở Nga cũng sẽ sớm hiểu ra được sự tất yếu sống còn của việc tự do đi ra biển khơi"...

"Không những chỉ Nga hoàng... mà cả nhân dân Nga... cũng đứng tại biên giới của chúng ta với một ý chí cổ truyền là xâm chiếm và chinh phục".

"Tại biên giới của đế quốc, người Đại Nga không bảo vệ sự tồn tại, nền độc lập, sự bất khả xâm phạm của dân tộc mình, mà bảo vệ sự thống trị của nó đối với 40 triệu người không phải Đại Nga"...

TÓM TẮT "LUẬN CƯƠNG  
VỀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC  
VÀ SỰ ÁP BỨC DÂN TỘC" CỦA "BÁO CÔNG NHÂN"<sup>112</sup>

- I. (1) Định nghĩa chủ nghĩa đế quốc (về mặt kinh tế). Sự thay đổi *ranh giới*.  
"Quốc gia dân tộc". (Trước kia) không phải là hình thức *duy nhất*.  
(trong những điều kiện nhất định + quốc gia của nhiều dân tộc) các thuộc địa và tiền bồi thường chiến tranh xâm chiếm — tăng cường *sự áp bức dân tộc*.
- 
- (2) (mâu thuẫn với lợi ích của giai cấp công nhân)...  
(đặc biệt là của các dân tộc *bị áp bức*)  
(phục thù)
- 
- (3) chống lại *sự xâm lăng* và *ách áp bức dân tộc*  
(chiến đấu kiên cường (energisch bekämpfen))  
(chủ nghĩa xã hội không cần thuộc địa)  
chống lại hoà ước có những sự thôn tính
- 
- (4) cuộc đấu tranh chống lại sự duy trì bằng bạo lực nên thống trị là ở chỗ  
(1) từ chối không bảo vệ tổ quốc...  
(2) tố cáo (Denunzierung) ách áp bức dân tộc  
(3) đấu tranh chống việc dùng bạo lực tinh thần để đối phó với phong trào dân tộc
- (5) không thể cải tạo lại chủ nghĩa đế quốc cho phù hợp với những lợi ích của giai cấp công nhân được  
không thể làm cho chủ nghĩa đế quốc khỏi đi áp bức dân tộc chỉ có chủ nghĩa xã hội... cuộc đấu tranh phải mang tính chất cách mạng và dưới chế độ xã hội chủ nghĩa,

không phải là quyền tự quyết, mà là quyền *quyết định chung*  
tuyệt đối không trì hoãn, tuyệt đối không gây ảo tưởng.

- II. 1) Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa không thể có tự do của các dân tộc.  
2) quyền tự quyết đòi hỏi phải có tiền đề là một xã hội không có giai cấp  
đòi hỏi phải có tiền đề là sự biệt lập của dân tộc *không tưởng*  
3) Trong cương lĩnh, không nên có những điều không tưởng  
"nó khơi lên những hy vọng không thể thực hiện được về khả năng thích ứng của chủ nghĩa tư bản" "theo kiểu cải lương - *dân tộc chủ nghĩa*"  
cần...  
một chủ nghĩa xã hội rõ ràng, không bị cái gì che đậy cả.  
4) Không cần những cái mệnh danh là "quyền lợi" ấy...  
tàn dư của hệ tư tưởng dân chủ tiểu tư sản...

ĐỀ CƯƠNG BÀI BÁO BÀN VỀ CHỦ NGHĨA CAU-XKY

Về *chủ nghĩa Cau-xky*: { "Vorbote" số 1 }<sup>113</sup>  
{ "Người cộng sản" }

1. Định nghĩa chủ nghĩa đế quốc. (đ 9<sup>1)</sup>  
3 bis. 1912 về việc nó mất ý nghĩa. (o 15<sup>2)</sup>  
5. tính chất của chiến tranh ("Người cộng sản")  
2. chính sách thương mại (tự do buôn bán)  
("Người cộng sản")

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 309.

<sup>2)</sup> Như trên, tr. 720.



4. đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc (và “một bộ phận những nhà tư bản *tán thành*”).

8. thôn tính...

12. { Ran-nơ cùng bè lũ, Cu-nốp cùng bè lũ...  
Lên-sơ  
“Volkstribüne” }

7. hoà bình: “tất cả tán thành” (báo cáo chuyên đề)...

3. lý luận chủ nghĩa siêu đế quốc

9. Mô-ni-to và Cau-xky

10. Cau-xky 26. XI. 1915 *phản đối các cuộc biểu tình ngoài đường phố*

11. “Volksstimme” ở Hem-ni-txơ viết về **sự thống nhất** với Cau-xky và bè lũ (xem Eng-xtơ *Hai-Iman* trong “Die Glocke”)

6. phủ nhận mối liên hệ giữa sự khủng hoảng hiện nay với chủ nghĩa cơ hội (C. Cau-xky 28. V. 1915) (“Người cộng sản”)

Thái độ đối với chiến tranh *trước*:

Cách mạng xã hội	1902	1902
Con đường dẫn tới chính quyền	1909	1905
1905 (o 33 <sup>1)</sup> )		1908
1910 (o 15)		1910
1912		1912

Ruy-lê versus “Vorwärts”

{ Cách mạng có liên quan với chiến tranh. }

{ Giải trừ quân bị và *Liên bang*  
*châu Âu.* }

A. Kinh tế và quan hệ cơ bản giữa các giai cấp (1 - 4)

B. Chính trị (5 - 8)

C. “Phái đâm lầy” trong nội bộ đảng (9 - 12)

<sup>1)</sup> Xem tập này, tr. 756 - 757.

D. Những người thuộc phái Cau-xky ở Nga

{ Ác-xen-rốt  
Mác-tốp  
Tsơ-khê-ít-dê và Xcô-bê-lép }

Để dịch

1) Kê-mê-rơ

2) Gin-brết. “Việc nghiên cứu động tác”

3) Hốp-xơn. “Chủ nghĩa đế quốc”

#### MỘT ĐOẠN CỦA MỘT BÀI BÁO

Lời tuyên bố sau đây của Ph. Ăng-ghe-n về năm 1893 chứng tỏ ông không hề có thái độ coi thường các cuộc xâm lăng của Đức trong thời hiện đại, một thái độ rất phổ biến của một số người khổng luận xuyên tạc chủ nghĩa Mác, ở trong Đảng dân chủ - xã hội Đức hiện nay:

“Chúng ta không nên quên rằng 27 năm thống trị của Bixmác đã làm cho nước Đức trở nên đáng ghét đối với tất cả các nước khác — và thế cũng đáng đời. Cả việc xâm lấn người Đan-mạch ở Bắc Slê-xvích, cả việc không tuân thủ và rút cuộc là bãi bỏ một cách gian lận các điểm có quan hệ đến họ trong Hiệp ước Pra-ha, cả việc xâm chiếm An-da-xơ - Lo-ren, cả những biện pháp ghê tởm chống lại người Ba-lan sống ở nước Phổ, đều chẳng có gì là giống với việc kiến lập “sự thống nhất dân tộc” cả” (“Liệu châu Âu có thể giải trừ quân bị được không?”. Nuyn-béc, 1893, tr. 27)<sup>14</sup>. Theo Hiệp ước Pra-ha ngày 23 tháng Tám 1866, nước Áo bỏ vùng Slê-xvích - Hôn-stây-nơ cho Phổ, với điều kiện là dân cư các khu phía Bắc của Slê-xvích phải được nhường cho Đan-mạch, nếu trong cuộc trưng cầu dân ý họ tán thành thống nhất với Đan-mạch. Điều khoản đó đã bị xoá bỏ một cách gian lận theo Hiệp ước Viên giữa Đức với Áo ký ngày 11 tháng Mười 1878. 15 năm sau, năm 1893, Ăng-ghe-n vẫn không quên sự lừa bịp đó và đã lên án nó

bằng cách vạch rõ sự khác nhau giữa việc xây dựng sự thống nhất dân tộc của người Đức với hàng loạt những biện pháp áp bức bằng bạo lực và lừa bịp đối với các dân tộc phụ thuộc vào người Đức...<sup>1)</sup>

"SỰ ĂN UỐNG CỦA NHÂN DÂN.  
NGÀNH ĂN UỐNG CÔNG CỘNG"

"Sự ăn uống của nhân dân. Ngành ăn uống công cộng".  
Béc-lanh 1916.

(Các công trình nghiên cứu của Liên đoàn trung ương sản sóc phúc lợi của những người lao động. 28 tháng Mười 1915).

tr. 27 (trích "báo cáo" của giáo sư Rúp-nơ):

Tác giả đưa ra những con số sau đây về tình hình phân phối giữa các giai cấp khác nhau ở Anh:

	So với toàn bộ dân số %		Tiêu dùng thật %		do tôi tính ra: trong số 100% dân cư — — phần thật tính theo %%
công nhân nông nghiệp và công nhân không lành nghề	23	73	16.5	61.3	71.7
công nhân lành nghề	50		44.8		89.6
các tầng lớp trung gian lớp dưới	15	15	15.3	15.3	102.0
các tầng lớp trung gian	7		10.5		150.0
các tầng lớp trên	5	12	12.9	23.4	258.0
Tổng số	100	100	100.0	100.0	100.0

các giai cấp và tình hình phân phối thật ở Anh

<sup>1)</sup> Bản thảo ngừng lại ở đây.

"BÁO TIẾN LÊN Ở BA-LO"

"TƯ BẢN THỤY-SĨ Ở NƯỚC NGOÀI"

"Basler Vorwärts" 26 tháng Giêng 1917:

"Tư bản Thụy-sĩ ở nước ngoài".

Các báo cáo trong hội nghị chuyên đề về khoa kinh tế chính trị của trường Đại học tổng hợp Béc-nơ (dưới sự chỉ đạo của giáo sư Rây-khô-xbéc).

Báo cáo của An-phrết Phi-sơ:

"Việc Thụy-sĩ vay nợ có mối liên quan về mặt nguyên nhân với việc Thụy-sĩ đầu tư ở nước ngoài. Số nợ đó là || 1<sup>1</sup>/<sub>2</sub> 1<sup>1</sup>/<sub>2</sub> tỷ phrăng, trong đó vay của Pháp là 1 tỷ".

"Chỉ có thể xác định một cách tương đối khối lượng tư bản của Thụy-sĩ đầu tư ở nước ngoài. Khối lượng đó được ước tính xê dịch trong khoảng từ 2<sup>1</sup>/<sub>2</sub> đến 4<sup>1</sup>/<sub>2</sub> tỷ phrăng. Do đó có thể kết luận rằng Thụy-sĩ rõ ràng là một nước chủ nợ, vì số tư bản đầu tư của nó ở nước ngoài lớn khoảng gấp đôi số tiền Thụy-sĩ vay nợ của nước ngoài".

DANH MỤC CÁC SÁCH BÁO

I

I. Ph. Hốp-man. "Nước Anh vào buổi suy tàn". (Ấn phẩm của báo "La Patrie Egyptienne"). Giơ-ne-vơ, 1914. ((In dấu: Câu lạc bộ những người Ai-cập yêu nước. 1914. 3, phố Véc-xôn-nơ, 3. Giơ-ne-vơ.))

"Cuốn sách nhỏ này là do tờ báo "La Patrie Egyptienne" xuất bản, được phát không cho những ai muốn đọc. Liên lạc với ban quản trị, 3, phố Véc-xôn-nơ, 3. Giơ-ne-vơ".

*Mô-ha-mét Pha-h mi.* “Sự thật về vấn đề Ai-cập”.

(Giơ-ne-vơ, 1913.) (“Điều trần gửi Đại hội hoà bình lần thứ XIX, 1912”.)

*Tiến sĩ I. Gôn-đô-stanh.* “Công nhân và chủ xí nghiệp trong ngành công nghiệp xây dựng ở Đức”, Lai-pxích, 1913. (“Các công trình nghiên cứu kinh tế quốc dân *Xuy-rích*”, quyển 5.)

Giáo sư tiến sĩ *V. Huy-néc-va-đen.* “Những tiền đề lịch sử của chiến tranh châu Âu”. Vin-téc-tua, 1915 (cuốn sách nhỏ này có lẽ là một bản lược khảo tạm được, rất mỏng, ngắn).

## II

Hội “Bước tiến của đạo Hồi”.

*Nhà Phuy-xte-ri.* Giơ-ne-vơ.

Ấn phẩm của họ “*Bulletin de la société v.v.*”.  
Năm thứ III, số 1 và 2, tháng Sáu — tháng Bảy. 1915.

“*Dùng quên*”

Một trang sử của người Anh ở Ai-cập. Tháng Năm 1915.

Ký tên *tiến sĩ M. M. Ri-phát.*

Câu chuyện kể về sự hành hình và đánh đập những người Ai-cập ngày 26. VI. 1906 vì họ đã đánh những sĩ quan Anh bắn chim bồ câu và làm bị thương một phụ nữ.

*Cuốn sách nhỏ:* “Lên án nước Anh”. Béc-lanh, 2. V. 1915.

Lời tựa của *tiến sĩ M. M. Ri-phát.*

Tập hợp những lời hứa hẹn và tuyên bố của Anh về Ai-cập từ năm 1882 đến tận ngày *sáp nhập* (thôn tính) 7. XII. 1914.

## III <sup>115</sup>

*Bê-li-út.* “Các dân tộc da màu dưới ách của người Anh và người Pháp”. Béc-lanh, 1915.

*Bran-tơ.* “33 năm ở Đông Á. Hồi ức của một nhà ngoại giao”.  
3 tập. Lai-pxích, 1901.

*Coóc-na.* “Độc quyền thuốc lá ở Thụy-sĩ”. Lô-da-nơ, 1914.

*Đô-vi-xơ.* “Tài chính của Anh và Đức”. Luân-đôn, 1915.

*E-lơ Hát-gi* Áp-đan-la. “Đạo Hồi trong quân đội Pháp”. Côn-xtan-ti-nô-pôn, 1915.

“Lòng trung thành với Ấn-độ” (do Đảng dân tộc Ấn-độ xuất bản). Idem bằng tiếng Pháp.

*Phran-kê.* “Ngôn ngữ giả định của con người thời kỳ băng hà”.  
Lai-pxích, 1911.

*Hê-rinh.* “Ấn-độ”. 2 tập. 1911.

“*Gru-di-a và cuộc chiến tranh hiện nay*”. 1915.

*Ki-li-a-ni.* “Mâu thuẫn kinh tế Đức - Anh”.

*Lôi-ê.* “Những bức tranh về cuộc sống thuộc địa”. 1903.

*Mai-rôn.* “Những khả năng của chúng ta ở Trung-quốc trong thời kỳ chiến tranh châu Âu”. Si-ca-gô, 1915.

*Ni-han-xơ.* “Việc cải tổ lại các dân tộc hiện nay và đạo Cơ-đốc trong cuộc đấu tranh giành quyền thống trị thế giới”. Béc-nơ, 191?.

*Pê-tơ.* “Sự phát triển của tiểu thuyết Pháp”. 1913.

*Ri-phát.* (Về vấn đề cuộc đấu tranh của Ai-cập chống Anh).

“*Quyền bá chủ của Anh ở Ấn-độ đang bị lên án*”. Luân-đôn, 1915.

*Sê-ríp.* “Người Tuy-ni-di và những người khác. Sự phản kháng chống lại sự thống trị của Pháp”. Sic! *Béc-lanh*, 1916.

*Rút-tman.* “Những thành quả chủ yếu của tâm lý học hiện đại”.

*Di-vê-kinh.* “Những cơ sở của lịch sử kinh tế hiện đại”.  
1915.

*Vi-ơ-tơ.* “Từ điển ngữ âm Đức”.

*Txi-cuốc-sơ.* “Chính sách Ban-căng của nước Nga”. 1915.

## IV

1) *M. Le-rơ*. “Chủ nghĩa đế quốc Đức”. *Pa-ri*, 1908 (?)<sup>1)</sup>  
3 phrăng 50.

2) *Be-ra*. “Nước Pháp và Vin-hem II”. (3 phr. 50)?  
“ “Xung đột ở Ma-rốc”. (4 phr.)  
“ “Quốc vương, đạo Hồi...”. Bát-đa. (4 phr.)  
*Cũn g ông ta*. “Châu Á vùng dậy”. Pa-ri, 1904.

3) *Gi. Blông-đen*. “Sự phát triển công nghiệp và thương nghiệp  
của nhân dân Đức”. Pa-ri, 1900.  
“ “Nước Pháp và thị trường thế giới”. Pa-ri, 1901.  
*Lơ-roa - Bô-li-ơ*. “Châu Á đổi mới”. 1900.  
“ “Những hội Ăng-glô-xắc-xông mới”.

## V

*X. A. Ri-vơ*. “Cái giá của sự cạnh tranh” (617 tr.). Niu-Oóc, 1906  
(2 đô-la) (Mác - Cluy-rơ, Phi-líp-xơ và công ty).  
NB { (“Nghiên cứu về những tổn thất do quá trình cạnh  
tranh gây ra và các đề nghị cải cách xã hội chủ nghĩa”).  
“The Economist”, 25. XII. 1915.

Người Anh nói về ưu thế của nền công nghiệp hoá chất  
*Đức*.

“Thư mục về khoa học kinh tế và về luật học”, 1906 (1) và  
những năm tiếp 1908 (3), 1909 - 1912 (tập 4 - 8).

<sup>1)</sup> Cuốn sách này xuất bản không phải vào năm 1908, mà vào năm 1902.  
Xem tập này, tr. 243.

## VI

NB. *Gi. A. Hốp-xơn*. NB

“Văn tập những báo cáo về các điểm trong cương lĩnh tối thiểu”.  
2 tập. (“Tổ chức trung ương phấn đấu cho việc thiết lập nền  
hoà bình vững chắc”). La Hay, 1916.

## VII

Pô-lê. “Tủ sách lịch sử quân sự”.  
*Vít-tích*. “Thế kỷ của những cuộc cách mạng”. 2 phần. Xuy-rích,  
1875.  
*Đ. A-rơ*. “Lịch sử đại cương về các cuộc chiến tranh”.  
(2 tập). Pa-ri, 1758.  
*Mu-ri-ê*. “Các cuộc chiến tranh thương mại (1486 – 1850)”. Pa-ri,  
1863.  
*phôn Éc-lách*. “Các cuộc chiến tranh giải phóng của những dân  
tộc nhỏ chống lại các đội quân lớn”. Béc-nơ, 1868.  
*Stu-đê-ni-txơ và Rốt-lích*. “Đôi nét khái quát theo niên đại và  
đồng đại”.  
*Gô-li-txun?*  
*Du-tơ*. “Triết học của Ri-sa A-vê-na-ri-út”. 1910. (Luận án.)

## VIII

NB

*Hây-đơ* { bình luận chính trị và }  
*Ê-ghen-háp* { ký sự lịch sử (hàng năm) }  
*Rô-lốp*. “Europäischer Geschichtskalender” ((?)).

PHIẾU YÊU CẦU MƯỢN SÁCH  
CỦA THƯ VIỆN BANG XUY-RÍCH

A-sli. “Tổ chức kinh tế của Anh”. 1914.

Ben-da. “Trong những thung lũng máu”. Vác-sa-va, 1906.

- Biéc-tman. "Vin-ken-bléch (Mác-lô)". 2 tập.  
 Bít-tman. "Túi tiền của công nhân và đời sống đất đỏ". 1914  
*Boát-xi-ê*. "Xanh Xi-mông".  
 "Bolletino Storico della Svizzera Italiana". Những năm 1 - 23  
 (1879 - 1901).  
 Bre-xni-txơ phôn Di-đa-cốp. "Cuộc sống bên trong trong đế  
 quốc của Ni-cô-lai II". 5 tập.  
 "Những lá thư gửi Doóc-ghê". Stút-ga, 1906.  
 Pôn Bu-sinh. "Sự phát triển của những quan hệ thương mại -  
 chính trị giữa Anh và các thuộc địa của Anh trước 1860".  
 Phụ lục: Bảng thống kê thương mại thuộc địa 1826 - 1900.  
 Stút-ga, 1902.  
 Các-nê-gi. "Quyển tuyên truyền cho hoà bình thế giới". Niên giám  
 1911 và 1912.  
 Đô-da. "Ấn tượng và điều mắt thấy". 1914.  
 Đen Véc-ki-ô. "Điều kỳ lạ của chiến tranh". Xát-xa-ri, 1909.  
 Em. Đơ-ma-rê. "Tổ chức thuộc địa và liên bang; liên bang Pháp  
 và thuộc địa của Pháp". Luận án. Pa-ri, 1899.  
 "Nền dân chủ Thụy-sĩ hay là chủ nghĩa xã hội quốc tế". Phrau-  
 en-phen-đơ, 1892.  
 "Báo cáo của Ngân hàng liên bang Thụy-sĩ". 1863 - 1913.  
 Đê-tô. "Chủ nghĩa xã hội và những nghị viện Pháp". Luận án.  
 Pa-ri, 1903.  
 Đi-tơ-rích. "Tổ chức xí nghiệp". 1914.  
 "Giáo dục nghề nghiệp ở Mỹ". 1900.  
 Ê-ghen-háp. "Lịch sử xuất hiện đại". 1913. VI. U-li-a-nốp. 4  
 tháng Tám 1916. *Cuối tháng Mười*.  
 Ê-ghen-háp. "Lịch sử xuất hiện đại". 1908. Ngày 25 tháng Chín  
 đã có người mượn. Tại thư viện bang, ngày 18 tháng Chín  
 đã có người mượn. VI. U-li-a-nốp. 4 tháng Mười 1916. *Cuối  
 tháng Mười*.  
 Ê-ren-béc. "Những tài sản lớn (Phúc-ghe-rơ - Rốt-sin-đơ -  
 Krúp)". 1905. 2 tập.

- Ăng-ghen. "Nguồn gốc của gia đình etc."  
 Éc-men. "Chính sách thương mại thuộc địa của Pháp". Béc-lanh,  
 1910.  
 "Thống kê công xưởng của Thụy-sĩ". 1911.  
 Phre-xơ. "Hoàn cảnh quốc tế của các nước phụ thuộc ở lưu vực  
 sông Công-gô". Luận án. Các-cát-xôn, 1904.  
 Phri-men. "Chính sách so sánh". Luân-đôn, 1873.  
 Eng-xtơ Phri-đích. "Địa lý thương mại thế giới và các quan hệ thế  
 giới". 1911.  
 Phrô-be. "Bàn về phương hướng hoạt động hiện nay của các  
 ngân hàng nhận gửi ở Anh, Đức, Pháp". (Luận án.) 1903.  
 Ga-rơ. "Cơ sở kinh tế của ngành báo chí hiện nay". 1912.  
 Ga-dô. "Chủ nghĩa đế quốc Anh. Các-lây-lơ - Xi-li - Sem-bóc-lin".  
 (Luận án.) 1903.  
 "Deutscher Geschichtskalender". Năm xuất bản 1913.  
 Ghi-ben. "Việc cấp vốn cho công nghiệp ka-li". 1912.  
 Gi-rô. "Các nguyên tắc của việc chiếm thuộc địa". Xuất bản lần  
 thứ 2. Pa-ri, 1904.  
 Gô-e-xơ. "Các thành phố lớn của Ấn-độ". 1910.  
 "Sách tra cứu lịch sử thời trung cổ và cận đại" (Mây-néch-kê etc.)  
 1903 và các năm sau ((chỉ có các phần chuyên khảo riêng, có  
 lẽ chẳng có gì))  
 Héc-măng. "Cách mạng Hung 1848: các dân tộc, cuộc đấu tranh  
 của họ và yêu sách của họ; sự can thiệp của Nga và sự can  
 thiệp của Ba-lan". Luận án. 1901.  
 V. G. Héc-txơ. "Việc đánh thuế vào thu nhập của người nước  
 ngoài ở Anh". Stút-ga, 1910.  
 Hét-nơ. "Sự thống trị thế giới của Anh và chiến tranh".  
 Gây-đê. "Ý nghĩa của sự phát triển kỹ thuật của công nghiệp  
 thuốc lá ở Đức đối với nền kinh tế quốc dân". Stút-ga, 1910.  
 Hiéc-sơ. "Những xí nghiệp chi nhánh trong việc buôn bán lẻ".  
 1916.

- Phran-cơ Hít-scốc. Những sách nhỏ về ngoại thương của Mỹ.  
Hơ-ni-gơ. “Ý nghĩa kinh tế của ngành quân sự Đức”. Lai-pxích, 1913.  
Hôn-li-tơ. “Quy luật lịch sử. Góp phần phê phán quan điểm duy vật về lịch sử”. Luận án. 1901.  
Hôn-xti. “Quan hệ giữa chiến tranh với nguồn gốc của nhà nước”. Luận án. 1913.  
Ô-na-rê. “Tuyến đường sắt xuyên Xa-kha-ra và sự xâm nhập của người Pháp vào châu Phi”. Luận án. 1901.  
“Đấu tranh giành tự do cho nước Nga”. 1906.  
Ed. Gia-cốp. “Học thuyết kinh tế về các hợp tác xã”. 1913.  
“Journal asiatique”. 1) Mục lục của bộ *thứ 10*. 2) Bộ thứ mười một.  
“Những cuộc tàn sát người Do-thái ở Nga”. 2 tập. 1910.  
Mát-xa-ô Cam-bô. “Sự phát triển của nền kinh tế quốc dân Nhật-bản”. 1914.  
Cau-xky. “Chế độ đại nghị”. Stút-ga, 1893.  
Cay-dơ. “Sự phát triển và thành công của các kiến trúc bằng bê-tông cốt sắt”. (Diễn văn). Đác-mơ-stát, 1911.  
Kin-đéc-man. “Cường bức và tự do. Nhân tố phổ biến trong đời sống các dân tộc”. I-ê-na, 1901.  
Ki-nô-xi-ta. “Quá khứ và hiện tại của nền thương mại Nhật-bản”. Luận án. 1902.  
V. Clây. “Đến năm Krúp. Tuy bút về vấn đề chính trị - xã hội”. 1899.  
G. Cốc-xơ. “Nhà nước Gia-cô-ban 1794”. Béc-lanh, 1904.  
Lan-ghe. “Những sách viết về cuộc đại chiến”. 1915.  
Lăng-giơ-vanh. “Bàn về thuế tem đối với những chứng khoán có giá của Pháp và của nước ngoài”. Luận án. 1900.  
Lê-man. “Ác-mê-ni-a, quá khứ và hiện tại”. 1910.  
Lút-lô. “Các giai cấp lao động ở Anh”. 1868.  
Mác. “Cách mạng và phản cách mạng ở Đức”. 1896.  
Nan-xen. “Xi-bi-ri”. 1914.

- Nô-xti-tơ. “Cao trào của giai cấp công nhân ở Anh”. I-ê-na, 1900.  
Ô-xtéc-ri-đơ. “Độc quyền hay cạnh tranh”. 1903.  
“La Paix par le Droit”<sup>1)</sup>. Năm 21 (1911).  
Pê-tơ và Đê-nơ. “Bá quyền của Anh. I. Trong thời kỳ bao vây lục địa”. Lai-pxích, 1912.  
Pê-tơ. “Bàn về vấn đề chính sách thương mại hiện nay”. Viên, 1895.  
Pe-xlơ. “Tiền công tối thiểu”. 1914.  
“Ba-lan và nhân dân Thụy-sĩ”. Tác giả là người Thụy-sĩ đã chứng kiến cuộc khởi nghĩa ở Ba-lan. 1863.  
“Politisches Jahrbuch”. *Hai* năm *c u o i*.  
Pôn-ly. “Bàn về cách mạng Nga”.  
Pra-đô. “Con đường chết của nước Nga”. 1907.  
V. Ráp-pa. “Nhân tố kinh tế trong quá trình xuất hiện nền dân chủ hiện đại ở Thụy-sĩ”.  
“Văn tập luận văn” (Mác-ten).  
“Cách mạng Lát-vi-a”.  
Rit. “Tổ chức các xí nghiệp công cộng và việc quản lý chúng”. 1914.  
Xken-tôn. “Chủ nghĩa xã hội. Phân tích phê phán”. Luận án. Kem-brít, 1911.  
“Lịch sử các quốc gia thời hiện đại”. ? (Tập 1 - 28). Lai-pxích, 1858.  
“Staatsarchiv”. Bảng chỉ dẫn 78 - 93. Năm cuối cùng 1914.  
Stơ-rát-xơ. “Chủ nghĩa tư bản và luật chiến tranh”. (Quyển bổ sung số 11).  
Stơ-rô. “Quan hệ giữa Pháp và Anh hồi 1801 - 3 phản ánh trong sách báo chính trị của Đức” (= Nghiên cứu lịch sử. Quyển 121). 1914.  
Stơ-rúp. “Xung đột giữa Nga và Trung-quốc”. 1911.

<sup>1)</sup> Hoà bình chính nghĩa.

Uy-béc-xbe-gơ. “Chính sách phương Đông của nước Nga trong hai thế kỷ gần đây”. Tập I. 1913.

Un-man. “Buôn bán gỗ của Đức - Nga”. Luận án. 1913.

*I-u-ry*. “Các cuộc đình công ở Pháp và kết quả của chúng”. Luận án. 1902.

Tê-ô-đô *Phết-tơ*. “Giôn Rét-xkin và Uy. Mô-ri-xơ, những người phản đối và những người bênh vực kỹ thuật”. Phrau-en-phen-đơ, 1912.

(Van-tơ - Ây-ghe-n-ben-tơ.) “Đảo chính hay cải cách”. 3 phần.

Oai-tơ. “Cuộc đời hoạt động ngoại giao của tôi”. 1906.

Giung-men. “Các nguyên nhân kinh tế của những tài sản lớn”. Luận án. 1909.

“Zeitschrift für schweizerische Statistik”.

Xin-li-a-cút. “Nước Nga cách mạng”. 1905.

---

CHÚ THÍCH

—

CÁC BẢN CHỈ DẪN



## CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Cuốn sách *"Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản"*, đã được viết trong thời gian tháng Giêng - tháng Sáu 1916 tại Xuy-rích.

Khá lâu trước chiến tranh thế giới thứ nhất, Lê-nin đã vạch ra những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Trong một loạt bài viết trong những năm 1895 - 1913 ("Dự thảo và thuyết minh về cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội" (1895 - 1896), "Cuộc chiến tranh Trung-quốc" (1900), "Những bài học của khủng hoảng" (1901), "Điểm qua tình hình trong nước" (1901), "Sự tập trung sản xuất ở Nga" (1912), "Về vấn đề một số lời phát biểu của các nghị sĩ công nhân" (1912), "Sự giàu có của chủ nghĩa tư bản tăng lên" (1913), "Châu Âu lạc hậu và châu Á tiên tiến" (1913), "Vận mệnh lịch sử của học thuyết Các Mác" (1913) và những bài khác), Lê-nin đã vạch ra và phân tích từng nét riêng biệt, đặc trưng cho thời đại đế quốc chủ nghĩa như: tích tụ sản xuất và sự phát triển của các tổ chức độc quyền, xuất khẩu tư bản, đấu tranh nhằm xâm chiếm thị trường và phạm vi ảnh hưởng mới, việc quốc tế hóa các quan hệ kinh tế, sự ăn bám và sự mục nát của chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn giữa lao động và tư bản tăng lên và đấu tranh giai cấp gay gắt thêm, việc tạo ra những tiền đề vật chất để quá độ lên chủ nghĩa xã hội bằng cách mạng. Trong bài "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại" (1908), Lê-nin viết: "Trong khi thống nhất sản xuất thì những các-ten và to-rót cũng đồng thời làm cho tính chất vô chính phủ trong sản xuất, tình trạng đời sống không đảm bảo của giai cấp vô sản và ách áp bức của tư bản ngày càng trầm trọng thêm một cách rõ rệt, do đó, làm cho những mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức độ chưa từng thấy. Chính những to-rót khổng lồ hiện đại đã chứng minh một cách đặc biệt rõ rệt và trên quy mô đặc biệt rộng lớn, rằng chủ nghĩa tư bản đang đi đến phá

sản, cả về mặt các cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị riêng biệt lẫn về mặt suy sụp hoàn toàn của toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 17, tr. 25). Lê-nin đặc biệt chú ý đến việc vạch trần chính sách thuộc địa ăn cướp, đến cuộc đấu tranh nhằm phân chia và phân chia lại thế giới, đến quá trình chuẩn bị những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa xâm lược.

Lê-nin chăm chú theo dõi những sách báo mới nhất viết về chủ nghĩa tư bản và nghiên cứu những sách báo đó. Việc Người viết bài bình luận cuốn sách của Đ. A. Hốp-xơn "Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại", đã chứng tỏ điều đó (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 194 - 198). Tháng Tám 1904, Lê-nin bắt đầu dịch cuốn sách của Hốp-xơn "Chủ nghĩa đế quốc" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 292). Bản thảo bản dịch đó của Lê-nin hiện vẫn chưa tìm thấy.

Từ khi cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu, Lê-nin đã nghiên cứu một cách toàn diện giai đoạn độc quyền trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Lợi ích của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân ở Nga và ở các nước tư bản chủ nghĩa khác đã đòi hỏi làm việc đó. Muốn lãnh đạo đúng đắn phong trào cách mạng và muốn đấu tranh có kết quả chống hệ tư tưởng của thể chế phản động đế quốc chủ nghĩa, chống chính sách cải lương thỏa hiệp với bọn đế quốc thì điều cần thiết là phải "hiểu biết một vấn đề kinh tế cơ bản mà nếu không nghiên cứu thì sẽ không hiểu được tí gì về sự đánh giá cuộc chiến tranh hiện nay và chính trị hiện nay, cụ thể là vấn đề thực chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 386).

Lê-nin trực tiếp bắt tay vào việc nghiên cứu sách báo nói về chủ nghĩa đế quốc, có lẽ từ giữa năm 1915, lúc Người ở Béc-nơ (Thụy-sĩ); lúc ấy Người bắt đầu soạn những bản chỉ dẫn sách báo, vạch ra các dàn bài, ghi chép và đánh dấu nhận xét, viết các bản ghi tóm tắt.

Đầu tháng Giêng 1916, Lê-nin nhận lời đề nghị viết cuốn sách về chủ nghĩa đế quốc cho Nhà xuất bản "Cánh bướm", một nhà xuất bản hợp pháp được thành lập tháng Chạp 1915 tại Pê-tơ-rô-grát. Trong bức thư gửi A. M. Goóc-ki, đề ngày 29 tháng Chạp 1915 (11 tháng Giêng 1916), Lê-nin đã viết: "Tôi đang bắt đầu viết cuốn sách về chủ nghĩa đế quốc" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49, tr. 231). Vào nửa đầu tháng Hai

1916, Lê-nin từ Béc-nơ chuyển về ở Xuy-rích, tại đây Người tiếp tục thu thập và xử lý những tài liệu về chủ nghĩa đế quốc. Khi nghiên cứu để viết tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" tại thư viện bang Xuy-rích, Lê-nin cũng đã đăng ký mượn sách từ những thành phố khác gửi tới.

Trong thời gian chuẩn bị viết cuốn sách đó, V. I. Lê-nin đã ghi chép vào 15 quyển vở nói về chủ nghĩa đế quốc, — Người đánh dấu các cuốn vở đó bằng các chữ cái trong bảng chữ cái Hy-lạp từ "an-pha" đến "ô-mi-crôn" — và cả quyển vở "Bây-xphoóc" và các tài liệu khác. Sau khi gửi bản thảo cho nhà xuất bản, Lê-nin tiếp tục thu thập tài liệu và ghi chép các vấn đề về chủ nghĩa đế quốc. Quyển "Ê-ghen-háp", mà Lê-nin bắt đầu viết vào tháng Mười 1916 (xem tập này, tr. 842 và 935 - 936), "Vở các tư liệu về Ba-tư" (tr. 891) và các quyển vở khác đã xác nhận điều đó.

Ngày 19 tháng Sáu (2 tháng Bảy) 1916, Lê-nin viết cho M. N. Pô-crốp-xki sống ở Pháp và biên tập một loạt sách do Nhà xuất bản "Cánh buồm" xuất bản nói về các quốc gia Tây Âu trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, như sau: "Hôm nay tôi gửi bản thảo cho đồng chí bằng bưu kiện bảo đảm" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49, tr. 347). Bản thảo đã được gửi đi cùng một lúc với thư, nhưng không đến được Pô-crốp-xki, và lại phải gửi đi lần thứ hai. Ngoài ra, nhà xuất bản đề nghị rút ngắn bản thảo đã hoàn chỉnh, từ 5 tờ in xuống còn 3 tờ in; song Lê-nin đã không lược bớt cuốn sách, vì theo như lời Người nói: "thu gọn hơn nữa, 3 tờ thôi, thì hoàn toàn không thể được" (như trên).

Sau khi cuốn sách đến tay nhà xuất bản thì những phần tử men-sê-vích, hồi đó còn lãnh đạo nhà xuất bản, đã cắt bỏ những đoạn phê phán gay gắt Cau-xki và Mác-tốp, chúng đã thêm vào bản thảo những đoạn sửa chữa chẳng những làm mất đi văn phong độc đáo của Lê-nin, mà còn xuyên tạc cả ý của Người. Những từ của Lê-nin dùng như: "chuyển biến", (chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa đế quốc) bị bọn thay bằng từ "biến thành", "tính chất phản động" (của thuyết "chủ nghĩa siêu đế quốc") bị thay bằng những từ "tính chất lạc hậu" v. v.. Giữa năm 1917, cuốn sách đã được in ra dưới nhan đề "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn mới nhất của chủ nghĩa tư bản (Khái luận phổ thông)" với lời tựa của Lê-nin đề ngày 26 tháng Tư 1917. — 1.

<sup>2</sup> Bài báo bàn về đấu tranh chống "phái vũng lầy" (bút ký về chủ nghĩa Cau-xky), có lẽ Người không viết. — 5.

<sup>3</sup> Đây có ý nói đến cuốn sách nhỏ "Der Weg zur Macht" ("Con đường giành chính quyền") của C. Cau-xky xuất bản ở Béc-lanh năm 1909. V. I. Lê-nin đã gọi tác phẩm này là "tác phẩm cuối cùng và khá nhất" mà Cau-xky viết để chống lại phái cơ hội chủ nghĩa.

*Tuyên ngôn Ba-lơ* — bản tuyên ngôn về chiến tranh được thông qua tại Đại hội bất thường của Quốc tế II, họp tại Ba-lơ (Thụy-sĩ) ngày 24 - 25 tháng Mười một 1912. Bản tuyên ngôn vạch rõ những mục đích ăn cướp của cuộc chiến tranh do bọn đế quốc chuẩn bị và kêu gọi công nhân tất cả các nước kiên quyết đấu tranh cho hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh, "đem sức mạnh của tình đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản đối chọi với chủ nghĩa đế quốc tư bản". Trong trường hợp nổ ra cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, bản tuyên ngôn yêu cầu những người xã hội chủ nghĩa phải lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị do chiến tranh gây ra để đấu tranh cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. (Về bản Tuyên ngôn, xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 266 - 273 và 401 - 402). Tại đại hội, các lãnh tụ của Quốc tế II (Cau-xky, Van-đéc-ven-đơ và những người khác) đã tán thành việc thông qua bản tuyên ngôn chống chiến tranh. Song, ngay từ đầu cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới, họ đã quên phớt bản Tuyên ngôn Ba-lơ và đứng về phía các chính phủ đế quốc chủ nghĩa của nước mình. — 5.

<sup>4</sup> Có ý nói đến tiết 9 của bản cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, được thông qua tại Đại hội II của đảng, trong đó tuyên bố "Quyền tự quyết cho tất cả các dân tộc trong quốc gia". — 19.

<sup>5</sup> Các tài liệu nói về tiền công hàng năm của công nhân ở Mỹ năm 1913, rút trong bài báo: Scott Nearing. "The Adequacy of American Wages" (Xcốt-tơ Ni-rinh. "Sự cân xứng của tiền lương ở Mỹ") đăng trong tập LIX "The Annals of the American Academy of Political and Social Science" ("Niên giám của Viện hàn lâm Mỹ về khoa học chính trị và xã hội"), tr. 115. — 28.

<sup>6</sup> *Khái niệm "xã hội hóa" của Mác*, dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học tính quy luật khách quan của sự phát triển của xã hội tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ sự cần thiết và tất yếu của việc chuyển các tư liệu sản xuất từ chỗ là sở hữu tư nhân của các nhà tư bản thành sở hữu có tính chất xã hội. Lê-nin chỉ ra rằng đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa thì tình trạng không phù hợp giữa quan hệ sản

xuất tư bản chủ nghĩa với tính chất của lực lượng sản xuất và sự xung đột giữa chúng đã trở nên gay gắt đến cực độ. Ở giai đoạn phát triển cuối cùng này của chủ nghĩa tư bản thì sự tích tụ và sự xã hội hóa của sản xuất đạt tới trình độ cao nhất (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 408 - 409, 410 - 411, 538 - 539). Tình hình đó khiến cho sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, việc chuyển các tư liệu sản xuất chính vào tay nhà nước của công nhân và nông dân, để tổ chức một nền sản xuất có kế hoạch vì lợi ích của nhân dân, được thực hiện một cách dễ dàng hơn. — 38.

- 7 Nhằm mục đích tán dương chủ nghĩa tư bản và che lấp sự thống trị của các tổ chức độc quyền, các nhà kinh tế học tư sản và bọn cải lương bịa đặt ra đủ thứ lý luận tô điểm cho chủ nghĩa tư bản, họ nói đến sự "dân chủ hóa" tư bản, họ nói rằng chủ nghĩa tư bản hiện đại đã trở thành "chủ nghĩa tư bản nhân dân" v. v.. Bác bỏ những điều bịa đặt có tính chất biện hộ về "dân chủ hóa" tư bản, ngay từ 1902, Lê-nin đã chỉ rõ rằng với việc những người lao động cá biệt mua được những cổ phiếu nhỏ, những người góp vốn như vậy tuyệt nhiên không thể trở thành những người sở hữu các xí nghiệp cổ phần, những người "hữu sản" được; tiền lời do việc phát hành các cổ phiếu nhỏ đem lại chui vào túi của bọn đầu sỏ các tổ chức độc quyền tư bản chủ nghĩa và của các công ty cổ phần, những kẻ sử dụng ngay cả những khoản tiết kiệm nhỏ nhất nhất của "nhân dân" để làm giàu cho bản thân chúng (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 6, tr. 362). Thực tế hiện nay hoàn toàn xác nhận điều đó. Trái với những lời tuyên bố của cơ quan tuyên truyền tư sản nói rằng trong các nước đế quốc chủ nghĩa hiện nay các cổ phiếu nhỏ ("nhân dân") đang được lưu hành rất rộng rãi, thực tế chỉ có một số ít công nhân lành nghề — đại biểu của cái gọi là công nhân quý tộc, mới có thể mua cổ phần. Ví dụ, ở Mỹ năm 1958, có gần nửa triệu gia đình lao động có cổ phần, nhưng giá trị các cổ phần này chỉ bằng vền vẹn 0,2% tổng giá trị của tất cả các cổ phần trong nước. Trong khi đó chỉ một gia đình Duy-pông đã có số cổ phần nhiều gấp 10 lần toàn bộ số cổ phần của công nhân Mỹ cộng lại. Chủ nghĩa tư bản hiện đại có đặc điểm là các tổ chức độc quyền lớn thao túng nền kinh tế quốc dân, sản xuất càng được tích tụ hơn nữa và tư bản càng được tập trung hơn nữa, sự ngăn cách giữa bọn bóc lột và quần chúng nhân dân lao động càng thêm sâu sắc. Chẳng hạn ở Mỹ, năm 1960, 500 công ty lớn nhất tuy

chỉ chiếm 0,4% tổng số các công ty trong ngành công nghiệp chế biến và khai khoáng nhưng lại thực hiện 57% tổng sản phẩm và thu 72% lợi nhuận của toàn bộ các công ty. Cảnh tượng tương tự về sự thống trị của các tổ chức độc quyền cũng là đặc điểm của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa khác. — 44.

- 8 Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" và trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", Lê-nin đã vạch trần tính chất tán dương tư sản của thuyết "chủ nghĩa tư bản có tổ chức", một thuyết phản khoa học. Thuyết này miêu tả chủ nghĩa đế quốc tựa như là một thứ chủ nghĩa tư bản đặc biệt, đã được cải tạo, trong đó sự cạnh tranh và tình trạng sản xuất vô chính phủ, các cuộc khủng hoảng kinh tế dường như đã bị thủ tiêu, sự phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân dường như đang được thực hiện. Thuyết "chủ nghĩa tư bản có tổ chức" do các nhà tư tưởng của chủ nghĩa tư bản độc quyền — như Dôm-bác-tơ, Líp-man và những người khác — đề xướng, đã được những người theo chủ nghĩa cải lương — như Cau-xky, Hin-phéc-đinh và các nhà lý luận khác của Quốc tế II — chớp lấy ngay. Lê-nin đã chỉ ra rằng sự thống trị của các tổ chức độc quyền không thủ tiêu được mà còn làm gay gắt thêm tình trạng cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ, không cứu được nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thoát khỏi những cuộc khủng hoảng (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 413). Trong nước chủ chốt của chủ nghĩa tư bản hiện đại là nước Mỹ, trong thời kỳ từ năm 1948 đến năm 1961 đã xảy ra bốn lần sản xuất suy giảm do khủng hoảng: trong các năm 1948 - 1949, 1953 - 1954, 1957 - 1958 và 1960 - 1961. — 45.
- 9 Nghiên cứu chủ nghĩa đế quốc, V. I. Lê-nin chỉ ra rằng thượng tầng kiến trúc chính trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền là sự phản động chính trị về mọi hướng trong chính sách đối nội và đối ngoại; Lê-nin chỉ rõ rằng chủ nghĩa đế quốc là sự phủ định nền dân chủ nói chung (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 120 - 121). Chủ nghĩa tư bản độc quyền cất xén và làm tiêu tan ngay cả những tiêu chuẩn của nền dân chủ tư sản hình thức, nó lập ra nền chuyên chính không hạn chế của nó. Điều đó thể hiện đặc biệt rõ qua thí dụ nước Mỹ, nơi mà các tổ chức dân chủ bị truy nã, giai cấp công nhân và mọi lực lượng tiến bộ bị khủng bố, sự phân biệt về mặt chính trị và về mặt chủng tộc đang được thi hành.

Đặc trưng của chính sách đối ngoại của chủ nghĩa đế quốc là xâm lược, là vi phạm chủ quyền dân tộc của các nước nhỏ yếu và phụ thuộc, là can thiệp và dựng lên ở các nước khác những chế độ phản nhân dân và phản động có lợi cho các cường quốc đế quốc chủ nghĩa lớn. Điều đó trước hết đúng với chủ nghĩa đế quốc Mỹ, kể "che đậy bằng ngọn cờ tự do và dân chủ giả hiệu, nhưng trên thực tế thì đóng vai trò tên sen đầm quốc tế, ủng hộ các chế độ độc tài phản động, ủng hộ các chế độ quân chủ đã mục nát, chống lại các cuộc cải tạo dân chủ cách mạng, tiến hành xâm lược các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập cho mình" (Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên-xô. (Được thông qua tại Đại hội XXII Đảng cộng sản Liên-xô), tiếng Nga, Mát-xcơ-va, 1961, tr. 31). Cuộc đấu tranh tích cực của nhân dân lao động do các đảng cộng sản và công nhân dẫn đầu nhằm chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh, vì hòa bình và dân chủ, vì chủ nghĩa xã hội chính là chống lại những mưu đồ phản động của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa. — 54.

<sup>10</sup> "*Nê-sân-nơn xi-ti ben-cơ*" (từ 1955 là "Phốc-xtơ nê-sân-nơn xi-ti ben-cơ ốp Ni-óc") là ngân hàng lớn thứ ba ở Mỹ. Xung quanh ngân hàng này đã hình thành một nhóm tài chính - độc quyền, bao gồm nhiều công ty tài chính và công nghiệp lớn ở Mỹ, với tổng số vốn vượt quá 13 tỷ đô-la năm 1960. Các cổ đông lớn nhất là các gia đình Moóc-gan, Rốc-cơ-phen-lơ, Xtin-men, Brây-đi, Uyn-tơ-rốp, Đốt-giơ. Ngân hàng này đóng một vai trò to lớn trong sự bành trướng của Mỹ ở các nước châu Mỹ la-tinh, châu Á, v. v.; nó kiểm soát nhiều công ty công nghiệp lớn nhất ở Mỹ và gắn chặt với nền công nghiệp chiến tranh của Mỹ. — 67.

<sup>11</sup> Tất cả các tư liệu này đều thuộc về năm 1910, trừ Thụy-sĩ (1908), Hung-ga-ri và Pháp (năm 1909). — 74.

<sup>12</sup> *Thống kê những cuộc vỡ nợ* — thống kê các vụ phạt căn cứ vào các văn tự nợ của những người vỡ nợ (tự nhiên nhân hay pháp nhân). Trong các nước tư bản chủ nghĩa, sự phá sản của giai cấp trung và tiểu tư sản, sự phá sản của các ngân hàng, của các công ty cổ phần, v.v., là điều không thể tránh khỏi. Theo yêu cầu của các chủ nợ, tài sản của người vỡ nợ được tòa án chuyển giao cho những người đặc cử (hội đồng xử lý các cuộc vỡ nợ), hội đồng này nêu ra toàn bộ tài sản và khoản nợ của người mắc nợ; sau đó, tài sản được phân chia cho các chủ nợ tùy theo sự vỡ nợ, trên cơ sở trình tự yêu cầu mà luật pháp đã quy định. — 75.

<sup>13</sup> "*Xtan-đa-ro-đơ ôi-lơ côm-pa-ni*" — "Xtan-đa-ro-đơ ôi-lơ" — nhóm các tư-rốt dầu lửa hợp thành "đế quốc dầu lửa" của dòng họ Rốc-cơ-phen-lơ. Tư-rốt chủ yếu của nhóm độc quyền này là "Xtan-đa-ro-đơ ôi-lơ ốp Niu - Đgióc-xi" do một hãng dầu lửa do Gi. Rốc-cơ-phen-lơ thành lập năm 1882 phát triển thành và đến đầu thế kỷ XX tư-rốt này đã kiểm soát được tuyệt đại bộ phận công nghiệp dầu lửa ở Mỹ. "Xtan-đa-ro-đơ ôi-lơ" cùng với rất nhiều công ty con kiểm soát hơn một phần ba tổng sản lượng dầu lửa khai thác và chế biến trong thế giới tư bản chủ nghĩa, chiếm vị trí hàng đầu trong việc sản xuất hàng loạt sản phẩm của ngành hóa dầu. Các tổ chức độc quyền dầu lửa có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ. — 79.

<sup>14</sup> Lê-nin sử dụng tài liệu này trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 454). Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin liệt kê tổng số chứng khoán có giá trên thế giới là 815 tỷ phrăng vào năm 1911, còn trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" thì Người liệt kê con số đó vào năm 1910. Phần ghi trong "Bút ký" là rút trong tác phẩm "Thống kê quốc tế và những chứng khoán có giá và việc phát hành chứng khoán có giá" của Txim-méc-man. Txim-méc-man đã lấy các số liệu đó trong cuốn sách của An-phrết Nây-mác-cơ, còn Nây-mác-cơ thì liệt những số liệu ấy vào ngày 1 tháng Giêng 1911. — 87.

<sup>15</sup> *Chủ nghĩa Pru-đông* — một trào lưu của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, một trào lưu phản khoa học, thù địch với chủ nghĩa Mác, trào lưu này được đặt tên theo tên P. - Gi. Pru-đông, một phần tử vô chính phủ chủ nghĩa ở Pháp. Trong khi đứng trên lập trường tiểu tư sản để phê phán chế độ đại sở hữu tư bản chủ nghĩa, Pru-đông mong muốn duy trì vĩnh viễn chế độ tiểu tư hữu, y đề nghị tổ chức ngân hàng "nhân dân" và ngân hàng "trao đổi", nhờ sự giúp đỡ của những ngân hàng này, công nhân dường như có thể mua sắm được tư liệu sản xuất riêng và có thể đảm bảo tiêu thụ được một cách "công bằng" các sản phẩm của mình. Pru-đông không hiểu vai trò và tác dụng của giai cấp vô sản, phủ nhận đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính của giai cấp vô sản; xuất phát từ lập trường vô chính phủ, Pru-đông đã phủ nhận tính tất yếu của nhà nước. Phái Pru-đông lý tưởng hóa nền tiểu sản xuất hàng hóa và trao đổi. "Không tiêu diệt

chủ nghĩa tư bản và cơ sở của nó, tức là nền sản xuất hàng hóa nhưng *quét ra khỏi* cơ sở đó những điều lạm dụng, những cái bấu tựa, v. v.; không xóa bỏ sự trao đổi và giá trị trao đổi, mà trái lại, lại "xác lập" giá trị trao đổi, làm cho nó trở thành phổ biến, tuyệt đối, "*công bằng*", không bị biến động, không lâm vào khủng hoảng, không bị lạm dụng — đó là tư tưởng của Pru-đông" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 24, tr. 167).

*Chủ nghĩa Pru-đông mới* là tên mà Lê-nin dùng để gọi các thuyết cải lương của phái Cau-xky, phái này đã mô tả sự thống trị của các tổ chức độc quyền và của các ngân hàng, quyền lực vô hạn của tập đoàn đầu sỏ tài chính, sự cướp đoạt thuộc địa, những cuộc thôn tính và những đặc điểm không thể tách rời khác của chủ nghĩa đế quốc như là một cái bấu tựa ngẫu nhiên của chế độ tư bản chủ nghĩa, phái Cau-xky đã bày đặt ra đủ kiểu dự án về "làm lành mạnh" chủ nghĩa tư bản, về khắc phục "những sự lạm dụng" của các tổ chức độc quyền v. v..

Vạch trần tính chất phản động của các thuyết tương tự, Lê-nin viết rằng, những nhà tư tưởng của các thuyết này "muốn "đi lùi" về chủ nghĩa tư bản nhỏ (chứ không tiến đến chủ nghĩa xã hội)" — xem tập này, tr. 84. — 115.

- <sup>16</sup> *Lý luận của Cau-xky về chủ nghĩa siêu đế quốc* — một thứ lý luận cơ hội chủ nghĩa cho rằng chủ nghĩa đế quốc có khả năng chuyển sang một giai đoạn mới — giai đoạn "tư bản tài chính thống nhất quốc tế", trong đó, dường như tạo ra được một nền kinh tế thế giới có tổ chức, gạt bỏ được những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc thông qua sự thỏa thuận giữa bọn tư bản thuộc các nước khác nhau. Lý luận "chủ nghĩa siêu đế quốc" là điểm cho chủ nghĩa đế quốc, tìm cách duy trì vĩnh viễn chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin chỉ ra rằng ý nghĩa xã hội thật sự của "lý luận" này, mục đích của nó là "an ủi quần chúng một cách cực kỳ phản động bằng cái hy vọng là có thể có hòa bình vĩnh cửu trong chế độ tư bản, làm cho quần chúng không chú ý đến những mâu thuẫn gay gắt và những vấn đề gay gắt hiện tại và hướng cho quần chúng chú ý đến những tiền đồ hư ảo của cái "chủ nghĩa đế quốc cực đoan" tương lai nào đó mà người ta gọi là mới. Chỉ lừa bịp quần chúng thôi, chứ ngoài ra thì tuyệt đối không có gì khác trong cái lý luận "mác-xít" đó của Cau-xky" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 528). Lý luận của Cau-xky về "chủ nghĩa siêu

đế quốc" đang được bọn tán dương chủ nghĩa đế quốc hiện nay lặp lại bằng những cách nói khác nhau, điều đó thể hiện trong đủ loại đề án tư sản và cải lương về thành lập một quốc gia tư bản chủ nghĩa thế giới với một chính phủ duy nhất v. v.. (Về sự phê phán của Lê-nin đối với lý luận phản mác-xít của Cau-xky, xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 519 - 533).

Trong thời kỳ lịch sử hiện nay, khi mà bên cạnh hệ thống đế quốc chủ nghĩa thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã xuất hiện và ngày càng tăng cường, thì các lực lượng chống đế quốc hùng hậu và ngày càng phát triển, trước hết là khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa hùng mạnh và phong trào vì hòa bình ở tất cả các nước đang dâng lên mạnh mẽ, có thể buộc các giới đế quốc chủ nghĩa xâm lược phải từ bỏ ý đồ gây ra những cuộc chiến tranh mới. Trong hoàn cảnh đó, như Cương lĩnh của đảng được thông qua tại Đại hội XXII Đảng cộng sản Liên-xô đã chỉ rõ, ngay cả trước khi chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên toàn bộ trái đất khi chủ nghĩa tư bản vẫn còn tồn tại ở một phần thế giới, đã có khả năng thực tế loại trừ chiến tranh thế giới ra khỏi đời sống của xã hội loài người. — 160.

- <sup>17</sup> Tài liệu về sản xuất sắt ở Đức do V. I. Lê-nin viết ở ngoài lề bản thảo; những tài liệu này lấy ở bảng thống kê in ở trang 95 của tạp chí "Die Bank", 1911, I, trong bài "Ngành luyện kim đen trong 100 năm". Ở phía dưới, V. I. Lê-nin dẫn một phân bảng này dưới nhan đề: "Tài liệu thống kê mới nhất về công nghiệp sắt" (xem tập này, tr. 204). — 202.
- <sup>18</sup> Tài liệu trong "Bút ký" và những nhận xét của Lê-nin về quan hệ giữa tư bản tài chính và chính phủ đã được phát triển hơn nữa trong cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" và trong các tác phẩm khác của Lê-nin. V. I. Lê-nin chứng minh rằng sự phát triển của các tổ chức độc quyền và của tư bản tài chính tất yếu dẫn đến chỗ một nhóm nhỏ bọn trùm sỏ công nghiệp và tài chính — tập đoàn đầu sỏ tài chính giữ vai trò quyết định trong nền kinh tế và chính trị ở các nước tư bản chủ nghĩa; bản thân chính phủ tư sản cũng phải hoàn toàn phục tùng tập đoàn đầu sỏ tài chính đó. Các tổ chức độc quyền chi phối và sử dụng bộ máy nhà nước bằng cách đưa các đại diện của chính phủ vào ban lãnh đạo các liên minh độc quyền và đưa các đại diện của các tổ chức độc quyền, đưa chính bọn tư bản trùm sỏ vào tham gia

chính phủ các nước tư bản chủ nghĩa, điều đó đang trở thành một hiện tượng đặc trưng trong điều kiện hiện nay. Chẳng hạn ở Mỹ, tất cả những cương vị chủ chốt trong chính phủ đều do bọn độc quyền kếch sù nắm, bọn này đại diện cho các nhóm tài chính chủ yếu là nhóm Moóc-gan, nhóm Rốc-cơ-phen-lơ và những nhóm khác. — 203.

- <sup>19</sup> Sự phê phán của Lê-nin đối với những kẻ biện hộ cho chủ nghĩa quân phiệt và đối với những lý lẽ lừa bịp của chúng — những cái lý lẽ nói rằng kinh phí chiến tranh là có ích và có lợi cho đất nước, — giúp ta vạch mặt những nhà tư tưởng hiện nay của các tổ chức độc quyền, những kẻ nhận bừa rằng quân sự hóa nền kinh tế là một phương tiện cứu nguy để thoát khỏi khủng hoảng và thất nghiệp. Trong các nước đế quốc chủ nghĩa, trước hết là ở Mỹ, các tổ chức tư bản độc quyền đang áp dụng rộng rãi việc quân sự hóa nền kinh tế, chạy đua vũ trang để làm giàu cho mình; nhờ chi phối được bộ máy nhà nước, các tổ chức tư bản độc quyền kiểm được cho mình những đơn đặt hàng quân sự khổng lồ với những điều kiện có lợi. Trong khi đó các nhà nước tư sản lại trút toàn bộ gánh nặng của việc quân sự hóa nền kinh tế và việc chạy đua vũ trang lên vai quần chúng lao động. Trong các nước đế quốc chủ nghĩa, sự bóc lột giai cấp công nhân ngày càng nặng nề, thuế khóa ngày một tăng. Chẳng hạn phần thuế thu nhập, khấu vào tiền lương của công nhân và nhân viên, ở Mỹ đã tăng từ 43% tổng số thuế thu nhập (không kể thuế đánh vào các công ty) trong năm tài chính 1943/44 lên tới 71% trong năm tài chính 1959/60. Đồng thời tổng số thuế gián thu, mà người phải nộp trước hết cũng lại là những người lao động, đã tăng từ 6,3 tỷ đô-la trong năm tài chính 1945/46 lên tới 13 tỷ đô-la trong năm tài chính 1959/60, trong khi đó các tổ chức độc quyền đã thu được những món lợi nhuận khổng lồ. Chẳng hạn, theo số liệu chính thức, có rút bớt, lợi nhuận của các tổ chức độc quyền Mỹ tăng từ 3,3 tỷ đô-la trong năm 1938 lên tới 44 tỷ đô-la trong năm 1961, nghĩa là gấp hơn 13 lần.

Việc quân sự hóa nền kinh tế trong các nước đế quốc chủ nghĩa là dấu hiệu rõ rệt nói lên rằng tính chất ăn bám và mục nát của chế độ tư bản chủ nghĩa đã tăng lên. — 230.

- <sup>20</sup> *Nít-xơ, Phri-đrích* (1844 - 1900) — nhà triết học phản động người Đức, một trong những nhà tư tưởng của thế lực phản động địa chủ - tư sản. Trong các tác phẩm của mình, y đã kịch liệt chống lại chế độ dân chủ, giai cấp công nhân và chủ nghĩa Mác, Nít-xơ

đã nghiên cứu các vấn đề chính trị - xã hội trên lập trường chủ nghĩa duy tâm chủ quan và "chủ nghĩa Đác-uy-nơ xã hội" tầm thường, thuyết "siêu nhân". Do những mưu đồ phản dân chủ phản động của nó, học thuyết Nít-xơ đã trở thành thứ triết học được hâm mộ của chủ nghĩa phát-xít. Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản đang sử dụng rộng rãi học thuyết Nít-xơ để tô điểm cho chủ nghĩa đế quốc thành một chế độ xã hội "tự nhiên", tựa hồ như chế độ này phù hợp với bản tính của con người, để bào chữa cho việc xâm lược, tán dương những cuộc chiến tranh ăn cướp. — 233.

- <sup>21</sup> Khẩu hiệu "*Liên bang châu Âu*" đã được đưa ra nhiều lần với nhiều cách trình bày khác nhau, nó đã được phổ biến đặc biệt rộng rãi trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất. Cùng với các nhà chính trị tư sản, phái Cau-xky, phái Tơ-rốt-xki và bọn cơ hội chủ nghĩa khác đã ra sức tuyên truyền cho cái khẩu hiệu đó. Trong bản tuyên ngôn chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "Chiến tranh và Đảng dân chủ - xã hội Nga" công bố ngày 1 tháng Mười một 1914 trên báo "Người dân chủ - xã hội", Lê-nin đã nhấn mạnh rằng khẩu hiệu "Liên bang châu Âu" là vô lý và đối trá "nếu chế độ quân chủ Đức, Áo và Nga không bị cách mạng lật đổ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 25). Trong một bài nổi tiếng nhan đề "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu" in ngày 23 tháng Tám 1915, Lê-nin đã phân tích những điều kiện kinh tế của chủ nghĩa đế quốc và đã chỉ rõ rằng "dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, Liên bang châu Âu hoặc là không thể thực hiện được, hoặc là phản động" (như trên, tr. 444).

Kinh nghiệm lịch sử và thực tế ngày nay hoàn toàn xác nhận rằng nhận định của Lê-nin về khẩu hiệu "Liên bang châu Âu" là đúng đắn.

Hiện nay, bọn đế quốc và những kẻ tôi tớ của chúng — bọn xã hội chủ nghĩa phái hữu đang ra sức đưa ra cái khẩu hiệu đó. Chúng mạo nhận những liên minh độc quyền Tây Âu đủ các loại như kiểu "Cộng đồng kinh tế châu Âu" ("Khối thị trường chung") v. v. là "Liên bang châu Âu"; những liên minh này được lập ra để tăng cường bóc lột những người lao động ở châu Âu tư bản chủ nghĩa, để cùng nhau cướp bóc các nước chậm phát triển về mặt kinh tế, để chuẩn bị xâm lược các nước xã hội chủ nghĩa. Chỉ có dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mới có thể thực hiện được việc thống nhất các nước ở châu Âu và ở các lục địa khác trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và anh em. Hệ thống xã hội chủ nghĩa

thế giới là một mẫu mực về sự liên minh như vậy giữa các dân tộc tự do và có chủ quyền. — 240.

<sup>22</sup> *Học thuyết Môn-rô* — bản tuyên bố về các nguyên tắc của chính sách đối ngoại của Mỹ, do tổng thống Giêm-xơ Môn-rô nêu lên trong thông điệp gửi quốc hội ngày 2 tháng Chạp 1823. Che đậy bằng học thuyết Môn-rô ("Châu Mỹ là dành cho người Mỹ"), nước Mỹ thực hiện các kế hoạch thực dân của nó ở châu Mỹ la-tinh, thường xuyên can thiệp vào công việc của các nước châu Mỹ la-tinh, áp đặt cho các nước này những hiệp ước nô dịch, dựng lên và ủng hộ các chính phủ phản dân, thích hợp với bọn tư bản độc quyền Mỹ, giúp bọn bù nhìn của chúng chống lại phong trào giải phóng dân tộc. — 241.

<sup>23</sup> "*Phái kinh tế đế quốc chủ nghĩa*" — một khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, xuất hiện vào thời kỳ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới 1914 - 1918. Trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, khuynh hướng này bộc lộ tại hội nghị đại biểu của các chi bộ ở ngoài nước, họp vào mùa xuân 1915 ở Béc-nơ (Thụy-si), tại hội nghị này, N. I. Bu-kha-rin đã đọc bản luận cương nhằm bảo vệ các quan điểm phản mác-xít, những quan điểm mà về sau Lê-nin đã gọi là khuynh hướng của "chủ nghĩa kinh tế đế quốc chủ nghĩa"; về sau G. L. Pi-a-ta-cốp và E. B. Bô-sơ đã tán thành luận cương này. Trong "Dự thảo cương lĩnh của Hội liên hiệp xã hội chủ nghĩa - cách mạng và của Đảng công nhân dân chủ - xã hội" Hà-lan, trong Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Mỹ và trong các đảng khác, cũng thấy xuất hiện những quan điểm tương tự. Lê-nin đã gọi "chủ nghĩa kinh tế đế quốc chủ nghĩa" là một căn bệnh quốc tế và Người đã tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại cái chủ nghĩa đó. "Phái kinh tế đế quốc chủ nghĩa" đã chống lại quyền dân tộc tự quyết, chống lại toàn bộ cương lĩnh tối thiểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là bản cương lĩnh đề ra cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những cuộc cải cách dân chủ. Lê-nin nhấn mạnh ý nghĩa vô cùng to lớn của khẩu hiệu quyền dân tộc tự quyết trong thời đại đế quốc chủ nghĩa; Người chỉ ra rằng những người mác-xít cần phải lợi dụng tất cả các thiết chế dân chủ nhằm mục đích chuẩn bị lật đổ chủ nghĩa đế quốc và ra sức "lợi dụng chế độ dân chủ tư sản để thiết lập một tổ chức xã hội chủ nghĩa và dân chủ triệt để của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản và chống chủ nghĩa cơ hội" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 95).

V. I. Lê-nin đã phê phán "chủ nghĩa kinh tế đế quốc chủ nghĩa" trong các tác phẩm: "Bàn về khuynh hướng "chủ nghĩa kinh tế đế quốc" đang nảy sinh"; "Trả lời P. Ki-ép-xki (I-u. Pi-a-ta-cốp)"; "Về một sự biếm họa chủ nghĩa Mác và về "chủ nghĩa kinh tế đế quốc"" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 76 - 87, 88 - 96, 99 - 169) và trong các tác phẩm khác. — 287.

<sup>24</sup> Trong cuốn "Chống Duy-rinh", ở chương III "Lý luận về bạo lực (Tiếp theo)", Ăng-ghe-n đã viết về các nhà nước tư bản chủ nghĩa như sau: "Quân đội trở thành mục đích chủ yếu của nhà nước, bản thân quân đội đã trở thành một mục đích; nhân dân chỉ còn là để cung cấp binh lính và nuôi binh lính thôi. Chủ nghĩa quân phiệt thống trị và dày xéo châu Âu. Nhưng chủ nghĩa quân phiệt đó cũng mang trong mình nó mầm mống của sự diệt vong của bản thân nó". Sự đua tranh giữa các nước, như Ăng-ghe-n đã chỉ rõ, bắt buộc các nước đó phải chi ngày càng nhiều tiền vào việc vũ trang khiến các nước đó ngày càng nhích gần tới chỗ suy sụp về tài chính; mặt khác, sự đua tranh đó buộc các nước đó phải thi hành ngày càng rộng rãi chế độ nghĩa vụ quân sự đối với mọi người, do đó dạy cho toàn dân nắm được cách sử dụng vũ khí; trong nhân dân đang xuất hiện khả năng thực tế là tới một thời điểm nào đó, nhân dân sẽ quay súng chia vào các giai cấp thống trị. "Đến lúc đó, thì quân đội của nhà vua biến thành quân đội của nhân dân, bộ máy từ chối không làm việc nữa, chủ nghĩa quân phiệt bị diệt vong vì tính chất biện chứng của chính ngay sự phát triển của nó" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 20, tr. 175). — 288.

<sup>25</sup> *Chủ nghĩa Man-tse-xtơ* (thuyết tự do thương mại) — một khuynh hướng trong đường lối kinh tế của giai cấp tư sản chủ trương tự do thương mại và nhà nước không được can thiệp vào hoạt động kinh doanh tư nhân. Khuynh hướng này xuất hiện ở Anh vào cuối thế kỷ XVIII; trong những năm 30 - 40 của thế kỷ XIX, giai cấp tư sản công nghiệp ở Man-tse-xtơ là đỉnh lỵ của thuyết tự do thương mại; vì vậy người ta cũng gọi phái tự do thương mại là "phái Man-tse-xtơ". Nhưng người cầm đầu "trường phái Man-tse-xtơ" là Cốp-đen và Brai-tơ. Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền, khuynh hướng tự do thương mại cũng đã tạo ra được cho mình một chỗ đứng ở Đức, Pháp, Nga và các nước

tư bản chủ nghĩa khác. Thuyết tự do thương mại đã được luận chứng về mặt lý luận trong các tác phẩm của A. Xmit và Đ. Ri-các-đô. — 314.

<sup>26</sup> *Phái nguy biện* — tên gọi mà ở Hy-lạp cổ đại người ta dùng để chỉ các nhà triết học chuyên nghiệp, các giáo sư triết học và hùng biện. Đặc điểm của phái nguy biện là họ tin rằng mọi quan niệm của con người, mọi tiêu chuẩn và mọi sự đánh giá về đạo đức đều mang tính chất tương đối. Phái nguy biện cố tình dùng những lý lẽ đối trá và lừa bịp (lý lẽ nguy biện), những mảnh khóe ngôn từ cốt để lừa dối. Phép nguy biện đã nhanh chóng thoái hóa thành một mảnh khóe chơi các khái niệm một cách vô bổ, một thuật bảo vệ và bác bỏ bất kỳ luận điểm nào trong những lời phát biểu và trong các cuộc tranh luận. 315.

<sup>27</sup> *Đồ lừa gạt* — luật sư, kẻ hay hoạnh hợ, kẻ ba hoa. V. I. Lê-nin gọi Cau-xky là một kẻ nguy biện và một kẻ lừa gạt vì y xuyên tạc bản chất thực sự của chủ nghĩa đế quốc, khi y lảng tránh thực chất của vấn đề bằng những câu nói lấp lửng, và y áp dụng phép nguy biện và sự giả dối về mặt lý luận để làm lu mờ những mâu thuẫn gay gắt nhất của chủ nghĩa đế quốc và bào chữa cho sự nhất trí với bọn tán dương tư bản, bọn xã hội - số-vanh công khai. — 315.

<sup>28</sup> *"Người cộng sản"* — tạp chí; do Lê-nin tổ chức và do ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" xuất bản cùng với G. L. Pi-a-ta-cốp và E. B. Bô-sơ, là những người chi kinh phí cho việc xuất bản tạp chí. Cả N. I. Bu-kha-rin cũng tham gia ban biên tập tạp chí. Chỉ ra được một số (kép) vào tháng Chín 1915. Tạp chí này đã đăng ba bài báo của V. I. Lê-nin: "Sự phá sản của Quốc tế II", "Tiếng nói chân thật của một người xã hội chủ nghĩa Pháp" và "Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội ở Ý" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 257 - 330; t. 27, tr. 5 - 15 và 16 - 28).

Kế hoạch xuất bản tạp chí đã được Lê-nin soạn thảo ra vào mùa xuân năm 1915. Lê-nin dự định làm cho tạp chí "Người cộng sản" trở thành cơ quan quốc tế của những người dân chủ - xã hội cánh tả. Nhưng chẳng bao lâu sau người ta đã thấy bộc lộ những sự bất đồng nghiêm trọng giữa ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" với Bu-kha-rin, Pi-a-ta-cốp và Bô-sơ, những sự bất đồng này trở nên sâu sắc thêm sau khi số 1 - 2 của tạp chí được xuất bản. Do hành vi chống đảng của nhóm này, ban biên tập báo "Người

dân chủ - xã hội", theo đề nghị của Lê-nin, đã tuyên bố rằng không thể tiếp tục ra tạp chí được (xem "Dự thảo nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về việc đình bản tạp chí "Người cộng sản" — Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 359 - 361). — 315.

<sup>29</sup> *"The Economist"* — tạp chí tư sản ra hàng tuần, xuất bản ở Luân-đôn từ năm 1843. — 320.

<sup>30</sup> *"Các công liên"* — những nghiệp đoàn ở Anh và ở các xứ tự trị thuộc Anh. Các hội viên của các công liên gia nhập Công đảng trên cơ sở tập thể. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, đa số các nhà lãnh đạo công liên giữ lập trường xã hội - số-vanh. Những nhà tư tưởng của các công liên phủ nhận sự cần thiết phải thành lập đảng cách mạng của giai cấp vô sản, trên thực tế họ thu hẹp vai trò của đảng công nhân lại chỉ còn là một cơ quan đại diện cho các công liên tại nghị viện. — 334.

<sup>31</sup> Đoạn ghi chép khoanh bằng vạch kép là trang đầu của quyển vở "9" có ghi tóm tắt nội dung của quyển vở đó: 1) Hin-phéc-đinh. "Tư bản tài chính", 2) Tô-rôt điện lực, 3) Thống kê phát hành chứng khoán, 4) Rít-xơ. Ba đoạn ghi chép đầu tiên trong quyển vở này được đánh số trang chung (1 - 10); các trang ghi nhận xét về cuốn sách của Rít-xơ được đánh số trang riêng (1 - 16). Phù hợp với điều đó, trong dàn bài tổng hợp toàn bộ tác phẩm về "Chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin đã dùng các ký hiệu "9", ""9R" (tức là quyển vở "9" — Rít-xơ) có chỉ rõ các trang để sử dụng các tài liệu tập hợp được trong quyển vở "9". — 396.

<sup>32</sup> Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" và trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", Lê-nin nhiều lần viện dẫn cuốn sách của R. Hin-phéc-đinh "Tư bản tài chính". Trong khi sử dụng những tài liệu thực tế của nguồn tài liệu này để nhận xét từng mặt riêng biệt của chủ nghĩa tư bản độc quyền, Lê-nin đồng thời cũng phê phán tác giả về những luận điểm và những kết luận không mác-xít về những vấn đề quan trọng nhất của chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin đã gọi Hin-phéc-đinh — một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II — là người theo chủ nghĩa Can-tơ và một người theo phái Cau-xky, một phần tử cải lương và "kẻ dụ dỗ giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa" (xem tập này, tr. 751). Trong khi tách rời chính trị



với kinh tế, Hin-phéc-đinh đã đưa ra trong cuốn sách của mình một định nghĩa không đúng về chủ nghĩa đế quốc và tư bản tài chính; ông ta xóa nhòa vai trò quyết định của các tổ chức độc quyền dưới chủ nghĩa đế quốc và tình trạng tất cả các mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc đều trở nên gay gắt; ông ta cũng coi thường những đặc điểm quan trọng của chủ nghĩa đế quốc như sự phân chia thế giới và đấu tranh nhằm phân chia lại thế giới, sự ăn bám và mục nát của chủ nghĩa tư bản, "đã thụt lùi so với Hốp-xon, một người Anh *công khai* theo chủ nghĩa hòa bình và chủ nghĩa cải lương" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 392). Mặc dù có những sai lầm nghiêm trọng, nhưng cuốn sách của Hin-phéc-đinh đã đóng vai trò tích cực nhất định trong việc nghiên cứu giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. — 396.

<sup>33</sup> *Chủ nghĩa Can-tơ*— hệ thống các quan điểm của Im-ma-nu-in Can-tơ— một nhà triết học Đức ở thế kỷ XVIII— được phát triển trong các tác phẩm của ông như: "Phê phán lý tính thuần túy" (1781), "Phê phán lý tính thực tiễn" (1788) và "Phê phán năng lực phán đoán" (1790). "Đặc trưng chủ yếu của triết học Can-tơ, — Lê-nin chỉ rõ, — là ở chỗ nó dung hòa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm, thiết lập sự thỏa hiệp giữa hai chủ nghĩa đó, kết hợp hai khuynh hướng triết học khác nhau và đối lập nhau trong một hệ thống duy nhất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 18, tr. 238). Can-tơ mưu toan "dung hòa" tín ngưỡng với tri thức, tôn giáo với khoa học. Chủ nghĩa Can-tơ là thứ triết học được ưa chuộng nhất của bọn cơ hội chủ nghĩa đủ các loại, kể cả phái Cau-xky. C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã vạch trần bản chất của chủ nghĩa Can-tơ; V. I. Lê-nin đã phê phán toàn diện chủ nghĩa đó trong tác phẩm của Người "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 18, tr. 7 - 449).

*Chủ nghĩa Can-tơ mới*— một khuynh hướng phản động trong triết học tư sản, tuyên truyền chủ nghĩa duy tâm chủ quan dưới khẩu hiệu phục hồi triết học của I. Can-tơ; khuynh hướng này xuất hiện ở Đức vào giữa thế kỷ XIX. Dưới khẩu hiệu "Quay về với Can-tơ!", bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới tiến hành đấu tranh chống lại chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong tác phẩm "Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức", Ăng-ghen gọi bọn theo chủ nghĩa Can-

tơ mới là "bọn phản động về lý luận", "một bọn thảm hại theo chủ nghĩa chiết chung và chuyên nói những điều vụn vặt". Bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới đã đem "chủ nghĩa xã hội đạo đức" đối lập với chủ nghĩa xã hội khoa học. "Lý luận" của bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới đã được bọn xét lại đứng đầu là E. Béc-stanh vớ ngay lấy.

V. I. Lê-nin đã vạch trần thực chất phản động của chủ nghĩa Can-tơ mới và nêu rõ mối liên hệ của nó với những khuynh hướng khác của triết học tư sản (với chủ nghĩa Ma-khơ, chủ nghĩa thực dụng và các loại chủ nghĩa khác). — 397.

<sup>34</sup> V. I. Lê-nin nhận xét rằng Hin-phéc-đinh không đúng khi quả quyết rằng Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đã có "công" vạch ra ý nghĩa của học thuyết của C. Mác về tái sản xuất tư bản chủ nghĩa và về khủng hoảng. Thực tế, nhà kinh tế học tư sản này, trong những năm 90, là đại biểu nổi tiếng của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", và trong các tác phẩm của mình, Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đã xuyên tạc và mưu toan bác bỏ học thuyết của Mác về tái sản xuất và về khủng hoảng. Trong khi phủ nhận mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản và mâu thuẫn do mâu thuẫn cơ bản đó để ra giữa khát vọng không ngừng mở rộng sản xuất với khả năng tiêu dùng có hạn do quần chúng nhân dân ở vào tình trạng vô sản, Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki khẳng định dường như trong điều kiện chủ nghĩa tư bản có khả năng tích lũy vô hạn và phát triển sản xuất một cách thoải mái không tùy thuộc vào sự tiêu dùng và vào mức sống của quần chúng nhân dân. Ngày nay, những lý luận biện hộ cho chủ nghĩa tư bản tương tự đang được các nhà kinh tế học tư sản truyền bá. Thực tế tư bản chủ nghĩa đã bác bỏ những học thuyết tầm thường này và hoàn toàn xác nhận tính đúng đắn của học thuyết mác-xít về tích lũy tư bản chủ nghĩa và về khủng hoảng. — 400.

<sup>35</sup> *AÊG ("An-ghê-mai-nơ ê-lếch-to-ri-ti-tét ghê-den-sáp-phơ")* ("Tổng công ty điện khí")— tờ-rốt lớn nhất của ngành công nghiệp điện ở Đức; thành lập năm 1883. AÊG có liên hệ qua sự liên kết bằng con người với các ngân hàng lớn ở Đức, Tơ-rốt thép, công-xoóc-xi-om đường ống Man-nê-xman, công-xoóc-xi-om Krúp và với nhiều tổ chức độc quyền khác; cùng với tờ-rốt Xi-men-xơ của Đức, AÊG độc quyền thống trị trong công nghiệp điện ở Đức; đến đầu chiến tranh thế giới thứ hai, tổng công ty này đã có các công ty con và các cơ quan đại diện ở 34 nước.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các xí nghiệp của AÊG nằm trên lãnh thổ của nước Cộng hòa dân chủ Đức đã được quốc hữu

hóa; trên lãnh thổ của Cộng hòa liên bang Đức, công-xoóc-xi-om hoàn toàn vẫn nằm trong tay bọn chủ cũ.

GÊC)"Giê-nê-ran ê-lếch-tơ-rích côm-pa-ni") ("Tổng công ty điện khí") — tư-rốt lớn nhất về kỹ thuật điện ở Mỹ, một trong những tổ chức độc quyền có thế lực mạnh nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa, tư-rốt này do nhóm tài chính của dòng họ Moóc-gan kiểm soát; thành lập năm 1892. Năm 1960, sản xuất trên 50% các thiết bị nặng về điện ở trong nước; chiếm vị trí chủ chốt trong ngành sản xuất vũ khí nguyên tử, trong việc chế tạo các động cơ phản lực, các thiết bị điện tử và quân sự và các loại tuốc-bin dùng cho các tàu chiến và máy bay quân sự. "Giê-nê-ran ê-lếch-tơ-rích" có gần 200 nhà máy với 250 nghìn công nhân và nhân viên phục vụ; nó cầm đầu các-ten Mỹ về thiết bị điện; nó có các xí nghiệp con và các phòng tiêu thụ ở đa số các nước tư bản chủ nghĩa.

Năm 1922, bản hiệp nghị về phân chia thế giới ký năm 1907 giữa AÊG và GÊC đã được ký lại. GÊC đã mua được gần 30% cổ phần của AÊG và trở thành cổ đông lớn nhất của AÊG. Trong khi thúc đẩy việc vũ trang lại chủ nghĩa đế quốc Đức, tư bản Mỹ đã cấp rất nhiều vốn cho AÊG. Năm 1960, "Giê-nê-ran ê-lếch-tơ-rích" có gần 30% tư bản cổ phần của AÊG. — 403.

<sup>36</sup> Tới thời gian đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, công ty cán thép A. Tít-xen, thành lập năm 1871, đã trở thành nhà máy liên hợp khai khoáng — luyện kim lớn nhất ở châu Âu; công ty này có các lò luyện gang, các nhà máy đúc và cán thép, các mỏ sắt và các mỏ than, các nhà máy chế tạo máy, các xí nghiệp vận tải và thương nghiệp, các nhà máy quân sự. Gia đình Tít-xen đóng vai trò lãnh đạo trong việc thành lập Tư-rốt thép năm 1926 — tư-rốt này là một xí nghiệp liên hợp công nghiệp quân sự lớn nhất và là một trong những tổ chức độc quyền mạnh nhất ở Đức; gia đình Tít-xen đã tích cực xúc tiến việc thiết lập chế độ độc tài phát-xít ở Đức. Tư-rốt thép Tít-xen gắn bó chặt chẽ với nhiều tổ chức độc quyền công nghiệp và ngân hàng của nước Đức phát-xít và với tư bản độc quyền quốc tế. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Tư-rốt thép phân thành 2 công-xoóc-xi-om lớn — "Tít-xen" và "Ranh-stan". Công-xoóc-xi-om luyện kim "Tít-xen" giữ địa vị chủ chốt trong ngành sản xuất gang và thép ở Tây Đức.

Hu-gô Xtin-nê-xơ đã thành lập xí nghiệp công nghiệp khai khoáng vào năm 1893; sau chiến tranh thế giới thứ nhất, xí nghiệp này phát triển thành một liên hiệp độc quyền lớn, bao gồm trên 1 500

xí nghiệp thuộc các ngành công nghiệp khác nhau. Chẳng bao lâu sau khi Xtin-nê-xơ chết (1924), công-xoóc-xi-om do ông ta thành lập bị phá sản, song với sự giúp đỡ của các ngân hàng Mỹ, những người kế thừa Xtin-nê-xơ đã ngăn chặn được việc giải thể tổ chức độc quyền đó. Sau khi tách khỏi công-xoóc-xi-om Xtin-nê-xơ, xí nghiệp liên hợp luyện kim "Ranh - En-nê u-ni-ôn" đã trở thành một trong những bộ phận chủ chốt của Tư-rốt thép. Quyền kiểm soát đối với các xí nghiệp còn lại trong công-xoóc-xi-om Xtin-nê-xơ chuyển sang tay công ty "Hu-gô Xtin-nê-xơ coóc-pô-rây-sân". Công ty này được thành lập ở Mỹ; những người kế thừa của Xtin-nê-xơ và các chủ ngân hàng Mỹ cho công-xoóc-xi-om đó vay nhiều tiền đã trở thành những thành viên của công ty này. — 412.

<sup>37</sup> Những đoạn trích và trình bày một số chỗ trích từ cuốn sách của Hốp-xơn là do N. C. Crúp-xcai-a ghi. Khi xem lại các đoạn trích, Lê-nin đã gạch dưới một số chỗ, Người đã ghi nhận xét, đánh dấu ở ngoài lề. Lê-nin đã đánh số trang của quyển vở đó. Những chỗ Lê-nin gạch dưới được trình bày bằng các cỡ chữ sau đây: những chỗ gạch một gạch dưới được in bằng *chữ nghiêng*; những chỗ gạch hai gạch dưới — in bằng chữ *nghiêng in rời*; những chỗ gạch ba gạch dưới — in bằng **chữ nhỏ đậm nét**; những chỗ gạch dưới bằng một lần sóng in bằng CHỮ HOA IN RỒI. Tất cả những phần Lê-nin bỏ sung đều in bằng **chữ đậm** và khi các phần bỏ sung có những chỗ gạch dưới thì những chỗ gạch dưới này được trình bày như sau: chỗ gạch một gạch dưới — in bằng **chữ đậm nét**, chỗ gạch hai gạch dưới — in bằng **chữ đậm nét in rời**.

Trong lời tựa viết cho tác phẩm của mình "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", Lê-nin chỉ ra rằng Người đã sử dụng cuốn sách của Gi. A. Hốp-xơn với sự chú ý thích đáng. Giôn Át-kin-xơn Hốp-xơn (1858 - 1940) là một nhà kinh tế học người Anh nổi tiếng, xét về mặt quan điểm thì ông ta là một phần tử cải lương tư sản và một người thuộc phái hòa bình chủ nghĩa. Trong số những cuốn sách nổi tiếng nhất, do Hốp-xơn viết, có những cuốn "Những vấn đề nghèo khổ", "Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại" và "Chủ nghĩa đế quốc", Lê-nin gọi tác phẩm này là tác phẩm chủ yếu bằng tiếng Anh nói về chủ nghĩa đế quốc và cho cuốn sách đó là một mẫu mực tiêu biểu của sự phê phán mang tính chất tiểu tư sản về chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin nhận xét rằng công trình này của Hốp-xơn đã "mô tả được rất

hay và tường tận những đặc điểm kinh tế và chính trị chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 395). Trong "Bút ký về chủ nghĩa đế quốc" Lê-nin viết rằng, cuốn sách của Hốp-xơn nói về chủ nghĩa đế quốc "nói chung là bổ ích, nhưng nó đặc biệt bổ ích vì nó giúp vạch trần sự dối trá cơ bản của chủ nghĩa Cau-xky trong vấn đề này" (tập này, tr. 114 - 115). Trong khi sử dụng tài liệu thực tế phong phú trong cuốn sách của Hốp-xơn, Lê-nin đồng thời phê phán những kết luận có tính chất cải lương của ông ta và những mưu đồ của ông ta nhằm bảo vệ chủ nghĩa đế quốc dưới một hình thức che đậy. — 487.

38 *Chủ nghĩa xã hội đạo đức* — một học thuyết duy tâm của những người thuộc phái Can-tơ mới ở Đức — H. Cô-hen, P. na-toóc-pơ, E. Cát-xi-rê-rơ và những người khác. Học thuyết này đã trở thành một trong những giáo điều chủ yếu trong quan điểm của E. Béc-stanh, "người thầy của chủ nghĩa xét lại" cũng như của C. Phoóc-len-đơ — thủ lĩnh về mặt triết học của những người dân chủ - xã hội Đức cánh hữu. Chủ nghĩa xã hội đạo đức phủ nhận những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội và phủ nhận tính tất yếu khách quan của chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội đạo đức tuyên bố rằng chế độ xã hội chủ nghĩa là một lý tưởng về đạo đức mà người ta có thể đạt được trong một tương lai xa xôi chỉ bằng cách giáo dục lại về mặt đạo đức cho những người lao động và những kẻ bóc lột chứ không cần có đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Trong hoàn cảnh hiện nay, hệ tư tưởng của chủ nghĩa xã hội đạo đức đang được những người xã hội chủ nghĩa cánh hữu trong các nước tư bản chủ nghĩa sử dụng một cách rộng rãi để làm cho quần chúng lãng quên cuộc đấu tranh cách mạng. — 509.

39 Có ý nói đến cuộc chiến tranh Anh - Bô-e (tháng Mười 1899 - tháng Năm 1902) — một cuộc chiến tranh giành thuộc địa và ăn cướp của Anh chống lại các nước cộng hòa ở Nam Phi - Tô-ran-xva-an và Ô-răng-giơ; do cuộc chiến tranh này, hai nước nói trên đã mất độc lập và trở thành thuộc địa của Anh. — 510.

40 Trong bản thảo, Lê-nin ghi ở chỗ này như sau: "xem phần bổ sung ở trên, tr. 7 của quyển vở này". Ở phía trên tr. 7 của quyển vở Lê-nin viết: "(xem tr. 41 quyển vở này)". Theo lời chỉ dẫn này của Lê-nin, đoạn trích ghi ở tr. 7 của quyển vở được in vào tập này không theo thứ

tự số trang của quyển vở mà theo thứ tự các đoạn trích từ cuốn sách của Hốp-xơn. — 523.

41 Các đoạn trích từ cuốn sách của Xam-ba do N. C. Crúp-xcai-a ghi; những nhận xét, bổ sung (xem chỗ in hơi đậm), những chỗ gạch dưới các đoạn trích dẫn (xem chỗ in nghiêng khi có một gạch dưới, in nghiêng rời khi có hai gạch dưới) và đánh số trang là do V. I. Lê-nin ghi. — 531.

42 *Danh mục những chỗ trích trong cuốn sách của Sun-txê - Ghê-véc-ni-txơ* do Lê-nin ghi khi Người đọc cuốn sách này, để sau đó Người trích những đoạn tương ứng (xem phần dưới, tr. 542 - 562 tập này). Những đoạn trích ở 11 trang ghi đầu tiên thì Lê-nin viết vào quyển vở theo thứ tự mà Người đã nêu ra. Tiếp theo, trong quyển vở còn có cả một loạt những đoạn trích từ trang 229 - 375, không đánh dấu trong danh mục (có lẽ bản thảo này bị mất). Phần cuối danh mục, từ tr. 401, trùng hợp đúng với các đoạn ghi của Lê-nin ở trong quyển vở. — 542.

43 *Lũy chiến đấu* — thuật ngữ quân sự chỉ một loại bờ dốc, một con đê, một ụ đất trước hào ngoài của thành lũy. — 542.

44 *Phôn-cơ-xra-át* — nghị viện Bô-e. — 553.

45 *Ran-đơ* (tên gọi đầy đủ là Vít-va-téc-xran-đơ) — vùng công nghiệp vàng lớn nhất nằm trong tỉnh Tô-ran-xva-an ở Liên bang Nam Phi. Ở vùng này người ta khai thác được trên 1/3 số vàng của toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa. — 554.

46 Những số liệu về sản lượng than năm 1911 là do V. I. Lê-nin trích ở "Điểm tình hình quốc tế", bảng 19, trong "Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich" ("Niên giám thống kê của đế quốc Đức"), 1915, tr. 33\*. — 567.

47 Những số liệu nói về tiêu dùng chè và rượu mạnh là số liệu về châu Úc. — 575.

48 Trong lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Pháp và tiếng Đức của tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", Lê-nin đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của số liệu nói về đường sắt trên toàn thế giới đối với việc nhận định

chủ nghĩa tư bản độc quyền: "Sự phân phối và sự phân phối không đều mạng lưới đường sắt, sự phát triển không đều của mạng lưới ấy, đó là kết quả của chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa tư bản độc quyền, trên phạm vi toàn thế giới" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 388 - 389). Các số liệu thống kê về đường sắt, được in trong tập này tr. 586 - 594, 595 - 600, cho thấy rõ rằng Lê-nin đã thu thập, theo các nguồn tài liệu khác nhau, và xử lý một khối lượng tư liệu vô cùng nhiều về sự phát triển các mạng lưới đường sắt ở các nước khác nhau (các cường quốc lớn nhất, các quốc gia độc lập và nửa độc lập, các thuộc địa) trong những năm 1890 và 1913. So sánh các số liệu này với mức tăng sản lượng sắt và than, Lê-nin đã vạch ra sự mất cân đối giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất với việc xây dựng đường sắt của các nước khác nhau (là hậu quả của việc độc chiếm các thuộc địa). Những kết quả của việc nghiên cứu thống kê đường sắt được khái quát hóa trong hai bảng thống kê ngắn, đã được Lê-nin xét trong chương VII cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 500 - 502). — 586.

<sup>49</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 335 - 360. — 605.

<sup>50</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 21, tr. 232. — 610.

<sup>51</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 550. — 610.

<sup>52</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 385 - 387. — 611.

<sup>53</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 457 - 474. — 612.

<sup>54</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 503 - 509. — 612.

<sup>55</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 540. — 614.

<sup>56</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, phần II, 1936, tr. 388 - 401. — 614.

<sup>57</sup> Ở đây và ở những chỗ tiếp theo là nói về tờ báo "Hamburger Echo" ("Tiếng vang Ham-buốc) — báo ra hàng ngày, cơ quan của tổ chức Ham-buốc của Đảng dân chủ - xã hội Đức; được thành lập vào năm 1875 với tên gọi là "Hamburg — Altonaer Volksblatt" ("Báo nhân dân Ham-buốc — An-tôn khổ nhỏ"), từ 1887 đến nay xuất bản dưới tên gọi "Hamburger Echo". Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới (1914 - 1918), giữ lập trường xã hội - sô-van-h. Tháng Ba 1933, tờ báo bị chính phủ Hít-le đóng cửa. Tháng Tư 1946, lại bắt đầu xuất bản trở lại. — 615.

<sup>58</sup> Dựa vào đủ mọi thủ đoạn xảo trá, áp lực và mua chuộc, trong những năm 1879 - 1884, vua Bỉ Lê-ô-pôn II (1835 - 1909) đã chiếm được một lãnh thổ rộng lớn trong lưu vực sông Công-gô. Hội nghị Béc-lanh 1884 - 1885 đã ghi nhận việc biến các lãnh thổ bị chiếm đó thành sở hữu riêng của Lê-ô-pôn II dưới tên gọi là "Nhà nước Công-gô tự do". Việc xâm chiếm đất nước này đi liền với những cuộc đàn áp khốc liệt các bộ lạc người Phi và đem đến cho họ không biết bao nhiêu điều bất hạnh. Năm 1908, Lê-ô-pôn II đã "nhượng" những quyền riêng của mình ở Công-gô cho Bỉ một cách rất có lợi cho bản thân, và nước này trở thành thuộc địa của Bỉ. Các tổ chức tư bản độc quyền Bỉ, Anh, Pháp và các nước khác nắm toàn quyền việc cai quản nước này. Do sự bóc lột tàn nhẫn của chủ nghĩa tư bản ở Công-gô, những cuộc nổi dậy của nhân dân chống lại bọn đế quốc đã nhiều lần nổ ra, nhưng đã bị bọn thực dân đàn áp khốc liệt. Do sức ép của phong trào giải phóng dân tộc, ngày 30 tháng Sáu 1960 Công-gô đã được tuyên bố độc lập. — 636.

<sup>59</sup> Xem C. Mác "Tư bản", tiếng Nga, tập III, phần II, 1955, tr. 492. — 691.

<sup>60</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 19, tr. 151 - 156; đoạn trích dẫn này là ở tr. 152. — 702.

<sup>61</sup> Nghị quyết của *Đại hội Stút-ga của Quốc tế II* (tháng Tám 1907) "Chủ nghĩa quân phiệt và những sự xung đột quốc tế", mà V. I. Lê-nin đã tham gia soạn thảo, chỉ ra rằng chủ nghĩa quân phiệt là công cụ chủ yếu để thống trị giai cấp; bản nghị quyết đó

nhấn mạnh rằng nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội không những chỉ là đấu tranh chống chiến tranh bùng nổ hoặc chấm dứt một cách hết sức nhanh chóng những cuộc chiến tranh đã bắt đầu, mà còn phải đấu tranh để lợi dụng sự khủng hoảng do chiến tranh gây nên nhằm mau chóng đánh đổ giai cấp tư sản. Xem các bài báo của V. I. Lê-nin "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 83 - 91 và 97 - 109). — 705.

<sup>62</sup> "*Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế chủ nghĩa Đức*" ("Internationale Sozialisten Deutschlands", I. S. D.) — nhóm những người dân chủ - xã hội cánh tả ở Đức, tập hợp xung quanh tạp chí "Lichtstrahlen" ("Tia sáng") trong những năm chiến tranh để quốc chủ nghĩa thế giới. Tạp chí này xuất bản ở Béc-ling từ 1913 đến 1921. Nhóm này không có liên hệ rộng rãi với quần chúng và đã tan rã một cách nhanh chóng.

*Nhóm "Quốc tế"* — một tổ chức cách mạng của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức; tổ chức này do C. Liép-nếch, R. Lú-xâm-bua, Ph. Mê-rinh, C. Txét-kin, Giu, Mác-khlép-xki, L. I-ô-ghi-khê-xơ (Tư-sca), V. Pích sáng lập vào hồi đầu chiến tranh để quốc chủ nghĩa thế giới. Tháng Tư 1915, R. Lú-xâm-bua và Ph. Mê-rinh thành lập tạp chí "Die Internationale", tập hợp xung quanh tạp chí này là một nhóm chủ yếu của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức. Ngày 1 tháng Giêng 1916, tại Béc-ling, Hội nghị những người dân chủ - xã hội cánh tả toàn Đức đã họp. Tại hội nghị, nhóm này đã hình thành về mặt tổ chức và thông qua quyết định đặt tên là nhóm "Quốc tế". Từ năm 1916 nhóm "Quốc tế", ngoài những truyền đơn chính trị phát hành năm 1915, bắt đầu xuất bản và phổ biến bí mật "Những bức thư chính trị" ký tên "Xpác-ta-cút" (xuất bản đều đặn cho đến tháng Mười 1918); do đó nhóm "Quốc tế" cũng được gọi là nhóm "Xpác-ta-cút".

Phái Xpác-ta-cút tiến hành tuyên truyền cách mạng trong quần chúng, tổ chức những cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng chống chiến tranh, lãnh đạo các cuộc bãi công, vạch trần tính chất đế quốc chủ nghĩa của chiến tranh thế giới và sự phản bội của các thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội. Song, phái Xpác-ta-cút đã phạm những sai lầm nghiêm trọng về các vấn đề lý luận và chính trị.

Tháng Tư 1917, phái Xpác-ta-cút gia nhập Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức có xu hướng phái giữa, nhưng vẫn giữ độc

lập về tổ chức. tháng Mười một 1918, giữa lúc cách mạng đang diễn ra ở Đức, phái Xpác-ta-cút sau khi đoạn tuyệt với phái "độc lập", đã thành lập "Liên minh Xpác-ta-cút" và ngày 14 tháng Chạp 1918 đã công bố cương lĩnh của họ. Tại Đại hội thành lập (30 tháng Chạp 1918 - 1 tháng Giêng 1919) những người Xpác-ta-cút đã thành lập Đảng cộng sản Đức. V. I. Lê-nin đã nhiều lần phê phán những sai lầm của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức, chỉ rõ tính không triệt để trong lập trường của họ. Đồng thời Người đã đánh giá cao hoạt động cách mạng của họ. — 713.

<sup>63</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm hai tập, tiếng Nga, t. II, 1955, tr. 386 - 400; đoạn trích dẫn này là ở tr. 398. — 718.

<sup>64</sup> Đoạn này Lê-nin trích từ bài báo của C. Cau-xky "Tôn giáo" đăng trên "Die Neue Zeit", xuất bản năm thứ 32, 1913/1914, t. I, số 6, 7. XI. 1913, tr. 182 - 188 (đoạn đầu bài báo) và số 10, 5. XII. 1913, tr. 352 - 360 (đoạn cuối bài báo). — 721.

<sup>65</sup> Lê-nin trích đoạn này từ lời giới thiệu bài báo của M. V. Ô-vinh-tôn "Tình cảnh người da đen ở Mỹ", đăng trên tờ "Die Neue Zeit", 1914, t. I, tr. 382 - 383 và từ lời giới thiệu bài báo của I. M. Rây-môn-đơ "Vấn đề người da đen" cũng đăng trên báo đó, tr. 592. — 721.

<sup>66</sup> "*Công nhân công nghiệp thế giới*" ("I. W. W.", "Công nhân công nghiệp thế giới") — tổ chức công đoàn của công nhân Mỹ, thành lập năm 1905; tổ chức này tập hợp chủ yếu là các công nhân không lành nghề và hưởng lương thấp thuộc các ngành nghề khác nhau. Các nhà hoạt động của phong trào công nhân Mỹ như: Đ. đơ Lê-ông, Ô. Đép-xơ và U. Hây-vút đã tích cực tham gia việc thành lập tổ chức này. Tổ chức "Công nhân công nghiệp thế giới" đã tiến hành nhiều cuộc bãi công có tính chất quần chúng đạt kết quả. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, với sự tham gia của tổ chức này, giai cấp công nhân Mỹ đã tiến hành nhiều hoạt động chống chiến tranh. Một số người lãnh đạo của tổ chức "Công nhân công nghiệp thế giới" — U. Hây-vút và những người khác đã chào mừng cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại và gia nhập Đảng cộng sản Mỹ. Đồng thời, hoạt động của tổ chức đã biểu hiện những nét của chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ như: tổ chức này không thừa nhận cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản, phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng công nhân cách mạng, phủ nhận tính tất yếu của chuyên chính vô sản. Do chính

sách cơ hội chủ nghĩa của ban lãnh đạo, tổ chức "Công nhân công nghiệp thế giới" trở thành một tổ chức biệt phái, bị mất ảnh hưởng một cách nhanh chóng trong phong trào công nhân.

*Đảng xã hội chủ nghĩa Mỹ* được thành lập vào tháng Bảy 1901 tại cuộc đại hội ở In-đi-a-nô-pô-li-xơ, do sự thống nhất các nhóm đã tách khỏi Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa và Đảng dân chủ - xã hội Mỹ. Một trong những người thành lập Đảng dân chủ - xã hội Mỹ là O-giê-n Đép-xơ, một nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Mỹ; Đép-xơ, một nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Mỹ; Đép-xơ cũng là một trong số những người sáng lập ra đảng mới. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, trong Đảng xã hội chủ nghĩa đã hình thành ba phái: phái xã hội - sô-vanh ủng hộ chính sách đế quốc chủ nghĩa của chính phủ; phái giữa chỉ phản đối cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa trên lời nói mà thôi; phái thiểu số cách mạng đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa và đấu tranh chống chiến tranh.

Dựa vào những phân tử vô sản, cánh tả của Đảng xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Sác-lơ Ru-ten-béc-gơ, Uy-li-am Phô-xơ, B. Hây-vút và những người khác đã tiến hành cuộc đấu tranh chống lại ban lãnh đạo cơ hội chủ nghĩa của đảng nhằm tiến hành các hoạt động chính trị độc lập của giai cấp vô sản, thành lập các công đoàn sản xuất trên cơ sở những nguyên tắc đấu tranh giai cấp. Năm 1919, trong Đảng xã hội chủ nghĩa đã có sự phân liệt. Cánh tả sau khi rút ra khỏi Đảng xã hội chủ nghĩa đã trở thành người khởi xướng việc thành lập Đảng cộng sản Mỹ và là hạt nhân chủ yếu của đảng này.

Hiện nay Đảng xã hội chủ nghĩa là một tổ chức biệt phái có số lượng đảng viên rất ít ỏi. — 721.

<sup>67</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 296 - 301 và 302 - 305. — 722.

<sup>68</sup> *Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Mỹ* được thành lập vào năm 1876 tại đại hội thống nhất họp tại Phi-la-đen-phi-a, do việc hợp nhất các chi bộ ở Mỹ của Quốc tế I với những tổ chức xã hội chủ nghĩa khác. Đại hội được tiến hành với sự tham gia lãnh đạo của Ph.-A. Doóc-ghe, bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n. Chiếm tuyệt đại đa số trong đảng là những người nhập cư, ít có quan hệ với công nhân bản địa người Mỹ. Trong những năm đầu, phái Lát-xan, những kẻ phạm những sai lầm có tính chất biệt phái - giáo điều, chiếm địa vị lãnh đạo trong đảng. Mác và Ăng-ghe-n đã

kịch liệt phê phán sách lược biệt phái của những người xã hội chủ nghĩa Mỹ. Vào những năm 90, cánh tả do Đ. đơ Lê-ông đứng đầu, đã nắm được quyền lãnh đạo Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa, nhưng phái này đã phạm những sai lầm có tính chất công đoàn chủ nghĩa vô chính phủ. Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa đã từ bỏ cuộc đấu tranh nhằm thực hiện những yêu sách từng phần của giai cấp công nhân, từ bỏ công tác trong các công đoàn theo chủ nghĩa cải lương và ngày càng mất những mối liên hệ vốn đã yếu ớt với phong trào công nhân có tính chất quần chúng. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa ngả theo chủ nghĩa quốc tế. Do ảnh hưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, bộ phận cách mạng nhất của đảng đã tham gia tích cực vào việc thành lập Đảng cộng sản Mỹ. Hiện nay, Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa là một tổ chức có ít người, không có ảnh hưởng đến phong trào công nhân Mỹ.

*Liên đoàn lao động Mỹ* là một liên hiệp công đoàn ở Mỹ, thành lập năm 1881. Liên đoàn lao động Mỹ được thành lập theo nguyên tắc phường hội, tập hợp chủ yếu là "tầng lớp công nhân quý tộc". Tạp chí "American Federationist" ("A-mê-ri-cân Phê-đê-rây-sân-ni-tơ") ra hàng tháng, xuất bản ở Oa-sinh-tơn từ năm 1894, là cơ quan ngôn luận chính thức của Liên đoàn lao động Mỹ. Ban lãnh đạo cơ hội chủ nghĩa của Liên đoàn lao động Mỹ tuyên truyền "sự hợp tác giai cấp" và đứng trên lập trường bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa, thì hành chính sách chia rẽ phong trào công nhân quốc tế và tích cực ủng hộ chính sách đối ngoại xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Năm 1955, Liên đoàn lao động Mỹ đã sáp nhập với một liên hiệp công đoàn khác — Đại hội các công đoàn sản xuất. Tổ chức thống nhất mới lấy tên là Liên đoàn lao động Mỹ — Đại hội các công đoàn sản xuất. — 724.

<sup>69</sup> Bài này được cắt trong báo "Leipziger Volkszeitung" ra ngày 10 tháng Bảy 1916 và dán trong quyển vở "ô-mi-crôn"; không ghi tác giả bài báo là ai. — 734.

<sup>70</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 17, tr. 1 - 6 và 277 - 281. — 737.

<sup>71</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 253. Vở ghi chép "Chủ nghĩa Mác bản về nhà nước" là tài liệu mà V. I. Lê-nin chuẩn bị để viết cuốn "Nhà nước và

- cách mạng"; quyển vở này được viết vào tháng Giêng — tháng Hai 1917 ở Xuy-rích (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 33). Chỗ viện dẫn quyển vở "Chủ nghĩa Mác bàn về nhà nước" có lẽ về sau mới được viết vào, trong thời kỳ viết tác phẩm "Nhà nước và cách mạng". — 737.
- <sup>72</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 256. — 737.
- <sup>73</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 263. — 737.
- <sup>74</sup> Ngày tháng của bức thư của C. Mác đăng trên "Die Neue Zeit" ở đây ghi không đúng, mà phải là 4 tháng Hai 1871 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 257). Đoạn trích này được trích từ bức thư đề ngày 16 tháng Giêng 1871, xem như trên, tr. 256. — 738.
- <sup>75</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 16, tr. 438. — 738.
- <sup>76</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVI, 1935, tr. 368. — 738.
- <sup>77</sup> Trong bài báo của mình "Những mục đích của chiến tranh", Ph. Ăt-lơ đã viện dẫn bản tuyên bố của đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Quốc hội Phổ ngày 17 tháng Giêng 1916. — 749.
- <sup>78</sup> Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, Tô-rốt-xki thi hành đường lối phái giữa, ủng hộ chủ nghĩa xã hội - đế quốc. Lê-nin coi phái giữa là biến tướng độc hại và nguy hiểm nhất của chủ nghĩa cơ hội, vì bọn cơ hội chủ nghĩa giấu mặt thì "độc hại và nguy hiểm cho phong trào công nhân gấp trăm lần". Những người bôn-sê-vích thuộc phái Lê-nin đã tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống phái giữa và biến tướng của nó — chủ nghĩa Tô-rốt-xki. Trong khi vạch trần bản chất thực sự của khẩu hiệu do Tô-rốt-xki nêu ra "không chiến thắng, không thất bại", Lê-nin đã chỉ ra rằng, ai bênh vực khẩu hiệu này trong cuộc chiến tranh hiện tại, "thì dù là tự giác hay không tự giác, cũng vẫn là một kẻ sô-vanh", là "kẻ thù của chính sách vô sản", là kẻ ủng hộ giai cấp tư sản (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 363). — 751.

- <sup>79</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 262 - 278. — 753.
- <sup>80</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVI, 1935, tr. 288. — 755.
- <sup>81</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVI, 1935, tr. 292. — 755.
- <sup>82</sup> Ngày tháng của bức thư của C. Mác đăng trên "Die Neue Zeit" ở đây ghi không đúng, mà phải là 4 tháng Tám 1874 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVI, 1935, tr. 369). — 755.
- <sup>83</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVI, 1935, tr. 368. — 756.
- <sup>84</sup> "Vorbote" — tạp chí, cơ quan lý luận của phái tả Xim-méc-van; xuất bản bằng tiếng Đức ở Béc-nơ. Ra được 2 số: số 1 ra vào tháng Giêng và số 2 ra vào tháng Tư 1916. Những người chính thức xuất bản tạp chí này là H. Rô-lăng - Hôn-xtơ và A. Pan-nê-cúc. Lê-nin đã tích cực tham gia việc sáng lập tờ báo tạp chí, và sau khi số 1 của tờ tạp chí ra đời, Người tích cực tham gia việc tổ chức dịch tờ tạp chí đó ra tiếng Pháp để phổ biến được rộng rãi hơn. Tạp chí này đã in các bài báo của Lê-nin: "Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II" và "Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết (Luận cương)". — 760.
- <sup>85</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 471. — 761.
- <sup>86</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 555. — 761.
- <sup>87</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 415 - 416. — 761.
- <sup>88</sup> Bức thư này của C. Mác đã được in lần đầu vào năm 1878 trong cuốn sách của Liép-nếch xuất bản lần thứ 2 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XV, 1935, tr. 381 - 382). — 767.
- <sup>89</sup> Hội Gruýt-li (Grütli-Verein) — một tổ chức cải lương tư sản; được thành lập ở Thụy-sĩ vào năm 1838, trước khi Đảng dân chủ - xã

hội Thụy-sĩ ra đời. Hội được đặt tên là Hội Gruýt-li là để tưởng nhớ cái liên minh có tính chất thần thoại của phái Gruýt-li (của phái mưu phản), những người đã nổi dậy chống ách thống trị của triều đại Háp-xbuc ở Áo hồi thế kỷ XVI. Năm 1901, Hội Gruýt-li gia nhập Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ, nhưng vẫn giữ độc lập về mặt tổ chức, vẫn duy trì cơ quan báo chí riêng của mình — tờ báo "Grütliener" và thi hành đường lối theo khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa tư sản của hội. Trong những năm chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thế giới (1914 - 1918), giữ lập trường sô-vanh cực đoan, và là chỗ dựa của bọn xã hội - sô-vanh cánh hữu. Tháng Mười một 1916, Đại hội Xuy-rích của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-sĩ đã thông qua một nghị quyết cho rằng hoạt động có tính chất xã hội - sô-vanh của Hội Gruýt-li trái với việc hội đó đứng trong đảng dân chủ - xã hội. — 770.

<sup>90</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, tr. 315 - 317; đoạn trích dẫn này là ở tr. 316. — 778.

<sup>91</sup> Cuốn sách của Ph. Ăng-ghe-n "Sông Pô và sông Ranh" xuất bản tại Béc-lanh năm 1859. Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 13, tr. 233 - 281. — 779.

<sup>92</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, tr. 295 - 307; đoạn trích dẫn này là ở tr. 303 và 301. — 779.

<sup>93</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, tr. 446 - 490; đoạn trích dẫn này là ở tr. 471 - 472. — 780.

<sup>94</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, tr. 224 - 237. — 781.

<sup>95</sup> Trong bài "Sự phá sản của Quốc tế II", V. I. Lê-nin đã đánh giá cuốn sách của Brây-xphoóc "Chiến tranh thép và vàng", Người đã sử dụng những sự việc thực tế mà tác giả đã nêu lên để vạch trần lý luận của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh (Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 26, tr. 274 - 276). Phần nội dung của cuốn vở này do N. C. Crúp-xcai-a ghi. (Về cách sử dụng các cỡ chữ để làm nổi bật, xem chú thích 37). — 784.

<sup>96</sup> Đây muốn nói về việc chính phủ phê chuẩn hoạt động của tư bản Anh ở nước ngoài. — 803.

<sup>97</sup> Phần nội dung cuốn vở này do N. C. Crúp-xcai-a ghi. Các chỗ gạch dưới các chữ, đánh dấu và ghi chú ở bên lề, đánh số trang tới số 15, ghi ở ngoài bìa là do V. I. Lê-nin ghi. (Về cách sử dụng các cỡ chữ để làm nổi bật, xem chú thích 37.) Từ trang 15, là trang bắt đầu ghi những đoạn trích trong cuốn sách của Xi-li (tr. 813 trong tập này), V. I. Lê-nin không đánh dấu một chỗ nào. — 806.

<sup>98</sup> Trích thư của C. Mác gửi I. Vai-đê-mai-ơ đề ngày 11 tháng Chín 1851. Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 49 - 50. — 807.

<sup>99</sup> Trích thư của C. Mác gửi I. Vai-đê-mai-ơ đề ngày 5 tháng Ba 1852. Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 63 - 64. — 808.

<sup>100</sup> Trích thư của C. Mác gửi D. May-ơ và A. Phô-gơ đề ngày 9 tháng Tư 1870. Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 234 - 236. — 811.

<sup>101</sup> Các trang tiếp theo của quyển vở ghi chép này V. I. Lê-nin không đánh số trang và Người không đánh dấu vào các đoạn trích ghi. — 813.

<sup>102</sup> Phần nội dung chính của quyển vở mà V. I. Lê-nin đặt đầu đề là "Chủ nghĩa đế quốc", là do N. C. Crúp-xcai-a ghi. Những chỗ gạch dưới trong phần nội dung, những chỗ đánh dấu ở ngoài lề, ghi trên bìa và đánh số trang của quyển vở là do V. I. Lê-nin ghi. (Về cách sử dụng các cỡ chữ để làm nổi bật, xem chú thích 37.) — 826.

<sup>103</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 238 - 239. — 831.

<sup>104</sup> V. I. Lê-nin mượn được cuốn sách của Ê-ghe-n-háp ở thư viện bang Xuy-rích. Những bút tích của V. I. Lê-nin ghi trên 2 phiếu yêu cầu cho ta biết áng chừng khoảng thời gian mà Người nghiên cứu cuốn sách này. V. I. Lê-nin đề nghị mượn cuốn sách của Ê-ghe-n-háp vào ngày 4 tháng Tám 1916. Thư viện trả lời là có thể cho mượn "vào cuối tháng Mười". Ngày 4 tháng Mười V. I. Lê-nin hỏi mượn cuốn sách này của lần xuất bản khác (vào năm 1908),



nhưng một lần nữa Người lại được trả lời như trên. Có thể cho rằng thời gian Người nghiên cứu cuốn sách này là vào tháng Mười - tháng Mười một 1916. — 842.

<sup>105</sup> "Pun-ti" là tên tiếng Trung-quốc của các cư dân bản địa ở các tỉnh miền Nam Trung-quốc. Trong các bản của Huýp-nơ, mà V. I. Lê-nin đã trích ghi, bên cạnh người Trung-quốc, Huýp-nơ tách một cách sai lầm người "Pun-ti" ra như là một dân tộc riêng biệt. — 877.

<sup>106</sup> *Ca-ra-phu-tô* là tên tiếng Nhật của bộ phận phía Nam Xa-kha-lin. — 877.

<sup>107</sup> Những đoạn tóm tắt các cuốn sách của Đơ-moóc-nhi và I-ê-gơ, ghi trong cuốn vở này, do V. I. Lê-nin viết sau khi Người viết xong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản", có lẽ vào cuối năm 1916 hoặc đầu năm 1917. — 891.

<sup>108</sup> Chắc là bài báo mà tài liệu này là đề cương, không được viết. Đề cương được viết vào năm 1912 hoặc 1913 trên một tờ giấy cùng với tài liệu sau (xem tr. 908 của tập này). — 907.

<sup>109</sup> Chắc là V. I. Lê-nin đã đọc bài báo của Au-gu-xơ Bê-ben "Deutschland, Russland und die orientalische Frage" ("Đức, Nga và vấn đề phương Đông") đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit" năm 1886 (xuất bản năm thứ 4, số 11) nhân có buổi thuyết trình của Cô-xốp-xki (M. I-a. Lê-vin-xôn), một phần tử thuộc phái Bun. Buổi thuyết trình này được tiến hành vào trung tuần tháng Mười 1914 (xem Văn tập Lê-nin, tiếng Nga, t. XIV, tr. 132). — 909.

<sup>110</sup> V. I. Lê-nin có ý nói tới các tác phẩm sau đây: các bài báo của G. Paish. "Great Britain's Capital Investments in Individual Colonial and Foreign Countries" (Gi. Pây-sơ. "Vốn đầu tư của Anh ở các thuộc địa riêng biệt và ở các nước ngoài") trong "Journal of the Royal Statistical Society". Vol. LXXIV, Part 2, I. 1911. Pp. 167 - 187 (trong "Tạp chí của Hội thống kê hoàng gia". Tập LXXIV, ph. 2, tháng Giêng 1911, tr. 167 - 187) (xem Văn tập Lê-nin, tiếng Nga, t. XXVII, tr. 443 - 447 và tập này, tr. 467 - 470) và cuốn sách: B. Garms. "Probleme der Weltwirtschaft". Jena, 1912 (B. Ham-xơ "Những vấn đề kinh tế thế giới". I-ê-na, 1912). (Xem Văn tập Lê-nin, tiếng Nga, t. XXVII, tr. 203 - 219, t. XXVIII, tr. 391 và tập này, tr. 337 - 345). — 912.

<sup>111</sup> Bài của E. Phi-líp-pô-vích "Monopole und Monopolpolitik" ("Tổ chức độc quyền và chính sách độc quyền") in trong "Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung" ("Tài liệu lưu trữ về lịch sử chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân") của Các-lơ Gruyn-béc, tập VI, 1916, tr. 157 - 174. — 923.

<sup>112</sup> "Luận cương về chủ nghĩa đế quốc và sự áp bức dân tộc", ký tên ban biên tập "Báo công nhân", đăng trên tạp chí "Vorbote", số 2. Lê-nin đã viết bản tóm tắt này căn cứ vào bản đăng trên tạp chí đó.

"*Báo công nhân*" ("Gazeta Robotnicza" — "Báo công nhân") — cơ quan ngôn luận bất hợp pháp của Ban chấp hành Vác-sa-va của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và Lit-va; xuất bản trong thời gian tháng Năm - tháng Mười 1906; ra được 14 số, do G. Ca-men-xki làm tổng biên tập, sau đó thì đình bản. Sau khi có sự phân liệt năm 1912, trong Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan đã xuất hiện hai Ban chấp hành Vác-sa-va và hai cơ quan ngôn luận được xuất bản dưới cái tên "Báo công nhân" — một tờ do phái ủng hộ Ban lãnh đạo trung ương xuất bản ở Vác-sa-va (tháng Bảy 1911 - tháng Bảy 1913), một tờ khác do Ban chấp hành Vác-sa-va đối lập xuất bản ở Cra-cốp (tháng Bảy 1911 - tháng Hai 1916), V. I. Lê-nin có ý nói đến tờ báo này.

"Báo công nhân" gia nhập phái tả Xim-méc-van. Về vấn đề chiến tranh, tờ báo giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa, nhưng về một loạt vấn đề quan trọng (về sự đoạn tuyệt về mặt tổ chức với phái giữa, về thái độ đối với những yêu sách của cương lĩnh tối thiểu trong thời kỳ chiến tranh) tờ báo lại nghiêng ngả về phía phái giữa. Trong vấn đề dân tộc, ban biên tập "Báo công nhân" lên tiếng chống lại quyền dân tộc tự quyết. Về lập trường của ban biên tập "Báo công nhân", xem bài của Lê-nin "Thư của Ban chấp hành các tổ chức ở nước ngoài gửi các chi bộ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 353 - 358). Về các luận cương của "Báo công nhân", cũng xem bài báo của Lê-nin "Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 30, tr. 21 - 75). — 926.

<sup>113</sup> Lê-nin viện dẫn các bài báo của mình: 1) "Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II" đăng trên tạp chí "Vorbote" ("Người tiên khu"), số 1, tháng Giêng 1916 (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà

---

xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 27, tr. 149 – 166), và 2) “Sự phá sản của Quốc tế II” đăng trên tạp chí “Người cộng sản”, số 1-2, năm 1915 (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát -xcơ-va, t. 26, tr. 257 – 330). – 927.

<sup>114</sup> Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 335 – 360 (xem tr. 605 – 610 tập này). – 929.

<sup>115</sup> V. I. Lê-nin lập bảng danh mục sách này theo “Bản chỉ dẫn các sách mới bổ sung cho các thư viện Xuy-rích”, xuất bản năm thứ 20, 1916, quyển I, từ tháng Giêng đến tháng Ba. – 932.

---

BẢN CHỈ DẪN CÁC SÁCH BÁO VÀ TÀI LIỆU  
GỐC MÀ V. I. LÊ-NIN ĐÃ TRÍCH DẪN  
VÀ NÓI ĐẾN

- Adler, F. Kriegsziele.* — "Der Kampf", Wien, 1916, Jg. 9, Bd. 9, Nr. 2. Februar, S. 49–54. — 749.
- Adler, G. Die imperialistische Sozialpolitik. D'Israeli, Napoleon III, Bismarck.* Tübingen, Laupp, 1897. 44 S. — 601, 644.
- Agahd, E. Großbanken und Weltmarkt.* Die wirtschaftliche und politische Bedeutung der Großbanken im Weltmarkt unter Berücksichtigung ihres Einflusses auf Rußlands Volkswirtschaft und die deutschrussischen Beziehungen. Berlin, Paschke, 1914. XXIV, 290 S. — 17, 60, 116, 274.
- Alexinsky, G. Das ausländische Kapital im Wirtschaftsleben Rußlands.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 12, 19. Dezember, S. 435–441. — 316.
- *La Russie démocratique et la guerre.* Réponse au Comte Jules Andrassy. — "La Revue Politique Internationale", Lausanne, 1915, N 14, mars — avril, p. 168–186. — 602.
- Amerikanische Kriegslieferungen.* — "Neue Zürcher Zeitung", 1915, Nr. 485, 23. April, I. Morgenblatt. — 377.
- "The Annals of the American Academy of Political and Social Science"*, Philadelphia, 1915, vol. LIX, p. 96–103, 111–124, 301–308, 309–315, 316–320, 321–332. — 28 - 29, 61, 169.
- "Arbeiter-Zeitung"*, Wien, 1916, Nr. 101, 11. April, S. 1–2. — 4, 27.
- Nr. 112, 22. April, S. 6. — 923.
- "Archiv für Eisenbahnwesen"*, Berlin, 1892, Hft. 1–6. — 586, 589, 591, 593. — 1915. — 586.

- "Archiv für Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung"*, Leipzig, 1915, Jg. 5, Hft. 1 u. 2, S. 276–278, 305–316. — 699, 703.
- 1916, Jg. 6, S. 157–174. — 923.
- "Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik"*, Tübingen, 1916, Bd. 41, S. 277–297. — 475.
- 1916/1917, Bd. 42, S. 285–344. — 924.
- Arlt, H. Kohle und Eisen und ihre Bedeutung im gegenwärtigen Weltkriege.* — "Internationale Monatsschrift für Wissenschaft, Kunst und Technik", Leipzig–Berlin, 1915–1916, Jg. X, Bd. 10, Hft. 4, 1. Januar, S. 493–512. — 333.
- Arndt, P. Die Kapitalkraft Frankreichs.* — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1916, I, Bd. 7, S. 34–52, trong mục: Abhandlungen. — 270, 320, 321.
- *Neue Beiträge zur Frage der Kapitalanlage im Auslande.* — "Zeitschrift für Sozialwissenschaft", Leipzig, 1915, Neue Folge, Jg. VI, Hft. 3 – 8/9, S. 158 – 174, 215 – 224, 297 – 311, 377 – 387, 445 – 460, 532 – 549. — 321.
- Askew, J. B. Praktische Kolonialpolitik.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 29, Bd. 1, Nr. 16, 20. Januar, S. 552 – 559. — 463.
- The Audacious War.* By C. W. Barron. — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3, 733, March 13, p. 562. — 393.
- Die Ausländereinbürgerung.* — "Grütliener", Zürich, 1916, Nr. 237, 10. Oktober, S. 1; Nr. 242, 16. Oktober, S. 1 – 2; Nr. 243, 17. Oktober, S. 2. — 773.
- Aus dem literarischen Nachlaß von K. Marx, F. Engels und F. Lassalle.* Hrsg. v. F. Mehring. Bd. III. Gesammelte Schriften v. K. Marx und F. Engels. Von Mai 1848 bis Oktober 1850. Stuttgart, Dietz, 1902. VI, 491 S. — 778.
- Außerordentlicher Internationaler Sozialistischer Kongreß in Basel 24 – 25. XI. 1912.* — "Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung", Leipzig, 1915, Jg. 5, Hft. 1 u. 2, S. 305 – 311, trong mục: Chronik. Juli 1912 – Juni 1914 und Nachträge für Juli 1911 – Juni 1912. — 699, 703.

- Babut. Projet de déclaration.* — "Journal de Genève", 1914, 17 octobre, trong mục: Entre pasteurs. — 661 - 662.
- Bagdad-Bahn.* — "Die Bank", Berlin, 1909, II. Semester, S. 1101 — 1102, trong mục: Bank und Börse. — 213.
- Ballod, C. Grundriß der Statistik, enthaltend Bevölkerungs-, Wirtschafts-, Finanz- und Handels-Statistik.* Berlin, Guttentag, 1913. VII, 348 S. — 17, 60, 142.
- *Die Volksernährung in Krieg und Frieden.* — "Jahrbuch für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft im Deutschen Reich", Leipzig — München, 1915, Jg. 39, Hft. 1, S. 77 — 112. — 701.
- "*Die Bank*", Berlin, 1908, I. Semester, S. 134 — 145. — 42, 441.
- 1908, II. Semester, S. 765 — 775. — 73.
- 1909, I. Semester, S. 79, 115 — 125, 301 — 309, 309 — 318, 319 — 326. — 209 - 211, 443.
- II. Semester, S. 799 — 800, 819 — 833, 849 — 857, 950 — 960, 1043 — 1052, 1101 — 1102. — 211 - 213, 214 - 218, 218 — 219.
- 1910, I. Semester, S. 211 — 223, 236 — 245, 288 — 289, 401 — 412. — 204, 205, 594.
- II. Semester, S. 497 — 508, 619 — 627, 1200, 1202 — 1203. — 150, 204, 208.
- 1911, I. Semester, S. I. 1 — 13, 94 — 95, 217 — 227. — 200 — 201, 204.
- II. Semester, S. 605 - 616, 726 - 736, 813 - 824, 825 - 832. — 201, 204.
- 1912, I. Semester, S. 12 — 19, 32 — 37, 216 — 223, 223 — 230, 420 — 423, 432 — 438, 523 — 532. — 197 - 200, 275.
- II. Semester, S. 629 — 638, 695 — 696, 1032 — 1047. — 79, 193 - 195, 196.
- 1913, I. Semester, S. 388 — 391. — 79.
- II. Semester, S. 623 — 637, 725 — 736, 736 — 747, 811 — 812, 952 — 963, 1022 — 1024, 1024 — 1026. — 80, 81, 82 - 83, 84 - 85.
- 1914, I. Semester, S. 1 — 16, 89 — 90, 94 — 95, 234 — 243, 298 — 300, 313 — 321, 329 — 337, 338 — 345, 415 — 426, 441 — 446, 496 — 498, 544 — 551. — 69, 70, 73, 75, 77.

- II. Semester, S. 713 — 714, 903 — 920, 932 — 940, 997 — 1009, 1039 — 1058, 1097 — 1115. — 64, 65, 66, 67, 68.
- "*Bank - Archiv*", Berlin, 1912, Jg. XI, Nr. 19, S. 299 — 303. — 86 - 87.
- 1912, Jg. XI, Nr. 20, S. 317 — 321. — 86 - 87.
- 1914, Jg. XIII, Nr. 18, S. 299 — 303. — 22.
- Banken und Reichspost.* — "Die Bank", Berlin, 1914, II. Semester, S. 713 — 714, trong mục: Aus den Handelskammern. — 64.
- Das Bankgewerbe in der Berufsstatistik.* — "Die Bank", Berlin, 1909, II. Semester, S. 799 — 800, trong mục: Aus den Statistischen Ämtern. — 213 - 214.
- Die bankgewerbliche Tätigkeit der Sparkassen.* — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 1022 — 1024, trong mục: Umschau. — 84.
- Bankgewinne.* — "Arbeiter — Zeitung", Wien, 1916, Nr. 101, 11. April, S. 1 — 2. — 4, 27.
- Barron, C. W. The Audacious War.* Boston — New York, Mifflin, 1915. XIV, 192 p. — 236, 384, 393.
- Bartholomew, J. G. Atlas of the World's Commerce.* A new series of maps with descriptive text and diagrams showing products, imports, exports commercial conditions and economic statistics of the countries of the world. Compiled from the latest official returns at the Edinburgh geographical institute. London, Newnes, 1907, LI, [6], 176, 42 p. — 563, 570.
- "*Basler Vorwärts*", 1917, 26. Januar. — 931.
- [*Bauer, O. Österreich-Ungarn und Italien.* lược thuật]. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 29, 21. April, S. 96, trong mục: Zeitschriftenschau. — 463.
- Baumgarten, F. u. Meszleny. A. Kartelle und Trusts.* Ihre Stellung im Wirtschafts- und Rechtssystem der wichtigsten Kulturstaaten. Eine nationalökonomisch-juristische Studie. Berlin, Liebmann, 1906. VI, 362 S. — 20, 255.
- Bebel, A. Deutschland, Rußland und die orientalische Frage.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1886, Jg. IV, Nr. 11, S. 502 — 515. — 909 - 910.

- Beer, M. Betrachtungen über den Niedergang Englands.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1900 — 1901, Jg. XIX, Bd. I, Nr. 26, 30. März, S. 804 — 811. — 723.
- Belfort-Bax, E. Ein weitverbreiteter Fehlschluß.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1900 — 1901, Jg. XIX, Bd. I, Nr. 8, 24. November, S. 247 — 250. — 699, 722.
- Belger, E. Die Sozialdemokratie nach dem Kriege.* Berlin, Concordia Deutsche Verlags — Anstalt, 1915. 45 S. — 686.
- Bérard, V. L'Angleterre et l'impérialisme.* Avec une carte en couleur hors texte. Paris, Colin, 1900. VI, 381 p. — 243, 256, 272, 275.
- Berger, P. Après la Grande Débâcle: Le Partage de la Suisse.* Lausanne, 1914. 47 p. — 332.
- Berglund, A. The United States Steel Corporation.* A Study of the Growth and Influence of Combination in the Iron and Steel Industry. New York, Macmillan, 1907. 178 p. (Studies in History, Economics and Public Law edited by the Faculty of political Science of Columbia University. Vol. XXVII. No. 2). — 255, 267.
- Berhard, L. Die Preußische Polenpolitik.* — "Handbuch der Politik", Berlin—Leipzig, 1912 — 1913, Bd. II, S. 623 — 633. — 639.
- Bernhardi F. Deutschland und der nächste Krieg.* 6. Aufl. Stuttgart — Berlin, Cotta, 1913. VIII, 345 S. — 663.
- Bernstein, E. Der Revisionismus in der Sozialdemokratie.* — "Handbuch der Politik", Berlin — Leipzig, 1912 — 1913, Bd. II, S. 55—58. — 639.
- Bing, W. Der Feldzug gegen die französischen Großbanken.* — "Die Bank", Berlin, 1910, I. Semester, S. 236 — 245. Ký tên: Dr. Wolf Bing-Paris. — 208.
- Bonnes paroles.* — "Le Temps", Paris, 1915, 7 décembre. — 376.
- Böttger, H. Ausbau unserer Politik.* — "Der Tag", Berlin, 1915, Nr. 82, 9. April. — 380.
- *Die freien Gewerkschaften und die Regierung.* — "Der Tag", Berlin, 1915, Nr. 93, 22. April. — 379.
- Brailsford, H. N. The War of Steel and Gold.* A Study of the Armed Peace. London, Bell, 1914. 340 p. — 784.

- Brauer, Th. Krieg und Sozialismus.* — "Hochland", München, 1915, V, Hft. 8, S. 176 — 189. — 337, 373.
- "Bremer Bürger-Zeitung"*, 1915, Nr. 291, 13. Dezember, S. 1. — 916.
- 1916, Nr. 139, 16. Juni, S. 5. — 713.
- 1916, Nr. 140, 17. Juni, S. 9. — 715.
- 1916, Nr. 141, 19. Juni, S. 7. — 716.
- \* *Briefe und Auszüge aus Briefen v. Joh. Phil. Becker, Jos. Dietzgen, Friedrich Engels, Karl Marx u. A. an F. A. Sorge u. Andere.* Stuttgart, Dietz, 1906. XII, 422 S. — 699, 700, 755, 761.
- Briefs, G. Das Spirituskartell.* Eine wirtschaftspolitische Untersuchung. Karlsruhe, Braun, 1912, IV, 252 S. (Volkswirtschaftliche Abhandlungen der badischen Hochschulen. Hft. 7). — 63, 248, 259.
- "The British Review"*, London, 1915, vol. XI, No. 1, July, p. 82—95. — 331.
- Bruneau, L. L'Allemagne en France.* Enquêtes économiques. Paris, Plon—Nourrit, 1914, XII, 343 p. — 249.
- Bulletin de l'Institut international de statistique.* T. XIX — 1<sup>e</sup> Livraison. La Haye, Van Stockum, [1912], p. 374 — 386. — 569.
- 2<sup>e</sup> L., 201 — 475. — 60, 61, 86, 87, 154 — 160, 234, 269, 275, 465.
- Bürkli, K. Demokratisierung unseres Heerwesens.* Vortrag, gehalten am sozialdemokratischen Parteitag in Winterthur am 15. November 1896. Zürich, Buchh. des Schweiz. Grütlivereins, 1897. 34 S. — 719.
- Calmes, A. Neuere Literatur über die Kapitalanlage.* — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1914, Folge III, Bd. 47, S. 522 — 528, trong mục: Literatur. — 466.
- Calwer, R. Einführung in die Weltwirtschaft.* Berlin, Simon, 1906. 95 S. (Maier—Rothschild—Bibliothek. Bd. 30). — 192, 272, 563, 566.

---

\* Một hoa thị chỉ những sách báo, bài viết và tài liệu trong đó có bút tích của V. I. Lê-nin. Những sách báo này được lưu tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

- Chez les socialistes*. "Le Temps", Paris, 1915, 7 décembre. — 376.
- Chronik der Weltpolitik* (vom 15. November 1913 bis 15. Februar 1914). — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1914, I, Bd. 3, Hft. 2, S. 217 — 255, trong mục: Chronik und Archivalien. — 15.
- Colson, C. Organisme économique et Désordre social*. Paris, Flammarion, 1912. 364 p. (Bibliothèque de Philosophie scientifique). — 285.
- Corradini, E. Il nazionalismo italiano*. Milano, Treves, 1914. VII, 264 p. — 911.
- Cost of the War to Europe*. — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3, 724. January 9, p. 50—51. — 328.
- Crammond, E. The Economic Relations of the British and German Empires*. — "Journal of the Royal Statistical Society", London, 1914, vol. LXXVII, part 8, July, p. 777—807. — 272, 447, 480.
- [*Critique on the book:*] *"Ellis Powell: The Evolution of the Money Market (1385 - 1915). London, 1915"*. — "The Daily Telegraph", London, 1915, No. 18, 880, October 15. — 336.
- Crohn, H. F. Argentinien im deutsch-englischen Wirtschaftskampf*. — "Jahrbuch für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft im Deutschen Reich", Leipzig—München, 1915, Jg. 39, Hft. 2, S. 223—256 (781—814). — 447, 465.
- Cromer, E. B. Ancient and Modern Imperialism*. London, Murray, 1910. 143 p. — 686, 697.
- "The Daily Telegraph"*, London, 1914, November 17. — 324.
- 1914, No. 18, 631, December 29. — 330.
- 1915, March 15. — 363.
- 1915, April 22. — 378.
- 1915, April 23. — 378.
- 1915, May 5. — 382.
- 1915, No. 18, 873, October 7, p. 9. — 334.
- 1915, No. 18, 875, October 9, p. 11. — 335.
- 1915, No. 18, 880, October 15, p. 4. — 336.

- Daniels, L. The United States' Opportunity to increase its Foreign Trade with South America*. — "The Annals of the American Academy of Political and Social Science", Philadelphia, 1915, vol. LIX, p. 316—320. — 28.
- Dehn, P. Von deutscher Kolonial - und Weltpolitik*. 2. Aufl. Berlin, Allgemeiner Verein für Deutsche Literatur, 1907, 339 S. — 806, 818.
- Delbrück, H. Regierung und Volkswille*. Eine akademische Vorlesung. Berlin, Stilke, 1914. 205 S. — 707.
- *Was Amerikaner glauben*. — "Preußische Jahrbücher", Berlin, 1915, Bd. 159, Hft. 3, S. 481—497. — 363.
- Demorgny, G. Méthodes turcoallemandes en Perse*. — "La Revue de Paris", 1915, an. 22, T. 2, N 5, 1 mars, p. 194—224. — 337, 362.
- *La Question persane et la guerre*. Les Accords Anglo-Russo-Persans de 1907 et 1912. L'influence française et l'Effort allemand en Perse. Paris. 1916. 304, 42 p.; 1 Karte. — 891.
- Deutsche Konzessionen im Auslande*. — "Die Bank", Berlin, 1910, I. Semester, S. 288—289, trong mục: Aus den Handelskammern. — 205.
- "Der Deutsche Krieg"*, Stuttgart — Berlin, 1914, Hft. 1, S. 1—30. — 689.
- \*— 1915, Hft. 56, S. 1—44. — 912.
- "Deutsche Rundschau"*, Berlin, 1914, Bd. CLXI, Oktober, S. 1 — 37. — 325.
- 1915, Bd. CLXII, Januar, S. 80—105. — 394 - 395.
- 1915, Februar, S. 211—231. — 394.
- Deutschland und der Weltkrieg*. Leipzig Berlin, Teubner, 1915. VI, 686 S. — 601, 640, 642, 643, 851.
- Diehl, K. Die dänische Kriegsgewinnsteuer vom Jahre 1915*. — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1915, Bd. 50, S. 214—216; trong mục: Nationalökonomische Gesetzgebung. — 914.
- Dietzel, H. Weltwirtschaft und Volkswirtschaft*. Dresden, Zanh u. Jaensch, 1900. VIII, 120, XLII S. (Jahrbuch der Gehe-Stiftung zu Dresden. Bd. V). — 61 - 62.
- Diouritch, G. L'Expansion des banques allemandes à l'étranger, ses rapports avec le développement économique de l'Allemagne*. Paris—Berlin,

- Rousseau, Puttkammer, u. Mühlbrecht, 1909. 798 p. — 61, 144, 270, 320.
- Le Discours de M. Renaudel et le "Vorwärts"*. — "Le Temps", Paris, 1915, 13 novembre. — 337, 373.
- Discours de M. Albert Thomas*. — "Le Temps", Paris, 1915, 6 décembre. — 337, 375.
- Discussion on Mr. Paish's Paper*. — "Journal of the Royal Statistical Society", London, 1911, vol. LXXIV, part 2, January, p. 187 — 200. — 469.
- Driault, E. Les Problèmes politiques et sociaux à la fin du XIX<sup>e</sup> siècle*. Paris, Alcan, 1900. 388, 32 p. — 238, 242, 262.
- Les Problèmes politiques et sociaux à la fin du XIX siècle. Paris, 1907. — 283.
- Dryander, M. [Lettre de M. Dryander]*. — "Journal de Genève", 1914, N 286, 18 octobre. — 662.
- E. Th. Überblick*. — "Schweizerische Metallarbeiter-Zeitung", Bern, 1916, Nr. 40, 30. September, S. 2. — 776.
- "*L'Écho de Paris*", 1914, N 11016, 13 octobre, p. 1. — 658.
- Eckstein, G. Gegenwartsforderungen*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 42, 19. Juli, S. 569—576. — 459.
- *Zeitschriftenschau*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 10, 5. Dezember, S. 382—384. — 721, 725 - 726.
- Eckstein, G. Zeitschriftenschau*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 16, 16. Januar, S. 590—592; Nr. 26, 27. März, S. 1005—1008. Ký tên: G. E. — 722, 724.
- "*The Economist*", London, 1914, vol. LXXIX, No. 3, 721, December 19, p. 1059—1060. — 327.
- War Supplement, No. 3721, December 19, p. 9—11. — 327.
- 1915, vol. LXXX, No. 3, 723, January 2, p. 11—12. — 330.
- 1915, vol. LXXX, No. 3, 724, January 9, p. 46—47, 50—51, 54—55, 57—58, 66—67. — 326, 328, 330.
- 1915, vol. LXXX, No. 3, 729, February 13, p. 262—263. — 485.

- 1915, vol. LXXX, No. 3, 734, March 20, p. ii. — 393.
- 1915, vol. LXXX, No. 3, 735, March 27, p. 614—615. — 380.
- 1915, vol. LXXX, No. 3, 738, April 17, p. 743. — 322.
- "*L'Économiste Français*", Paris, 1902, an. 30, vol. 2, N 40, p. 449—451. — 690.
- "*The Edinburgh Review of Critical Journal*", 1915, vol. 222, No. 454, October, p. 248—272. — 16.
- Egelhaaf, G. Geschichte der neuesten Zeit vom Frankfurter Frieden bis zur Gegenwart*. 4. Aufl. (Neuntes bis elftes Tausend). Stuttgart, Krabbe, 1913. X, 640 S. — 842, 850, 852, 935.
- Eggenschwyler, W. Statistisches zum Problem: Krieg, Produktionsfortschritt und Preisbewegung*. — "Jahrbuch für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft im Deutschen Reich", Leipzig — München, 1915, Jg. 39, Hft. 4, S. 343—373. — 464.
- Encouraging Support*. — "The Daily Telegraph", London, 1915, No. 18, 875, October 9, p. 11, trong mục: Labour Party and Recruiting. Campaign opens to-day. — 335.
- The End of the War*. — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3,738, April 17, p. 743. — 322.
- Engels, F. [Brief an K. Kautsky. 12. IX. 1882]*. — In: Kautsky, K. Sozialismus und Kolonialpolitik. Eine Auseinandersetzung. Berlin, Vorwärts, 1907, S. 79—80, trong mục: Anhang. Dưới đầu đề: Ein Brief von Fridrich Engels. — 826, 829.
- *Internationales aus dem Volksstaat (1871 - 1875)*. Berlin, die Expedition des "Vorwärts", 1894. 72 S. — 601, 611.
- *Kann Europa abrüsten?* Separat—Abdruck aus dem "Vorwärts". [Nürnberg], Wörlein, 1893. 29 S. — 601, 605.
- *Die Lage der arbeitenden Klasse in England*. Nach eigener Anschauung und authentischen Quellen. 2. durchges. Aufl. Stuttgart, Dietz, 1892. XXXII, 300 S. — 699, 700, 718, 753.
- *Po und Rhein*. Berlin, Duncker, 1859. 64 S. — 779.
- *Über das Autoritätsprinzip*. (Dell'Autorità). — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 2, 10. Oktober, S. 37—39, trong

- mục: Ein Beitrag zur Geschichte der Internationale. Zwei unbekannte Artikel von F. Engels und K. Marx. Übersetzt und eingeleitet von N. Rjasanoff. — 722.
- Engineering Notes.* — "The Daily Telegraph", London, 1915, March 15. — 363.
- Die Entwicklung des Viehstandes während der letzten Dezennien in den hauptsächlichsten Staaten Europas.* — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1914, Folge III, Bd. 48, S. 648—651, trong mục: Miscellen. — 251.
- Entwicklungsmöglichkeiten der österreichisch-ungarischen Landwirtschaft.* — "Arbeiter-Zeitung", Wien, 1916, Nr. 112, 22. April, S. 6. — 923.
- Ergang, C.* [Binh luận cuốn sách:] *"Mamroth, Karl: Gewerblicher Konstitutionalismus. Die Arbeitstarifverträge in ihrer volkswirtschaftlichen und sozialen Bedeutung. Jena (Gustav Fischer), 1911. IV + 126. SS."* — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1912, Folge III, Bd. 43, S. 551—552. — 247.
- Eschwege, L. Die Ethisierung des Kapitalismus.* — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 12—19. — 198, 275.
- *Die Geschichte einer Gründung.* — "Die Bank", Berlin, 1912, II. Semester, S. 420—432. — 199.
- *Kulturdünger.* (Ein Beitrag zur Auswandererfrage). — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 523—532. — 200.
- *Plutokratie und Beamtenschaft.* — "Die Bank", Berlin, 1911, II. Semester, S. 825—832. — 203.
- *Revolutionierende Tendenzen im deutschen Eisengewerbe.* — "Die Bank", Berlin, 1909, I. Semester, S. 309—318. — 210, 443.
- *Der Sumpf.* — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 952—963. — 84.
- *Tochtergesellschaften.* — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 544—551. — 70.
- *Trust-Patriotismus.* — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 216—223. — 197.
- *Zement.* Zur Berichterstattung der Syndikate. — "Die Bank", Berlin, 1909, I. Semester, S. 115 - 125. — 211.

- Estève, L. Une nouvelle psychologie de l'impérialisme: Ernest Seillière.* Paris, Alcan, 1913, XIX, 274 p. — 233.
- Ein "Europäischer Staatenbund?"* — "Die Grenzboten", Berlin, 1915, Nr. 9, 3. März, S. 265 — 272. — 391.
- The European Deadlock.* — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3, 724, January 9, p. 46—47. — 326, 328.
- Filene, E. A. Coöperative Pioneering and Guaranteeing in the Foreign Trade.* — "The Annals of the American Academy of Political and Social Science", Philadelphia, 1915, vol. LIX, No. 148, May, p. 321—332. — 28.
- Financial Arrangements and the War Debts of Europe.* — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3, 729, February 13, p. 262—263. — 485.
- "Finanz-Archiv"*, Stuttgart—Berlin, 1914, Jg. 31, Bd. 1, S. 1—32. — 464.
- 1915, Jg. 32, Bd. 1, S. 125—133. — 392, 464.
- Ein Finanzmann.* — "Die Bank", Berlin, 1910, II. Semester, S. 1202—1203, trong mục: Bank und Börse. — 209.
- Franke, O. Die Großmächte in Ostasien.* — In: Deutschland und der Weltkrieg. Leipzig — Berlin, Teubner, 1915, S. 435—460. — 642, 851.
- Freeman, J. "How We Ought to Feel about the War"*. — "The British Review", London, 1915, vol. XI, No. 1, July, p. 82—95. — 331.
- G. H. Partei oder Grütliverein?* — "Grütliener", Zürich, 1916, Nr. 244, 18. October, S. 3—4. — 774.
- Gegen den beiden Juniusse.* — "Volksstimme", Chemnitz, 1916, Nr. 131, 8. Juni. — 711.
- Gehrden, W. Das Geheimnis des Börsenerfolges im Handel mit Wertpapieren.* 2. Aufl. Berlin, 1896. — 11.
- Die gemeinnützige Milchversorgung in Deutschland.* — Mit Beiträgen von Dr. A. Witzenhausen und Professor Dr. Kamp. — "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", München — Leipzig, 1914, Bd. 140, T. V, S. 1—164. — 916.
- German, J. Die Qualifikation der Fabrikarbeit.* — "Die Neue Zeit". Stuttgart, 1902—1903, Jg. 21, Bd. 2, Nr. 30, S. 106—109. — 192.



- Das Getreide im Weltverkehr.* Vom K. K. Ackerbauministerium vorbereitete Materialien für die Enquête über den börsenmäßigen Terminhandel mit landwirtschaftlichen Produkten. I—III. Wien, Frick, 1900. 1095 S.; 2 Diagr. — 563, 576.
- Die Gewerkschaften und die Militärfrage.* — "Grütliener", Zürich, 1916, Nr. 216, 15. September, S. 2. — 774.
- Die Gewerkschaftsbewegung im Jahre 1915/16; die Entwicklung des Arbeitsmarktes während des weiteren Kriegsverlaufs; die Gestaltung der Geld- und Reallöhne; die sozialpolitische Lage; das Verhalten der Gewerkschaften zu den Problemen des Krieges.* — "Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik", Tübingen, 1916/1917, Bd. 42, S. 285—244, trong mục: Sozialpolitische Chronik. — 924.
- Gide, Ch. [Binh luận cuốn sách:] Francesco Nitti, Il Capitale straniero in Italia. Bari, chez Latezza et fils. 156 pages.* — "Revue d'Économie Politique", Paris, 1915, N 4, juillet—août, p. 409—410, trong mục: Bulletin bibliographique. — 911.
- Gilbreth, F. B. Motion Study as an Increase of National Wealth.* — "The Annals of the American Academy of Political and Social Science", Philadelphia, 1915, vol. LIX, p. 96—103. — 61, 169, 929.
- "Die Gleichheit"*, Stuttgart, 1914, Jg. 24, Nr. 23, S. 353, 353—354, 363—364. — 705, 707.
- Glaser, F. Fremde Kapitalanlagen in Kanada.* — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 32—37. — 199.
- "Die Glocke"*, München, 1916, Jg. II, Bd. I, Hft. 20, S. 770—786. — 700, 764, 928.
- Goldschmidt, A. Bodenbesiedelung und Bodenpolitik in Neuseeland.* — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1911, Folge III, Bd. 42, S. 145—177. — 247.
- Goldschmidt, C. Über die Konzentration im deutschen Kohlenbergbau.* Eine ökonomische Studie. Karlsruhe, Braun, 1912, VIII, 122, [8] S. (Volkswirtschaftliche Abhandlungen der badischen Hochschulen. Neue Folge, Hft. 5). — 63, 247, 259.
- "Die Grenzboten"*, Leipzig, 1915, Nr. 9, 3. März, S. 265—272. — 391.
- Greulich, H. Offener Brief an den Grütliverein Hottingen.* — "Grütliener", Zürich, 1916, Nr. 230, 2. Oktober, S. 1. — 700, 770.

- Grumbach, S. Der Irrtum von Zimmerwald - Kiental.* Rede, gehalten am 3. Juni 1916 im Unionssaale des Volkshauses zu Bern. Bern, Benteli, 1916, 95 S. — 759.
- "Grundriß der Sozialökonomik"*, Tübingen, 1914, Buch III, Abt. VI, S. 24—53. — 21, 55.
- 1914, Buch III, Abt. VI, S. 136—186. — 21, 55, 56.
- 1914, Buch III, Abt. VI, S. 187—246. — 21, 56, 57.
- 1915, Buch III, Abt. V, T. II, S. 1—189. — 3, 4, 36, 38 - 57, 269, 275, 276, 456.
- 1915, Buch III, Abt. V, T. II, S. 191—231. — 39, 57 - 59.
- Die grundsätzlich abweichende Beurteilung.* — "Grütliener", Zürich, 1916, Nr. 253, 28. Oktober, S. 1. — 772.
- Grunzel, J. Handels-, Zahlungs- und Wirtschaftsbilanz.* Wien, 1914, (Publikationen der Exportakademie). — 88.
- "Grütliener"*, Zürich, 1916, Nr. 216, 15. September, S. 2. — 774.
- 1916, Nr. 230, 2. Oktober, S. 1. — 700, 770.
- 1916, Nr. 235, 7. Oktober, S. 1. — 773.
- 1916, Nr. 237, 10. Oktober, S. 1. — 773.
- 1916, Nr. 242, 16. Oktober, S. 1—2. — 774.
- 1916, Nr. 243, 17. Oktober, S. 2. — 774.
- 1916, Nr. 244, 18. Oktober, S. 3—4. — 774.
- 1916, Nr. 248, 23. Oktober, S. 1. — 773.
- 1916, Nr. 249, 24. Oktober, S. 1. — 773.
- 1916, Nr. 253, 28. Oktober, S. 1. — 772.
- 1916, Nr. 255, 31. Oktober, S. 1. — 772.
- Gudde, E. Ein neues Ausnahmegesetz gegen die Japaner in den Vereinigten Staaten.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1913, Jg. 31, Bd. 2, Nr. 38, 20. Juni, S. 410—412. — 700, 769.

- Günther, E. *Die wirtschaftlichen Hilfskräfte Deutschlands und seiner Hauptgegner*. Essen, 1915. (Kriegshefte aus dem Industriebezirk. Hft. 7). — 918 - 919.
- "*Handbuch der Politik*", Berlin — Leipzig, 1912 — 1913, Bd. I. XIII, 430 S. — 639.
- Bd. II, S. 55—58, 557—564, 623—633, 704—712, 726—731, 731—735. — 639.
- Harms, B. *Volkswirtschaft und Weltwirtschaft*. Versuch der Begründung einer Weltwirtschaftslehre. Jena, Fischer, 1912, XV, 495 S. (Probleme der Weltwirtschaft. Schriften des Instituts für Seeverkehr und Weltwirtschaft an der Universität Kiel, hrsg. v. B. Harms. VI). — 270, 337, 691.
- Hart, A. B. *The Monroe Doctrine an interpretation*. Lodon, Duckworth, 1916. 445 p. — 922.
- Hegemann, C. *Die Entwicklung des französischen Großbankbetriebes*. Münster, Theissing, 1908. 103 S.; 7 Tabellen. — 61, 151, 443.
- Heilmann, E. *Der Kern des Streitiges*. — "Die Glocke", München, 1916, Jg. II, Bd. I, Hft. 20, S. 770—786. — 700, 764, 928.
- Heinig, K. *Der Weg des Elektrotrusts*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 39, 28 Juni, S. 474—485. — 189, 267, 402.
- Helfferich, K. *Deutschlands Volkswohlstand 1888—1913*. Berlin, Stilke, 1913. VIII, 127 S. — 696.
- Henger, H. *Die Kapitalsanlage der Franzosen in Wertpapieren mit besonderer Berücksichtigung der Kapitalsanlage in Handel und Industrie*. Studien. 125. Stück). — 251, 300, 307.
- Henke, *Nicht identisch, aber dasselbe*. — "Bremer Bürger-Zeitung", 1916, Nr. 140, 17. Juni, S. 9, trong mục: Parteinachrichten. — 715.
- Hennig, R. *Bahnen des Weltverkehrs*. Mit 23 Kartenskizzen. Leipzig, Barth, 1909, VII, 304 S. (Wissen und Können). — 682, 695.
- Herre, P. *Quellenkunde zur Weltgeschichte*. Ein Handbuch. Unter Mitwirkung v. A. Hofmeister und R. Stübe. Leipzig, Dieterich, 1910. XII, 400 S. — 748.

- Hess, H. *Das Elektron in den verschiedenen Zweigen der Physik*. — "Himmel und Erde", Leipzig — Berlin, 1915, Jg. 27, Nr. 3, Hft. 3, S. 81—90. — 916.
- Von der Heydt's *Kolonial-Handbuch*. Jahrbuch der deutschen Kolonialund Übersee-Unternehmungen. Hrsg. v. Fr. Mensch und J. Hellmann. Berlin — Leipzig — Hamburg, verl. für Börsen-und Finanzliteratur A.-G., 1913, XLVIII, 382, 12 S. — 85.
- Heymann, H. G. *Die gemischten Werke im deutschen Großeisengewerbe*. Ein Beitrag zur Frage der Konzentration der Industrie. Stuttgart — Berlin, Cotta, 1904. IX, 342 S. (Münchener volkswirtschaftliche Studien. 65. Stück). — 223, 265.
- Hildebrand, G. *Die Erschütterung der Industriebherrschaft und des Industriesozialismus*. Jena, Fischer, 1910, VI, [4], 244 S. — 60, 107, 274, 276.
- Hilferding, R. *Geld und Ware*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 22, 1. März, S. 773—782. — 396, 458.
- *Phantasie oder Gelehrsamkeit?* (Auch eine mitteleuropäische Frage). — "Der Kampf", Wien, 1916, Jg. 9, Bd. 9, Nr. 2, Februar, S. 54—63. — 751.
- *Zur Theorie der Kombination*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 16, 19. Januar, S. 550—557. — 402.
- Hill, D. A. *History of Diplomacy in the International Development of Europe*. Vol. 1. Struggle for universal Empire. With maps and tables. New York — London — Bombay, Longmans, Green, 1905. XXIII, 481 p. — 175, 292.
- "*Himmel und Erde*", Leipzig — Berlin, 1915, Jg. 27, Nr. 3, Hft. 3, S. 81—90. — 916.
- Hishida, S. *The International Position of Japan as a Great Power*. New York, Macmillan, 1905, 289 p. (Studies in History, Economics and Public Law. Edited by the Faculty of Political Science of Columbia University. Vol. XXIV, No. 3). — 7, 235, 275.
- Hobson, J. A. *Imperialism. A Study*. London, Nisbet, 1902. VI, 400, 4 p. — 17, 114, 236, 269, 273, 274, 487, 929.
- "*Hochland*", München, 1915, V, Hft. 8, S. 176—189. — 337, 373.
- Hoenerger, R. *Die wirtschaftliche Bedeutung des deutschen Militärwesens*. Vortrag, gehalten in der Gehe-Stiftung zu Dresden am 15.

- Februar 1913. Leipzig — Berlin, Teubner, 1913. 35 S. (Vorträge der Gehe-Stiftung zu Dresden. Bd. V, Hft. 2). — 230, 938.
- Hoetzsch, O. Russisch-Turkestan und die Tendenzen der heutigen russischen Kolonialpolitik.* — "Jahrbuch für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft im Deutschen Reich", Leipzig - München, 1913, Jg. 37, Hft. 2, S. 371—409 (903—941); Hft. 3, S. 343—389 (1427—1473). — 601, 649.
- Hoffmann, F. Niederländisch-Ostindien im letzten Jahrhundert.* — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1914, II, Bd. 4, Hft. 1, S. 121—131. — 18.
- Hubert, L. L'Effort allemand. L'Allemagne et la France au point de vue économique.* Paris, Alcan, 1911. 236, 36 p. — 247, 255, 272.
- Hübner, O. Geographisch-statistische Tabellen aller Länder der Erde.* Fortgeführt und ausgestaltet von F. v. Juraschek. 63. umgearb. Ausgabe für das Jahr 1914. Frankfurt a. M., Keller, 1914, XV, 155 S. — 346, 349, 351, 359.
- *Geographisch-statistische Tabellen aller Länder der Erde.* Fortgeführt und ausgestaltet von F. v. Juraschek. 64. Ausgabe. (Kriegs-Ausgabe). Im Druck vollendet Ende 1915. Frankfurt a. M., Keller, 1916, XV, 158 S. — 875.
- Hue, O. Marokko und der deutsche Erzbedarf.* "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 2, 13. Oktober, S. 49—58; Nr. 3, 20. Oktober, S. 84—91. — 910.
- Hulltegger, O. Die Bank von England mit besonderer Berücksichtigung der Reservefrage und der Entwertung der englischen Rente.* Zürich, Art. Institut Orell Füssli, 1915. XIII, 423 S. — 61, 151.
- Independent Labour Party and the War.* "The Daily Telegraph", London, 1914, December 29. — 330.
- Industrial Profits.* — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3,724, January 9, p. 54—55. — 326.
- "Internationale Monatsschrift für Wissenschaft, Kunst und Technik",* Leipzig — Berlin, 1915 — 1916, Jg. X, Bd. 10, Hft. 4, 1. Januar, S. 493—512. — 332.
- Ischchanian, B. Die ausländischen Elemente in der russischen Volkswirtschaft.*

- Geschichte, Ausbreitung, Berufsgruppierung, Interessen und ökonomisch-kulturelle Bedeutung der Ausländer in Rußland. Berlin, Siemenroth, 1913. XVIII, 300 S. — 248, 300, 316.
- Jaekch, G. Das Ende der Internationale in England.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1905, Jg. 23, Bd. 2, Nr. 27, S. 28—32. — 756.
- *Die Internationale. Eine Denkschrift zur vierzigjährigen Gründung der Internationalen Arbeiter-Assoziation.* Leipzig, Leipziger Buchdruckerei. 1904. 236 S. — 756.
- Jaeger, Th. Persien und die Persische Frage.* Weimar, Kiepenheuer, 1916. 180 S.; 1 Karte. — 895.
- Jaffé, E. Das englisch-amerikanische und das französische Bankwesen.* — "Grundriß der Sozialökonomik", Tübingen, 1915, Buch III, Abt. V, T. II, S. 191—231, trong mục: A. Güterverkehr. II. Bankwesen. — 39, 55.
- *Das englische Bankwesen.* Leipzig, Duncker u. Humblot, 1905. X. 245 S. (Staats- und sozialwissenschaftliche Forschungen, hrsg. v. G. Schmoller und M. Sering. Bd. XXIII, Hft. 4, (Der ganzen Reihe, Hft. 109)). — 61, 66, 152, 442, 561.
- "Jahrbuch für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft im Deutschen Reich",* Leipzig—München, 1899, Jg. 23, Hft. 1, S. 271—314. — 428, 441.
- 1913, Jg. 37, Hft. 2, S. 371—409 (903—941); Hft. 3, S. 343—389 (1427—1473). — 601, 649.
- 1915, Jg. 39, Hft. 1, S. 77—112, 423—432. — 702.
- 1915, Jg. 39, Hft. 2, S. 223—256 (781—814). — 447, 465.
- 1915, Jg. 39, Hft. 4, S. 343—373 (1951—1981). — 447, 464.
- "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik",* Jena, 1910, Folge III, Bd. 39, S. 237—256. — 156, 243, 467.
- 1911, Folge III, Bd. 41, S. 269—270. — 246.
- 1911, Folge III, Bd. 42, S. 145—177. — 247.
- 1912, Folge III, Bd. 43, S. 551—552. — 247.
- 1912, Folge III, Bd. 44, S. 269—270, 818—819. — 248.
- 1913, Folge III, Bd. 45. — 248, 251.

- "*Jarbücher für Nationalökonomie und Statistik*", Jena, 1913, Folge III, Bd. 46, S. 271–273. — 251.
- 1914, Folge III, Bd. 47, S. 522–528. — 251.
- 1914, Folge III, Bd. 48, S. 276–279, 544–545, 648–651. — 251.
- 1915, Folge III, Bd. 49, S. 351–362, 527–541. — 251, 289.
- 1915, Folge III, Bd. 50, S. 214–216. — 914.
- Ein Jahrhundert Eisenindustrie.* — "Die Bank", Berlin, 1911, I. Semester, S. 94–95, trong mục: Aus den Statistischen Ämtern. — 204.
- Jeidels, O. Das Verhältnis der deutschen Großbanken zur Industrie mit besonderer Berücksichtigung der Eisenindustrie.* Leipzig, Duncker u. Humblot, 1905. XII, 271 S. (Staats- und sozialwissenschaftliche Forschungen, hrsg. v. G. Schmoller und M. Sering. Bd. 24, Hft. 2 (Der ganzen Reihe, Hft. 112)). — 17, 25, 61, 171 - 191, 266 - 268, 398, 442, 450, 452.
- Jöhlinger, O. Kolonialschulden und Kolonialanleihen.* — "Finanz-Archiv", Stuttgart — Berlin, 1914, Jg. 31, Bd. 1, S. 1–32. — 464.
- "*Journal des Débats*", Paris, 1915, 11 novembre. — 372.
- 1915, 7 décembre. — 376.
- "*Journal de Genève*", 1914, N 285, 17 octobre. — 661 - 662.
- 1914, N 286, 18 octobre. — 662.
- 1915, N 95, 7 avril, p. 1. — 381.
- 1916, N 108, 18 avril, p. 2. — 923.
- "*Journal of the Royal Statistical Society*", London, 1911, vol. LXXIV, part II, January, p. 167–187, 187–200. — 233, 337, 447, 467, 469.
- "*Journal of the Royal Statistical Society*", London, 1911, vol. LXXIV, part V, April, p. 467–534. — 447, 482.
- 1914, vol. LXXVII, part VIII, July, p. 777–807. — 480.
- Junius* — xem Luxemburg, R.

- Kaler, E. Wilhelm Weitling.* Hottingen — Zürich, Volksbuchh., 1887. 104 S. (Sozialdemokratische Bibliothek. Nr. XI). — 783.
- "*Der Kampf*", Wien, 1916, Jg. 9, Bd. 9, Nr. 1, Januar, S. 15–25. — 750.
- 1916, Jg. 9, Bd. 9, Nr. 2, Februar, S. 49–54, 54–63. — 749, 751.
- Kaufmann, E. Auswärtige Gewalt und Kolonialgewalt in den Vereinigten Staaten von Amerika.* Leipzig, Duncker u. Humblot, 1908. XIII, 244 S. (Staats- und völkerrechtliche Abhandlungen. Bd. VII, Hft. 1). — 6.
- Kaufmann, E. Das französische Bankwesen mit besonderer Berücksichtigung der drei Depositengroßbanken.* Tübingen, Mohr, 1911. ("Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik". Hrsg. v. E. Jaffé, Ergänzungsheft I). — 61, 149, 270.
- *Die Organisation der französischen Depositengroßbanken.* — "Die Bank", Berlin, 1909, II. Semester, S. 849–857, 950–960. — 211.
- Kautsky, K. Die Aktion der Masse.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 2, 13. Oktober, S. 43–49. — 655.
- *Ältere und neuere Kolonialpolitik.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1897–1898, Jg. XVI, Bd. 1, Nr. 25, 19. März, S. 769–781; Nr. 26, 26. März, S. 801–816. — 314.
- *Banditenpolitik.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 1, 6. Oktober, S. 1–5. — 458.
- *Gold, Papier und Ware.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 24, 15. März, S. 837–847. — 458.
- \* — *Der Imperialismus.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 32, Bd. 32, Nr. 21, 11. September, S. 908–922. — 309.
- *Kiaotschau.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1897–1898, Jg. XVI, Bd. II, Nr. 27, 2. April, S. 14–26. — 273, 316.
- *Der Kongreß von Kopenhagen.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1910, Jg. 28, Bd. 2, Nr. 48, 26. August, S. 772–781. — 720.
- *Der Krieg.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 32, Bd. 2, Nr. 19, 21. August, S. 843–846. — 313.

- Kautsky, K. Krieg und Frieden.* Betrachtungen zur Maifeier. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 30, 28. April, S. 97—107. — 461.
- *Die "Leipziger Volkszeitung"*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 34, 26. Mai, S. 276—277, trong mục: Notizen. — 459 - 460.
- *Nationalstaat, imperialistischer Staat und Staatenbund.* Nürnberg, Fränkische Verlagsanstalt, 1915. 80 S. — 384.
- *Die neue Taktik.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 44, 2. August, S. 654—664; Nr. 45, 9. August, S. 688—698; Nr. 46, 16. August, S. 723—733. — 459.
- *Nochmals die Abrüstung.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 49, 6. September, S. 841—854. — 458, 720.
- *Patriotismus, Krieg und Sozialdemokratie.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1905, Jg. 23, Bd. 2, Nr. 37, S. 343—348; Nr. 38, S. 364—371. — 720, 756.
- *Religion.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 6, 7. November, S. 182—188; Nr. 10, 5. Dezember, S. 352—360. — 700, 721.
- *Eine Richtigstellung.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 33, 19. Mai, S. 248, trong mục: Notizen. — 459 - 460.
- *Sozialismus und Kolonialpolitik.* Eine Auseinandersetzung. Berlin, Vorwärts, 1907. 80 S. — 826, 828.
- \* — *Wirkungen des Krieges.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 32, Bd. 2, Nr. 22, 18. September, S. 937—948; Nr. 23, 25. September, S. 969—982. — 313.
- \* — *Zwei Schriften zum Umlernen.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1915, Jg. 33, Bd. 2, Nr. 2, 9. April, S. 33—42; Nr. 3, 16. April, S. 71—81; Nr. 4, 23. April, S. 107—116; Nr. 5, 30. April, S. 138—146. — 314.
- "Keine sachlichen Differenzen trennen uns!"* — "Grütliener", Zürich, 1916, Nr. 249, 24. Oktober, S. 1. — 773.

- Kerschensteiner, G. Die Volksschule.* "Handbuch der Politik", Berlin, Leipzig, 1912—1913, Bd. II, S. 557—564. — 639.
- Kestner, F. Der Organisationszwang.* Eine Untersuchung über die Kämpfe zwischen Kartellen und Außenseitern. Berlin, Heymann, 1912, XII, 395 S. — 4, 22, 266.
- Kies, W. S. Branch Banks and our Foreign Trade.* "The Annals" of the American Academy of Political and Social Science", Philadelphia, 1915, vol. LIX, No. 148, May, p. 301—308. — 28.
- Knief, J. I. S. D. und Intern. Gruppe.* — "Bremer Bürger-Zeitung", 1916, Nr. 139, 16. Juni, S. 7. — 713.
- Köppe, H. [Binh luận cuốn sách:] "Rothschild, Ernsts: Kartelle, Gewekschaften und Genossenschaften nach ihrem inneren Zusammenhang im Wirtschaftsleben.* Versuch einer theoretischen Grundlegung der Koalitionsbewegung. Berlin 1912. gr. 8. 143 SS." — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1913, Folge III, Bd. 46, S. 271—273., trong mục: Übersicht über die neuesten Publikationen Deutschlands und des Auslandes. 9. Soziale Frage. — 251.
- Köttgen, J. Zeitschriftenschau.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 19, 6. Februar, S. 710—712. — 601, 653.
- Kouznietsow, P. La lutte des civilisations et des langues dans l'Asie Centrale.* Paris, Jouve, 1912, 357 p. — 245.
- Krieg dem Kriege.* — "Die Gleichheit", Stuttgart, 1914, Jg. 24, Nr. 23, S. 353. — 705.
- Kritik der Emissionsstatistik.* — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 496—498, trong mục: Umschau. — 74.
- Kundt, W. Die Zukunft unseres Überseehandels.* Eine volkswirtschaftliche Studie. Berlin, Siemenroth, 1904, 148 S. — 63.
- Die künftigen Weltherrscher.* — "Vorwärts", Berlin, 1916, Nr. 103, 13. April, S. 1. — 563, 564.
- Labor Bibliography 1913.* Boston, Wright and Potter Printing Company, 1914. 150 p. (The Commonwealth of Massachusetts Bureau of Statistics. Labor Bulletin No. 100. (Being Part IV of the Annual Report on the Statistics of Labor for 1914)). — 731.

- Labour Manifesto*. — "The Daily Telegraph", London, 1915, No. 18, 873, October 7, p. 9. — 334.
- Lair, M. L'Impérialisme allemand*. Paris, Colin, 1902, VII, 341 p. — 243, 258, 934.
- Lansburgh, A. Die Ausschaltung Londons als Clearinghaus der Welt*. — "Die Bank", Berlin, 1914, II. Semester, S. 903—920. — 65.
- *Die Bank im Dienste der nationalen Wirtschaft*. "Die Bank", Berlin, 1910, I. Semester, S. 401—412. — 204.
- *Die Bank mit den 300 Millionen*. "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 415—426. — 69.
- *Die Berliner Großbanken im Jahre 1913*. "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 338—345. — Ký tên: A. L. — 73.
- *Das Beteiligungssystem im deutschen Bankwesen*. — "Die Bank", Berlin, 1910, II. Semester, S. 497—508. — 150, 204.
- *Der deutsche Rentnerstaat*. — "Die Bank", Berlin, 1911, I. Semester, S. 1—13. — 200.
- *Deutsches Kapital im Auslande*. — "Die Bank", Berlin, 1909, II. Semester, S. 819—833. — 214.
- *Die Divinationsgabe der Börse*. — "Die Bank", Berlin, 1910, I. Semester, S. 211—223. — 594.
- *Die Finanzgeschäfte des Fürstentrusts*. — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 223—230. Ký tên: A. L. — 197.
- *Finanzieller Nationalismus*. — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 313—321. — 75.
- *Fünf Jahre deutsches Bankwesen*. — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 725—736. — 80.
- *Gedanken über die Milliardenanleihe*. — "Die Bank", Berlin, 1914, II. Semester, S. 932—940. Ký tên: A. L. — 65.
- *Die Gefahren des Beteiligungssystems*. — "Die Bank", Berlin, 1910, II. Semester, S. 619—627. Ký tên: A. L. — 204.

- *Die Kriegskosten-Deckung und ihre Quellen*. — "Die Bank", Berlin, 1914, II. Semester, S. 997—1009, 1097—1115. — 68.
- *Krisen-Erreger*. — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 1—16. — 77.
- *Die "Money Trust"*. — "Die Bank", Berlin, 1912, I. Semester, S. 432—438. Ký tên: A. L. — 199.
- *Nachdenkliches zur Bankstatistik*. — "Die Bank", Berlin, 1911, II. Semester, S. 813—824. — 202.
- *Der Staat und die Auslandsanleihen*. — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 623—637. — 81.
- *System Rathenau*. — "Die Bank", Berlin, 1908, II. Semester, S. 765—775. Ký tên: A. L. — 73.
- *Die Tendenzen in der modernen Unternehmung. Zwei Bücher*. — "Die Bank", Berlin, 1909, II. Semester, S. 1043—1052. Ký tên: A. L. — 218.
- *Die Verwaltung des Volksvermögens durch die Banken. Zur Bankenquôte*. — "Die Bank", Berlin, 1908, I. Semester, S. 134—145. Ký tên: A. L. — 42, 441.
- *Wie groß ist das deutsche Volksvermögen*. — "Die Bank", Berlin, 1909, I. Semester, S. 319—326. Ký tên: A. L. — 210.
- *Die wirtschaftliche Bedeutung des Byzantinismus*. — "Die Bank", Berlin, 1909, I. Semester, S. 301—309. — 209.
- *Zur Charakteristik des österreichischen Bankwesens*. — "Die Bank", Berlin, 1911, I. Semester, S. 217—227. — 201.
- *Zwanzig Jahre englisches Bankwesen*. — "Die Bank", Berlin, 1911, II. Semester, S. 605—616, 726—736. Ký tên: A. L. — 201.
- Laufenberg, H., Wolfheim, F. u. Herz, C. Organisation, Krieg und Kritik*. Dokumente zu den Hamburger Parteidebatten. Zur Abgabe nur an Parteimitglieder gegen Vorzeigung des Mitgliedsbuches. Hamburg, Laufenberg, 1915. 77 S. — 614.
- "*Leipziger Volkszeitung*", 1916, Nr. 151, 10. Juli, S. 3. — 734.
- Lensch, P. Die deutsche Sozialdemokratie und der Weltkrieg*. Eine politische Studie. Berlin, Vorwärts, 1915, 64 S. — 386.

- Lensch, P. Miliz und Abrüstung.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 47, 23. August, S. 765–772. — 459, 699, 718, 722.
- *Die Sozialdemokratie, ihr Ende und ihr Glück.* Leipzig, Hirzel, 1916, X, 218 S. — 727.
- Lenz, F. Die geschichtlichen Voraussetzungen des modernen Krieges.* — "Deutsche Rundschau", Berlin, 1914, Bd. CLXI, Oktober, S. 1–37. — 325.
- *Die politische Voraussetzungen des modernen Krieges.* — Deutsche Rundschau", Berlin, 1915, Bd. CLXII, Januar, S. 80–105; Februar, S. 211–231. — 394.
- Leroy-Beaulieu, P. La Fortune Française à l'étranger.* (Premier article). — "L'Économiste Français", Paris, 1902, an. 30, vol. 2, N 40, p. 449–451, trong mục: Partie économique. — 690.
- Lescure, J. L'Épargne en France.* Paris, Tenin, 1914. VIII, 114 p. — 234, 269.
- Leuthner, K. Russischer Volksimperialismus.* — "Die Neue Rundschau", Berlin, 1915, Jg. XXVI, Hft. 5, Mai, S. 574–590. — 925.
- Liebknecht, W. Zur orientalischen Frage oder Soll Europa kosakisch werden?* Ein Mahnwort an das deutsche Volk. 2. Aufl. Leipzig, Höhme, [1878]. 63 S. — 767.
- Liefmann, R. Beteiligungs- und Finanzierungsgesellschaften.* Eine Studie über den modernen Kapitalismus und das Effektenwesen (in Deutschland, den Vereinigten Staaten, England, Frankreich, Belgien und der Schweiz). Jena, Fischer, 1909. X, 495 S. — 269, 342, 447.
- \* — *Bringt uns der Krieg dem Sozialismus näher?* — "Der Deutsche Krieg", Stuttgart — Berlin, 1915, Hft. 56, S. 1–44. — 912.
- *Die internationale Organisation des Frankfurter Metallhandels.* — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1913, I, Bd. I, Hft. I, S. 108–122. — 12.
- *Kartelle und Trusts und die Weiterbildung der volkswirtschaftlichen Organisation.* 2., stark erweiterte Aufl. Stuttgart, Moritz, 1910. 210 S. — 4, 18, 36, 111, 266, 267.

- Link, E. Sind Sparkassen Wohlfahrtseinrichtungen?* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 2, 13. Oktober, S. 58–62. — 655.
- Lissagaray. Geschichte der Kommune von 1871.* 2. vom Verfasser durchges. Aufl. Mit einem Nachtrag: Die Vorgeschichte und die innere Triebkräfte der Kommune von S. Mendelson. Stuttgart, Dietz, 1894. XIV, 550 S. — 726.
- Lloyd George in the House of Commons.* — "The Daily Telegraph", London, 1915, April 22, May 5. — 337, 378, 382.
- Die Lohndrücker des Auslandes und die Internationale.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1906–1907, Jg. 25, Bd. 2, Nr. 41, S. 510–512, trong mục: Notizen. — 811.
- Lorenz, J. Polnische Arbeiter in der Schweiz.* Zürich, 1910. — 724.
- *Zur Italienerfrage in der Schweiz.* Zürich. — 322, 724.
- Louis, P. Essai sur l'impérialisme.* — "Le Mercure de France", Paris, 1904, 15-e an. IV, t. L, p. 100–114. — 243, 273, 290.
- Lucas, C. P. Greater Romer and Greater Britain.* Oxford, Clarendon Press, 1912. 184 p. — 684.
- [Luxemburg, R.] Le Billet de Junius.* — "L'Écho de Paris", 1914, N 11016, 13 octobre, p. 1. Ký tên: Junius. — 658.
- *Die Krise der Sozialdemokratie.* Anhang: Leitsätze über die Aufgaben der internationalen Sozialdemokratie. Zürich, Verlagsdruckerei Union, 1916, 109 S. Sau đầu để ghi tên tác giả: Junius. — 364.
- Lysis. Contre l'Oligarchie financière en France.* Préf. de J. Finot. Paris, "La Revue", 1908. XI, 260 p. — 21, 244, 252, 269.
- Mackay, B. L. China, die Republik der Mitte. Ihre Probleme und Aussichten.* Mit neunzehn Nachbildungen chinesischer Originale. Stuttgart — Berlin, Cotta, 1914. VII, 264 S. 17 Bilder. — 658, 680.
- Macrosty, H. W. Das Trustwesen in der britischen Industrie.* Übersetzt v. F. Leo. Berlin, Heymann, 1910. XII, 308 S. (Moderne Wirtschaftsprobleme. Internationale Beiträge zur neueren Wirtschaftsentwicklung. Hrsg. V. Leo. Berlin, 1910. Bd. IV). — 17, 254.
- Marcard, K. [Binh luận cuốn sách:] "Hirsch Julius: Die Filialbetriebe im Detailhandel (unter hauptsächlichlicher Berücksichtigung der kapitalistischen*

- Massenföbrialbetriebe in Deutschland und Belgien*). — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1914, Folge III, Bd. 48, S. 276—279, trong mục: Übersicht über die neuesten Publikationen Deutschlands und des Auslandes. 6. Handel und Verkehr. — 251.
- March, L. La statistique internationale des forces motrices*. Trong cuốn: Bulletin de l'Institut international de statistique. T. XIX — 1<sup>re</sup> Livraison. La Haye, Van Stockum, [1912], p. 374—386. — 569.
- Marx, K. Briefe an Dr. L. Kugelmann*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1901—1902, Jg. 20, Bd. 2, Nr. 1 (lauf. Nr. 27), S. 26—32; Nr. 2 (lauf. Nr. 28), S. 60—64; Nr. 3 (lauf. Nr. 29), S. 91—96; Nr. 4 (lauf. Nr. 30), S. 125—128; Nr. 6 (lauf. Nr. 32), S. 188—192; Nr. 7 (lauf. Nr. 33), S. 221—224; Nr. 12 (lauf. Nr. 38), S. 381—384; Nr. 13 (lauf. Nr. 39), S. 412—416; Nr. 15 (lauf. Nr. 41), S. 472—480; Nr. 17 (lauf. Nr. 43), S. 541—544; Nr. 19 (lauf. Nr. 45), S. 604—608; Nr. 25 (lauf. Nr. 51), S. 797—800. — 700, 737, 756.
- [*Ein Brief an Meyer und Vogt, 9. IV. 1870*]. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1907, Jg. 25, Bd. 2, Nr. 33, S. 226—228 trong bài: Mehring, F. Neue Beiträge zur Biographie von Karl Marx und Friedrich Engels. — 808.
- *Ein Brief an W. Liebknecht*. — In: Liebknecht, W. Zur orientalischen Frage oder Soll Europa kosakisch werden? Ein Mahnwort an das deutsche Volk. 2. Aufl. Leipzig, Höhme, 1878, S. 57—59. — 700, 767, 769.
- *Ein Brief an Weydemeyer, 11. IX. 1851*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart 1907, Jg. 25, Bd. 2, Nr. 28, S. 58—59, trong bài: Mehring, F. Neue Beiträge zur Biographie von Karl Marx und Friedrich Engels. — 806.
- [*Ein Brief an Weydemeyer, 5. III. 1852*]. — "Die Neue Zeit", Stuttgart 1907, Jg. 25, Bd. 2, Nr. 31, S. 163—165, trong bài: Mehring, F. Neue Beiträge zur Biographie von Karl Marx und Friedrich Engels. — 807.
- *Der Bürgerkrieg in Frankreich. Adresse des Generalrats der Internationalen Arbeiter-Assoziation*. 3. deutsche Aufl. verm. durch die beiden Adressen des Generalrats über den deutschfranzösischen Krieg und durch eine Einleitung. Berlin, die Expedition des "Vorwärts", 1891. 71 S. — 700, 736, 738.

- *Enthüllungen über den Kommunisten Prozeß zu Köln*. Neuer Abdruck mit Einleitung v. F. Engels. Hottingen — Zürich, Volksbuchhandlung, 1885. 88 S. — 610.
- *Mr. George Howells Geschichte der Internationalen Arbeiter-Assoziation*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1902, Jg. XX, Bd. I, Nr. 19, 8. Februar, S. 585—589; trong mục: Beiträge zu einer Geschichte der Internationale. — 702.
- *Der politische Indifferentismus. (L'indifferenza in materia politica)*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 2, 10. Oktober, S. 40—44, trong mục: Ein Beitrag zur Geschichte der Internationale. Zwei unbekannte Artikel von F. Engels und K. Marx. Übersetzt und eingeleitet von N. Rjasanoff. — 722.
- May, R. E. Das Verhältnis des Verbrauches der Massen zu demjenigen der "Kleinen Leute", der Wohlhabenden und Reichen und die Marxistische Doktrin*. — "Jahrbuch für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft im Deutschen Reich", Leipzig — München, 1899, Jg. 23, Hft. 1, S. 271—314. — 429, 441.
- *Kosten der Lebenshaltung und Entwicklung der Einkommensverhältnisse in Hamburg seit 1890*. — "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", München — Leipzig, 1915, Bd. 145, T. IV, S. 259—524. — 915.
- Mehrens, B. Die Entstehung und Entwicklung der großen französischen Kreditinstitute mit Berücksichtigung ihres Einflusses auf die wirtschaftliche Entwicklung Frankreichs*. Stuttgart—Berlin, Cotta, 1911. IX, 360 S. (Münchener volkswirtschaftliche Studien, hrsg. v. L. Brentano u. W. Lotz. 107. Stück). — 21, 61, 153, 269.
- Mehring, F. Neue Beiträge zur Biographie von Karl Marx und Friedrich Engels*. "Die Neue Zeit", Stuttgart. 1906—1907, Jg. 25, Bd. 2, Nr. 27, S. 15—21; Nr. 28, S. 53—59; Nr. 29, S. 98—103; Nr. 31, S. 160—168; Nr. 32, S. 180—187; Nr. 33, S. 222—228. — 806.
- *Die neuen Hegelingen* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 26, 27. März, S. 964—973. — 709.
- "*Le Mercure de France*", Paris, 1904, 15-e an., t. L, p. 100—114. — 243, 273, 290.



- Mévil, A. *De la Paix de Francfort à la conférence d'Algésiras*. Ed. 10. Paris, Plon-Nourrit, 1909. XI, 328 p. — 639.
- Meyer, A. *Die Kapitalanlage. Einige grundsätzliche Förrterungen*. Zürich, 1912. — 3, 9, 466.
- Die Milchversorgung norddeutscher Städte und Industriegebiete*. — "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", München — Leipzig, 1914, Bd. 140, T. II, S. 1—560. — 915.
- \* *Mineral production. Petroleum*. — "Statistical Abstract of the United States", Washington, 1912, Number 34, No. 117. — 908.
- Moll, E. *Die Geschäftsergebnisse der deutschen Aktiengesellschaften in den Jahren 1907/08 bis 1911/12*. — "Bank-Archiv", Berlin, 1914, Jg. XIII, Nr. 18, S. 299—303. — 4, 22.
- Montesquiou, L. *Les Obligations américaines et le portefeuille français*. Paris, Rivière, 1912, 109 p. — 233.
- Moos, F. *Die französischen Kreditinstitute und die französischen und englischen Kapitalanlagen im Ausland*. — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1910, Folge III, Bd. 39, S. 237—256. — 156, 243, 274, 467.
- Moride, P. *Les Maisons à succursales multiples en France et à L'Étranger*. Paris, Alcan, 1913. 234, 36 p. — 3, 16.
- Morley, J. *The Life of Richard Cobden. Jubilee Edition*. Vol. I—II. London, Unwin, 1896. 2 v. — 560.
- Morris, H. C. *The History of Colonization from the Earliest Times to the Present Day*. New York, Macmillan, 1900. 2 vol. — 271, 293, 488, 490.
- Mülhaupt, E. *Der Milchring. Ein Beitrag zur Kartell- und Milchpreisfrage*. Karlsruhe, Braun, 1912. 111 S. (Volkswirtschaftliche Abhandlungen der badischen Hochschulen, hrsg. v. K. Diehl und anderen. Neue Folge. Hft. 9). — 447, 470.
- Nahas, J. F. *Situation économique et sociale du Fellah Égyptien*. Thèse par le doctorat. Paris, Rousseau, 1901. 202 p. (Université de Paris. — Faculté de droit). — 654.
- Die "nationalistische Spreu" scheidet vom "internationalen sozialistischen Weizen"*. — "Grütliener", Zürich, 1916, Nr. 248, 23 Oktober, S. 1. — 773.

- Nationalities and Subject Races. Report of Conference held in Caxton Hall*. Westminster, June 28—30, 1910. London, King, 1911. XII, 178 p. — 3, 14.
- Nearing, S. *The Adequacy of American Wages*. — "The Annals of the American Academy of Political and Social Science", Philadelphia, 1915, vol-LIX, p. 111—124. — 28.
- "Neue Rheinische Zeitung"*, London, 1850. — 700, 778.
- Hft. 1, Januar, 92 S. — 778.
- "Neue Rheinische Zeitung"*, London, 1850, Hft. 2, Februar. 80 S. — 778, 779.
- Hft. 3, März. 80 S. — 778.
- Hft. 4, April, 79 S. — 778, 779.
- Hft. 5—6, Mai bis October. 180 S. — 778, 780.
- "Die Neue Rundschau"*, Berlin, 1915, Jg. XXVI, Hft. 5, Mai, S. 577—590. — 925.
- "Die Neue Zeit"*, Stuttgart, 1886, Jg. IV, Nr. 11, S. 502—515. — 909.
- 1897—1898, Jg. XVI, Bd. I, Nr. 25, 19. März, S. 769—781; Nr. 26, 26. März, S. 801—816. — 314.
- 1897—1898, Jg. XVI, Bd. II, Nr. 27, 2. April, S. 14—26. — 273, 316.
- 1900—1901, Jg. XIX, Bd. I, Nr. 8, 24. November, S. 247—250. — 699, 700, 722.
- 1900—1901, Jg. XIX, Bd. I, Nr. 26, 30. März, S. 804—811. — 723.
- 1901—1902, Jg. XX, Bd. I, Nr. 19, 8. Februar, S. 585—589. — 716.
- 1901—1902, Jg. 20, Bd. 2, Nr. 1 (lauf. Nr. 27), S. 26—32; Nr. 2 (lauf. Nr. 28), S. 60—64; Nr. 3 (lauf. Nr. 29), S. 91—96; Nr. 4 (lauf. Nr. 30), S. 125—128; Nr. 6 (lauf. Nr. 32), S. 188—192; Nr. 7 (lauf. Nr. 33), S. 221—224; Nr. 12 (lauf. Nr. 38), S. 381—384; Nr. 13 (lauf. Nr. 39), S. 412—416; Nr. 15 (lauf. Nr. 41), S. 472—480; Nr. 17 (lauf. Nr. 43), S. 541—544; Nr. 19 (lauf. Nr. 45), S. 604—608; Nr. 25 (lauf. Nr. 51), S. 797—800. — 700, 737, 756.

- "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1902–1903, Jg. 21, Bd. 2, Nr. 30, S. 106–109. — 192.
- 1904–1905, Jg. 23, Bd. 2, Nr. 27, S. 28–32. — 756.
- 1904–1905, Jg. 23, Bd. 2, Nr. 37, S. 343–348; Nr. 38, S. 364–371. — 720, 756.
- 1906–1907, Jg. 25, Bd. 2, Nr. 27, S. 15–21; Nr. 28, S. 53–59; Nr. 29, S. 98–103; Nr. 31, S. 160–168; Nr. 32, S. 180–187; Nr. 33, S. 222–228. — 806, 808.
- 1906–1907, Jg. 25, Bd. 2, Nr. 41, S. 510–512. — 811.
- 1910, Jg. 28, Bd. 2, Nr. 48, 26. August, S. 772–781. — 720, 722.
- 1911, Jg. 29, Bd. 1, Nr. 16, 20. Januar, S. 552–559. — 463.
- 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 29, 21. April, S. 96. — 463.
- 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 30, 28 April, S. 97–107. — 461.
- 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 32, 12. Mai, S. 179–186. — 463.
- 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 33, 19. Mai, S. 248. — 459.
- 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 34, 26. Mai, S. 276–277. — 447, 459.
- 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 52, 29. September, S. 943–944. — 460.
- 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 1, 6. Oktober, S. 1–5. — 655.
- 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 2, 13. Oktober, S. 43–49. — 655.
- 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 2, 13. Oktober, S. 49–58; Nr. 3, 20. Oktober, S. 84–91. — 909.
- 1911, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 2, 13. Oktober, S. 58–62. — 655.
- 1912, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 16, 19. Januar, S. 550–557. — 402.
- 1912, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 22, 1. März, S. 773–782. — 397, 458.
- 1912, Jg. 30, Bd. 1, Nr. 24, 15. März, S. 837–847. — 458.
- 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 39, 28. Juni, S. 474–485. — 267, 402.
- 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 41, 12. Juli, S. 541–550; Nr. 42, 19. Juli, S. 585–593; Nr. 43, 26. Juli, S. 609–616. — 458.

- "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 42, 19. Juli, S. 569–576. — 458.
- 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 44, 2. August, S. 654–664; Nr. 45, 9. August, S. 688–698; Nr. 46, 16. August, S. 723–733. — 458.
- 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 47, 23. August, S. 765–772. — 458, 699, 718, 722.
- 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 48, 30. August, S. 810–817. — 458.
- 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 49, 6. September, S. 841–854. — 458, 720, 722.
- 1912, Jg. 31, Bd. 1, Nr. 4, 25. Oktober, S. 138–144. — 3, 8, 190.
- 1912, Jg. 31, Bd. 1, Nr. 7, 15. November, S. 221–229. — 3, 7.
- 1913, Jg. 31, Bd. 2, Nr. 38, 20. Juni, S. 410–412. — 700, 769.
- 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 2, 10. Oktober, S. 37–39. — 722.
- 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 2, 10. Oktober, S. 40–44. — 722.
- 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 4, 24. Oktober, S. 110–116. — 300, 317.
- 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 6, 7. November, S. 182–188; Nr. 10, 5. Dezember, S. 352–360. — 700, 722.
- 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 10, 5. Dezember, S. 382–384. — 722, 725 - 726.
- 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 12, 19. Dezember, S. 435–441. — 316.
- 1914, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 16, 16. Januar, S. 590–592; Nr. 26, 27. März, S. 1005–1008. — 722, 724.
- 1914, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 19, 6. Februar, S. 710–712. — 601, 653.
- 1914, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 26, 27. März, S. 964–973. — 709.
- 1914, Jg. 32, Bd. 2, Nr. 19, 21. August, S. 843–846. — 313.
- \*— 1914, Jg. 32, Bd. 2, Nr. 21, 11. September, S. 908–922. — 309.
- \*— 1914, Jg. 32, Nr. 22, 18. September, S. 937–948; Nr. 23, 25. September, S. 969–982. — 313.

- "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 33, Bd. 1, Nr. 2, 16. Oktober, S. 61–63. — 116.
- \* — 1915, Jg. 33, Bd. 2, Nr. 2, 9. April, S. 33–42; Nr. 3, 16. April, S. 71–81; Nr. 4, 23. April, S. 107–116; Nr. 5, 30. April, S. 138–146. — 314.
- 1916, Jg. 34, Bd. 2, Nr. 1, 7. April, S. 16–20; Nr. 2, 14. April, S. 51–58. — 115.
- "Neue Zürcher Zeitung", 1915, 23. April. 1. Morgenblatt. — 377.
- Neumann-Spallart, F. X. *Übersichten der Weltwirtschaft*. Jg. 1883–84. Stuttgart, Maier, 1887. XIV, 574 S. — 574, 596.
- Neymarck, A. *La Statistique internationale des Valeurs Mobilières*. IX-e Rapport... Première Partie. Exposé général du rapport. — Trong cuốn: Bulletin de l'Institut international de statistique. T. XIX—2e Livraison. La Haye, Van Stockum, [1912], p. 210–475. — 60, 61, 86, 154, 157, 158, 159, 234, 269, 320, 465.
- Nieboer, H. J. [Binh luận cuốn sách:] "*Nationalities and Subject Races. London, 1911*". — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1913, II, Bd. 2, Hft. 1, S. 193–195, trong mục: Literatur. — 3, 15, 274, 276.
- Noch eine Blattgründung in Bremen. — "Bremer Bürger-Zeitung", 1916, Nr. 141, 19. Juni, S. 7, trong mục: Parteinachrichten. — 716.
- "The North American Review", New York, 1915, vol. CCI, No. 1, January, p. 72–81. — 233.
- The Objects of the War*. — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3, 735, March 27 p. 614–615. — 380.
- Der Oktober. "Die Bank", Berlin, 1914, II. Semester, S. 1039–1058. — 64.
- Oncken, H. *Die Vorgeschichte des Krieges*. — In: Deutschland und der Weltkrieg, Leipzig — Berlin, Teubner, 1915, S. 463–535. — 643.
- Oppenheimer, F. *Englischer Imperialismus*. Wien, Hof-Vrlags-und Univ.-Buchhandlung, 1905. 64 S. — 307, 560.
- Otto, W. *Anleiheübernahme-Gründungs-und Beteiligungsgeschäfte der deutschen Großbanken in Übersee*. Berlin, Borussia, 1911, 245 S. — 60, 143.

- Paish, G. *Great Britain's Capital Investments in Individual Colonial and Foreign Countries*. "Journal of the Royal Statistical Society", London, 1911, vol. LXXIV, part 2, January, p. 167–187. — 233, 337, 447, 467, 469.
- Pannekoek, A. *Deckungsfrage und Imperialismus*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1913, Jg. 32, Bd. 1, Nr. 4, 24. Oktober, S. 110–116. — 300, 317.
- *Massenaktion und Revolution*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 41, 12. Juli, S. 541–550; Nr. 42, 19. Juli, S. 585–593; Nr. 43, 26. Juli, S. 609–616. — 458.
- *Das Wesen unserer Gegenwartsforderungen*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 30, Bd. 2, Nr. 48, 30. August, S. 810–817. — 459.
- Parteitag der Soz. dem. Partei Deutschlands zu Chemnitz. 15. — 21. IX. 1912. — "Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung", Leipzig, 1915, Jg. 5, Hft. 1 u. 2, S. 311–316, trong mục: Chronik, Juli 1912 — Juni 1914 und Nachträge für Juli 1911— Juni 1912. II. Deutsches Reich. — 699, 703.
- "Parteiverrat — Landesverrat". — "Leipziger Volkszeitung", 1916, Nr. 151, 10. Juli, S. 3, trong mục: Aus der Partei. — 734.
- Parteiverrat — Landesverrat. — "Volksstimme", Chemnitz, 1916, Nr. 156, 8. Juli. Beilage 1. — 731.
- Patouillet, J. *L'Impérialisme américain*. Thèse pour le doctorat. (Sciences politiques et économiques). Dijon, "Petit Bourguignon", 1904, 388 p. (Université de Dijon. — Faculté de droit). — 7, 237, 242, 275.
- Patriotic Pledge by Employers. — "The Daily Telegraph", London, 1915, April 23. — 378.
- Pepper, Ch. M. *South American Markets*. — "The Annals of the American Academy of Political and Social Science", Philadelphia, 1915, vol. LIX, p. 309–315. — 29.
- Perrin de Boussac, R. *De l'Armée coloniale. Ses Rapports avec la colonisation*. Thèse pour le doctorat. Paris, Rousseau, 1901. 151 p. (Université de Paris. — Faculté de droit). — 731.

- Die Petroleum-Komödie.* — "Die Bank", Berlin, 1913, I. Semester, S. 388—391, trong mục: Umschau. — 79.
- Philippovich, E. Monopole und Monopolpolitik.* — "Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung", Leipzig, 1916, Jg. 6, S. 157—174. — 923.
- Pinner, F. Herrn v. Gwinners Petroleummonopol.* — "Die Bank", Berlin, 1912, II. Semester, S. 1032—1047. — 80.
- *Petroleummonopol oder Kartellgesetz?* — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 736—747. — 79.
- *Petroleum-Strategie.* — "Die Bank", Berlin, 1912, II. Semester, S. 629—638. — 196.
- Plehn, H. Der britische Imperialismus.* — "Handbuch der Politik", Berlin — Leipzig, 1912 — 1913, Bd. II, S. 731—735. — 639.
- *Großbritanniens auswärtige Politik.* — England und Deutschland. — "Handbuch der Politik", Berlin — Leipzig, 1912 — 1913, Bd. II, S. 726—731. — 639.
- *Weltpolitik. Abriß der neuesten Weltgeschichte nach dem englisch-japanischen Bündnis.* 3. Aufl. Berlin, Curtius, 1907. VII, 214 S. — 601, 602.
- Politische Rundschau.* — "Die Gleichheit", Stuttgart, 1914, Jg. 24, Nr. 23, S. 363—364. — 707.
- Powell, E. Th. The Evolution of the Money Market (1385 - 1415).* London, Financial News, 1915. 735 p. — 336.
- "*Preußische Jahrbücher*", Berlin, 1915, Bd. 159, Hft. 3, S. 481—497. — 363.
- La production des céréales.* — "Journal de Genève", 1916, N 108, 18 avril, p. 2. — 923.
- Proletarische Frauen, seid bereit!* — "Die Gleichheit", Stuttgart, 1914, Jg. 24, Nr. 23, S. 353—354. — 705.
- Quadflieg, F. Russische Expansionspolitik von 1774 bis 1914.* Berlin, Dümmler, 1914. 259 S. — 831.

- [*Quelch, H.*] *Die Torheit des Krieges und die Möglichkeiten und Gefahren des Friedens.* [Lược thuật]. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 52, 29. September, S. 943—944, trong mục: Zeitschriftenschau. — 460.
- Rappard, W. E. Zur nationalen Verständigung.* Zürich, 1915. (Schriften für schweizerische Art und Kunst. 26). — 917.
- Ravesteijn, W., van. Balkanprobleme.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 31, Bd. 1, Nr. 7, 15. November, S. 221—229. — 3, 7.
- The Realms of the Habsburgs.* — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3, 723, January 2, p. 11—12. — 330.
- "*Recht und Wirtschaft*", Berlin, 1915, Jg. 4, Nr. 6, S. 137—141. — 331.
- Redslob, R. Abhängige Länder.* Eine Analyse des Begriffs von der ursprünglichen Herrschergewalt. Zugleich eine staatsrechtliche und politische Studie über Elsaß-Lothringen, die österreichischen Königreiche und Länder, Kroatien-Slavonien, Bosnien-Herzegowina, Finnland, Island, die Territorien der nordamerikanischen Union, Kanada, Australien, Südafrika. Leipzig, Veit, 1914. 352 S. — 285.
- Renner, K. Wirklichkeit oder Wahnidee?* — "Der Kampf", Wien, 1916, Jg. 9, Bd. 9, Nr. 1, Januar, S. 15—25. — 750.
- Reventlow, E. Deutschlands auswärtige Politik. 1888 - 1913.* Berlin, Mittler, 1914, XVI, 402 S. — 826.
- Revere, C. T. Latin-American Trade Possibilities.* — "The North American Review", New York, 1915, vol. CCI, No. 1, January, p. 72—81. — 233.
- "*Revue d'Économie Politique*", Paris, 1915, N 4, juillet-août, p. 409—410. — 911.
- "*La Revue de Paris*", 1915, an. 22, t. 2, N 5, 1 mars, p. 194—224. — 337, 362.
- "*La Revue Politique Internationale*", Lausanne, 1915, N 14, mars — avril, p. 168—186. — 602.
- Riesser, J. Die deutschen Großbanken und ihre Konzentration in Zusammenhänge mit der Entwicklung der Gesamtwirtschaft in Deutschland.* 3. völlig umgearb. und stark verm. Aufl. Jena, Fischer, 1910. XV, 715 S.; 1 Karte. — 37, 144, 154, 266 - 268, 270, 275, 276, 280, 320, 321, 342, 396, 406, 409, 441.

- Riesser, J. *Die deutschen Großbanken und ihre Konzentration im Zusammenhang mit der Entwicklung der Gesamtwirtschaft in Deutschland*. 4. verb. und verm. Aufl. Jena, Fischer, 1912. XIII, 768 S.; 1 Karte. — 409, 411, 413, 417, 421, 427, 430, 436, 445.
- Rohrbach, P. *Warum es der Deutsche Krieg ist!* — "Der Deutsche Krieg", Stuttgart — Berlin, 1914, Hft. 1, S. 1—30. — 689.
- Rothstein, Th. *Die S. D. P., Hyndman und die Rüstungsfrage*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1911, Jg. 29, Bd. 2, Nr. 32, 12. Mai, S. 179—186. — 463, 722.
- Roumania and the War. — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3,724, January 9, p. 57-58, trong mục: Notes on Business and Finance. — 330.
- Rubner, M. *Bericht*. — In: Volksernährung. Massenspeisung. Berlin, 1916, S. 27. — 930.
- Ruedorffer, J. J. *Grundzüge der Weltpolitik in der Gegenwart*. Berlin — Stuttgart, Deutsche Verlags-Anstalt, 1914. XIII, 252 S. — 658, 670.
- Russia. — "The Economist", War Supplement, London, 1914, vol. LXXIX, No. 3, 721, December 19, p. 9—11. — 327.
- Russian finances. (From a Correspondent). Petrograd, December 19. — "The Economist", London, 1915, vol. LXXX, No. 3, 724, January 9, p. 66—67. — 330.
- Russier, H. *Le Partage de l'Océanie*. Paris, Vuibert et Nony, 1905. XI, 370 p. — 7, 261.
- Sale, Ch. V. *Some Statistics of Japan*. — "Journal of the Royal Statistical Society", London, 1911, vol. LXXIV, part V, April, p. 467—534. — 447, 482.
- Sartorius von Waltershausen, A. *Das volkswirtschaftliche System der Kapitalanlage im Auslande*. Berlin, Reimer, 1907. 442 S. — 270, 274, 658, 690.
- Schilder, S. *Entwicklungstendenzen der Weltwirtschaft*. Bd. 1. Plannäßige Einwirkungen auf die Weltwirtschaft. Berlin, Siemenroth, 1912. VIII, 393 S. — 60, 88, 274, 339.

- *Weltwirtschaftliche Hintergründe des Weltkrieges*. — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1915, I, Bd. 5, Hft. 1, S. 1—22. — 4, 18.
- Schippel, M. *Russischer Alp und deutsche Demokratie*. — "Sozialistische Monatshefte", Berlin, 1916, Jg. 22, Bd. 3, Hft. 21, S. 1091—1097. — 767.
- Schmoller, G. *Friedrich Engels und Karl Marx. Ihr Briefwechsel von 1844 bis 1883*. — "Jahrbuch für Gesetzgebung, Verwaltung und Volkswirtschaft im Deutschen Reich", Leipzig—München, 1915, Jg. 39, Hft. 1, S. 423—432. — 702.
- "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", München — Leipzig, 1914, Bd. 140, T. II, S. 1—560. — 915.
- 1914, Bd. 140, T. V, S. 1—164. — 916.
- 1915, Bd. 145, T. III, S. 1—291. — 914.
- 1915, Bd. 145, T. IV, S. 259—524. — 915.
- Schulthess' *Europäischer Geschichtskalender*. Neue Folge. Jg. 25, 1909. (Der ganzen Reihe, Bd. L). Hrsg. v. L. Rietz. München, Beck, 1910. XV, 739 S. — 636.
- Schultze, E. *Das französische Kapital in Rußland*. — "Finanz-Archiv", Stuttgart — Berlin, 1915, Jg. 32, Bd. 1, S. 125—133. — 392, 464.
- *Die Schwankungen der Einwanderung in die Vereinigten Staaten*. — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1915, Folge III, Bd. 49, S. 527—541, trong mục: Miscellen. XV. — 251.
- Schulze-Gaevernitz, G. *Britischer Imperialismus und englischer Freihandel zu Beginn des zwanzigsten Jahrhunderts*. — Leipzig, Duncker u. Humblot, 1906. 477 S. — 21, 400, 531, 542, 758.
- *Die deutsche Kredibank*. — "Grundriß der Sozialökonomik", Tübingen, 1915, Buch III, Abt. V, T. II, S. 1—189, trong mục: A. Güterverkehr. II. Bankwesen. — 3, 4, 38, 270, 275, 276.
- Schumpeter, J. *Theorie der wirtschaftlichen Entwicklung*. Leipzig, Duncker u. Humlot, 1912, V, 548 S. — 62.
- Schwarz, O. *Die Finanzsysteme der Großmächte. (Internationales Staatsund Gemeinde-Finanzwesen)*. — Bd. I—II. Leipzig, Göschen, 1909. (Sammlung Göschen). 2 Bd. — 21, 563.

- Schweizerische Kapital im Auslande.* — "Basler Vorwärts", 1917, 26. Januar. — 931.
- "*Schweizerische Metallarbeiter-Zeitung*", Bern, 1916, Nr. 40, 30. September, S. 2. — 776.
- 1916, Nr. 41, 7. Oktober, S. 1—2. — 777.
- Schwiedland, E.* [Binh luận cuốn sách:] "*Driault, Edouard: Le Monde actuel. Tableau politique et économique. Paris (Alcan), 1909. Pp. 372.*" — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1911, Folge III, Bd. 41, S. 269—270, trong mục: Übersicht über die neuesten Publikationen Deutschlands und des Auslandes. — 246.
- [Binh luận cuốn sách:] "*Passame Paul: Formes nouvelles de concentration industrielle. Paris. 1910.*" — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1912, Folge III, Bd. 44, S. 818—819, trong mục: Übersicht über die neuesten Publikationen Deutschlands und des Auslandes. — 248.
- *Der Wettkampf der gewerblichen Betriebsformen.* — "Grundriß der Sozialökonomik", Tübingen, 1914, Buch III, Abt. VI, S. 24—53. — 21, 55.
- Seeley, J. R. The Expansion of England. Two Courses of Lectures.* — Leipzig, Tausnitz, 1884. 320, 32 p. — 806, 813.
- Seidel, M. Das Sparkassenwesen einiger europäischer Staaten in Gesetzgebung, Einrichtungen und Ergebnissen.* — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 234—243, 329—337, 441—446. — 74.
- Sembat, M. Faites un Roi sinon Faites la Paix.* 12 ed. Paris, Figuière, [1913]. XIV, 278 p. — 531.
- Seubert, R. Aus der Praxis des Taylor-Systems mit eingehender Beschreibung seiner Anwendung bei der Tabor Manufacturing Company in Philadelphia.* Berlin, Springer, 1914, VI, 160 S. — 61, 167.
- Siegfried, A. Neu-Seeland. Eine sozial- und wirtschaftspolitische Untersuchung.* Übersetzt und in einzelnen Teilen erweitert v. M. Warnack. Berlin, Heymann, 1909. XVI, 351 S. (Moderne Wirtschaftsprobleme. Internationale Beiträge zur neueren Wirtschaftsentwicklung. Hrsg. V. Leo. 1909. Bd. III). — 601, 646.

- Les socialistes et la paix.* — "Journal des Débats", Paris, 1915, 11 novembre. — 372.
- "*Sozialimperialismus und Linksradikalismus.* — "Bremer Bürger-Zeitung", 1915, Nr. 291, 13. Dezember, S. 1. — 916.
- "*Sozialistische Monatshefte*", Berlin, 1916, Jg. 22, Bd. 3, Hft. 21, S. 1091—1097. — 767.
- Sparkassen und Banken.* — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 811—812, trong mục: Aus den Handelskammern. — 83.
- Spectator.* [Binh luận cuốn sách:] "*E. Agahd: Großbanken und Weltmarkt. Berlin, 1914.*" — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1914, Jg. 33, Bd. 1, Nr. 2, 16. Oktober, S. 61—63. — 116.
- *Die Kolonien der europäischen Mächte in handelswirtschaftlicher Beziehung.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1916, Jg. 34, Bd. 2, Nr. 1, 7. April, S. 16—20; Nr. 2, 14. April, S. 51—58. — 115.
- Stammhammer, J. Bibliographie des Sozialismus und Kommunismus.* Bd. III: Nachträge und Ergänzungen bis Ende des Jahres 1908. Mit einem vollständigen Sachregister über alle drei Bände. Jena, Fischer, 1909. 473 S. — 716.
- "*The Statesman's Year-Book*", London, 1915. LXXXIV, 1536, 20 p. — 589, 595.
- 1916. XLIV, 1560, 12 p. — 875.
- \* "*Statistical Abstract of the United States*", Washington, 1912, Number 34, No. 117. — 908.
- Statistik der Depositen und Spargelder.* — "Die Bank", Berlin, 1910, II. Semester, S. 1200, trong mục: Umschau. — 208.
- Statistik der englischen Aktienbanken (England und Wales).* — "Die Bank", Berlin, 1912, II. Semester, S. 695—696, trong mục: Die ausländischen Banken im II. Quartal 1912. II. England. — 195.
- "*Statistisches Jahrbuch für das Deutsche Reich*", Berlin, 1903, Jg. 24, S. 25\*. — 571.
- 1915, Jg. 36, XXXVI, 480, 114 S. — 20, 272, 580, 581, 586.

- Steffen, G. Weltkrieg und Imperialismus.* Sozialpsychologische Dokumente und Beobachtungen vom Weltkrieg 1914/1915. Jena, Diederichs, 1915. 254 S. (Politische Bibliothek). — 300.
- Steine statt Brot! Von einem Gewerkschafter.* — Grütlianner", Zürich, 1916, Nr. 255, 31. Oktober, S. 1. — 772.
- Stillich, O. Geld- und Bankwesen. Ein Lehr- und Lesebuch.* Berlin, Curtius, 1907. 267 S. — 4, 32, 449.
- *Nationalökonomische Forschungen auf dem Gebiete der großindustriellen Unternehmung.* Bd. I—II. Berlin — Leipzig, 1904—1906. 2 Bd. — 20, 32, 61, 191.
- Bd. I. Eisen- und Stahl-Industrie.* Berlin, Siemenroth, 1904. XII, 238 S. — 20, 32, 61, 191.
- Bd. II. Steinkohlenindustrie.* Leipzig, Jäh u. Schunke, 1906. VI, 357 S. — 20, 61, 191.
- Supan, A. Die territoriale Entwicklung der europäischen Kolonien.* Mit einem kolonialgeschichtlichen Atlas von 12 Karten und 40 Kärtchen im Text. Gotha, Perthes, 1906. XI, 344 S.; 12 Karten. — 278, 346.
- Tafel, P. Die Nordamerikanischen Trusts und ihre Wirkungen auf den Fortschritt der Technik.* Stuttgart, Wittwer, 1913. 74 S. — 60, 110, 266.
- "Der Tag", Berlin, 1915, Nr. 82, 9. April. — 380.
- 1915, Nr. 93, 22. April. — 379.
- Tardieu, A. La France et les Alliances. La lutte pour l'équilibre.* Paris, Alcan, 1909. III, 365 p. — 637.
- Taylor, F. W. u. Wallich, A. Die Betriebsleitung insbesondere der Werkstätten.* Autorisierte deutsche Bearbeitung der Schrift "Shop management" von F. W. Taylor von A. Wallich. 2. verm. Aufl. Berlin, Springer, 1912, VII, 137 S. — 61, 161, 276.
- "Le Temps", Paris, 1915, 13 novembre. — 337, 373.
- 1915, 6 décembre. — 337, 375.
- 1915, 7 décembre. — 337, 376.
- Thery, E. L'Europe économique.* Ed. 2. Paris, Économiste européen, 1911. 332 p. (Études économiques et financières). — 231, 246, 272.

- Thesen über Imperialismus und nationale Unterdrückung der Redaktion der "Gazeta Robotnicza".* — "Vorboten", Bern, 1916, Nr. 2, April. — 926.
- Thesen zum Referate: Programm des Schweiz. Grütlivereins.* — "Grütlianner", Zürich, 1916, Nr. 235, 7. Oktober, S. 1. — 773.
- Tonnelat, E. L'Expansion allemande hors d'Europe. États-Unis, Brésil, Chantoung, Afrique de Sud.* Paris, Colin, 1908. XI, 277 p. — 230, 282.
- Troeltsch, W. Die Gewerkschaften Deutschlands im Kriege.* — "Recht und Wirtschaft", Berlin, 1915, Jg. 4, Nr. 6, S. 137—141. — 331.
- Trop parler nuit.* — "Journal de Genève", 1915, N 95, 7 avril, p. 1, trong mục: Bulletin. Ký tên: Alb. B. — 381.
- Tschierschky, S. Kartell und Trust.* Vergleichende Untersuchung über deren Wesen und Bedeutung. Göttingen, Vandenhoeck u. Ruprecht, 1903, 129 S. — 27, 61, 221, 277.
- Turmann, M. [Binh luận cuốn sách:] "Pierre Moride. Les maisons à succursales multiples en France et à l'étranger. Paris, 1913".* — "Weltwirtschaftliches Archiv", Jena, 1914, II, Bd. 4, Hft. 1, S. 286—288, trong mục: Literatur. — 16.
- Tyszka, C. Löhne und Lebenskosten in Westeuropa im 19. Jahrhundert. (Frankreich, England, Spanien, Belgien).* — "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", München — Leipzig, 1914, Bd. 145, T. III, S. 1—291. — 914.
- Der Überblick. (Ein anderer Standpunkt).* — "Schweizerische Metallarbeiter-Zeitung", Bern, 1916, Nr. 41, 7. Oktober, S. 1—2. — 777.
- Übersberger, H. Rußland und der Panslawismus.* — In: Deutschland und der Weltkrieg. Leipzig — Berlin, Teubner, 1915, S. 393—423. — 640.
- Uhl, K. [Binh luận cuốn sách:] "Straus, Walter: Die deutschen Überlandzentralen und ihre wirtschaftliche Bedeutung als Kraftquelle für den Kleinbetrieb in Landwirtschaft und Gewerbe. Berlin, 1913".* — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1914, Folge III, Bd. 48, S. 544 — 545, trong mục: Übersicht über die neuesten Publikationen Deutschlands und des Auslandes. 5. Gewerbe und Industrie. — 251.
- Ulbricht, E. Weltmacht und Nationalstaat.* Eine politische Geschichte der neueren Zeit von 1500 bis 1815. Vollendet und hrsg. v. G. Rosenhagen. Leipzig, Dieterich, 1910. XXIII, 685, 7 S. — 699, 738.

- Die Unternehmerorganisationen im Kriege.* — "Archiv für Sozialwissenschaft und Sozialpolitik", Tübingen, 1916, Bd. 41, S. 277–297, trong mục: Sozialpolitische Chronik. — 475.
- Usher, R. G. Pan-Americanism: a Forecast of the inevitable clash between the United States and Europe's victor.* New York, 1915. 419 p. — 922.
- Verkehrstrust.* "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 89–90, trong mục: Bank und Börse. — 77.
- Vogelstein, Th. Die finanzielle Organisation der kapitalistischen Industrie und die Monopolbildungen.* — "Grundriß der Sozialökonomik", Tübingen, 1914, Buch III, Abt. VI, S. 187–246. — 57, 266.
- *Kapitalistische Organisationsformen in der modernen Großindustrie.* Bd. 1. Organisationsformen der Eisenindustrie und Textilindustrie in England und Amerika. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1910. XV, 277 S. — 18, 62, 262, 267.
- Volksernährung. Massenspeisung.* Berlin, 1916, S. 27. — 930.
- "*Volksrecht*", Zürich, 1914, Nr. 241, 16. Oktober. — 660.
- "*Volksstimme*", Chemnitz, 1916, Nr. 131, 8. Juni. — 711.
- 1916, Nr. 133, 10. Juni. — 712.
- 1916, Nr. 156, 8. Juli. 1. Beilage. — 731.
- Volkswirtschaftliche Chronik für das Jahr 1913.* Abdruck aus den "Jahrbüchern für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1914, Folge III, Bd. 45–47. — 1109 S. — 408.
- Vollkommen zutreffend.* — "Volksstimme", Chemnitz, 1916, Nr. 133, 10. Juni. — 712.
- "*Vorbote*", Bern, 1916, Nr. 2, April. — 926.
- "*Vorwärts*", Berlin, 1916, Nr. 103, 13. April, S. 1. — 272, 563, 564.
- Vote of Credit for £ 250.000.000.* — "The Daily Telegraph", London, 1914, November 17, p. 8, trong mục: Parliament. — 324.

- W. Die bisherigen Kosten der Kriegsführung.* — "Volksrecht", Zürich, 1914, Nr. 241, 16. Oktober. — 660.
- Waldecker. Die Deutschen und das deutsche Kapital in der russischen Industrie.* — "Jahrbücher für Nationalökonomie und Statistik", Jena, 1915, Folge III, Bd. 49, S. 351–362, trong mục: Miscellen. X. — 289.
- Wallich, P. Die Konzentration im deutschen Bankwesen. Ein Beitrag zur Geschichte der gegenwärtigen Wirtschaftsorganisation.* Berlin — Stuttgart, Cotta, 1905. VIII, 173 S. (Münchener volkswirtschaftliche Studien, hrsg. v. L. Brentano u. W. Lotz. 74. Stück). — 61, 154.
- The War and Modern Business.* — "The Economist", London, 1914, vol. LXXIX, No. 3, 721, December 19, p. 1059–1060. — 327.
- Webb, A. D. The New Dictionary of Statistics.* A. Complement to the fourth edition of Mulhall's "Dictionary of Statistics". London — New York, Routledge, 1911. XI, 682 p. — 152.
- Wegener, G. Das Heutige Indien. Grundlagen und Probleme der britischindischen Herrschaft.* Nach Studien und Beobachtungen während der Indienreise seiner keiserlichen und königlichen Hoheit des Kronprinzen des Deutschen Reiches und von Preußen. Berlin, Süsserott, 1912, 52 S.; 1 Karte. — 601, 603.
- Weill, G. [Bình luận cuốn sách:] "O. Festy. Le mouvement ouvrier au début de la monarchie de Juillet. Paris, Cornély, 1908. 359 p."* — "Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung", Leipzig, 1915, Jg. 5, Hft. 1 u. 2, S. 276–278, trong mục: Literaturbericht. — 704.
- "*Die Weltwirtschaft*", Leipzig—Berlin, 1906, Jg. I, T. I—III. — 192.
- 1907, Jg. II, T. I—III. — 192.
- 1908, Jg. III, T. I—III. — 192.
- "*Weltwirtschaftliches Archiv*", Jena, 1913, I, Bd. 1, Hft. 1, S. 108–122. — 4, 12.
- 1913, II, Bd. 2, Hft. 1, S. 193–195. — 4, 15, 274, 275.
- 1914, I, Bd. 3, Hft. 2, S. 217–255. — 15.
- 1914, II, Bd. 4, Hft. 1, S. 121–131, 286–288. — 16.
- 1915, I, Bd. 5, Hft. 1, S. 1–22. — 4, 18.



- "*Weltwirtschaftliches Archiv*", 1916, I, Bd. 7, Hft. 1, S. 34—52. — 270, 320, 321.
- Werner, G. *Die Kapitalkonzentration im Ruhrbergbau*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1912, Jg. 31, Bd. 1, Nr. 4, 25. Oktober, S. 138—144. — 3, 8, 190.
- Der Wettbewerb um die Auslandsanleihen*. — "Die Bank", Berlin, 1913, II. Semester, S. 1024—1026, trong mục: Umschau. — 182.
- Weyermann, M. R. *Die ökonomische Eigenart der modernen gewerblichen Technik*. — "Grundriß der Sozialökonomik", Tübingen, 1914, Buch III, Abt. VI, S. 136—186. — 56.
- Wirth, A. *Deutschlands wirtschaftliche Expansion und überseeische Bestrebungen*. — "Handbuch der Politik", Berlin — Leipzig, 1912 — 1913, Bd. II, S. 704—712. — 639.
- *Weltgeschichte der Gegenwart (1879—1913)*. 4. Aufl. Leipzig, 1913. — 620.
- The Workshops and the War*. — "The Edinburgh Review of Critical Journal", 1915, vol. 222, No. 454, October, p. 248—272. — 16.
- "*Zeitschrift für Sozialwissenschaft*", Leipzig, 1915, Neue Folge, Jg. VI, S. 158—174, 215—224, 297—311, 377—387, 445—460, 532—549. — 321.
- Zentralisation im Großbankgewerbe*. — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 298—300, trong mục: Bank und Börse. — 75.
- Zimmermann, F. W. R. *Die internationale Statistik der Wertpapiere und der Wertpapier-Ausgabe*. — "Bank-Archiv", Berlin 1912, Jg. XI, Nr. 19, S. 299—303; Nr. 20, S. 317—321. — 86.
- Zollinger, W. *Die Bilanz der internationalen Wertübertragungen. Eine Studie über die Zahlungsbilanz und die ausländische Kapitalanlage der Schweiz*. Jena, Fischer, 1914, 185 S. (Probleme der Weltwirtschaft. Schriften des königlichen Instituts für Seeverkehr und Weltwirtschaft an der Universität Kiel, Kaiser Wilhelm Stiftung, hrsg. v. B. Harms. Nr. 18). — 61, 154, 269, 465.
- Der Zug zur Bank*. — "Die Bank", Berlin, 1909, I. Semester, S. 79, trong mục: Bank und Börse. — 209.
- Zur Konkursstatistik*. — "Die Bank", Berlin, 1914, I. Semester, S. 94—95, trong mục: Aus den Statistischen Ämtern. — 75.

- Bau-ơ, O. Vấn đề dân tộc và phong trào dân chủ - xã hội*. Do M. X. Pa-nin dịch từ tiếng Đức. Kh. Gít-lốp-xki đề tựa. Xanh Pê-téc-bua, "Xéc-pơ", 1909. LIX, 600 tr. — 757.
- Chủ nghĩa đế quốc và tư tưởng dân tộc*. — "Lời nói của chúng ta", Pa-ri, 1915, số 82, 6 tháng Năm, tr. 1. — 19.
- Da-lép-xki, C. Bàn về vấn đề dân tộc*. — "Lời nói của chúng ta", Pa-ri, 1915, số 11, 10 tháng Hai, tr. 1 - 2. — 19.
- \* *Hin-phéc-đinh, R. Tư bản tài chính. Giai đoạn mới nhất trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản*. — Do I. Xtê-pa-nốp dịch từ tiếng Đức (đã được tác giả xem lại) và viết lời nói đầu. Mát-xcơ-va, Dna-men-xki, 1912, XXIX, 576, 3 tr. — 396 - 402.
- Khai thác dầu lửa*. — Trong cuốn: "Niên giám của báo "Ngôn luận" năm 1912". Xanh Pê-téc-bua, [1911], tr. 681, trong mục: III. Công nghiệp khai khoáng và gia công khoáng sản. — 908.
- "*Lời nói của chúng ta*", — Pa-ri, 1915, số 11, 10 tháng Hai, tr. 1 - 2. — 19.
- 1915, số 82, 6 tháng Năm, tr. 1. — 19.
- "*Niên giám của báo "Ngôn luận" năm 1912*". Xanh Pê-téc-bua, [1911]. XII, 712, 44 tr. — 908.

## BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

## A, Ă

- A-ba-da*, C. C. — 653.  
*A-ben* - *Mu-xơ-gra-vơ* (Abel - Mus-grave), Cuộc-tơ — 322.  
*A-gát* (Agahd), Ê. — 17, 60, 116, 118, 138, 141, 274.  
*A-ghi-nan-đô* (Aguinaldo), Ê-mi-li-ô — 241.  
*A-léch-xan-đrơ II* — 640, 849, 852, 857.  
*A-léch-xan-đrơ Bát-ten-béc* (công tước Bun-ga-ri) — 910.  
*A-léch-xin-xki*, G. A. — 316, 602.  
*A-phri-can-đa* (Africander) — xem Gôn-đman C.  
*A-phri-can-nút* (Africanus) — 11.  
*A-ra-bi* (Vương công) — 831.  
*A-răng-xơ* (Arends), Han-xơ — 145.  
*A-ri-xtô-phan* — 83, 627.  
*A-ri-xtốt* — 670.  
*A-rơ* (Ahr), Vin-hem — 231.  
*A-sli* (Ashley), V. Đ. — 935.  
*A-sơ* (Usher), Rô-lăng Gi. — 250, 922.  
*A-vê-na-ri-út* (Avenarius), Ri-sa — 935.  
*A-vê-nen* (Avenel), Gióc-giơ — 31.  
*A-xki-u* (Askew), Giôn B. — 463.  
*A-xpuít* (Asquith), Héc-bóc Hen-ri — 873.  
*Ác* (Arcq), Ph. A. đ<sup>1</sup> — 935.  
*Ác-giêng-ta-ri-út* (Argentarius) — xem Lan-xbua.  
*Ác-lo-tơ* (Arlt), Han-xơ — 333.  
*Ác-nim* (Arnim), Ha-ty — 848.  
*Ác-nôn* (Arnold), Phi-líp — 470.  
*Ác-nôn* (Arnold), V. T. — 684.  
*Ác-nơ-tơ* (Arndt), Pôn — 259, 270, 320, 321, 342, 888.  
*Ác-xa-cốp*, I. X. — 641.  
*Ác-xen-phen* (Axenfeld), C. — 662.  
*Ác-xen-rốt*, P. B. — 929.  
*An-be* (Albert), Ghéc-man. — 12.  
*An-bréch-tơ* (đại công tước) — 669.  
*An-bréch-tơ* (Albrecht), Ghéc-hác. — 251.  
*An-đéc-xen* Nê-xơ (Andersen Nexö), Mác-tin — 332.  
*An-đrây* (giám mục) — 651.  
*An-đri-ông* (Andrillon), Hăng-ri — 246.  
*An-phôn-xơ XII* (Vua Tây-ban-nha) — 853.  
*An-tơ-man* (Altmann), X. — 38.  
*Áp-đua Ra-man* (Abd - ur - Rahman) — 903.  
*Áp-đun - Ha-mít II* — 871.

*Át-kin-xôn* (Atkinson), Ê-đua — 241.  
*Át-lan-tí-cút* (Atlanticus) — xem Ba-lốt, C.  
*Át-lơ* (Adler), Gióoc-giơ — 601, 644, 645.  
*Át-lơ* (Adler), Phri-đrich — 699, 702, 749.  
*Au-gơ-xtin* (Augstin), Mác — 445.  
*Ăng-ghen* (Engels), Phri-đrich — 90, 273, 278, 288, 367, 370, 373, 388, 389, 399, 601, 605, 610, 611, 646, 694, 699, 702, 718, 722, 728, 753, 755, 761, 762, 779, 806.

## B

*Ba-buýt* (Babut) — 661, 662.  
*Ba-cu-nin*, M. A. — 738.  
*Ba-đê-ni* (Badeni), Ca-di-mia Phê-lích — 865.  
*Ba-khơ* (Bach), Ma-cơ — 702.  
*Ba-rét* (Barrett), Gióoc-giơ — 331.  
*Ba-rê-ti* (Barety), Lê-ông — 63.  
*Ba-rơ* (Barre), An-đrê — 249.  
*Bác-tô-lô-mi-u* (Bartholomew), G. H. — 570.  
*Bác-xu-cốp*, N. P. — 640.  
*Bam-gác-tên* (Baumgarten), Phéc-đi-năng — 20, 255.  
*Ban-lốt* (Ballod), Các-lơ — 17, 20, 60, 142, 210, 701.  
*Ban-phua* (Balfour), Ác-tuya Giêm-xơ — 791.  
*Bao-li* (Bowley), A. L. — 236.  
*Bao-stát* (Boustedt), Ác-xen — 392.  
*Bau-éc-men* (Bowerman), X. U. — 334, 335.  
*Bau-ơ* (Bauer), Ôt-tô — 390, 458, 463, 699, 757.

*Bây-li* (Beylie), Hăng-ri — 717.  
*Be-ra* (Bérard), Vích-to — 230, 243, 256, 272, 275, 638, 934.  
*Be-rơ* (Beer), Mác-xơ — 723.  
*Be-rơ* (Behr), Phri-đrich — 57.  
*Béc-cơ* (Becker), Giô-han Phi-líp — 460.  
*Béc-giê* (Berger), Pôn — 332.  
*Béc-glung* (Berglund), A-bra-am — 254, 255, 267.  
*Béc-na* (Bernard), Ô-gu-xtanh — 332.  
*Béc-nơ-hác-đi* (Bernhardi), Phri-đrich — 306, 658, 663.  
*Béc-stanh* (Bernstein), E-đua — 374, 549, 561, 639, 663.  
*Ben-da* (Belza), Xta-ni-xláp — 935.  
*Ben-gơ* (Belger), Êc-vin — 658, 686.  
*Ben-lốc* (Bullock), Sác-lơ Giôn — 708.  
*Ben-pho - Bác-xơ* (Belfort - Bax), Ê. — 699, 700, 722.  
*Bê-ben* (Bebel), Au-gu-xtơ — 373, 386, 844, 909, 910.  
*Bê-li-út* (Belius), G. — 932.  
*Bê-rôn* (Barron), Cl. U. — 236, 384, 393.  
*Béc-kê* (Bekqué), Ê-mi-lơ — 248.  
*Bên-lốc* (Belloc), H. — 708.  
*Bi-bi-cốp* — 124.  
*Bi-ô* (Billot), A. — 638.  
*Bi-xmác* (Bismarck), Ôt-tô — 96, 609, 637, 644, 645, 792, 822, 842, 848.  
*Biéc-man* (Biermann), V. E. — 936.  
*Bit-tman* (Bittmann), Các-lơ — 936.  
*Blây-bơ-tơ-roi* (Bleibtreu), Các-lơ — 716.  
*Blét-spho* (Blatchford), Rô-be — 323.  
*Bli-um* (Blum) — 113.

*Blông-đen* (Blondel), Gióoc-giơ — 934.  
*Boát-xi-ê* (Boissier), Ga-xtông — 936.  
*Boóc-dích* (Borsig), Au-gu-xtơ — 694.  
*Boóc-khác-tơ* (Borchardt), I-u-li-an — 761.  
*Bô-đê-ních* (Bosenick), An-phrết — 248.  
*Bô-đanh* (Baudin), Pi-ê — 21, 251.  
*Bô-rơ-ga* (Beauregard), Pôn — 244.  
*Bô-vin* (Bovill), G. M. — 517.  
*Bôn-lơ* (Bolle) — 472.  
*Bôn-xan* (Bonsal), Xtê-phen — 243.  
*Bóc-tơ* (Burt), T. — 768.  
*Bóc-tôn* (Burton), Tê-ô-đô E. — 440.  
*Bóc-xơ* (Burns), Giôn — 553.  
*Bốt-gơ* (Böttger), Hu-gô — 379.  
*Bốt-go* (Böttger), Phran-tơ — 464.  
*Brai-tơ* (Bright), Giôn — 768.  
*Bran-tơ* (Brandt), Mác-xơ Au-gu-xtơ — 680, 933.  
*Brau-man* (Braumann), Ph. — 231.  
*Brau-nơ* (Browne), Ê-đua — 896.  
*Brau-ơ* (Brauer), T. — 337, 373.  
*Brây-xphoóc* (Brailsford), Hăng-ri Nô-en — 784.  
*Bre-xni-tơ* Phôn Di-đa-cốp (Bresnitz von Sydacow), Phi-líp — 936.  
*Bren-ta-nô* (Brentano), Lu-i-ô — 153.  
*Brê-txi-ga* (Brezigar), Ê-mi-lơ — 21.  
*Bri-an-tsa-ni-nốp*, A. N. — 642.  
*Bri-ăng* (Briand), A-ri-xti-đơ — 870.  
*Bríp-xơ* (Briefs), Gốt-tơ — 63, 248, 259.  
*Brô-di-út* (Brosius), Hen-rích — 12.  
*Brốt-hóc-xtơ* (Broodhurst), Hen-ri — 754.

*Brúc-xơ* (Brooks), Xít-nây — 243.  
*Brúp-ba-khơ* (Brupbacher), Phri-tơ — 722.  
*Brút-xô* (Brousseau), Két — 7.  
*Bruy-ninh* (Brüning), An-tôn Pôn — 443.  
*Bruy-nô* (Bruneau), Lu-i — 230, 249.  
*Bu-i-lốp* (Bülow), Béc-nơ-hác — 364.  
*Bu-khơ-van* (Buchwald), Bru-nô — 442.  
*Bu-lăng-giê* (Boulangier), Gi. — 635, 860.  
*Bu-ni-a-chi-an* (Bouniatian), Men-to-rơ — 21.  
*Bu-sê* (Boucher), Ác-tuya — 247.  
*Bu-sinh* (Busching), Pôn — 936.  
*Bước-đô* (Bourdeau), Giảng — 247, 258.  
*Bước-đơ-rông* (Bourderon), A. — 376.  
*Bước-gioa* (Bourgeois), Lê-ông — 535.  
*Búp-phơ* (Buff), D. — 442.  
*Bút-đê* (Budde) — 209.  
*Bút-mi* (Boutmy), Ê-mi-lơ — 242.  
*Buy-khơ* (Büchler), C. — 36, 38.  
*Buy-khơ-lơ* (Büchler), Mác-xơ — 7.  
*Buyéc-cli* (Bürkli), Các-lơ — 719.

## C

*Ca-dơ-đoóc-phơ* (Kasdorf), Ôt-tô — 474.  
*Ca-lơ* (Kaler), Ê-mi-lơ — 783.  
*Ca-rôn* (Carroll), Ê-đua — 451.  
*Các-lây-lơ* (Carlyle), Tô-mát — 629, 644, 937.  
*Các-lơ I* (Vua nước Anh) — 543.  
*Các-lơ I* (Vua Bồ-đào-nha) — 873.

*Các-lơ V* (Hoàng đế Đức) — 745.  
*Các-lơ IX* — 640.  
*Các-nê-gi* (Carnegie), En - đri-u — 223, 243, 264, 555, 936.  
*Các-pen-tơ* (Carpenter), Êt-mông — 242.  
*Các-xki* (Karski), I-u. — 717.  
*Cai-xơ* (Kies), Uy-li-am X. — 28.  
*Cam-bô* (Kambe), Mát-xa-ô — 938.  
*Cam-mê-rơ* (Kammerer), Ôt-tô — 31.  
*Can-me-xơ* (Calmes), An-be — 466.  
*Can-tô-rô-vích* (Kantorowicz), Vinhem — 322.  
*Can-tơ* (Kant), Im-ma-nu-in — 6, 543.  
*Can-vơ* (Calwer), Ri-sa — 192, 227, 272, 460, 563, 566, 822, 823.  
*Cát-xen* (Cassel), E. — 52.  
*Cau-phman* (Kaufmann), Ê-rích — 6.  
*Cau-phman* (Kaufmann), Ô-giê-n — 61, 149, 150, 153, 211, 270.  
*Cau-xky* (Kautsky), Các-lơ — 5, 20, 35, 60, 115, 159, 214, 215, 219, 228, 273, 274, 279, 281, 284, 300, 309, 310, 314, 316, 319, 323, 369, 384, 386, 458, 459, 461, 462, 500, 523, 616, 655, 699, 700, 714, 717, 720, 721, 722, 723, 751, 756, 765, 826, 828, 910, 916, 928, 938.  
*Cay-dơ* (Kayser), H. — 938.  
*Cay-ô* (Caillaux), Giô-dép — 393, 786.  
*Chi-e-ri* (Thierry), C. — 560.  
*Clac* (Clark), Vích-to — 20.  
*Clanh-vêch-tơ* (Kleinwächter), Phri-đrích — 57.  
*Clau-xơ* (Claus), Ru-đôn — 21.  
*Clây* (Kley), Vin-hem — 938.  
*Clây-nơ* (Kleiner), Héc-man — 74.  
*Clit-tính* (Klitzing) — 209.  
*Com-bơ* (Combes), Êt-mông — 867.  
*Coóc-lơ* (Curler), Gi. — 12.  
*Coóc-na* (Cornaz), A. — 933.  
*Cô-la-gian-ni* (Colajanni), N. — 243.  
*Cô-lum-bơ* (Kolumbus), Cri-xtô-phơ — 813.  
*Cô-nan-tơ* (Conant), Sác-lơ A. — 243, 449, 452.  
*Cô-nô-ê* (Konoye) — 628.  
*Cô-nô-li* (Connolly), Giêm-xơ — 237.  
*Cô-ra-đi-ni* (Corradini), En-ri-cô — 911.  
*Cô-sút* (Kossuth), L. — 53.  
*Cốc-xơ* (Koch), Gôt-phrích — 938.  
*Côm-pe-rơ - Mô-ren* (Compère-Morel) — 373.  
*Côn - cun* (Colquhoun), Ác-si-van Rốt — 236.  
*Côn-man* (Kollmann), I. — 442.  
*Côn-rát* (Conrad), Giô-han-nát — 9, 17, 237, 250, 251, 289, 407, 408.  
*Côn-tơ* (Kondt) — 59.  
*Côn-xông* (Colson), Clê-măng — 230.  
*Cốp-đen* (Cobden), Ri-sa — 559, 560.  
*Cốc-dôn* (Curzon), Gioóc-giơ Na-ta-ni-en — 544, 653, 895.  
*Cốc-dôn* (Curzon), Vin-li — 698.  
*Crau-dê* (Krause), Ê-mi-lơ — 616.  
*Crem-bơ* (Cramb), Gi. A. — 305.  
*Crem-mông* (Crammond), Êt-ga — 272, 447, 480.  
*Cri-vô-sê-in, A. V.* — 901.  
*Cri-xpi* (Crispi), Phran-sê-xcô — 638.  
*Crô-mơ* (Cromer), E-vê-lin Ba-rinh — 658, 686, 697.

*Crôm-oen* (Cromwell), Ô-li-vơ — 54, 543.  
*Crôn* (Crohn), G. Ph. — 447, 464, 465.  
*Crúp-pi* (Cruppi), Giảng — 246.  
*Cu-dơ-nê-txốp* (Kouznietsow), Pi-ôt — 7, 245.  
*Cu-en* (Kuehn) — 53.  
*Cu-ghen-man* (Kugelman), Lút-vích — 737, 756.  
*Cu-nốp* (Cunow), Hen-rích — 314, 399, 526, 713, 928.  
*Cu-pơ* (Cooper), Phren-xít — 451.  
*Cun-tơ* (Kundt), Van-tơ — 63.

## D

*Da-lép-xki, C.* — 19.  
*Dát-tơ* (Satther), Hen-rích — 442.  
*Dau-kê* (Saucke), A. — 441.  
*Đắc, A. N.* — 289.  
*Den-gơ* (Saenger), X. — 237.  
*Đê-rinh* (Sering), Mác-xơ — 837.  
*Đi-gvác* (Siegwart), Gioóc-giơ — 702.  
*Đi-véc-xơ* (Sievers), Vin-hem — 261.  
*Đi-vê-kinh* (Sieveking), Hen-rích — 933.  
*Dích-phrít* (Siegfried), Ăng-đrê — 601, 646.  
*Đoi-béc* (Seubert), Ru-đôn-phơ — 61, 167.  
*Đoóc-ghê* (Sorge), Phri-đrích A-đôn-phơ — 755, 761, 936.  
*Đôm-bác-tơ* (Sombart), Véc-ne — 33, 36, 89, 441, 448.  
*Du-tơ* (Suter), I-u. — 935.  
*Dun-béc* (Sundbärg) — 578.

Đ

*Đa-ni-lép-xki, N. I. a.* — 640.  
*Đa-vít* (David), Ê-du-a — 732.  
*Đa-vư-đốp*, L. Ph. — 128, 134, 139.  
*Đen-bruych* (Delbrück), Clê-men-xơ — 104, 379, 843.  
*Đen-bruych* (Delbrück), Han-xơ — 363, 699, 707, 709.  
*Đen Véc-ki-ô* (Del Vecchio), Gioóc-gi-ô — 936.  
*Đen-cát-xê* (Delcassé), Tê-ô-phin — 532, 560.  
*Deng-buóc* (Dernburg), B. — 174, 820.  
*Đép-xơ* (Debs), Ô. — 724.  
*Đê-ca-vơ* (Descaves), Luy-xiêng — 331.  
*Đê-căng* (Descamps), Ê-đu-a — 636.  
*Đê-nơ* (Dehn), Pôn — 321, 342, 806, 818, 939.  
*Đê-sa-nen* (Deschanel), Ê-mi-lơ — 30.  
*Đê-sa-nen* (Deschanel), Pôn — 104.  
*Đê-tô* (Detot), P. — 936.  
*Đết-man* (Dettmann), Ê-đu-a — 7.  
*Đi-lơ* (Diehl), Các-lơ — 914.  
*Đi-tơ-rích* (Dietrich), Ru-đôn-phơ — 17, 936.  
*Đi-xra-ê-li* (Disraeli), B. — 644, 646.  
*Dích-xơ* (Dix), Ác-tuya — 717.  
*Din-cơ* (Dilke), Sác-lơ Oen-u-oóc — 305, 562, 756.  
*Đíp-xơ* (Dibbs) — 286.  
*Đit-xen* (Dietzel), Hen-rích — 60, 61.  
*Điu-rích* (Diouritch), Gioóc-giơ — 61, 144, 270, 320, 442.  
*Đmốp-xki* (Dmowski), Rô-man — 641.  
*Đô-da* (Donzat), An-be — 936.  
*Đô-méc-gơ* (Domergue), Giuy-lơ — 208, 244.  
*Đô-vê* (Dove), C. — 63.

*Dê-vi-xơ* (Davies) Ê. Ph. — 933.  
*Dơ-bi-đua* (Debidour), A. — 236.  
*Dơ-giăng-tơ* (Dejeante) — 539.  
*Dơ-ma-rê* (Demaret), Ê-mi-lơ — 936.  
*Dơ-moóc-nhi* (Demorgny), Gu-xta-vơ — 337, 362, 891, 892.  
*Dơ-phê-tít* (Depretis), A-gô-xti-nô — 854.  
*Dốc-bi* (Derby) — 335.  
*Dốc-kê-xô* (Doerkes - Boppard), Bóp-pa V. M. — 560.  
*Dốt-tơ* (Dutt), Pô-me-sơ — 698.  
*Đrây-dơ* (Dreyse) — 694.  
*Đrây-phuyt* (Dreyfus), An-phrét — 863, 869.  
*Đrê-giơ* (Drage), Gióp-phri — 247.  
*Dri-ôn* (Driault), Gi. Ê-đu-a — 238, 242, 243, 246, 262, 283.  
*Dry-an-đơ* (Dryander), Êc-ne-xơ — 662.  
*Duy-a-rơ* (Dürr), Các-lơ — 776.  
*Duy-boa* (Dubois), Mác-xen — 246.  
*Duy-hem-mơ* (Du-Hemme), Sác-lơ — 247.  
*Dvi-mích* (Däumig), Eng-xơ — 718.

## E, Ê

*E-khen-hôi-dơ* (Öchelhäuser), V. — 31.  
*E-lơ Hát-gi Áp-đan-la* (El Hadj Abdallah) — 933.  
*E-sê-bách* (Eschenbach) — 415.  
*E-svê-ghê* (Eschwege), Lút-vích — 47, 70, 84, 197, 198, 200, 203, 210, 211, 275, 443.  
*E-xta-vơ* (Estève), Lu-i — 233.  
*Êc-găng* (Ergang), Các-lơ — 31.  
*Êc-ghen-svi-lơ* (Eggenschwyler), Van-tơ — 447, 464.

*Êc-lách* (Erlach), Ph. — 935.  
*Êc-men* (Ermels), Rô-bóc — 937.  
*Êc-vê* (Hervé), Guy-xta-vơ — 19.  
*Êc-xbéc-gơ* (Erzberger), Ma-ti-át — 231.  
*Ên-ghen* (Engel), Ê-đu-a — 209.  
*En-gien* (Angell), Noóc-man — 236, 796.  
*En-lên-bô-rô* (Ellenborough) — 899.  
*En-mơ* (Elm), A-đôn-phơ — 617.  
*En-nê-bích-cơ* (Hennebicque), Lê-ông — 248.  
*Êp-rê-i-nốp*, G. A. — 642.  
*Ê-béc* (Ebert), Phri-đrich — 733.  
*Ê-ca-tê-ri-na II* — 746.  
*Ê-đu-a VII* — 52, 560, 827, 846, 870.  
*Ê-ghen-háp* (Egelhaaf), Hốt-lốp — 842, 848, 850, 935, 936.  
*Ê-kéc* (Eckert), Mác-xơ — 30, 818.  
*Ê-ly* (Hélie), Ph. — 750.  
*Ê-ly* (Ely) Ri-sa I. — 17.  
*Ê-mi-lơ* (Emil) Các-lơ — 401, 718.  
*Ê-pê* (Epée) Giảng đ' — 249.  
*Ê-pôn-tôn* (Appleton), U. E. — 335.  
*Ê-ren-béc* (Ehrenberg), Ri-sa — 936.  
*Ê-rên-spéc-gơ* (Ehrensperger), Phri-tơ — 466.  
*Êch-hác-tơ* (Eckhardt) — 640.  
*Êch-hác-tơ* (Eckhardt), Pôn — 248.  
*Êch-stanh* (Eckstein), Gu-xta-vơ — 459, 916.

## G

*Ga-dô* (Gazeau), Giắc-cơ — 937.  
*Ga-rơ* (Garr), Mác-xơ — 937.  
*Ga-xtôn* (Gaston), Hen-ri — 249.  
*Gác-đa-nơ* (Gardanne) — 895.  
*Gây-đê* (Heyde), Lút-vích — 937.  
*Ghe-đơ* (Guesde), Giuy-lơ — 376.

*Ghéc-đen* (Gehrden), Vin-hem — 11.  
*Ghéc-man* (German), I. — 192.  
*Ghen-phan-đơ*, A. L. — xem Pác-vu-xơ.  
*Ghi-ben* (Giebel), G. A. — 937.  
*Ghíp-phen* (Giffen), Rô-béc — 440, 488, 494, 547, 552, 561, 788.  
*Ghít-đinh* (Giddings), Phran-clin — 508, 512.  
*Gi-ra-đanh* (Girardin), Ê-mi-lơ — 779.  
*Gi-rô* (Girault), Ác-tuya — 937.  
*Gia-cốp* (Jacob), Ed. — 938.  
*Gia-cốp I* (Vua nước Anh) — 814.  
*Gia-dôn* (Jason), Pôn — 561.  
*Gia-nê* (Jannet), Cláp-đi — 242.  
*Gian-nít-xen* (Jennissen), Ê-mi-lơ — 249.  
*Giáp-phê* (Jaffé) Êt-ga — 38, 39, 55, 61, 66, 152, 442, 475, 561, 912.  
*Giéc-manh* (Germain), Hăng-ri — 445.  
*Giép-bơ* (Jebb), Ri-sa — 542, 558.  
*Giê-xơ* (Jax), A. — 653.  
*Giéc-khơ* (Jäckh), Eng-xơ — 894, 912.  
*Giêm-xôn* (Jameson), Lin-đơ-xta — 864.  
*Giên-xơ* (Jenks), I-ê-rê-mi-a — 17, 237, 441.  
*Gin-be* (Billbert), Gioóc-giơ — 849.  
*Gin-bóc* (Gilbart), Gi. V. — 441.  
*Gin-brét* (Billbreth), Phran-cơ B. — 61, 166, 169, 929.  
*Gin-êch-khơ* (Jaeckh), Gu-xta-vơ — 756.  
*Gioóc-cơ Phôn Vác-ten-buốc* (York von Wartenburg), Mác-xơ — 653.  
*Gioóc-đan* (Jordan), Đ. Xt. — 242.  
*Gioóc-ghen-xơ* (Jörgens), Mác-xơ — 452.  
*Gioóc-giơ* (George), Hen-ri. — 91.  
*Giô-dép* (Joseph), Lô-ô-pôn — 85.  
*Giô-ô-ri* (Jooris), Giô-dép — 30.  
*Giô-re-xơ* (Jaurès), Giảng — 533, 637.  
*Giôn-xơ* (Jones), Êc-nê-xơ — 780.  
*Giôn-xơ* (Jones), Êt-ga — 324.  
*Giôn-xơ* (Jones), Gi. G. — 236.  
*Giôn-xơ* (Jones), Se-ri-đan — 680.  
*Giu-ni-út* (nhà báo Pháp) — 658, 660.  
*Giu-ni-út* thứ hai (Junius Alter) — 711.  
*Giu-ni-út* (Jinius) — xem Lúc-xâm-bua Rô-da.  
*Giô-ô* (Jouhaux), Lê-ông — 659.  
*Giu-ra-sêch* (Juraschek), Phran-tơ — 20, 576.  
*Giung-hốt-xbên* (Younghusband), Phren-xít — 561.  
*Giung-men* (Youngman), An-na — 940.  
*Giung-nghê* (Junge), Phran-tơ Ê-ri-ch — 246.  
*Glát-xtôn* (Gladstone), Uy-li-am I-u. — 756, 792, 831, 857, 858, 863.  
*Glia* (Glier), L. — 113, 237, 441.  
*Goóc-tsa-cốp*, A. M. — 640.  
*Gô-chi-ê* (Gautier), Lu-i — 246.  
*Gô-dép-phroa* (Godeffroy) — 856.  
*Gô-đin* (Godin), G. B. A. — 30.  
*Gô-e-xơ* (Goës), Các-lơ — 937.  
*Gô-li-txum* — 935.  
*Gô-ri-a-i-nốp*, X. M. — 641.  
*Gô-sen* (Goschen), Gioóc-giơ Gi. — 768.  
*Gô-xlinh* (Gosling), G. — 335.  
*Gôn-đman* (Goldman) X. (A-phri-can-đa) — 561.

*Gôn-đô-stanh* (Goldstein), I. — 237, 932.  
*Gôn-đơ-smit* (Goldschmidt), Ác-tuya — 247.  
*Gôn-đơ-smit* (Goldschmidt), Cuộc-gơ — 63, 247, 259.  
*Gốt-phéc-nô* (Godfernaux), Ray-mông — 246.  
*Gra* (Gras), Mác-xen — 32, 247.  
*Grây* (Grey), E-đua — 380, 381, 787, 792, 797, 798, 803.  
*Grây-lích* (Greulich), Héc-man — 700, 770, 772, 774.  
*Grim* (Grimm), Rô-béc — 760.  
*Grum-bách* (Grumbach), X. — 759.  
*Grun-txen* (Grunzel), I-ô-xíp — 20, 31, 88, 114.  
*Gruyn-béc* (Grünberg), Các-lơ — 703.  
*Gu-sơ* (Gooch), Gi. P. — 560, 562.  
*Gum-pen* (Gumpel), X. — 12.  
*Gríp-phi-xơ* (Griffis), Uy-li-am E-li-ốt — 242.  
*Gút-đê* (Gudde), Êc-vin — 769.  
*Guy-ô* (Guyot), I-vơ — 329.  
*Guy-n-tơ* (Günther), Êc-ne-xơ — 918.  
*Guy-n-tơ* (Günther), R. — 716.  
*Guyt-lơ* (Güttther), Héc-gác — 316.  
*Gvin-nơ* (Gvinner), Ác-tuya — 79, 174.

## H

*Ha-béc-lãnh* (Haberland) — 84.  
*Ha-dơ* (Haase), Hu-gô — 713, 714, 765.  
*Ha-ghen* (Hagen), Lu-i — 452.  
*Ha-i-a-xi* (Hayaschi), T. — 642.  
*Ha-nen* (Hanel), R. — 86.  
*Ha-ri-man* (Harriman), E-đua Hen-ri — 453.

*Ha-xbách* (Hasbach), Vin-hem — 708.  
*Hác-cốc* (Harcourt), Uy-li-am — 768.  
*Hác-đi* (Hardie), Giêm-xơ Cây-rơ — 324, 330, 636, 760.  
*Hác-ni* (Harney), Giu-li-am — 780.  
*Hác-tinh-ton* (Hartington) — 768.  
*Hác-tơ* (Hart), A. B. — 922.  
*Hác-tvích* (Hartwig), N. — 896.  
*Hai-lman* (Heilmann), Eng-xơ — 700, 764, 928.  
*Hai-man-xơ* (Heymans) — 391.  
*Hai-mãnh* (Heymann), Han-xơ Hi-đê-ôn — 61, 223, 226, 265.  
*Hai-ních* (Heinig), Cuộc-tơ — 402.  
*Hai-nơ* (Heine), Vôn-phram — 5.  
*Hai-xen* (Heinzen), Các-lơ — 807.  
*Ham-xơ* (Harms), Bê-ri-gác — 17, 154, 270, 321, 337, 342, 343, 344, 408, 691, 912.  
*Han-lê* (Halle), Eng-xơ — 192, 441.  
*Han-na* (Hanna) — 498.  
*Hau-xmai-xơ* (Hausmeister), Pôn — 86, 248.  
*Hây-đơ* (Geyer), An-bin — 17, 935.  
*He-rê* (Herre), Pôn — 748.  
*Héc-mãng* (Hermant), Giô-dép — 973.  
*Héc-tơ* (Herz), Các-lơ — 614.  
*Héc-tơ* (Hertz), Vin-hem G. — 937.  
*Hen-dman* (Hyndman), Hen-ri May-ơ — 5, 463, 557, 720, 721.  
*Hen-gơ* (Hen-ger), Han-xơ — 251, 300, 307.  
*Hen-kê* (Henke), An-phrết — 715, 716.  
*Hen-mãnh* (Hellmann), Giuy-li-út — 85.

*Hen-ních* (Hennig), Ri-sa — 682, 695.  
*Hen-phê-rích* (Helfferich), Các-lơ — 209, 481, 482, 696.  
*Hen-sơ* (Hänsch) — 629.  
*Hét-xơ* (Hettner) — 937.  
*Hét-xơ* (Hess), Han-xơ — 916.  
*Hê-bơ* (Heber), E. A. — 114.  
*Hê-ghen* (Hegel) Gioóc-giơ Vin-hem Phri-đrich — 6, 60, 664, 708.  
*Hê-ghê-man* (Hegemann), C. — 61, 151, 443.  
*Hê-rich* (Gehring), Han-xơ — 933.  
*Hêch-ken* (Haeckel), Eng-xơ — 332.  
*Hên-dơ* (Hales), Giôn — 775.  
*Hiéc-sơ* (Hirsch) — 789.  
*Hiéc-sơ* (Hirsch), Giuy-li-út — 251, 937.  
*Hi-xi-đa* (Hishida), Xây-đơ-di G. — 7, 235, 275.  
*Hin-đê-brăng* (Hildebrand), Ghéc-hác — 107, 274, 276.  
*Hin-đê-brăng-tơ* (Hildebrandt) — 615.  
*Hin-lơ* (Hill), Đa-vít Giên-nơ — 275, 292.  
*Hin-lơ* (Hill), Giêm-xơ Đ. G. — 453.  
*Hin-phéc-đinh* (Hilferding), Ru-đôn-phơ — 228, 265, 266, 267, 269, 273, 275, 276, 314, 320, 396 - 402, 458, 699, 750, 751, 911.  
*Hin-rinh-hau-xơ* (Hillringhaus), Au-gu-xơ — 248.  
*Hin-txô* (Hintze), Ốt-tô — 640.  
*Hít-scóc* (Hitchcock), Phran-cơ — 938.  
*Hô-hen-lô-e* (Hohenlohe) — 197.  
*Hô-nen* (Howell), Gioóc-giơ — 702.  
*Hô-sơ* (Hoche), L. L. — 848.

*Hôi-mơ* (Hoym), Các-lơ — 616.  
*Hôn-lăng* (Holland), Béc-na — 542, 559.  
*Hôn-li-txơ* (Hollitscher), Gia-cốp — 938.  
*Hôn-xti* (Holsti), Ru-đôn-phơ — 939.  
*Hốp-hao-xơ* (Hobhouse), L. I. — 542, 559.  
*Hốp-man* (Hoffmann), L. Ph. — 931.  
*Hốp-xôn* (Hobson), Gôn Át-kin-xôn — 17, 93, 114, 228, 236, 237, 256, 269, 272, 273, 274, 278, 310, 487, 488, 490, 491, 555, 558, 929, 935.  
*Hốp-xôn* (Hobson), Sác-lơ Ken-nét — 17, 236.  
*Hơ-ni-gơ* (Hoeniger), Rô-béc — 230, 938.  
*Hóc-xơ* (Hirst), Ph. V. — 237.  
*Hơ-m-phri* (Humphrey), A. V. — 237.  
*Hót-sơ* (Hoetzsch), Ốt-tô — 601, 649.  
*Hu-bê* (Hubert), Luy-xiêng — 230, 247, 255, 272.  
*Hu-bơ* (Huber), G. — 773.  
*Hu-bơ* (Huber), Giô-han — 62.  
*Hu-bơ* (Huber), Tê-ô-đo — 12.  
*Hu-ê* (Hue), Ô. — 910.  
*Húc-kê* (Hucke), Giuy-li-út — 32.  
*Hum-be* (Humbert), Sác-lơ — 381.  
*Hun-phơ-tết-gơ* (Hulftegger), Ốt-tô — 61, 151.  
*Huy-bê-nơ* (Hübener), Êc-khác — 86.  
*Huy-néc-va-đen* (Hunerwadel) V. — 932.  
*Huy-xman* (Huysmans), Ca-min — 5, 760.

*Huýp-nơ* (Hübner), Ốt-nô — 302, 337, 346, 349, 351, 359, 875, 876, 879, 882.

## I

*I-ây-đen-xơ* (Jeidels), Ốt-tô — 17, 25, 61, 171, 189, 266, 267, 397, 398, 428, 442, 450, 452.

*I-ê-gơ* (Jäger), H. — 702.

*I-ê-gơ* (Jaeger), T. — 891, 895, 897.

*I-na-ga-ki* (Inagaki), M. — 30.

*I-ô-xíp II* (Hoàng đế nước Đức) — 746.

*I-tô* (Ito), G. — 624, 834.

*I-tsi-kha-ni-an* (Ischchanian), B. — 17, 248, 300, 316, 888.

*I-u I-ôn-gơ* — 847.

*I-u-ry* (Uhry), Giu-lơ — 940.

*În-grê-m* (Ingram), Ác-tua Ph. Uyn-ninh-ton — 558.

## K

*Ken-ti* (Keltie), Giôn Xcốt — 21, 595.

*Ken-tli* (Cantlie), Giem-xơ — 680.

*Kê-dơ-men* (Casement), Rốt-giơ — 363.

*Kê-xơ-nơ* (Kestner), Phri-tơ — 4, 22, 266.

*Kê-mê-rơ* (Kämmerer) — 66.

*Kê-mê-rơ* (Kemmerer), E. B. — 929.

*Kết-ton* (Kettle) — 636.

*Khác-ki-pa-sa* — 833.

*Ki-a-la* (Chiala), Lu-ít-gi — 639.

*Ki-en-len* (Kjellén), Ru-đôn-phơ — 332.

*Ki-li-a-ni* (Kilian), R. — 933.

*Ki-nô-xi-ta* (Kinosita), I-ta-rô — 938.

*Ki-ốt-txa - Mô-na* (Chiozza-Money), L. G. — 440.

*Ki-xê-lép* — 640.

*Kiêc-đoóc-phơ* (Kirdorf), Ê-mi-lơ — 224, 379.

*Kin-đéc-man* (Kindermann), Các-lơ — 938.

*Kin-ken* (Kinkel), Gốt-phrít — 778.

*Kít-đơ* (Kidd) — 512.

*Kít-si-nơ* (Kitchener), Hô-rát-xi-ô Hơ-bóc — 334.

*Knau-tơ* (Knauth), Ô-xvan Uýt-men — 251.

*Knî-phơ* (Knief), Giô-han — 713, 715.

*Kô* (Caix), Rô-be — 638.

*Krúp* (Krupp) — 217, 250, 694.

*Kruy-gơ* (Krüger), Pôn — 553.

*Kvoát-phlich* (Quadflieg), Phran-tơ — 826, 831.

## L

*La-băng* (Laband), Pôn — 639.

*La-cua* (Lacour), Lê-ô-pôn — 246.

*La-hu-den* (Lahusen) — 662.

*La-nét-xăng* (Lanessan) — 731.

*La-phác-gơ* (Lafargue), Pôn — 316.

*La-pra-đen-lơ* (Lapradelle), A. G. — 238.

*Lai-ten-béc-gơ* (Leitenberger) — 694.

*Lan-ghê* (Lange), Ph. V. — 938.

*Lan-ghê* (Lange), Phri-đrích An-béc — 6.

*Lan-gơ-hác* (Langhard), I. — 31.

*Lan-lơ-măng* (Lallemand), Lê-ông — 30.

*Lan-na* (Lanna) — 694.

*Lan-xbéc* (Landsberg), Ốt-tô — 732.

*Lan-xbuốc* (Lansburgh), An-phrét (Ác-giêng-ta-ri-út) — 42, 64, 65, 68, 69, 75, 77, 80, 81, 97, 150, 197, 199, 201, 204, 209, 210, 213, 217, 218, 441, 595.

*Lát-xan* (Lassalle), Phéc-đi-năng — 322, 367, 370.

*Lau-phen-béc* (Laufenberg), Heinrich — 601, 614, 615, 616, 617, 618.

*Lăng-giơ-vanh* (Langevin), Sác-lơ — 938.

*Le-rơ* (Lair), Mô-rít — 230, 243, 258, 934.

*Lê-đê-bua* (Ledebour), Ghê-oóc-gơ — 460, 713, 714, 761, 765, 916.

*Lê-ghin* (Legien), Các-lơ — 658, 659.

*Lê-man* Hau-ptơ (Lehmann - Haupt), C. Ph. — 7, 938.

*Lê-minh-ton* (Lamington) — 899.

*Lê-nin* (U-li-a-nốp) Vla-đi-mi-a I-lích, (Lê-níp-txum) — 282, 283, 760, 764, 936.

*Lê-níp-txum* — xem Lê-nin (U-li-a-nốp), V. I.

*Lê-nơ* (Leener), Gioóc-giơ — 246.

*Lê-ô-nê* (Leone), En-ri-cô — 248.

*Lê-ô-pôn II* (Leopold II) (Vua nước Bỉ) — 7, 636.

*Lê-quya-rơ* (Lescure), Giảng — 230, 234, 269.

*Lê-vin, I. I.* — 41, 63.

*Lê-vy* (Levy), Héc-man — 18, 218, 322.

*Lê-vy* (Lévy), Ra-pha-en Gioóc-giơ — 247.

*Lên-sơ* (Lensch), Pôn — 384, 386, 388, 459, 616, 690, 713, 727, 928.

*Lên-tơ* (Lenz), Phri-đrích — 384, 394.

*Lên-tơ* (Lenz), Ru-đôn-phơ — 63.

*Léch-ky* (Lecky), V. — 817.

*Léch-xít* (Lexis), Vin-hem — 210, 645.

*Li* (Lee), Ôn-đgióoc-nôn — 399.

*Li-a-khốp*, V. P. — 896.

*Li-ét-xơ* (Liesse), Ăng-đrê — 21.

*Li-xtê-rơ* (Lister) — 684.

*Li-xtơ* (Liszt), Phri-đrích — 390.

*Liếp-nêch* (Liebknecht), Các-lơ — 718, 734, 761, 764.

*Liếp-nêch* (Liebknecht), Vin-hem — 386, 700, 734, 767, 769.

*Lin-côn* (Lincoln), A-vra-am — 240.

*Lin-cơ* (Link) Eng-xtơ — 655.

*Lin-đen-béc* (Lindenberg) — 59.

*Líp-man* (Lietmann), Rô-bóc — 3, 4, 12, 18, 23, 36, 38, 111, 218, 225, 266, 269, 274, 276, 342, 447, 453, 912.

*Lít-xa-ga-ray* (Lissagaray), Prô-xpe Ô-li-vi-ê — 726.

*Lô* (Lowe) — 768.

*Lô* (Law) Ha-ri-ét — 703.

*Lô-ít Gioóc-giơ* (Lloyd George), Đa-vít — 68, 306, 322, 337, 378, 382.

*Lô-ít* (Lloyd), Hen-ri Đê-ma-rê-xtơ — 20, 562.

*Lô-oen* (Lowell), A. Lô-ren — 780.

*Lô-ren-tơ* (Lorenz), I-a-cốp — 322, 699, 724.

*Lôi-ê* (Leue), A. — 933.

*Lôi-tơ* (Leuthner), C. — 925.

*Lôi-tơ* (Leitner), Phri-đrích — 442.

*Lốt-tơ* (Lotz), Van-tơ — 153, 441, 452.  
*Lơ-ben* (Loebell), A. — 16.  
*Lơ-bơ* (Loeb), Eng-xơ — 415.  
*Lơ-các-păng-chi-ê* (Lecarpentier), G. — 30.  
*Lơ-phe-vơ* (Lefèvre), Ray-mông — 7.  
*Lơ-roa - Bô-li-ơ* (Leroy - Beaulieu), Ri-e Pôn — 11, 153, 240, 243, 440, 445, 466, 489, 661, 690, 693, 934.  
*Lơ-tay-ơ* (Letailleu), Ô-giê-ni (Ly-dít) — 21, 208, 230, 244, 252, 269.  
*Lơ-van-stanh* (Löwenstein), Ác-tuya — 46.  
*Lơ-vát-xơ* (Levasseur), Ê-mi-lơ — 32.  
*Lơ-ven-phen-đơ* (Lowenfeld), Hen-ri — 466.  
*Lơ-vơ* (Leeuw), Ga-bri-en Van-đơ — 31.  
*Lơ-n-đôn* (London), Mai-ơ — 760.  
*Lu-bê* (Loubet), Ê-mi-lơ — 868.  
*Lu-ê-gơ* (Lueg), Các-lơ — 224, 865.  
*Lu-i* (Louis), Pôn — 230, 243, 273, 290.  
*Lúc-xăm-bua* (Luxemburg), Rô-da (Giu-ni-út) — 337, 364, 369, 459, 617, 687, 704, 711, 717, 910, 916.  
*Lút-lô* (Ludlow), G. V. — 938.  
*Luy-ca-xơ* (Lucas), S. P. — 658, 684.  
*Luy-ê-gơ* (Lueger), Các-lơ — 865.  
*Luy-tơ* (Luther), Mác-tin — 627, 664.  
*Ly-dít* (Lysis) — xem *Lơ-tay-ơ*

## M

*Ma-crô-xti* (Macrosty), Hen-ri V. — 17, 254.  
*Ma-hô-mét IV* — 747.  
*Ma-khơ* (Mach), Eng-xơ — 396.  
*Ma-ne-xơ* (Manes), An-phrết — 332.  
*Ma-ni-pen-ni* (Monypenny), U. Ph. — 305.  
*Ma-sa* (Machat), Giô-dép — 242.  
*Ma-ta-rê* (Mataré), Ph. — 32.  
*Mác Các* (Marx) — 38, 41, 60, 226, 251, 258, 267, 268, 278, 280, 366, 370, 373, 389, 397, 399, 448, 605, 610, 611, 691, 694, 699, 700, 702, 703, 722, 727, 728, 736, 737, 753, 755, 756, 762, 767, 769, 778, 781, 806, 911, 938.  
*Mác-cây*, (Mackay), B. L. — 658, 680, 683.  
*Mác-cốp*, N. E. — 907.  
*Mác-Đô-nan* (Macdonald), Giêm-xơ Cốc-béc-nơ — 443.  
*Mác - Đô-nen* (Mác Donnell) — 768.  
*Mác - Ken-na* (Mac - Kenna), R. — 790.  
*Mác-lô* (Marlo), Các-lơ — xem Vin-ken-blêch.  
*Mác - Ma-hông* (Mac - Mahon), P. M. — 855.  
*Mác-ten* (Martin) — 939.  
*Mác-ten* (Martin), Xanh-Lê-ông — 30.  
*Mác-ten-xơ* (Martens), Gi. Ph. — 640.  
*Mác-tin* (Martin), Ru-đôn-phơ — 332.  
*Mác-tốp*, L. — 6, 20, 733, 929.  
*Mác-tư-nốp*, A. — 20.

*Mác-xơ* (Marcks), Ê-rích — 542, 560.  
*Mác-xơ* (Marx), Mác-tin — 17, 74.  
*Mai* (May), R. E. — 429, 441.  
*Mai-rôn* (Myron), P. — 933.  
*Mam-rốt* (Mamroth), Các-lơ — 247.  
*Man* (Mann), Tôm — 761.  
*Man-bô-rô* (Marlborough), Giôn Ts. — 805.  
*Man-ga Ben* (Manga Bell) — 365.  
*Man-sê* (Manchez), M. — 244.  
*Man-stét* (Mannstaedt), Hen-rích — 31.  
*Mát-di-ni* (Mazzini), Giô-dép — 637, 806, 807.  
*May-ơ* (Meyer), A. — 3, 9, 466.  
*May-ơ* (Meyer), Gu-xta-vơ — 726.  
*Mây-nêch-kê* (Meinecke), Phri-đrich — 640, 937.  
*Méc-hem* (Merrheim), An-phông-xơ — 376.  
*Méc-tôn* (Merton), Hen-ri R. — 14.  
*Méc-tôn* (Merton), Vin-hem — 14.  
*Men-si-cốp* — 641.  
*Men-sơ* (Mensch), Phran-tơ — 85.  
*Mét-xi-mi* (Messimy), A-đôn-phơ — 381.  
*Mét-xlê-ni* (Meszleny), Ác-tuya — 20, 254, 255.  
*Mê-ren-xơ* (Mehrens), Béc-hác — 21, 61, 153, 269.  
*Mê-rinh* (Mehring), Phran-tơ — 617, 709, 778, 779, 781, 782, 806.  
*Mê-vin* (Mevil), Ăng-đrê — 639.  
*Mi-cô-xơ* (Mikoss) — 717.  
*Mi-khen-xen* (Michelsen) — 113.  
*Mi-khen-xơ* (Michels) — 709.  
*Mi-li-u-cốp*, P. N. — 602.  
*Mi-sen* (Michel), Hăng-ri — 244.  
*Mi-sôn* (Michon), Gioóc-giơ — 251.  
*Mi-tơ* (Miethe), A. — 32.  
*Moa-rô* (Moireau), Ô-guy-xơ — 242.  
*Moóc-gan* (Morgan), Piéc-pôn — 398, 436, 469.  
*Moóc-li* (Morley), Giôn — 560, 756.  
*Mô-li-na-ri* (Molinari), Gu-xta-vơ — 242.  
*Mô-lơ* (Moll), E-van — 443.  
*Mô-ni-tơ* (Monitor) — 928.  
*Mô-ri-đơ* (Moride), Pi-e — 3, 16.  
*Mô-ri-xơ* (Morris), Hen-rích C. — 230, 271, 278, 293, 488, 490.  
*Mô-ri-xơ* (Morris), Uy-li-am — 556, 940.  
*Mô-ry* (Mauray), Phrăng-xoa — 248.  
*Mô-săng* (Mauchamp) — 630.  
*Mô-sơ* (Moch), Ga-xtôn — 716.  
*Mô-xơ* (Moos), Phéc-đi-năng — 156, 230, 244, 274, 467.  
*Môm-sen* (Mommsen), Tê-đ-đo — 258.  
*Môn-rô* (Monroe), Giêm-xơ — 240, 823, 840.  
*Mông-bác* (Montbard), G. — 249.  
*Mông-te-xki-u* (Montesquiou), L. — 233.  
*Mốp-phê* (Moffet), X. E. — 7.  
*Môn-hôn* (Mulhall), Mai-cơ-lơ Gioóc-giơ — 30, 152, 440, 493, 463, 788.  
*Mu-rây* (Mourey), Sác-lơ — 246.  
*Mu-ri-ê* (Mouriez), P. — 935.  
*Mu-tơ* (Muth), Các-lơ — 373.  
*Mun-ta-tu-li* (Đêch-cơ Ê-đu-a Đan-ét) — 542, 544, 562.  
*Muy-lơ* (Müller), Ác-tuya — 199.  
*Muy-lơ* (Müller) — 617.



*Muy-lơ* (Müller), Van-đê-ma — 209, 442.  
*Muyn-hau-tơ* (Mühlhaupt), Enghen-béc — 447, 470.  
*Muyn-li-nơ* (Mülliner) — 789 - 790, 803, 804.

## N

*Na-ha-xơ* (Nahas), Giô-dép Ph. — 654.  
*Na-khim-xôn*, M. I. Xpéc-ta-to — 115, 116, 215, 279, 288, 470.  
*Na-pô-lê-ông I* (Napoleon), Bô-na-pác-tơ — 301, 740, 743 - 744, 746, 895.  
*Na-pô-lê-ông III* (Napoleon), Lu-i — 644, 645, 669, 794.  
*Nan-xen* (Nansen), Phri-tô-phơ — 938.  
*Nát-xe* (Nasse), Éc-vin — 559.  
*Nây-hau-xơ* (Neuhaus), Ph. A. — 32.  
*Nây-mác-cơ* (Neymarck), An-phrét — 61, 86, 87, 150, 153, 154, 157, 158, 234, 244, 269, 275, 307, 320, 445, 449, 465, 470.  
*Nây-man - Xpan-lác* (Neumann - Spal-lart), Phrăng-xơ — 20, 159, 192, 574, 576, 591, 596.  
*Nét-xen-rô-đê*, C. R. — 640.  
*Nêch-xê — xem An-đéc-xen Nêch-xê M.*  
*Ni-bua* (Nieboer), Kh. I-a. — 15, 274, 276.  
*Ni-cô* (Nicot), Luy-xiêng — 249.  
*Ni-cô-lai II* — 870, 936.  
*Ni-côn-xki*, N. V. — 651.  
*Ni-côn-xôn* (Nicholson), Gi. S. — 246.  
*Ni-han-xơ* (Nienhans), P. — 933.

*Nít-ti* (Nitti), Phran-tse-xcô — 911, 912.  
*Nít-xơ* (Nietzsche), Phri-đrich — 233.  
*Niu-bôn-đơ* (Newbold), Giôn Têc-nơ U-ôn-tôn — 789.  
*Noóc-tơ-rốp* (Northrop) — 222.  
*Nô-ben* (Nobel) — 186.  
*Nô-vi-cốp* (Novicow), I-a. — 241, 243.  
*Nô-xơ* (Naus) — 897.  
*Nô-xi-tơ* (Nostiz), Han-xơ — 939.  
*Nu-en* (Nouel), Rô-nê — 12.

## O, Ô, Ơ

*Oác-đơ* (Wardle), Gi. Gi. — 335.  
*Oai-tơ* (White), B. — 17.  
*Oai-tơ* (White), En-đriu Đích-xôn — 940.  
*Oe-xơ-côt* (Westcott) — 559.  
*Oen-linh-ton* (Wellington), Ác-tuya V. — 805.  
*Oen-xơ* (Wells), Héc-bóc Giôóc-giơ — 236.  
*Oi-len-buốc* (Eulenburgh), Phran-tơ — 442.  
*Ơ Côn-no* (O' Connor), Phéc-guyt — 780.  
*Ơ Gre-đi* (O' Grady), Giên — 335.  
*Ô-na-rê* (Honoré), Mô-rít — 938.  
*Ô-oen-xơ* (Owens), — 77, 276.  
*Ô-véc-txia* (Overzier), Pôn — 247.  
*Ô-xtéc-ri-đơ* (Osterrider), C. — 939.  
*Ô-xơ-rô-u-mốp*, N. P. — 651.  
*Ôn-kên* (Oncken), Héc-man — 643.  
*Ốp-pen-hai-mơ* (Oppenheimer), Phê-lích — 307, 560.  
*Ốt-tô* (Otto), Van-tơ — 60, 143.

## P

*Pa-a-sơ* (Paasche), Héc-man — 197.  
*Pa-tui-ê* (Patouillet), Giô-dép — 7, 230, 237, 242, 275, 276.  
*Pa-ven I* — 895.  
*Pác-nen* (Parnell), Sác-lơ Xti-u-ác — 628.  
*Pác-vu-xơ* (Ghen-phan-đơ), A. L. — 322, 460.  
*Pan-méc-xtôn* (Palmerston), Hen-ri Giôn — 793 - 794.  
*Pan-nê-cúc* (Pannekoek), An-tô-ni — 300, 317, 318, 458, 617, 916.  
*Pát-xa-ma* (Passama), Pôn — 248.  
*Pây-sơ* (Paish), Giôóc-giơ — 28, 233, 244, 337, 339, 401, 446, 447, 467, 468, 469, 789, 912.  
*Pe-ranh đơ Bút-xác* (Perrin de Boussac) — 731.  
*Pe-xlơ* (Pesi), Đa-ni-en — 939.  
*Péc-néc-xtôóc-phơ* (Pernerstorfer) — 772.  
*Pê-rây-rơ* (Péire), E-mi-lơ — 35, 275.  
*Pê-rây-rơ* (Péire), I-xa-ác — 35, 275.  
*Pê-ri-xơ* (Perris), Giôn — 790.  
*Pê-téc-xi-li* (Petersilie), An-vin — 471.  
*Pê-tơ* (Peter), Cuốc-tơ — 933.  
*Pê-tơ* (Peez), A. — 635, 820, 939.  
*Pha-brơ* (Fabre), A. — 31.  
*Pha-dôn-tơ* (Fasolt), Phri-đrich — 146.  
*Pha-đê-ép*, P. A. — 641.  
*Pha-humi* (Fahmy), Mô-ha-mét — 932.  
*Phan-cơ* (Falk), A-đan-béc — 855.  
*Phan-cúc* (Pfannkuch), Vin-hem — 733.

*Phây-en* (Feyel), Pôn — 30.  
*Phây-phơ* (Pfeiffer), Ê-đu-a — 247.  
*Phe-rơ* (Ferrer), Ph. — 870.  
*Phe-ry* (Ferry), Giuy-lơ — 623.  
*Phe-xty* (Festy), O. — 704.  
*Phen-xơ* (Phelps), Ê-đu-a Gi. — 240.  
*Phê-tơ* (Vetter), Tê-ô-đo — 940.  
*Phi-a-min-gô* (Fiamingo), G. M. — 638.  
*Phi-líp-pô-vích* (Philippovich), Ép-ghê-ni — 36, 448, 923.  
*Phi-nô* (Finot), Giảng — 252.  
*Phi-sơ* (Fischer), An-phrét — 931.  
*Phi-sơ* (Fischer), Vích-to — 287.  
*Phin-đlây* (Findley) — 363.  
*Phlác-xơ* (Flux), An-phrét Uy-li-am — 492.  
*Phoóc-xtơ* (Forster), Uy-li-am Ê-đu-a — 768.  
*Phô-ghen-stanh* (Vogelstein), Tê-ô-đo — 3, 18, 57, 60, 61, 62, 262, 266, 267.  
*Phô-vin* (Foville), An-phrét — 440.  
*Phô-xbéc - Rê-cốp* (Vosberg - Rekow), Mác-xơ — 680.  
*Phrai-na* (Fraina), Lu-i C. — 727.  
*Phran-cơ* (Frank), Lút-vích — 687.  
*Phran-cơ* (Franck), Phri-tơ — 62.  
*Phran-kê* (Franke), Các-lơ — 933.  
*Phran-kê* (Franke), Ôt-tô — 642.  
*Phrây* (Frey) — 846.  
*Phre-xơ* (Fraisse), Gu-xta-vơ — 7, 937.  
*Phri-đê-gơ* (Friedegg), Eng-xtơ — 251.  
*Phri-đrich II* (Đạị) — 838.  
*Phri-đrich* (Friedrich), Eng-xtơ — 937.  
*Phri-đrich* (Friedrich) (hoàng tử) — 474.

*Phri-men* (Freeman), Giôn — 331.  
*Phri-mên* (Freeman), Ê-đu-a A. — 937.  
*Phrô-be* (Frobert), G. — 937.  
*Phru-đơ* (Froude), Giêm-xơ An-tô-ni — 305.  
*Phu-lơ* (Fuller), Bem-pơ-phen-đơ — 686.  
*Phuên-cơ* (Völker) — 203, 209, 224.  
*Phuên-cơ* (Voelcker), Hen-ri — 51, 442, 443.  
*Phun-đơ* (Pfund) — 472.  
*Phuyéc-sten-béc* (Fürstenberg) — 197.  
*Pi-dơ* (Pease), Gi. A. — 324.  
*Pi-lăng* (Pilant), Pôn — 250.  
*Pi-lơ* (Peel), Rô-bóc — 400, 544, 545.  
*Pi-nông* (Pinon), Rơ-nê — 248, 639.  
*Pi-ôt I Đại đế* — 895.  
*Pin-nơ* (Pinner), Phê-lích — 193, 196.  
*Plen* (Plehn), Han-xơ — 601, 602.  
*Plen-ghê* (Plenge), Giô-han — 21, 60.  
*Plê-kha-nốp*, G. V. — 5, 20, 323, 386, 925.  
*Poóc-tơ* (Poorter) — 250.  
*Pô-crốp-xki*, M. N. — 641.  
*Pô-da-đốp-xki* (Posadowsky) — 667.  
*Pô-gô-đin*, M. P. — 640.  
*Pô-khơ* (Pohler), I. — 441.  
*Pô-lê* (Pohle), Lút-vích — 935.  
*Pô-oan* (Powell), En-lít Tô-mát — 336.  
*Pôn-ly* (Polly), A. — 939.  
*Pra-đô* (Prado), V. M. — 939.  
*Pri-ông* (Prion), V. — 442.  
*Prô-cô-pô-vích*, X. N. — 138.

*Pru-đông* (Proudhon), Pi-e Giô-dép — 646.

## Q

*Quanh-ten-xơ* (Quaintance), G. — 20.  
*Quen-sơ* (Quelch), Ha-ri — 460, 722.  
*Quy-ken-tan* (Kükenthal), Vin-li — 261.

## R

*Ra-đếch*, C. B. — 916.  
*Ra-ki* (Raky), An-tôn — 454.  
*Ra-lây* (Raleigh), Van-tơ — 814.  
*Ra-muyt* (Ramus), Pi-e — 718.  
*Ra-pha-lô-vích* (Raffalovich), Ác-tua — 31, 86.  
*Ra-tê-nau* (Rathenau), Cuộc-tơ — 31, 56.  
*Ra-tê-nau* (Rathenau), Ê-mi-lơ — 73.  
*Ra-vê-xtanh* (Ravesteijn), V. — 3, 7.  
*Rai-khlen* (Reichlen) — 30.  
*Rai-sơ* (Reinsch), P. X. — 236.  
*Ran-nơ* (Renner), Các-lơ — 699, 728, 749, 751, 928.  
*Ranh-ba-ben* (Rheinbaben), Ghê-oóc-gơ — 429.  
*Ráp-pa* (Rappard), Vin-li-am E. — 917, 939.  
*Ráp-pha* (Raffard), Giăng G. — 246.  
*Rau-ních* (Raunig), A. G. — 63.  
*Rây-e* (Reyer), Ê. — 32.  
*Rây-khô-xbéc* (Reichesberg), Nau-mơ — 931.  
*Rê-ve-rơ* (Revere), X. T. — 233.  
*Rê-ven-tlốp* (Reventlow), Eng-xtơ — 826.

*Rết-xlốp* (Redslob), Rô-béc — 230, 285.  
*Ri-a-da-nốp*, Đ. B. — 722.  
*Ri-các-đô* (Ricardo), Đa-vít — 448.  
*Ri-phát* (Rifat), M. M. — 932, 933.  
*Ri-sơ-li-ơ* (Richelieu), A. G. — 745.  
*Ri-u-gơ* (Rüegg), A. — 332.  
*Ri-vơ* (Reeve), X. A. — 934.  
*Rít* (Ried), Mác-xơ — 939.  
*Rít-lơ* (Riedler), A. — 31.  
*Rít-xơ* (Riesser), Gia-cốp — 17, 37, 76, 85, 144, 154, 171, 178, 228, 266, 267, 268, 270, 271, 275, 276, 280, 320, 321, 342, 396, 406, 409, 410, 413, 414, 421, 429, 430, 434, 436, 440, 441, 442, 445, 450.  
*Roóc-bách* (Rohrbach), Pôn — 306, 658, 689, 834.  
*Rô-den-đoóc-phơ* (Rosendorff), Ri-sa — 443.  
*Rô-den-ha-ghen* (Rosenhagen), Gu-xta-vơ — 792.  
*Rô-dơ-bê-ry* (Rosebery), Ác-si-ban Ph. — 792.  
*Rô-lốp* (Roloff), Gu-xta-vơ — 635, 935.  
*Rôc-cơ-phen-lơ* (Rockefeller) — 186, 199, 498.  
*Rốt-giơ* (Rogers), Giêm-xơ — 30.  
*Rốt-lích* (Rödlich), Ph. — 935.  
*Rốt-sin-đơ* (Rothschild), — 186, 439, 694.  
*Rốt-sin-đơ* (Rothschild), Eng-xtơ — 251, 792.  
*Rốt-stanh*, Ph. A. — 463, 722.  
*Rốt-xơ* (Ross), Rô-nan — 684.  
*Rốt-xơ* (Rhodes), Xê-xin — 54, 553, 561, 860.  
*Rơ-nô* (Renault), Sác-lơ — 30.  
*Rơ-nô-đen* (Renaudel), Pi-ê — 373.

*Rơ-xkin* (Russkin), Giôn — 940.  
*Rốt-xen* (Russel), Giôn — 794, 795.  
*Ru-di-ê* (Rousiers), Pôn-đơ — 243.  
*Ru-dơ-ven* (Roosevelt), Tê-ô-đơ — 498.  
*Ru-ia* (Rouir) — 638.  
*Ru-lăng* (Ruhland), Gu-xta-vơ — 63.  
*Rúp-nơ* (Rubner), Mác-xơ — 930.  
*Rúp-pen* (Ruppel), Vin-li — 11.  
*Rút-tman* (Ruttman), V. — 933.  
*Rút-xen* (Russel) — 183.  
*Ruy-đoóc-phơ* (Ruedorffer), [*Rít-xlơ* (Riezler), Cuộc-tơ] — 658, 670.  
*Ruy-lê* (Rühle), Ót-tô — 928.  
*Ruyt-xi-ê* (Russier), Hăng-ri — 7, 230, 261.

## S

*Sa-khơ* (Schachner), Rô-béc — 247.  
*Sác-mông* (Charmont), Gi. — 716.  
*Sai-đê-man* (Scheidemann), Phi-líp — 616, 663, 732.  
*Sáp-niên* (Chapman), Êt-vác Moóc-ti-mơ — 243.  
*Sát-oen* (Shadwell), A. — 17.  
*Sem-bóc-lin* (Chamberlain), Giô-dép — 53, 256, 292, 307, 522, 549, 634, 642, 837, 841, 866, 937.  
*Sét-xtóc-tôn* (Chesterton), Xê-xi-lơ — 708.  
*Sê-ríp* (Scherif), X. — 933.  
*Sê-rơ* (Schär), Giô-han Phri-đrich — 322.  
*Si-dơ-hôn-mơ* (Chisholm), Gioóc-giơ — 30.  
*Si-man* (Schiemann), Tê-ô-đơ — 251.

- Sia-brăng* (Schierbrand), Vôn-phơ — 243.  
*Sin-đơ* (Schilder), Dich-mung — 4, 17, 60, 88, 101, 274, 339.  
*Síp-pen* (Schippel), Mác-xơ — 717, 767.  
*Sluy-tơ* (Schlüter), Héc-man — 618.  
*Smít - Vai-xen-phen-xơ* (Schmidt - Weißenfels), C. — 694.  
*Smít-xơ* (Schmitz), Ô-xca — 636.  
*Smôn-lơ* (Schmoller), Gu-xta-vơ — 210, 448, 701, 838.  
*Snai-đơ* (Schneider), Các-lơ — 277.  
*Snê-ê-bóc-gơ* (Schneeberger), Ô. — 774, 776.  
*Snít-tơ-lơ* (Schnitzler), Ác-tuya — 331.  
*Sô* (Shaw), Gioóc-giơ Béc-na — 306.  
*Stai-gơ* (Steiger), I. — 12.  
*Stanh-bách* (Steinbach), Ru-đôn-phơ — 443.  
*Stanh-man - Bu-khơ* (Steinmann - Bucher), A. — 210, 440.  
*Stau-đin-gơ* (Staudinger), Phran-tơ — 322.  
*Stau-xơ* (Stauß), Ê-mi-lơ Gioóc-giơ — 79.  
*Stéc-nơ* (Stern), Rô-bóc — 12.  
*Sten-lơ* (Steller) — 59.  
*Stin-lích* (Stillich), Ô-xca — 4, 20, 32, 59, 61, 191, 269, 449.  
*Stơ-rát-xơ* (Strasser), Giô-xíp — 939.  
*Stơ-rau-xơ* (Straus), Van-tơ — 251.  
*Stơ-rô* (Stroh), Vin-hem — 939.  
*Stơ-rúp* (Strupp), Các-lơ — 939.  
*Stu-đê-ni-tơ* (Studenitz), C. V. — 935.  
*Su-bác* (Schubart), Hác-vích — 231.  
*Su-ma-khơ* (Schumacher), Hen-rích — 441.  
*Su-man* (Schumann), Phri-tơ — 322.  
*Su-xơ* (Schuster), Moóc-gan — 892, 897, 898.  
*Su-xơ* (Schuster), Phê-lích — 446.  
*Suê-nê-man* (Schönemann) — 892.  
*Suên* (Schön), Giô-dép — 680.  
*Suên-lăng* (Schönlank), Bru-nô — 57.  
*Suên-phen-đơ* (Schönfeld) — 209.  
*Sum-pê-tơ* (Schumpeter), Giô-xíp — 61, 62.  
*Sun-txê* (Schulze), Ác-tuya — 322.  
*Sun-txê* (Schulze), Eng-xơ — 392.  
*Sun-txê Ghê-véc-ni-tơ* (Schulze - Gaevernitz), Ghéc-hác — 3, 4, 21, 36, 38, 43, 47, 52, 256, 270, 275, 276, 400, 456, 531, 542, 559, 562, 758.  
*Suy-lơ* (Schüler), Vin-hem — 680.  
*Suych-kinh* (Schücking), Van-tơ — 322.  
*Sva-bê* (Schwabe), Cuốc-tơ — 63.  
*Svác-tơ* (Schwarz), Mi-kha-in — 688.  
*Svác-tơ* (Schwarz), Ô. — 21, 563.  
*Svéc-tơ* (Schwerdt), P. — 716.  
*Svít-lăng* (Schwiedland), Ô-giê-ni — 85.  
*Svốp* (Schwob), Mô-rít — 21, 249.  
*Svốp* (Schwab), Sác-lơ Mai-clơ — 38, 264, 498.
- T**
- Ta-phen* (Tafel), Pôn — 60, 110, 114, 266.  
*Tác-đi-ơ* (Tardieu), Ăng-đrê — 637, 638, 639.  
*Tan-hai-mơ* (Thalheimer), Au-gu-xơ — 714, 916.  
*Tao-nơ-xen* (Townsend), Mê-rê-đít — 561.

- Tây-lo* (Taylor), Phrê-đê-rích U. — 17, 61, 161, 166, 168, 169, 276, 280, 332.  
*Te-ri-ê* (Terrier), O-guy-xơ — 246.  
*Tê-ry* (Théry), Ét-mông — 21, 150, 230, 231, 243, 247, 272, 308, 440, 445.  
*Tê-xtít* (Testis) — 21, 208, 244.  
*Téch-len-buốc* (Tecklenburg), A-đôn-phơ — 708.  
*Ti-út-tsép*, Ph. — 640.  
*Tiéc-pi-tơ* (Tirpitz), An-phrết — 790.  
*Tít-xen* (Tyssen), Au-gu-xơ — 172, 190, 224, 250, 412.  
*Tô-ma* (Thomas), An-be — 376.  
*Tô-mát* (Thomas), H. — 615, 616, 617.  
*Tô-mát* (Thomas), Xít-ni Gin-cri-xơ — 210, 333.  
*Tôm-xôn* (Thompson), Xen-phoóc E. — 164.  
*Tôn Dật Tiên* — 680.  
*Tôn-nê-la* (Tonnelat), Éc-ne-xơ — 230, 282.  
*Tơ-ca-tsép*, P. N. — 614.  
*Tơ-rai-tskê* (Treitschke), Hen-rích — 258, 476.  
*Tơ-rê-sơ* (Treitschke), Ê-rích — 101.  
*Tơ-rít-sơ* (Trietsch), Đa-vít — 392.  
*Tơ-rôn-tơ* (Troeltsch), V. — 331.  
*Tơ-rốt-xki* (Brôn-stanh), L. Đ. — 750, 751.  
*Tơ-ru-bê-tơ-côi*, Ê. N. — 641.  
*Tơ-ru-bê-tơ-côi*, G. N. — 306, 642.  
*Tsiéc-ski* (Tschierschky), Dich-phrít — 18, 27, 61, 221, 277.  
*Tơ-khê-ít-dê*, N. X. — 929.  
*Tu-cơ* (Tooke), Tô-mát — 397.  
*Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki*, M. I. — 400.  
*Tút-xê-nen* (Toussennel), T. — 258.  
*Tư-sca* (Tyszká), Các-lơ — 914.  
*Txác-tơ* (Zart), A. — 332.  
*Txét-kin* (Zetkin), Cla-ra — 617, 916.  
*Txi-cuốc-sơ* (Ziekursch), I. — 933.  
*Txi-ôn-lin-gơ* (Zollinger), Van-tơ — 61, 154, 156, 157, 269, 465.  
*Txim-méc-man* (Zimmermann), An-phrết — 635.  
*Txim-méc-man* (Zimmermann), Ph. V. R. — 86.
- U**
- U-đê - Béc-nay-xơ* (Uhde-Bernays), Héc-man — 332.  
*U-khôm-xki*, E. E. — 836.  
*U-nôn* (Unold), I. — 708.  
*Un-brích* (Ulbricht), Ét-mung — 699, 738.  
*Un-man* (Uhlmann), Phran-tơ — 940.  
*Uôn-phoóc-đơ* (Walford) — 698.  
*Uy-béc-xbe-gơ* (Übersberger), Han-xơ — 940.  
*Uyn-xôn* (Wilson), Vu-đrô — 769.  
*Uyn-xtô* (Winstow), E. — 243.
- V**
- Va-gôn* (Wagon), Ê-đu-a — 441.  
*Va-lép-phơ* (Waleffe), Mô-rít — 539.  
*Va-li-ăng* (Vaillant), Ê-đu-a — 536, 760.  
*Vác-ga* (Varga), Ô-giê-ni — 458, 910.  
*Vác-nêch* (Warneck), Gu-xta-vơ — 636.

- Vác-nơ* (Wagner), A-đôn-phơ — 442.  
*Vác-sau-ơ* (Warschauer), Ôt-tô — 59, 441, 442.  
*Vai-éc-man* (Weyermann), Mô-rít-xơ Ru-đôn-phơ — 56.  
*Vai-tling* (Weitling), Vin-hem — 783.  
*Vam-bê-ri* (Vambery), H. — 653.  
*Van* (Wahl), Mô-rít — 262, 271, 277.  
*Van-đéc-ven-đơ* (Vandervelde), Ê-mi-lơ — 5.  
*Van-đê-cơ* (Waldecker) — 289.  
*Van-lích* (Wallich), Pôn — 61, 154.  
*Van-lích-xơ* (Wallichs), A-đôn-phơ — 161, 163, 166.  
*Van-lô* (Vallaux), Ca-min — 30.  
*Van-tơ* (Wallter), E. — 718.  
*Van-tơ* (Walz-Eidenbenz), Ây-ghen-ben-tơ — 940.  
*Văn* (Wen) — 654.  
*Văng-giê* (Wenger), Lê-ông — 251.  
*Ve-bơ* (Webb), Au-gu-xơ — 152.  
*Véc-ne* (Werner), G. — 3, 8, 190.  
*Véc-nơ* (Werner), Rai-nôn — 853.  
*Ven-sin-gơ* (Welschinger), Hăng-ri — 381.  
*Vê-bơ* (Weber), A-đôn-phơ — 59, 442.  
*Vê-dê-mai-ơ* (Wesemeyer) — 714.  
*Vê-ghê-nơ* (Wegener), Gioóc-giơ — 601, 603.  
*Vê-léc-xơ* (Weulersse), Gioóc-giơ — 242.  
*Vê-ri-tát* (Veritas) — 322.  
*Vê-vi-ê-rốp-xki* (Wiewiórowski), X. — 50.  
*Vên-linh* (Walling), Uy-li-am In-gli-sơ — 321.  
*Vi-an-la-tơ* (Viallate), A. — 30.  
*Vi-đen-phen* (Wiedefeld), Cuộc-tơ — 910.  
*Vi-gi-lăng* (Vigilant) — 237.  
*Vi-nô-gra-đốp* (Vinogradoff), P. — 330.  
*Vi-ơ-to* (Viëtor), Vin-hem — 933.  
*Vi-thốc-xơ* (Withers), Hác-li — 36, 236.  
*Vích-cơ* (Wick), Vin-hem — 445.  
*Viéc-tơ* (Wirth), An-bréch — 601, 620, 636.  
*Viên Thế Khải* — 654, 835.  
*Vin-hem I* (Hoàng đế Đức) — 842, 857.  
*Vin-hem II* — 240, 535, 862, 864, 868, 870.  
*Vin-ken-blếch* (Winkelblech), Các-lơ Gioóc-giơ (Mác-lô) — 936.  
*Vin-ních* (Winnig), Au-gu-xơ — 384, 615.  
*Vít-te, X. I-u.* — 140.  
*Vít-tích* (Wittig), L. — 935.  
*Vôn-phơ* (Wolf), Ê-mi-lơ — 451.  
*Vôn-phơ* (Wolf), Giuy-li-út — 63, 259.  
*Vôn-phơ-hem* (Wolffheim), Phri-tơ — 614.  
*Vốt-xơ* (Wossner), Cuộc-tơ — 145.  
*Vun-slê-gơ* (Wullschleger) — 774.

## X

- Xa-bu-rốp*, P. A. — 641.  
*Xa-muy-en* (Samuel) — 187.  
*Xác-tô-ri-út phôn Van-tơ-hau-xen* (Sartorius von Waltershausen), Au-gu-xơ — 271, 274, 342, 658, 690.  
*Xai-u* (Sayous) — 59.  
*Xam-ba* (Sembat), Mác-xen — 376, 531.

- Xanh - Xi-mông* (Saint - Simon), Hăng-ri - Clô-đơ — 40, 276, 280, 701, 783, 936.  
*Xay* (Sale), Sác-lơ V. — 447, 482.  
*Xây-i-e* (Seillière), Éc-ne-xơ — 233, 242.  
*Xcai-lơ* (Schuyler), Ô-giê-ni — 30.  
*Xcô-bê-lép, M. I.* — 929.  
*Xê* (See), Pôn — 242.  
*Xê-da* (Caesar), Cai-út Giuy-li-út — 301.  
*Xê-xin* (Cecil), Huy — 509.  
*Xên-đốc-xơ* (Sanders), U. X. — 335.  
*Xét-đôn* (Seddon), Ri-sa Giôn — 648.  
*Xi-lí* (Seeley), Giôn — 303, 305, 806, 813, 937.  
*Xi-men-xơ* (Siemens), Gioóc-giơ — 44.  
*Xi-men-xơ* (Siemens), Véc-nơ — 694.  
*Xin-cle* (Sinclair), Ép-tôn — 323.  
*Xin-li-a-cút* (Zilliacus), C. — 940.  
*Xken-tôn* (Skelton), Ô-xca Đu-glát — 939.  
*Xki-a-vi* (Schiavi), A. — 717.  
*Xmít* (Smith), Ô-béc-lin — 166.  
*Xô-lô-vây-tsích* — 124.  
*Xpây-ơ* (Speyer), Ét - ga — 321, 445, 446.  
*Xpéc-ta-tơ* (Spectator) — xem Nakhim-xôn.  
*Xpích-cơ* (Spicker), Hi-đê-ôn — 6.  
*Xtép - phen* (Steffen), Gu-xta-vơ Phrê-đê-rích — 300, 306.  
*Xtin-nê-xơ* (Stinnes), Hu-gô — 250, 412.  
*Xtít* (Stead), Uy-li-am Tô-mát — 242.  
*Xtơ-ru-vê, P. B.* — 641.  
*Xu-pan* (Supan), A-lếch-xan-đrô — 261, 278, 337, 346, 349, 350.  
*Xvíp-tơ* (Swift), Mô-ri-xôn I-xa-ác — 30.

## MỤC LỤC

Lời tựa.....	VII
Bút ký về chủ nghĩa đế quốc	
VỞ "α" (" <i>an-pha</i> ").....	3 - 59
Mục lục.....	3
Sơ thảo bài báo bàn về đấu tranh chống "phái vũng lầy" (bút ký về chủ nghĩa Cau-xky).....	5
Mấy chỉ dẫn thư mục.....	6
Ra-vê-xtanh bàn về vấn đề Ban-căng.....	7
Véc-ne bàn về sự tích tụ trong công nghiệp mỏ ở Rua.....	8
May-ơ (Sự đầu tư) và chỉ dẫn thư mục.....	9
Líp-man bàn về buôn bán kim loại ở Phran-pho.....	12
Các học giả tư sản bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.....	14
Mô-ri-đơ. "Các hãng có chi nhánh".....	16
Chỉ dẫn thư mục.....	16
Sin-đơ. Tập 5 của "Tài liệu lưu trữ về kinh tế thế giới".....	18
Những ghi chép từ tờ "Lời nói của chúng ta".....	19
Chỉ dẫn thư mục.....	20
Tổng số tư bản trong các công ty cổ phần.....	22
Kê-xơ-nơ. "Sự cưỡng bách vào tổ chức".....	22
"Báo công nhân" ở Viên bàn về các ngân hàng của Viên....	27
"Niên giám của Viện hàn lâm Mỹ".....	28
Chỉ dẫn thư mục.....	30
Stin-lích. "Tiền tệ và hoạt động ngân hàng".....	32

Líp-man. "Các-ten và tơ-rốt".....	36
Trích từ "Những cơ sở của nền kinh tế xã hội".....	38
VỞ "β" (" <i>bê-ta</i> ").....	60 - 229
Mục lục.....	60
Đít-xen, Sum-pê-tơ, Phô-ghen-stanh.....	61
Chỉ dẫn thư mục.....	62
Trích từ tạp chí "Ngân hàng".....	64
Chỉ dẫn thư mục.....	85
Thống kê các chứng khoán có giá.....	86
Grun-txen. "Cán cân thương mại, cán cân thanh toán và bảng cân đối kinh tế".....	88
Sin-đơ. Tập I của "Chiều hướng phát triển của kinh tế thế giới".....	88
Hin-đê-brăng. "Sự chấn động etc.".....	107
P. Ta-phen. "Các tơ-rốt ở Bắc Mỹ etc.".....	110
Nhận xét về C. Cau-xky versus chủ nghĩa đế quốc.....	114
Ê. A-gát. "Những ngân hàng lớn và thị trường thế giới".....	116
Ban-lốt. Thống kê.....	142
Ốt-tô. Những ngân hàng Đức ở hải ngoại.....	143
Điu-rích. Sự bành trướng của các ngân hàng Đức ở nước ngoài.....	144
Cau-phman. Những ngân hàng Pháp.....	149
Hê-ghê-man. Những ngân hàng Pháp.....	151
Hun-phơ-tết-gơ. "Ngân hàng Anh".....	151
Giáp-phê. Những ngân hàng Anh.....	152
Mê-ren-xơ. Những ngân hàng Pháp.....	153
Van-lích. Sự tích tụ trong ngành ngân hàng Đức.....	154
Txi-ôn-lin-gơ (bảng cân đối quốc tế) và Nây-mác-cơ.....	154
Tây-lo. "Quản lý xí nghiệp".....	161
Đoi-béc. "Qua thực tế áp dụng phương pháp Tây-lo.....	167
Gin-brét. "Việc nghiên cứu động tác".....	169
I-ây-đen-xơ. "Quan hệ giữa các ngân hàng lớn ở Đức với công nghiệp".....	171
Stin-lích và "Nền kinh tế toàn thế giới".....	191
Trích tạp chí "Ngân hàng".....	193
Những nhận xét ((về tư bản tài chính nói chung)).....	219
Tsiéc-xki. "Các-ten và tơ-rốt".....	221
Hai-mãn. "Những xí nghiệp hỗn hợp".....	223

Bàn về vấn đề chủ nghĩa đế quốc .....	227
VỎ "γ" (" <i>gam-ma</i> ") .....	230 - 299
Mục lục .....	230
Hơ-ni-gơ "Ý nghĩa kinh tế của ngành quân sự Đức" .....	230
Tê-ry. "Kinh tế châu Âu" .....	231
Ghi chép về những cuốn sách của Mông-te-xki-u và	57
E-xta-vơ và về một bài báo của Rê-ve-rơ .....	233
Lê-quya-rơ. "Tiên tiết kiệm ở Pháp" .....	234
Hi-xi-đa. "Địa vị quốc tế của Nhật với tư cách là một	
cường quốc lớn" .....	235
Chỉ dẫn thư mục sách Anh và "Niên giám Côn-rát" .....	236
Pa-tui-ê. "Chủ nghĩa đế quốc Mỹ" .....	237
Chỉ dẫn thư mục của Pa-tui-ê về chủ nghĩa đế quốc Mỹ	242
Mô-xơ. "Các cơ quan tín dụng của Pháp và sự đầu tư tư	
bản của Pháp và Anh ở nước ngoài" .....	243
Cu-dơ-nê-xốp. "Cuộc đấu tranh của các nền văn minh và	
các ngôn ngữ ở Trung Á" .....	245
Thư mục những tác phẩm mới dẫn theo "Niên giám Côn-rát"	246
Lu-i Bruy-nô. "Nước Đức tại Pháp" .....	249
Chỉ dẫn thư mục theo "Niên giám" (của Côn-rát) .....	250
Ly-dít. "Chống tập đoàn đầu sỏ tài chính ở Pháp" .....	252
Ghi chú về những cuốn sách của Ma-crô-xti, Bam-gác-tên	
và Mét-xlê-ni và Béc-glun-gơ .....	254
Hu-be. "Tính tích cực của Đức" .....	255
Be-ra. "Nước Anh và chủ nghĩa đế quốc" .....	256
Le-rơ. "Chủ nghĩa đế quốc Đức" .....	258
Bríp-xơ. "Các-ten rượu" .....	259
Gôn-đơ-smít. "Bàn về sự tích tụ trong công nghiệp than	
đá Đức" .....	259
Ruýt-xi-ê. "Sự phân chia châu Đại-dương" .....	261
Phô-ghen-stanh. "Những hình thức tổ chức tư bản chủ	
nghĩa trong đại công nghiệp hiện nay" .....	262
Đề cương cuốn "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng	
của chủ nghĩa tư bản" .....	265
Bổ sung thêm vào đề cương cuốn sách .....	277
Đề cương của một số chương trong sách .....	278
Đề cương chung và các dạng mục lục của cuốn sách .....	280
Tôn-nê-la. "Sự bành trướng của Đức ra ngoài châu Âu" ...	282

Đri-ôn. "Những vấn đề chính trị và xã hội" .....	283
Côn-xông. "Cơ thể kinh tế và sự hỗn loạn xã hội" .....	285
Rét-xlốp. "Những nước phụ thuộc" .....	
Cho các bài báo: "Bàn về khẩu hiệu "Giải trừ quân bị" và	
"Cương lĩnh quân sự của cách mạng vô sản" .....	287
Về cuốn sách của Dắc "Người Đức và tư bản Đức trong	
nền công nghiệp Nga" .....	289
Pôn Lu-i. "Khái luận về chủ nghĩa đế quốc" .....	290
Hin-lơ. "Lịch sử ngoại giao trong sự phát triển quốc tế của	
châu Âu" .....	292
Mô-ri-xơ. "Lịch sử công cuộc di thực" .....	293
VỎ "δ" (" <i>đen-ta</i> ") .....	300 - 319
M ụ c l ụ c .....	300
Xtép-phen. "Chiến tranh thế giới và chủ nghĩa đế quốc" ...	300
Ốp-pen-hai-mơ. "Chủ nghĩa đế quốc Anh" .....	307
Hen-gơ. "Sự đầu tư tư bản của Pháp" .....	307
Cau-xky 1914 và 1915 (về chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh và	
phái dân chủ - xã hội) .....	309
I-tsi-kha-ni-an. "Những yếu tố nước ngoài trong nền kinh	
tế quốc dân Nga" .....	316
Pan-nê-cúc. "Vấn đề trang trải những khoản chi của nhà nước và	
chủ nghĩa đế quốc" .....	317
VỎ "ε" (" <i>ép-xi-lon</i> ") .....	320 - 336
M ụ c l ụ c .....	320
Tư bản ở nước ngoài .....	320
Tư bản của nước ngoài: Ác-nơ-tơ .....	321
Một số cuốn trong thư mục .....	321
Tờ "Nhà kinh tế" bàn về chiến tranh .....	322
Những lý lẽ của những người xã hội - ái quốc .....	323
"Đây-li Tê-lê-gráp", 17 tháng Mười một 1914 .....	324
Dân số và diện tích của các nước tham chiến và các nước	
không tham chiến .....	325
Tờ "Nhà kinh tế" bàn về chiến tranh và tờ "Đây-li Tê-lê-gráp"	
Những ghi chép và chỉ dẫn thư mục .....	331
Than và sắt .....	332
Những lãnh tụ các công liên .....	334

VỎ "ζ" (" <i>giê-ta</i> ") .....	337 - 383
Mục lục .....	337
Ham-xơ. "Nền kinh tế thế giới" .....	337
Xu-pan. "Sự bành trướng lãnh thổ thuộc địa của châu Âu" và "Bảng thống kê địa lý" của Ốt-tô Huýp-nơ .....	346
Những lời buộc tội lẫn nhau .....	362
"Những nhận xét về kỹ thuật" .....	363
Giu-ni-út. "Cuộc khủng hoảng của đảng dân chủ - xã hội" ...	364
"Những người xã hội chủ nghĩa và hòa bình" .....	372
Về những bài bình luận trong báo "Tăng" .....	373
Bra-u-ơ viết về etwa "Những người thất bại chủ nghĩa" Đức	373
Về các bài báo và những bài bình luận trong báo "Tăng"	375
Bài báo "Những kẻ cung cấp trang bị quân sự của Mỹ"	377
"Đây-li Tê-lê-gráp", 22 và 23 tháng Tư 1915 .....	378
Những bài báo của Hu-gô Bớt-gơ đăng trên báo "Ta-gơ"	379
Bài báo "Những mục đích của chiến tranh" đăng trên báo	
"Nhà kinh tế" .....	380
"Báo Giơ-ne-vơ", 7 tháng Tư 1915 .....	381
Lô-ít Gióc-giơ nói về bốn tỷ li-vơ xtéc-ling	382
VỎ "η" (" <i>ê-ta</i> ") .....	384 - 395
Mục lục .....	384
C. Cau-xky. "Quốc gia dân tộc etc." .....	384
Lên-sơ. "Đảng dân chủ - xã hội Đức và chiến tranh thế giới"	386
Bái báo của O. B. "Đồng minh các quốc gia châu Âu?"	391
Tư bản tài chính ở Nga .....	392
Cuốn sách của Bê-rôn viết về chiến tranh .....	393
Lên-tơ bàn về chiến tranh hiện đại .....	394
VỎ "θ" (" <i>tê-ta</i> ") .....	396 - 446
Mục lục .....	396
Hin-phéc-đinh. "Tư bản tài chính" .....	396
Tơ-rốt điện lực .....	402
Thống kê phát hành chứng khoán .....	406
Rít-xơ. "Các ngân hàng lớn ở Đức và sự tập trung các ngân	
hàng đó" .....	409

VỎ "ι" (" <i>i-ô-ta</i> ") .....	447 - 486
Mục lục .....	447
Líp-man. "Các công ty tham dự và cung cấp tài chính".	447
" Noi Txai-tơ", 1911 (về chiến tranh NB) và 1912 (có đoạn	
nói về Liên bang châu Âu) .....	458
"Lưu trữ tài liệu tài chính": 1915 .....	464
Thống kê về phát hành chứng khoán có giá.	464
Éc-ghen-svi-lơ. Crôn (về Ác-hen-ti-na) .....	464
Van-tơ Txi-ôn-lin-gơ. "Bảng cân đối những sự di chuyển	
chứng khoán có giá trị trên trường quốc tế" .....	465
Can-me-xơ. "Những tác phẩm mới nhất viết về việc đầu	
tư tư bản" .....	466
Bài báo của Pây-sơ trong "Tạp chí Hội thống kê hoàng	
gia". Tháng Giêng 1911 .....	467
Muyn-hau-tơ. "Các-ten sữa" .....	470
Những liên minh của các nhà tư bản nói về chiến tranh	
Crem-mông. Anh và Đức .....	480
Xay. Nhật-bản versus Anh .....	482
Bài báo "Các hiệp định tài chính và những món nợ vì	
chiến tranh của châu Âu" .....	485
VỎ "χ" (" <i>cáp-pa</i> ") .....	487 - 530
Gi. A. Hốp-xơn. "Chủ nghĩa đế quốc" .....	487
VỎ "λ" (" <i>lam-đê-ta</i> ") .....	531 - 562
Mục lục .....	531
Xam-ba. "Các ngài sẽ kiếm được một ông vua, nếu không	
bảo đảm được hòa bình" .....	531
Danh mục những chỗ trích trong cuốn sách của Sun-tê -	
Ghê-véc-ni-tơ "Chủ nghĩa đế quốc Anh" .....	542
Sun-tê - Ghê-véc-ni-tơ "Chủ nghĩa đế quốc Anh" .....	542
VỎ "μ" (" <i>mi</i> ") .....	563 - 600
Mục lục .....	563
Svác-tơ. "Các hệ thống tài chính của các cường quốc lớn" ....	563
Phoóc-véc-tơ số 103, 13 tháng Tư 1916 .....	564
Can-vơ. "Kinh tế thế giới nhập môn" .....	566
"Bản tin của Viện thống kê quốc tế" .....	569

Bác-tô-lô-miu. "Tập bản đồ thương mại thế giới" .....	570
"Lúa mì trong lưu thông toàn thế giới" .....	576
Đường sắt .....	586
Tạp chí "Ngân hàng" .....	594
Bổ sung cho tính toán về đường sắt .....	595
<b>VỞ "v" ("ni")</b> .....	<b>601 - 657</b>
M ụ c l ụ c .....	601
"Điểm tình hình chính trị quốc tế" .....	602
Plen. "Chính sách toàn cầu" .....	602
Vê-ghê-nơ. "Án-độ ngày nay" .....	603
Ăng-ghen. "Liệu châu Âu có thể giải trừ quân bị được không?" .....	605
Mác. "Vạch trần sự thật về vụ án xử những người cộng sản ở Cô-lô-nhơ" với lời nói đầu của Ăng-ghen .....	610
Ăng-ghen. "Những bài viết về những vấn đề quốc tế đang trên tờ "Phôn-cơ-stát"!" .....	611
Lời tựa 1894 .....	611
"Phái Ba-cu-nin trong hành động" .....	612
"Tuyên ngôn Ba-lan" .....	612
"Về vấn đề xã hội ở Nga" .....	613
Lau-phen-béc. "Tổ chức, chiến tranh và phê phán" .....	614
Viéc-tơ. "Lịch sử thế giới hiện đại" .....	620
Bảng kê các cuộc xâm chiếm thuộc địa và chiến tranh .....	621
Đại hội của nước Ai-cập mới .....	636
Tác-đi-ơ. "Nước Pháp và các liên minh" .....	637
Mé-vin. "Từ hòa ước Phran-pho đến hội nghị An-khê-xi-ra" ..	639
"Sổ tay chính trị" .....	639
"Nước Đức và chiến tranh thế giới" .....	640
Phran-kê. "Các cường quốc lớn ở Đông Á" .....	642
Ôn-kên. "Tiền sử của chiến tranh" .....	643
Át-lơ. "Chính sách xã hội đế quốc chủ nghĩa" .....	644
Dích-phrít. "Tân Tây-lan" .....	646
Hốt-sơ. "Tuốc-kê-xtan của Nga" .....	649
Chủ nghĩa xã hội ở Trung-quốc .....	653
Na-ha-xơ. "Hoàn cảnh kinh tế và xã hội của nông dân Ai-cập" ..	654
" Noi Txai-tơ", XXX, 1 .....	655
Cau-xky. "Hành động của quần chúng" .....	655

Lin-cơ. "Các quỹ tiết kiệm có phải là cơ quan từ thiện không?" .....	655
Những tính toán về dân số của các nước .....	655
<b>VỞ "ξ" ("kxi")</b> .....	<b>658 - 698</b>
M ụ c l ụ c .....	658
Những đoạn trích các báo .....	658
Béc-nơ-hác-đi. "Đức và cuộc chiến tranh sắp tới" .....	663
Ruy-đoóc-phơ. "Những đặc trưng cơ bản của chính sách toàn cầu hiện nay" .....	670
Mác-cây. "Trung quốc, nước cộng hòa ở trung tâm. Các vấn đề và tiền đồ của nó" .....	680
Luy-ca-xơ. "Đại La-mã và đại Anh quốc" .....	684
Ben-gơ. "Đảng dân chủ - xã hội sau chiến tranh" .....	686
Roóc-bách. "Vì sao cuộc chiến tranh này là của Đức!" .....	689
Van-tơ-hau-xen. "Hệ thống kinh tế quốc dân trong việc đầu tư tư bản ở nước ngoài" .....	690
Hen-ních. "Các đường giao thông quốc tế" .....	695
Hen-phê-rích. "Phúc lợi nhân dân của Đức" .....	696
Crô-mơ. "Chủ nghĩa đế quốc cổ đại và chủ nghĩa đế quốc hiện đại" .....	697
<b>VỞ "b" ("ô-mi-crôn")</b> .....	<b>699 - 783</b>
M ụ c l ụ c .....	699
"Niên giám Smôn-lơ", 1915, quyển I .....	701
Mác. Bài báo viết năm 1878 về Quốc tế. Nhận xét về quyền dân tộc tự quyết .....	702
Tuyên ngôn Ba-lơ và nghị quyết Hem-ni-txơ .....	703
Tạp chí "Bình đẳng", 5 tháng Tám 1914 .....	705
"Lấy chiến tranh đối phó với chiến tranh" .....	705
"Phụ nữ vô sản hãy sẵn sàng!" .....	705
"Bình luận chính trị" .....	707
Đen-bruych. "Chính phủ và ý chí của nhân dân" .....	707
"Tiếng nói của nhân dân" (Hem-ni-txơ) .....	711
"Chống lại cả hai Giu-ni-út" .....	711
"Hoàn toàn đúng" .....	712
"Báo công dân Brê-mơ" .....	713
"Những người xã hội chủ nghĩa quốc tế Đức và nhóm "Quốc tế" .....	713



Hen-kê. "Không đồng nhất, nhưng giống nhau" .....	715
"Thêm một xuất bản phẩm định kỳ khác nữa ở Brê-mơ" .....	716
Trước tác viết về đội dân cảnh .....	716
Lên-sơ viết về đội dân cảnh (1912) .....	718
Ăng-ghen viết về giai cấp công nhân ở Anh .....	718
Buyéc-clip. "Việc dân chủ hóa chế độ quân đội của chúng ta" .....	719
Cau-xky 1910 và 1912 .....	720
Cau-xky. "Đại hội Cò-pen-ha-gơ" .....	720
Cau-xky. "Một lần nữa giải trừ quân bị" .....	720
Cau-xky viết về tôn giáo .....	721
Những người xã hội chủ nghĩa và những người da đen ở Mỹ .....	721
Chỉ dẫn thư mục .....	722
Ben-pho - Bác-xơ viết về chủ nghĩa đế quốc (1900) .....	722
Vê Đép-xơ .....	724
Công nhân Ý và Ba-lan ở Thụy-sĩ .....	724
Phong trào công nhân ở Ca-na-đa .....	725
Lít-xa-ga-ray. "Lịch sử Công xã 1871" .....	726
Độc quyền và kỹ thuật .....	727
Lên-sơ. "Đảng dân chủ - xã hội, sự cáo chung của nó và những thành tựu của nó" .....	727
Pê-ranh đơ Bút-xác. "Về quân đội thuộc địa" và "Thư mục lao động" .....	731
"Tiếng nói của nhân dân" ở Hem-ni-tơ .....	731
"Phản đảng là phản quốc" .....	731
"Báo nhân dân Lai-pxích" .....	734
Công tác đảng .....	734
Mác viết về chiến tranh của Pháp để giành tự do (I. 1871), về Ai-rơ-len, về cuộc chiến tranh sắp tới (năm 1874) .....	736
Un-brích. Các dân tộc và chủ nghĩa đế quốc .....	738
"Các giai đoạn" của lịch sử cận đại .....	748
Tạp chí "Đấu tranh" .....	749
Ăt-lơ và Ran-nơ .....	749
Hin-phéc-đinh (những quan điểm kiểu Cau-xky) ....	751
Ăng-ghen và Mác viết về công nhân Anh .....	753
Cau-xky. "Chủ nghĩa yêu nước, chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội" .....	756
Bau-ơ. "Vấn đề dân tộc và phong trào dân chủ - xã hội".	757

Grum-bách. "Sai lầm của Xim-méc-van - Ki-en-tan" .....	759
Ăng-ghen. Những bức thư gửi Doóc-ghê .....	761
Tạp chí "Cái chuông" .....	764
Eng-xơ Hai-lman. "Thực chất của cuộc tranh luận".	764
Liép-nếch V. và Mác (Bức thư gửi V. Liép-nếch năm 1878) .	767
Người Nhật và chủ nghĩa số-vanh của công nhân Mỹ .....	769
Grây-lích và tờ "Gruýt-li-a-ne-rơ" .....	770
Grây-lích. "Bức thư ngỏ gửi Hội Gruýt-li Hốt-tin-ghen" .....	770
"Đá chứ không phải bánh mì!" .....	772
"Sự bất đồng có tính chất nguyên tắc trong việc đánh giá" .....	772
"Giữa chúng ta không có những sự bất đồng nào về nguyên tắc cả!" .....	773
""Những loài cỏ dại dân tộc chủ nghĩa" đang tách khỏi "giống lúa xã hội chủ nghĩa quốc tế"" .....	773
"Luận cương cho bài thuyết trình" .....	773
"Việc nhập quốc tịch cho ngoại kiều" .....	773
"Đảng hay Hội Gruýt-li?" .....	774
"Công đoàn và vấn đề quân sự" .....	774
"Báo công nhân kim khí Thụy-sĩ" .....	776
E. T. "Nhận xét chung" .....	776
"Nhận xét chung. (Quan điểm khác)" .....	777
"Báo Ranh mới" .....	778
Danh ngôn của Xanh - Xi-mông .....	783
Vở "BRÂY-XPHOỐC" .....	784 - 805
M ụ c l ụ c .....	784
Brây-xphốc. "Chiến tranh thép và vàng" .....	784
VỞ "VỀ CHỦ NGHĨA MÁC VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC" .....	806 - 825
M ụ c l ụ c .....	806
Mê-rinh. "Những tài liệu mới về tiểu sử của Mác và Ăng-ghen" .....	806
"Về những người công nhân nước ngoài làm sụt tiền lương và về thái độ của Quốc tế đối với họ" .....	811
Xi-li. "Sự bành trướng của nước Anh" .....	813

P. Đê-nơ. "Về chính sách thuộc địa và chính sách toàn cầu của Đức" .....	818
VỞ "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC" .....	826 - 841
M ụ c l ụ c .....	826
Rê-ven-tlốp. "Chính sách đối ngoại của Đức từ 1888 đến 1913" .....	826
Cau-xky. "Chủ nghĩa xã hội và chính sách thực dân" .....	828
Ăng-ghen. Thư ngày 12 tháng Chín 1882 .....	829
Kvoát-phlich. "Chính sách bành trướng của Nga 1774 - 1914" .....	831
VỞ "Ê-ghen-háp" .....	842 - 874
Ê-ghen-háp. "Lịch sử hiện đại" .....	842
Những cuộc khủng hoảng chủ yếu trong chính sách quốc tế của các cường quốc lớn sau những năm 1870 - 1871 .....	849
Thủ làm Bảng tổng hợp các sự kiện chủ yếu trong lịch sử thế giới sau năm 1870. ((Ê-ghen-háp và các nguồn tài liệu khác)) .....	852
Phác thảo đề cương của bảng "Thủ làm Bảng tổng hợp các sự kiện chủ yếu trong lịch sử thế giới sau năm 1870" .	874
TRÍCH VỞ "THỐNG KÊ NÔNG NGHIỆP CỦA ÁO" VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC .....	875 - 890
Sự phân bố các thuộc địa giữa các nước đế quốc chủ nghĩa .....	875
VỞ CÁC TƯ LIỆU VỀ BA-TU .....	891 - 903
M ụ c l ụ c .....	891
Đơ-moóc-nhi. "Vấn đề Ba-tư và chiến tranh" .....	891
I-ê-gơ. "Ba-tư và vấn đề Ba-tư" .....	894
NHỮNG ĐOẠN GHI CHÉP LẶT VẶT 1912 - 1916 .....	905 - 940
Đề cương bài báo về các xanh-đi-ca .....	907

Sản xuất và giá dầu hỏa ở Mỹ .....	908
Bê-ben viết về chiến tranh giữa Đức với Nga .....	909
"Nôi Txai-tơ", 1912 - 1913 .....	910
E. Cô-ra-đi-ni. "Chủ nghĩa dân tộc Ý" .....	911
Nít-ti. "Tư bản nước ngoài ở Ý" .....	911
R. Líp-man. "Chiến tranh có đưa chúng ta đến gần chủ nghĩa xã hội không?" .....	912
"Niên giám Côn-rát" 1915. Quyển 2. Tháng Tám .....	1914
"Những công trình của Hội đấu tranh cho một chính sách xã hội" .....	914
"Chủ nghĩa xã hội - đế quốc và chủ nghĩa cấp tiến cánh tả" .....	916
E. Ráp-pa. "Tiến tới một sự thỏa thuận dân tộc" .....	917
Bảng tổng hợp tốt về các con số so sánh .....	918
A. B. Hác-tơ. "Học thuyết Môn-rô" .....	922
Ép-g. Phi-líp-pô-vích. "Các tổ chức độc quyền" .....	923
"Báo Giơ-ne-vơ", 18 tháng Tư 1916 .....	923
Tiêu thụ ka-li ở các nước .....	923
"Tài liệu lưu trữ khoa học xã hội và chính sách xã hội" ...	924
Lôi-tơ. "Chủ nghĩa đế quốc nhân dân ở Nga" .....	925
Tóm tắt "Luận cương về chủ nghĩa đế quốc và sự áp bức dân tộc" của "Báo công nhân" .....	926
Đề cương bài báo bàn về chủ nghĩa Cau-xky .....	927
Một đoạn của một bài báo .....	929
"Sự ăn uống của nhân dân. Ngành ăn uống công cộng" .	930
"Báo Tiến lên ở Ba-lơ". "Tư bản Thụy-sĩ ở nước ngoài"	931
Danh mục các sách báo .....	931
Phiếu yêu cầu mượn sách của thư viện bang Xuy-rích ...	935
Chú thích .....	943 - 977
Bản chỉ dẫn các sách báo và tài liệu gốc mà V. I. Lê-nin đã trích dẫn và nói đến .....	978 - 1023
Bản chỉ dẫn tên người .....	1025 - 1045

## PHỤ BẢN

Trang 107 của vở "β" ("bê-ta") .....	62 - 31
Trang 30 và 31 của vở "γ" ("gam-ma") .....	266 - 267
Trang 3 của vở "ξ" ("giê-ta") .....	342 - 343
Trang 20 của vở "ζ" ("kxi") .....	677

---